

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP
VĂN HỌC
VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

13



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM
TẬP 13

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM
Trọn bộ 42 tập

Chủ tịch
ĐINH GIA KHÁNH

Phó chủ tịch
NGUYỄN ĐỨC ĐIỀU - VŨ TÚ NAM

Ủy viên
NGUYỄN TÀI CÁN - NGUYỄN VĂN HOÀN

Thư ký
NGUYỄN CỪ

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

*Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung*

TẬP 13

Sưu tầm, biên soạn:
NGUYỄN QUẢNG TUÂN

广西民族大学图书馆



98415663

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

Phần I

KHẢI LUẬN

Trong phần này giới thiệu tám tác phẩm theo thể ngâm khúc: *Chinh phụ ngâm khúc*, *Cung oán ngâm khúc*, *Ai tư vãn*, *Thu dạ lữ hoài ngâm*, *Tự tình khúc*, *Tỳ bà hành*, *Trường hận ca* và *Chúc cấm hồi vãn*. Năm tác phẩm đã được dịch từ nguyên tác bằng chữ Hán: *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn, *Thu dạ lữ hoài ngâm* của Đinh Nhật Thân, *Tỳ bà hành*, *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị và *Chúc cấm hồi vãn* của Tô Huệ.

Các bản nguyên tác bằng chữ Hán, có bản viết theo thể *trường đoản cú* như bài *Chinh phụ ngâm*, có bản viết theo thể *trường thiên*, mỗi câu bảy chữ như bài *Tỳ bà hành*, nhưng tất cả các bài diễn âm đều được viết theo thể *song thất lục bát* là thể văn riêng của ta, thường diễn tả những tình cảm buồn sâu đau thương mà ta thường gọi chung là *ngâm khúc*.

Có thể nói *song thất lục bát* là một thể văn riêng của Việt Nam. Thể văn này đã hình thành từ thời Lê và Hoàng Sĩ Khải¹ là một trong những người có công đi đầu qua bài *Tứ thời khúc vịnh*:

*So tứ thời đâu bằng xuân sớm,
Khi trời hòa vật tốt người thanh.
Tràng An phong cảnh hữu tình,
Có đường giong ngựa, có thành xem hoa.
Một khắc là ngàn vàng khôn chuộc,
Hèn chi mà cầm đuốc chơi đêm.
Tiếc xuân có phú chác hiềm,
Trượng phu lòng sắt dễ mềm vầy vầy.*

1. Hoàng Sĩ Khải người xã Lai Xá, huyện Lang Tài, nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh, đậu tiến sĩ năm 1544 đời Mạc. Ông đã từng thờ nhà Mạc nhưng khi Trịnh Tùng chiếm được Thăng Long, ông đã ra hàng Lê. Ông nổi tiếng là hay Nôm, tức là giỏi về văn thơ nôm.

*Cớ chi mầy, hỡi con đồ vũ!
Quyến xuân về lại rủ hè sang.
Hãy hãy mê mệt hải đường,
Xanh phở màn liễu, lục trương tán hoè.*

Bài *Tứ thời khúc vịnh* này dài tới 340 câu có thể coi là một trong những bài viết theo thể *song thất lục bát đầu tiên* trước khi có hai *khúc ngâm* nổi tiếng *Chinh phụ ngâm khúc* và *Cung oán ngâm khúc*.

Dưới đây xin lần lượt nói về thể văn này qua hai phần: phần sáng tác và phần diễn Nôm.

I. PHẦN SÁNG TÁC

Thuộc phần này đáng kể nhất là *Cung oán ngâm khúc*.

Lời văn đã trở thành nhã luyện, đúng là của một bậc túc Nho:

– Đặt câu thì gọt giũa, cao kỳ:

*Hình mộc, thạch vàng kim, ố cổ,
Sắc cầm ngư ử vũ, e phong.
Tiêu điều nhân sự đã xong,
Sơn hà cũng ảo, côn trùng cũng hư.*

diễn ý thì dùng chữ bóng bảy và nhiều điển cố:

*Xiêm nghề nọ, tả tơi trước gió,
Áo vũ kia, lấp ló trong trăng.
Sinh ca mấy khúc vang lừng,
Cái thân Tây tử lên chường điện Tô.*

Nhưng ở một vài đoạn tả nỗi buồn, rầu của người cung phi, giọng văn lại rất gợi cảm:

*Khi trận gió lung lay cành bích,
Nghe rì rầm tiếng mách ngoài xa.
Mơ hồ nghĩ tiếng xe ra,
Đốt phong hương hả mà hơ áo tàn.*

Tình cảm đã không được bộc lộ ồn ào mà chỉ nhẹ nhẹ thấm vào lòng người đọc.

Lại có nhiều câu ý tứ thật thâm trầm và càng suy nghĩ càng thấy ý vị như:

– *Chiều tịch mịch đã gày bóng thỏ,
Vẽ tiêu tao lại vẽ hoa đèn.
– Hoàng hôn thôi lại hôn hoàng,
Nguyệt hoa thôi lại thêm buồn nguyệt hoa.
– Thù nhau chi hỡi đông phong,
Góc vườn giãi nắng cầm bông hoa đào.*

Nói chung văn *Cung oán* là một lối văn điêu luyện, trau chuốt, nhưng vì trau chuốt quá nên đã không tránh khỏi có sự gò ép làm mất tự nhiên đi. Tuy nhiên thể văn *song thất lục bát* đã thích hợp với việc diễn tả những tình cảm ở trong lòng, thứ nhất là những tình buồn sâu, đau thương.

Chính vì lẽ ấy mà công chúa Ngọc Hân đã dùng thể *song thất* để viết bài *Ai tư vân* khóc chồng là vua Quang Trung.

Tác phẩm ấy có những nét đặc biệt xúc động khi tả lại những cảnh đau thương của hai đứa con đi ra trước hương đài cha:

*Gót lân chỉ mấy hàng lẫm chẫm,
Đầu mũ mao, mình tấm áo gai.
U ơ ra trước hương đài,
Tưởng quang cảnh ấy chưa cay đường nào!*

(c.133–c.136)

hay cảnh Ngọc Hân lẻ loi chiếc bóng mà mơ tưởng đến chồng:

*Khi trận gió hoa bay thấp thoáng,
Ngõ hương trời bằng lảng còn đâu.
Vội vàng sửa áo lên châu,
Thương ôi quạnh quẽ trước lầu nhện giăng.*

(c.49–c.52)

Đây là những lời nói thông thiết chân tình của một vị vong nhân:

*Quyết liều mong vẹn chữ tòng,
Trên rường nào ngai, giữa dòng nào e.
Còn trứng nước thương vì đôi chút,
Chữ thâm tình chưa thoát được đi!
Vậy nên nấn ná đòi khi,
Hình tuy còn ở, phách thì đã theo.*

(c.83–c.88)

Những lời ấy không còn phải là những lời thác ngạ của một nhà thơ nam giới như trong *Chinh phụ ngâm khúc* hay trong *Cung oán ngâm khúc* mà chính là của một tác giả nữ lưu đã biết mượn thể *song thất lục bát* để bày tỏ nỗi lòng của mình.

Thể *song thất lục bát* như vậy đã rõ ràng là thích hợp để diễn tả những tình cảnh buồn rầu đau thương nên về sau chúng ta mới thấy có *Thu dạ lữ hoài ngâm* của Đinh Nhật Thận và *Tự tình khúc* của Cao Bá Nhạ.

Cả hai người, *Đinh Nhật Thận* vì có giao du thân mật với Cao Bá Quát và *Cao Bá Nhạ* vì là cháu của Cao Bá Quát nên đều bị liên lụy.

Hoàn cảnh của Cao Bá Nhạ thì bi đát hơn Đinh Nhật Thận nhiều. Khi chú ông bị chết trận, cha ông phải tự vẫn, ông đã đi ẩn trốn ở Mỹ Đức, một

nơi hẻo lánh, được tám năm nhưng rồi cũng bị bắt và bị nhốt trong cũi giải đi hết tỉnh này sang tỉnh khác. Chính trong những lúc phải đeo gông, ngồi cũi, nằm ngục ấy, ông đã viết ra bài *Tự tình khúc* này dài tới 608 câu theo thể *song thất lục bát*.

Ông đã dùng thuật đối xứng trong các câu *bát* và các câu *song thất*.

+ Đối ở các câu *bát*:

*Đối mùi lữ khách, thay hình hàn Nho.
Gối sâu tạm chợp, mối phiền tạm khuây.
Giấu gương dầu lười, thọc dùi trong tay

Lạnh lòng trong tuyết, hừng hờ dưới trăng.*

+ Đối ở các câu *song thất*:

*Nền thế nghiệp đã nhờ gia âm,
Miền hoạn đồ lại lắm thiên ân.

Giá cầm hạc so vào Triệu Biện,
Thư phụng hoàng đưa đến Mao Khanh.

Thú thôn ố: ao nghiên ruộng chữ,
Màu giang sơn: cơm sử áo kinh.

Người mến cảnh giang hồ nên thú,
Cảnh yêu người tân chủ phải duyên.*

Các câu *song thất* đối nhau thật nhiều, có thể nói là rải rác suốt cả bài và đã gây được cho người đọc những ấn tượng thật mạnh mẽ về hoàn cảnh oan ức, đầy đau thương của tác giả.

Khác với Lê Ngọc Hân trong *Ai tư vân*, Cao Bá Nhạ trong *Tự tình khúc* đã dùng nhiều điển tích:

– Trong các câu *lục bát*:

*Mất trông Vương Xán đã mòn,
Tay đề Hương Tú vẫn còn ngẩn ngơ.*

(c.127–c.128)

Ngô Nhan lời cái đơn biểu đập tan

(c.208)

Thanh cư ai vẽ nên đồ Vông Xuyên

(c. 520)

*Gió thu một tiếng bên tai,
Thuần lư sục nhớ đến mùi Giang Nam.*

(c.479–c.480)

– Trong các câu song thất:

*Ngòi Đức Thủy khơi dòng kinh sử,
Phả Cao Dương treo chữ tấn thân.*

(c.9–c.10)

*Đèn Mông Chính canh khuya một ngọn,
Màn Trong Thư năm trợn nửa vây.*

(c.13–c.14)

*Tráp Vinh Thúc tay phong tay mở,
Tập Thiếu Lãng câu lựa câu ngâm.*

(c.109–c.110)

Văn của Cao Bá Nhạ có thể nói cũng gọt giũa, cầu kỳ với nhiều điển tích như văn của Ôn Như hầu trong *Cung oán ngâm khúc* nhưng cũng có những câu nhẹ nhàng giản dị:

*Tràng đình ngoảnh lại xa xa,
Khởi cầu chiết liễu ai là cố nhân.*

(c.91–c.92)

*Lần hồi trong tám chín niên,
Gối nhà tạm chợ mối phiền tạm khuây.*

(c.103–c.104)

*Gập ghềnh từng bước gian nan,
Một vùng khách địa muôn vàn thương tâm.*

(c.84–c.85)

*Cho nên ngậm tủi nuốt phiền,
Cấn rãng cố nhịn trăm nghìn thương tâm.*

(c.387–c.388)

Cũng có những câu phảng phất văn của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*:

Khi đêm than bóng, khi trưa hổi lòng.

(c.160)

Thôi ngơ ngẩn bóng lại trần trọc khuya.

(c.168)

Lấy thân mà trả nợ đời cho thân.

(c.176)

Những là sợ gió e sương,

(c.251)

Thân sao thân đến thế này,

(c.351)

Nỗi riêng nhớ ít tưởng nhiều,

(c.467)

Hoa kia có biết đoạn trường này chẳng?

(c.544)

Thơ song thất lục bát của Cao Bá Nha lại đã có chỗ thoát hẳn khuôn sáo cổ để trở nên hiện thực một cách rõ rệt khi ông tả cảnh đồng quê Việt Nam mà ông đã trông thấy khi bị giải trên đường đi:

*Bước sâu ai vẽ giữa làng,
Mây in sắc lúa nửa vàng nửa xanh.*

(c.235–c.236)

hoặc cảnh thôn xóm ở bên đường, mà ông còn cố nhìn trở lại:

*Đoái trông cầu quán so le,
Cỏ ngăn lối ngõ, cây che mái nhà.*

Đặc biệt ông còn tả cảnh sông Hồng về mùa nước lớn:

*Tràng dề một dải xanh rì,
Nước trôi đỏ thắm mây đi trắng ngần.*

(c.295–c.296)

Điều này ông đã nói rõ trong đoạn:

*Dâu cao thấp qua ngàn bến Ái,
Cây mau thưa ngảnh lại huyện Gia.
Thương tâm này nước non nhà,
Cảnh còn như cũ, người đã khác xưa.*

(c.301–c.304)

Chẳng còn là bức tranh Tàu với bến sông Tương mà là một cảnh ở huyện Gia Lâm, với bến sông Thúy Ái.

Có thể nói thể văn song thất lục bát đến Cao Bá Nha về mặt nghệ thuật đã được nâng cao hẳn lên và trở thành một thể văn Việt Nam khác hẳn với lối thơ trường thiên của Trung Quốc.

Đó là nói về phần sáng tác, còn về phần diễn Nôm xin trình bày tiếp sau đây.

II. PHẦN DIỄN NÔM

Trước hết xin nói đến bài diễn Nôm *Chinh phụ ngâm khúc*.

Nguyên văn bài *Chinh phụ ngâm* là của Đặng Trần Côn, đã được viết ra vào khoảng từ năm 1740 đến năm 1742, dài 478 câu theo thể *trường đoản cú*.

Bài ấy đã được nhiều người diễn âm theo thể *song thất lục bát*, trong số đó có Đoàn Thị Điểm và Phan Huy Ích.

Bản diễn âm hay nhất là bản hiện hành được dùng để giảng dạy trong các học đường mà từ lâu vẫn được truyền tụng là của Đoàn Thị Điểm.

Nhưng đến nay đã có căn cứ để xác định rằng bản đó là của Phan Huy Ích.

Bên cạnh bài dịch *Chinh phụ ngâm* của Phan Huy Ích thì cũng nổi tiếng là bài dịch *Tỳ bà hành* của Phan Huy Thực

Một điều đáng nói là hai bài dịch *Chinh phụ ngâm khúc* và bài dịch *Tỳ bà hành* lại là của hai cha con họ Phan: Phan Huy Ích và Phan Huy Thực.

Thể văn này không những chỉ được dùng để viết văn Nôm mà còn được Đinh Nhật Thân dùng để viết bằng chữ Hán trong bài *Thu dạ lữ hoài ngâm*.

*Thu dạ tĩnh, thiên quang ẩn ước,
Cách sơ liêm đạm chúc kim lôi.
Thiên thời, nhân sự tương thôi,
Phù sanh nhược mộng kỷ hồi vi hoan?*

(c.1–c.4)

Đêm thu lặng lẽ, thấp thoáng sáng trời
Cách rèm thưa thoáng rót chén rượu con bằng vàng.
Thời trời và việc người thúc giục nhau.
Kiếp phù sinh ngắn như giấc mộng, được mấy hồi mà bày trò làm vui.

*Minh nhật tự sơn gia viễn thiếu,
Phiến cô vân đài hiển phù không.
Hương tâm niểu niểu như bông,
Tùy vân hốt dĩ quá trùng trùng san.*

(c.49–c.52)

Ngày mai từ ngôi nhà trên núi trông ra dằng xa,
Một làn mây lẻ loi đeo ánh rạng đông nổi lên giữa trời.
Lòng quê bối rối như dây bông bong.
Theo làn mây ấy chợt đã bay qua lớp lớp non xanh,

*Đối ly cảnh, lệ thủy song nhân,
Cố hương quan lộ hạn trùng san.
Tửu tàn độc ý lan can,
Giác lai nhân khán dạ hoàn thê lương.*

(c.137–c.140)

Trông cảnh ly biệt, hai hàng nước mắt tuôn rơi,
Ngánh lại quê nhà thì núi non từng lớp ngăn lối đường.
Tiệc rượu tan rồi, một mình ngồi dựa cầu lơ,
Bừng mắt đây, cái đêm thê lương vẫn hoàn thê lương.

Bài này đã do một nhà Nho vô danh diễn Nôm đúng theo nguyên thể:

*Đêm thu lặng, bóng trời thấp thoáng,
Cách rèm thưa chúc chén gương ngời.
Thiên thời nhân sự tương thôi,
Kiếp chiêm bao dễ mấy hồi người ta.*

(c.1–c.4)

*Ngày mai đừng trông nơi non thẳm,
Một làn mây sớm ngấm trên không.
Lòng quê đâu đã bông bong,*

Phút theo mây kéo mấy trùng non xa.

(c.49–c.52)

*Trông đất khách, lệ trào đôi mắt,
Ngóng quê nhà, đường mắc nghìn non.
Rượu rồi gục xuống câu lơ,
Chiêm bao mở mắt, đêm còn hoàn đêm.*

(c.121–c.124)

Về sau khi biên soạn quyển *Trong 99 chóp núi, Đình Nhật Thận với Thu dạ lữ hoài ngâm*, Đẩu Tiếp Nguyễn Văn Đề cũng có dịch lại nhưng cũng không hay bằng bản dịch cũ.

Dịch thơ xưa nay vẫn là điều rất khó. Trong Văn học Việt Nam, các bài thơ dịch từ Hán văn của các nhà Nho ta xưa rất ít bài được truyền tụng như bài *Chinh phụ ngâm khúc* của Phan Huy Ích hay bài *Tỳ bà hành* của Phan Huy Thực diễn âm.

Nguyễn Khuyến cũng có làm thơ chữ Hán và cũng có bài ông tự diễn Nôm nhưng được truyền tụng chỉ có bài *Văn đồng niên Văn Đình tiến sĩ Dương thượng thư*, tức bài *Khóc bạn* viết theo thể *song thất lục bát*.

Tản Đà dịch tới 85 bài thơ *Đường* trong số đó ông dịch của Bạch Cư Dị tới 38 bài nhưng đã không dịch bài *Tỳ bà hành* mà chỉ dịch bài *Trường hận ca* vì ông cũng biết bài dịch của Phan Huy Thực đã quá hay rồi, khó ai có thể dịch hay hơn được nữa.

Khi Tản Đà dịch bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy*¹ thì đã có ba bài dịch đăng trên *Tạp chí Nam Phong*².

Cả ba bài đều khuyết danh. Trong ba bài ấy có hai bài dịch theo thể *song thất lục bát* và một bài dịch theo thể *lục bát*.

Bài *Chúc cấm hồi văn* của Tô Huệ cũng có ba bài dịch: hai bài viết theo thể *song thất lục bát* (một của Ngô Thế Vinh và một của Hoàng Quang) và một bài của Trương Minh Ký viết theo thể *trường thiên* bảy chữ.

Nguyễn Du cũng đã dùng thể *song thất lục bát* để viết bài *Văn tế Thập loại chúng sinh* tức *Chiêu hồn*.

Nói chung thể *song thất lục bát* đã có vị trí quan trọng trong nền thi ca Việt Nam mà đến nay đã có nhiều tác phẩm viết bằng thể văn ấy được nổi tiếng ngoài tám *ngâm khúc* giới thiệu trong tập sách này.

NGUYỄN QUẢNG TUÂN
1997

1. Số 31 ngày 29-12-1934. Số 33 ngày 12-1-1935.

2. Số 127, tháng 3-1928. Số 180 tháng 1-1933.

CHINH PHỤ NGÂM KHÚC

TIỂU SỬ TÁC GIẢ **ĐẶNG TRẦN CÔN** (Thế kỷ XVIII)

Đặng Trần Côn người làng Nhân Mục (thường gọi là làng Mọc), huyện Thanh Trì¹, tỉnh Hà Đông (nay thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội). Hiện chưa biết đích xác năm sinh và năm mất của ông, chỉ có thể phỏng đoán ông sinh vào đầu thế kỷ XVIII, thời vua Lê Dụ Tông (1705-1729) và chúa Nhân Vương Trịnh Cương.

Ông thi đậu Hương cống (Cử nhân) nhưng lại hỏng kỳ thi Hội. Tính ông phóng khoáng, nên từ đó không đi thi nữa, ra làm huấn đạo, sau đổi làm Tri huyện Thanh Oai (Hà Tây) rồi thăng chức Ngự sử đài chiếu khám ở kinh đô.

Đặng Trần Côn viết *Chinh phụ ngâm* vào khoảng những năm từ 1740 đến 1742. Theo sách *Tang thương ngẫu lục*, ông mất sau đó khoảng ba năm (khoảng năm 1745), như vậy tuổi đời chưa đến 40. Tác phẩm của Đặng Trần Côn gồm có *Chinh phụ ngâm*, tám bài thơ *Tiêu Tương bát cảnh* và ba bài phú: *Trương Hàn tư thuần lư* (Trương Hàn nhớ rau thuần cá lô), *Trương Lương bố y* (Trương Lương áo vải) và *Khấu môn thanh* (Tiếng gõ cửa).

1. Theo *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, Trần Văn Giáp chủ biên (Tập I) thì Đặng Trần Côn là người làng Hạ Đình, huyện Thanh Trì.

CHINH PHỤ NGÂM

Nguyên tác Hán văn

1. Bối cảnh lịch sử và niên đại tác phẩm

Đặng Trần Côn đã thấy cảnh loạn lạc ở Đàng Ngoài khoảng đầu đời Cảnh Hưng nên mới có cảm xúc để sáng tác *Chinh phụ ngâm*.

Bấy giờ các cuộc nổi dậy chống triều đình Lê, Trịnh diễn ra ở khắp nơi.

Quan quân của triều đình vì vậy phải liên tục đi đánh dẹp.

Đặng Trần Côn đã được thấy cảnh các đoàn quân lên đường và các cuộc chia ly thương tâm của những cặp vợ chồng trẻ nên mới cảm xúc mà làm ra tác phẩm này.

Trong *Lịch triều hiến chương loại chí* (Văn tịch chí), Phan Huy Chú có nói rõ thời điểm sáng tác *Chinh phụ ngâm*: “Hương cống Đặng Trần Côn soạn. Đầu đời Cảnh Hưng, giặc nổi lên, lính thú đi đánh dẹp, gây nên cảnh biệt ly, ông cảm thời thế mà làm ra”.

2. Nguồn văn liệu

Lẽ ra Đặng Trần Côn phải đặt tác phẩm của mình vào trong khung cảnh đất nước Việt Nam mới đúng nhưng tại sao ông lại mượn khung cảnh đất nước Trung Quốc để diễn tả?

Có thể vì ông không muốn động chạm đến các vua chúa Việt Nam hay vì ông đã chịu ảnh hưởng quá nặng nề của nền văn học cổ điển Trung Quốc như Phan Huy Chú đã nhận xét: “Đại lược tác giả lựa những câu cổ nhạc phủ và thơ Lý Bạch dung hợp thành thiên”.

Nay đọc lại toàn khúc *Chinh phụ ngâm* chúng ta nhận thấy ngoài cổ nhạc phủ (như *Mạch thượng tang*) và thơ Lý Bạch, tác giả Đặng Trần Côn còn mượn ở các bài thơ cổ, kinh, truyện (như *Thi*, *Tả truyện...*), sử (như *Sử ký*, *Hán thư*, *Tam quốc chí*, *Tấn thư*, *Đường thư*), tử (như *Trang Tử*, *Hoài Nam Tử*), tập (như *Sở từ*, *Đỗ Phủ*, *Bạch Cư Dị*, *Vương Xương Linh*, *Mạnh Hạo Nhiên*, *Lưu Vũ Tích*, *Lý Thương Ẩn...*); nói tóm lại là những thơ văn Trung Quốc liên quan đến đề tài chiến tranh, biên tái, ly biệt, tình cảnh chinh phu, chinh phụ để dàn dựng thành bài *Chinh phụ ngâm*.

Đặng Trần Côn không chỉ mượn ý, mượn điển cố, mà nhiều khi còn lấy hẳn những câu thơ, câu văn sẵn có, chỉ sửa đổi một vài chữ thôi.

Phân sáng tạo của Đặng Trần Côn là ở chỗ tác giả khéo mượn những ý, những điển cố thích hợp với đề mục của bài văn, rồi phô diễn bằng lời thơ của chính mình và dung hợp với những câu mượn nguyên văn hoặc có sửa đổi vài chữ, sao cho có mạch lạc theo một bố cục định trước.

3. Nội dung

Chinh phụ ngâm là lời than vãn của một người thiếu phụ có chồng đi đánh giặc xa, lâu chưa về.

Đặng Trần Côn tuy không phải là người trong cảnh nhưng cũng cảm thông được nỗi lòng của người chinh phụ. Ông đã tả đầy đủ từ cảnh chia ly lúc người chinh phụ lên đường:

*Cung tiễn hê tại yêu,
Thê nòa hê biệt quyết.
Liệp liệt tinh kỳ xuất tái sâu,
Huyền huyền tiêu cổ từ gia oán
Hữu oán hê phân huê
Hữu sầu hê khế khoát.*

Cung tên kia đeo ở lưng, vợ con này phải rút vạt áo mà từ biệt. Phấp phới lá tinh kỳ là cái sáo đi ra cửa ải, huyền nao tiếng tiêu tiếng trống là cái lòng oán phải từ biệt nhà. Có oán mà phải chia tay nhau, có sầu mà phải dặn dò nhau.

lúc đã xa cách nhau:

*Lang khứ trình hê mông vũ ngoại,
Thiếp quy xứ hê tạc dạ phòng.
Quy khứ lưỡng hồi cố,
Vân thanh dữ sơn thương.*

Đường chàng đi ở ngoài nơi mưa phùn, chỗ thiếp về ở cái phòng đêm trước. Kẻ đi người ở, hai bên cùng ngánh trông mà chẳng thấy nhau, chỉ thấy mây xanh và núi biếc.

lúc nhớ thương lo âu cho chồng phải xông pha nơi trận mạc:

*Tự tòng biệt hậu đông nam khiêu,
Đông nam tri quân chiến hà đạo?
Cổ lai chinh chiến nhân,
Tính mệnh khinh như thảo.*

Từ sau khi ly biệt chàng đi về mặt đông nam, mặt đông nam kia nào biết chàng đánh giặc ở đường nào. Xưa nay người đi chinh chiến, tính mệnh xem khinh như là cỏ.

lúc buồn cho mình phải chịu cảnh lẻ loi chiếc bóng:

*Thiếp thân bất tương vi chinh phụ,
Quân thân khởi học vi Vương tôn.*

*Hà sự giang nam dữ giang bắc,
Linh nhân sâu hiểu hựu sâu hôn.
Nhất cá thị phong lưu thiếu niên khách,
Nhất cá thị phong lưu thiếu niên hôn.
Khả liên lương niên thiếu,
Thiên lý các hàn huyên.*

Thân thiếp chẳng ngờ phải làm người chinh phụ, thân chàng há muốn học làm bậc vương tôn. Cớ sao lại cách trở giang nam cùng giang bắc, khiến cho ta buồn ngày lại buồn đêm.

Một bên là trai phong lưu tuổi trẻ, một bên là gái phong lưu tuổi trẻ; đáng thương cho đôi lứa tuổi trẻ, phải xa cách nhau nghìn dặm mà không thăm hỏi nhau được.

Bao nhiêu tâm sự ấy của người thiếu phụ vắng chồng mà biết thủ tiết đều diễn tả rõ cả qua việc nuôi già dạy trẻ:

*Cung thân, khóa tử thử nhất thân,
Thương thiếp tư quân kim kỷ độ.
Tư quân tích niên hề dĩ quá,
Tư quân kim niên hề hựu mộ.*

(Phụng dưỡng cha mẹ và dạy bảo con cái chỉ có một thân thiếp, thương cho thiếp nhớ chàng nay đã mấy phen. Năm xưa nhớ chàng năm đã qua, năm nay nhớ chàng thì năm lại gần hết).

và việc tự giữ mình chỉ một lòng chờ đợi:

*Ỗ song, ỹ song phục ỹ song,
Lang quân khứ hề thùy vi dung.*

(Tựa cửa, tựa cửa lại tựa cửa; chàng đi rồi còn làm dáng với ai?)

Tác giả sau khi đã tả nỗi lòng của người chinh phụ đã kết lại với ý mong cho chồng lập nên được công danh mà trở về để lại được sum vầy vui vẻ như xưa:

*Dữ quân chinh đồn cựu nhân duyên,
Giao cảnh thành song đáo lão thiên.*

(Cùng chàng chinh đồn cái nhân duyên cũ, sánh vai thành đôi cho đến già).

Với nội dung ấy, Đặng Trần Côn hẳn có ý muốn gián tiếp nhắc nhở những người thiếu phụ có chồng đi chinh chiến hãy giữ lấy tiết hạnh để chờ ngày khải hoàn nên ở cuối bài có bản đã ghi thêm hai chữ NỮ GIỚI.

*

* *

Bài *Chinh phụ ngâm* đã được viết theo thể thơ “trường đoản cú”: câu dài, câu ngắn xen lẫn nhau, có câu chỉ có 3 chữ, có câu dài đến 11 chữ. Toàn bài dài 478 câu.

Áng văn về sau được truyền rộng trong giới Nho sĩ và được nhiều người tán thưởng. Cũng có một số người đã đem dịch ra quốc âm, trong số đó có Đoàn Thị Điểm và Phan Huy Ích.

征婦吟

天地風塵

紅顏多屯

悠悠彼蒼兮誰造因

鼓鼙聲動長城月

5

烽火影照甘泉雲

九重按劍起當席

半夜飛檄傳將軍

清華三百年天下

從此戎衣屬武臣

10

使星天門催曉發

行人重法輕離別

弓箭兮在腰

妻孥兮別袂

獵獵旌旗出塞愁

喧喧簫鼓辭家怨

有怨兮分攜

有愁兮契闊

良人二十吳門豪

投筆硯兮事弓刀

直把連城獻明聖

願將尺劍斬天驕

丈夫千里志馬革

泰山一擲輕鴻毛

便辭閨閫從征戰

西風鳴鞭出渭橋

渭橋頭清水溝

清水邊青草途

送君處兮心悠悠

君登途兮妾恨不如駒

君臨流兮妾恨不如舟

清清流水不洗妾心愁

青青芳草不忘妾心憂

語復語兮執君手

35

步一步兮攀君襦
妾心隨君似明月
君心萬里千山箭
擲離盃兮舞龍泉
橫征塑兮指虎穴
云從介子獵樓蘭
笑向蠻溪談馬援
君披裝服紅如霞
君騎驍馬白如雪
驍馬兮鑾鈴
鉦鼓兮人行
須臾中兮對面
頃刻裡兮分程
分程兮河梁
徘徊兮路旁
路旁一望旆央央
前軍北細柳
後軍西長楊
騎軍相擁君臨塞

40

45

50

55

楊柳那知妾斷腸
去去落梅聲漸遠
行行征旆色何忙
望雲去兮郎別妾
望山歸兮妾思郎
郎去程兮濛雨外
妾歸處兮昨夜房
歸去兩回顧

60

雲青與山蒼
郎顧妾兮咸陽
妾顧郎兮瀟湘
瀟湘煙阻咸陽樹
咸陽樹隔瀟湘江
相顧不相見
青青陌上桑
陌上桑陌上桑
妾意君心誰短長
自從別後風沙隴
明月知君何處宿

65

70

24

古來征戰場

萬里無人屋

風緊緊打得人顏憔悴

75

水深深怯得馬蹄縮

戍夫枕鼓臥龍沙

戰士抱鞍眠虎陸

今朝漢下白登城

明日胡窺青海曲

80

青海曲青山高復低

青山前青溪斷復續

青山上雪濛頭

青溪下水沒腹

可憐多少鐵衣人

85

思歸當此愁顏蹙

錦帳君王知也無

艱難誰爲畫征夫

料想良人經歷處

蕭關角瀚海隅

90

霜村雨店虎落蛇區

風餐露宿雪脛冰鬚
登高望雲色
安得不生愁
自從別後東南徼
95 東南知君戰何道
古來征戰人
性命輕如草
鋒刃下溫溫挾纊主恩深
時刻中歷歷橫戈壯士天
100 祈山舊塚月茫茫
淝水新墳風裊裊
風裊裊空吹死士魂
月茫茫曾照征夫貌
征夫貌誰丹青
105 死士魂誰哀吊
可憐爭鬥舊山川
行人過此情多少
古來征戰幾人還
班超歸時鬢已班

110

料想良人馳騁外
三尺劍一戎鞍
秋風沙草
明月關山
馬頭鳴鐃

115

城上緣竿
功名百忙裏
勞苦未應閒
勞與閒誰與言

120

君在天涯妾倚門
倚門固妾今生分
天涯豈君平生魂
平生魂自信相隨魚水伴
今生分那堪相隔水雲村
妾身不想爲征婦

125

君身豈學爲王孫
何事江南與江北
令人愁曉又愁昏
一箇是風流少年客

130

一箇是風流少年婚
可憐兩年少
千里各寒暄
憶昔與君相別時
柳條猶未轉黃鸝
問君何日歸

135

君約杜鵑啼
杜鵑已逐黃鸝老
青柳樓前語鷓鴣
憶昔與君相別中
雪梅猶未識東風
問君何日歸

140

君指桃花紅
桃花已逐東風去
雪梅江上又芙蓉
與我約何所
乃約隴西岑
日中兮不來
墜葉兜我簪

145

150

佇立空涕泣
荒村喧午禽
與我約何所
乃約漢陽橋
日晚兮不來
谷風吹我袍

155

佇立空涕泣
寒江起暮潮
昔年寄信勸君回
今年寄信勸君來
信來人未來

160

楊花零落委蒼苔
蒼苔蒼苔又蒼苔
一步閒庭百感催
昔年回書訂妾期
今年回書訂妾歸
書歸人未歸

165

紗窗寂寞轉斜暉
斜暉斜暉又斜暉

十約佳期九度違
將料去日從頭數
不覺荷錢已三鑄
170 最苦是連年紫塞人
最苦是千里黃花戍
紫塞人誰無堂上親
黃花戍誰無閨中婦
有親安可暫相離
175 有婦安能久相負
君有老親鬢如霜
君有嬰兒年且孺
老親兮倚門
嬰兒兮待哺
180 供親食兮妾爲男
課兒書兮妾爲父
供親課子此一身
傷妾思君今幾度
思君昔年兮已過
185 思君今年兮又暮

君淹留二年三年更四年
妾情懷百縷千縷還萬縷
安得在君邊

190

訴妾衷腸苦
妾有漢宮釵
曾是嫁時將送來
憑誰寄君子
表妾相思懷

195

妾有秦樓鏡
曾與郎初相對影
憑誰寄君子

照妾今孤另
妾有約指銀
手中曾相親

200

憑誰寄君子
微物寓慇懃
妾有搔頭玉
嬰兒年所弄
憑誰寄君子

205

他鄉幸珍重

昔年音信有來時

今年音稀信亦稀

見雁枉然思塞帛

聞霜慢自製綿衣

210

西風欲寄無鴻便

天外憐伊雪雨垂

雪寒伊兮虎帳

雨冷伊兮狼幃

寒冷般般苦

215

天外可憐伊

錦字題詩封更展

金錢問卜信還疑

幾度黃昏時

重軒人獨立

220

幾回明月夜

單枕鬢斜欹

不關沉與醒

惛惛人似醉

225

不關愚與情

濛濛意如癡

簪斜委髻蓬無柰

裙腿襦腰瘦不支

晝沉沉午院行如墜

夕涓涓廂簾捲又垂

230

簾外窺日出枝頭無鵲報

簾中坐夜來心事只燈知

燈知若無知

妾悲只自悲

悲又悲兮更無言

235

燈花人影總堪憐

唧唧雞聲通五夜

拂披槐陰渡八磚

愁似海

刻如年

240

彊燃香花魂消檀柱下

彊臨鏡玉筍墜菱花前

彊援琴指下驚停鸞鳳柱

彊援瑟曲中愁歇鴛鴦絃
此意春風若肯傳
245 千金借力寄燕然
燕然未肯傳
憶君迢迢兮路如天
天遠未易通
憶君悠悠思何窮
250 愁人處傷心胸
樹葉青霜裡
蛩聲細雨中
霜斧殘兮楊柳
兩鋸損兮梧桐
255 鳥返高春
露下低叢
寒垣候虫
遠寺時鍾
蟋蟀數聲月
260 芭蕉一院風
風裂紗窗穿帳隙

月移花影上簾籠
花前月下月自白
月下花前花自紅
265 月花花月兮影重重
花前月下兮心忡忡
千般懶
萬般慵
慵女工錦軸恥拋鶯對偶
270 慵婦巧金針羞刺蝶雌雄
慵粧愁臉空施粉
慵語終朝悶倚葱
倚葱倚葱復倚葱
郎君去兮誰爲容
275 誰爲容兮心盤桓
郎君去兮隔重關
何啻天帝孫
冷落立銀渚
何啻姮娥婦
280 淒涼坐廣寒

籍愁兮爲枕
煮悶兮爲餐
欲將酒制愁
愁重酒無力
欲將花解悶
悶壓花無顏
愁悶總爲愁悶悟
悶愁化作九泉灘
試瓊笙兮不成響
抱銀箏兮不忍彈
思遠塞兮行路難
念征夫兮囊橐單
鵲聲啼落關情淚
樵鼓敲柔帶悶肝
不勝憔悴形骸軟
始覺睽離滋味酸
滋味酸兮酸又辛
辛酸端的爲良人
爲良人兮雙妾淚

285

290

295

300

爲良人兮隻妾身
妾身不到君征帳
妾淚不到君征巾
惟有夢魂無不到
尋君夜夜到江津

305

尋君兮陽臺路
會君兮湘江津
記得幾番歡會處
無非一枕夢中春
此身反恨不如夢

310

隴水函關與子親
夢去每曾驚更斷
夢回還惡幻非真
惟有寸心真不斷
未常頃刻少離君

315

心不離君未見君
憑高幾度望征輪
望君何所見
江邊滿白蘋

燕草披青水

320

秦桑染綠雲

南來井邑半風塵

落日平沙鷺一群

望君何所見

官路短長亭

325

雲間吳樹碧

天際蜀山青

北來禾黍半荒城

微雨江樓笛一聲

望君何所見

330

空山葉做堆

自飛雙野雉

自舞滿江梅

東去烽烟慘不開

西風飄落鳥聲哀

335

望君何所見

河水曲如鉤

長空數點雁

遠浦一歸舟

西去松楸接斷蕪

340

行人微沒隔蒼州

望盡天頭又地頭

幾日登樓又下樓

凍雲阻盡相思眼

何處玉關征戰陣

345

恨無長房縮地術

恨無仙子擲巾符

有心將化石

無淚可登樓

回首長堤楊柳色

350

悔教夫婿覓封侯

不識離家千里外

君心有似妾心否

君心倘與妾心似

妾亦於君何怨尤

355

妾心如花常向陽

只怕君心如流光

流光一去不復照
花爲流光黃又黃
黃花更向誰邊笑
360 流光不肯一回照
黃花卻爲流光老
黃花老兮落滿牆
花落如今更幾霜
庭蘭兮已摘
365 紅絲兮又芳
攝衣步前堂
仰目觀天章
河水翻明滅
奎廔乍現藏
370 織雲時彷彿
北斗忽低昂
月照兮我床
風吹兮我牆
玉顏隨身削
375 丈夫猶他方

昔爲形與影

今爲參與商

君邊雲擁青驃騎

妾處苔生響屨廊

380

廊內春風日將歇

可憐誤盡良時節

良時節良時節

姚黃魏紫嫁東風

良時節良時節

385

織女牛郎會明月

可憐枉守一空房

年年誤盡良時節

良時節急如梭

人世青春容易過

390

況復是春悶未消秋恨續

況復是合歡卻少別愁多

別愁秋恨兩相磨

蒲柳青青能幾何

空嘆惜浪咨嗟

浪咨嗟只恐白到文君頭
空嘆惜只恐花到潘郎鬢
嘆惜何以爲

顏色猶紅如嫩花
咨嗟何以爲

光陰一擲無回過
嗟命薄惜年花

絲絲少婦幾成婆
香閣重懷陪笑臉

花樓尚記解香羅

恨天不與人方便

底事到今成坎坎坷

坎坎坷坷柰若何

爲妾嗟兮爲君嗟

君不見野外雙鴛鴦

甘心不忍兩分張

又不見梁頭雙燕燕

白頭何曾忘繾綣

鵜也無情比翼相隨過一生

415 蛩也無知並驅到老不相離
路柳曾傳連理處
池蓮亦有並頭時
何人生之相遠
嗟物類之如斯
安得在天爲比翼鳥
420 在地爲連理枝
寧甘死相見
不忍生相離
雖然死相見
曷若生相隨
425 安得君無老日
妾常少年時
願爲影兮隨君邊
君有行兮影不遠
君依光兮妾如願
430 願君許國心如丹
願君庇民力如鐵
饑來吞下月氏頭

435

渴來飲下單于血
何幸期門鋒刃中
老天著意護英雄
護英雄百戰功

440

長驅駟馬靜關東
關東關北休傳箭
山尾山頭早掛弓
捷色旌旗辭塞月
凱歌將士背邊風
勒功兮燕然石

445

獻馘兮未央宮
未央宮兮向天朝
挽銀河兮洗弓刀
詞人刊下平淮頌
樂府聲傳入漢謠
凌姻閣兮秦叔寶
麒麟臺兮霍嫖姚

450

天長地久茅苴券
子廕妻封福祿標

有愁兮此日

得意兮來時

妾非蘇家癡心婦

455

君亦洛陽好男兒

歸來倘佩黃金印

肯學當年不下機

願爲君兮解征衣

願爲君兮捧霞卮

460

爲君梳櫛雲鬟髻

爲君粧點玉膚脂

收君看兮舊淚帛

訴君聽兮舊情詞

舊情詞兮換新聯

465

講新話兮酒盃前

淺酌兮漫漫

低唱兮颺颺

酌不酌兮渭城釀

唱不唱兮紫騮篇

470

酌九醞唱雙聯

與君整頓蓋姻緣
交頸成雙到老天
償了功名離別日
相連相守太平年
太平年願歲置
若然此後妾何淚
相會相期相寄言
嗟乎丈夫當如是

CHINH PHỤ NGÂM

- 1 Thiên địa phong trần,
 Hong nhan đa truân.
 Du du bỉ thương hề, thù tạo nhân ?
 Cổ bễ thanh động Tràng thành nguyệt,
5 Phong hỏa ảnh chiếu Cam Tuyền vân.
 Cửu trùng án kiếm khởi dương tịch,
 Bán dạ phi hịch truyền tướng quân.
 Thanh bình tam bách niên thiên hạ,
 Tòng thử nhung y *thuộc* vũ thần.
10 Sứ tinh thiên môn thôi hiếu phát,
 Hành nhân trọng pháp khinh ly biệt.
 Cung tiền hề tại yêu,
 Thê noa hề biệt *quyết* (duệ)
 Liệp liệt tinh kỳ xuất tái sấu,
15 Huyền huyền tiêu cổ từ gia oán.
 Hữu oán hề phân huê,
 Hữu sấu hề kế khoát.
 Lương nhân nhị thập Ngô Môn hào,
 Đầu bút nghiêng hề sự cung đao.
20 Trục bả liên thành hiến minh thánh,
 Nguyện tương xích kiếm trảm thiên kiêu.
 Trượng phu thiên lý chí mã cách,
 Thái Sơn nhất trịch khinh hồng mao.
 Tiện từ khuê khổn tòng chinh chiến,
25 Tây phong minh tiên xuất Vị kiêu.
 Vị kiêu đầu, thanh thủy câu,
 Thanh thủy biên, thanh thảo đồ.
 Tống quân xứ hề, tâm du du.
 Quân đăng đồ hề, thiếp hận bất như câu,
30 Quân lâm lưu hề, thiếp hận bất như chu.
 Thanh thanh lưu thủy, bất tẩy thiếp tâm sấu,
 Thanh thanh phương thảo, bất vong thiếp tâm ưu.

Ngũ phục ngũ hê, chấp quân thủ,
 Bộ nhất bộ hê, *phan* quân nhu.
 35 Thiếp tâm tùy quân tự minh nguyệt,
 Quân tâm vạn lý Thiên Sơn tiền.
 Trích ly bôi hê, vũ Long Tuyên,
 Hoàn chinh sáo (sóc) hê, chỉ hổ huyết.
 Vân *tòng* Giới Tử liệt Lâu Lan,
 40 Tiểu hướng Man Khê đàm Mã Viện.
 Quân *phi trang* phục hồng như hà,
 Quân kỵ kiêu mã bạch như tuyết.
 Kiêu mã hê loan linh,
 Chinh cổ hê nhân hành.
 45 Tu du trung hê đối diện,
 Khoảnh khắc lý hê phân trình.
 Phân trình hê Hà lương,
 Bôi hồi hê lộ bàng.
 Lộ bàng nhất vọng bá ượng ương.
 50 Tiên *quân* bắc Tế Liễu,
 Hậu quân tây Trường Dương.
 Kỵ *quân* tương ứng quân lâm tái,
 Dương liễu na tri thiếp đoạn trường?
 Khứ khứ lạc mai thanh tiệp viễn,
 55 Hành hành chinh bá sắc hà mang.
 Vọng vân khứ hê, lang biệt thiếp,
 Vọng sơn quy hê, thiếp tư lang.
 Lang khứ trình hê, mộng vũ ngoại,
 Thiếp quy xứ hê, tạc dạ phòng.
 60 Quy khứ lưỡng hồi cố.
 Vân thanh dữ sơn thương.
 Lang cố thiếp hê Hàm Dương,
 Thiếp cố lang hê Tiêu Tương.
 Tiêu Tương yên trở Hàm Dương thụ,
 65 Hàm Dương *thụ* cách Tiêu Tương giang.
 Tương cố bất tương kiến,
 Thanh thanh mạch thượng tang.
 Mạch thượng tang, mạch thượng tang !
 Thiếp ý, quân tâm thùy đoản tràng ?

70 Tự tòng biệt hậu phong sa lũng,
 Minh nguyệt tri quân hà xứ túc ?
 Cổ lai chinh chiến trường,
 Vạn lý vô nhân ốc.
 Phong *khẩn khẩn*, đả đắc nhân nhan *tiểu*,
 75 Thủy thâm thâm, khiếp đắc mã đề súc.
 Thú phu chấm cổ ngọa long sa,
 Chiến sĩ bảo an miên hổ lục.
 Kim triều Hán hạ Bạch Đằng thành,
 Minh nhật Hồ khuy Thanh Hải khúc.
 80 Thanh Hải khúc, thanh sơn cao phục đề,
 Thanh sơn tiền, thanh Khê đoạn phục tục.
 Thanh sơn thượng, tuyết mộng đầu,
 Thanh Khê hạ, thủy một phúc.
 Khả liên đa thiếu thiết y nhân,
 85 Tư quy đương thử sâu nhân súc,
 Cẩm tướng quân vương tri dã vô ?
 Gian nan thù vị họa chinh phu ?
 Liệu tướng lương nhân kinh lịch xứ :
 Tiêu Quan giốc, Hãn Hải *ngu* (ngung).
 90 Sương thôn, vũ điểm, hổ lạc, xà khu,
 Phong xan, lộ túc, tuyết hinh, băng tu.
 Đẳng cao vọng vân sắc,
 Yên đắc bất sinh sâu ?
 Tự lòng biệt hậu Đông Nam khiếu,
 95 Đông Nam tri quân chiến hà đạo ?
 Cổ lai chinh chiến nhân,
 Tính mệnh khinh như thảo.
 Phong nhận hạ, ôn ôn hiệp khoáng *chủ* ân thâm,
 Thời khắc trung, lịch lịch hoành qua tráng sĩ yếu.
 100 Kỳ sơn cự trủng nguyệt mang mang,
 Phì thủy tân phần phong niểu niểu.
 Phong niểu niểu, không xuy tử sĩ hồn,
 Nguyệt mang mang, tăng chiếu chinh *phu* mạo.
 Chinh *phu* mạo, thù đan thanh ?
 105 Tử sĩ hồn, thù ai diếu ?
 Khả liên tranh đấu cự sơn xuyên,
 Hành nhân quá thử tình đa thiếu.

- Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hoàn ?
 Ban Siêu quy thời mấn dĩ ban.
 110 Liệu tướng lương nhân trì sính ngoại,
 Tam xích kiếm, nhất nhung an.
 Thu phong sa thảo,
 Minh nguyệt quan san.
 Mã đầu minh đích,
 115 Thành thượng duyên can.
 Công danh bách mang lý,
 Lao khổ vị ưng nhân.
 Lao dữ nhân, thù dữ ngôn ?
 Quân tại thiên *nhai* thiếp ỷ môn.
 120 Ỡ môn cố thiếp kim sinh phận.
 Thiên *nhai* khởi quân bình sinh hồn ?
 Bình sinh hồn, tự tín tương tùy ngư thủy bạn.
 Kim sinh phận, na kham tương cách thủy vân thôn.
 Thiếp thân bất tướng vi chinh phụ,
 125 Quân thân khởi học vi Vương tôn ?
 Hà sự Giang Nam dữ Giang Bắc,
 Linh nhân sâu hiểu hựu sâu hôn.
 Nhất cá thị phong lưu thiếu niên khách.
 Nhất cá thị phong lưu thiếu niên hôn.
 130 Khả *liên* lưỡng niên thiếu,
 Thiên lý các hàn hôn (huyền).
 Ưc tích dữ quân tương biệt thì,
 Liễu điều do vị chuyển hoàng ly.
 Vấn quân hà nhật quy ?
 135 Quân ước đỗ quyên đề.
 Đỗ quyên dĩ trạc hoàng ly lão,
 Thanh liễu lâu tiền ngữ ý nhi.
 Ưc tích dữ quân tương biệt trung,
 Tuyết mai do vị thức Đông phong.
 140 Vấn quân hà nhật quy ?
 Quân chỉ đào hoa hồng.
 Đào hoa dĩ *trục* đông phong khứ,
 Tuyết mai giang thượng hựu phù dung.
 Dữ ngã ước hà sở ?

- 145 Nãi ước Lũng Tây sâm.
 Nhật trung hề bất lai.
 Truy điệp đầu ngã trâm.
 Trữ lập không thể khắp,
 Hoang thôn huyên ngo cầm.
- 150 Dữ ngã ước hà sở ?
Nãi ước Hán Dương kiều.
 Nhật *vãn* hề bất lai,
 Cốc phong xuy ngã bào.
 Trữ lập không thể khắp,
- 155 Hàn giang khởi mộ *trào*.
 Tích niên ký tín khuyến quân hồi.
 Kim niên ký tín khuyến quân lai.
 Tín lai nhân vị lai,
 Dương hoa linh lạc ủy thương đài.
- 160 Thương đài, thương đài, hựu thương đài !
 Nhất bộ nhân đình bách cảm thôi.
 Tích niên hồi thư đính thiếp kỳ.
 Kim niên hồi thư đính thiếp quy.
 Thư quy nhân vị quy.
- 165 Sa song tịch mịch chuyển tà huy.
 Tà huy, tà huy, hựu tà huy !
 Thập ước giai kỳ cứu độ vi.
Tương liệu khứ nhật tòng đầu sổ,
 Bất giác hà tiên dĩ tam chú,
- 170 Tối khổ thị liên niên tử tái nhân;
 Tối khổ thị thiên lý hoàng hoa thú.
Tử tái nhân, thùy vô đường thượng thân ?
Hoàng hoa thú, thùy vô khuê trung phụ ?
 Hữu thân an khả tạm tương ly ?
- 175 Hữu phụ an năng cứu tương phụ ?
 Quân hữu lão thân mấn như sường.
 Quân hữu *anh nhi* niên thả nhụ.
 Lão thân hề ỷ môn,
Anh nhi hề đãi bộ.

180 Cung thân *thực* hê, thiếp vi nam.
 Khóa *nhi* thư hê, thiếp vi phụ.
 Cung thân, khóa tử, tử nhất thân,
 Thương thiếp tư quân kim kỷ độ.
 Tư quân *tích niên* hê di quá,
 185 Tư quân kim niên hê hựu mộ.
 Quân yêm lưu nhị niên, tam niên, cánh tứ niên.
 Thiếp tình hoài bách lữ, thiên lữ, hoàn vạn lữ.
 An đắc tại quân biên ?
 Tổ thiếp trung trường khổ ?
 190 Thiếp hữu Hán cung thoa,
 Tặng thị giá thì tương tống lai.
 Bằng thùy ký quân tử,
 Biểu thiếp tương tư hoài.
 Thiếp hữu Tần lâu cánh (kính),
 195 Tặng dữ lang sơ tương đối ảnh.
 Bằng thùy ký quân tử,
 Chiếu thiếp kim cô lánh.
 Thiếp hữu *ước* chỉ ngân,
 Thủ trung *tằng* tương thân.
 200 Bằng thùy ký quân tử,
 Vi vật ngụ ân cần.
 Thiếp hữu tào đầu ngọc,
 Anh *nhi* niên sở lộng.
 Bằng thùy ký quân tử,
 205 Tha hương hạnh trân trọng.
 Tích niên âm tín hữu lai thì,
 Kim niên âm hy, tín diệc hy,
 Kiến nhận uống nhiên tư tái bạch.
 Văn sương mạn tự chế miên y.
 210 Tây phong dục ký vô hồng tiện,
 Thiên ngoại liên y tuyết vũ thùy.
 Tuyết hàn y hê hổ trưởng;
 Vũ lãnh y hê lang vi.
 Hàn lãnh ban ban khổ,
 215 Thiên ngoại khả liên y.
 Cẩm tự đề thi phong cánh triển,

Kim tiền vấn *bốc* tín hoàn nghi.
 Kỷ độ hoàng hôn thì,
 Trùng hiên nhân độc lập.
 220 Kỷ hồi minh nguyệt dạ,
Đan chầm mấn tà khi.
 Bất quan *trầm* dĩ *tĩnh*,
 Hôn hôn nhân tự túy.
 Bất quan ngu dĩ nọa,
 225 Mông mông ý như si.
 Trâm tà ủy *kháo* bông vô nại,
 Quân thoái nhu yêu sáu bất chi.
 Trú trầm trầm, ngọc viện hành như trụ.
 Tịch *quyên* *quyên*, tương liêm quyển hựu thù.
 230 Liêm ngoại khuy, nhật xuất chi đầu vô thước báo.
 Liêm trung tọa, dạ lai tâm sự chỉ đẳng tri.
 Đẳng tri nhược vô tri,
 Thiếp bi chỉ tự bi.
 Bi hựu bi hề cánh vô nghiên (ngôn),
 235 Đẳng hoa nhân ảnh tổng kham liên.
 Y ốc kê thanh thông ngũ dạ,
Phất phi hờ âm độ bát chuyên.
 Sáu tự hải,
 Khắc như niên.
 240 Cưỡng nhiên hương, hoa hồn tiêu đàn *trụ* hạ,
 Cưỡng lâm kính, ngọc chỉ trụ lãng hoa tiền.
 Cưỡng viện cầm, chỉ hạ kinh đình loan phụng trụ,
 Cưỡng viện sắt, khúc trung *sầu* yết uyên ương huyền.
 Thử ý xuân phong nhược khảng truyền,
 245 Thiên kim tá lực ký Yên *Nhiên*.
 Yên *Nhiên* vị *khảng* truyền,
 Ưc quân *điều* *điều* hề, lộ như thiên.
 Thiên viễn vị dị thông,
 Ưc quân du du tứ hà cùng.
 250 *Sầu* nhân xứ, thương tâm hung.
 Thụ điệp thanh sương lý,
 Cùng thanh tế vũ trung.
 Sương phủ tàn hề dương liễu,
 Vũ cú tổn hề ngô đồng.

255 Điều phản cao thung,
 Lộ hạ đê tùng.
 Hàn viên hậu trùng,
 Viễn tự thời chung.
 Tất suất sổ thanh *nguyệt*,
 260 Ba tiêu nhất viện phong.
 Phong liệt sa song xuyên trướng khích,
 Nguyệt di hoa ảnh thương liêm lung.
 Hoa tiền nguyệt *hạ* nguyệt tự bạch,
 Nguyệt hạ hoa *tiền* hoa tự hồng.
 265 Nguyệt hoa hoa nguyệt hê ảnh trùng trùng,
 Hoa tiền nguyệt hạ hê tâm xung xung.
 Thiên ban lãn,
 Vạn *ban* dung.
 Dung nữ công, cấm trực sĩ phao *oanh* đối ngẫu,
 270 Dung phụ xảo, kim châm tu thích điệp thư hùng.
 Dung trang *sầu* *kiếm* không thi phấn,
 Dung ngữ chung triều muộn ý song.
 Ý song, ý song phục ý song !
 Lang quân khứ hê, thùy vi dong.
 275 Thùy vi dong hê, *tâm* bàn hoàn,
 Lang quân khứ hê cách trùng quan.
 Hà thí thiên đế tôn,
 Linh lạc lập Ngân chữ.
 Hà thí Hằng Nga phụ,
 280 Thê lương tọa Quảng hàn.
 Tạ sầu hê vi chấm,
 Chữ muộn hê vi xan.
 Dục tương tửu chế sầu,
 Sầu trọng tửu vô lực.
 285 Dục tương hoa giải muộn,
 Muộn áp hoa vô nhan.
 Sầu muộn tổng vi sầu muộn ngộ,
 Muộn sầu hóa tác cứu tuyền than.
 Thí quỳnh sinh hê bất thành hưởng,
 290 Bao ngân tranh hê bất nhẩn đàn.
 Tư viễn tái hê, hành lộ nan,

Niệm chinh phu hề nang thác đàn.
 Quyên thanh đề lạc quan tình lệ,
 Tiều cổ xao *nhu* đối *muộn* can.
 295 Bất thăng tiều tụy hình hài nhuyển,
 Thủy giác khuê ly tư vị toan.
 Tư vị toan hề, toan *hựu* tân,
Tân toan đoan đích vị lương nhân.
 Vị lương nhân hề song thiếp lệ,
 300 Vị lương nhân hề chích thiếp thân.
 Thiếp thân bất đáo quân chinh tướng.
 Thiếp lệ bất đáo quân chinh cân.
 Duy hữu mộng hồn vô bất đáo,
 Tâm quân dạ dạ đáo giang tân.
 305 Tâm quân hề, Dương Đài lộ,
 Hội quân hề, Tương Giang tân.
 Ký đặc kỷ phiên hoan hội xứ,
 Vô phi nhất chấm mộng trung xuân.
 Thử thân phản hận bất như mộng,
 310 Lũng Thủy Hàm Quan dữ tử thân.
 Mộng khứ *mỗi* tầng kinh cánh đoạn,
 Mộng hồi *hoàn ố* ảo phi chân.
 Duy hữu thốn tâm chân bất đoạn,
 Vị thường khoảnh khắc thiếu ly quân.
 315 Tâm bất ly quân vị kiến quân,
 Bằng cao kỷ độ vọng chinh luân,
 Vọng quân hà sở kiến,
 Giang biên mãn bạch tân.
 Yển thảo phi thanh thủy,
 320 Tần tang *nhhiêm* lục vân.
 Nam lai tỉnh áp bán *phong* trần,
 Lạc nhật bình sa lộ nhất quần.
 Vọng quân hà sở kiến,
 Quan lộ đoản trường đình.
 325 Vân gian Ngô thụ *bích*,
 Thiên tế Thục sơn thanh.
 Bắc lai hòa thử *bán* hoang thành,

Vi vũ giang lâu địch nhất thanh.
 Vọng quân hà sở kiến ?
 330 Không sơn diệp tố đôi.
 Tự phi *song* dã trī,
 Tự vũ *mãn* giang mai.
 Đông khứ *phong yên* thăm bất khai,
 Tây phong phiêu *lạc* điệu thanh ai.
 335 Vọng quân hà sở kiến,
 Hà thủy khúc như câu.
 Trường không sổ điểm nhận,
 Viễn phố nhất quy châu.
 Tây khứ từng thu tiếp đoạn vu,
 340 Hành nhân vi một cách *thương* châu.
 Vọng tận thiên đầu *dữ* địa đầu,
 Kỷ nhật đẳng lâu *hựu* há lâu.
 Đồng vân trở tận tương tư nhân,
 Hà xứ Ngọc Quan chinh chiến *tâu*.
 345 Hận vô Trường Phòng súc địa thuật,
 Hận vô Tiên tử trịch cân phù.
 Hữu tâm *tương* hóa thạch,
 Vô lệ khả đẳng lâu.
 Hồi thủ trường đề dương liễu sắc,
 350 Hồi giao phu tế mạch phong hầu.
 Bất thức ly gia thiên lý ngoại,
 Quân tâm hữu tự thiệp tâm phầu (phủ).
 Quân tâm thẳng *dữ* thiệp tâm tự,
 Thiếp diệp ư quân hà oán vưu.
 355 Thiếp tâm như hoa thường hướng dương,
 Chỉ phạ quân tâm như lưu quang.
 Lưu quang nhất khứ bất phục chiếu,
 Hoa vị lưu quang hoàng hựu hoàng.
Hoàng hoa cánh hướng thùy biên tiếu,
 360 Lưu quang bất khảng nhất hồi chiếu.
 Hoàng hoa *khước* vị lưu quang lão,
 Hoàng hoa lão hề, lạc mãn tường,
 Hoa lạc như kim *canh* kỷ sương.
 Đình lan hề dĩ trích,

- 365 *Hồng ty hê hựu phương.*
 Nhiếp y bộ tiền đường,
 Ngưỡng mục quan thiên chương.
 Hà thủy phiên minh diệt,
 Khuê triền sạ hiện tàng.
- 370 *Chức vân thì phảng phát,*
 Bắc Đẩu hốt đê ngang.
 Nguyệt chiếu hê ngã sàng.
 Phong xuy hê ngã tường.
 Ngọc nhan tùy *thân* tước,
- 375 Trượng phu do tha phương.
 Tích vi hình dữ ảnh,
 Kim vi Sâm dữ Thương.
 Quân biên vân ủng thanh *phiêu* ky,
 Thiếp xứ đài sinh hưởng điệp lang.
- 380 Lang nội xuân phong nhật tương yết,
 Khả liên ngộ tận lương thời tiết.
 Lương thời tiết ! Lương thời tiết !
 Diêu hoàng, Ngụy tử giá Đông phong.
 Lương thời tiết ! Lương thời tiết !
- 385 Chúc Nữ, Ngưu Lang hội minh nguyệt,
 Khả *liên* uống thủ nhất không phòng,
 Niên niên ngộ tận lương thời tiết.
 Lương thời tiết, *cấp* như thoa,
 Nhân thế thanh xuân dung dị qua.
- 390 Huống phục thị *xuân muộn* vị tiêu thu hận tục.
 Huống phục thị hợp hoan *khước* thiếu biệt sầu đa.
 Biệt sầu thu hận lưỡng tương ma,
 Bồ liễu thanh thanh năng kỷ hà.
 Không thán tích, lãng tư ta,
- 395 Lãng tư ta chỉ khủng bạch đáo Văn Quân đầu,
 Không thán tích chỉ khủng hoa đáo Phan Lang mấn.
 Thán tích hà dĩ vi ?
 Nhan sắc do hồng như nộn hoa.
 Tư ta hà dĩ vi ?
- 400 Quang âm nhất trịch vô hồi qua.
 Ta mệnh bạc ! Tích niên hoa !
 Ty ty thiếu phụ cơ thành bà.

Hương các trùng hoài bồi tiểu kiếm,
 Hoa lâu thượng lý giải hương la.
 405 Hận thiên bất dữ nhân phương tiện,
 Để sự đao kim thành khảm kha.
 Khảm kha, khảm kha, *nại nhược* hà !
 Vị thiếp ta hề, vị quân ta !
 Quân bất kiến dã ngoại song uyên ương,
 410 Cam tâm bất nhẫn lưỡng phân trương.
 Hựu bất kiến: lương đầu song yển yển,
 Bạch đầu hà tăng vong *khiển quyển*.
Kiêm dã vô tình, tị dục tương tùy quá nhất sinh,
Cùng dã vô tri, tịnh khu đao lão bất tương *ly*.
 415 Lộ liễu tăng truyền liên lý xứ,
 Trì liên diệc hữu tịnh đầu thì.
 Hà nhân sinh chi tương viễn,
 Ta vật loại chi như tì (tư).
 Yên đắc: tại thiên vi tị dục điều
 420 Tại địa vi liên lý chi ?
 Ninh cam tử tương kiến,
 Bất nhẫn sinh tương ly.
 Tuy nhiên tử tương kiến,
 Hạt nhược sinh tương tùy ?
 425 Yên đắc: quân *vô* lão nhật,
 Thiếp thường thiếu niên *thì* ?
 Nguyên vi ảnh hề, tùy quân biên,
 Quân hữu hành hề, ảnh bất viễn.
 Quân y quang hề, thiếp sở nguyện,
 430 Nguyên quân hứa quốc tâm như đan.
 Nguyên quân tí dân *lực* như thiết.
 Cơ lai thôn hạ Nhục Chi đầu,
 Khát lai ẩm hạ Thiên Vu huyết.
 Hà hạnh kỳ môn phong nhận trung,
 435 Lão thiên trước ý hộ anh hùng.
 Hộ anh hùng! Bách chiến công!
 Trường khu tứ mã tĩnh Quan Đông.
 Quan Đông, Quan Bắc hựu truyền tiền,
 Sơn vĩ, sơn đầu tảo quả cung.
 440 Tiệp sắc tinh kỳ từ tái nguyệt,

Khải ca tướng sĩ bối biên phong.
 Lặc công hề, Yên Nhiên thạch,
 Hiến quốc hề, Vị ương cung.
 Vị ương cung hề, hướng thiên triều,
 445 Vân Ngân hà hề, tẩy cung đao.
 Từ nhân san hạ Bình Hoài tụng,
 Nhạc phủ thanh truyền nhập Hán đao
 Lãng yên các hề, Tần Thúc Bảo,
 Kỳ lân đài hề Hoắc Phiêu Diêu
 450 Thiên trường, địa cửu mao thư khoán,
 Tử ám, thê phong phúc lộc tiêu.
 Hữu sâu hề thử nhật,
 Đắc ý hề lai thì.
 Thiếp phi Tô gia si tâm phụ,
 455 Quân diệc Lạc Dương hảo nam nhi.
 Quy lai thắng bội hoàng kim ấn,
 Khảng học đương niên bất hạ ky (cơ).
 Nguyên vị quân hề, giải chinh y,
 Nguyên vị quân hề, *phủng* hà chi.
 460 Vị quân sơ trất *vân* hoàn kết,
 Vị quân trang điểm ngọc *phu* chi.
 Thu quân khan hề cự lệ bạch,
 Tổ quân thịnh hề cự tình từ,
 Cự tình từ hề, hoán tân liên,
 465 *Giảng* tân thoại hề tửu bôi tiền.
 Thiển *chước* hề, *mạn mạn*,
 Đê xướng hề liên liên.
Chước bất *chước* hề Vị thành nhượng,
 Xướng bất xướng hề Tử lưu thiên.
 470 *Chước* cửu uẩn, xướng song liên,
 Dữ quân chinh đồn cự nhân duyên,
 Giao cảnh thành song đảo lão thiên,
 Thường liễu công danh ly biệt nhật,
 Tương liên tương thủ thái bình niên.
 475 Thái bình niên! *Nguyên tuế* trí!
 Nhược nhiên thử *hậu* thiếp hà lệ.
 Tương hội *tương* kỳ tương ký ngôn,
 Ta hồ! Trượng phu đương như thị!

KHẢO DỊ

Phần *khảo dị* này được đối chiếu với bản chữ Hán trong *Chinh phụ ngâm* bị *khảo* của Hoàng Xuân Hãn.

- 31. Thanh thanh hữu 有 lưu thủy, bất tảo thiếp tâm sầu.
- 32. Thanh thanh hữu 有 phương thảo, bất vong thiếp tâm ưu.
- 34. Bộ nhất bộ hề, *khiên* 牽 quân nhu.
- 41. Quân xuyên tráng phục hồng như hà.
- 47. *Trình phân* hề hà lương.
- 50. Tiên xa 車 bắc Tế Liễu.
- 51. Hậu kỵ 騎 tây Trường Dương.
- 61. Vân thanh hề 兮 sơn thương.
- 74. Phong ngao ngao 教教, đả đặc nhân nhan tiêu.
- 103. Nguyệt mang mang từng chiếu chinh nhân 人 mạo.
- 104. Chinh nhân 人 mạo, thùy đàn thanh ?
- 105. Tử sĩ hồn hề 兮, thùy ai diếu ?
- 106. Khả liên tranh đấu cự giang sơn 江山 .
- 127. Linh nhân sầu hiểu cánh 更 sầu hôn.
- 130. Khả kham 堪 lương niên thiếu
- 142. Đào hoa dĩ bạn 伴 đông phong khứ
- 143. Lão 老 mai giang thượng hựu phù dung.
- 168. *Thí tương* 試將 khữ nhật tòng đầu sổ.
- 172. *Hoàng hoa thú*, thùy vô đường thượng thân ?
- 173. *Tử tái nhân*, thùy vô khuê trung phụ ?
- 177. Quân hữu nhi lang 兒郎 niên khả nhu.
- 179. *Nhi lang* 兒郎 hề đãi bộ.
- 180. Cung thân xan 餐 hề, thiếp vi nam.
- 181. Khóa tử 子 thư hề, thiếp vi phụ.
- 184. Tư quân tạc nhật 昨日 hề dĩ quá.
- 185. Tư quân kim niên hề 兮 hựu mộ.
- 222. Bất quan đam 醺 dữ ham.

226. Trám tà uy dọa 鬚 bông vô nại.
229. Tịch tiêu tiêu 悄悄, tương liêm quyển hựu thù.
237. Phi phát hòe âm độ bát duyên.
240. Cường nhiên hương, hoa hôn tiêu đàn chú 炷 hạ.
241. Cường lâm kính, ngọc trợ 飭 trụ lãng hoa tiên.
242. Cường viện cầm, chỉ hạ kinh đình hoàng 凰 phụng trụ
243. Cường điều 調 sắt, khúc trung bi át 遏 uyên ương huyền
246. Yên nhiên vị năng 能 truyền
249. Ưc quân du du hể 兮, lộ như thiên,
250. Hoài 懷 nhân xứ, thương tâm hung
258. Viễn tự hiếu 曉 chung
259. Tất suất sổ thanh vũ 雨
261. Phong liệt chi 紙 song xuyên trướng khích
263. Hoa tiên nguyệt chiếu 照 nguyệt tự bạch
264. Nguyệt hạ hoa khai 開 hoa tự hồng.
268. Vạn sự 事 dung
269. Dung nữ công, cấm trực sĩ phao uyên 鴛 đôi ngầu
271. Dung trang đối hiếu 對曉 không thi phấn
278. Lạnh 冷 lạc khắp 泣 Ngân chữ
292. Niệm chinh phu hể nang xác 橐 đan
294. Tiêu cổ xao tàn 殘 đối mai 憊 can.
297. Tư vị toan hể, toan cánh 更 tân
298. Toan tân đoan đích vị lương nhân.
306. Hội quân hể, Tương thủy 水 tân.
312. Mộng hồi hựu lưu huyền 又慮幻 phi chân
318. Giang châu 洲 mẫn bạch tân
319. Yến thảo phi thanh lữ 縷
321. Nam lai tỉnh áp bán binh 兵 trần
325. Vân gian Ngô thụ ám 暗
327. Bắc lại hòa thử hoang thành.
331. Tự phi thanh 青 dã trĩ
332. Tự vũ cách 隔 giang mai
333. Đông khứ yên lam 烟嵐 thăm bất khai
334. Tây phong phiêu bạc 薄 điểu thanh ai.
341. Vọng tận thiên đầu hựu 又 địa đầu
342. Kỷ nhật đăng lâu cánh 更 há lâu.
344. Hà xứ Ngọc Quan chinh chiến sư.

347. Hữu tâm thành 誠 hóa thạch
 359. Hoa hoàng cánh hương thù biên tiếu.
 361. Hoàng hoa khiếp 却 vị lưu quang lão
 363. Hoa lạc như kim kinh 經 kỷ sương.
 368. Tiêm 纖 vân thời phảng phát
 373. Phong xuy hê ngã song (xoang) 窓
 374. Ngọc nhan tùy niên 年 tước
 378. Quân biên vân ứng thanh ti 絲 ky.
 383. Lương thời tiết Diêu hoàng Ngụy tử giá đông phong
 385. Lương thời tiết Chúc Nữ Ngưu Lang hội minh nguyệt
 Tạc nhật vị kê tây gia nương,
 Kim niên dĩ quy đông lân thiên.

昨日未笄西家娘

今年已歸東鄰倩

386. Khả liên thỏ 兔 thủ nhất không phòng
 388. Lương thời thiết hê hốt 兮忽 như thoa
 391. Huống phục thị hợp hoan cánh 更 thiếu biệt sâu đa.
 402. Phân phân 紛紛 thiếu phụ kỷ 幾 thành bà
 407. Khảm kha, khảm kha, tri nại 知奈 hà.
 411. Hựu bất kiến: lương gian 間 song yển yển
 412. Bạch đầu hà tăng vong quyến luyến 眷戀
 413. Kiêm kiếm 鷦 đã vô tình, tị dục tương tùy quá nhất sinh.
 414. Cùng cùng đã vô tri, tịnh khu đảo lão bất tương vi 違
 416. Trì liên diệc hữu tịnh đầu thì
 Phụ quyết hê ! Cự hư
 Bão la hê ! Thò ti.

負蟹兮駉驢

抱蘿兮菟絲

426. Thiếp thường thiếu niên ?
 429. Quân y quang hê, thiếp như 如 nguyên
 431. Nguyên quân tí dân thân 身 như thiết
 441. Khái ca tướng sĩ bội 背 biên phong
 442. Lạc thi 詩 hê, Yên Nhiên thạch
 447. Nhạc phủ ca 歌 truyền nhập Hán dao
 451. Tử ẩm thê phong tước 爵 lộc tiêu
 459. Nguyên vị quân hê bổng hà chi

460. Vị quân sơ trát vân hoàn *kẹ* 髻
461. Vị quân trang điểm ngọc yên 燕 chi.
462. *Thủ* 取 quân khan hê cự lệ bạch
465. *Ngữ* 語 tân thoại cự 舊 hê tửu bôi tiền
466. *Châm* 斟 bát *châm* 斟 hê Bồ 蒲 thành nhượng
470. *Nguyện* *châm* cữu ôn hê 願 斟 九 醞 兮 xướng song liên
471. Dữ quân chinh đồn hê cự nhân duyên
473. Thường liễu công danh lý biệt: *trái*
475. Thái bình niên! *Nguyện* quân chỉ *qua* 戈 trí.
476. Nhược nhiên thử *biệt* 別 thiếp hà lệ
477. Tương hội *chi* 之 kỳ tương ký ngôn.

CHINH PHỤ NGÂM

- 1 Trời đất nổi cơn gió bụi,
Khách má hồng phải chịu nhiều gian nan khổ sở.
Ông trời xanh thăm thẳm kia, hỏi rằng ai đã gây ra cái duyên
cớ ấy.
Tiếng trống trận vang động mạnh làm rung cả mặt trăng ở
trên Tràng thành.
- 5 Ánh lửa cao lẩn khói bốc lên (báo có giặc) rục chiếu đến tận
đám mây ở Cam Tuyền.
Từ trên chín bệ, giữa đám tiệc, nhà vua chống kiếm đứng dậy,
Nửa đêm truyền hịch gấp cho tướng quân.
Trải qua ba trăm năm thiên hạ thái bình, từ nay việc quân lại
trao cho quan võ.
- 10 Sứ tinh đến cửa trời giục phải xuất quân từ rạng sáng,
Người ra đi đánh giặc xem trọng phép công (lệnh vua) mà coi
nhẹ sự ly biệt.
Cung tên thì đeo ở lưng
Vợ con thì phải dứt vạt áo ra.
Cờ tinh cờ kỳ pháp phối bay là cái cảnh sầu của người ra biên ải.
- 15 Tiếng tiêu, tiếng trống âm ỉ là cái lòng oán của kẻ từ biệt nhà.
Dù oán vẫn phải chia tay nhau.
Dù sầu cũng cố dặn dò nhau.
Người chồng là kẻ tài trai mới hai mươi tuổi quê ở Ngô Môn,
Phải ném bút nghiên đi mà theo việc binh đao.
- 20 Muốn hạ cả mấy thành liền đem dâng lên đức vua,
Thề đem thanh gươm chém quân giặc cường bạo.
Kẻ trượng phu phải có chí đánh giặc ngoài nghìn dặm.
Dù có chết bọc thây trong da ngựa,
Phải gieo Thái Sơn mà coi nhẹ tựa lông hồng
Bèn từ già vợ con trong cửa nhà để theo đoàn quân đi đánh giặc.
- 25 Nhân gió tây thổi, quất ngựa phi ra lối cầu sông Vị
Đầu cầu sông Vị, dòng nước trong chảy,
Bên bờ nước trong cỏ xanh mọc.
Đưa chàng ở chỗ này lòng thiếp buồn dằng dặc.

- Chàng đi đường bộ thì thiếp đây giận không bằng ngựa.
30 Chàng đi đường thủy thì thiếp đây giận không bằng thuyền.
Nước trong xanh kia chảy không rửa được cái sầu trong lòng thiếp.
Cỏ xanh thơm kia có thơm mấy cũng không làm khuây được nỗi
lo trong lòng thiếp.
Thiếp nói rồi lại nói cứ cầm tay chàng,
Thiếp bước đi một bước vẫn níu áo chàng.
35 Lòng thiếp theo bên chàng như trăng sáng soi,
Lòng chàng khi ra vạn dặm quyết như mũi tên bắn dẹp tan giặc
ở Thiên Sơn.
Chàng ném chén rượu ly biệt kia mà múa thanh gươm Long Toàn.
Chàng cầm ngang ngọn giáo kia mà trở vào hang hổ.
Chàng nói rằng theo Giới Tử mà săn bắt chúa Lô Lan.
40 Rồi cười mà đi thẳng tới Man Khê để bàn việc đánh giặc với
Mã Viện.
Chàng mặc bộ áo chiến sắc đỏ như ráng,
Chàng cưỡi con ngựa kiêu lông trắng như tuyết.
Ngựa kiêu kia rung lên tiếng nhạc,
Trống trận kia nhịp theo bước người đi.
45 Phút chốc ấy còn đối mặt,
Khoảng khắc này đã chia tay.
Chia tay nhau thì trên bến sông Hà,
Thiếp bồi hồi thì đứng ở bên đường.
Bên đường ngó trông theo thấy những cờ bay phấp phới.
50 Đội quân đi trước đã đến phía Bắc đất Tế Liều,
Đội quân đi sau còn ở phía Tây đất Tràng Dương.
Toán kỵ quân cùng đưa chàng ra cửa ải.
Cây dương liễu kia có biết lòng thiếp đau đớn đến đứt ruột thế
này không?
Đi, đi mãi xa dần tiếng nhạc chỉ còn nghe thoảng như tiếng hoa
mai rụng.
55 Trông sắc cờ trận bay mà lòng sao mang mang.
Trông theo mây bay kia chàng biệt thiếp
Trông theo núi mà trở về kia thiếp nhớ chàng.
Con đường chàng đi kia ngoài trời mưa phùn
Chỗ thiếp về kia căn phòng đêm hôm qua.
60 Kể đi người về, hai bên cùng ngoảnh trông nhau.
Chỉ thấy có mây xanh và núi biếc.

Chàng đoái thiếp kìa đất Hàm Dương
 Thiếp trông chàng kìa sông Tiêu Tương.
 Khói bên sông Tiêu Tương cách cây bên đất Hàm Dương.
 65 Cây bên đất Hàm Dương lại cách sông Tiêu Tương.
 Hai bên cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
 Chỉ thấy một màu xanh ở dọc đường
 Hàng dâu dọc đường kia, hàng dâu dọc đường kia!
 Thử hỏi ý thiếp lòng chàng mỗi sầu ấy ai dài ai ngắn hơn?
 70 Từ sau khi chia tay, chàng vào nơi gió cát,
 Dưới trăng sáng, biết chàng ngủ ở chỗ nào?
 Xưa nay ngoài chỗ chiến trường
 Muôn dặm không có nhà của người ta ở.
 Gió vun vút đập vào mặt người làm cho tiêu tụy đi.
 75 Nước sâu sâu ngựa ghê chân phải co cao vó lên.
 Kẻ đi thú gối trống nằm ngủ trên bãi cát rộng.
 Người chiến sĩ ôm yên ngựa ngủ bên cạnh nắm mồ
 Sáng nay quân Hán xuống đánh thành Bạch Đằng,
 Ngày mai giặc Hồ dòm ngó góc Thanh Hải.
 80 Góc Thanh Hải, núi xanh ngọn cao lại ngọn thấp,
 Trước núi xanh dòng nước trong chảy đứt rồi lại nối.
 Trên núi xanh tuyết phủ kín ngọn,
 Dưới khe suối xanh trong nước ngập quá bụng,
 Đáng thương nhiều hay ít cho bao kẻ đi trận (mặc áo giáp)
 85 Muốn về, lúc ấy mặt buồn râu nhẵn nhó,
 Trên trướng gấm, nhà vua có biết cho không?
 Có ai vì kẻ chinh phu mà vẽ lại cảnh gian nan ấy.
 Liệu chừng tưởng đến những chỗ chồng ta đã đi qua;
 Góc Tiêu Quan, ven Hãn Hải.
 90 Thôn dưới sương, điểm dưới mưa, hang cộp, ổ rắn,
 Ăn gió nằm sương tuyết ngập chân, giá đầy râu.
 Lên cao trông sắc mây,
 Làm sao mà không buồn râu cho được?
 Từ sau khi từ biệt chàng đi về phía đông nam,
 95 Phía đông nam ấy biết chàng đánh giặc ở chặng đường nào?
 Xưa nay những người đi chinh chiến,
 Đều xem tính mạng nhẹ như cỏ.
 Dưới mũi gươm giáo mà không rùng mình ớn lạnh

(Vẫn cảm thấy âm ảm như có áp chần bông) vì có nhuần thấm sâu ân vua.

Trong khoảng khắc mà đưa ngang ngọn mác thì mệnh tráng sĩ phai chịu chết yếu thôi.

100 Mộ cũ ở Kỳ Sơn, trăng tóa mờ mờ.

Mã mới ở Phì Thủy, gió thổi hiu hiu

Gió hiu hiu thổi như gọi hồn tử sĩ,

Trăng mờ mờ từng chiếu mặt chinh phu.

Mặt chinh phu ai người tô vẽ,

105 Hồn tử sĩ nào kẻ viếng thăm.

Đáng thương cho những chỗ núi sông đã có chiến tranh xảy ra,

Kẻ qua đường hỏi có xót thương nhiều hay ít?

Xưa nay đi chinh chiến mấy người đã trở về,

Khi Ban Siêu về, hai mái tóc đã lốm đốm bạc.

110 Thiếp liệu tưởng tới chỗ chàng đang giông ruổi ngoài chiến địa.

Ba thước gươm với một cổ yên ngựa,

Gió thu thổi trên ngọn cỏ ở bãi cát.

Trăng sáng chiếu vào cửa ải trên sườn núi.

Tên bay vèo reo trên đầu ngựa,

115 Giao lan khắp mặt thành.

Lập công danh phải chịu bao nhiêu gian khổ,

Dù gian khổ vẫn chưa muốn nhàn.

Gian khổ hay an nhàn thì biết nói cùng ai?

Chàng ở ven trời, thiếp tựa bên cửa.

120 Tựa cửa vốn là cái phận của thiếp trong kiếp này

Ven trời lận đận há phải số của chàng đời này không?

Vẫn tưởng được cùng nhau làm bạn vui vầy như cá với nước.

Nào ngờ cũng phải cùng nhau xa cách chốn nước mây kia.

Thân thiếp chẳng tưởng phải làm chinh phụ,

125 Thân chàng há học chi làm vương tôn.

Cớ sao lại phải cách trở kẻ giang nam người giang bắc.

Khiến cho thiếp ngày đêm luống những buồn rầu.

Một bên, chàng là bậc thiếu niên phong lưu,

Một bên, thiếp là bậc thiếu nữ phong lưu.

130 Thật đáng thương cho đôi lứa thiếu niên

Nghìn dặm phải xa cách nhau mà không được thăm hỏi tâm tình.

Nhớ lúc xưa, khi cùng chàng chia tay nhau,

- Trên cành liễu còn chưa có con chim hoàng ly hót.
Thiếp hỏi chàng bao giờ thì về?
- 135 Chàng hẹn khi con đỗ quyên kêu.
Nay con đỗ quyên bay theo con hoàng ly già mà đi rồi
Trước lâu đã lại có con ý nhị hót.
Nhớ lúc xưa, khi cùng chàng chia tay
Mai trắng còn chưa biết gió đông.
- 140 Thiếp hỏi chàng bao giờ thì về?
Chàng hẹn đến mùa hoa đào nở.
Nay hoa đào đã theo gió đông đi (rụng hết cả rồi).
Cây mai tuyết phủ bên bờ sông lại thấy có hoa sen nở.
Thiếp cùng chàng hẹn nhau nơi nào?
- 145 Bèn hẹn ở bên núi Lũng Tây.
Thiếp đợi đã tới trưa mà không thấy chàng đến.
Chỉ thấy lá cây rụng trên cành trâm của thiếp
Thiếp đứng trông luống sùi sùi mà thầm khóc
Trong chỗ gò hoang nghe dậy tiếng chim kêu.
- 150 Chàng cùng thiếp hẹn chỗ nào?
Bèn hẹn ở bên cầu Hán Dương.
Ngày đã muộn rồi mà không thấy chàng đến,
Chỉ thấy gió đông thổi bay tà áo của thiếp.
Thiếp đứng trông luống sùi sùi mà thầm khóc,
- 155 Chỗ sông quanh hiu về buổi chiều vẫn ì ầm tiếng sóng.
Năm ngoái nhận tin khuyên chàng về,
Năm nay nhận tin khuyên chàng lại.
Tin thì có lại mà người không thấy lại.
Hoa dương tàn rơi rụng xuống làn rêu xanh,
- 160 Rêu xanh, rêu xanh lại rêu xanh.
Mỗi bước đi dạo thong thả quanh sân mà trong lòng như rộn
trăm mối.
Năm xưa chàng gửi thư hẹn với thiếp độ về,
Năm nay chàng lại gửi thư hẹn với thiếp độ về,
Thư thì về mà người chưa thấy về.
- 165 Song the tịch mịch bóng chiều qua,
Bóng chiều qua, bóng chiều qua lại bóng chiều qua.
Mười lần hẹn báo tin vui thì chín lần đã sai.
Nay thử tính từ ngày chàng bắt đầu ra đi
Thấm thoát ba lần lá sen đã nở (tròn như đồng tiền đúc)

- 170 Rất khổ là người cứ phải ở lâu năm nơi ải tía.
 Rất khổ là người cứ phải đi thú Hoàng Hoa ra nơi xa xôi
 nghìn dặm.
 Người nơi ải tía ai là không có cha mẹ ở nhà.
 Lính đi thú Hoàng Hoa ai là không có vợ ở phòng khuê.
 Có cha mẹ sao nên tạm ly cách nhau
- 175 Có vợ sao có thể bỏ ở nhà lâu được
 Chàng có cha mẹ già tóc bạc như sương
 Chàng có con nhỏ, tuổi hầy còn măng sữa.
 Mẹ già thì tựa cửa mong chàng,
 Con thơ thì đợi được mớm cơm.
- 180 Lo cơm nước hầu hạ cha mẹ thì thiếp làm phận trai.
 Dạy con học thì thiếp làm thân phụ.
 Hầu hạ cha mẹ, dạy dỗ con cái chỉ có một mình thiếp
 Thương thiếp, nhớ chàng nay đã mấy độ
 Năm ngoái nhớ chàng thì năm ấy đã trôi qua,
- 185 Năm nay nhớ chàng thì năm này lại gần hết
 Chàng ở xa lâu rồi hai năm, ba năm lại bốn năm,
 Thiếp mang mối tình hoài trăm mối, nghìn mối và vạn mối.
 Ước gì được ở bên cạnh chàng,
 Để mà giải bày nỗi đau lòng của thiếp.
- 190 Thiếp có cảnh thoa ở cung Hán,
 Là đồ cưới từ thời lấy chàng đến nay.
 Biết nhờ ai mà gửi cho chàng?
 Để bày tỏ nỗi lòng tương tư của thiếp
 Thiếp có tấm gương ở lầu Tần,
- 195 Thủa xưa đã cùng chàng chung soi bóng
 Biết nhờ ai mà gửi cho chàng?
 Để soi tỏ nỗi lòng cô đơn của thiếp bây giờ.
 Thiếp có cái nhẫn đeo tay bằng bạc,
 Lúc nào cũng luôn đeo ở ngón tay.
- 200 Biết nhờ ai mà gửi cho chàng?
 Để dùng vật nhỏ mọn này mà ngụ ý bày tỏ nỗi ân cần
 Thiếp có cái trâm bằng ngọc để cài đầu,
 Lúc còn nhỏ hay cầm chơi.
 Biết nhờ ai mà gửi cho chàng?
- 205 Để khi ở quê người chàng giữ làm kỷ vật quý báu.

- Năm xưa tin tức còn có lúc nhận được
Năm nay tin tức ít, thư cũng ít.
Thấy chim nhận luống những mong nhận được thư nơi cửa ải,
Nghe sương rơi vội may áo bông để định gửi cho chàng.
- 210 Thấy gió tây, thiếp muốn gửi thư mà không tiện gửi được chim hồng,
Thương chàng ở cỏi ngoài những tuyết phủ mưa sa.
Tuyết làm cho chàng bị lạnh ở nơi trướng hổ,
Mưa làm chàng bị rét ở chỗ màn lang.
Lạnh rét thật là khổ sở biết bao!
- 215 Càng thương cho chàng ở nơi cỏi ngoài ấy.
Đề thơ vào gấm, phong kín rồi lại mở ra.
Gieo tiền vàng mà bói quẻ, tin còn ngờ.
Mấy độ hoàng hôn,
Hiên rộng đứng có một mình.
- 220 Mấy lần trăng sáng,
Gội chiếc để tóc rối bù.
Chẳng cứ mê cùng tỉnh
Li bì người như say
Chẳng cứ ngu với lười
- 225 Mờ mịt y như ngầy
Trâm lệch, tóc xoắn, biết làm sao?
Quần lỏng (người gầy đi), lưng mềm, tưởng không gượng được.
Ngày chậm chậm qua, ở hàng hiên buổi trưa dạo bước muốn ngã
Tối âm thầm buồn, cái rèm Tương cuốn lên rồi lại buông xuống.
- 230 Ngó qua rèm nhìn mặt trời mọc đầu cành nhưng không thấy
chim thước báo tin.
Khi ngồi trong rèm, tối đến chỉ có ngọn đèn là biết được tâm sự
của mình.
Đèn kia có biết cũng như không biết,
Thiếp buồn thương chỉ tự buồn thương một mình.
Than thở chán thiếp lại im lặng không nói.
- 235 Hoa đèn kia với bóng người nghĩ mà đáng thương.
Eo óc tiếng gà suốt năm canh
Phơ phất bóng hờ qua tám hàng gạch
Mối sầu như biển lớn
Thời khắc như năm dài

- 240 Gượng đốt hương thì hồn hoa muốn tiêu tan ở dưới đàn trụ¹,
Gượng soi gương thì nước mắt luống tuôn rơi ở trước lẵng hoa.
Gượng nắn đàn cầm thì dưới ngón tay những sợ mà phải dừng
cái trụ loan phượng.
Gượng gảy đàn sắt thì trong khúc đàn những sầu mà phải im
cái dây uyên ương.
Ý ấy nếu gió xuân chịu truyền đi cho
- 245 Thì dầu nghìn vàng cũng mượn gửi đến núi Yên Nhiên.
Núi Yên Nhiên chưa dễ truyền được,
Nỗi nhớ chàng dằng dặc như đường xa lên trời.
Trời xa chưa dễ thông được.
Nỗi nhớ chàng đau đáu thì dạ nghĩ biết bao cùng.
- 250 Cảnh gợi sầu lòng người thêm đau thương
Lá cây sương bao phủ kín màu xanh,
Tiếng trùng hòa kêu trong làn mưa phùn.
Sương như búa bổ tàn cảnh dương liễu
Mưa như cửa xẻ mòn cây ngô đồng.
- 255 Chim về trong buổi chiều hôm khi sương đã phủ những bụi
cây thấp,
Giống sầu báo thời tiết (đã sang đông) kêu ở bức tường lạnh
Chùa xa đánh hồi chuông về buổi sớm,
Mấy tiếng dế kêu dưới ánh trăng.
- 260 Một trận gió thổi lay bụi chuối.
Gió xẻ giấy dán ở cửa sổ, xuyên vào khe màn.
Trăng rọi bóng hoa lay động trên bức rèm.
Trước hoa trăng chiếu thì bóng trăng tự thấy sáng,
Dưới trăng hoa nở thì sắc hoa tự thấy hồng.
- 265 Trăng cùng hoa, hoa cùng trăng in bóng trập trùng nhau
Trước hoa dưới trăng lòng cảm thấy đau đáu.
Nghìn nỗi lười, vạn sự nhác.
Chán nữ công, then không muốn đưa trục gấm dệt đôi chim
uyên ương.
- 270 Chán phụ xảo, then không muốn cầm kim vàng thêu đôi
bướm bướm.

1. Nén hương thấp làm bằng thứ đàn hương tán nhỏ ra.

- Chán sự trang điểm, mặt râu đôi má chẳng buồn thoa phấn.
 Chán sự nói năng, suốt buổi sáng chỉ ngẩn ngơ ngồi tựa bên song.
 Tựa song cửa, tựa song cửa lại tựa song cửa.
 Chàng đã đi vắng rồi hỏi làm dáng với ai?
- 275 Còn làm dáng với ai, trong lòng những bàn hoàn,
 Chàng đã đi rồi cách mấy quan ải.
 Khác nào Chức Nữ (cháu của Thiên đế) lặng buồn đứng bên bờ
 sông Ngân.
- 280 Khác nào ả Hằng Nga sâu nảo ngồi trong cung Quảng Hàn.
 Tựa sâu khi làm gối,
 Nấu muộn khi làm cơm.
 Muốn đem rượu rửa sâu.
 Sầu nặng rượu không đủ sức rửa nổi
- 285 Muốn đem hoa giải muộn, muộn ép hoa kém tươi
 Sầu muộn đều vì sầu muộn mà lắm.
 Muộn sầu hóa làm cái thác có chín ngọn suối.
 Thử thổi cái sênh ngọc nhưng không thành tiếng,
- 290 Ôm cái đàn tranh bạc nhưng không nở gảy.
 Nghĩ đến chỗ cửa ải xa xôi kia thì đường đi rất khó khăn.
 Nhớ đến kẻ chinh phu kia thì nào túi, nào bao đựng đồ lương
 thực (hết đầy lại với)
 Tiếng quyên kêu mà làm rơi nước mắt quan tình
 Tiếng trống cầm canh đánh mà làm héo buồn gan mỗi mệ.
- 295 Không đẹp nổi nổi lắm sầu nên hình hài mềm mại trở nên
 tiêu tụy
 Mới biết rằng cái mùi khuê ly là chua cay đến như thế.
 Có nếm vị chua cay mới biết chua cay dường ấy
 Mà chua cay cũng chỉ vì chàng.
 Vì chàng mà thiếp phải chan hòa hai hàng lệ
- 300 Vì chàng mà thiếp phải chịu lẻ loi một mình.
 Thân thiếp không đến được nơi màn trện của chàng
 Nước mắt của thiếp không chảy thấm được tới khăn trện của chàng
 Chỉ có hồn mộng là không đâu không đến
 Nên đêm nào cũng tìm chàng ở chỗ bờ sông.
- 305 Tìm chàng trên đường Dương Đài,
 Tìm chàng ở bến Tương Giang.

- Nhớ lại đã được mấy lần sum vầy cùng chàng.
 Nhưng chẳng qua chỉ là ở trong giấc mộng xuân.
 Thân này lại giận không bằng mộng
- 310 Đâu được gần chàng ở bến Lũng Thủy, ở cửa Đồng Quan.
 Mộng tan lại tiếc vì giật mình mà đứt mộng.
 Mộng nữa lại ghét chỉ có hư mà không có thực.
 Chỉ có tác lòng thực là không đứt,
 Chưa hề vụt chốc lìa bỏ chàng.
- 315 Lòng không lìa chàng nhưng chưa thấy chàng.
 Đã mấy lần lên chỗ gò cao mà ngóng cái xe của chàng đi.
 Ngóng chàng đã trông thấy những gì?
 Thấy bên bờ sông đầy những rau tần trắng.
 Cỏ Yên lướt gió bay như sợi xanh.
- 320 Dâu Tần nhuộm màu trông như mây biếc.
 Làng mạc phương Nam gần nửa đã điêu tàn.
 Khi mặt trời lặn trên bãi cát có một đàn nhạn sà xuống.
 Ngóng chàng đã trông thấy những gì?
 Thấy trên đường cái quan hết đoàn đình lại đến trường đình.
- 325 Khoảng mây xa cây nước Ngô xanh,
 Phương trời cao núi nước Thục biếc.
 Vùng Bắc đổ lại lúa má một nửa là thành hoang.
 Mưa phùn, ở bên bờ sông có tiếng sáo thổi ở trên lầu.
 Ngóng chàng đã trông thấy những gì?
- 330 Thấy núi vắng không mà lá cây rụng thành đồng.
 Có hai con dã trĩ bỗng bay lên
 Có dây mai bên sông cành (đong đưa theo gió) như đang múa
 Mé đông khói lửa vẫn mờ mịt che không nhìn rõ.
 Gió thu thổi bật tiếng chim kêu thương.
- 335 Ngóng chàng đã trông thấy những gì?
 Thấy dòng nước sông Hà uốn cong như lưỡi câu
 Thấy bên trời vài bóng nhạn
 Thấy nơi bến xa chiếc thuyền về
 Mé tây, các cây tùng, cây thu tiếp liền ở phía xa vào đám
 cỏ rậm.
- 340 Kẻ hành dịch mờ bóng khuất vào bãi cỏ xanh.

Trông hết cùng trời đến cuối đất,
 Bao ngày lên lầu lại xuống lầu.
 Mây ngưng tụ ngăn che mắt tương tư
 Ngọc Quan, nơi chiến địa ấy ở chỗ nào?
 345 Thiếp tiếc không có được cái thuật rút đất của ông Trương Phòng.
 Thiếp tiếc không có được cái bùa của Tiên tử ném khăn làm cầu.
 Thiếp có lòng này cũng toan hóa đá
 Khóc cạn cả nước mắt lại lên lầu trông ngóng.
 Thiếp ngoảnh đầu trông ở chỗ bờ đê kia thấy sắc cây dương liễu
 350 Thì hỏi hận đã để chàng đi đánh giặc cầu ẩn phong hầu.
 Chẳng biết xa nhà ở ngoài ngàn dặm
 Lòng chàng có giống như lòng thiếp chẳng?
 Lòng chàng nếu cũng giống như lòng thiếp
 Thì thiếp cũng chẳng có điều gì để oán trách chàng nữa.
 355 Lòng thiếp như hoa hướng dương (thường hướng về phía
 mặt trời)
 Chỉ sợ lòng chàng như bóng sáng lướt qua rồi thôi.
 Nếu bóng sáng lướt qua rồi không trở lại,
 Thì hoa vì thiếu bóng sáng mà phải úa vàng.
 Hoa vàng lại ngoảnh cười bên ai đây?
 360 Bóng sáng nếu không chiếu trở lại.
 Hoa vàng lại vì bóng sáng mà phải già úa,
 Hoa vàng già úa rồi sẽ rụng đầy chân tường.
 Hoa rụng đến nay đã trải mấy sương
 Hoa lan trước sân kia đã hái
 365 Rau tần ngoài sông kia lại thơm
 Vén áo đi ra phía trước nhà
 Ngược mắt nhìn xem dải Ngân Hà ở bên trời
 Dải Ngân Hà lại có lúc sáng lúc mờ,
 Chòm sao Khúc cũng lúc hiện lúc ẩn.
 370 Đám mây nhỏ thường phảng phất bay lúc nhạt lúc nồng
 Chuôi sao Bắc Đẩu bỗng hạ thấp bỗng quay ngang.
 Trăng soi vào giường của ta
 Gió thổi vào bức tường của ta
 Mặt ngọc cùng với tấm thân càng ngày càng gầy kém.

- 375 Đấng trượng phu còn ở phương xa
 Xưa như hình với bóng
 Nay hóa là sao Sâm với sao Thương.
 Bên chàng mây phủ quanh ngựa Thanh phiêu
 Chỗ thiếp rêu mọc đầy hiên Hưởng điệp.
- 380 Gió xuân trong hiên ngày một hết.
 Đáng thương lẽ hết thời tiết tốt.
 Thời tiết tốt! Thời tiết tốt!
 Như hoa mẫu đơn Diêu vàng Ngụy tía vẫn cùng bén duyên với
 gió xuân.
 Thời tiết tốt! Thời tiết tốt!
- 385 Như đêm Chúc Nữ và Ngưu Lang gặp nhau trong đêm trăng sáng.
 Đáng thương người uống công giữ phòng không.
 Năm năm lẽ hết thời tiết tốt.
 Thời tiết tốt kia mau qua như chiếc thoi đưa,
 Đời người ta tuổi xuân dễ qua mau lắm
- 390 Huống nữa xuân buồn chưa tiêu, thu hận đã nối tiếp,
 Huống nữa sự vui sum họp lại ít mà sự ly biệt thường nhiều.
 Cái sầu ly biệt và mối hận mùa thu, hai điều ấy cứ mãi dày
 đọa thiếp.
 Thế thì phận bồ liễu xanh xanh phỏng được bao lâu.
 Thương tiếc hã, than thở hoài.
- 395 Chỉ sợ đến khi đầu bạc như Văn Quân mà thành thương
 tiếc hã.
 Chỉ sợ đến khi đầu hoa râm như Phan Lang mà thành than
 thở hoài.
 Thương tiếc để làm gì?
 Nhan sắc còn tươi như hoa mới nở
 Than thở để làm gì?
- 400 Bóng sáng đã qua đi không trở lại.
 Thương mệnh bạc, tiếc tuổi xanh
 Mơn mớn người vợ trẻ kia chẳng mấy chốc đã trở thành bà già.
 Gác xuân luôn nhớ khi được thừa tiếp chàng với nét mặt
 tươi cười.
 Lầu hoa còn ghi lại, lúc thiếp cỡi cái dải hương la,

- 405 Giận trời không để cho người được tùy tiện sống.
Việc ấy đến nay đã trở thành khó khăn cản trở.
Sự khó khăn cản trở ấy biết làm sao?
Cứ vì thiếp than thở lại vì chàng mà than thở.
Chàng không thấy: đôi chim uyên ương ở ngoài cánh đồng.
- 410 Cam lòng không nở chia rẽ ra hai nơi.
Lại không thấy: đôi chim én ở trên xà nhà.
Đầu bạc cũng không bao giờ quên sự quyến luyến nhau
Chim kiêu kia là giống vô tình
Cũng chấp cánh liền nhau suốt một đời.
Con cùng kia là loài vô tri,
Cũng kẻ nhau đi đến già không lìa xa nhau.
- 415 Cây liễu bên đường còn có chỗ liền thơ
Khóm sen dưới ao còn có lúc chung đài hoa.
Sao người ta sống ở đời lại xa nhau
Than ôi! Loài vật còn như thế
Ước gì được: trên trời làm đôi chim chấp liền cánh
420 Ở dưới đất làm đôi cây nối liền cành.
Thà cam chết mà thấy nhau
Không nở sống chịu chia lìa
Dẫu rằng chết cùng thấy nhau
Sao bằng sống cùng theo bên nhau.
- 425 Ước gì được: chàng không có ngày già,
Thiếp thường trẻ mãi
Thiếp xin làm cái bóng theo bên mình chàng.
Chàng có đi đâu thì cái bóng cũng không xa.
Chàng nương theo ánh sáng, thiếp rất mong điều ấy.
- 430 Mong chàng hãy đem lòng thấm như son ra giúp nước
Mong chàng hãy đem sức ra cứu dân được cứng như sắt.
Khi đói thì ăn đầu chúa rợ Nhục Chi
Khi khát thì uống máu chúa Thiên Vu
May sao giữa chỗ mũi gươm ngọn giáo ở Kỳ Môn kia.
- 435 Trời già có ý giúp cho bậc anh hùng.
Giúp cho bậc anh hùng được thành công trong trăm trận đánh giặc.
Chàng ruổi xe bốn ngựa đẹp yên được xứ Quan Đông,

Quan Đông và Quan Bắc từ nay không phải do truyền tin nữa
(bằng mũi tên có gắn thư ghi hiệu lệnh)

Đầu núi và cuối núi sớm treo cái cung mà ngồi nghỉ.

440 Mang màu chiến thắng, cờ tinh và cờ kỳ già từ bóng trắng
ngoài quan ải kia,

Hát khúc khải hoàn ca, các tướng sĩ trở về bỏ lại ngọn gió chốn
biên thù.

Hãy ghi công trên hòn đá ở núi Yên Nhiên.

Hãy dâng nạp đầu giặc ở trước cung Vị Ương.

Cung Vị Ương kia, vào chầu vua,

445 Hãy đem nước sông Ngân Hà để rửa giáo mác.

Đám từ nhân (ở Hàn lâm) làm bài bình Hoài.

Chốn nhạc phủ hát bài ca nhập Hán

Gác Lăng Yên kia tượng chàng treo kẻ Tần Thúc Bảo

Đài Kỳ Lân kia, tượng chàng sánh với Hoắc Phiêu Diêu.

450 Trời đất dài lâu còn mãi tờ khoán ước phong hầu.

Con được tước, vợ được phong, đó là cái nêu phúc lộc được hưởng.

Ngày này dầu có sầu

Đắc ý ấy ngày sau

Thiếp chẳng phải là người ngu như vợ chàng Tô,

455 Chàng cũng là một bậc tài trai ở đất Lạc Dương.

Chàng trở về nếu đeo quả ấn vàng

Thiếp chẳng khi nào ngồi yên trên khung cửi mà chẳng chạy ra
đón chào.

Thiếp xin vì chàng cởi cái áo bào kia,

Thiếp xin vì chàng chuốc chén rượu Lộ chi kia.

460 Vì chàng, thiếp xin chải mượt mái tóc mây kia

Vì chàng, thiếp xin trang điểm làn da ngọc kia

Đưa chàng xem cái khăn hoen lệ cũ

Đọc chàng nghe lời tự tình khi trước.

Những lời tự tình cũ này đổi ra thành câu văn mới.

465 Nói chuyện mới, kể chuyện cũ trước chén rượu.

Từ từ rót chén vơi,

Lần lần ngâm giọng thấp,

Rượu bồ đào kia cạn rồi lại rót

Bài tử lưu kia hát rồi lại hát.

470 Rót rượu cữu uẩn (rượu chín lần cất của tiên) ngâm thơ chung với nhau.

Cùng chàng kết chặt cái nhân duyên cũ

Sánh vai thành đôi cho đến khi già.

Bù lại những ngày chàng vì công danh mà phải ly biệt.

Nay cùng thương nhau, giữ nhau trong những năm thái bình.

475 Những năm thái bình mong được như thế mãi.

Nếu vậy thì chẳng bao giờ thiếp còn phải rơi lệ nữa.

Cùng nhau hẹn hò, cùng nói lời này:

“Than ôi! Bậc trượng phu phải nên làm như thế!”

CHINH PHỤ NGÂM DIỄN ÂM

AI LÀ DỊCH GIẢ?

Bài *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn – như đã nói ở phần trên – đã được các nhà Nho rất trân trọng, coi là một áng văn hay.

Về sau có một số người đã đem diễn âm theo thể *song thất lục bát* như bài hiện nay vẫn được truyền tụng là của Đoàn Thị Điểm.

Sự truyền tụng đã trải qua nhiều đời nên đã trở thành một niềm tin chung và cũng là một niềm tự hào cho nữ giới vì có được một bậc văn tài như vậy.

Cho đến cuối thế kỷ thứ XIX, văn bản *Chinh phụ ngâm* cũng chưa được khắc in hoặc đã được khắc in nhưng không còn lưu giữ được bản nào nên chỉ được truyền bá bằng cách sao đi chép lại và bằng lối truyền miệng.

Mãi đến đầu thế kỷ thứ XX, năm Nhâm Dần, Thành Thái thứ 14 (1902) nhà Nho Vũ Hoat mới cho khắc in bài *Chinh phụ ngâm* trong tập *Danh gia quốc âm* gồm ba bài: *Chinh phụ ngâm*, *Phan Trần* và *Cung oán ngâm khúc*.

Bài *Chinh phụ ngâm bị lục* được khắc in ở 34 tờ đầu, hàng tám; mỗi trang chia làm ba phần: giữa là Hán văn, dưới là diễn ca, trên là chú thích.

Vũ Hoat trong lời *bạt* đã cho rằng Đoàn Thị Điểm là người đã dịch *Chinh phụ ngâm* ra quốc âm. Ông viết:

“Nhớ xưa Đặng tiên sinh làm sách ấy. *Đoàn phu nhân* diễn ra quốc âm. Trải qua bao năm, càng lâu thì khắc lại càng sai. Bù chỗ sót chữa chỗ ngờ, thì lão này dẫu dăm.

May sao, có ông bạn người làng Xuân Canh, tỉnh Bắc Ninh, họ Bùi, tự Trọng Đài, vốn là một nhà đã nhiều đời đi học. Trong nhà ông, trử nhiều sách quý. Thấy lão ấy náy về sự *Chinh phụ ngâm* có chỗ sót và đáng ngờ, ông đã sao di cảo mà ông còn có, rồi ông đem cho lão.

Lão nghĩ rằng bản ấy bổ ích không ít. Cho nên dám đem khắc toàn biên, để đãi các quân tử đời sau.

Năm Giáp Thìn, ngày rằm tháng bảy

Lão già 63 tuổi, hàm chánh thất văn giai,

họ Vũ, hiệu THIÊN KHẨU THỦY, kính cẩn xin trình.”

(Hoàng Xuân Hân dịch)

Đến năm 1926, khi một người con cháu của dòng họ Phan Huy là Phan Huy Chiêm gửi thư cho Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến nói rằng *hiện nhà họ Phan còn giữ được bản chính Chinh phụ ngâm vừa chữ vừa Nôm* của Phan Huy Ích dịch thì vấn đề ai là dịch giả bèn được đặt lại.

Trên *Tạp chí Nam Phong* số 106, tháng 6 năm 1926 Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến có viết bài nói về *Phan Dụ Am tiên sinh văn tập*. Trong bài ấy ông có đưa ra bài thơ *ngẫu thuật* của Phan Huy Ích làm sau khi dịch xong bài *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn nguyên văn như sau:

*Nhân Mục tiên sinh Chinh phụ ngâm,
Cao tình dật diệu bá tử lâm.
Cận lai khoái trá tương truyền tụng,
Đa hữu thôi xao vi diễn âm.
Vận luật hạt cùng văn mạch túy,
Thiên chương tu hướng nhạc thanh tâm.
Nhàn trung phiên dịch thành tân khúc,
Tự tín suy minh tác giả tâm.*

Nghĩa là:

Bài Chinh phụ ngâm của Đặng tiên sinh người làng Nhân Mục (Mộc),

Tình cao diệu lạ đã được truyền bá khắp rừng văn.

Gần đây mọi người truyền tụng lấy làm thích thú lắm.

Đã có nhiều người cố tìm cách diễn ra quốc âm

Nhưng theo về âm luật thì dịch sao cho hết được cái tinh túy trong mạch văn.

Vậy phải theo từng thiên chương và hiệp với âm nhạc mà diễn ra thì mới được.

Nay nhân buổi nhàn hạ, ta dịch ra thành khúc mới (tân khúc).

Chắc tin rằng đã suy minh được lòng tác giả.

Ông Đông Châu lại yêu cầu ông Phan Huy Chiêm *hãy cho công bố bản diễn Nôm* của Phan Huy Ích để mọi người được biết nhưng ông Chiêm đã không công bố.

Tiếp theo sau đó, Trúc Khê Ngô Văn Triện, trên *Tiểu thuyết thứ bảy* số 4, tháng bảy năm 1944 và Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm trên *Tạp chí Tri Tân* số 113, ra ngày 23 tháng 9 năm 1943 cũng đã bàn thêm về vấn đề *Ai là dịch giả Chinh phụ ngâm?*

Hoa Bằng lại yêu cầu các con cháu nhà họ Phan *nên công bố bản dịch của ông Phan Huy Ích ra để gỡ cho xong một mối ngờ lớn về văn học này.*

Nhưng, mặc dầu có lời yêu cầu ấy của Hoa Bằng, ông Phan Huy Chiêm vẫn không công bố được.

Có thể là nhà họ Phan chỉ căn cứ vào bài thơ ngẫu thuật của Phan Huy Ích mà nói như ở trên thôi chứ thực ra gia đình, con cháu đã không còn giữ được bản Nôm nào để công bố.

Nếu muốn cho rằng Phan Huy Ích là *dịch giả Chinh phụ ngâm* thì cũng phải có bằng cứ hẳn hoi chứ không thể chỉ dựa vào mỗi một bài thơ ngẫu thuật như vậy được.

Năm 1953, ông Hoàng Xuân Hãn cho xuất bản một công trình viết rất công phu, nhan đề: “Chinh phụ ngâm bị khảo” trong đó ông khẳng định rằng bản dịch lâu nay thông dụng là của Phan Huy Ích.

Đến năm 1964, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội cho in quyển *Chinh phụ ngâm* do Lại Ngọc Cang khảo thích và giới thiệu.

Ông Lại Ngọc Cang có ý dựa vào thuyết của Hoàng Xuân Hãn cho rằng Phan Huy Ích là *dịch giả Chinh phụ ngâm*.

Trong lời nói đầu, ông đã cho biết: “Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã cố gắng làm việc hết sức mình, mặt khác cũng đã nhận được nhiều sự giúp đỡ quý báu. Ngoài ông Phan Huy Sứ và một số người khác trong họ Phan Huy đã vui lòng cho biết mọi điều cần thiết trong dịp chúng tôi về Sài Sơn, tháng 7 năm 1961, đồng đảo các vị và các bạn trong và ngoài giới nghiên cứu văn học... đã tận tình góp cho nhiều ý kiến bổ ích...”

Thêm vào đó, các công trình phát hiện và nghiên cứu về Chinh phụ ngâm từ trước đến nay, nhất là cuốn Chinh phụ ngâm bị khảo của ông Hoàng Xuân Hãn, đã làm cho công việc của chúng tôi được dễ dàng hơn nhiều”.

Lại Ngọc Cang ở đầu sách đã theo Hoàng Xuân Hãn mà coi Phan Huy Ích là dịch giả bản dịch *Chinh phụ ngâm* hiện hành. Ông đã cho rằng:

“Dù sao, với bản dịch *Chinh phụ ngâm* hiện hành, chẳng những Phan Huy Ích đã “*vạch rõ được tấm lòng của tác giả*” như ông đã tự tin, mà còn có những sự sáng tạo đáng kể, phát huy được sâu rộng hơn nữa tác dụng, giá trị của tác phẩm”.

Tới đây, chúng tôi tưởng Lại Ngọc Cang đã dứt khoát theo Hoàng Xuân Hãn, nhưng sau đó ông lại thay đổi lập trường mà cho rằng:

“Việc coi Phan Huy Ích là dịch giả Chinh phụ ngâm có phần hơi sớm, vì đây mới chỉ là giả thuyết”.

và ông đã viết rằng:

“Trong khi chờ đợi các công trình nghiên cứu đáng tin hơn¹, người soạn (Lại Ngọc Cang) sẽ coi bản dịch Chinh phụ ngâm hiện hành như là một dịch phẩm hãy còn *khuyết danh*, chưa dứt khoát nên ghi rõ tên Phan Huy Ích hay Đoàn Thị Điểm”.

1. Từ trang này về sau, tức từ trang 94 đến cuối sách.

Chủ trương này thì cũng là chủ trương của Hoa Bằng đã đề nghị: “Trong khi chưa đủ chứng cứ mà phán đoán cái án văn học này vì chưa tìm được những nguồn chắc chắn để quả quyết bản dịch Chinh phụ ngâm hiện đang thông hành là của bà Đoàn Thị Điểm thì, thiết tưởng ta nên để “KHUYẾT DANH” ở bản dịch”¹.

Đến năm 1970, ông Nguyễn Văn Xuân đã tìm được ở Huế tập *Tân khắc Chinh phụ ngâm diễn âm từ khúc*. Quyển này gồm có:

Trang 1 đề: Gia Long thập tứ niên cốc nguyệt cát nhật. TÂN KHẮC CHINH PHỤ NGÂM DIỄN ÂM TỪ KHÚC Chính Trực đường.

Trang 2 đề: Tân san *Chinh phụ ngâm từ khúc* tự.

Trang 3 đề: *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc* nguyên tự.

Bài nguyên tựa chỉ có hai trang, mất trang tiếp theo nên không biết là của ai viết ra.

Trang 7 cho đến trang 32 là phần chép toàn bài *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc*.

Tuy bài “nguyên tựa” bị mất trang cuối, nhưng Nguyễn Văn Xuân vẫn cho đó là của Phan Huy Ích. Ông đã giải thích “*Tại sao biết đó là Tựa của Phan Huy Ích?*”:

“Sở dĩ tôi biết chắc chắn là của Phan Huy Ích vì nội dung của bài tựa giống hệt với tất cả những gì mà con cháu họ Phan cùng các nhà văn ở miền Bắc đã cho biết từ năm 1926”.²

Ông tin chắc như vậy, nên đã gửi ngay cho Hoàng Xuân Hãn, tác giả “*Chinh phụ ngâm bị khảo*” mấy trang đầu của tập sách.

Ngày 5-5-1970, Hoàng Xuân Hãn đã trả lời ông như sau:

“Vừa nhận được bức thư ông báo tin đã tìm được bản TÂN SAN CHINH PHỤ NGÂM DIỄN ÂM TỪ KHÚC tôi hết sức mừng, và lập tức viết vài dòng về cảm ơn ông đã cho biết tin và đã gửi cho ba bức ảnh của bốn trang đầu.

Sự hiện hữu của bản sao này thật là quý và làm ngạc nhiên.

Thật rõ ràng đã có bản in năm đời Gia Long và nay không còn dấu vết trước khi thấy bản sao này! Tôi đã đọc kỹ bài nguyên tự. Rất tiếc rằng đã mất phần sau, vậy mất phần lạc khoản: năm, tháng, ngày và tên ký, nhưng đúng như ông đã đoán, chắc chắn rằng tác giả là Phan Huy Ích. Về thời điểm và sự kiện thì câu: “*Giáp Tý sơ xuân dư phụng ứng hầu sử sự tại Bắc Thành*”³ và “*đúng vào cảnh ngộ Phan Huy Ích*”.

1. Dịch phẩm “*Chinh phụ ngâm*” phải chăng của bà Đoàn Thị Điểm?

2. C.P.N.D.A.T.K. trang 33.

3. C.P.N.D.A.T.K. trang 45 - 46.

4. Nguyễn Văn Xuân đã chú thích: “*Sơ xuân Giáp Tý (1804) tôi phụng mệnh ứng hầu việc sứ (giữa ta và Trung Quốc) ở Bắc Thành, Hà Nội*”.

Chúng tôi cũng nhận thấy Nguyễn Văn Xuân đã có lý.

Cuối năm Quý Hợi (1803) Tổng trấn Bắc Thành đã triệu Phan Huy Ích ra để hỏi ý kiến về việc đón sứ thần nhà Thanh.

Sự việc này cũng trùng hợp với điều đã được ghi trong bản *nguyên tựa* của bản *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc* khắc in năm Gia Long thứ 14 (1815):

“Sơ xuân năm Giáp Tý (1804), tôi phụng mệnh ứng hầu việc sứ tại Bắc Thành (Hà Nội) trong lúc nhàn muộn, giở sách cũ ra đọc, nhân ngứa nghề, mới lấy nguyên ngâm kiểm điểm thật kỹ lưỡng, có câu rút ngắn, có ý kéo dài, đều dùng từ khúc cộng hai trăm lẻ bốn liên (408 câu). Tôi chỉ cốt ý cho rõ tinh thần lý mạch của nguyên tác, kẻ đọc sẽ lấy làm thỏa thích, chứ không có ý cạnh tranh...”

Hơn nữa, qua sự trình bày về cách diễn âm, chúng ta cũng thấy cùng một ý với trong bài thơ *Ngẫu hứng*:

*Vận luật hạt cùng văn mạch túy,
Thiên chương tu hướng nhạc thanh tâm.
Nhàn trung phiên dịch thành tân khúc,
Tư tín suy minh tác giả tâm.*

(Theo về âm luật thì dịch sao cho hết được tinh túy trong mạch văn. Vậy phải theo thiên chương và hiệp với âm nhạc mà diễn ra mới được. Nay nhàn buổi nhàn đã dịch ra thành khúc mới. Chắc tin rằng suy minh được bụng của tác giả).

Nếu tiếp tục xem thêm trong *Dự Am ngâm tập* của Phan Huy Ích chúng ta sẽ thấy vấn đề được sáng tỏ hơn.

Dự Am ngâm tập là bộ sách chép khá đầy đủ các thơ văn của Phan Huy Ích, gồm 6 quyển. Quyển thứ VI nhan đề là *Vân du tùy bút*, gồm những bài làm từ năm Giáp Tý (1804) đến năm Giáp Tuất (1814).

Trong tập ấy có bài “*Sách phong lễ hoàn kỷ sự*” (Ghi việc làm lễ sách phong đã xong) và bài “*Tân diễn Chinh phụ ngâm khúc thành ngẫu thuật*”.

Đối chiếu với bài *nguyên tựa* trong *Chinh phụ ngâm khúc* của Chính Trực đường, chúng ta cũng thấy có nói đến việc “phụng mệnh ứng hầu việc sứ tại Bắc Thành năm Giáp Tý (1804) và cũng thấy nói đến trong lúc nhàn muộn mới đem nguyên ngâm ra dịch thành tân khúc dài hai trăm bốn liên (tức 408 câu).

Điều đáng nói hơn cả là trong 408 câu ấy có 17 câu khác hẳn với các bản *Chinh phụ ngâm* đã in mà lại giống hẳn với những câu trong bản của gia đình Phan Huy đã gửi cho Hoàng Xuân Hãn.

Rượu rồi múa cán Long Tuyền.

(c.35)

*Nước mắt rơi vì ca quyên gióng,
Lá gan mềm bởi trống tiêu khua.*

Võ vàng đối khác hình thù,
Nỗi khuê ly biết mùi chua đường này.
(c.249 - c.252)

Bến Mọc che ngọn tân rữa nước,
Trông cỏ xanh dâu lục ngút xa.
Nam thôn gió bụi mấy nhà,
Đàn âu lộ dựng bình sa lúc chiều.
Đường dập dìu thảo đình mấy nóc,
Trông cây ngô, núi Thục bên mây.
Bắc thành ngọn lúa chen dày,
Dịch trên lầu thối, mưa xây thét dài.
(c.273 - c.280)

Non đông thấy lá rơi đầy đóng,
Trĩ dập dìu mai cũng nhớn nhor
Ngàn khơi khói tỏa mịt mờ,
Con chim bạt gió lo bì năm kêu.
(c.281 - c.284)

Hoàng Xuân Hãn khi chưa có bản *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc* chỉ nhận định rằng:

“Tôi cũng đã kể những lẽ chứng thật sự ấy¹. Trong đó lẽ chính là người họ Phan còn giữ được bản cũ bài diễn ca. Nếu bài ấy cũng y hẵn như bài ta biết, thì ta còn có thể nghĩ rằng người họ Phan đã tự gán bài kia cho ông tổ mình. Nhưng bài ấy có mười ba vế khác hẳn loại thường, khác mà lại kém hay. Không lẽ rằng họ Phan đã tự chữa ra như vậy. Thế đủ chứng minh rằng bản của người họ Phan là nguyên thoại của Phan Huy Ích”.

(C.P.N.B.K. trang 50)

Nay Nguyễn Văn Xuân đã tìm được bản khắc in (chép lại) từ năm Gia Long thứ 14 (1815) mà những câu khác hẳn kia lại giống hẳn với những câu trong bản của gia đình họ Phan thì chúng ta có thể tin được là bản dịch *Chinh phụ ngâm khúc* hiện hành (tức bản A trong quyển *Chinh phụ ngâm bị khảo*) là của Phan Huy Ích, còn bản B hoặc bản C trong *Chinh phụ ngâm bị khảo* mà Hoàng Xuân Hãn đã sưu tầm được thì là của Đoàn Thị Điểm.

Vậy xin tạm kết luận là bản dịch *Chinh phụ ngâm* hiện hành là của Phan Huy Ích.

1. Tức là sự “tương lầm bài dịch *Chinh phụ ngâm khúc* là của Đoàn Thị Điểm.”

PHAN HUY ÍCH

(1751 - 1822)

Phan Huy Ích có quê tổ ở làng Thu Hoạch, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Thân phụ là Phan Huy Cẩn, đậu Tiến sĩ năm 1754, ra làm quan ở Thăng Long rồi định cư ở làng Thụy Khuê, huyện An Sơn, xứ Sơn Tây (nay là ở huyện Quốc Oai thuộc tỉnh Hà Tây).

Ông sinh năm 1751. Lúc nhỏ, rất thông minh. Năm 22 tuổi đậu Hương cống trường Nghệ An. Năm 25 tuổi (1775) đậu Hội nguyên (Tiến sĩ).

Năm 1785 ông được bổ làm Đốc đồng ở Thanh Hóa. Sau khi Trịnh Bồng lên ngôi Chúa (Yên Đô Vương), ông được sung chức Tán lý quân vụ ở Thanh Nghệ để chống lại quân của Nguyễn Hữu Chỉnh ở Nghệ An. Năm 1787, ông bị Nguyễn Hữu Chỉnh bắt nhưng lại được dùng vào việc hàn lâm. Khi Chỉnh bị quân Tây Sơn giết, ông phải đi ẩn tránh.

Năm 1788, Nguyễn Huệ cho tìm ông và dùng ông làm Thị lang Bộ Hình và ban tước hầu. Khi Nguyễn Huệ xưng đế, hiệu Quang Trung, ông được cử đi sứ ở Bắc Kinh cùng Ngô Thời Nhậm (1789). Khi trở về, ông được cử làm Thị trung Ngự sử.

Khi vua Cảnh Thịnh bị Nguyễn Ánh đánh bại, ông lại phải trốn tránh.

Buổi đầu đời Gia Long, ông tuy bị làm nhục (bị đánh đòn và bị sa thải), nhưng về sau Tổng trấn Bắc Thành là Nguyễn Văn Thành biết tài ông, lại cho gọi ra giúp về từ hàn trong cuộc đón tiếp sứ nhà Thanh (1803). Chính trong thời gian này, những lúc nhàn rỗi, ông đã dịch bài *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn.

Sau ông xin về an dưỡng ở làng Thụy Khuê và mất năm 1822, thọ 72 tuổi.

Tác phẩm thơ văn chữ Hán của ông nay còn hai tập *Dụ Am ngâm lục* và *Dụ Am văn tập*.

VẤN ĐỀ KHẢO ĐỊNH VÀ CHÚ GIẢI CHINH PHỤ NGÂM

Bản *Chinh phụ ngâm* diễn âm tân khúc hiện nay đã được coi là của Phan Huy Ích. Điều này chưa được tất cả mọi người chấp nhận, nhưng chúng tôi xét thấy công trình nghiên cứu và sưu tầm của Hoàng Xuân Hãn và Nguyễn Văn Xuân đã có những chứng cứ khá cụ thể. Vậy xin được ghi tên Phan Huy Ích là dịch giả của bản hiện được lưu hành.

Bản hiện được lưu hành là bản đã qua sửa chữa của nhiều người vì sự phổ biến được diễn ra phần lớn bằng lối sao chép từ người nọ qua người kia và bằng lối truyền miệng. Người ta học thuộc lòng và rồi cứ đọc cho nhau, nếu chỗ nào không thuận miệng thì lại sửa lại. Do đó, bản *Chinh phụ ngâm* càng về sau càng mất đi những chữ cổ và trở thành hiện đại.

Vấn đề **khảo định** bài *Chinh phụ ngâm* cũng rất phức tạp:

– Nếu khôi phục các *chữ cổ* thì lại xa lạ với người đọc vốn đã quen với bản lưu hành.

– Nếu theo bản lưu hành thì lại phạm vào nguyên tắc khảo định, không tôn trọng nguyên bản.

Chúng tôi đành phải dung hòa, nếu chỗ nào ở bản lưu hành mà sai hẳn nghĩa với nguyên tác của Đặng Trần Côn thì chúng tôi phục hồi lại *chữ cổ*, nếu chỗ nào ở bản lưu hành mà hợp nghĩa và hay hơn ở bản diễn âm thì chúng tôi cứ để nguyên.

Điều này cũng không khác gì ở trong *Truyện Kiều* có nhiều chữ ở bản Nôm viết một đằng mà các bản Quốc ngữ lại chép theo một nẻo, theo sự sửa chữa của những người ái văn.

Thí dụ như câu 6: “*Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen*”, các bản Nôm viết 𠵿 (với) nhưng các bản Quốc ngữ ngày nay cứ chép là “thói”.

Câu 247: “*Sầu đông càng lắc càng đầy*”, các bản Nôm hoặc chép là “*Sầu đông càng khắc càng đầy*” hoặc chép là “*Sầu đông càng gạt càng đầy*” hoặc nữa là “*Sầu đông càng khắc càng chầy*” nhưng các bản Quốc ngữ hầu hết cứ chép là “*Sầu đông càng lắc càng đầy*”.

Thế thì việc phục hồi lại nguyên bản diễn âm cũng là một vấn đề khó thực hiện, do đó chúng tôi đã dựa theo một số bản Nôm và Quốc ngữ rồi lập

lại một văn bản có thể được nhiều người chấp nhận, nhưng chúng tôi *tuyệt đối không đặt ra một chữ mới nào*.

Các bản chữ Nôm và Quốc ngữ mà chúng tôi dùng làm tài liệu để khảo dị gồm có:

– **Bản Nôm:**

Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc

Chính Trực đường

Chinh phụ ngâm diễn ca

Tân Việt

(bản viết tay)

– **Bản Quốc ngữ:**

Chinh phụ ngâm khúc dẫn giải

Nguyễn Đỗ Mục

Chinh phụ ngâm

Nguyễn Quang Oánh

Chinh phụ ngâm bị khảo

Hoàng Xuân Hãn

Sau khi đã đọc và so sánh các bản *Chinh phụ ngâm* kể trên, chúng tôi đã làm khảo đính để lập lại văn bản.

Ở trên chúng tôi đã nói về **khảo đính** còn về **chú giải** thì vấn đề này có phần đỡ phức tạp hơn. Chúng tôi phải nói ngay là đã thừa hưởng được rất nhiều ở những người đi trước, nhưng chúng tôi cũng cố tìm hiểu thêm cho được chính xác hơn.

CÁC BẢN CHINH PHỤ NGÂM KHÚC

Bài *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn đã được nhiều người dịch hoặc phỏng dịch. Vấn đề này chúng tôi đã nói trong phần “Ai là dịch giả?”.

Trong phần này chúng tôi chỉ nói về các ấn bản *Chinh phụ ngâm khúc* bằng chữ *Nôm* hoặc bằng chữ *Quốc ngữ* đã được in ra từ trước đến nay và hiện còn lưu giữ được.

Chữ Nôm:

- | | |
|--|---|
| 1. <i>Chinh phụ ngâm bị lục</i>
(Danh gia quốc âm) | Long Hòa, Hà Nội, 1902 |
| 2. <i>Chinh phụ ngâm</i> | Trường Thịnh đường
Hà Nội (không ghi năm in) |
| 3. <i>Chinh phụ ngâm bị lục</i>
(Danh gia quốc âm) | Liễu Văn đường
Hà Nội, 1922 |
| 4. <i>Chinh phụ ngâm diễn ca</i>
(Bản viết tay in trong <i>Chinh phụ ngâm khúc</i> của Tôn Thất Lương dẫn giải và chú thích) | Tân Việt - lần in thứ ba
Sài Gòn, 1953 |
| 5. <i>Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc</i> .
(Bản viết tay in trong <i>Chinh phụ ngâm tân khúc</i> do Nguyễn Văn Xuân sưu tầm) | Lá Bối, Sài Gòn, 1972 |

Chữ Quốc ngữ:

- | | |
|--------------------------|--|
| 1. <i>Chinh phụ ngâm</i> | Xuân Lan
Văn Minh. In lần thứ ba.
Hà Nội - Hải Phòng, 1913 |
| 2. <i>Chinh phụ ngâm</i> | Nguyễn Hữu Tinh
Vĩnh Thành. In lần thứ hai
Hà Nội, 1922 |

- | | |
|--|---|
| 3. <i>Chinh phụ ngâm</i> | Cao Đình Nam
Khương Hữu Trim.
In lần thứ hai
Bến Tre, 1929 |
| 4. <i>Chinh phụ ngâm khúc dẫn giải</i> | Nguyễn Đỗ Mục
Tân Dân. In lần thứ nhất
Hà Nội, 1929
Tái bản trong Tủ sách
Tao Đàn
Hà Nội, 1942 |
| 5. <i>Chinh phụ ngâm khúc</i>
(Ngâm khúc) | Nguyễn Quang Oánh
Vĩnh Hưng Long.
In lần thứ nhất
Hà Nội, 1930 |
| 6. <i>Chinh phụ ngâm dẫn giải</i> | (?)
Ngày Mai, Hà Nội, 1949 (?) |
| 7. <i>Chinh phụ ngâm giảng luận</i> | Thuần Phong
Lê Văn Cang.
In lần thứ nhất.
Sài Gòn, 1951 |
| 8. <i>Chinh phụ ngâm bị khảo</i> | Hoàng Xuân Hãn
Minh Tân. In lần thứ nhất
Paris, 1953 |
| 9. <i>Chinh phụ ngâm diễn ca</i> | Hoàng Xuân Hãn
Minh Tân, Paris, 1954 |
| 10. <i>Chinh phụ ngâm</i> | Lại Ngọc Cang
Văn Học. In lần thứ nhất
Hà Nội, 1964 |
| 11. <i>Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc</i> | Nguyễn Văn Xuân
Lá Bối. In lần thứ nhất
Sài Gòn, 1972 |
| 12. <i>Chinh phụ ngâm diễn ca</i> | Nguyễn Thạch Giang
Văn Học, Hà Nội, 1987 |

Trong số các ấn bản *Chinh phụ ngâm khúc* kể trên, chúng tôi xin nói về mấy bản có giá trị hơn cả về mặt tham khảo:

1. Bản Trường Thịnh

Bản này được phường Hàng Gai đem khắc bán nhưng không ghi năm tháng in. Theo Hoàng Xuân Hãn thì “*chắc chắn là cuối đời Tự Đức đã có bản khắc*”, vì “Thư viện Trường Đông phương Sinh ngữ tại Paris trước có một bản in, đem về khoảng ấy”.

Bản này khổ nhỏ 11,5cm x 17 cm gồm 19 tờ hàng 10, có thể đã được khắc theo một bản Nôm cổ.

2. Bản Long Hòa

Bản này do Vũ Hoạt, hiệu Thiên Khẩu Thủy cho khắc in và do hiệu Long Hòa ở 93 Hàng Thiếc Hà Nội xuất bản.

Trong lời bạt, Vũ Hoạt cho biết đã được một người bạn họ Bùi, tự Trọng Đài, quê làng Xuân Cảnh tỉnh Bắc Ninh sao cho *di cảo* mà gia đình họ còn giữ được.

Ông còn giới thiệu: “*Nhớ xưa Đặng tiên sinh làm sách ấy, Đoàn phu nhân diễn ra quốc âm*”. Như vậy bản này đã ghi dịch giả bài *Chinh phụ ngâm khúc* là Đoàn Thị Điểm.

Nếu so toàn bài in trong bản Long Hòa với bản Trường Thịnh thì hai bản cũng chỉ khác nhau về tiểu tiết thôi, có thể do Vũ Hoạt đã sửa chữa dựa theo bản Hán văn.

3. Bản Nôm *Chinh phụ ngâm diễn ca* (viết tay) in trong *Chinh phụ ngâm khúc* của Vân Bình Tôn Thất Lương dẫn giải và chú thích.

Bản Nôm này viết theo kiểu chữ thảo, khá đẹp. Vân Bình Tôn Thất Lương đã cho in ở phần cuối sách để làm tài liệu tham khảo nhưng khi đem đối chiếu với bản Quốc ngữ thì lại có nhiều chỗ không đúng với phần chữ Nôm.

Bản Nôm in trong quyển *Chinh phụ ngâm khúc* của Nhà xuất bản Tân Việt tuy có nhiều khác biệt nếu so với bản Quốc ngữ của Tôn Thất Lương sao lục (có thể là theo bản Nguyễn Quang Oánh phiên âm hoặc bản Nguyễn Đỗ Mục) nhưng cũng là một bản Nôm có giá trị vì có thể giúp chúng ta cải chính được một vài chữ mà các bản Nôm hoặc Quốc ngữ khác đã sai lầm.

4. Bản Nôm in trong *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc* của Lá Bối xuất bản.

Bản Nôm này, Nguyễn Văn Xuân đã tìm được ngày 14 tháng 3 năm 1970 (mồng 7 tháng giêng năm Canh Tuất) trong tủ sách một bà chúa tiếng tăm ở Huế. Bản này dài 408 câu vì không có 4 câu:

*Mảnh trăng tỏ thường soi bên gối,
Bừng mắt trông sương gội cành khô.
Lạnh lòng thay bấy chiều thu,
Gió may hiu hắt trên đầu tường vôi.*

(c.317 - 320)

Theo tờ bìa ngoài thì bản này được chép lại từ một bản đã được khắc in từ năm Gia Long thứ 14 (1815) do *Chính Trực đường hiệu tử* nhưng không biết rõ ai là dịch giả vì trang cuối của nguyên tựa bị rách mất. Nguyễn Văn Xuân cho bản dịch này là của Phan Huy Ích vì nội dung bài tựa¹ giống hệt với tất cả những gì mà con cháu họ Phan cùng các nhà văn ở miền Bắc đã cho biết từ năm 1926. Điều này cũng có thể tin được vì² bài dịch này lại có những câu giống với bản của gia đình họ Phan Huy trao cho Hoàng Xuân Hãn và không giống với bất cứ bản nào khác.

5. Bản *Chính phụ ngâm khúc dẫn giải* của Nguyễn Đỗ Mục.

Bản này có nguyên văn bản chữ Hán của Đặng Trần Côn. Nguyễn Đỗ Mục có dịch âm dịch nghĩa và chú thích. Bản diễn âm sang chữ Nôm đã được Nguyễn Đỗ Mục phiên âm sang chữ Quốc ngữ nhưng không thấy nói đã dựa theo bản Nôm nào. Có thể ông đã dựa vào bản Trường Thịnh (vì chỉ dài có 408 câu) và cũng có tham khảo cả bản *Long Hòa* nên có những câu giống với bản này lại có những câu giống bản kia. Ông lại không theo hẳn các bản để phiên âm nên có những chữ cổ đã được chữa lại theo văn mới về sau cho dễ hiểu hơn.

6. Bản *Chính phụ ngâm* của Nguyễn Quang Oánh chú giải.

Bản này có nguyên văn bản chữ Hán của Đặng Trần Côn nhưng chỉ có phiên âm mà không có dịch nghĩa và chú giải như bản của Nguyễn Đỗ Mục. *Bản này không có in kèm bản Nôm như Lại Ngọc Cang đã giới thiệu*³.

Nguyễn Quang Oánh cũng không cho biết đã phiên âm theo bản Nôm nào nhưng căn cứ vào tổng số câu (412 câu) thì có thể biết ông đã theo bản Long Hòa.

Bản này được chú thích rõ ràng nên cũng đáng kể là một bản tốt để tham khảo.

1. "Sơ xuân năm Giáp Tý (1804) tôi phụng ứng hầu việc sứ tại Bắc Thành, trong lúc nhàn muộn dỡ sách cũ ra đọc nhân ngứa nghề mới lấy nguyên ngâm, kiểm điểm thật kỹ lưỡng, có câu rút ngắn, có ý kéo dài, đều dùng từ khúc cộng hai trăm bốn liên (408 câu). Tôi chỉ cốt cho rõ tinh thần lý mạch của nguyên tác, kẻ đọc sẽ lấy làm thỏa thích, chứ không có ý cạnh tranh..."

2. Cuối năm 1803, vua Gia Long lại đòi Phan Huy Ích ra để hỏi han về việc tiếp sứ Thanh tới phong. Ông lại một phen đem văn tự ra giúp việc bang giao cho triều mới. CPNBK. Trang 47.

Sau đó, Huy Ích có làm bài *Sách phong lễ hoàn kỷ sự* CPNDÂTK. Trang 41.

3. Chắc Lại Ngọc Cang đã không có bản này vì không thấy ghi trong phần sách tham khảo.

7. *Chinh phụ ngâm khúc* giảng luận của Thuần Phong.

Bản này gồm hai phần: phần *khảo luận* (từ trang 15 đến trang 146) và phần *dẫn giải Chinh phụ ngâm khúc* (từ trang 149 đến trang 250).

Trong phần *khảo luận*, Thuần Phong có đặt vấn đề “Ai là dịch giả” bài *Chinh phụ ngâm khúc* của Đặng Trần Côn và có khảo chứng qua các sách báo để đi đến kết luận rằng: “Bà Đoàn Thị Điểm chính là tác giả của bản *Chinh phụ ngâm khúc* diễn Nôm hiện hành”.

Trong phần *dẫn giải Chinh phụ ngâm khúc*, Thuần Phong có làm khảo dị nhưng không ghi rõ là bản nào nên thiếu chính xác. Người đọc cũng không thể kiểm chứng lại được. Hơn nữa văn bản cũng không có ghi là đã được phiên âm từ bản nào nên việc nghiên cứu về văn bản cũng thiếu hẳn cơ sở khoa học.

Nếu tính theo số câu thì bản này dài 412 câu như bản Long Hòa và có thể Thuần Phong đã dựa vào bản Quốc ngữ của Nguyễn Quang Oánh để lập lại văn bản vì trong phần sách tham khảo ông đã không sưu tầm được một bản Nôm nào, nhưng đây cũng là bản dẫn giải tốt, đáng được dùng làm tài liệu tham khảo.

8. *Chinh phụ ngâm bị khảo* của Hoàng Xuân Hãn. Đây là một quyển sách biên khảo công phu. Soạn giả đã sưu tầm được 4 bài diễn Nôm:

- Bài A: soạn giả cho là của Phan Huy Ích
- Bài B: soạn giả cho là của Đoàn Thị Điểm
- Bài C: soạn giả đoán là của Nguyễn Khản
- Bài D: soạn giả ghi là vô danh

và 3 bài phỏng dịch:

- Bài E: của Bạch Liên Am Nguyễn
- Bài F: Vô danh
- Bài G: Vô danh

Soạn giả sau khi nghiên cứu về các bản sưu tầm được đã có nhận xét:

“Theo tục truyền, rồi theo các sách giáo khoa, chúng ta đã yên trí rằng áng văn ấy là của một thiếu phụ có danh nhất trong làng văn nước ta: Hồng Hà nữ sĩ Đoàn Thị Điểm. Thế mà sự thực lại khác. Tác giả bài văn Nôm nổi tiếng kia là Phan Huy Ích, một danh nhân đời Lê mạt và đời Nguyễn Tây Sơn”. (Tựa trang 3)

Soạn giả đã căn cứ vào bài thơ của Phan Huy Ích làm sau khi đã dịch bài *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn. Soạn giả cũng có nhận được của gia đình họ Phan bài dịch *Chinh phụ ngâm*, nhưng chỉ là bản đã được phiên âm sang Quốc ngữ chứ không phải là bản Nôm. Bản dịch ấy có 13 câu khác hẳn với các bản Nôm và Quốc ngữ khác.

Hoàng Xuân Hãn cho đó là bằng chứng đủ tin rằng bản của gia đình họ

Phan là nguyên bản của Phan Huy Ích dịch.

Nhưng nhiều người còn ngỡ vực vì gia đình Phan Huy không đưa ra được bản *chữ* và bản *nôm* như Phan Huy Chiêm đã nói với Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến.

9. *Chinh phụ ngâm* Lại Ngọc Cang khảo thích và giới thiệu.

Bản này gồm có hai phần: phần *khảo luận* (từ trang 9 đến trang 147), và phần *văn bản* từ trang 151 đến trang 381, (có in cả 4 bài A, B, C, D trong *Chinh phụ ngâm* bị khảo) có hiệu đính và chú thích bản dịch hiện hành. Bản dịch hiện hành, trong đoạn mở đầu phần khảo luận, Lại Ngọc Cang đã có ý nghiêng về thuyết của Hoàng Xuân Hãn mà cho Phan Huy Ích là dịch giả. Nhưng rồi ông lại do dự mà tỏ bày ý kiến rằng: “*Song hình như kết luận này¹ có phần hơi sớm vì đây mới chỉ là một giả thuyết. Vậy trong khi chờ đợi các công trình nghiên cứu đáng tin hơn, từ trang này² trở về sau, người soạn sẽ coi bản dịch Chinh phụ ngâm hiện hành như là một dịch phẩm hãy còn KHUYẾT DANH, chưa dứt khoát nên ghi rõ tên Phan Huy Ích hay Đoàn Thị Điểm*”.

Có thể nói bản *Chinh phụ ngâm* của Lại Ngọc Cang khảo thích và giới thiệu cũng là một bản có giá trị đáng được dùng làm tài liệu tham khảo.

10. *Chinh phụ ngâm* diễn âm tân khúc

Bản này do Nguyễn Văn Xuân sưu tầm được vào ngày 14 tháng 3 năm 1970 (mồng 7 tháng Giêng năm Canh Tuất).

Nếu theo tờ bìa chép lại thì bản này đã được khắc in từ năm *Gia Long thứ 14* (1815) do Chính Trực đường hiệu tử³ và đã được chép lại cẩn thận như là in vậy.

Bản này có hai bài tựa:

- Bài *tựa* của nhà khắc in Trung Hòa hiệu (có dấu ấn của Chính Trực đường hiệu tử và Trung Hòa hiệu đồ thư) cho biết năm khắc in: Ất Hợi (1815).
- Bài *nguyên tựa* của dịch giả cho biết đã dịch *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn vào năm Giáp Tý (1804) lúc phụng mệnh ứng hầu việc sứ tại Bắc Thành.

Vì trang cuối của bài tựa bị rách mất nên không biết người viết bài tựa, tức dịch giả là ai.

Nguyễn Văn Xuân cho rằng người viết bài tựa này là Phan Huy Ích vì nội dung *bài tựa* giống hệt với tất cả những gì mà con cháu họ Phan cùng các nhà văn ở miền Bắc đã cho biết từ năm 1926.

Theo chúng tôi nghĩ thì ngoài các lý do mà ông Nguyễn Văn Xuân đã nêu còn có một chứng cứ nữa đáng để chúng ta tin: đó là những câu thơ ở hai bản

1. Tức kết luận Phan Huy Ích là dịch giả.

2. Từ trang 94.

3. *Tử*: khắc chữ lên bản gỗ.

(bản của gia đình Phan Huy và bản của Chính Trực đường) giống h lẫn nhau mà các bản khác đều không có.

Qua các bản Chính phụ ngâm đã trình bày ở trên, chúng tôi nhận thấy bản *Chính phụ ngâm diễn âm tân khúc* của Chính Trực đường khắc in năm Gia Long thứ 14 (1815) là cổ nhất.

Bản chép tay này do Nguyễn Văn Xuân sưu tầm được có thể coi là bản do Phan Huy Ích dịch.

Chúng tôi đã chọn bản ấy làm bản chính để khảo dị và chú thích.

*
* *

CHINH PHỤ NGÂM KHÚC

Thửa trời đất nổi cơn gió bụi,¹
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên.²
Xanh kia³ thăm thăm từng trên,
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này?
5 Trống Tràng Thành⁴ lung lay bóng nguyệt,
Khói Cam Tuyền⁵ mờ mịt thức mây.
Chín lần⁶ gươm báu trao tay,
Nửa đêm truyền hịch⁷ định ngày xuất chinh⁸
Nước thanh bình⁹ ba trăm năm cũ,
10 Áo nhung¹⁰ trao quan vũ từ đây.
Sứ trời¹¹ sớm giục đường mây,

Khảo dị:

- 5. Trống Tràng *An* lung lay bóng nguyệt (HXH)
- 6. *Lửa* Cam Tuyền *rực rệt* thức mây (HXH)
- 7. Chín lần gươm báu *chống* tay (HXH)

Chú thích:

- 1. *Gió bụi*: nghĩa bóng chỉ sự loạn lạc lắm than khổ sở.
- 2. *Truân chuyên*: (*truân*: khó khăn; *chuyên*: khó đi, không bước tới được) gian nan khổ sở.
- 3. *Xanh kia*: tức là ông trời kia.
- 4. *Trống Tràng Thành*: tiếng trống ở lũy Tràng Thành (phía gần với kinh đô Tràng An), báo tin có giặc xâm lấn vào biên thù.
- Cũng có thể hiểu *Tràng Thành* là thành ở Tràng An. Chữ “*thành*” thuộc trường bình thanh làm cho câu thơ có âm hưởng hơn là chữ “*an*” thuộc đoản bình thanh.
- 5. *Khói Cam Tuyền*: (*Tuyền*: cũng đọc là *Toàn*) khói ở núi Cam Tuyền báo tin có giặc.
- 6. *Chín lần*: (do chữ *cửu trùng*) chỗ điện nhà vua thường xây chín bậc nên *cửu trùng* cũng chỉ nhà vua.
- 7. *Truyền hịch*: truyền lời của nhà vua báo tin có giặc, kể tội giặc và kêu gọi dân quân chống lại giặc.
- 8. *Xuất chinh*: đem quân đi đánh giặc.
- 9. *Thanh bình*: (*thanh*: trong sạch, không có bụi bặm, không có giặc giã) yên ổn, không có giặc giã.
- 10. *Áo nhung*: (*nhung*: đồ quân trang, đồ binh khí) áo trận, áo giáp. Cũng gọi là *chiến bào*.
- 11. *Sứ trời*: sứ giả truyền mệnh lệnh của nhà vua.

Phép công là trọng, niềm tây ¹ sá nào.
 Đường giong ruổi lưng đeo cung tiễn, ²
 Buổi tiễn đưa lòng bận thê noa. ³
 15 Bóng cờ, tiếng trống xa xa,
 Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.
 Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt, ⁴
 Xếp bút nghiên theo việc đao cung.
 Thành liên ⁵ mong tiến bộ rồng,
 20 Thước gươm đã quyết chẳng dong giặc trời. ⁶
 Chí làm trai dậm nghìn da ngựa, ⁷
 Gieo Thái Sơn ⁸ nhẹ tựa hồng mao. ⁹
 Giã nhà đeo bức chiến bào,
 Thét roi cầu Vị ¹⁰ ào ào gió thu.
 25 Ngoài đầu cầu nước trong như lọc,
 Đường bên cầu cỏ mọc còn non,
 Đưa chàng lòng dặc dặc buồn,

Khảo dị:

- 14. Buổi tiễn đưa lòng *vướng* thê noa (NQO)
- Buổi tiễn đưa lòng *bịn* thê noa (HXX)
- 18. *Nếp* bút nghiên theo việc đao cung (HXX)
- 22. Gieo Thái Sơn nhẹ *nhữ* hồng mao (HXX)
- 25. *Ngòi* đầu cầu nước trong như lọc (HXX)
- 27. Đưa chàng lòng *dằng* dặc buồn (NQO – HXX)

Chú thích:

- 1. *Niềm tây*: niềm riêng.
- 2. *Cung tiễn*: (*tiễn*: cái tên) cung tên.
- 3. *Thê noa*: (*thê*: vợ, *noa*: con) vợ con.
- 4. *Hào kiệt*: (*hào*: kẻ tài trí hơn trăm người, *kiệt*: kẻ tài trí hơn muôn người) kẻ có tài năng hơn mọi người.
- 5. *Thành liên*: ý nói đánh chiếm được mấy thành liên tiếp.
- 6. *Giặc trời*: do chữ *thiên kiêu* ý nói quân giặc mạnh ví với đứa con kiêu căng của trời. *Hán thư* có câu: “*Hồ giả thiên chi kiêu tử*” nghĩa là giặc Hồ kia tức là đứa con kiêu (*kiêu tử*) của trời vậy.
- 7. *Da ngựa*: ý nói kẻ làm trai nên chết ở nơi chiến trường lấy da ngựa bọc thây.
- 8. *Thái Sơn*: một ngọn núi ở tỉnh Sơn Đông.
- 9. *Hồng mao*: lông con chim hồng. Cả câu ý nói coi cái chết nhẹ tựa lông hồng.
- 10. *Cầu Vị*: cầu trên sông Vị, cách kinh đô Hàm Dương 20 dặm về phía đông nam. Xưa vua Thái Tông đời Đường đã đem quân qua đó để đi đánh rợ Đột Quyết.

Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền.¹
 Nước có chảy, mà phiền chẳng già,
 30 Cỏ có thơm, mà dạ chẳng khuây.
 Nhủ rồi nhủ, lại cầm tay,
 Bước đi một bước dây dây lại dừng.
 Lòng thiếp tựa bóng trăng theo dõi.
 Chàng sầu xa tìm cỏi Thiên San.²
 35 Đặt chén tiễn, múa Long Toàn,³
 Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo.⁴
 Săn Lâu Lan⁵ rằng theo Giới Tử,⁶
 Tới Man Khê⁷ bàn sự Phục Ba.⁸
 Áo chàng đỏ tựa ráng pha,
 40 Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.
 Tiếng nhạc ngựa lần chen tiếng trống,
 Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay.

Khảo dị:

29. Nước *trong* chảy lòng phiền chẳng *rủa* (NQO)

30. Cỏ có thơm mà *nhớ* khó quên (NĐM)

Cỏ *xanh* thơm *dạ* *nhớ* chẳng khuây (NQO)

32. Bước đi một bước *lại* *vin* áo chàng (NQO)

34. *Dạ* chàng xa *muôn* *dặm* Thiên Sơn (NQO)

Lòng chàng *toan* bằng cỏi *non* Thiên (HXH)

35. *Múa* *gươm* *rượu* tiễn *chưa* tàn (NĐM)

Rượu *thời* *múa* *cán* Long Tuyền ((HXH)

38. *Dẹp* Nam Khê bàn sự Phục Ba (NQO)

Chú thích:

1. *Bộ khôn... bằng thuyền*: cả câu này tả cái tâm cảnh của người chinh phụ lúc đưa chồng lên đường, tự giận mình không bằng chiếc thuyền dưới nước, con ngựa ở trên bộ để được cùng đi với người chinh phu.

2. *Thiên San*: 千山 tên núi ở phía Nam huyện Liêu Dương, tỉnh Phụng Thiên. Nhà Đường đi đánh Cao Ly thường đóng quân ở đây. Đừng lầm với *Thiên Sơn* 天山 là rặng núi ở Tân Cương.

Cỏi Thiên San: chỉ nơi giặc đóng, chỗ chiến trường.

3. *Long Toàn*: (cũng đọc là *Long Tuyền*) tên một thanh gươm quý.

4. *Hang beo*: theo điển thì là *hang hổ* nhưng ở đây phải đổi ra *hang beo* cho đúng thanh bằng và để hiệp vần. Cả câu ý nói có vào sào huyệt của giặc thì mới giết được giặc.

5. *Lâu Lan*: một nước nhỏ ở đời Tây Hán, nay thuộc tỉnh Tân Cương.

6. *Giới Tử*: Phó Giới Tử đời Hán Chiêu Đế, đã dùng mưu giết được vua nước Lâu Lan.

7. *Man Khê*: tên một rợ ở phía Nam Trung Quốc, bị Mã Viện là tướng nhà Hán đánh thua.

8. *Phục Ba*: vua Hán sai Mã Viện đi đánh rợ Man Khê. Khi thắng trận trở về, vua phong cho làm Phục Ba tướng quân.

Hà lương ¹ chia rẽ đường này,
 Bên đường trông lá cờ bay ngùi ngùi,
 45 Quân trước đã gần ngoài doanh Liễu, ²
 Kỳ sau còn khuất nẻo Tràng Dương. ³
 Quân đưa chàng ruỗi lên đường,
 Liễu dương ⁴ biết thiếp đoạn trường ⁵ này chẳng?
 Tiếng địch thổi nghe chừng đồng vọng,
 50 Hàng cờ bay trông bóng phát phơ.
 Dấu chàng theo lớp mây đưa,
 Thiếp nhìn rặng núi ngẩn ngơ nổi nhà.
 Chàng thì đi cõi xa mưa gió,
 Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.
 55 Đói trông theo đã cách ngăn,
 Tuôn màu mây biếc trải ngàn núi xanh.

Khảo dị:

- 43. Hà Lương chia *ghẽ* đường này (HXH)
- 44. Bên đường trông *bóng* cờ bay ngùi ngùi (NQO)
- 45. *Xe* trước đã gần ngoài doanh liễu (HXH)
- 46. *Ngựa* sau còn ở nẻo Tràng Dương (NQO)
 Kỳ sau còn *ngút* nẻo *Trường* Dương (HXH)
- 49. Tiếng địch *thổi xa* chừng *lãng lác* (NQO)
 Tiếng địch *thổi* nghe chừng đồng vọng (NDM)
- 50. Hàng cờ bay *bóng ngát mờ mờ* (NQO)
 Hàng cờ *đi* trông bóng phát phơ (HXH)
- 51. *Dứt tay* theo lớp mây đưa (NQO)
- 53. Chàng thì *tráy* cõi xa mưa gió (NQO)
- 54. Thiếp thì về *phòng* cũ chiếu chăn (NQO)
 Thiếp *lại* về buồng cũ chiếu chăn (HXH)

Chú thích:

1. Hà lương: (hà: sông, lương: cầu).

Thơ Lý Lăng viết cho Tô Vũ có câu rằng:

“Huê thư thượng hà lương, du tử mộ hà chi”

(Dắt tay nhau lên cầu trên sông, khách du tử tối nay đi đâu)

Sau chữ hà lương được dùng để chỉ nơi tiễn biệt.

2. Doanh Liễu: tức là doanh Tế Liễu ở tỉnh Thiểm Tây.

3. Tràng Dương: tên một huyện ở tỉnh Hồ Bắc.

4. Liễu dương: cây dương liễu.

5. Đoạn trường: đau đớn như đứt ruột.

Người chinh phụ tự hỏi: không biết những cây dương liễu bên đường có biết đến nỗi đau khổ đến đứt ruột của mình không?

Chốn Hàm Dương ¹ chàng còn ngoảnh lại,
 Bến Tiêu Tương thiếp hãy trông sang.
 Khói Tiêu Tương ² cách Hàm Dương,
 60 Cây Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.
 Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
 Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
 Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
 Lòng chàng, ý thiếp, ai sâu hơn ai?
 65 Chàng từ đi vào nơi gió cát,
 Đêm trăng này nghỉ mát ³ phương nao?
 Xưa nay chiến địa dường bao?
 Nội không muôn dặm xiết bao dài dẫu!
 Hơi gió lạnh người rầu, mặt dạn,
 70 Dòng nước sâu ngựa nản chân bon.
 Ôm yên, gối trống đã chồn,
 Nằm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh.
 Nay Hán xuống Bạch thành ⁴ đóng lại,
 Mai Hồ vào Thanh Hải ⁵ dòm qua.
 75 Hình khe, thế núi gần xa,

Khảo dị:

55. Đoái trông theo đã cách *ngàn* (NQO)
 Đoái trông *nhau* đã cách *ngăn* (HXXH)
 56. *Những* màu mây biếc *cùng* *ngàn* núi xanh (NQO)
Tuôn màu mây biếc, *phơi* *hần* núi xanh (HXXH)
 57. Chốn Hàm *Kinh*, chàng còn ngảnh lại (HXXH)
 58. *Ngác* Tiêu Tương, thiếp hãy trông *sang* (HXXH)
 66. Đêm trăng này nghỉ *mất* phương nao (HXXH)
 68. *Nỗi* không muôn dặm xiết bao dài dẫu (NQO)
 Nội không muôn dặm, xiết *sao* dài dẫu (HXXH)
 76. *Dứt* thôi lại nổi, thấp *đà* lại cao (HXXH)

Chú thích:

1. *Hàm Dương*: tên đất tức là Tây Kinh của nhà Tần.
2. *Tiêu Tương*: chỗ sông Tiêu và sông Tương hợp lưu với nhau ở địa hạt nước Sở (nay ở trong tỉnh Hồ Nam). Ở bên Trung Quốc xưa, nước Tần và nước Sở xa cách nhau lắm nên nhà văn muốn tả cảnh biệt ly thường dùng những chữ "*Tần Sở*" hoặc "*Hàm Dương - Tiêu Tương*".
3. *Nghỉ mát*: ý nói ngủ lại.
4. *Bạch thành*: Bạch Đằng thành thuộc tỉnh Sơn Tây.
5. *Thanh Hải*: tên đất thuộc tỉnh Cam Túc. Cả hai câu 73 - 74 ý nói đến những cuộc hành quân gian nan vất vả nay ở Hán đánh xuống mai lại bị rợ Hồ lấn qua, người đi chinh chiến như vậy ít thấy có ai về.

Đứt thôi lại nổi, thấp đà lại cao.
 Sương đầu núi buổi chiều như gọi,
 Nước lòng khe nẻo suối còn sâu.
 Nào người áo giáp bấy lâu!
 80 Lòng quê qua đó mặt rầu chẳng khuây.
 Trên trướng gấm thêu hay chăng nhẽ?
 Dạng chinh phu ai vẽ cho nên.
 Tưởng chàng giông ruổi mấy niên,
 Chẳng nơi Hãn Hải ¹ thì miền Tiêu Quan. ²
 85 Đã trắc trở đời ngàn xà hổ,
 Lại lạnh lùng những chỗ sương phong.
 Lên cao trông thức mây lồng, ³
 Lòng nào là chẳng động lòng bi thương.
 Từ trẩy sang đông nam khơi nẻo,
 90 Biết nay chàng tiến thảo ⁴ nơi đâu.
 Những người chinh chiến bấy lâu,
 Nhẹ xem tính mệnh như màu cỏ cây.
 Nức hơi mạnh ơn dày từ trước. ⁵
 Trái chốn nghèo tuổi được bao nhiêu?

Khảo dị:

- 77. Sương đầu núi buổi chiều như *gọi* (NĐM - NQO)
- 78. Nước lòng khe, nẻo *lội* còn sâu (HXH)
- 79. *Thương* người áo giáp bấy lâu (HXH)
- 80. Lòng quê qua đó mặt *sầu* chẳng khuây (NĐM - HXH)
- 81. Trên trướng gấm thêu hay chăng *nhé?* (HXH)
- 82. *Trạng* chinh phu ai vẽ cho nên (HXH)
- 84. Chẳng nơi *Cán* Hải thì miền Tiêu Quan (NĐM)
- 89. *Chàng* từ sang đông nam khơi nẻo (NĐM)
- Từ trẩy sang đông nam *ngất* nẻo (NQO)
- 90. Biết *rằng* chàng tiến thảo nơi đâu (NQO)
- 91. Những người chinh chiến *mấy* lâu (HXH)
- 93. *Nức* hơi *mãnh*, ơn dày từ trước (HXH)

Chú thích:

- 1. *Hãn Hải*: tên bãi sa mạc, nay ở Nội Mông.
- 2. *Tiêu Quan*: tên một cửa ải ở đông nam huyện Cố Nguyên, tỉnh Cam Túc.
- 3. *Trông thức mây lồng*: ý nói nhớ nhà. Theo điển: ông Dịch Nhân Kiệt, đời Đường đi đánh giặc xa nhà, khi lên núi Thái Hàng, trông thấy đám mây trắng ở xa xa, nói với quân sĩ rằng "*Ngô thân xá ư kỳ hạ*" (nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây trắng ấy).
- 4. *Tiến thảo*: (*tiến*: đi lên, *thảo*: đánh) tiến quân lên đánh giặc.
- 5. *Nức hơi... từ trước*: câu này dịch không được rõ nghĩa. Nguyên văn là: "Trời rét gió lạnh như mũi nhọn đâm vào da mà cảm thấy ấm người như có cấp bông vì chịu ơn sâu của nhà vua".

95 Non Kỳ ¹ quạnh quẽ trắng treo,
 Bến Phì ² gió thổi đều hiu mấy gò.
 Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,
 Mặt chinh phu trắng dãi dãi soi.
 Chinh phu, tử sĩ mấy người,
 100 Nào ai mặc mặt, ³ nào ai gọi hồn?
 Dấu binh lửa, nước non như cũ,
 Kẻ hành nhân ⁴ qua đó chạnh thương.
 Phận trai già ruỗi chiến trường,
 Chàng Siêu ⁵ tóc đã điểm sương mới về.
 105 Tưởng chàng trải nhiều bề nằng nỏ, ⁶
 Ba thước gươm, một cổ nhung yên. ⁷
 Xông pha gió bãi trắng ngàn,
 Tên reo đầu ngựa ⁸ giáo lan mặt thành. ⁹
 Áng công danh trăm đường rộn rã,
 110 Những nhọc nhằn nào đã nghỉ ngơi.
 Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai,
 Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây. ¹⁰

Khảo dị:

95. Non Kỳ *mộ* chỉ trắng treo (NQO)

103. Phận trai già *côi* chiến trường (HXH)

104. Chàng Siêu *mái* tóc điểm sương mới về (NQO)

106. Ba thước gươm, một *bộ* nhung yên (NQO)

Ba thước gươm một cổ nhung *an* (HXH)

108. Tên *treo* đầu ngựa giáo lan mặt thành (NQO)

Tên *treo* đầu ngựa *pháo ran* mặt thành (NDM)

Mây reo đầu ngựa, *sào dan* mặt thành (HXH)

111. Nỗi *niềm* biết ngỏ cùng ai (HXH)

Chú thích:

1. *Non Kỳ*: tức núi Kỳ Liên thuộc tỉnh Cam Túc, chỗ Hoắc Khứ Bệnh, tướng nhà Hán, đánh Hung Nô ở đây.

2. *Bến Phì*: tên sông ở huyện Hợp Phì, thuộc tỉnh An Huy.

3. *Mặc mặt*: vẽ mặt người chinh phu.

4. *Hành nhân*: người đi đường xa, ở đây có nghĩa như chữ *hành dịch* là kẻ đi đánh giặc.

5. *Chàng Siêu*: tức Ban Siêu tướng nhà Hán đi đánh giặc ở xứ Tây Vực ba mươi mốt năm, khi về nhà đã quá 80 tuổi.

6. *Nằng nỏ*: vất vả khổ sở.

7. *Nhung yên*: yên ngựa của người chinh phu.

8. *Tên reo đầu ngựa*: mũi tên bay kêu thành tiếng vèo qua đầu ngựa. Chúa Hung Nô dùng mũi tên kêu (*minh trích*) để ra hiệu lệnh cho quân sĩ.

9. *Giáo lan mặt thành*: quân sĩ bắc giáo vào tường thành rồi theo cán giáo (*duyên can*) mà leo lên.

10. *Ngoài chân mây*: ngoài chân trời có mây phủ, ý nói xa xôi cách trở cả ngàn dặm.

Trong cửa này, đã đành phận thiếp,
 Ngoài mây kia, há kiếp chàng vay?
 115 Những mong cá nước¹ vui vầy,
 Bây giờ đôi ngả nước mây² cách vời.
 Thiếp chẳng tưởng ra người chinh phụ,
 Chàng há từng học lũ Vương tôn.³
 Cớ sao cách trở nước non,
 120 Khiến người thôi sớm, thời hôm những sầu.
 Chàng phong lưu⁴ đương chừng niên thiếu,
 Sánh nhau cùng đàn dúi chữ duyên.
 Nữ nào đôi lứa thiếu niên,
 Quan sơn⁵ để cách hàn huyên⁶ đành?
 125 Thửa lâm hành⁷ oanh chưa bén liễu,⁸
 Hỏi ngày về ước nẻo quyên ca.⁹
 Nay quyên đã giục oanh già,

Khảo dị:

115. Những mong cá nước *sum* vầy (HXH)

116. *Bao* giờ đôi ngả nước mây cách vời (NĐM)

Bao giờ đôi ngả nước mây cách vời (HXH)

120. Khiến người thôi sớm *thì* hôm những *rầu* (HXH)

121. *Phác* phong lưu đương chừng niên thiếu (NQO)

Phết phong lưu đương chừng niên thiếu (HXH)

125. Thửa lâm hành, oanh chưa *khẩn* liễu (HXH)

127. Nay quyên đã *trục* oanh già (HXH)

Chú thích:

1. *Cá nước*: cá với nước, ý nói vợ chồng chung sống vui vẻ với nhau.

2. *Nước mây*: chân mây mặt nước ý nói xa cách muôn trùng.

3. *Vương tôn*: con nhà quý tộc.

4. *Phong lưu*: (*phong*: gió, *lưu*: dòng nước) ngọn gió thổi chỗ này đến chỗ khác, dòng nước chảy từ nơi này đến nơi kia nên thường ví với người có đức tốt, sau dùng theo nghĩa rộng để chỉ người có phong dạng lịch sự, thích vui chơi tự do.

5. *Quan sơn*: (*quan*: cửa ải, *sơn*: núi) dùng để chỉ nơi xa xôi, chỗ biên thùy.

6. *Hàn huyên*: (*hàn*: lạnh, *huyên*: ấm) lời hỏi thăm nhau ấm lạnh thế nào? Sức khỏe ra sao? Có bị ảnh hưởng gì về thời tiết ấm lạnh không? Sau dùng để chỉ lời lẽ tâm tình với nhau.

7. *Lâm hành*: (*lâm*: chính đang lúc; *hành*: đi) lúc lên đường.

8. *Oanh chưa bén liễu*: ý nói chưa đến mùa xuân vì chim oanh chưa đến hót ở cây liễu. Cây liễu mùa xuân mới trở lá non.

9. *Ước nẻo quyên ca*: ý nói khoáng mùa hè vì chim quyên (tu hú) thường kêu về mùa hè. Cũng có thể hiểu chữ *quyên* là con cuốc vì con cuốc cũng kêu về mùa hè.

Ý nhi ¹ lại gáy trước nhà lú lo.
 Thủa đặng đồ ² mai chưa dạn gió, ³
 130 Hối ngày về chỉ độ đào bông. ⁴
 Nay đào đã quuyến gió đông,
 Tuyết mai ⁵ trắng bãi, phù dung ⁶ đỏ bờ.
 Hẹn cùng ta Lũng Tây nam ⁷ ấy,
 Sớm đã trông nào thấy hơi tăm.
 135 Ngập ngừng lá rụng cành trâm, ⁸
 Buổi hôm nghe dậy tiếng cầm ⁹ xôn xao.
 Hẹn nơi nao, Hán Dương ¹⁰ cầu nọ,
 Chiều lại tìm nào có tiêu hao. ¹¹
 Ngập ngừng gió thổi áo bào, ¹²

Khảo dị:

132. *Phù dung lại đã bên sông bơ sờ* (NĐM)

Phù dung lại rửa bên sông ba sò (HXH)

133. Hẹn cùng ta Lũng Tây *sớm* ấy (HXH)

134. *Trót* ngày trông nào thấy hơi tăm (NQO)

135. *Nhịn* ngừng lá rụng cành trâm (HXH)

136. *Đứng* trông nghe dậy tiếng cầm xôn xao (NQO)

Thôn trưa nghe rục tiếng cầm *lao* xao (HXH)

138. *Đêm* lại tìm nào có tiêu hao (HXH)

139. *Nhịn* ngừng, gió thổi áo bào (HXH)

Chú thích:

1. *Ý nhi*: chim én. Ý nhi hay hát về tiết thu.

2. *Đặng đồ*: (*đặng*: lên, *đồ*: đường) lên đường đi xa.

3. *Mai chưa dạn gió*: ý nói chưa đến mùa xuân.

4. *Độ đào bông*: ý nói vào khoảng mùa xuân.

5. *Tuyết mai*: cây mai nở về mùa đông có tuyết phủ trên cành. Tuyết mai là chỉ đã sang đông.

6. *Phù dung*: cây sen. Đây là thủy phù dung. Người Trung Quốc thường gọi hoa sen là *phù dung*. *Phù dung* là chỉ về mùa hè.

7. *Lũng Tây nam*: (*nam*: núi đá cao dốc, hang đá) núi ở Lũng Tây, thuộc tỉnh Thiểm Tây.

8. *Ngập ngừng... cành trâm*: diễn tả hình ảnh của chiếc lá rơi lơ lửng thông thả ở trên đầu người chinh phụ.

9. *Tiếng cầm*: tiếng chim.

10. *Hán Dương*: tên một thị trấn ở tỉnh Hồ Bắc.

11. *Tiêu hao*: tin tức.

12. *Ngập ngừng.. áo bào*: diễn tả hình ảnh của gió thổi lúc mạnh lúc yếu làm cho chiếc áo bào bay lên hoặc tỏa xuống lúc mau lúc chậm, lúc cao lúc thấp.

140 Bãi hôm tuôn dẫy nước trào mênh mông.
 Tin thường lại người không thấy lại,
 Hoa dương ¹ tàn đã trải rêu xanh.
 Rêu xanh mấy lớp chung quanh,
 Chân đi một bước, trăm tình ngẩn ngơ.
 145 Thư thường tới người chưa thấy tới,
 Bức rèm thưa lần giải bóng dương.
 Bóng dương ² mấy buổi xuyên ngang,
 Lời sao mười hẹn, chín thường đơn sai.
 Thử tính lại diễn khơi ³ ngày ấy,
 150 Tiền sen ⁴ này đã nảy là ba.
 Xót người lần lửa ải xa,
 Xót người nương chốn Hoàng Hoa ⁵ dậm dài.
 Tình gia thất nào ai chẳng có,
 Kìa lão thân, ⁶ khuê phụ ⁷ nhớ thương!
 155 Mẹ già phơ phất mái sương, ⁸
 Con thơ măng sữa vả đương phù trì. ⁹

Khảo dị:

140. Bãi hôm tuôn dẫy nước *chiều* mênh mông (NQO)

Bãi hôm tuôn dẫy nước *triều* mênh mông (HXH)

141. Tin *gửi đi* người không thấy lại (NQO)

142. *Gốc* hoa tàn đã *rải* rêu xanh (HXH)

143. Rêu xanh mấy lớp *nhiều* quanh (HXH)

144. *Dạo sân* một bước, trăm tình ngẩn ngơ (NQO)

145. Thư thường *đến* người không thấy *đến* (NQO)

146. Bức rèm thưa lần *chuyển* bóng dương (NQO)

Bức rèm thưa lần *giải* bóng dương (HXH)

150. Tiền sen *nay* đã nảy là ba (HXH)

156. Con thơ măng sữa vả đương *bù* trì (HXH)

Chú thích:

1. *Hoa dương*: hoa cây dương màu trắng như hoa liễu.

2. *Bóng dương*: bóng mặt trời.

3. *Diễn khơi*: xa cách.

4. *Tiền sen*: lá sen mới nở tròn như đồng tiền.

5. *Hoàng Hoa*: tên đất, nơi quân nhà Đường đã nhiều lần đánh nhau với rợ Nhu Nhiên và rợ Đột Quyết.

6. *Lão thân*: bố mẹ già.

7. *Khuê phụ*: người đàn bà ở trong phòng khuê, chỉ người chinh phụ.

8. *Mái sương*: (*sương*: bạc, trắng) mái tóc bạc trắng.

9. *Phù trì*: chăm sóc giữ gìn, nuôi nấng.

Lòng lão thân buồn khi tựa cửa,¹
 Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm.
 Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam,²
 160 Dạy con đèn sách, thiếp làm phụ thân.
 Nay một thân nuôi già, dạy trẻ,
 Nỗi quan hoài mang mẽ³ biết bao!
 Nhớ chàng trải mấy sương sao,⁴
 Xuân từng đổi mới, đông nào còn dư?
 165 Kể năm đã ba tư cách viễn,⁵
 Mối sầu thêm nghìn vạn ngổn ngang.
 Ước gì gần gũi tác gang,
 Giở niềm cay đắng để chàng tỏ hay.
 Thoa cung Hán,⁶ của ngày xuất giá,
 170 Gương lầu Tần,⁷ dấu đã soi chung.
 Cây ai mà gửi tới cùng,

Khảo dị:

159. Ngọt bùi thiếp *đỡ* hiếu nam (HXH)
 160. *Luyện* con đèn sách, thiếp làm phụ thân (NQO)
 Rèn con đèn sách, thiếp làm phụ thân (HXH)
 161. *Này* một thân nuôi già dạy trẻ (HXH)
 164. Xuân từng đổi mới, đông nào *có* dư (NDM)
 Xuân từng đổi mới, đông nào còn *xa* (HXH)
 165. Kể năm *đà* ba tư cách viễn (HXH)
 166. Mối *lòng* thêm nghìn vạn ngổn ngang (NQO)
 Rối lòng thêm nghìn vạn ngổn ngang (HXH)
 167. Ước *chi* gần gũi tác gang (HXH)
 169. Thoa cung Hán *thuở* ngày xuất giá (NDM)
 Soa cung Hán, của ngày xuất giá (HXH)

Chú thích:

1. *Tựa cửa*: ý nói mong đợi con về.
2. *Hiếu nam*: đây ý nói làm tròn chữ hiếu thay cho chồng.
3. *Nỗi quan hoài mang mẽ*: nỗi lo nỗi nhớ bồi rối ở trong lòng.
4. *Sương sao*: do chữ *trình sương*. Mỗi năm có một mùa sương và mỗi độ sao đi nên sương sao có nghĩa là năm.
5. *Cách viễn*: cách xa.
6. *Thoa cung Hán*: (*thoa*: cái trâm cài đầu của con gái) Đây nói cái thoa quý được ví với cái thoa bằng ngọc của thần nữ dâng lên vua Hán Vũ Đế.
7. *Gương lầu Tần*: đây nói cái gương quý của hai vợ chồng đã soi chung mà ví với cái gương quý của Tần Thủy Hoàng.

Để chàng thấu hết tấm lòng tương tư.
 Nhấn đeo tay, mọi khi ngắm nghía,
 Ngọc cài đầu, thuở bé vui chơi.
 175 Cây ai mà gửi tới nơi,
 Để chàng trân trọng dấu người tương thân.
 Trái mấy xuân tin đi, tin lại,
 Đến xuân này tin hãy vắng không.
 Thấy nhàn, ¹ luống tưởng thư phong,
 180 Nghe hơi sương, sắm áo bông sẵn sàng.
 Gió tây nổi, không đường hồng tiện, ²
 Xót cỗi ngoài tuyết quyến, mưa sa.
 Mãn mưa, trướng tuyết xông pha,
 Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra cỗi ngoài.
 185 Đề chữ gấm ³ phong thôi lại mở,
 Gieo bói tiền ⁴ tin dở còn ngờ.
 Trời hôm tựa cửa ngẩn ngơ,
 Trăng khuya nương gối bơ phờ tóc mai.
 Há như ai hồn say bóng lẫn,

Khảo dị:

172. Xin chàng thấu hết tấm lòng tương tư (NQO)
 Ngõ chàng thấu hết, tấm lòng tương tư (HXXH)
 174. Ngọc cài đầu, thuở bé *buồn* chơi (HXXH)
 178. *Tới* xuân này tin hãy vắng không (HXXH)
 179. Thấy *nhạn* luống tưởng thư phong (NQO)
 180. Nghe *sương*, *luống* sắm áo bông sẵn sàng (HXXH)
 181. Gió *may* nổi, không đường hồng tiện (HXXH)
 182. Xót cỗi ngoài tuyết *quên* mưa sa (HXXH)
 185. Đề chữ gấm, phong thôi *thì* mở (HXXH)
 186. Gieo *quẻ* tiền tin dở còn ngờ (HXXH)
 187. Trời hôm tựa *bóng* ngẩn ngơ (NĐM)
 Trời hôm, *đứng mái* ngẩn ngơ (HXXH)
 189. Há như ai hồn say, bóng *lẫn* (NQO)

Chú thích:

1. *Thấy nhàn*: (do chữ *nhạn* đọc chạnh ra thanh bằng) thấy chim nhạn thì nhớ đến chuyện Tô Vũ đã buộc thư vào chân chim nhạn. *Nhạn* do đó chỉ tin tức.

2. *Hồng tiện*: (*hồng*: chim hồng, con chim trống, *nhạn*: con chim mái; *tiện*: nhân có, thuận tiện) tin tức.

3. *Chữ gấm*: chữ thêu trên gấm. Ý nhắc đến bài thơ của Tô Huệ thêu trên gấm dâng lên nhà vua xin cho chồng đi thú được trở về.

4. *Bói tiền*: xưa bói bằng mai rùa và cỏ thi, đến đời Hán, Kinh Phòng dùng tiền bói thay mai rùa.

190 Bồng thơ thơ thần thần hư không.
 Trâm cài, xiêm giắt thẹn thùng,
 Lệch vùng tóc rối, lỏng vòng lưng eo.
 Đạo hiên vắng, thâm gieo từng bước,
 Ngoài rèm thưa, rủ thác ¹ đòi phen. ²
 195 Ngoài rèm thước ³ chẳng mách tin,
 Trong rèm dường đã có đèn biết chẳng.
 Đèn có biết dường bằng chẳng biết,
 Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.
 Buồn rầu nói chẳng nên lời,
 200 Hoa đèn ⁴ kia với bóng người khá thương!
 Gà eo óc gáy sương năm trống, ⁵
 Hòe phất phơ rủ bóng bốn bên.
 Khắc giờ đằng đẵng bấy niên,
 Mối sầu dằng dặc tựa miền bể xa.
 205 Hương gượng đốt, hồn đà mê mải,
 Gương gượng soi lệ lại chứa chan.

Khảo dị:

- 190 Bồng *thờ* *ơ lẫn* thần hư không (NQO)
 Bồng thơ thơ thần thần *như* không (NĐM)
 192. Lệch *vùng* tóc rối, lỏng vòng lưng eo (NĐM)
 Lệch *làn* tóc rối, lỏng vòng lưng eo (HXXH)
 193. Đạo hiên vắng *đam chiêu* từng bước (HXXH)
 194. *Ngồi* rèm thưa, rủ thác đòi phen (HXXH)
 199. Buồn *muôn* nói chẳng nên lời (HXXH)
 203. Khắc *trời* đằng đẵng bấy niên (NĐM)
 Khắc *chờ* đằng đẵng *như* niên (HXXH)
 204. Mối sầu dằng dặc *bằng* miền bể xa (HXXH)
 206. Gương gượng soi, *giọt* lại *châu* chan (HXXH)

Chú thích:

1. *Rủ thác*: (*thác*: cuốn lên) buông rèm, cuốn rèm lên.
2. *Đòi phen*: nhiều lần.
3. *Thước*: (chim thước) chim khách. Người xưa tin rằng chim thước kêu gần nhà là báo tin mừng, cho nên có các chữ như *thước báo*, *thước hỉ*, *thước ngữ*...
 Cổ nhân vịnh chim thước có câu rằng: "*Hương khuê báo hỉ thước hàng giai*" (báo tin mừng cho buồng khuê kia có đàn chim thước đẹp).
4. *Hoa đèn*: đầu bấc đèn đã cháy thành than nhưng vẫn còn đỏ.
5. *Năm trống*: năm trống canh, tức năm canh trong một đêm.

Sắt cầm ¹ gượng gảy ngón đàn,
 Dây uyên ² kinh đứt, phím loan ³ ngại chùng.
 Lòng này gửi gió đông ⁴ có tiện?
 210 Nghìn vàng xin gửi đến non Yên. ⁵
 Non Yên dầu chẳng tới miền,
 Nhớ chàng thăm thăm đường lên bằng trời.
 Trời thăm thăm xa vời khôn thấu,
 Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.
 215 Cảnh buồn, người thiết tha lòng,
 Hình cây sương đượm, tiếng cùng ⁶ mưa phun.
 Sương như búa, bổ mòn gốc liễu,
 Tuyết nhường cửa, xẻ héo cành ngô. ⁷
 Giọt sương phủ bụi chim gù,

Khảo dị:

211. Non Yên *dầu* chẳng tới miền (NQO)

Non Yên, *rầu* chẳng tới miền (HXH)

214. Nỗi nhớ chàng *dau dậu* nào xong (HXH)

216. *Cành* cây sương đượm tiếng *trùng* mưa phun (NDM)

Hình cây sương đượm, tiếng *trùng* mưa phun (NQO)

217. Sương như búa, *đẽo* mòn gốc liễu (HXH)

218. *Mưa* đường cửa, xẻ héo cành ngô (HXH)

219. *Chòm* tuyết phủ, bụi chim gù (HXH)

Chú thích:

1. *Sắt cầm*: đàn sắt và đàn cầm, hai thứ đàn thường hòa âm với nhau.

2. *Dây uyên*: tức *uyên ương*, hai sợi dây đàn giăng ngang nhau ví với đôi chim uyên ương. Hai con chim này luôn sống có đôi với nhau.

3. *Phím loan*: tức *loan phụng trư* là hai cái trục dây đàn đặt sánh nhau như đôi chim loan phụng.

Cả hai câu 207-208 ý nói ngại gảy đàn vì sợ dây bị đứt hoặc dây bị chùng, nó là những điều xấu.

4. *Gió đông*: gió từ phương đông tới tức gió xuân.

5. *Non Yên*: tức núi *Yên Nhiên* ở Ngoại Mông. Đậu Hiến đời Hậu Hán đuổi giặc Thiên Vu đến núi Yên Nhiên, liền khắc đá ghi công ở đấy rồi về.

6. *Tiếng cùng*: (*cùng*: con sâu lúa, tên riêng của con dế mèn) tiếng sâu kêu, tiếng giun dế kêu.

7. *Ngô*: cây ngô đồng, một thứ cây thân thẳng, cao hơn ba trượng, lá hình bàn tay, hoa nhỏ và vàng, gỗ dùng đóng đồ được.

- 220 Sâu tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi.
 Vài tiếng dế, nguyệt soi trước ốc,¹
 Một hàng tiêu,² gió thốc ngoài hiên.
 Lá màn lay ngọn gió xuyên,
 Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.
- 225 Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm,
 Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.
 Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,
 Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu.
 Đâu xiết kể trăm sầu nghìn nã,
 230 Từ nữ công phụ xảo³ đều nguôi.
 Biếng cầm kim, biếng đưa thoi,
 Oanh đôi then dật, bướm đôi ngại thùa.
 Mặt biếng tô, miệng càng biếng nói,
 Sớm lại chiều dòi dối nương song.
- 235 Nương song luống ngẩn ngơ lòng,
 Vắng chàng điểm phấn, trang hồng với ai?
 Biếng trang điểm lòng người sầu tủi,
 Xót nỗi chàng ngoài cõi giang băng.⁴
 Khác gì ả Chức,⁵ chị Hằng,⁶

Khảo dị:

220 Sâu tường kêu *vắng*, chuông chùa nện khơi (HXH)

221. Và tiếng dế, nguyệt *rây* trước *nóc* (HXH)

223. Màn *trong cửa sổ* gió xuyên (NQO)

224. *Trăng lay hoa bóng* soi lên trước rèm (NQO)

225. Hoa *giại* nguyệt, nguyệt *êm* một tấm (HXH)

229. Đâu xiết kể *muôn* sầu nghìn nã (HXH)

237. Biếng trang điểm lòng người *phiền nã* (NQO)

238. Xót nỗi chàng ngoài cõi *giăng vắng* (HXH)

Xót nỗi chàng ngoài cõi *giang lã* (NDM)

239. Khác *chi* ả Chức chị Hằng (HXH)

Chú thích:

1. Ốc: nhà.

2. Tiêu: cây chuối.

3. Phụ xảo: nghề khéo của người đàn bà.

4. Giang băng: nước đông lại ở sông thành băng. Cõi *giang băng*: chỉ nơi khí hậu rét lắm. Chữ *băng* bản Nôm viết 冰.

5. A Chức: tức là Chức Nữ.

6. Chi Hằng: tức là Hằng Nga.

- 240 Bền Ngân sùi sụt, cung trăng chốc mòn.¹
 Sầu ôm nặng hãy chồng làm gối,
 Muộn ôm đầy hãy thối làm cơm.
 Mượn hoa, mượn rượu giải buồn,
 Sầu làm rượu nhạt, muộn làm hoa ôi.
- 245 Gõ sênh² ngọc mấy hồi không tiếng,
 Ôm đàn tranh³ mấy phím rời tay.
 Xót người hành dịch⁴ bấy nay!
 Dặm xa mong mỗi hết đầy lại vơi.⁵
 Ca quyên⁶ ghẹo, làm rơi nước mắt,⁷
- 250 Trống tiêu⁸ khua, như dứt buồng gan.
 Vỡ vàng đổi khác dung nhan,
 Khuê ly⁹ mới biết tân toan¹⁰ đường này.
 Ném chua cay tấm lòng mới tỏ,

Khảo dị:

241. Sầu ôm nặng, ai chồng làm gối (HXH)
 242. Buồn chứa đầy hãy thối làm cơm (NQO)
 Muộn chứa đầy ai thối làm cơm (HXH)
 243. Rượu cùng hoa rắp tả đàm (NDM - HXH)
 244. Sầu làm rượu nhạt, muộn giốn hoa ôi (NQO)
 245. Gõ sanh ngọc mấy hồi không tiếng (HXH)
 247. Xót người hành dịch mấy nay (HXH)
 248. Dặm xa thêm mỗi chấp đầy lại vơi (NDM)
 Dặm xa thêm mỗi, túi đầy lại vơi (HXH)
 250. Trống tiêu khua như giúc buồng gan (NDM)
 253. Ném mùi cay tấm lòng mới tỏ (NQO)
 254. Mùi cay này há có vì ai (NDM)

Chú thích:

1. Chốc mòn: chờ mong.
2. Sênh: nhạc khí làm bằng hai miếng gỗ để gõ nhịp mà hát.
3. Đàn tranh: nhạc khí có 16 dây kim loại kê trên một mặt cộng hưởng uốn cong hình máng úp. Còn gọi là đàn thập lục.
4. Hành dịch: đi đánh trận.
5. Hết đầy lại vơi: ý nói túi đựng lương khô hết được tiếp tế, đầy lại ăn dần vơi đi hết. Nguyên văn là nang thác đàn túi bị hết lương thực. Bản dịch bỏ chữ "nang" nên khó hiểu được nghĩa của cả câu ý nói tướng kẻ chinh phu, nang túi bị hết lương thực.
6. Ca quyên: tiếng chim quyên kêu.
7. Làm rơi nước mắt: vì tiếng chim quyên kêu nghe rất buồn.
8. Trống tiêu: (tiêu: lầu cao) trống canh ở trại quân (tiêu cổ).
 Tiêu môn: gác canh ở trên thành.
9. Khuê ly: cũng như ly biệt, xa cách nhau.
10. Tân toan: cay chua khổ sở.

Chua cay này há có vì ai.
 255 Vì chàng lệ thiếp nhỏ đôi,
 Vì chàng thân thiếp lẻ loi một bề.
 Thân thiếp chẳng gần kề dưới trướng,
 Lệ thiếp nào chút vương bên khăn.
 Bui ¹ còn hồn mộng được gần,
 260 Đêm đêm thường tới giang tân ² tìm người.
 Tìm chàng thuở Dương đài ³ lối cũ,
 Gặp chàng nơi Tương phố ⁴ bến xưa.
 Sum vầy mấy lúc tình cờ,
 Chẳng qua trên gối một giờ mộng xuân. ⁵
 265 Giận thiếp thân lại không bằng mộng,
 Thời gần chàng bến Lũng, ⁶ thành Quan, ⁷
 Khi mơ những tiếc khi tàn,
 Tình trong giấc mộng, muôn vàn cũng không.
 Bui ⁸ có một tấm lòng chẳng dứt,
 270 Vốn theo chàng, giờ khắc nào nguôi.
 Lòng theo nhưng chữa thấy người,

Khảo dị:

259. *Sớm* còn hồn mộng được gần (NĐM)
Vui còn hồn mộng được gần (NQO)
 260. Đêm đêm thường *đến* giang tân tìm người (NQO)
 265. Giận thiếp thân lại *chẳng* bằng mộng (HXX)
 266. *Thời* gần chàng bến Lũng thành Quan (NĐM)
 268. *Tình* trong giấc mộng, muôn vàn cũng không (NĐM)
 269. *Vui* có một tấm lòng chẳng dứt (NQO - NĐM)
 271. Lòng theo *song* chữa thấy người (HXX)

Chú thích:

1. *Bui*: 不 只 chỉ có. Cả câu ý nói chỉ còn gặp được chồng ở trong mộng mà thôi.
2. *Giang tân*: bến sông.
3. *Dương đài*: vua Tương Vương nước Sở nằm mộng gặp thần nữ ở Dương đài. Thần nữ nói: "Thiếp đây là thần nữ ở Vu Sơn, sớm làm mây, tối làm mưa, sớm tối ở dưới Dương đài."

Cả câu 261 ý nói đến việc người chinh phụ mơ được gặp chồng trong giấc mộng.

4. *Tương phố*: (phố: bến sông) bến sông Tương.
5. *Mộng xuân*: giấc mộng đẹp, giấc mộng của người chinh phụ thấy được gặp lại chồng.
6. *Bến Lũng*: bến sông Lũng ở Lũng Tây thuộc tỉnh Thiểm Tây.
7. *Thành Quan*: tức Đồng Quan, cửa ải thuộc tỉnh Thiểm Tây được xây để bảo vệ Tràn An.

8. *Bui*: chỉ có. Cả câu này ý nói người chinh phụ chỉ có một tấm lòng thương nhớ chồng không bao giờ dứt được.

Lên cao mấy lúc trông vời bánh xe.
 Trông bên nam, bãi che mặt nước,
 Cỏ biếc um, dâu mượt màu xanh.
 275 Nhà thôn mấy xóm chông chênh,
 Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm.
 Trông đường bắc đôi chòm quán khách.
 Rườm rà cây xanh ngắt núi non.
 Lúa thành thoi thóp bên cồn,
 280 Nghe thôi ngọc dịch véo von bên lầu.
 Non đông thấy lá hầu chất đông,
 Trĩ xập xòe, ¹ mai cũng bẻ bai. ²
 Khói mù nghi ngút ngàn khơi,
 Con chim bạt gió lạc loài kêu thương.
 285 Lũng tây ³ thấy nước dường uốn khúc,
 Nhạn liệng không, sóng giục thuyền câu.
 Ngàn thông chen chúc khóm lau,
 Cách ghềnh thấp thoáng người đâu đi về.

Khảo dị:

273. Trông bên nam, *vậy* che mặt nước (HXH)
 275. *Xóm làng gần nửa lênh chênh* (NQO)
 Nhà thôn *gió bụi* chông chênh (HXH)
 276. *Chim còn bãi cát những tình* chiều hôm (NQO)
 Một *đoàn âu lộ* trước ghềnh *chơi* hôm (HXH)
 277. Trông đường bắc *tìm* chòm quán khách (NQO)
 278. *Mây biếc, cây non ngắt trời xanh* (NQO)
 Mấy rà cây, *chặn* ngắt núi non (HXH)
 279. *Nửa hòa thủ tính hoang thành,* (NQO)
 Lúa thành thoi *thót* bên *chon* (HXH)
 280 *Mưa phun mặt nước, dịch quanh nóc* lầu (NQO)
 Mưa thôi, *ngọn* dịch véo von bên lầu (HXH)
 284. Con chim bạt gió lạc loài kêu *sương* (NĐM)
 285. *Sông* tây thấy nước dường uốn khúc (HXH)
 287. Ngàn thông chen *chóc* *cỏ* lau (NQO)
 288. Cách *duênh* thấp thoáng người đâu đi về (HXH)
 Cách ghềnh *nào* *thấy* người đâu đi về (NQO)
 289. Trông *tư* bề chân trời mặt đất (HXH)

Chú thích:

1. *Trĩ xập xòe*: chim trĩ xòe cánh gập cánh liên tiếp như múa vậy.
2. *Bẻ bai*: ghen tị, ý nói cũng ganh đua với chim trĩ mà đung đưa cành lá nhịp nhàng theo gió làm như nhảy múa vậy.
3. *Lũng tây*: thung lũng ở phía tây. *Lũng tây* được đặt đối lại với *non đông* ở câu 281.

290 Trông bốn bề chân trời, mặt đất,
 Lên xuống lầu thăm thoát đòi phen.
 Lớp mây ngừng mắt ¹ khôn nhìn,
 Biết đâu chinh chiến, là miền Ngọc quan. ²
 Gậy rút đất ³ dễ khôn học chước,
 Khăn gieo cầu ⁴ nào được thấy tiên.
 295 Lòng này hóa đá ⁵ cũng nên.
 E không giọt ngọc mà lên trông lầu.
 Lúc ngoảnh lại ngấm màu dương liễu,
 Thà khuyên chàng đừng chịu tước phong. ⁶
 Chẳng hay muôn dặm ruổi giong,
 300 Lòng chàng có cũng như lòng thiếp chẳng?
 Lòng chàng ví cũng bằng như thế,
 Lòng thiếp đâu dám nghĩ gần xa.

Khảo dị:

291. Lớp mây *che* mắt *ngại* nhìn (NQO)
 Lớp mây *ngưng*, mắt *luống* nhìn (HXH)
 292. *Đâu* nơi chinh chiến, *đâu* miền Ngọc quan (NQO)
 Biết *đâu* bờ cõi là miền Ngọc *môn* (HXH)
 293. Gậy rút đất *ỷ* khôn học chước (HXH)
 294. Khăn gieo cầu, nào được *thể* tiên (HXH)
 296. E không *lệ* ngọc mà lên trông lầu (NDM)
 E không *dọt* ngọc mà lên trông lầu (HXH)
 298. *Thời* khuyên chàng đừng chịu tước phong (NQO)
 302. Lòng thiếp *nào* dám nghĩ gần xa (NDM)

Chú thích:

1. *Ngừng mắt*: che tầm mắt, ý nói che tầm mắt tương tư không thể nhìn thấu được nơi người chinh phu đóng quân.

2. *Ngọc quan*: tức *Ngọc Môn quan*, một cửa ải ở cực tây tỉnh Cam Túc.

3. *Gậy rút đất*: Phí Trường Phòng học được cái thuật rút đất, hễ cắm cái gậy trở xuống đất thì nghìn dặm đường cũng thu ngắn lại ở trước mắt.

4. *Khăn gieo cầu*: Thôi Sinh lấy được tiên nữ làm vợ và được vợ dạy cho phép ẩn hình. Một lần chàng vào trong cung vua để phá chơi bị kẻ thuật sĩ đuổi gấp quá. Gần tới con sông chàng được vợ mình ném cho cái khăn làm thành nhịp cầu ngũ sắc để chàng chạy qua mà thoát nạn.

5. *Hóa đá*: tức *vọng phu thạch*. Ở núi Vũ Xương (Trung Quốc) có hòn vọng phu thạch. Ở Việt Nam, tục truyền nàng Tô Thị lên núi Kỳ Lừa để ngóng chồng cũng hóa ra đá.

6. *Lúc ngoảnh... tước phong*: hai câu này mượn ý ở hai câu thơ của Vương Xương Linh:

“Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc, hối giao phu tế mệnh phong hầu” (Chợt thấy sắc cây dương liễu ở bên bờ đường, hối rằng đã xui chồng đi lập công để được phong tước hầu).

Hường dương ¹ lòng thiếp dường hoa,
 Lòng chàng lẫn thẩn e tà bóng dương. ²
 305 Bóng dương để hoa vàng chẳng đoái,
 Hoa để vàng bởi tại bóng dương.
 Hoa vàng, hoa rụng quanh tường,
 Trải xem hoa rụng đêm sương mấy lần.
 Chồi lan nở trước sân đã hái,
 310 Ngọn tần ³ kia bên bãi đưa hương.
 Sửa xiêm đạo bước tiền đường, ⁴
 Ngửa trông xem vẽ thiên chương ⁵ thẩn thờ.
 Bóng Ngân Hán ⁶ khi mờ khi tỏ,
 Độ Khuê triển ⁷ buổi có buổi không.
 315 Thức mây đôi lúc nhạt nồng,

Khảo dị:

303. Hường dương lòng thiếp *như* hoa (NĐM)
 306. Hoa để vàng *cũng* tại bóng dương (HXH)
 309. Chồi lan *nở* trước sân đã hái (NQO)
 Mầm lan nở trước sân đã hái (HXH)
 311. Sửa xiêm, *rảo* bước tiền đường (HXH)
 313. Bóng Ngân *hà* khi mờ khi tỏ (NĐM)
 315. Thức mây *đôi* lúc *nghiêng* nồng (HXH)

Chú thích:

1. *Hường dương*: (*dương*: mặt trời) chỉ hoa quỳ một thứ hoa màu vàng như hoa cúc, to bằng cái đĩa, buổi mai quay về hướng Đông, buổi chiều quay về hướng Tây, theo bóng mặt trời.

2. *Bóng dương*: bóng mặt trời.

3. *Ngọn tần*: ngọn rau tần. Rau tần là thứ rau mọc ở dưới nước, hồi xưa người ta thường hái để dùng vào việc cúng tế.

4. *Tiền đường*: nhà ở phía trước.

5. *Thiên chương*: vẽ đẹp ở trên trời, tức là mặt trời, mặt trăng và các tinh tú.

6. *Ngân Hán*: (*ngân*: bạc, *Hán*: tên một con sông), cũng nghĩa như *Ngân Hà* là tên gọi một đường trắng dài ở trên trời do ánh sáng nhiều sao thành ra, trông như con sông bằng bạc.

Hỡi con vịt nước kia ơi, sao mày vùng vẫy ở nơi Ngân Hà (Ca dao).

7. *Khuê triển*: (*khuê*: một chòm sao trong Nhị thập bát tú, chủ về văn chương; *triển*: độ đường đi của mặt trời, mặt trăng và sao) đường đi của chòm sao Khuê.

Chuôi sao Bắc Đẩu thôi đông lại đoài. ¹
 Một năm một lạt mùi son phấn,
 Trượng phu còn thơ thẩn miền khơi.
 Xưa sao hình ảnh chẳng rời,
 320 Bây giờ nỡ để cách vời Sâm, Thương. ²
 Chàng ruổi ngựa dặm trường mây phủ,
 Thiếp dạo hải lồi cũ rêu in.
 Gió xuân ngày một vắng tin,
 Khá thương lỡ hết mấy phen lương thì. ³
 325 Sợ nhớ khi cành Diêu, đóa Ngụy, ⁴
 Trước gió xuân vàng tía sánh nhau.
 Nọ thì ả Chức, ⁵ chàng Ngâu, ⁶

Khảo dị:

316. *Đuôi* sao Bắc Đẩu thôi đông lại đoài (HXX)

Mặt trắng tỏ thường soi bên gối,
Bừng mắt trông sương gội cành khô.
Lạnh lòng thay bấy, chiều thu!
Gió may hiu hắt, trên đầu tường vôi.

Bốn câu này bản NDM và HXH đều không có

Nếu so với bản chữ Hán của Đặng Trần Côn thì bốn câu ấy đã được dịch từ hai câu:

Nguyệt chiếu hê ngã sàng,
Phong xuy hê ngã song.

nhưng đã diễn ý thêm ra.

321. Chàng *giông* ngựa dặm trường mây phủ (HXX)

322. Thiếp *rảo* hải *ngiêng* cũ rêu in (HXX)

324. Khá thương *lần* hết mấy phen lương thì (NQO)

Chú thích:

1. *Đoài*: phương Tây. Theo bát quái thì quẻ Đoài chỉ phương Tây.

2. *Sâm, Thương*: tên hai chòm sao, sao Sâm ở phương Tây, sao Thương ở phương Đông, chòm này hiện ra thì chòm kia lặn đi, không bao giờ trông thấy cùng ở trên trời.

Nghĩa bóng nói về hai người cách biệt ở hai phương trời, không gặp được nhau.

3. *Lương thì*: thời tiết tốt đẹp, cả câu ý nói cái thời thanh xuân đã qua đi mau, lờ mờ hết cả rồi.

4. *Cành Diêu đóa Ngụy*: hoa mẫu đơn có hai loại quý hơn cả là Diêu hoàng và Ngụy tử. Sở dĩ gọi như vậy vì nhà Diêu Sùng có thứ hoa mẫu đơn vàng và nhà Ngụy Nhân Phổ có thứ hoa mẫu đơn tía rất đẹp.

5. *Ả Chức*: Chức Nữ.

6. *Chàng Ngâu*: (*Ngâu*: do chữ *ngưu* đọc chạnh ra): Ngưu Lang.

330 Tới trăng thu lại bắc cầu ¹ qua sông.
 Thương một kẻ phòng không luống giữ,
 Thời tiết lành lăm lẽ đòi nau.
 Thoi đưa ngày tháng ruối mau,
 Người đời thấm thoát qua màu xuân xanh.
 Xuân, thu để giận quanh ở dạ, ²
 Hợp ly đành buồn quá khi vui. ³
 335 Oán sâu nhiều mối tơ bời,
 Vóc bồ liễu ⁴ dễ ép nài chiều xuân.
 Kìa Văn Quân ⁵ mỹ miều thuở trước,
 E đến khi đầu bạc mà thương.
 Mặt hoa nọ gã Phan Lang, ⁶

Khảo dị:

328. Đến trăng thu lại bắc cầu qua sông (NQO)

329. Thiết một thân phòng không luống giữ (NQO)

Thiết một kẻ phòng không luống giữ (HXH)

335. Oán sâu nhều rồi tơ bời (HXH)

336. Liễu bồ hầu dễ ép nài chiều xuân (NQO)

Chú thích:

1. *Bắc cầu*: đến ngày mồng bảy tháng bảy quạ (ô thước) lại bắc cầu cho Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau. Khi gặp nhau, họ khóc quá thành mưa rơi xuống trần gian mà ta gọi là mưa ngâu.

2. *Xuân thu... ở dạ*: câu này ý nói cái giận mùa xuân chưa hết đã đến cái giận mùa thu, nó cứ quẩn quanh ở trong dạ.

3. *Hợp ly... khi vui*: câu này ý nói cái vui hợp mặt thì ít mà cái buồn biệt ly thì nhiều nên lòng càng thêm buồn.

4. *Bồ liễu*: một thứ cây cành lá mềm mại trông có vẻ yếu ớt, thường được dùng để ví với phụ nữ. Cả câu ý nói cái thân bồ liễu dễ tàn tạ đâu dễ nài xin được vẻ xuân tươi mãi.

5. *Văn Quân*: Trác Văn Quân mê tiếng đàn của Tư Mã Tương Như đã bỏ theo chàng. Sau Tương Như muốn lấy vợ lẽ, nàng làm bài *Bạch đầu ngâm* khiến chàng cảm động liền thôi.

Người chinh phụ đây cũng “e đến khi đầu bạc” mà lo không biết chồng mình có còn thương nữa không?

6. *Phan Lang*: tức là Phan Nhạc, người Trung Mâu, đời Tấn, đẹp trai, đi đâu cũng được đàn bà con gái cảm vẻ đẹp mà lấy trái cây ném đùa.

Cả hai câu 339–340 ý nói gã Phan Lang lúc trẻ đẹp trai đàn bà con gái thường ném trái cây để ghẹo nhưng khi đã già, tóc đã điểm sương, thì không ai ném nữa (ngưng).

- 340 Sợ khi mái tóc pha sương cũng ngừng.¹
 Nghĩ nhan sắc đương chừng hoa nở,
 Tiếc quang âm² lần lửa gieo qua.
 Nghĩ mình bạc, tiếc niên hoa,³
 Gái tơ mấy chốc xảy ra nạ dòng⁴
 345 Gác hương nọ mơ màng vẽ mặt,
 Lầu hoa kia phảng phất hơi hương.
 Trách trời sao để lỡ làng,
 Thiếp rầu thiếp, lại rầu chàng chẳng quên.
 Chàng chẳng thấy chim uyên⁵ ở nội,
 350 Cũng dập dìu chẳng vội phân trương.⁶
 Chẳng xem chim yến trên lương,⁷
 Bạc đầu không nở đôi đường rẽ nhau.
 Kìa loài sâu hai đầu cũng sánh,
 Nọ loài chim chấp cánh cùng bay.
 355 Liễu sen là thức cỏ cây,
 Đôi hoa cũng sánh, đôi cây cũng liền.⁸

Khảo dị:

340. *Lệ* khi mái tóc pha sương cũng ngừng (HXH)

341. *Ngừng* nhan sắc đương chừng hoa nở (HXH)

343. *Ngừng* bạc mệnh, tiếc niên hoa (HXH)

344. Gái tơ mấy chốc *mà* ra nạ dòng (NQO)

345. Gác *nguyệt* nọ mơ màng vẽ mặt (NDM)

346. Lầu hoa kia phảng phất *mùi* hương (NDM)

351. Chẳng xem chim *én* trên *rường* (HXH)

352. Bạc đầu không nở đôi đường *ghê* nhau (HXH)

353. Kìa loài *cùng* đôi đầu *cùng* sánh (HXH)

354. Nọ loài *kiêm* chấp cánh cùng bay (HXH)

356. Đôi hoa *cùng* *dính*, đôi cây *cùng* liền (HXH)

Chú thích:

1. *Ngừng*: thôi, ngưng không ném trái cây để chòng ghẹo nữa.

2. *Quang âm*: (*quang*: sáng, *âm*: tối) chỉ ngày tháng, thì giờ.

3. *Niên hoa*: tuổi hoa, thời tuổi trẻ.

4. *Nạ dòng*: đàn bà đã đẻ nhiều con và đã có tuổi.

Nạ dòng trang điểm hãy còn xuân xanh (Ca dao)

Nạ dòng trang điểm gái tơ mất chồng (Ca dao)

5. *Chim uyên*: một giống chim con trống gọi là uyên, con mái gọi là ương, thường sống thành cặp không bao giờ lìa nhau, nếu một con chết thì con kia cũng chết theo.

6. *Phân trương*: phân chia.

7. *Lương*: ruộng, quá giang.

8. *Đôi hoa... cũng liền*: cả câu ý nói tình vợ chồng không gì chia lìa được.

Ấy loại vật tình duyên còn thế,
 Sao kiếp người nữ để đây đây.
 Thiếp xin về kiếp sau này,
 360 Như chim liền cánh, như cây liền cành.¹
 Đành muôn kiếp chữ tình đã vậy,
 Theo kiếp này hơn thấy kiếp sau.
 Thiếp xin chàng chớ bạc đầu,
 Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung.
 365 Xin làm bóng theo cùng chàng vậy,
 Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên.
 Chàng nương vầng nguyệt phỉ nguyên,
 Mọi bề trung hiếu thiếp xin vẹn tròn.
 Lòng hứa quốc² thăm son³ ngăn ngắt.
 370 Sức tí dân⁴ dường sắt tri tri.
 Máu Thiên Vu,⁵ quắc⁶ Nhục Chi,⁷
 Ấy thì buổi uống, ấy thì bữa ăn.
 Mũi đồng bác đòi⁸ lần hăm hở,
 Đã lòng trời gìn giữ người trung.

Khảo dị:

359. Thiếp xin *muôn* kiếp sau này (HXH)
 361. Đành muôn kiếp chữ tình *thì* vậy (HXH)
 367. Chàng nương vầng *nhật* *thiếp* nguyên (HXH)
 369. Lòng hứa quốc *tựa* son ngăn ngắt (NĐM)
 Lòng hứa quốc thăm son *ngắt* ngắt (HXH)
 370. Sức tí dân *cứng* sắt tri tri (HXH)
 372. Ấy thì *bữa* uống, ấy thì bữa ăn (HXH)
 373. Mũi *đòng* bác đòi lần hăm hở (HXH)

Chú thích:

1. *Như chim... liền cành*: cả câu ý nói tình vợ chồng đời đời không rời nhau.
2. *Hứa quốc*: (*hứa*: nhận lời làm một việc gì, *quốc*: nước) tình nguyện đem thân ra giúp nước. Khổng Trĩ Khuê có câu: "*Bản tri hứa quốc chí*" nghĩa là vốn giữ chí giúp nước.
3. *Thăm son*: ý nói bền chặt, không phai lạt.
4. *Tí dân*: (*tí*: che chở, bênh vực) che chở bênh vực cho dân chúng.
5. *Thiên Vu*: xứ Hung Nô gọi vua là Thiên Vu.
6. *Quắc*: đầu. Chúa Hung Nô giết vua Nhục Chi, lấy cái sọ làm đồ đựng nước uống.
7. *Nhục Chi*: tên một xứ ở giáp tỉnh Cam Túc. Đời Hán, nước ấy bị Hung Nô đánh phá, dân chạy sang A Mâu Hà và lập thành nước *Đại Nhục Chi* nay thuộc tỉnh Hà Bắc. Phần dân không chạy đi, ở lại chỗ đất cũ thì gọi là *Tiểu Nhục Chi*, nay thuộc tỉnh Cam Túc.
8. *Đồng bác*: (cũng đọc là *đòng vác*): gươm giáo.

375 Hộ chàng trăm trận nên công,
 Buông tên ải bắc, treo cung ¹ non đoài.
 Bóng kỳ xí ² giã ngoài quan ải,
 Tiếng khải ca ³ trở lại thần kinh. ⁴
 Đỉnh non ⁵ bia đá đề danh,
 380 Triều thiên vào trước cung đình ⁶ dâng công.
 Nước duềnh Hán ⁷ viết đồng ⁸ rửa sạch,
 Khúc nhạc từ réo rất lưng khen.
 Tài so Tần, ⁹ Hoắc ¹⁰ vện tuyền,
 Tên ghi gác khói, ¹¹ tượng truyền đài Lân. ¹²
 385 Nền huân tướng ¹³ đai cân ¹⁴ rạng vẻ.

Khảo dị:

377. Bóng cờ xí giã ngoài quan ải (HXXH)

379. Non Yên, thơ đá đề danh (HXXH)

381. Nước duềnh Hán, viết đồng rửa sạch (HXXH)

382. Khúc nhạc từ réo rất *tiếng* khen (NQO)

Khúc nhạc từ réo rất *khong* khen (HXXH)

385. Nền huân tướng đai cân *giại* vẻ (HXXH)

Chú thích:

1. *Buông tên... treo cung*: ý nói hết cuộc chiến tranh, thôi đánh giặc.

Đỗ Phủ có câu: "*Phiên Hải vô truyền tiễn, Thiên Sơn tảo quải cung*" (Chỗ Phiên Hải không còn bắn tên truyền hiệu lệnh trong quân, núi Thái Sơn cũng sớm treo cung).

2. *Kỳ xí*: (*kỳ*: cờ, *xí*: cờ) cờ trận.

3. *Khải ca*: (*khải*: hát mừng thắng trận) bài hát vui vẻ mừng chiến thắng trở về kinh đô.

4. *Thần kinh*: kinh đô.

5. *Đỉnh non*: đỉnh núi Yên Nhiên, nơi có dựng bia ghi công các tướng sĩ.

6. *Cung đình*: tức là cung Vị Ương xây từ đời nhà Hán.

7. *Duềnh Hán*: tức sông Ngân Hà hoặc Ngân Hán.

Đỗ Phủ có câu: "*An đắc tráng sĩ vãn Thiên Hà tẩy tịnh giáp binh*" (Ước gì được các tráng sĩ đem nước sông Ngân Hà mà rửa cho sạch binh khí, từ nay không còn dùng đến nữa).

8. *Viết đồng*: các đồ khí giới.

9. *Tần*: tức Tần Quỳnh tự là Thúc Bảo, một công thần đời Đường.

10. *Hoắc*: tức Hoắc Quang, một công thần đời Hán.

11. *Gác khói*: tức Lăng Yên các (gác cao vượt trên từng mây khói) do vua Đường Thái Tông cho xây dựng để vẽ tượng các công thần.

12. *Đài Lân*: tức Kỳ Lân đài do vua Đường Tuyên Tông cho xây dựng để vẽ tượng các vị công thần.

13. *Huân tướng*: (*huân*: công lao) tướng có công lao với nước.

14. *Đai cân*: cái đai áo và cái khăn, y phục của các quan, ý nói quan cách.

Chữ đồng hưu¹ bia để nghìn đông.
 Ôn trên tử ấm,² thê phong,³
 Phận vinh thiếp cũng đượm chung hương trời.⁴
 Thiếp chẳng đại như người Tô phụ,⁵
 390 Chàng hẩn không như lũ Lạc Dương.⁶
 Khi về đeo quả ấn vàng,
 Trên khung cử dạm dấy duồng làm cao.
 Xin vì chàng xếp bào, cởi giáp,
 Xin vì chàng giữ lớp phong sương.
 395 Vì chàng tay chúc chén vàng,
 Vì chàng điểm phấn, đeo hương nảo nùng.⁷
 Giở khăn lệ⁸ chàng trông từng tấm,
 Đọc thơ sầu chàng thấm từng câu.
 Câu vui đối với câu sầu,

Khảo dị:

- 386. Chữ đồng hưu bia *thẻ* nghìn đông (HXH)
- 388. *Hiển* vinh thiếp cũng đượm chung hương trời (NQO)
Phận vinh thiếp cũng đượm chung hương trời (NQO)
- 390. Chàng hẩn *khôn* như lũ Lạc Dương (HXH)
- 392. Trên khung cử dạm *dẻ dàng* làm cao (HXH)
- 393. Xin vì chàng *thay* bào cởi giáp (HXH)
- 395. Vì chàng tay *chuoắc* chén vàng (HXH)
- 397. *Mở* khăn lệ chàng trông từng tấm (NDM)
- 398. Đọc thơ sầu chàng *thấm* từng câu (HXH)
- 399. Câu vui *đối* với câu sầu (HXH)

Chú thích:

1. *Đồng hưu*: (*hưu*: vui) cùng vui.
2. *Tử ấm*: (*tử*: con, *ấm*: bóng che) quan tước của cha để lại cho con cháu.
3. *Thê phong*: (*thê*: vợ, *phong*: được phong tước) vợ được phong tước.
4. *Hương trời*: hương của nhà vua tức ơn vua.
5. *Tô phụ*: vợ Tô Tần. Lúc Tô Tần chưa làm nên thì khinh rẻ, chồng về cứ ngồi dẹt không ra đón, khi Tô Tần làm tướng sáu nước, đeo ấn vàng về, sợ hãi dậu dạm nhìn thẳng. Tô Tần phán bảo câu gì cũng phải lắng tai nghe không ra thân phận gì.
6. *Lạc Dương*: Tô Tần người Lạc Dương (thuộc tỉnh Hà Nam) có tài hơn người. Cả câu 390 ý nói chàng hẩn không như Tô Tần khi về đeo quả ấn vàng mà khinh rẻ vợ vì thiếp dậu có phải là Tô phụ chứ?
7. *Nảo nùng*: thường hiểu là khổ trong lòng *Ve ngâm buồn bã, để kêu nảo nùng* (LVT).

Chữ này xưa có nghĩa là xinh đẹp, đẹp đến nỗi làm cho người ta phải nảo lòng như Ôn Như Hầu đã viết: “Áng đào kiêm dâm bông nảo chúng”. Ở câu này *nảo nùng* có nghĩa là xinh đẹp.

8. *Khăn lệ*: khăn lau nước mắt lúc nhớ chồng.

400 Rượu khà ¹ cùng kể trước sau mọi lời.
 Sẽ rót vơi lần lần đòi chén,
 Sẽ ca dần ren rén đòi liên.
 Liên ngâm, ² đối ẩm ³ từng phen,
 Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.
 405 Cho bỏ lúc sầu xa cách nhớ,
 Giữ gìn nhau vui thưở thanh ninh.⁴
 Ngâm nga mong gửi chữ tình,
 Đường này âu hẩn tài lành trượng phu.⁵

Khảo dị:

- 401. Sẽ rót vơi lần lần *từng* chén (NĐM)
- 402. Sẽ ca dần ren rén *từng* *thiên* (NĐM)
- 403. Liên ngâm đối ẩm *đòi* phen (NĐM)
- 404. Cùng chàng lại kết mối duyên *tận* già (HXX)
- 406. Giữ gìn nhau vui thưở thanh *bình* (NĐM)
- 407. Ngâm nga mong *mỗi* chữ tình (NĐM)

Chú thích:

- 1. *Rượu khà*: nói uống rượu xong mỗi hớp lại *khà* một tiếng ý khen ngon.
- 2. *Liên ngâm*: làm thơ chung, cứ mỗi người làm một hai câu nối lại thành bài.
- 3. *Đối ẩm*: ngồi đối diện nhau cùng uống rượu.
- 4. *Thanh ninh*: (*thanh*: trong sạch, không có bụi bậm, ý nói không có chiến tranh, loạn lạc; *ninh*: yên ổn) yên ổn, không có chiến tranh, cũng như chữ *thái bình*, *thanh bình*.
- 5. *Trượng phu*: người đàn ông có chí khí hơn người. Mạnh Tử có định nghĩa hai chữ *trượng phu* như sau: “*Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất, thứ chi vị đại trượng phu*” (Giàu sang không làm cho say đắm, nghèo hèn không làm cho thay lòng, uy vũ không làm cho khiếp sợ, thế mới gọi là *đại trượng phu*).

TƯỜNG CHÚ

6. **Cam Tuyền:** (cũng đọc là *Cam Toàn*) tên ngọn núi ở cách Tràng An hai trăm dặm. Ngọn núi này khá cao nên đứng ở Cam Tuyền có thể trông thấy được Tràng An.

Thời xưa, khi có giặc, người ta đốt lửa về ban đêm và đốt một thứ phân con lang về ban ngày để cho khói lên cao mà báo tin về kinh đô.

11. **Sứ trời:** do chữ *sứ tinh*. Vua Hòa Đế nhà Hán sai hai sứ giả đến Ích Châu dò thám mà không cho quan thứ sử ở châu ấy là Lý Cáp biết, nhưng Lý Cáp nhờ xem thiên văn thấy có hai sứ tinh tiến về Ích Châu nên biết trước được.

18. **Xếp bút nghiên:** Ban Siêu, đời Hán, nhà nghèo lắm, lúc trẻ phải đi viết thuê để lấy tiền nuôi mẹ và ăn học. Có lần, ông phần chí ném bút đi mà nói rằng: *“Kẻ nam nhi phải nên bắt chước Phó Giới Tử và Trương Khiêm đi lập công danh ở ngoài biên thùy để được phong hầu sao lại cứ bám lấy bút nghiên thế này”*. Sau Ban Siêu lập được công danh như chí mình muốn và được phong Viễn Đình hầu.

21. **Da ngựa:** Mã Viện đời Đông Hán, 70 tuổi còn đem binh đi đánh trận, thường nói rằng: *“Trượng phu đương mã cách khóa thi, ninh khả tử ư nhi nữ tử chi thủ hồ”* (Kẻ làm trai nên chết ở nơi chiến trường lấy da ngựa mà bọc xác, sao lại chịu chết ở tay đàn bà?).

Sau Mã Viện chết trận thật.

- 35 **Long Toàn:** tên một thanh gươm quý. *Tân thư* có chép rằng: “Trong khoảng sao Ngưu sao Đẩu có khí sáng. Lôi Hoán ở Dự Chương nói: “Đó là cái khí của bảo kiếm xông lên trên trời”.

Trương Hoa hỏi ở về quận nào? Lôi Hoán nói ở Phong Thành, đất

Dự Chương.

Tức thì Trương Hoa bổ ngay cho Lôi Hoán ra làm huyện lệnh ở

Dự Chương.

Khi Lôi Hoán đến huyện, sai đào cái nền nhà ngục, sâu xuống hơn bốn trượng thì thấy một cái hòm bằng đá sáng lạ lùng, trong có hai thanh bảo kiếm, một thanh có khắc chữ Long Tuyền, một thanh có khắc chữ Thái A. Sau khi đào xong, đêm ấy ở khoảng sao Đẩu và sao Ngưu không thấy có ánh sáng nữa”.

36. **Hang beo:** do chữ *hổ huyết*. Ban Siêu, đời nhà Hán, có nói: “*Bất nhập hổ huyết, an đắc hổ tử*” (không vào hang hổ thì làm sao bắt được hổ con). Ban Siêu liền cùng 36 người đang đêm xông vào sào huyết của giặc và chém giết được khá nhiều quân giặc.

45 **Doanh liễu:** chỗ đồn binh. Đời Hán, Chu Á Phu đi đánh Hung Nô đóng đồn ở đất Tế Liễu (thuộc tỉnh Thiểm Tây) vì thế chỗ đồn quân được gọi là *liễu doanh*.

58. **Tiêu Tương:** sông Tiêu và sông Tương. Cổ thi có câu: “*Sổ thanh phong dịch ly đình vân, quân hướng Tiêu Tương ngã hướng Tần*” (Mấy tiếng dịch lúc buổi chiều ở chỗ ly đình, bây giờ người sang Tiêu Tương còn ta thì sang Tần).

Thơ Bạch Lạc Thiên cũng có câu:

Quân tại Tương giang đầu,

Thiếp tại Tương giang vĩ.

Tương cố bất tương kiến,

Đồng ẩm Tương giang thủy.

(Chàng ở đầu sông Tương, thiếp ở cuối sông Tương. Cùng trông mà cùng chẳng thấy, cùng uống nước sông Tương).

66. **Nghỉ mát:** ngủ lại.

Đường thi có câu: “*Kim dạ nguyệt minh hà xứ túc, cửu tiêu vân quyển bích sâm si*” (Trăng sáng đêm nay nghỉ lại ở nơi đâu, bãi cát phẳng muồn dậm không có bóng người). Ở đây dịch giả đã thêm chữ *mát* vào để hiệp vần với câu trên tận cùng bằng chữ *cát*. Thực ra chữ *ngủ* đã đủ nghĩa rồi và có thể hiểu là nghỉ lại, ngủ lại.

(Trong quyển *Chinh phụ ngâm diễn ca* - Minh Tân in năm 1954, Hoàng Xuân Hãn đã ghi: “Trong bản *Chinh phụ ngâm* bị khảo tôi đoán là *ngủ mát*, nhưng không chắc đúng”.)

73. **Bạch Thành... Thanh Hải:** Lý Bạch có câu rằng: “*Hán hạ Bạch Đằng thành, Hồ khuy Thanh Hải độ. Cổ lai chinh chiến địa, kỷ kiến hữu nhân hoàn*” (Quân Hán đánh thành Bạch Đằng, giặc Hồ dìm bên Thanh Hải, xưa nay chỗ chiến trận, ít thấy có ai về).

93. **Nức hơi mạnh ân dày từ trước:** câu này dịch từ câu “*Phong nhận hạ, ôn ôn hiệp khoáng chủ ân thâm*” (Trời rét gió lạnh như mũi nhọn đâm vào da mà cảm thấy ấm người như cấp bông vì chịu ơn sâu của nhà vua).

Tả truyện chép rằng: “Vua Sở đi đánh nước Tiêu bấy giờ tiết trời rét quá. Vua Sở đi tuần khắp các đám quân sĩ mà vỗ về. Quân sĩ đều vui lòng mà quên cả rét như người có cấp bông được ấm vậy”.

118. Vương tôn: con nhà quý tộc.

Sở từ có câu rằng: *“Vương tôn du hề bất quy, phương thảo sinh hề thê thê”* (Con nhà quý tộc đi chơi xa chưa về, cỏ thơm mọc đã thấy ngùn ngụt).

126. Quyên: tức chim *đỗ quyên*, loài chim leo (phan cầm) lưng sắc màu tro, bụng trắng đen, và đuôi dài, giống như con tu hú hoặc con chim khách (thước). Mùa hè hay kêu. Tiếng kêu của nó rất buồn.

Các tự điển tiếng Việt thường giảng:

Quyên: con chim cuốc do chữ *đỗ quyên* gọi tắt.

Nhưng quyển *Từ điển Việt - Hán* do Thương vụ ấn thư quán ở Bắc Kinh in năm 1960 lại cho rằng *con cuốc* không phải là con *đỗ quyên* và đã ghi rằng:

Cuốc: chim cuốc, *đỗ quyên* đích ngoa xưng.

Nhận xét ấy của quyển *Từ điển Việt - Hán* là đúng vì con cuốc khác hẳn với con *đỗ quyên*.

Sở dĩ các cụ ta xưa thường lấy *con cuốc* để liên hệ với điển vua Thục để nhớ nước, vì tiếng kêu “quốc quốc” của nó gợi cho ta nghĩ đến nước tức “quốc”. Bà Huyện Thanh Quan khi nghe tiếng cuốc kêu cũng đã viết:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

Nhưng đó chỉ là sự liên hệ trong văn chương chứ trong thực tế *con cuốc* và *con đỗ quyên* là hai con chim khác hẳn nhau.

Con cuốc hơi giống con gà nên người ta mới nói “*Trông gà hóa cuốc*”. Con cuốc không đậu trên cành như con chim quyên nên mới nói “*lủi như cuốc*”.

132. Tuyết mai trắng bãi: mai nở trên bãi trắng tuyết phủ.

Thơ Đường có câu: “*Hữu mai vô tuyết bất tinh thần, hữu tuyết vô mai tục liễu nhân*” (Có hoa mai mà không có tuyết thì không được tinh thần, có tuyết mà không có mai thì trông lại tục).

132. Phù dung đỏ bờ: theo *Hình âm nghĩa tổng hợp đại tự điển* thì *phù dung* có hai loại: loại mọc ở dưới nước gọi là *thảo phù dung* tức một thứ hoa sen, loại mọc ở trên đất gọi là *mộc phù dung* tức là *mộc liên*. Cây *phù dung* cao chừng hơn một thước, lá to, hoa trắng hoặc hồng đậm nở về mùa thu và mùa đông.

Thơ Lý Bạch có câu:

Thanh thủy xuất phù dung,

Thiên nhiên khứ điêu sức.

(Đầm nước trong nảy mọc lên đóa *phù dung* - tức đóa *hoa sen* - tự nhiên không phải trang sức gì).

Phù dung nở bờ: hoa sen nở đỏ ở gần bờ nước.

Câu này dịch đúng với nguyên văn của Đặng Trần Côn: “*Tuyết mai giang, thượng hữu phù dung*” (Cây mai tuyết phủ bên bờ sông lại thấy có hoa sen nở).

152. **Hoàng hoa**: hoa vàng, tức là hoa cúc nở về tháng chín. Lệ xưa bên Trung Quốc, cứ đến tháng chín thì đổi phiên lính đi thú; tháng chín là mùa hoa cúc nở nên lính đi thú phương xa gọi là *hoàng hoa thú* và chỗ đóng quân gọi là *chốn hoàng hoa*. Cũng có sách nói *chốn Hoàng hoa* là đất Hoàng hoa với những tên gọi như *Hoàng hoa đôi*, *Hoàng hoa lân*, *Hoàng hoa phụ*. *Chốn Hoàng hoa* ấy, đời Chiến Quốc và đời Đường, quân triều đình đã nhiều lần đánh nhau với Nhu Nhiên và Đột Quyết.
157. **Tựa cửa**: Điển Vương Tôn Giả thờ vua nước Tề. Vua Tề gặp loạn phải chạy trốn. Giả không theo, về nhà, bà mẹ mắng rằng: “*Mọi ngày con chậm về thì ta tựa cửa mong con. Nay con thờ vua, vua gặp nạn chạy trốn, con không biết vua đi đâu, con còn về làm gì nữa?*”
Tựa cửa sau được dùng để chỉ cảnh người mẹ mong đợi con về.
170. **Gương lầu Tần**: Tần Thủy Hoàng có cái gương rộng bốn thước, cao năm thước chín, người ta lấy tay để vào trái tim mà soi thì thấy cả ruột gan, soi người có bệnh thì thấy chỗ đau, soi đàn bà bất chính thì thấy cái mặt phồng lên, trái tim động.
Thủy Hoàng dùng kính ấy soi các cung nữ, hễ thấy ai mặt phồng lên và tim động thì giết đi.
179. **Thấy nhàn**: thấy chim *nhạn*. Điển Tô Vũ: Xưa Tô Vũ, đời Hán, đi sứ Hung Nô, vì ăn nói cương trực bị chúa Hung Nô tức giận, bắt đầy lên Bắc Hải chăn dê. Về sau, khi hai nước hòa hoãn trở lại, vua Hán đòi sứ giả thì chúa Hung Nô nói Tô Vũ đã chết. Nhờ có mưu của Thương Huệ, vua Hán cho sứ giả sang Hung Nô báo có bắt được con nhạn ở chân có bức thư của Tô Vũ. Chúa Hung Nô tưởng thật, bèn cho người đi tìm Tô Vũ mà trả về cho vua Hán. Do điển này mà *tin nhàn* được dùng để chỉ tin tức.
185. **Chữ gấm**: do chữ *cấm tự*. Điển nàng Tô Huệ thêu bức “cấm hồi văn”: Đậu Thao đời Tấn phải đi lính, vợ là Tô Huệ ở nhà mới làm một bài thơ, thêu trên gấm, xin với vua cho chồng được về. Trong bài thơ ấy có câu: “*Chức tương nhất bản hiến Thiên tử, nguyện phóng nhi phu cập tảo hoàn*” (Dệt nên bức gấm dâng Thiên tử, cho phép chồng con sớm trở về).
239. **Ả Chức**: do chữ Chức Nữ (người con gái dệt vải). Theo sách *Kinh Sở tuế thời ký*: Ở hướng đông sông Ngân Hà có Chức Nữ, cháu Trời rất giỏi thêu dệt, Trời gả cho Ngưu Lang (chàng chăn trâu). Từ khi có chồng, nàng biếng nhác việc canh cửi nên Trời phạt, bắt hai vợ chồng phải xa nhau, mỗi năm chỉ cho gặp nhau có một lần vào đêm mồng bảy tháng bảy, ta thường gọi là ngày *Ngâu vầy*.

246. **Ôm đàn tranh:** cổ thi có câu rằng: “*Sầu lai dục tấu tương tư khúc, bão đắc ngân tranh bất nhãn đàn*” (Khi nổi buồn rầu đến, muốn gảy một khúc nhạc tương tư, nhưng ôm cái đàn ngân tranh mà không nỡ gảy).

249. **Ca quyên ghẹo làm rơi nước mắt:** (*quyên*: đỗ quyên, một con chim giống như con tu hú hoặc con chim thước). Tiếng kêu của nó rất buồn nghe ra như thành câu “*bất như quy khứ*” (chẳng là về thôi) nên dễ ghẹo lòng người như cảnh người chinh phụ phải “rơi nước mắt”. Sách *Quảng sự loại* có câu: “*Đỗ quyên sơ minh, tiên văn giả chủ ly biệt chi khổ*” (Khi chim đỗ quyên mới bắt đầu kêu, ai nghe thấy nó kêu trước nhất là sẽ bị cảnh khổ biệt ly).

Tiếng kêu của nó cũng khiến lữ khách dễ động lòng nhớ nhà.

Thôi Đồ đời Đường có viết rằng:

Hồ điệp mộng trung gia vạn lý,

Đỗ quyên chi thượng nguyệt tam canh.

(Trong giấc điệp mơ màng nhớ đến nhà ở xa vạn dặm lại nghe thấy tiếng chim đỗ quyên kêu lúc canh ba càng thêm buồn bã).

264. **Một giờ mộng xuân:** Thơ Sầm Tham có câu:

Động đình tác dạ xuân phong khởi,

Dao ước mỹ nhân Tương giang thủy.

Chấm thượng phiến thời xuân mộng trung,

Hành tân Giang Nam sổ thiên lý.

(Động đình đêm trước có gió xuân nổi, tưởng nhớ đến người đẹp ở bến sông Tương. Trên gối trong giấc mộng xuân chỉ có nửa giờ mà đi hết mấy nghìn dặm ở đất Giang Nam).

334. **Hợp ly đành buồn quá khi vui:** cái vui hợp mặt thì ít mà cái buồn xa cách thì nhiều.

Bài thơ *Thất tịch* của Trương Tổ có câu rằng: “*Biệt đa, hội thiếu, nại nhược hà? Khước ước tòng tiền hoan ái đa*” (Xa nhau nhiều, gần nhau ít làm thế nào? Nhớ lúc trước cùng nhau vui ân ái nhiều).

336. **Bồ liễu:** thứ cây có cành lá mềm mại trông có vẻ yếu ớt nên thường được dùng để ví với phụ nữ.

Đời xưa Cố Duyệt cùng tuổi với Giản Văn mà đầu lại bạc trước.

Giản Văn hỏi: “Tại sao bác lại bạc đầu sớm như vậy?”

Cố Duyệt đáp: “*Bồ liễu chi tư, vọng thu nhi lạc. Tùng bách chi chất, kinh sương độc mậu*” (Cái sức bồ liễu gặp tiết thu mà phải rụng, cái chất tùng bách, trải mùa sương mà vẫn tốt).

337. **Văn Quân:** Họ Trác, con Trác Vương Tôn, là một quả phụ xinh đẹp rất thích nghe đàn. Nhân một hôm lại ăn tiệc nhà Trác Vương Tôn, Tư Mã Tương Như biết vậy mới gảy khúc đàn “*Phượng cầu hoàng*”. Văn Quân

say mê, nửa đêm cất lên trốn theo. Trác Vương Tôn cho thế là sỉ nhục không nhận con nữa.

Sau khi về với Tương Như, vợ chồng hòa hợp nhưng rồi Tương Như muốn lấy vợ lẽ. Văn Quân bèn làm bài *Bạch đầu ngâm*. Tương Như cảm động liền thôi.

342. **Quang âm:** chỉ ngày tháng, thì giờ. Lý Bạch có câu:

“Thiên địa giả vạn vật chi nghịch lữ; Quang âm giả bách đại chi quá khách” (Trời đất là nhà trọ của muôn vật; quang âm là khách qua đường của trăm đời).

356. **Đôi hoa cùng sánh:** theo Tình sử: Hai vợ chồng Trương Liêm Xuân gặp khi có giặc đến không muốn bị xa nhau mới dắt nhau nhảy xuống ao cùng chịu chết. Cách một năm sau, dưới ao mọc lên thứ sen thơm ngào ngạt gọi là *sen tình đế*.

356. **Đôi cây cùng liền:** theo Tình sử: Đời Chiến Quốc, Hàn Bằng có vợ là Hà Thị đẹp lắm. Vua Tống Khang Vương muốn bắt Hà Thị vào làm cung phi, đã tống giam Hàn Bằng. Hàn Bằng tự tử chết. Hà Thị cũng tự tử chết theo và có để lại di bút xin được chôn bên cạnh chồng. Vua Tống nổi giận không cho chôn gần nhau mà bắt phải cách xa một vài thước. Bỗng có hai cây liễu mọc ở hai ngôi mộ ấy mà rễ ở dưới đất quấn liền nhau, cành ở trên trời kết liền nhau. Lại có đôi chim uyên ương thường tới đậu ở trên cây hót. Ngụ ý nói tình vợ chồng không gì chia lìa được.

360. **Như chim... liền cành:** câu này được dịch từ câu *“Tại thiên nguyện tác tỉ dục điểu, tại địa nguyện vi liên lý chi”* trong bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị thuật lời thề của Đường Minh Hoàng cùng Dương Quý Phi trong đêm thất tịch.

382. **Khúc nhạc tử:** dịch từ chữ Bình hoài tụng. *Cựu Đường thư* chép rằng: “Khi đất Hoài, Thái đã dẹp yên, thì Hàn Dũ có soạn bài văn bia *Bình Hoài tây bi*.

Trong bài bia đó, Hàn Dũ đã ca ngợi công trạng của Tể tướng Bùi Độ, trong khi thực có công là Lý Tố, người đã vào tận nước Ngô để bắt giặc Ngô Nguyên Tế. Vợ Lý Tố là con bà Đường An Công chúa không chịu ghi công sai lạc ấy mới tìm cách vào tâu vua xin cải chính lại lời bia. Nhà vua biết rõ sự thực đã cho Đoàn Văn Xương, Hàn lâm học sĩ làm bài bia khen Lý Tố.

Câu này ý nói nếu có sự ghi sai công trạng của chồng thì người chinh phụ cũng sẽ làm như vợ Lý Tố để bênh vực cho chồng.

383. **Tân:** tức Tân Quỳnh, tự Thúc Bảo, người ở đất Lịch Thành, theo Đường Thái Tông đánh bọn Vương Thế Sung, có công lao được phong tước Hồ Quốc công và tặng chức Tử Châu Đô đốc. Vua Đường Thái Tông đã cho vẽ tượng để ghi công ở *gác Lăng Yên* (gác khổi) gồm 24 vị công thần ví với 24 ngôi sao trên trời.

383. Hoắc: tức Hoắc Quang, người đã có công giúp Hán Chiêu Đế. Chiêu Đế băng, Hoắc Quang đón Xương Ấp Vương về tôn lên ngôi. Xương Ấp, vì hoang dân bị Hoắc Quang phế truất rồi lập Tuyên Đế. Hoắc Quang ra vào cung cấm hai mươi năm trời không làm điều gì sơ suất nhưng lại đem họ hàng vào đầy triều và giao cho nhiều quyền hành. Hoắc Quang chết, Tuyên Đế đổ cho họ Hoắc mưu phản, bèn thu cả quyền hành và cho lệnh giết cả họ. Sau Tuyên Đế nhớ công của Hoắc Quang lại cho vẽ hình ông ta ở *gác Kỳ Lân* (đài Lân) gọi là Đại công Hoắc Quang Bác Lục hầu.

389. Tô phụ: vợ của Tô Tần, người đàn bà chỉ muốn được vinh hiển nên thấy chồng chưa thành đạt đã vội khinh rẻ. Tô Tần, người nước Triệu, đời Chiến Quốc, hiểu rõ tình hình bảy nước thời bấy giờ là Tề, Sở, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy và Tần.

Tô Tần đề xướng thuyết *hợp tung* (liên hiệp sáu nước để chống Tần), rồi lại đề xướng thuyết *liên hoành* (liên hiệp sáu nước để tôn thờ Tần) Tô Tần đi du thuyết khắp nơi. Lúc còn chưa thành đạt, mỗi khi về nhà, vợ ngồi trên khung cửi, không thềm đứng dậy đón chào. Sau khi hiển đạt, đeo ấn sáu nước trở về, vợ trông thấy sợ hãi, chỉ dám liếc nhìn. Tô Tần sai gì cũng phải làm theo, không còn ra thân phận của người vợ được vinh hiển nữa.

嘉隆四十年穀月吉日

新刊征婦吟演音辭曲

正直堂校梓

征婦吟演音新曲

- 1 課歪坦浚杆臆培。
2 客鴈紅艸餒屯遭。
3 撐箕瀋々層連。
4 爲埃醢孕朱輶餒尼。
5 藏長城龍揀霽月。
6 炤甘泉燂殿式遷。
7 尫吝鎌寶擇牺。
8 姘眈傳檄定暝出征。
9 諾清平亾森解黠。
10 襖戎捍官武自低。
11 使歪殿啄塘遷。
12 法公羅重念西詫帀。
13 塘終踞骸切弓箭。
14 眈餓迢悉絆妻孥。
15 霽旗啣靱賒亾。
16 愁蓮院隘怨黜闌房。
17 弘歲袍本涓豪傑。

18 擱筆硯慍役刀弓。
19 城連懞進陞蜂。
20 楚鎌色決拯容賊歪。
21 志心耦蹊肝膠馭。
22 招泰山弭似鴻毛。
23 嗜茄蹻僂戰袍。
24 叨樗棊渭沟沟臆秋。
25 泐頭棊諾漸如滌。
26 塘邊棊鞞木群薇。
27 迢弘悉弋弋慍。
28 步坤朋馭水坤朋船。
29 諾固泚麻煩空瀉。
30 鞞固蒼麻脰拯懞。
31 乳耒乳吏拎栖。
32 跣却茂跣績績吏蹕。
33 悉妾似羣陵蹻唯。
34 悉弘箕冰埃嫩天。
35 醕耒黠幹龍泉。
36 指昂院教飽沔豁豹。

37 仙樓蘭浪蹺介子。
38 細蛩溪盤事伏波。
39 襖弘襯似霽坡。
40 馭弘色轟如羅雪印。
41 哨樂馭吝羶哨轍。
42 夾麵末一俸攸栖。
43 河梁攸技塘尼。
44 邊塘鞞蘿旗慙愧亡。
45 軍斃色斯外營柳。
46 騎斃群禿壞長楊。
47 軍迢弘驪連塘。
48 柳楊別妾斷腸尼庄。
49 哨笛囁暄澄同望。
50 行旗矧鞞羣拂披。
51 跣弘蹺笠遽迢。
52 妾認孕崗嚙喚餒茄。
53 弘辰矧埃賒湄臙。
54 妾辰衛隄黠詔禡。
55 兌鞞饒色隔垠。

56 滌牟運碧炆痕崗撐。
57 淮咸京弘群暎吏。
58 潯瀟湘妾唉鞞踟。
59 愧瀟湘隔咸陽。
60 杆咸陽隔瀟相余重。
61 共鞞吏麻共拯覓。
62 覓撐撐仍余岸柳。
63 岸柳撐霓茂牟。
64 悉弘意妾埃愁欣埃。
65 弘自矜飽尼臆葛。
66 眈陵尼擬沫方窺。
67 習聆戰地荒包。
68 內空閤蹊掣鞞煇焄。
69 唏臆冷得憇極憚。
70 涓諾淒馭赧踧躋。
71 揜鞍襜黻色瘠。
72 輒蓬龔葛昨璚鞞撐。
73 聆漢輶白城棟洩。
74 暈胡飽清海稻戈。

75 形溪勔崗斯賒。
76 組催吏緦笪它吏高。
77 霜頭崗眼踰如滌。
78 諾悉溪壞沫群淒。
79 怵得襖甲閉數。
80 悉圭戈妬麵愁拯慚。
81 連帳錦透哈庄咻。
82 狀征夫埃驢朱輶。
83 想得駭驪余年。
84 拯尼瀚海辰沔瀟關。
85 色戾阻隊岸蛇虎。
86 吏冷淚仍增霜風。
87 蓮高輶式運籠。
88 悉帑羅拯動悉悲傷。
89 自超踰東南澗壞。
90 別盼弘進討尼兜。
91 仍得征戰閉數。
92 弭祐性命如牟鞞核。
93 噫唏猛恩諄自翫。

- 94 疎准艷歲特包饒。
- 95 嫩祈曼埃陵撩。
- 96 灣淝臆退調囂余堰。
- 97 魂死士臆啣匕退。
- 98 麵征夫陵唯唯燭。
- 99 征夫死士余得。
- 100 帛埃漠麵帛埃噲魂。
- 101 跣兵火諾嫩如黼。
- 102 几行人戈妬嚙傷。
- 103 分糲糲壘戰場。
- 104 扌超邈色點霜買衛。
- 105 想扌疎艷皮爆弩。
- 106 𠂔楚鎌蔑具戎安。
- 107 衝坡臆壘陵岸。
- 108 鎬噤頭馭教挺麵城。
- 109 會功名森塘遁也。
- 110 仍瘠痼帛色擬宜。
- 111 餒念別𠂔共埃。
- 112 妾𦵏翹闌扌外踴邈。

113 𨮒闌尼色停分妾。
114 外還箕𨮒劫𢉰爲。
115 仍懔𩚑諾森圍。
116 包疑堆我諾還隔瀉。
117 妾拯想𨮒得征婦。
118 𢉰𨮒魯學僂王孫。
119 據𨮒隔阻諾嫩。
120 遣得催𨮒辰𨮒仍𨮒。
121 發風流當澄年少。
122 𨮒饒共攔𨮒𨮒緣。
123 女𨮒堆侶少年。
124 關山底隔寒暄包停。
125 課臨行鶯諸絆柳。
126 𨮒𨮒衛約壞𨮒歌。
127 𨮒𨮒色𨮒鶯𨮒。
128 𨮒𨮒吏𨮒𨮒𨮒𨮒。
129 課登途梅諸𨮒𨮒。
130 𨮒𨮒衛指度桃𨮒。
131 𨮒桃色眷𨮒東。

132 芙蓉吏地邊淹娑婆。
133 現共些隴西峇意。
134 巖色輕帟覓唏沁。
135 岌嶷蘿淵梗簪。
136 村昡暄吡啣禽牢敲。
137 現尼窺潢陽楸怒。
138 賄吏尋帟固消耗。
139 岌嶷臙腿襖袍。
140 擺巖滌汜渌潮溟濛。
141 信常吏得空覓吏。
142 裕花殘色洩蔡撐。
143 蔡撐余立嗟觥。
144 璘超茂跣森情嚙噉。
145 書曾細得諸覓細。
146 幅簾疎喀煇羣陽。
147 羣陽余眼穿昂。
148 啞何迺現尫常單差。
149 此併吏斯淵暝意。
150 錢蓮尼吏芳蘿仁。

151 怵得吝呂隘賒。
152 怵得娘准黃花蹊踐。
153 情家室帑埃拯固。
154 箕慈親閨婦忸傷。
155 索縞披拂質霜。
156 猥踈桯洩舐當哺峙。
157 悉老親慍欺預闌。
158 呖孩兒除飴嚙糍。
159 吮裴妾拖孝男。
160 鍊猥烟冊妾心父親。
161 尼戔身餒縞吡裋。
162 接關懷茫挨別包。
163 忸弘疎余秋辟。
164 春曾對買冬帑群餘。
165 計解色已罰隔間。
166 縞悉漆肝萬滾昂。
167 約之斯檜掣嬰。
168 撫念菱葢底弘燄哈。
169 釵宮漢貼暝出嫁。

- 170 𪛗樓秦跣色燭終。
171 搃埃麻嗽典共。
172 𠂔𠂔透歇𦉰悉相思。
173 𦉰𦉰𦉰每欺𦉰𦉰。
174 玉拱頭課𦉰𦉰制。
175 搃埃麻嗽細尼。
176 底𠂔珍重跣得相親。
177 硬𦉰春信𦉰信吏。
178 細春尼信𦉰永空。
179 𦉰鴈𦉰想書封。
180 𦉰𦉰霜𦉰𦉰𦉰產床。
181 𦉰西𦉰空塘鴻便。
182 𦉰埃外雪𦉰𦉰沙。
183 𦉰𦉰𦉰雪𦉰波。
184 擬添冷𦉰𦉰𦉰埃外。
185 題𦉰𦉰封催辰𦉰。
186 招𦉰錢信𦉰群疑。
187 𦉰𦉰𦉰𦉰𦉰魚。
188 𦉰𦉰𦉰𦉰𦉰𦉰。

189 訶如埃塊醯羣吝。
190 俸蜎々矧々虛空。
191 簪拱檐紕懣懣。
192 歷攔邈縵弄鉸腴腰。
193 造軒永耽招曾跣。
194 蚹簾踈揔托隊番。
195 外簾鵲拯吮信。
196 蝓簾悉色固烱別庄。
197 烱別拱羨平拯別。
198 悉妾禎悲切麻催。
199 愜悶呐拯輶唼。
200 花烱箕貝羣得呵傷。
201 鵠吠喔嘅霜舛轍。
202 槐拂按揔羣罽邊。
203 波滌涑潮脈煩。
204 想之刻凭茂年寅夜。
205 香強焮塊陀瘼癩。
206 翺強燭淚吏珠滇。
207 瑟琴強掀瓶彈。

208 縵鴛驚組泛鴛悖鍾。
209 悉尼嗽臆東固便。
210 肝鑽嗔嗽典薇燕。
211 嫩燕油渚細沔。
212 妝弘瀋瀋塘蓮朋歪。
213 歪瀋瀋賒瀉坤透。
214 餒妝弘咧咧帛衝。
215 景愜得切他悉。
216 形核霜揆啖蛩噴。
217 霜如錦劬痢搭柳。
218 湄羨鋸鎬瘳梗梧。
219 鴣高翎霰沙戔。
220 螻墻呌咏鍾廚振淵。
221 毆啖蛸月涑輶屋。
222 戔行蕉臆洩外軒。
223 蘿幔揀院臆穿。
224 霰花蹻霰月蓮翫簾。
225 花煇月月淹戔戔。
226 月篴花花瀋曾萋。

- 227 月花花月重重。
- 228 翫花帶月沖愁掣兜。
- 229 兜掣計閑愁肝惱。
- 230 自女工婦巧調愧。
- 231 哂拈金哂遙梭。
- 232 鶯堆懽絨蛭堆隄綵。
- 233 麵哂蘇呖強哂哂。
- 234 巖吏朝唯唯根窗。
- 235 根窗墮嚙魚愁。
- 236 永抔點粉粧紅貝埃。
- 237 哂粧點愁得愁悴。
- 238 怵餒抔外埃扛冰。
- 239 恪之妣織姊姮。
- 240 澗銀涑淚宮陵祝夢。
- 241 愁拊礪埃重レ禴。
- 242 悶翫浴埃腿レ糍。
- 243 醕共花啞瀉談。
- 244 愁レ醕瀨悶レ花喂。
- 245 枯笙玉余回空啣。

- 246 拊彈箏余泛淞飀。
247 怵得行役閉盼。
248 蹊賒漆痠篋落色瀉。
249 渚捐涑爲鵲鵲嚶。
250 蘿肝鏹黝臙譙枯。
251 瘳鑽對恪形殊。
252 餒睽離別味味羨尼。
253 唸味嗟忪悉買燼。
254 味咳尼訶固爲埃。
255 爲抃淚妾乳堆。
256 爲抃身妾襖雷戔皮。
257 身妾拯斯拱帶帳。
258 淚妾帟舛紅邊巾。
259 啞群魂夢特斯。
260 眈眈常細江津尋得。
261 尋最課陽臺塢黼。
262 吸櫟尼湘浦浚初。
263 森園余六情期。
264 拯戈連禮戔徐夢春。

265 妾恨身更捩朋夢。
266 時斯弘濺陞城關。
267 欺麻仍惜欺殘。
268 情鍾戕閤夢萬拱空。
269 嗑拯搥肱悉罰掣。
270 本蹻弘徐刻帑愧。
271 悉蹻雙渚覓得。
272 蓮高余眈蹻瀉輶車。
273 濺木支阮蘋拖諾。
274 蹻鞬撐槐綠霓賒。
275 南村臚培余茄。
276 彈鷗鷺孕平沙睨朝。
277 塘熠燿草亭余塹。
278 蹻榘吳芮蜀邊遽。
279 北城阮稽檀藹。
280 笛連樓課湄篩吻戕。
281 嫩東覓蘿株苔堞。
282 雉習荏梅拱眼如。
283 岸濶愧鎖震霖。

- 284 猥 鳩 拔 臚 呖 嘍 呌 呌 。
- 285 淹 西 覓 諾 朝 挽 曲 。
- 286 雁 翎 空 湊 啄 船 釣 。
- 287 裕 松 檀 粥 筈 萃 。
- 288 隔 湓 濕 倘 得 却 兜 術 。
- 289 鞞 罽 皮 躡 歪 麵 坦 。
- 290 蓮 輦 樓 審 率 隊 番 。
- 291 笠 運 凝 相 鞞 認 。
- 292 別 兜 坡 埃 羅 沔 玉 門 。
- 293 梔 攄 坦 倚 坤 學 斫 。
- 294 巾 招 楸 帑 特 覓 仙 。
- 295 悉 尼 化 砑 拱 輶 。
- 296 啖 空 淚 玉 麻 蓮 鞞 樓 。
- 297 六 瞞 吏 瞞 牟 楊 柳 。
- 298 辰 勸 扌 仃 韶 爵 封 。
- 299 拯 哈 閤 蹠 蹠 蹠 。
- 300 悉 扌 固 拱 如 悉 妾 庄 。
- 301 悉 扌 否 拱 朋 如 世 。
- 302 悉 妾 兜 敢 擬 斯 賒 。

- 303 向陽悉妾羨花。
- 304 悉拈吝矧啖斜羣陽。
- 305 羣陽底花鑽庄兌。
- 306 花底鑽拱在羣陽。
- 307 花鑽花泔觥牆。
- 308 疎拈花泔睭霜余吝。
- 309 茉莉安翫隣色梅。
- 310 院蘋拱邊擺迢香。
- 311 折檐蹠趾前堂。
- 312 語鞞拈騷天章矧蜎。
- 313 羣銀漢欺霖欺斲。
- 314 度奎躔睨固睨空。
- 315 式遷隊六瀌濃。
- 316 槌辟北斗催東吏兌。
- 317 茂解茂瀌味輪粉。
- 318 丈夫群呀嘅沔淵。
- 319 欺辟形影拯洌。
- 320 悲徐女底隔瀉參商。
- 321 拈踰馭黠長遷撫。

322 妾 蹠 跬 樓 黼 蔡 印 。
323 臚 春 暘 茂 永 信 。
324 可 傷 呂 歇 余 番 良 辰 。
325 仕 汝 欺 梗 姚 朵 魏 。
326 翫 臚 春 鑽 紫 鷗 饒 。
327 怒 辰 姁 女 扌 牛 。
328 細 陵 秋 吏 北 棣 戈 淹 。
329 切 茂 几 隄 空 墮 狩 。
330 辰 節 苓 憐 呂 隊 菟 。
331 梭 迢 暘 眇 躡 毛 。
332 馭 茂 審 率 戈 牟 春 撐 。
333 春 秋 底 恨 縈 於 胞 。
334 合 離 仃 慍 過 欺 慍 。
335 怨 愁 慙 網 蕙 排 。
336 朮 蒲 柳 易 坤 奈 朝 春 。
337 箕 文 君 美 苗 課 翫 。
338 啖 細 欺 頭 泊 麻 傷 。
339 麵 花 怒 弼 潘 郎 。
340 忤 欺 賈 邈 坡 霜 拱 凝 。

341 凝顏色當澄花菱。
342 惜光陰客呂招戈。
343 凝睇薄惜年花。
344 巧絲余祝侈黜娜涓。
345 閣香怒懽懽懽。
346 樓花箕彷彿啼香。
347 責歪鞦底呂廊。
348 妾湏妾吏湏拏拯悃。
349 拏拯覓鳩鴛於內。
350 甘共饒碍餒分張。
351 吏拯覓燕連樑。
352 鉞頭帑女悃塘鄉蹻。
353 翹鳩鴛習超共翎。
354 蹻獐蛩墮另訂移。
355 柳塘蓮俸別之。
356 兼欺拱啗花欺拱連。
357 意類物情緣群世。
358 鞦劫得女技妬低。
359 妾嗔閤劫緣尼。

360 如 鳩 連 翹 如 檣 連 梗 。
361 停 閑 劫 狩 情 辰 丕 。
362 蹺 劫 尼 欣 覓 劫 斲 。
363 妾 嗔 弘 渚 泊 頭 。
364 妾 辰 狩 買 祔 牟 祔 中 。
365 嗔 心 羣 蹺 共 弘 丕 。
366 弘 超 兜 拱 覓 妾 邊 。
367 弘 振 暈 日 變 願 。
368 每 念 忠 愛 妾 嗔 院 賄 。
369 悉 許 國 穡 輪 屹 屹 。
370 飭 疵 民 勁 鏢 知 知 。
371 泖 單 于 矚 月 氏 。
372 意 辰 睨 吐 意 辰 飴 啞 。
373 鉞 銅 博 隊 吝 欣 許 。
374 色 悉 歪 廬 狩 得 忠 。
375 獲 弘 森 陣 成 功 。
376 捥 猋 埃 北 撩 弓 嫩 兌 。
377 羣 幟 嗜 旗 外 關 隘 。
378 哨 凱 歌 跋 吏 神 京 。

379 嶺嶽踈砑底名。
380 朝天飽翫宮庭豷功。
381 湔銀漢鉞銅沼沚。
382 曲歌詞詔嘖啞咧。
383 才翰秦霍院全。
384 銘記閣槐像傳臺麟。
385 展勳將帶巾煇駸。
386 符同休碑篠薳冬。
387 恩連子蔭妻封。
388 分榮妾拱淡鍾香歪。
389 妾拯愧如得蘇婦。
390 弘罕空劍僂洛陽。
391 欺術切顆印鑽。
392 連空斂敢汜揚ハ高。
393 嗔爲弘哈袍檜甲。
394 嗔爲弘揔笠風霜。
395 爲弘舁祝嘖鑽。
396 爲弘點粉切香惱濃。
397 搥巾淚弘韞曾忪。

398 讀詞愁私審曾句。
399 句慍樹歇句愁。
400 唏帟共計斲點每啞。
401 仕津瀉客客隊戰。
402 仕歌寅練練隊聯。
403 聯吟對飲曾番。
404 共私吏結緹緣嗟蕘。
405 朱補六愁賒隔妝。
406 符塵饒慍課清寧。
407 吟哦蒙嗽粹情。
408 羨尼歐罕才鐸丈夫。

KHẢO DỊ ¹

6. Lửa Cam Tuyền lờ loét thức mây
7. Chín lần gươm báu chống tay
18. Gác bút nghiên theo việc đao cung.
22. Gieo Thái Sơn nhẹ nhũ hồng mao.
25. Ngồi đầu cầu nước trong như lọc.
34. Lòng chàng toan bằng cỏi non Thiên.
36. Chỉ ngang ngọn giáo vào miền hang beo
43. Hà lương chia ghe đường này.
46. Kỵ sau còn ngút nẻo Trường Dương.
50. Hàng cờ đi trông bóng phát phơ.
55. Đoái trông nhau đã cách ngăn.
57. Chốn Hàm Kinh chàng còn ngoảnh lại.
58. Ngác Tiêu Tương thiếp hãy trông sang.
60. Con Hàm Dương cách Tiêu Tương mấy trùng.
68. Nội không muôn dặm xiết sao dài dẫu.
78. Nước lòng khe nẻo lợi còn sâu
79. Xót người áo giáp bấy lâu
80. Lòng quê qua đó mặt sầu chẳng khuấy.
82. Trạng chinh phu ai về cho nên.
89. Từ đi sang đông nam khơi nẻo
95. Non kỳ quạnh cỏi trắng treo.
101. Dấu binh hỏa nước non như cũ.
103. Phận trai già cỏi chiến tràng.
108. Mây reo đầu ngựa, giáo dan mặt thành.
109. Hội công danh trăm đường rộn rã.
111. Nỗi niềm biết ngỏ cùng ai.
115. Những mong cá nước sum vầy.
116. Bao giờ đôi ngả nước mây cách vời.
120. Khiến người thôi sớm thì hôm những rầu.
121. Phết phong lưu đương chừng niên thiếu.
125. Thừa lâm hành oanh chưa bận (?) liễu.
127. Nay quyên đã trực oanh già
131. Hẹn cùng ta Lũng Tây đèo ấy.
136. Thôn lư nghe dậy tiếng cầm lao xao.
138. Đêm lại tìm nào có tiêu hao.
142. Gốc hoa tàn đã rải (trải) rêu xanh.
143. Rêu xanh mấy lớp xây quanh
149. Thử tính lại gần khơi ngày ấy.
154. Kìa từ thân khuê phụ nhớ thương.
155. Tác giả phơ phát mái sương.
156. Con thơ măng sữa vả đương bộ trì.

1. Chúng tôi lập bảng *khảo dị* này riêng đối với bản *Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc*.

160. Luyện con đèn sách, thiếp làm phụ thân.
163. Nhớ chàng trái mấy thu sao.
165. Rối lòng thêm nghìn vạn ngổn ngang.
172. Ngổ chàng thấu hết tấm lòng tương tư.
178. Tới xuân này tin hãy vắng không.
186. Gieo qué tiền tin dở còn ngờ.
187. Trời hôm đứng mái ngán ngơ.
192. Lệch làn tóc rối, lỏng vòng lưng eo.
197. Đèn biết cũng dường bằng chẳng biết.
199. Buồn muôn nói chẳng nên lời
203. Bế tuôn lai láng mạch phiền.
204. Tưởng chi khắc vụng một niên dần dà.
208. Dây uyên kinh đứt, phím loan sợ chùng.
217. Sương như búa đeo mòn gốc liễu.
218. Mưa nhường cửa xẻ héo cành ngô.
219. Chim cao cánh mát sa mù.
221. Vài tiếng đế nguyệt rơi trước chái
222. Một hàng tiêu gió rải ngoài hiên.
225. Hoa trái nguyệt, nguyệt in một tấm
240. Bến Ngân rơi lệ, cung trăng chốc mòn.
241. Sầu ôm nặng ai chồng làm gối.
242. Muộn chứa đầy hãy thôi làm cơm.
243. Rượu cùng hoa lấp tả đàm
246. Ôm đàn tranh mấy phiếm lơ tay.
247. Xót người hành dịch mấy nay.
248. Dặm xa thêm mỗi trấp đầy đã vơi
249. Nước mắt rơi vì ca quyên gióng,
250. Lá gan mềm bởi trống tiêu khua.
251. Võ vàng đổi khác hình thù
252. Nỗi khuê ly biết mùi chua đường này.
261. Tìm tới thuở Dương Đài lối cũ.
262. Gặp gỡ nơi Tương Phố bến xưa.
265. Thiếp giận thân lại không bằng mộng.
266. Được gần chàng bến Lũng thành Quan.
271. Lòng theo song chứa thấy người
273. Bến Mộc (?) che ngọn tần rửa nước,
274. Trông cỏ xanh dâu lục nẻo xa.
275. Nam thôn gió bụi mấy nhà,
276. Đàn âu lộ dựng bình sa buổi chiều.
277. Đường dập dìu thảo đình mấy lúc,
278. Trông cây Ngô núi Thục bên mây.
279. Bắc thành ngọn lúa chen dày
280. Dịch trên lầu thuở mưa sây thét dài.
281. Non đông thấy lá rơi đầy đông
282. Trĩ xập xòe mai cũng nhớn nhơ.
284. Con chim bạt gió lo bì nản kêu.
285. Sông tây thấy nước triều uốn khúc.

287. Gốc tùng chen chúc khóm lau
288. Cách duênh thấp thoáng người đầu đi về.
291. Lốp mây ngưng mắt trông nhìn
292. Biết đâu bờ cõi là miền Ngọc Môn
299. Chẳng may muôn dặm ruồi giông
309. Chồi hoa nở trước sân đã hái
310. Ngọn tần cài bên bãi đưa hương
316. Đuôi sao Bắc Đẩu thôi đông lại đoài.
318. Trượng phu còn nha nhẩn miền khơi.
319. Khi sao hình ảnh chẳng rời.
321. Chàng giông ngựa dặm trường mây phủ.
327. Nọ thì ả Nữ chàng Ngâu
328. Tới trăng thu lại bắc cầu qua sông
329. Thiết một kẻ phòng không luống giữ
335. Oán sâu nhều rồi tới bởi
338. E tới khi đầu bạc mà thương
341. Ngừng nhan sắc đương chừng hoa nở
343. Ngừng mình bạc, tiếc niên hoa
350. Cam cùng nhau ngại nỗi phân trương
351. Lại chẳng thấy én trên rường.
352. Bạc đầu nào nữ quên đường quán nhau.
353. Cánh chim quên đập siêu cùng lượn,
354. Chân muông cùng lóng lánh đều di.
355. Liễu đường sen vũng biết chi
356. Chồi chi cùng dính, hoa khi cũng liền
359. Thiếp xin muôn kiếp duyên này
361. Đành muôn kiếp chữ tình là vậy
368. Mọi niềm trung ái thiếp xin vẹn tròn
369. Lòng hứa quốc thắm son ngắt ngắt
370. Sức tỵ dân gắng sắt tri tri.
372. Ấy thì bữa uống, ấy thì bữa ăn
373. Mũi đồng vác đòi lần hăm hờ
379. Đỉnh non thơ đá để danh
381. Đoành Ngân Hán viết đồng rửa sạch
382. Khúc ca từ réo rất không khen
385. Nền huân tướng đại cân giai vẻ
386. Chữ đồng hưu bia *thẻ* nghìn đông
390. Chàng hẩn không kiếm lữ Lạc Dương
392. Trên khung cử dấm dễ dàng làm cao.
393. Xin vì chàng thay bào cối giáp.
395. Vì chàng tay chuốc chén vàng.
399. Câu vui đổi hết câu sầu
400. Hơi nào cùng kể trước sau mọi lời.
404. Cùng chàng lại kết mối duyên tận già.
407. Ngâm nga mong gửi chữ tình

ĐOÀN THỊ ĐIỂM

(1705 - 1748)

Bà hiệu là Hồng Hà người làng Giai Phạm (sau đổi là Hiến Phạm), huyện Văn Giang, (nay thuộc tỉnh Hưng Yên).

Theo gia phả họ Đoàn thì họ của bà trước là họ Lê, đến thời thân phụ bà mới đổi ra họ Đoàn và ông có tên là Đoàn Doãn Nghi. Thân phụ bà đậu Hương cống cuối đời Lê, thi Hội không đậu, ở nhà dạy học và bốc thuốc.

Bà có người anh là Đoàn Doãn Luân. Từ nhỏ bà đã được học tập với cha và anh. Bà thông minh và sớm tỏ ra có văn tài vì thế có nhiều giai thoại xung quanh người con gái tài hoa ấy.

Năm bà 16 tuổi, Thượng thư Lê Anh Tuấn (người Thanh Hóa) nhận bà làm con nuôi và sau có ý định tiến bà vào phủ Chúa Trịnh làm cung phi, nhưng bà không chịu. Bà bèn trở về theo cha, anh dạy học ở làng Lạc Viên, huyện An Dương, nay thuộc Hải Phòng. Năm bà 25 tuổi (1729), thân phụ mất. Cả gia đình lại dời về làng Vô Ngại, huyện Đường Hào, nay là Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên, là nơi dạy học của anh bà. Chẳng bao lâu, anh bà cũng qua đời. Bà liền thay anh mình dạy học và bốc thuốc để nuôi mẹ, chị dâu và cháu nhỏ. Học trò bà cũng có nhiều người thành đạt và có cả người đậu đến đại khoa. Bà có học có tài nên việc kén chồng cũng phải kén người có học có tài và mãi đến năm 37 tuổi bà mới kết duyên với Tiến sĩ Nguyễn Kiều. Ông này góa vợ.

Lấy nhau chưa đầy một tháng thì chồng bà được cử làm Chánh sứ sang công nhà Thanh. Vì có giặc ở biên giới nên chồng bà bị kẹt ở dọc đường, phải gần ba năm mới trở về. Bà ở nhà một mình thay chồng lo việc nhà. Có thể trong thời gian này bà đã dịch *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn vì bà cũng mang tâm trạng như một chinh phụ xa chồng ¹.

1. Trong bài *văn tế bà*, Nguyễn Kiều cũng có viết:
Ba năm đi sứ Bắc, mây liễu buồn chau,
Năm ngựa trở về nhà, mặt hoa cười nở.

Khi trở về, Nguyễn Kiều được cử làm Tham thị ở Nghệ An. Bà theo chồng vào đến nơi thì mắc bệnh và mất ở trong đó, năm ấy mới có 44 tuổi.

Ngoài bản dịch *Chinh phụ ngâm khúc* ra chữ Nôm, Đoàn Thị Điểm còn sáng tác ra tập truyện viết bằng chữ Hán gọi là *Truyện Kỳ tân phả*. Tác phẩm chữ Hán này được giới thiệu trong tập 7 của bộ Tổng tập này.

BẢN B (ĐOÀN THỊ ĐIỂM?)

Diễn âm:

CHINH PHỤ NGÂM

Sau khi đã công nhận Phan Huy Ích là dịch giả bài *Chinh phụ ngâm* hiện hành, cần phải tìm hiểu xem trong hai bản dịch B và C (mà Hoàng Xuân Hãn đã phiên âm và chú thích) bản nào là bản do Đoàn Thị Điểm dịch.

Hiện nay chưa có thể xác định rằng trong hai bản B và C ấy bản nào là do Đoàn Thị Điểm dịch. Vậy xin giới thiệu cả hai bản để làm tài liệu tham khảo.

Viết tắt:

Vc : bản Nôm viết cũ chép hai bài B và C

Lh : bản Long Hòa.

Tt : bản Trường Thịnh.

Ph : Phan Huy Ích

CPNBK : *Chinh phụ ngâm* bị khảo.

HXH : Hoàng Xuân Hãn.

I. THỜI CHIẾN TRANH

1. Cơn gió bụi

Trời đất thuở gió bay bụi nổi,
Khách hồng nhan nhiều nỗi truân chuyên.
Kìa thăm thẳm nhé Thương thiên!
Uầy ai gây dựng nhân duyên lỡ dàng ¹?
5 Vang tiếng trống chốn Tràng An nguyệt,
Ngoài Cam Tuyền, lửa khét rưng ² mây.
Chín lần gươm viết cầm ³ tay,
Nửa đêm cửa tướng hịch bay ⁴ ầm ầm.
Ba trăm năm dưới trời ⁵ bình trị,
10 Việc nhung y nầy kẻ vũ thần.

2. Xuất quân

Sứ tình sớm giục lên đường,
Người đi sợ phép, xem thường biệt li.
Lưng, trẩy đi, cung tên mang mế,
Áo phân tay, xem nhẹ tình duyên.
15 Ngọn cờ ra ải đeo phiên,
Trống còi ổng ổng, dẹp bên, giã nhà.
Giận thiết tha một lời đôi ngã,
Nỗi hợp tan buồn bã xiết lo ⁶.

1. *Lỡ dàng*: Dàng là dạng, nghĩa là khuôn khổ. Nay nói lỡ làng, hoặc nhờ nhàng.

2. *Rưng*: Vc lăm ra *đóa*, vì tự dạng.

3. *Cầm*: Vc chép *trao*. Ý sai. Xét tự dạng, tôi chứa ra *cầm*.

4. *Hịch bay*: Dịch nghĩa đen hai chữ Phi hịch. Ý là truyền hịch rất chóng.

5. *Dưới trời*: Dịch nghĩa đen hai chữ thiên hạ. Nghĩa là toàn cõi.

6. *Xiết lo*: Nghĩa là lo đâu xiết.

3. Chí chinh phu

20 Chàng hai mươi tuổi, cửa Ngô,
 Gác nghề nghiên bút, dõ đồ cung đao.
 Đem thành dài ngưỡng¹ trao Minh thánh,
 Xin tác gươm đẹp tĩnh Thiên kiều.
 Trượng phu mã cách quán bao²,
25 Ra tay, non Thái dương gieo lông hồng.
 Giã khuê phòng, xe nhung giống giả,
 Vọt gió kêu ra ngả Vị kiều.

II. CHÀNG XUẤT CHINH

1. Lúc tiễn biệt

 Đầu cầu duênh nước trong veo,
 Bên duênh cỏ mọc xanh êu đầy đường.
 Thiếp tiễn Chàng chung công chốn ấy,
30 Tắc lòng riêng ngay ngáy xiết bao.
 Lên đường, giận chẳng bằng câu,
 Tới dòng nước, lại giận đầu bằng thuyền.
 Nước xanh rờn chảy trong vặc vặc,
 Chứa chút chiu rửa được lòng sầu.
35 Cỏ thơm mướt mướt ngắt màu,
 Chưa phần nào lảng lo âu dạ nầy.
 Tay cầm tay, nói hòa chẳng dứt,
 Bước dần dần riêng bận gót xiêm.
 Theo Chàng tựa bóng gương thiêm,
40 Lòng Chàng muôn dậm dậm dậm tếch ngàn.
 Chén gieo tan, Long Tuyền thoát múa,
 Mũi giáo ngang thẳng trở lang quan.

1. *Ngưỡng*: Nghĩa là ngửa mặt, tỏ ý kính trọng.

2. *Bao*: Vc chép *đâu*, thành trùng vận với vế 32. Tôi chưa.

Ngay ngáy. Vc viết *ngại ngại*. Có lẽ đọc ngay ngáy là phải hơn. Nghĩa: lo luôn và nhiều.

Rằng theo ai dẹp Lâu Lan,
Man Khê mĩn¹ tới, tranh bàn Phục Ba.
45 Áo sáng² lòa đỏ đường màu rắng,
Cỡi ngựa kiêu trắng dạng³ đường sương.

2. Chàng lên đường

Ngựa Kiêu sáng sảng nhạc vàng,
Chiêng khêu, trống gióng lên đường ruổi mau.
Chửa bao lâu mặt cùng nhìn mặt,
50 Bỗng vội vàng nẻo dứt đôi phương.
Đôi phương từ chốn hà lương,
Bồi hồi thuở đứng bên đường già nhau.
Mặt dầu dầu băng trông hành lộ,
Lá cờ bay lơ lửng rợp đường.
55 Xe⁴ tiên, Tể Liễu bắc phương,
Ngựa sau, tây ở Trường Dương cỡi nhà.
Đoàn ngựa xe đưa ra ải tuyết
Dương liễu kia khôn biết lòng này.
Lạc mai tiếng nhẩn xa bay,
60 Về cờ mờ mịt một ngày một khơi.
Trông mây dờ, Chàng cùng thiếp ghê,
Trông mây về, Chàng để thiếp mong.

3. Cùng ngóng nhau

Chàng đi ngoài cõi mịt mòng,
Thiếp về chốn cũ loan phòng ủ ê.

1. *Mĩn*: Dịch chữ Tiếu là cười. *Tranh bàn*. Vc viết “sự bàn”. Vô nghĩa. Tôi xét tự dạng mà chữa. Nghĩa là tranh luận.

2. *Sáng*: Có thể đọc: rắng.

3. *Dạng*: Vc viết như vậy. Nghĩa là hình bộ. Cũng có thể đọc: rắng; *Sương*: Dịch ép chữ tuyết, nhưng ý cũng đúng, vì sương ở Hán văn là nước đọng trên cây có và đông thành giá trắng.

4. *Xe*: Vc viết: quân. Nhưng ở vế 57 lại có “Đoàn ngựa xe”. Tôi chữa. Xem phần Hiệu đính bài A.

65 Nẻo ở, đi, mặt cùng trông đoái,
 Đóa ¹ mây xanh cùng trái non thương.
 Chàng thì đoái thiếp Hàm Dương,
 Thiếp thì dỗi dối Tiêu Tương đoái Chàng.
 Bến Tiêu Tương mấy hàng khói tỏa,
 70 Cây Hàm Dương bóng lá ngất đầu
 Trông nhau mà chẳng thấy nhau,
 Xanh xanh những thấy bóng dâu trên đường.
 Dâu mấy hàng, có hay chẳng nhé,
 Lòng đầy đây, ai kẻ vấn dài?

III. NỖI THƯƠNG SỢ

1. Thương Chàng vất vả

75 Phong sa, từ đấy cỏi ngoài,
 Đêm trăng rạng ², biết chốn ai đồ nằm.
 Gấm cổ kim ³ chiến trường từng trải,
 Muôn dặm trời quanh mái nhà thôn.
 Gió hun mặt khách héo don.
 80 Nước sâu, ngựa nép vó chồn thiết tha.
 Chốn Long sa, người nằm gối trống,
 Kẻ nương yên, nhấp đồng mộ thiêng ⁴.
 Bạch Đằng nay Hán xuống⁵ thành,
 Mai Thanh Hải khúc đã nghênh mắt Hồ.

1. *Đóa*: Vc viết thế. Có thể là chữ dựng, đọc rạng, mà lầm ra, vì tự dạng. Rạng là dây dài, nói về núi, cây.

2. *Đêm trăng rạng*: Vc chép: Rạng ngày mai. Đó là vì Hán văn bản Vc lầm chữ Nguyệt ra chữ Nhật. Minh nguyệt là trăng sáng; còn minh nhật là ngày mai. Tuy thoai sau cũng có nghĩa, nhưng chắc đây Đặng Trần Côn lấy chữ ở câu thơ của Hứa Hồn (xem phần Dx). Tôi chữa cho đúng ý ấy.

3. *Cổ kim*: Vc chép: Xưa nay: Làm cho vế 77 này không có vần lưng nào hợp với vần “nằm” ở vế trên. Hoặc là chữ *nằm* ấy là sai, mà phải chữa ra chữ *dùng* để hợp với vần “trường” trong vế 77: hoặc là hai chữ Xưa nay là sai, và phải chữa ra *Cổ kim* (nguyên âm là *Cổ cam*, sau đổi có lẽ vì húy của tổ nhà Nguyễn) để hợp với vần *Nằm* ở vế 76. Tôi nghĩ rằng Vc đã lầm theo thuyết sau.

4. *Thiên*: Đáng viết “linh”, thì vẫn mới đúng hơn.

5. *Xuống*: Dịch nghĩa đen chữ Hạ, nghĩa là lấy được.

85 Đường quanh co, nọ Thanh Hải khúc,
 Thấp hòa cao, chen vóc non xanh.
 Non xanh trước nọ rành rành,
 Dứt thôi lại nói, ¹ kìa duênh Thanh khô.
 Nẻo trên khe, dầu rây thức tuyết,
 90 Dưới suối thì nước xiết nương long.
 Ít nhiều xót kẻ từng nhung,
 Trông về đôi đôi, công lòng nhớ thay.
 Trên trướng gấm có hay chẳng nhé?
 Nỗi gian nan, ai về chinh phu?
 95 Tưởng chàng chốn trái mấy thu,
 Tiêu quan mom đất, hải ngu bên trời.
 Điểm mưa rơi cùng thôn sương rắc,
 Chốn xà khu, hổ lạc hải hùng.
 Ở ăn xiết nỗi lạnh lòng,
 100 Vẽ ² in tuyết trắng, râu lông giá trong.
 Thức mây lông, đứng cao trông vọi,
 Khiến làm sao chẳng nỗi sầu tây.

2. Sợ chàng thiệt thân

Đông nam từ thuở phân tay,
 Chàng nay đánh dẹp chẳng hay đạo nào?
 105 Người bấy nay quản bao gối bác,
 Tính mệnh xem nào khác cỏ sương. ³
 Dưới dòng sức sứa hơi dương,
 Ôn thâm bể thẳm, ấm dương ấp bông.
 Lăn trái trong khắc giờ kíp nhé!
 110 Giáo giảng vãng ⁴ thiệt kẻ thiếu niên.
 Trăng mờ mờ chốn Kỳ liên,
 Gió hiu hiu thổi mộ bên sông Phì.

1. *Nối*: Vc lằm chép ra *rối*, vì tự dạng.

2. *Vẽ*: Vc chép chữ gồm bộ Nhục và chữ Đế. Đọc đế. Nay biến âm ra *vẽ*. Hai âm tố D và V thường biến lẫn nhau.

3. *Sương*: Vc lằm chép ra *mây*, vì tự dạng.

4. *Giăng vãng*: Xem phần Hiệu đính bài A, vế 238, chữ *giăng* đây viết bằng chữ Tráng. Có lẽ đó là muốn viết chữ Trang, hoặc Giang.

Gió đòi khi đưa hồn tử sĩ,
 Trăng lần soi mặt kẻ chinh phu.
 115 Chinh phu ai kẻ vẽ đồ,
 Hồn người tử sĩ, ai hồ viếng thăm.
 Khá xót thăm giang sơn chốn ấy,
 Tình khách nhân qua đấy đường bao?
 Trông về, mấy kẻ khát khao,
 120 Ban Siêu đầu bạc, tây giao¹ mới về.
 Tưởng ngựa xe côi Chàng giống việc,
 Ba thước gươm một chiếc nhung yên.
 Cỏ ngàn gió át, trăng xuyên,
 Mây reo² trước ngựa, cần xiên trên thành.
 125 Hội công danh tấc vàng thắc mắc,
 Khó nhọc đành chưa được thảnh thơi.

IV. NỖI NHỚ NHUNG

1. Than cách trở

Cùng ai nỗi ấy ngỏ lời,
 Bên trời chàng ở, thiếp ngồi nương song.
 Phận đã xong³, nương song dám ngại,
 130 Chàng bên trời, há phải hồn xưa.
 Hồn xưa, cá nước duyên ưa,
 Phận nầy, mây nước trông chờ⁴ bao an.
 Thiếp chẳng toan mình làm chinh phụ,
 Cùng Vương Tôn, Chàng há học đòi.
 135 Việc chi nam bắc xa xôi?
 Khiến người rầu rĩ sớm thôi lại chiều.

1. *Tây giao*: Giao đây là chữ gồm bộ Ấp và chữ Giao. Nghĩa là phần đất ở cách ngoài nước hơn trăm dặm.

2. *Mây reo*: Vc viết "Gươm gieo" sau lại chữa ra "Gươm khua".

Nghĩ rằng đó là kẻ sao lại viết lầm, tôi chữa.

3. *Phận đã xong*: Vc chép: Buông đã xong (hay xông). Đó là sai ý Hán văn, là: phận đã đành. Sự sai ấy là bởi tự dạng. Chữ *buồn* viết *Bồn*, gồm chữ Phận ở trên.

4. *Chờ*: Vc viết chữ *Đại*, nghĩa là chờ, thường đọc *đợi*.

Đây chắc là chữ *Từ*, đọc *chờ*, bởi vần và luật như thế mới hợp.

140 Tuổi chưa nhiều, đầy phong lưu khách,
Đầy trẻ trung, muôn dịch¹ vừa quen.
Bao kham² đôi kẻ thiếu niên,
Đều riêng ấm lạnh, dăm nghìn ai hay.

2. Trách lỗi ngày hẹn

145 Thiếp nhớ ngày Chàng cùng thiếp ghê,
Đóa liễu mềm chưa rỉ tiếng oanh.
Hỏi Chàng bao lại hồi trình?
Chàng rằng: phỏng độ quyền minh tới nhà.
Nay quyền đã trọc oanh già,
Trước lầu liễu nọ lại hòa tiếng rì.
Nhớ Chàng trong thuở trẩy đi,
Tuyệt mai kia chưa biết gì gió xuân.
Thiếp hỏi Chàng độ về bao nả?
150 Trỏ đào hoa ngày rửa thức hồng.
Rày hoa đã quyến gió đông,
Mai già trên nước, lại cùng phù dung.

3. Trách lỗi nơi hẹn

155 Thiếp dặn cùng chốn nào chờ đợi?
Ngàn Lũng tây hẹn nói thiết thay!
Nửa ngày chẳng thấy lại rày,
Lá cây lác đác xuống³ đầy mũi giêm.
Đứng trông xem, hạt châu luống ngậm,
Chim trời trưa làng rậm kêu sầu.
Cùng nhau hẹn ở nơi đâu?

1. *Dịch*: Chữ Nôm dùng chữ *dịch* để viết tiếng *việc*. Sự biến âm tố D và V là thường, và sự thay đổi hai âm tố cuối C và Ch cũng hay có (ví dụ: thác và thách). Ở đây, đọc *dịch* thì hợp vần hơn.

2. *Bao kham*: Nghĩa là: kể sao xiết.

Vc nguyên chép “Thiếp nhớ *thừa cùng chàng*. Sau có nét son chữa lại. Hai vế này đáng lẽ là song thất. Phan Huy Ích lấy lại vế 145 (xem bài A).

3. *Xuống*: Vc nguyên chép chữ Lũng, thường đọc *Luống*.

Nhưng đọc như thế thì vô nghĩa. Theo Hán văn mà đoán, thì có thể đó là ý *rụng*, nhưng chữ này viết khác. Tiếng xuống, nghĩa cũng vậy, và tự dạng rất gần *Giêm*. Nôm viết chữ Chiêm, đọc *giêm*, nghĩa: trâm.

160 Âu là cũng hẹn ở cầu Hán Dương.
 Mặt trời vàng, vắng tanh chẳng thấy,
 Áo phát phơ hây hấy cốc phong ¹.
 Nhịn ngừng ² thuở đứng trông mong,
 Nước triều ban tối đẩy dòng hàn giang.

4. Trách hẹn lần lửa

165 Trước, gửi chàng xin mau trở lại,
 Tin lại, mà người hãy còn không.
 Cành dương hoa rụng đường bông,
 Gió đưa rời rắc lẫn cùng rêu xanh.
 Rêu lại rêu, xanh xanh đòi chốn,
170 Bước nhàn đình ngấm ngụt ³ kể trăm.
 Thư về, xưa đã mừng thăm,
 Thư về, nay chữa thấy tấm người về.
 Chốn song the, tư bề vắng vẻ.
 Ác tà tà bóng xế rèm hoa.
175 Tà tà thôi đã lại tà,
 Xem trong mười hẹn, kể đà chín sai.

V. NỖI LẺ LOI

1. Nuôi mẹ dạy con

 Thăm tính ai từ phen lần tuyết,
 Sen đúc tiền chẳng biết ⁴ đã ba.
 Ngày chầy tử tái, thiết tha,

1. *Cốc phong*: Đó là nguyên Hán văn. Nghĩa là gió đông.

2. *Nhịn ngừng*: Vc nguyên viết: ngậ ngừng. Chắc sai. Xem chú thích 135 ở bài A.

3. *Ngấm ngụt*: Vc chép tiếng sau bằng chữ gồm bộ Khẩu và chữ Cốt, có lẽ đọc *gụt* (gồm gụt) hoặc *ngụt*. Tuy tiếng ngụt có thể viết khác, tôi đọc như vậy, vì ngấm ngụt là biến âm của ngấm ngùi, và nghĩa cũng vậy. Về vần thì hai âm tố cuối N và T thường hay đi đôi trong vận văn ta.

4. *Chẳng biết*: Dịch nghĩa đen hai chữ *Bất giác*, nghĩa là không ngờ.

180 Hoàng Hoa muôn dặm thậm là xót xoa¹.
 Thú Hoàng Hoa, gia thân đều có,
 ải tía kia, khuê phụ ai không.
 Sao khuây dưới gối, nên lòng;
 Sao kham lâu ở, lạnh lòng phòng hương.
 185 Tóc đường sương, mẹ chàng tuổi tác,
 Mà con chàng trứng nước trẻ thơ.
 Mẹ già ngoài² cửa đứng chờ,
 Con thơ ngồi chực sớm trưa bữa thường.
 Nuôi mẹ chàng, thiếp khôn làm gái,³
 190 Dạy con chàng, thiếp phải làm cha.
 Một mình nuôi dạy hai là,⁴
 Nhớ chàng, tủi thiếp, nay đà mấy phen.
 Ngày dương tên, trước đà thoát khỏi,
 Lại năm rày ban tối⁵ còn đâu.
 195 Thấm chàng lần lửa bấy lâu,
 Hai ba năm trái, lại hầu bốn năm.
 Thiếp âm thầm tác lòng ngao ngán.
 Kể trăm nghìn muôn vạn xiết bao.
 Bên chàng, ước được làm sao!
 200 Kể bày lòng thiếp khát khao đoạn trường.

2. Dở vật cũ

Mặt hoa vàng ở trong cung Hán,
 Đưa về, ngày gả bán thiếp xưa.
 Cây ai rày được gửi đưa,
 Tổ cho lòng kẻ trông chờ nhớ nhau.

1. *Xót xoa*: Vc viết chữ sau bằng chữ gồm bộ Tâm và chữ Soa.

Đọc: xoa. Nay cũng nói: xót xa.

2. *Ngoài*: Vc chép *ngoài*, chắc sai, vì trái với ý chữ *đứng* ở dưới. Tôi chữa lại chữ ngoài.

3. *Khôn làm gái*: Nghĩa là khó lòng làm gái, tức là làm trai.

Vì vắn và luật, cho nên dịch ép.

4. *Hai là*: Nghĩa: cả hai.

5. *Ban tối*: Vc viết tiếng đầu bằng chữ Độn (gồm chữ Đôn và bộ Hiệt). Nhưng “Độn tối” không có nghĩa. Tôi đoán rằng đó là chữ Ban, tự dạng gần chữ Độn. Ban tối là nghĩa chữ Mộ ở Hán văn. Đáng chữa ra *ban cuối* thì rõ nghĩa hơn. Một thuyết khác cũng có thể đó là: *gần tối*.

205 Gương Tần lâu, mặt soi vặc vặc,
 Cùng với chàng ngày trước soi chung.
 Cậy ai đưa được tới cùng,
Soi riêng bóng¹ thiếp lạnh lòng bên chẵn.
 Xưa chỉ ngân phau phau thức bạc,
210 Vốn ở tay ngày trước chẳng rời...
 Cậy ai gửi được tới rày,
Hạnh nào quê khách của nầy bấu trăn.

VI. NỖI TRÔNG NGÓNG

1. Ngóng tin về

 Trước đòi lần, có tin thư đoái,
 Rày thưa thư mà lại thưa tin.
215 Thấy nhàn, ngỡ lựa thư truyền,
Mảng sương đưa lạnh thì mền xuýt² may.
 Gửi gió tây cánh hồng chẳng thuận,
 Xót cỗi ngoài kẻ lẩn sương mưa.
 Tuyết chẳng ưa, tựa nằm trướng hổ,
220 Mưa lạnh lòng, nường đổ màn lang.
 Xiết bao rét lạnh trăm đường.
Cỗi ngoài đường ấy, khá thương những người.

1. *Bóng*: Trong bản Vc, hai tiếng *bóng* và *bụng* viết bất một chữ. Đây đọc “bụng” cũng có nghĩa hợp với tích *Gương lầu Tần* (xem chú thích bản Dịch xuôi). Tôi nghĩ rằng đây nên đọc “bóng”, vì ý ấy rất hợp với ý lạnh lòng ở sau.

Sau vế này, bản Vc hình như chép sót bốn vế. Có sự lạ là bản Hán văn Vc nguyên cũng sót bốn vế ấy và sau mới thêm vào. Xét qua ta có cảm tưởng rằng bài diễn ca đã theo Hán văn mà sót như vậy. Nhưng xét kỹ, ta thấy rằng không phải thế. Một lẽ là đoạn này có bốn tiết mang bốn vế Hán văn giống nhau: “Bằng thùy ký Quân tử”. Sự ấy làm cho kẻ sao lại đã sót một đoạn. Lẽ thứ hai là trong bản diễn ca, vế 210 và vế sau không ăn vắn lăm. Sự ấy làm cho ta tin rằng kẻ sao cũng đã bỏ sót một đoạn. Sau đây tôi phỏng theo bút pháp diễn giả, mà thử tái lập bốn vế đã mất:

 Cậy ai mà gửi tới nơi,
Để đem vật mọn ngụ lời thương nhau.
 Trâm cài đầu, trắng ngời thức ngọc,
 Khi trẻ thơ, thiếp vọc liền tay.

2. *Xuýt*: Vc chép chữ Chuyết. Có lẽ đọc *xuýt*, nghĩa là toan làm việc gì rồi lại thôi. Hai vế này đáng lẽ phải là lục bát.

2. Thần thờ

Chữ gấm bài, phong thôi lại mở,
Tiền vàng gieo, lại nợ chẳng tin.
225 Ác vàng lặn kể mấy phen,
Thần thơ người ở trùng hiên một mình.
Bóng trắng thanh trái bao đêm suốt,
Chếch gối nường, tóc sứt, mây sây ¹,
Chẳng can chi ² đấm cùng say,
230 Mặt hoa trôm trôm ³ dường bay điểm hồng.
Đại ngậy cùng nhác, đã không,
Thức mà ngơ ngẩn, xem lòng dường say.
Trên đầu dính lỏng, giêm lay,
Lưng quần gầy gộc, khôn hay giống cầm.

3. Bận với đèn

235 Ngày dăm dăm then hồng ⁴ duyên thước,
Bóng tròn hiên ⁵, chân bước dường sa.
Ngùi ngùi xiết kể thay là,
Bức rèm tương ⁶ nọ cuốn hòa lại buông.
Chạnh tắt vuông, ngoài rèm nghênh mắt,
240 Ác ⁷ đầu canh, thước bật đưa tin.
Trong rèm, ngoài lũng đeo phiên,
Biết lòng, đêm có một đèn mà thôi.

1. *Tóc sứt mây sây*: Vc chép “mây lợt tiếng rây”. Đã không có nghĩa lại sai ý Hán văn. Vin vào tự dạng và cách đọc chữ Nôm, tôi đã tái lập như trên, thành ra đúng ý Hán văn.

2. *Chẳng can chi*: Dịch nghĩa đen hai chữ *Bất quan*, ý là không phải vì.

3. *Trôm trôm*: Vc viết bằng hai chữ *Lâm*, có thể đọc lôm lôm, hoặc trôm trôm. Ý Hán văn là: mắt lơ dờ như say. Tôi nhận thoại *trôm trôm*, vì ta thường nói: mắt trôm trôm vì thức suốt đêm. Đây diễn giả dùng tính tự ấy để trở bộ mặt tiêu tụy, ngậy ngất.

Hai vế này đáng phải là song thất - *Thức* Vc chép lầm ra *Thí*, vì tự dạng.

4. *Hồng*: Vc chép chữ *Hồng* là đỏ. Tôi đọc *hông*, nghĩa là chực, đợi một sự gì mình muốn có.

5. *Bóng tròn hiên*: Dịch hai chữ *Ngọ viện*. *Ngọ* là buổi trưa, là bóng người ta có thể thu gọn lại dưới chân. Ta còn gọi buổi trưa là lúc tròn bóng.

6. *Tương*: Vc chép lầm ra *Sương*. *Rèm tương* là rèm trúc.

7. *Ác*: Dịch chữ nhật là mặt trời.

Đèn rạng soi, biết dường chẳng biết;
Thiếp một lòng thăm thiết nào nguôi.

VII. NỖI SÂU MUỘN

1. Sâu nhớ

245 Thắm này biếng kể khúc nhôi
 Ngọn đèn hoa với bóng người khá thương.
 Suốt đêm trường tiếng gà eo óc,
 Thêm bát chuyên¹ ngang dọc bóng hoè.
 Sầu tuôn tựa bể bề bề,
250 Khắc giờ² đặng đặng kể về dường năm.
 Triện hương trầm, lâm dâm gượng thấp.
 Dưới trụ³ đàn, hoa dập hồn mai.
 Ngắm gương loan, gượng gót hài,
 Dễ dưng giọt⁴ ngọc, khôn nài thắp hoa.
255 Khúc tì bà, gượng ôm, im ỉm,
 Gảy nhơn nhơn dưng⁵ phím phượng hoàng.
 Cối phiên⁶, cung sắt gượng xoang
 Khúc sâu dập át uyên ương phím đàn.
 Tắc niêm đàn, gió dù len lỏi,
260 Chác nghìn vàng gửi núi Yên Nhiên,
 Gió mà chưa khứng đưa truyền,
 Nhớ chàng thăm thẳm, dặm nghìn dường mây.

1. *Chuyên*: Vc chép lầm ra chữ Trù, vì tự dạng. Xem chú thích ở phần Dx.

2. *Giờ*: Cũng như trong bài A, chữ này đọc *giờ* hay *chờ* cũng đều thông. Trái với trong bài A giờ đây tôi đọc *giờ*, vì trong bài B này, còn có chỗ khác (vế 199 và 332) cũng dùng hai tiếng khác giờ.

3. *Trụ*: Vc chép lầm ra Quế, vì tự dạng.

4. *Giọt*: Vc chép lầm ra Gót. Theo ý Hán văn, tôi chữa ra *dọt*, vì hai chữ cùng một vần có thể kẻ nhớ bị lầm. Nhưng tôi nghĩ rằng có thể là chữ *Đũa*. Đũa ngọc là dòng nước mắt, dịch hai chữ Ngọc trổ. Trong *Truyện Kiều*, cũng có: “Nàng thì đũa ngọc tuôn dào”.

5. *Dưng*: Vc chép lầm ra chữ Chuyên, vì tự dạng.

6. *Phiên*: Vc nguyên chép sâu, sau chữa - *Xoang*. Vc lầm chép ra Không, vì tự dạng. Xoang đồng nghĩa với giang, hoặc xang. Nghĩa là gáy đàn.

2. Cảnh gợi sầu

Mây diễn thay, khôn thông tin tức,
Lòng nhớ chàng đặc đặc nào khuây.
265 Nhớ người luống chạnh niềm tây,
Cây tương¹ thức lá, song rây tiếng cùng.
Rụng dùng dùng lá dương, sương bổ,
Cây ngô đồng mưa nọ chẻ tan.
Chim tìm cội, móc sa ngàn,
270 Vách sương xa lẳng², nhật khoan chuông chiến.
Đế gợi³ phiền, đêm mưa, mấy khúc,
Ngon ba tiêu, gió giục⁴ phát phơ.
Gió qua cửa, lọt màn thưa,
Trăng đưa hoa thắm⁵ thẩn thơ trên mảnh.
275 Trước hoa đình, trăng dầu soi bạc,
Hoa dưới trăng, hoa mặc phơ hồng.
Bóng lồng hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa dưới nguyệt công lòng diu hiu.

VIII. NỖI CHÁN NẢN

1. Lười biếng

Giận trăm chiều, thân rồi luống đợi,
280 Muôn việc đình, biếng tới công tay.

1. *Tương*: Vc chép *Sương*. Chắc lầm vì tự dạng. Tương nghĩa là sơn, thiếp vàng bạc vào vật gì cho đẹp. Tôi nghĩ rằng hai chữ đầu vế này có lẽ là: Tuyết tương - Song. Song là cửa sổ. Đây diễn giả theo Hán văn ở bản Vc, là "Cùng thanh tế vũ song". Vả chăng bản Vc chép hai vế Hán văn 251 và 252 khác các bản kia.

2. *Vách sương xa lẳng*: So với Hán văn, tôi thấy rằng ý sót nhiều. Tôi nghi ở đây có chữ sai.

3. *Gợi*: Chữ Nôm này có thể đọc *gảy* hay *gợi*. Tôi đọc *gợi*, tuy rằng chữ *gảy* ăn với chữ *khúc* ở dưới.

4. *Giục*: Vc nguyên chép *sốt*. Sau đó nét son thêm vào. Chữ *sốt* ấy có thể là *thốc*, như trong bài A.

5. *Hoa thắm*: Vc lầm chép ra: *lá thắm*; vì đó là sáo từ.

Biếng dù canh, cười khéo thay,
 Trên không, hổ ¹ với uyên bày lứa đôi.
 Tay biếng rồi, dù thêu vóc khéo,
 Bướm song song, ngại nẻo đưa kim.
 285 Biếng trang má tũ, phấn im, ²
 Thâu ngày biếng thốt, trong rèm ngồi nương.
 Rủ rèm tương, lần nương cửa xế,
 Mặt, vắng chàng, ai vẽ mây quang ³.
 Mây ai vẽ, luống bàng hoàng,
 290 Chàng quan nẻo cách từ chàng thấy đi.
 Ví khác chi Thiên tôn Chúc Nữ,
 Bến Ngân Hà, giọt nhớ ⁴ thánh tha.
 Lạnh lòng ví ả Hằng nga,
 Quảng hàn, ngồi tựa song sa một mình.

2. Nản lòng

295 Sầu chất thành ⁵, nương đầu làm gối,
 Lửa tương tư, cơm thổi lò đan.
 Cối sầu, chén cúc mong toan,
 Sầu càng nặng, rót bao an, gượng cầm.
 Muộn, những lăm lấy hoa mà cối,
 300 Muộn nén ⁶ hoa, hoa tũ dầu dầu.
 Lo xa vì nỗi muộn sầu,
 Dưới hoa ⁷ chín tuổi nước sâu đành rành.
 Thử chấp sanh, sanh nào trối chấp,
 Bấm ngân tranh, tay áp biếng giang

1. *Hổ*: Vc lầm chép *Ngọn*, vì tự dạng - *Uyên*: Theo Hán văn bản Vc. Các bản khác chép *Oanh*, không hợp tứ bằng.

2. *Im*: Vc chép chữ *Yêm*, đọc *êm* hay *im*? Tôi nhận là *Im*, với nghĩa dừng. Ý là không xoa phấn.

3. *Ai vẽ mây quang*: Dịch nghĩa đen “Thùy vị dung”. Nhưng ý trái. Phái hiểu ai vẽ mây quang làm gì. Ai trở chinh phụ. Chính nghĩa là: Vì ai mà làm dáng.

4. *Nhớ*: Vc chép chữ *Nữ*, có thể đọc *nữ*, hoặc *nhữ*.

Tôi nghĩ rằng đó là chữ *Nhữ* (*Nữ* cũng đọc là *Nhữ*) mà phải đọc bằng *nhớ*, mới hợp tứ. Cũng có thể đó là tiếng *nhỏ*, nghĩa là rơi từng giọt; nhưng chữ *nhỏ* thường viết khác.

5. *Thành*: Vc viết chữ *Thành* là bức tường. “Chất thành” nghĩa là chất đồng.

6. *Nén*: Vc chép lầm ra *nặng*, vì tự dạng.

7. *Dưới hoa*: Dịch hai chữ “hoa hạ” trong Hán văn chép trong bản Vc. Nhưng hai chữ ấy chắc lầm. Xem Hán văn.

305 Gian nan tưởng chốn ải lang,
Nghĩ người chiến sĩ hành trang thêm rầu.
 Quốc kêu sâu, khôn dừng hạt lệ,
 Trống tiêu giông, hầu ¹ dễ mềm gan.
 Nấu nung vóc liễu héo tàn,
310 Biết mùi li biệt chua chan đường này.

IX. NỖI NHỚ MONG

1. Mộng được gần

 Chua cùng cay, xiết bao phong vị,
 Nỗi chua cay thật chỉ vì chàng.
 Vì chàng giọt tủi hai hàng,
 Vì chàng bóng lẻ phòng hương một mình.
315 Cật đành hanh khuây chàng chinh tướng ².
 Lệ tủi này chưa vương ³ chinh cân.
 Những chiêm bao có tới gần,
 Đêm đêm qua đổi giang tân tìm chàng.
 Nọ ⁴ trên đường Dương đài tìm đến,
320 Kia gặp chàng ở bến Tương Giang.
 Nhớ trong vui hợp lạ đường,
 Sao rồi ra những một trường mộng xuân.
 Luống giận thân chẳng bằng giấc mộng.
 Cùng cửa Hàm, sông Lũng ra vào.
325 Mộng thôi lại tiếc rằng sao...
 Giác ⁵ thì lại nghĩ, đối nào có tin.
 Chín có tác lòng riêng bút rút,
 Trong khắc giờ chưa nhứt ⁶ mộ lông.

1. *Hầu*: Vc chép lầm ra “vượn”, vì tự dạng và vì hai chữ *mềm gan* ở dưới. Vả lại có chữ *Hầu* là vượn.

2. *Chàng chinh tướng*: Nghĩa là chinh - tướng của chàng.

Diễn giả thường dùng cú pháp của Hán văn.

3. *Vương*: Vc chép chữ gồm bộ khẩu và chữ Vương, đọc uống. Tôi đoán đó là chữ *Vương*, gồm bộ Mịch và chữ Vương.

4. *Nọ*: Vc chép lầm ra No.

5. *Giác*: Vc chép lầm ra Thấy, vì tự dạng.

6. *Nhứt*: Vc chép chữ Nhật, có thể đọc Nhật chẳng? Chữ Nhật viết Nôm bằng chữ *Lật*. Cho nên tôi đọc Nhứt.

2. Trông bốn bề

330 Nhớ mà chẳng thấy âm dung,
Đòi ngày thắc thỏm trông mòng xe nhung.
Nẻo trông mòng, chốn nào xem thấy?
Bãi giang châu, có vậy ngất đầu.
Cỏ Yên, dây lục lộn màu,
Mây Tần pha với ngọn dâu một chòm.
335 Nửa về nam, chinh trần bụi bụi,
Một lũ cò ban tối bình sa.
Kìa trông thấy những chi là?
So le quán khách, rợp lò đường quan.
Chốn vân gian mờ mờ Ngô¹ thụ,
340 Khuất trên mây lơ lộ Thục² cương.
Nửa thành từ bắc, cỏ hoang,
Mưa phun³, một tiếng địch xoang lâu hồng.
Nọ trông mòng thấy gì chẳng nhé?
Lá non Không⁴ chất để nên thành.
345 Trĩ bay nội quanh, cỏ xanh,
Mai kia giỡn múa một mình bên sông.
Nẻo về đông, gió cùng khói tỏa,
Chim lạc chừng buồn bã kêu may⁵.
Lại trông thấy những gì thay?
350 Dải sông gấp khúc đường rày vòng cung.
Nhạc lác đác trên không và diêm,
Duênh khơi kia, một phiến quy chu.
Vực⁶ tây cỏ lẫn từng thu,

1. *Ngô*: Vc viết lầm ra chữ Ngô mà nghĩa là cây ngô đồng. Đó vì theo bản Hán văn đã chép lầm. - *Mờ mờ*. Trong bản Hán văn ấy, lại chép: “ngô thụ ám”. Cho nên diễn giả đã dịch ra *mờ mờ*.

2. *Thục*: Vc chép *thanh*.

3. *Phun*: Vc chép chữ Yên, có thể đọc *êm*. Tuy nghĩa cũng khá thông, nhưng tôi đoán rằng đó là chữ Phun, chép lầm vì tự dạng. - *Lâu hồng*. Bản Hán văn viết cũ chép Hồng lâu thay cho Giang lâu. Cho nên diễn giả dịch như thế. Xem chú thích ở bài A.

4. *Không*: Là tên núi. Xem phần dịch xuôi. Vc lầm ra chữ Không là chẳng có.

5. *Kêu may*: Vc chép “hơi mây”. Tôi theo ý Hán văn và tự dạng mà chữa. Vả lại trong thơ ta thường thấy những câu như: “Nhạn gào sương”; ý cũng như kêu may (may là gió lạnh).

6. *Vực*: Nguyên chép lầm ra Thành, vì tự dạng.

355 Mù mù bóng khách Thương châu chất đầy ¹.
Đất cùng mây hợp trông ngang dọc,
Ấy chốn nào cửa Ngọc ruổi dong?

X. NỖI NGỜ VỰC

1. Hối hận

360 Rút đường chẳng chước ² Trường phòng,
Gieo khăn lại chẳng tiên nương ³ linh phù.
Đỉnh Vọng phu, trinh lòng ⁴ biến hiện,
Quanh thang mây ⁵, dễ đến lầu cao.
Ngảnh trông dương liễu nơi nào,
Ấn phong hầu, giận khát khao nỗi gì.

2. Ngờ vực

365 Nẻo trầy đi dặm nghìn cách trở,
Biết lòng chàng có tựa thiếp chẳng?
Ví mà lòng nhắc cân bằng,
Với Chàng, thiếp há dám rằng giận chê.
Lòng hoa kia, hơi dương hăng ngóng,
Xót lòng chàng dường bóng lưu quang.
370 Lưu quang phút diễn bóng gương,
Lòng hoa khao khát, mặt vàng, vàng le.

1. *Chất đầy*: Dịch chữ Mãn, mà bản Hán văn viết cũ đã lầm chép thay cho chữ Cách. Hai chữ ấy tự dạng rất gần.

2. *Chước*: Vc lầm chép ra Tố, vì tự dạng.

3. *Tiên nương*: Vc chép lầm chữ Nương ra chữ Ông, làm sai điển tích.

4. *Trinh lòng*: Nghĩa là lòng trinh. Đặt theo cú pháp Hán văn.

Hoặc giả phải đọc riêng lòng? Nhưng vô nghĩa. Hoặc giả kẻ sao lại đã đảo ngược?

5. *Quanh thang mây*: Nguyên Hán văn trong bản cũ chép vế 343: "Vô thê khả đẳng lâu". Nghĩa là không có thang để trèo lên lầu. Bởi vậy mới có lời dịch trên. Tôi nghĩ rằng đó là vì chữ Lệ (là nước mắt trong vế ấy, đã bị đổi ra chữ Thê là nước mắt, hoặc đó nguyên là chữ Thế. Chữ Thế ấy lại gần giống chữ Thê là thang. Mà muốn trèo lên lầu thì phải có thang! Vì những lẽ ấy, mới có sự lầm lớn như thế.
- *Quanh* là vắng, thiếu.

Hoa lại về chốn nào hơn hử?
Chốn ¹ lưu quang mà nở bật gương.
Lưu quang chẳng vị hoa vàng,
Hoa vàng lại vị lưu quang mà già.

XI. NỖI LO GIÀ

1. Tỉnh ngày qua

375 Đóa lão hoa bên tường lác đác,
Dường hoa rày kể được mấy sương.
Trước sân, lan đã nảy vàng,
Bên sông, tô ² lại đưa hương ngạt ngào.
Cột ³ áo bào, tiền đường thẳng bước,
380 Ngừng mắt coi nẻo trước thiên chương.
Đóa mây, vẽ dệt ⁴ mơ màng,
Đuôi sao Bắc Đẩu dọc ngang đòi lần.
Dải ⁵ sông Ngân thoát mù, thoát tỏ,
Đóa sao Sâm ⁶ chợt có, chợt không.
385 Đâu giường dòm bóng trắng trong,
Hương thừa gió thổi vãn song sức mùi.

2. Còn xa cách

Mặt ngùi ngùi nhiều năm xa cách,
Chàng trượng phu quê khách một mình.
Trước thì làm ảnh, làm hình,

1. *Chốn*: Chữ này không thông. Có lẽ đã bị chép sai.

2. *Tô*: Bản Hán văn Vc chép “biên tô” cho nên dịch như vậy. Tô là một thứ cây, lá và hoa có mùi thơm, dùng làm thuốc giải nhiệt.

3. *Cột*: Vc chép lầm ra gót, vì tự dạng. Cột nghĩa là buộc lại cho gọn.

4. *Dệt*: Bản Hán văn cũ chép “Chức Nữ” thay cho Tiêm vân. Hai chữ Tiêm và Chức rất gần tự dạng nhau. Tôi nghĩ rằng nguyên kẻ sao đã lầm Tiêm vân Chức vân. Cho nên mới dịch như trên. Sau kẻ khác lại chữa ra Chức Nữ.

5. *Dải*: Vc chép *bãi*. Tôi nghĩ rằng kẻ sao đã tự lầm. Tôi chữa ra dải, cho thông hơn.

6. *Sâm*: Bản Hán văn cũ chép như thế. Xem chú thích phần Dx.

390 Sâm Thương, rày bỗng ra tình, có sao?
 Chàng chốn nào ngựa len mây ruổi,
 Chốn thiếp ngồi, rêu nổi thêm hoa.

3. Lỡ lương thời

 Thêm hoa, xuân đã hầu qua,
 Tiếc thời tiết ấy thật là xót xoa.
395 Hấy khí hòa, ấy lương thời tiết,
 Rắp ¹ Diêu hoàng, Ngụy khuyết gió đông.
 Thu sang, thời tiết náo nùng,
 Nữ Ngưu hợp thưở trăng trong vui vầy.
 Trước, mé tây đầu chưa giắt ngọc,
400 Nay đã về kết tóc làng đông. ²
 Khá thương thỏ ³ ấp phòng không,
 Năm năm thời tiết phụ cùng trời xanh.
 Thời tiết lành dường tên thắm thoát,
 Người xanh xanh ử mặt nên già.
405 Huống chi xuân muộn chưa qua,
 Mà hờn thu lại dật đa ⁴ nổi liên.
 Thuở hợp hoan vả vui búi ⁵ ít,
 Mà sầu riêng khôn xiết dường này.
 Hờn kia, sầu nọ sánh bày,
410 Sức bồ liễu mỏng, kham rày được bao.

1. *Rắp*: ghép. - *Ngụy khuyết*. Bản Hán văn cũ nguyên chép như vậy. Sau lại chữa ra *Ngụy tử*. *Ngụy khuyết* là tên một cái cửa trong cung vua đời xưa. Đây, hoặc vì Hán văn lẫm, hoặc vì túng vắn, dịch giả đã dịch như vậy.

Vc chép chữ có thể đọc *mái* hay *mé*. Đây đọc “mé” nghĩa là phía bên.

Có lẽ nguyên chữ ấy là *gái*, thì mới rõ nghĩa.

2. *Làng đông*: Vc chép *Đông sàng*. Sai nghĩa và mất vần. Đó chỉ một sáo từ, làm cho kẻ sao lẫm. Tôi theo ý Hán văn mà chữa.

3. *Thỏ*: Tôi không rõ điển tích này.

4. *Đật đa*: Vc chép tiếng trên bằng chữ *Đát*. Nên đọc thế nào?

Tôi không quyết đoán được. Nhưng, theo Hán văn, thì ý hai chữ này là lập tức, gấp, chóng. Vì vậy, tôi đoán tiếng đầu là *đật*, như trong tiếng lật đật; và tôi nhận rằng *đật đa* là một tiếng đôi xưa, nghĩa là vội vàng.

5. *Búi*: Vc chép hai chữ *Búi liên*. Chữ đầu đọc *vui*. Còn chữ sau, thì tôi đoán là *Búi*. *Búi* nghĩa là chỉ có. Vế này diễn không đúng lắm. Xem chú thích bài A.

4. Lo già

Luống bào hao tiếc cùng than thở,
Tiếc hồng nhan mặt nở nhụy đào.
Thở than ấy bởi làm sao?
Bóng qua cửa sổ thuở nào lại qua.
415 Tiếc tuổi hoa, cùng than phận bạc,
Ả thuyền duyên mấy đặc nên già.¹
Gác hương, nhớ thuở cười hoa,
Lầu hồng thuở cỗi hương la tới bởi.
Người tiếc Trời² chẳng cho phương tiện,
420 Nỗi gập ghềnh rày đến đường này.
Nỗi gập ghềnh, thiếp sao hay?
Riêng than ở thiếp, chung dây vì chàng.

XII. NỖI AO ƯỚC

1. Thua loài vật

Kia mấy hàng uyên ương ngoài nội,
Cánh quải bày ngại nỗi lẻ loi.
425 Trên ruộng, chim én lứa đôi,
Đã phơ đầu bạc, chưa đời niềm đan.
Nọ vô tình những đàn³ chích chích,
Cánh liền nhau, trích trích chẳng đời.
Cùng kia chẳng biết nói cười,
430 Sánh đua trọn kiếp, mấy rời nửa đây.
Liễu truyền nay có nơi liên lý,
Sen cũng thì nở nhụy đôi hoa.
Nhân sinh sao nữ cùng xa,
Than trong vật loại khéo là dường kia.

1. *Mấy đặc nên già*: Vc chép “mấy được tuổi già”. Nghĩa trái hẳn Hán văn. Tôi theo nguyên ý và tự dạng mà chữa.

2. *Người tiếc Trời*: Vc chép “Trời tiếc người”. Trái ý với Hán văn. Hoặc phải là “Trời ghét người”; hai chữ Tiếc và Ghét gần tự dạng nhau. Hoặc phải chữa như trên.

3. *Đàn*: Vc chép *loài*. Có lẽ lầm, vì không hợp vần với tiếng *đan* ở vế trên. Và chữ thứ ba trong vế cũng xa vần với tiếng ấy. Vì vậy tôi chữa.

2. Mong ở kẻ

435 Thân ước¹ gì chim trời liền cánh,
Cùng đất kia cây sánh mọc liền.
Thà cùng được thấy Cửu tuyền,
Chẳng kham li biệt ở miền trần gian.
Đã hay toan Cửu tuyền cùng thấy,
440 Sao bằng nơi trần thế cùng nhau.
Ước sao cùng tuổi chưa nhiều,
Thân triền làm bóng dập dìu ở chân.
Bóng được gần, thuở Chàng xa bước,
Chàng y quang, thiếp được như nguyên.
445 Chàng hứa quốc, giữ² lòng bền,
Chàng pha ải tía, gan³ kèn sắt đánh.
Đói đã đành Nhục chi đầu nọ,
Máu Thiên vu khát có làm chè.

XIII. NỖI KHẨN CẦU

1. Cầu khẩn hoàn

450 Hạnh cùng dan dít cửa xe⁴,
Lão thiên kia lại vỗ về nam nhi.
Trời giúp uy trong trăm trận đánh,
Ngựa trường khu dẹp tĩnh Quan đông.⁵
Tên truyền đông bắc sạch không,
Thiên sơn sớm thấy treo cung khắc giờ⁶.

1. Ước: Vc chép ra Chúc, vì tự dạng.

2. Giữ: Vc chép Thiếp. Không đúng ý Hán văn. Tôi chữa.

3. Gan: Vc chép chữ Thiếp, nhưng ý trái với Hán văn. Cũng như chữ Thiếp ở vế trên, tôi nghĩ rằng đó là kẻ sao chép đã sửa đổi ra. Tôi theo nguyên ý Hán văn mà chữa - Kèn: Vc chép chữ gồm chữ Kim và bộ Kiên, thường đọc kèn. Có lẽ là do chữ Kiên là bền mà ra, và nghĩa cũng như Kiên.

4. Cửa xe: Dịch hai chữ Hiên môn mà bản Vc chép thay cho Kỳ môn ở trong các bản khác.

5. Quan đông: Vc chép "Bắc đông". Chắc sai. Tôi theo Hán văn, chữa lại.

6. Khắc giờ: Dịch chữ Tảo, nghĩa là sớm, tức thời.

455 Cuốn ngọn cờ, già trắng cửa ải,
 Dấng¹ khải ca nẻo trái sóc phong.
 Yên sơn thơ tạc dòng dòng,
 Dâng đầu Hiệt lợi chín trùng Vị ương.
 Cung Vị ương rở ràng chiếu ngọc,
 460 Rửa mũi dòng mượn nước sông Ngân.
 Bình Hoài tiếng sảng từ nhân,
 Ca không nhạc phủ tiếng lán Hán dao.
 Tầng thấp cao, Lãng Yên mấy kẻ,
 Vách Kỳ Lân đậm vẽ Hoắc Diêu.
 465 Khoán vàng ghi sánh cỏ mao,
 Hương dây² thê tử, phấn bêu triều đình

2. Mộng hợp hoan

Thiếp tầm lênh³ đâu làm Tô nữ,
 Chàng Lạc Dương cũng dự tài trai.
 Ấn vàng đeo thuở quy lai,
 470 Bất há cơ⁴, chẳng học ai đâu là.
 Áo chinh la, xin chàng mau cỡi,
 Chén rượu hà, quỳ⁵ gối kính đưa.
 Vì chàng, tóc mượt chải thưa,
 Vì chàng, phấn ngọc sớm trưa điểm giồi.

1. *Dấng*: Vc lằm chép ra chữ Người, vì tự dạng. Tuy vậy, chữ Người ở đây cũng có thể dùng để dịch hai chữ Tướng sĩ ở Hán văn.

2. *Dây*: Vc chép Rơi. Chắc đó là chữ *dây*, nhưng lằm vì tự dạng. Dây nghĩa là lan đến một người, một vật khác.

3. *Tầm lênh*: Vc chép thành hai chữ Lại và Lạnh. Không rõ đích xác là hai tiếng gì. Xét Hán văn, thì đó có lẽ là để dịch hai chữ Si tâm, nghĩa là ngu si. Theo tự dạng hoặc âm, ta có thể đoán đó là *dại lành* chăng? Là *suẩn lành* chăng? Tôi nghi rằng xưa có tiếng *Tầm lênh*, nghĩa cũng như những tiếng bây giờ: tầm bậy, tầm phào, tầm vênh v.v... Hai chữ Lãi và Tầm (viết tắt) có thể lẫn nhau. Tôi tạm để thoại ấy. - *Đâu*: Vc chép lằm ra Hôn, vì tự dạng.

4. *Bất há cơ*: Nguyên chép lằm ra *lệnh bằng cơ*, vì tự dạng. Sau có nét son chữa. “Bất há cơ” nghĩa là không xuống khung cưỡi, văn ép.

5. *Quỳ*: Nguyên chép chữ Quỳ mà tự dạng rất gần chữ Đạ. Sau, có nét son chữa ra Đạ, đọc *đặt*. Hình như xưa có tiếng “đặt gối” nghĩa là quỳ gối. Nhưng tôi tưởng rằng đó là ta đã lằm hai chữ Quỳ và Đạ mà bịa ra tiếng ấy.

475 Lấy chàng coi ¹ khăn xưa quện túi,
 Bức cự tình dở dói chàng nghe.
 Cự từ sánh với tân đề,
 Động ² bề mới cũ, giải bề tỉnh say.
 Chén bớt đầy, lại chầm vấp vấp,
 480 Thấp liên cao, nổi chập ca oanh.
 Rượu, đừng chuốc rượu Bồ thành, ³
 Ca, trong Tử lục thì kênh mấy thiên.
 Hát song liên, cùng chầm cứu uẩn,
 Lại cùng chàng kể phận duyên xưa.
 485 Đến ngày già, kết bối ⁴ tơ,
 Công danh bỏ ⁵ thuở sinh sơ trót rồi.
 Cùng dan tay ở đời bình thái,
 Đời thái bình xin hãy chỉ qua ⁶.
 Ví dù hãn vậy thay là,
 490 Ấy trong li biệt, thiếp hòa gượng tươi.
 Mong gửi lời, thuở nào hầu thấy:
 “Than! trượng phu dường ấy hợp ⁷ nên!”

1. *Coi*: Vc lằm chép ra xem. Mất vần.

2. *Động*: Vc chép chữ Động. Tôi đọc *dộng*. Tiếng cổ nghĩa là tâu lên, thưa. Văn Lê hay dùng chữ ấy, nhưng chữ Nôm thường gồm bộ Khẩu và chữ Dụng.

3. *Bồ thành*: Vc chép Vĩ thành, theo như phần Hán văn trong bản ấy. Nhưng ở phần Hán văn, sau có kẻ chữa ra Bồ thành. Thoại này đúng. Xem phần dịch xuôi.

4. *Bối*: Vc chép Bối. Đó là tiếng cổ, nghĩa như mối.

5. *Bỏ*: Vc chép Ngày, vô nghĩa. Tôi chữa.

6. *Chỉ qua*: Xem Dịch xuôi.

7. *Hợp*: Tiếng xưa nghĩa là đáng. Trong văn đời Mạc, Lê hay thấy. Đó là một bằng chứng rằng bài này là xưa hơn các bài kia.

BẢN C (ĐOÀN THỊ ĐIỂM?)

Diễn âm:

CHINH PHỤ NGÂM

Bản này, Hoàng Xuân Hãn ngờ là của Nguyễn Khản (anh Nguyễn Du). Cho đến nay chưa chứng minh được là của ai.

I. THỜI CHIẾN TRANH

1. Cơn gió bụi

Nẻo trời đất nổi cơn gió bụi,
Kẻ hồng nhan nhiều nỗi gian truân.
Kìa xanh thăm thẳm mấy lần!
Duyên nầy ai khéo xây vắn cho nên?
5 Trống Tràng An tiếng xuyên cung Nguyệt,
Lửa Cam Tuyền bóng rệt đóa¹ mây.
Tuốt² gươm, chín đợt ra tay,
Nửa đêm truyền hịch quải bày dụng binh
Ba trăm năm thái bình hữu tượng³,
10 Áo nhung trao vũ tướng từ đây.

2. Xuất quân

Cửa Trời, cờ sứ sớm bay,
Những chăm quốc sự, dễ khuấy khuê tình.
Nghiêm cung tên, sấm sanh gươm giáo;
Nỗi vợ con, tay áo phần sơ

1. Đóa: Chữ nầy gần giống chữ Dụng, đọc rụng.
2. Tuốt: Vc chép Trao. Chắc lầm vì tự dạng.
3. Thái bình hữu tượng: Nghĩa là có cảnh tượng thái bình.

15 Ài quan sâu rủ lá cờ,
 Ầm ầm tiếng trống, oán vừa từ gia.
 Oán chưa vợi, sâu đà thêm rồi,
 Nỗi phân huê dở dối xiết bao.

3. Chí chinh phu

20 Cửa Ngô, chàng vả đứng hào
 Bút nghiên nếp đẹp, cung đao tập tành.
 Dấu liên ¹ thành thẳng dăng thánh chúa,
 Xin xách gươm chém lũ thiên kiêu.
 Dậm trường da ngựa, quản bao,
25 Quyết gieo non Thái dương khêu lông hồng.
 Giã khuê phòng ruổi dong công ngự, ²
 Gió kim ³ đưa ⁴ vọt ngựa nhẹ bong.

II. CHÀNG XUẤT CHINH

1. Lúc tiễn biệt

30 Đầu Vị kiều, ngòi nước trong,
 Bên ngòi ấy, đám cỏ lông màu xanh.
 Nẻo phân trình, đưa chàng từ đấy,
 Lòng thiếp xui ngay ngáy lo sầu,
 Bộ trình hiêm chẳng như câu,
 Thủy trình hiêm chẳng như chu đưa chàng.
 Nước có dòng màu gương lẻo lẻo,
 Lòng thiếp sầu, khôn liệu rửa trong.
35 Xanh xanh có cỏ thơm nồng.
 Ngắm nhìn, khôn nhẽ khuây lòng thiếp lo.

1. *Liên*: Vc nguyên chép lầm ra *Mây*, vì tự dạng. Có kẻ lại chữa lầm ra *Bên*.

2. *Công ngự*: Nghĩa là đánh giặc.

3. *Gió kim*: Tức là gió tây, lạnh.

4. *Đưa*: Nguyên chép *Tiền*. Sau có kẻ chữa như thế.

Cầm tay chàng, chuyện trò sau trước,
 Dắt áo chàng, chân bước dùm dằng.
 Theo chàng, lòng thiếp tựa trăng,
 40 Lòng chàng muôn dặm, tên bằng non Trời.
 Đặt li bôi, Long Tuyền dậy ¹ múa,
 Ngang ² giáo vàng, vờn ổ hùm lang.
 Theo người Giới, bắt Lâu Lan,
 Trỏ Man Khê, hỏi chuyện chàng Phục Ba.
 45 Mùi áo chàng, ráng pha thấm ngất,
 Sắc ngựa chàng, tuyết trát trắng phau.

2. Chàng lên đường

Trống chiêng, gió rước vang thâu.
 Nhạc loan vui khách, yên câu nhẹ người.
 Chợt đổi diện, phút dời phân đạo,
 50 Lòng băng khuâng thuở nẻo Hà lương.
 Ngậm ngùi vác ³ mặt bên đường:
 Cờ bay phới phới, trông càng buồn thay.
 Đội tiền quân, mé tây doanh Liễu,
 Lữ hậu quân, bắc kéo Trường dương.
 55 Ba quân rật rã ải lang,
 Liễu dương có thấu đoạn trường nầy chẳng?
 Nghe suốt suốt mai đằng ⁴ tiếng diễn,
 Bóng thưa thưa cờ rán ⁵ ruổi mau.
 Lân trông đòi áng mây sâu,
 60 Chàng khi ghé thiếp, thiếp nau nhớ chàng.

1. *Dậy*: Vc chép chữ gồm bộ Túc và chữ Dái. Có thể đọc Nhảy.

2. *Ngang*: Dịch chữ Hoành. Vc lầm ra Con, vì tự dạng.

3. *Vác*: Nôm viết bằng Bấc, đọc *vắc*, nghĩa là ngừng mặt lên.

4. *Đằng*: Vc chép chữ Đằng là lên. Tôi không rõ nên đọc và nên hiểu thế nào. Hoặc là ké sao lầm, nhưng cũng không thể quyết đoán được. Chữ Mai ở đây nghĩa là khúc địch Mai lạc (mơ rưng). Phải chăng đáng đọc Đằng mà nghĩa cũng như *dằng* hay *dẫng*, tức là trời tiếng hát, tiếng nhạc?

5. *Rán*: Nôm viết gồm bộ Hỏa và chữ Đán. Đọc *rán*, nghĩa là gắng sức.

3. Cùng ngóng nhau

Chàng lặn dận, dầu sương, dãi gió,
Thiếp trở về, vò vô đêm đông.
Kẻ đi người lại, đều trông,
Non pha thức biếc, cây lồng màu xanh.
65 Chốn Hàm Dương, bằng hình trông thiếp,
Vội ¹ Tiêu Tương, chầy kíp trông chàng.
Khói Tương ngất bóng Hàm Dương,
Cây Hàm Dương cách sông Tương mấy trùng.
Cùng trông, mà vân mòng nào thấy,
70 Kia xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu, thôi lại ngàn dâu,
Tình chàng, lòng thiếp, so nhau vấn dài.

III. NỖI THƯƠNG SỢ

1. Thương chàng vất vả

Từ thuở trảy côi ngoài Sa lũng,
Nguyệt tỏ, chàng mấy lúc ² nghỉ ngơi.
75 Xưa nay chiến địa đòi nơi,
Đổi không muôn dặm, đất khơi cửa nhà.
Gió lộng lộng, người hòa mặt dạn,
Nước sâu sâu, ngựa nản dò chân.
Nương yên, gối bác ³ đỡ dần,
80 Giải khu ⁴ chiếu đất, che lằn màn mây.
Bạch Đằng nay ⁵ đầy đầy quân Hán,
Thanh Hải mai dạn dạn Hồ nhung.

1. *Vội*: Vc viết Thiếp. Sau có ké chữa ra *Vội*, nghĩa là chốn xa. Tôi nghĩ rằng đó là chữ Ngác, mà kẻ kia đã lầm ra *Vội*, vì tự dạng. Hoặc giả, kẻ kia đã tự bịa ra, để đối với chữ Chốn ở vế trên. Nhưng cũng có thể rằng, nguyên chữ Thiếp là đúng, mà chữ *Chốn* ở vế trên, thật ra, là chữ *Chàng*.

2. *Lúc*: Tuy vẫn này ép, nhưng chữ này chắc đúng.

3. *Bác*: Nay nói là mác. Đáng lẽ chữ này là Trống, thì mới đúng với Hán văn.

4. *Khu*: Chữ này cũng có lẽ đọc Gò, vì trong Hán văn có chữ Lục, nghĩa là gò. Vế này dịch không sát nghĩa nguyên văn. *Lần*: Nghĩa là từng, lớp.

5. *Nay*: Vc viết chữ Đạt, chắc là chữ Nay mà lầm ra vì tự dạng.

Áp thành, cao thấp non lông,¹
 Bên thành suối chảy, nổi dòng nông sâu.
 85 Trên non xanh, trát đầu tuyết gội,
 Dưới suối trong, nước lợi ngang lưng.
 Máy người áo sắt giảng vắng?
 Xót người lúc ấy mặt băng², chau mày.
 Trong cấm trưởng có hay chăng nhé?
 90 Gian nan nầy ai vẽ chinh phu.
 Chớ khi trái chốn trì khu,
 Tiêu quan men móc, hải ngu dầm dìa.
 Kìa sương thôn, nọ thì vũ điểm,
 Đã hổ khu, lại hẻm xà lâm.
 95 Nằm sương, ăn gió, thiết cầm,³
 Đùi in tuyết lạnh,⁴ râu lằm giá trong.
 Lên lầu cao, xa trông biên sắc,
 Dễ xui lòng thắc mắc sầu riêng.

2. Sợ chàng thiết thân

Đông nam từ thuở phân trình,
 100 Tin chàng, biết hỏi thăm lênh phương nào.
 Kể chinh chiến xưa sao nay có,
 Tính mệnh dường cây cỏ, trọng đâu.
 Sa trường áo rộng ơn sâu,
 Phút trong dòng bác, trẻ mau chóng già,
 105 Mộ núi Kỳ, trăng tà, bóng giai,
 Nấm sông Phì, gió lại hơi xuân.

1. *Lông*: Vc lằm ra Sông, vì tự dạng. *Lông* nghĩa là phủ lên, che trước.

Trát: Nôm viết chữ Giát, đọc *giát* hay *trát*.

Giảng vắng. Xem chú thích 238 ở bài A.

2. *Băng*: Nôm viết chữ Băng. Đọc *băng*, nghĩa là buồn, như trong tiết đôi băng khuâng.

3. *Cầm*: Nguyên lằm ra Ngâm, sau chữa Nghĩa: đau lằm vì buồn, giận, rét...

4. *Lạnh*: Nguyên viết Mộc (là tắm); có kẻ chữa ra Gội (tự dạng gần). Nhưng tôi nghĩ đó là chữ Lạnh; vì tự dạng cũng gần như các chữ trên, và ý tứ đúng hơn. - *Lằm*. Nguyên chép Lông, có kẻ chữa sau. *Lằm* nghĩa là lằm (chính nghĩa là bùn, như trong tiếng lằm than).

Gió khiên ¹ hồn kẻ từng quân,
 Trăng soi, in mặt chinh nhân rõ ràng.
 Mặt chinh nhân, ai màng giạm ² vẽ,
 110 Hồn từng quân, mấy kẻ xót thương.
 Nước non nền cũ tranh cường,
 Hành quân qua đấy, tình dường là bao!
 Việc chinh chiến, đi sao chóng được,
 Chàng Siêu về, tóc trước điểm đôi.
 115 Chớ khi chàng thấy côi ngoài,
 Gương giờ ba thước, khẩu cài một an.
 Gió thu đưa, cỏ lan bãi cát,
 Đỉnh quan sơn, nguyệt gác tỏ gương.
 Chiêng khêu ³ trước ngựa nghiêm trang,
 120 Bên thành ngất ngheo ⁴, đặt thang lần trèo.
 Áng công danh, trăm chiều khó nhọc,
 Những vội vàng, chẳng lúc nào nguôi.

IV. NỖI NHỚ NHUNG

1. Than cách trở

Cùng ai than thở khúc nhôi,
 Chàng ngoài bể Quế ⁵, thiếp ngồi phòng hương.
 125 Chực phòng hương, chĩnh dành phận thiếp,
 Song bên trời há kiếp chàng vay!
 Muốn chàng cá nước sum vầy,
 Thiếp đành chẳng ngại nước mây mộ phần.
 Thiếp nào nghĩ làm thân chinh phụ,

1. *Khiên*: Vc viết chữ Khiên là dắc. Nhưng chữ này ép lắm. Tôi không đoán được nên đọc hoặc chữa thế nào?

2. *Giạm*: Nôm viết chữ gồm bộ Thủ và chữ Tam. Đọc *giạm* (hoặc *dạm*), nghĩa là tô vẽ; chứ không phải đọc Chạm là đục thành hình.

3. *Chiêng khêu*: Dịch sai nghĩa. Xem chú thích ở bài A.

4. *Ngất ngheo*: Chữ Nôm có thể đọc như vậy, hoặc Ngoắt ngoéo. Sau có kẻ chữa “thoắt kéo”. Ngất ngheo trở bộ cao lắm.

5. *Quế*: Vc chép chữ Quế là cây quế. Quế Hải tức là Nam Hải. Đây diễn giá dùng ép chữ ấy, cốt để đối với chữ Hương.

130 Chàng muốn gì bạn lũ Vương Tôn.
 Cớ chi nam bắc ỷ khôn¹,
 Sớm xây thành nhớ², hôm tuôn bể phiền.
 Một làm khách thiếu niên lâu thú,
 Một làm thân chinh phụ phòng khuê.
135 Tuổi xanh khéo then đôi bề,
 Hàn huyền nghìn dặm, ủ ê tác vàng.

2. Trách lỗi ngày hẹn

 Nhớ từ thuở cùng chàng tiễn biệt,
 Tơ liễu còn chưa dệt thoi oanh.
 Hỏi chàng phỏng đặc quy trình,
140 Lời chàng giao hẹn rành rành quỳên kêu.
 Cái quỳên, oanh, cùng nhau qua tiết,
 Lầu liễu cao riu rít tiếng nhi.
 Cùng chàng nhấn³ thuở phân huê,
 Tuyết mai chưa động dạng gì gió xuân.
145 Ngày phản bá, bản khoản ướm hỏi,
 Trở cây đào, chàng nói mùa hoa.
 Hoa đào, xuân quỳên đã xa,
 Sông mai đến tiết hoa đà phù dung.

3. Trách lỗi nơi hẹn

 Chốn đã hẹn ấy cùng tương hội:
150 Cầu Hán Dương với nội Lũng Tây.
 Bửng tưng⁴ đợi quá nửa ngày,

1. *Ỡ khôn*: Vc chép chữ Ỡ là tựa, và chữ Khôn là đất. Tôi không rõ nghĩa. Nhưng tạm hiểu nghĩa là: ấy là khổ.

2. *Thành nhớ*: Nghĩa là nhớ chất nên cái thành. So với vế 299 ở bài B: Sầu chất thành, nường đầu làm gối.

3. *Nhấn*: Nguyên viết Nhất. Nhưng không đúng ý. Đây là tiếng *nhấn*, nghĩa là: đến lúc, khi. Cũng đọc *nhấn*.

4. *Bửng tưng*: Vc chép tiếng đầu bằng chữ Bửng. Nghĩa là mờ sáng. Cũng nói *tưng bừng*, hoặc *bừng tưng*.

Cây lay, lá ¹ rụng giắt đầy cái trâm.
Đứng dậu dậu, khôn cầm giọt ngọc,
Gà hoang thôn eo óc buổi trưa.
155 Xế chiều đợi cũng ngẩn ngơ,
Gió đưa hơi lạnh lọt tơ áo là.
Đứng đợi đợi, mặt hoa ngừng ngắt.
Bến hàn giang, bóng át, triều dâng.

4. Trách hện lần lửa

Tin chàng năm ngoái đã rằng,
160 Năm nay lại nhắn nói năng chàng về.
Tin đã về, mà chàng chưa thấy,
Hoa dương rơi đã dấy rêu xanh.
Rêu xanh, thôi lại rêu xanh,
Sân nhàn một bước, tưởng quanh trăm đường.
165 Nửa trời ngọn lửa tương thấm cháy,
Khuya sữa trắng, sớm lại trông mây.
Thư chàng năm trước hện ngày,
Năm sau thư hện độ nầy hồi trang.
Thư đã về, mà chàng còn bận,
170 Xế song the, bóng lặn, ác tà.
Ác tà, thôi lại ác tà,
Tính trong chín hện, sai ngoa tới mười.

1. Lá: Nguyên viết như vậy. Sau có kẻ chữa ra *gió*: chắc sai. - *Giắt*. Nôm viết chữ Chắt. Đọc *chắt* cũng có nghĩa. Nhưng đọc *giắt* mới đúng ý. Các bản Hán văn không có vế nào ứng với hai vế diễn ca này. Theo cách đối từng tiết, thì ta thấy rằng đó là ý của diễn giả thêm, hoặc của ai thêm vào bản Hán văn mà diễn giả dùng; bởi vì hai tiết Hán văn 160-165 và 166-171 đối cân nhau và đều gồm sáu vế.

V. NỖI LẺ LOI

1. Nuôi mẹ dạy con

- Gắm ngày đi, kể chơi từng lúc,
Đến nay đà ba đức tiền sen.
- 175 Xót người tử tái liên niên ¹,
Hoàng Hoa gánh nặng, cửa phiên ² dùng dằng.
Người tử tái ai chẳng từ phụ,
Kể hoàng hoa, khuê phụ ai không.
Từ thân, bao khá dời lòng;
- 180 Vợ con, ai khá tình trung hững hờ.
Đứng lão thân, tóc phơ đầu bạc,
Nỗi con thơ trứng nước ngóng mòng.
Mẹ già nương cửa ngóng trông;
Mớm cơm bùi rín, trẻ mong tháng ngày.
- 185 Bữa phụng thân, thiếp thay nam tử,
Sách dạy con, thiếp đỡ làm cha.
Một mình dạy trẻ, nuôi già,
Nhớ chàng, tủi thiếp, biết là mấy phen.
Nhớ chàng đã qua niên lịch trước,
- 190 Suốt năm nay, tháng chạp hầu xong.
Chàng khơi ba bốn năm ròng,
Mối sầu thiếp rồi, kể vòng vạn thiên.
Chước chi chàng kê bên mình thiếp?
Đỡ ³ mối sầu mọi kiếp chàng hay.

2. Dỡ vật cũ

- 195 Cái thoa cung Hán yêu thay!
Vốn xưa của thiếp sắm ngày đưa dâu.
Cậy ai gửi tới hầu chàng ngắm
Ngụ lòng nầy chút tấm tương tư.

1. *Liên niên*: Nghĩa là luôn luôn trong mấy năm.

2. *Phiên*: Là nước chung quanh Trung Quốc. Cửa phiên là cửa ải ra nước ngoài.

3. *Dỡ*: Nguyên viết như vậy. Nếu chữa ra *đỡ* thì rõ nghĩa hơn.

200 Gương Tần một bức ngày xưa,
 Cùng chàng sánh mặt, bấy giờ soi chung.
 Cây ai gửi ngụ lòng trân trọng,
 Tổ loan phòng, chéch bóng thiếp nương.
 Đeo tay có chuỗi ¹ hạt vàng,
 Cài đầu có ngọc, thiếp thường yêu chơi
205 Cây ai gửi tới người quân tử
 Chốn tha hương, làm sự dấu ghi.

VI. NỖI TRÔNG NGÓNG

1. Ngóng tin về

 Năm xưa tin tức cũng khi ²,
 Rày tin chẳng thấy, tức thì cũng không.
 Thấy nhân, tưởng thư phong tái điệp ³
210 Nghe sương sa, sửa nếp áo bông,
 Gió thu, mong gửi sứ hồng.
 Bên trời xót kẻ lạnh lòng tuyết mưa.
 Tuyết lạnh leo, nương nhờ hổ trưởng,
 Mưa rét cảm, trú gượng màn lang.
215 Heo heo ⁴ rét lạnh đôi đường,
 Ngoài trời xót kẻ cần vương, chẳng dờ.

2. Thần thờ

 Chữ thù gấm, phong thôi thì mở
 Quẻ gieo tiền, tin ngợ còn nghi
 Ác vàng dòm bóng rèm the

1. *Chuỗi*: Vc chép chữ gồm bộ Mịch và chữ Lỗi, thường đọc rồi. Cũng có thể đọc lỗi, nghĩa là sợi dây xâu đồng tiền. Nhưng đó cũng có thể là do chữ Chuế mà làm ra, vì tự dạng: và nên đọc *chuỗi*. Vả tiếng Chuỗi có lẽ cùng cùng gốc với tiếng Lỗi (Lỗi do Tlỗi mà ra. Chuỗi do Thuỗi mà ra).

2. *Cũng khi*: Tức là: cũng có khi có.

3. *Tái điệp*: Là tin ở cửa ải.

4. *Heo heo*: Nôm viết hai chữ Hiêu, đọc Hiu hoặc Heo. Hiu thì có nghĩa vắng vẻ, buồn. Hiu hiu trở bộ gió thổi nhẹ, mát. Heo có nghĩa lạnh: gió heo là thứ gió lạnh. Vì vậy, tôi đọc *heo heo*.

220 Một mình lơ lửng đứng kê cửa hiên.
 Ba canh nguyện, song xuyên bóng quế,
 Mái tóc trôi xách mé¹ gối đơn
 Rượu tắm bữa rót, chẳng can²
 Có chi tâm tính tựa làn say ngây?
 225 Đầu bùng rủ³, tóc mây rối rút
 Xiêm lỏng đai, lưng ruột gầy heo.

3. BẠN VỚI ĐÈN

Viện khơi, đi muốn hầu xiêu,
 Mạnh tương cuốn ít rủ nhiều, biếng trông
 Ngày mong tin, cảnh không tiếng thước
 230 Đêm ngồi chong, nổi nước đèn hay
 Đèn hay, dù nhẩn chẳng hay
 Học sầu, thiếp chửi đong⁴ đầy không vơi.

VII. NỖI SẦU MUỘN

1. SẦU NHỚ

Tưởng hoa đèn, gương cười nửa miệng
 Ngán bóng người, lại biếng dờm hoa
 235 Năm canh ran gáy tiếng gà
 Tàn hờ bóng rủ tha ra⁵ trì đường
 Sầu tựa bể, khắc dương năm suốt
 Nghĩa sự lòng, ta xót cùng ta
 Quả hương, ngồi ngẩn trước tòa

1. *Xách mé*: Nghĩa là lệch không ngay. Cũng đọc: xéch mé.

2. *Chẳng can*: Dịch nghĩa đen hai chữ Bất quan. Xem chú thích ở bài B.

3. *Rủ*: Vc chép lầm ra Gió, vì tự dạng.

4. *Đong*: So với câu Kiều: Sầu đong, các khắc càng đầy.

5. *Tha ra*: Nôm viết tiếng sau bằng chữ Ra. Nghĩa là: trở bộ rủ nghiêng nghiêng. Cũng nói: tha la - *Trì đường* là cái hồ. Trì là hồ tròn, đường là hồ vuông. Diễn giả thêm ý này vào để gieo vần.

240 Gương soi như giục lệ hòa, nhin ngừng ¹
 Khúc cầm gảy buồn dừng cột phượng
 Tiếng sắt kêu sầu vướng dây uyên
 Lòng này, gió khúng tin truyền.
 Nghìn vàng thiếp trả, non Yên đưa cùng
 245 Non Yên, ví chữa thông tin tức,
 Lòng băng khuâng, đường, bức ² trời xanh.

2. Cảnh gợi sầu

 Trời cao, khôn nhẽ thông hành
 Mối sầu dang dang, nhớ quanh nào cùng
 Chốn nhớ người càng trông càng thắm
 250 Ngắm cảnh thêm trêu tấm lòng đau
 Ngọn cây lá điểm sương thâu
 Đàn mưa, trống ếch, gióng sầu ngoài song
 Sương là búa, lạnh lòng cảnh liễu
 Mưa là cửa, thất thiếu lá ngô
 255 Đóa tùng, chim ẩn khói mù
 Khóm tùng ³ trập trập, hạt lồ phun phun
 Hậu trùng ⁴ giọng nỉ non tường quạnh,
 Chùa đăng ⁵ xa động đánh chuông ai
 Mưa thôi, đàn dế chua tai,
 260 Chuối bay cờ lá, viện ngoài gió đưa
 Gió xuyên song, trướng tơ hấy động,
 Trăng lồng hoa, rặng bóng rèm châu.
 Trước hoa, trăng tỏ lòng thâu
 Dưới trăng hoa nở, cảnh đua màu hồng
 265 Lấn hoa nguyệt, chập chồng bóng rã
 Khách, hoa tiền, nguyệt hạ, lòng xiêu.

1. *Nhin ngừng*: Xem chú thích 135 ở bài A. Vc lẫm chép Ngập ngừng.

2. *Bức*: Vc viết như vậy. Ý là đường leo dốc, như chân trời xanh dựng đứng tựa bức thành. Cũng có thể đó là chữ Bực (bực thàng)?

3. *Khóm tùng*: Chữ Tùng này nghĩa là bụi, lùm cây. Lô: Tức là “lộ” nghĩa là hơi nước ban đêm đọng lại, mà ta gọi là móc hoặc sương.

4. *Hậu trùng*: Vc “Tiếng hầu” nghĩa là tiếng vượn. Tôi nghĩ rằng không lẽ diễn giá hiều lẫm đến như thế. Tôi chữa lại theo Hán văn.

5. *Đăng*: Vc chép chữ Toàn, nghĩa là nhóm. Tôi không đoán được nên đọc ra sao. Hoặc đó là chữ Đặng chẳng, đọc *dựng* hoặc *đăng*.

VIII. NỖI CHÁN NẢN

1. Lười biếng

270 Nghĩ càng thêm nổi dật dàu
 Nghìn chiều ngơ ngẩn, muôn chiều ngẩn ngơ
 Oanh sánh đôi, ngại đưa thoi cửi,
 Bướm thư hùng, then gửi ¹ chỉ thêu
 Biếng giỏi phẩn, để má siu ²
 Biếng cười, biếng thốt lộn chiều nương song
 Nương song, luống nương song, ủ dột
 Chàng thấy xa ³, chai chuốt cùng ai
275 Buồn muôn ⁴ thở vắn than dài
 Nghĩ chàng xa xác ⁵ côi ngoài ải Liâu ⁶
 Ví ả Quế ngồi hiu cung Quảng
 Đường vợ Ngâu khóc lẳng duênh Ngân.

2. Nản lòng

280 Nương sầu làm gối vô ngần ⁷,
 Nấu buồn làm bữa, chút phần nào khuây.
 Rượu giải sầu, sầu đầy, rượu lạt,
 Hoa gỡ buồn, buồn át màu hoa
 Quỳnh sanh tiếng gõ chẳng ra
 Ngân tranh mong gãy, hầu ca lại dừng

1. *Gửi*: Nguyên viết chữ gồm bộ Khẩu và chữ Cái: đọc *gửi*. Sau có kẻ xóa bộ Khẩu.

2. *Siu*: Nôm viết chữ Siêu, có lẽ nên đọc là “deo” với ý nghĩa là “rắn deo” chăng?

3. *Xa*: Nguyên viết chữ Trung. Có lẽ có bản cũ đã viết “Chàng trẻ trung”. Tôi chưa theo ý Hán văn. - *Chai chuốt*: Vc chép chữ đầu làm ra Tề, vì tự dạng. Chai chuốt trở mặt mày đáng điệu trau dồi đẹp dề.

4. *Buồn muôn*: Xem chú thích ở bài A. (*Muôn* tức là *muộn* hoặc *sầu*).

5. *Xa xác*: Nôm viết chữ thứ hai bằng chữ Xác, nghĩa là thật. Theo ý Hán văn, xa xác nghĩa như xa xôi.

6. *Ái Liâu*: Liâu là tên đất ở vùng đông bắc Trung Hoa, tức vùng Mãn Châu.

7. *Vô ngần*: Vc lầm chép chữ đầu ra chữ Lâm, vì tự dạng.

285 Đường viễn tái, lo chừng ¹ hiểm trở
 Xót hành trang kham khổ cậy ai?
 Tiếng quyên kêu lợt quan hoài,
 Trống tiêu khua phải gan ai rộn mềm.
 290 Mùi khuê li, nếm xem chua lạt,
 Chua lạt ² vì bát ngát ³ Lang quân.

IX. NỖI MONG MỎI

1. Mộng được gần

Đôi hàng thiếp lệ đượm nhuần
 Gối uyên chéch mác, thiếp thân đơn hàn.
 Thiếp thân nào kể màn chinh tướng,
 Thiếp lệ nào đượm nhuộm chinh cân.
 295 Đêm đêm hồn dẫn mộng xuân,
 Trước màn, dưới trướng, khôn thân ⁴ cơn buồn.
 Hẹn đài Dương, mưa trôi nước lội,
 Bến ⁵ Tiêu Tương, gió thổi cuốn mây.
 Hoan trường mấy hội, dan tay,
 300 Hải đường bùng rặng ⁶ thật nầy chiêm bao.
 Thiếp hiem chẳng chiêm bao mãi thế.
 Chốn Hàm quan, Lũng thủy đều vui
 Chiêm bao, song ghét thoảng thời ⁷
 Giấc say dường có, tỉnh rồi lại không.

1. *Chừng*: Tiếng xưa, dịch chữ Chi. Là một giới tự trở rằng ý “hiểm trở” là thuộc ý “Đường viễn tái”. Về văn phạm, gọi là “thuộc cách”.

2. *Lạt*: Dùng ép chữ này.

3. *Bát ngát*: Ý là vắng vẻ. Cũng như chữ Lạt, hai chữ dùng ép. Có thể đổi chữ lạt ra vắng, và chữ bát ngát ra nổi vắng, thì đúng ý và xuôi hơn. Hoặc là nghĩa ấy của “bát ngát” là thường khi xưa.

4. *Thân*: Vc chép chữ Thân là đuôi. Nghĩa đây là: bày ra để cho há, cho khuấy.

5. *Bến*: Nguyên chép Đình, không đúng với tên sông. Tôi chữa.

6. *Bùng rặng* (hoặc bùng rặng). Nôm nguyên viết chữ Bùng.

(Nhậm trên, Kỷ dưới) và Dựng. Xét ta có tiếng *bùng* là sáng thành linh, là mở mắt. Còn tiếng *rặng* nghĩa là sáng ở giữa chỗ tối, mà không thấy lửa. Tôi đoán rằng “bùng rặng” nghĩa là lúc rạng đông, và “Hải đường” là giấc mộng đẹp đẽ.

7. *Thoảng thời*: chóng.

305 Bui thì có tấm lòng chẳng dứt ¹
 Chẳng khi nào lãng nhụt nhớ chàng.

2. Trông bốn bề

 Nhớ chàng mà chẳng thấy chàng.
 Lầu cao mấy độ, trông phương đê chừng
 Liếc bãi tần, cát bằng, nước gợn ²
310 Dâu Tần chen cỏ Tấn, xanh pha
 Mé nam, binh bụi miền xa
 Bến tà dương điểm nhận sa một đoàn
 Non rụng lá, chất ngàn nên đóng
 Sông khoe mai, nội rộng, trĩ bay
315 Mé đông, nom ³ khói trùm cây
 Đường không quanh quẽ, chim vẫy véo von
 Đình tràng đoản, đồ ⁴ còn vẽ lớp
 Non Thục cao, mây rợp rặng Ngô
 Bắc phương, lúa nửa thành cô
320 Trối ⁵ mưa tiếng địch, mịt mù giang lâu
 Sông từng khúc, vòng câu uốn éo.
 Nhạn bay không, mòng léo ⁶ bến khơi.
 Ngàn tây cỏ rậm doi dài,
 Bỗng người thoi thót cách ngoài sông Thương. ⁷
325 Khấp trời đất, chiến trường khôn cốc ⁸
 Chốn nào là ải Ngọc, chiến trâu ⁹ ?

1. *Bui thì*: chỉ có - *Chẳng dứt*. Nguyên viết bút rứt. Chữ Chăng (Trang) có thể lầm ra chữ Bất.

2. *Gợn*: Nôm viết chữ gồm bộ Thủy và chữ Ngân. Có thể đọc *Cặn*, *cẩn* (nghĩa là đục) hoặc gợn. Tôi chọn tiếng cuối, tuy rằng vẫn không hợp bằng các tiếng trên.

3. *Nom*: Vc chép Nam. Chắc phải đọc *nom*.

4. *Đồ*: Nguyên viết Mây. Sau có nét son chữa.

5. *Trối*: Vc lầm chép Ruối, vì tự dạng.

6. *Mòng*: Vc chép chữ Mông là nhờ. Đây có lẽ chữ Mông là một thứ thuyền. *Léo*: đi tới gần.

7. *Thương*: Vc chép lầm ra chữ Thương là buồn. Diễn giả dịch ép hai chữ Thương châu.

8. *Cốc*: Tiếng cổ, nghĩa là biết, do chữ Giác mà ra.

9. *Chiến trâu*: Miền xa đánh nhau (*Trâu*: miền xa).

X. NỖI NGỜ VỰC

1. Hối hận

Hiềm chẳng rút dất, phép thua
Nào là tiên nữ có bùa gieo khăn
Lòng phỉ thạch ¹ khôn vãn, chuyên được
330 Khi đăng lâu, một bước một thương
Thần thơ dậm diễn đường trường,
Ăn năn tại thiếp giục chàng công danh.

2. Ngờ vực

Cách nghìn dậm, khát tình giao tiếp,
Biết lòng chàng giống thiếp hay không?
335 Ví chàng lòng cũng dữ đồng
Đã cam, há dám chút lòng hiềm chi.
Lòng thiếp bằng hoa quỳ chiêm hương
Lệ lòng chàng, bóng thoảng lưu quang
Lưu quang thấm thoát bóng dương
340 Quá chiều, hoa cũng úa vàng, phai thơm
Hoa ôi ², dễ ai dòm dõi đến
Vì lưu quang, hoa thẹn nên già.

XI. NỖI LO GIÀ

1. Tính ngày qua

Hoa tàn rụng góc tường hoa
Trải xem hoa rụng biết là mấy giêng
345 Lan đổi lá, dềnh dềnh chồi bậm
Khóm tơ hồng ³, đầm ấm hơi dương

1. *Phỉ thạch*: Trỏ lòng cứng hơn đá.

2. *Ôi*: Để thừa nên héo, hỏng.

3. *Tơ hồng*: Nguyên viết Lục hồng. Chắc đó là lầm vì tự dạng. Hán văn trong bản Vc chép Hồng ti.

Phan Huy Ích, trong bài A, hình như đã theo sát các vế này.

Sửa hài, bước tới tiền đường
 Ngửa trông xem vẽ thiêng chương thần thờ
 Duênh Ngân hán khi mờ, khi tỏ
 350 Sao Sâm¹ triền lúc có, lúc không
 Cung Thiềm thấp thoáng mây lồng
 Chuôi² ngôi Bắc đẩu châu cung Tử thần.

2. Còn xa cách

Gẫm cơ tạo, niềm Xuân ngao ngán
 Chạnh nỗi chàng cách diễn tha phương
 355 Xưa thì hình ảnh cùng nường
 Khi nay trở diễn Sâm Thương đeo phiến
 Chốn chàng đi, mây chen hàng ky,
 Chốn thiếp ngồi, chái để những rêu.

3. Lỡ lương thời

Gió xuân trong chái điều hiu
 360 Ngán chiều quá lứa, then chiều xuân xanh
 Ngụt gió xuân, giai³ cảnh Diêu, Ngụy.
 Rủ chiếng vàng, nở nhụy lồng đưa
 Nữ, Ngưu mừng gặp trăng thu
 Duênh Ngân bảng lảng cầu ô vũng vàng..
 365 Ngày chàng trẩy, tây nường bé tuổi
 Nay đông lân đã cưới làm dâu
 Thương thay thỏ chực phòng sâu!
 Năm năm lần lửa, còn đâu là thời
 Thời vì, bẵng thoi đi⁴ thắm thoát
 370 Cảnh con người, dùi dặt⁵ tuổi⁶ qua

1. Sâm. Xem chú thích 388 bài B.

2. Chuôi: Vc lầm chép Chiên (đọc chen), vì tự dạng - *Tử thần* là cung sao Tử vi, chung quanh Bắc cực. Sao Bắc đẩu quay chung quanh cung Tử vi, như châu cung sao ấy. Vì vậy, đời Đường, cung vua ngự có tên là *Tử thần*.

3. Giai: Vc chép chữ gồm bộ Hỏa và chữ Trại. Thường đọc Giai hay Giỏi, và nghĩa là chiếu xiên. Đây ý là gió xuân ấm thổi vào.

4. Đi: Vc chép Đưa. Tuy hợp tứ hơn, nhưng lại sai vẫn.

5. Dùi dặt: Đây nghĩa là: hết khoảng này sang khoảng khác.

6. Tuổi: Vc lầm chép Nền, vì tự dạng.

Huống chi sâu nguyệt, buồn hoa
Bén gần thì ít, dờn xa thì nhiều
Nỗi sâu giận gọi trên đường ấy
Bồ liễu kia được mấy xuân xanh.

4. Lo già

375 Tiếc than rộn rã tâm tình
Nỗi chung luống chịu một mình hư không
Tiếc vì nỗi hoa hồng tươi vẻ
Thẹn, vì chiều bóng xế khôn xoay
 Hoa ôi, phận bạc khéo vay ¹!
380 Trẻ qua già đến, chóng thay lạ đường
 Gác hương ² hãy mơ màng tiểu hưởng ³
 Lầu thư còn mừng tượng hương la
 Trời cao trái thói người ta
Xui phong lưu ấy nay đà thoảng đâu
385 Biết thế vậy, dễ hầu sao được
 Thiếp tiếc than, sau trước vì chàng

XII. NỖI ƯỚC AO

1. Thua loài vật

 Kìa thì nội lục, uyên ương
Kiếp đành chẳng nghĩ phân tương khi nào
 Nọ đôi én, lầu cao cùng quyến
 Đầu bạc lông, bịn rịn chẳng rời
390 Chim kiêu ⁴ chấp cánh liền bay
 Liều hay liên lý, sen hay tĩnh đầu
 Phận nhân sinh vì đâu diêu vợi
 So chẳng cùng vật loại suy xem.

1. Vay: Nguyên làm chép ra Thay. Trùng vắn.

2. Hương: Vc chép chữ Toại. Có lẽ đó là chữ Thúy là sâu chẳng? Không chắc như vậy, tôi tạm theo Hán văn để chữ Hương.

3. Tiểu hưởng: Tiếng cười còn vang.

4. Kiêu: Vc làm chép Quyên, vì tự dạng.

2. Mong ở kẻ

395 Sao cho liền cánh như chim
 Như cây liền gốc, đầm êm một bể
 Vì xui kiếp hợp ly bất định
 Thà xin làm hình ảnh theo chàng
 Chàng dù nường bóng lưu quang
400 Thiếp đành chí ước vẹn vang phỉ nguyên.
 Nguyên ra tay phù nghiêng, chữa lệch
 Đan là lòng, thiết thạch là gan
 Thiên vu mặt khiếp, hồn tan
 Máu chan làm nước, thịt bàn ¹ làm cơm.

XIII. NỖI KHẨN CẦU

1. Cầu khẩn hoàn

405 Chí tang bỗng đã cam nằng nỏ
 Mây ² lòng trời cũng hộ anh hùng
 Anh hùng trăm trận nên công
 Tì hưu thẳng đuối, kiến ong quét trừ.
 ải đông bắc sạch lừ tên đá
410 Nguyệt non Trời, cung đã gác giờ
 Non Yên, thích đá đề thơ
 Cung Ương, hiến quắc, rạng nhờ khen không
 Tòa Thiên triều, chữ trung bộc bạch
 Nước duênh Ngân rửa sạch cung đao
415 Chép ghi, ban tứ Hán đao
 Tung bừng nhạc phủ, xôn xao từ đàn
 Động trời đất, danh ran Tần, Hoắc
 Rõ dền Yên, rạng gác Kỳ Lân
 Mâu tư ³ phong thưởng, vinh thân
420 Vợ con đều được gọi nhuan móc sa.

1. Bàn: dọn.

2. Mây: Nôm viết chữ Mi là lông mây. Đọc mây nghĩa là xin. Đọc Mây tuy đúng ý, nhưng chữ nôm phải viết khác.

3. Mâu tư: Nghĩa là làm lễ phong Vương cho chư hầu (Mâu: một thứ cỏ. Tư: bộc). Lấy điển tích ở sự đời nhà Chu, vua lấy đất ngũ sắc gói vào trong cỏ màu trắng, mà đem giao cho chư hầu để biểu diễn sự phong tước.

2. Mộng hợp hoan

Thiếp đành chẳng Tô gia si phụ
Chàng vả làm Lạc thổ hảo nhi
Ấn vàng rờ rờ đeo về
Trên khung chẳng xuống, sá gì chàng Vương ¹
425 Áo chiến giáp; đỡ chàng xin cỡi
Chén tử hà, thay đổi, xin dâng
Điểm trang sấm sửa tưng bừng
Phấn Yên phức phức, tóc Tần phê phê ²
Khăn cựa lệ dành khi chàng ngắm
430 Tờ cựa chương mấy tấm chàng hay
Tờ cũ, thơ mới đặt bày,
Ca dâng khúc ngọc, rượu đầy chén trân.
Tơ đỏ dất mối nhân duyên cũ
Đũa no đôi, sánh thuở ngày già ³
435 Công danh đền thuở li gia
Ngao du ngày tháng, nhỡn nha thái bình
Đời thái bình rõ ràng, lạng lẽ
Dường ấy thì thiếp lệ dám sao
Hội kỳ lời dự ⁴ gửi trao
Trượng phu dường ấy mới cao mới tài!

1. *Vương*: Có lẽ diễn giả muốn nói đến Vương Tôn. Văn ép gượng.

2. *Yên*: Chính nghĩa là sáp. Đây diễn giả cho là tên xứ - *Tóc*. Vc chép Mây: tự dạng hai chữ gần nhau. - *Tần*. Không có nghĩa mà vẫn lại ép.

3. *Ngày già*: Vc chép chữ đầu ra Trờ, đó là vì dịch hai chữ Lão thiên. Nhưng Thiên có nghĩa là ngày.

4. *Lời*: Vc lầm chép ra Trờ, vì tự dạng. - *Dự* soạn sửa sẵn sàng (dự bị).

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

NGUYỄN GIA THIỀU

(1741 - 1798)

Nguyễn Gia Thiều sinh năm Tân Dậu (1741)¹ ở làng Liễu Ngạn, tổng Liễu Lâm, huyện Siêu Loại, phủ Thuận Thành, xứ Kinh Bắc, nay là thôn Liễu Ngạn, xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, trong một gia đình quý tộc.

Dòng họ của ông gốc ở làng Tống Sơn, huyện Gia Miêu, tỉnh Thanh Hóa, có cụ tổ là Nguyễn Bặc, làm quan đến chức Thái tử, tước Định Quốc công. Về sau, trong hàng con cháu có người tên là Nguyễn Viết Hựu đã lấy vợ ở xã Liễu Chử (tức xã Liễu Ngạn) và rồi con cháu đã dời nhà từ Thanh Hóa về ở quê ngoại. Để nhớ lấy quê tổ, dòng họ ấy đã đổi tên đệm của mình là *Viết* sang *Gia* (gốc ở chữ Gia Miêu) và từ đó họ Nguyễn của Nguyễn Gia Thiều có tên đệm là *Gia*.

Thân phụ ông là Nguyễn Gia Ngộ, làm quan võ, được phong tước hầu, gọi là Đạt Vũ hầu.

Thân mẫu ông là Quận chúa Quỳnh Liên, con gái thứ sáu của chúa An Đô Vương Trịnh Cương. Như vậy Nguyễn Gia Thiều gọi chúa Trịnh Doanh là cậu ruột.

Ông là thích thuộc nhà chúa cho nên khi 5 tuổi, ông được nuôi trong nội. Khi ông 19 tuổi, chúa ban cho chức Hiệu úy quản binh mã nhưng ông không để chí về đường công danh. Ông thường bỏ việc binh mã, về ở bên Hồ Tây, tự hiệu là Tâm thi viện tử rồi lại lấy hiệu là Sư Chân. Lúc chúa Trịnh đến chơi nhà ông, lại cho hiệu là Sơn thủy nhân hoa và sau cho thăng chức, cho nhà ở tại Cửa Nam, sai ông điều khiển việc xây cái tháp chùa Tiên Tích. Ông nhân dịp đó, sửa sang nhà ông rất là đẹp đẽ. Chúa Trịnh thường ngự đến chơi và khen rằng: “Vào đây có cái phong thú như ngư phủ lạc Đào Nguyên”.

Năm Nhâm Dần (1782), ông sung chức Lưu thủ xứ Hưng Hóa, và đã có công bình định được vùng biên cảnh.

1. Có sách nói ông sinh ngày mồng sáu tháng hai năm Tân Dậu tức là ngày 22-3-1741.

Đến khi nhà Tây Sơn chấm dứt nhà Lê Trịnh, ông không chịu ra làm quan, bèn lánh lên vùng thượng du rồi về ở Hưng Hóa. Đến khi không thể ẩn lánh được nữa, ông về lại Bắc Thành (Hà Nội) nhưng vẫn không chịu ra thờ nhà Tây Sơn. Ông về quê ở cho đến ngày mồng chín tháng năm năm Mậu Ngọ (1798) thì mất, hưởng thọ 58 tuổi.

Thơ chữ Hán của ông có bộ *Tiền hậu thi tập* nhưng đến nay cũng không còn truyền lại một bài nào.

Quốc âm thì ngoài *Cung oán ngâm khúc*, ông còn có bộ *Từ trai* và *Tây Hồ thi tập* nhưng cũng không sưu tập lại được, chỉ thấy truyền lại có ba bài. Bài tả cảnh trong vườn:

*Lỡm chớm vài hàng tỏi.
Lơ thơ mấy khóm gừng¹
Vẻ chi là cảnh mọn,
Mà cũng đến² tang thương.*

bài *Sai Cam* ra hái hoa:

*Cam, tốc ra thăm gốc hải đường,
Hái hoa về để kết làm tràng.
Những cành mới nhánh³ đừng vịn nặng,
Mấy đóa còn xanh chớ bứt quàng.
Vội lại tây hiên tìm liễn xạ,
Rồi sang đông viện lấy bình hương.
Mà về cho chóng dừng thơ thẩn,
Kẻo lại rằng chưa dọn kỹ cang.*

và bài *Khối tình*:

*Khắc chẳng ra cho nuốt chẳng vào,
Khối tình ghen mãi biết làm sao?
Muốn kêu một tiếng cho to lắm,
Rằng: “Ồi ai ơi khốn thế nào!”*

Trong bộ *Xuyết thập tập ký*, Lý Văn Phức khi nói về Nguyễn Gia Thiều đã cho rằng:

“Ôn Như hầu rất sở trường quốc văn, thơ ông có hai phép:

1. Nhất thị ứng khẩu thành tụng ngữ ngữ khả nhân.
2. Nhất thị thiên đoan bách luyện ngữ ngữ kinh nhân.

(Một là thơ đọc ngay thì câu nào cũng nghe được,

Hai là thơ có ngâm nghĩ thì câu nào ai cũng phải kinh).

1. Có bản chép: *luống khương*.

2. Có bản chép: *Thế mà cũng*.

3. *Mới nhánh*: mới nảy, mới trời.

ĐẠI Ý KHÚC NGÂM

Khúc này là lời của một người cung phi có tài sắc mà bị nhà vua chán bỏ, than thở về số phận của mình.

Toàn khúc gồm có 356 câu viết theo thể *song thất lục bát*, có thể chia làm ba đoạn đại ý như sau:

I. Trước khi được tuyển làm cung phi (Câu 1 - 116)

1. (Câu 1 - 44) Kiếp má hồng thường hay gặp phải mệnh bạc. Mình nguyên là một người con gái có tài, có sắc, không thiếu gì kẻ ngấp nghé, tưởng là duyên phận sẽ được may mắn, sung sướng.

2. (Câu 45-116) Nhưng nghĩ đến kiếp người thì ngắn ngủi như bóng phù du, như giấc chiêm bao, nghĩ đến cuộc đời thì cay đắng, xót xa như chìm trong bến mê, như đắm trong biển khổ. Nghĩ đến thế, nên không muốn vào cuộc đời làm gì cho phải nhọc nhằn khổ sở, thà rằng đi tu cho được thanh thả tấm lòng.

II. Khi được tuyển làm cung phi (Câu 117 - 192)

1. (Câu 117 - 192). *Lúc được nhà vua sủng ái.*

Nào ngờ số phận trở trêu, lại bị tuyển làm cung phi. Lúc đầu được nhà vua sủng ái, gởi phượng, chẩn loan, tha hồ cung đàn tiếng địch, tưởng cũng phỉ nguyên, bỏ công trang điểm.

2. (Câu 193 - 288). *Khi bị nhà vua chán bỏ.*

Nhưng không được bao lâu, nhà vua lại đam mê người cung phi khác, không nhòm ngó gì đến mình nữa để cho phải chịu cảnh cô đơn, cửa mốc sân rêu. Nỗi buồn ấy kể làm sao cho hết.

III. Tâm sự của người cung phi (Câu 289 - 356)

Lúc này người cung phi cảm thấy trong lòng chán nản, chỉ còn biết than thân trách phận. Nếu có nuôi chút hy vọng được nhà vua nghĩ tới thì lại sợ khi ấy làm sao giữ được nhan sắc nữa.

VẤN ĐỀ KHẢO ĐỊNH VÀ CHÚ GIẢI CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Khúc ngâm này do Ôn Như hầu Nguyễn Gia Thiều viết ra vào cuối thời Lê Trung hưng, cách đây trên 200 năm. Có thể lúc đầu khúc ngâm chỉ được truyền bá bằng sự sao chép hoặc bằng lối truyền miệng. Mãi đến đầu thế kỷ thứ XX mới thấy có bản khắc in **bằng chữ Nôm**:

1. *Cung oán ngâm khúc* - Khắc in chung trong tập *Danh gia quốc âm*¹.
2. *Cung oán ngâm khúc trùng san* - Khắc in năm Nhâm Tý (Duy Tân thứ 6, 1912).

hoặc bằng **chữ Quốc ngữ**:

1. *Cung oán ngâm khúc dẫn giải* của Đinh Xuân Hội - Tân Dân. 1929.
2. *Cung oán ngâm khúc* (in trong tập *Ngâm khúc*) của Nguyễn Quang Oánh, Vĩnh Hưng Long thư quán. 1930.
3. *Cung oán ngâm khúc* (bản Nôm và Quốc ngữ) của Xuân Lan in lần thứ hai. Long Quang, Hà Nội. 1932.
4. *Cung oán ngâm khúc* (in trong *Tứ dân văn uyển*, số 15, tháng 11 năm 1936).
5. *Cung oán ngâm khúc* của Vân Bình Tôn Thất Lương chú giải. Tân Việt. 1950.
6. *Cung oán ngâm khúc chú giải* của Lê Văn Hòe, Quốc học thư xã - 1954.
7. *Cung oán ngâm khúc* của Hoàng Ngọc Phách, Lê Thuộc - Vũ Đình Liên chú thích. Nhà xuất bản Giáo dục. Hà Nội. 1957.
8. *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Trác, Nguyễn Đăng Châu khảo thích. Nhà xuất bản Văn hóa. 1959.
9. *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Lộc khảo đính. Nhà xuất bản Văn học. 1986.

Nhận xét chung về các văn bản *Cung oán ngâm khúc* bằng chữ Nôm hoặc bằng chữ Quốc ngữ chúng ta thấy không có những khác biệt lớn. Tất cả các bản đều chỉ dài có 356 câu, không có mấy câu khác nhau hoàn toàn mà đôi khi chỉ khác nhau ở một vài chữ trong một câu mà thôi.

1. Tập *Danh gia quốc âm* khổ 12 x 23cm gồm ba tác phẩm: *Chinh phụ ngâm bị lục* (34 tờ), *Phan Trần truyện trùng duyệt* (31 tờ) và *Cung oán ngâm khúc* (12 tờ), được khắc in năm Nhâm Dần (1902).

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Trải vách quế¹ gió vàng² hiu hắt,
Mảnh vũ y³ lạnh ngắt như đồng.
Oán⁴ chi những khách tiêu phòng,⁵
4 Mà xui phận bạc⁶ nằm trong má đào⁷.
Duyên đã may cơ sao lại rủi,
Nghĩ nguồn cơn dở dối⁸ sao đang?
Vì đâu nên nổi dở dang,
8 Nghĩ mình, mình lại nên thương nỗi mình.
Trộm nhớ thuở gây hình tạo hóa,⁹
Vẻ phù dung¹⁰ một đóa khoe tươi,
Nụ hoa chưa mím miệng cười,

Khảo dị:

3. Oan chi những khách tiêu phòng (NQO).

9. Trộm nhớ thuở *hài* hình tạo hóa (NQO).

11. *Nhị* hoa chưa mím miệng cười (NQO).

Chú thích:

1. *Vách quế*: do chữ *quế bích* tức là căn phòng của người cung phi ở có cái cửa hình tròn như mặt trăng mà giữa sân có trồng cây quế.

2. *Gió vàng*: do chữ *kim phong*, chỉ gió mùa thu.

3. *Vũ y*: (Vũ: lông, y: áo) áo lót bằng lông chim để mặc cho ấm.

4. *Oán*: hờn trách.

5. *Tiêu phòng*: phòng có những tấm vách tô bằng vôi và có trộn lẫn hạt tiêu tán nhỏ để thêm ấm áp.

Khách tiêu phòng: chỉ người cung nữ.

6. *Phận bạc*: (*bạc*: mỏng) phận mỏng manh.

7. *Má đào*: chỉ người con gái đẹp.

8. *Dở dối*: (c.v. *giở giời*) *giở* trò này, *trò* kia, thất thường, gây phiền phức rắc rối.

9. *Gây hình tạo hóa*: chỉ lúc mới sinh ra làm người (do tạo hóa gây hình hài cho).

10. *Phù dung*: hoa phù dung, một thứ hoa đẹp thường được dùng để ví với người phụ nữ có nhan sắc.

12 Gấm nàng Ban¹ đã lạt mùi thu dung.²
 Áng đào kiếm³ đâm bông nào chúng,⁴
 Khoé thu ba⁵ dọn sóng khuynh thành.⁶
 Bóng gương⁷ lấp ló trong mảnh,
 16 Cỏ cây cũng muốn nổi tình mây mưa.⁸
 Chìm đáy nước cá lừ đừ lặn,
 Lững lờ trời, nhận ngấn ngơ sa⁹.
 Hương trời¹⁰ đắm nguyệt say hoa,
 20 Tây Thi¹¹ mất vía, Hằng Nga¹² giật mình.

Khảo dị:

- 12. *Gấm* nàng Ban đã lạt mùi thu dung (NQO)
- 14. Khoé thu ba *gợn* sóng khuynh thành (ĐXH).
- 17. Chìm đáy nước cá *lờ đờ* lặn (NQO)
- 18. Lững *da* trời nhận ngấn ngơ sa (ĐXH).
- 19. Hương trời *trên* nguyệt *trơ* hoa (NQO).

Chú thích:

1. *Gấm nàng Ban*: (*nàng Ban* là Ban Tiệp Dư, cung nữ của vua Hán Vũ Đế, trước được sủng ái sau bị ruồng bỏ) ý nói nhan sắc lộng lẫy của Ban Tiệp Dư.

2. *Thu dung*: vẻ đẹp mùa thu.

3. *Đào kiếm*: (*kiếm*: gò má) nói về mặt của người con gái dậy thì hồng đôi má.

4. *Nào chúng*: làm cho người ta phải náo lòng (vì chẳng dễ gì mà chiếm được tình yêu).

5. *Thu ba*: (*ba*: sóng) sóng nước mùa thu. Ý nói khoé mắt long lanh như sóng nước mùa thu.

6. *Khuynh thành*: nghiêng thành. Trong bài hát của Lý Diên Niên có câu rằng: “*Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc*” (Liếc một cái làm nghiêng thành, liếc thêm một cái nữa làm nghiêng nước).

7. *Bóng gương*: chỉ bóng người con gái đẹp.

8. *Mây mưa*: do chữ *vân vũ* lấy từ bài tựa phú Cao Đường của Tống Ngọc: Xưa kia, Sở Tương Vương ra chơi Cao Đường chiêm bao thấy một người đàn bà đến xin cùng chôn gối với nhà vua và nói rằng “Thiếp ở bên nam núi Vu Sơn, sớm làm mây, tối làm mưa, sớm tối thiếp ở chốn Dương Đài này”. Do điển ấy, về sau người ta dùng chữ *mây mưa* để chỉ cuộc ái ân của trai gái.

9. *Cá lặn...nhận sa*: tả vẻ đẹp của người con gái đến chìm phải sa, cá phải lặn. (Kể ra hình ảnh này cũng không đúng lắm vì chim thấy người con gái đẹp mà sa xuống để ngắm thì còn có lý chứ cá thấy người con gái đẹp mà lặn xuống thì trái hẳn nghĩa).

10. *Hương trời*: do chữ thiên hương quốc sắc (hương trời sắc nước) chỉ người con gái đẹp.

11. *Tây Thi*: người con gái rất đẹp ở nước Việt đời Xuân Thu. Nàng họ Thi, nhà ở thôn Trữ La, phía tây suối Nhược Da nên gọi là Tây Thi.

12. *Hằng Nga*: còn gọi là Thường Nga, vợ Hâu Nghệ. Chồng nàng được bà Tây Vương Mẫu cho thuốc trường sinh, chưa kịp uống thì Hằng Nga lấy trộm uống nên bay lên cung trăng.

Cả câu ý nói người cung phi này rất đẹp, đẹp đến nỗi Tây Thi phải mất vía và Hằng Nga phải giật mình.

Câu cầm tú¹ đàn anh họ Lý²,
 Nét đàn thanh³ bậc chị chàng Vương⁴.
 Cờ tiên rượu thánh ai đang,
 24 Lưu Linh⁵, Đế Thích⁶ là làng tri âm⁷.
 Cầm điểm nguyệt⁸ phỏng tầm Tư mã⁹,
 Địch lâu thu dương gã Tiêu lang¹⁰.
 Dấu mà tay múa miệng đang¹¹
 28 Thiên tiên cũng xếp nghề thường¹² trong trăng.

Khảo dị:

26. Sáo lâu thu là gã Tiêu lang (ĐXH).

28. Thiên tiên cũng *ngảnh* nghề thường trong trăng. (N-ĐXH).

Chú thích:

1. *Cầm tú*: do chữ *tú* khẩu cầm tâm (miệng thêu lòng gấm) chỉ câu thơ hay.

2. *Lý*: tức Lý Bạch (701 - 762) một nhà thơ nổi tiếng đời Đường, thích uống rượu mà rượu càng say thì thơ lại càng hay nên được gọi là *Tửu Trung tiên*. Câu này ý nói thơ còn đáng bậc đàn anh Lý Bạch.

3. *Nét đàn thanh*: (*đan*: đỏ, *thanh*: xanh) nét vẽ khéo.

4. *Chàng Vương*: tức Vương Duy (701 - 761), tự là Ma Cật, một nhà thơ nổi tiếng đời Đường mà lại giỏi cả về *thư pháp* và *hội họa*. Ông được tôn là ông tổ của lối họa sơn thủy "Nam tông".

Tô Thức đời Tống đã khen Vương Duy là: "*Thi trung hữu họa, họa trung hữu thi*" (Trong thơ như có vẽ, trong vẽ như có thơ).

Cả câu ý nói người cung phi này có tài vẽ còn hơn cả Vương Duy.

5. *Lưu Linh*: người đời Tấn, tên chữ là Bá Luân, hay uống rượu, có làm bài *Tửu đức tụng* nổi tiếng.

6. *Đế Thích*: ông tiên nổi tiếng cao cờ có đền thờ ở Hà Nội, xưa cứ vào ngày mồng chín tháng giêng là có hội.

7. *Tri âm*: (*tri*: biết, *âm*: tiếng) bạn bè thân mật, hiểu được lòng nhau.

8. *Cầm điểm nguyệt*: gảy đàn nơi quán khách có ánh trăng chiếu vào.

9. *Tư mã*: tức Tư mã Tương Như, người đời Hán, giỏi đàn, đến nhà Trác Vương Tôn, gảy khúc *Phượng cầu hoàng* khiến con gái của ông là Trác Văn Quân phải lòng mà trốn theo.

Cả câu ý nói tài đàn cũng ngang với Tư mã Tương Như.

10. *Tiêu lang*: tức Tiêu Sứ. Đời Xuân Thu có chàng Tiêu Sứ thổi sáo nghe như tiếng phượng. Tần Mục Công gả con gái là nàng Lộng Ngọc cho chàng. Chàng dạy vợ học sáo. Sau Lộng Ngọc cưới phượng, Tiêu Sứ cười rồ bay lên tiên.

11. *Miệng đang*: miệng hát (*đang* là mở miệng ra để hát; chữ này đặt đối với chữ *múa*).

12. *Nghề thường*: (*nghề*: cái cầu vồng, *thường*: cái xiêm, cái váy). Tích vua Đường Minh Hoàng thấy những người con gái mặc xiêm năm sắc như màu sắc cầu vồng múa hát trên cung trăng.

Cả câu ý nói khi người cung phi múa hát thì dấu tiên nữ ở cung trăng cũng phải xếp y thường lại, không dám đua tài nữa.

Tài sắc đã vang lừng trong nước,
 Bướm ong ¹ càng xao xác ngoài hiên.
 Tai nghe nhưng mắt chưa nhìn,
 32 Bệnh Tề Tuyên ² đã nổi lên dùng dùng.
 Hoa xuân nọ còn phong ³ nộn nhị ⁴,
 Nguyệt thu kia chưa hé hàn quang ⁵.
 Hồng lâu ⁶ còn khóa then sương ⁷,
 36 Thâm khuê ⁸ còn rấm ⁹ mùi hương khuynh thành.
 Làng cung kiếm ¹⁰ rắp ranh bắn sẻ ¹¹,
 Khách công hầu ¹² ngấp nghé mong sao ¹³.
 Vườn xuân bướm hây còn rào,
 40 Thấy hoa mà chẳng lối vào tìm hương.
 Gan chẳng đá khôn đường khá chuyển,

Khảo dị:

37. Làng cung kiếm *lăm le* bắn sẻ (NQO)

Chú thích:

1. *Bướm ong*: con bướm và con ong thường bay đi hút nhụy hoa nên thường được dùng để ví với những kẻ hiếu sắc đi tìm những người con gái đẹp để tán tỉnh.

2. *Bệnh Tề Tuyên*: Tề Tuyên Vương đời Chiến Quốc nói với thầy Mạnh Tử rằng: “*Quả nhân hữu tật, quả nhân hiếu sắc*” (Quả nhân có tật, quả nhân thích sắc đẹp). Sau người ta lấy ba chữ *bệnh Tề Tuyên* để chỉ cái tính hiếu sắc, mê thích gái đẹp.

3. *Phong*: bao kín.

4. *Nộn nhị*: nhị hoa còn non, còn khép kín trong cánh hoa.

5. *Hàn quang*: ánh sáng mát lạnh.

6. *Hồng lâu*: lầu hồng, chốn lầu son gác tía, nơi phụ nữ quý phái ở.

7. *Then sương*: sương lạnh ở ngoài trời, người ta phải đóng cửa cài then để ngăn cách không cho lọt vào trong nhà.

Đây ý nói người con gái cấm cung, không ra ngoài.

8. *Thâm khuê*: buồng sâu kín, chỗ phụ nữ ở.

9. *Rấm*: ủ kín, giữ kín.

10. *Làng cung kiếm*: chỉ những người thuộc hàng quan võ.

11. *Bắn sẻ*: theo *Đường thư*: Đậu Nghị đời Đường muốn kén rể cho con gái mới sai người về một con chim sẻ vào bức bình phong, hẹn hễ ai bắn trúng mắt chim thì sẽ gả con cho. Bấy giờ Lý Uyên (sau là vua Đường Cao Tổ) bắn trúng nên lấy được con gái Đậu Nghị. Do điển này mà về sau người ta gọi bắn sẻ là cầu hôn, hỏi vợ.

12. *Khách công hầu*: chỉ những người thuộc hàng quan văn có tước công, tước hầu.

13. *Mong sao*: do câu trong *Kinh Lễ*: “*Hôn giả kiến tinh nhi hành*” (Đám cưới thấy sao thì đi rước dâu).

Cả câu ý nói kẻ có danh vọng cũng nhiều người muốn cưới hỏi làm vợ.

Mặt phàm ¹ kia dễ đến Thiên Thai ².
 Hương trời sá động trần ai ³,
 44 Dẫu vàng nghìn lạng dễ cười một khi ⁴.
 Ngấm nhân sự cố chi ra thế,
 Sợi xích thằng ⁵ chi để vương chân.
 Vắt tay nằm nghĩ cơ trần ⁶,
 48 Nước dương ⁷ muốn rẩy nguội dần lửa duyên.
 Kia thế cục ⁸ như in giấc mộng.
 Máy huyền vi ⁹ mở đóng khôn lường.
 Vẽ chi ăn uống sự thường,
 52 Cũng còn tiền định khá thương lộ là ¹⁰.

Chú thích:

1. *Mặt phàm*: chỉ hạng người tầm thường.

2. *Thiên thai*: một hòn núi ở tỉnh Chiết Giang (Trung Quốc). Xưa Lưu Thần và Nguyễn Triệu đi hái thuốc đã lạc vào núi Thiên Thai và gặp tiên. Ở nửa năm trời, khi về thì đã quá bảy đời rồi.

Cả câu ý nói những kẻ tầm thường thì làm sao mà dám sánh đôi với tiên.

3. *Trần ai*: bụi bặm, cuộc đời bụi bặm.

Cả câu ý nói người tiên đâu sá làm bạn với kẻ phàm trần.

4. *Dẫu vàng...một khi*: câu này ý nói nếu là kẻ không xứng đáng thì dẫu có nghìn lạng vàng cũng chưa chắc đã đổi được nụ cười của người đẹp. Nghĩa này là do tích vua U Vương đời nhà Chu, say mê nàng Bao Tự, nhưng chưa bao giờ thấy nàng cười. U Vương mới ra lệnh, hễ ai làm cho nàng cười thì thưởng cho nghìn lạng vàng.

(*Nhất tiểu thiên kim mãi*: Một nụ cười mua một ngàn lạng vàng).

5. *Xích thằng*: (*xích*: đỏ, *thằng*: dây). Vi Cố đời Đường, một đêm đi chơi gặp một ông già ngồi dưới trăng xem sách, bên cạnh có một cái túi đựng những sợi chỉ đỏ. Vi Cố hỏi cụ: “Chỉ đỏ để làm gì?” Cụ già trả lời: “Đó là dây chỉ đỏ để buộc chân những đôi trai gái sẽ thành vợ chồng”.

6. *Cơ trần*: cái máy tạo hóa xoay vần mọi việc trên đời, chi phối cuộc sống của chúng ta.

7. *Nước dương*: thứ nước phép của nhà Phật.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát thường dùng cành dương liễu nhúng vào bình nước cam lồ để cứu độ chúng sinh thoát khỏi vòng đau khổ. Cả câu này ý nói muốn dẹp bỏ chuyện tình duyên mà đi tu.

8. *Thế cục*: cuộc đời.

9. *Huyền vi*: (*huyền*: mờ tối khó hiểu, *vi*: nhỏ nhặt) cuộc đời ví như cái máy tinh vi bí ẩn không ai hiểu được.

10. *Vẽ chi... lộ là*: cả hai câu ý nói mọi việc ở đời đều đã được định sẵn từ trước. (*Nhất ẩm nhất trác giai do tiền định*: một hớp nước, một miếng ăn đều được định sẵn từ trước).

Đòi những kẻ thiên ma bách chiết ¹,
 Hình thì còn bụng chết đòi nau ².
 Thảo nào khi mới chôn rau,
 56 Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra! ³
 Khóc vì nỗi thiết tha sự thế ⁴,
 Ai bày trò bãi bể nương dâu ⁵.
 Trắng răng đến thuở bạc đầu,
 60 Tử sinh kinh cụ ⁶ làm nau ⁷ mấy lần.
 Cuộc thành bại hầu cần mái tóc,
 Lốp cùng thông như đúc buồng gan ⁸.
 Bệnh trần ⁹ đòi đoạn tâm can ¹⁰,
 64 Lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da ¹¹.

Khảo dị:

53. Đòi *rất mực* thiên ma bách chiết (NQO).

59. Trắng răng *cho đến* bạc đầu (NQO).

63. Bệnh trần đòi đoạn *tân toan* (NQO)

Chú thích:

1. *Thiên ma bách chiết*: nghìn lần mài, trăm lần gãy. Ý nói khó nhọc vất vả.

2. *Đòi nau*: nhiều lần.

Cả câu ý nói chỉ còn cái thân xác thôi chứ tâm trí thì đã bị hủy hoại rồi.

3. *Thảo nào... mà ra*: cả hai câu này ý nói cuộc đời đầy những đau khổ nên đứa bé mới ra đời đã cất tiếng khóc ngay.

Chính vì muốn diễn tả ý ấy mà Nguyễn Công Trứ mới hỏi lại rằng:

Thoạt sinh ra thì đã khóc chớ,

Trần có vui sao chẳng cười khi?

4. *Thiết tha sự thế*: tức thiết tha việc đời, cả câu ý nói việc đời làm cho người ta phải đau đớn trong lòng.

Kinh Thi có câu: “*Như thiết như tha, như trác như ma*” (Như cắt như cưa như mài như giũa).

5. *Bãi bể nương dâu*: do chữ *thương hải tang điền*, ý nói đến những sự biến đổi lớn lao ở đời như biển xanh hóa ra ruộng dâu.

Thần tiên truyện: Tiên nữ Ma Cô nói với Vương Phương Bình: “Từ khi được hầu tiếp ông đến nay đã thấy biển Đông ba lần biến thành ruộng dâu”.

6. *Tử sinh kinh cụ*: chết sống, sợ hãi, chỉ những nỗi lo lắng ở đời.

7. *Làm nau*: làm cho đau đớn biết bao nhiêu lần.

8. *Cuộc thành bại... buồng gan*: cả hai câu ý nói lo lắng nhiều về những sự thành bại ở đời mà mái tóc phải cần đi, lo lắng nhiều về những cảnh bị thái (lúc gặp may lúc gặp rủi) ở đời mà buồng gan tưởng rắn lại như đúc.

9. *Bệnh trần*: nói đến những sự đau đớn ở đời.

10. *Đòi đoạn tâm can*: nhiều phen làm cho đau lòng.

11. *Lửa cơ... cắt da*: cả câu ý nói đói quá như lửa cắt đốt ruột, rét quá như dao cắt vào da.

Gót danh lợi ¹ bùn pha sắc xám,
 Mặt phong trần ² nắng r ám mùi d ầu.
 Nghĩ thân phù thế ³ mà đau,
 68 Bọt trong bể khổ, bèo d ầu b ến mê ⁴.
 Mùi tục l ụy ⁵ l ưỡi t ê t ần khổ ⁶,
 Đường thế đồ ⁷ gót r ỏ kỳ khu ⁸.
 Sóng cồn ⁹ cửa bể nh ấp nh ô,
 72 Chi ếc thuy ền bào ảnh ¹⁰ lô xô m ặt gh ềnh.
 Tr ẻ t ạo hóa ¹¹ đành hanh quá ngán,
 Ch ết đ ối người trên c ạn mà chơi.
 Lò cừ ¹² nung nấu sự đời,

Khảo dị:

69. Mùi tục vị l ưỡi t ê t ần khổ (ĐXH)

70. Đường thế đồ gót r ỏ khi khu (ĐXH)

72. Chi ếc thuy ền bào ảnh lô xô g ập gh ềnh (ĐXH)

Chi ếc thuy ền bào ảnh lô xô d ập d ềnh (NQO)

Chú thích:

1. *Gót danh lợi*: gót của kẻ bôn ba cầu danh cầu lợi.

2. *Mặt phong trần*: (*phong*: gió, *trần*: bụi) mặt của kẻ chạy theo danh lợi phải chịu cực khổ trên đường bon chen.

3. *Thân phù thế*: tấm thân chìm nổi trong cuộc đời.

4. *Bến mê*: do chữ *mê t ần*, chỗ làm cho người ta sai lầm, ý nói đến cái chướng ngại ở trần thế.

Cả câu ý nói đến cuộc đời của người ta cũng chìm nổi mong manh như bọt nước, như cánh bèo ở giữa bến mê bể khổ.

5. *Tục l ụy*: mỗi phiên l ụy ở đời.

6. *Tần khổ*: (*tần*: cay, *khổ*: đắng) cay đắng.

7. *Thế đồ*: (*thế*: đời, *đồ*: đường) đường đời.

8. *Kỳ khu*: gập ghềnh, mấp mô.

Cả hai câu ý nói nếm đủ mùi đời cay đắng mà t ê cả d ầu l ưỡi, đi đường đời gập ghềnh mà r ỏ cả gót chân.

9. *Sóng cồn*: sóng dâng cao lên, sóng lớn.

10. *Bào ảnh*: (*bào*: bọt nước, *ảnh*: cái bóng) đời người như cái bóng, cái bọt nước.

Kinh Kim Cương có câu: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng ảo bào ảnh*” (Hết thấy việc đời như chiêm bao, như bọt nước, như cái bóng).

11. *Trẻ tạo hóa*: *Tạo hóa* là chỉ ông trời. Ông trời hay bày ra lắm chuyện trở trêu nên người ta mới gọi là *trẻ tạo hóa* (hóa nhi).

12. *Lò cừ*: lò đúc lớn, tức là trời đất, theo câu: “*Thiên địa vi lô, tạo hóa vi công, âm dương vi thán, vạn vật vi đồng*” (Trời đất làm lò, tạo hóa làm thợ, khí âm khí dương làm than, muôn vật làm đồng).

76 Bức tranh vân cầu ¹ vẽ người tang thương ².
Đền vũ tạ ³ nhện giăng cửa mốc,
Thú ca lâu ⁴ để khóc canh dài.
Đất bằng bỗng rập chông gai,
80 Ai đem nhân ảnh ⁵ nhuộm mùi tà dương ⁶.
Mỗi phú quý đủ làng xa mã ⁷,
Bả vinh hoa lừa gã công khanh ⁸.
Giấc Nam Kha ⁹ khéo bất bình,
84 Bừng con mắt dậy thấy mình tay không.
Sân đào lý ¹⁰ mây lồng man mác,
Nền đỉnh chung ¹¹ nguyệt gác mơ màng.
Cánh buồm bể hoạn ¹² mệnh mang,

Khảo dị:

79. Đất bằng bỗng *rập* chông gai (ĐXH)

84. Bừng con mắt dậy, *lại* mình tay không (NQO)

85. Sân đào lý *rêu phong* man mác (NQO)

Sân đào lý *giâm* lồng man mác (ĐXH)

Chú thích:

1. *Tranh vân cầu*: bức tranh đám mây biến hình thành con chó. Do câu thơ của Đỗ Phủ: “*Thiên thượng phù vân như bạch y, tu du hốt biến vi thương cầu*” (Đám mây nổi trên trời trông như cái áo trắng, bỗng chốc biến ra hình con chó xanh).

2. *Người tang thương*: (*tang thương*: đau buồn, xem chú thích câu 58) người chịu nhiều cảnh ngộ, lúc sướng lúc khổ, khi thế này khi thế khác.

3. *Vũ tạ*: (*vũ*: múa, *tạ*: nhà làm trên cái đài cao) chỗ múa hát.

4. *Ca lâu*: lầu dành cho ca nữ hát.

5. *Nhân ảnh*: bóng người.

6. *Tà dương*: mặt trời xế chiều.

7. *Làng xa mã*: chỉ hạng người giàu sang lên xe xuống ngựa.

8. *Gã công khanh*: kẻ làm quan to, vào hàng Tam công hoặc Cửu khanh bên Trung Quốc thời xưa.

9. *Giấc Nam Kha*: giấc mộng, giấc chiêm bao. Điển: Thuần Vu Phần một hôm nằm ngủ dưới gốc hòe, mộng thấy đến nước Hoè An, được vua ấy gả con gái cho rồi cho làm thái thú quận Nam Kha, sống cực kỳ sung sướng. Lúc tỉnh dậy, thấy chẳng có gì cả mà vẫn nằm dưới gốc hòe phía Nam. Còn quận Nam Kha chính là cành cây hòe (*kha*: cành cây). Do giấc mộng này mà về sau người ta dùng chữ *giấc Nam Kha* hoặc *giấc hòe* để chỉ giấc mộng.

10. *Sân đào lý*: (cây đào, cây lý; người có tài ví như cây đào cây lý) chỉ chỗ ở của những người tài giỏi.

11. *Nền đỉnh chung*: (*đỉnh*: cái đỉnh, *chung*: cái chuông) cảnh nhà phú quý vì ngày xưa nhà giàu có đông người ăn ở phải dùng vạc để nấu cơm và dùng chuông đánh để báo giờ ăn.

12. *Bể hoạn*: do chữ *hoạn hải* nghĩa là đường làm quan. Sở dĩ gọi như vậy vì con đường làm quan cũng lắm sóng gió như đi thuyền trên bể rộng.

- 88 Cái phong ba ¹ khéo cột phường lợi danh.
 Quyền họa phúc ² trời tranh mất cả,
 Chút tiện nghi ³ chẳng trả phần ai.
 Con quay búng sẵn trên trời,
 92 Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm ⁴.
 Hình mộc thạch ⁵ vàng kim ố cổ,
 Sắc cầm ngư ⁶ ử vũ ê phong.
 Tiêu điều nhân sự đã xong,
 96 Sơn hà cũng ảo, côn trùng cũng hư ⁷.
 Cầu thệ thủy ⁸ ngồi trơ cổ độ ⁹,
 Quán thu phong ¹⁰ đứng rũ tà huy ¹¹.
 Phong trần ¹² đến cả sơn khê ¹³,
 100 Tang thương ¹⁴ đến cả hoa kia cỏ này.

Khảo dị:

94. Sắc cầm ngư ử vũ e phong (ĐXH-NQO)

96. Sơn hà cũng *hoãn*, côn trùng cũng hư (ĐXH)

Chú thích:

1. *Phong ba*: (*phong*: gió, *ba*: sóng) sóng gió. Cái sóng gió ở bể hoạn cũng hay trêu cột kẻ chạy theo danh lợi.

2. *Quyền họa phúc*: quyền gây ra tai họa hoặc ban cho hạnh phúc.

3. *Tiện nghi*: tùy nghi xếp đặt.

Cả hai câu ý nói một mình ông trời tranh hết cả quyền hành ban phúc giáng họa và không để cho người ta một chút tiện nghi nào mà sắp xếp cuộc sống theo ý muốn riêng.

4. *Con quay... đi đêm*: cả hai câu ý nói người ta như con quay ông trời búng cho xoay tít, không biết nó sẽ ngã vào đâu chẳng khác gì người ta đi trong đêm tối cứ đi liều mà không biết lối.

5. *Mộc thạch*: gỗ đá.

6. *Cầm ngư*: chim cá.

Cả hai câu ý nói đến gỗ đá cũng bị vàng ố vì thời gian và đến chim cá cũng bị ử vì mưa gió thì con người ta làm sao mà chịu nổi những sự thăng trầm của cuộc đời.

7. *Tiêu điều... cũng hư*: cả hai câu ý nói việc đời của người ta tiêu điều buồn khổ đã đành mà đến sông núi cũng là huyền ảo thì sâu bọ chỉ là hư không, có đáng kể gì.

8. *Thệ thủy*: (*thệ*: qua, *thủy*: nước) nước chảy.

9. *Cổ độ*: (*cổ*: cũ, *độ*: bến) bến đò cũ.

10. *Thu phong*: gió mùa thu.

11. *Tà huy*: bóng mặt trời và buổi chiều.

Hai câu này đều tả cảnh buồn: chiếc cầu nát văng, người ở bến đò cũ và cái quán rũ bóng chiều tà dưới làn gió thu hiu hắt thổi.

12. *Phong trần*: ý nói tiêu điều tàn tạ.

13. *Sơn khê*: núi khe.

14. *Tang thương*: ý nói cảnh đổi thay tiêu tụy (Xem chú thích câu 58).

Tuồng ảo hóa ¹ đã bày ra đây,
 Kiếp phù sinh ² trông thấy mà đau.
 Trăm năm còn có gì đâu,
 104 Chẳng qua một nắm cỏ khâu ³ xanh rì.
 Mùi tục lụy ⁴ dường kia cay đắng,
 Vui chi mà đeo đẳng trần duyên ⁵.
 Cái gương nhân sự chiền chiền,
 108 Liệu thân này với cơ thiên ⁶ phải nao.
 Thà mượn thú tiêu dao ⁷ của Phật,
 Mỗi thất tình ⁸ quyết dứt cho xong.
 Đa mang chi nữa dèo bông,
 112 Vui gì thế sự mà mong nhân tình ⁹.
 Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa,
 Mượn hoa đàm ¹⁰ đuốc tuệ ^{11, 12} làm duyên.
 Thoát trần một gót thiên nhiên,
 116 Cái thân ngoại vật ¹³ là tiên trên đời.

Khảo dị:

101. Tuồng *hoãn* hóa đã bày ra đây (ĐXH).

Trò ảo hóa đã bày ra đây (NQO).

108. *Liều* thân này với cơ thiên phải nao (NQO).

116. Cái thân ngoại vật là tiên *trong* đời. (ĐXH-NQO)

Chú thích:

1. *Ảo hóa*: biến hóa, thay đổi kỳ lạ.

2. *Kiếp phù sinh*: kiếp đời trôi nổi.

3. *Cỏ khâu*: cỏ mọc trên nấm mồ.

4. *Tục lụy*: cái lụy ở đời.

5. *Trần duyên*: duyên nợ ở cõi trần.

6. *Cơ thiên*: (cơ: máy, thiên: tinh, lạng). Đạo Phật lấy sự thanh tịnh nên gọi là thiên. Cả câu ý nói liệu tính đến chuyện đi tu nương nhờ cửa Phật là hơn.

7. *Tiêu dao*: thản nhiên không để sự gì bận đến lòng cả. Cũng có nghĩa là thông thả đi đây đi đó, không bị bó buộc.

8. *Thất tình*: bảy thứ tình cảm: mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét, muốn.

9. *Nhân tình*: tình cảm của con người, lòng người.

Nhân tình thế thái: cách ăn ở với nhau ở đời.

10. *Hoa đàm*: hoa ưu đàm. Theo kinh *Pháp hoa* thì hoa ưu đàm cứ 3000 năm lại nở một lần, mà mỗi lần nó nở lại có đức Phật xuất thế.

11. *Đuốc tuệ*: ngọn lửa trí tuệ. Kinh *Hoa nghiêm* nói: “*Trí tuệ hóa linh chúng sinh ly chướng ngại khổ*” (Lửa trí tuệ làm cho chúng sinh dứt bỏ được cái khổ vì che chắn, ngăn cản).

12. *Hoa đàm đuốc tuệ*: chỉ chung việc tu hành.

13. *Thân ngoại vật*: thoát ra ngoài cái vật chất, không dính dáng gì với đời.

Ý cũng rắp ra ngoài đào chú ¹,
 Quyết lộn vòng phu phụ ² cho cam.
 Ai ngờ trời chẳng cho làm,
 120 Quyết đem dây thắm ³ mà giam bông đào ⁴.
 Hắn tức trái ⁵ làm sao dây tá,
 Hay tiền nhân ⁶ hậu quả ⁷ xưa kia.
 Hay thiên cung có điều gì?
 124 Xuống trần mà trả nợ đi cho rồi.
 Kìa điều thú ⁸ là loại vạn vật,
 Dẫu vô tri ⁹ cũng bắt đèo bông.
 Có âm dương ¹⁰, có vợ chồng,
 128 Dẫu từ thiên địa cũng vòng phu thê ¹¹.
 Đường tác hợp ¹² trời kia run rủi,
 Trốn làm sao cho khỏi nhân tình.
 Thôi thôi ngoảnh mặt làm thinh,
 132 Thử xem con tạo gieo mình nơi nao?

Khảo dị:

117. *Chí* cũng rắp ra ngoài đào chú (NQO)
 121. Hắn tức *chướng* làm sao dây tá (NQO)
 130. *Lột* làm sao cho khỏi nhân tình (ĐXH)
 132. Thử xem con tạo *ấn* mình nơi nao (NQO)

Chú thích:

1. *Đào chú*: (*đào*: nặn, *chú*: đúc) sự nặn đúc của tạo hóa, sự sinh hóa của tạo hóa.
2. *Phu phụ*: vợ chồng.
Cả câu ý nói quyết lộn ra khỏi vòng quan hệ vợ chồng để đi tu.
3. *Dây thắm*: tức dây tơ hồng.
4. *Bông đào*: chỉ người con gái đẹp.
5. *Tức trái*: (*tức*: ngày xưa, cũ; *trái*: nợ) cái nợ từ những kiếp trước.
6. *Tiền nhân*: (*tiền*: trước, *nhân*: cái nguyên cớ) cái nguyên nhân ở kiếp trước.
7. *Hậu quả*: cái kết quả ở kiếp sau. Cả câu này ý nói người ta kiếp trước tạo ra cái nhân thì kiếp này hưởng lấy cái quả rồi cái quả của kiếp này lại là cái nhân của kiếp sau nữa, cứ thế, luân hồi mãi mãi.
8. *Điều thú*: chim và muông thú.
9. *Vô tri*: không có tri thức.
10. *Âm dương*: khí âm và khí dương, hai nguyên tố đầu tiên phối hợp với nhau mà hình thành nên vạn vật. Cho nên trong vũ trụ bao giờ cũng có âm có dương như đất và trời, vợ và chồng, đực và cái.
11. *Phu thê*: vợ chồng.
Câu này đã nói rõ về âm dương: "*Dẫu từ thiên địa cũng vòng phu thê*".
12. *Tác hợp*: làm cho hợp lại (ý nói trời làm cho nên vợ chồng).

Tay nguyệt lão ¹ khờ sao có một,
 Bồng tơ tình vướng gót cung phi.
 Cái đêm hôm ấy đêm gì,
 136 Bóng dương ² lồng bóng đồ mi ³ trập trùng.
 Chồi thược dược ⁴ mơ màng thụy vũ ⁵,
 Đóa hải đường ⁶ thức ngủ xuân tiêu ⁷.
 Cành xuân hoa chúm chím chào,
 140 Gió đông ⁸ thổi đã cợt đào gheo mai.
 Xiêm nghê ⁹ nọ tả tơi trước gió,
 Áo vũ ¹⁰ kia lấp ló trong trăng.
 Sênh ca ¹¹ mấy khúc vang lưng,
 144 Cái thân Tây tử ¹² lên chùng điện Tô.
 Đệm hồng thúy ¹³ thơm tho mùi xạ,

Khảo dị:

136. Bóng dương lồng bóng *trà* mi trập trùng (NQO)

137. *Liều* thược dược mơ *màng* thụy vũ (ĐXH)

Chồi thược dược mơ *màng* thụy vũ (NQO)

140. Gió đông thổi đã *trêu* đào cợt mai (NQO)

Chú thích:

1. *Nguyệt lão*: (*nguyệt*: mặt trăng, *lão*: ông cụ già) ông già ngồi dưới trăng, chủ về việc hôn nhân. Xem thêm chú thích câu 46.

2. *Bóng dương*: bóng mặt trời, đây chỉ nhà vua.

3. *Đồ mi*: tên một thứ hoa sắc trắng nở về đầu mùa hạ, đây chỉ người đàn bà đẹp. Cả câu ý nói được nhà vua âu yếm.

4. *Thược dược*: tên một thứ hoa sắc đỏ hoặc trắng, nở về đầu mùa hạ, đây ví với người đàn bà đẹp.

5. *Thụy vũ*: hạt mưa tốt lành, đây ví với lòng yêu đương của nhà vua.

6. *Hải đường*: tên một thứ hoa sắc hồng nở về mùa xuân.

7. *Xuân tiêu*: đêm mùa xuân. Vua Đường Minh Hoàng bảo nàng Dương Quý Phi rằng: “Hoa hải đường ngủ chưa đủ ư?”. Đây người cung phi tự ví mình như nàng Dương Quý Phi ngày xưa được vua yêu quý.

8. *Gió đông*: gió từ phương đông lại, tức là gió mùa xuân.

9. *Xiêm nghê*: (*xiêm*: cái váy, *nghê*: cầu vồng) cái xiêm có nhiều màu sắc như cái cầu vồng.

10. *Áo vũ*: áo làm bằng lông chim.

11. *Sênh ca*: (*sênh* hoặc *sinh* là thứ sáo có 13 cái ống trúc kết lại; *ca*: hát). Chỉ chung các điệu nhạc, khúc hát.

12. *Tây tử*: tức Tây Thi, một người con gái đẹp ở nước Việt về đời Xuân Thu. Vua Câu Tiễn nước Việt bị vua nước Ngô là Phù Sai đánh thua, mới dâng nàng Tây Thi cho vua nước ấy. Vua Phù Sai bèn làm *điện Tô* (điện ở Cô Tô) cho nàng ấy ở. Sau vua Phù Sai mất nước vì nàng ấy. Câu này ý nói người cung phi tự sánh mình như nàng Tây Thi ngày xưa được vua yêu dấu cho ở trong cung điện nguy nga.

13. *Đệm hồng thúy*: (*hồng*: con ngỗng trời, *thúy*: chim trĩ, bói cá) đệm làm bằng lông hai con chim này.

Bóng bội hoàn ¹ lấp ló trăng thanh.
 Mây mưa ² mấy giọt chung tình ³,
 148 Đình Trầm ⁴ hương khóa một cảnh mầu đơn.
 Tiếng thánh thoát cung đàn thúy dịch ⁵,
 Giọng nỉ non ngón dịch đàn trì ⁶.
 Càng đàn, càng dịch, càng mê,
 152 Càng gay gắt điệu, càng tê tái lòng.
 Mây ngai ⁷ lẫn mặt rồng ⁸ lộ lộ,
 Sắp song song đôi lứa nhân duyên.
 Hoa thơm muôn đội ơn trên,
 156 Cam công mang tiếng thuyền duyên ⁹ với đời.
 Trên chín bệ ¹⁰ mặt trời gang tấc ¹¹,
 Chữ xuân riêng sớm chực trưa châu.
 Phải duyên hương lửa cùng nhau,

Khảo dị:

148. Đình Trầm *xuân* khóa một cảnh mầu đơn (NQO)

149. *Gảy khúc phượng* cung đàn thúy dịch (NQO)

150. *Thổi hơi kim* ngón dịch đàn trì (NQO)

150. Giọng nỉ non *ngon* dịch đàn trì (ĐXH)

154. Sắp song song đôi *nố* nhân duyên (N)

Sắp song song đôi *đuă* nhân duyên (NQO)

Chú thích:

1. *Bội hoàn*: (*bội*: đồ trang sức bằng ngọc đeo ở dây lưng, *hoàn*: tên một thứ ngọc hoặc vòng đeo) chỉ chung các đồ trang sức bằng ngọc của phụ nữ đeo.

2. *Mây mưa*: nghĩa bóng nói sự trai gái gặp gỡ ân ái với nhau.

Xem thêm chú thích câu 16.

3. *Chung tình*: (*chung*: hợp lại, đúc lại) ái tình thu lại để dồn cả vào một người.

4. *Đình trầm*: tức là Trầm hương đình, tên một cái đình. Vua Đường Minh Hoàng cùng nàng Dương Quý Phi thưởng hoa thược dược ở đây.

5. *Thúy dịch*: (*thúy*: sâu, *dịch*: bên cạnh) tòa nhà thâm nghiêm làm bên cạnh cung vua để các cung phi ở.

6. *Đan trì*: (*đan*: đỏ, *trì*: thêm) thêm sơn son, thêm nhà vua.

7. *Mây ngai*: lông mây như râu con ngai, chữ Hán là nga mi tức lông mây nhó mà dài của người con gái đẹp.

8. *Mặt rồng*: do chữ *long nhan*, chỉ mặt nhà vua.

9. *Thuyền duyên*: (*thuyền* hoặc *thiên*: đẹp, đáng đẹp, *quyên*: tốt đẹp, đẹp) chỉ người phụ nữ đẹp.

10. *Chín bệ*: chín bậc thềm, nơi để ngai vua.

11. *Mặt trời gang tấc*: (*mặt trời*: chỉ vua) vua ở rất gần.

- 160 Xe dê ¹ lợ rắc lá dâu mới vào?
 Khi áp mạn ôm đào ² gác nguyệt ³,
 Lúc cười sương cột tuyết đèn phong ⁴.
 Đóa lê ⁵ ngon mắt cứu trùng ⁶,
- 164 Tuy mây điểm nhạt, nhưng lòng cũng xiêu.
 Vẻ vưu vật ⁷ trăm chiều chải chuốt,
 Lòng quân vương chi chút ⁸ trên tay.
 Má hồng không thuốc mà say,
- 168 Nước kia muốn đổ, thành này muốn long.
 Vườn Tây Uyển ⁹ khúc trùng Thanh dạ ¹⁰,
 Gác Lâm Xuân ¹¹ điệu ngả Đình hoa ¹².
 Thừa ân ¹³ một giấc canh tà,
- 172 Tờ mờ nét ngọc, lập lòe vẻ son.

Khảo dị:

162. Lúc cười *hoa* cột tuyết đèn phong (NQO)

164. *Dầu* mây điểm nhạt nhưng lòng cũng xiêu (NQO)

169. Vườn *Thượng* uyển khúc trùng Thanh dạ (NQO)

Chú thích:

1. *Xe dê*: xe do dê kéo. Tần Vũ Đế có nhiều cung phi, mỗi lần đến với họ, nhà vua thường đi chiếc xe dê kéo, không có người điều khiển. Muốn được vua vào với mình, các cung phi phải tìm cách lấy lá dâu rắc trước phòng để dử dê vào.

2. *Áp mạn ôm đào*: ám chỉ cảnh nhà vua thân cận với các cung phi.

3. *Gác nguyệt*: gác có ánh trăng chiếu vào.

4. *Đèn phong*: đèn chung quanh có trồng cây phong, thứ cây có lá đỏ hồng hoặc vàng về mùa thu.

5. *Đóa lê*: đóa hoa lê, ví với người cung nữ.

6. *Ngon mắt cứu trùng*: ưa mắt nhà vua càng nhìn càng thấy say đắm, ham muốn.

7. *Vưu vật*: vật rất lạ, rất quý.

8. *Chi chút*: nâng niu gìn giữ.

9. *Tây Uyển*: tên một cái vườn ở phía tây huyện Lạc Dương, tỉnh Hà Nam (Trung Quốc), do Tùy Dương Đế lập ra.

10. *Thanh dạ*: tức là *Thanh dạ du* (đi chơi lúc đêm thanh) tên một khúc hát được đặt ra từ đời vua Tùy Dương Đế. Nhà vua thường lúc đêm thanh đem cung nữ dạo chơi trong vườn và nghe hát bài *Thanh dạ du*.

11. *Lâm Xuân*: tên một cái gác của vua Trần Hậu Chủ dựng lên bằng gỗ đàn hương cho nàng Trương Quý Phi ở.

12. *Đình hoa*: tức là *Ngọc thụ hậu đình hoa*, tên một khúc hát được đặt ra vào đời Trần Hậu Chủ.

13. *Thừa ân*: đợi ơn, đây ý nói được nhà vua yêu đến.

Trên trướng gấm chí tôn¹ vọi vọi,
 Những khi nào gần gũi quân vương.
 Dầu mà tay có nghìn vàng,
 176 Đố ai mua được một tràng mộng xuân².
 Thôi cười nọ lại nhả mảy liễu³,
 Gheo hoa kia lại diều⁴ gót sen⁵.
 Thân này uốn éo vì duyên,
 180 Cũng cam một tiếng thuyền duyên với đời.
 Lan mấy đóa lạc loài sơn dã⁶,
 Uổng mùi hương vương giả⁷ lắm thay!
 Gấm như cân trất⁸ duyên này,
 184 Cam công đặt cái khăn⁹ này tắc ơ¹⁰.
 Tranh tị dục nhìn ưa chim nọ,
 Đồ liên chi¹¹ lần trở hoa kia.

Khảo dị:

173. Trong trướng gấm chí tôn vọi vọi (ĐXH - NQO)

175. Dầu mà ai có nghìn vàng (ĐXH - NQO)

183. Ngấm như cân trất duyên này (NQO)

Chú thích:

1. *Chí tôn*: rất tôn trọng; đây chỉ nhà vua.

2. *Một tràng mộng xuân*: một giấc chiêm bao êm đềm vui thú về mùa xuân.

3. *Nhả mảy liễu*: xưa nàng Tây Thi đau bụng mà nhả mặt thì trông lại đẹp thêm lên.

4. *Diều*: đi có điệu bộ uyển chuyển.

5. *Gót sen*: bước chân của người phụ nữ đẹp. Do tích Tề Đông Hôn Hầu cho thợ lấy vàng dát thành hoa sen lát xuống nền nhà để nàng Phan Phi đi và nói rằng: "Mỗi bước đi của quý nương lại nở ra một bông sen".

6. *Sơn dã*: chốn rừng núi đồng ruộng.

7. *Mùi hương vương giả*: (*vương*: vua, *giả*: ấy), dùng để chỉ hoa lan tức là thứ hoa có một mùi thơm vua chúa.

Đức Khổng Tử đi từ nước Vệ về nước Lỗ thấy trong núi sâu, hang thẳm có nhiều hoa lan, mới than rằng: "Lan vì vương giả hương, kim dự chúng thảo ngụ" (Lan có hương thơm của vua chúa nay lại phải làm bạn với loài cỏ).

8. *Cân trất*: (*cân*: khăn, *trất*: lược) nói đạo làm vợ phải nâng khăn lược cho chồng.

9. *Đặt khăn*: nói về sự sinh con gái. Theo sách *Lễ ký*, hễ sinh con trai thì đặt cái cung ở bên trái cửa, hễ sinh con gái thì đặt cái khăn ở bên phải cửa.

10. *Tắc ơ*: tiếng chặc lưỡi, tỏ ý chán nản.

11. *Tị dục... liên chi*: liên cánh (sát cánh cùng bay), liên cành. Chữ lấy trong bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị nói về vua Đường Huyền Tôn cùng nàng Dương Quý Phi thể nguyên cùng nhau: "Ở trên trời xin làm chim liên cánh; ở dưới đất xin làm cây liên cành".

188 Chữ đồng ¹ lấy đấy làm ghi,
 Mượn điều thất tịch ² mà thề bách niên
 Hạt mưa ⁴ đã lọt miền dài các,
 Những mừng thăm cá nước ⁵ duyên may:
 Càng lâu càng lắm màn hay,
 192 Cho cam công kẻ nhúng tay thùng chàm ⁶.
 Ai ngờ bỗng một năm một nhật,
 Nguồn ơn kia không tát mà vơi ⁷,
 Suy đi ⁸ đâu biết cơ trời ⁹,
 196 Bỗng không mà hóa ra người vị vong ¹⁰ !
 Đuốc vương giả ¹¹ chí công ¹² là thế,
 Chẳng soi cho đến khóe âm nhai ¹³.
 Muôn hồng nghìn tía đua tươi,

Khảo dị:

188. Mượn *lời* thất tịch mà thề bách niên (N - NQO)

191. Càng lâu càng lắm *mùi* hay (ĐXH)

194. Nguồn *ơn* kia *chẳng* tát mà vơi (H-ĐXH)

195. Suy *đi* đâu biết cơ trời (NQO)

198. Chẳng soi cho đến *kẽ* âm nhai (NQO)

Chú thích:

1. *Chữ đồng*: chữ đồng tâm, cùng một lòng với nhau.

2. *Thất tịch*: đêm mồng bảy tháng bảy.

Theo tục truyền thì trong một năm chỉ có ngày ấy là Ngưu Lang và Chức Nữ mới được gặp nhau. Vua Đường Huyền Tôn cũng nhân đêm ấy thề với nàng Dương Quý Phi như câu nói trên (c.185 - 186).

3. *Bách niên*: tức *bách niên giai lão* (giai: cùng) là sống cùng nhau đến trăm năm.

4. *Hạt mưa*: ví với thân phận người phụ nữ. Theo câu ca dao: "*Thân em như hạt mưa rào, hạt sa xuống giếng, hạt vào vườn hoa*".

5. *Cá nước*: cá gặp nước; ý nói đến cái duyên hai người gặp nhau một cách tương đắc.

6. *Nhúng tay thùng chàm*: tục ngữ có câu: "*Tay chót nhúng chàm*". Cả câu ý nói: Đã trót đem thân vào làm cung phi mà được nhà vua yêu dấu thì cũng bỏ công.

7. *Nguồn ơn... mà vơi*: cái ơn vua một ngày một kém đi như nước không ai tát mà cạn dần.

8. *Suy đi*: thay đổi mà kém dần đi.

9. *Cơ trời*: máy tạo hóa, máy trời.

10. *Người vị vong*: (*vị*: chưa, *vong*: chết) người đàn bà góa chồng tự xưng là vị vong nhân.

11. *Đuốc vương giả*: đuốc sáng của nhà vua.

12. *Chí công*: hết sức công bằng.

13. *Âm nhai*: (*nhai*: sườn núi) hang tối.

- 200 Chúa xuân nhìn hái một hai bông gần .
 Vốn đã biết cái thân câu chõ ²,
 Cá no mỗi cũng khó đủ lên.
 Ngán thay cái én ba nghìn,
- 204 Một cây cù mộc ³ biết chen cạnh nào.
 Song đã cậy má đào chon chót,
 Hẳn duyên tươi phận tốt hơn người.
 Nào hay con tạo trêu ngươi,
- 208 Hang sâu chút hé mặt trời lại râm.
 Trong cung quế ⁴ âm thầm chiếc bóng,
 Đêm năm canh trông ngóng lần lần.
 Khoảnh làm chi bấy chúa xuân,
- 212 Chơi hoa cho rửa nhị dần lại thôi.
 Lầu đài nguyệt ⁵ đứng ngồi dạ vũ,
 Gác thừa lương ⁶ thức ngủ thu phong.
 Phòng tiêu ⁷ lạnh ngắt như đông,
- 216 Gương loan ⁸ bể nửa, dải đồng ⁹ xẻ đôi.

Khảo dị:

200. Chúa xuân *nở* hái một hai bông gần (NQO)

204. Một cây cù mộc *dễ* chen cạnh nào (NQO)

205. Song *cũng* cậy má đào chon chót (NQO)

208. Hang sâu *thoắt* hé mặt trời lại râm (NQO)

210. *Suốt* năm canh trông ngóng lần lần (NQO)

216. Gương loan bể nửa, dải đồng *xé* đôi (NQO)

Chú thích:

1. *Muôn hồng... bông gần*: hai câu này ý nói cung nữ đẹp thật nhiều mà nhà vua chỉ yêu có một vài người.

2. *Câu chõ*: câu ghé vào chỗ người ta đang câu.

3. *Cù mộc*: Cây cao lớn, ví với người vợ cả.

Kinh Thi có câu: “*Nam hữu cù mộc, cát lũy luy chi*” (Bên nam có cây lớn, dây sắn leo quấn lên) ý nói đến bà Thái Tự, vợ vua Văn Vương biết dung cho bọn nàng hầu vợ lẽ.

4. *Cung quế*: cung các phi tần ở. Cung này có cửa trong như mặt trăng, ngoài sân có trồng một cây quế (xưa Hán Vũ Đế có cho làm một cái cung để phi tần ở gọi là *quế cung*).

5. *Lầu đài nguyệt*: lầu ngồi chơi chờ ngắm trăng lên.

6. *Gác thừa lương*: gác ngồi hóng gió mát.

7. *Phòng tiêu*: phòng của cung phi ở, tường vôi có trộn thêm hồ tiêu cho ẩm.

8. *Gương loan*: cái gương hai vợ chồng soi chung.

9. *Dải đồng*: dải đồng tâm. Vua Tùy Dương Đế sai tết dải lụa lại gọi là “*đồng tâm kết*” đưa cho phu nhân.

Chiều ử đột giấc mai ¹ trưa sớm,
 Vẻ băng khuâng hồn bướm ² vẩn vơ.
 Thâm khuê ³ vắng ngắt như tờ,
 220 Cửa châu gió lọt, rèm ngà sương treo.
 Ngấn phượng liễn ⁴ chòm rêu lỗ chỗ,
 Dấu dương xa ⁵ đám cỏ quanh co.
 Lầu Tần ⁶ chiều nhạt vẻ thu,
 224 Gối loan ⁷ tuyết đóng, chăn cù ⁸ giá đông.
 Ngày sáu khắc tin mong nhận ⁹ vắng,
 Đêm năm canh tiếng lắng chuông rền.
 Lạnh lòng thay giấc cô miên ¹⁰,
 228 Mùi hương tịch mịch, bóng đèn thâm u.
 Tranh biếng ngắm trong đồ tố nữ,
 Mặt buồn trông trên cửa nghiêm lâu ¹¹.
 Một mình đứng tủi ngồi sầu,

Khảo dị:

222. Dấu dương xa *áng* cỏ quanh co (NQO)

223. *Cung đình* chiều nhạt vẻ thu (NQO)

226. Đêm năm canh *lắng tiếng* chuông rền (N)

Chú thích:

1. *Giấc mai*: giấc ngủ mơ màng đến người yêu. Do câu thơ cổ: “*Tương tư nhất dạ mai hoa phát, hốt đáo song tiền nghi thị quân*” (Nhớ nhau một đêm hoa mai nở, chợt thấy ở trước cửa sổ ngỡ là tình quân).

2. *Hồn bướm*: hồn mơ màng. Do tích Trang Chu nằm mơ thấy mình hóa ra con bướm rồi khi tỉnh còn mơ màng không biết mình là bướm hay là Trang Chu.

3. *Thâm khuê*: phòng sâu kín, chỗ người cung phi ở.

4. *Phượng liễn*: (*phượng*: chim phượng, *liễn*: xe) xe của vua đi, có chạm hình chim phượng.

5. *Dương xa*: xe dê kéo. Vua Tấn Vũ Đế ban đêm đi xe dê kéo vào cung của các phi tần ở. Các cung nhân mới lấy lá dâu rắc ở ngoài cửa phòng mình và đổ nước muối vào để cho dê thèm ăn mà dừng lại.

6. *Lầu Tần*: lầu trong cung vua Tần; đây dùng để chỉ cung điện vua nói chung.

7. *Gối loan*: gối có thêu chim loan chim phượng, gối của vợ chồng.

8. *Chăn cù*: chăn làm bằng lông con cù lân.

9. *Nhận*: tin nhận, chỉ tin tức một người ở xa. Do tích ông Tô Vũ đời nhà Hán sang sứ Hung Nô, phải dầy ra Bắc Hải chăn dê. Sau khi hai nước đã hòa lại với nhau, vua Hán cho sứ sang đòi Tô Vũ thì vua Hung Nô bảo ông ta đã chết. Có người bày kẻ sứ giả nói với vua Hung Nô rằng: “*Vua Hán đi săn, có bắn được con chim nhận, ở chân có buộc bức thư của Tô Vũ*”. Vua Hung Nô nghe nói vậy phải trao trả Tô Vũ và phải tạ lỗi.

10. *Cô miên*: nằm ngủ một mình.

11. *Nghiêm lâu*: lầu thâm nghiêm, chỗ vua ở.

- 232 Đã than với nguyệt, lại rầu với hoa.
 Buồn mọi nỗi lòng đà khắc khoải,
 Ngán trăm chiều bước lại ngán ngơ.
 Hoa này bướm nữ thờ ơ,
- 236 Để gây bông thắm, để xơ nhị vàng.
 Đêm năm canh lần nường vách quế,
 Cái buồn này ai để giết nhau.
 Giết nhau chẳng cái lưu cầu ¹,
- 240 Giết nhau bằng cái u sầu độc chưa!
 Tay nguyệt lão ² chẳng xe thì chớ,
 Xe thế này có dở dang không?
 Đang tay muốn rút tơ hồng,
- 244 Bực mình muốn đập tiêu phòng mà ra!
 Nào lối dạo vườn hoa năm ngoái,
 Đóa hồng đào hái buổi còn xanh.
 Trên gác phượng, dưới lầu oanh,
- 248 Gối du tiên ³ hãy rành rành song song.
 Bây giờ đã ra lòng rẻ rúng,
 Để thân này cỏ úng tơ mảnh ⁴.

Khảo dị:

232. *Những* than với nguyệt lại rầu với hoa (NQO)

241. Tay nguyệt lão *hư* sao *chăng* chớ (N)

Tay nguyệt lão *xe* *tơ* *chăng* chớ (ĐXH)

Tay nguyệt lão *khéo* *xe* *chằng* chớ

249. Bây giờ đã ra lòng *ruồng* *rẫy* (N)

250. Để thân này cỏ *ái* *tơ* mảnh (N)

Để thân này *tóc* *mỏng* *tơ* mảnh (NQO)

Chú thích:

1. *Lưu cầu*: con dao sắc hoặc một thứ binh khí ngày xưa.

2. *Nguyệt lão*: ông tơ (xem chú thích chữ *xích* *thằng*, câu 46).

3. *Gối du tiên*: (*du tiên*: chơi cõi tiên) Theo sách *Khai thiên dị sự*, nước Quy Tư dâng vua nhà Đường (Trung Quốc) một cái gối đỏ như mã não, đẹp như ngọc, hễ gối đầu vào thì nằm mơ thấy được đi chơi các cảnh tiên, nhân thế vua Đường mới gọi cái gối ấy là *gối du tiên*.

4. *Cỏ úng tơ mảnh*: (*úng*: thối nát, *mảnh*: mảnh nhỏ) câu này ý nói đến cái thân phận của người cung phi cũng không khác gì cỏ vàng đã úng thối và tơ đã nát ra mảnh vụn nhỏ.

Đông quân ¹ sao khéo bất tình ²,
 252 Cành hoa tàn nguyệt ³ bực mình hoài xuân ⁴.
 Nào lúc tựa lầu Tần hôm nọ,
 Cành liễu mảnh bẻ thuở đương tơ.
 Khi trướng ngọc, lúc rèm ngà,
 256 Mảnh xuân y ⁵ hầy sờ sờ dấu phong.
 Bây giờ đã ra lòng ruộng rẫy.
 Để thân này nước chảy hoa trôi.
 Hóa công ⁶ sao khéo trêu người,
 260 Bóng đèn tà nguyệt ⁷ dủ mùi ký sinh ⁸.
 Cảnh hoa lạc nguyệt minh ⁹ dường ấy,
 Lửa hoàng hôn như cháy tấm son.
 Hoàng hôn ¹⁰ thôi lại hôn hoàng,
 264 Nguyệt hoa ¹¹ thôi lại thêm buồn nguyệt hoa.
 Buồn vì nỗi nguyệt tà ai trọng,
 Buồn vì điều hoa rụng ai nhìn,
 Tình buồn cảnh lại vô duyên,
 268 Tình trong cảnh ấy, cảnh bên tình này.

Khảo dị:

251. Đông quân sao khéo bất *binh* (NQO)

253. Nào *thuở dạo vườn xuân* hôm nọ (NQO)

256. Mảnh xuân y hầy sờ sờ dấu *in*

257. Bây giờ đã ra lòng *dùn dấy* (N)

Chú thích:

1. *Đông quân*: vua phương Đông, vị thần làm chủ cho gió đông thổi về mùa xuân, cũng nghĩa như chúa xuân.

2. *Bất tình*: không có tình, lãnh đạm.

3. *Cành hoa tàn nguyệt*: mặt trăng đã tàn; đây mượn hai chữ ấy làm phẩm từ để nói về cảnh hoa đã tàn.

4. *Hoài xuân*: tưởng nhớ đến mùa xuân.

5. *Xuân y*: áo mặc về mùa xuân.

6. *Hóa công*: ông tạo hóa, ông trời.

7. *Bóng đèn tà nguyệt*: nói mặt trăng đã xế, đã lặn, đây mượn hai chữ này làm phẩm từ để nói về ngọn đèn sắp tàn.

8. *Ký sinh*: sống gửi, sống nhờ.

9. *Hoa lạc nguyệt minh*: (*minh*: mờ tối) hoa rụng và trăng mờ.

10. *Hoàng hôn*: (*hoàng*: vàng, *hôn*: tối) lúc xẩm tối.

11. *Nguyệt hoa*: trăng và hoa, trai gái thường hẹn nhau dưới trăng trước hoa để tự tình. Cảnh đẹp trăng sáng hoa nở.

Khi trận gió lung lay cành bích ¹,
 Nghe rì rầm đế mách ngoài xa.
 Mơ hồ ngõ tiếng xe ² ra,
 272 Đốt phong hương hả mà hơi áo tàn.
 Ai ngờ tiếng đế than rì rĩ,
 Giọng bi thu ³ gọi kẻ cô phòng ⁴.
 Vắng tanh nào thấy vân mòng,
 276 Hơi thê lương ⁵ lạnh ngắt song phi huỳnh ⁶,
 Khi bóng thỏ chênh vênh trước ốc ⁷,
 Nghe vang lừng tiếng giục bên tai.
 Đè chừng ngõ tiếng tiểu đòi ⁸,
 280 Nghiêng bình phấn mốc mà giòi má deo.
 Ai ngờ tiếng quyên ⁹ kêu ra rả,
 Điệu thương xuân ¹⁰ khóc ả sương khuê ¹¹.
 Lạnh lùng nào thấy ỏ ê ¹²

Khảo dị:

270. Nghe rì rầm *tiếng* mách ngoài xa (ĐXH)
 Nghe rì rào đế mách ngoài xa (NQO)
 271. Mơ hồ *ngĩ* tiếng xe ra (N - ĐXH)
 273. Ai ngờ tiếng đế *ran rĩ* rĩ (N - ĐXH)
 274. Giọng bi thu *gheo* kẻ cô phòng (NQO)
 277. Khi bóng thỏ chênh vênh trước *nóc* (NQO)
 278. Nghe vang lừng tiếng giục *ngoài hiên* (NQO)
 279. Đè chừng ngõ tiếng *triệu* đòi (NQO)
 280. Nghiêng bình phấn mốc *sẽ* giòi má *nheo* (NQO)

Chú thích:

1. *Cành bích*: cành cây sắc xanh.
2. *Tiếng xe*: tiếng xe của nhà vua.
3. *Bi thu*: buồn bã vì cảnh sắc mùa thu.
4. *Cô phòng*: buồng của người nằm một mình, sống trong cảnh cô độc.
5. *Thê lương*: buồn rầu, lạnh lẽo.
6. *Phi huỳnh*: con đom đóm bay.
7. *Ốc*: nhà.
8. *Tiếng tiểu đòi*: tiếng đưa hầu nhỏ được lệnh gọi cung phi lên hầu vua.
9. *Tiếng quyên*: tiếng cuốc.
10. *Thương xuân*: đau đớn vì nhớ mùa xuân.
11. *Sương khuê*: (*sương*: ở góa, *khuê*: buồng) buồng của người đàn bà góa chồng.
12. *Ổ ê*: sẵn sóc đến, chăm nom đến.

Ta thường nói: "Nhìn nhỡ ổ ê".

- 284 Khí bi thương sức nức hè lạc hoa ¹
 Tiếng thúy điện ² cười già ra gất ³,
 Mùi quyền môn ⁴ thấm rất nên phai ⁵.
 Nghĩ nên tiếng cửa quyền ôi ⁶,
 288 Thì thông thả vậy cũng thôi một đời.
 Vì sớm biết lòng trời đeo đẳng ⁷,
 Dầu thuê tiền cũng chẳng buồn tênh.
 Nghĩ mình lại ngán cho mình.
 292 Cái hoa đã trót gieo cành biết sao!
 Miếng cao lương ⁸ phong lưu những lợm ⁹,
 Mùi hoắc lê ¹⁰ thanh đạm mà ngon.
 Cùng nhau một giấc hoành môn ¹¹,
 296 Lâu lâu riu rít cò con cũng tình ¹².
 Ví sớm biết phận mình ra thế,

Khảo dị:

284. Khí bi *thu* sức nức hè lạc hoa (NQO)
 286. Mùi quyền môn *thấm gất* nên phai (NQO)
 290. Dầu thuê tiền cũng chẳng *mang* tình (NQO)
 292. Cái hoa *khi* đã *trao* cành biết sao (NQO)
 293. Miếng cao lương phong lưu *nhưng* lợm (NQO)
 295. Cùng nhau một giấc *hành* môn (ĐXH - NQO)
 296. *Lau* nhau riu rít cò con cũng tình (ĐXH)
 297. *Mình* có biết phận mình ra thế (N - ĐXH)

Chú thích:

1. Hè lạc hoa: bậc thềm có hoa rụng.
2. Thúy điện: (*thúy*: sâu, *điện*: đèn) tòa đèn thâm nghiêm, chỗ vua ở.
3. Cười già ra gất. ý nói vui lắm sinh ra buồn nhiều.
4. Quyền môn: nhà kẻ có quyền thế, bậc quan sang.
5. Thấm rất nên phai: ý nói đậm lắm thì nhạt càng mau, thân lắm thì sơ ngay.
6. Quyền ôi: (*ôi*: không còn tươi nữa, đã nguội lạnh và có mùi) nói người đã mất quyền thế.
7. Deo đẳng: đeo đuổi, lèo đèo theo hoài.
8. Cao lương: (*cao*: mỗ, *lương*: gạo tốt) đồ ăn ngon.
9. Lợm: cảm thấy buồn nôn, ngấy chán.
10. Hoắc lê: hai thứ rau thường ăn của người dân quê.
11. Hoành môn: (*hoành*: ngang, *môn*: cửa) nhà người ở ẩn, dùng cây gỗ bắc ngang để làm cửa.
12. Lâu lâu... cũng tình: cả câu ý nói lấy chồng quê mùa mà được riu rít với chồng lâu dài lại hơn.

Giải kết ¹ điều ỏe học làm chi.
 Thà rằng cục kịch nhà quê,
 300 Dầu lòng nũng nịu nguyệt kia hoa này.
 Chiều tịch tịch đã gây bóng thỏ ²,
 Vẽ tiêu tao ³ lại võ hoa đèn ⁴.
 Muốn đem ca tiểu ⁵ giải phiền,
 304 Cười nên tiếng khóc, hát nên giọng sầu.
 Ngọn tâm hỏa ⁶ đốt râu nét liễu ⁷,
 Giọt hồng băng ⁸ thấm ráo làn son.
 Dơ buồn đến cảnh con con,
 308 Trà chuyên nước nhất, hương đồn khói đôi ⁹.
 Trong gang tắc mặt trời ¹⁰ xa mấy,
 Phận hẩm hiu dường ấy vì đâu?
 Sinh ly đòi rất thời Ngâu ^{11, 12},
 312 Một năm còn thấy mặt nhau một lần.
 Huống chi cũng lạm phần son phấn ¹³,

Khảo dị:

298. Giải *kiết* điều ỏe oẹ làm chi (ĐXH)

305. Ngọn tâm hỏa đốt *dầu* nét liễu (NQO)

307. *Lại* buồn đến cảnh con con (NQO)

308. Trà *hư* nước nhất, hương *mòn* khói đôi (NQO)

309. Trong gang tắc, mặt trời xa *bấy* (NQO)

311. Sinh ly *rất mực* thời Ngâu (NQO)

Chú thích:

1. *Giải kết*: (*giải* : cởi, *kết*: nút) gỡ những điều nó bó buộc mình.

2. *Bóng thỏ*: bóng trắng.

3. *Tiêu tao*: tiêu điều, tịch tịch.

4. *Hoa đèn*: dầu bắc đèn đã cháy thành than nhưng lại được sức nóng nung đỏ lên.

5. *Ca tiểu*: hát và cười.

6. *Tâm hỏa*: lửa ở trong lòng; ý nói sự bực bội như ngọn lửa thiêu ở trong lòng.

7. *Râu nét liễu*: (*nét liễu*: lông mày người con gái thanh nhỏ) làm cho vẻ mặt người cung phi cũng buồn râu mà cau cá nét mày lại.

8. *Hồng băng*: (*hồng*: đỏ, *băng*: nước đông lại). Điển: Nàng Tiết Linh Vận phải tuyển vào cung để dâng lên vua Ngụy Văn Đế. Lúc từ giã cha mẹ, nàng khóc quá, nước mắt chảy đầm tã. Lấy cái bình ngọc mà hứng thì sau đông lại thành băng đỏ.

9. *Trà chuyên... khói đôi*: chè chuyên nước dầu thì còn nhạt, hương đã tỏa ra nhiều ngọn mà khói gần tàn.

10. *Mặt trời*: chỉ nhà vua. Cả câu ý nói chỗ nhà vua ở cũng chẳng xa bao nhiêu.

11. *Ngâu*: sao Khiên Ngưu.

12. *Thời ngâu*: thời kỳ của chàng Ngưu ả Chức gặp nhau.

13. *Lạm phần son phấn*: được chọn vào bậc cung phi.

Luống năm năm chịu phận buồn không.
 Khéo vô duyên bấy cửu trùng ¹,
 316 Thăm nào nhuộm lại tơ hồng cho tươi.
 Vườn thượng uyển ² hoa cười với nắng,
 Lối đi về ai chẳng chiều ong.
 Đoàn nhâm ³ một dải nông nông,
 320 Bóng dương bên ấy, đứng trông bên này.
 Tình rầu rĩ làm ngây nhĩ mục ⁴.
 Chốn phòng không như giục mây mưa ⁵.
 Giấc chiêm bao những đêm xưa,
 324 Giọt mưa cửu hạn ^{6, 7} còn mơ đến rày.
 Trên chín bệ có hay chẳng nhẽ,
 Khách quần thoa ⁸ mà để lạnh lòng.
 Thù nhau ru hời đông phong!
 328 Góc vườn dải nắng cầm bông hoa đào.
 Tay tạo hóa cố sao mà độc,
 Buộc người vào kim ốc ⁹ mà chơi.

Khảo dị:

314. Luống năm năm *chịu* phận *phòng* không (NQO)

315. Khéo vô duyên *với* cửu trùng (NQO)

316. *Son* nào nhuộm *được* má hồng cho tươi (NQO).

321. Tình rầu rĩ làm *khuây* nhĩ mục (N - ĐXH)

327. Thù nhau *chi* hời đông phong (NQO)

328. Góc vườn dải nắng *một* bông hoa đào (NQO)

Chú thích:

1. *Cửu trùng*: (*cửu*: chín, *trùng*: lớp) chỉ nơi vua ở, thăm nghiêm qua chín lớp cửa mới đến.

2. *Thượng uyển*: (*thượng*: chữ dùng để gọi vua như Hoàng thượng, Kim thượng; *uyển*: vườn) vườn trong cung vua.

3. *Doàn nhâm*: (*doàn*: hào nước, *nhâm*: thuộc về hướng bắc) nơi hoàng cung, cửa chính là Ngọ môn hướng nam, sau hoàng cung có hào, hào ấy hướng bắc gọi là *duên nhâm*.

4. *Nhĩ mục*: tai mắt.

Làm ngây nhĩ mục: làm cho tai mắt ngây dại đi không còn cảm thấy gì nữa.

5. *Như giục mây mưa*: như kêu gọi chuyện ái ân. (Xem chú thích câu 16).

6. *Cửu hạn*: (*cửu*: lâu, *hạn*: khô nắng) nắng đã lâu chưa có mưa.

7. *Giọt mưa cửu hạn*: ý nói nắng mãi mà được trận mưa cũng như xa cách lâu ngày mà nay được gặp lại thì mừng vô kể.

8. *Khách quần thoa*: (*quần*: xiêm váy, *thoa*: trâm cài đầu) đàn bà con gái nói chung.

9. *Kim ốc*: nhà vàng. Vua Hán Vũ Đế, lúc còn làm thái tử có nói với người cô của mình rằng: "Nếu cháu được A Kiều (con gái người cô) thì sẽ làm nhà vàng cho ở".

332 Chống tay ngồi ngẫm sự đời,
 Muốn kêu một tiếng cho dài kéo cảm!
 Nơi lạnh lẽo, nơi xem gần gần,
 Há phai son lạt phấn ru mà
 Trêu người chi bấy trắng già,
 336 Trao con chỉ thắm ¹ mà ra tơ mảnh! ²
 Lòng ngán ngẫm buồn tênh mọi nỗi,
 Khúc sầu tràng ³ bối rối dường tơ.
 Ngọn đèn phòng động ⁴ đêm xưa,
 340 Chùm hoa tịnh đế ⁵ tro tro chưa tàn.
 Mà lượng thánh đa đoan ⁶ kíp mấy
 Bồng ra lòng dún dấy vì đâu!
 Bơ già ⁷ tỏ nỗi xưa sau,
 344 Chẳng đem nỗi ấy mà tau ngư ⁸ cùng.
 Đêm phong vũ ⁹ lạnh lùng có một,
 Giọt ba tiêu ¹⁰ thánh thót cảm canh ¹¹.
 Bên tường thấp thoáng bóng huỳnh ¹²,

Khảo dị:

338. *Mối* sầu tràng bối rối dường tơ (NQO)

340. *Đài* hoa tịnh đế tro tro chưa tàn (NQO)

341. Mà lượng thánh đa đoan kíp *bấy* (NQO)

343. Bơ già tỏ nỗi *trước* sau (NQO)

Chú thích:

1. *Chỉ thắm*: như *chỉ hồng*. (Xem chú thích câu 46).

2. *Tơ mảnh*: sợi tơ mảnh nhỏ.

3. *Sầu tràng*: (*sầu*: buồn, *tràng*: ruột) lòng buồn rầu.

4. *Phòng động*: do chữ *động phòng* là căn phòng kín đáo, buồng của hai vợ chồng mới cưới. Do câu: “*Động phòng hoa chúc dạ*” (Cái đêm đốt đuốc hoa trong phòng kín đáo).

5. *Chùm hoa tịnh đế*: (*tịnh*: cùng, *đế*: cuống hoa) chùm hoa cùng chung một cuống.

6. *Đa đoan*: nhiều nỗi, nhiều mối, lời thôi rắc rối.

7. *Bơ già*: (*bơ*: tiếng gọi người đầy tớ đã già) đây chỉ những người thái giám già hầu hạ trong cung vua.

8. *Tau ngư*: (đối với vua thường xưng là *ngư*) tau vua.

9. *Phong vũ*: gió mưa.

10. *Ba tiêu*: cây chuối.

11. *Cảm canh*: trống cảm canh, tiếng trống đánh ban đêm để báo sang canh, cứ cách một thời gian lại đánh. Đây ví tiếng nước mưa đập vào tàu lá chuối cứ từng hồi lại rơi lộp bộp xuống đất như tiếng trống cảm canh vậy.

12. *Huỳnh*: con đom đóm.

348 Vách sương nghi ngút đèn xanh lơ mờ.
 Mắt chưa nhấp đồng hồ ¹ đã cạn,
 Cảnh tiêu điều ngao ngán đường bao.
 Buồn này mới gọi buồn sao,
 352 Một đêm nhớ cảnh biết bao nhiêu tình.
 Bóng câu ² thoáng bên mảnh mấy nổi,
 Những hương sầu phấn tũ cho xong.
 Phòng khi động đến cửu trùng ³,
 356 Giữ sao cho được má hồng ⁴ như xưa.

Khảo dị:

348. Vách sương *hót* gió, đèn xanh lơ mờ (NQO).

354. Những hương sầu phấn tũ *bao* xong (ĐXH)

Chú thích:

1. *Đồng hồ*: (*đồng*: đồng, loại kim khí; *hồ*: bình đựng nước) cái bình bằng đồng đáy có lỗ nhỏ, người ta đổ nước vào cho nó rỉ dần ra và xem mực nước ở bên trong để biết thời khắc.

2. *Bóng câu*: (*câu*: ngựa non) nghĩa bóng chỉ thì giờ đi nhanh. Do câu: “*Nhân sinh nhất thế gian, như bạch câu quá khêch*” (Khoảng một đời người nhanh như bóng con ngựa non màu trắng chạy qua khe cửa).

3. *Cửu trùng*: đây chỉ nhà vua.

4. *Má hồng*: vẻ đẹp của người con gái.

宮怨吟曲

1 峽壁桂籬鎖囂沆

2 牖羽衣冷沆如銅

3 怨之仍客椒房

4 麻吹分箔輒顰鴈桃

5 緣色枚擣牢吏躡

6 拈源干換縵坤當

7 爲兜輒淫換扛

8 拈肉肉吏輒傷淫肉

9 濫妝課形骸造化

10 駭芙蓉沒朵誇鮮

11 蕊花渚晚咿嚙

12 錦娘班色瀾味秋容

13 盞甕檢枕芭惱眾

14 睽秋波酒潏傾城

15 捧麝炷燦顰萌

16 鞞核拱悶淫情遽湄

17 沉底渌鮓瀘沱吝
18 潮胙歪雁謹魚沙
19 香歪耽月醯花
20 西施佚驪姮娥秩肉
21 勾錦繡彈英戶李
22 涅丹青埒姊弘王
23 拱仙醕聖埃當
24 劉伶帝釋罷廊知音
25 琴店月倣尋司馬
26 賦樓秋罷猗羊郎
27 哂麻猗搢嘔嘔
28 天仙拱摆霓裳醵腴
29 才色色噤唼醵渌
30 蛭蜂強敲壳外軒
31 聰聵仍昧渚聰
32 病齊宣色淅運同同
33 花春怒群封嫩蕊
34 月秋箕渚戲寒光
35 紅樓群鎖扞霜

36 深閨群浸味香傾城
37 廊弓劍拉名謝駟
38 客公侯吸畸懞僻
39 園春蛭唉群揲
40 覓花麻拯塢飽尋香
41 肝拯矜坤塘呵轉
42 麵凡箕易旦天台
43 香歪詫動塵埃
44 哂鑽釭兩易噍沒欺
45 錦人事擄之黜莪
46 紉赤繩之底紅蹟
47 物舁輒撝机塵
48 渌楊悶洒泐寅炤緣
49 箕世局如印戕夢
50 質玄微翺揀坤量
51 駮之唉旺事常
52 拱群前定可傷路羅
53 喙仍几千磨百折
54 形時群捧斃喙菟

55 討市欺買樽妾
56 色忙啗哭班頭麻糍
57 哭爲沒切他事茂
58 埃排路擺波娘槐
59 梟陵旦課泊頭
60 死生驚惧心冤余客
61 局成敗侯癰瘻選
62 笠窮通如焮房肝
63 病塵喙斷心肝
64 炤飢焮脾刀寒割脰
65 躑名利塹坡色湛
66 麵風塵爆監味槐
67 扮身浮世麻疔
68 淖齇液苦蘆頭濺迷
69 味俗味褻痺辛苦
70 塘世途躑躅崎嶇
71 泝澣鵲波泚濡
72 隻船泡影汨瀟垓垓
73 窳造化停亨過嘖

74 搵掃得蓮泚麻制
75 炉渠煨燭事茂
76 幅幘雲狗驢得桑滄
77 殿舞榭蝨扛欄木
78 趣欹樓啼哭更戔
79 坦平俸拉柎核
80 埃枕人影染味斜陽
81 餽富貴批廊車馬
82 把榮花噓猗公卿
83 賤南柯窖不情
84 烱猥昧趨覓禽栖空
85 璘桃李遷箠蠻漠
86 垺昇鍾月擱懨忙
87 翹帆波宦溟茫
88 丐風波窖噤坊利名
89 權禍福歪爭秩奇
90 怵便宜拯者分埃
91 丐揸捧產連歪
92 懨懨人影如得却脰

93 形木石鑽今癭古
94 色禽魚塢雨吟風
95 蕭調人事色衝
96 山河拱幻昆虫拱虛
97 棣誓水塋渚古渡
98 館秋風躊愈斜暉
99 風塵旦奇山溪
100 桑滄旦奇花箕鞞尼
101 從幻化色排黜帝
102 劫浮生鞞覓麻疔
103 森解群固之兜
104 拯戈沒塹鞞丘覬覬
105 味俗累豢箕咳噎
106 慍之麻切等塵緣
107 丐矧人事塵塵
108 料身尼買机禪沛菟
109 他撻趣逍遙翺伏
110 緹七情決撻朱衝
111 多忙之女切撻

112 慍之世事麻懞人情
113 裊邇沫陵清結義
114 撓花曇燭慧心緣
115 脫塵沒躡天然
116 丐身外物羅仙蓮菰
117 意拱拉黜外陶鑄
118 決論錢夫婦朱甘
119 埃兮歪拯朱心
120 決抗縷繡麻緘花桃
121 罕夙債心牢帝佐
122 能前因後果初箕
123 能天宮固調之
124 齟塵麻者嬭劫朱耒
125 箕鳥獸羅類萬物
126 哂無知拱扒切撻
127 固陰陽固嬌軼
128 哂徐天地拱錢夫妻
129 塘作合歪箕撒撝
130 律心牢朱塊人情

- 131 催催暎麵心清
132 此貼猥造撩禽尼冤
133 猋月老虛牢固沒
134 俸絲情紅躡宮妃
135 丐肫最長肫之
136 膝楊簞膝茶麋蛰重
137 料芍葯懔懔瑞雨
138 朵海棠賦昨春霄
139 梗梨花唯咕嘲
140 邇東催色噤桃嶠梅
141 祐霓怒左哉翫邇
142 襖羽箕炆燦蝕腴
143 笙欹余曲噤唳
144 丐身西子蓮澄殿蘇
145 裃紅翠蒼荻味麝
146 膝佩環炆燦腴清
147 逦湄余湫鍾情
148 停沉春鎖沒梗牡丹
149 掀曲鳳宮彈逐掖

150 退唏金院笛丹墀
151 強彈強笛強迷
152 強繞撚調強犀再悉
153 眉蟬怒極蟻路々
154 排雙々堆妬姻緣
155 花蒼閤隊恩連
156 甘功拏啗嬋娟買茂
157 連尫陞極歪罌罌
158 幹春積巖直渚朝
159 沛緣香炤拱饒
160 車軋路撚龍槐拱飽
161 欺挹櫻揜莢擱月
162 眈哄霜噤雪殿楓
163 朵梨啗昧九重
164 雖眉默瀝仍悉拱超
165 駮尤物森朝岐粹
166 悉君王之怵連猗
167 鴈紅空轢麻醯
168 諾箕悶覩城尼悶竜

169 園西苑曲重清夜
170 閣臨春調我庭花
171 承恩沒朕更斜
172 燦爛玉炆燂駸輪
173 勳帳綿至尊渭湄
174 仍欺帑斯贈君王
175 哂麻埃固釭鑽
176 妬埃摸特沒場夢春
177 催哄慈吏痼眉柳
178 嶠花箕吏蹁躑蓮
179 身尼挽揆爲緣
180 拱甘沒啣嬋娟貝莪
181 蘭余朵落類山野
182 狂味香王者黜台
183 嚙如巾櫛緣尼
184 甘功捷丐巾尼喇啞
185 頓比翼認於鳩怒
186 圖連棱吝女花箕
187 粹同祕帝心範

188 擷啞七夕麻誓百年
189 曷湄色律汚臺閣
190 仍惆恍魴諾緣枚
191 強數強夥味能
192 朱甘功仇擇舐椿藍
193 涖兮俸沒解沒漑
194 源干箕拯薩麻瀉
195 摧超兜別机歪
196 俸空麻化黜得未亡
197 燭王者至公羅世
198 拯燭朱旦睽陰涯
199 閑紅虧紫都鮮
200 主春聰梅沒缸菴斯
201 本色別丐身勾住
202 魴餽餒拱庫批輶
203 嘑台丐燕叵虧
204 沒核樛木別擅梗帀
205 雙色悵鴈雫焮焮
206 罕緣鮮分卒欣得

207 帟能猓造昭盼
208 豁淒剌戲極歪吏淫
209 舛宮桂音沉隻膝
210 臄舛更暗隅客客
211 頃心之貝主春
212 制花朱炤蓋寅吏催
213 樓待月躊塋夜雨
214 閣乘涼賤昨秋風
215 房椒冷汔妬銅
216 矧鴛披姘帶同熾堆
217 朝塢涇賤梅暑斂
218 駮冰傾魄蛭沕瀉
219 深閨永汔如詞
220 閨珠邈律簾珢霜撩
221 痕鳳輦筈蔡魯杜
222 瘡羊車盜鞞觥孤
223 樓秦朝瀌駮秋
224 檜鴛雪揀襜衢這冬
225 暝慙刻信懔雁朗

226 脰軀更潮嗜鍾塵
227 冷滂台戕孤眠
228 味香寂寞膝烟深幽
229 幘恸瞵蝓圖素女
230 緬愜暗葦閑嚴樓
231 沒肉躋悴堊愁
232 色嘆貝月吏油貝花
233 愜每淫悉陀克快
234 嘑森朝跣吏謹魚
235 花尼蛭女蜍啖
236 底癢范穡底初葢鑽
237 脰軀更吝娘壁桂
238 丐愜尼埃底鼈饒
239 鼈饒拯丐琉球
240 鼈饒朋丐幽愁毒渚
241 狎月老虛牢庄渚
242 車世尼固換台空
243 當狎悶撻絲紅
244 逼肉悶踏椒房麻黝

245 吊課 蹀園花 解外
246 朵紅桃 梅暝群 撐
247 連閣鳳 帶樓鶯
248 檜遊仙 唉竹竹 雙雙
249 悲睺色 黜悉機 機
250 底身尼 鞞愛絲 萌
251 東君牢 窖不情
252 梗花殘 月逼肉 依春
253 吊昡 捋樓秦 最怒
254 梗柳萌 披課當 絲
255 欺帳玉 昡簾珎
256 瞋春衣 唉初初 跣印
257 悲睺色 黜悉泐 汜
258 底身尼 諾汜花 溜
259 化工牢 窖啗盼
260 膝烟斜 月批味 寄生
261 景花落 月冥讓 意
262 炤黃昏 如炆胎 輪
263 黃昏催 吏黃昏

264 月花催吏添慍月花
265 慍爲湊月斜埃重
266 慍爲調花用埃聰
267 情慍景吏無緣
268 情勛景氏景邊情尼
269 欺陣邊掩抹梗壁
270 暄唳啞啼曉外賒
271 憚胡慘啗車融
272 燭封香呵麻爐襖殘
273 埃參啗啼嚙吧
274 啞悲秋噲兒孤房
275 永腥帑覓雲夢
276 唏嚙涼冷沆窗冠螢
277 欺膝兔征榮翫屋
278 暄噪唳啗啄邊聰
279 提澄語啗小喙
280 迎瓶粉木麻抹膈療
281 埃參啗鵲叫融啗
282 調傷春哭姁霜閨

283 冷 湊 吊 覓 塢 啖
284 氣 悲 傷 嗔 惹 墜 落 花
285 啗 翠 殿 噀 撻 黜 咭
286 味 權 門 權 攢 械 派
287 儀 械 啗 閨 權 喂
288 時 從 且 丕 拱 催 沒 茂
289 啗 巖 別 悉 丕 切 等
290 啗 稅 錢 拱 拯 慚 精
291 儀 肉 吏 嘑 朱 肉
292 丐 花 色 悴 招 梗 別 牢
293 呖 膏 梁 風 流 仍 嚙
294 味 藿 藜 清 淡 麻 咭
295 拱 饒 沒 賤 衡 門
296 數 數 吊 噴 驚 猥 拱 情
297 肉 固 別 分 肉 黜 世
298 解 結 調 倭 惠 之
299 他 浪 局 劇 茄 圭
300 油 悉 慍 腰 月 箕 花 尼
301 朝 寂 寞 色 癢 膝 兔

302 脍蕭騷吏癘花烟
303 悶抗歌笑解煩
304 噍穢嗜哭喝穢噍愁
305 院心火燭油涅柳
306 淡紅冰浸燥欄輪
307 噉慍旦景猥々
308 茶專諾一香敦愧堆
309 舛𪔐𪔐𪔐𪔐𪔐𪔐𪔐
310 分飲囂𪔐𪔐爲兜
311 生離隊室時牛
312 沒𪔐群𪔐𪔐𪔐𪔐𪔐𪔐
313 況之拱濫分輪粉
314 墮𪔐𪔐𪔐直分房空
315 害無緣𪔐𪔐𪔐𪔐
316 樁𪔐梁吏絲紅朱鮮
317 園上苑花噉貝爆
318 塢𪔐𪔐𪔐花拯朝螭
319 湍𪔐𪔐沒滯農農
320 膝楊邊𪔐𪔐𪔐𪔐𪔐

321 情油吧心虧耳目
322 准房空如啄還湄
323 戔占包仍臍初
324 溪湄久旱群麻旦芻
325 連尫陞固能庄鍾
326 客裙釵麻底冷泚
327 讐饒油唉東風
328 船園爍爍於苾花桃
329 舁造化擄牢麻毒
330 縻得飽金屋麻制
331 擄舁塋嚙事茷
332 悶叫沒啗朱戔嶠唵
333 尼冷汙尼貼斯近
334 呵派輪漑粉油麻
335 招盼之買陵糲
336 牢猓織糲麻黹絲萌
337 悉嘑錦愔醒每溪
338 曲愁腸組縹養絲
339 院烟房洞臍初

340 苦花並蒂諸々渚殘
341 麻量聖多端急買
342 俸黜悉摸把爲兜
343 佈糲爍湊初黠
344 拯枕湊氏麻奏御拱
345 臆風雨冷湊固沒
346 湊芭蕉聖說拈更
347 邊牆濕倘膝螢
348 壁霜喧唢烟撐爐煉
349 昧拯眈銅壺牢泔
350 景蕭条噉嘑養包
351 慍尼買噉慍牢
352 沒臆收景別包饒情
353 膝駒倘邊萌余湊
354 仍香愁粉悴朱衝
355 防欺動旦九重
356 興牢朱特鴈紅如初

終

AI TỬ VÂN

LÊ NGỌC HÂN

(1770 - 1799)

Công chúa Lê Ngọc Hân là con gái vua Lê Hiến Tông. Mẹ là Nguyễn Thị Huyền, người làng Phù Ninh, tức làng Nành, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ngọc Hân là con gái yêu của vua Hiến Tông, từ bé được học thông kinh sử và tập làm thơ.

Năm 1786, Nguyễn Huệ kéo quân ở trong Nam ra Thăng Long diệt chúa Trịnh, vào chầu vua Lê Hiến Tông, tâu bày các lễ phù Lê diệt Trịnh; vua bèn phong Nguyễn Huệ làm Nguyên soái và gả Công chúa Ngọc Hân cho. Năm ấy Ngọc Hân mới có mười sáu tuổi.

Năm 1790, vua Quang Trung tức Nguyễn Huệ phong cho Ngọc Hân làm Bắc cung Hoàng hậu.

Năm 1792, vua Quang Trung thăng hà (29 tháng 7 năm Nhâm Tý) để lại cho Ngọc Hân hai con nhỏ¹.

Năm 1799 Ngọc Hân mất, được vua Cảnh Thịnh truy tôn là Như Ý trang thân Trinh nhất vũ Hoàng hậu.

Ngọc Hân có để lại hai bài văn: *Ai tư văn* và *Văn tế vua Quang Trung*.

Ai tư văn là bài văn vần song thất lục bát. Lê Ngọc Hân làm ra để bày tỏ nỗi niềm thương nhớ của mình đối với chồng là Quang Trung, sau khi nhà vua thăng hà được một thời gian.

Có người nói bài *Ai tư văn* và bài *Văn tế vua Quang Trung* là do Phan Huy Ích làm ra, nhưng người ta vẫn cứ theo truyền thuyết mà coi là của Lê Ngọc Hân.

1. Theo dân làng Phù Ninh kể lại thì khi nhà Tây Sơn bị diệt bà ngoại là Nguyễn Thị Huyền có đem hai cháu, tức là con vua Quang Trung về nuôi giấu trong nhà, nhưng sau hai trẻ ấy đều chết.

NỘI DUNG BÀI VĂN

Ai tư vân là một khúc ngâm dài 164 câu. Có thể chia làm bốn đoạn như sau:

1. *Mở đầu* (1 - 8): Tác giả, bà *Ngọc Hân* nói về tình cảnh đau buồn của mình.

2. *Gợi lại kỷ niệm cũ* (9 - 40): Bà nhắc lại những kỷ niệm về chồng mình, một vị hoàng đế anh hùng, có độ lượng, có tình nghĩa. Vợ chồng ăn ở với nhau đã có hai con: một trai và một gái. Bà chỉ mong cho chồng sống lâu để được nương nhờ. Nào ngờ nhà vua bỗng nhiên bị bệnh, thuốc thang, cầu cúng đều vô hiệu mà rồi qua đời, làm cho bà phải “lênh đênh chút phận bèo mây, duyên kia đã vậy, thân này nương đâu.”

3. *Tâm trạng đau buồn và niềm xót thương vô hạn* (41 - 60): Bà vô cùng xót thương, lúc nào cũng mơ tưởng đến chồng mình.

Khi trận gió hoa bay thấp thoáng,

Ngõ hương trời bằng lãng còn đâu.

Vội vàng sửa áo lên châu,

Thương ôi quạnh quẽ trước lầu nhện giăng!

Bà thường than vãn nỗi vua có công với nước, có đức với dân mà phải mất sớm như vậy. Bà luôn để hồn phách theo chồng mà tưởng nhớ lại những cảnh sum vầy ngày trước khiến bà lại càng thêm cảm thấy nỗi cô đơn buồn bã. Bà nhiều lúc dở lại những vật kỷ niệm ra ngắm nghía mà lẩn thẩn tự hỏi không biết làm thế nào để gửi những kỷ vật ấy đến cho chồng. Bà càng đau buồn khi nghĩ đến cảnh côi cút của hai con nhỏ mới lăm chằm biết đi, đến thân mình chịu cảnh lẻ loi góa bụa, đến nỗi nhớ thương của thần dân mất một vị vua đức độ.

4. *Kết thúc* (160 - 164): Bà than với trời đất và xin với “đôi vầng nhật nguyệt” chứng cho mấy lời tâm sự của mình.

*

* *

Có thể nói, trong văn học Việt Nam, trong lịch sử Việt Nam, chỉ duy nhất có một vị vua - vua *Quang Trung* - mới được người vợ thân yêu - Công chúa *Ngọc Hân* - khóc thương thành văn để lại cho đời sau như vậy.

AI TƯ VÂN ¹

Gió hiu hắt, phòng tiêu ² lạnh lẽo,
Trước thềm lan hoa héo ron ron!
Cầu Tiên ³ khói tỏa đỉnh non,
Xe rồng thăm thăm, bóng loan ⁴ rầu rầu!
5 Nỗi lai lịch ⁵ dễ hâu than thở,
Trách nhân duyên mờ lữ ⁶ có sao?
Sầu sầu, thăm thăm xiết bao,
Sầu đầy giạt bể, thăm cao ngất trời!
Từ cờ thăm trở vời cõi Bắc,
10 Nghĩa tôn phù ⁷ vằng vặc bóng dương ⁸,
Rút dây ⁹ vằng mệnh phụ hoàng,

1. *Ai tư vân*: (*ai tư*: buồn bã thương nhớ, *vân*: bài văn làm để khóc người chết) bài văn khóc thương người chết, đây là lời của Ngọc Hân khóc chồng là vua Quang Trung.

2. *Phòng tiêu*: (*phòng*: căn phòng, cái buồng, *tiêu*: hạt tiêu) xưa kia phòng các cung phi, hoàng hậu hay các nhà quyền quý thường dùng vôi trộn lẫn với hồ tiêu đâm nhỏ để mùa lạnh vẫn được ấm áp.

Bực mình muốn đập tiêu phòng mà ra (C.O)

3. *Cầu Tiên*: mộ giả của vua Quang Trung ở Linh Đường, gần Cầu Tiên, huyện Thanh Trì (Hà Nội).

4. *Loan*: chim loan, người xưa cho là giống chim phượng, lông ngũ sắc và nhiều sắc xanh.

Loan phượng được dùng để ví với hai vợ chồng.

Bóng loan: chỉ Ngọc Hân.

5. *Lai lịch*: (*lai*: đến, *lịch*: trải qua) nguồn gốc và bước đường đã trải qua; đây chỉ thân thế Ngọc Hân từ khi lấy Nguyễn Huệ.

6. *Mờ lữ*: dờ dang, lơ lửng.

7. *Nghĩa tôn phù*: Nguyễn Huệ khi ra Bắc là lấy danh nghĩa phù Lê diệt Trịnh.

8. *Bóng dương*: bóng mặt trời, ý nói rõ ràng.

9. *Rút dây*: ý nói việc thành duyên vợ chồng.

Trương Gia Trinh có năm người con gái muốn gả một người cho Đặng Nguyên Chấn mới bảo năm người con ngồi sau một cái màn, cầm năm sợi tơ, mỗi sợi một màu. Ông bảo Nguyên Chấn rút sợi tơ nào thì gả cho người cầm sợi tơ ấy. Nguyên Chấn rút sợi tơ đỏ và cưới người con gái thứ ba của Gia Trinh.

Thuyền lan, chèo quế ¹ thuận đường vu qui ².
 Trăm ngàn dặm quán chi non nước,
 Chữ nghi gia ³ mừng được phải duyên.
 15 Sang yêu muôn đội ơn trên,
 Rõ ràng vẻ thúy ⁴, nối chen tiếng cầm.
 Lượng che chở, vụng lằm nào kể,
 Phận đình ninh cặn kẽ mọi lời.
 Dầu rằng non nước biến dời,
 20 Nguồn tình ắt chẳng chút với đâu là.
 Lòng đùm bọc thương hoa đoái cội ⁵,
 Khắp tôn thân cũng đội ơn sang.
 Miếu đường cầu dấu chung thường ⁶,
 Tùng thu ⁷ còn rậm mấy hàng xanh xanh.
 25 Nhờ hồng phúc, đôi cành hòe quế ⁸,
 Đượm hơi dương, dây rể cùng tươi.
 Non Nam lần chúc tuổi trời.
 Dâng câu Thiên bảo ⁹, bày lời Hoa phong ¹⁰.

1. *Thuyền lan chèo quế*: thuyền bằng gỗ lan, chèo bằng gỗ cây quế; chỉ cái thuyền quý đưa Ngọc Hân về nhà chồng.

2. *Vu qui*: (*vu*: đi qua, *qui*: về) con gái về nhà chồng. Trong *Kinh Thi* có câu: “Đào chi yêu yêu, chúc chúc kỳ hoa. Chi tử vu qui, nghi kỳ thất gia” (cây đào tơ xinh tươi, hoa nở đầy. Nàng ấy đi lấy chồng, thì ắt thuận hòa êm ấm gia đình).

3. *Nghi gia*: (*nghi*: hòa thuận, *gia*: nhà) nói việc con gái về nhà chồng, thành gia thất.

4. *Vẻ thúy*: (*thúy*: màu xanh biếc như lông chim thúy) ý nói quần áo, chăn gối sang trọng.

5. *Thương hoa đoái cội*: ý nói Nguyễn Huệ yêu Ngọc Hân thì cũng nghĩ đến nhà Lê, cũng phải coi trọng nhà Lê.

6. *Chung thường*: (*chung*: tế mùa đông, *thường*: tế mùa thu; theo sách *Nhĩ Nhã*) ý nói nhờ có Quang Trung nên việc tế lễ trong tông miếu nhà Lê vẫn còn được giữ.

7. *Tùng thu*: (*tùng*: cây tùng, *thu*: cây thu) hai cây thường trồng ở nghĩa địa; đây chỉ lăng tẩm các vua Lê.

8. *Hòe quế*: cây hòe, cây quế, hai thứ cây được dùng để chỉ con cái các nhà quý tộc đậu đạt thành danh. Câu này ý nói nhờ hồng phúc (phúc lớn) mà Ngọc Hân đã sinh được hai con.

9. *Thiên bảo*: bài thơ của các quan chúc tụng vua. Chữ lấy trong *Kinh Thi*.

10. *Hoa phong*: tên đất. Vua Nghiêu đến chơi đất Hoa, viên quan ở đó chúc vua sống lâu, giàu có và nhiều con. Vua Nghiêu không nhận, nói: “Lắm con trai thì lo sợ nhiều, giàu có thì công việc nhiều, sống lâu thì nhọc nhằn nhiều”.

Viên quan đáp lại: “Vua nói thế thật là một bậc quân tử nhưng có nhiều con trai mà giao cho mỗi người một việc thì có gì mà sợ, giàu có mà biết đem của chia cho thiên hạ thì làm gì có công việc nhiều, sống lâu mà biết vui cùng thiên hạ thì sao lại bảo là nhọc nhằn được?”

Câu Thiên bảo, lời Hoa phong: những lời chúc tụng nhà vua.

30 Những ao ước trập trùng tuổi hạc ¹,
 Nguyên trăm năm ngô được vậy vui.
 Nào hay sông cạn, bể vùi,
 Lòng trời tráo trở, vận người biệt ly!
 Từ nắng hạ, mưa thu trái tiết,
 Xót mình rỗng ² mỗi một chẳng yên!
 35 Xiết bao kinh sợ lo phiền,
 Miếu thần đã đảo ³, thuốc tiên lại cầu.
 Khắp mọi chốn đâu đâu tìm rước,
 Phương pháp nào đổi được cùng chẳng?
 Ngán thay, máy tạo bất bằng!
 40 Bóng mây thoát đã ngất chừng xe loan ^{4, 5}!
 Cuộc tụ, tán, bi, hoan kíp bấy!
 Kể sum vậy đã mấy năm nay?
 Lênh đênh chút phận bèo mây ⁶,
 Duyên kia đã vậy, thân này nương dâu?
 45 Trần trọc luống đêm thâu, ngày tối,
 Biết cậy ai giúp nổi bi thương?
 Trông mong luống những mơ màng,
 Mơ hồ bằng mộng, bằng hoàng như say!
 Khi trận gió hoa bay thấp thoáng,
 50 Ngõ hương trời ⁷ vắng vắng còn đâu?
 Vội vàng sửa áo lên chầu ⁸,
 Thương ôi, quạnh quẽ trước lầu nhện giăng!
 Khi bóng trăng, lá in lấp lánh,
 Ngõ tàn vàng nhớ cảnh ngự chơi.

1. *Tuổi hạc*: con hạc sống lâu nên người ta thường dùng chữ *tuổi hạc* để chúc nhau sống lâu.

2. *Mình rỗng*: (*rỗng*: tượng trưng cho nhà vua) dịch chữ *long thể* tức mình vua.

3. *Miếu thần đã đảo*: đã cầu đảo, cúng lễ cầu an ở nơi miếu thần.

4. *Xe loan*: xe có chuông rung, xe của nhà vua.

5. *Bóng mây... xe loan*: ý nói nhà vua đã băng hà.

6. *Phận bèo mây*: (*bèo mây*: bèo hợp mây tan, ý nói không bền vững, dễ bị tan rã ngay) phận lênh đênh như bèo giạt, mây trôi. Cả câu ý nói Ngọc Hân không có được nơi nương tựa.

7. *Hương trời*: ở đây không có nghĩa bóng là người đàn bà đẹp mà lại được dùng chỉ nhà vua, hương hồn của vua Quang Trung.

8. *Chầu*: bởi chữ *triều* đọc chệch ra, có nghĩa là hầu chực vua.

55 Vội vàng dạo bước tới nơi,
 Thương ôi, vắng vẻ giữa trời tuyết sa ¹!
 Tướng phong thể ² xót xa đòi đoạn,
 Mặt rồng ³ sao cách gián lâu nay!
 Có ai chốn ấy về đây,
 60 Nguồn cơn xin ngỏ cho hay được đành?
 Nẻo u minh ⁴ khéo chia đôi ngã,
 Nghĩ đòi phen, nông nã đòi phen!
 Kiếp này chưa trọn chữ *duyên*,
 Ước xin kiếp khác vẹn tuyền lửa hương ⁵.
 65 Nghe trước có đấng vương Thang, Võ ⁶,
 Công nghiệp nhiều, tuổi thọ thêm cao.
 Mà nay áo vải, cờ đào,
 Giúp dân, dựng nước biết bao công trình!
 Nghe rành rành trước vua Nghiêu ⁷, Thuấn ⁸,
 70 Công đức dày, ngự vận ⁹ càng lâu.
 Mà nay lượng cả, ơn sâu,
 Móc mưa rưới khắp chín châu ¹⁰ đượm nhuần.
 Công dường ấy mà nhân dường ấy,
 Cõi thọ sao hẹp bấy Hóa công?
 75 Rộng cho chuộc được tuổi rồng,

-
1. *Tuyết sa*: tức sương sa.
 2. *Phong thể*: hình dung, dáng điệu đi đứng của vua Quang Trung.
 3. *Mặt rồng*: mặt vua. Sử ký: "*Cao Tổ vi nhân long chuẩn nhi long nhan*" (Cao Tổ người có mũi cao và mặt như mặt rồng) nên về sau gọi mặt vua là mặt rồng tức *long nhan*).
 4. *Nẻo u minh*: (u: tối) cõi chết, nơi âm ty mờ mịt đen tối.
 5. *Lửa hương*: mỗi khi người ta thề nguyện với nhau thường đốt hương nên về sau dùng hai chữ *lửa hương* để nói về việc kết duyên vợ chồng.
 6. *Thang, Võ*: vua Thành Thang (1763 - 1754 tr.CN) đánh vua Kiệt để dựng nhà Thương, vua Vũ Vương (1122 - 1115 tr.CN) đánh vua Trụ để dựng nhà Chu. Hai vị vua này đều là bậc anh quân có công trị nước, an dân.
 7. *Nghiêu*: vua Đường Nghiêu (2357 - 2258 tr.CN), vị vua nhân từ trong cổ sử Trung Quốc, có tài trị nước, nhân gian thuở ấy rất thái bình. Nhà vua thấy Thuấn là người hiền mới *không* truyền ngôi cho con mà truyền ngôi cho Thuấn.
 8. *Thuấn*: vua Ngu Thuấn (2255 - 2207 tr.CN) trong cổ sử Trung Quốc, vừa có hiếu vừa có tài trị nước.
 9. *Ngự vận*: thời gian ở ngôi vua, vận làm vua.
 10. *Chín châu*: do chữ *cửu châu*, ngày xưa nước Trung Hoa chia ra làm chín châu (Kỳ Châu, Thanh Châu, Dương Châu, Duyên Châu, Từ Châu, Kinh Châu, Dự Châu, Lương Châu và Ung Châu) nên về sau chữ ấy được dùng để chỉ đất nước, giang sơn.

Đổi thân ắt hẳn bỏ lòng tôi người.
 Buồn thay nhẽ! Sương rơi, gió lọt,
 Cảnh đìu hiu, thánh thót châu sa!
 Tưởng lời di chúc thiết tha,
 80 Khóc nào nên tiếng, thức mà cũng mê!
 Buồn thay nhẽ! Xuân về, hoa ở ¹,
 Mối sầu riêng ai gỡ cho xong?
 Quyết liễu mong vẹn chữ tòng ²,
 Trên rường ³ nào ngại, giữa dòng ⁴ nào e. ⁵
 85 Còn trứng nước ⁶ thương vì đôi chút ⁷,
 Chữ *tình thâm* chưa thoát được đi!
 Vậy nên nấn ná đòi khi,
 Hình tuy còn ở, phách thì đã theo ⁸.
 Theo buổi trước ngự đèo Bồng đảo ⁹,
 90 Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân ¹⁰,
 Theo xa thôi lại theo gần.
 Theo phen điện quế, theo lần nguồn hoa.
 Đương theo, bỗng tiếng gà sức tỉnh,
 Đau đớn thay, ấy cảnh chiêm bao!
 95 Mơ màng thêm nỗi khát khao,
 Ngọc kinh ¹¹ chốn ấy ngày nào tới nơi?
 Tưởng thôi lại bồi hồi trong dạ,
 Nguyện đồng sinh ¹² sao đã kíp phai?

1. *Xuân về hoa ở*: *xuân*: là chúa xuân, chỉ vua Quang Trung, *hoa*: chỉ Ngọc Hân, ý nói Quang Trung mất đi để cho Ngọc Hân phải ở lại một mình.

2. *Tòng*: tòng phu, theo chồng.

3. *Rường*: xà nhà.

4. *Dòng*: dòng sông.

5. *Quyết liễu... nào e*: cả hai câu ý nói Ngọc Hân muốn chết theo chồng, không ngại gì treo cổ trên xà nhà hay nhảy xuống dòng nước.

6. *Trứng nước*: ý nói bé bỏng, non dại.

7. *Đôi chút*: chỉ hai đứa con nhỏ.

8. *Hình ở... phách đi*: ý nói hình hài tuy còn ở trên cõi đời nhưng hồn phách đã theo chồng sang bên kia thế giới.

9. *Bồng đảo*: tức Bồng Lai chỉ cõi tiên.

10. *Sông Ngân*: sông Ngân Hà.

11. *Ngọc kinh*: (*ngọc*: ngọc, *kinh*: kinh đô) Ngự Thư: Theo đạo giáo của Lão Tử, lúc trời đất chưa sinh ra, vẫn đã có Ngọc kinh. Về sau chữ *Ngọc kinh* dùng để chỉ chỗ vua ở. Đây là chỗ ở của Quang Trung.

12. *Đồng sinh*: cùng sống với nhau.

Xưa sao sớm hỏi, khuya bày,
 100 Nặng lòng vàng đá, cạn lời tóc tơ.
 Giờ sao bỗng thờ ơ lặng lẽ!
 Tình cô đơn, ai kẻ xét đâu?
 Xưa sao gang tấc gần chầu,
 Trước sân phong nguyệt ¹, trên lầu sinh ca ².
 105 Giờ sao bỗng cách xa đôi côi.
 Tin hàn huyên ³ khôn hỏi thăm nhanh!
 Nửa cung gãy phím cầm lạnh ⁴,
 Nỗi con côi cút, nỗi mình bơ vơ.
 Nghĩ nông nổi, ngẩn ngơ đòi lúc,
 110 Tiếng tử qui ⁵ thêm giục lòng thương.
 Nào người thay, cảnh tiên hương!
 Dạ thường quanh quất, mắt thường ngóng trông.
 Trông mái đông lá buồm xuôi ngược,
 Thấy mệnh mộng những nước cùng mây.
 115 Đông rồi thì lại trông tây:
 Thấy non ngân ngắt, thấy cây rườm rà!
 Trông nam thấy nhận sa lác đác,
 Trông bắc thì ngàn bạc màu sương.
 Nọ trông trời đất bốn phương,
 120 Cõi tiên khơi thăm biết đường nào đi.
 Cây ai có phép gì tới đó,
 Dâng vật thường, xin ngỏ lòng trung.
 Này gương là của Hán cung ⁶,
 Ở trên xưa đã soi chung đòi ngày ⁷.

1. *Phong nguyệt*: gió trăng, nhắc lại lúc cùng nhau hóng gió ngắm trăng ở trước sân.

2. *Sinh ca*: gõ sênh mà hát, nhắc lại cùng nhau nghe đàn hát ở trên lầu.

3. *Hàn huyên*: (*hàn*: lạnh, *huyên*: ấm) ấm lạnh. Khi gặp nhau thường hỏi thăm sức khỏe của nhau xem thời tiết ấm lạnh có làm sao không?

Tin hàn huyên: tin tức về sức khỏe, về chuyện tâm tình.

4. *Nửa cung gãy phím cầm lạnh*: ý nói cuộc tình duyên bị dang dở, nửa chừng như phím đàn đang gảy mà bị gãy mất.

5. *Tử qui*: cũng gọi là *đỗ quyên*. Tương truyền Đỗ Vũ, vua nước Thục (Thục Đế) truyền ngôi cho Biệt Linh rồi bỏ nước mà đi. Sau thác, Thục Đế hóa thành chim đỗ quyên, nhớ nước, ngày đêm kêu nghe rất buồn. Ta cũng coi chim đỗ quyên là *con cuốc*.

6. *Gương Hán cung*: gương cung nữ dùng trong cung vua Hán.

7. *Đòi ngày*: nhiều ngày.

125 Duyên hảo hợp ^{1. 2} xót rày nên lẽ,
 Bụng ai hoài ³ vội ghê ⁴ vì đâu?
 Xin đưa gương ấy về châu,
 Ngõ soi cho tỏ gót đầu trông ơn.
 Tưởng linh sáng ⁵ hơn hơn còn dấu,
 130 Nỗi sinh cơ ⁶ có thấu cho không?
 Cung xanh đang tuổi ấu sung ⁷,
 Di mưu ⁸ sao nữ quên lòng đoái thương?
 Gót lân chỉ ⁹ mấy hàng lẫm chẫm,
 Đầu mũ mao, mình tấm áo gai ¹⁰.
 135 U ơ ra trước hương đài,
 Tưởng quang cảnh ấy chưa cay đường nào!
 Trong sáu viện ¹¹ ố đào, ủ liễu,
 Xác ve gầy, lỏng lẻo xiêm nghê ^{12, 13}.
 Long đông xa cách hương quê,
 140 Mong theo: lẫm lổ, mong về: tử duyên!
 Dưới bệ ngọc, hàng uyên ¹⁴ vò vồ,
 Cắt chân tay thương khó xiết chi.
 Hang sâu nghe tiếng thương bi,
 Kẻ sơ còn thế, hướng gì người thân?
 145 Cảnh ly biệt nhiều phần bát ngát,
 Mạch sâu tuôn, ai tát nên vơi...

1. *Hảo hợp*: nói về cảnh vợ chồng hòa thuận, vui vẻ chung sống với nhau.

2. *Duyên hảo hợp*: duyên tốt lành.

3. *Ai hoài*: thương nhớ.

4. *Ghê*: rẽ, chia rẽ.

5. *Linh sáng*: sáng suốt, thông minh, chỉ hồn tinh anh của vua Quang Trung.

6. *Sinh cơ*: cuộc đời của người sống tức của Ngọc Hân.

7. *Cung xanh... ấu sung*: câu này ý nói thái tử còn ở cung xanh, tức là người nối ngôi vua còn thơ ấu.

8. *Di mưu*: đây là lời dặn lại của vua Quang Trung về cách dạy dỗ Thái tử.

9. *Lân chỉ*: ngón chân con kỳ lân, chỉ con cháu nhà vua. Cả câu ý nói đến hai con nhỏ còn mới lẫm chẫm biết đi.

10. *Mũ mao, áo gai*: mũ rơm, áo gai, tức mũ áo tang.

11. *Sáu viện*: nơi các bà chính phi ở.

12. *Lỏng lẻo xiêm nghê*: ý nói mọi người trong cung đều gầy đi vì thương nhớ nên mặc áo quần đều thấy rộng (lỏng lẻo).

13. *Xiêm nghê*: xiêm nhiều màu sắc như màu sắc ở chiếc cầu vồng.

14. *Hàng uyên*: hàng chim uyên, ví với các quan vào chầu xếp thành hàng như chim uyên.

Càng trông càng một xa vời,
 Tác lòng thăm thiết, chín trời ¹ biết chẳng?
 Buồn trông trắng, trắng mờ thêm tủi,
 150 Gương Hằng Nga ² đã bụi màu trong!
 Nhìn gương càng then tấm lòng,
 Thiên duyên lạnh lẽo, đêm đông biên hà ³.
 Buồn xem hoa, hoa buồn, thêm then,
 Cánh hải đường ⁴ đã quyến giọt sương.
 155 Trông chim càng dễ đoạn trường ⁵,
 Uyên ương ⁶ chiếc bóng, phượng hoàng ⁷ lẻ đôi ⁸.
 Cảnh nào cũng ngùi ngùi cảnh ấy,
 Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu!
 Phút giây bãi bể nương dâu ⁹,
 160 Cuộc đời là thế, biết hầu nài sao?
 Chữ *tình nghĩa* trời cao, đất rộng,
 Nỗi đoạn trường còn sống, còn đau.
 Mấy lời tâm sự trước sau,
 Đôi vầng nhật nguyệt trên đầu chứng cho.

1. *Chín trời*: chín phương trời, chỉ cõi trời cao thăm nơi linh hồn người chết phiêu diêu ở đó.

2. *Gương Hằng Nga*: mặt trăng tròn như tấm gương. (*Hằng Nga*: tục truyền Hằng Nga là vợ Hậu Nghệ. Khi Hậu Nghệ xin được thuốc tiên của Tây Vương Mẫu đem về, nàng lấy trộm uống rồi biến lên cung tiên làm một người tiên. Người xưa tin rằng trên mặt trăng có chị Hằng Nga nên mới gọi mặt trăng là *chị Hằng*, *cung Hằng*).

3. *Thiên duyên... biên hà*: duyên trời xe thành vợ chồng nay bị lỡ dở nên cảm thấy lạnh lẽo lẻ loi ở bên bờ sông vắng lúc đêm đông.

4. *Hải đường*: tên một loài cây có hoa đẹp thường được dùng để ví với người mỹ nữ.
Đóa hải đường thức ngủ xuân tiêu (C.O)

5. *Đoạn trường*: đau lòng đến đứt ruột.

6. *Uyên ương*: tên một cặp chim, con trống gọi là *uyên*, con mái gọi là *ương*.

Tương truyền nếu một con chết thì con kia cũng chết theo. Nghĩa bóng chỉ vợ chồng hòa hợp.

7. *Phượng hoàng*: tên một cặp chim con trống gọi là *phượng* con mái gọi là *hoàng*. Chim phượng chim hoàng thường bay với nhau (phượng hoàng vu qui) chỉ cảnh vợ chồng hòa hợp.

8. *Chiếc bóng... lẻ đôi*: ý nói đến sự lẻ loi, cô đơn của Ngọc Hân từ khi vua Quang Trung qua đời.

9. *Bãi bể nương dâu*: do chữ *thương hải tang điền*. Theo *thần tiên truyện*: cứ ba mươi năm lại có một lần thay đổi lớn, biển cả hóa thành ruộng dâu, ruộng dâu hóa thành biển cả. Nghĩa bóng chỉ sự thay đổi lớn lao.

**THU DẠ
LỮ HOÀI NGÂM**

ĐÌNH NHẬT THẬN

(1815–1866)

Đình Nhật Thận tên tự là Tử Ủy, tên hiệu là Bạch Mao Am, sinh năm Ất Hợi (1815) tại làng Thanh Liêm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, giữa khoảng sông Lam núi Hồng.

Ông nổi tiếng là thông minh, có tài mẫn tiệp, xuất khẩu thành chương.

Năm Đinh Dậu (1837) ông đi thi *Hương* đậu Cử nhân và năm Mậu Tuất (1838) ông đi thi *Hội* đậu luôn Tiến sĩ. Năm ấy là năm đầu tiên triều Nguyễn có lệ cho các Tiến sĩ được cưỡi ngựa xem hoa sau khi nghe truyền lô.

Nhờ khoa danh lỗi lạc như thế, ông kết giao với nhiều danh sĩ đương thời. Ông quen với Nguyễn Hàm Ninh, một người bạn đồng song. Hai ông về sau giao du thân mật với Cao Bá Quát, một bậc tài hoa lỗi lạc, có khí phách ngang tàng. Tình bạn giữa ba ông ngày càng thêm khăng khít, thường họp mặt uống rượu, làm thơ xướng họa với nhau.

Cách ít lâu, Đình Nhật Thận được bổ làm quan. Nhưng ông lại không thích ở trong vòng cương tỏa. Vì tính cương trực, ông đã bị bãi chức tri phủ.

Mãi đến năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), ông mới được phục chức nhưng đã cáo bệnh để vui với nước biếc non xanh, nay đây mai đó.

Ông cũng có mở trường dạy học. Môn sinh thành đạt cũng nhiều.

Năm Tự Đức thứ 7 (1854), ở tỉnh Sơn Tây, một đảng lập Lê Duy Cự là dòng dõi nhà Lê làm minh chủ để đánh nhà Nguyễn. Cao Bá Quát làm Giáo thụ ở phủ Quốc Oai, bỏ quan theo đảng của Lê Duy Cự, làm Quốc sư, tung hoành ở vùng Sơn Tây nhưng rồi bị chết trận¹.

Đình Nhật Thận vì có giao du thân mật với Cao Bá Quát cũng bị nghi ngờ và thường bị theo dõi.

Một hôm, vì có ba người bạn đến chơi muốn bày cuộc tổ tôm cho vui nhưng kể cả chủ nhà mới có bốn người, Đình Nhật Thận bèn viết thư sai người nhà qua sông mời một người bạn nữa cho đủ chân và mượn cỗ bài luôn một thế.

1. Theo sách *Đại Nam chính biên* (mục *Nghịch thần*).

Bức thư là một bài thơ:

*Tứ tướng dĩ cụ,
Chỉ khiếm nhất viên.
Tương nhất bách nhị thập tinh binh,
Độ hà lai chiến!*

Dịch:

Ở đây bốn tướng sẵn sàng,
Chỉ còn một tướng chưa sang phải vờ,
Điểm quân cho đủ trăm hai,
Qua sông quyết chiến với người một phen.

Rủi cho ông. Cái thư ấy lại bị một tên lính lệ giật lấy ở bến đò và đem đi trình quan địa phương.

Đinh Nhật Thận bị bắt, đã hết lời phân trần, nhưng cũng không sao thân oan nổi cho mình, đành chịu án “*yêu thư yêu ngôn*” vài năm tù giam. Án tư về bộ, không ngờ lại bị bác. Ông bị giải về kinh để chờ *thu thẩm*.

Vị đại thần xét án vì có tư hiềm với ông nên quyết khép ông vào tội tử hình.

Nhưng may thay! Khi ông vừa bị hạ ngục thì bà mẹ của vị đại thần kia lâm bệnh mà không thấy nào chữa khỏi. Bà vốn biết tiếng của Đinh Nhật Thận là một danh y mới bảo con đi mời ông tới chữa bệnh cho bà. Sau khi bình phục, bà bảo vị đại thần kia phải tâu xin nhà vua ân xá cho thầy lang họ Đinh.

Vua Tự Đức xét thấy không có bằng cứ gì để buộc tội tử hình nên đã tính ân xá cho ông nhưng còn chưa muốn thả cho về quê. Nhà vua bèn cho lệnh quản thúc ông ở kinh đô để tiện theo dõi mọi hành vi.

Trong lúc ông bị giam lỏng như vậy ở xa nhà, ông buồn rầu cho cảnh ngộ của mình mới viết bài *Thu dạ lữ hoài ngâm* để bày tỏ tâm sự của mình.

Khúc ngâm ai oán ấy có lẽ đã làm động lòng trắc ẩn của nhà vua nên ông được tha về, sống trong cảnh ẩn dật nơi đồng ruộng.

Ông mất ngày 18 tháng 6 năm Bính Dần (1866), niên hiệu Tự Đức thứ 19, thọ 52 tuổi.

Đáng chú ý là *Thu dạ lữ hoài ngâm* được Đinh Nhật Thận viết bằng chữ Hán, nhưng lại theo thể thơ Việt “song thất lục bát” và có vần lưng xen với vần chân.

ĐẠI Ý

Cái kiếp phù sinh chỉ ngắn như giấc mộng nên cần phải bày trò vui kéo uống phí mất. Gặp cảnh thu, trăng thanh gió mát, nào ai biết với mình cùng hưởng cái thú hóng gió, ngắm trăng? Thôi thì một mình mình ngâm thơ làm vui với vài ba chén rượu cho bớt mối sầu ly biệt. Trong phòng văn, nơi đất khách, ngồi đối mặt với ngọn đèn xanh, chạnh lòng lữ thứ mà sức nhớ người xưa. Chợt nghe mé ngoài sông Hương, có tiếng mái chèo khua nước mà giữa khoảng đêm trăng có sương mờ, lòng những bồi hồi khiến ta có cảm tưởng như mình là Trương Kế (thi hào đời Đường) đêm thu dạo thuyền qua bến Cô Tô, gần chùa Hàn Sơn. Lại nhớ ngày nào trên Khúc giang, nhà thơ Đỗ Phủ (cũng thuộc đời Đường) đứng trước cảnh thu thấy thuyền ai trôi nổi lại thương cho cái thân bình bồng của mình mà làm ra tám bài *Thu hứng* khiến kẻ lữ du cũng nặng lòng thương quê nhớ nhà. Ta cùng một cảnh ngộ nên lòng buồn man mác. Mối ngày nào còn vui sum họp mà nay đã phải chịu cảnh cô tịch thế này? Đây trăng thu, đây gió thu, đây thơ thu, đây rượu thu nào ai cùng ta ngắm trăng, hóng gió, ngâm thơ, uống rượu bây giờ?

Nghĩ đến cảnh ly biệt mà hai hàng nước mắt tuôn rơi lã chã! Đoái trông đám mây trắng xa xa chỉ biết cuối trời ấy là chốn quê nhà với những ngọn núi trùng trùng điệp điệp.

Hết nghĩ xa thôi lại nghĩ gần. Cuộc rượu tàn rồi vẫn một mình mình ngồi dựa câu lơn. Bừng mắt dậy, cái đêm thê lương vẫn hoàn thê lương!

*
* *

秋夜靜天光隱約

隔疏簾淡酌金壘

天辰人事相催

浮生若夢幾回爲歡

人對景花間月炤

景撩人樹梢風吹

這般料少人知

閒來風月與誰爲秋

詩四絕怡愉雅愛

酒三杯瀟洒離懷

燈前獨對書齋

傷心客地有懷古人

香水外忽聞漁韻

從何來棹進江邊

徘徊月夜霜天

寒山暗認客船更非

曲江水何辰大杜

一孤舟繫故園心

辰留八首詩吟

令人旅思轉深鄉情

昔我往青青柳絮

兩三聲初語黃鶯

而今菊已含英

柳陰庭外寒鳴流蟬

昔我去翻翻桃臉

兩三枝初占東風

而今蘭已成叢

桃夭軒外落從寒霜

胡爲乎淒涼客舍

日優遊幾個冠童

安能夜夜書房

芭蕉泣露昆虫鳴秋

胡爲乎夷猶旅館

歲逡巡已半霜煙

安能暮暮西軒

風搖庭竹月懸屋樑

不是做何郎投筆

將忠肝爲國從軍

此身空自風塵

坐中虛視寢辰徒聞

不是做何人捧檄

將孝心離戚從官

他鄉何事盤桓
白雲飛處牡丹開辰

45

今日自海濱遠顧
一輕帆直渡歸陵

鄉魂沸沸如燿
逐帆忍已破層層波
明日自山家遠眺

50

片孤雲帶曉浮空
鄉心裊裊如蓬
隋雲忽已過重重山
何處是鄉關雁信
悠哉難寫盡心情

55

夜聞妙諦鐘聲
海門鼓響御城砲催

江曲曲腸回曲曲

景悠悠夜復悠悠

蕭條館旅亭秋

60

鄰家舂杵江頭棹聲

嗟客地紆縈心事

嘆閨人情緒可憐

更深燈滅案前

含情掩扇空懸月明

65

孤枕裡三更寤寐

片幽懷誰是爲憐

情頭夜半無人

睡來報蝶醒辰鳴雞

有辰或鄉閨夕炤

70

下堂來欲造花樓

忽驚燕葺泥巢

驚羞炤鏡鳳愁懶梳

有辰或織機夜靜

呼童來初整燈明

忽聞雁渡江聲

機慵足踏梭停手拋

可憐夜焚膏達旦

夜沈沈不見佳音

擲梭望望庭陰

霜寒蟋蟀聽吟聲愁

望不見悠悠我獨

顧閨門載復言還

誰家雞唱西欄

含情倚几挑殘孤燭

可憐日登庭自早

日斜斜不到回書

擊衣步步康衢

蟬鳴楊柳帶愁眉看

望不見翻翻我獨

顧琴軒強欲爲情

忽貼蝶戲蘭屏

含悽穿屣復行西園

今必謂秋天靜好

我良人將到歸期

遑知世路蹺蹊

關山千里未期曷來

今必謂我離永久

自長安或抱衾裯

風情慣似風流

100

繁花矧又皇州帝城

苟非有人情也者

胡而春而夏而秋

由來紫閣紅樓

英雄不住丈夫難持

105

如此者誰知之者

姻波中使我心愁

昂藏豈少年遊

風流舊態江湖故家

旅景每從哦裡痛

110

鄉魂空向夢中遊

江山客亦知乎

情中更切路途艱難

雖曰已藻蘋婦事

內齊家上祀祖先

澗毛潢水微虔

安知主饋能賢婦人

可知者十分家幼

一門中共保無危

別辰正在孩兒

年來想已髮垂牙生

可愛者其兄之子

年十三十四中來

吾兄亦曰幸哉

底今未覺誰開學堂

可思者同窗二契

芝蘭香細細猶聞

馬杯自挹輕塵

謂城此後故人亦辭

不知後北圻起匪

二吾兄已未回辰

嗟哉同病相憐

一瀟湘一向秦一方

將何日更相對語

敘閨情又敘客衷

而今秋月秋風

秋吟秋飲情中者誰

對離景淚垂雙眼

顧鄉關路限重山

酒殘獨倚欄杆

覺來眼看夜還淒涼

Phiên âm:

THU DẠ LỮ HOÀI ¹ NGÂM

- 1 Thu dạ tĩnh, thiên quang ẩn ước ²,
Cách sơ liêm đạm chúc kim lô ³.
Thiên thời, nhân sự tương thôi,
Phù sinh nhược mộng kỷ hồi vi hoan?
- 5 Nhân đối cảnh, hoa gian nguyệt chiếu,
Cảnh liêu nhân, thụ diếu ⁴ phong xuy.
Giá ban liệu thiếu nhân tri,
Nhàn lai phong nguyệt dữ thù vị thu?
- 10 Thi tứ tuyệt di du ⁵ nhĩ ái,
Tửu tam bôi tiêu sái ⁶ ly hoài.
Đẳng tiền độc đối thư trai,
Thương tâm khách địa hữu hoài cổ nhân!
Hương thủy ngoại, hốt văn ngư vận ⁷,
Tòng hà lai, trạo tiến giang biên?

1. *Lữ hoài*: (lữ: quán khách trọ) mối cảm hoài của người ở nơi quán trọ, xa quê nhà. Đây là mối cảm hoài của Đinh Nhật Thận khi bị giam lỏng ở kinh đô (Huế).

2. *Ẩn ước*: không rõ ràng, phảng phất như có như không. Bản Nôm dịch là *thấp thoáng*.

3. *Kim lô*: (lô: chén uống rượu) chén uống rượu bằng vàng. Hư Chu trong *Văn đàn bảo giám*, tái bản năm 1968, đã hiệu đính lại là *kim bôi* thì sai với nguyên tác.

4. *Thụ diếu*: (diếu: ngọn cây) ngọn cây.

5. *Di du*: trong lòng vui vẻ.

6. *Tiêu sái*: khí tiết thanh cao, không dính với trần tục. Ở đây nói rửa sạch (làm quên) được mối sầu ly hương.

7. *Ngư vận*: tiếng hò của người thuyền chài.

15 Bồi hồi nguyệt dạ sương thiên ¹,
 Hàn San ám nhận khách thuyền ² cánh phi.
 Khúc giang thủy ³, hà thì Đại Đỗ...
 Nhất cô chu ⁴, hệ cố viên tâm. ⁵
 Thời lưu bát thủ ⁶ thi ngâm,
 20 Linh nhân lữ tứ chuyển thâm hương tình.
 Tích ngã vãng thanh thanh liễu như ⁷,
 Lưỡng tam thanh sơ ngũ hoàng oanh.
 Nhi kim cúc dĩ hàm anh,
 Liễu âm đình ngoại hàn minh lưu thiên ⁸.
 25 Tích ngã khứ, phiên phiên đào kiếm ⁹,
 Lưỡng tam chi sơ chiếm đông phong.
 Nhi kim lan dĩ thành tùng ¹⁰,
 Đào yêu hiên ngoại lạc tòng hàn sương.

1. *Nguyệt dạ sương thiên*: chữ lấy từ bài *Phong kiều dạ bạc* của Trương Kế.

2. *Hàn San ... khách thuyền*: chữ lấy từ bài *Phong kiều dạ bạc* của Trương Kế.

Nguyên văn bài *Phong kiều dạ bạc* như sau:

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
 Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.
 Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,
 Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.*

Nguyễn Hàm Ninh đã dịch là:

*Quạ kêu, trăng lặn, trời sương,
 Lửa chài le lói sầu vương giấc hồ.
 Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
 Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.*

* Bản dịch này đã bị ghi lầm là của Tấn Đà. Trong quyển *Thơ Đường*, tập I (Nxb Văn hóa, Hà Nội - 1962) các soạn giả Nam Trân - Hoa Bằng - Tảo Trang - Hoàng Tạo để là Khuyết danh.

3. *Khúc giang thủy*: trong mùa thu năm 766, Đỗ Phủ nhân đi thuyền trên sông Khúc có làm ra tám bài *Thu hứng* rất nổi tiếng.

4. *Cô chu*: chiếc thuyền lẻ loi.

5. *Nhất cô chu hệ cố viên tâm*: câu này mượn từ câu thơ của Đỗ Phủ, trong bài *Thu hứng*:

Cô chu nhất hệ cố viên tâm
 (Con thuyền lẻ loi buộc chặt lòng nhớ nơi vườn cũ)

6. *Bát thủ*: đề tài *Thu hứng* gồm có tám bài thất ngôn bát cú.

7. *Liễu như*: bông liễu, tơ liễu.

8. *Hàn minh lưu thiên*: (*minh*: kêu, *thiên*: con ve) tiếng ve kêu lạnh.

9. *Đào kiếm*: má đào. Người ta thường ví má đào người con gái với nụ đào chím chim nở màu đỏ hồng.

10. *Thành tùng*: thành chùm.

30 Hồ vi hồ thê lương khách xá?
 Nhật ưu du kỷ cá quán đồng ¹!
 An năng dạ dạ thư phòng?
 Ba tiêu khắp lộ ², côn trùng minh thu ³.
 Hồ vi hồ di do lữ quán?
 Tuế thuận tuần ⁴ di bán sương yên!
 35 An năng mộ mộ tây hiên?
 Phong dao đình trúc, nguyệt huyền ốc lương ⁵.
 Bất thị tố hà lang đầu bút ⁶,
 Tương trung can vị quốc từng quân,
 Thử thân không tự phong trần,
 40 Tọa trung hư thị, tẩm thần đồ văn.
 Bất thị tố hà nhân phủng hịch,
 Tương hiếu tâm ly thích tông quan ⁷.
 Tha hương hà sự bàn hoàn?
 Bạch vân ⁸ phi xứ, mẫu đơn ⁹ khai thần.
 45 Kim nhật tự hải tần viễn cố ¹⁰,
 Nhất khinh phạm trục độ quy lãng.
 Hương hồn ¹¹ phát phát như tăng,
 Trục phạm hốt dĩ quá từng từng ba.

1. *Quán đồng*: (*quan*: cái mũ; *quán*: đội mũ; *đồng*: đứa nhỏ) chỉ mấy người học trò nhỏ đến tuổi đội mũ.

Tục lệ bên Trung Quốc con trai hai mươi tuổi thì làm lễ đội mũ (*gia quan*).

Gia quan mới đạo nhà huỳnh (Hoa tiên)..

2. *Ba tiêu khắp lộ*: sương xuống đọng đầy trên tàu lá chuối như nước mắt mà gió thổi làm thành tiếng kêu sột soạt nghe như tiếng khóc.

3. *Minh thu*: (*minh*: kêu) nói tiếng để kêu giữa đêm thu.

4. *Thuận tuần*: (*thuận*: cũng đọc là *thoan*: lùi lại, rút lại. Đi không nhích lên được gọi là *thuận tuần*) ý nói ngày tháng thông thá mà đi qua.

5. *Ốc lương*: ruộng nhà.

6. *Đầu bút*: vút bút, xếp bút (để tông quân).

7. *Ly thích tông quan*: từ già bà con để đi làm quan.

8. *Bạch vân*: đám mây trắng. Theo điển "*Bạch vân tư thân*". Dịch Nhân Kiệt đời Đường làm Tham quân ở Tinh Châu, cha mẹ ở Hà Dương, một hôm Nhân Kiệt lên núi Thái Hàng quay lại thấy một đám mây trắng, bảo với người tả hữu rằng: "*Nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây ấy*". Sau chữ *bạch vân* (mây trắng) được dùng để chí lòng nhớ cha mẹ, lòng nhớ quê nhà.

9. *Mẫu đơn*: thứ cây hoa có màu đỏ, trắng hoặc vàng, người ta cho là vua trong các loài hoa.

10. *Viễn cố*: quay đầu nhìn lại ra đằng xa.

11. *Hương hồn*: (*hương*: làng quê) hồn quê.

50 Minh nhật tự sơn già viễn thiếu,
 Phiến cô vân đối hiệu phù không.
 Hương tâm ¹ niểu niểu như bông ²,
 Tùy vân hốt dĩ quá trùng trùng san.
 Hà xứ thị hương quan nhận tín ³,
 Du tai nan tả tận tâm tình.
 55 Dạ văn Diệu Đế chung thanh,
 Hải môn cổ hưởng Ngự thành pháo thôi.
 Giang khúc khúc, trường hồi khúc khúc,
 Cảnh du du, dạ phục du du.
 Tiêu điều quán lữ đình thu,
 60 Lân gia thung chữ ⁴, giang đầu trạo thanh.
 Ta khách địa vu oanh tâm sự,
 Thán khuê nhân tình tự khả liên.
 Canh thâm đẳng diệt án tiên,
 Hàm tình yểm phiến ⁵ không huyền nguyệt minh.
 65 Cô chấm lý, tam canh ngụ mị,
 Phiến u hoài thùy thị vi lân?
 Tình đầu dạ bán vô nhân,
 Thụy lai báo điệp tình thần minh kê.
 Hữu thời hoặc hương khuê tịch chiếu,

1. *Hương tâm*: lòng quê.

2. *Bông*: rối bung.

3. *Nhận tín*: Tin nhận. Tô Vũ, tướng nhà Hán, đi sứ sang Hung Nô, bị chúa Hung Nô giữ lại bắt đi chăn dê ở phương Bắc, sau Hung Nô hòa thân với Hán, nhà Hán đòi trả Tô Vũ không được. Thường Huệ bày mưu cho Hán sứ nói lừa chúa Hung Nô rằng vua Hán bắn được ở Thượng Lâm một con chim nhận chân nó có buộc lá thư của Tô Vũ nhắn về rằng vẫn còn sống. Chúa Hung Nô đành phải cho tìm Tô Vũ để trả lại vua Hán.

Do điển này về sau người ta gọi *tin nhận* là tin tức, thư tín.

4. *Thung chữ*: (*thung*: đánh đập, *chữ*: cái cối giã gạo) giã gạo.

5. *Hàm tình yểm phiến*: mang mối hận, lấy quạt che mặt lại. Chữ mượn trong bài *Tây cung thu oán* của Vương Xương Linh:

Phù dung bất cập mỹ nhân trang,
Thủy điện phong lai châu thúy hương.
Khước hận hàm tình yểm thu phiến,
Không huyền minh nguyệt dãi quân vương.

(Hoa phù dung không bằng được vẻ trang điểm của người đẹp, từ cung nước, làn gió đưa lại mùi hương quý báu. Lại oán hận phải ôm mối tình, lấy chiếc quạt thu che mặt, uống công treo vầng trăng sáng đợi chờ vua).

70 Hạ đường lai, dục tháo ¹ hoa lâu.
 Hốt kinh yến tập nê sào ²,
 Loan tu chiếu kính ³, phượng sầu lân sơ ⁴.
 Hữu thời hoặc chức cơ dạ tĩnh,
 Hô đồng lai, sơ chỉnh đẳng minh.
 75 Hốt văn nhận độ giang thanh ⁵,
 Cơ dung túc đập, thoa đình thủ phao.
 Khả lân dạ phần cao đạt dán,
 Dạ trầm trầm bất kiến giai âm ⁶.
 Trích thoa vọng vọng đình âm,
 80 Sương hàn tất suất ⁷ thình ngâm thanh sầu.
 Vọng bất kiến du du ⁸ ngã độc!
 Cố khuê môn tái phục ngôn hoàn.
 Thù gia kê xưởng tây lan?
 Hàm tình ỷ kỷ khiêu tàn cô đẳng.
 85 Khả lân nhật đẳng đình tự tảo,
 Nhật tà tà bất đáo hồi thư.
 Khiên y bộ bộ khang cù,
 Thiên minh dương liễu đới sầu mi khan.
 Vọng bất kiến phiên phiên ngã độc.

1. Tháo: 造 đến như đang môn tháo thất: lên cửa tới nhà.

2. Yến tập nê sào: (tập: tu sửa lại, nê: bùn, sào: tổ) chim én tha bùn làm lại tổ. Đỗ Phủ trọ ở đất Thục, định về quê, chợt trông thấy đôi én từ Bắc vào Nam ngậm bùn để làm tổ mà giật mình cho cảnh lữ du từ hạ đã sang thu, bèn có câu thơ:

“Lữ thực song phi yến, hàm nê nhập bắc đường” (Đôi én bay đi ăn xa, ngậm bùn bay vào nhà làm tổ).

3. Loan tu chiếu kính: thẹn soi gương loan. Cổ thi: Bình tiết phụ có câu: “Phượng trục thanh tiêu viễn, loan tùy u cảnh trầm” (Mây thắm chìm tăm phượng, gương mờ khuất bóng loan).

4. Phượng sầu lân sơ: (lân: lười, sơ: cái lược) biếng cài lược phượng. Cổ thi có câu: “Vị vấn thúy thoa đầu thượng phượng, bất tri hương hình vị thùy hồi” (Hỏi thăm phượng đầu cành trâm, vì ai mái tóc hương thơm ngạt ngào).

5. Nhận độ giang thanh: (độ: đi qua sông) tiếng chim nhận bay qua sông. Chữ mượn trong bài Chúc cấm hồi văn của Tô Huệ: “Tam xuân hồng nhận độ giang thanh, thử thị ly nhân đoạn trường tình” (Mùa xuân tháng ba tiếng chim hồng nhận bay qua sông, lúc ấy người ly nhân buồn đứt ruột).

6. Giai âm: tin tức tốt lành.

7. Tất suất: con dế.

8. Du du: xa xôi, lòng trông nhớ vời vợi.

90 Cố cầm hiên ¹ cường dục vi tình.
 Hốt chiêm điệp hí lan bình,
 Hàm thê xuyên cực phục hành tây viên.
 Kim tất vị thu thiên tĩnh hảo,
 Ngã lương nhân tương đáo quy kỳ.
 95 Hoàng tri ² thế lộ nhiều khô!
 Quan sơn thiên lý vị kỳ hạt lai!
 Kim tất vị ngã ly vĩnh cứu,
 Tự Trường An hoặc bão khâm trừ ³.
 Phong tình quán tự phong lưu,
 100 Phồn hoa thần hựu hoàng châu đế thành.
 Cầu phi hữu nhân tình dã giả,
 Hồ nhi xuân nhi hạ nhi thu.
 Do lai tử các hồng lâu ⁴,
 Anh hùng bất trú trượng phu nan trì.
 105 Như thử giả, thùy tri chi giả?
 Yên ba trung sử ⁵ ngã tâm sầu!
 Ngang tàng khởi thiếu niên du,
 Phong lưu cự thái, giang hồ cố gia.
 Lữ cảnh mỗi tòng nga lý thống,
 110 Hương hồn không hướng mộng trung du.
 Giang sơn khách diệc tri hồ,
 Tình trung cánh thiết lộ đồ gian nan.
 Tuy viết dĩ tảo tần phụ sự,
 Nội tề gia thượng tự tổ tiên.

1. *Cầm hiên*: cái đàn treo ở ngoài hiên.

Hiên sau treo sẵn cầm trăng (T.K.)

2. *Hoàng tri*: (*hoàng*: sớm, gấp) sớm hiểu, hiểu ngay.

3. *Khâm trừ*: (*khâm*: cái chặn, *trừ*: cái mền) chặn mền, ý nói chung chặn gối với nhau.

4. *Tử các hồng lâu*: gác tía lầu hồng. Ngày xưa các nhà phú quý thường hay sơn đỏ nhà cửa, chỗ phụ nữ ở.

Bạch Cư Dị: “Đáo nhất hồng lâu gia, ái chi khan bất túc” (Đến một nhà hồng lâu, lòng yêu đương xem chẳng chán).

Thơ của Vị Trang: “Tràng An xuân sắc bản vô chủ, cổ lai tận thuộc hồng lâu nữ” (Tràng An xuân sắc nguyên vô chủ, xưa nay đều thuộc gái hồng nhan).

Hồng lâu sau được dùng để chỉ nhà chứa gái mại dâm.

5. *Yên ba trung sử ngã tâm sầu*: trên sông khói sóng khiến cho lòng ta thêm buồn.

Câu này mượn từ câu: “Yên ba giang thượng sử nhân sầu” (Trên sông khói sóng làm cho ta buồn rầu) của Thôi Hiệu trong bài *Hoàng Hạc lâu*.

115 Giản mao hoàng thủy vi kiên,
 An tri chủ quỹ năng hiền phụ nhân.
 Khả tri giả thập phần gia ấu,
 Nhất môn trung cộng bảo vô nguy.
 Biệt thời chính tại hài nhi,
 120 Niên lai tướng dĩ phát thùy nha sinh.
 Khả ái giả kỳ huynh chi tử,
 Niên thập tam thập tứ trung lai.
 Ngô huynh diệc viết hạnh tai,
 Để kim vị giác thùy khai học đường.
 125 Khả tư giả đồng song nhị kế,
 Chi lan hương tế tế do văn.
 Mã bôi ¹ tự ấp khinh trần ²,
 Vị thành thử hậu, cố nhân ³ diệc từ.
 Bất tri hậu Bắc Kỳ khởi phỉ,
 130 Nhị ngô huynh dĩ vị hồi thần.
 Ta tai đồng bệnh tương lân,

1. *Mã bôi*: chén rượu cầm lúc ngồi trên mình ngựa. Chữ mượn trong bài *Lương châu từ* của Vương Hàn:

*Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi,
 Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi,
 Túy ngọa sa trường quân mạc tiểu,
 Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi?*

(Rượu bồ đào đựng trong chén dạ quang, chiến sĩ muốn uống nhưng tiếng tỳ bà trên lưng ngựa đã giục giã ra đi. Nếu chiến sĩ có say sưa ngủ ở bãi sa trường, thì xin bạn đừng cười bởi vì từ xưa đi chinh chiến đã mấy người trở về?).

2. *Ấp khinh trần*: rưới nhẹ bụi trần.

3. *Vị Thành... cố nhân*: mấy chữ này là mượn ở bài *Vị Thành khúc* của Vương Duy.

*Vị Thành triều vũ ấp khinh trần,
 Khách xá thanh thanh liễu sắc tân.
 Khuyển quân cánh tận nhất bôi tửu,
 Tây xuất Dương Quan vô cố nhân.*

(Đất Vị Thành mưa buổi sớm thấm ướt làn bụi nhẹ,

Nơi quán khách tơ liễu lá một màu xanh xanh.

Mời bác hãy uống cạn một chén rượu này,

Đi về phía tây, ra khỏi Dương Quan sẽ không có ai là cố nhân nữa.)

Nhất Tiêu Tương, nhất hướng Tần¹ nhất phương.

Tương hà nhật cánh tương đối ngữ,

Tự khuê tình hựu tự khách chung.

135

Nhi kim thu nguyệt thu phong,

Thu ngâm thu ẩm tình trung giả thù?

Đối ly cảnh, lệ thù song nhãn,

Cố hương quan lộ hạn trùng san.

Tửu tàn độc ý lan can,

140

Giác lai nhãn khán dạ hoàn thê lương.

1. *Nhất Tiêu Tương nhất hướng Tần*: người tới sông Tiêu Tương, kẻ sang nước Tần. Câu này mượn từ bài *Hoài thủy biệt hữu* của Trịnh Cốc:

Dương Tử giang đầu dương liễu xuân,

Dương hoa sầu sát độ giang nhân.

Sổ thanh phong địch ly đình vãn,

Quân hướng Tiêu Tương ngã hướng Tần.

(Hàng cây dương liễu xanh tốt ở đầu sông Dương Tử, hoa dương liễu gợi mối sầu làm chết lòng người đi qua sông. Gió đưa mấy tiếng sáo vào ly đình lúc chiều tà, chính là lúc bạn hướng phía sông Tiêu Tương còn tôi thì đi tới đất Tần).

THU DẠ LỮ HOÀI NGÂM

- 1 Đêm thu lặng lẽ, thấp thoáng sáng trời,
Cách rèm thưa thoáng rót chén rượu con bằng vàng.
Thời trời và việc người thúc giục nhau,
Kiếp phù sinh ngắn như giấc mộng, được mấy hồi mà bày trò
làm vui (như thế này?)
- 5 Người ngắm cảnh (thấy) trăng rọi giữa lòng hoa,
Cảnh trên người (xui) gió thổi trên ngọn cây.
(Phong cảnh hữu tình dường này), liệu chừng cũng ít người biết,
Trong lúc thông thả cùng ai trông trăng hứng gió làm cho ra
vẻ thu?
- 10 Ngâm bốn câu thơ làm vui, vì tính mình vẫn thích ngâm vịnh,
Mượn ba chén rượu rửa sạch mối sầu biệt ly.
Trong phòng vẫn một mình ngồi đối ngọn đèn,
Chạnh lòng đất khách, sức nhớ người xưa!
Ngoài sông Hương, chợt nghe tiếng hò mái đẩy của đám phường chài,
Từ đâu mà chèo tới bên sông thế nhỉ?
- 15 Đêm trăng trời sương lòng luống bồi hồi,
Đoán chừng là thuyền khách non Hàn, té ra không phải.
Trên sông Khúc, ngày nào nhà thơ Đỗ Phủ...
Lòng nhớ quê cũ buộc chặt với chiếc thuyền lẻ loi.
Lúc ấy để lại tám bài *Thu hứng*,
- 20 Khiến người có từ lữ du, bỗng hóa nặng lòng cố quận.
Xưa ta đi thì tơ liễu xanh xanh,
Chim hoàng oanh vừa thỏ thẻ vài ba tiếng.
Mà nay cúc đã ngậm vàng,
Trong bóng liễu ngoài thêm tiếng ve đã kêu lạnh.

25 Xưa ta đi thì nụ đào chúm chím,
 Gió đông mới điểm một đôi cành.
 Mà nay lan đã thành chùm,
 Hoa đào ngoài hiên đã rụng theo sương lạnh.
 Làm chi vậy nhỉ? Buồn bã lạnh lòng nơi nhà khách...
 30 Ngày làm bạn với mấy đứa học trò vừa biết đội khăn
 Sao mà cứ chịu đêm đêm ngồi ở phòng đọc sách...
 (Mà lắng tai nghe) giọt sương khóc trên tàu chuối, tiếng dế kêu
 giữa đêm thu?
 Làm chi vậy nhỉ? Cứ lẩn lữa ở nơi quán trọ.
 Thấm thoát sương khói đã nửa năm trời.
 35 Sao mà cứ đêm đêm ở hiên tây
 (Ngồi nhìn) gió lay cành trúc trước thềm và mảnh trăng treo
 trên rường nhà.
 Nghĩ mình chẳng phải làm như cái chàng nào đó vứt ngòi bút
 viết thuê.
 Đem lá gan trung liệt ra đầu quân (cho đáng).
 Cái thân này luống vì số phong trần mà xui ra vậy.
 40 Trong chỗ ngồi luống xem (mà thẹn), trong lúc nằm luống nghe
 (mà buồn).
 Chẳng phải làm như cái người nào đó vâng tờ hịch.
 Vì lòng hiếu mà phải từ già bà con để đi làm quan.
 (Thế thì) việc gì mà cứ loanh quanh ở quê người...
 Trong chỗ mây trắng bay, và trong khi hoa mẫu đơn nở.
 45 Ngày nay từ nơi cửa bể trông ra đằng xa.
 Một lá buồm nhẹ nhàng bay thẳng về cồn.
 Lòng quê bỗng dưng sôi nổi như nồi nước nóng.
 Theo lá buồm ấy bỗng đã vượt qua lớp lớp sóng dào.
 Ngày mai từ cái nhà trên núi trông ra đằng xa.
 50 Một làn mây lẻ loi đeo ánh rạng đông nổi lên giữa trời.
 Lòng quê bối rối như dây bông bong.
 Theo làn mây ấy chợt đã bay qua lớp lớp non xanh.
 Tin nhận ở quê làng nào thấy phương nào đâu?
 Dài thay tám tình này, khó làm sao mà tả cho xiết được!
 55 Đêm buồn nghe tiếng chuông chùa Diệu Đế.
 Tiếng trống canh ngoài cửa bể, tiếng súng nổ trên mặt thành.
 Sông từng khúc, ruột cũng từng khúc.
 Cảnh thế mãi, đêm lại thế mãi.

- Buồn bã thay về thu nơi quán khách.
- 60 Tiếng chày giã gạo bên nhà hàng xóm, tiếng chèo khua đầu sông.
Thương mình nơi đất khách tâm sự bối rối (như tơ vò).
Nghĩ đến bạn phòng khuê, mối tình mới đáng chua xót là dường nào?
Canh khuya ngọn đèn lu mờ trên án...
(Mình ai) ngậm sầu, lấy quạt che mặt lại, luống để mặc vầng
trăng sáng lạnh lòng treo.
- 65 Trên gối, nằm canh mơ màng.
Mảnh tình ư uẩn có ai mà lấy làm thương cho mình?
Nửa đêm một mình với một mảnh tình riêng, không có người
nào chung với.
Hễ chớp mắt ngủ, thì bướm đâu đã thoảng qua mộng, mà bừng
mắt dậy thì gà đâu đã gáy bên tai.
Hoặc có lúc trong cửa buồng, ánh mặt trời tà rọi vào.
- 70 Bước xuống thêm lại muốn trở lên lầu hoa (để trang điểm
nhân sắc).
Chợt thấy con én đương tha bùn làm lại tổ mà giạt mình (rằng
quá hạ đã sang thu).
Cho nên thẹn ngấm gương loan, biếng cài lược phượng.
Hoặc có lúc đương đêm thanh vắng, nàng ngồi trên khung dệt.
Vừa gọi thằng ở tới, bảo nó khêu sáng đèn lên (định để gắng
thức khuya mà dệt).
- 75 Bỗng đâu nghe tiếng nhạn bay qua sông không ngừng lại, (biết
là chim nhạn không đem thư cho mình).
Thì chân biếng đạp khung cửi, tay liền buông thoi.
Đáng thương thay có đêm chong đèn tới sáng.
Đêm vắng vẻ chẳng thấy tin lành.
Nàng bèn ném thoi (đứng dậy) ra trông ngóng ở trước thềm.
- 80 Nghe sương rơi lạnh lòng, để ngậm buồn bã!
Trông chẳng thấy ai, chỉ vò vò một mình ta.
Ngán lại phòng khuê, tự nhủ: “Thôi hãy đi vào!”
(Vào tới buồng, chợt nghe) tiếng gà nhà ai gáy ở cái chuồng tại
phía tây? (Ấy biết trời đã gần sáng).
(Nhưng hồn nàng ở đâu) nàng còn ngậm mảnh tình riêng, ngồi
dựa ghế, khêu mãi ngọn đèn lẻ loi kia cho hao dầu, hết bắc!
- 85 Đáng thương thay, thường ngày ngủ dậy lên nhà trên thật sớm.
Bóng chiều đã xế, vẫn chưa thấy thư về.
(Bèn lững thững ngoài đường) vừa đi vừa vầy vò tà áo,

- Tiếng ve kêu ở cành dương liễu khiến người ủ rũ mảy sầu.
 Trông chẳng thấy ai, luống chơ vơ một mình ta.
- 90 Bèn quay vào trong cái chái mọi ngày thường ngồi đánh đàn.
 Cố gảy một khúc làm khuây.
 Chợt trông thấy con bướm đùa với cành lan ở bình phong.
 Ngâm sâu xỏ dép lại trở ra vườn tây.
 Bây giờ hân nàng cũng nói rằng: “Trời thu tươi tốt sáng sủa.
 Chồng ta có lẽ đã gần tới ngày về.”
- 95 Biết đâu đường đời éo le hiểm trở?
 Non sông ngàn dặm đã dễ làm sao mà hẹn trước được ngày về
 với nhau?
 Rày hân nói rằng ta đi mãi không còn về nữa.
 Hoặc ở Tràng An đã có người nâng khăn sửa túi rồi.
 Cái thói phong tình cũng quen đi như cái tính phong lưu.
- 100 Đã là chỗ phồn hoa, lại là nơi đế khuyết (nơi vua đóng đô) hèn
 chi mà chẳng...?
 Nếu không phải có cái lòng lắt léo như ai ấy...
 Thì sao mà cứ lần lừa hết xuân rồi qua hạ, hết hạ rồi qua thu?
 Xưa nay những nơi lầu hồng gác tía,
 Dầu anh hùng, dầu trượng phu cũng không cầm lòng được thay!
- 105 (Nếu nàng nghĩ) như vậy, thì ai biết cho ta?
 Trên sông khói sóng khiến cho lòng ta thêm buồn.
 Há phải còn chơi ngang tàng như lúc còn trẻ?
 Quen thói phong lưu ngày trước, lối giang hồ thuở xưa?
 Nơi đất khách thường (mượn thú ngâm vịnh mà tiêu sầu lại
 thường khi) nhân cuộc ngâm vịnh mà hóa ra ngâm ngùi đau
 đớn cho lòng.
- 110 (Trong lúc ấy) hồn quê luống vật vờ trong mộng.
 Non sông ai có biết cùng chăng?
 Trong lòng lại tha thiết, nỗi đường sá gian nan.
 Tuy đã nói rằng việc đàn bà tần tảo...
 Trong thì coi sóc việc nhà, trên thì thờ cúng tổ tiên.
- 115 Tuy rằng rau khe nước suối cũng tỏ được chút lòng thành.
 Nhưng đã chắc đâu làm tròn phận sự của một người đàn bà
 giỏi, tay hòm chìa khóa trong nhà?
 Duy một điều có thể biết chắc được, là mười phần con trẻ nhà ta...
 Trong một cửa đều được giữ gìn đùm bọc, khỏi nguy hiểm gì.
 Lúc ta ra đi, thì con ta chính đương măng sữa.

- 120 Qua năm này, có lẽ rằng đã mọc, tóc đã dài rồi.
Dễ thương nhỉ! Thằng con của ông anh!
Tuổi chừng mười ba mười bốn mà lại.
Anh ta cũng nói rằng may thay!
Chẳng biết ngày nay đã có ai mở trường (dạy cho cháu học chưa?)
- 125 Đáng nhớ quá nhỉ! Hai ông bạn (cùng đèn cùng sách), cùng ngồi
học với ta trong một cửa sổ năm xưa.
Mùi chi lan thoang thoảng còn nghe!
Nhớ khi từ giã nhau, ngồi trên ngựa cầm vôi chén rượu (trận
mưa bay) rưới ướt bụi trần...
Sau khi ấy ở Vị Thành bạn bè đành cũng tan lìa.
Chẳng biết về sau ở Bắc Kỳ có giặc nổi dậy...
- 130 (Thì khi ấy) hai anh ta đã về chưa?
Than ôi, cùng chung một bệnh với nhau, cùng thương xót nhau
(là lẽ thường).
(Thế mà vì sao mỗi người mỗi ngả) người thì tới sông Tiêu
Tương (ở đất Sở), kẻ lại sang nước Tần?
Hầu ngày nào lại ngồi đối mặt nhau nói chuyện...
Nói đến tình nhà lại nói đến lòng người.
- 135 Mà nay (sao quanh quẽ thế này, chẳng bù với khi vui sum họp ấy).
Này trăng thu, gió thu, thơ thu, rượu thu, ấy lại chung tình với ta
(cùng ta trông trăng, hứng gió, uống rượu, ngâm thơ), bây giờ?
Trông cảnh ly biệt, hai hàng nước mắt tuôn rơi.
Ngảnh lại quê nhà thì núi non từng lớp ngăn lấy đường.
Tiệc rượu tan rồi, một mình ngồi dựa lan can.
- 140 Bừng mắt dậy, cái đêm thê lương vẫn hoàn thê lương!...

CÁC BẢN DỊCH

Bài *Thu dạ lữ hoài ngâm* của Đinh Nhật Thận được viết ra bằng chữ Hán theo thể song thất lục bát, dài 140 câu đã được Đẩu tiếp Nguyễn Văn Đề tìm thấy trong tủ sách của Nguyễn Hàm Ninh, một người bạn thân của Đinh Nhật Thận.

Bản chữ Hán này không được phổ biến nên ít người biết.

Bài *Thu dạ lữ hoài ngâm* (nguyên văn bằng chữ Hán) của Đinh Nhật Thận đã được một người học trò của ông dịch ra quốc âm cũng theo thể song thất lục bát, nhưng chúng ta không biết được tên người ấy.

Bài dịch này được coi là *bản dịch cũ* và được đánh giá là một bản dịch có giá trị.

Khi biên soạn quyển TRONG 99 CHÓP NÚI, trong đó có giới thiệu *Thu dạ lữ hoài ngâm*, Đẩu tiếp Nguyễn Văn Đề cũng có dịch lại và coi là *bản dịch mới*.

Chúng tôi sao chép lại cả hai bản dịch để các độc giả tiện tham khảo.

THU DẠ LỮ HOÀI NGÂM

Bản dịch cũ

KHUYẾT DANH

Đêm thu lặng, bóng trời thấp thoáng,
Cách rèm thưa chuốc chén gượng nguôi.
“Thiên thời ¹ nhân sự ² tương thôi”, ³
Kiếp chiêm bao dễ mấy hồi người ta?
5 Người đối cảnh, trước hoa trăng tỏ,
Cảnh trêu người ngọn gió rung cây.
Nỗi niềm ai kể tỏ hay?
Cùng ai trăng gió đêm này với thu?
Thơ nhả ái ⁴ bốn câu buông vụn,

Khảo dị:

Bản dịch này do Đầu tiếp Nguyễn Văn Đề đã tìm được trong tủ sách của Nguyễn Hàm Ninh, chúng tôi lấy làm bản trực để khảo dị với bản của Trần Trung Viên sao lục in trong *Văn đàn bảo giám* - tập 2, in lần thứ ba - 1934.

1. Đêm thu *rạng* bóng trời thấp thoáng
2. Cách rèm thưa *rót* chén *kim lôi*
3. *Gẫm* xem thời sự *sụt sùi*
4. *Côi phù* mấy thuở làm vui cho đời
5. Người *ngắm* cảnh trăng soi hoa nở
7. Nỗi niềm *mấy* kẻ tỏ hay
8. Cùng ai trăng gió đêm *ngày* *thường* thu
9. Thơ nhả ái bốn câu *ba* vụn

Chú thích:

1. *Thiên thời*: thời vận của trời.
2. *Nhân sự*: công việc của người ta.
3. *Tương thôi*: thúc giục lẫn nhau.
4. *Nhả ái*: thích ngâm vịnh thơ tao nhã.

- 10 Rượu ly hoài ¹ ba chén làm khuây.
 Trước đèn trong chốn thư trai ²,
Chạnh lòng đất khách nhớ người đời xưa.
 Ngoài Hương thủy ³, tiếng ngư ⁴ vắng vắng,
 Thuyền từ đâu chèo thẳng bên giang?
- 15 Lờ mờ đêm nguyệt trời sương,
Thuyền ai tưởng *khách non Hàn* ⁵ lại không?
 Khúc giang thủy nhớ ông Đại Đỗ! ⁶
 Buộc con thuyền lòng cũ bơ vơ.
 Hứng thu ⁷ đề tám bài thơ,
- 20 Xui người đất khách ngán ngơ tình làng.
 Xưa ta đi, liễu đang thanh tể ⁸,
 Chim hoàng oanh mới kể ba câu.
 Bằng nay cúc đã hoa thâu ⁹,
 Liễu kia nghĩ cũng âu sầu vì ve.

Khảo dị:

- 10 Rượu ly hoài *vài* chén làm khuây.
12. *Nã* lòng đất khách *ngậm ngùi* người xưa.
14. Thuyền ở đâu chèo thẳng bên *dương*.
15 *Bồi hồi* đêm nguyệt trời sương.
16. *Non Hàn* thuyền khách *trông đường như bay*.
17. Khúc *ngư* thủy nhớ *ngày* Đại Đỗ.
19. *Mấy thu* đề tám bài thơ.
21. *Khi* ta đi liễu đang *xanh tốt*.
22. Chim hoàng oanh mới *hót* ba câu.
23. Bằng nay cúc đã *ngậm thâu*.

Chú thích:

1. *Ly hoài*: nỗi buồn do sự chia ly gây ra.
2. *Thư trai*: phòng đọc sách, phòng học.
3. *Hương thủy*: tức sông Hương Giang.
4. *Tiếng ngư*: tiếng người đánh cá.
5. *Non Hàn*: tức Hàn San. *Khách non Hàn* là chỉ Trương Kế, một nhà thơ nổi tiếng đời Đường. Ông có làm bài *Phong kiều dạ bạc* rất được truyền tụng.
6. *Đại Đỗ*: tức Đỗ Phủ. Người ta gọi Đỗ Phủ là *Lão Đỗ* hay *Đại Đỗ* để phân biệt với *Tiểu Đỗ* tức Đỗ Mục.
7. *Hứng thu*: tức *Thu hứng*, tên một chùm tám bài thơ của Đỗ Phủ rất được ca tụng.
8. *Thanh tể*: xanh mướt cành tơ.
9. *Cúc đã hoa thâu*: nhắc đến câu thơ của Đỗ Phủ (bài *Thu hứng*): “*Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ*” (Những bông hoa cúc trong bụi cây đã nở hai lần, khiến khách tha hương tuôn rơi hàng lệ ngày trước).

25 Xưa ta đi, đào khoe tiểu kiếm ¹,
 Gió đông phong ² mới điểm ba hàng ³.
 Bằng nay lan đã chồi sương,
 Đào non nghĩ cũng vô vàng vì thu.
 Làm chi vậy buồn rầu đất khách?
 30 Ngày quán đồng ⁴ mượn thích làm khuây.
 Có đêm nương bóng hồi tây ⁵,
 Tiếng sương khóc lá ⁶, hơi may ⁷ gọi trùng ⁸.
 Làm chi vậy lạnh lòng quán lữ ⁹,
 Năm sương yên ¹⁰ kể nữa vừa rồi.
 35 Có đêm ngồi nhẩn ¹¹ thư trai,
 Gió lay bên trúc, nguyệt cài trên lương ¹².

Khảo dị:

26. Ngọn đông phong mới điểm ba hàng.
 27. Bằng nay lan đã rõ sương.
 29. Làm chi vậy? Buồn rù đất khách.
 30. Nhật: quán, đồng mượn thích làm khuây.
 31. Có đêm nương gối phòng tây.
 32. Ba tiêu khóc lệ, hơi may ngậm trùng.
 33. Làm chi vậy? Dở dang quán lữ.
 34. Câu này Đầu tiếp Nguyễn Văn Đề đã sửa lại là:
 “Năm, sương yên hết nữa đi rồi”.
 Bản TTV chép như trên.
 35. Có khi ngồi nhẩn thư trai.

Chú thích:

1. Tiểu kiếm: (tiểu: cười, kiếm: má) cũng như đào kiếm, má hồng của người con gái. Áng đào kiếm đâm bông nào chúng (C.O).
 2. Đông phong: gió từ phương Đông thổi lại, tức gió xuân.
 3. Mới điểm ba hàng: mới có lác đác hoa nở trên vài ba cành.
 4. Quán đồng: (quán: đội mũ, đồng: trẻ nhỏ) trò nhỏ vừa đến tuổi đội mũ. Cả câu ý nói ngày làm bạn với mấy đứa học trò vừa đến tuổi đội mũ cho khuây khỏa.
 5. Hồi tây: phòng học ở đầu hồi phía tây.
 6. Tiếng sương khóc lá: tiếng sương rơi trên những tàu lá chuối có gió thổi sột soạt.
 7. Hơi may: gió heo may.
 8. Gọi trùng: gọi những con dế kêu hòa theo tiếng gió.
 9. Quán lữ: (quán: nhà trọ, lữ: khách trọ, ở trọ) nhà trọ của khách xa quê.
 10. Sương yên: sương khói.
 Cả câu ý nói thắm thoát qua mùa sương khói nay đã vừa nửa năm rồi.
 11. Ngồi nhẩn: ngồi mãi.
 12. Nguyệt cài trên lương: (lương: ruộng nhà) mảnh trăng chiếu vào nhà như cài trên ruộng.

Nào có phải như chàng ném bút, ¹
 Vì vua mà đồng mác ² cho cam?
 Luống đem thân thế cát lăm, ³
 40 Thấy, ngồi hổ mặt, nghe, nằm thẹn tai!
 Nào có phải như ai vâng hịch,
 Vì thân ⁴ mà xa cách cho xong?
 Bỗng không khách địa ⁵ binh bỗng.
 Trông mây ⁶ lại nhớ, xem bông lại buồn.
 45 Ngày nay đứng trông miền bể rộng,
 Một lá buồm thẳng giống về cồn.
 Lòng quê đâu đã cuộn cuộn,
 Phút theo buồm vượt mấy ngàn sóng khơi.
 Ngày mai đứng trông nơi non thẳm,
 50 Một làn mây sớm ngấm trên không.
 Lòng quê đâu đã bong bong,
 Phút theo mây kéo mấy trùng non xa.
 Trông tin nhận ⁷ biết là đâu tá?
 Tâm tình này ai tả cho nên?

Khảo dị:

- 38. Vì vua mà đồng *bác* cho cam.
- 40. *Khóc* ngồi hổ mặt, nghe nằm thẹn tai.
- 44. Trông mây lại nhớ, xem bông lại *phiền*.
- 46. Một *cánh* buồm thẳng giống *Giang Lăng*.
- 47. Lòng quê *luống* những *bâng khuâng*.
- 48. Phút theo buồm vượt mấy *tầng* sóng khơi.
- 50. Một *áng* mây sớm ngấm trên không.
- 51. Lòng quê đâu đã *rối* bong.

Chú thích:

- 1. *Ném bút*: xếp bút nghiên lại để đi tòng quân.
- 2. *Đồng mác*: (*đồng*: đồ binh khí bằng đồng; *mác*: tức mác, giáo mác) chỉ chung đồ binh khí. Ý nói đi đánh giặc.
- 3. *Cát lăm*: cát bụi bắn thấu, ý nói bị gian nan vất vả.
- 4. *Vì thân*: vì chữ hiếu với cha mẹ.
Cả câu ý nói vì chữ hiếu mà phải đi chinh chiến hoặc làm quan võ ở nơi xa xôi.
- 5. *Khách địa*: đất khách, nơi đất lạ quê người.
- 6. *Trông mây*: Địch Nhân Kiệt trông thấy đám mây ở núi Thái Hàng nói rằng: “*Nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây ấy*”. Ý nói nhớ nhà.
- 7. *Tin nhận*: chỉ tin tức.

55 Đêm chùa Diệu Đế ¹ chuông rền,
 Trống vang cửa bể, súng rền thành vàng.
 Sông quần quai, ruột càng quần quai,
 Cảnh đìu hiu, dạ lại hiu đìu.
 Lữ du ² ai chẳng tiêu điều?
 60 Tiếng chày trong xóm, tiếng chèo ngoài sông!
 Than đất khách nào nùng tâm sự,
 Thương người quê ³ tình tự bây giờ.
 Đèn khuya cơn tỏ cơn mờ,
 Gắm tình che quạt ⁴ luống thừa bóng trắng.
 65 Năm canh những mơ màng trên gối,
 Mảnh tình riêng biết nói cùng ai?
 Thương thay đêm vắng không người,
 Ngủ thời bướm báo ⁵, dậy thời gà kêu ⁶.
 Hoặc có lúc bóng chiều trong khốn ⁷,

Khảo dị:

55. *Chuông* chùa Diệu Đế *khua* rền.

57. Câu này nguyên bản chép là: “Sông quần *quận*, ruột càng quần *quận*”. Đầu tiếp Nguyễn Văn Đề đã sửa lại là “Sông quần *quai*, ruột càng quần *quai*”.

Bản TTV: “Lòng quanh *quéo* sông càng quanh *quéo*”.

64. *Ngậm* tình che quạt luống *chờ* bóng trắng.

65. *Canh khuya* những mơ màng trên gối.

67. Thương thay đêm vắng *im* người.

68. Ngủ *mơ giấc* bướm *tỉnh* rồi gà kêu.

69. Hoặc có lúc *ban* chiều trong khốn.

Chú thích:

1. *Chùa Diệu Đế*: chùa này được xây từ năm Thiệu Trị thứ 4 (1844) ở giữa cầu Đông Ba và cầu Gia Hội.

*Đông Ba, Gia Hội hai cầu,
 Có chùa Diệu Đế bốn lầu hai chuông.*

(Ca dao)

2. *Lữ du*: khách đi chơi xa, khách xa nhà.

3. *Thương người quê*: thương vợ ở quê nhà.

4. *Che quạt*: lấy quạt che mặt lại. Cả câu ý nói buồn rầu lấy quạt che mặt lại không muốn nhìn bóng trắng (có sáng cũng bằng thừa vì không còn được cùng vợ chung ngắm nữa).

5. *Ngủ thời bướm báo*: ngủ thì chiêm bao thấy mình hóa ra bướm, tức cứ nằm ngủ thì lại chiêm bao.

6. *Gà kêu*: gà đã gáy sáng.

7. *Bóng chiều trong khốn*: (*khốn*: cửa buồng) bóng mặt trời lúc chiều tà rọi vào cửa buồng.

- 70 Bước xuống thêm, lại muốn lên lầu.
 Phút nghe con én ¹ kêu sầu,
 Lược râu tóc chải, gương râu mặt soi.
 Hoặc có lúc đưa thoi đêm tối,
 Gọi con tì vừa tới điểm đăng ².
- 75 Phút nghe tiếng nhận ³ khơi chừng ⁴,
 Máy lơi chân đạp, thoi ngừng tay đưa.
 Thương thay có đêm chờ nửa gối,
 Đêm gần qua, chẳng thấy thư về.
 Gác thoi ra đứng bên hè,
 80 Tai nghe tiếng đế rề rề khóc sương.
 Trông chẳng thấy chán chương than thở,
 Đoái ⁵ phòng khuê ⁶ muốn trở gót giày.
 Gà ai eo óc hồi tây? ⁷
 Gấm tình dựa ghế liền tay khêu đèn ⁸.
- 85 Thương thay có ngày nhìn sáu khắc,

Khảo dị:

70. Bước *ra* thêm lại muốn lên lầu.
 73. Hoặc có lúc *gieo* thoi đêm tối.
 74. Gọi con *đồng* vừa *mới* điểm đăng.
 76. Máy *rời* chân đạp thoi ngừng tay đưa.
 80. *Đầu* thêm con đế *rù rì* khóc sương.
 84. Gấm tình *tựa* gối liền tay khêu đèn.
 85. Câu này nguyên bản chép: “Thương thay có ngày nhìn *đến* *ké*”, Đầu tiếp Nguyễn Văn Đề đã sửa lại là:

“Thương thay có ngày nhìn *sáu* *khắc*”

TTV: Thương thay những ngóng tin *sớm* *ấy*.

Chú thích:

1. *Con én*: con én báo tin mùa hạ đã qua, mùa thu đã đến.
2. *Điểm đăng*: khêu đèn lên cho sáng.
3. *Tiếng nhận*: tiếng ngỗng trời.
4. *Khơi chừng*: ngoài khoảng xa.

Cả câu ý nói nghe chim nhận bay qua không dừng lại thì biết là không có thư của mình. Ý này được nói rõ thêm ở câu 78: “*Đêm gần qua chẳng thấy thư về*”.

5. *Đoái*: ngoảnh lại.

6. *Phòng khuê*: (*khuê*: cửa nhỏ) phòng đàn bà con gái ở.

7. *Hồi tây*: chái nhà phía tây.

Cả câu ý nói chợt nghe tiếng gà nhà ai gáy ở mé phòng phía tây thì biết trời đã gần sáng.

8. *Gấm tình... khêu đèn*: cả câu ý nói tưởng nghĩ tới vợ, ở nhà chắc cũng mang nỗi nhớ nhung mà cứ ngồi dựa ghế, rồi lại khêu đèn thức tới suốt đêm.

Ngày gần tàn chẳng gặp thư sang.
 Xuống thêm, ra đứng bên hàng,
 Mây sầu lá liễu hàng hàng khóc ve ¹.
 Trông chẳng thấy, lại về đứng đợi,
 90 Đói cầm hiên ² toan gọi ngón đàn.
 Bướm đâu treu cột bình lan?
 Buồn tình mang dép ra vườn hái hoa.
 Rày hử bảo: “Trời đà mát mẻ,
 Lương nhân ³ ta có lẽ gần về...”
 95 Biết đâu đường thế nghiêu khê ⁴,
 Dặm ngàn hồ dễ đi về ⁵ cho năng? ⁶
 Rày hử nói mình chừng lâu ở
 Ôm khâm trù ⁷ hoặc đã có người?
 Phong lưu tính đã quen rồi,
 100 Phồn hoa lịch sự lại mùi Tràng An!
 Nếu chẳng thế, bàn hoàn ⁸ chi mãi,
 Hết xuân rồi, hạ lại sang thu?

Khảo dị:

86. Ngày gần *hôm* chẳng *thấy* thư về.
 87. *Bó xiêm* lũng *thưng* bên hè.
 88. Mây sầu *khóm* liễu *dì dì* khóc ve.
 90. Đói cầm hiên *muốn* gọi *tay* đàn.
 92. Buồn *thôi* xỏ dép ra vườn *bể* hoa.
 93. *Nay* hử bảo trời *đà* mát mẻ.
 95. Biết đâu đường *sá* *khất* *khe*.
 97. *Nay* hử *bảo* ta chừng lâu ở.
 100. Phồn hoa lịch sự lại *người* Tràng An.
 101. *Ví* chẳng *thể* bàn hoàn *chi* mãi.

Chú thích:

1. *Hàng hàng khóc ve*: ý nói ve kêu xào xạc buồn như muốn khóc trên các cây
 chạy dài thành nhiều hàng bên đường.
 2. *Cầm hiên*: cái đàn treo ở hiên nhà.
Hiên sau treo sẵn cầm trắng (T.K)
 3. *Lương nhân*: người lành. Vợ thường gọi chồng là lương nhân.
 4. *Nghiêu khê*: ngoắt ngoéo quanh co, nói về lối đường khó đi. Cả câu ý nói biết
 đâu đường đời quanh co éo le trắc trở.
 5. *Hồ dễ đi về*: đâu có dễ đi về.
 6. *Cho năng*: cho nhiều được.
 7. *Khâm trù*: chẵn và mền, ý nói chồng mình ở Tràng An đã lấy vợ lẽ rồi.
 8. *Bàn hoàn*: nghĩ quanh nghĩ quẩn.
Nỗi riêng, riêng những bàn hoàn (T.K).

105 Lầu hồng ¹ cung ẩm ấy ru?
 Anh hùng ² lại với trượng phu ³ ai từ?
 Như thế ấy, bây giờ ai biết?
 Trong yên ba ⁴ khôn xiết dạ sầu.
 Há còn trai trẻ chi đâu,
 Phong lưu thói cũ, giang hồ lối xưa ⁵.
 110 Cảnh du lữ câu thơ thổn thức,
 Bóng hương quan ⁶ xa khuất dặm ngàn.
 Non sông khách có biết chăng?
 Vẫn tình thì nhớ ⁷, nhưng đường thì khơi ⁸
 Tuy rằng nói đã người tần tảo ⁹,
 Trên tôn đường ¹⁰, trong đạo tề gia.
 115 Rau khe nước suối cũng là ¹¹,
 Mình xa nào biết ở nhà làm sao?

Khảo dị:

104. Anh hùng *kia* với trượng phu ai từ.

106. *Trống yêu hoa* khôn xiết *đa* sầu.

107. Há còn *tuổi* trẻ chi đâu.

108. Phong lưu *tình* cũ giang hồ *thói* xưa.

110. Câu này nguyên bản chép là: “Bóng hương quan xa khuất dặm ngàn”.

Đầu tiếp Nguyễn Văn Đề sửa lại là “Bóng hương quan *trước mắt mơ màng*”.

TTV: “Bóng hương *khue* xa khuất dặm *trường*”.

111. *Giang hồ* dù có biết *thương*.

112. *Thiệt* tình lại nhớ *những* đường *dặm* khơi.

Chú thích:

1. *Lầu hồng*: chỉ lầu son gác tía, ngày xưa chỗ phụ nữ ở.

Về sau chữ này được dùng để chỉ nhà chứa gái mại dâm.

2. *Anh hùng*: người tài giỏi, có khí phách hơn người.

3. *Trượng phu*: người đàn ông có chí khí hơn người. Vợ gọi chồng là *trượng phu*.

Cả hai câu 103-104 ý nói xưa nay những nơi lầu hồng gác tía, dầu kể anh hùng, bậc trượng phu cũng không cấm lòng được.

4. *Yên ba*: khói và sóng.

5. *Há còn... lối xưa*: cả hai câu ý nói há còn trẻ tuổi gì nữa mà bảo quen thói chơi bời như ngày trước nữa.

6. *Hương quan*: cửa làng, làng xã.

7. *Vẫn tình thì nhớ*: tình thì vẫn nhớ, vẫn tha thiết.

8. *Khơi*: xa.

9. *Tần tảo*: rau tần và rau tảo là hai thứ rau làm đồ tế. *Kinh Thi* có câu: *Thái tần thái tảo* là việc chuyên trách của người nội trợ.

10. *Trên tôn đường*: (*tôn đường*: nhà thờ tổ tiên) trên thì lo việc thờ cúng tổ tiên.

11. *Cũng là*: cũng là tỏ được tấm lòng thành.

Duy biết trẻ đứa nào đứa nấy,
 Trong gia đình đều thấy yên vui.
 Lúc đi trẻ mới hay cười,
 120 Tóc rằng nay đã ra người lớn khôn.
 Và thằng cháu trời thương cũng khá,
 Tuổi năm nay chừng đã trưởng thành ¹.
 Phúc nhà mừng trộm cho anh,
 Năm nay biết đã học hành cùng ai?
 125 Bạn đèn sách một hai tri thức,
 Mùi chi lan ² sức nức một nhà.
 Từ phen cất chén quan hà ³,
 Vị Thành ⁴ lúc ấy rồi mà Dương Quan ^{5.6}.
 Sau chẳng biết ngoài miền Bắc động
 130 Hai anh ta có chóng hồi hương?
 Thương ôi đồng bệnh cùng thương

Khảo dị:

- 117. Mừng cho trẻ đứa nào đứa nấy.
- 118. Gia đình thời đều thấy yên vui.
- 121. Vài thằng cháu nhờ ơn cũng khá.
- 123. Phúc nhà mừng hộ cho anh.
- 124. Năm nay biết có học hành cùng ai.
- 126. Mùi lan chi thơm nức một nhà.
- 127. Trừ phen chén rượu quan hà.
- 130. Hai anh ta có chóng hồi trang.
- 131. Mới hay cùng bệnh thêm thương.

Chú thích:

- 1. Trưởng thành: đã lớn khôn rồi.
- 2. Chi lan: cỏ chi và cỏ lan, thứ cỏ thơm, hương nó hòa hợp nhau.
Nghĩa bóng: anh em bạn tốt.
- 3. Chén quan hà: (quan: cửa ải, hà: sông; chỉ đường xa, chí tình ly biệt) chén rượu tiễn biệt.

Số thanh phong dịch ly đình vân,
 Quân hướng Tiêu Tương, ngã hướng Tần.

(Gió đưa mấy tiếng sáo vào ly đình lúc chiều tà, chính là lúc bạn hướng đi về phía sông Tiêu Tương còn tôi thì đi tới đất Tần).

- 4. Vị Thành: tên đất, thành cũ nay ở phía đông huyện Trường An, tỉnh Thiểm Tây.
- 5. Dương Quan: tên một cửa quan cũ, nay ở phía tây nam huyện Đôn Hoàng tỉnh Cam Túc.
- 6. Từ phen... Dương quan: hai câu này lấy ý từ bài Vị Thành khúc của Vương Duy tả cảnh tiễn biệt nhau. Sdd.

Một Tần lại một Tiêu Tương ¹ một trời ²
Đến bao giờ cùng ngồi kể chuyện,
Kể hương tình cho đến khách trung ³.
135 Mà nay nào nguyệt nào phong,
Nào thi nào tửu biết cùng ai hay?
Sầu ly biệt tuôn đầy hai mắt,
Bóng hương quan ⁴ xa khuất dặm ngàn.
Rượu rồi ngồi dựa lan can ⁵,
140 Chiêm bao tỉnh giấc đêm tàn về thu.

Khảo dị:

132. *Kẻ Tần người lại Tiêu Tương* một trời.
135. *Bằng nay nào nguyệt nào phong.*
137. *Cảnh ly biệt lệ đầy hai mắt.*
138. *Bóng hương khuê xa cách dặm ngàn.*
139. *Rượu rồi ngồi tựa câu lan.*
140. *Chiêm bao thấy giấc canh tàn về thu.*

Chú thích:

1. *Một Tần... một Tiêu Tương*: (*Tiêu Tương*: con sông do sông Tiêu và sông Tương hợp thành, ở phía bắc huyện Linh Lăng, tỉnh Hồ Nam) mượn ý ở hai câu thơ của Trịnh Cốc để tả cảnh chia ly. Sdd.

2. *Thương ôi... một trời*: thương ôi! cùng chung một bệnh tương tư nhau, thương nhớ nhau mà sao mỗi người lại một ngả, người thì đi tới sông Tiêu Tương ở đất Sở, kẻ lại sang nước Tần.

3. *Khách trung*: tấm tình trong lòng khách ở quê người.

4. *Hương quan*: (*hương*: làng xóm, *quan*: cổng) cổng làng, chỉ quê nhà.

Trong bài *Hoàng hạc lâu* của Thôi Hiệu cũng có câu: “*Nhật mộ hương quan hà xứ thị?*” (Lúc trời chiều, ra đứng ngóng trông về làng cũ, tự hỏi: Quê nhà ở nơi đâu?)

5. *Lan can*: bao lơn ngoài hiên.

THU DẠ LỮ HOÀI NGÂM

Bản dịch của NGUYỄN VĂN ĐỀ

Đêm thu lặng, trời thu sáng suốt,
Cách rèm thưa, lọt rớt chén vàng.
Giục thời, thời lại giục trường,
Kiếp phù mây thuở bày tuồng làm vui.
5 Người đối cảnh hoa cười bóng nguyệt,
Cảnh trêu người, gió nguyệt ngọn cây.
Dường này dễ mấy ai hay?
Cùng ai với gió trăng này làm thân?
Thơ khiễn hứng ba vần nhả ái,
10 Rượu tiêu sâu lưng túi ly hoài.
Một đèn riêng một thư trai,
Nhớ thân muôn dặm, thương người nghìn thu.
Ngoài nọ bến, tiếng ngư vang dội,
Thuyền đâu chèo dọc mãi sông Hương?
15 Mơ màng đêm nguyệt trời sương,
Non Hàn tưởng khách thơ Đường là ai!
Trên sông Khúc nào hồi Tử Mỹ,
Chiếc bè trôi, chạnh ý ly hương?
Cảm thu truyền lại tám chương,
20 Khéo xui lòng khách dễ vương tình lòng?
Xưa ta đi, liễu đang xanh tốt,
Một vài câu vừa hát chim oanh.
Mà nay cúc nở vàng cành,
Liễu kia, ve khóc buồn tanh ngõ ngoài!

25 Xưa ta đi, đào cười nhí nõn,
Một đôi nhành vừa bén gió đông.
Mà nay lạn rợn như rừng,
Đào theo sương rụng lung tung phía ngoài.
Làm chi vậy, lẻ loi quán trọ,
30 Ngày ba thằng mắng sữa nghêu ngao.
Đêm đêm án sách gục vào,
Lá than sương nặng, dế kêu thu buồn.
Làm chi vậy gầy mòn điểm lữ?
Chốc nửa năm sương gió lân la.
35 Đêm đêm hiên vắng nhìn ra,
Gió lay ngọn trúc, trắng sa mái hồi.
Nào có phải như ai vì nước,
Vứt bút mà đồng mác cho cam?
Khi không rước lấy cát lăm,
40 Hồ ngồi gương mặt, then nằm nghiêng tai!
Nào có phải như ai vì hiếu,
Vâng hịch mà bôn tẩu chẳng nài?
Việc gì lần lửa quê người,
Mây che núi cũ, hoa cười thân cô.
45 Rày đứng ngóng trên bờ nọ biển,
Lá buồm ai về bến thẳng giông.
Lòng quê sôi nổi như nung,
Phút theo buồm vượt mấy trùng phong ba.
Mai đứng ngóng trên nhà nọ núi,
50 Làn mây cô, nắng rọi, nổi chong.
Lòng quê rối tựa bông bong,
Phút theo mây kéo mấy trùng quan san.
Phương nào tá tin nhàn núi cũ?
Bút mực đâu tả đủ niềm đơn?
55 Bên chùa Diệu Đế chuông đồn,
Trên thành súng nổ, dưới đồn trống vang.
Sông quặn quặn, ruột càng quặn quặn,

Cảnh rầu rầu, dạ vẫn rầu rầu.

60 Lạnh lòng đất khách trời thù,
Kìa! Ai nhả gạo. Ồ! Đâu khua chèo?

Ngoài nghìn dặm rối mèο tâm sự,
Chốn phòng khuê vò vò thương ai.

 Canh khuya che quạt lặng ngời,
Mặc đèn lu ngọn, kệ trời sáng trắng.

65 Trên gối chiếc, đêm trăng tráo trở,
Mảnh tình riêng than thở cùng ai?

 Đã khuya trông cửa thấy người,
Ngủ mơ màng bướm, dậy oi óc gà.

70 Hoặc có lúc: trước nhà bóng bố,
Bước xuống thêm, lại trở lên lầu.

 Phút trông én ngậm bùn đâu
Phượng buồn bã lược, loan rầu rĩ gương.

 Hoặc có lúc: trong buồng đêm vắng,
Gọi khêu đèn, hòng găng dệt khuya.

75 Bỗng nghe nhận vượt sông kia,
Ác buông trôi máy, én lìa ngang thoi.

 Thương thay có đêm ngời suốt sáng,
Đợi cả đêm, thư chẳng thấy nào!

80 Vút thoi, lóng ngóng trước lầu,
Đế than sương lạnh rót sâu vào tai!

 Chẳng thấy ai, riêng càng tức tối,
Đành ôm lòng trở lại buồng thêu.

 Nhà bên gà đã gáy xèo,
Nghĩ đâu dựa ghế còn khêu hao đèn!

85 Thương thay cứ ngày quen dậy sớm,
Đợi tối ngày tin vườn (vẫn) vắng đâu!

 Vầy bầu, lững thững quanh lầu,
Liều kia ve khóc rử sâu ngang mi.

90 Chả thấy gì, lại vào lủi thủi,
Gượng ôm cầm dạo mấy đường tơ.

Bình lan bướm vội theo đùa,
 Bực thôi xỏ dép bỏ ra thăm vườn.
 Giờ hẳn nói: “Trăng tròn lại tỏ”,
 Để đến ngày “Gương vỡ lại liền”!...
 95 Biết đâu đường thế tần phiên,
 Người đi chưa dễ biết phen nào về!
 Thôi lại bảo: “Mình e ở mãi,
 E ở Kinh đã phải lòng ai!...
 Làng chơi quen thói ăn chơi,
 100 Đất phồn hoa ấy, lại trời Phú Xuân!
 Chẳng vì tiếc xuân nên nấn ná,
 Sao xuân rồi, rồi hạ, rồi thu?
 Mấy nơi các tía rèm chu,
 Anh hùng hào kiệt chưa từ lộ ai?...”
 105 Như thế ấy, ai người biết với?
 Trong yên ba riêng tủi lòng này!
 Phải rằng trai trẻ những ngày?
 Rằng ưa dài các? Rằng hay giang hồ?
 Câu lữ cảnh mượn ru ly hận,
 110 Hồn hương quan vợ vẫn đêm trường,
 Ai mà nghĩ đến mà thương,
 Vì ai thêm xót nỗi đường cam gay!
 Nghề nội trợ đã hay rằng thế,
 Đạo trong nhà tổ nể trên đầu.
 115 Rau khe nước suối mặc dầu,
 Một tay trăm việc chắc đâu lo tròn?
 Duy biết chắc đàn con ăn nhờ,
 Lòng chẳng nghe ái ngại điều chi!...
 Ngày đi trẻ dại biết gì?
 120 Tóc răng rày hẳn ra bề đã khôn.
 Dễ thương nhĩ thằng con anh trưởng!
 Tuổi mười ba mười bốn chi rồi!...

Anh mình hấn lấy làm vui!
Năm này cháu đã theo ai sách đèn?
125 Nhớ đèn sách, khôn quên hai bạn,
Mùi chi lan thoang thoảng còn hoài.
Chén đưa nào lúc khuyen nài,
Vị thành lúc ấy là rồi chia tay.
Sau đất Bắc đường đầy binh lửa,
130 Hai anh ta về ở bề nào?
Bịnh chung, chung mối thương đau,
Thương ôi kẻ đấy người đâu một trời?
Bao giờ lại cùng ngồi chuyện vãn,
Chuyện gần xa lòng gạn hỏi lòng?
135 Mà này nào nguyệt nào phong,
Nào thi nào tửu, ai chung với nào?
Trông đất khách, lệ trào đôi mắt,
Ngóng quê nhà, đường mắc nghìn non.
Rượu rồi gục xuống câu lơ,
Chiêm bao mở mắt, đêm còn hoàn đêm!...

TỰ TÌNH KHÚC

CAO BÁ NHẠ

Cao Bá Nhạ là người xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, trước thuộc tỉnh Bắc Ninh nay thuộc Hà Nội. Ông là con Cao Bá Đạt và cháu Cao Bá Quát.

Năm 1854, Tự Đức thứ 7, sau khi Cao Bá Quát nổi lên chống lại triều đình ở Sơn Tây và bị thất bại thì cả nhà bị truy nã. Cao Bá Quát bị chết trận¹. Cao Bá Đạt (người anh song sinh với Cao Bá Quát) bấy giờ đang làm Tri huyện Nông Cống (Thanh Hóa) bị bắt giam, sau đã phải tự tận. Cả nhà ông bị bắt. Duy có Cao Bá Nhạ trốn thoát, ẩn náu ở hạt Mỹ Đức (Hà Tây) được tám năm trời, nhưng rồi có kẻ tố cáo nên cũng bị bắt và bị chết mất tích.

Khúc Tự tình này, Cao Bá Nhạ làm khi đang bị giam ở trong ngục đã giải bày tâm sự và nỗi oan ức của ông.

*
* *

Bài *Tự tình khúc* dài 608 câu được viết theo thể song thất lục bát, có thể chia làm sáu phần:

1. *Mở đầu* (1 - 8): Sau tám năm ẩn trốn (1854 - 1862) Cao Bá Nhạ bị tố cáo và bị bắt. Trong lúc bị giam giữ ông đã làm bài này để bày tỏ tâm sự của mình.

2. *Giới thiệu gia thế* (9 - 36): Quê ở làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh. Họ Cao nhà ông đã mấy đời khoa bảng và con cháu vẫn lấy thanh cần làm nền nếp nhà. Cha ông (Cao Bá Đạt) tuy làm một chức quan nhỏ (Tri huyện) nhưng có danh tiếng là thanh liêm.

3. *Gia biến và cảnh ẩn trốn* (37 - 188): Vì chú (Cao Bá Quát) khởi loạn chống lại triều đình mà cha ông phải tự sát và ông phải ẩn trốn ở Mỹ Đức, một nơi hẻo lánh, làm thầy đồ cố giữ cho mọi người không để ý. Đã có vợ và có con, ông chỉ mong được nhà vua ân xá cho ông.

4. *Thuật lại việc bị bắt* (189 - 324): Không ngờ có kẻ tố cáo, ông bị bắt, bị bỏ cũi giải đi Hải Dương, Bắc Ninh..., thân phận thật là khổ sở và tình cảnh thật là nhục nhã.

1. Theo sách *Đại Nam chính biên* (mục *Nghịch thần*).

5. *Kể lại tâm sự khi bị giam ở trong ngục* (325 - 572): Ông buồn tủi vô cùng vì oan ức nhưng vẫn cố gắng giữ lòng ngay thẳng và luôn luôn nghĩ đến cha mẹ, vợ con, quê hương của mình.

6. *Kết thúc* (571 - 608): Ông bày tỏ lòng tin tưởng vào đạo lý của thánh hiền, vào sự khoan hồng của nhà vua và phúc đức của nhà mình.

Qua bài *Tự tình khúc* chúng ta nhận thấy tác giả viết ra không phải để dâng lên nhà vua mà chỉ muốn tự mình thanh minh với mình, với mọi người để bày tỏ nỗi oan ức của mình vì ông đâu có dính líu gì vào việc Cao Bá Quát dấy quân chống lại triều đình. Ông lấy làm oán hận vì đã phải trả những tội mà mình không gây ra. Trong những lời tự tình của ông chúng ta nhận thấy được cả tư tưởng đạo nghĩa rất mạnh của Nho gia với mộng công danh, đức thanh cần, chữ trung, chữ hiếu, sự coi trọng danh dự, vốn là những khuôn thước của nền luân lý Khổng Mạnh.

Ông tuy bị chết oan, nhưng những lời *tự tình* của ông đã để lại cho hậu thế một tấm gương cao nghĩa và một áng văn chương quý giá được viết ra lúc phải đeo gông, ngồi cũi.

TỰ TÌNH KHÚC

Tĩnh giấc mộng ngâm câu ký vãng ¹,
Trải tám thu ² ngày tháng như thoa ³.
Chiếc thân tựa bóng quan hà ⁴,
Nỗi niềm tâm sự trắng già thấu chẳng?
5 Thơ cao ẩn ⁵ tay đăng ⁶ nên tập,
Bức linh đài ⁷ bút đập vào tranh.
Bâng khuâng mình tiếc cho mình,
Xa xa nói với xanh xanh giải lòng.
Ngòi Đức Thủy ⁸ khơi dòng kinh sử,
10 Phả Cao Dương ⁹ treo chữ ¹⁰ tấn thân.
Dõi đời khoa bảng xuất thân ¹¹,
Trăm năm lấy chữ *thanh cần* ¹² làm bia.

1. *Ký vãng*: đã qua. Luận ngữ: “Thành sự bất thuyết, toại sự bất gián, ký vãng bất cửu” (việc đã thành chẳng nói nữa, việc có thể thành chẳng nên can ngăn, việc đã qua không bắt lỗi nữa). Hai chữ *ký vãng* nêu ở đầu bài đã tóm tắt hết ý của toàn bài.

2. *Tám thu*: tám năm.

3. *Như thoa*: như thoi dẹt qua lại mau trên khung cửi; ý nói ngày tháng qua mau.

4. *Quan hà*: (*quan*: cửa ải, *hà*: sông) nói việc tiễn đưa người đi xa phải qua sông, qua cửa ải. Nghĩa bóng chỉ sự tiễn biệt, chỗ xa xôi cách trở.

Tựa bóng quan hà: ý nói ẩn náu ở chỗ đất khách quê người.

5. *Cao ẩn*: bậc ẩn dật thanh cao.

6. *Đăng*: đăng tả, viết rõ ràng.

7. *Linh đài*: tâm linh của người ta, lòng người. Do câu: “Nhất điểm linh đài, đan thanh mạc trạng” (một tấm lòng không thể lấy màu đỏ, màu xanh vẽ ra được).

8. *Đức Thủy*: sông Nguyệt Đức chảy vào địa phận tỉnh Bắc Ninh.

9. *Phả Cao Dương*: về đời Đường Nghiêu có họ Cao Dương sinh ra tám người tài tử. Đây mượn chữ Cao Dương để chỉ gia phá nhà họ Cao.

10. *Tấn thân*: (*tấn*: cái hốt, *thân*: cái đai) bậc đậu đạt làm quan.

11. *Khoa bảng xuất thân*: do khoa cử đậu đạt mà ra làm quan.

12. *Thanh cần*: thanh liêm, cần mẫn, làm quan cần ba điều: thanh, thận, cần.

Đền Mông Chính ¹ canh khuya một ngọn,
 Màn Trọng Thư ² năm trọn nửa vây.
 15 Chim hồng mong chấp cánh mây,
 Năm xe kinh sử ³ một tay vẽ vờ.
 Lửa Thái ất ⁴ đêm soi Lưu Hưởng ⁵,
 Cầu Thăng Tiên ⁶ ngày tưởng Tràng Khanh ⁷.
 Gót chân coi nhẹ vân trình ⁸,
 20 Văn chương dốc túi, công danh giạt cờ.
 Nền thế nghiệp ⁹ đã nhờ gia ả ¹⁰,
 Miên hoạn đồ ¹¹ lại lắm thiên ân ¹².
 Trước sau trải mấy mươi lần,
 Môn phong ¹³ vẫn giữ trung cần ¹⁴ dám sai.
 25 Ngẫm tiên phụ ¹⁵ nửa đời khổ tiết ¹⁶,
 Để mai sau một ít vi danh ¹⁷.

1. *Mông Chính*: tức Lã Mông Chính, người đời Tống, nhà nghèo nhưng chăm học sau đỗ Trạng nguyên và làm đến Tể tướng.

Đền Mông Chính: ý nói chăm chỉ học tập.

2. *Trọng Thư*: tức Đồng Trọng Thư, một bậc đại nho đời Hán, rất chăm học, từng bỏ màn đọc sách, ba năm không dờn ra vườn.

3. *Năm xe kinh sử*: do câu tài đồng tám đấu, sách chở năm xe; ý nói học rộng tài cao.

4. *Thái ất*: tên một ngôi sao.

5. *Lưu Hưởng*: bậc đại nho đời nhà Hán (Trung Quốc).

Cả câu ý nói chăm đọc sách như Lưu Hưởng ngày xưa vẫn thường đọc sách dưới ánh sáng của đèn Thái ất.

6. *Cầu Thăng Tiên*: cầu ở phía bắc Thành đô.

7. *Tràng Khanh*: tên tự của Tư mã Tương Như, đời Hán. Khi Tư mã Tương Như đi vào đất Thục, qua cầu Thăng Tiên có đề vào cột cầu rằng: “Nếu không làm nên, không đi xe ngựa thì sẽ không trở về qua cầu này nữa”.

8. *Vân trình*: đường mây, đường công danh.

9. *Thế nghiệp*: nghiệp nhà đời nọ qua đời kia đều có người đậu đạt.

10. *Gia ả*: phúc đức của tổ tiên để lại cho con cháu được nhờ.

11. *Hoạn đồ*: (*hoạn*: ra làm quan, *đồ*: con đường) con đường ra làm quan.

12. *Thiên ân*: ơn trời tức là ơn của nhà vua.

13. *Môn phong*: thói nhà.

14. *Trung cần*: hết lòng trung với nhà vua (*cần*: siêng năng).

15. *Tiên phụ*: cha đã qua đời.

16. *Khổ tiết*: chịu khắc khổ để giữ tròn khí tiết.

17. *Vi danh*: danh tiếng nhỏ bé.

Hoạn giai ¹ nhỏ mọn đã đành,
 Trong vòng thú lệnh ² phẩm bình còn khen.
 Dấu trung ấn ³ in miền mây trắng,
 30 Chữ mục dân ⁴ bóng dựng non vàng.
 Bức tranh treo chữ tuần lương ⁵,
 Ngư Dương hát lúa ⁶ Hà Dương vịnh đào ⁷.
 Giá cầm hạc so vào Triệu Biện ⁸,
 Thư phụng hoàng đưa đến Mao Khanh ⁹.
 35 Móc mưa ơn đội thánh minh,
 Thánh minh hai chữ góp danh với đời.
 Vườn Lý Bạch ¹⁰ chưa vui đào hận,
 Nhà Tử Văn ¹¹ nổi trận phong ba ¹².

1. *Hoạn giai*: cấp bậc làm quan.

2. *Thú lệnh*: chức quan Thái thú và Lệnh doãn.

3. *Trung ấn*: Thơ Bạch Cư Dị có câu: “Đại ấn ấn triều thị, tiểu ấn ấn lâm tuyên bất như tác trung ấn, ấn tại lưu ty gian” (Bậc đại ấn ấn ở triều đình nơi đô thị, bậc tiểu ấn ấn ở chỗ núi rừng, chẳng bằng làm bậc trung ấn, ấn ở chức quan lại nhỏ nhàn rồi). Người ta dùng chữ *trung ấn* để ví với những kẻ làm quan nhỏ, an nhàn.

4. *Mục dân*: chặn dất dân chúng, săn sóc dân.

5. *Tuần lương*: giữ pháp luật và thi hành chính sách tốt.

6. *Ngư Dương hát lúa*: Trương Kham làm Thái thú ở Ngư Dương, tri dân khoan hòa, nông dân được mùa luôn thường vui mừng mà ca hát.

7. *Hà Dương vịnh đào*: Tấn thư chép rằng: Phan Nhạc khi làm quan lệnh huyện Hà Dương, bắt dân trong hạt, hễ kẻ nào thiếu thuế thì phải trồng một cây đào. Sau này khi ông hết hạn làm quan ở huyện ấy, khắp huyện chỗ nào cũng có cây đào.

8. *Cầm hạc... Triệu Biện*: Triệu Biện người đời Tống, làm quan to mà tính giản dị, đi nhậm chức chỉ đem theo một cây đàn và một con hạc.

9. *Phụng hoàng... Mao Khanh*: Mao Khanh tức Mao Nghĩa, người đời Đông Hán, rất hiếu hạnh, đương ở ấn để nuôi mẹ thì có chiếu vua (thư phượng hoàng) bổ đi làm Tri huyện. Câu này ý nói đến việc Cao Bá Đạt được bổ đi làm Tri huyện ở Nông Cống (Thanh Hóa).

10. *Lý Bạch*: thi hào đời Đường, có làm bài tự “Xuân dạ yến Đào Lý viên” trong đó có câu: “Hội đào lý chi phương viên, tự thiên luân chi lạc sự” (Hợp nhau ở chỗ vườn Đào Lý, tổ bày sự vui vẻ trong đám anh em). Câu này ý nói trong nhà chưa vui sum họp được bao lâu.

11. *Tử Văn*: người đời Chiến Quốc, một công thần đã giúp cho Sở Thành Vương lập nên nghiệp lớn nhưng sau bị tội, cả nhà cùng mắc nạn.

12. *Phong ba*: (*phong*: gió, *ba*: sóng) gió sóng; việc bất thường mà người ta gặp phải; tai nạn rủi ro.

Thương ôi! Hảo sự tiêu ma ¹,
 40 Tắm lòng băng tuyết phút hòa trần ai.
 Mảnh ngọc bạch ² thiêu người khách tử ³,
 Lưỡi đoản đao ⁴ cắt chữ phù sinh ⁵.
 Nhân gian ai kẻ thương tình,
 Trăm năm công luận phẩm bình về sau.
 45 Nỗi gia thất ⁶ mặc dầu Tạo hóa,
 Đàn nhi tôn ⁷ gửi cả nhân gian.
 Ôn sâu dám quản thân tàn,
 Còn mong gò cáo ⁸ hồn oan lại về.
 Bình dầu phá còn lễ cốt cách ⁹,
 50 Gương dù tan vẫn sạch trần ai.
 Thương thay một khóm hàn mai ¹⁰,
 Hai cành ấm lạnh ra hai tấm lòng ¹¹.
 Giấc vinh nhục sinh không một thoảng,
 Bia thị phi ¹² để tạc còn dài.
 55 Thế gian kẻ khóc người cười,
 Muôn đời để sạch muôn đời để dơ.
 Cuộc phù thế thờ ơ mệnh bạc,
 Chốn dạ đài ¹³ chéch mác lòng son.

1. *Hảo sự tiêu ma*: việc làm tốt đều mất công vô ích.

2. *Ngọc bạch*: dải lụa trắng cổ.

3. *Khách tử*: chết nơi đất khách (ý nói đến việc Cao Bá Đạt phải tự tận).

4. *Đoản đao*: thanh đao ngắn, con dao ngắn.

5. *Phù sinh*: cuộc đời ngắn ngủi của người ta.

6. *Nỗi gia thất*: nỗi khổ trong nhà (sau khi Cao Bá Nhạ bị bắt).

7. *Nhi tôn*: con cháu.

8. *Gò cáo*: cáo chết lại quay về gò. Câu này ý nói người ta tuy phải chết ở quê người nhưng linh hồn thường vẫn tìm về quê nhà.

9. *Còn lễ cốt cách*: ý nói nhà có phong thể dù bị tan nát vẫn còn giữ được nề nếp.

10. *Một khóm hàn mai*: ý nói anh em cùng bởi một gốc mà ra.

11. *Hai cành ấm lạnh ra hai tấm lòng*: Sách *Đông Pha thi chú* chép rằng: "Trên núi Đại Dũ có rất nhiều mai, những cây mai đó nở sớm muộn khác nhau, cành bên nam đã rụng, cành bên bắc mới nở. Đó là vì bên nam ấm, bên bắc lạnh". Cả câu ý chỉ tư tưởng của Cao Bá Đạt và Cao Bá Quát khác nhau: một bên giữ phận thần tử, một bên lại nổi loạn.

12. *Thị phi*: phải trái; lời khen chê.

13. *Dạ đài*: cõi âm phủ.

Quyết mình há tướng đến con,
 60 Tướng khuôn phúc thiện ngẫm còn về sau.
 Phó ngạnh tích ¹ mặc dầu sinh tử,
 Chắc Lý đình ² dạy chữ hiếu trung.
 Cho nên lòng vẫn giữ lòng,
 Dầu khi biến cố ³ còn trong luân thường ⁴.
 65 Mỗi tâm sự để gương non nước,
 Mảnh huyết tình giải trước thần minh.
 Cầu kia ai gọi Tân đình ⁵,
 Chiếc bia Truy lệ ⁶ rành rành bên sông.
 Đạo con lấy hiếu trung làm trọng,
 70 Nỗi thế thường xem mỏng xem khinh.
 Phù sinh một sợi tơ mảnh,
 Giữ gìn di thể ⁷ như hình thiên kim ⁸.
 Nhận sa nước nổi chìm bể khổ,
 Yến e cung tìm đỗ cây lành ⁹.

1. *Ngạnh tích*: dấu của tượng gỗ đào. Sách *Chiến quốc* chép: "Tượng đất bảo tượng gỗ: "Anh là cảnh đào đục tạc thành người. Hễ nước sông Hoài đổ đến, nó cuốn trôi anh đi, anh sẽ lên đến thế nào". Người ta ví những người lưu lạc bênh bồng với tượng gỗ đào là do chuyện đó.

2. *Lý đình*: sân Lý. Lý là con đức Khổng Tử, một lần đi qua sân để đến chỗ học, được cha khuyên nên học Kinh Thi, Kinh Lễ. Ý nói lời cha khuyên con phải biết trung hiếu.

3. *Biến cố*: cái cơ sự hoạn nạn xảy ra.

4. *Luân thường*: phép tắc chính thường loài người nên theo.

5. *Tân đình*: cái đình trên núi Lao Lao, thuộc huyện Giang Ninh. Trong đời Đông Tấn, các tay danh sĩ thường hay lên đó mở tiệc, nghỉ đến đất nước rối loạn, nhiều người không khỏi nhỏ lệ. Về sau những kẻ tiền người đi xa thường hay họp nhau ở đó. Thơ Lý Bạch: "*Thiên hạ thương tâm xứ, Lao Lao tống khách đình*" (Chỗ đau lòng của thiên hạ, ấy là đình tiễn khách trên núi Lao Lao).

6. *Truy lệ*: bia kỷ niệm làm cho người ta phải rơi lệ.

Dương Hựu người đời Tấn, khi làm quan ở Tương Dương rất được lòng dân, đến khi mất được người dân lập bia tưởng nhớ. Ai trông thấy bia ấy cũng cảm động mà rơi lệ. Đỗ Dự bèn đặt tên bia ấy là bia *Truy lệ*. Câu này và câu trên, tác giả mượn điển *Tân đình* và bia *Truy lệ* để nói về cảnh đau đớn lúc bỏ nhà trốn đi.

7. *Di thể*: thân thể của cha mẹ để lại cho.

8. *Thiên kim*: nghìn vàng, ý nói quý lắm.

9. *Yến e cung tìm đỗ cây lành*: chim én bị người ta bắn trượt một lần, sau trông thấy cái cung là sợ, đi tìm cây nào kín đáo mới đậu. Ý nói mình đã thoát nạn, đi tìm chỗ ẩn náu.

75 Đường ngang những sợ chông chênh,
 Khăng khăng quyết giữ tấm thành như son.
 Áo Bạch trũ¹ dầu cơn mưa nắng,
 Khăn Ô luân² đội nặng gió sương.
 Cành mai chéch mác càng thương,
 80 Câu thơ tang tử³ giữa đường càng đau.
 Ngàn non Thái một màu mây bạc
 Giạt chân bèo lưu lạc bể oan.
 Gập ghềnh từng bước gian nan,
 Một vùng khách địa muôn vàn thương tâm.
 85 Lòng hiếu dưỡng trăm năm đã lỡ,
 Lời di danh⁵ hai chữ còn mang.
 Trong khi biến chẳng khác thường,
 Đến điều cùng quá lại càng kiên trinh.
 Thu nước mắt gia tình biếng cạn,
 90 Thấm mồ hôi vận hạn lâu qua.
 Tràng đình⁶ ngoảnh lại xa xa,
 Khỏi cầu Chiết Liễu⁷ ai là cố nhân?
 Ghê chân bước phong trần⁸ mới trái,
 Nặng lòng ơn sơn hải⁹ chưa đành.

1. Áo Bạch trũ: áo lụa trắng.

2. Khăn Ô luân: (Ô: qua, đen như qua, luân: sợi tơ) khăn lượt đen.

3. Tang tử: (tang: cây dâu, tử: cây thị) hai thứ cây trồng nhiều ở các làng quê, nghĩa bóng chỉ quê hương. Kinh Thi: *Duy tang dữ tử, tất cung kính chi* (cây dâu và cây tử của cha mẹ trồng, phải kính trọng nó). Hai chữ tang tử sau dùng để chỉ quê cha mẹ.

4. Ngàn non Thái một màu mây bạc: xưa Địch Nhân Kiệt (đời Đường) đi làm quan xa, có lần trở đám mây trắng ở núi Thái Hàng nói: “Nhà cha mẹ ta ở dưới đó”. Sau dùng chữ non Thái, mây Hàng để nói lòng nhớ cha mẹ.

5. Di danh: cái danh tiếng để lại.

6. Tràng đình: tên một cái quán. Sách Hán thư: Trên các con đường, cứ năm dặm có một cái quán gọi là *đoản đình*, cứ mười dặm lại có một cái quán gọi là *trường đình* để khách bộ hành nghỉ chân. Người ta thường tiễn đưa nhau ở *trường đình*.

7. Chiết liễu: bẻ cành liễu. Người đời Hán, khi tiễn bạn ở cầu Bá kiều thường bẻ một cành liễu làm roi ngựa để tặng biệt nên cầu ấy được gọi là cầu Chiết Liễu.

8. Phong trần: gió và bụi; gió thổi bụi bay, tá nổi khó nhọc khi đi đường. Đây ý nói đến tình cảnh gian khổ lúc đi ẩn trốn.

9. Sơn hải: núi biển; ví công ơn cha mẹ nặng như núi và sâu như biển.

95 Nước mây ¹ mình biết cho mình,
 Trời dành tuế nguyệt ², đất dành điền viên. ³
 Thú thôn ỏ ao nghiên ruộng chữ ⁴,
 Màu giang sơn cơm sử áo kinh ⁵.
 Pha hòa hai chữ trọc thanh ⁶,
 100 Đổi màu lữ khách ⁷, thay hình hàn nho ⁸.
 Người mến cảnh giang hồ ⁹ nên thú,
 Cảnh yêu người, tân chủ ¹⁰ phải duyên.
 Lần hồi trong tám chín niên,
 Gối nhàn tạm chợp, mối phiền tạm khuây.
 105 Vườn riêng, lấy cỏ cây làm bạn,
 Năm dài, xem yến nhạn ¹¹ bay qua.
 Song hồ ¹² ngày tháng lân la,
 Một hai hoàng quyển ¹³, năm ba tiểu đồng.
 Tráp Vinh Thúc ¹⁴ tay phong tay mở,
 110 Tập Thiếu Lăng ¹⁵ câu lựa câu ngâm.

1. *Nước mây*: nước chảy mây trôi, ý nói đến bước đường lang thang nay đây mai đó trong lúc đi ẩn tránh.

2. *Tuế nguyệt*: năm tháng.

3. *Điền viên*: ruộng vườn.

Cả câu ý nói trời còn cho sống thì còn có đất dung thân.

4. *Ao nghiên ruộng chữ*: lấy nghiên làm ao, lấy chữ làm ruộng, kể sinh nhai.

5. *Cơm sử áo kinh*: nhờ kinh và sử mà lo cơm ăn, áo mặc.

6. *Trọc thanh*: đục trong. Khuất Nguyên đời Đông Chu có nói: “Mọi người đều đục, duy có ta trong”.

7. *Lữ khách*: khách đi xa, trọ lại ở nơi đất lạ.

8. *Hàn nho*: nhà nho nghèo.

9. *Giang hồ*: sông hồ, nói kẻ nay đây mai đó, không có chỗ ở nhất định.

10. *Tân chủ*: khách và chủ.

11. *Yến nhạn*: (yến: chim én, nhạn: con ngỗng trời) én và nhạn bay qua ý nói mùa xuân đã qua, mùa thu đã đến.

12. *Song hồ*: cửa sổ có dán giấy.

13. *Hoàng quyển*: sách vàng. *Nghệ văn chí*: “Người xưa lấy lụa vàng bọc sách nên gọi là hoàng quyển”. *Độn trai nhàn lãm*: “Người xưa chép sách đều dùng hoàng bá nhuộm giấy để mối mọt khỏi ăn”. Vì các tính đó về sau người ta gọi sách là hoàng quyển.

14. *Tráp Vinh Thúc*: tráp đựng sách của ông Vinh Thúc, tên tự của Âu Dương Tu, một văn hào đời Tống (Trung Quốc).

15. *Tập Thiếu Lăng*: tập thơ của ông Thiếu Lăng, tên hiệu của Đỗ Phủ, một thi hào đời Đường (Trung Quốc).

Thờ ơ thân thế phù trầm,
 Khi rong trước gió, khi nằm dưới trăng.
 Khuôn tạo hóa dầu rằng phong sắc ¹,
 Nợ phù sinh ² phó mặc bi hoan ³.
 115 Thôn cư riêng thú bàn hoàn ⁴,
 Dem thanh giải trọc ⁵, dem nhàn giải ưu ⁶.
 Túi Tư mã ⁷ dở câu thánh phú,
 Vườn Đào Am ⁸ quyền chủ thần hoa.
 Mấy phen điểm tuyết yên hà ⁹,
 120 Cúc mười lăm khóm, mai vài bốn cây.
 Giấc thanh dạ ¹⁰ cơn say cơn tỉnh,
 Ngày lưu niên ¹¹ khi lạnh khi nồng.
 Phần du ¹² nẻo bắc ngừng trông,
 Nước non cách mấy mươi trùng xa xa.
 125 Câu lữ cảm ¹³ lệ hòa nét mực,
 Chữ gia tình thấm tất lòng son.
 Mất trông Vương Xán ¹⁴ đã mòn,
 Tay đề Hương Tú ¹⁵ vẫn còn ngẩn ngơ.

1. *Phong sắc*: (*phong*: nhiều, hơn; *sắc*: ít, kém) do câu “Phong vu bỉ, sắc vu thử” (hơn bên này, kém bên kia).

2. *Phù sinh*: cuộc đời trôi nổi, ngắn ngủi.

3. *Bi hoan*: buồn vui.

4. *Bàn hoàn*: quanh quẩn, không nỡ dứt bỏ đi.

5. *Thanh... trọc*: trong... đục.

6. *Nhàn... ưu*: nhàn nhã, ... lo âu.

7. *Tư mã*: tức Tư mã Tương Như, người đã làm bài phú *Lãng vân* nổi tiếng là *thánh phú*, ở đời nhà Hán (Trung Quốc).

8. *Đào Am*: tức Đào Tiềm, người đời Tấn, có cái vườn trồng hoa mà mỗi loại có một vị thần hoa. Người chủ vườn hoa ấy là chủ các thần hoa.

9. *Điểm tuyết yên hà*: (*điểm tuyết*: tô vẽ cho đẹp, *yên hà*: khói và ráng) sửa sang cảnh thiên nhiên cho đẹp để thêm.

10. *Thanh dạ*: đêm vắng.

11. *Lưu niên*: năm tháng qua mau như nước chảy.

12. *Phần du*: cây phần và cây du, hai thứ cây thường trồng ở chốn thôn quê, tượng trưng cho quê hương.

13. *Lữ cảm*: cảm xúc của người ở trọ nơi quê khách.

14. *Vương Xán*: người nước Ngụy đời Tam Quốc, kiến thức uyên bác, có làm bài phú *Đăng lâu* để bày tỏ tâm tình của mình khi đứng trên lầu cao trông về cố hương.

15. *Hương Tú*: tự Tử Kỳ; người đất Hoài (Hồ Nam - Trung Quốc) một trong *Trúc Lâm thất hiền*, có làm phú *Tư cữu* để tỏ lòng nhớ bạn.

130 Tình ly biệt thờ ơ góp lại,
 Mối ưu sầu gở mãi chưa xong.
 Lối oan trót mấy năm ròng,
 Ngày mong chữ gấm¹, đêm mong chiếu vàng².
 E đất khách lỡ đường la vông³,
 Khép cửa sài⁴ dám lỏng gót chân⁵.
 135 Bao nhiêu những sự xa gần,
 Hư không phó mặc bụi trần bay đi.
 Chữ nghĩa lý lòng ghi dạ tạc,
 Điều thị phi mắt nhắc tai che.
 Cô trung⁶ quyết giữ lời thề,
 140 Để hồn di thể đi về cho an.
 Nước Châu Thủy⁷ đầy tràn buổi sáng,
 Mây Na Sơn⁸ bảng lảng ban chiều.
 Có ai qua lối Hoạn kiều⁹,
 Cho nhờ gửi nhắn ít nhiều bi ai¹⁰.
 145 Tình kiều tử¹¹ hôm mai đằng đẵng,
 Hồn quan sơn¹² mưa nắng dãi dầu.
 Xa trông tâm tã giọt châu,
 Gần trông phải gượng nuốt sầu ngậm than.

1. *Chữ gấm*: Đâu Thao đời Tấn, đi thú ở nơi xa. Vợ ở nhà là Tô Huệ làm bài thơ dệt trên gấm (*Chức cấm hồi văn*) dâng lên vua, xin cho chồng về.

2. *Chiếu vàng*: chiếu của nhà vua viết trên giấy màu vàng, ân xá cho.

3. *La vông*: lưới đánh chim và lưới bẫy thú; ý nói đến sự bất bở giam cầm.

4. *Cửa sài*: cửa làm bằng những cành cây khô ghép lại. Ở nhà quê thường làm cửa đơn sơ như vậy.

5. *Lỏng gót chân*: buông lỏng gót chân, ý đi đây đi đó. Cả câu ý nói chỉ đóng cửa ngồi ở trong nhà không dám đi đâu.

6. *Cô trung*: lòng trung một mình mình biết, đâu dám cho ai biết.

7. *Châu Thủy*: tức sông Chu chảy về Thanh Hóa.

8. *Na Sơn*: dãy núi ở Thanh Hóa, thuộc huyện Nông Cống, nơi Cao Bá Đạt đã làm Tri huyện.

9. *Hoạn kiều*: tên một cái cầu trên đường về Bắc.

10. *Bi ai*: thảm thương, nỗi đau buồn trong lòng.

11. *Kiều tử*: (*kiều*: cây cao, cành mọc vươn thẳng lên, *tử*: cây thấp, cành mọc rủ xuống) chỉ cha con.

12. *Quan sơn*: (*quan*: cửa ải; *sơn*: núi non) chỉ nơi xa xôi cách trở.

150 Gối vò võ đèn tàn đêm vắng ¹,
 Cửa lơ thơ rèm chắn ngày thâu ².
 Cảm hoài khi lựa mấy câu,
 Nghêu ngao đồng tử ³ tiêu sầu năm ba.
 Đuôi con mắt châu sa thấm giấy,
 Đầu ngón tay máu chảy pha son.
 155 Người đau phong cảnh cũng buồn,
 Thông gầy như trúc, cúc mòn như mai.
 Mối tâm sự rối mười phần thảm,
 Gánh gia đình nặng tám năm dư.
 Khi ngày mong bức xá thư ⁴,
 160 Khi đêm than bóng, khi trưa hỏi lòng.
 Hương thề nguyện khói lồng ⁵ trước gió,
 Tờ tố oan ⁶ mở ngõ giữa trời.
 Tờ oan kể xiết bao lời,
 Hương thề sao chữa thấu nơi cửu trùng? ⁷
 165 Ngấm đời trước vốn không oan trái ⁸,
 Sao kiếp này vương mãi gian truân ⁹.
 Lo xa thôi lại nghĩ gần,
 Thôi ngơ ngẩn sớm, lại trần trọc khuya.
 Ngơ ngẩn nhẽ đường kia nổi nọ,
 170 Ngao ngán thay phận nhỏ sâu to.
 Một mình riêng những đắn đo,
 Thường tình nhi nữ khôn dò sâu nông.

1. *Đêm vắng*: đêm vắng.

2. *Ngày thâu*: ngày dài (*thâu*: suốt cả từ sáng đến tối).

3. *Đồng tử*: đứa trẻ nhỏ, học trò nhỏ.

4. *Xá thư*: thư nhà vua xá tội cho. Do câu "Đại xá thiên hạ thư".

5. *Khói lồng*: đốt hương thề nguyện thì gió đưa khói cuốn tỏa lên cao (lồng).

6. *Tố oan*: bày tỏ nỗi oan, kêu oan.

Cả câu ý nói viết tờ kêu oan trái ở trên án giữa trời nên gọi là *mở ngõ*.
 7. *Cửu trùng*: (*cửu*: chín; *trùng*: lớp) nơi vua ở thâm nghiêm phải qua chín lớp cửa mới đến nơi được.

Sở từ: *Quân vương hể cửu trùng*. Cửu trùng chỉ vua.

8. *Oan trái*: (*trái*: nợ) theo thuyết luân hồi nhà Phật, vì kiếp trước làm điều oan nên kiếp này phải chịu đày đoạ, như là để trả nợ.

9. *Gian truân*: gian nan khổ sở.

Thôi di vãng đã không kéo lại,
 Còn tương lai liệu phải đến bồi.
 175 Họa may cảm động đến trời,
 Lấy thân mà trả nợ đời cho thân.
 Dầu dầy kiếp phong trần dám sá,
 Giải được lòng khuyển mã ¹ là vinh.
 Một là mở tấm đan thành ²,
 180 Hai là rửa tiếng nguyệt bình ³ chê bai.
 Để tiên tổ ngậm cười chín tuổi,
 May gia khương ⁴ còn nối về sau.
 Hay ra lại rạng cơ cừ ⁵,
 Hèn ra sơn thủy tiêu sầu ⁶ cũng khoan ⁷.
 185 Cho nên nổi gian nan sá kể,
 Liệu rồi ra tìm thế gỡ dần.
 Thôn trang ⁸ tìm thú ân cần,
 Một phần thê tử, hai phần thảo hoa.
 Tưởng khuây khỏa ngày qua tháng tới,
 190 Bỗng hải hùng gió thổi mưa chan ⁹.
 Nổi chìm, chìm nổi bể oan,
 Mấy năm hầu cận, một cơn lại đẩy.
 Nặng kiếp trước, vò giày chi mãi?

1. *Khuyển mã*: chó ngựa, lời tự khiêm của bầy tôi tỏ lòng trung thành với nhà vua.

2. *Đan thành*: (đan: son) tấm lòng son trung thành.

3. *Nguyệt bình*: lời bình phẩm hàng tháng ở trong làng xóm. *Hậu Hán thư*: Hứa Thiệu hay bình phẩm các nhân vật trong làng xóm, mỗi tháng lại bị thay phẩm đề một lần; vì vậy ở miền Nhữ Nam mới có tục phê bình nhân vật hàng tháng gọi là *nguyệt đán bình*.

4. *Gia khương*: phúc nhà.

5. *Cơ cừ*: (cơ: cái nia, cái thúng; cừ hoặc dẫu: áo cừ).

Kinh Lễ có câu: “*Lương cung chi tử, tất học vi cơ, lương dã chi tử, tất học vi cừ*” (con thợ làm cung dẫu không khéo bằng cha nhưng cũng biết uốn tre làm được cái nia, cái thúng; con thợ hàn dù vụng cũng theo cha mà chấp mối da thú làm thành cái áo cừ). Người ta mượn chữ *cơ cừ* để nói bóng về việc con cháu nối được nghề nghiệp của cha ông.

6. *Sơn thủy tiêu sầu*: ý nói sống ẩn dật.

7. *Khoan*: khoan thai, thư thả; khuây khỏa nỗi lòng.

8. *Thôn trang*: làng xóm.

9. *Gió thổi mưa chan*: ý nói tai họa ập đến một cách bất ngờ.

Ngẫm tình này oan trái sao cân.
 195 Nghĩ thân mà ngán cho thân!
 Một thân mang nợ mấy lần chưa thôi!
 Chữ bạc mệnh ¹, ai ơi! xót với,
 Câu đa gian ² trời hỡi! thấu chăng?
 Gớm thay ngọn lửa đốt rừng,
 200 Đập tàn, tàn lại bùng bùng bỏng không.
 Ghê cho kẻ mọc lông trong bụng! ³
 Đặt nên điều vẽ bóng ngoài môi ⁴.
 Ngựa hươu ⁵ thay đổi như chơi,
 Giấu gươm đầu lưỡi ⁶, thọc dùi trong tay ⁷.
 205 Gây ra sự chia cây, rụng lá,
 Để cho ai chìm cá giạt bèo.
 Năm ba kẻ thước, người hèo ⁸,
 Ngõ Nhan lôi cái đan biểu ⁹ đập tan.
 Gà eo óc vừa tàn giấc mộng,
 210 Nhặng ¹⁰ vo ve sức động hồn kinh.

1. *Bạc mệnh*: (bạc: mỏng) số mệnh mỏng manh không ra gì.

2. *Đa gian*: nhiều nỗi gian truân, cực khổ.

3. *Mọc lông trong bụng*: tục ngữ có câu “Bụng mọc lông” để chỉ người tàn ác.

4. *Vẽ bóng ngoài môi*: ý nói đặt chuyện nói vu cho người ta.

5. *Ngựa hươu*: do câu “*chỉ lộc vi mã*” (chỉ hươu làm ngựa). Triệu Cao dâng lên vua Trần Nhị Thế một con hươu và tâu là con ngựa. Vua bảo: “*Thừa tướng lầm rồi! Đó là con hươu chứ không phải con ngựa*”.

Đoạn vua xoay lại các quan để hỏi. Có người tâu là con hươu, có người tâu là con ngựa, có người không dám trả lời.

Triệu Cao ngầm trị tội những người bảo con hươu là con hươu.

Câu chuyện này ám chỉ việc lấy phải làm trái, lấy trái làm phải, xuyên tạc sự thật.

6. *Giấu gươm đầu lưỡi*: ý nói nham hiểm, lấy miệng lưỡi vu hãm giết người.

7. *Thọc dùi trong tay*: ý nói bất thành linh dùng mưu kế độc ác mà làm hại người.

8. *Người hèo*: (hèo: cây gậy có bọc tua ở đầu) người cầm cái hèo, cái gậy.

9. *Ngõ Nhan... đan biểu*: (đan: rỏ, biểu: bầu) xưa Nhan Hôi, học trò đức Khổng Tử, nhà nghèo ở ngõ hẻm, chỉ có một rỏ cơm, một bầu nước. Cả câu ý nói lính tráng vào nhà đập phá hết.

10. *Nhặng*: ruồi xanh, chỉ bọn sai nha.

Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh (T.K).

Tiểu đồng ¹ thỏn thức chung quanh,
 Thê nhi ² lăn lóc bên mình khóc than.
 Phút nửa khắc muôn ngàn thê thảm,
 Trong một mình bảy tám biệt ly.
 215 Ngánh vào, ái ngại thê nhi,
 Ngánh ra, án cũ cầm thi ngại ngần.
 Lay ngọn cúc gió dần lăn lóc,
 Thấm cảnh mai sương khóc chan hòa.
 220 Trông hoa đau đớn cùng hoa,
 Ai ngờ từ đấy hóa ra vô tình?
 Áo xóc xếch nửa mình chấp nối,
 Tóc loăn xoăn trăm mối bông bong.
 Sầu dài chia nửa vào song ³,
 Bước ra dùng dằng lại trông trở vào.
 225 Hồn khuê phụ ⁴ lao đao lạng ngát,
 Người hương quan ⁵ quanh quất thương thay.
 Bèo mây ⁶ lờ bước từ đây,
 Nước non tiễn khách là ngày hai năm.
 Đau đớn nỗi kẻ thăm người hỏi,
 230 Ngẩn ngơ buồn miệng nói chân đưa.
 Giọt phiền lai lãng như mưa,
 Rượu nồng chẳng nhấp say sưa những sầu.
 Bẻ cành liễu ⁷, ngâm câu ly hợp.
 Khuất ngàn dâu qua lớp đoản tràng ⁸.
 235 Bước sầu ai vẽ giữa đàng,
 Mây in sắc lúa nửa vàng nửa xanh.
 Sương thấm lối gập ghềnh từng bước,

1. *Tiểu đồng*: (đồng: trẻ nhỏ) đứa trẻ con hầu hạ trong nhà.
 2. *Thê nhi*: vợ con.
 3. *Chia nửa vào song*: chia nửa mối sầu như gửi vào trong song cửa nơi có vợ con khóc lóc.
 4. *Khuê phụ*: thiếu phụ trong phòng khuê, chỉ người vợ.
 5. *Hương quan*: làng xóm.
 6. *Bèo mây*: bèo giạt mây trôi, ý nói bị giải đi khắp chỗ, nay nơi này mai nơi khác.
 7. *Bẻ cành liễu*: lúc chia tay bên cầu người ta thường bẻ cành liễu để tặng người đi làm roi đánh ngựa, tượng trưng cho cảnh ly biệt.
 8. *Đoản tràng*: đoản đình và tràng đình. Xem chú thích câu 91.

Gió lẩn càn xao xác tai nghe.
 Đoái trông cầu quán so le,
 240 Cỏ ngăn lối ngõ, cây che mái nhà.
 Mòn con mắt nẻo xa đằng đẵng,
 Chồn bước chân dậm thẳng ngùi ngùi.
 Sông quanh chín khúc mấy hồi,
 Con đường man mác mười thôi ¹ nhọc nhằn.
 245 Cầu Ô Mễ ² mấy lần mây lại,
 Ngàn Hương Sơn ³ một dải núi đưa.
 Lối này lạc bước từ xưa,
 Ai ngờ thơ thẩn bây giờ lại đây.
 Bóng thấp thoáng yến bay buổi tối,
 250 Tiếng mau thưa quên ⁴ gọi dậm trường.
 Những là sợ gió e sương,
 Thương thân chua xót nghĩ đường xa xôi.
 Chuông cổ tự ⁵ điểm hồi rộn giục,
 Trống quan thành ⁶ vừa lúc sưu không ⁷.
 255 Sầu kia ai kể xiết lòng,
 Chiều thôi lại tối, đêm xong lại ngày.
 Gông ba thước ai bày nên nợ,
 Cũi một gian khéo giở ra trò.
 Mới qua là kẻ văn nho,
 260 Bỗng nay đổi dạng tù đồ ⁸ bởi đâu?
 Tám tức nổi ngậm sầu nuốt giận,
 Thốn thức thay, thở vắn thân dài,

7. *Mười thôi*: mười thôi đường, mười đoạn đường.

2. *Ô Mễ*: tên một cái cầu ở huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông xưa kia, nay là tỉnh Hà Tây.

3. *Hương Sơn*: núi Hương Sơn có chùa Hương Tích, thuộc huyện Mỹ Đức.

4. *Quên*: tức đỗ quên. Tiếng chim đỗ quên kêu réo rất khiến khách lữ hành dễ đông lòng nhớ nhà. Chim đỗ quên thực ra không phải là con cuốc nhưng ta vẫn thường dùng chữ ấy để chỉ con cuốc.

5. *Cổ tự*: chùa cổ.

6. *Quan thành*: thành cửa ải, có canh phòng cẩn mật.

7. *Sưu không*: (*sưu*: tìm tòi, *không*: trống không) cứ mỗi tối người ta cho lính đi soát khắp trong thành xem không có kẻ gian phi rồi mới đánh trống canh và đóng công thành lại. Cũng gọi là *thu không*.

8. *Tù đồ*: (*đồ*: bị đi đày) kẻ bị tù đi đày.

Đến nay mới rõ thói đời,
 Giả tình trước mặt, dối lời sau lưng.
 265 Trộn gió thổi vang lưng trống giục,
 Lối bụi mù chen chúc quan gian ¹.
 Tám vai ² quấy nặng người oan,
 Gần xa trăm miệng đồn vang phố phường.
 Bên năn nỉ người thương người hỏi,
 270 Ngoài xôn xao kẻ nói kẻ cười.
 Phong tao ³ ra dạng con người,
 Dịu dàng nét mặt, ra loài văn nhân.
 Nỡ dầy dọ phong trần nặng kiếp,
 Để tơ vương oan nghiệp lạ đời.
 275 Đã dầy một đóa hoa mai,
 Phẩm tiên ⁴ lưu lạc trần ai lạ lòng.
 Nhờ nhật nguyệt soi trong can phế ⁵,
 Xin giang sơn giải vẽ tâm trường ⁶.
 Nặng lòng trần trọng lời thương,
 280 Thương nhau là khách qua đường biết sao.
 Qua cửa mạch ⁷ cao cao cửa đỏ,
 Trông lục nhai ⁸ lơ lửng gác vàng.
 Những quen xó xỉnh điền trang,
 Hải hùng nghi vệ ⁹ công đường ¹⁰ viễn vông,
 285 Mặt bảo kính ¹¹ soi lòng ky lữ ¹²,

-
1. *Quan gian*: gian nan.
 2. *Tám vai*: bốn người khiêng cũi.
 3. *Phong tao*: văn nhâ đẹp đẽ.
 4. *Phẩm tiên*: (*phẩm*: phẩm vật; *tiên*: tiên) phẩm vật quý. Đây ý nói đến Cao Bá Nha cũng là hạng người cao quý: "*Phong tao ra dạng con người*".
 5. *Can phế*: gan phổi.
 6. *Tâm trường*: tim ruột.
 7. *Cửa mạch*: chín đường.
 8. *Lục nhai*: (*nhai*: con đường thông đi nhiều ngã) sáu đường phố, cảnh nơi đô thị.
 9. *Nghi vệ*: nghi phục và thị vệ đi hầu các quan.
 10. *Công đường*: chỗ các quan ngồi làm việc công.
 11. *Bảo kính*: gương báu.
 12. *Ky lữ*: (*ky*: ở đậu nơi đất khách) khách đi đường xa.

Duốc linh tê ¹ thấu chữ kỳ oan ².
 Bức tranh vẽ bước gian nan,
 Thanh thiên bạch nhật, niềm đan ³ giải trình,
 Nay phó xuống Đông thành tạm trú,
 290 Mai truyền sang Bắc lộ ruổi ra,
 Thân sao như gánh hàng hoa,
 Sớm qua chợ sớm, chiều qua chợ chiều.
 Người đất khách phó liều mưa nắng,
 Thuyền sông mê chở nặng biệt ly.
 295 Tràng đê một dải xanh rì,
 Nước trôi đỏ thắm mây đi trắng ngấn.
 Hồn phần tử ^{4,5} mười phần lưu lạc,
 Cõi phong ba ⁶ mấy bước nổi chìm.
 Sóng đào ⁷ kêu mãi không im,
 300 Giọt sương rả rích hầu êm lại tràn.
 Dâu cao thấp qua ngàn bến Ái ⁸,
 Cây mau thưa ngánh lại huyện Gia ⁹.
 Thương tâm này nước non nhà,
 Cảnh còn như cũ, người đã khác xưa.
 305 Đường lẩn lút gió đưa mưa rước,
 Cõi phong trần mây ngược nước xuôi.
 Sông sâu một gốc chia đôi,
 Lối sâu trăm dặm một thôi đoản tràng.
 Ô chéch chéch ¹⁰ xế ngang non bạc,
 310 Sếu xa xa bay lạc ngàn xanh.

1. *Linh tê*: con tê giác linh thiêng. Sừng tê giác tượng trưng cho sự linh thiêng.

2. *Kỳ oan*: mối oan lạ lùng.

3. *Niềm đan*: niềm son, lòng son.

4. *Phần tử*: cây phần và cây tử, hai thứ cây thường trồng ở quê nhà.

5. *Hồn phần tử*: hồn quê.

6. *Phong ba*: gió sóng, chỉ sự gian nan vất vả.

7. *Sóng đào*: sóng lớn, chỉ tình cảnh khốn khổ.

8. *Bến Ái*: bến Thúy Ái.

9. *Huyện Gia*: huyện Gia Lâm.

10. *Ô chéch chéch*: (Ô: con quạ, ta thường gọi con quạ lửa là mặt trời, ác vàng) mặt trời sắp lặn.

Giang sơn thêm nặng ly tình,
 Giang thành vừa sớm, Sơn thành lại hôm.
 Trời hầu tối hơi lam ¹ giục già,
 Mây kéo cơn tầm tã sa mưa.
 315 Ớn trên thắm thía cho chưa,
 Ớn trời trước đã mau thừa đượm nhuần.
 Ví đầy kiếp phong trần cho bỏ,
 Cũng xét tình oan khổ với nao.
 Dẫu rằng đất thấp trời cao,
 320 Người còn trăm miệng lẽ nào một thân.
 Nghe chiếu chỉ ² truyền ran lệnh tiễn,
 Giục tinh sương ³ đối diện công đình ⁴.
 Thực hừ may được rành rành,
 Mười tay mười mắt ⁵ phân minh giữa trời.
 325 Việc yêu quái tám hơi mù mịt,
 Điều oan vu xương thịt báo đền.
 Lạc đàn trong bấy nhiều niên,
 Nào ngờ thất giáo ⁶ cho nên lụy mình,
 Loài đồng khí ⁷ đã đành rằng nợ,
 330 Lòng bình di ⁸ sao nỡ bỏ hoài?
 Ngón tay còn có vắn dài,
 Huống chi lành dữ lòng người khác nhau.
 Sóng bình địa ⁹ trước sau trùng điệp,
 Gió phi tai ¹⁰ đơn kép giày vò.

1. *Hơi lam*: (lam: khí ở núi bốc lên) hơi độc ở núi rừng.
 2. *Chiếu chỉ*: chiếu chỉ của nhà vua.
 3. *Tinh sương*: sáng sớm (lúc trời còn sao và sương chưa tan hết).
 4. *Công đình*: sân công đường.
 5. *Mười tay mười mắt*: do câu *thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ*, ý nói trước mặt mọi người.
 6. *Thất giáo*: không được dạy dỗ vì cha chết sớm.
 7. *Đồng khí*: ý chỉ giống nhau.
 8. *Bình di*: (bình: giữ, di: đạo thường) giữ gìn cái đạo thường, tôn trọng luân lý.
 9. *Sóng bình địa*: do chữ *bình địa* ba đào, đất bằng mà nổi sóng lớn. Chỉ tai họa bất chợt xảy đến.
 10. *Phi tai*: tai bay vạ gió.

335 Càng ngày hoạn nạn càng to,
 Cha con cùng một chuyến dò bể oan.
 Một chiếc bóng giang san giải tỏ,
 Bấy nhiêu lâu thôn ố ân cần.
 Lỡ làng đến bước gian truân,
 340 Dẫu là hiền trí ¹, khôn phần nài sao.
 Lánh cho khỏi tanh tao là quý,
 Giữ được điều liêm sỉ ² là hay.
 Lòng kia đen, trắng, gian, ngay,
 Gió trắng bầu bạn lâu nay biết lòng.
 345 Đã chắc hẳn đứng không then bóng,
 Nào tưởng đâu lá bổng ngược cành ³.
 Chắc rằng gấn bó đan thành ⁴,
 Chút thân chẳng bận hôi tanh mảy mảy.
 Sao đến nỗi tai bay vạ lạc,
 350 Thà bỏ thân đáy nước, cành cây ⁵.
 Thân sao thân đến thế này,
 Mấy năm giữ sạch, một ngày bụi dơ!
 Ơn tiên thế ⁶ bao giờ báo đáp,
 Nợ phù sinh mấy kiếp đền bồi.
 355 Phù sinh thôi thế thì thôi,
 Dẫu thân chuộc lại cũng đời bỏ đi.
 Sao gia vận ⁷ biến di ⁸ đến thế,
 Nào tiên nhân ⁹ tích lũy ¹⁰ để đâu?
 Cao cao xanh ngắt một màu,

1. *Hiền trí*: kẻ hiền tài thông minh.

2. *Liêm sỉ*: trong sạch, không làm điều gì phái xấu hổ.

3. *Lá bổng ngược cành*: chỉ cảnh trái ngược ở đời.

4. *Đan thành*: lòng son chân thành.

5. *Đáy nước, cành cây*: tức là trầm mình xuống sông hoặc treo cổ ở cành cây.

6. *Tiên thế*: như *tiên nhân*, đời trước.

7. *Gia vận*: vận nhà.

8. *Biến di*: đổi dời, xoay chuyển.

9. *Tiên nhân*: cha ông, tổ tiên.

10. *Tích lũy*: ý nói chất chứa công đức.

360 Biết rằng có thấu nguyên đầu ¹ cho chẳng.
 Chữ khổ tiết khăng khăng cầm chắc,
 Nợ đa truân dằng dặc cố theo.
 Trước sau vẫn chút bấy nhiêu,
 Nặng vì cốt nhục ², phải liều phát phu
 365 Tình phụ tử cay chua đến ruột,
 Nỗi thất gia ⁴ đau buốt tận xương.
 Từ nay nhấn nhủ thế thường ⁵,
 Ai ơi xin chớ ngâm chương mộng hùng ⁶.
 Hồn nghĩa lý chơi rong mây bạc,
 370 Lệ văn chương sái lạc ⁷ suối vàng.
 Mai sau còn kẻ tình thương,
 Vài thiên ai cảm ⁸, mấy chương phẩm bình ⁹.
 Luống tích thiện ¹⁰ sao không phùng thiện ¹¹ ?
 Chưa minh oan ¹² lại đến hàm oan ¹³!
 375 Băng hồ rơi xuống lằm than,
 Thà cho một chén tân toan ¹⁴ đi đời.
 Khi lên xuống Tam Thai, Bích Lạc,
 Lúc đi về Ngũ Nhạc, Huyền Đô ¹⁵.

1. *Nguyên đầu*: nguồn gốc.

2. *Cốt nhục*: xương thịt, chỉ tình thân thiết ruột thịt với nhau.

3. *Phát phu*: tóc da, chỉ bản thân.

4. *Thất gia*: nhà cửa, chỉ gia đình.

5. *Thế thường*: thói thường ở trong đời.

6. *Mộng hùng*: nằm chiêm bao thấy gấu là điềm sinh con trai.

7. *Sái lạc*: dáng phóng khoáng không bị bó buộc, cá câu ý nói lệ văn chương tuôn rơi bừa bãi cả xuống suối vàng.

8. *Ai cảm*: cảm động thương xót.

9. *Phẩm bình*: nhận xét đúng sai mà có lời bàn bạc khen chê.

10. *Tích thiện*: làm được nhiều điều tốt lành để lưu lại.

11. *Phùng thiện*: gặp được điều tốt lành.

12. *Minh oan*: bày tỏ được điều oan ức của mình.

13. *Hàm oan*: ngậm điều oan ức, mang lấy điều oan ức.

14. *Tân toan*: (*tân*: cay, *toan*: chua), đây ý nói đến chén thuốc độc.

15. *Tam Thai, Bích Lạc, Ngũ Nhạc, Huyền Đô*: nơi ở của những vị tiên hoặc đạo sĩ; chỗ tiên cảnh. Cả hai câu ý nói thà tự tử để được về nơi tiên cảnh còn hơn ở lại cõi trần đầy khổ ái này.

Thoảng không trăm giận nghìn lo,
 380 Trái thân bến khổ qua đò sông mê ¹.
 Còn vương nổi đề huề ² nhiều ít,
 Nỡ liêu thân vĩnh quyết ³ sao đành.
 Tiên phần ⁴ còn gửi mây xanh,
 Xót thân lưu lạc phù bình ⁵ bấy lâu.
 385 Nợ đại tạo ⁶ mai sau khoan thái ⁷,
 Chút hiếu trung may lại báo đền.
 Cho nên ngậm tủi nuốt phiền,
 Cấn rắng cố nhịn trăm nghìn thương tâm.
 Nhà huyền ⁸ bấy nhiêu năm lưu lạc,
 390 Chân bèo trôi một bước một đau.
 Hoặc là thấu đến cao sâu,
 Tấm lòng tắc cổ ⁹ mai sau còn dành.
 Lại còn nổi gia đình tự tục ¹⁰,
 Đau đớn lòng cốt nhục cù lao ¹¹.

1. *Bến khổ, sông mê*: theo lý thuyết nhà Phật thì hết thấy chúng sinh đều chìm đắm vào trong biển khổ, sông mê. Cả câu ý nói thoát khỏi được mọi thống khổ ở đời.

2. *Đề huề*: (*đề*: nắm tay, dẫn lên; *huề*: dắt tay) nắm tay cùng đi, nghĩa bóng là đông đủ vui vẻ, hòa thuận. Đây chỉ cảnh vợ chồng con cái đề huề.

3. *Vĩnh quyết*: chết.

4. *Tiên phần*: mồ mã tổ tiên.

5. *Phù bình*: bèo nổi, ý nói trôi giạt nay đây mai đó.

6. *Đại tạo*: chỉ tạo hóa.

7. *Khoan thái*: trả nợ cho hết.

8. *Nhà huyền*: *huyền* là thứ cây lá nhỏ hoa vàng ta gọi là kim châm. Tương truyền lá cây huyền ăn vào sẽ hết buồn phiền lo lắng. Kinh Thi: “*Yên đắc huyền thảo, ngôn thụ chi bồi*” (Ước gì có được cây huyền mà trồng ở thềm phía Bắc). Lại theo tục lệ Trung Quốc xưa, mỗi khi có tế tự bà chủ nhà thường đứng ở thềm phía Bắc dành riêng cho bà mẹ. Nghĩa bóng chỉ bà mẹ.

9. *Tắc cổ*: do câu thơ của Mạnh Giao: “*Dục tương thốn thảo tâm, báo đáp tam xuân huy*” (Muốn đem tắc lòng cỏ để báo đáp ánh sáng của ba tháng xuân). Cỏ ví với đứa con, ánh sáng mùa xuân ví với công ơn cha mẹ. Nghĩa bóng: con cái đền đáp công ơn cha mẹ.

10. *Tự tục*: con cháu nối dòng ông cha.

11. *Cốt nhục, cù lao*: tình cốt nhục, đức cù lao; nói đến tình anh em ruột thịt, công ơn cha mẹ.

Cù lao: siêng năng, khó nhọc.

395 Phúc xưa mòn mỗi thế nào,
 Chút dòng thanh bạch nữ nào mất không.
 Gấm đau đớn khuê phòng gối lẻ,
 Bồng vì đâu chia rẽ mỗi tơ.
 Liễu bồ ¹ đôi chút cành thơ,
 400 Bao giờ bùi dúi, bao giờ bông mang?
 Đã cay đắng nhiều đường rộn rã,
 Lại nhục nhằn đến cả vợ con.
 Mấy năm chút nghĩa ôn tồn,
 Gieo đào trả hận ², lòng còn băng khuâng.
 405 Đường kia nợ nửa chừng bề bộn,
 Nỗi trước sau trăm món ngổn ngang.
 Mắt kia thác cũng còn gương,
 Hồn kia muốn dứt còn vương nỗi này.
 Đành tiền kiếp ³ chịu đầy lấm cát,
 410 Mong tái sinh ⁴ nhờ hạt móc mưa.
 Phúc nhà còn mảnh sợi tơ,
 Họa may báo đáp còn chờ về sau.
 Thân nghĩ lại cũng sâu đã chán,
 Số xui ra vận hạn ⁵ khôn đành.
 415 Ví liễu quyết chẳng tiếc mình,
 Sạch mình đã vậy, thế tình ⁶ còn nghi.
 Khuôn tạo hóa dầu nguy còn phúc,
 Tám linh đài ⁷ khỏi nhục là vinh.

1. *Liễu bồ*: thứ cây thùy dương, cành lá mềm mại, thường được dùng để ví người phụ nữ có thể chất yếu đuối.

2. *Gieo đào trả hận*: người ta cho mình trái đào, mình biếu lại cho người ta quả hận; ý nói báo đáp ơn nhau.

Chữ lấy trong *Kinh Thi*, bài *Mộc qua*: “*Đầu ngà dĩ mộc đào, báo chi dĩ quỳnh dao*” (người ném tặng ta trái mộc đào, ta đáp lại bằng món ngọc dao đẹp dễ) và “*Đầu ngà dĩ mộc lý, báo chi dĩ quỳnh kỷ*” (người ném tặng ta trái mộc lý, ta đáp lại bằng món ngọc cứu (kỷ) đẹp dễ).

3. *Tiền kiếp*: kiếp trước, theo thuyết luân hồi của đạo Phật.

4. *Tái sinh*: sinh lại một kiếp khác, theo thuyết luân hồi của đạo Phật.

5. *Vận hạn*: điều không may gặp phải do số phận đưa đến.

6. *Thế tình*: tình đời.

7. *Linh đài*: tâm linh của người ta.

Bo bo hãy gắng lấy mình,
 420 Bấy lâu gìn giữ sao đành liêu đi.
 Xin tào hóa phù trì ¹ chớ bỏ,
 Để thế gian ² xem rõ kéo lằm.
 Đen nào dơ được đan thâm ³,
 Sầu nào ngăn được cao ngâm dỗi ngày.
 425 Gần mùa hạ chim bay đuổi thỏ,
 Rắp đầu thu ngọn gió cuốn mây.
 Lọt then ⁴ ngày tháng hơi may,
 Đồng hồ thánh thót vui đầy ⁵ năm canh.
 Nam cai ⁶ khuất non xanh man mác,
 430 Thái Hàng ⁷ xa mây bạc lặn vẩn.
 Hồn bay ngàn dặm cũng gần,
 Trong năm mươi khắc năm lần thấy cha.
 Chợt sức thức la đà gối bị,
 Nằm lại ngồi rầu rĩ chiếu manh.
 435 Hóa công khéo giữ nhàn tình,
 Dem người yên thủy ⁸ bó vành lao lung ⁹.
 Dem lằm đục rấy trong băng tuyết,
 Rắc bụi trần điểm vết khuê chương ¹⁰.
 Then mau khóa kín một đường,

1. *Phù trì*: giúp đỡ giữ gìn.

2. *Thế gian*: chỉ người đời.

3. *Đan thâm*: lòng son, lòng thực. Cũng như *đan tâm*.

4. *Lọt then*: lọt then cửa.

5. *Đồng hồ... vui đầy*: cái *hồ* (bình) nhỏ bằng đồng đáy có đục lỗ nhỏ cho nước nhỏ giọt dần dần (*lậu*), bên trong có *khắc* từng độ để xem mực nước vui đầy mà biết được giờ giấc.

6. *Nam cai*: tên một thiên trong *Kinh Thi* (không có lời thơ).

Nam cai khuất: ý nói xa nhà.

7. *Thái Hàng*: chỉ quê nhà xa xôi. Xem chú thích câu 81.

8. *Yên thủy*: (*yên*: khói, *thủy*: nước) nghĩa bóng chỉ cảnh giang hồ của những kẻ sống tự do, không bị ràng buộc như khói bay, như nước chảy.

9. *Lao lung*: cái chuồng và cái lồng, ý nói bị giam giữ trong cũi ngục.

10. *Khue chương*: hai thứ ngọc quý.

440 Hồ thân loan hạc, ra tuồng chó dê ¹.
 Chiếc ngựa trắng đi về góc bể,
 Đàn chó xanh ² lẻ tẻ bên trời.
 Một mình với bóng là hai,
 Rèm buồng mỏng mảnh, song cài so le.
 445 Mòn con mắt đi về Hương Lĩnh ³,
 Ngổ tấm lòng với mảnh phù vân ⁴.
 Phù vân bay lại cho gần,
 Gửi về Hương Lĩnh ân cần mấy câu.
 Ngồi tựa gối giải sầu với gió,
 450 Mới đâu chừng đêm nọ tới nay.
 Hơi may héo hắt từ đây,
 Giang Nam phong vị ⁵ độ này ra sao?
 Năn nỉ với hai sao bến Hán ⁶,
 Dải tràng giang giới hạn đông tây.
 455 Hai sao soi biết nạn này,
 Xin cho Thất tịch ⁷ cùng ngày đoàn viên.
 Vững trăng trước về miền vân thủy ⁸,
 Soi những người thiên lý tương tư ⁹.
 Đi qua vườn cũ lơ thơ,

1. *Thân loan hạc, tuồng chó dê*: ý nói người cao quý mà phải tù tội làm mất cá nhân phẩm.

2. *Đàn chó xanh*: đám mây xanh hình con chó.

3. *Hương Lĩnh*: núi Hương Sơn.

4. *Phù vân*: đám mây nổi dễ tan.

5. *Giang Nam phong vị*: phong vị quê hương. Câu này cũng như hai câu "Gió thu một tiếng bên tai, Thuần lô sức nhớ đến mùi Giang Nam" là nhắc đến điển Trương Hàn.

Theo *Tấn Thư*, Trương Hàn người đất Ngô quận đời Tấn, làm quan ở Lạc Dương, nhân một buổi gió thu bắt đầu thổi mà nhớ canh rau thuần, gọi cá lô (*lư* hoặc *hức*) ở quê nhà (Giang Nam), bèn than rằng: "Người ta ở đời cốt được thích chí, việc gì tước lộc buộc mà phải xa quê hương?" Sau đó bỏ quan ra về.

6. *Hai sao bến Hán*: sao Ngưu Lang và sao Chức Nữ.

Sông Hán: sông Ngân Hà.

7. *Thất tịch*: ngày mồng 7 tháng 7 là ngày Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau.

8. *Vân thủy*: mặt nước chân mây, miền xa xôi.

9. *Thiên lý tương tư*: ngàn dặm tưởng nhớ nhau.

460 Thử xem án cũ cầm thư¹ thế nào?
 Trông đàn yến bay cao phấp phới,
 Xịch then song gọi với trước màn.
 Tiện đây nhờ gửi chữ tình,
 Chờ xuân nhẩn gửi chim xanh² còn chầy.
 465 Tình nam bắc thấu ngày qua tháng,
 Sầu biệt ly với sáng đây chiều.
 Nỗi riêng nhớ ít tưởng nhiều,
 Cây ai về nẻo Thuốc kiều³ hỏi tin.
 Quanh mao ốc⁴ gió hiên trắng mái,
 470 Dải thanh giang rượu tối thơ chiều.
 Nào thơ nào rượu dập dìu,
 Trông trăng tựa gió đìu hiu một mình.
 Những say tỉnh Bắc kinh mưa gió,
 Vẫn mơ màng phòng cũ chiếu chần.
 475 Gối sầu cách ánh mây Tần⁵,
 Bắn khoắn tay áo chân quần ở đây.
 Án nọ nâng ngang mày⁶ sớm tối,
 Nay tháng ngày no đói với ai?
 Gió thu một tiếng bên tai,
 480 Thuần lư⁷ sức nhớ đến mùi Giang Nam.

1. *Cầm thư* : sách và đàn.

2. *Chim xanh*: ngày 7 tháng 7 thoát có con chim xanh đến trước điện vua Hán Vũ Đế. Đông Phương Sóc thấy thế nói rằng: “Tây Vương Mẫu gần tới”. Tức thì thấy Tây Vương Mẫu tới, có ba con chim xanh theo hầu. Vì thế sau gọi người đưa tin là *chim xanh*.

3. *Thuốc kiều*: cầu Ô Thuốc do các con qua bắc qua sông Ngân Hà để Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau.

4. *Mao ốc*: nhà tranh.

5. *Mây Tần*: do chữ *Tân vân*. Tình sử có câu: “*Tân vân Triệu vũ*” để chỉ chỗ mát mẻ yên lặng, nhưng cũng khó ra vào. Nơi đàn bà con gái ở.

Mây Tần khóa kín song the (T.K).

6. *Án nọ nâng ngang mày*: Mạnh Quang đời Hán mỗi khi dâng cơm cho chồng là Lương Hồng thì nâng án lên ngang mày để tỏ lòng kính trọng. Tác giả nói đến người vợ của mình.

7. *Thuần lư*: (*thuần*: một loài sen, thủy quì; loại mọc ở ao hồ vùng Giang Nam rất ngon; *lư*: cá lư) rau thuần cá lư.

Xem chú thích câu 452.

Kìa ngọn núi in làm bút giá,
 Nọ đám mây mở lá thi bình ¹.
 Bút xưa trang điểm chữ tình,
 Bình thi cuốn gửi Hồ đình bấy lâu.
 485 Tưởng thư viên những sáu cách viễn ²,
 Nghĩ hoa viên càng ngán xa xôi.
 Giếng vàng một lá thu rơi ³,
 Quan sơn nghìn dặm ⁴ mấy hồi tương tư.
 Rắp mượn cá đem thư thăm hỏi,
 490 Thoắt nghe chim tựa gổn ngẩn ngơ.
 Trông hoa luống nặng tình xưa,
 Tiếc hoa luống ngại nắng mưa dãi dầu.
 Dễ khuây khỏa trăm sầu ngàn giận,
 Những sứt sùi thở ngẩn than dài.
 495 Biệt ly ai kể xiết lời,
 Vì hoa cách mặt cho người thương tâm.
 Người đưa rượu hỏi thăm Bành Trạch ⁵,
 Kẻ say trăng tìm khách Đào Chu ⁶.
 Nào ai trang điểm màu thu,
 500 Hoa vàng chén bạc tạc thù với ai?
 Miền Dữu Lĩnh ⁷ tìm mai gần bó,
 Đỉnh Cô Sơn ⁸ mỗi gió đợi chờ.

-
1. *Bút giá... thi bình*: cái giá để bút, cái bình (cái ống) để thơ văn.
 2. *Cách viễn*: cách xa.
 3. *Một lá thu rơi*: mượn ý từ câu: “Ngô đồng nhất điệp lạc; thiên hạ cộng tri thu” (một lá ngô đồng rụng, mọi người đều biết thu đã sang).
 4. *Quan sơn nghìn dặm*: (*quan*: cửa ải; *sơn*: núi; chỉ sự xa xôi cách trở) ngàn dặm cách trở.
 5. *Bành Trạch*: Đào Tiềm là Lệnh doãn Bành Trạch. Khi ông đương làm Lệnh doãn ở đó, có viên đốc bưu đến huyện, nhà lại bảo ông nên đeo đai ra đón, ông nói: “Ta có thể nào vì năm đấu gạo mà phải khom lưng ai?” Rồi ông xin về ẩn cư, viết bài *Qui khứ lai từ* để tỏ chí mình. Ông thường uống rượu, chơi cúc, vui trong cảnh nghèo.
 6. *Đào Chu*: tên Phạm Lãi khi đi chu du Ngũ hồ vui thú phong nguyệt.
 7. *Dữu Lĩnh*: nơi Dữu Tín ở ẩn có trồng nhiều mai.
 8. *Cô Sơn*: Lâm Bô đời Tống làm nhà lau ở núi Cô Sơn, bên Tây Hồ, chỉ làm bạn với mai hạc.

Muốn mang chén rượu câu thơ,
 Lạnh lùng trong tuyết, hững hờ dưới trăng.
 505 Chồi tiểu bạch ¹ vừa chùng hơn thước,
 Tay chủ nhân ngày trước vun trồng.
 Dấu khi sương tuyết lạnh lùng,
 Xa xôi dăm phụ tấm lòng kiên trinh.
 510 Mây vô định bay quanh ngoài mái,
 Trăng hữu tình soi lại trước sân.
 Non sông tin tức cách ngăn,
 Tường vi ² rày đã mấy lần khai hoa.
 Nhấn hỏi tiễn xuân la ³ mấy khóm,
 Vẽ tiên hồng trang điểm đường nao?
 515 Lầu trang gió bốn trăng chào,
 Kim thoa đưa nhớ, tiễn đau, cắt buồn.
 Vườn thược dược thâu mơn cửa trúc,
 Dây ba tiêu ⁴ chen chúc song hồ ⁵.
 520 Biệt ly vắng ngắt cảnh thu,
 Thanh cư ai vẽ nên đồ Vồng Xuyên ⁶.
 Nhấn hỏi đến mọc liên hai ngọn,
 Phóng tin hoa gần gần gió may.
 Hoa kia hãy nhấn thư này,
 Buối thu còn vắng người say trước đình.
 525 Tiếng tất suất ⁷ bên mình giục già,

1. *Tiểu bạch*: hai giống lan, *tiểu kiều* và *bạch ngọc*.

2. *Tường vi*: thứ hoa hồng leo, còn gọi là *tầm xuân*.

3. *Tiễn xuân la*: thứ cây nhỏ nở hoa vào cuối mùa xuân.

4. *Ba tiêu*: cây chuối.

5. *Chen chúc sông hồ*: chen chúc ở ngoài vườn trước cửa sổ.

6. *Vồng Xuyên*: Vương Duy có biệt thự ở Vồng Xuyên, nơi ông thường cùng bạn là Bùi Dịch ngao du, ngâm vịnh. Ông không những nổi tiếng về thơ lại còn sành âm nhạc, giỏi về thư pháp và hội họa. Tranh sơn thủy của ông mở đầu cho lối hội họa Nam Tống.

7. *Tất suất*: con dế.

Ngọn đồ mi ¹ trước giá ² lơ thơ.
 Buổi thu chớ ngại công chờ,
 Con ong cái kiến ỡm ờ đời thay.
 Nhờ tin gió hỏi cây thạch lựu,
 530 Thu hầu sang, hạ cửu ³ gần qua.
 Đan tâm ⁴ còn chút gọi là,
 Giữ gìn băng ngọc đừng pha bụi trần.
 Đường hoa trải mưa xuân lác đác,
 Cánh lan tiêu ⁵ bay lạc lối ngoài.
 535 Với ai khoe tía khoe tươi,
 Trận vàng ⁶ ngần ngại những người nghiêm sương.
 Tưởng sơn trúc thạch hương đã ngán,
 Hỏi bồ đào long nhãn càng đau.
 Hồng mai rả rích giọt châu,
 540 Hững hờ sương táo, dãi dầu sương cam ⁷.
 Góp trăm mối đem làm tâm sự,
 Tính trăm hoa đầy cả gió sương.
 Chập chờn say tỉnh giữa đường,
 Hoa kia có biết đoạn trường ⁸ này chăng?

1. *Đồ mi*: tên một thứ cây cành lá có gai mùa hè nở hoa sắc trắng, nở chậm hơn tất cả các thứ hoa, nên Đường thi có câu: “*Khai đáo đồ mi hoa sự liễu*”.

2. *Giá*: cái giàn bắc cho cây đồ mi leo lên.

*Áp giá sơ khai tam lưỡng chi,
 Thượng Dương cung nữ đối sầu thì.
 Nhất sinh bất thức mai hoa diện,
 Độc điển thiếu quang tác hậu kỳ.*

NGUYỄN ÚC

(Vài ba cành mới mọc nằm dè lên trên giàn,
 Cũng là lúc người cung nữ ở Thượng Dương đang sầu khổ suốt đời.
 Chẳng biết mặt hoa mai là gì cả,
 Riêng mình đến muộn lẻo đẻo theo sau bóng thiếu quang).

3. *Hạ cửu*: chín mươi ngày mùa hạ.

4. *Đan tâm*: lòng son.

5. *Lan tiêu*: một thứ lan.

6. *Trận vàng*: trận kim phong, gió vàng tức gió thu.

7. *Sương táo, sương cam*: cây táo, cây cam ướt dầm hạt sương.

8. *Đoạn trường*: nỗi đau lòng khổ sở đến đứt ruột. Tương truyền có một người nọ bắt được một con khỉ con đem làm thịt. Khỉ mẹ trên cây nháy nhót khóc lóc thảm thiết rồi từ trên cây rớt xuống chết. Mổ bụng ra xem thấy ruột đều đứt cả.

545 Nỗi ly hận nói năng sao xiết,
 Tình tương tư nào biết bao nhiêu?
 Tính xem ly biệt ít nhiều,
 Thương cho mai cúc nặng điều tương tư.
 Nhờ trận gió gửi thư thăm hỏi,
 550 Mượn bóng trăng giải nói ân cần.
 Giá đành phong nguyệt chủ nhân,
 Nỡ nào dầy đọa phong trần xót thương.
 Xin hoa chứa phong quang ¹ như cũ,
 Chủ nhân còn đoàn tụ có khi.
 555 · Trả cho sạch nợ lưu ly ²,
 Tân toan ³ rửa hết đến kỳ cam lai ⁴.
 Gửi tình trọng thay lời thương nhớ,
 Cây đồng tâm lo đỡ ít nhiều.
 Có khi phủ bụi đàn biểu ⁵,
 560 Khi trưa phơi sách, khi chiều tưới cây.
 Lúc thanh hạ đặt bày giá bút,
 Buổi rồi dài lau chuốt án thơ.
 Dưới đèn giở thước xe tơ ⁶,
 Sửa sang áo rét đợi chờ thu qua.
 565 Tình khuê các ^{7,8} gần xa lắm nỗi,
 Người quan sơn ⁹ sớm tối một mình.
 Trông về trời bể mộng mên,
 Lúc đi còn vương mối tình tư qui ¹⁰.

1. *Phong quang*: (*phong*: gió, *quang*: ánh sáng) Cổ thi: “*Phong quang thảo tế phù*” (*phong quang nổi trên cỏ*). Gió không có ánh sáng, ánh sáng nằm trên cỏ. Mỗi khi gió thổi đến lay động ánh sáng khiến ta có cảm tưởng gió có ánh sáng. Sau dùng nghĩa rộng để chỉ phong cảnh. Đây chỉ vẽ đẹp.

2. *Lưu ly*: vì cùng khổ mà phải lưu lạc xa nhà.

3. *Tân toan*: cay chua, khổ sở.

4. *Cam lai*: (*cam*: ngọt, *lai*: lại) ý nói hết lúc khổ đến lúc sướng.

5. *Đàn biểu*: (cái giỏ, cái bầu) giỏ cơm bầu nước. Xem chú thích câu 208.

6. *Giở thước, xe tơ*: ý nói lo việc may quần áo.

7. *Khuê các*: chỗ đàn bà, con gái ở.

8. *Tình khuê các*: tình của vợ ở nhà.

9. *Người quan sơn*: người ở nơi xa xôi.

10. *Tư qui*: nhớ mong về nhà.

570 Ngàn nam mầu vừa khi canh tác,
 Dải tây giang ngọn nước đầy vơi.
 Dưới trăng thuyền trúc thánh thời,
 Phong lưu năm ngoái là người năm nay.
 Xếp tình cũ từ đây trở lại,
 Hoài công đâu kể mãi việc nhân.
 575 Đã đành hội biệt bi hoan ¹,
 Mặc khuôn tạo hóa tuần hoàn ² nghĩ chi.
 Chữ thông tắc ³ phải tùy sở ngộ ⁴,
 Lễ thị phi ⁵ không hổ với đời.
 Chiếc thân đứng giữa cõi người,
 580 Trên trời nhật nguyệt, dưới trời sơn xuyên.
 Chứa trong bụng đầy thiên kinh sử ⁶,
 Đội trên đầu nặng chữ quân thân ⁷.
 Bầu bằng giá ngọc trắng ngần ⁸,
 Dầu dầm giọt nước, phong trần chẳng hoen.
 585 Lỗi kim cổ là miền liêm sỉ,
 Bia thị phi còn để nhục vinh.
 Mất tai hiên truyện thánh kinh,
 Lễ đâu cầm độc ⁹ ô danh quan thường ¹⁰.
 Nhờ tạo hóa rộng đường phúc trạch ¹¹,

-
1. *Hội biệt bi hoan*: khi hội họp, khi ly biệt, lúc buồn rầu, lúc vui vè.
 2. *Tuần hoàn*: (*tuần*: theo thứ tự mà xoay vần, *hoàn*: vây quanh, khắp cả, cái vòng) xoay vần, ý nói mọi việc cứ tuần tự mà diễn ra theo vòng năm tháng.
 3. *Thông tắc*: lúc hanh thông, lúc bế tắc.
 4. *Sở ngộ*: cảnh ngộ của mình gặp được.
 5. *Thị phi*: phải trái.
 6. *Kinh sử*: (*kinh*: chỉ chung ngũ kinh là Thi, Thư, Dịch, Lễ và Xuân Thu; *sử*: sách sử của Trung Quốc) sách người xưa dùng để học mà thi cử.
 7. *Quân thân*: vua và cha mẹ.
 8. *Bầu bằng giá ngọc trắng ngần*: phiến bằng trong bầu ngọc. (*Nhất phiến bằng tâm tại ngọc hồ*).
 9. *Cầm độc*: cầm thú.
 10. *Quan thường*: (*quan*: mũ; *thường*: cái quần, cái xiêm) y phục của các quan.
 11. *Phúc trạch*: (*phúc*: việc tốt lành; việc may; *trạch*: ơn huệ) ơn trời cho nhiều phúc.

590 Giăng thiên la¹ vết sạch hung ngoan².
 Một phen cười với thế gian,
 Rồi ra tùy ngộ nhi an³ xin đành.
 Hãy đem món thường tình xếp lại,
 Tam tính điều thế thái⁴ để ra.
 595 Đêm đêm lại hỏi trời già,
 Thân này ô trọc hay là thanh cao?
 Còn tiên thế⁵ ít nhiều dư phúc,
 Chắc linh đài chín khúc đan tâm.
 Hóa cơ vãng phục⁶ chẳng lăm,
 600 Để cho tác thiện lục trầm⁷ lẽ đâu?
 Thu nước mắt nghĩ câu thận độc⁸,
 Dong ngọn đèn ngâm khúc mạc ai⁹.
 Bút nghiên tiêu khiển ngày dài,
 Chẳng vì tâm khổ bỏ hoài quang âm¹⁰.
 605 Nhân thông thả lại ngâm quốc ngữ,
 Dem thủy chung¹¹ tình tự nói năng.
 Nôm na câu được câu chẳng,
 Đỡ khi buồn bã lại dâng một cười.

1. *Thiên la*: lưới trời.

2. *Hung ngoan*: (*hung*: ác; *ngoan*: không biết mà làm càn, cứng cổ) ké độc ác.

3. *Tùy ngộ nhi an*: tùy cảnh ngộ mà được sao hay vậy, không cầu cạnh.

4. *Thế thái*: thói đời.

5. *Tiên thế*: đời trước.

6. *Hóa cơ vãng phục*: cơ trời vận chuyển, hết bỉ rồi lại thái, hết khổ rồi lại sướng.

7. *Lục trầm*: chết đuối trên cạn.

8. *Thận độc*: (*thận*: cẩn thận; *độc*: một mình) dù khi ở một mình cũng phải cẩn thận giữ gìn.

9. *Mạc ai*: đừng buồn vô ích.

10. *Quang âm*: (*quang*: ánh sáng; *âm*: bóng tối) sáng tối thay đổi nhau. Nghĩa bóng: ngày giờ.

11. *Thủy chung*: (*thủy*: đầu; *chung*: trọn, cuối cùng) việc gì có trước có sau, có đầu có đuôi, từ đầu đến đuôi, ý nói trước sau vẫn một lòng, không thay đổi.

TỶ BÀ HÀNH

TỠ BÀ HÃNH

Bản dịch bài *Tỳ bà hành* là một kiệt tác về phương diện dịch thuật.

Trước đây bài dịch này được truyền tụng là của Phan Huy Vịnh tuy cũng có người cho là của Nguyễn Công Trứ hoặc của Nguyễn Siêu¹.

Về sau, Hoàng Xuân Hãn (trong *Chinh phụ ngâm bị khảo*) và Trần Văn Giáp (trong *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*) đã xác định rằng đó là dịch phẩm của Phan Huy Thực.

Nguyên văn của Bạch Cư Dị đã được viết theo thể thơ *trường thiên* (thất ngôn cổ phong) gồm tất cả là 88 câu, 616 chữ. Bài dịch viết theo thể *song thất lục bát* cũng dài 88 câu và cũng vừa đúng 616 chữ.

Ngoài bản dịch phổ thông hiện hành, chúng ta thấy còn có các bản dịch khác sau đây:

– Bản dịch khuyết danh in trong *Nam Phong tạp chí*, số 181, tháng 2 năm 1933.

– Bản dịch của Trần Trọng Kim in trong quyển *Đường thi*, Tân Việt xuất bản - 1950.

– Bản dịch *khuyết danh* in trong *Đại cương Văn học sử Trung Quốc* của Nguyễn Hiến Lê - Tập II - 1964.

– Bản dịch của Khương Hữu Dụng in trong *Tạp chí Văn học Nước ngoài*, số 6 năm 1996.

– Bản dịch của Phạm Hồ in trong *Tạp chí Văn học Nước ngoài*, số 6 năm 1996.

Cả năm bản dịch sau đều không có bản nào vượt hơn được bản dịch của Phan Huy Thực.

1. *Nam Phong tạp chí* số 181 - tháng 2 - 1933 để khuyết danh. Bùi Kỳ trong *Quốc văn cụ thể* cũng để khuyết danh.

PHAN HUY THỰC

(1778 - 1844)

Phan Huy Thực tự là Vị Chi, hiệu là Khuê Nhạc, sinh năm Mậu Tuất (1778), niên hiệu Cảnh Hưng thứ 39 và mất năm Giáp Thìn (1844), thọ 67 tuổi.

Sau khi Tây Sơn mất, ông cùng với thân phụ là Phan Huy Ích về ẩn cư tại quê nhà (làng Thụy Khuê, gần Sài Sơn, nay thuộc tỉnh Hà Tây).

Năm Gia Long thứ 12 (1813), ông được triệu ra làm quan, đến năm thứ 16 (1817) được sung làm phó sứ trong sứ bộ sang triều Thanh (Trung Quốc). Năm Minh Mệnh thứ nhất (1820), ông được bổ làm hiệp trấn Lạng Sơn rồi đến nửa năm sau lại được gọi về kinh.

Ông làm quan trong triều Nguyễn tới chức Thượng thư Bộ Lễ.

Năm Thiệu Trị thứ nhất (1841), ông xin về nghỉ tại quê nhà và đến năm Giáp Thìn (1844) thì mất.

Tác phẩm của ông gồm có:

- *Hoa thiếu tạp vịnh*
- *Nhân ảnh vấn đáp*
- *Tỳ bà hành diễn âm*

và một số thơ văn chưa được soạn tập lại.

*
* * *

PHAN HUY CẦN

Tiến sĩ – 1754

Tham tụng

PHAN HUY ÍCH

Tiến sĩ – 1775

Dịch giả Chinh phụ ngâm

PHAN HUY ÔN

Tiến sĩ – 1780

PHAN HUY CHÚ

Tác giả

*Lịch triều hiến chương
loại chí*

PHAN HUY THỰC

Dịch giả

Tỳ bà hành



PHAN HUY VỊNH

Bản dịch I

TỶ BÀ HÀNH

PHAN HUY THỰC

dịch



TỠ BÀ HÀNH

Bến Tầm Dương ¹ canh khuya đưa khách.
Quạnh hơi thu, lau lách ² đều hiu.
Người ³ xuống ngựa, khách dừng chèo,
Chén quỳnh ⁴ mong cạn nhớ chiều trúc ti ⁵.
5 Say những luống ngại khi hầu rẽ,
Nước mênh mông đượm vẻ gương trong ⁶.
Đàn ai nghe vắng bên sông,
Chủ khuây khỏa ⁷ lại, khách dùng dằng xuôi.
Lần ⁸ tiếng sẽ hỏi ai đàn tá?
10 Dừng tiếng đàn nấn ná ⁹ làm thinh.

Khảo dị:

5. Say những luống ngại khi *chia* rẽ (DQH)

7. *Tiếng tỳ* * nghe vắng bên sông (NQO)

Tiếng tỳ nghe vắng bên sông (BK)

* . *Tiếng tỳ*: (*tỳ*: tỳ bà, thứ đàn có bốn dây, hình quả bầu, mặt phẳng cổ dài) tiếng đàn tỳ bà.

9. *Tìm* tiếng sẽ hỏi ai đàn tá (DQH)

10. Dừng *dây tơ* nấn ná làm thinh (DQH)

Chú thích:

1. *Tầm Dương*: sông Tầm Dương ở huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây. Trong bài *Tựa*, tác giả nói đến việc tiễn khách ở bến Bồn Phố hay Bồn Khẩu.

2. *Lau lách*: lau, cỏ lau, thứ cây nhỏ mọc hoang thành bụi, thân xốp, hoa trắng tụ thành bông.

3. *Người*: đây là chủ đưa tiễn khách, tức Bạch Cư Dị.

4. *Chén quỳnh*: chén rượu làm bằng ngọc quỳnh.

5. *Trúc ti*: tiếng trúc, tiếng tơ tức là tiếng đàn; tiếng sáo.

6. *Gương trong*: vầng trăng sáng như gương.

7. *Khuây khỏa*: quên đi nỗi buồn ở trong lòng. Ở đây ý nói chủ (tức Bạch Cư Dị) quên cả việc đưa tiễn.

8. *Lần*: dò tìm theo nơi có tiếng đàn phát ra.

9. *Nấn ná*: cố kéo dài thêm thời gian im lặng chưa chịu lên tiếng trả lời, cứ làm thinh thêm mãi.

Dời thuyền ghé lại thăm tình, ¹
 Chong đèn ², thêm rượu, còn dành tiệc vui.
 Mời mọc mãi, thấy người bờ ngõ,
 Tay ôm đàn che nửa mặt hoa ³.
 15 Vặn đàn mấy tiếng dạo qua,
 Dầu chưa nên khúc, tình đã thoảng hay ⁴.
 Nghe não nuột mấy dây bút rút,
 Dường than niềm tẩm tức ⁵ bấy lâu.
 Mày chau ⁶ tay gảy khúc sầu,
 20 Giải bày hết nỗi trước sau muôn vắn.
 Ngón buông, bắt ⁷ khoan khoan dìu dặt,
 Trước Nghê thường ⁸ sau thoát Lục yêu ⁹.
 Dây to dường đổ mưa rào ¹⁰,
 Nỉ non dây nhỏ như trò chuyện riêng.
 25 Tiếng cao thấp lựa chen lẫn gảy,
 Mâm ngọc đâu bỗng nảy hạt châu ¹¹.

Khảo dị:

11. Dời thuyền *nào* hỏi thăm tình (NQO - BK)
 15. Vặn đàn *vài* tiếng dạo qua (NQO - BK)
 17. Nghe não nuột mấy dây *buồn bức* (NQO - ĐQH)
 24. Nỉ non dây nhỏ *khác* nào chuyện riêng (DQH)

Chú thích:

1. *Thăm tình*: thăm hỏi bày tỏ cảm tình của mình khi nghe tiếng đàn.
2. *Chong đèn*: đổ thêm dầu cho đèn đủ sáng thêm lâu hơn.
Dầu chong trắng đĩa lệ tràn thấm khăn. (TK)
3. *Che nửa mặt hoa*: tỏ ý còn e lệ trước khách lạ.
4. *Tình đã thoảng hay*: người đàn bà ấy không nói năng gì, chỉ dạo qua mấy tiếng đã nói lên được cái tình cảnh khổ sở của mình.
5. *Tẩm tức*: niềm đau buồn từ lâu đè nén ở trong chưa bộc lộ ra được.
6. *Mày chau*: cau mày lại vì có sự đau đớn ở trong lòng.
7. *Buông, bắt*: ý tả đánh đàn khi lách khi vuốt, buông tay rồi lại bắt lấy.
8. *Nghê thường*: tên một khúc nhạc của Dương Kính Chung dâng Đường Minh Hoàng.
9. *Lục yêu*: (chép những điều quan yếu) Đời nhà Đường có người nhạc công ghi chép được những chi tiết về nhạc dâng vua Minh Hoàng. Vua xem cho lựa vào nhạc tập gọi là khúc Lục yêu.
10. *Mưa rào*: ý tả tiếng đàn nghe ào ào như mưa lớn.
11. *Mâm ngọc... hạt châu*: câu này tả tiếng đàn thánh thót như những viên hạt châu lớn nhỏ rơi xuống mâm ngọc.

Trong hoa oanh ríu rít nhau,
 Nước tuôn róc rách, chảy mau xuống ghềnh ¹.
 Nước suối lạnh, dây mảnh ² ngừng dứt,
 30 Ngừng dứt nên phút bật tiếng tơ ³.
 Âm thầm đau giận ngẩn ngơ,
 So ra lặng lẽ, bấy giờ càng hay.
 Bình bạc vỡ tuôn đầy dòng nước,
 Ngựa sắt giong, xô sát tiếng đao. ⁴
 35 Cung đàn trọn khúc thanh tao,
 Tiếng buông xé lụa, lụa vào bốn dây ⁵.
 Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt ⁶,
 Một vầng trăng trong vắt lòng sông.
 Ngậm ngùi đàn bát ⁷ xếp xong,
 40 Áo xiêm khép nép hầu mong giải lời.
 Rằng: "Xưa vốn là người kẻ chợ ⁸,
 Côn Hà Mô ⁹ trú ở lân la.
 Học đàn từ thuở mười ba,

Khảo dị:

32. *Tiếng tơ lặng ngắt*, bấy giờ càng hay (DQH)

34. Ngựa sắt giong, *sàn sạt* tiếng đao (NQO - BK)

42. Côn Hà Mô *thú* ở lân la (NQO)

Chú thích:

1. *Nước tuôn... xuống ghềnh*: tả tiếng đàn liên tiếp nhau không ngừng như nước chảy từ trên ghềnh xuống.

2. *Dây mảnh*: dây nhỏ yếu mỏng manh, chỉ tiếng đàn nhỏ.

3. *Bật tiếng tơ*: thôi không gảy nữa. Người đàn bà cảm thấy đau đớn trong lòng nên không gảy nữa. Phút yên lặng ấy mới càng thấm thía, bấy giờ người ta mới hiểu được tình, được cảnh và cảm thấy tuy không có tiếng đàn mà còn hơn khi có tiếng đàn.

4. *Bình bạc vỡ... tiếng đao*: cả hai câu ý nói tiếng đàn ngừng bỗng lại nổi lên, nghe tựa hồ như nước ở trong bình bị vỡ tóe tung ra hoặc sang sảng như tiếng gươm giáo ở chiến trường.

5. *Cung đàn... bốn dây*: cả hai câu ý nói đánh hết khúc đàn rồi thì lấy tay lướt cả bốn dây nghe thành tiếng như người xé lụa vậy.

6. *Thuyền... lặng ngắt*: cả câu tả cảnh những người ngồi trong các thuyền ở xung quanh đều im lặng để nghe.

7. *Đàn bát*: mảnh xương, mảnh ngà dùng để gảy đàn.

8. *Người kẻ chợ*: người ở chỗ kinh đô.

9. *Côn Hà Mô*: cái gò ở Tràng An, nơi có nhiều hồng lâu tửu điểm.

45 Giáo phường ¹ đệ nhất bậc đà chép tên.
 Gã thiện tài ² sợ phen dừng khúc,
 Ả Thu Nương ³ ghen lúc điểm tô.
 Ngũ lǎng ⁴, chàng trẻ ganh đua,
 Biết bao the thắm chuốc mua tiếng đàn.
 Vành lược bạc gãy tan ⁵ dịp gõ.
 50 Bức quần hồng ⁶ hoen ố rượu rơi ⁷.
 Năm năm ⁸ lần lửa vui cười,
 Mãi gió trăng chẳng đoái hoài xuân thu ⁹.
 Buồn em trǎy ¹⁰, lại sầu dì thác,
 Lần hôm mai đổi khác hình dung.
 55 Cửa ngoài xe ngựa vắng không ¹¹,
 Thân già mới kết duyên cùng khách thương.
 Khách trọng lợi khinh đường ly cách ¹²,
 Mãi buồn chề sớm tẻch nguồn khơi.

Khảo dị:

44. Giáo phường đệ nhất bậc đà *liệt danh* (NQO)

Giáo phường đệ nhất *chỉ* đà chép tên (DQH)

52. Mãi *trắng hoa* chẳng đoái hoài xuân thu (DQH)

53. Buồn em trǎy lại *lo* dì thác (DQH)

54. *Sầu* hôm mai đổi khác hình dung (DQH)

56. Thân già mới kết *đôi* cùng khách thương (NQO)

57. Khách trọng lợi khinh đường ly *biệt* (BK)

Chú thích:

1. *Giáo phường*: xóm những người làm nghề ca hát.

2. *Thiện tài*: người có tài khéo về đàn. Những người tài hoa dạy đàn và dạy hát ở giáo phường gọi là thiện tài.

3. *Thu Nương*: nàng Thu Nương. Đời nhà Đường, những con gái đẹp, hát hay, đàn giỏi thường lấy hiệu là Thu Nương như Đỗ Thu Nương, Tạ Thu Nương.

4. *Ngũ lǎng*: năm cái gò ở Trǎng An (Trường lǎng, An lǎng, Dương lǎng, Mậu lǎng và Bình lǎng), chỗ các nhà quyền quý ở.

5. *Lược bạc gãy tan*: lược cài đầu, lúc đàn hát vui say cầm gỗ dịp đến gãy tan ra.

6. *Quần hồng*: quần đỏ, phụ nữ bên Trung Quốc xưa thường mặc.

7. *Hoen ố rượu rơi*: ý nói cùng khách uống rượu, vui đùa làm đổ rượu cả vào áo quần mà bị hoen ố đi.

8. *Năm năm*: năm này qua năm khác.

9. *Xuân thu*: mùa xuân và mùa thu, chỉ năm tháng, tuổi tác.

10. *Trǎy*: phải đi thú xa.

11. *Xe ngựa vắng không*: ý nói không còn có khách làng chơi đến hát nữa.

12. *Khinh đường ly cách*: ý nói không nghĩ gì đến tình vợ chồng sum họp quyền luyến nhau.

Thuyền không, đậu bến mặc ai,
 60 Quanh thuyền trắng dải, nước trôi lạnh lùng¹.
 Đêm khuya, sức nhớ vòng tuổi trẻ,
 Chợt mơ màng dòng lệ đỏ hoen.
 Nghe đàn ta đã chạnh buồn,
 Lại rầu nghe nổi nỉ non mấy lời:
 65 “Cùng một lúa bên trời lặn đặng,
 Gặp nhau đây lạ sẵn quen nhau².
 Từ xa kinh khuyết bấy lâu,
 Tâm Dương đất trích³ gởi sầu hôm mai.
 Chốn cùng tịch⁴ lấy ai vui thích,
 70 Tai chẳng nghe đàn địch cả năm.
 Sông Bồn⁵ gần chốn cát lăm,
 Lau vàng, trúc võ nẩy mầm quanh hiên”.
 Tiếng chi đó nghe liền sớm tối?
 Cuộc kêu sầu, vượn hót véo von.
 75 Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn,
 Lăn lăn tay chuốc chén son riêng ngừng⁶.
 Há chẳng có ca rừng⁷, địch nội?⁸
 Giọng lú lo, buồn nổi khó nghe.
 Tỳ bà nghe dạo canh khuya,

Khảo dị:

65. Cùng một lúa *chân* trời lặn đặng (BK)

66. Gặp *gỡ* nhau lạ sẵn quen nhau (NQO)

69. Chốn cùng tịch lấy ai vui *với* (NQO)

Chốn cùng tịch *cùng* ai vui thích (BK)

72. Lau vàng trúc võ, *âm thâm* quanh hiên (DQH)

76. Lăn lăn tay chuốc chén son *ngập* ngừng (DQH)

Chú thích:

1. *Thuyền không... lạnh lùng*: ý nói chỉ ở một mình trong thuyền, không có ai làm bè bạn, chỉ có bạn với trăng nước.

2. *Cùng một lúa... quen nhau*: Bạch Cư Dị phải biếm ra Giang Châu với người đàn bà gầy đàn tỳ bà kia gặp nhau ở nơi đất khách, dẫu không quen biết nhau nhưng hẳn phải là do cái duyên mới được gặp nhau.

3. *Đất trích*: nơi các quan có tội bị biếm (đày) ra đấy.

4. *Cùng tịch*: nơi xa xôi vắng vẻ.

5. *Sông Bồn*: Bạch Cư Dị tiễn bạn ở bến sông Bồn. Con sông này chảy vào sông Dương Tử, tỉnh Giang Tây.

6. *Tay chuốc chén son riêng ngừng*: tay rót rượu để rồi một mình ngồi uống trong lòng buồn bã chẳng muốn cầm chén lên nữa, cứ ngập ngừng mãi.

7. *Ca rừng*: giọng hát của người ở rừng.

8. *Địch nội*: tiếng sáo của người nhà quê.

80 Dường như tiên nhạc gần kề bên tai ¹.
 Hãy ngồi lại gảy chơi khúc nữa,
 Sẽ vì nàng soạn sửa bài ca ².
 Đứng lâu dường cảm lời ta,
 Lại ngồi lựa phím đàn đà kíp dây ³.
 85 Nghe náo nuột khác tay đàn trước,
 Khắp tiệc hoa ⁴ tuôn nước lệ rơi.
 Lệ ai chan chứa hơn người?
 Giang Châu Tư mã ⁵ đượm mùi áo xanh ⁶.

Khảo dị:

88. Giang Châu Tư mã đượm *tràng* áo xanh (NQO)

Chú thích:

1. *Tỳ bà... bên tai*: cả hai câu ý nói ở nơi hẻo lánh quê mùa đã lâu, tai chỉ nghe những “ca rừng địch nội” nay chợt được nghe tiếng đàn tỳ bà thì khác nào như được nghe khúc nhạc ở trên cõi tiên.

2. *Bài ca*: Bạch Cư Dị yêu cầu người đàn bà gảy thêm khúc nữa và đặt bài ca này để tặng lại làm kỷ niệm cho cuộc gặp gỡ.

3. *Kíp dây*: ý nói gảy một khúc đàn khác điệu nhanh hơn vì đêm đã khuya và tiệc đã hầu tàn.

4. *Khắp tiệc hoa*: khắp mọi người trong bữa tiệc.

5. *Giang Châu Tư mã*: Bạch Lạc Thiên làm chúc Tư mã ở Giang Châu.

6. *Mùi áo xanh*: màu áo xanh. Tư mã Giang Châu là người khóc nhiều nhất, khóc nhiều đến nỗi ướt cả áo xanh.

Mùi: chữ *màu* trước đây cũng đọc là *mùi*. Câu 1121 trong *Truyện Kiều* cũng viết: “Lối mòn cỏ lợt *mùi* sương”. Bản Nôm Quan Văn Đường (1906) đã khắc 味 (mùi).

TỠ BÀ HÀNH

(Nguyên văn chữ Hán)

琵琶行 序

元和十年，予左遷九江郡司馬。

明年秋，送客湓浦口，

聞舟中夜彈琵琶者，

聽其音，錚錚然有京都聲。

問其人，本長安娼女，

嘗學琵琶於穆曹二善才，

年長色衰，委身為賈人婦。

遂命酒使快彈數曲。曲罷，憫然，

自敘少小時歡樂事；今漂淪憔悴，轉徙於江湖間。

予出官二年，恬然自安，感斯人言，是夕始覺有遷謫意，

因為長句，歌以贈之，凡六百一十二言，命曰琵琶行。

(白居易)

潯陽江頭夜送客

楓葉荻花秋瑟瑟

主人下馬客在船

舉酒欲飲無管絃

5 醉不成歡慘將別

別時茫茫江浸月

忽聞水上琵琶聲

主人忘歸客不發

尋聲暗問彈者誰

10 琵琶聲停欲語遲

移船相近邀相見

添酒回燈重開宴

千呼萬喚始出來

猶抱琵琶半遮面

15 轉軸撥絃三兩聲
未成曲調先有情。
絃絃掩抑聲聲思
似訴生平不得志
低眉信手續續彈
20 說盡心中無限事
輕攏慢撚抹復挑
初爲霓裳後六么
大絃嘈嘈如急雨
小絃切切如私語
25 嘈嘈切切錯雜彈
大珠小珠落玉盤
間關鶯語花底滑
幽咽流泉水下灘

水泉冷澀絃凝絕

30 凝絕不通聲漸歇

別有幽愁暗恨生

此時無聲勝有聲

銀瓶乍破水漿迸

鐵騎突出刀鎗鳴

35 曲終收撥當心畫

四絃一聲如裂帛

東船西舫悄無言

惟見江心秋月白

沈吟放撥插絃中

40 整頓衣裳起斂容

自言本是京城女

家在蝦蟆陵下住

十三學得琵琶成
名屬教坊第一部

45 曲罷常教善才服

妝成每被秋娘妬

五陵年少爭纏頭

一曲紅綃不知數

鈿頭銀篦擊節碎

50 血色羅裙翻酒污

今年歡笑復明年

秋月春風等閒度

弟走從軍阿姨死

暮去朝來顏色故

55 門前冷落車馬稀

老大嫁作商人婦

商人重利輕別離
前月浮梁買茶去
去來江口守空船
60 繞船明月江水寒
夜深忽夢少年事
夢啼妝淚紅闌干
我聞琵琶已嘆息
又聞此語重唧唧
65 同是天涯淪落人
相逢何必曾相識
我從去年辭帝京
謫居臥病潯陽城
潯陽地僻無音樂
70 終歲不聞絲竹聲

住近湓城地低濕
黃蘆苦竹繞宅生
其間旦暮聞何物
杜鵑啼血猿哀鳴

75 春江花朝秋月夜
往往取酒還獨傾
豈無山歌與村笛
嘔啞嘲哳難爲聽

今夜聞君琵琶語
80 如聽仙樂耳暫明
莫辭更座彈一曲
爲君翻作琵琶行
感我此言良久立
卻座促絃絃轉急

85 淒淒不似向前聲
滿座重聞皆掩泣
座中泣下誰最多
江州司馬青衫濕

Phiên âm bản chữ Hán TỖ BÀ HÀNH

TỰ

Nguyên Hòa thập niên, dư tả thiên Cửu Giang quận Tư Mã. Minh niên thu, tổng khách Bồn Phố khẩu, văn chu trung dạ đàn tỳ bà giả, thính kỳ âm, tranh tranh nhiên, hữu kinh đô thanh. Văn kỳ nhân, bản Trường An xướng nữ, thường học tỳ bà vu Mục Tào nhị thiện tài; niên trưởng sắc suy, ủy thân vi cổ nhân phụ. Toại mệnh tửu sử khoái đàn số khúc. Khúc bãi, miễn nhiên, tự tự thiếu tiểu thời hoan lạc sự; kim phiêu luân tiêu tụy, chuyển tỵ ư giang hồ gian. Dư xuất quan nhị niên, điểm nhiên tự an, cảm tư nhân ngôn thị tịch thỉ giác hữu thiên trích ý. Nhân vi trường cú ca dĩ tặng chi. Phàm lục bách nhất thập nhị ngôn, mệnh viết *Tỳ bà hành*.

BẠCH CƯ DỊ.¹

1. Bạch Cư Dị tự là Lạc Thiên, hiệu là Hương Sơn cư sĩ, sinh vào năm 772 tại huyện Tân Trịnh, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

Ông nổi tiếng thông minh từ lúc còn nhỏ: mới sáu tuổi đã học làm thơ và khi bảy tuổi đã hiểu được thanh vận...

Gia đình ông ở Từ Châu cho mãi đến năm ông 16 tuổi mới trở về kinh đô ở Trường An. Ông chuyên cần học tập.

Năm 28 tuổi ông thi đậu Tiến sĩ. Năm sau thi đậu Bạt tụy giáp khoa rồi ông lại đậu cả chế khoa, kỳ thi do chính vua làm chủ khảo. Về cuộc đời làm quan của ông thì có thể tóm tắt như sau:

34 tuổi làm Huyện úy Chu Chất, 35 tuổi giữ chức Hàn lâm học sĩ ở Trường An, 36 tuổi làm Tả thập di, 39 tuổi về để tang mẹ ba năm. Năm 814, ông trở lại Tràng An nhưng bị bọn cận thần gạt ra khỏi triều đình, chỉ được giao cho nhiệm vụ dạy dỗ Thái tử.

Năm 815 vì đòi trị tội bọn hoạn quan lộng quyền, ông bị đổi đi làm Tư mã Giang Châu. Năm 819, ông được bổ làm Thứ sử Trung Châu, rồi chuyển sang Hàng Châu, Tô Châu. Từ năm 827 trở đi ông lại được giao nhiệm vụ dạy dỗ Thái tử cho đến năm 845.

Về hưu được một năm, năm 846 ông qua đời ở Lạc Dương, thọ 75 tuổi.

Bạch Cư Dị sáng tác hơn 2800 bài thơ mà tự ông chia làm bốn loại: phúng dụ, nhàn thích, cảm thương và tạp luật. Cả bốn loại đều có những bài hay, đặc biệt là loại *phúng dụ*, nó phản ánh toàn diện và sâu sắc bộ mặt của thời đại, nhưng đáng kể hơn cả vẫn là loại *cảm thương* với hai bài kiệt tác là *Tỳ bà hành* và *Trường hận ca*. Hai bài này đã có ảnh hưởng khá nhiều đến văn học Việt Nam.

Cả hai bài đều được dịch sang quốc âm.

TỰA

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ mười, ta phải đổi ra làm Tư mã quận Cửu Giang. Mùa thu năm sau, nhân đi tiễn khách ở bến Bồn Phố, nghe thấy trong đêm có người gảy đàn tỳ bà ở trong một chiếc thuyền mà giọng đàn lạnh lạnh có tiếng ở kinh kỳ. Hỏi ra mới biết, đó là một xướng nữ vốn ở Trường An, thường học đàn với hai nhà thiện tài họ Mục và họ Tào; đến khi luống tuổi kém sắc mới gả thân làm vợ một người lái buôn. Ta liền bảo đặt rượu và truyền gảy mấy khúc đàn mua vui. Gảy xong, người ấy buồn bã, tự kể lại khi còn trẻ thì vui thú chường nào mà nay phải lưu lạc ở nơi giang hồ tiêu tụy biết mấy. Ta ra làm quan ở ngoài kinh đô đã hai năm vẫn thường điếm nhiên yên sống, đêm ấy cảm mấy lời nàng nói mới để ý đến nỗi mình là kẻ bị giáng trích mà làm bài ca trường thiên này để tặng. Cả bài có 612 chữ¹, đặt tên là *Tỳ bà hành*.

1. Bài này có 88 câu, mỗi câu 7 chữ như vậy cả bài có tới 616 chữ, nhưng tác giả (Bạch Cư Dị) chỉ ghi có 612 chữ.

TỠ BÀ HÀNH

Tầm Dương giang đầu dạ tống khách,
Phong diệp địch ¹ hoa thu sắt sắt.
Chủ nhân há ² mã khách tại thuyền,
Cử tửu dục ẩm vô quản huyền.
5 Túy bất thành hoan, phẩm tương biệt,
Biệt thời mang mang giang tẩm nguyệt.
Hốt văn thủy thượng tỳ bà thanh,
Chủ nhân vong quy, khách bất phát.
Tầm thanh ám vấn đàn giả thù?
10 Tỳ bà thanh đình dục ngữ trì ³.
Di thuyền tương cận yêu tương kiến,
Thiêm tửu hồi đăng trùng khai yến.
Thiên hô vạn hoán thủy xuất lai,
Do bão tỳ bà bán già diện.
15 Chuyển trục bát huyền tam lưỡng thanh,
Vị thành khúc điệu, tiên hữu tình.
Huyền huyền yểm ức, thanh thanh tứ ⁴,
Tự tố sinh bình bất đắc chí.
Đê mi thân ⁵ thủ tục tục đàn,
20 Thuyết tận tâm trung vô hạn sự.
Khinh lung ⁶ mạn niễn mặt phục khiêu,
Sơ vi Nghê thường, hậu Lục yêu.
Đại huyền tào tào như cấp vũ,
Tiểu huyền thiết thiết như tư ngữ.
25 Tào tào thiết thiết thác tạp đàn,
Đại châu tiểu châu lạc ngọc bàn.

1. *Địch*: cây lau.

2. *Há*: xuống (đọc là *hạ* thì nghĩa là dưới).

3. *Ngữ trì*: (*ngữ*: lời đáp lại) chậm đáp lại.

4. *Tứ*: ý tứ (đọc là *tư* thì nghĩa là nghĩ).

5. *Thân*: 信 chữ này ở đây phải đọc là *thân*, nghĩa là đuổi ra. Nếu đọc là *tín* thì lại có nghĩa là tin, không đúng với câu này.

Thân thủ: đuổi tay ra.

6. *Khinh lung*: nhẹ đánh (đàn).

Gian quan oanh ngữ hoa để hoạt,
 U yết lưu tuyến thủy há than.
 Thủy tuyến lãnh sáp huyền ngưng tuyết,
 30 Ngưng tuyết bất thông thanh tậm yết.
 Biệt hữu u tình ám hận sinh,
 Thử thời vô thanh thắng hữu thanh.
 Ngân bình sạ phá thủy tương bính ¹,
 Thiết kỵ đột xuất đao thương minh.
 35 Khúc chung thu bát ² đương tâm hoạch,
 Tứ huyền nhất thanh như liệt bạch.
 Đông thuyền tây phảng ³ tiểu vô ngôn,
 Duy kiến giang tâm thu nguyệt bạch.
 Trầm ngâm phóng ⁴ bát sáp ⁵ huyền trung,
 40 Chỉnh đốn y thường khởi liễm dung ⁶.
 Tự ngôn, bản thị kinh thành nữ,
 Gia tại Hà Mô lãng hạ trụ,
 Thập tam học đắc tỳ bà thành,
 Danh thuộc giáo phường đệ nhất bộ.
 45 Khúc bãi thường giao thiện tài phục,
 Trang thành mỗi bị Thu Nương đổ.
 Ngũ lãng niên thiếu tranh triển đầu ⁷,
 Nhất khúc hồng tiêu ⁸ bất tri số.
 50 Điền ⁹ đầu ngân bệ kích tiết toái,

1. *Bính*: chấy tung tóe.

2. *Bát*: cái móng gảy đàn.

3. *Phảng*: chiếc thuyền nhỏ chở được độ năm, bảy người.

4. *Phóng*: thả ra.

5. *Sáp*: gài vào.

6. *Liễm dung*: sửa sang, tô điểm lại hình dung (cho được nghiêm chỉnh).

7. *Triển đầu*: (lấy găm) quấn lên đầu. Do chữ *phao cầm triển đầu*.

8. *Hồng tiêu*: thứ hàng lụa đỏ.

9. *Điền*: đồ trang sức của phụ nữ.

50 Huyết sắc la quần phiên tửu ô.
 Kim niên hoan tiếu phục minh niên,
 Thu nguyệt xuân phong đẳng nhàn ¹ độ.
 Đệ tẩu tòng quân, a di tử,
 Mộ khứ, triều lai nhan sắc cố.
 55 Môn tiên lãnh lạc ² xa mã hi,
 Lão đại giá tác thương nhân phụ.
 Thương nhân trọng lợi, khinh biệt ly,
 Tiền nguyệt Phù Lương mãi trà khứ?
 Khứ lai giang khẩu thủ không thuyền,
 60 Nhiều ³ thuyền minh nguyệt, giang thủy hàn.
 Dạ thâm hốt mộng thiếu niên sự,
 Mộng đề trang lệ hồng lan can ⁴.
 Ngã văn tỳ bà dĩ thán tức.
 Hựu văn thử ngữ trùng tức tức,
 65 Đồng thị thiên nhai ⁵ luân lạc nhân,
 Tương phùng hà tất tăng tương thức.
 “Ngã tòng khứ niên từ đế kinh,
 Trích cư ngoạ bệnh Tầm Dương thành.
 Tầm Dương địa tịch vô âm nhạc,
 70 Chung tuế bất văn ty trúc thanh.
 Trụ cận Bồn thành địa đê thấp,
 Hoàng lô khổ trúc nhiều trạch sinh.
 Kỳ gian dân mộ văn hà vật,
 Đỗ quyền đề huyết viên ai minh.
 75 Xuân giang hoa triều thu nguyệt dạ,
 Vãng vãng thủ tửu hoàn độc khuynh.
 Khởi vô sơn ca dữ thôn địch,
 Ấu á ⁶ trào chiết ⁷ nan vi thịnh.
 Kim dạ văn quân tỳ bà ngữ,
 80 Như thịnh tiên nhạc nhĩ tạm minh.

1. *Đẳng nhàn*: không để ý đến.

2. *Lãnh lạc*: lặng lẽ, vắng vẻ.

3. *Nhiều*: chung quanh.

4. *Lan can*: vành con mắt.

5. *Thiên nhai*: chân trời, vùng đất xa xôi.

6. *Ấu á*: tiếng bập bẹ của con trẻ học nói.

7. *Trào chiết*: tiếng riu rít của chim kêu.

Mạc từ cánh tọa đàn nhất khúc,
Vị quân phiên tác tỳ bà hành.”
Cảm ngã thử ngôn lương cứu lập,
Khước tọa¹ xúc huyền huyền chuyển cấp.
Thê thê bất tự hướng tiền thanh,
Mãn tọa trùng văn giai yểm khắp.
Tọa trung khắp hạ thùy tối đa?
Giang Châu Tư mã thanh sam thấp!

1. *Khước tọa*: ngồi lùi ra phía sau.

TỠ BÀ HÀNH

- 1 Trên bến Tâm Dương một đêm tiễn khách,
Lá phong, hoa lau hơi thu hiu hắt.
Chủ nhân xuống ngựa, khách ở trong thuyền,
Nâng chén rượu định uống mà không có đàn sáo.
5 (Nhưng) say mà không thành cuộc vui, vì buồn sắp phải
xa nhau.
- Lúc từ biệt trăng sáng dầm trong lòng sông mênh mang.
Chợt nghe có tiếng tỳ bà văng vẳng trên sông,
Chủ nhân quên về, khách chẳng muốn đi.
Lần đến nơi có tiếng đàn, sẽ hỏi xem ai gảy đó?
10 Tiếng đàn ngừng lại, ý ai muốn đáp nhưng lại ngại ngần.
Dời thuyền đến gần, xin cho được gặp mặt,
Rót thêm rượu, chong lại đèn, tiệc vui mở tiếp.
Hết lời mời mọc mới chịu bước ra,
Còn ôm cây đàn tỳ bà che nửa mặt.
- 15 Vặn trục lên dây, dạo qua vài tiếng,
Tuy chưa thành khúc điệu nhưng nghe đã có tình.
Mỗi dây ngân lên nghe thấy ấm ức, mỗi tiếng cất lên nghe thấy
tình tứ,
- Dường như kể hết nỗi bất bình của mình.
Nhẹ chau đôi mày đưa tay đều đều gảy,
20 Bao niềm tâm sự đều giải hết nguồn cơn.
Nấn nhẹ, hết khoan rồi lại buông bắt,
Hết khúc Nghê thường, đến khúc Lục yêu.
Dây to rào rào như mưa ập tới,
Dây nhỏ thì thầm như kể lễ niềm riêng.
- 25 To nhỏ, gảy xen thành nhịp,
Như bao hạt châu lớn nhỏ rắc xuống mâm ngọc.
Như tiếng oanh ca trợn giọng, lú lo trong hoa,
Như nhịp suối ngập ngừng, nước giội xuống thác.
Bỗng dứt tiếng ngân lạnh lẽo dây đàn ngừng bật,
30 Dây ngừng bật tiếng đàn im hẳn.
Lại hiện ra vẻ sầu hận thầm kín khác,

Lúc này không có tiếng đàn lại hơn là lúc có tiếng đàn.
 Bỗng như bình bạc vỡ tan, nước tuôn tung tóe,
 Như đoàn thiết kỵ xung đột, gươm dao va chạm nhau.
 35 Khúc vừa xong, lướt móng gảy qua bốn dây,
 Cả bốn dây, như một tiếng xé lụa, vang lên.
 Lúc ấy thuyền bè đông tây đều lặng im phăng phắc,
 Chỉ thấy ánh trăng thu trắng rọi giữa lòng sông.
 Lặng lẽ nàng gài chiếc móng gảy vào dây đàn,
 40 Sửa lại xiêm áo khép nép đứng dậy,
 Tự kể vốn là người kinh thành,
 Nhà ở tại gò Hà Mô,
 Năm mười ba tuổi đã học được ngón tỳ bà,
 Tên đứng vào hàng nhất trong giáo phường,
 45 Sau mỗi khúc đàn, các thiện tài thường phải phục,
 Trang điểm xong từng bị nàng Thu Nương ghét ghen,
 Bọn thiếu niên ở Ngũ Lăng tranh nhau tặng thưởng
 (gấm quần đầu),
 Cứ mỗi khúc đàn, đếm không xuể những tấm lụa đào.
 Vành lược bạc, cánh hoa vàng vui gõ dịp bị gãy tan,
 50 Quần lụa hồng, bị rượu đổ làm hoen ố.
 Cuộc truy hoan năm này sang năm khác,
 Trăng thu trong, gió xuân mát, cứ lững lờ trôi qua.
 Bỗng đứa em trai phải tòng quân, đi lại chết,
 Sớm lại, chiều qua, nhan sắc kém phai.
 55 Trước cửa xe ngựa thừa thớt vắng tanh dần,
 Trở về già gá nghĩa cùng một người lái buôn.
 Người ấy chỉ tham lợi, coi thường sự chia cách,
 Bỏ đi Phù Lương buôn chè từ tháng trước.
 Từ đấy, một mình với chiếc thuyền không ở bên sông,
 60 Trăng rọi chung quanh, nước sông lạnh ngắt.
 Đêm khuya bỗng mơ lại hồi tuổi trẻ.
 Lệ hồng trong mơ làm trôi má phấn, làm đỏ cả vành mắt.
 Ta nghe tiếng tỳ bà đã buồn bã thay,
 Lại nghe câu chuyện càng thêm tức bực.
 65 Cùng là khách lưu lạc nơi chân trời,
 Gặp nhau đây, cứ gì phải là quen biết sẵn.
 Ta từ năm ngoái từ già chỗ kinh kỳ,
 Bị giáng trích ra ốm nằm ở thành Tầm Dương.

- Tâm Dương là nơi hẻo lánh, làm gì có tiếng ca tiếng nhạc.
70 Suốt năm không hề được nghe tiếng sáo, tiếng đàn.
Nhà ở lại gần sông Bồn, nơi ẩm thấp,
Lau vàng trúc võ, mọc chung quanh nhà,
Ở đây nghe thấy gì lúc sớm tối?
Chỉ thấy quên kêu khắc khoải, vượn hú buồn bã.
75 Trước những cảnh sông xuân hoa sớm, đêm thu trăng tròn,
Thường thường chỉ một mình ngồi uống rượu,
Há phải không có tiếng hát núi, tiếng sáo đồng,
Nhưng khốn nỗi âm ọe lúu lô, nên rất khó nghe.
Đêm nay mới được nghe tiếng tỳ bà của nàng,
80 Chẳng khác được nghe nhạc tiên, tai bỗng được thỏa.
Nàng hãy vui lòng ngồi lại đàn thêm khúc nữa,
Ta sẽ vì nàng viết thành một bài hát tỳ bà.
Cảm lời ta, nàng ngán ngừ đứng lặng,
Rồi ngồi xuống lên dây, tiếng đàn gảy nghe rộn rã.
85 Nào nùng khác hẳn tiếng đàn lúc trước,
Khiến mọi người ngồi đó đều bùng mặt khóc.
Nhưng trong đó ai khóc nhiều hơn cả,
Quan Tư mã Giang Châu ướt đầm vạt áo xanh.

TỠ BÀ HÀNH

Bến Tầm Dương đêm chầy đưa khách,
Gió kim phong ¹ hoa địch chồi bông.
Người vó ngựa, khách thuyền tùng,
Muốn đưa tiệc rượu mà không tiếng đàn.
5 Vui chẳng đã sầu toan bẻ liễu,
Trong doanh sông leo lẻo vắng trăng.
Đàn ai vắng vắng bên giang,
Thẩn thơ kẻ lại, dùng dằng người đi.
Khúc tuyệt diệu ai rày ướm hỏi,
10 Đã dừng tay muốn nói còn e.
Chèo ngay một mái thuyền kẻ,
Chén quỳnh thêm đặt, đốc huê thêm bày.
Gọi lại gọi, hỏi rồi lại hỏi,
Tay nâng đàn, tay hãy còn che.
15 Gảy vài ba tiếng đàn tỳ,
Chưa rồi khúc điệu đã mê mệt tình.
Dây với tiếng ra hình âm ỉ,
Dường kêu van nỗi bấy nhiều lâu.
Sa mây buông ngón thuộc lâu,
20 Nỗi niềm ngổ hết mấy câu đàn này.
Khêu lại vuốt, bắt buông mấy khúc,
Trước Nghê thường, nối Lục yêu sau.
Dây to như trận mưa rào,
Nỉ non dây nhỏ như câu chuyện thầm.
25 Dây vắn vũ ² bóng trầm đưa đợt,
Trên ngọc bàn lạc đặc châu tuôn.
Tình u một khúc một buồn,
Oanh kêu đầu ngọn, nước tuôn dưới doanh.
Doanh lạnh ngắt tơ mảnh như đứt,

1. *Kim phong*: gió vàng tức gió thu, vì mùa thu thuộc hành kim.

2. *Dây vắn vũ*: dây tiểu (nhỏ) và dây đại (lớn).

30 Đút chẳng thông tậm ngớt cung tơ.
 Như sâu như ngấn như ngơ,
 Tứ riềng hay gấp tiếng tơ muôn phần.
 Áo như tiếng ngân bình tuôn nước,
 Tót như người lên ngựa tuốt đao.
 35 Trộn cung một tiếng kíp sao,
 Hình như xé lụa luôn vào bốn dây.
 Thuyền khách đổ đông tây lặng ngắt,
 Một doanh sông với mặt gương thâu.
 Buồn sao buồn rĩ buồn rầu,
 40 Quán dây sóc áo dây râu sự mình.
 Xưa kia cũng kinh thành phận gái,
 Chốn non Chàng hang Nhái là nhà.
 Nghề riêng quen thuở mười ba,
 Giáo phường mấy bộ tên ra đứng đầu.
 45 Tài với sắc mỗi màu mỗi đủ,
 Vụng thiện tài lại xấu Thu Nương.
 Xui người khuê ngọc các¹ vàng,
 Một cung chưa biết mấy vàn hồng tiêu.
 Đem trâm lược thay chiều kích tiết²,
 50 Sắc la quần chi biệt rượu chè.
 Trận cười đã mấy năm chờ,
 Thay gương thu nguyệt đổi cờ xuân phong.
 Kiếp người thiếu tráng³ dễ không,
 Sớm qua tối lại còn hồng nhan đâu.
 55 Khách xe ngựa ai hầu trông lại,
 Chút xuân già gửi lại thương quân⁴.
 Một tình một lợi nào cân,
 Buôn chè thán trước đã lần bè xuôi.
 Minh thê bạc⁵ bên trời một chiếc,
 60 Lạnh lòng thay với nước cùng trăng.
 Ngày xuân còn nhớ tơ giảng,
 Nỉ non phiếm trúc, nước ngưng lệ hồng.

1. Khuê: nhà trong, chỗ đàn bà con gái ở; các: gác, lầu.

2. Kích tiết: đánh nhịp.

3. Thiếu tráng: trẻ mạnh.

4. Quân: chữ tôn xưng, đây chỉ người chồng.

5. Thê bạc: dựa vào bờ.

Say cầm sắt ¹ bên lòng đã rối,
 Lại lời than lăm nổi nồng nồng.
 65 Rằng trong một kiếp bình bông ²,
 Chẳng tương tri ³ cũng tương phùng ⁴ từ đây.
 Ta những thuở từ nơi phượng khuyết,
 Cũng xa xôi ra đến nẻo này;
 Bể chùng nước quanh non khơi,
 70 Tuần trăng đã đủ, cầm đài ⁵ nào nghe.
 Gian thảo xá ⁶ ở cùng thủy khúc,
 Những chòm lau khóm trúc rà rà.
 Sớm khuya những tiếng chi là,
 Quyên gầy kêu hạ, vượn già gào đông.
 75 Hoa xuân tốt, trăng thu trong,
 Nghiêng bầu rót rượu luống không ai cùng.
 Dấu ca địch vang lưng thôn ố,
 Những liú lo cũng khó vào tai.
 Một hôm nghe tiếng đàn ai,
 80 Nhạc Thiều ⁷ dăng dỏi ⁸ bên tai ngọt ngào.
 Gảy khúc nửa tiệc đào cho trót,
 Cùng vì nhau mượn bút làm ghi.
 Nặng lòng cảm nỗi tương tri,
 Gót hoa nương chiếu, đàn tỳ lên cung.
 85 Nào nùng hỡi nào nùng thay bấy,
 Khách nhàn du ⁹ những sái giao châu ¹⁰.
 Nực cười có kẻ riêng sầu,
 Áo lam Tư mã còn màu gì xanh.

Khuyết danh

-
1. *Cầm sắt*: tên hai thứ đàn xưa, hòa với nhau, biểu hiện tình vợ chồng.
 2. *Bình bông*: tên một thứ bèo, ta gọi là “bèo Nhật Bản”, đây nghĩa là trôi nổi.
 3. *Tương tri*: biết nhau.
 4. *Tương phùng*: gặp nhau.
 5. *Cầm đài*: cái bệ trên đó (Tư mã Tương Như) gảy đàn cho (Trác Văn Quân) nghe. Trỏ việc chơi đàn. X. *Rằng nghe nổi tiếng cầm đài* (K).
 6. *Thảo xá*: nhà cỏ; *thủy khúc*: khúc sông.
 7. *Thiều*: cung hát vua Thuấn.
 8. *Dăng dỏi*: du dương.
 9. *Nhàn du*: chơi rỗi; *sái*: tươi, rầy.
 10. *Giao châu*: nước mắt con sấu.

TỠ BÀ HÀNH

- Trên bến Tâm Dương đêm tiễn khách,
Hoa địch ¹ lá phong thu lách tách.
Chủ nhân xuống ngựa, khách trong thuyền,
Cất ly muốn cạn, không quản huyền ².
5 Say chẳng thành vui, buồn sắp biệt,
Lúc biệt lờ mờ sông dắm nguyệt.
Chợt nghe trên nước tiếng tỳ bà,
Chủ quên về, khách cũng lân la,
Theo tiếng hỏi thăm ai đó đàn.
10 Tiếng đàn ngừng hẳn, nói khoan khoan.
Xeo thuyền gần lại, mới ra mặt,
Khêu đèn, đặt rượu thêm tiêm tất.
Ngàn kêu muôn gọi mới qua thuyền,
Ôm chiếc tỳ bà che nửa mặt.
15 Vặn trục nhấn dây ít tiếng thôi,
Chưa thành khúc điệu đã tình rồi.
Dây dây dè nện ý trầm ngâm,
Như tỏ sinh bình chữa xức tâm.
Cúi mày, tay gảy, tiếng tuôn tuôn,
20 Kể hết trong lòng bao nỗi buồn.
Nhẹ nhõm, khoan thai, hát lại khêu.
Trước khúc Nghê thường, sáu Lục yêu,
Có lúc thì thầm như nói nhỏ,
Có lúc ào ào như nước đổ.

1. Cây lau.

2. Đàn sáo.

25 Ào ào, thì thâm xen lẫn đàn,
 Châu nhỏ châu to rót ngọc bàn.
 Tiếng oanh riu rít dưới hoa, trôn,
 Tiếng suối ngập ngừng nước xuống ngàn.
 30 Thánh thót suối ngừng, dây ngờ đứt,
 Cách tuyệt không thông, đàn tạm dứt.
 Riêng có u sầu ám hận sinh.
 Khi im tiếng hơn khi có tiếng,
 Bình bạc bể rồi, nước chảy tung.
 Ngựa sắt vung ra, thương chạm kiếm,
 35 Khúc rồi, cất bát ¹ vạch tim đồn.
 Xẹt một tiếng, bốn dây lẳng lẳng,
 Ghe cộ đông tây chẳng một lời.
 Lòng sông chỉ thấy trăng thu trắng,
 Tần ngần đem bát cấm trong dây.
 40 Sữa soạn áo xiêm trở gót giày,
 Tự xưng vốn thị gái kinh thành.
 Nhà ở Hà Mô lẳng hạ đó,
 Đàn tỳ học giỏi mới mười ba.
 Tên thuộc giáo phường đệ nhất bộ ²,
 45 Khúc hay thường được thiện tài ³ khen.
 Đóng mốt ⁴, Thu Nương ⁵ thêm tạt đổ ⁶,
 Ngũ lẳng ⁷ khách trẻ tranh triển đầu ⁸.
 Một khúc tiêu hồng ⁹ không biết số,
 Hoa vàng lược bạc bể luôn tay ¹⁰.

1. Cái phím để gảy đàn.

2. Số thứ nhất.

3. Thầy dạy âm nhạc.

4. Trang điểm vào.

5. Tên người đàn bà đẹp đã có tuổi.

6. Ghen.

7. Tên đất gần kinh thành.

8. Khăn đỏ: hỏi xưa người ta dùng nó để thưởng các nàng ca vũ.

9. Khăn đỏ.

10. Dùng những vật đó để gõ nhịp, lâu rồi bẻ hết.

50 Đỏ nhuộm quần là vì nhuộm ố,
 Năm nay cười giỡn lại sang năm.
 Thu nguyệt xuân phong quên mấy độ,
 Dì nuôi đã chết, em tòng quân.
 Sớm tối đổi thay nhan sắc cũ,
 55 Ngựa xe trước cửa vắng lơ thơ.
 Già lớn về tay người đại cổ ¹,
 Con buôn lợi trọng biệt ly khinh.
 Tháng trước, Phù Lương ² đi bán trà,
 Cửa sông đi lại giữ thuyền không.
 60 Quanh thuyền trắng rọi, nước mênh mông,
 Đêm khuya mộng thấy việc hồi trẻ,
 Mơ màng giọt lệ đỏ ³ lan can ⁴.
 Ta nghe đàn tỳ đã buồn bực,
 Lại nghe lời này càng bứt rứt.
 65 Cùng người luân lạc chỗ thiên nhai,
 Gặp nhau hà tất từng tương thức.
 Ta từ năm trước xa Đế kinh,
 Giáng chức, đau nằm Tầm Dương thành.
 Tơ trúc tròn năm nghe vắng tiếng,
 70 Tầm Dương hẻo lánh thôi cũng đành.
 Bến Bồn đất thấp nhà gần đó,
 Trúc đắng lau vàng vẫn mọc quanh.
 Nghe những tiếng gì trong sớm tối?
 Tiếng quyên, tiếng vượn, tiếng buồn tênh.
 75 Gặp khi hoa nở, khi trăng sáng,
 Bầu rượu thường thường rót một mình.
 Sau thôn có sáo và ca khúc,
 Lẳng lú, khăn khăn, khó gợi tình.

1. Người buôn bán lớn.

2. Tên đất.

3. Khóc mà nước mắt có máu nên đỏ cả lan can.

4. Nguyễn Hiến Lê đã chú thích: “Khóc mà nước mắt có máu nên đỏ cả lan can” thì sai. Theo các quyển *Đường thi tam bách thủ* thì *lan can* có nghĩa là vành mắt hoặc ngang dọc, đầm đìa.

Đêm nay nghe được tỳ bà khúc,
80 Như nghe tiên nhạc, mở thông minh.
Chớ từ, gảy lại cho nghe nữa,
Vì mình ta làm tỳ bà hành.
Cảm lời nói ấy, đứng hơi lâu,
Ngồi xuống vắn dây, dây thẳng gấp,
85 Đau thương khác hẳn điệu vừa nghe,
Giọt lệ khách ngồi coi muốn khắp,
Thử hỏi ai là người khóc nhiều?
Giang Châu Tư mã áo xanh ướt.

Khuyết danh

TRƯỜNG HẠN CA

TRƯỜNG HẬN CA

Bên cạnh bài *Tỳ bà hành* của Bạch Cư Dị thì bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị cũng là một tác phẩm nổi tiếng được nhiều người diễn âm. Chúng tôi sưu tầm thấy có:

- Bản dịch khuyết danh in trên *Nam Phong tạp chí*, số 127, tháng 3-1928.
- Bản dịch khuyết danh in trên *Nam Phong tạp chí*, số 180, tháng 1-1933.
- Bản dịch khuyết danh (thể lục bát) in trên *Nam Phong tạp chí*, số 180, tháng 1-1933.
- Bản dịch khuyết danh của một số thân sĩ và nhà giáo ở Bình Định do Lâm Mỹ Tài sao lục.
- Bản dịch của Tản Đà đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* – tháng 12-1934 và tháng 1-1935.
- Bản dịch của Vũ Đình Liên in trong *Thanh nghị*, số 6 (15-10-1941).
- Bản dịch của Vũ Văn Khoa in trong *Thanh nghị*, số 18 (1-8-1942).
- Bản dịch của Trần Trọng Kim in trong quyển *Đường thi* - Tân Việt - 1950.
- Bản dịch khuyết danh in trong *Đại cương Văn học sử Trung Quốc* của Nguyễn Hiến Lê, 1964.
- Bản dịch của Trần Trọng San in trong *Thơ Đường* quyển II, Bắc đầu xuất bản - 1970.

Trong số các bản dịch ấy có bài của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu là đạt hơn cả.

TẢN ĐÀ

NGUYỄN KHẮC HIẾU

(1889-1939)

Nguyễn Khắc Hiếu hiệu là Tản Đà, sinh ngày 20-4 năm Kỷ Sửu (25-5-1889), quê quán làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây (nay thuộc tỉnh Hà Tây).

Ông vốn thông minh nhưng tính phóng túng, làm văn không chịu theo khuôn khổ khoa cử nên mấy khoa thi đều không đậu.

Ông quay sang viết báo. Lúc đầu viết cho *Đông Dương tạp chí*. Khi *Nam Phong tạp chí* ra đời, ông cũng có cộng tác với tạp chí ấy một thời gian. Tạp chí *Hữu Thanh* mời ông về làm chủ bút nhưng chỉ được ít lâu ông lại từ chức. Năm 1926 ông làm chủ bút tờ *An Nam tạp chí* do chính ông sáng lập.

Tờ báo cũng không sống được bao lâu. Ông vào Nam viết cho *Đông Pháp thời báo* và *Thần Chung* ở Sài Gòn. Được một thời gian ông lại trở về Hà Nội.

Ông mất ngày 20 tháng 4 năm Kỷ Mão (1939), thọ 51 tuổi.

Ông tuy có làm báo, viết truyện, nhưng lại nổi tiếng về thơ.

Ông cũng có dịch một số *thơ Đường* đăng trên báo *Ngày nay*. Bài *Trường hận ca* do ông dịch lại được đăng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* (1935) và được in lại trong *Tản Đà vận văn*.

Thơ văn Tản Đà được giới thiệu trong tập khác của bộ Tổng tập này.

Bản dịch I (của Tản Đà)

TRƯỜNG HẬN CA

Đức vua Hán mến người khuynh quốc,
Trải bao năm tìm chuốc công tai.

Nhà Dương có gái mới choai,
Buồng xuân khóa kín chưa ai bạn cùng.

5 Lạ gì của tuyết đông ngọc đức,
Chốn ngai vàng phút chốc ngồi bên.

Một cười trăm vẻ thiên nhiên,
Sáu cung nhan sắc thua hờn phấn son.

10 Trời xuân lạnh, suối tuôn mạch ấm,
Da mỡ đông kỳ tắm ao Hoa.

Vua yêu bạn ấy mới là,
Con hầu nâng dậy coi đà mệt thay!

Vân nhẹ bước lung lay tóc mái,
Màn phù dung êm ái đêm xuân.

15 Đêm xuân vẩn vẩn có ngần,
Ngai rồng từ đấy chậm phần vua ra.

Suốt ngày tháng tiệc hoa vui mãi,
Đêm xuân tàn, xuân lại còn đêm.

20 Ba nghìn xinh đẹp chị em,
Ba nghìn yêu quý chất nôm một mình.

Nhà vàng đức, đêm thanh ôm ấp,
Lầu ngọc cao, say ấp màu xuân.

Anh em sướng đủ mọi phần,
Mà cho thiên hạ có lần rẻ trai.

25 Vẳng tiên nhạc khắp nơi nghe biết,
 Làn gió đưa cao tít Ly cung.
 Suốt ngày múa hát thung dung,
 Tiếng tơ, tiếng trúc say lòng quân vương.
 Âm tiếng trống Ngự Dương kéo đến,
30 Khúc Nghê thường tan biến như không.
 Chín lần thành khuyết bụi tung,
 Nghìn xe, muôn ngựa qua vùng Tây Nam.
 Đi lại đứng hơn trăm dặm đất,
 Cờ thúy hoa bóng phất lung lay.
35 Sáu quân dùng dằng làm rầy,
 Mây ngài trước ngựa lúc này thương ôi!
 Ai người nhật thoa rơi bỏ đất,
 Ôi! Thúy kiều ngọc nát vàng phai.
 Quân vương bùng mặt cho rồi,
40 Quay đầu trông lại, máu trôi lệ dần.
 Gió tung bụi mê man tản mác,
 Đường thang mây Kiếm Các lần đi.
 Vắng tanh, dưới núi Nga My,
 Mặt trời nhật thếch, tinh kỳ buồn tênh!
45 Đất Ba Thục non xanh nước biếc,
 Lòng vua cha thương tiếc hôm mai.
 Thấy trắng lưng những đau người,
 Đêm mưa đứt ruột, canh dài tiếng chuông.
 Phút trời đất quay cuồng vận số,
50 Bánh xe rồng đến chỗ ngày xưa.
 Đất bùn chỗ chết còn tro,
 Thấy đau mặt ngọc, bây giờ Mã Ngôi!
 Đầm vạt áo, vua tôi giọt lệ,
 Gióng dây cương, ngựa tể về đông.
55 Cảnh xưa dương liễu, phù dung,
 Vị Ương, Thái Dịch hồ cung vện mười.

Rhù Dung đó, mặt ai đâu tá?
 Mà y liễu đâu, cho lá còn như!
 Càng trông hoa liễu năm xưa,
 60 Càng xui nước mắt như mưa ướt đầm.
 Xuân đào lý gió đêm huê nở,
 Thu khi mưa rụng lá ngô đồng.
 Kìa Nam uyển, nọ Tây cung,
 Đây thêm ai quét lá hồng thu rơi?
 65 Vườn Lê cũ những ai con hát?
 Mái tóc coi trắng phớt lạ lòng.
 Những ai coi giữ tiêu phòng?
 Mà xanh thuở ấy nay cùng già nhẵn.
 Trước cung điện nhìn sân đêm tối,
 70 Đom đóm bay gọi mối u sầu.
 Ngọn đèn khêu đã cạn dầu,
 Khó thay, giấc ngủ dễ hầu ngủ xong!
 Tiếng canh tối từng từng điểm trống,
 Năm canh dài chẳng giống đêm xưa.
 75 Sông Ngân lấp lánh sao thưa,
 Trời như muốn sáng, sao chưa sáng trời?
 Trên mái ngói sương rơi ướt lạnh,
 Trong chạn nằm bên cạnh nào ai?
 Cách năm sông thác đôi nơi,
 80 Thấy đâu hồn phách vắng lai giấc nồng?
 Khách đạo sĩ Lâm Cùng có gã,
 Chơi Hồng Đô phép lạ thần thông.
 Xót vì vua chúa nhớ nhung,
 Mới sai phương sĩ hết lòng ra tay.
 85 Cưỡi luồng gió như bay như biển,
 Trên trời xanh, dưới đến đất đen.
 Hai nơi bích lạc, hoàng tuyền,
 Dưới trên tìm khắp mơ huyền thấy chi!
 Sức nghe nói tìm đi mé bể,

90 Có non tiên ngoài phía hư không.
Rõ ràng cung điện linh lung,
Xa trông năm sắc mây lồng đẹp sao!
Trong tha thướt biết bao tiên tử,
Một nàng tiên tên chữ Ngọc Chân.

95 Mặt hoa da tuyết trắng ngần,
Dáng như người ấy có phần phải chăng?
Mái tây gõ cửa vàng then ngọc,
Cây đưa tin Tiểu Ngọc, Song Thành.
Nghe tin sứ giả Hán đình,

100 CỬU HOA TRONG TRƯỞNG GIẬT MÌNH GIÁC MƠ.
Cầm áo dậy, thẩn thơ buồn bực,
Mở rèm châu, bình bạc lần ra.
Bâng khuâng nửa mái mây tà,
Thêm cao xuống chiếc mũ hoa lệch đầu.

105 Phới tay áo bay màu ngọn gió,
Giống Nghê thường khúc múa năm xưa.
Lệ dàn mặt ngọc lưa thưa,
Cành lê hoa chiu hạt mưa xuân dầm.
Ngừng nước mắt âm thầm buồn bã,

110 Đội ơn lòng, xin tạ quân vương.
Từ ngày cách trở đôi phương,
Vắng tanh tám tiếng, mơ màng hình dong.
Nơi đế điện dứt vòng ân ái,
Chốn tiên cung thư thái tháng ngày.

115 Cõi trần ngoảnh lại mà hay,
Tràng An chẳng thấy, thấy đầy bụi nhơ!
Lấy chi tỏ tình xưa thăm thú?
Gửi cành thoa vật cũ cầm xuôi.
Thoa vàng hộp khảm phân đôi,

120 Nửa xin để lại nửa thời đem đi.
Chỉ xin nguyện lòng ghi dạ tạc,
Tựa thoa vàng bền chắc không phai.

Thời cho cách trở đôi nơi,
Nhân gian rồi với trên trời gặp nhau.

125 Ân cần dặn mấy câu lâm biệt,
Lời thề xua lòng biết với lòng.

Là đêm Trùng thất ngồi chung,
Trường sinh sân điện vắng không bóng người.

130 Xin kết nguyện chim trời liền cánh,
Xin làm cây cành nhánh liền nhau.

Thấm chi trời đất dài lâu,
Giận này dằng dặc dễ hấu có nguôi...

長恨歌

漢皇重色思傾國
御宇多年求不得
楊家有女初長成
養在深閨人未識
天生麗質難自棄
一朝選在君王側
回眸一笑百媚生
六宮粉黛無顏色
春寒賜浴華清池
溫泉水滑洗凝脂
侍兒扶起嬌無力
始是承恩澤
雲鬢花顏金步搖
芙蓉帳暖度春宵
春從愁夜苦君起
從此歡娛王宴朝
承歡侍宴無閒暇

夜人身夜春土戶心女雲聞竹足來曲生行止里
專千一侍和列門母生青處絲不地衣塵南複餘
夜三在嬌醉皆生父重入處凝看動羽煙西行百
遊麗愛成罷兄彩下男處飄舞王鼓裳闕騎搖門
春佳籠妝宴弟光天生高風謾君輦霓城萬搖都
從宮千屋樓妹憐令重宮樂歌日陽破重乘華出
春後三金玉姊可遂不驪仙緩盡漁驚九千翠西

20

25

30

35

何死收頭得流索閣行薄青情色聲馭去中處衣
奈前人搔不和蕭劍人色山暮心斷龍能土死霑
無馬無玉救相風登少日蜀暮傷腸迴不泥空盡
發眉地雀面淚漫紆下光碧朝月鈴轉躊躇下顏顧
不蛾委金掩血散縈山無水朝見聞地躊躇坡玉相
軍轉鈿翹王看埃棧媚旗江主宮雨旋此嵬見臣
六宛花翠君回黃雲峨旌蜀聖行夜天到馬不君

40

45

50

55

東望都門信馬歸
歸來池苑皆依舊
太液芙蓉未央柳
芙蓉如面柳如眉
對此如何不淚垂
春風桃李花開日
秋雨梧桐葉落時
西宮南內多秋草
落葉滿階紅不掃
梨園弟子白髮新
椒房阿監青娥老
夕殿螢飛思悄然
孤燈挑盡未成眠
遲遲鐘鼓初長夜
耿耿星河欲曙天
鴛鴦瓦冷霜華重
翡翠衾寒誰與共
悠悠生死別經年
魂魄不曾來入夢

60

65

70

客 魄 思 覓 電 遍 泉 見 山 間 起 子 真 是 局 成 使 驚 徊
 都 魂 轉 勤 如 之 黃 不 仙 綽 雲 仙 太 差 玉 雙 子 魂 徘
 鴻 致 輾 殷 奔 求 下 皆 有 縹 五 多 字 參 叩 報 天 夢 起
 士 誠 王 士 氣 地 落 茫 茫 上 無 瓏 約 人 貌 廂 玉 家 裏 枕
 道 精 君 方 馭 入 碧 茫 茫 海 虛 玲 綽 一 花 西 廂 小 漢 帳 推
 邛 以 感 教 雲 天 窮 處 聞 在 閣 中 有 膚 闕 教 道 華 衣
 臨 能 爲 遂 排 升 上 兩 忽 山 樓 其 中 雪 金 轉 聞 九 攬

珠箔銀屏迤邐開
 雲髻半偏新睡覺
 花冠不整下堂來
 風吹仙袂飄飄舉
 猶似霓裳羽衣舞
 玉容寂寞淚闌干
 梨花一枝春帶雨
 含情別後君王
 一別音容兩渺茫
 昭陽殿裏恩愛絕
 蓬萊宮中日月長
 回頭下望望塵處
 不見長安見霧情
 惟將舊物表深將
 去
 鈿釵留一黃金分
 擘黃金合分鈿
 教心似金鈿堅
 天上人間會相見

115

辭知殿時鳥枝盡期
寄心生語翼理時絕
重兩長私比連有無
勤誓日人作爲久綿
殷有七無願願地綿
別中月半天長恨
臨詞七夜在在地天此

120

TRƯỜNG HẠN CA

Vua Đường Minh Hoàng mê nàng Dương Quý Phi nên trễ nải cả việc triều chính.

Cuối thời Thiên Bảo, anh của Dương Quý Phi là Dương Quốc Trung được cử giữ chức Tể tướng, đã lạm quyền làm nhiều điều mất lòng dân.

An Lộc Sơn dấy binh chống lại Đường Minh Hoàng lấy cớ là loại trừ Dương Quốc Trung. Vua Đường Minh Hoàng phải bỏ kinh đô Tràng An chạy vào Tây Thục. Khi đến Mã Ngôi, quân sĩ đói mệt, không chịu đi nữa, đều oán giận cho rằng vì Quý Phi mà có loạn, bèn xin giết nàng. Vua phải theo ý tướng sĩ, sai đem thắt cổ nàng trước ngựa mà lòng vô cùng đau đớn.

Sau khi dẹp được loạn An Lộc Sơn, trở lại kinh đô, Đường Minh Hoàng luôn thương nhớ nàng Quý Phi.

Bạch Cư Dị viết bài ca này để chép lại chuyện đó.

Hán hoàng ¹ trọng sắc tư khuynh quốc ²,
Ngự vũ đa niên cầu bất đắc.
Dương gia hữu nữ sơ trưởng thành,
Dưỡng tại thâm khuê nhân vị thức.
5 Thiên sinh lệ chất nan tự khi,
Nhất triều tuyển tại quân vương trắc.
Hồi mâu ³ nhất tiểu bách mị sinh;

1. Hán hoàng : Bạch Cư Dị là thần tử nhà Đường. Vua Minh Hoàng tức là tiên đế cho nên không tiện nói rõ mới nói chạnh ra là Hán hoàng (vua Hán). Đây chỉ Đường Huyền Tông.

2. Khuynh quốc: làm nghiêng nước, chỉ người đàn bà đẹp. Do câu hát của Lý Diên Niên: “Bắc phương hữu giai nhân, tuyệt thế nhi độc lập. Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc” (Phương Bắc có người đẹp, một mình nhất thế gian. Nhìn một cái thì nghiêng thành người ta, nhìn hai cái thì nghiêng nước người ta).

3. Hồi mâu: (mâu tử: con người mắt) ngoảnh nhìn lại.

Lục cung ¹ phấn đại ² vô nhan sắc.
 Xuân hàn tứ dục Hoa Thanh trì ³,
 10 Ôn tuyên thủy hoạt tẩy ngưng chi ⁴;
 Thị nhi phù khởi kiều vô lực,
 Thủy thị tận thừa ân trạch thì.
 Vân mấn ⁵ hoa nhan kim bộ dao ⁶,
 Phù dung ⁷ trướng noãn độ ⁸ xuân tiêu;
 15 Xuân tiêu ⁹ khổ đoản nhật cao khởi,
 Tòng thử quân vương bất tảo triều.
 Thừa hoan thị yến vô nhân hạ,
 Xuân tòng xuân du dạ chuyên dạ.
 Hậu cung giai lệ tam thiên nhân,
 20 Tam thiên sủng ái tại nhất thân.
 Kim ốc ¹⁰ trang thành kiều thị dạ,
 Ngọc lâu yến bãi túy hòa xuân.
 Tỷ muội, đệ huynh giai liệt thổ,
 Khả liên quang thái sinh môn hộ;
 25 Toại linh thiên hạ phụ mẫu tâm,
 Bất trọng sinh nam trọng sinh nữ.
 Ly cung ¹¹ cao xứ nhập thanh vân,

1. *Lục cung*: chỗ các cung phi ở.

2. *Đại*: thuốc đen của phụ nữ xưa dùng để vẽ lông mày nên đồ trang sức gọi là *phấn đại*.

3. *Hoa Thanh trì*: (trì: cái ao) tại Thiểm Tây, Lâm Đồng huyện, phía Nam Ly Sơn.

4. *Ngưng chi*: mỡ bị lạnh mà đông lại. Chữ trong *Kinh Thi*, bài *Thục nhân*: “*Phu như ngưng chi*” (Da của nàng trắng như mỡ đông lại) ý nói trắng trẻo.

5. *Vân mấn*: (*mấn* cũng đọc là *tấn*: tóc mai, tóc bên mái tai) tóc bông bênh như mây.

6. *Bộ dao*: (*dao* cũng đọc là *diêu*: lay động) đồ trang sức trên đầu phụ nữ thời xưa, lúc đi thì lung lay vì có những bông hoa đính chung quanh, hoặc có những tua ngọc rủ quanh.

7. *Phù dung*: tên một thứ hoa đẹp (tức mộc phù dung) dùng để ví với mặt người đàn bà đẹp.

Phù dung trướng: trướng có thêu hoa phù dung.

8. *Độ*: qua.

9. *Xuân tiêu*: (*tiêu*: đêm) đêm xuân, đêm vui vẻ xuân tình. *Xuân tiêu nhất khắc trị thiên kim* (đêm xuân một khắc đáng nghìn vàng; tình tứ người chơi xuân) *Đóa hải đường thức ngủ xuân tiêu* (C.O.)

10. *Kim ốc*: (*kim*: vàng, *ốc*: nhà) dùng để chỉ cái nhà hết sức hoa lệ. Hán Vũ Đế khi còn nhỏ, từng nói về nàng A Kiều: “*Nếu lấy được A Kiều thì sẽ làm nhà vàng cho ở*”. Sau A Kiều trở thành hoàng hậu.

11. *Ly cung*: tức cung Hoa Thanh.

Tiên nhạc phong phiêu xứ xứ vắn;
 Hoãn ca mạn vũ ngưng ty trúc,
 30 Tận nhật quân vương khan bất túc.
 Ngư Dương ¹ bễ cổ động địa lai,
 Kinh phá Nghê thường vũ y ² khúc.
 Cữu trùng thành khuyết yên trần sinh,
 Thiên thặng ³ vạn kỵ tây nam hành.
 35 Thúy hoa dao dao hành phục chỉ,
 Tây xuất đô môn bách dư lý.
 Lục quân bất phát vô nại hà?
 Uyển chuyển nga mi ⁴ mã tiền tử.
 Hoa diên ⁵ ủy địa vô nhân thâu,
 40 Thúy kiều ⁶, kim tước, ngọc tao đầu.
 Quân vương yểm diện cứu bất đắc,
 Hồi khan huyết lệ tương hòa lưu.
 Hoàng ai tản mạn phong tiêu tác,
 Vân sạn oanh vu ⁷ đẳng Kiếm các ⁸.
 45 Nga My ⁹ sơn hạ thiếu nhân hành,
 Tinh kỳ vô quang nhật sắc bạc.
 Thục giang thủy bích Thục sơn thanh,
 Thánh chủ triều triều mộ mộ tình.
 Hành cung kiến nguyệt thương tâm sắc,

1. *Ngư Dương*: nay thuộc tỉnh Sơn Tây. Xưa là nơi An Lộc Sơn đã nổi dậy để chống lại vua Đường Huyền Tông.

2. *Nghê thường vũ y*: điệu múa Nghê thường. Đời nhà Đường, đêm rằm tháng 8, đạo sĩ La Công Viễn dùng phép tiên đưa vua Minh Hoàng lên chơi trên Nguyệt điện. Vua thấy các tiên nữ mặc xiêm áo sắc sỡ như màu sắc cầu vồng múa hát ở sân Nguyệt điện, khác các điệu múa ở cung vua. Vua hỏi Công Viễn. Ông ta nói đấy là khúc *Nghê thường vũ y*.

3. *Thiên thặng*: (*thặng*: cỗ xe, xe bốn ngựa kéo) nghìn cỗ xe.

4. *Nga mi*: chữ lấy trong *Kinh Thi*, bài *Thục nhân* (người đẹp) chỉ lông mày nhỏ, dài và cong như râu con ngài. Đây chỉ vẻ đẹp của Dương Quý Phi.

5. *Hoa diên*: đồ trang sức làm bằng vàng dùng để cài đầu của phụ nữ.

6. *Thúy kiều*: đồ trang sức trên đầu của phụ nữ.

7. *Oanh vu*: (*oanh*: quanh co, *vu* hoặc *hu*, *u*: quanh) quanh co.

8. *Kiếm các*: đường thang bắc ngang qua hai ngọn núi ở Kiếm Sơn, thế rất nguy hiểm.

9. *Nga My*: tên núi, ở phía Nam huyện Nga My, tỉnh Tứ Xuyên.

- 50 Dạ vũ văn linh ¹ trường đoạn thanh.
 Thiên tuyến địa chuyển hồi long ngự,
 Đáo thử trừ trừ bất năng khứ.
 Mã Ngôi pha ² hạ nê thổ trung,
 Bất kiến ngọc nhan không tử xứ.
- 55 Quân thần tương cố tận triêm y,
 Đông vọng đô môn tín mã quy.
 Quy lai trì uyển giai y cứu,
 Thái Dịch ³ phù dung Vị Ương ⁴ liễu;
 Phù dung như diện liễu như mi,
- 60 Đối thử như hà bất lệ thù?
 Xuân phong đào lý hoa khai nhật,
 Thu vũ ngô đồng điệp lạc thì,
 Tây cung nam nội đa thu thảo,
 Lạc điệp mãn giai hồng bất tảo.
- 65 Lê viên tử đệ ⁵ bạch phát tân,
 Tiêu phòng ⁶ a giám ⁷ thanh nga ⁸ lão.
 Tịch điện huỳnh phi tứ tiểu nhiên,
 Cô đẳng khiêu tận vị thành miên.
 Trì trì chung cổ sơ trường dạ,
- 70 Cảnh cảnh tinh hà dục thụ thiên.
 Uyên ương ngỗ lãnh sương hoa trọng,
 Phỉ thúy khâm hàn thù dĩ cộng,
 Du du sinh tử biệt kinh niên,

1. *Văn linh*: (*linh*: cái chuông rung, cái chiêng), nghe tiếng chiêng hoặc tiếng chuông rung. Khi đến Tà Cốc khẩu Đường Huyền Tông nghe tiếng chiêng trong lúc mưa rầm, buồn bã vì nhớ tới Quý Phi, liền làm ra khúc ca gọi là *Vũ lâm linh khúc* (khúc chiêng kêu trong lúc mưa dầm).

2. *Mã Ngôi pha*: tên đất nay ở phía Tây huyện Hưng Bình, tỉnh Thiểm Tây, nơi Dương Quý Phi bị thất cố chết.

3. *Thái Dịch*: tên ao trong cung vua.

4. *Vị Ương*: tên cung điện.

5. *Lê viên tử đệ*: vua Minh Hoàng có tuyển một đội con hát riêng để được dạy tập luyện trong vườn riêng gọi là Hoàng đế Lê viên tử đệ.

6. *Tiêu phòng*: (*tiêu*: hạt tiêu, *phòng*: buồng) phòng của các cung phi ở, tường vách trát vôi có trộn thêm hạt tiêu cho thơm và ấm.

Bực mình muốn đập tiêu phòng mà ra (C.O.)

7. *A giám*: quan hoạn coi trong cung.

8. *Thanh nga*: cung nữ trẻ đẹp.

Hồn phách bất tăng lai nhập mộng.
 75 Lâm Cùng ¹ đạo sĩ Hồng Đô ² khách,
 Năng dĩ tinh thành trí hồn phách;
 Vị cảm quân vương triển chuyển tư,
 Toại giao phương sĩ ³ ân cần mịch.
 Bài vân ngự khí bốn như điện,
 30 Thăng thiên nhập địa cầu chi biến;
 Thượng cùng bích lạc ⁴ hạ hoàng tuyền ⁵,
 Lưỡng xứ mang mang giai bất kiến.
 Hốt văn hải thượng hữu tiên sơn ⁶.
 Sơn tại hư vô phiếu diểu gian,
 85 Lâu các lung linh ngũ vân khởi;
 Kỳ trung sức ước đa tiên tử,
 Trung hữu nhất nhân tự Thái Chân ⁷,
 Tuyết phu hoa mạo sâm si thị.
 Kim nguyệt ⁸ tây sương khấu ngọc quỳnh;
 10 Chuyển giao Tiểu Ngọc ⁹ báo Song Thành ¹⁰.
 Văn đạo Hán gia thiên tử sứ,
 Cửu hoa trưởng ¹¹ lý mộng hồn kinh.
 Lãm y thôi chấm khởi bồi hồi,
 Châu bạc ngân bình ¹² dĩ lệ ¹³ khai,
 95 Vân kết bán thiên tân thụy giác,
 Hoa quan bất chỉnh hạ đường lai.
 Phong xuy tiên duệ phiêu phiêu cử,

1. *Lâm Cùng*: tên huyện thuộc tỉnh Tứ Xuyên, nơi người đạo sĩ ở đó.

2. *Hồng Đô*: chỗ thầy đạo sĩ ở chơi.

3. *Phương sĩ*: đạo sĩ, người nghiên cứu học thần tiên và các phương thuật trừ tà trục quỷ.

4. *Bích lạc*: đạo gia gọi trên trời là bích lạc.

5. *Hoàng tuyền*: suối vàng tức âm phủ. Nhà Phật cho rằng dưới âm phủ có chín suối vàng (cửu tuyền).

6. *Tiên sơn*: núi có tiên ở. Tương truyền trong Bột Hải có ba hòn núi: Bồng Lai, Phương Trượng và Doanh Châu là nơi tiên ở.

7. *Thái Chân*: tên chữ của Dương Quý Phi.

8. *Kim nguyệt*: (kim: vàng, nguyệt hoặc nguyệt: cái lều canh ở cửa cung điện) cung điện.

9. *Tiểu Ngọc*: tên người hầu gái cũng là tiên nữ.

10. *Song Thành*: tức Đồng Song Thành, thị nữ của Tây Vương Mẫu.

11. *Cửu hoa trưởng*: trưởng có dẹt hoa rực rỡ.

12. *Ngân bình*: bức bình phong bằng bạc.

13. *Dĩ lệ*: quanh co men theo bên vệ.

Do tự Nghệ thường vũ y vũ;
 Ngọc dung tịch mạch lệ lan can ¹;
 100 Lê hoa nhất chi đới xuân vũ.
 Hàm tình ngưng thế tạ quân vương,
 Nhất biệt âm dung lưỡng diểu mang!
 Chiêu Dương ² điện lý ân ái tuyệt.
 Bồng Lai ³ cung trung nhật nguyệt trường.
 105 Hồi đầu hạ vọng trần hoàn xứ,
 Bất kiến Trường An kiến trần vụ.
 Duy tương cựu vật biểu thâm tình,
 Điền hạp kim thoa ký tương khứ.
 Thoa lưu nhất cổ, hạp nhất phiến,
 110 Thoa phách hoàng kim hạp nhân điền;
 Dẫn giao tâm tự kim điền kiên,
 Thiên thượng nhân gian hội tương kiến.
 Lâm biệt ân cần trùng ký từ,
 Từ trung hữu thệ lưỡng tâm tri.
 115 Thất nguyệt thất nhật Trường Sinh ⁴ điện,
 Dạ bán vô nhân tư ngũ thì.
"Tại thiên nguyện tác ty dục diểu ⁵,
Tại địa nguyện vi liên lý chi" ⁶.
 Thiên trường địa cửu hữu thì tận,
 120 Thử hận miên miên vô tuyệt kỳ.

1. *Lan can*: vành con mắt. Cũng có nghĩa là chan hòa.

2. *Chiêu Dương*: tên điện, nơi Dương Quý Phi đã từng ở.

3. *Bồng Lai*: tên một hòn đảo trong Bột Hải, tương truyền có tiên ở.

4. *Trường Sinh*: tên điện trong cung nhà Đường.

5. *Ty dục diểu*: chim sát liên cánh lúc bay, ý nói luôn luôn bay có đôi, không bao giờ bay riêng lẻ.

6. *Liên lý chi*: hai cây gốc xa nhau mà cành vươn nối liền nhau.

TRƯỜNG HẠN CA

- Vua Hán trọng sắc đẹp vẫn muốn có một người nghiêng nước
nghiêng thành,
Tuy ở ngôi bao năm mà vẫn chưa tìm được người vừa ý.
Nhà họ Dương có cô con gái mới lớn lên,
Nuôi nấng ở nơi buồng the, người ngoài chưa ai biết.
5 Vẻ đẹp trời sinh khó có thể bỏ hoài đi,
Một sớm kia nàng được tuyển vào bên vua.
Mỗi lần nàng ngoảnh mặt, nhoẻn cười lại lộ ra trăm vẻ
đáng yêu;
Khiến cho các phi tần ở sáu cung không còn ai đáng gọi là có
nhan sắc nữa.
Tiết xuân lạnh, nàng được tắm ở hồ Hoa Thanh,
10 Nước suối ấm, trơn giội trên da trắng mịn như mỡ đông;
Thị tỳ nâng dậy, nàng yếu mềm tưởng như không còn sức đứng
dậy nữa,
Ấy là lần đầu tiên nàng được thấm nhuần ơn vua.
Tóc mây, mặt hoa, nàng cài chiếc bộ dao trên đầu rung rinh,
Trong màn phù dung ấm áp, nàng trải qua những đêm xuân
với nhà vua;
15 Bực nổi đêm xuân ngán ngủ, mặt trời lên cao rồi mới dậy,
Từ đấy vua không ra ngự triều sớm nữa.
Nàng chiều theo ý vua, khi mua vui, khi hầu tiệc, chẳng lúc nào
nhàn rỗi,
Mùa xuân theo đi chơi xuân, đêm nào cũng là đêm riêng của
nàng với vua.
Người đẹp nơi hậu cung có tới ba nghìn,
20 Nhưng tình yêu thương của nhà vua nay dồn cả vào một mình
nàng.
Nơi nhà vàng, trang hoàng xong, nàng tới hầu vua mỗi đêm,
Tại lầu ngọc, tan tiệc rồi là lại say sưa với cả chiều xuân êm ái!
Chị em, anh em nàng đều được cất đất phong quan,
Thật là một mình làm vẻ vang cho cả nhà cả họ;
25 Khiến cho lòng những người làm cha mẹ trong thiên hạ hồi đó,
- 404

Coi trọng sinh con gái hơn sinh con trai.
Cung điện trên núi Ly Sơn cao vút mây xanh,
Khúc nhạc tiên theo gió đưa đi, khắp nơi đều nghe thấy;
Giọng ca êm ả, điệu múa nhẹ nhàng hòa với tiếng đàn
tiếng sáo,

30 Suốt ngày vua xem vẫn không thấy chán.
Tiếng trống tại đất Ngự Dương bỗng âm âm vang đến,
Phá tan cả điệu múa “Nghê thường vũ y”
Chín lần thành khuyết, khói bụi mịt mù,
Nghìn cỗ xe, muôn cỗ ngựa chạy về phía Tây Nam.
35 Tàn thắm, cờ hoa phát phới giông ruổi,
Đi ra phía tây, khỏi cổng thành được hơn trăm dặm.
Bỗng dừng lại không chịu tiến đi nữa, tình thế khó xong?
Nhà vua đành phải để người đẹp chết trước ngựa.
Bông hoa vàng, cành thụy kiều, hình kim tước và trâm ngọc
cài đầu,

40 Rơi vung vãi trên mặt đất chẳng có ai nhặt lên.
Cứu không nổi, vua đành che mặt (không nỡ nhìn),
Khi nhìn lại, máu hòa nước mắt chảy xuống ròng ròng.
Bụi vàng bay tản mát, gió thổi hắt hiu buồn,
Đường mây vẫn uốn khúc cheo leo đi lên Kiếm các.

45 Dưới chân núi Nga My rất ít người qua lại,
Bóng cờ ủ rũ, ánh mặt trời mờ nhạt.
Sông đất Thục biếc, núi đất Thục xanh,
Tình vua thương nhớ sớm chiều không lúc nào nguôi.
Ánh trăng nơi hành cung, trông những đau lòng,

50 Tiếng kiểng lúc đêm mưa, nghe càng đứt ruột.
Trời xoay đất chuyển, xe rồng lại trở về,
Tới đó dùng dằng không đi lên được.
Trong đám đất bùn, trên gò Mã Ngôi,
Không nhận ra chỗ người đẹp đã chết hôm xưa.

55 Vua tôi nhìn nhau, ai nấy đều lệ rơi thấm áo,
Hướng về cổng thành phía Đông mặc cho con ngựa quen đường
lững thững trở về.

Về tới nơi, ao vườn vẫn nguyên như cũ,
Đây là phù dung hồ Thái Dịch, kia là liễu cung Vị Ương.
Thấy hoa phù dung, nhớ đến mặt nàng, thấy lá liễu, nhớ lông
mày nàng,

- 60 Trước cảnh ấy, làm sao cầm được nước mắt?
Nhớ những buổi gió xuân, đào lý nở hoa,
Những lúc mưa thu, ngô đồng rụng lá,
Tại Tây cung điện Nam nội cỏ thu mọc đầy,
Lá rụng đỏ đầy thềm không ai quét.
- 65 Bọn con em chốn Lê viên tóc đã bạc trắng,
Lũ thái giám, thị tỳ chốn tiêu phòng cũng đã già rồi.
Trước điện, buổi tối, đom đóm bay, cảnh buồn man mác,
Ngọn đèn vò võ khêu đã hết bắc, vẫn chưa ngủ được.
Tiếng trống cầm canh thông thả điểm mới canh đầu,
- 70 Ánh sao lấp lánh trên sông Ngân tưởng trời sắp sáng.
Lớp sương dày phủ trên mái ngói uyên ương giá ngắt,
Tấm chăn phỉ thúy lạnh, biết cùng ai chung đắp,
Kẻ khuất người còn xa nhau đã hơn năm trời đằng đẳng,
Hồn phách chưa từng về gặp nhau trong giấc chiêm bao!
- 75 Một đạo sĩ ở Lâm Cùng đến chơi Hồng Đô,
Có phép thuật tinh thành gọi được hồn người chết trở về;
Vì cảm tấm lòng nhớ nhung trần trọc của nhà vua,
Mới sai phương sĩ hết lòng tìm kiếm hộ.
Lướt mây, cưỡi gió, đi nhanh như chớp,
- 80 Lên trời, xuống đất, tìm khắp mọi nơi;
Trên từ mây biếc, dưới đến suối vàng,
Cả hai nơi mênh mông đều không thấy.
Chợt nghe ở ngoài bể có ngọn núi tiên.
Núi này ở trong khoảng hư vô huyền ảo,
- 85 Lầu gác lộng lẫy, năm thức mây lồng;
Có bao nàng tiên thướt tha yếu điệu,
Trong số đó, có một nàng tên gọi là Thái Chân,
Da tuyết, mặt hoa, trông giống như Quý Phi.
Gõ cửa ngọc mái tây nơi kim khuyết;
- 90 Nhờ Tiểu Ngọc báo tin đến Song Thành.
Nghe có sứ vua Hán tới,
Trong trướng hoa giật mình tỉnh giấc.
Khép áo, đẩy gối, bồi hồi trở dậy,
Cánh rèm châu, bức màn bạc từ từ vén ra,
- 95 Bối tóc mây hơi lệch sang một bên, vẻ còn ngái ngủ,
Mũ hoa đội chưa ngay, vội bước xuống thềm.
Gió thổi, vạt áo phất phơ bay,

Hết như lúc nàng đang múa khúc “Nghê thường vũ ý”;
 Mặt ngọc u buồn, vắn dài giọt lệ,
 100 Trông như một cảnh hoa lê dầm hạt mưa xuân.
 Dầm dẫm khóe mắt, nghẹn ngào như muốn nói đa tạ
quân vương,
 Một lần từ biệt đôi ngả cách mặt khuất lời.
 Tình ân ái ở điện Chiêu Dương thế là đoạn tuyệt.
 Ngày tháng trong cung Bồng Lai dài đằng đẳng.
 105 Ngoảnh mặt nhìn xuống cõi trần hoàn,
 Không thấy Trường An, chỉ thấy cát bụi mờ mịt.
 Nay xin mượn vật cũ để tỏ chút tình thâm,
 Chiếc hộp hoa diên, cành kim thoa, gửi mang về giúp.
 Thoa để lại một nhánh, hộp để lại một mảnh;
 110 Thoa bẻ nhánh vàng, hộp chia mảnh khảm,
 Chỉ nguyện tấm lòng bền như vàng như khảm,
 Rồi kẻ trên trời, người trần thế sẽ lại gặp nhau.
 Lúc sắp từ biệt còn ân cần nhắn gửi mấy lời,
 Trong đó có lời thề riêng, chỉ hai tấm lòng được biết.
 115 Đó là đêm mồng bảy tháng bảy, tại điện Trường Sinh,
 Nửa đêm vắng vẻ, thề riêng với nhau.
 “Ở trên trời nguyện làm chim liền cánh,
 Ở dưới đất, nguyện làm cây liền cành”.
 Trời đất dài lâu còn có lúc hết,
 120 Hận này dằng dặc, không có thuở nào nguôi!

TRƯỜNG HẬN CA

- Vua Hán trọng yêu người sắc nước,
Thống trị lâu năm chẳng tìm được.
Họ Dương có gái vừa lớn lên,
Kín cổng cao tường, ai biết trước.
- 5 Trời cho sắc đẹp bỏ không đành,
Một sớm vua ban đứng cạnh mình.
Một nụ cười, trăm vẻ đẹp xinh,
Sáu cung son phấn cũng coi khinh.
- 10 Suối ấm tắm rồi, xuân hết lạnh,
Nước trơn da láng trắng phau phau.
Con hầu nâng đỡ thân mềm yếu,
Ơn huệ nhà vua nhớ lúc đầu.
Mái tóc mây gài kim bộ dao ¹
Đêm xuân giấc mộng ngắn làm sao!
- 15 Mền ấm gần trưa vừa mới dậy,
Từ đó nhà vua chẳng sớm chiều,
Trò vui tiệc yến cứ bày thêm,
Nối gót chơi xuân đêm lại đêm.
Cung cấm ba ngàn khách má đào,
- 20 Ba ngàn yêu dấu một mình bao!
Nhà vàng sẵn đó đêm châu chực,
Lầu ngọc xuân hòa hứng rượu cao.
Anh chị em đều chia tước thổ ²,
Vẻ sang khá yêu đầy cửa ngõ.
- 25 Xui lòng cha mẹ khắp trần gian,
Chẳng trọng sinh trai, trọng sinh gái.
Cung Ly ³ cao ngất dựng mây xanh,
Tiên nhạc gió đưa khắp thị thành;

1. Đồ trang sức để gài đầu.

2. Anh nàng Quý Phi được phong Quận công, ba chị em gái đều được phong Phu nhân.

3. Cung ở Ly Sơn, chỗ cất cung A Phòng đời Tần.

Khoan thai tơ trúc và ca vũ,
 30 Cõi hết ngày đêm còn chưa đủ.
 Ngự Dương ¹ trống trận động trời đất,
 Nghê thường vũ y ² tan đi mất.
 Thành khuyết ³ chín lần khói bụi ngất.
 Muôn ngựa tây nam đi lật đật.
 35 Cờ thúy lay lay đi lại ngừng,
 Mới hơn trăm dặm, đứng lừng khùng.
 Sáu quân chẳng tiến, biết làm sao?
 Quần quai mây ngải chết nghẹn ngào.
 Hoa diên ⁴ rớt đất không ai thâu,
 40 Bỏ bao của quý chất trên đầu.
 Nhà vua che mặt không phương cứu,
 Máu lệ tràn hòa chảy mạch sầu.
 Bụi vàng mù mịt gió xơ xác,
 Đường sạn ⁵ quanh co lên Kiếm các ⁶.
 45 Nga My chân núi ít ai đi,
 Cờ xí phai màu trời sáng nhạt.
 Nước sông Thục biếc, núi Thục xanh,
 Thánh chúa khuya khuya sớm sớm tình.
 Cung oán thương tâm vừa thấy nguyệt,
 50 Đêm mưa dứt ruột lại nghe linh ⁷.
 Trời quay đất chuyển ngựa rồng ⁸ về,
 Tới đó trừ trừ chẳng nở đi.
 Năm đất Mã Ngôi còn chỗ đó,
 Buồn rầu mặt ngọc thấy đâu kia.
 55 Vua tôi cùng ngó, lệ đầm đìa,
 Đông hướng đô môn ⁹ mặc ngựa về.
 Lúc về phong cảnh đều y cũ,

1. Chỗ An Lộc Sơn nổi loạn.

2. Là khúc nhạc tiên Minh Hoàng thường chơi. Nàng Quý Phi vừa múa vừa hát theo điệu nhạc.

3. Cửa cung.

4. *Diên*: là đồ trang sức ở trên đầu.

5. Đường bắc cầu qua núi.

6. *Kiếm các*: là đường thang bắc ngang trên hai trái núi Kiếm Sơn, thế rất nguy hiểm.

7. Một nhạc khí như cái chiêng.

8. Xe vua.

9. Cửa kinh đô.

Thái Dịch ¹ phù dung, Vị Ương liễu.
 Phù dung như mặt, liễu như mây,
 60 Đối cảnh ai mà chẳng thấm thay!
 Đào, lý gió xuân hoa rục rờ,
 Thu, lá ngô rưng, hạt mưa bay.
 Tây cung Nam nội ² cỏ thu rờm,
 Lá rưng đầy thêm, sắc đỏ lờm.
 65 Đệ tử vườn Lê ³ sinh tóc trắng,
 Tiêu phòng hầu cận muốn già khom.
 Lửa huỳnh ⁴ nhấp nhoáng điện buồn tanh,
 Khêu hết đèn tàn, giấc chửa đành.
 Chuông trống dề dề đêm khó hết,
 70 Tinh hà ⁵ chớp chớp muốn tan canh,
 Tắm ngôi uyên ương ⁶ tối lạnh lòng.
 Riêng mền phỉ thúy ⁷ có ai chung,
 Cách năm sinh tử buồn dằng dặc,
 Hồn phách đi đâu, mộng chẳng thông?
 75 Lâm Cung ⁸ đạo sĩ khách tu tiên,
 Hay lấy tính thành thấu cõi huyền.
 Cầm cảnh quân vương thương nhớ quá,
 Khiến cho phương sĩ ⁹ phải cần quyền ¹⁰.
 Cưỡi khí, xô không ¹¹ như điện chạy,
 80 Xuống đất lên trời mau biết mấy!
 Trên cùng mây biếc, dưới hoàng tuyền,
 Hai chỗ mờ mờ đều chẳng thấy.
 Chợt nghe trên bể có tiên san ¹²,

1. Hồ Thái Dịch, cung Vị Ương ở trong thành vua tại Tràng An.

2. Tên một cung điện.

3. Vua Minh Hoàng kén con nhà tứ tế, lập một đội con hát riêng, dạy tập ở một khu vườn riêng gọi là “Lê viên” (vườn lê). Bọn con hát đó gọi là “Lê viên đệ tử”.

4. Là đom đóm.

5. Là sao và sông Ngân Hà.

6. Thứ ngôi úp, viên nọ úp lên viên kia.

7. Lông chim chă.

8. Là nơi có người đạo sĩ ở.

9. Là người theo thuật phù thủy, phụ tiên...

10. Là khẩn thiết.

11. Là cưỡi gió, xô không khí.

12. Là núi tiên.

Phiếu diều hư vô một cảnh nhàn,
 85 Lầu gác linh lung mây rục rờ.
 Yêu kiều tiên tử thường hay ở,
 Trong có một người tự Thái Chân ¹.
 Da tuyết mặt hoa coi tựa tựa,
 Khuyết vàng cửa ngọc gõ thanh thanh.
 90 Nhờ cô Tiểu Ngọc bảo Song Thành ².
 Vừa nghe có sứ vua nhà Hán,
 Trong trướng cửu hoa ³ đã giựt mình.
 Bồi hồi xô gối, sửa y thường,
 Bình bạc rèm châu mở rõ ràng.
 95 Chênh chéch mái ⁴ mây vừa ngủ dậy,
 Mũ hoa chưa sửa xuống thêm đường ⁵.
 Áo tiên phơi phới gió đưa đi,
 Giống hệt Nghê thường múa trước kia.
 Vẻ ngọc buồn buồn tràn nước mắt,
 100 Ngày xuân mưa trũ một cảnh lê.
 Ngậm tình lặng gió tạ ơn dầy,
 Một cách âm dương, vắng cả hai.
 Ân ái Chiêu Dương đành dứt tuyệt,
 Tháng ngày dài quá, chốn Bồng Lai.
 105 Ngoảnh đầu trông xuống cõi trần hoàn,
 Chẳng thấy Tràng An, thấy bụi đầy.
 Phải đem vật cũ nêu tình hận,
 Điền hạp ⁶ kim thoa của báu này.
 Cửa chia phân nửa, lưu phân nửa,
 110 Thấy cửa nhớ người cũng tạm khuây.
 Chỉ cần lòng tựa vàng bền cứng,
 Hạ giới, tiên cung gặp có ngày.
 Giã từ khấn khoản nhấn thêm lời,
 Trong lời thề thốt, hai lòng biết.

1. Tên tự Dương Quý Phi.

2. *Tiểu Ngọc, Song Thành* là tên 2 người gái tiên.

3. Có nhiều hoa.

4. Mái tóc.

5. *Đường* là sân.

6. *Hạp* là cái hộp. *Điền*: đồ trang sức ở trên đầu.

115 Nhớ đêm khất xảo¹ diện Tràng Sinh,
Nói nhỏ bên tai lời chí thiết:
Ở trên nguyện làm chim sát cánh,
Ở dưới nguyện làm cây liền cành.
Trời đất lâu dài có lúc hết,
120 Bao giờ dứt được sợi tơ tình.

Vô danh
(Trích trong *Đại cương Văn học sử
Trung Quốc* của Nguyễn Hiến Lê)

1. Đêm mừng 7 tháng 7, Chúc Nữ gặp Ngưu Lang. Người Trung Hoa đêm đó bày hoa quả cúng Chúc Nữ để Chúc Nữ ban cho được khéo tay.

TRƯỜNG HẠN CA

Xưa vua Hán trọng người sắc nước,
Tìm bao năm chưa được duyên lành.
Họ Dương gái mới trưởng thành,
Buồng xuân còn khép tơ tình chưa trao.
5 Chắt mị lệ trời nào nỡ bỏ,
Bỗng chọn vào bên chỗ quân vương.
Một cười trăm vẻ rõ ràng,
Sáu cung son phấn xem dường nhạt không.
10 Tiết xuân lạnh ao trong vào tắm,
Nước suối nồng trơn thấm màu da.
Thị tỳ dìu đỡ thướt tha,
Từ nay mới được ơn nhờ yêu đương.
Tóc mây mặt hoa vàng gót dạo,
Đêm xuân nồng, vui nấu màn đào.
15 Giận đêm vắng, mặt trời cao,
Quân vương từ ấy buổi chầu ra trưa.
Cuộc hoan yến say sưa mãi mãi,
Đêm lần đêm, xuân lại đòi xuân.
Trong ba ngàn kẻ cung tần,
20 Chỉ riêng dành trọn ái ân cho nàng.
Khi hầu tối nhà vàng sẵn đức,
Khi vui xuân lầu ngọc càng say.
Anh em tước lộc đã dày,
Nức khen môn hộ từ rày vẻ vang.
25 Xui bác mẹ lòng thương ai cũng,
Sinh gái mà xem trọng hơn trai.
Cung Ly cao vút mây trời,
Gió đưa tiên nhạc khắp nơi vang lừng.
Tiếng tơ trúc hòa cùng hát múa,
30 Suốt ngày xem hầu chữa chán chê.

Đất Ngư vang động sấm bễ,
Ngán thay áo vũ xiêm nghê tan tành.
Chốn thành khuyết bỗng sinh khói lửa,
Cõi Tây Nam xe ngựa khơi chừng.

35 Cờ lay lay bỗng cao trông,
Dặm xa xe ruổi đã chừng ngoại trăm.
Quân chẳng tiến biết làm sao được,
Đem mây ngài liêu trước chinh yên.
40 Không người thu lượm hoa diên,
Lược vàng trâm ngọc vãi trên mặt đường.
Cứu chẳng được, quân vương ngoảnh mặt,
Nhìn máu đào nước mắt hòa chan.

 Bụi vàng man mác gió đàn,
Đường mây Kiếm các suốt ngàn xông pha.
45 Người đi dưới núi Nga thừa thớt,
Sắc cờ bên bóng nhật nhạt mờ.

 Non xanh nước biếc trời Ba,
Quân vương hôm sớm ngẩn ngơ mối tình.
50 Trong hành cung ra hình sầu não,
Nhạc đêm mưa tiếng dạo đau lòng.

 Đất trời xoay trở xe rồng,
Đường về chốn cũ chân không nỡ dời.
Mã Ngôi đó trong nơi bùn lấm,
55 Mặt ngọc đâu? Thấy nắm mồ đâu?

 Áo đầm tôi chúa nhìn nhau,
Đông đô quen lối vó câu dẫn về.
Về vườn cảnh còn y như cũ,
60 Phù dung kia, liễu nọ bên cung.

 Liễu hoa in ngắt hình dung,
Làm sao đối cảnh mà không lệ trào?
Gió xuân thổi lý đào hoa nở,
Gặp mưa thu rụng lá ngô đồng.

 Cỏ tràn tây uyển nam cung,
Lá rơi không quét ngập hồng thêm sân.
65 Bàn vườn Lê lần lần bạc tóc,
A giám xưa mấy chốc trắng mây.

 Đền hôm buồn thấy đóm bay,
Đền khuya khêu cạn giấc say chữa thành.

70 Đêm đăng đẳng chầy canh điểm trống,
 Trời mờ mờ rọi bóng Ngân Hà.
 Phủ dày ngói uyển sương sa,
 Lạnh lùng chần thúy ai mà đắp chung.
 Kiếp sống thác thủ đông đã trải,
 Hồn chiêm bao qua lại còn không.
 75 Có người đạo sĩ Lâm Cùng,
 Gọi hồn chiêu phách thần thông lạ thường.
 Cảm nỗi chúa nhớ thương khắc khoải,
 Một lòng sai phương sĩ tìm tòi.
 Nhanh như gió lướt chớp ngời,
 80 Đã hầu xuống đất lên trời khắp phương.
 Kìa mây biếc suốt vàng mọi chỗ,
 Những mệnh mông nào có thấy ai?
 Thoắt nghe có núi Bồng Lai,
 Ở đâu giữa khoảng bể trời mông lung.
 85 Lầu óng ánh mây lồng năm vẻ,
 Người thướt tha nhiều kẻ tiên nhân.
 Có nàng tên gọi Thái Chân,
 Mặt hoa da tuyết giống gần như in.
 Ngoài kim khuyết gõ xin nhắn hỏi,
 90 Tiểu Ngọc kia báo tới Song Thành.
 Nghe tin có sứ Hán đình,
 CỬU HOA TRONG TRƯỞNG THỐT KINH GIÁC HÀI.
 Bồi hồi dậy xiêm cài gối sửa,
 Lại từ từ bình mở rèm lên.
 95 Bàng hoàng mái tóc còn xiên,
 Mũ hoa chưa chỉnh, gót sen vội dời.
 Trong tay áo nhẹ khơi trước gió,
 Hãy in đường Nghê vũ ngày xưa.
 Châu chan nét ngọc bơ thờ,
 100 Một cảnh lê dầm hạt mưa xuân dào.
 Ngừng nước mắt ghen ngào tạ chúa,
 Cách âm dung đôi ngả mơ màng.
 Ái ân dứt lối Chiêu Dương,
 Ngày dài thảng rộng đã thường cung tiên.
 105 Ngoảnh trông xuống trần gian dưới ấy,
 Trường An đâu? chỉ thấy bụi mù.

Vật xưa đem tỏ tình sâu,
 Này thoa này hạp xin hầu gửi qua.
 Thoa với hạp chia ra hai nửa,
 110 Nửa đưa về, nửa nữa lưu đây.
 Lòng xin bền tựa vật này,
 Tiên cung, hạ giới có ngày gặp nhau.
 Khi lâm biệt mấy câu gấn bó,
 Trong lời thề lòng tỏ đôi bên.
 115 Nhớ hôm Thất tịch trên đèn,
 Đêm khuya vắng vẻ lời nguyên riêng tây:
 “Trên trời nguyện cùng bay liền cánh,
 Dưới đất nguyện cành nhánh liền đôi”.
 Đất trời sụp đổ có hồi,
 120 Hận này dằng đặc biết đời nào nguôi.

Khuyết danh.¹

1. Năm 1990, sau khi cho quyển *Thơ Đường Tản Đà* dịch, chúng tôi có nhận được của cụ Nguyễn Mỹ Tài một lá thư góp ý với một bản dịch bài *Trường hận ca*.

Trong thư cụ có viết như sau:

“Bản dịch này do một số thân sĩ và nhà giáo ở Bình Định dịch, khoảng 1935-1936, tôi cũng có tham gia. Chúng tôi có đem bản dịch trình cụ Đào Tấn, song lúc bấy giờ cụ đang mải mê viết các tuồng cổ nên cụ chỉ xem qua và có phát biểu: “Cũng tạm được.” Nay được đọc cuốn *Thơ Đường (Tản Đà dịch)* do nhà nghiên cứu Nguyễn Quảng Tuân biên soạn, tôi mới ngồi nhớ lại bản dịch đó mà đem viết lại. Với thời gian gần 60 năm qua và trí nhớ đã hao mòn của tuổi 89 của tôi, chắc chắn có những sai sót không thể tránh, mặc dầu tôi đã cố gắng hết sức đem đối chiếu bản dịch với bản chữ Hán, theo sát từng câu, từng chữ để cho bản dịch được chính xác.

Nhận thấy bản dịch cũng hay, chúng tôi xin cho in lại để các độc giả thưởng thức.

Bản dịch 4

TRƯỜNG HẠN CA

- 1 Vua nhà Hán chuộng người nhan sắc,
 Bấy lâu nay tiêu tức còn chưa.
 Nhà Dương có gái vừa tơ,
 Buồng hương ai đã lá thơ chỉ hồng.
- 5 Thân vàng ngọc khôn cùng lang chạ,
 Một mai vào hầu hạ bên vua.
 Miệng cười trăm thức tươi đưa,
 Sáu cung son phấn đều thua một mình.
- 10 Buổi xuân mát ao Thanh cho tắm,
 Mảnh hồng trang càng ắm càng trơn.
 Nâng niu một má kiêu nhan,
 Mây mưa vừa lúc thừa ân vừa rầy.
- 15 Chau nét ngọc tóc mây mườn mượt,
 Màn phù dung ắm ướp đêm thâu.
 Đêm xuân đêm ngắn ngày mau,
 Quân vương êm giấc trưa châu từ đây.
- 20 Tiệc hoan yến biết ngày nào chán,
 Cuộc xuân du nào hạn đêm nào.
 Hậu cung mấy mặt má đào,
 Ba nghìn yêu dấu đổ vào một thân.
- 25 Nhà vàng lúc canh xuân lưu luyến,
 Lầu ngọc khi cạn chén vui say.
 Đất chia anh chị đều tay,
 Cửa nhà lưng lẩy nặng dày ân trên.
- Lòng sinh dục xui nên cha mẹ,
 Quý diễm xà mà rẻ diễm lân.
 Cung cao mây tốt mấy lần
 Nhạc tiên gió quạt cỏi trần đâu đâu.

30 Dịp hát múa pha câu đàn địch,
Trọn cả ngày chưa thích nghề chơi.
 Cổ bê đâu đã tới nơi,
Xuân nghe áo vũ rụng rời khúc ngâm.
 Chốn thành khuyết âm âm khói lửa,
 Cõi Tây Nam xe ngựa ruổi băng.
35 Cờ đi đi lại phút dừng,
Đường trăm dặm mới khỏi chừng Đô môn.
 Nỗi ngang trở kể còn sao xiết,
 Trước ngựa đành vĩnh quyết cho xong.
 Hoa rơi ai nhặt tàn hồng,
40 Nào trâm cài tóc, nào bông giắt đầu.
 Quân vương cũng mặt rầu khôn cứu,
 Ngánh lại càng giọt máu khôn theo.
 Dặm trường bụi ngớt gió huu,
Thang mây lần bước qua đèo Kiếm môn.
45 Dưới ghềnh nọ lối mòn vắng vắng,
 Trông về cờ bóng nắng buồn tênh!
 Ngậm ngùi nước biếc non xanh,
Quân vương luống những nặng tình hôm mai.
 Chốn hành điện trắng phơi sắc tử,
50 Giọt sương đêm dứt mối can tràng.
 Hồi loan trái mấy dặm trường,
Dùng dằng vì nỗi đoạn trường chi đây.
 Vùng nê thổ chốn này chưa lạ,
 Mà ngọc nhan đã hóa nơi đâu.
55 Mặt nhìn mặt càng thêm sầu,
Đoạn rồi giong ngựa thẳng vào Đô môn.
 Ngó phong cảnh hãy còn như cũ,
 Sen đầy hồ liễu rủ đầy cung.
 Mặt sen mảy liễu nào nùng,
60 Nhớ người mến cảnh ai không đắm đìa.
 Hoa đào lý nở kỳ xuân gió,
 Lá ngô đồng rụng độ thu mưa.

Vườn nam cỏ rậm hơn xưa,
Đầy sân lá đỏ đã thừa màu hồng
65 Vườn Lê đã pha dòng tóc bạc,
Buồng Tiêu cùng kém nước mây xanh.
Đền khuya rầu rĩ bóng huỳnh,
Đền tàn khêu lộn giấc mình chưa êm.
Trống canh khắc thâu đêm dằng dẳng,
70 Dải Ngân giăng trời sáng mờ mờ.
Ngói uyên nặng giọt sương hoa,
Lạnh lòng chần thúy, ai mà riêng chung
Kiếp ly biệt mấy trùng sương nắng,
Hồn bình sinh sao vắng chiêm bao.
75 Lâm Cùng đạo sĩ tay cao,
Chiêu hồn có phép thông vào u minh.
Cảm vì nỗi mối tình còn bận,
Sai du phương dò dạn khắp nơi.
Thần thông chớp nhoáng khôn dời,
80 Lặn thâu dưới đất trên trời đòi phương.
Trái trời biếc suốt vàng mấy mấy,
Đều mệnh mang nào thấy tấm hơi.
Núi Tiên nghe ở trên vời,
Mịt mù mấy đỉnh cách khơi trần hoàn.
85 Khoảng lâu điện mây tràn năm vẽ,
Khách Quảng hàn nhiều kẻ nhớn nhơ.
Có người phảng phất Dương cơ,
Mặt hoa da tuyết in như một đường.
Gõ cánh cửa tây sương chực hỏi,
90 Cây thị tì gửi mối âm hao.
Chợt nghe Hán sứ xin vào,
Trong màn thoát giấc chiêm bao tỉnh liền.
Vơ áo gối ngồi lên bờ ngõ,
Thác mảnh the sẽ mở lần ra.
95 Tóc mây nửa bối nửa xòa,
Mũ hoa xốc xếch trên nhà xuống ngay.

Tay áo nhẹ gió bay phát phới,
Sắc hà quang chấp chới vũ nghê.
Châu chan ngọc rót đầm đìa,
100 Hoa lê một nhánh nặng nề mưa xuân.
Ngừng giọt lệ ân cần gửi tạ,
Cách xuân dong chốc đã bấy nay.
Đền chiêu từ dứt nghĩa dày,
Non Bồng vui với tháng ngày độ thân.
105 Ngảnh trông lại phàm trần chốn ấy,
Thấy bụi mù nào thấy Tràng An.
Của tin gọi chút hoa tàn,
Thoa vàng xin gửi thiên nhan làm tình.
Nửa đưa gửi nửa dành làm tích,
110 Thoa trái vàng hợp tách cuống bông.
Xin cho vàng đá một lòng,
Xa xôi âu cũng tương phùng có khi.
Lâm biệt lại nhấn về gần bó,
Lời thề khi hoa có thấu tình.
115 Canh Ngưu Nữ với Tràng Sinh,
Chuyện riêng vắng vẻ với mình nửa đêm.
Ở trời muốn làm chim liền cánh,
Ở đất xin làm khách liền chồi.
Cao dày còn có khi thôi,
120 Giận này đặc đặc biết hồi nào khuây.

Khuyết danh
Nam Phong, số 180
Tháng 1-1933

CHỨC CẨM HỒI VĂN

CHỨC CẨM HỒI VĂN

Chức cẩm hồi văn là bài thơ của Tô Huệ viết gửi cho chồng là Đậu Thao, đi thú ở ngoài ải Lưu Sa đã gần mười năm chưa về.

Bài thơ đã được nàng thêu trên gấm rất công phu theo lối chữ chi, đọc vòng quanh từ ngoài vào trong.

Dệt xong nàng tìm cách dâng lên vua. Nhà vua xem thấy lời lẽ thông thiết mới thương tình tha cho chồng được trở về.

Bài thơ này đã được Ngô Thế Vinh, Hoàng Quang và Trương Minh Ký dịch sang quốc âm.

山 如 夫 妻 亦 先 思 及 君 曲 早 兒 重 將 妾 放 織 今 君 間 暫 未 成 成 憶

Bản dịch 1 của Ngô Thế Vinh

NGÔ THẾ VINH

Ngô Thế Vinh tự là Trọng Dực, biệt hiệu là Trúc Đường, quê ở làng Bái Dương, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Ông đậu Tiến sĩ năm Minh Mạng thứ 10 (1829), làm quan đến chức Lễ Bộ Lang trung.

Tác phẩm của ông còn lưu lại có *Trúc Đường tùy bút* và *Nữ huấn tân thư*. Ông cũng nổi tiếng về quốc âm và có dịch bài *Chức cảm hồi văn* của Tô Huệ.

CHỨC CẢM HỒI VĂN

1 Chàng vâng chiếu ra ngoài biên thú,
 Thiếp đưa chàng kiêu lộ nẻo xa.¹
 Mấy lời dặn, hạt châu sa,²
 Chút tình ân ái xin là chớ phai.³
5 Rồi từ đây tin người vắng vẻ,⁴
 Chốn phòng loan xuân để lạnh lòng.⁵
 Thêm Quỳnh giao ngấn rêu phong,⁶
 Màn san hô đã mấy trùng bụi che.⁷

Khảo dị:
1. Thiếp đưa chàng kiêu lộ xa xa.
2. Mấy lời tặng những châu sa.
3. Tình ân ái ấy biết là nhớ không
4. Sao một phút tin hồng vắng vắng
5. Chốn bình vi xuân chẳng ấm nồng
6. Dưới thêm lỗ chỗ rêu phong
7. Trong màn ngang dọc bụi hồng sương che

10 Đòi phen nghi chia ly sợ hãi,¹
 Chỉ ước ao mau lại gặp cùng.²
 Muốn làm trăng sáng bể Đông,³
 Muốn làm một đám mây lồng đầu non.⁴
 Mây non nọ may còn khi gặp,⁵
 Trăng bể kia soi khắp mọi nơi.⁶
 15 Những mong được thấy mặt người,⁷
 Ngoài nghìn muôn dặm giải lời tương thân,⁸
 Đường thăm thẳm mấy lần xa cách,
 Ngán chàng còn làm khách ải quan.⁹
 Lá lau khi tiễn mới vàng,¹⁰
 20 Nào ngờ mấy độ mai tàn đổi thay.¹¹
 Hoa rục rĩ gặp ngày xuân sớm,¹²
 Nỗi lòng xuân khôn dám hé môi.¹³
 Cành dương liễu rủ vì ai,¹⁴
 Hoa rơi khắp đất nào người quét cho.¹⁵
 25 Trước sân cỏ thơm tho sức nước,¹⁶
 Ôm đàn tranh ra trước khỏn đường.¹⁷
 Khúc Giang Nam gảy vì chàng,
 Dem tình gửi đến Sóc phương côi ngoài.¹⁸

-
1. Khi tống biệt hôn kia kinh hãi
 2. Biết làm sao cho gặp lại cùng
 3. Ước gì như nguyệt bể Đông
 4. Ước gì như thể mây lồng đầu non
 5. Mây non nọ may còn một thấy
 6. Trăng bể kia soi dậy một phương
 7. Những mong lại gặp được chàng
 8. Dẫu nghìn muôn dặm rõ đường tương thân.
 9. Giận chàng còn làm khách ải quan
 10. Ngày đi lư diệp mới vàng
 11. Bây giờ đã mấy mai tàn trắng bông
 12. Mai tàn loạ gặp cùng xuân mới
 13. Nỗi xuân riêng khôn nói cho ra
 14. Vì chàng nên lá dương tà
 15. Hoa rơi man mác ai là tảo nhân
 16. Trước sân những cỏ xuân thơm nước
 17. Ôm đàn tranh ra trước họa đường
 18. Dem tình cho đến Sóc phương côi ngoài.

30 Ngoài phương Bắc đường dài xa thăm,
 Bức âm thư nghìn dặm vắng lâu.²
 Pha phôi gói dầm lệ sâu,³
 Dải là quần lụa nhạt màu phai hoa.⁴
 Tiếng hồng nhan bay qua thốn thức,⁵
 Người ly nhân ruột đứt quặn đau.⁶
 35 Đàn chưa dứt, ruột đã rầu,⁷
 Oán hờn kết trước cung sau khôn tròn.⁸
 Chàng nhớ thiếp như non tình nặng,
 Thiếp nhớ chàng cũng chẳng lúc khuây.⁹
 Dâng lên một bức thư này,¹⁰
 40 Mong ơn Thiên tử tha ngay chồng về.¹¹

-
1. Ngoài phương Sóc xa xôi thăm thẳm
 2. Bức âm thư nghìn dặm vắng lâu
 3. Pha phôi gói lệ áo sâu
 4. Dưới thềm hoa lá cùng màu nở ra
 5. Qua sông ấy tiếng gà xao xác
 6. Nỗi ly nhân trường đoạn khác đâu.
 7. Đàn chưa dứt ruột đã rầu
 8. Cho nên một khúc cung sau chưa tròn
 9. Thiếp nhớ chàng cũng chẳng tạm khuây
 10. Hối vẫn một bức thư này
 11. Nhi phụ xin sớm kíp ngày khởi qui.

織錦迴文

君承皇詔安邊戍
送君悲送別河橋路
含莫忘恩掩淚情言
何期妾一屏去斷
憶妾瑤屏下春不暖
瓊瑚時道悵裡碧苔空
珊此心何別托紅塵滿
將一一願願作更驚魂
一嶺雲歲歲作滄海逢君
面

1

5

10

遍旁見隔客黃白早道攀掃芳堂曲方越絕
得君相山爲葉花春誰君人芬畫南朔河斷
招到遙關長蘆梅逢向待無正向江到山長
年去里遠外別經亂人地地早箏得深遞書
年飛萬路塞送幾散催滿滿春秦彈情迢音
月來里迢迢君時信花意楊花前得君寄方里
海飛千迢迢恨去誰百春垂落庭抱爲附朔萬

15

20

25

30

衣裂聲情斷成山間子還
沾皆江腸先未如暫天早
淚花渡斷腸曲重不獻及
上裳雁人斷成妾君本夫
枕羅鴻離未先憶思一兒
裝緩春是絃結今亦將放
銀金三此箏怨君妾織願

CHỨC CẢM HỒI VĂN

- Quân thừa hoàng chiếu an biên thú,
Tống quân tống biệt hà kiều lộ.
Hàm bi yểm lệ tặng quân ngôn,
Mạc vong ân tình tiệp trường khứ.
- 5 Hà kỳ nhất khứ âm tín đoạn,
Ức thiếp bình vi xuân bất noãn.
Quỳnh dao giai hạ bích đài không,
San hô trưởng lý hồng trần mãn.
Thử thời đạo biệt mỗi kinh hồn,
- 10 Tương tâm hà thác cánh phùng quân.
Nhất tâm nguyện tác thương hải nguyệt,
Nhất tâm nguyện tác linh dầu vân.
Linh vân tuế tuế phùng quân diện,
Hải nguyệt niên niên chiếu đặc biên.
- 15 Phi lai phi khứ đảo quân bàng,
Thiên lý vạn lý dao tương kiến.
Thiếu thiếu lộ viễn quan sơn cách,
Hận quân tái ngoại trường vi khách.
Khứ thời tống biệt lư diệp hoàng,
- 20 Thùy tín kỷ kinh mai hoa bạch.
Bách hoa tán loạn phùng xuân tảo,
Xuân ý thôi nhân hướng thùy đạo.
Thùy dương mãn địa đãi quân phan,
Lạc hoa mãn địa vô nhân tảo.
- 25 Đình tiền xuân tảo chính phân phương,
Bảo đặc Tần tranh hướng họa đường.
Vị quân đàn đặc Giang Nam khúc,
Phó ký tình thâm đáo Sóc phương.
Sóc phương thiếu đệ sơn hà việt,
- 30 Vạn lý âm thư trường đoạn tuyệt.
Ngân trang chấm thượng lệ triêm y,

Kim hoãn la thường hoa giai liệt.
Tam xuân hồng nhận độ giang thanh,
Thử thị ly nhân đoạn trường tình.
35 Tranh huyền vị đoạn tràng tiên đoạn,
Oán kết tiên thành khúc vị thành.
Quân kim ước thiếp trọng như san,
Thiếp diệc tư quân bất tạm nhân.
Chức tương nhất bản hiến Thiên tử,
40 Nguyên phóng nhi phu cấp tảo hoàn.

CHỨC CẢM HỒI VĂN

- 1 Chàng vâng chiếu vua đi thú để giữ yên biên giới,
Tiễn đưa chàng từ biệt ở đường cầu bên sông.
Ngậm ngùi gạt nước mắt mà dặn chàng,
Chớ quên ân tình lúc xa nhau lâu ngày.
- 5 Nào ngờ từ khi chàng đi bật hẳn tin tức,
Chàng có nhớ thiếp xuân về trong màn chướng ẩm.
Dưới thêm quỳnh dao luống để rêu xanh,
Trong màn san hô bụi đỏ phủ đầy.
Lúc này nhắc đến xa nhau lại kinh hồn,
- 10 Biết đem tấm lòng gửi vào đâu để tới được chàng.
Một lòng xin làm trăng trên biển xanh,
Một lòng xin làm mây trên đỉnh núi.
Mây trên núi suốt năm gặp mặt chàng,
Trăng trên biển suốt năm soi khắp mọi nơi.
- 15 (Mây) bay đi bay lại đều đến bên chàng,
(Trăng) nghìn dặm vạn dặm vẫn thấy chàng.
Thăm thăm đường xa quan san cách trở,
Thương chàng cứ phải làm khách ngoài biên ải mãi.
Lúc tiễn chàng đi lá lau mới vàng,
- 20 Nào hay đã trải qua bao lần hoa mai nở trắng.
Trăm hoa rục rở gặp tiết xuân sớm,
Ý xuân giục người biết nói cùng ai,
Cành dương rủ khắp đất đợi chàng vin.
Hoa rơi đầy mặt đất không ai quét.
- 25 Trước sân cỏ xuân đương lúc thơm tho,
Thiếp ôm đàn Tần tranh đến cửa phòng the.
Vì chàng gảy nên khúc Giang Nam,
Gửi tình thương nhớ vào tiếng đàn đưa đến Sóc phương.
Sóc phương xa xôi, phải vượt bao núi sông
- 30 Muôn dặm âm thư lâu nay dứt hẳn.
Đồ trang sức trên gối và áo đầm nước mắt,
Dây lưng màu vàng, quần lụa, hoa thêu vào đó đều rách cả.

Mùa xuân tháng ba tiếng chim hồng nhạn bay qua sông,
Lúc ấy người ly nhân cảm thấy đứt ruột,
35 Đàn tranh chưa đứt dây, ruột đã đứt trước,
Oán hận đã kết lại mà khúc đàn chưa thành.
Lòng chàng nhớ thiếp nặng như núi,
Thiếp cũng nhớ chàng không lúc nào nguôi.
Dệt thành một bức gấm dâng lên Thiên tử,
40 Xin cho chồng tôi sớm được trở về.

Bản dịch 2 của Hoàng Quang

HOÀNG QUANG

Ông hiệu là Thai Châu cư sĩ, người làng Thái Dương, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, là một bậc danh nho cuối thế kỷ XVIII.

Thơ ông để lại có: *Hoài Nam ca khúc* và bài dịch *Chức cảm hồi văn* của Tô Huệ. Bài *Hoài Nam ca khúc* của ông được giới thiệu ở tập khác bộ Tổng tập này.

CHỨC CẢM HỒI VĂN

Chàng vâng chiếu ra yên cõi ngoại,
Thiếp đưa chàng tới lối cầu sông.
Ngậm sầu gạt lệ nhấn lòng,
Chớ tham chốn khác mà vong tình này.

Trông tin tức tới nay thăm thẳm,
Để buồn hương chẳng ấm hơi xuân.
Từ ngày đôi ngả cách phân,
Màn dần bụi bám thêm dần rêu phong.

Tưởng ly biệt nỗi lòng kinh sợ,
Thiếp với chàng bao thuở gặp nhau?
Nguyện làm trăng giữa biển sâu,
Nguyện làm mây phủ trên đầu non cao.

Trăng giữa biển năm nào cũng thấy,
Mây đầu non đường mấy cũng thông.
Bay qua bay lại bên chồng,
Dầu ngàn muôn dặm xa trông như gần.

Quan sơn ấy mấy lần trở cách,
Hiềm nỗi chàng làm khách rất lâu.
Chàng đi mới ố bông lau,
Mà nay mấy độ trắng màu hoa mai.

Hoa trăm thức xuân tươi hớn hở,
Xuân giục người than thở với ai.
Dương kia rủ những tơ dài,
Hoa kia rã cánh không người quét cho.

Sân xuân sớm thơm tho trăm thức,
Chốn họa đường lựa bức đàn tranh.
Giang Nam năm khúc rành rành,
Mượn đầu năm móng gửi tình Sóc phương.

Sóc phương ấy đôi đường diệu vợi,
Âm thư này nhắn gửi khôn thông.
Gối riêng nước mắt tuôn dòng,
Xiêm thêu áo vẽ lâu cùng mục tan.

Ba xuân tới tiếng nhàn gặng gỏi,
Xuân giục người bối rối như tơ.
Năm dây còn đó sờ sờ,
Buồn đà đứt ruột khảy chưa rồi đàn.

Chàng thương thiếp tình hơn núi nặng,
Thiếp nhớ chàng tình chẳng kém thua.
Dệt đem bức gấm dâng vua,
Xét lòng dạ thiếp tha cho chồng về.

Bản dịch 3 của Trương Minh Ký
TRƯƠNG MINH KÝ
(Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX)

Ông lấy bút hiệu là Thế Tải, đã viết cho tờ *Gia Định báo*, tờ báo đầu tiên của nước ta. Ông cùng với Trương Vĩnh Ký dùng tờ báo này để truyền bá chữ quốc ngữ và giới thiệu tư tưởng học thuật Âu Á.

Ông đã dịch bài *Chức cảm hồi văn* của Tô Huệ.

Ông còn sáng tác ra các tác phẩm như: *Ý hạnh* (thơ lục bát), *Thiên hạnh*, *Như Tây nhật trình*, *Tuồng Kim Vân Kiều*...

CHỨC CẢM HỒI VĂN

Chàng vâng hoàng chiếu thú an biên,
Đưa tới Hà kiều rẽ thảm riêng.
Ngậm thở ngùi than ngừng giọt lụy,
Ân xa tình cách chớ hề quên.

Đi ra tin đứt có dè sao!
Màn trướng dầu xuân ấm đặng nào!
Dưới bậc quỳnh diêu rêu biếc láng,
San hô trong trướng bụi hồng bao.

Nói lìa thuở ấy bất kinh hoàng,
Đem gởi lòng đau gấp lại chàng.
Lòng ước làm trăng ngoài biển cả,
Hoặc làm mây móc chót cao san.

Mây móc hàng năm thấy mặt chồng,
Hàng năm trăng biển rọi soi cùng.

Bay đi bay lại cho gần được,
Muôn dặm thấy nhau kéo dơi trông.

Đàng sá với với cách trở thay!
Hồn chàng ngoài ải ở lâu ngày.
Thuở đi đưa đó lau vàng lá,
Ai ngỡ hoa mai nở bấy chầy.

Trăm hoa rộn rục sớm chào xuân,
Ai đó mà xuân giục kẻ than.
Đầy đất dương sà vì đó vén,
Bông rơi không kẻ quét đầy đàng.

Thiệt thơm xuân sớm lối ngoài vườn,
Ôm lấy tần tranh tới họa đường.
Ngâm khúc Giang Nam vì đó khảy,
Tình sâu xin gửi thấu lòng chàng.

Bắc phương hiểm trở vượt non sông,
Muôn dặm thơ từ dứt nẻo thông.
Tráp bạc gói đầu dầm áo lụy,
Chỉ vàng xiên giẻ thấy xười bông.

Ba xuân hồng nhận tiếng qua sông,
Ấy đó người lia dứt ruột trông.
Chứa dứt dây đờn, lòng đã dứt,
Đã xong mối thắm, khúc chưa xong.

Chàng nay nhớ thiếp nặng bằng non,
Thiếp cũng nhớ chàng mỗi phút luôn.
Một bốn dật đem dưng kính chúa,
Cầu tha chồng thiếp sớm về cùng.

Phần II

Phần này gồm các truyện *Hoa tiên*, truyện *Sơ kính tân trang*, truyện *Kiều* và truyện *Mai đình mộng ký*. Vì ở từng truyện đã có sự giới thiệu Kỹ cho nên ở đây không có bài Khái luận.

**TRUYỆN
HOA TIÊN**

NGUYỄN HUY TỰ

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

NGUYỄN HUY TỰ

(1743 – 1790)

Nguyễn Huy Tự, tự là Hữu Chi, hiệu là Uẩn Trai, sinh ngày 15 tháng 7 năm Quý Hợi, niên hiệu Cảnh Hưng 4 (tức năm 1743) đời vua Lê Hiển Tông.

Ông quê ở làng Trường Lưu, xã Lai Trạch, tổng Lai Trạch, huyện La Sơn (Đức Thọ) nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Làng này nằm tựa vào dãy núi Phượng Lĩnh, thoai thoải nhìn xuống sông Phúc Giang. Đứng ở làng trông ra xa bốn phía đều có núi bao bọc; phía đông bắc là dãy Hồng Lĩnh, phía bắc là dãy Lam Thành Sơn, dãy Thiên Nhẫn, phía tây là dãy Giăng Màn (Khai Trường). Ở gần làng thì có Trà Sơn và Bọt Sơn. Cảnh trí ấy đã làm cho làng Trường Lưu nổi tiếng về mặt phong thủy, nơi đã sản sinh ra nhiều nhân tài lỗi lạc mà dòng họ Nguyễn Huy là một họ đáng kể nhất.

Cụ viễn tổ của dòng họ là Nguyễn Uyên Hậu đậu Ngũ kinh bác sĩ vào khoảng đời Lê Hồng Đức (1470-1497). Cụ tổ chín đời là Nguyễn Hàm Hằng đậu thi Hương năm 15 tuổi. Các đời sau đời nào cũng có người thi đỗ làm quan. Ông nội tác giả là Nguyễn Huy Tựu (1690-1750), từng đỗ đầu kỳ thi Hương, làm quan đến Tham chính Thái Nguyên, được phong tặng Công bộ Tá thị lang rồi lại được gia tặng Thượng thư Bộ Công.

Thân phụ tác giả là Nguyễn Huy Oánh (1713-1789) đỗ đầu kỳ thi Đình (khoa thi Hội năm Mậu Thìn niên hiệu Cảnh Hưng thứ 9 tức năm 1748), làm quan đến chức Hộ bộ Thượng thư, từng đi sứ nhà Thanh (Trung Quốc) và trứ tác nhiều sách như *Quốc sử toàn yếu*, *Phụng sứ Yên đài tổng ca*, *Thạc Đình di cáo*, *Hoàng hoa sứ trình đồ*, *Tiêu Tương bách vịnh*, *Huấn nữ tử ca*... Đặc biệt thân phụ ông đã lập được một thư viện lớn gọi là *Phúc Giang thư viện* có hàng vạn cuốn sách quý. Xem thế thì biết Nguyễn Huy Tự là dòng dõi nhà trâm anh thế phiệt.

Lúc nhỏ, ông đọc sách đã có khiêu nhớ hơn người và làm văn đã có phép tắc và điển nhã. Năm 17 tuổi (1759, Cảnh Hưng thứ 20) ông đậu thứ năm kỳ thi Hương. Bấy giờ thân phụ ông đang làm thầy dạy cho Thế tử Trịnh Sâm nên ông được bổ làm Thị nội Văn chức tùy giảng. Kế được bổ làm Binh phiên

câu kê trong phủ chúa Lương Vương. Năm 1768 (Cánh Hung thứ 29) ông được bổ làm Tri phủ Quốc Oai (Sơn Tây). Năm 1770 (Cánh Hung thứ 31) ông đi thi Hội nhưng không đỗ. Tiếp đó ông được thăng chức Hiến sát phó sứ xứ Sơn Nam. Đời Lê có lệ: nếu không đậu đại khoa (Tiến sĩ) thì không được thăng làm đại thần nên năm 32 tuổi (1774, Cánh Hung thứ 35) ông xin cải sang võ chức, sung chức Quản binh. Năm 1778 (Cánh Hung thứ 39) ông được cử đi trấn thủ xứ Hưng Hóa. Bảy giờ miền Hưng Hóa, Tuyên Quang thường có nhiều giặc giã nên ông luôn phải đem quân đi đánh dẹp. Nhờ lập được nhiều công trạng ông được thăng làm Đốc đồng các xứ Sơn Tây, Hưng Hóa. Ông cai trị dân có lượng khoan hồng nên được thổ dân cảm phục.

Năm 1784 (Cánh Hung thứ 45) nhân có loạn Kiều binh nổi lên ở Thăng Long và nhân đã về cư tang nhạc mẫu từ năm 1783, ông bèn ở hẳn nhà không ra làm quan nữa.

Đến năm 1790, vua Quang Trung triệu ông vào Phú Xuân để bổ dụng nhưng ngày 27 tháng 7 năm ấy ông bị bệnh mất.

Ông là người tài cao học rộng mà tính tình lại phóng khoáng.

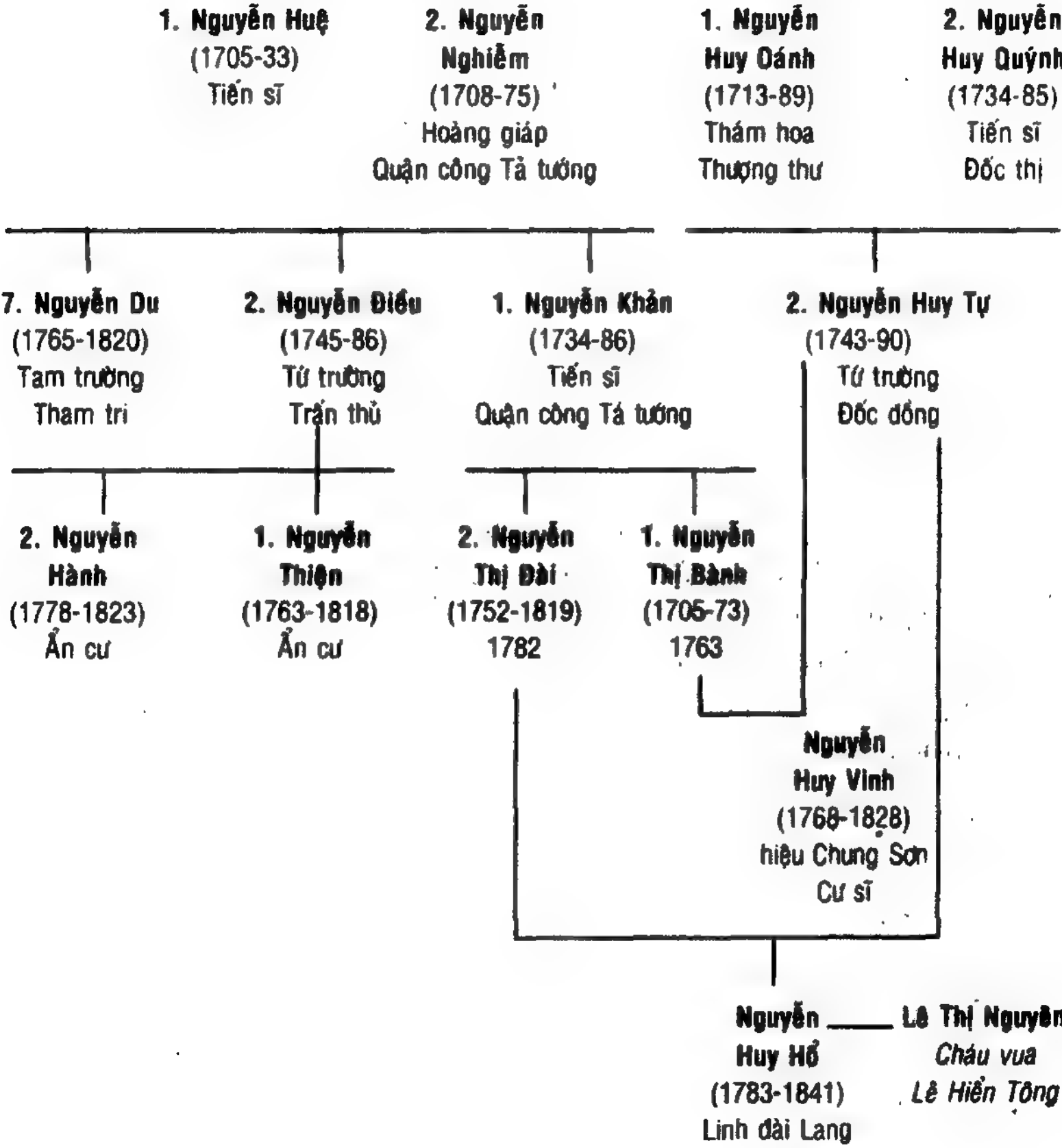
Năm 21 tuổi ông lấy vợ là Nguyễn Thị Bành, con gái đầu lòng của Thái bảo Toàn quận công Nguyễn Khản (con trai của Xuân quận công Nguyễn Nghiễm), làm Tham tụng và rất được chúa Trịnh biệt đãi. Nhạc phụ ông lại là anh cùng cha khác mẹ với Nguyễn Du. (Nguyễn Huy Tự tuy hơn Nguyễn Du tới 23 tuổi nhưng phải gọi Nguyễn Du bằng chú).

Năm ông 31 tuổi, bà Nguyễn Thị Bành qua đời, ông lại lấy người em vợ là bà Nguyễn Thị Đài. Bà này đã có chồng con rồi nhưng vì mến tài anh rể đã bỏ cả chồng con để theo về ở với ông. Mỗi tình phóng tứ này đã vượt ra ngoài lễ giáo và chắc chắn đã ảnh hưởng đến tâm hồn nghệ sĩ của ông. Ông có được 9 người con trai và 4 người con gái. Người con cả (con bà Bành) là Nguyễn Huy Phó (1765-1838) đậu Giải nguyên. Một người con thứ (con bà Đài) là Nguyễn Huy Hổ (1783-1841) cũng hay Nôm, đã viết tác phẩm *Mai đình mộng ký*.

PHẢ HỆ

TIÊN DIỄN

TRƯỞNG LÚU



NGUỒN GỐC TRUYỆN HOA TIÊN

Quyển *Hoa tiên ký* mà ta thường gọi là truyện *Hoa tiên* là của Nguyễn Huy Tự làm ra đời Lê mạt (cuối thế kỷ thứ XVIII).

Ông là con của Đô ngự sử Thạc Linh hầu Nguyễn Huy Oánh, người đã từng đi sứ nhà Thanh (năm Cảnh Hưng thứ 26, 1765) và đã lập được một thư viện lớn gọi là *Phúc Giang thư viện* có cả vạn cuốn sách quý. Ông hẳn đã được đọc quyển *Đệ bát tài tử Hoa tiên ký*, một *ca bản* của Trung Quốc, trong thư viện của thân phụ ông. (Có thể *ca bản* ấy đã do thân phụ ông đem từ Trung Quốc về). Khi đọc sách ấy, thấy cảnh sinh hoạt phong lưu của lớp công tử tiểu thư con nhà quý tộc ở Trung Quốc cũng giống với cảnh sinh hoạt của những thiếu niên con nhà quý tộc bấy giờ ở kinh đô và lại thấy những nhân vật trong truyện vẫn giữ được tấm gương “hiếu trinh” không trái với luân lý Nho giáo nên ông đem *ca bản* ấy diễn ra quốc âm.

Ca bản của Trung Quốc không có ghi tên người biên soạn, chỉ thấy nhà phê bình hiệu là *Tĩnh Tĩnh Trai* nói rằng “theo truyền thuyết thì sách ấy do một ông Giải nguyên và một ông Thám hoa viết ra”. Sự tích thuật trong *ca bản* cũng không nói rõ là thuộc về đời nào mà tác giả chỉ cho ta biết Lương sinh ở Tô Châu và Dao Tiên quê ở Trường Châu và cũng không cho ta biết thời đại họ sinh trưởng.

Chúng ta chỉ căn cứ vào hồi “*Bích Nguyệt thu kỳ*”, thấy lời văn có dẫn truyện Trương sinh và Tiểu Hồng nương trong *Tây sương ký* mà suy đoán rằng sách ấy được viết ra sau đời Nguyên (sau *Tây sương ký*), có thể vào đời Minh vì sự tích có nói đến việc đánh nhau với giặc Hồ, tức là đánh nhau với các bộ lạc Mông Cổ. Thêm nữa, sự tích lại có chi tiết nói đến chức Bình chương là chức quan của Lương tướng công thì *ca bản Hoa Tiên* phải được viết vào thời Minh sơ vì chỉ thời kỳ đó mới có chức ấy.

Ca bản Hoa tiên khi mới in ra không mấy ai để ý đến và mọi người chỉ coi là một quyển sách tầm thường.

Sau có nhà phê bình hiệu là *Tĩnh Tĩnh Trai*, về đời Thanh (sinh sau Kim Thánh Thán) thấy văn chương hay mới đem *ca bản Hoa Tiên* ấy ra phê bình,

khen nó không kém gì *Tây sương ký* và liệt vào sau các sách tài tử của Thánh Thán¹ mà gọi là *Tú tượng đệ bát tài tử thư Hoa Tiên ký*.

Sách chia làm sáu quyển. Quyển thứ nhất có một bài *Tự tự* của Tĩnh Tịnh Trai và một bài *Tổng luận* nói về giá trị của ca bản. Năm quyển sau gồm 59 hồi. Mỗi hồi có một đề mục (4 chữ) tiếp theo là một đoạn văn phê bình cho cả hồi rồi mới đến phần chính văn của mỗi hồi.

-
1. – *Nam hoa kinh* (Trang Chu – Xuân Thu)
 - *Ly tao* (Khuất Nguyên – *Chiến quốc*)
 - *Sử ký* (Tư Mã Thiên – *Hán*)
 - *Đỗ thi* (Đỗ Phủ – *Đường*)
 - *Thủy hử truyện* (Thị Nại Am – *Tống*)
 - *Tây sương ký* (Vương Thực Phủ – *Nguyên*)
 - *Tỳ bà ký* (?)

LƯỢC TRUYỆN HOA TIÊN

Ca bản Hoa tiên gồm có 59 hồi đã được Nguyễn Huy Tự phỏng theo để viết thành *Truyện Hoa tiên*.

Truyện này sau được Nguyễn Thiện nhuận sắc và dài tới 1766 câu lục bát.

Sự tích của *ca bản* và *Truyện Hoa tiên* không có mấy khác biệt nên có thể tóm tắt lại như sau:

HỒI 1 – 23

Lương sinh và Dương Dao Tiên thề nguyện cùng nhau

Ở phủ Tô Châu, huyện Ngô Giang có quan tể tướng họ Lương tên là Ấn Ba. Vợ ông là Diêu Thị, người rất hiền lành, chỉ sinh được một người con trai, đặt tên là Phương Châu tự là Diệc Thương.

Gặp lúc thân phụ làm quan tại triều, chàng ở lại nhà với mẹ, đến tuổi lớn khôn mới được tới trường học cùng chúng bạn. Sau chàng xin với mẹ cho sang Tràng Châu ăn học và ở trọ nhà mợ họ Diêu.

Tới nơi, gặp lễ sinh nhật mợ, Lương sinh vào lạy mừng. Người em họ là Diêu sinh ra chào anh và hai bên làm quen với nhau.

Sau bữa tiệc, Lương sinh nhân lúc đêm trăng mới ra vườn nhà, thơ thẩn dạo quanh để xem phong cảnh thì bất gặp hai thiếu nữ xinh đẹp đang ngồi đánh cờ.

Lương sinh bị quyến rũ bởi sắc đẹp của hai cô gái bèn xông thẳng tận bàn cờ. Hai thiếu nữ vội lánh ngay đi.

Lương sinh chỉ còn biết đứng trông theo... Đến khi con hầu Bích Nguyệt, theo lệnh của Dao Tiên, trở lại để lấy quân cờ về thì Lương sinh đón ngay nó hỏi thăm và nhờ nó làm mối cho mình. Bích Nguyệt đâu dám nhận lời, vội bỏ ra về.

Lương sinh cũng trở lại phòng mình rồi tối ấy không làm sao ngủ được.

Sáng hôm sau, chàng sang vấn an mẹ thì được biết, thiếu nữ chàng gặp đó chính là Dao Tiên, con gái của Dương đô đốc cũng từ Dương phủ sang chơi dự mừng sinh nhật.

Chàng đem lòng tương tư rồi tìm cách thuê nhà ở bên Dương phủ để tìm cách gặp lại Dao Tiên mà bày tỏ nỗi lòng.

Nhân có Diêu sinh tới thăm nhà mới, chàng ngỏ ý muốn được đưa sang thăm nhà Dương đô đốc. Diêu sinh nể lời, đưa chàng sang chơi và hai người được Dương công đón tiếp ân cần và mời ra uống rượu ở đình Vọng Ba. Lương sinh thấy bên đình có dán bài thơ *Trì liễu* bèn lại đọc. Dương công bảo đó là thơ của Dao Tiên làm và mời Lương sinh vui lòng họa lại.

Chàng còn giữ ý, kiếm lời từ chối nhưng Dương công đã cho thị tỳ cầm giấy bút ra. Chàng liền họa lại và trình lên trước án.

Dương công xem xong, khen hay và truyền đem dán bên bài thơ của Dao Tiên.

Lương sinh, lúc viết còn thừa hai tờ hoa tiên bèn giấu vào túi áo mang về. Từ đó chàng càng say mê Dao Tiên.

Về phần Dao Tiên, nàng sau khi biết chuyện họa thơ cũng sinh lòng cảm mến Lương sinh mà Dương công thì đã có ý muốn chọn chàng làm rể.

Hôm sau, Lương sinh nhân gặp con hầu Vân Hương ra hái hoa mới nhờ nó bắc cầu liên lạc. Hai người, Lương sinh và Dao Tiên, đã hẹn ước trên đình Khán Vân và đã viết lời thề nguyện vào hai mảnh hoa tiên để mỗi người giữ lấy một mảnh làm tin.

Truyện do đó mới có tên là *Hoa Tiên*.

HỒI 24 – 34

Lương sinh và Dương Dao Tiên xa cách nhau

Lương sinh đã thề nguyện với Dao Tiên rồi nhưng không ngờ ở nhà lại tính việc đính hôn cho chàng với người khác.

Nguyên do, Lương tướng công và Lưu tướng công vốn là người đồng quận và là bạn đồng liêu lúc cùng về trí sĩ đã gặp nhau trên sông. Trong lúc cùng nhau uống rượu, trò chuyện hai bên đã đem việc nhà ra kể: bên biết họ Lưu có nàng Ngọc Khanh còn chưa đính gả, bên biết họ Lương có chàng công tử vẫn chưa ước hôn nên Lương công và Lưu công mới cùng nhau hẹn đính thông gia.

Thế là việc hôn nhân của Lương sinh đã được định dưới thuyền.

Lương công khi đến nhà liền bảo phu nhân cho người đi gọi Lương sinh về để ông nói chuyện.

Lương sinh được tin mới sang Diêu phủ và Dương phủ để chào. Chàng được Dương công hứa gả Dao Tiên cho nên mừng rỡ vô cùng. Chàng bèn tìm Dao Tiên để tâm sự cùng nhau trước khi tạm biệt.

Lương sinh về đến nhà thì được biết cha mẹ đã hỏi con gái họ Lưu cho chàng để cưới làm vợ. Thật là một tin sét đánh khiến chàng những buồn phiền trong dạ, trách duyên số mình với Dao Tiên sao lại bị trắc trở.

Thế rồi nhân một ngày mừng sinh nhật bên Dương phủ, Diêu sinh sang chúc mừng và có đem chuyện Lương công đã hỏi vợ cho Lương sinh ra kể. Dao Tiên nghe được lấy làm buồn lắm nhưng vẫn giữ vẹn lòng mình với mảnh tiên thể.

Trong lúc ấy thì có tin Dương công được đổi về kinh. Khi gia đình vào tới nơi, chẳng may biên thù lại có giặc quấy phá. Nhà vua bèn sai Dương công ra làm trấn thủ. Ông đành phải để vợ con ở lại nương nhờ nhà người cậu họ Tiên ở viện Hàn lâm.

Về phần Lương sinh thì chàng vì nhớ Dao Tiên cũng xin mẹ sang Tràng Châu chơi nhưng khi tới nơi thì gia quyến họ Dương đã đổi về kinh rồi. Lương sinh buồn bã đến thành bệnh.

Trong lúc ấy Dao Tiên ở bên nhà cậu họ Tiên cũng buồn bã không kém.

Một hôm nghe tin cha thua trận phải lui về giữ Ngọc Quan, bị rợ Hồ vây nài càng thêm sầu não lo lắng, ngày đêm những than thân tủi phận.

HỒI 35 - 47

Lương sinh ra đánh giặc bị vây hãm

Lương sinh phải nằm dưỡng bệnh ở Tràng Châu.

Một ngày kia Diêu sinh đến thăm, khuyên chàng hãy giữ lấy sức khỏe, ra công học tập để kịp ngày đi thi đồng thời tiện lúc ấy mà tìm lại Dao Tiên. Lương sinh nghe nói vậy mới chuyên cần học tập để kịp ngày vào thi.

Trong kỳ thi Hương, Lương sinh đậu Giải nguyên còn Diêu sinh đậu thứ năm. Hai chàng lại vào thi Hội: Lương sinh đậu Thám hoa và Diêu sinh cũng đậu Hoàng giáp.

Diêu sinh được bổ vào làm quan ở Bộ Lại còn Lương sinh được bổ vào làm quan ở Hàn lâm.

Tuy làm quan rồi, vinh hiển rồi mà Lương sinh vẫn buồn vì chưa tìm được người yêu. Còn về phía Dao Tiên thì lại buồn vô cùng vì cứ nghĩ mình bị phụ bạc.

Ngờ đâu hai người đã ở gần nhau mà không biết. Thế rồi, một đêm Lương sinh dạo mát bên hoa nghe phía vườn bên có tiếng đàn bà con gái mới nhìn qua thì thấy, *không phải là ai xa lạ* mà chính là Dao Tiên, Vân Hương và Bích Nguyệt. Hai người, Lương sinh và Dao Tiên gặp nhau vui mừng không tả mới cùng nhau kể lể tâm tình, nói sao cho xiết.

Lương sinh bèn ngỏ cùng Dao Tiên, sẽ xin vua cho ra đánh giặc để giải cứu Dương công họa may có thể ân trả nghĩa đền mà rồi được duyên ưa phận đẹp.

Sau buổi gặp lại nhau ấy, Lương sinh liền dâng sớ xin đi đánh giặc. Nhà vua y cho.

Chàng vì nặng tình với Dao Tiên nên chẳng quản những điều khó nhọc nguy hiểm, đã xông pha ngoài cõi biên thù, đánh luôn mấy trận. Quân của chàng, mắc mưu giặc, thừa thắng mà kéo vào thành không, liền bị vây. Đám bại binh chạy về được, đồn rằng Lương sinh đã chết. Triều đình được tin thua trận mới sai một quan đại tướng ra tiếp cứu, có Diêu sinh đi theo để vận lương thực.

Khi qua nhà họ Tiền, biết được bà mợ trú ở đó, Diêu sinh ghé vào hỏi thăm và đem việc Lương sinh nói cho mợ biết. Ngờ đâu con hầu Vân Hương nghe được kể lại cho Dao Tiên hay. Dao Tiên thương khóc thảm thiết, quyết nhịn ăn mà liều chết. Bích Nguyệt và Vân Hương phải lựa lời khuyên giải nhưng Dao Tiên cũng chẳng động lòng.

Ông bà họ Lương từ khi nghe tin con thi đậu đã mừng. Sau lại nghe tin con bị chết ở ngoài biên thù thì vô cùng buồn bã, làm chay, để tang, mọi lễ sấm sanh đủ cả.

Về phía nhà họ Lưu, khi nàng Ngọc Khanh nghe tin Lương sinh bị chết trận, cùng thành phục để tang. Lưu phu nhân thấy con gái mình còn trẻ mà phải góa chồng mới toan bài cải giá, quyết gả cho một nhà họ Lam giàu có.

Ngọc Khanh bèn bỏ nhà ra đi, gieo mình xuống sông thủ tiết. May có quan Đề học họ Long vào kinh đi thuyền qua đó mà vớt được. Nghe rõ câu chuyện của Ngọc Khanh, vợ chồng quan Đề học bèn nhận nàng làm con nuôi.

Gia đình nhà họ Lưu xao xác đi tìm mà không thấy cũng sinh ra khóc vẫn thương vợ.

Có ai ngờ Lương sinh và Ngọc Khanh vẫn còn sống cả.

HỒI 48 – 59

Lương sinh và Dương Dao Tiên lấy nhau

Lương sinh từ khi bị vây vẫn cố cầm cự khiến giặc Hồ không phá nổi thành. Diêu sinh vận lương thực đến nơi, biết tin Lương sinh hãy còn trấn giữ thành mới cùng thống tướng tìm cách giải vây cho Lương sinh và Dương đô đốc. Giặc bị phá tan. Diêu sinh dâng biểu về triều, một lần báo tiếp.

Ở nhà họ Dương, Dao Tiên nghe tin xiết bao mừng rỡ.

Sau đó Dương đô đốc, Lương sinh và Diêu sinh đã kéo quân khải hoàn về kinh. Tới dự lễ mừng có cả con quan Lưu thượng thư là anh nàng Ngọc Khanh. Trong câu chuyện, Lương sinh được biết nàng Ngọc Khanh đã chung tình tử tiết.

Chàng nghe vậy, bỗng sinh ra buồn rầu, những thương cho người đã khuất...

Còn Dương đô đốc, nhân khi rảnh việc cũng ghé tới thăm Lương sinh, thấy chàng có vẻ buồn bã mới hỏi rõ căn do. Ông liền bàn tâu xin tình biểu cho nàng Ngọc Khanh.

Nhà vua ban sắc ngời khen Ngọc Khanh và truyền cho Dao Tiên được sánh duyên cùng Lương sinh.

Ngay lúc bấy giờ Long đế học cũng vừa về tới kinh, nghe tin ấy bèn làm sớ tâu vua về việc Ngọc Khanh để mọi người được biết. Vua lại cho Ngọc Khanh được kết duyên cùng Lương sinh và phong cho cả Dao Tiên và Ngọc Khanh làm phu nhân nhất phẩm.

Thế là một nhà sum họp và Bích Nguyệt với Vân Hương cũng được dự vào hàng vợ lẽ.

*

* *

Câu chuyện dầu không ngoài hai chữ *phòng nguyệt*, lúc đầu gặp gỡ tuy là *tình* nhưng về sau vẫn vẹn mọi tiết vừa có *trình* vừa có *trung* và vừa có *hiếu* nên soạn giả khuyên ai hãy đọc mà xem.

NGUYỄN THIÊN ĐÃ NHUẬN SẮC HOA TIÊN CỦA NGUYỄN HUY TỰ NHƯ THẾ NÀO?

Các bản *Hoa tiên* vẫn lưu hành từ trước đến nay (cả bản Nôm và Quốc ngữ) đều là bản nhuận sắc của Nguyễn Thiện.

Nguyên tác của Nguyễn Huy Tự, bản khắc in thì không có, chỉ có bản viết tay sao chép lại được từ một bản gốc đã hư nát, do Nguyễn Huy Cừ còn giữ được.

Vào dịp nghỉ Tết năm Quý Mùi (ngày 27 tháng chạp năm Nhâm Ngọ tức 1-2-1943) ông Đào Duy Anh có về làng Trường Lưu và có mượn được bản Nôm ấy. Ông đã cùng với ông Đoàn Thăng phiên âm sang Quốc ngữ.

Bản phiên âm ấy sau được in trong quyển *Truyện Hoa tiên* của Lại Ngọc Cang khảo thích, do Nhà xuất bản Văn hóa in năm 1961.

Năm 1976, Đào Duy Anh có sửa lại đôi chỗ và cho in trong quyển *Truyện Hoa tiên* do Văn học xuất bản năm 1979.

Căn cứ vào bản *Hoa tiên* ấy của Nguyễn Huy Tự chúng tôi đã đối chiếu với bản *Hoa tiên nhuận chính* (chữ Nôm) của Đỗ Hạ Xuyên cho khắc in ở Hà Nội năm Ất Hợi (1875) niên hiệu Tự Đức thứ 28 thì thấy có hồi được viết dài thêm, có hồi được rút ngắn lại với những sự sửa đổi về ý và về lời như sau:

I. SỬA ĐỔI VỀ Ý TƯỞNG

* Hồi I

Hồi này bản Nguyễn Huy Tự dài tới 24 câu nhưng Nguyễn Thiện đã rút ngắn lại còn 22 câu và đã sửa lại cả đoạn mở đầu. Nguyễn Huy Tự đã theo *Cả bản* mà bắt đầu câu chuyện bằng việc tả cảnh “*thất tịch*”:

*Nương lon nhẹ hóng mát chiều,
Vàng pha gió quế trắng dầu hương sen
Gác rèm câu nguyệt xiên xiên,
Này hôm ả Chức chàng Khiên hạp vầy.
Hẹn lành năm một đêm nay,
Trên kia còn vậy dưới này khiến sao.*

Nguyễn Thiện đã phỏng theo Nguyễn Du trong *Truyện Kiều* mà sửa lại là:

*Trăm năm một sợi chỉ hồng
Đặt người tài sắc vào trong khuôn trời.
Sự đời thử ngẫm mà chơi
Tình duyên hai chữ với người hay sao!
Từng nghe trăng gió duyên nào,
Bể sâu là nghĩa, non cao là tình.
Người dung hạnh, bậc tài danh,
Nghìn thu để một mối tình làm gương.*

Như vậy ông đã muốn đưa một luận đề về *tình* và *nghĩa* để làm cái dây vô hình nó nối liền các tình tiết trong câu chuyện để đi đến kết luận rằng:

*Gót nguồn bàn lại mà chơi,
Phong quang hai chữ côi đời ai không.*

*** Hồi II – X**

Các hồi này Nguyễn Thiện giữ nguyên ý của bản Nguyễn Huy Tự và cũng không thêm bớt một câu nào: hồi II: 20 câu, hồi III: 18 câu, hồi IV: 48 câu, hồi V: 44 câu, hồi VI: 14 câu, hồi VII: 38 câu, hồi VIII: 18 câu, hồi IX: 32 câu, hồi X: 28 câu.

*** Hồi XI**

Hồi này bản Nguyễn Huy Tự có chép cả hai bài thơ tứ tuyệt: *Trì liểu* của Dương Dao Tiên và bài họa của Lương Phương Châu.

Nguyễn Thiện khi nhuận sắc đã bỏ cả hai bài thơ ấy đi. Việc làm này đã cho ta thấy được là ông đã chịu ảnh hưởng của Nguyễn Du, chỉ cần nhắc đến sự kiện làm thơ mà không ghi lại bài thơ vì có những bài thơ thực chất cũng không hay gì.

Nếu không kể hai bài thơ ấy, số câu trong hồi này của hai bản đều dài 54 câu.

*** Hồi XII và XIII**

Cả hai hồi này Nguyễn Thiện vẫn giữ nguyên số câu (hồi XII: 20 câu và hồi XIII: 22 câu) và không có sửa đổi gì về ý cả.

*** Hồi XIV**

Hồi này Nguyễn Huy Tự chỉ viết có 28 câu. Nguyễn Thiện để nhuận chính đã thêm vào 10 câu thành 38 câu.

Nguyễn Thiện đã viết thêm như vậy có lẽ vì ông muốn để cho Dương công bày tỏ cảm tình của mình đối với Lương sinh và cũng muốn để cho Lương sinh bày tỏ lòng kính trọng của mình đối với Dương công.

Chúng ta hãy nghe hai người đối thoại với nhau:

Rằng: *Ta thuở trẻ theo đòi,
Mênh mông bể thánh nào vơi phần nào?
Sông thù luống những khát khao,
Rắp đem hàn mặc ép vào biên mâu.
May thay giải cấu duyên dâu,
Mượn tay vườn hân mở lâu rừng nho.
Đi về giảng sớm bàn trưa,
Quyển vàng họa được giải cho ít nhiều.
Thưa rằng: Chút phận bọt bèo,
Hậu sinh đã dám chơi trèo sao nên.
Gẫm mình vô vế bút nghiên,
Biết đâu kinh thánh truyện hiền là đâu.
Vả nay rốn bể cửa hầu,
Ra vào vì chút thăm sâu ngại ngùng.*

Đây cũng là một điểm tâm lý mà Nguyễn Thiện muốn diễn tả thêm đối với các nhân vật trong truyện.

*** Hồi XV - XXIII**

Các hồi này Nguyễn Thiện giữ nguyên ý của bản Nguyễn Huy Tự và cũng không có thêm bớt gì mấy:

Hồi XV	: 14 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi XVI	: 54 câu (bớt 2 câu)
Hồi XVII	: 32 câu (tăng 2 câu)
Hồi XVIII	: 30 câu (tăng 2 câu)
Hồi XIX	: 58 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi XX	: 50 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi XXI	: 18 câu (tăng 2 câu)
Hồi XXII	: 44 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi XXIII	: 92 câu (bớt 4 câu)

Như vậy số câu đã không tăng từ hồi XV đến hồi XXIII.

*** Hồi XXIV**

Hồi này Nguyễn Huy Tự viết có 32 câu và đã dùng lối văn *thuật sự* nên không được linh động.

Nguyễn Thiện khi nhuận sắc đã tăng lên thành 42 câu và đã dùng lối văn *đối thoại* nó không những linh động mà còn diễn tả được tâm lý của Lưu công và Lương công.

Chúng ta hãy đọc hai đoạn văn để so sánh nguyên văn của Nguyễn Huy Tự:

*Hứng vui thóc mách chuyện nhà,
Họ Lưu một gái tự là Ngọc Khanh.
Tuần mười lễ bảy xuân xanh,
Độ mười dung hạnh đoan trinh vẹn mười.
Rõ tin Lương mượn chén mời,
Lấy lời thiếp khế dạm lời thông gia.*

và nhuận sắc của Nguyễn Thiện:

*Hứng vui thóc mách chuyện nhà,
Họ Lưu một ả tên là Ngọc Khanh.
Tuần mười lễ bảy xuân xanh,
Người trang trọng nét đoan trinh vẹn mười.
Tỏ tin Lương mượn chén mời:
Biếng quan anh cũng trải đời như em.
Vòng trần hắn đã không thềm,
Chút nguyên du Nhạc còn hiềm chưa nguôi.
Dám toan kén lựa chọn đôi,
Tán Tần có nhẽ với người phồn hoa.
Thôi thì ta lại biết ta,
Chín e lều cỏ biết là nên chăng.”
Cạn mời Lưu mới thưa rằng:
“Từ vào chi thất xem bằng long môn.
Một lời đã với nước non,
Vâng xe mới chỉ cho tròn duyên tơ.
Quản bao tuyết đợi sương chờ,
Xin đem dây sắn may nhờ bóng thông.”*

*** Hồi XXV – XXX**

Các hồi này Nguyễn Thiện cũng không sửa gì mấy về ý tưởng và cũng không có thêm bớt gì nhiều về số câu:

Hồi XXV	: 18 câu (tăng 2 câu)
Hồi XXVI	: 28 câu (tăng 2 câu)
Hồi XXVII	: 20 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi XXIII	: 12 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi XXIX	: 28 câu (bớt 2 câu)
Hồi XXX	: 18 câu (giữ nguyên số câu)

Nếu tính chung sáu hồi này thì số câu chỉ tăng có 2 câu.

*** Hồi XXXI**

Hồi này Nguyễn Huy Tự chỉ viết có 12 câu nhưng để nhuận sắc, Nguyễn Thiện đã viết thêm 16 câu thành 28 câu để tả rõ *bát cảnh Tiêu Tương*.

Chúng ta hãy đọc hai đoạn tả cảnh ấy để so sánh nguyên văn của Nguyễn Huy Tự.

*Hành trang vội sắp sửa xong,
Con thuyền chen chúc đua dong cánh lèo.
Giang thiên tám bức sầu treo,
Thành mai trận khói, non chiều phiến mây.*

với nhuận sắc của Nguyễn Thiện:

*Hành trang sắm sửa vừa xong,
Con thuyền chen chúc đua dong cánh lèo.
Giang sơn tám bức sầu treo,
Cảnh mai dễ chạnh, sắc chiều như xui.*

1 { *Kìa đâu cát phẳng một doi,
Mấy chòm lịch chích loi thoi trận nhàn.*

2 { *Kìa đâu mây tận chân ngàn,
Đỉnh đèo xao xác hợp tan chợ chiều.*

3 { *Kìa đâu viễn phố đìu hiu,
Lưng trời rút thẳng con lèo ra khơi.*

4 { *Kìa đâu sông rộng sóng dồi,
Ngư thôn mấy nóc mặt trời tà dương.*

5 { *Kìa đâu nghi ngút khói sương,
Vẳng nghe chuông sớm còn vang bên lầu.*

6 { *Kìa đâu nước lạnh trời thu,
Động Đình phẳng lặng một hồ trăng in.*

7 { *Kìa đâu ban tối đổ thuyền,
Bạc bay hoa tuyết giang thiên một màu.*

8 { *Kìa đâu trúc lệ nhuộm thâu,
Tiêu Tương rả rích mưa mau cạnh chầy.*

Qua sự nhuận sắc này, chúng ta nhận thấy Nguyễn Thiện đã chịu ảnh hưởng của Nguyễn Du muốn tả cảnh để tả tình nó thật đúng với định luật tâm lý nhưng ở đoạn này lại không cân đối với toàn hồi vốn chỉ có 12 câu và thực ra sự viết thêm ấy cũng không cần thiết.

*** Hồi XXXII**

Hồi này tả cảnh Dương công ra cỡi biên thùy đẹp giặc, phải gửi gia quyến ở lại nhà môn họ Tiên.

Nguyễn Thiện vẫn giữ nguyên mọi chi tiết của câu chuyện với số câu là 18 câu, không có thêm bớt gì.

*** Hồi XXXIII**

Hồi này tả cảnh Phương Châu trở lại Tràng Châu tìm Dao Tiên mà không gặp.

Nguyễn Huy Tự đã tả niềm thất vọng của Phương Châu thật náo nức đến nỗi ngã lăn ra bất tỉnh.

Nguyễn Thiện ở hồi này đã viết thêm 10 câu cho dài tới 48 câu để tả nỗi thất vọng của Phương Châu cho được sâu sắc hơn.

Ở đây chúng ta cũng thấy ảnh hưởng của Nguyễn Du trong cách diễn đạt tình cảm:

*Miên man thăm hỏi gần xa,
Mới tường môn mạch nay đà phó kính.
Nghe lời khôn nhẽ làm thình,
Buồn nường bên triện sầu quanh khắp tòa.
Băn khoăn đến trước đình Ba,
Rường không én dễ, song tà nhện giăng,
Tiên thơ vách hãy dăng dăng,
Xa thơ cách mấy mươi từng người thơ.
Hiên cài lác đác sao thưa,
Sân rêu nọ chốn ngày xưa chén đồng.
Mây dương liễu, mặt phù dung,
Ngắm hoa thêm nhắc tấm lòng sinh ly.
Chỉ thề trăng vẫn tri tri,
Tay ai chênh mảng còn chi Chương Đài.
Mừng xuân đào hãy ngậm cười,
Về hồng tơ đỏ mặt người nào đâu?
Khi sao son gác phấn lâu,
Giờ sao tan tác mặc dầu khói sương.
Ấy ai dập lửa vùi hương,
Để ai nát đá phai vàng này đây.
Giận riêng trăm nỗi để đây,
Da cầm tức tối hồn say mơ màng.*

Qua những câu trích dẫn ở trên, chúng ta nhận thấy hai câu:

*Mừng xuân đào hãy ngậm cười,
Về hồng tơ đỏ mặt người nào đâu.*

đã được mô phỏng từ hai câu Kiều:

*Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.*

hoặc hai câu:

*Khi sao son gác phấn lâu,
Giờ sao tan tác mặc dầu khói sương.*

thì cũng là phỏng theo hai câu Kiều:

*Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.*

nhưng vẫn không tránh được sự vá vúi về mặt ý tưởng.

*** Hồi XXXIV – XXXVII**

Các hồi này cũng không có sửa gì mấy và Nguyễn Thiện cũng không có viết thêm gì đáng kể.

- Hồi XXXIV : 20 câu (tăng 2 câu)
- Hồi XXXV : 18 câu (giữ nguyên số câu)
- Hồi XXXVI : 20 câu (giữ nguyên số câu)
- Hồi XXXVII : 38 câu (giữ nguyên số câu)

Nếu tính chung 4 hồi này thì số câu chỉ tăng có 2 câu.

*** Hồi XXXVIII**

Nguyễn Huy Tự đã theo đúng *ca bản* để tả cảnh Lương sinh gặp lại Dương Dao Tiên ở vườn Hàn.

Nhận thấy hồi này còn nhiều thiếu sót về mặt tâm lý nên Nguyễn Thiện đã viết thêm 22 câu cho thành 114 câu.

Như khi nói đến nỗi sầu của Dao Tiên, Nguyễn Huy Tự chỉ viết có hai câu:

*Cảnh đâu dễ nhắc lòng đâu,
Màng than tình cũ thêm sầu nỗi xưa.*

Câu thứ nhì này hợp với nguyên văn trong *ca bản*:

*“Ai thương đêm nay khổ tương tư.
Đối trăng than dài nhớ người xa”.*

Nguyễn Thiện nhân nỗi sầu ấy suy rộng ra mà viết thành một đoạn 8 câu:

*Ngàn mây, trắng bạc như tờ,
Bóng dâu chênh chếch đã vừa ngang vai.
Bờ sương đối tuyết bao nài,
Nào ai ấm lạnh, nào ai ngọt bùi.
Tưởng người chén nguyệt thê bồi,
Phòng đông vừa ý đã người nào thôi.
Ba xuân những chốn làm vui,
Nhưng hương những lửa những ai đó giờ?*

Tám câu này không những tả nỗi lòng của Dao Tiên nhớ Lương sinh

(4 câu dưới) mà còn tả cả nỗi lòng của nàng nhớ cha mẹ nữa (4 câu trên).

Đoạn này Nguyễn Thiện đã phỏng theo đoạn Nguyễn Du tả cảnh Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích nhớ cha mẹ và Kim Trọng.

Hoặc khi thuật lúc Lương sinh dạo chơi ngoài vườn, trong trí nhớ đến người xưa là Dao Tiên, Nguyễn Huy Tự cũng chỉ viết có hai câu:

*Than đâu lạnh lọt màu oanh,
Hoa say hạc ngủ vắng thênh dẫu tìm.*

thì Nguyễn Thiện đã thêm vào một đoạn 10 câu để vừa tả cảnh vừa tả tình:

*Cảnh sầu như gheo người sầu,
Khi giần giọt đá, khi rầu rĩ cây.
Nghĩ người mặt sóng chân mây,
Tiên thề đành để đến ngày tái sinh.
Lỡ làng bèo nước lênh dênh,
Ấy duyên phụ khách hay mình phụ duyên.
Nào ta bế dận non nguyên,
Lòng nào chuông vạn ngựa nghìn với ai.
Nỉ non đêm ngắn tình dài,
Nguyệt cài bên triện hoa rơi trước rèm.*

Ngoài hai đoạn thêm vào ở trên, Nguyễn Thiện còn sửa lại chỗ Lương sinh leo cành cây nhảy qua tường sang vườn của Dao Tiên.

Tuy việc này Nguyễn Huy Tự đã theo đúng với *ca bản* nhưng Nguyễn Thiện cho đó là một cử chỉ không được nho nhã nên đã dựa theo *Truyện Kiều* của Nguyễn Du mà sửa rằng:

*Dạo quanh núi giả đi vòng,
Bên hoa đường có nẻo thông cuối tường.
Hài vãn lần bước bước sang,
Cách tường đã dậy tiếng vàng xa đưa.*

Như vậy Nguyễn Thiện đã không để cho Lương sinh phải trèo qua tường mà chỉ cho một lối đi thông qua vườn của Dao Tiên để sang gặp mặt.

Có điều đáng tiếc là Nguyễn Thiện đã quá lệ thuộc vào *Truyện Kiều* để nhuận sắc truyện *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự.

*** Hồi XXXIX – XLII**

Các hồi này Nguyễn Thiện cũng không có sửa gì mấy và số câu cũng không có thêm bớt bao nhiêu:

Hồi XXXIX : 8 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi XL : 10 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi XLI : 4 câu (giữ nguyên số câu)

Hồi XLII : 22 câu (giữ nguyên số câu)

Hồi XLIII : 10 câu (tăng thêm 2 câu)

Nếu tính chung 5 hồi này thì số câu chỉ tăng 2 câu.

*** Hồi XLIV**

Hồi này nói về việc Ngọc Khanh giữ tiết.

Nguyễn Huy Tụ chỉ viết vắn tắt có 18 câu nhưng Nguyễn Thiện đã viết thêm 8 câu cho thành 26 câu để đề cao tấm lòng chung thủy của nàng đối với Lương sinh và lòng khinh bỉ của nàng đối với công tử họ Lam:

*Vẽ chi một mảnh hồng quần
Chúa hoa đành đã Đông quân đấy rồi.
Thôi thôi đã vậy thì thôi,
Cũng liều má phấn cho rồi ngày xanh.
Hóa công có thiệt chi mình,
Treo gương trinh bạch rành rành cho coi.*

.....

*Dẫu rằng mòn núi cạn sông,
Gương này quyết chẳng soi chung với người.*

Chúng ta nhận thấy Nguyễn Thiện đã muốn đề cao thêm đạo lý nhất là đối với phụ nữ.

*** Hồi XLV**

Hồi này theo nguyên truyện của Nguyễn Huy Tụ có tên là *Lương sinh nghị kế* (Lương sinh bàn kế) nói đến cảnh Ngọc Khanh đau khổ khi nghe tin Lương sinh bị chết ở ngoài biên thùy nhưng thực ra chàng vẫn còn cầm cự được với giặc và vẫn còn sống.

Nguyễn Thiện đã chuyển hồi này xuống dưới hồi XLVIII, thành hồi XLIX cho thích hợp hơn với sự diễn tiến của câu chuyện.

*** Hồi XLVI**

Hồi này tả cảnh "*Lưu phủ bức hôn*". Nguyễn Huy Tụ viết dài tới 34 câu. Nguyễn Thiện đã viết thêm 2 câu thành 36 câu.

Nếu so sánh nguyên tác và bản của Nguyễn Thiện thì bản của Nguyễn Huy Tụ có phần hay hơn cả về lời và về ý.

Như mấy câu sau đây:

*Đòi nàng khuyên dỗ bấy giờ,
Rén quì thoát đã tuôn mưa đôi hàng.
Chút thân từng nẩy của Lương,
Xót thay đóng cỏ chiến trường còn tươi.*

*Yến kia bay chiếc lọ người,
Dung cho quán chiếu trọn đời là cam.*
mà Nguyễn Thiện sửa lại là:

*Đòi nàng khuyen dỗ bấy giờ,
Rén thưa thoát đã tuôn mưa đôi hàng.
Ngập ngừng nàng lại gửi chiềng:
Yếu thơ bỏ liễu lơ làng tóc tơ.*

Nếu có muốn viết thêm thì chỉ nên để cho Ngọc Khanh trình bày về hoàn cảnh của mình bị bức hôn mà phải trâm mình xuống sông.

Ở đoạn này Nguyễn Huy Tự chỉ viết có hai câu:

*Nàng nghe biện hết tơ hào:
“Lầu son lại ép, sóng đào thà gieo”.*

Viết như vậy thì quá vắn tắt, không đủ để giải thích lý do Ngọc Khanh phải liều đi trâm mình.

Nguyễn Thiện đã viết đầy đủ hơn:

*“Trẻ thơ đội đức sinh thành,
Sớm khuya ai dễ dứt tình được đâu.
Ông tơ lật lọng lừa nhau,
Hại mình nên phải ngậm sâu bước ra.
Gốc phần dù lại đạo qua,
Cành vịn chẳng kéo bẻ hoa tay người.
Lại toan trơ tráo với đời,
Thà cho sóng bạc để rồi ngày xanh.
Muôn vàn tạ chút hậu tình,
Hẹn này may có lai sinh là còn.
Rồi đây đáy vực ngọn nguồn,
Mặc cho bụng cá lại chôn mây ngài”.*

Chúng tôi nhận thấy việc Nguyễn Thiện nhuận sắc mà không phỏng theo *Truyện Kiều* để viết thêm như vậy là hợp lý.

*** Hồi XLIX – LIV**

Các hồi này Nguyễn Thiện đã không thay đổi gì mấy và cũng không có viết thêm gì đáng kể.

Hồi XLIX	: 12 câu (thêm 4 câu)
Hồi L	: 20 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi LI	: 8 câu (bớt đi 2 câu)
Hồi LII	: 6 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi LIII	: 10 câu (giữ nguyên số câu)
Hồi LIV	: 22 câu (giữ nguyên số câu)

Nếu tính chung cả 5 hồi này số câu chỉ tăng có 2 câu.

*Phận sao phận bạc như tờ,
Sinh thành nợ trả bao giờ được đâu.
Bên đường nắm cỏ râu râu,
Mặt nào quên nào khuây sầu với ai.
Dầu sao cũng một thân người,
Dung cho chiếc gối trọn đời mới cam.*

thì vừa dài mà ý lại không thiết thực. Hơn nữa lời thơ lại phỏng theo *Truyện Kiều* nhiều quá.

Cứ để mặc như Nguyễn Huy Tự có lẽ lại hay hơn.

*** Hồi XLVII**

Hồi này tả cảnh Ngọc Khanh đầu giang (Ngọc Khanh nhảy xuống sông) để giữ tiết với Lương sinh.

Nguyễn Huy Tự viết dài 18 câu, chúng tôi thấy đã đủ ý rồi.

Nguyễn Thiện đã thêm vào 18 câu thành ra cả hồi dài tới 36 câu.

Những câu thêm vào chỉ là những lời than thở trước khi gieo mình như ở đoạn đầu:

*U minh đôi ngả khơi chừng,
Một niềm sắt đá thấy chẳng hời tình.
Gọi là một chút bố kinh,
Nợ lòng phải giả đến mình mới xong.
Duyên tơ đã kết dải đồng,
Bèo mây ước chữ tương phùng kiếp sau.
Nỗi riêng càng nghĩ càng đau,
Tám riêng thôi cũng mặc dầu gió trăng.*

hoặc ở đoạn cuối:

*Tiếc đời chi nữa cũng rằng,
Dầu mà có thác cầm bằng không sinh.
Há rằng chác tiếng mua danh,
Sao cho phải phận sự mình thì cam.
Trông vời trời bể mệnh mang,
Dem thân băng tuyết gửi hàm giao long.
Bất tình chi bấy hóa công,
Cho người lấy mảnh má hồng làm chi?
Người hạnh nghĩa, khách dung nghi,
Làm cho trâm gãy gương lìa mới thôi.
Mệnh mông bể khổ sóng dồi,
Biết rằng phúc thiện có trời nữa không?*

Chúng tôi nhận thấy Nguyễn Thiện đã để cho Ngọc Khanh than thở quá dài dòng mà quên mất cả cảnh “hạ màn” cho nàng nhảy xuống sông.

Nguyễn Huy Tự thì chỉ để cho Ngọc Khanh than thở vắn tắt và đã kết thúc bằng hai câu thực gợi hình:

*Sóng tuôn cuộn cuộn nghìn tầng,
Quyết liều gieo hấn ghê chãng tiết nàng.*

Phần nhuận sắc ở đây đã không hay bằng nguyên tác.

*** Hồi XLVIII**

Hồi này kể lại chuyện Đề học Long cứu vớt được nàng Ngọc Khanh và hỏi han về tâm sự của nàng.

Nguyễn Huy Tự chỉ kể lại sự việc chứ không trình bày theo lối đối thoại trực tiếp như Nguyễn Thiện đã nhuận sắc.

Chúng tôi nhận thấy lời hỏi của quan Đề học cũng không được khéo gì mà cứ giải thích như đoạn sau đây:

*Thoắt thôi quan mới ướm lòng,
Khen rằng: "Tiết sạch danh trong thật là.
Tiếc thay trong giá trắng ngà,
Nỡ hoài chi để trôi hoa giạt bèo.
Rừng thiên côi tỉnh là nhiều,
Sạch mình chi lọ là liều với ai.
Đem mình mà trả nghĩa người,
Để công chín chữ thiệt thòi đến đâu.
May đây bèo nước gặp nhau,
Thôi thì Hợp phố cho châu lại về".*

*** Hồi LV**

Hồi này nói về *Thánh chỉ vi môi* (chỉ dụ của vua làm mối). Nguyễn Huy Tự chỉ viết có 16 câu nhưng Nguyễn Thiện đã nhuận sắc thành 44 câu tức là tăng thêm tới 28 câu.

Sở dĩ Nguyễn Thiện đã viết thêm như vậy vì ông không muốn để cho Lương sinh tỏ ra vô tình với Ngọc Khanh mà hân hoan cử hành ngay hôn lễ với Dao Tiên.

Nếu Nguyễn Huy Tự theo ca bản chỉ viết:

*Tạ ơn cùng xuống đền vàng,
Bước càng nhẹ bước, tươi càng nhẵn tươi.
Chở che trên thánh là trời,
Đã nơi vẹn nghĩa lại nơi vẹn tình.
Dương càng mừng nức cửa dinh,
Chín lần rủ dắt sợi mảnh mấy khi.*

thì Nguyễn Thiện đã để cho Lương sinh tỏ ra là người có nghĩa, có tình:

*Tạ ơn cùng xuống điện vàng,
Vội mừng nào đã kịp đường nghĩ xa.
Về dinh thăm thức việc nhà,
Đành người có nghĩa nào ta chí tình.*

Ông cũng để cho Lương sinh biết thương cảm Ngọc Khanh:

*Vì ai cho thiệt thời nhau,
Ấy ai dứt được mối sầu cho đang.
Chẳng cầm sắt cũng tao khang,
Nói dây thề chẳng vội vàng chút nao.*

và dự định trì hoãn cuộc hôn nhân:

*Duyên kia đã nặng thế bồi,
Thân kia trong mấy thu trời quản đâu.
Nghĩ duyên càng khảy tơ sầu,
Nghĩ thêm càng lại thêm đau đón tình.*

Diêu sinh đã phải khuyên giải phân tích:

*Dám thưa: “Anh đã sai rồi,
Chấp kinh nhường ấy dạ hơi trần trần.
Tình phu phụ, nghĩa quân thân,
Trong ba cương ấy, xem phần nào hơn”.*

và còn phải gọi đến lòng hiếu thảo với cha mẹ già:

*Mặc người tựa cửa hôm mai,
Cầm lòng vì chút nghĩa người thế ru.
Sợ khi đương bề mà dẫu,
Hiếu tình lại dở dang nhau mặc lòng.*

Nguyễn Thiện đã có ý thêm vào như thế để cho Lương sinh trọn được cả tình lẫn nghĩa.

*** Hồi LVI**

Hồi này cốt tả cảnh *Phụng chỉ nghênh hôn* (vâng chỉ vua mà cưới vợ) nên Nguyễn Thiện đã giữ nguyên số câu (14 câu) và cũng không có thay đổi gì về nội dung mà Nguyễn Huy Tự đã trình bày.

*** Hồi LVII**

Hồi này nói về việc *Long gia tấu hôn* (Đề học Long tâu việc hôn nhân với nhà vua). Nội dung cũng không có gì thay đổi nên Nguyễn Thiện chỉ viết thêm 8 câu (từ 30 câu thành 38 câu) để cho được rõ ràng hơn thôi.

*** Hồi LVIII**

Hồi này nói đến việc *Dao Tiên khuyên thú* (Dao Tiên khuyên chồng cưới Ngọc Khanh). Nguyễn Huy Tự theo ca bản chỉ viết vắn tắt có 10 câu và đã dùng lối thuật sự:

*Nào hay hoa cũng vẻ tươi,
Thực lòng yêu kính thiết lời khuyên can.*

Nguyễn Thiện đã viết thêm 20 câu và đã để cho Dao Tiên trực tiếp khuyên chồng:

*Tưởng rằng: “Trong đạo thường tình,
Thân bồ hầy lấy chữ trinh làm lễ.
Hay đâu sống thác chẳng nề,
Nỗi niềm nghĩ lại mà ghê gớm đời.
Nghìn thu âu hãn một người,
Ai ai lại dám xem ai làm thường.*

Nguyễn Thiện đã để cho Dao Tiên bày tỏ lòng kính phục đối với Ngọc Khanh rồi mới để cho nàng nhắc lại tình xưa nghĩa cũ của Lương sinh với Ngọc Khanh:

*“Vả vì chút nghĩa cũ càng,
Dấn mình vào áng chiến trường với nhau.
Làm cho liễu ử đào râu
Trăm năm để một gánh sầu cho ai”.*

Nguyễn Thiện đã để cho Dao Tiên thương cảm Ngọc Khanh mà vui vẻ khuyên chồng cưới nàng làm vợ để hai người được làm bè bạn chị em với nhau:

*“Vì tôi để thiệt đến người
Nghĩ mình mình chẳng ngậm ngùi lấm ru.
Đành rằng nát ngọc chìm châu,
Ai ngờ trong cõi Diêm phù thấy nhau.
Ấy là máy tạo nhiệm mầu,
Duyên xưa tròn trận ân sau đền bồi.
Bây giờ lấm cát mặc người,
Vinh hoa riêng lấy một đời hay sao.
Khi ăn nói, lúc ra vào,
Nghĩ nguồn cơn ấy làm sao cho đành”.*

Nguyễn Thiện như vậy đã để cho Dao Tiên nói lên tất cả ý nghĩ của mình đối với mối tình cũ của Lương sinh và Ngọc Khanh.

Cách diễn tả ấy đã cho ta thấy được tâm lý của các nhân vật trong hoàn cảnh tế nhị đó.

*** Hồi LIX**

Hồi này là hồi cuối cùng của truyện *Hoa tiên*. Bản Nguyễn Huy Tự bị rách mất tờ cuối nên không biết tổng số câu của hồi LIX là bao nhiêu.

Nguyễn Thiện đã viết dài tới 72 câu để tả cảnh *Song phụng đoàn viên* và có thêm phần *kết luận* cho quyển truyện:

*Gót nguồn bàn lại mà chơi,
Phong quang hai chữ côi đời ai không.
Lấy tình gấp gỡ là xong,
Trước sau vẹn một chữ tòng mới ghê.
Khi nhàn chấp chảnh lời quê,
Gác câu tình dục theo bề hiếu trinh.*

Như vậy Nguyễn Thiện khi nhuận sắc truyện *Hoa tiên* đã muốn chứng minh rằng truyện ấy tuy là sách phong nguyệt nói đến chữ tình, mà chữ tình ở đời ai lại không có, nhưng kết luận câu chuyện vẫn giữ vẹn được mọi tiết, vẫn có trinh và có hiếu.

Chính vì lẽ ấy ông mới kết thúc rằng:

*Di luân sáng để rành rành,
Chớ đem ca xướng làm khinh làm thường.*

II. SỬA ĐỔI VỀ LỜI VĂN

Nếu so sánh bản *Hoa tiên nguyên tác* của Nguyễn Huy Tự và bản *Hoa tiên nhuận chính* của Nguyễn Thiện chúng ta nhận thấy có những sửa đổi như sau:

1. Sửa đổi những chữ quá nôm na, mộc mạc bằng những chữ văn hoa bóng bẩy hơn:

*Khói om mấy đỉnh khe rinh,
Chợt nghe truyền gọi Diêu sinh lên nhà.* (c. 61 - 62)

*Khói om mấy đỉnh hương nghe
Chợt nghe truyền gọi Diêu về tiền nha* (c. 59 - 60)

.....
*Vừa cơn mây bợn nguyệt lò,
Lẻn kẻ trông dưới đèn hoa tỏ tường* (c. 89 - 90)

*Vừa cơn mây vờn trăng lò,
Mảnh tình gửi nét thu ba đưa vào.* (c. 87 - 88)

.....
Thú riêng xó xĩnh điền thôn (c. 175)
Gọi là thủng thỉnh điền thôn (c. 173)

.....
Bấm dầm đôi tám xuân nay chưa nhiều (c. 196)

Tuổi chừng đôi tám xuân nay chưa nhiều	(c. 194)
.....	
<i>Dở dong dàu nữa chẳng dè chút dàu</i>	(c. 634)
Nhẽ thường hẳn chẳng e dè chút ru	(c. 646)
.....	
<i>Chiềng: Sao rày đáng cừu điều chi vay</i>	(c. 664)
Chiềng: Sao rày vẫn có điều chi đây.	(c. 678)
.....	

2. Thay thế những từ cổ không còn thông dụng bằng những từ dễ hiểu hơn:

<i>Thái Cơ lừa lẫn đỡ lời</i>	(c. 115)
Thái Cơ nghe nói đỡ lời	(c. 113)
.....	
<i>Vện no khung dệt bàn thêu</i>	(c. 197)
Viện thơ khung dệt bàn thêu	(c. 195)
.....	
<i>Đệ trình ông xiết không khen</i>	(c. 337)
Đệ trình ông những ban khen	(c. 329)
.....	
<i>Tiện dàu một vách liễn kê,</i>	
<i>Mở lần cửa khém đi về cũng nên.</i>	(c. 401 - 402)
<i>Tiện dàu giáp vách liễn vi,</i>	
<i>Mở lần cửa hãy dàu khi đi về.</i>	(c. 411 - 412)
.....	

3. Sửa lại hẳn câu thơ nếu có chữ cổ khó hiểu hoặc không còn thông dụng:

<i>Vền vang rèm nguyệt song mây</i>	
<i>Nơi chồng sáo sách, nơi bày báu thơ.</i>	(c. 281 - 282)
<i>Một tay nhìn đặt ngắm xoay,</i>	
<i>Nơi chồng sáo sách, nơi bày cuốn thơ.</i>	(c. 279 - 280)
.....	
<i>Công phu nghĩ đã nên là,</i>	
<i>Tôi mời cho có vè va buổi này.</i>	(c. 345 - 346)
<i>Bấy lâu đeo đẳng vì hoa,</i>	
<i>Này hiên Lâm Thúy ắt là dàu đây.</i>	(c. 343 - 344)
<i>Gùn ghè ông đã rắp ranh,</i>	
<i>Nhấp chẳng lại dạm vắn quanh mấy lời.</i>	(c. 393 - 394)
<i>Khéo thay lời nói hữu tình,</i>	
<i>Giường đông rày mới là dành có nơi.</i>	(c. 391 - 392)

4. Sửa lại câu thơ phỏng theo các câu mượn trong Truyện Kiều hoặc đặt thêm ra các chi tiết khác hẳn với nguyên bản mà lại mượn ý các câu Truyện Kiều:

<i>Những là chấp cánh liền cành</i>	(c. 241)
<i>Thần thờ mây sớm đèn khuya</i>	(c. 257)
<i>Đầy thêm vầng vặc gương nga</i>	(c. 337)
<i>Bấy lâu đeo đẳng vì hoa</i>	(c. 343)
<i>Bấy lâu đắp nhớ đổi mong</i>	(c. 445)
<i>Áp cây một mực trần trần</i>	(c. 505)
<i>Cố tình ép liễu nài hoa</i>	(c. 621)
<i>Chút chi gắn bó gọi rằng,</i>	(c. 653)
<i>Cho đành mối gió tin trăng sau này.</i>	(c. 654)
<i>Nghĩ người lại ngắm nghĩa ta</i>	(c. 699)
<i>Tiên thề tay thảo một chương</i>	(c. 779)
<i>Quản bao tuyết đợi sương chờ</i>	(c. 843)
<i>Chưa vui sum họp nữ nào chia phối.</i>	(c. 880)
<i>Tương tri có thể mới là tương tri.</i>	(c. 888)
<i>Ông tơ khéo nhẽ đa đoan</i>	(c. 929)
<i>Mừng xuân đào hãỵ ngậm cười,</i>	(c. 1059)
<i>Vẻ hồng trơ đỏ mặt người nào đâu.</i>	(c. 1060)
<i>Nỗi riêng riêng trạnh đòi nau một mình.</i>	(c. 1138)
<i>Rẽ bèo chân sóng tuyết vời</i>	(c. 1147)
<i>Nào ai ấm lạnh, nào ai ngọt bùi</i>	(c. 1178)
<i>Tưởng người chén nguyệt thề bồi.</i>	(c. 1179)
<i>Nỉ non đêm ngắn tình dài</i>	(c. 1195)
<i>Những là cách mặt khuất lời</i>	(c. 1203)
<i>Dạo quanh núi giả đi vòng,</i>	(c. 1205)
<i>Bên hoa đường có nẻo thông cuối tường.</i>	(c. 1206)
<i>Hài vắn lẩn bước bước sang,</i>	(c. 1207)
<i>Cách tường đã dậy tiếng vàng xa đưa.</i>	(c. 1208)
<i>Tưởng bây giờ là bao giờ,</i>	(c. 1029)
<i>Song song đôi mắt còn ngờ chiêm bao.</i>	(c. 1210)
<i>Tiếc thay sương tuyết cũ càng</i>	(c. 1221)
<i>Vì ai bèo nổi mây chìm bấy lâu</i>	(c. 1250)
<i>Đã đành chiếc bách sóng đào lênh dênh.</i>	(c. 1264)
<i>Êm lời nàng cũng giãn dần</i>	(c. 1323)
<i>Vẻ chi một mảnh hồng quần</i>	(c. 1345)
<i>Cũng liều mà phấn cho rồi ngày xanh.</i>	(c. 1348)
<i>Mấy lời tạc đá ghi vàng</i>	(c. 1357)
<i>Một lời gắn bó vừa xong</i>	(c. 1367)
<i>Phận sao phận mỏng như tờ</i>	(c. 1373)
<i>Biết duyên mình biết phận mình thế thôi.</i>	(c. 1400)

<i>Bèo mây ước chữ tương phùng kiếp sau.</i>	(c. 1410)
<i>Trông vời trời bể mệnh mang,</i>	(c. 1425)
<i>Đem thân băng tuyết gửi hàm giao long.</i>	(c. 1426)
<i>Bất tình chi bấy hóa công,</i>	(c. 1427)
<i>Cho người lấy mảnh má hồng làm chi.</i>	(c. 1428)
<i>Tiệc thay trong giá trắng ngần,</i>	(c. 1441)
<i>Nỡ hoài chi để trôi hoa giạt bèo.</i>	(c. 1442)
<i>Yêu vì nét, trọng vì người.</i>	(c. 1463)
<i>Ngọn cờ ngan ngác, trống canh trể tràng</i>	(c.1500)
<i>Đình chung hầu dễ ăn ngồi được đâu.</i>	(c. 1546)
<i>Nào đà kết cỏ ngậm vành chi đâu.</i>	(c. 1572)
<i>Bâng khoăn thung cỏi huyên gây,</i>	(c. 1591)
<i>Tám nguyên hữu thất đến rày chưa nguôi.</i>	(c. 1592)
<i>Mặc người tựa cửa hôm nay,</i>	(c. 1593)
<i>Cầm lòng vì chúc nghĩa người thế ru.</i>	(c. 1594)
<i>Đủ lễ nạp thái định ngày nghinh hôn.</i>	(c. 1606)
<i>Đầu mày cuối mặt rõ ràng chẳng nhe,</i>	(c. 1646)
<i>Ấy ai lại dám xem ai làm thường.</i>	(c. 1664)
<i>Vì tôi để thiệt đến người,</i>	(c. 1669)
<i>Nghĩ mình mình chẳng ngậm ngùi lăm ru.</i>	(c. 1670)
<i>Khi ăn nói, lúc ra vào</i>	(c. 1677)
<i>Hương bay muôn dặm từ phần</i>	(c. 1707)
<i>Kiếp hoa giục giao rước liền</i>	(c. 1727)

CÁC BẢN HOA TIÊN

Nếu theo thứ tự thời gian, từ 1875 cho đến nay, chúng ta thấy có các bản *Hoa tiên* sau đây đã sưu tầm được:

- 1 *Hoa tiên nhuận chính*. (Bản Nôm)
Tự Đức Ất Hợi Trung thu tân san (1875) Hà Nội Dương Sơn nguyên âm sinh Tú tài thưởng thụ ngũ phẩm Đỗ Hạ Xuyên kiểm. Lễ đương tàng bản.
- 2 *Chuyện Hoa tiên*. Bản in Quốc ngữ đầu tiên do Đặng Trần Tiến phiên âm, đã được Nguyễn Văn Nghi cho đăng vào *Đông Dương tạp chí* (Phần văn chương) năm 1916, từ trang 2853 trở đi.
- 3 *Hoa tiên chuyện*. Bản Quốc ngữ của nhà in Văn Minh, Hải Phòng (in lần thứ hai, 1924).
Bản này theo bản *Hoa tiên nhuận chính* nói trên. Chính trang đầu của bản này đã nêu lên cái nhan “*Hoa tiên nhuận chính*” trước khi in bản truyện.
- 4 *Hoa tiên chuyện*. Bản Quốc ngữ của nhà in Thụy Ký - Hà Nội - 1924.
Bản này in lại bản Đặng Trần Tiến, có phần chú thích và diễn ra văn xuôi kèm theo.
- 5 *Hoa tiên truyện dẫn giải*. Bản in của Nhà xuất bản Tân Dân, Hà Nội - 1930.
Đinh Xuân Hội chú thích và diễn ra văn xuôi. Bản này, trừ vài tiểu tiết, theo bản in của Đặng Trần Tiến.
- 6 *Hoa tiên ký diễn âm*. Bản Quốc ngữ in trong Tập kỷ yếu hội Trí tri (Bulletin de la Société d'Enseignement mutuel), số 3 - 4 từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1996, trang 301 - 365. Bản này, theo lời phát đoạn (Le Hoa tiên de Nguyễn Huy Tự) là do một bản chữ Nôm chép tay (khổ 15,5 x 27cm, 61 tờ trừ tờ mặt) của Thư viện trường Bác cổ (số hiệu: AB 269) mà Nguyễn Văn Tố đã phiên âm ra Quốc ngữ, dưới có chưa rõ những chỗ chép khác của hệ bản Đỗ Hạ Xuyên và Đặng Trần Tiến. (Bản Nôm này nay đã bị mất).
- 7 *Truyện Hoa tiên*. Bản in của Nhà xuất bản Tân Việt - Sài Gòn, 1950.
Vân Bình Tôn Thất Lương chú thích và diễn ra văn xuôi.
Theo phạm lệ thì “*Những chữ nào trước sai ở các bản cũ khác mà nay*

cần phải đính chính hay là biện ngoa lại, thì có kể rõ cái nguyên do rõ ràng và trình bày hình dạng của chữ sai ấy”.

- 8 *Truyện Hoa tiên*. Bản in của Nhà xuất bản Ngày mai - Hà Nội - 1952.
- 9 *Truyện Hoa tiên*. Bản in của Nhà xuất bản Phổ thông - Hà Nội - 1958.
- 10 *Truyện Hoa tiên*. Bản in của Nhà xuất bản Văn hóa - Viện Văn học - Hà Nội - 1961. Lại Ngọc Cang khảo thích và giới thiệu. Quyển này lấy bản *Hoa tiên ký* do Nguyễn Văn Tố phiên âm làm bản chính nên có điều không ổn vì bản này đã qua sự sửa chữa của Vũ Đái Vấn. (Bản nhuận sắc của Vũ Đái Vấn không nên coi là bản chính của *Hoa tiên ký*). Quyển này có in thêm bản *Hoa tiên nguyên tác* của Nguyễn Huy Tự do Đoàn Thăng và Đào Duy Anh phiên âm.
- 11 *Truyện Hoa tiên*. Bản in của Nhà xuất bản Văn học - Hà Nội - 1978. Đào Duy Anh khảo đính, chú thích và giới thiệu.

Quyển này lấy bản *Hoa tiên nhuận chính* của Nguyễn Thiện làm bản chính và có chép bản *Hoa tiên nguyên tác* của Nguyễn Huy Tự trong phần *Phụ lục*.

Theo Đào Duy Anh đã viết trong *Lời đầu sách* thì: “Bản ấy trước đây chúng tôi (ĐDA) đã cùng với cụ Đoàn Thăng là cán bộ phiên dịch của Trường Đại học Tổng hợp phiên âm lần đầu tiên, song bản phiên âm ấy... còn có một số khuyết điểm, nay chúng tôi đã phiên âm lại cẩn thận hơn”.

■

* *

Ngoài các bản *Hoa tiên* kể trên, cũng cần nói qua về quyển *Truyện Hoa tiên* do Dương Quảng Hàm phiên âm và chú thích, đăng trong *Giáo dục tân san* (bậc Trung học, các số 5, 6, 7 tháng 3, 4 và 5 năm 1946) nhưng chỉ mới được đến câu 376 hồi XII.

Theo Dương Quảng Hàm thì bản *Hoa tiên* này là một bản Nôm chép tay (khổ 15,5 x 27cm, 61 tờ trừ tờ mặt). Trên tờ mặt, giữa đề bốn chữ “*Hoa tiên quốc ngữ*”, bên phải đề thành hai dòng: “La Sơn, Lai Thạch Nguyễn Huy Tự soạn. Tiên Điền Nguyễn Thiện nhuận sắc; bên trái cũng đề thành hai dòng: “Đường Giang Vũ Đái Vấn mặc bình - Phú Thị Cao Chu Thần chu bình”... Sau cái nhan đề là “*Đệ bát tài tử Hoa tiên ký*”.

Bản này có bài *Tựa* chữ Hán và Vũ Đái Vấn viết vào năm Minh Mệnh thứ 10 (1829) và bài *Tựa* chữ Hán của Cao Chu Thần (Cao Bá Quát) viết vào năm Thiệu Trị thứ ba (1843). Ở trang cuối cùng có đề: “Khải Định tam niên bát nguyệt nhị thập ngũ nhật kính sao”. (Kính sao ngày 25 tháng 8 năm Khải Định thứ 3, tức 29-9-1918).

*

* *

Theo các bản *Hoa tiên* đã sưu tầm được như kể trên, chúng tôi tạm lựa ra những bản có giá trị hơn cả để nhận định thêm:

1. *Hoa tiên nguyên tác* của Nguyễn Huy Tự.

Đào Duy Anh trong lời đầu sách *Truyện Hoa tiên* đã cho rằng “Bản này *không phải là nguyên bản của Nguyễn Huy Tự* mà là bản do con cháu chép lại ở một bản xưa đã mục nát”.

Điều này cũng là một lý do khiến ta có thể nghi ngờ rằng người sao chép đã sửa chữa lại đôi chỗ, phỏng theo “*Truyện Kiều*” của Nguyễn Du.

Theo thiển ý của chúng tôi thì bản *Hoa tiên* nguyên tác của Nguyễn Huy Tự nếu có những từ cổ, nếu còn có những chữ thô quê, chưa được văn hoa bóng bẩy thì nó vẫn có giá trị riêng đối với thời đại của nó.

Các nhà nhuận sắc như Nguyễn Thiện, Vũ Đái Vấn, Cao Bá Quát đã sửa lại cho văn hoa hơn, cho bóng bẩy hơn nhưng đã vô tình làm cho tác phẩm trở nên vá vúi, không được thuần nhất nữa.

Chúng tôi vì chủ trương tôn trọng nguyên văn nên đã đưa bản *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự vào phần chính của sách này.

2. *Hoa tiên nhuận sắc*. (Bản Nôm)

Bản này đã được khắc in năm Ất Hợi, Tự Đức thứ 28 (1875), do Nguyễn Thiện nhuận chính và do Đỗ Hạ Xuyên kiểm lại.

Toàn bản dài 1766 câu, viết theo thể lục bát không có những câu thơ thất ngôn như ở bản *Hoa tiên ký*.

Bản Nôm này đã được nhà in Văn Minh cho phiên âm sang Quốc ngữ. Nguyễn Văn Tố trong *Hoa tiên ký diễn âm* đã làm đối chiếu và có ghi chú trong phần khảo dị. (Bản Nôm này chúng tôi có cho in lại toàn văn từ trang 329 đến trang 412).

3. *Hoa tiên ký diễn âm*.

Bản này do Nguyễn Văn Tố phiên âm ra từ một bản Nôm của Trường Bác cổ (nay đã không giữ được). Bản này chắc đã được Vũ Đái Vấn nhuận sắc. (Chúng tôi có cho in lại toàn văn từ tr.433 đến trang 522).

Toàn bản dài 1850 câu (gồm 1842 câu lục bát và 8 câu thơ thất ngôn chữ Hán). Nếu kể cả 8 câu thơ diễn Nôm (lấy từ bản Đặng Trần Tiến) thì toàn bản dài tới 1858 câu.

Sở dĩ số câu tăng lên như vậy là vì có nhiều đoạn được Vũ Đái Vấn (?) viết thêm ra khi nhuận sắc như một vài đoạn thí dụ sau đây:

HOA TIÊN KÝ DIỄN ÂM

Đồng say, khách lạ, canh dài,
Một trắng, một bóng, một người hóa
ba.

Ưu chân theo thú lân la,
Ngậm trắng nửa nóc, phun hoa bốn hè
(c.61 - 64)

Đầu dương đòi đoạn tơ vương,
Tiếng chim bẻ lẻo gọi sang lảng
giếng.

Hương đầu quên gió trước đình,
Vùng chiêm soi thấu nguyên tình
cho không?

Tiên thi trên vách song song,
Nhìn chơi nàng đã ghi lòng bốn câu.
(c.375 - 380)

Dập dìu cầm sắt xướng hòa,
Phu nhân đã giục tin ra rước chàng.
Tướng công dẫn sự dọc đường,
Gặp Lưu cao nghĩa, được nàng tốt
đôi.

Việc mừng thêm nỗi lòng vui,
Thiếp canh đã vội sai môi đệ trình.
(c.875 - 880)

Ông tơ sao nhẽ đa đoan,
Ba sinh luống đợi Ngọc Hoàn còn lâu.
Khuôn xanh kia mới hiểm sâu,
Đã lừa nhau lại tỏ nhau nữa mà.
Oanh vàng thắm thoát thoi qua,
Phủ Dương sinh nhật một nhà vầy
vui.

Chàng Diêu đệ lễ sang chơi,
Rượu đua cuộc thánh, thơ bồi câu tiên.
Khí vui trạnh nhớ bạn hiền,
Thấy Diêu hầu dễ nên quên sự chàng.
Rằng: "Từ bẻ liễu lên đường,
Gửi mai sao hãy trễ tràng đến nay".
(c.955 - 966)

HOA TIÊN NHUẬN SẮC

Đồng say khách lạ lân la,
Ngậm trắng nửa chái, phun hoa bốn hè.
(c.61 - 62)

Trời mai dợn ráng tuôn vàng,
Gió đầu sớm đã quyến hương trước
đình.

Dấu tiên trên vách rành rành,
Nhìn chơi nàng đã lóng tình bốn câu.
(c.357 - 360)

Dập dìu cầm sắt xoang hòa,
Phong thư đã giục tin xa rước mời.
Nhà huyền thêm nỗi lòng vui,
Người băng đưa thiếp đã sai đệ trình.
(c.853 - 856)

Ông tơ khéo khéo đa đoan,
Ba sinh luống đợi Ngọc Hoàn còn xa.
Oanh vàng thắm thoát thoi qua,
Đỉnh thung mấy quả tuyết đà trắng
ngân.

Các Dương vừa tiệc dẫn thần,
Tình trong quyến cảm qua mừng trước
sanh.

Thấy Diêu ông mới hỏi sinh,
Về quê sao bằng phong thanh tận rày.
(c.929 - 936)

Tỉnh dần mới vực về sương,
Giấc buồn chưa vợ, mạch tương đã
đầy.

Nỗi chàng kể đã chua cay,
Nỗi nàng nào biết đến rầy những
sao.

Một mình một ngọn đèn hao,
Đám mây bên ải, chiêm bao cho
liên
(c.1105 - 1110)

Tỉnh ra về tới trú phòng,
Giấc buồn chưa già, mạch tương lại
đầy.

Nàng từ trú ngụ bấy nay,
Duênh Hàn lần ngắm, đoá mây điểm
nghìn.
(c.1069 - 1072)

Đòi vui uất ức một mình,
Bóng dương được giải tặc thành từ
đây.

Chợt nghe thêm tức niềm tây,
Giở nhời nàng đã kể ngay mọi nhời.
Rằng: “Vâng mừng trộm cho người,
Đã duyên đảm thắm, lại vời giàu
sang”.
(c.1251 - 1256)

Biết đâu hương lửa ba sinh,
Còn trăng, còn gió, còn dành duyên ta.

Dịp đàn đã lỡ lại hòa,
Mới là tơ vắn, mới là nguyệt xoay.
Nàng nghe giọt tủi thêm đầy,
Cạn lời rồi lại giã bày tóc tơ.

Tài lang nào phải như xưa,
Mình sang, duyên thắm thừa ưa mọi
đường.
(c.1213 - 1220)

Một cơn gió giạt mưa bào,
Nhẽ này người quyết, dạ nào đành
ninh.

Bụi Hồ quét sạch sành sanh,
Ôn trên sau nữa nghĩa mình trả xuôi.

Hắn dù nhảm nhỡ lúa đôi,
Chén thể để chút đèn bồi cũng xong.
Hoạ khi trời lại xuống lòng,
Một chuông vàng, một chỉ hồng
cũng hay!

Bọc da dù đến thân này,
Cũng đành tỏ chút tình ngay với
người.

Sinh nghe lòng thắm như bào,
Nhẽ trời đã quyết dạ nào đành ninh

Bụi Hồ một trận quét thanh,
Công nên may được duyên lành cũng
nên.

Càng xui cảm kích cần quyền,
Ngành than ngọn thỏ nhường quên
bóng đời
(c.1269 - 1274)

Kiếp này đã nhỡ nhàng rồi,
Ra chi mà có tiếc đời nữa chi.
Thôi thời thôi có nghĩ gì,
Thiệt mình mà trả được nghĩ cũng
nên.

Tứ sinh quyết một mảnh nguyên,
Cành than, ngọn thỏ hầu quên bóng
trời.

(c.1305 - 1320)

Vắng nghe chẳng một nỗi nằng,
Dặm nghìn lại nỗi dài Lương ở nhà.
Tin mai mừng đã truyền ba
Lại nghe thỉnh thảo Lương đà hành
biên.

Chợt đâu lời gió xa truyền,
Dạ buồn chói rỡ, nét phiền rơi sương

Tang hồ thiệt phận mà thương,
Đông tây vãng mệnh, phận thường
nghĩ nao.

Đội ơn đất rộng trời cao,
Phải đem tính mệnh liều vào giang
sơn.

Nát thân danh vẫn chưa sờn,
Thôi thời ngọc lở còn hơn ngổa
toàn.

Phận con mà thế cũng nên,
Nhẹ thân một thác, nỗi nguyên ba
sinh.

Tám thân chán lợi triềng danh,
Trăm năm còn nghĩ thường tình
nữa sao?

Xót vì muôn kiếp tôn giao,
Lửa hương biết gửi chôn nào cho yên?
Vả là duyên chửa tròn duyên,
Chửa chung sang trọng, đã riêng
đeo sầu.

Dở dang xót nỗi mai sau,
Càng phiền anh chị, càng rầu dâu con.
Thôi thôi nói mãi cũng chồn,
Đã đành cái phận cánh chuồn thời thôi.

Nghe tin chẳng xiết nỗi nằng,
Dặm xa lại nỗi dài Lương ở nhà.
Những mừng dịch tiếp từng ba,
Vừa nghe trần thỉnh xe đà hành biên.

Lại nghe những sự ngoa truyền,
Xót lòng luống những xây phiền đắp
thương.

Thực hư ai biện cho tường,
Lễ chiêu tuần diễn, lệ thường thiếu
đâu.

Cuộc đời chửa đến bể dâu,
Bỗng dưng mua náo chác sâu mà chơi.

Tiếng oan dậy đất lở trời,
Tin đưa Lưu cũng xa xôi mà chùng.
(c.1325 - 1336)

Cũng là theo thói người đời,
Lại xe buộc cỏ mà vùi nắm hoa.
Sầu chung chẳng những một nhà,
Hỡi ơi Lưu cũng nẻo xa mơ màng!
(c.1371 - 1398)

U minh đôi ngã khơi chừng,
Một niềm vàng đá, biết rằng thấu
không.
Kiếp này đã lỏng dải đồng,
Mảnh duyên gắn bó còn hồng kiếp
sau.
Nỗi riêng càng nghĩ càng đau,
Càng hờn non nước, càng rầu gió
trắng.
Một mình mình lại ngập ngừng.
Ngọc xuôi đồ sấm, hương lừng mã
thay.
(c.1469 - 1476)

U minh đôi ngã khơi chừng,
Một niềm sắt đá thấu chẳng hồi tình.
Gọi là một chút bổ kinh,
Nợ lòng phải trả đến mình mới xong.
Duyên tơ đã kết dải đồng,
Bèo mây ước chữ tương phùng kiếp
sau.
Nỗi riêng càng nghĩ càng đau,
Tắm riêng thôi cũng mặc dầu gió
trắng.
Nghĩ đi nghĩ lại ngập ngừng.
Ngọc sôi hạt tắm hương lừng mớ xây.
(c.1405 - 1414)

Mối sầu đòi đoan như tơ,
Nguồn cơn nghĩ lại sau xưa tại mình:
“Quá thương chút phận lênh đênh,
Nghìn thu để chịu bạc tình với con.
May duyên nghĩ đã vừa khuôn,
Toan nài chỉ thắm, cho tròn tuổi
xanh.
Ai hay xem nghĩa hơn mình,
Nổi nênh bèo bọt, tan tành cái kim.
Đã đành mặt nước nổi chìm,
Biết đây tắm cá bóng chim bây giờ?”
Nàng đành được chốn nương nhờ,
Khéo ai rắp lối ngăn bờ với ai.
Bến mê ngán ngấm sự đời,
Cái vòng con tạo, nực cười lẳng lơ.
Người còn hai mặt sờ sờ,
Bên bờ làng nước, bên mơ tuổi
vàng.
Điệu dâu trắng nước hoa gương,
Làm chi ngọc đá mơ màng thế thôi.

Nàng đành được chốn nương nhờ,
Khéo là khóc vẫn thương vợ nực cười.
Tiếc thay ngán ngấm cho đời,
Cái vòng con tạo khéo chơi lững lơ.
Người còn đôi mặt trơ trơ,
Bên mê thủy quốc, bên bờ vân
hương.
Vàng thau ngọc đá mơ màng,
Để cho ố thắm phai vàng là đây.
(c.1477 - 1484)

(c.1539 - 1556)

Tân bằng yên ấm vừa xong,
Thung dung Lưu mới vào trong ngõ
bày :

“Từ xưa biết lỗi đã đầy,
Tám lòng ngậm hổ từ rầy về sau.

Vị Dương một tấm tình sâu,
Sang mừng gọi tả chút sầu bấy nay.
Hạt châu chót đã sấy tay,
Tự mình trăm nỗi chẳng hay đã
đành”.

Cúi đầu nàng mới rén trình:
“Rủi may âu cũng phận mình xui ra.
Móc mưa sấm sét cũng là,
Cao sâu đâu nữa mà qua vòng trời.
Vả trong đại dạ hèn đời,
Trắng trong đã vậy, ngọt bùi làm
sao?

Bổng đâu rồng trúc sóng đào,
Chia ra đã hẳn, ép vào khéo xinh.
Vẹn tròn bên nghĩa bên tình,
Khuôn duyên kia đã chiều mình là
may.

Tam công chẳng đổi một ngày,
Chuyện xưa còn để đến rày sao nên?”
Giúp lời sinh cũng mở khuyên,
Thuận hòa từ đây cùng in một lòng.
Đòi phen cười thắm cột hồng,
Ngọc lung lay động, hương nồng nã
rơi.

Xuân quang cả bốn mùa trời,
Gió đưa trắng rước, hoa mời tuyết
khuyên.

(c.1805 - 1830)

Đòi phen cột thắm cười hồng,
Ngọc lung lay động, hương nồng nã rơi.

Phong quang cả bốn mùa trời,
Gió đưa hương rước, trăng mời tuyết
khuyên.

(c.1733 - 1736)

Căn cứ vào những đoạn trích dẫn ở trên, chúng ta nhận thấy Vũ Đái Vấn cũng không để ý đến *ca bản* của Trung Quốc mà cứ tùy theo sự suy nghĩ riêng của mình để nhuận sắc.

4. Bản quốc ngữ Đặng Trần Tiến

Nếu so sánh bản này với bản *Hoa tiên nhuận chính* và bản *Hoa tiên ký diễn âm* chúng tôi nhận thấy có thể khi san định Đặng Trần Tiến đã theo cả hai bản Nôm rồi chêm chước điều hòa nên có những câu lấy ở bản nọ lại có những câu lấy ở bản kia, không nhất định theo một bản nào cả.

Thí dụ như đoạn sau đây :

*Dập dìu cầm sắt xướng hòa,
Phu nhân đã giục tin ra rước chàng.
Tướng công dẫn sự dọc đường,
Gặp Lưu cao nghĩa, được nàng tốt đôi.*

} bản Hoa tiên
ký diễn âm

*Nhà huyền thêm nổi lòng vui,
Người băng đưa thiệp đã sai đệ trình*

} bản nhuận chính

hoặc đoạn:

*Tỉnh ra về tới trú phòng,
Giấc buồn chưa già mặt tương lại đây.*

} bản nhuận chính

*Nổi chàng kể đã chưa cay,
Nổi nàng nào biết đến rầy những sao
Một mình một ngọn đèn hao,
Đám mây bên ải chiêm bao cho liền.*

} bản Hoa tiên
ký diễn âm

Bản này có 1830 câu (1814 lục bát, 8 câu thơ chữ và 8 câu thơ diễn Nôm). Nếu so với bản *Hoa tiên ký diễn âm* thì thiếu hẳn một đoạn 28 câu (từ câu 1365 đến câu 1392).

*

* *

Qua các nhận định kể trên chúng tôi cho rằng chỉ có hai bản đáng được lựa chọn để khảo đính, đó là bản nguyên tác của Nguyễn Huy Tự và bản nhuận sắc của Nguyễn Thiện.

TRUYỆN HOA TIÊN

(Nguyên tác của Nguyễn Huy Tự)

I. HOA TIÊN ĐẠI Ý

(Đại ý Hoa tiên)

5 Nương lơn¹ nhẹ hóng mát chiều,
 Vàng pha gió quế² trắng dàu hương sen.³
 Gác rèm câu nguyệt⁴ xiên xiên,
 Này hôm ả Chức chàng Ngưu⁵ họp vầy.⁶
 Hẹn lành⁷ năm một đêm nay,
 Trên kia còn vậy dưới này khiến sao!
 Từng nghe trăng gió duyên nào,
 Bể sâu là nghĩa non cao là tình.
 Hẹn truyền ai kẻ biết danh,

1. *Nương lơn* : (*lơn*: do chữ lan đọc chạnh ra tức lan can) đứng tựa bao lơn ngoài hiên.

2. *Gió quế*: gió thu. Sở dĩ gọi *gió thu* là *gió quế* vì vào quãng tháng tám cây quế thường nở hoa. *Gió thu* còn gọi là *gió vàng* (kim phong) vì, theo ngũ hành, *kim* thuộc về mùa thu.

3. *Trắng dàu hương sen*: đối chiếu với ngũ sắc thì mùa thu thuộc sắc trắng.

4. *Câu nguyệt*: trăng hình lưỡi liềm (như cái móc câu). *Mông một lưỡi trai, mông hai lưỡi liềm, mông ba câu liềm* (hình mặt trăng mọc về những đêm đầu tháng).

5. *Ả Chức chàng Ngưu*: Chức nữ và Ngưu lang (*chức*: dệt, *nữ*: con gái; *ngưu*: con trâu, *lang*: chàng con trai).

6. *Họp vầy*: gặp nhau, sum họp.

Tục truyền cháu gái của Trời là Chức nữ chuyên lo việc dệt vải, may vá, Trời thương mới gả cho Ngưu lang. Nhưng từ khi lấy chồng, Chức nữ trở nên lưỡi biếng, bỏ cả việc canh cửi, Trời giận mới đày mỗi người ở một ngả bên sông Ngân Hà và chỉ cho mỗi năm gặp nhau một lần vào đêm mông bảy tháng bảy (thất tịch). Khi gặp nhau hai vợ chồng ôm nhau than khóc, nước mắt chảy xuống cả hạ giới. (Vì hôm ấy hay có mưa nên gọi là mưa ngâu, *ngâu* do chữ *ngưu* đọc chạnh ra).

7. *Hẹn lành*: do chữ *giai kỳ*, ngày tốt, thường chỉ ngày kết hôn. Đây nói đến ngày Ngưu lang và Chức nữ gặp nhau, mỗi năm vào đêm *thất tịch*.

10 Nói vay mượn tiếng chấp chành ¹ để gương.
 Rằng Tô Châu ² dải Ngô Giang, ³
 Trâm thân ⁴ có đáng họ Lương truyền nhà.
Ba,
 Sang yêu ⁵ sớm đã dự tòa Bình chương. ⁶
 15 Gió thanh hây hây gác vàng, ⁷
 Thanh thời chèo Phó ⁸ nhẹ nhàng gánh Y. ⁹
 Giúp trong Diêu thị khốn nghi, ¹⁰
 Diêm nhà sớm ứng lân nhi ¹¹ một chàng.
 Húy Phương Châu tự Diệc Thương,
 20 Phong nghi ¹² khác giá từ chương ¹³ tốt loài. ¹⁴
 Gấm hoa ¹⁵ tài mao ¹⁶ gồm hai,
 Đua tay nhảy phượng ¹⁷ sánh vai cỡi kình. ¹⁸

1. *Chấp chành*: chấp chảnh, nhặt nhạnh hoặc chữ hoặc lời mà nối chấp vào với nhau.

2. *Tô Châu*: tên phủ thuộc tỉnh Giang Tô.

3. *Ngô Giang*: tên con sông chảy qua Ngô huyện.

4. *Trâm thân*: trâm anh và tấn thân. (*Trâm*: trâm gài đầu, *anh*: dải mũ; *tấn*: lụa sắc đỏ, *thân*: cái dải to) chỉ người quyền quý, có học thức và danh vị cao.

5. *Sang yêu*: do chữ *quý sủng*, ở địa vị cao sang quý trọng mà được vua yêu vì.

6. *Tòa Bình chương*: cơ quan cao nhất trong triều đình Trung Quốc đời nhà Minh.

7. *Gió thanh ... gác vàng*: (*thanh phong*: gió mát – ý nói tiếng thơm; *gác vàng*: do chữ *hoàng các*, dinh thự của Tể tướng, vì tránh sắc đỏ của nhà vua nên dùng sắc vàng). Điển: Đời Đường có hai vị Tể tướng là Phòng Huyền Linh và Đỗ Như Hối làm việc giúp ích cho đời nên có câu thơ ca ngợi rằng: “*Hoàng các tam thập niên, Thanh phong thiên vạn cổ*”. (Làm quan ba mươi năm, tiếng thơm ngàn năm còn để lại).

8. *Chèo Phó*: (*Phó*: Phó Duyệt là công thần của vua Cao Tông nhà Ân ở Trung Quốc xưa) do lời vua Cao Tông bảo Phó Duyệt rằng: “*Nhược tể cự xuyên, dụng như tác chu tiếp*” (Nếu muốn qua sông lớn, phải dùng người làm mái chèo).

9. *Gánh Y*: (Y: Y Doãn là công thần của vua Thành Thang nhà Thương ở Trung Quốc xưa). Vua Thương nghe tiếng Y Doãn cày ruộng ở Hữu Sần là người hiền, đến với ba lần mới được ông ra gánh vác việc nước. Y Doãn có công đánh vua Kiệt nhà Hạ.

10. *Khốn nghi*: (*khốn*: cửa buồng, *nghi*: khuôn mẫu) khuôn phép mẫu mực đối với người đàn bà ở trong khuê phòng.

11. *Lân nhi*: (*nhi*: con) con lân. Người ta dùng chữ *lân nhi* để chỉ con cháu nhà quý phái.

12. *Phong nghi*: dáng dấp hình' dung của người hiền.

13. *Từ chương*: các thứ văn hay ý đẹp như thi, phú, từ, khúc.

14. *Tốt loài*: giỏi tốt bậc, hơn hẳn mọi người.

15. *Gấm hoa*: chỉ sự đẹp đẽ như gấm như hoa.

16. *Tài mao*: người vừa có tài vừa có dáng vẻ đẹp đẽ.

17. *Nhảy phượng*: nhảy lên lưng chim phượng mà bay cao.

18. *Cỡi kình*: cỡi lên lưng cá kình mà vượt biển rộng.

Cả câu ý nói mặc sức phô tài, khoe sức cho mọi người biết mình lỗi lạc.

Gia quan ¹ đã dạo cung huỳnh, ²
Thú nhà hầu hạ huyên đình ³ bấy lâu.

II. BÀI MẪU ĐĂNG TRÌNH

(Lạy mẹ lên đường)

25 Song hồ ⁴ nấn ná thôn dâu, ⁵
Thẻ rồng ⁶ xuân điểm ngày thâu chìm chìm.
Lối thơm khi nhẹ gót tìm,
Mùi hoa như rước tiếng chim ngõ chào.
Dợn đào ⁷ mảnh mảnh bông đào,
30 Mặt xuân ưu ngấm khác nào hoa xuân.

1. *Gia quan*: (gia: thêm, quan: mũ) lễ đội mũ của người con trai khi đến tuổi trưởng thành (theo tục lệ xưa ở Trung Quốc).

2. *Cung huỳnh*: do chữ *huỳnh vũ*. Thời nhà Hán, ở Kinh đô có dựng tòa nhà gọi là *huỳnh vũ* để cho các sĩ tử từ các địa phương về học. Vậy cung huỳnh chỉ trường học của các nho sinh.

3. *Huyên đình*: (*huyên*: cỏ huyên, rau huyên, *đình*: sân; thường viết là *huyên đường*. Ở đây đổi *đường* ra *đình* cho hợp vần).

Người ta thường giảng *huyên đường* theo chữ lấy trong *Kinh Thi*: “Yên đắc huyên thảo, ngôn thụ chi bối”. (Làm sao có được cây quên sầu, trồng ở ngôi nhà phía Bắc). Chữ 援 (*huyên*) nguyên nghĩa là quên, dùng với chữ *thảo* mới có nghĩa là cây quên sầu. Về sau người ta lại viết chữ 萱 (*huyên*) để chỉ cỏ huyên, cũng gọi là *vong ưu thảo*. Vì tin cỏ huyên có công dụng giải được mọi nỗi lo âu nên người ta mới trồng cỏ ấy ở chái phía bắc, chỗ người mẹ ở để mong cho người mẹ quên được mọi nỗi phiền ưu.

Lại theo tục xưa ở Trung Quốc, mỗi khi có tế lễ, bà chủ nhà thường đứng ở thêm phía bắc nên người mẹ được gọi là *huyên đường*.

Thơ Diệp Mộng Đắc (đời Đường) có câu:

Bạch phát huyên đường thượng,
Hài nhi cánh cộng thù.

(Trên có huyên đường tóc bạc, hài nhi còn thiết cùng ai).

4. *Song hồ*: cửa sổ có dán giấy (bằng hồ) nên gọi là song hồ.

5. *Thôn dâu*: chỗ quê hương, xưa thường trồng dâu.

6. *Thẻ rồng*: người Trung Quốc xưa làm một cái bình bằng đồng hình con rồng hoặc chạm hình con rồng trong đựng nước và có một cái thẻ khắc độ để đo mực nước. Nước trong bình theo lỗ rỉ cạn dần và người ta căn cứ vào mực nước để tính giờ và gọi cái bình bằng đồng chứa nước ấy là đồng hồ.

7. *Dợn đào*: (đào: sóng) dợn sóng.

Hẹn phong lưu¹ để nợ nần,
 Nửa song² âu thẹn vũng tần đôi uyên.³
 Rộng chân thử bước khơi miền,
 Dẩy dun⁴ khi được như nguyên biết đâu.
 35 Gởi qua⁵ xẩm năm⁶ dưới lầu,
 Xin sang chơi học Tràng Châu⁷ quán ngoài.⁸
 Dạy: Cho hồ thi⁹ chí trai,
 Tìm thầy hỏi bạn chi hoài bỗng dưng.
 Vả từ quê Vị¹⁰ khơi chừng,¹¹
 40 Rầy sinh nhật mợ sang mừng cũng hay.
 Sẵn nơi trú ngụ đây tày,
 Tiện tra bạ trưởng¹² bấy nay cho tường.
 Rồi thì rèn cặp văn chương,
 Cách nào rạng dấu thư hương¹³ mặc lòng.

1. *Phong lưu*: (*phong*: gió, *lưu*: nước chảy) cái thói giao du của người ta như ngọn gió chỗ này bay đến chỗ khác, như dòng nước nơi nọ chảy đến nơi kia. Cũng chỉ đáng dấp và thái độ tao nhã của con người lịch sự. Ngày nay thường gọi người hay chơi bởi đàn điếm là *phong lưu*.

2. *Nửa song*: ý nói chưa có bạn lứa đôi để cùng ngồi bên cửa sổ tâm sự với nhau.

3. *Vũng tần đôi uyên*: tả cảnh đôi chim uyên ương đang cùng nhau bơi trong vũng nước trồng rau tần.

Cả câu ý nói Phương Châu lấy làm thẹn vì chưa tìm được người bạn trăm năm.

4. *Dẩy dun*: cũng như *dun dũi*, tình cờ đưa đến mà nên duyên vợ chồng.

5. *Gởi qua*: thừa qua.

6. *Xẩm năm*: cũng nói *xẩm rằm*, là sẩm sửa, khiến làm việc gì. (H.T.C).

7. *Tràng Châu*: huyện Tràng Châu do nhà Đường đặt ra, sau là phủ Tô Châu, tỉnh Giang Tô.

8. *Quán ngoài*: quê ngoài.

9. *Hồ thi*: (*hồ*: cung, *thi*: tên) do bốn chữ *tang hồ bổng thi* là cái cung bằng gỗ dâu, cái tên bằng cỏ bông. Tục xưa bên Trung quốc, khi sinh con trai thì dùng cái cung gỗ dâu, tên bằng cỏ bông bắn ra bốn phương và lên trời xuống đất để mong cho đứa bé sau này lớn lên có chí khí tung hoành (lập được sự nghiệp hiển hách).

10. *Quê Vị*: tên đất tức Vị Dương. *Kinh Thi* có chép lời của Tấn Khang Công đưa cậu là Tấn Văn Công về nước: "*Ngã tống cữu thi, chi vu Vị Dương*" = Ta đưa cậu ta đến đất Vị Dương.

Quê Vị: theo nghĩa bóng là quê cậu.

11. *Khơi chừng*: xa xôi cách trở, xa vời.

12. *Bạ trưởng*: (*bạ*: cũng đọc là bộ, sổ sách; *Trưởng*: sổ sách) đây chỉ quyển gia phả.

13. *Thư hương*: hương thơm của sách, ý nói tiếng thơm của gia đình có con cháu nổi được nghiệp nho của cha ông.

III. ĐIỀU PHỦ CHÚC THỌ

(Chúc thọ ở phủ Diêu)

- 45 Lĩnh lời quấy gánh giục đồng,¹
Thuyền lan² một lá thuận dòng thênh thênh.
 Dợn duyên³ sơ diễn mặt duênh,
Đầu doi⁴ chằm lộ⁵ cuối ghềnh vọc âu.⁶
 Ca chèo mây lọt tiếng dàu:
50 Ngược trông đã tới Tràng châu ghé thuyền.
 Nhà xuân⁷ vừa trước thọ diên,⁸
Chén pha giếng cúc⁹ bàn chen núi đào.¹⁰
 Lay bày mừng rỡ khen lao,
Lại truyền công tử chàng Diêu rước mừng.
55 Hàn huyên¹¹ cùng giải láng láng,¹²
Mới hay Diêu cứu chuyển thăng Đô đường.
 Bóng nghiêng¹³ dõ chén tàng tàng,¹⁴
Tiệc thôi Diêu mới đưa sang trú phòng.¹⁵

1. *Giục đồng*: giục tiểu đồng, đưa trẻ theo hầu.

2. *Thuyền lan*: thuyền làm bằng gỗ mộc lan, thứ gỗ vừa cứng vừa bền. (*Thuyền lan* và *chèo lan*: lan chu, lan tương).

3. *Dợn duyên*: (*quyên*: dòng nước) dợn sóng.

4. *Đầu doi*: (*doi*: cồn cát) đầu cồn cát.

5. *Chằm lộ*: (*chằm*: đầm, hồ; *lộ*: cò) chỗ cò ở, đầm cò ở.

6. *Vọc âu*: chim âu (một loài chim nước) vọc nước (đắm nước, đùa giỡn dưới nước).

7. *Nhà xuân*: nhà vui vẻ, đang có việc vui.

8. *Thọ diên*: (*diên*: tiệc) tiệc mừng thọ.

9. *Giếng cúc*: do chữ *cúc tỉnh*. Theo sách Phong tục thông thì ở huyện Ly đất Nam Dương (nay thuộc tỉnh Hà Nam - Trung Quốc) có thứ cúc to mọc trên núi, nước khe núi thấm quanh rồi chảy xuống vùng dân ở gần đấy. Người ta lấy nước suối ấy uống, sống rất lâu.

10. *Núi đào*: theo sách Liệt tiên truyện, ở huyện Nga My, tỉnh Tứ Xuyên có núi My Sơn, trên núi có lắm cây đào, ăn quả đào ấy được thọ và thành tiên. Cả câu tả cảnh dâng rượu và mâm quả để mừng thọ.

11. *Hàn huyên*: (*hàn*: lạnh, *huyên*: ấm) Lúc gặp nhau thường hỏi thăm sức khỏe xem có bị ảnh hưởng thời tiết nóng lạnh không? Nghĩa bóng là trò chuyện, tâm sự với nhau một cách thân mật.

12. *Láng láng*: ý nói vui sướng trong lòng cảm thấy nhẹ nhàng, không có lo nghĩ gì.

13. *Bóng nghiêng*: nói đã xế chiều, ánh mặt trời đã chiếu nghiêng xuống đất.

14. *Tàng tàng*: ý nói đã ngà ngà say.

15. *Trú phòng*: phòng dành riêng cho ở trong lúc tạm trú ở đây.

Anh em kê vế ¹ bày lòng,
 60 Góp đem phong nguyệt ² vào trong phẩm bình. ³
 Khói om mấy đỉnh khê kinh, ⁴
 Chợt nghe truyền gọi Diêu sinh lên nhà.

IV. KỲ BIÊN TƯƠNG HỘI

(Gặp nhau bên bàn cờ)

Đồng say ⁵ khách lạ ⁶ lân la,
 Ngâm trăng nửa nóc phun hoa bốn hè.
 65 Tiêm cài ⁷ giá chất ⁸ so le,
 Vẽ niêm dấu cổ, ⁹ thơ đề lối chân. ¹⁰
 Cầm dao ¹¹ sẵn thắng ¹² dây huân, ¹³
 Nổi tươi ¹⁴ chậu chậu, cấm xuân ¹⁵ cảnh cảnh.
 Gương huyền ¹⁶ lộn bóng chi thanh.
 70 Trong hiên đã vậy, ngoài sanh ¹⁷ lại càng.

1. *Kê vế*: ngồi sát nhau, tả vế thân mật.

2. *Phong nguyệt*: gió trăng, thú tiêu khiển của những người thích trăng trong gió mát, cùng nhau ngâm vịnh.

3. *Phẩm bình*: (*phẩm*: lời phê bình) bàn bạc khen chê về văn chương.

4. *Khê kinh*: nghĩa không rõ. Có lẽ vì lẽ ấy Nguyễn Thiện mới sửa làm *đỉnh hương nghệ* cho dễ hiểu hơn. Để sửa lại như vậy Nguyễn Thiện cũng đã phải đổi *phẩm bình* thành *phẩm đề* cho đúng vắn.

5. *Đồng say*: tiểu đồng ngủ say

6. *Khách lạ*: chỉ Lương sinh

7. *Tiêm cài*: (*tiêm*: cái thẻ) cái thẻ dùng trong thư phòng để đánh dấu trang sách hoặc để nêu tên sách cho dễ kiểm tra.

8. *Giá chất*: giá để sách thành từng chồng cao lên.

9. *Vẽ niêm dấu cổ*: (*niêm*: dính vào) những bức tranh liền đều có đề theo lối chữ cổ.

10. *Thơ đề lối chân*: thơ đề vịnh thì viết theo lối chữ chân phương.

11. *Cầm dao*: (*niêm*: cây đàn, *dao*: ngọc dao) cây đàn khảm ngọc dao.

12. *Sẵn thắng*: đã lên dây sẵn.

13. *Dây huân*: dây đàn. Vua Thuấn gảy đàn cầm, hát khúc gió nam có bốn chữ “*Nam phong chi huân*”.

14. *Nổi tươi*: ý nói các cây trồng trong chậu tươi tốt hẳn lên.

15. *Cấm xuân*: trồng cây cảnh, lá xanh tươi như cây có vẻ mùa xuân.

16. *Gương huyền*: (*huyền*: treo) Nguyễn Thiện đã sửa lại là *Gương treo bóng lộn màu thanh* cho dễ hiểu.

17. *Ngoài sanh*: (*sanh*: do chữa *thinh* hay *sảnh*) ngoài sảnh đường bên ngoài công đường.

Bức lơn ¹ quanh quất vũng đường,
 Chiếc sen gầy vóc ² bóng dương rầu rầu.
 Ngôi thơm dẫn nước lâu lâu,
 Rặng cây khuất khuất, lưng cầu khom khom.
 75 Thủy đình ³ rã bóng ⁴ lom om,
 Dứt chừng khúc kính ⁵ qua chòm tàng xuân. ⁶
 Đào thôn ⁷ điểm điểm ngấn trần, ⁸
 Sào Ngư ⁹ mường tượng cấm gần đâu đây.
 Nảy cành chợt động oanh bay,
 80 Gọi khuya quyên ¹⁰ cũng nhặt rây ¹¹ góc tường,
 Xông hoa lành lạnh hơi sương,
 Lảng chân hầu rắp ¹² nhận đường về trai. ¹³
 Tiếng đâu gió lọt bên tai,
 Đêm thanh dường vẫn còn ai say cờ.
 85 Đè chừng ¹⁴ lển bước thần thơ,
 Ít nhiều hương cụm nhặt thưa bóng cành.
 Mẫu đơn ¹⁵ lộ mở con đình, ¹⁶
 Xạ đâu trện trện lọt mảnh phôi pha.

1. *Bức lơn*: bức lan can.

2. *Chiếc sen gầy vóc*: đóa sen cuống khẳng khiu.

3. *Thủy đình*: (*thủy*: nước, *đình*: cái nhà nhỏ không có tường bao quanh, chỉ có bốn cột với mái che) cái nhà nhỏ làm trên mặt nước để ngồi chơi hóng mát.

4. *Rã bóng*: rủ bóng.

5. *Khúc kính*: (*khúc*: quanh co, *kính*: con đường) con đường quanh co.

6. *Tàng xuân*: chỉ chòm cây lá xanh tươi như chứa mùa xuân.

7. *Đào thôn*: thôn có trồng đào tức cảnh Đào Nguyên, nơi có tiên ở, chỉ cảnh tiên.

8. *Ngấn trần*: dấu vết phô bày ra.

Cả câu ý nói cảnh tiên cứ lần lần hiện ra.

9. *Sào ngư*: cái sào của ông chài (Ngư phủ). Bài *Đào hoa nguyên ký* của Đào Tiềm có kể chuyện một người đánh cá chèo thuyền vào một thôn trồng toàn đào, hỏi thăm thì người dân ở đây nói rằng tổ tiên họ tránh loạn vào đây từ thời nhà Tần. Người đánh cá sau có trở lại tìm nhưng không thấy dấu vết đâu cả, cho là cảnh tiên.

10. *Quyên*: đây là con cuốc kêu lúc đêm khuya.

11. *Nhặt rây*: (*nhặt*: mau, liền, liên tiếp) tiếng cuốc kêu mau lọt qua tường mà tới.

12. *Hầu rắp*: (*hầu*: gần, sắp) đã toan có ý, sắp sửa.

13. *Trai*: trai phòng, phòng đọc sách.

14. *Đè chừng*: nhắm chừng, phỏng chừng.

15. *Mẫu đơn*: thứ cây có hoa đỏ đẹp.

16. *Con đình*: cái đình, nhà ngồi hóng mát, không có tường bao quanh, thường chỉ có bốn mái và bốn chiếc cột.

Cả câu ý nói Phương Châu vừa đi qua khóm mẫu đơn thì trông thấy cái đình.

90 Vừa cơn mây bợn nguyệt lòa,
 Lên kê trông dưới đèn hoa tỏ tường.
 Vây tiên ¹ một cuộc đôi nàng,
 Một về nam lại dung trang tuyết chùng.
 Dờn dờn mây cựa ² quanh trăng,
 Hoa tươi mĩm động ngọc lừng thơm bay.
 95 *Thiên nhiên sẵn đúc dày, dày, ³*
 Mực hoen sá thắm ⁴ phấn rơi thông giồi. ⁵
 Lạt in vẻ tố ⁶ là sồi, ⁷
 Cài xanh một đóa lẫn mùi lan xanh.
 Bụi phàm ⁸ chẳng bá ⁹ đỉnh đình,
 100 Dưới thông ¹⁰ trong quýt ¹¹ vườn dành là đây.
 Gió đâu dun dủi duyên này,
 Cả liễu đảm sắc ¹² vào ngay trước bàn.
 Rèm tương ¹³ động thét tiếng hoàn,

1. *Vây tiên*: chơi cờ vây (*tiên* ý nói Dao Tiên và hai thị tỳ đẹp như tiên).

2. *Mây cựa*: mây chuyển.

3. *Thiên nhiên sẵn đúc dày, dày*: câu này được rút gọn từ câu *Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên* trong *Truyện Kiều* nhưng đem vào đây thì không thích hợp vì trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã viết để tả cô Kiều ở trần để tắm mà trong *Hoa Tiên*, Dao Tiên và nữ tỳ đang ngồi đánh cờ đâu có ở trần. Nguyễn Huy Tự đã tả Dao Tiên mặc xiêm trắng. Như vậy thì làm sao thấy được tắm thân của Dao Tiên mà Nguyễn Thiện lại tả thêm “*càng tươi tỉnh nét càng say sưa tình*”. Người sau chép truyện *Hoa tiên* - trước khi Nguyễn Huy Tự nhuận sắc - cũng đã dựa theo *Truyện Kiều* để sửa lại câu thơ của Nguyễn Huy Tự. Chúng tôi nhận thấy ở đây đã có sự vá vúi vụng về và chính sự vá vúi vụng về này đã cho ta thấy người sao chép truyện *Hoa tiên* đã chịu ảnh hưởng của *Truyện Kiều* chứ Nguyễn Du không hề chịu ảnh hưởng gì của Nguyễn Huy Tự qua bản *Hoa tiên* cá.

4. *Mực hoen sá thắm*: *Tơ thắm, cầu xanh*: là nói đến chuyện kết duyên đôi lứa vợ chồng mực có hoen vào cũng không thể thắm được sắc trắng.

5. *Phấn rơi thông giồi*: phấn dù có rớt đi cũng đủ giồi cho trắng được làn da mặt.

6. *Vẻ tố*: vẻ đẹp trắng trẻo.

7. *Là sồi*: là và sồi là thứ hàng tơ sợi.

8. *Bụi phàm*: bụi trần.

9. *Bá*: dánh vào.

10. *Dưới thông*: do chữ *tùng hạ*. Điển: Vương Chất đời Tấn vào hái củi ở núi Thạch Thất thấy hai đứa trẻ đánh cờ ở dưới cây thông, để búa xuống ngồi lại xem. Khi ván cờ đánh xong. Chất ra về thì thấy cán búa đã bị mục. Hóa ra đã mấy năm qua rồi.

11. *Trong quýt*: trong quả quýt. Điển: Ở xứ Ba Ấn trong một vườn quýt, có một quả quýt rất to. Khi quả quýt chín, bóc ra thì thấy có hai ông lão ngồi đánh cờ tướng. (Sách dạy bí quyết đánh cờ gọi là *Quýt trung bí*).

12. *Đảm sắc*: sắc mặt ý nói to gan, liễu lĩnh.

13. *Rèm tương*: rèm làm bằng trúc sông Tương, rất đẹp.

105 Vẻ lan vừa chán¹ gót lan vội dời.²
 Méch xem³ chiều mĩm mĩm cười,
 Sóng dầm⁴ khoe hạnh⁵ chẳng rời nét trông.
 Môi đào ánh mặt phù dung,⁶
 Xiêm pha bóng tuyết sen lồng ngấn rêu.⁷
 110 Lũ về xót kẻ trông theo,
 Xa mù lặn khóa vắng teo giọt lầu⁸.

V. BÍCH NGUYỆT THU KỲ

(*Bích Nguyệt thu con cò*)

 Tới buồng nặng quở con hầu:
 Đi đâu bỗng để người đâu xông càn!
 Vân Hương rén gởi bên màn:
 Lòa mây⁹ nào ngỡ khách man¹⁰ tịn vời.
 115 Thái Cơ lừa lẩn đỡ lời:
 Tiệc vầy¹¹ ban sớm khi chơi ngoại đường.¹²
 Nghe truyền công tử họ Lương,
 Sang chơi dạy ngụ tây lang¹³ mái ngoài.
 Mới rồi hẩn nghĩ¹⁴ chẳng sai,
 120 Hôm tằm tằm ngụ biết ai đấy mà.

1. *Vẻ lan vừa chán*: vẻ đẹp của Dao Tiên vừa nhìn rõ. (*chán*, *thấy chán* chường: thấy rõ ràng).

2. *Gót lan vội dời*: gót giày của người đẹp (Dao Tiên) vội dời đi.

3. *Méch xem*: ngó xem nghiêng, liếc ngang.

4. *Sóng dầm khoe hạnh chẳng rời nét trông*: Dao Tiên (trước khi lui gót) còn đưa mắt nhìn Lương sinh vẻ như tình tứ (sóng dầm).

5. *Khoe hạnh*: khoe mắt.

6. *Phù dung*: tên một thứ cây (mộc phù dung) có hoa đẹp nên người ta thường ví hoa phù dung với mặt người con gái đẹp. Bạch Cư Dị: *Phù dung như diện, liễu như mi*. (Mộc phù dung khác với thủy phù dung là hoa sen).

7. *Sen lồng ngấn rêu*: chỉ gót giày in lặn (ngấn) trên rêu.

8. *Vắng teo giọt lầu*: (lầu tức là chữ *lậu*, đọc theo thanh bằng cho hợp vần) ý nói vắng vẻ chỉ nghe tiếng nước rỏ xuống từ chiếc đồng hồ (khắc lậu).

9. *Lòa mây*: ý nói nhìn không rõ.

10. *Khách man*: chỉ Phương Châu đã có hành động thô bạo, liều lĩnh.

11. *Tiệc vầy*: tiệc vui có nhiều người tham dự.

12. *Ngoại đường*: (*ngoại*: ngoài, *đường*: nhà) bên nhà họ ngoại.

13. *Tây lang*: (*tây*: phía Tây, *lang*: chái nhà) chái nhà (gian) phía Tây.

14. *Nghĩ*: hẩn.

Hay tình lặng lặng nghe qua,
 Lại đòi Bích Nguyệt truyền ra sau lầu:
 Vắng chừng ấy chẳng ai đâu,
 Con cò còn đấy xem mau lấy về.
 125 Được lời bằng lối đình khuya,
 Viện lan ¹ trông suốt trưởng hoè lâm râm.
 Khách còn bẽn lễn đứng nâm, ²
 Nỉ non van đá, âm thầm trách hoa.
 Dưới trăng bóng Nguyệt ³ còn xa,
 130 Quên hiềm sinh đã bước sà hỏi ngay:
 Tiên nào ban nãy giáng đây ?
 Quyến hồn khôn vía đại này đi đâu.
 Nàng Hồng ⁴ duyên sẵn giúp nhau,
 Sương Tây ⁵ chi luống bóng tàu xế trắng.
 135 Thấy lời Bích Nguyệt vùng vàng:
 Ví đâu ví lạ ngán chẳng là đời.
 Đào trên mây, hạnh trên trời, ⁶
 Nghĩ chi cho nát dạ người như tươ !
 Dứt hiềm phó hẳn con gươm ⁷
 140 Thôi đừng muộn ép sầu đơm khó lòng. ⁸
 Sinh rằng: Động khóa nguồn phong. ⁹
 Dám đâu hỏi đến đon dòng ¹⁰ xôn xao.

1. *Viện lan*: như *nhà lan*, chữ dùng cho đẹp lời, cũng có nghĩa là nhà của người có đức tốt.

2. *Đứng nâm*: đứng trơ.

3. *Bóng Nguyệt*: bóng của Bích Nguyệt.

4. *Nàng Hồng*: chỉ Hồng Nương ở Tây sương ký đã giúp cho Trương Quân Thụy gặp được Thôi Oanh Oanh.

5. *Sương Tây*: tức *Tây sương* là mái Tây, chái nhà ở phía Tây.

6. *Đào trên mây, hạnh trên trời*: mượn ý ở câu thơ của Cao Thiêm: "*Thiên thượng bích đào hòa lộ chủng. Nguyệt biên hồng hạnh ý vân tài*: trên trời cây bích đào hòa với sương móc mà mọc, bên mặt trăng cây hồng hạnh dựa vào mây mà mọc", để tả sắc đẹp cao quý của người con gái.

7. *Con gươm*: lưỡi gươm. Bích Nguyệt nói với Lương sinh rằng: "Nếu chàng muốn dứt nỗi phiền thì hãy lấy gươm mà cắt đi".

8. *Khó lòng*: khó có thể được. Bích Nguyệt muốn nói với Lương sinh rằng: "Thôi đừng có tìm cách làm quen, thật khó lòng, chỉ gây thêm sầu mà thôi".

9. *Động khóa nguồn phong*: ý nói Dao Tiên cứ ở trong phòng kín không ra ngoài chơi, cửa phòng lúc khóa kín, không thấy mở.

10. *Hỏi đến đon dòng*: hỏi dò tin tức.

Nghĩ chẳng khi trở gót vào,
 Trong cười nhường cũng rủ trao ân cần.¹
 145 Riêng ai tính vẫn toan vẫn,
 Người tiên khi bạn kiếp trần² mà hay
 Nguyệt rằng: Mơ mẩn xinh thay !
 Cười chẳng cười nổi thày lay³ đại làn.⁴
 Tắc mây đổ bọt gương Hàn,⁵
 150 Bớt lời xin chớ, loạn đan⁶ lăm lời.
 Phụng phà⁷ miệng nói chân đời,
 Vườn khuya mặc đấy một người đứng tro,
 Ngân Hà⁸ trắng lạt sao thưa,
 Dở dang lẽ ở, say sưa chiều về.

VI. LƯƠNG SINH SI TƯỚNG

(*Lương sinh ngày tướng*)

155 Đỉnh trầm thoảng chột hương nghê,⁹
 Chập chờn cơn tỉnh cơn mê trước đình.
 Bổng dưng vương lấy tơ tình,
 Này đồ vườn Lãng¹⁰ hay tranh non Bồng.¹¹
 Người sao ngọc đúc tuyết đông,
 160 Vẽ sao giá chuốt gương trong hết người.
 Chớ chê dạ khách tơ bời,

1. *Rủ trao ân cần*: (*rủ*: nói nhỏ) cả câu ý nói: Dao Tiên mỉm cười như muốn ngỏ ý ân cần với chàng.

2. *Bạn kiếp trần*: có duyên nợ (làm bạn) với người trần.

3. *Thày lay*: làm tài hay, gánh vác việc không ai cầu.

4. *Đại làn*: (*làn*: do chữ *làn đan* có nghĩa là lờn dễ, vô phép) đại dột vô phép.

5. *Gương Hàn*: (*Hàn*: cung Quảng Hàn chỉ mặt trăng) mặt trăng. Bích Nguyệt muốn nói là Dao Tiên không hề có tình gì với Lương sinh, tâm hồn luôn trong sáng như tấm gương Hàn (mặt trăng) đổ có tắc mây nào che khuất nổi.

6. *Loạn đan*: (cũng như *làn đan*) lờn dễ, vô phép.

7. *Phụng phà*: lầu nhàu nói với thái độ có vẻ vùng vằng, bất mãn.

8. *Ngân Hà*: (*Ngân*: dải Ngân Hà) tả chung cảnh trăng nhạt ánh, sao đã thưa.

9. *Hương nghê*: (*hương*: hương thơm, *nghê*: con sư tử) lư hương trên nắp có hình con nghê.

10. *Đồ vườn Lãng*: (*đồ*: tranh, *Lãng*: Lãng uyển, vườn tiên), tranh vẽ cảnh vườn tiên.

11. *Non Bồng*: (*Bồng*: Bồng Lai, một trong ba hòn đảo tiên ở bể Bột Hải)

Cả câu ý nói Dao Tiên đẹp như người trong các bức tranh.

Tượng sành ấy cũng rụng rời chân tay.
 Xiêm huyền bên nọ đối bày,
 Huyền kia tuy lịch, bạch này càng tôn.
 165 Ví chẳng bình tước¹ gây khuôn,²
 Thì chi lắm giống tiêu hồn³ quấy ai !
 Tình dài thêm bận canh dài,
 Lầu điêu⁴ nhả trót⁵ hiên cài bóng đông.

VII. LƯƠNG SINH VẤN CẨM⁶

(*Lương sinh hỏi mợ*)

Thỉnh an⁷ vào trước lầu trong,
 170 Phu nhân thấy khác hình dung vỗ về.
 Rằng: “Đây quán hẹp ử ê,
 Dễ cưu⁸ dạ khách lòng quê kéo gì.
 Mặt sau vả sẵn viên trì,⁹
 Liền song sang đó dù khi đỡ buồn.
 175 Thú riêng xó xinh điền thôn,¹⁰
 Hồ sơn¹¹ cũng giúp cầm tôn¹² khi rồi”.

1. *Bình tước*: (tước: chim sẻ) Đậu Nghệ đời Đường muốn kén rể, sai về một con chim sẻ trên bình phong rồi hẹn nếu ai bắn trúng mắt con chim sẻ sẽ gả con gái cho.

2. *Gây khuôn*: (khuôn: đồ dùng để đúc theo mẫu đã định, khuôn mẫu) gây thành duyên vợ chồng

3. *Tiêu hồn*: làm mất cả hồn vía. Ý nói đẹp đến nỗi người ta phải mê mẩn không còn hồn vía gì nữa.

4. *Điêu*: cái chiêm đồng.

5. *Trót*: lần cuối cùng.

Cả câu ý nói tiếng chiêm trên lầu (chòi canh) đã điểm lần cuối, ngoài hiên ánh mặt trời đã chiếu vào (trời đã sáng).

6. *Cẩm*: mợ.

7. *Thỉnh an*: hỏi thăm xem có được mạnh khỏe không.

8. *Cưu*: tích lại, gom lại.

Cả câu ý nói: nếu ở đây mà có nhớ nhà thì cũng chẳng kéo (e ngại) gì.

9. *Viên trì*: vườn và ao.

10. *Điền thôn*: ruộng làng chỉ cảnh ở nhà quê.

11. *Hồ sơn*: bể cạn và hòn non bộ.

12. *Cầm tôn*: cây đàn và chén rượu.

Cả câu ý nói đến cái thú ngắm hòn non bộ trong bể cạn (hồ) và gảy đàn uống rượu cho vui.

Được lời sinh vội rón lời:
 “Đạo trắng ban tối lạc vời lọt sang.
 Bầu trời chia chiếm phong quang,¹
 180 Cảnh nhường quyền khách, khách nhường quên xa.
 Ngại chẳng đông tiếng đàn bà
 Thăm nghiêm chi lẽ xông pha người ngoài”.
 Dạy rằng: “Họ đấy chẳng ai,
 Đến chơi ngày vía² rồi mai cũng về”.
 185 Lại lời đon đả mân mê:
 “Những ai hơi hướng phổng bề gần xa?”
 Mỉm cười biết nỏm³ chàng ta,
 Dạy rằng: “Chơi đấy họ nhà vài chi.⁴
 Một người bề gọi là gì,
 190 Thái Cơ họ Mã trắng kỳ tròn khuyên.⁵
 Là người ưu rủ xiêm huyền,
 Mấy em mới dạm vấn duyên⁶ Việt Hồ.⁷
 Một người bề gọi là cô,
 Con Dương đô đốc phủ Tô côi này.
 195 Dao Tiên một tỉnh tiếng bay,
 Bấm dầm⁸ đôi tám⁹ xuân nay chưa nhiều.
 Vẹn no¹⁰ khung dệt bàn thêu,
 Chữ đề thiếp Tuyết¹¹ cầm khêu phả đồng.¹²
 Người thanh vẽ bạch thêm nồng,

1. *Phong quang*: (phong: gió, quang: ánh sáng) chỉ phong cảnh đẹp đẽ.

2. *Ngày vía*: ngày lễ sinh nhật.

3. *Biết nỏm*: biết được ý riêng.

4. *Chi*: ngành họ.

5. *Trắng kỳ tròn khuyên*: ý nói tuổi vừa 15, 16 đương độ trăng tròn.

6. *Dạm vấn duyên*: đánh tiếng xin kết duyên.

7. *Việt Hồ*: hai nước Việt - Hồ tuy ở xa cách nhau nhưng vẫn kết duyên vợ chồng được, cũng như Tần Tấn vậy.

8. *Bấm dầm*: phổng chừng.

9. *Đôi tám*: hai lần tám tức 16 tuổi

10. *Vẹn no*: trọn vẹn đầy đủ

11. *Chữ đề thiếp Tuyết*: (Tuyết: tức Tùng Tuyết Đạo nhân, biệt hiệu của Triệu Mạnh Huy, người đời Tống có tài viết chữ rất đẹp) chữ viết đẹp như trong thiếp của Tùng Tuyết Đạo nhân.

12. *Cầm khêu phả đồng*: (phả: sách dạy đèn, đồng: gỗ cây ngô đồng) đánh đàn thật hay.

200 Thuyền duyên ¹ đáng mặt anh hùng ² nát gan.
 Tai nghe ruột rối khôn hàn,
 Trước tòa đứng sững bên bàn ngời quên.
 Tổ tình lại mở lời khuyên,
 Quyển vàng ³ còn, đủ là duyên má đào.
 205 Vây hồng ⁴ hãy gắng gió cao,
 Tự nhiên chỉ dặt tơ trao lọ là.

VIII. BỘ NGUYỆT TƯƠNG TƯ

(Bước dưới trăng mà nhớ nhau)

Tạ từ vừa xuống thêm hoa,
 Diêu sinh vừa gặp rủ ra thư phòng. ⁵
 Lưu liên ⁶ khi lại chiêm đường, ⁷
 210 Non đông đã gác vừng gương giải sườn. ⁸
 Tình riêng bận nửa lông lơ, .
 Lại xăm xăm tới dạo vườn hôm qua.
 Chiếc đình gió lọt sương pha,
 Xạ phai trận rước, sen lòa dấu in. ⁹
 215 Tắc gang gác khóa lâu then,
 Bồng sơn ¹⁰ dấu cách muôn nghìn chữa sai.

1. *Thuyền duyên*: (Thuyền 婁 : cũng đọc là *thiên*) tả cái dáng xinh đẹp đáng yêu, cho nên mới gọi con gái là *thuyền duyên*.

2. *Anh hùng*: (*anh*: vua loài hoa, *hùng*: vua loài thú) người hào kiệt xuất chúng.

3. *Quyển vàng... má đào*: cả câu ý nói nếu còn biết lo chăm chỉ đọc sách thì tự nhiên là cái duyên má đào sẽ có được.

4. *Vây hồng*: cánh chim hồng. *Hồng* là có loài ngỗng trời, thường được dùng để chỉ người đàn ông có chí lớn.

5. *Thư phòng*: đúng ra là *thư phòng*, ở đây đổi ra *thư phòng* cho hợp vần. *Thư phòng* là phòng đọc sách, phòng học.

6. *Lưu liên*: ngồi nói chuyện vui vẻ mà quên về nhà. Nếu viết 留 thì *liu liên* lại có nghĩa là quyến luyến không nỡ dứt đi.

7. *Chiêm đường*: chỉ nhà giảng học hay nhà học. Sách *Hậu Hán thư* chép theo Dương Chấn truyện nói có con chim tước ngậm ba con cá chiêm bay đến đậu trước giảng đường nhà Chấn, đô giảng lấy đem trình.

8. *Vừng gương giải sườn*: vừng trăng đã giải ánh sáng bên sườn núi.

9. *Xạ phai ... dấu in*: cả câu ý nói mùi hương xạ của người đẹp kỳ gặp lần trước đã phai rồi và những dấu giày của gót sen cũng đã bị xóa rồi.

10. *Bồng sơn*: non Bồng tức nơi tiên ở. Đây chỉ chỗ ở của Dao Tiên.

Chập chờn bóng Tố¹ trên ai,
 Hoa đâu rụng lá đâu rơi² trước rèm.
 Kêu sương³ tiếng nhận lay thêm,
 220 Nhận chìm⁴ khôn buộc lụa kèm một phong.⁵
 Phượng cầu⁶ cầm có nên cung,
 Cầm xa chưa dễ thấu thung⁷ mấy tầng.
 Tơ trần⁸ sớm ngỡ riêng giăng,
 Thì lên nhờ Cuội cung trăng⁹ kéo còn.

IX. HỒI PHỦ TỔ TÌNH

(Trở về phủ tổ tình)

225 Lại song sâu bể sâu non,
 Nào hay là khách lâu son đã về.
 Liệng hài vào trước màn the,
 Lũ hoàn tấp nập mở thìa¹⁰ đẩy song.¹¹
 Trướng bình¹² kẻ cuốn người phong,
 230 Kẻ bao gương¹³ giá người xông hương màn.
 Người đài nước,¹⁴ kẻ lò than,

1. *Bóng Tố*: (Tố: Tố Nga, chỉ Hằng Nga) bóng trăng, bóng chị Hằng.

2. *Hoa rụng, lá rơi*: hình ảnh này gợi nỗi buồn rầu trong lòng Lương sinh.

3. *Kêu sương*: kêu trong sương.

4. *Nhận chìm*: nhận bay xa như bị chìm vào trong sương.

5. *Lụa kèm một phong*: phong thư buộc bằng dải lụa vào chân nhận. Theo điển Tô Vũ: Tô Vũ, một tướng đời Hán, bị Hung Nô bắt đày lên miền Bắc chẵn dê. Hán Vũ Đế tưởng Tô Vũ đã chết rồi nhưng sau khi nhận được phong thư của Tô Vũ cột ở chân một con chim nhận thì mới yêu cầu với Hung Nô tha cho Tô Vũ về.

6. *Phượng cầu*: tức *Phượng cầu hoàng* (chim phụng trống tìm chim phụng mái) tên một bản đàn nguyên của Công chúa Lộng Ngọc. Về sau Tư mã Tương Như, đời Hán cũng đàn bản *Phụng cầu hoàng* để quyến rũ nàng Trác Văn Quân.

7. *Thấu thung*: (thung: vùng đất rộng) lọt tới vùng đất rộng.

8. *Tơ trần*: nói mối tơ duyên vợ chồng ở trần gian.

9. *Cuội cung trăng*: đúng ra phải là Ông già dưới trăng tức *Nguyệt lão* mới hợp với điển. (Xem thêm chú thích câu 242).

10. *Mở thìa*: mở khóa.

11. *Đẩy song*: mở cửa sổ.

12. *Trướng bình*: màn trướng, bình phong.

13. *Bao gương*: (bao: lau) lau gương cho sáng dễ soi.

14. *Đài nước*: đồ dùng để đặt chén rượu, chén nước của các nhà quý phái thuở xưa.

Đem thêu trái lớp, bình đàn ¹ trí tòa. ²
 Yên xong ai nấy chiềng bà:
 “Đọ xem cảnh trí Diêu nha ³ nhường nào?”
 235 Dạy rằng: “Đài tạ ⁴ hồ ao.
 Dặc Bình ⁵ hai vẻ thanh tao một làn”.
 Vờ chơi Nguyệt lại ướm đàn:
 “Cảnh thanh cũng vậy người càn mới dơ!
 Lấy cờ hôm trước vâng ra,
 240 Lẳng lơ còn thấy nghĩ va bên lầu.
 Lưng trời nói những đâu đâu,
 Những tơ nào thắm ⁶ những cầu nào xanh. ⁷
 Những lăm chấp cánh liền cành, ⁸
 Đã mềm tấc uốn thì oanh ⁹ mới vò.
 245 Cậy quanh mãi mãi buồn no, ¹⁰
 Hay hèn dơ cả ¹¹ khua ¹² cho một hồi.

1. *Bình đàn*: (đàn: đồ) bình phong đồ.

2. *Trí tòa*: suốt tòa.

3. *Diêu nha*: dinh nhà họ Diêu.

4. *Đài tạ*: (đài là cái nền cao, tạ là cái nền mà có nhà) chỉ chung nhà cửa cao rộng.

5. *Dặc Bình*: tên hai khu vườn của vua Hán Vũ Đế là Dặc Đường và Bình Tuyền.

6. *Tơ thắm*: do chữ *xích thăng*. Tương truyền Vi Cố người đời Đường, một hôm trông thấy một ông lão ngồi dưới trăng (Nguyệt lão), xem sách, bên cạnh có một cái túi đựng chỉ đỏ. Vi Cố hỏi những sợi chỉ đỏ đó dùng để làm gì? Ông lão đáp: “Để cột chân những người sẽ thành vợ chồng với nhau”. Do điển này về sau người dùng *tơ thắm* để chỉ việc xe duyên vợ chồng.

7. *Cầu xanh*: do chữ *Lam kiều*. Tương truyền, đời Đường, Bùi Hàng gặp nàng Vân Kiều được nàng cho một bài thơ trong có câu nói “*Lam kiều bản thị thần tiên quật*” (Lam kiều là chỗ thần tiên ở). Đến sau khi qua cầu Lam, khát nước, vào hàng uống nước thì thấy nàng Vân Anh rất xinh đẹp, muốn xin cưới làm vợ. Bà mẹ bảo nếu có chày ngọc giã được thuốc tiên xong thì gả cho. Bùi Hàng nhờ mua được chày ngọc nên cưới được Vân Anh. Hôm làm lễ cưới, Bùi Hàng mới nhận ra người đưa cho mình bài thơ chính là chị Vân Anh. Sau hai vợ chồng cùng lên cõi tiên.

Tơ thắm, cầu xanh: là nói đến chuyện kết duyên đôi lứa vợ chồng

8. *Chấp cánh liền cành*: do chữ *tỉ dục, liên lý* trong bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị. Đường Minh Hoàng nói với Dương Quý Phi: “*Tại thiên nguyện tác tỉ dục diểu, tại địa nguyện vi liên lý chi*” (ở trên trời nguyện làm chim liền cánh, ở dưới đất nguyện làm cây liền cành).

9. *Oanh*: cuốn nhiều vòng, vắn quanh.

10. *Buồn no*: (no: quá nhiều, chán) buồn chán quá.

11. *Dơ cả*: ý nói dơ cả đời.

12. *Khua*: tức khua miệng, nói lớn để quở mắng.

Luống còn mỗi một đòi thôi,¹
 Khéo là nước chảy bèo trôi hững hờ”.²
 Lóng nghe nhường cạnh³ đong đưa,⁴
 250 Nhủ rằng: “Người thế⁵ sam sưa⁶ đã đầy,
 Tự ta đóng nguyệt cài mây,⁷
 Buồng thơm⁸ chớ lọt mảy may gió tà”.⁹
 Buông rèm dao cách¹⁰ bóng hoa,
 Tường đông¹¹ ong lại bướm¹² qua mặc lòng.
 255 Dặn dò lối phải lẽ sùng,¹³
 Lan phòng¹⁴ nào biết văn phòng¹⁵ khát khao.

X. PHÒNG MÃI THƯ PHÒNG

(Thăm mua phòng đọc sách)

Từ nghe khách lại cung sao,¹⁶

1. *Đòi thôi*: (đòi: nhiều, thôi: hồi, lúc, đổi) nhiều lúc.

2. *Nước chảy bèo trôi hững hờ*: đúng ra phải viết là *hoa trôi* mới có nghĩa là hững hờ vô tình như câu thơ Đường *Thủy lưu hoa tạ lưỡng vô tình* (Ý nói mình không có ý với người mà người lại có tình với mình ví như nước không chiều hoa mà hoa lại trôi theo nước).

3. *Cạnh*: cạnh khoe.

4. *Đong đưa*: trãi lơ, không đứng đắn.

5. *Người thế*: người đời.

6. *Sam sưa*: nói người si tình có thái độ không đứng đắn, cũng như *sàm sỡ*.

7. *Đóng nguyệt cài mây*: ý nói đóng cửa cấm cung, không ra ngoài.

8. *Buồng thơm*: do chữ *hương khuê*, chỉ phòng của phụ nữ có hương thơm.

9. *Gió tà*: do chữ *tà phong* là ngọn gió không thổi theo hướng chính, dùng để ví với những việc bất chính của người đời.

10. *Dao cách*: (dao: xa) cách xa.

11. *Tường đông*: bức tường ở phía đông. Bài phú của Tống Ngọc có câu: “*Thần lý chi mỹ giả, mạc nhược thần đông gia chi tử*”: Người đẹp trong làng hạ thần không đâu bằng con gái của nhà láng giềng phía đông nhà hạ thần. *Tường đông* sau dùng theo nghĩa bóng để chỉ chỗ ở của người con gái đẹp.

12. *Ong bướm*: con ong và con bướm, hai con côn trùng này thường bay đi hút nhị hoa, nói bóng đến những người con trai đi ve vãn con gái.

13. *Lối phải lẽ sùng*: (sùng: chuộng, quý trọng) đường lối thế nào là phải, nghĩa lý thế nào phải trọng.

14. *Lan phòng*: phòng thơm, chỉ Dao Tiên.

15. *Văn phòng*: phòng học, chỉ Lương sinh.

Cả câu ý nói Dao Tiên đâu biết Lương sinh vẫn khát khao được gặp mặt tỏ tình.

16. *Cung sao*: cung điện ở trên trời nơi có các vì sao: ý nói cảnh tiên, cung tiên.

Bụi hồng ¹ dứt nẻo chiêm bao đi về. ²
 Cơn mây sớm ngọn đèn khuya,
 260 Trà tiêu bụi khát, ³ hương chia mùi sầu. ⁴
 Dò la Dương tướng dinh đâu?
 Tụ Hiền phường ấy ⁵ cửa hầu thâm nghiêm. ⁶
 Nhơn nhơn lệnh lặng điêu chìm, ⁷
 Tịt mù tăm cá bóng chim ⁸ mấy trùng.
 265 Liền tường bỗng thấy một thung, ⁹
 Rêu đầm lấm chấm then song lỏng cài.
 An đông ¹⁰ tra hỏi vườn ai.
 Mới hay viễn khách ¹¹ nhà ngoài để không.

1. *Bụi hồng*: do chữ *hồng trần* có nghĩa là bụi sắc đỏ, cõi trần, cuộc đời bụi bặm.

Bụi hồng ở câu này có nghĩa là cảnh phồn hoa náo nhiệt.

Đường phú có câu: "*Hồng trần mộng đoạn...*" (chiêm bao cách đám bụi trần) và Đường thi cũng có câu:

Tử mạch hồng trần phát diện lai,
 Vô nhân bất đáo khán hoa hồi.

(Lưu Vũ Tích)

(*Bụi hồng dậm tía người chen chúc,
 Thấy bảo xem hoa mới trở về*).

2. *Bụi hồng dứt nẻo chiêm bao đi về*: câu này đã được sửa theo câu Kiều "*Bụi hồng liệu nẻo đi về chiêm bao*" và có nghĩa là: Dao Tiên cứ cấm cung ở trong phòng the không ra ngoài nên Lương sinh không làm sao mà có thể gặp mặt được, đành dứt nẻo phồn hoa mà trở về trong mộng (tình trong mộng) để được gặp mặt người yêu.

Chinh phụ ngâm cũng có câu ý tương tự:

Khi mơ những tiếc khi tàn,
 Tình trong giấc mộng muôn vàn cũng không.

3. *Trà tiêu bụi khát*: ý nói Lương sinh mượn chén trà làm cho tiêu tan hết nỗi khát (không còn chút bụi nào).

4. *Hương chia mùa sầu*: ý nói Lương sinh muốn đốt lò hương (ngồi đọc sách) để cho vơi bớt nỗi sầu (nhưng đều không giải được nỗi sầu tương tự).

5. *Tụ Hiền phường ấy*: ở phường (làng) Tụ Hiền ấy.

6. *Cửa hầu thâm nghiêm*: cửa nhà quan thâm nghiêm kín cổng.

Thơ Thôi Giao (Đường):

Hầu môn nhất nhập thâm như hải: cửa hầu một vào sâu như bể.

7. *Lệnh lặng điêu chìm*: (*lệnh*: cái thanh la đánh để ra lệnh, *diêu*: thứ chiêng đánh để cầm canh) tiếng thanh la, tiếng chiêng lặng xuống rồi im hẳn.

8. *Tăm cá bóng chim*: con cá con nhạn là vật đưa tin nên người ta thường dùng chữ *ngư nhạn* để chỉ thư tín, tin tức.

9. *Thung*: chỗ đất rộng, nơi ở đó có vườn rộng.

10. *An đông*: sai tên hầu.

11. *Viễn khách*: khách đi xa.

270 Rờn rờn hoa nở khóm lòng,¹
 Non Vu đành có nẻo thông từ rày.
 Dương đài đánh sẵn mưa mây.²
 Mà xem chúa Sở lo vầy giấc tiên.
 Ba thu³ ngân lạng kể nghìn,
 Dốc trang⁴ chác lấy⁵ danh viên⁶ ngô gần.
 275 Sửa làm một thú buồng văn,
 Viện hoa Nam mở⁷ đài xuân Bắc vầy.
 Vẻ hà⁸ yểm ánh⁹ đông tây,
 Sớm đình Hương¹⁰ tối đình Mây¹¹ sẵn sàng.
 Tòa khúc hạm,¹² dầy hồi lang,¹³
 280 Kê hiên xoang đá,¹⁴ diễu tường tán cây.
 Vén vang¹⁵ rèm nguyệt song mây,
 Nơi chồng sáo sách, nơi bày báu thơ.
 Nơi cầm nơi rượu nơi cờ,
 Sẵn đình tả nhớ khuây chờ đủ nơi.

1. Hoa nở khóm lòng: nói sự vui vẻ trong lòng.

2. Non Vu, Dương Đài: (non Vu: Vu Sơn) Vua Sở Tương Vương thường đến chơi ở Cao Đường, có lần nằm ngủ mộng thấy một người đàn bà đến cùng vua chẵn gối. Hỏi thì nàng tự xưng là Thần nữ ở núi Vu Sơn, sớm thì làm mây, tối thì làm mưa ở chốn Dương đài.

Do điển này về sau các chữ non Vu (Vu Sơn), Cao đường, Dương đài, Mây mưa được dùng để chỉ những cuộc ái ân của trai gái ngoài vòng lễ giáo.

3. Ba thu: số thu.

4. Dốc trang: (trang: tay nải, túi tiền) dốc túi tiền.

5. Chác lấy: (chác hoặc chuốc: mua lấy bằng mọi giá, dù có đắt cũng chịu) thuê lấy, mua lấy.

6. Danh viên: cái vườn đẹp có tiếng.

7. Viện hoa Nam mở, đài xuân Bắc vầy: mở một vườn hoa ở phía Nam và sửa một đài xuân ở phía Bắc làm chỗ vui vầy. Ca bản thì chép: phía Bắc có gác Tàng xuân trồng các thứ hoa, phía Nam có đình Hạnh hoa làm cảnh non bộ.

8. Vẻ hà: (hà: ráng, tức là hơi mây có ánh mặt trời chiếu vào thành sắc đỏ) vẻ trời.

9. Yểm ánh: lấp lánh.

10. Đình Hương: tức đình Vạn Hương.

11. Đình Mây: tức đình Khán Vân.

12. Khúc hạm: bao lan quanh co, uốn khúc.

13. Hồi lang: nhà cầu uốn khúc bao quanh.

14. Xoang đá: chữ 腔 (xoang) cũng đọc là khang (cái hồng) cái hồng đá.

15. Vén vang: gọn gàng, vén khéo.

XI. BÀI PHỎNG HỌA THI

(Lạy thăm mà họa thơ)

- 285 Đào mềm ¹ lẫn đổi dương tươi, ²
Cưu hoàn ³ chưa gọn oanh đời ⁴ đã sang.
Dặt dều mới rủ Diêu lang,
Cậy bề cậu cháu đem đường thông lân. ⁵
Rước mừng tự lễ phân tân, ⁶
290 Đầu đuôi khách đã vân vân rén chiềng: ⁷
Chút trong buổi mới lảng giềng,
Gần soi may được nhờ riêng bóng thừa. ⁸
Tướng công trò chuyện bấy giờ:
Ngỡ là ai, bỗng chẳng ngờ chẳng ai.
295 Nguyên xưa chú với tôn đài, ⁹
Một song ¹⁰ một án ¹¹ dùi mài mấy thu.
Từ khoa Tân Mão phân đồ, ¹²
Người chừng may bước, kẻ lo trở nghề.
Bắn cung phi ngựa ¹³ sồ sề,
300 Trạng đầu may cũng cấm vè ¹⁴ cửa viên. ¹⁵

1. *Đào mềm*: chỉ mùa xuân.

2. *Dương tươi*: chỉ mùa hè.

3. *Cưu hoàn*: (*cưu*: nhóm, *hoàn*: trọn) chưa vẹn, ý nói sửa sang nhà cửa chưa xong hẳn.

4. *Oanh đời*: do chữ *oanh thiên* thường dùng để ví đến việc đời nhà.

Cả câu ý nói việc sửa sang lại nhà chưa xong thì Lương sinh đã dọn đến ở ngay.

5. *Thông lân*: (*lân*: lảng giềng) giao thiệp với láng giềng.

6. *Tự lễ phân tân*: (*tân*: khách) bày lễ, phân ngôi chủ khách mà tiếp nhau.

7. *Chiềng*: trình.

8. *Bóng thừa*: do chữ *dư quang*, ánh sáng khi mặt trời đã lặn còn sót lại, nghĩa bóng chỉ ân huệ.

9. *Tôn đài*: (*đài*: tiếng tôn xưng người khác) Dương công gọi cha của Lương sinh là *tôn đài* để tỏ ý kính trọng.

10. *Một song*: một cửa, cũng như nói *đồng song* là bạn cùng học với nhau ở một cửa sổ tức bạn học một trường.

11. *Một án*: một bàn học.

12. *Tân Mão phân đồ*: (*đồ*: đường đi) chia đôi đường, ý nói xa nhau từ năm Tân Mão.

13. *Bắn cung phi ngựa*: ý nói theo nghiệp võ.

14. *Vè*: lá cây hay lông chim kết ở gốc mũi tên cung nỏ.

15. *Cửa viên*: (*viên*: cang xe) cửa dinh ông tướng. Ngày xưa, chỗ doanh trại đóng quân thường lấy xe làm hàng rào và dựng cang xe lên làm cửa cho nên gọi là *viên môn*.

Bể quan ¹ khơi vượt cánh thuyền, ²
 Thổi đưa ³ là những sức trên trao dùng.
 Được rày công tử chơi cùng,
 Đã trong thông quyến, ⁴ lại trong lân tình ⁵
 305 Bôi bàn ⁶ rộn giục trù đình, ⁷
 Tiệc vậy rước tận sau đình Vọng Ba. ⁸
 Đạo theo quanh quất mấy tòa,
 Rủ dòng tư liễu thiết tha phát đầu.
 Nhắc lên vách phấn thơ đâu,
 310 Rung vàng chữ chữ, rắc châu hàng hàng
 Tiên hoa ⁹ dấu thoảng còn hương,
 Vịnh bài *Trì liễu* ¹⁰ rõ ràng bốn câu.

THƠ RẰNG:

Thuyền bả thuyền đương thực nội trì ?
 Xuân lai phi như điểm liên y.
 Thanh thanh bất thị Khê tiền chủng,
 Khẳng hướng nhân gian quán biệt ly. ¹¹

Xem thôi nức nở nhìn nhau,
 Ông vừa tủm tỉm kể sau dạy lời:
 315 “Trẻ nhà võ vẽ đề chơi,
 Vụng về chẳng bỏ giây cười làng thơ.
 Giai chương ¹² ước được mảnh tờ,

1. *Bể quan*: do chữ *hoạn hải*; người ta ví kẻ làm quan như người vượt biển, gặp nhiều nổi bất trắc nên gọi quan trường là *hoạn hải*.

2. *Cánh thuyền*: (*suyền*: đi mau, nước chảy mau) cánh buồm đi mau, thuyền đi mau. Cả câu ý nói làm quan được thăng chức mau.

3. *Thổi đưa*: ý nói nhờ vận may mà tiến mau như thuyền buồm gặp gió thổi đưa đi.

4. *Thông quyến*: họ hàng. Dương công nói mình cũng có họ xa với họ Lương.

5. *Lân tình*: tình hàng xóm láng giềng.

6. *Bôi bàn*: (*bôi*: chén bát, *bàn*: cái mâm), chỉ tiệc tùng ăn uống.

7. *Trù đình*: (*trù*: bếp, *đình*: người) người nấu bếp, nhà bếp.

8. *Đình Vọng Ba*: cái đình (nhà) ngồi để trông sông, ngắm cảnh sông nước.

9. *Tiên hoa*: (*tiên*: giấy) giấy có vẽ hoa, giấy hoa tiên.

10. *Trì liễu*: (*trì*: ao) cây liễu bên bờ ao.

11. *Bài dịch*: Men dầm thăm thăm gốc thuyền đương,

Phơ phát màu xuân lộn bóng gương.

Há phải bờ kia cùng cỏi nọ,

Mong đem gửi tặng khách qua đường?

12. *Giai chương*: (*giai*: tốt đẹp, hay, *chương*: bài) thơ văn hay.

Hoa tươi thêm vẻ là nhờ bút tươi".
 Chối từ sinh hã y rón lời,
 320 Thị tỳ ông đã giục đòi truyền qua:
 "Nẻo quanh viện sách còn xa,
 Tiện buông bà sẵn lấy và trương đây."
 Trên đình nghiên bút đủ bày,
 Hầu đề sinh lại dừng tay nghĩ thâm.
 325 Nổi nênh no chút tình thâm,
 Lá ngô ¹ man mác duênh Nhâm ² dập dềnh.
 Gieo cầu ³ sẵn dịp đâu dành,
 Mượn câu cảnh, ngụ câu tình họa may.
 Ngòi dao ⁴ mưa táp gió bay,
 330 Tựa vắn vịnh liễu lại bày một thiên. ⁵

THƠ RẰNG:

Văn đạo xuân phong biến lục trì,
 Nhu điều niểu niểu động thanh y,
 Dao tri chủng hướng chu môn lý,
 • Na thức nhân gian hữu biệt ly. ⁶

1. Lá ngô: (ngô: ngô đồng) Cổ thi có bài *Đồng điệp oán* (oán lá ngô đồng) trong có câu: "Thư tác tương tư tự, thư hương thu điệp thượng, nguyện trực thu phong khởi, thiên hạ hữu tâm nhân, bất thức tương tư ý" (Đề chữ tương tư trên lá thư, xin bay theo lá thư tỏ ý rằng: người có lòng tương tư, thấy biết chết vì nỗi tương tư, chỉ người phụ lòng kẻ tương tư thì chẳng biết ý tương tư)

2. Duênh Nhâm: (Nhâm: tên một vị thần ở dưới nước gọi là Nhâm công) Thơ Tô Đông Pha có câu: "Nhâm công phi không Đình nữ tàng" (Nhâm công bay trên không và Đình nữ nép mình ẩn kín) tả cái khe nước bay, trên núi cao chảy xuống.

Ở đây duênh Nhâm có nghĩa là vũng nước, dòng nước.

Cả câu ý nói Lương sinh tự nghĩ thâm không biết tình ý của Dao Tiên với mình ra sao? (có vô tình như chiếc lá ngô đồng nổi trôi trên mặt nước không?)

3. Gieo cầu: ném quả cầu. Vua Hán Vũ Đế kén phò mã, mới bày yến tiệc trong cung và văn võ bá quan các công tử đến dự. Công chúa ngồi trên lầu gieo cầu xuống, hễ ai bắt được thì sẽ chọn người ấy làm chồng.

4. Ngòi giao: ngòi bút đưa cho.

5. Thiên: bài thơ

6. Bài dịch:

Gió xuân hơi hổi thổi ngàn dương,
 Tha thuốt tơ mảnh động bóng gương.
 Trộm biết cành vàng nương gác tía,
 Hay đâu nông nổi khách qua đường?

335 Đệ trình ông xiết không khen: ¹
 Giá này lâu Hạc ² đình Liên cũng nhường.
 Phong tình hết tác yêu đương,
 Lại truyền đem dán phấn tường một bên.
 Còn thừa hai cánh hoa tiên,
 Chất chiu sinh đã nong liền vào bao.
 Ngậm chiêm ³ chén hãy kéo mau,
 Tạ từ thôi mới giã nhau lại nhà.

XII. QUY QUÁN TƯƠNG TƯ

(Về nhà trọ mà nhớ nhau)

340 Đầy song vàng vặc gương nga, ⁴
 Bóng cành vẽ vách mùi hoa đan rèm. ⁵
 Ngắm từ may bước cung thiềm, ⁶
 Nhấn nay chừng đã đâu thềm nửa sương. ⁷
 Đầu sông Tương cuối sông Tương, ⁸

1. *Không khen*: cao ráo, khen ngợi.

2. *Lâu Hạc*: tức *Hoàng Hạc lâu*, bài thơ nổi tiếng của Thôi Hiệu. Lý Bạch khi qua lầu Hoàng Hạc cũng muốn đề vịnh một bài nhưng không tìm được tứ hay lại thấy có bài thơ của Thôi Hiệu đã đề rồi, đành phải thôi. Phải chăng vì Lý Bạch có hiệu là Thanh Liên cư sĩ nên Nguyễn Huy Tự mới viết là *đình Liên*?

3. *Ngậm chiêm*: nói lúc mặt trời lặn ngang ngọn núi, lúc trời đã về chiều.

4. *Gương nga*: chỉ mặt trăng vì người ta xưa kia cho rằng trên mặt trăng có ả Hằng Nga.

Truyện Kiều: *Gương nga vằng vặc đầy song*.

5. *Mùi hoa đan rèm*: mùi hương thoảng lọt qua màn.

6. *Cung thiềm*: (*cung*: cung Quảng Hàn trên mặt trăng, *thiềm*: con cóc) Tương truyền Hằng Nga sau khi lấy trộm thuốc tiên của chồng là Hậu Nghệ, uống vào thành tiên lên ở trên cung trăng và hóa ra con cóc.

7. *Nửa sương*: (*sương*: mỗi năm có một tiết sương nên *sương* có nghĩa là năm) nửa năm.

8. *Đầu sông Tương, cuối sông Tương*: (*sông Tương*: con sông có tiếng thuộc tỉnh Hồ Nam của Trung Quốc). Đời nhà Chu, có người con gái tên Lương Y và người con trai tên là Lý Sinh, nhân xa cách nhau nên có làm bài thơ trong có đoạn:

... Quân tại Tương giang đầu,
 Thiếp tại Tương giang vĩ
 Tương tư bất tương kiến
 Đồng âm Tương giang thủy.
 (Chàng ở đầu sông Tương,
 Thiếp ở cuối sông Tương.
 Nhớ nhau mà chẳng thấy,
 Cùng uống nước sông Tương).

Khách xa no ¹ những mơ màng bóng xa.
 345 Công phu nghĩ đã nên là,
 Thời mời ² cho có vê va ³ buổi này.
 Một thơ thấu chẳng mà hay, ⁴
 Lại trăng kia với khách này tỏ nhau.
 Tiên hoa lẫn giữ trong bào, ⁵
 350 Phấn bình nhường quyền hương lâu nhường rơi.
 Mở phong ⁶ chẳng nở rời tay,
 Người xa gần chút báu này cũng duyên.
 Người tiên tên đã đáng tiên,
 Gặp tiên bỗng diễn ⁷ vân thiên ⁸ mấy trùng.
 355 Nương yên ⁹ bóng nhấn tà song, ¹⁰
 Cảo thơ ¹¹ biếng giở túi đồng ¹² để nuông. ¹³
 Vật vờ bướm chiếc ¹⁴ màn sông.
 Chiền ¹⁵ đâu đã lọt vắn chuông mé tường.

XIII. CHỦ TỶ KHÁN THI

(*Chủ tứ xem thơ*)

Hồ mai dọn ráng tuôn vàng,
 360 Gió hương sớm sớm quuyến hương trước đình.
 Dấu tiên trên vách rành rành,

1. No: đây.

2. Thời mời: cũng nói là chời mời, có nghĩa là tọc mạch, lục lạo, muốn biết nhiều chuyện.

3. Vê va: ham muốn sự gì.

4. Một thơ thấu chẳng mà hay: Lương sinh tự nghĩ: bài thơ mình họa lại không biết có thấu đến ý nàng chăng?

5. Bào: áo.

6. Mở phong: mở ra gói lại.

7. Diễn: cách xa.

8. Vân thiên: trời mây.

9. Nương yên: tựa vào cái bàn (yên: cái bàn đóng xiên xiên có thể để sách mà đọc hoặc viết).

10. Tà song: ánh trăng xế nghiêng cửa sổ.

11. Cảo thơ: (cảo: bản nháp) tập thơ.

12. Túi đồng: (đồng: đàn vì mặt đàn làm bằng gỗ cây ngô đồng) túi đàn.

13. Nuông: để không đụng tới.

14. Vật vờ bướm chiếc: ý nói mơ màng. Theo *Nam hoa kinh*, Trang Chu mơ màng ngủ thấy mình hóa bướm, lúc tỉnh dậy không hiểu mình hóa bướm hay bướm hóa ra mình là Trang Chu.

15. Chiền: chùa, chiền gia (cũng đọc là thiên gia).

Nhìn chơi nàng đã lộng tình ¹ đòi câu.
 Vân Hương kể hỏi: “Thơ đâu?”
 Dạy rằng: “Buổi trước con hầu nói qua,
 365 Khách nào bên giậu ² chơi nhà,
 Mệnh đề ³ truyền lấy tiên hoa vội vàng.
 Nay xem dòng khoản ⁴ ghi tường,
 Chẳng ai lại, lại là chàng Lương sinh.
 Trong thơ buộc bện lời tình,
 370 Mượn tơ quán quả ⁵ nói cảnh ủ ê. ⁶
 Tưởng đâu ngày một diên mê,
 Biết bao mưu chước cho kẻ đây chi”.
 Lộng năm ⁷ chiều Nguyệt mới kỳ,
 Bước lên chiềng: “Ngẫm duyên gì chẳng sai.
 375 Song song một vách đôi bài,
 Giai nhân tài tử ⁸ bày vai ⁹ khéo là”.
 Mắng rằng: “Ai nhủ đôi la, ¹⁰
 Đặt bày phong nguyệt ¹¹ gièm pha cương thường. ¹²
 Mây quang lẻo lẻo lòng gương,
 380 Để soi đỉnh Giáp ¹³ duềnh Tương ¹⁴ sau này!”

1. *Lộng tình*: bày tỏ tình ý.

2. *Khách giậu*: (*giậu*: hàng rào ngăn cách hai nhà) khách bên hàng xóm.

3. *Mệnh đề*: có lệnh bảo làm thơ họa.

4. *Khoản*: tức lạc khoản, để tên họ ở bên mép tờ giấy.

5. *Quán quả*: vương vấn.

6. *Ủ ê*: sầu thảm.

Cả câu ý nói Lương sinh muốn mượn lời thơ để bày tỏ nỗi lòng.

7. *Lộng năm*: chữ Nôm viết 弄年 nhưng các bản gốc đều phiên là “lộng môm” hoặc “sổng môm”. *Lộng năm* có thể hiểu là ăn nói bừa bãi, không biết giữ ý tứ.

8. *Giai nhân tài tử*: trai tài gái đẹp.

9. *Bày vai*: một lứa xứng nhau.

10. *Đôi la*: cũng như đôi mách, đem chuyện người khác ra kể.

11. *Phong nguyệt*: gió trăng, nói cảnh trai gái hẹn hò nhau trước cảnh trăng trong gió mát.

12. *Cương thường*: do chữ tam cương ngũ thường (*cương*: cái dây lớn ở cái lưới, điều cốt yếu; *thường*: đức tính thường của con người).

Tam cương: ba giềng mối là vua tôi, cha con và vợ chồng.

Ngũ thường là nhân, nghĩa, lễ, trí và tín.

Cả câu ý nói đừng có đem chuyện gió trăng ra mà nói để có hại cho đạo đức luân thường.

13. *Đỉnh Giáp*: (*đỉnh*: chóp núi, *Giáp*: núi Vu Giáp. Chữ 峇 cũng đọc là *hạp*, *hiệp*) (xem chú thích câu 270).

14. *Duềnh Tương*: xem chú thích câu 343.

Câu này ý nói để nào lại đem mảnh gương trong sạch mà soi đến những cảnh tình tứ nơi đỉnh Giáp, sông Tương sau này được đâu.

XIV. DƯƠNG GIA HỒI BÁI

(Dương công thăm đáp lễ)

Một bên êm ả hiên tây,
Một bên rộn rã tiệc vầy gác đông.
Lại cho tin rước Diêu¹ cùng.
Lễ thường hồi báic² hăc ông sang nhà.
385 Tròn xoe tán ngọc thà la,³
Vườn vừa dọn chĩnh, khách đà đến chơi.
Đình Hương chìm nổi chén mồi,⁴
Những say vì nghĩa những vui vì tình.
Chề chà⁵ ông mới hỏi Sinh:
390 “Tước bình⁶ đã định tên bình đâu chưa”.
Dứt lời khúm núm bày thưa:
“Nợ thường chưa giả duyên tơ còn dành.”
Gùn ghè⁷ ông đã rắp ranh,⁸
Nhấp chăng⁹ lại dạm vắn quanh mấy lời.
395 Ông nhường rử khách thường chơi,
Khách nhường còn lấy thăm khơi¹⁰ ngại lòng.
Thuận lời vui chén thung dung,
Rằng: “Trong thế nghị¹¹ là trong một nhà.”

1. *Diêu*: tức Diêu sinh. Đoán biết thế nào Dương công cũng sang chơi đáp lễ nên Lương sinh đã mời Diêu sinh tới nhà để cùng đón tiếp.

2. *Hồi báic*: sang thăm để đáp lễ lại.

3. *Tán ngọc thà la*: đứng giữa trưa, bóng cây tròn xoe như cái tán che rợp mặt đất.

4. *Chén mồi*: chén bằng đôi mồi.

Chìm nổi chén mồi: cũng như *điu dặt chén mồi* trong *Truyện Kiều*, ý nói cạn rồi lại rót, hết chén này sang chén khác.

5. *Chề chà*: chậm chạp, thông thả.

6. *Tước bình*: (*tước*: chim sẻ) Đậu Nghi có con gái muốn kén rể, mới vẽ con chim sẻ ở bức bình phong, bảo hễ ai bắn trúng mắt con chim sẻ thì sẽ gả con gái cho. Lý Uyên bắn trúng. Đậu Nghi bèn gả con gái cho. Về sau Lý Uyên lên làm vua tức vua Đường Cao Tổ và lập con của Đậu Nghi làm Hoàng hậu. Do điển này mà các chữ *tước bình*, *bắn sẻ* có nghĩa là hỏi vợ hoặc kén rể.

7. *Gùn ghè*: chữ Nôm viết 愧慚 có thể phiên âm là *gùn ghè*, nghĩa là gạ gẫm (ĐDA).

8. *Rắp ranh*: định sẵn, toan, muốn.

9. *Nhấp chăng*: nhấp chút rượu rồi lại như có ý muốn nói ra mà còn ngập ngừng.

10. *Thăm khơi*: sâu thăm, ý nói cửa nhà quan ra vào khó khăn (rón bể cửa hầu).

11. *Thế nghị*: (*thế*: đời, *nghị*: nghĩa) tình nghĩa quen biết từ lâu.

400 Đã gần chi có điều xa,
 Lòng ta chẳng gián,¹ vườn ta lọ nề.
 Tiện đây một vách liền kê,
 Mở lần cửa khém² đi về cũng nên.
 Cho thông một cuộc hồ thiên,³
 Khi rồi hai khóa hai bên ngại gì”.
 405 Vội mừng sợ lại sinh nghi,
 Mặt nam sẵn thợ tức thì mở ngay.
 Gió đâu đem lối thày lay,⁴
 Tiện đường Dương tướng dở say lại nhà.

XV. PHU THÊ THAM TẾ

(Vợ chồng thêm rỗi)

410 Trướng khuya⁵ trầm trở⁶ đàn hòa:
 “Rằng gương dù ngựa⁷ rằng đà tướng khanh.⁸
 Rồi đây tìm cạnh mối manh,
 Bạn già được rỗi tài tình mới cam”.
 Ông bà kẻ muốn người tham,
 Tiểu thư đim ím lâu nam biết gì.
 415 Sớm giời⁹ còn đắm hơi chi,¹⁰
 Thăm hoa đã gọi Hương tỳ vội sai.
 Lá dầm lướt lướt sương mai,
 Lú lo mừng ráo¹¹ một vài tiếng chim.

1. *Lòng ta chẳng gián*: lòng ta chẳng ngăn cách thì cái vườn có nệ gì mà sợ bị ngăn cách.

2. *Cửa khém*: cửa nhỏ hai bên, phía trong nhà. (H.T.C), đây là cửa thông hai nhà.

3. *Hồ thiên*: 湖天 Chữ hồ phải viết là 壺 mới đúng. *Hồ thiên* là bầu trời. Cả câu ý nói cho thông hai nhà thành một cõi trời chung.

4. *Thày lay*: làm việc không ai mướn.

5. *Trướng khuya*: trong màn lúc đêm khuya.

6. *Trầm trở*: tức *trầm trở*, hết sức ngợi khen.

7. *Dù ngựa*: cái lọng và con ngựa, chỉ sự giàu sang.

8. *Tướng khanh*: quan đại thần giữ chức lớn trong triều đình.

9. *Sớm giời*: buổi sớm trang điểm (giời phấn)

10. *Hơi chi*: (*chi*: phấn sáp phụ nữ dùng để trang điểm), hương phấn thơm.

11. *Mừng ráo*: mừng trời tạnh ráo.

Dạo quanh lãnh hải thung tìm: ¹
420 “Cửa đâu trở dưới tường nghiêm một tòa?”
Lạ xem thuận lối dẫn dà,
Bằng vì giá thược ² lần qua ngân đường. ³

XVI. NGỘ TỶ TRẦN TÌNH

(Gặp con hầu bày tỏ tình)

Lét chừng ⁴ khói ngất bóng dương, ⁵
Bởi nao thấy một người nhường quen quen.
425 Sinh vừa sớm dạo trước hiên,
Vừa trông ngang lại, vừa nhìn rõ nhau.
Đình đàn ⁶ còn phưởng phất đâu,
Hãy xem phong phát ⁷ con hầu thử xem.
Bóng người Hương vội lánh hiềm, ⁸
430 Sinh đà ve trước ⁹ êm êm sẽ bày:
“Cùng nhau chi nợ nhau thay,
Dừng chân gạn một lời này chưa nao.
Bên cờ ¹⁰ từ lạc bè sao, ¹¹
Trước trăm năm ngấm duyên nào chi không?
435 Bấy nay đáp nhớ bộ trông,
Chút lòng đeo đẳng chút công tìm tòi.

1. *Lãnh hải thung tìm*: ý nói hải chỗ này tìm chỗ khác.

2. *Giá thược*: cái giá đỡ cho cây thược được khỏi bị gãy.

3. *Ngân đường*: (*đường*: ao) ao nước bóng loáng trông như bạc.

4. *Lét chừng*: ngó chừng.

5. *Bóng dương*: bóng cây dương liễu.

6. *Đình đàn*: cái đình màu đỏ, chỉ chỗ ở của Dao Tiên.

7. *Phong phát*: thái độ.

8. *Lánh hiềm*: (*hiềm*: nghi ngờ) tránh sự nghi ngờ.

9. *Ve trước*: nói lấy lòng trước.

10. *Bên cờ*: bên bàn cờ.

11. *Lạc bè sao*: sách *Bác vật chí* chép rằng xưa có người đi bè đến một nơi có thành quách rất nghiêm, đứng xa trông thấy trong cung có nhiều đàn bà dệt cửi và một người đàn ông vắt trâu uống nước ở bến sông. Sau người ấy về hỏi thì có người bảo cho biết rằng năm tháng ấy ngày ấy có khách tinh phạm vào sao Ngưu. Ý tác giả nhắc tích *lạc bè sao* ấy để ví Lương sinh như sao khách phạm vào sao Ngưu. (Theo ĐDA).

Nghĩ cho lỗ thố thiệt thối,
 Đài dinh ¹ may lẽ rủ soi quán bèo. ²
 Vườn thơm màn rủ gấm treo, ³
 440 Hay sao tường có bướm liêu vì hoa”. ⁴
 Thật lời Hương mới nhủ qua:
 “Tính trời băng ngọc ⁵ phép nhà băng sương. ⁶
 Éo le ai dám độc đường, ⁷
 Luống thay công cái dã tràng luống công”. ⁸
 445 Gió đâu động trận quét không,
 Ngập ngừng lòng chạnh riêng lòng đòi khi
 Kề lơn ⁹ mấy nổi nần nì,
 Thật thà chút chẳng màu xuy hơi hàn. ¹⁰
 Lành lòng thấy khách châu chan,
 450 Xót chiều Hương lại ướm han ¹¹ thử lời:
 “Hiếm nơi ngòi phẳng duênh khơi, ¹²

1. *Đài dinh*: chỉ người đài các, ở dinh thự.

2. *Quán bèo*: chỉ người tầm thường, ở nhà tranh vách đất.

Cả câu là lời nói khiêm nhường của Lương sinh cho rằng mình là kẻ tầm thường không biết có được tiểu thư ở nơi đài các để ý đến không.

3. *Màn rủ gấm treo*: ý nói cấm cung ở trong phòng, trướng rủ màn che.

4. *Bướm liêu vì hoa*: ý nói đến việc Lương sinh say mê Dao Tiên mà không biết giữ gìn.

5. *Băng ngọc*: ý nói tính nết đoan trang như ngọc trắng băng trong.

6. *Băng sương*: ý nói phép nhà nghiêm ngặt luôn giữ gìn trình tiết, trong trắng như băng như gương.

Ca bản Hoa tiên:

Thỉnh quân mạc giảng phong tình sự,

Khuê môn gia giáo lắm băng sương

(Xin chàng đừng giở nguyệt hoa,

Phép nhà nghiêm nhặt như là băng sương).

7. *Độc đường*: bày điều, mở đường làm cho kẻ nhỏ bắt chước (H.T.C)

8. *Công cái dã tràng*: ý nói mất công vô ích.

Ca dao: *Dã tràng xe cát bể đông,*

Nhọc nhàn mà chẳng nên công cán gì.

9. *Kề lơn*: bên cạnh lan can.

10. *Chút chẳng màu xuy hơi hàn*: ý nói thật thà chất phác chẳng có chút giả dối gì (như thứ kim khí chẳng có mạ, có hàn gì).

11. *Ướm han*: ướm lời hỏi han thêm

12. *Ngòi phẳng duênh khơi*: (chữ 滂 đọc là *phẳng*) chỉ nơi nước rộng sóng êm thuyền đi lại được dễ dàng.

Lá hồng ¹ bỗng nặng chi nơi nổi chìm”.
 Sinh rằng: “Khiến cải xui kim, ²
 Là trong tiếng ứng hơi tìm ³ biết đâu.
 455 Ước ao nguyên nặng dài lâu,
 Hoa đầu mớ, liễu đầy râu sá nài.
 Cầu sương dậm tuyết chiều ai,
 Dịch mai đành tỏ tin mai ⁴ những mừng.
 Hay đâu nước lạt bằng dung, ⁵
 460 Giấc xuân nở khiến chập chùng dờ say.
 Dù chẳng đoái chút nổi này,
 Bên đào đành cũng như ngày chữa ai”.
 Thiết lời Hương để êm tai,
 Sợ nhà nề khách ⁶ nói hai ngăn ngữ:

1. *Lá hồng*: do chữ *hồng điệp*. Đời Đường Hy Tông có người tên là Vu Hựu nhặt được chiếc lá từ dòng ngự câu trong cung trôi ra, trên lá có thơ đề. Hựu bèn đề mấy câu đáp lại vào lá rồi thả ở phía thượng lưu của ngự câu. Người cung nhân, *tác giả bài thơ gửi ra* là Hàn thị bắt được. Sau vua thái cung nữ, Hàn thị lấy Vu Hựu. Có lần kể lại chuyện chiếc lá đề thơ cho nhau nghe mới hay “*hồng điệp thị lương môi*” (lá thấm là môi giới).

Cả hai câu 451 – 452 diễn tả lời nói của Vân Hương bảo với Lương sinh rằng thiếu gì nơi dễ dàng hỏi vợ sao chàng cứ theo đuổi nơi khó khăn này làm gì.

2. *Khiến cải xui kim*: do câu “*Hổ phách thập giới, tư thạch dẫn châm*” là nói hổ phách hút hạt cải, đá nam châm hút cái kim; ý nói tình duyên vợ chồng do sự cảm thông lưu luyến mà nên.

3. *Tiếng ứng hơi tìm*: do câu *đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu* tức là có cảm tình với nhau.

4. *Dịch mai đành tỏ tin mai*: mượn ý ở bài thơ của Lục Khải đời Đường khi bẻ cành mai gửi về cho bạn:

Chiết mai phùng dịch sứ,
 Ký dữ Lũng Đầu nhân.
 Giang Nam vô sở hữu,
 Dao tặng nhất chi xuân.
 (Hái mai nhân gặp người trạm,
 Gửi cho người ở xứ Lũng Đầu.
 Ở Giang Nam không có gì,
 Chỉ xin tặng một cành xuân).

Do bài thơ này, về sau người ta mượn chữ *mai dịch* để chỉ sự gửi tin tức. Hai câu 457 - 458 ý Lương sinh muốn nói: tôi đợi ở nơi dậm tuyết cầu sương này lạnh lùng hiu quạnh chỉ mong có được tin tức thỏa lòng như người xưa gửi cành mai vậy.

5. *Nước lạt bằng dung*: chỉ thái độ lạt lẽo thờ ơ của Vân Hương trước những lời năn nỉ nhờ vả của Lương sinh.

6. *Sợ nhà nề khách*: sợ phép nhà nhưng lại nề Lương sinh.

465 “Phép trong đâu chẳng e giờ,
 Vì người vâng sẽ thử chờ để xem.
 Họa khi gió khiến mây đem,
 Điểm thành cho động đá mềm ¹ dễ đâu.
 Ví mà đêm lạnh lỗi câu, ²
 470 Phận kia dầu vậy thôi dầu vậy thôi”.
 Chợt nghe sâu chợt trở vui,
 Ôn này đành nhẫn bìa vùi đá rêu.
 Bày trao hết các mọi điều.
 Đã về sinh lại tốc theo tin tường.
 475 Ngẩn ngơ mới hỏi tên Hương:
 “Buồng trong ai nớ quen thường hầu trong?”
 Đứng dừng Hương lại kể cùng,
 Vội pha nẻo cũ thẳng trông về lầu.

XVII. KHUÊ CÁC ĐẠT TÌNH

(Tỏ tình ở gác khuê)

480 Vắng thênh mới đệ hoa hầu, ³
 Quở rằng: “Cũng mải rong đâu lo về?” ⁴
 Tiện lời rón rén tỉ tê,
 Dở bề soát sinh ⁵ dở bề mách mao: ⁶
 “Kể từ lạc lối vườn nào,
 Làm sao gặp gỡ làm sao nói bày.
 485 Đong đưa ⁷ nảo nuốt chiều thay,
 Giấy kia dễ chép ⁸ trượng này khôn đo.
 Nhẹ nhàng gượng nhủ nhẹ cho,

1. *Điểm thành cho động đá mềm*: ý nói Vân Hương muốn dù cô tội lòng có cứng như đá nhưng nếu chàng có tấm lòng thành cũng có thể làm mềm đi được.

2. *Lỗi câu*: không câu được cá, cá chẳng bén mồi.

Hai câu 469 - 470 ý nói nếu như duyên chẳng bén duyên thì đó là do số phận cũng đành chịu vậy.

3. *Đệ hoa hầu*: Vân Hương đưa hoa lên cho Dao Tiên.

4. *Lo về*: tức là chẳng lo về.

5. *Soát sinh*: ý nói lúng túng tìm cách trả lời để đi vào từng chi tiết.

6. *Mách mao*: ý nói bịa đặt thêm để mách lại Dao Tiên.

7. *Đong đưa*: trai lơ trao trát.

8. *Dễ chép*: chưa dễ gì đã chép được, khôn chép.

Càng xui châu chã ¹ tơ vò càng thương.
 Rẻ xem núi ngọc non vàng,
 490 Tắc thành là thép là gang đổ rền. ²
 Ngày giêng nhớ cũ dưới đèn,
 Đây đà nhắc giá thanh niên hiếm tày. ³
 Máy lâu tưởng võ trông gầy,
 Xưa lại phần độ còn nay nửa phần.
 495 Ấp cây ⁴ mãi mực trần trần
 Nặng tình đành nhẹ đến thân có người.
 Nghe thôi lạng lẽ đòi thôi,
 Ngọc khoan khoan mới mở lời rỉ trao:
 “Mảnh tiên từ thấy thơ nào,
 500 Bể tình dễ thấm nên khao ⁵ ruộng lòng. ⁶
 Tiếc cho cửa tướng nhà dòng,
 Phong tao tài điệu khéo nhòng ⁷ ai so.
 Kẻo lần mượn mối trao cho,
 Ấy tròn gương nguyệt, bóng mờ bóng mây.
 505 Là điều thuận miệng vắng đây,
 Mạch rừng ⁸ bùng bít cho hay chẳng vừa”.
 Chợt nghe truyền gọi tiểu thư,
 Lánh sau Hương những lửa cơ mách chàng.

1. *Châu chã*: nước mắt rơi lã chã.

2. *Rẻ xem ... đổ rền*: hai câu này ý nói vì tấm tình với Dao Tiên là bền vững lắm nên chàng đã không tiếc tiền để mua lấy một sở vườn ở gần.

3. *Ngày giêng ... hiếm tày*: hai câu này ý nói ngày trước khi Lương sinh vào xem cuộc cờ dưới đèn thì trông đây đà, thật có phong độ ít có thanh niên nào sánh tày.

4. *Ấp cây*: do chữ *thủ châu* là khu giữ lấy gốc cây. Hàn Phi Tử chép: có người ở nước Tống đi cày nhân thấy một con thỏ chạy va vào gốc cây mà chết thì anh ta cứ bỏ cày lại ngồi ở gốc cây đợi con thỏ khác. Vì sự si mê ngu dại ấy nên về sau mới có thành ngữ *thủ châu đãi thỏ* (ôm gốc cây đợi thỏ).

5. *Khao*: khô khao, ý nói trong lòng cũng khao khát tình như ruộng khô khát nước.

6. *Ruộng lòng*: do chữ *tình điền* là cái chỗ mà cảm tình phát sinh ra, đúc hột giống ái tình ở đó, tức cái lòng nuôi sẵn ái tình.

7. *Nhòng*: cao như cao nhòng (H.T.C).

8. *Mạch rừng*: mạch nước dù chảy ngầm trong rừng cũng sẽ bị lộ ra. *Tại vách mạch rừng* là rừng có mạch, vách có tai, phải cẩn thận lời nói. (H.T.C).

XVIII. PHỤC NGỘ VÂN HƯƠNG

(Lại gặp Vân Hương)

510 Bình mai ¹ đã lọt tin sương, ²
Song đồng ³ khách hãy mơ màng bàn mê. ⁴
 Thói quyền ⁵ không khảnh đã lê, ⁶
Miệng hầu vát vẻo đi về khôn tin.
 Vẽ lòng há chẳng nên thiên,
Lại e giấu giếm mà phiền tiếng tăm.
515 Chiêu chăm ⁷ nhắm nhó ⁸ nhường chăm,
Nách tường lại cứ quen dằm ⁹ xa nom,
 Non tà lạt khói rìa tôm, ¹⁰
Ráo cành nhao nhác nha hôm ¹¹ điểm sầu.
 Dải là thoi thót bởi đâu,
520 Phải Hương ¹² đấy chốc nhìn lâu tỏ chừng.
 Chào xa hơn hở từng bừng:
 “Động xuân hẳn có tin mừng đêm nay.”
 Hương rằng: “Dạy sổ sàng thay!
Hội đào rước bạn tiên vậy là chơi!
525 Chịu lời cũng muốn đất lời,
Bên sông trót đã lỡ mỗi buồng câu.

1. *Bình mai*: (*bình*: bình phong, *mai*: hoa mai, chữ dùng cho đẹp lời) chỉ phòng Dao Tiên ở.

2. *Tin sương*: do chữ *sương tin*, tên riêng để gọi chim nhạn. Chim nhạn ở phương Bắc mỗi khi bay đến thì người ta biết rằng sắp có sương mù. *Tin sương* sau được dùng để chỉ tin tức.

3. *Song đồng*: song cửa phía ngoài sân có trồng cây ngô đồng.

4. *Bàn mê*: bàn hoàn mê mẩn, bối rối ở trong lòng.

5. *Thói quyền*: thói những người hầu hạ các nhà quyền quý.

6. *Đã lê*: đã quen thói.

7. *Chiêu chăm*: chăm chiêu trông ngóng chăm chú vào nơi Dao Tiên ở.

8. *Nhắm nhó*: cũng như *nhắm nhía*, coi xem chăm chỉ mà có vẻ nôn nóng, không yên lòng.

9. *Quen dằm*: (*dằm*: dấu vết, dấu in xuống) quen đường đã đi, quen lối đi. (*Rắn đi còn dằm*: lần nó bò hãy còn lại, chỉ nghĩa không mất dấu tích).

10. *Nhạt khói rìa tôm*: khói nhạt chỉ còn những làn nhỏ thưa thớt (*Rìa tôm*) (râu tôm): le the, thưa thớt. (H.T.C).

11. *Nha hôm*: quạ chiều hôm.

12. *Phải Hương đấy chốc*: có phải Vân Hương đấy thực chăng?

Vực sâu còn đợi dò lâu,
 Thuyền trắng bỗng ráp nổi đầu nhường này!
 Vụng hèn xin chước ¹ từ đây,
 530 Tìm đâu nhận khác ² gửi mây ³ được đành.”
 Thấy lời sinh lại dễ đành,
 Rạng màu tô tỉnh ⁴, dịu vành khuyên van.
 Đủ no cạnh dạm ý bàn,
 Một hai lại cậy, thiên vãn chữa quên.
 535 Người lại gác, kẻ về hiên,
 Ngày phiên chăm dõi bóng phiên kể phân.

XIX. CHỦ TỶ KHÁN NGUYỆT

(Chủ tớ xem trăng)

Lầu trang vàng chợt rắc sân, ⁵
 Đầu thu vừa gặp giữa tuần trăng thanh.
 Rước trăng giục giao cuốn màn.
 540 Tớ thấy thơ thần tựa quanh triện mỗi. ⁶
 Cùng Vân Hương sẽ rĩ lời:
 Bốn mùa cảnh bốn mùa trời thanh thay,
 Thu đầu chừng nửa tháng nay,
 Là trăng là nước là mây thực là!
 545 Đòi cơn gió thoảng vàng pha, ⁷
 Lạnh thui từng cụm liễu già khói tan.
 Chực bên Nguyệt cũng thở than:
 Giục người phong cảnh năm tàn lại năm,
 Nhớ ngày nào liễu ấy nhâm. ⁸
 550 Le te bên vũng cõ tầm ngang vai.
 Chợt đâu gốc cả cảnh dài,
 Đã sương đã khói ⁹ đã vài năm nay.

1. Chước: miễn cho.

2. Nhận khác: ý nói tìm người khác mà nhờ đưa tin.

3. Gửi mây: đưa tin cho người đẹp (vân nga = người tiên ở trong cung mây).

4. Tô tỉnh: (tô: sống lại) nói người đang ngủ mà thức dậy (Thiều Chửu).

5. Vàng chợt rắc sân: ánh trăng vàng vừa mới soi trên sân.

6. Triện mỗi: lan can có hình chữ triện khảm đôi mỗi.

7. Vàng pha: lá cây liễu đã bắt đầu ố vàng.

8. Liễu ấy nhâm: cây liễu ấy mới giâm.

9. Đã sương đã khói: ý nói cây liễu đã cao lớn và đã trải qua bao lần khói tỏa sương lồng.

Xuân sang lục mới khoe mày, ¹
 Thu về vàng đã ố tay ² lộ gì.
 555 Tưởng người lấy liễu mà suy,
 Người khi xuân cỗi, liễu khi thu cần.
 Liễu khi thu lại còn xuân,
 Người kia xuân dễ mấy lần xanh chẳng.
 Nói lời Hương lại cật rằng:
 560 “Gió mây ³ khôn xiết nói năng sự đời.
 Chơi trăng hãy nói trăng chơi,
 Vẽ trong soi biết cỗi người mấy thung. ⁴
 Người thì trướng xấp uyên chồng ⁵
 Người thì cầm lấp ⁶ loan chung ⁷ chữa dừng. ⁸
 565 Người thì nương bóng trông vừng,
 Người e áo mảnh ⁹ người ngừng quê khơi. ¹⁰
 Lại người bướm Sở Dương dài, ¹¹
 Giấc tàn mếch thấy hiên cài ¹² ngấn ngơ.
 Cũng sầu song cũng vừa vừa,
 570 Riêng người gởi chiếc tương tư là sầu.
 Thanh cao ¹³ soi dễ thấu đầu,
 Nên soi đầu cũng một màu thanh cao.
 Là người liệu liệu lấy nao,
 Một xuân một tuổi cỡ nào luống qua.
 575 Dù vui dù tẻ cũng là
 Bóng đưa trăng mọc trăng tà đợi ai.

-
1. *Lục mới khoe mày*: lá liễu khoe màu xanh, ví với lông mày phụ nữ (mày liễu).
 2. *Ố tay*: vàng ố ra tay.
 3. *Gió mây*: gió cuốn mây bay, ý nói đời người qua mau.
 4. *Mấy thung*: mấy nơi, mấy xứ.
 5. *Trướng xấp uyên chồng*: (*trướng*: màn, *uyên*: gởi thêu uyên ương) ý nói đến cảnh vợ chồng nơi chăn màn êm ấm.
 6. *Cầm lấp*: đàn họa với nhau, vợ chồng hòa hợp.
 7. *Loan chung*: (*loan*: gởi loan) vợ chồng chung chăn gởi với nhau.
 8. *Chữa dừng*: chữa được như thế.
 Cả câu ý nói có những người chưa từng được hưởng cảnh vợ chồng lứa đôi êm ấm.
 9. *Người e áo mảnh*: người e cảnh lạnh lẽo thương chồng một mình ở nơi xa xôi.
 10. *Người ngừng quê khơi*: người ở nơi xa xôi sầu nhớ quê nhà.
 11. *Người bướm Sở Dương dài*: người mơ đến cảnh ân ái với người yêu.
 (Xem thêm chú thích câu 270).
 12. *Hiên cài*: chỉ ánh trăng chiếu xiên qua cửa phòng như vào hiên nhà.
 13. *Thanh cao*: chỉ trời xanh ở trên cao.

Đàn châu réo rất bên tai,
 Lửa châu chất chỗ nhường khơi trận hùng.
 Sầu châu dở dối biếng rằng,
 580 Nhủ hoàn khép triện đẩy trắng trả trời.¹
 Thủng tha² loan liệng về đài,³
 Mặt giồi⁴ lau sạch mối cài⁵ tháo tung.
 Buông màn thoáng đã vào trong,
 Gối tiên trần trọc luống dong canh dài.
 585 Bàn riêng những chuyện mới rồi,
 Máy lời Hương, Nguyệt thật lời nói ngay.
 Lân la mười sáu xuân chầy,
 Tơ kia quẩn, bóng kia xoay⁶ mấy mà.
 Xót thay cho kẻ vì ta,
 590 Liễu gãy trắng lạnh⁷ sa đà⁸ những lâu.
 Giá nào, nào dễ mấy đâu,⁹
 Duyên nào, nào biết về sau nhường nào.
 Dìu sầu¹⁰ nhẩn suốt tàn sao,¹¹
 Tiếng gà đã gọi lâu cao dậy nằm.

1. *Đẩy trắng trả trời*: đẩy mặt trắng trả lại cho ông trời, ý nói đóng cửa lại. Câu này mượn ý ở câu đối của Tô Tiểu Muội (em gái Tô Đông Pha) ra cho chú rể trước khi làm lễ hợp cẩn: “*Bế môn thôi xuất song tiền nguyệt*” = đóng cánh cửa đẩy trắng ra ngoài song cửa.

2. *Thủng tha*: thông thả đi.

3. *Loan liệng về đài*: (*loan*: chim loan thêu ở chiếc hài, chỉ chiếc hài) ý nói đi về nơi đài trang.

4. *Mặt giồi*: mặt đánh phấn.

5. *Mối cài*: mái tóc thành mối.

6. *Tơ kia quẩn, bóng kia xoay*: (*tơ*: tơ liễu; *bóng*: bóng trắng) ý nói đã trải mấy lần tơ liễu rủ quẩn theo gió, bóng trắng soi xoay quanh rồi.

7. *Liễu gãy trắng lạnh*: Lương sinh tương tự đến nỗi thân đã gãy như liễu và lòng cũng trống trải như trắng lạnh.

8. *Sa đà*: mê đắm (H.T.C).

9. *Giá nào, nào dễ mấy đâu*: ý nói Lương sinh cũng là người có giá trị như thế nào chứ đâu phải là hạng tầm thường.

10. *Dìu sầu*: mối sầu cứ liên miên ám ảnh (dìu dặt) hết rồi lại tiếp tục.

11. *Tàn sao*: lúc trời đã gần sáng khi sao đã bắt đầu lặn dần.

XX. HOA TIÊN PHỤC NGÔ

(Lại gặp ở vườn hoa)

595 Trang thôi ¹ nhẹ nhẹ nung cầm, ²
 Bóng duên ³ lạng ngấm chiều dăm dăm chiều. ⁴
 Hương đà lét trước bình thù,
 Tình hôm nay, hẩn vì điều hôm qua,
 Gởi rằng: “Vườn mới thêm hoa,
600 Êm cơ phải buổi hay là viếng chơi.”
 Phải lời nàng cũng tin lời,
 Một Hương theo gót nhẹ dời sân ngô. ⁵
 Chòm chòm sương khói điểm tô,
 Đầu cây rắc phấn mặt hồ trau gương. ⁶
605 Rập rờ lạnh bước lần sang
 Cửa son bỗng thoáng bóng chàng bởi đâu.
 Lần lửa sá quản Hương sau,
 Quày sen ⁷ nhẹ nhẹ dạo mau vội về.
 Chặn ngang sinh đã trước kê,
610 Cật chừng giữ đất ⁸ rứt rứt ghé xiên.
 Chán chường ⁹ bên liếc bên nhìn,
 Nhìn bên càng mạn, liếc bên khi gầy.
 Định tình sinh sẽ sẽ bày:
 “Duyên chi may lại phen này gặp nhau.

1. *Trang thôi*: trang điểm xong.

2. *Nung cầm*: nâng cây đàn lên. Bản Nôm viết 琴 (cầm).

3. *Bóng duên*: ánh nắng buổi sáng trên mặt nước.

4. *Chiều dăm dăm chiều*: (*chiều*: vẻ, dáng) vẻ ưu tư như đang trông ngóng một điều gì.

5. *Sân ngô*: sân có trồng cây ngô đồng.

6. *Trau gương*: bóng lộn như gương.

7. *Quày sen*: (*sen*: gót sen, do điển *Kim Liên*: xưa Đông Hôn Hầu cho đúc hoa sen bằng vàng lát trên mặt đất bảo Phan Phi bước lên mà đi rồi khen rằng: bước chân của nàng sinh ra bông sen vàng; vì thế về sau người ta thường gọi gót chân người con gái đẹp là *gót sen*), quay gót lại, đi trở về.

8. *Cật chừng giữ đất*: tìm mọi cách ngăn lối không cho đi.

9. *Chán chường*: tỏ tường, bày ra trước mắt (H.T.C) (*Thấy chán chường*: thấy rõ).

Cả câu ý nói hai bên nhìn nhau đã rõ mặt.

615 Mảnh riêng đắng đót ¹ bấy lâu,
 Tiện lân ² phỏng thấy bên lầu chút chẳng.
 Ngày xanh ³ đã dễ đâu rằng,
 Luống thay cũ gió tuần trăng ⁴ hỡi người.”
 Ngượng ngừng e tiếng dè hơi,
 620 Gọi Hương mau bước liệu lời cho nao.
 Khi nay sửa mũ dưới đào, ⁵
 Cớ chi lễ cấm phép rào ⁶ chẳng kiêng,
 Nhịn ngừng ⁷ sinh lại rén chiềng:
 “Lẽ chung đành vậy, tình riêng nổi là.
 625 Đeo đai ⁸ trót một tiếng đà,
 Đài thiêng ⁹ hổ ¹⁰ có trăng già chứng lâm. ¹¹
 Sở nguyên ví chẳng tòng tâm,
 Cũng liều đầu bạc dám lâm tuổi xanh.” ¹²

1. *Đắng đót*: cay đắng, đau khổ.

(H.T.C có chữ *đắng đót*)

2. *Tiện lân*: (Chữ *tiện* 便 không phải do chữ *sứ* 使 lộn thành).

Đào Duy Anh đã chép là *sứ lân* và đã giảng *sứ lân* là tin cá và đã đưa thêm hai điển tích để minh chứng. Nhưng ông đã nhầm vì chính trong quyển *Từ điển Hán Việt* của ông đã có chữ *tiện lân* là hàng xóm nghèo hèn (lời khiêm xưng).

Ở câu 616 “*Tiện lân phỏng thấu bên lầu chút chẳng*” Lương sinh muốn nói một cách khiêm nhường với Dao Tiên rằng nỗi lòng đau khổ của kẻ lảng giềng hèn mọn này có thấu được đến chỗ lầu cao của tiểu thư chút nào chẳng? (*Tiện lân* đặt đối với *lầu trang* mới có nghĩa).

3. *Ngày xanh*: lúc xuân xanh, lúc còn trẻ tuổi.

4. *Cũ gió tuần trăng*: chỉ tháng ngày chờ đợi qua đi đã khá lâu rồi, hết cũ gió này đến tuần trăng kia.

5. *Sửa mũ dưới đào*: ý nói làm chuyện dễ gây ra mối nghi ngờ như đi dưới cây đào, không nên giơ tay lên sửa mũ sợ bị người ta nghi là hái trộm quả đào. Bài *Quân tử hạnh* của Ngụy Võ Đế có câu: “*Qua điền bất nạp lữ, lý hạ bất chỉnh quan*” (ở trong ruộng dưa không nên cúi xuống sửa dép, ở dưới cây mận không nên giơ tay sửa mũ).

Từ câu 621 đến câu 624 là lời của Vân Hương nói đỡ cho Dao Tiên.

6. *Lễ cấm phép rào*: lễ phép ngăn cấm.

7. *Nhịn ngừng*: nén cảm xúc nhưng còn ngập ngừng chưa nói được lên lời.

8. *Đeo đai*: đeo đuổi.

9. *Đài thiêng*: tức *linh đài*, tâm linh của người ta, chỉ con tim, tấm lòng.

10. *Hổ*: hổ thẹn.

11. *Chứng lâm*: (*lâm*: đến) chứng minh đến cho.

12. *Lâm tuổi xanh*: phí tuổi xanh.

Cả câu ý Lương sinh muốn nói nếu tôi chẳng được toại nguyện (lấy được cô) thì tôi xin thề rằng dù cho đến lúc đầu bạc vẫn liều ở vậy với tuổi xuân xanh này.

630 Nặng lời chẳng lẽ làm thình,
 Rằng: “Trong cửa cửu buồng canh biết gì.
 Dấu cho nên lẽ sân thi,
 Cũng tùy chốn lựa cũng tùy nơi xe.
 Chia đường hãy tránh cho về,
 Dở dong đâu nữa chẳng dè chút đâu.”
 635 Nể lời khôn lẽ cầm lâu,
 Tránh ngang sinh lại theo sau gạn nài:
 “Lời vàng ý ngọc dám sai,
 Lửa gần lại dạy cho bài nước xa.¹
 Tin kinh diệu vợi² tin nhà
 640 Thưa chừng,³ những sợ hoặc là sao chẳng.
 Lẽ chi gần bó gọi rằng,
 Cho đành mối gió tin trăng sau này.”
 Tai nghe gót dạo dạo giày.
 Mắt đưa kẻ luống trông ngây tịn lâu.

XXI. ĐỐI HOA TỰ THÁN

(Tự than với hoa)

645 Về song vò võ mây chau,
 Một phen gặp cũng thêm rầu một phen,
 Mấy hoa⁴ những ngại ngừng duyên,
 Thôi hờn nhị thắm, thì ghen nộ vàng.
 Nàng từ trở lại buồng trang,⁵
 650 Nhường xui canh cánh nỗi chàng biếng khuấy,
 Thảo nào Nguyệt nói Hương bày,
 Thấy tình thực cũng thiết thay là tình.
 Dừng đừng nước vốn xuôi duyên,

1. *Lửa gần ... nước xa*: cả câu ý nói lòng Lương sinh đang nôn nóng như lửa cháy mà Dao Tiên lại bảo lấy nước rưới tắt đi, thì làm sao mà chờ đợi cho được.

2. *Tin kinh diệu vợi*: tin Lương công ở Kinh đô còn cách bức khó khăn chưa nhận được.

3. *Tin nhà ... thưa chừng*: tin mẹ ở nhà thì ít khi nhận được (thưa chừng), không biết có làm sao không.

4. *Mấy hoa*: với hoa.

5. *Buồng trang*: tức *trang đài*, phòng riêng của con gái để trang điểm.

Hoa sao hoa khéo vẫn ghềnh chiều xuân.¹
 655 Lời đầu quyến luyến thanh tân,²
 Rủ rê gió Sở mây Tần^{3,4} bởi ai.
 Thốt chi⁵ phong vị lâu đài,
 Trách chi lũ hướng⁶ khách hoài⁷ khiến sao.
 Thà cho xong một bề nào,
 660 Chẳng thà dắc dở hôm dao⁸ nhường này.

XXII. CHỦ TỶ TƯ ĐÀM

(Chủ tớ chuyện trò riêng)

Non xuân⁹ trễ chút mái mây,¹⁰
 Phượng xo phím tựa¹¹ uyên gầy gác treo¹²
 Dòm nên Hương đã biết chiều,
 Chiềng: Sao rày đáng cưu điều chi¹³ vay?

1. *Chiều xuân*: về xuân, chỉ tình yêu của Lương sinh.

Cả hai câu 653 - 654 ý nói lòng của Dao Tiên cứ vô tình dửng dưng như nước chảy xuôi mà lòng của Lương sinh lại cứ như hoa nổi trôi trên ghềnh ra chiều khêu gợi, tình xuân dào dạt.

2. *Thanh tân*: xanh tốt, mới mẻ; ý chỉ người con gái còn trẻ tuổi. Cả câu ý nói lời của Lương sinh khiến cho Dao Tiên cũng phải đem lòng yêu mến.

3. *Gió Sở mây Tần*: đúng ra là mưa Sở mây Tần. *Mưa Sở* theo điển non Vu, chúa Sở câu 270 và câu 272 và *đỉnh Giáp* câu 380.

4. *Mây Tần*: do chữ *Tần vân*. Tấn thư có câu: "*Tần vân như mỹ nhân*" (mây Tần như người đẹp), ở đây gió Sở mây Tần ý nói chuyện trai gái yêu đương.

5. *Thốt chi*: nói chi.

6. *Lũ hướng*: (lũ: quán khách trọ) cảnh xa nhà.

7. *Khách hoài*: cảnh xa quê hương.

8. *Dắc dở hôm dao*: (dao: xa) nhắc nhở hoài những ngày xa cách.

9. *Non xuân*: do chữ *xuân sơn* ý nói lông mày nhát như vệt núi về mùa xuân (*mì đạm xuân sơn*).

10. *Mái mây*: mái tóc mây.

Cả câu ý nói mái tóc không chải để xoa xuống lông mày.

11. *Phượng xo phím tựa*: (xo: buồn xo, buồn quá) Dao Tiên lựa phím gảy nên những tiếng nghe buồn bã quá. (*Phím phượng* dùng để chỉ cây đàn vì trong văn học Trung Quốc thường nói đến cây đàn Phượng hoàng trụ của Triệu Phi Yến đời Hán).

12. *Uyên gầy gác treo*: (*Uyên* dùng thay cho chữ *loan* tức gương loan, chỉ tấm gương soi) ý nói Dao Tiên nhìn vào tấm gương soi ở trong phòng (trên gác) thì thấy vẻ người gầy hằn đi.

13. *Cưu điều chi*: có mang điều tâm sự gì trong lòng.

665 Gởi rằng: “Hiu hắt trở may,
Chiều thu nhường cũng nên say chiều người”.
Mượn thu Hương lại uốn lời,
Tả nơi thu tứ bàn nơi thu tình.
Đá đưa ¹ như khấy tầm oanh ²
670 Cạn lời nàng phải đình ninh dạy cùng.
Rằng: “Đà nấy dạ thác lòng, ³
Liệu xem lọ phải gạn gùng ⁴ lắm chi.
Người hầu gỗ đá tri tri,
Đã hay tình ấy còn suy lẽ này.
675 Thói đời giọt nước cơn mây, ⁵
Đấu nào ao được vơi đầy mà tin.
Lại khi đôi tuổi ⁶ kén duyên,
Biết rằng đã hẵn như nguyên cho chưa.
Bây giờ chẳng bỏ bấy giờ,
680 Luống giây điều nghĩ ⁷ mà dơ trò cười”.
Hương rằng: “Vâng cũng như lời,
Thấy chàng ổn trọng ⁸ khác với thường nhân.
Nền thi lễ nếp đai cân, ⁹
Vẻ nào phỏng nhắc đồng cân cũng già.
685 Nghĩ người lại ngắm nghĩa ta,
Đòi nhân sinh đệ nhất là lứa đăm. ¹⁰

1. *Đá đưa*: nói bóng nói gió, lấy sự vật này mà tả động sự vật khác.

2. *Tầm oanh*: (*oanh*: quanh vòng) ý nói ruột rối như tơ vò.

3. *Nấy dạ thác lòng*: ý nói Dao Tiên đã từng bày tỏ nỗi lòng với Vân Hương.

4. *Gạn gùng*: hỏi đến cùng cho biết rõ tất cả mọi sự việc, mọi chi tiết.

Cả câu ý nói: Dao Tiên muốn nói với Vân Hương rằng cứ liệu xem đủ biết lòng nàng, khỏi phải hỏi thêm gì nữa.

5. *Giọt nước cơn mây*: (*giọt nước* chỉ lạt lẽo, *cơn mây* chỉ mỏng manh) chỉ thói đời bạc bẽo.

6. *Đôi tuổi*: nói đến việc so đôi tuổi xem có hợp hay không.

7. *Luống giây điều nghĩ*: Dao Tiên nói với Vân Hương rằng nếu ta đây cứ vương vấn nghĩ đến mối tình với chàng bao nhiêu thì chỉ làm trò cười cho thiên hạ bấy nhiêu.

8. *Ổn trọng*: (*ổn*: yên ổn, *trọng*: coi trọng không khinh xuất) nói thái độ nghiêm trang đứng đắn của Lương sinh.

9. *Đai cân*: (*đai*: cái đai áo của các quan, *cân*: cái khăn) chỉ y phục của các quan.
Nếp đai cân: nề nếp con nhà quan.

10. *Lứa đăm*: tức lứa đôi. Tác giả đã đổi *đôi* thành *đăm* cho hiệp vần với câu dưới. Cũng có thể hiểu *đăm* là đăm mê và *lứa đăm* là đôi lứa yêu nhau tha thiết.

Ngọc lành nhắc giá ¹ mới cam,
 Làm chi đợi đến phải nhàm ong ve. ²
 Lắm khi bạc mẫu ³ trầm tre, ⁴
 690 Châu nghìn đấu, ⁵ gấm nghìn xe ⁶ cũng liều.
 Từ xưa tài sắc cũng nhiều,
 Để gương ngẫm biết bao nhiêu đấy là.
 ải mây ⁷ oán điệu tỳ bà, ⁸
 Dấu giày non Mã ⁹ sương pha nên đồ.
 695 Buồm sen khói vờn năm hồ, ¹⁰
 Lắm tấm bờ cỏ sông Ô ¹¹ lấp đường.
 Tưởng nơi cung lạnh ngồi ngang,
 Phú Tương Như ¹² dễ nghìn vàng chác nên.

1. *Ngọc lành nhắc giá*: chữ trong *Luận ngữ*: *Mỹ ngọc thiện giá*, ý nói đã gặp được người xứng đáng để kết bạn trăm năm.

2. *Ong ve*: con ong và con ve, ý nói tiếng chê bai của người ngoài.

Cả câu ý nói chớ kén chọn quá để rồi lỡ làng ra mà phải nghe những lời chê bai của thiên hạ.

3. *Bạc mẫu*: đồ bằng bạc giả để làm mẫu hàng.

4. *Trầm tre*: gốc tre dùng giả làm trầm, chỉ đồ giả.

Cả câu ý nói nhớ lắm khi gặp phải kẻ giả dối chỉ có cái mẽ ngoài mà không có tài đức.

5. *Châu nghìn đấu*: (*đấu*: đồ dùng để đong thóc gạo) châu báu nhiều cả nghìn đấu.

6. *Gấm nghìn xe*: gấm nhiều cả nghìn xe.

Cả hai câu 689-690 có nghĩa là nếu lấy phải kẻ lừa dối thì dầu đám cưới có to mấy cũng chẳng làm gì, phải liều như là không vậy.

7. *ải mây*: cửa ải ở nơi biên giới có núi cao mây phủ.

8. *Điệu tỳ bà*: nhắc đến tích Chiêu Quân bị gả cho chúa Hung Nô, khi qua Nhạn Môn Quan gảy bài đàn oán trách vua Hán Nguyên Đế.

9. *Dấu giày non Mã*: Dương Quý Phi được Đường Minh Hoàng rất yêu dấu. Khi xảy ra vụ loạn An Lộc Sơn, nhà vua đem Dương Quý Phi chạy vào đất Thục. Nhưng đến núi Mã Ngôi, quân sĩ đòi vua phải giết Dương Quý Phi rồi mới chịu đi. Vua phải nghe theo.

10. *Năm hồ*: tức *Ngũ hồ*. Tây Thi, gái nước Việt, đời Xuân Thu được vua Việt gả cho nước Ngô để dùng kế mỹ nhân làm cho nước Ngô suy yếu theo kế hoạch của Phạm Lãi. Theo truyền thuyết, sau khi diệt được nước Ngô, Phạm Lãi đem Tây Thi đi dạo khắp Ngũ hồ rồi mất tích.

11. *Cỏ sông Ô*: Ngu Cơ là vợ yêu của Hạng Võ (Tây Sở Bá Vương). Trong trận đánh ở Cai Hạ, Hạng Võ bị quân của Lưu Bang (Hán Cao Tổ) vây chặt. Không muốn làm bận chân chồng, Ngu Cơ đã lấy kiếm chồng tự sát nhưng rồi trận ấy Hạng Võ cũng bị thua và phải tự trầm ở Ô Giang. Người ta cho rằng hồn Ngu Cơ đã nhập vào thứ cỏ ở bờ sông Ô gọi là *cỏ Ngu mỹ nhân*.

12. *Phú Tương Như*: Trần Hoàng hậu, vợ Hán Vũ Đế, vì quá ghen mà vô lễ với vua bị đẩy ra *Trường Môn cung* (cung lạnh). Biết Tư mã Tương Như có tài văn chương, bà sai đem nghìn vàng nhờ làm cho bài *Trường Môn phú* dâng lên vua. Vũ Đế cảm động tha tội cho và cho phục lại làm Hoàng hậu.

Sao bằng đôi lứa phỉ nguyên,
700 Chữ tình thêm vẹn chữ duyên thêm nồng.
Nghĩ lòng dù chẳng quyết lòng,
Cắm sào cắm khách¹ chờ trông được nào”.
Dở lời chưa dạy rằng sao
A hoàn đầu bỗng pha vào việc ngang.

XXIII. THÊ BIỂU CHÂN TÌNH

(Thê tỏ lòng thật)

705 Chắc tin Hương những trẻ tràng,
Ngóng tin sinh luống bên tường chờ thăm.
Trung thu vừa giữa tiết rằm,
Viện thơ² chụm thưởng sân cầm³ chòm chơi.
Trước lơn riêng nặng một người,
710 Tơ duyên lần nhắc chén mỗi để dung.
Hoa in trúc động⁴ mơ chừng,
Lần trông cửa tía vợi ngừng gác son.
Tiêu đầu rủ phượng⁵ véo von,
Một xoang⁶ như gọi nước non mấy niềm.
715 Phát phơ trướng liễu buông rèm,
Bóng đầu mây lẫn màu xiêm rõ ràng.
Nói cười sang sảng gieo vàng,
Nhờn nhớ với Nguyệt với Hương trước đình.
Dạo ra tới trước tự tình,
720 Rằng: “Đà được thỏa sinh bình chút chiu.
May đây xin một hai điều,

1. *Cắm sào cắm khách*: ý nói chờ đợi để kén được người tài đức xứng đôi vừa lứa.

2. *Viện thơ*: trong viện thì họp nhau ngồi thưởng thức thơ.

3. *Sân cầm*: ngoài sân thì họp nhau ngồi nghe gảy đàn.

4. *Hoa in trúc động*: mượn ý của câu thơ trong *Tây sương ký*: *Cách tường hoa ảnh động, nghi thị ngọc nhân lai* (cách tường bóng hoa lay động, tưởng người đẹp đến). Cả câu ý nói Lương sinh mong ngóng Dao Tiên đã tưởng như có người đẹp đến với mình.

5. *Rủ phượng*: tích Tiệp Sử đời Xuân Thu có tài thối ống tiêu, lấy vợ là nàng Lộng Ngọc, con gái vua Tần Mục Công. Lộng Ngọc có tài thối ống sành bằng ngọc. Mỗi khi hai vợ chồng hòa thối với nhau thì có chim phụng bay xuống châu.

6. *Xoang*: điệu hát, điệu đàn.

Đêm lành khéo lẽ sương gieo ¹ hẹn lành”.
 Nỏ chơi ² Nguyệt hây đành hanh,
 Nàng rằng: “Đây chẳng là ghềnh Mã Dương. ³
 725 Liệu xin bảo trọng phải đường,
 Nặng lời trẻ mỗ nên nhường chẳng thông”.
 Nấu nung đâu đã sẵn lòng,
 Chợt nghe chợt chã đôi dòng nhường pha.
 Nỗi niềm thần thử gần xa,
 730 Một chiều càng một thiết tha một chiều,
 Vả vì nỗi chút bấy nhiêu,
 Ngấn bào ngọc đượm ít nhiều thử coi.
 Thương ưa phải sự ép đòi,
 Lượng xuân ⁴ đành quyết hẹp hòi chốc ru!
 735 Thắm cao dám trách gương thu, ⁵
 Trách chẳng trách lẫn đường tu vụng về.
 Nàng nghe nàng cũng thiết ghê,
 Hương nghe Hương cũng ủ ê khôn hàn. ⁶
 Ngập ngừng ra trước gởi van,
 740 Rằng: “Trong tình ý thế gian hiếm tày. ⁷
 Vàng bền ví quyết chẳng lay,
 Mũi gươm chẳng khác đang tay nữ người. ⁸

1. *Sương gieo*: Đào Duy Anh và Đoàn Thăng đã phiên âm là *sương gieo* nhưng sau Đào Duy Anh lại sửa lại là *sương siu* (Hoa tiên - 1978).

Hai chữ 霜超 phải phiên âm là *sương gieo* như Đoàn Thăng mới đúng.

Sương gieo là do chữ *sương truy*, nghĩa bóng là sự la rầy quở phạt. Cả câu ý nói: “Lẽ nào trong đêm tốt đẹp này mà sự ước hẹn duyên lành lại bị quở trách”.

2. *Nỏ chơi*: chẳng chơi.

3. *Mã Dương*: ghềnh Mã Dương ở trên sông Dương Tử thuộc tỉnh Giang Tây, Vương Bột được Diêm Bá Phù (đời Đường) mời dự tiệc ở gác Đằng Vương nhưng đêm trước ông còn ở ghềnh Mã Dương sợ không về kịp. May sao trời nổi gió lớn, thuyền thuận buồm nên về kịp và có làm *Đằng Vương các tự* rất nổi tiếng. Về sau người ta thường dùng mấy chữ *gác Đằng Vương, ghềnh Mã Dương* để chỉ cơ hội may mắn.

4. *Lượng xuân*: lượng rộng rãi, cũng có nghĩa là tình yêu của Dao Tiên mà Lương sinh mong muốn nhận được.

5. *Gương thu*: trăng thu.

6. *Khôn hàn*: khôn ngăn được.

7. *Hiếm tày*: hiếm sánh kịp.

8. *Nữ người*: cả hai câu ý nói nếu tiểu thư cứ giữ lòng mình không lay chuyển đối với mối tình của Lương sinh thì cũng không khác nào giết người mà không dao vậy.

Mẹo duyên trộm nghĩ thiêng đời,
 Nhắm đon báu nước ¹ hương trời ² sóng nhau.
 745 Chung tình ³ trước một ai đâu,
 Còn dan díu lắm, còn âu yếm nhiều.
 Chén tương rủ phận Lam kiều, ⁴
 Bữa vùng nơi rước cung tiêu chốn mới.
 Ấy trên tiên, lọ dưới người,
 750 Pho tình biết mấy mươi nơi còn truyền.
 Trong duyên gặp gỡ với duyên,
 Trong tình vẹn vẽ đôi bên mới tình.
 Trong quyền song chẳng rời kinh, ⁵
 Dám xin rộng chuẩn tẩm thành tôi con.
 755 Gặp nay người hợp trăng tròn,
 Niềm so giải một chén son cùng thể.
 Một là tỏ tiết phòng khuê,
 Một là đành kẻ liễu bề mối manh.
 Đào non ⁶ sớm ngõ thơ lành, ⁷
 760 Vầy duyên một hội nức danh nghìn đời”.
 Chàng nghe chàng cũng trở tươi,
 Nguyệt nghe Nguyệt cũng ép lời gởi qua.
 Nàng nghe ngẩn ngại nét hoa,
 Đăm đăm lặng ngắm bóng nga biếng rằng.
 765 Đôi hầu hay ý dùng dằng,

1. *Báu nước*: chỉ người tài đức trong nước.

2. *Hương trời*: chỉ người con gái đẹp.

Cả câu ý nói trời kia có phép màu nhiệm dun dủi cho hai người, kẻ có tài người có sắc thành lứa đôi với nhau.

3. *Chung tình*: (*chung*: un đúc lại) ái tình rất mật thiết, như un đúc lại mà dón cả vào cho ai.

4. *Chén tương rủ phận Lam kiều*: nhờ chén quỳnh tương mà được kết mối duyên lành, lấy được người đẹp. (*Lam kiều*: xem chú thích câu 242).

5. *Quyền ... kinh*: (*quyền*: phép xử sự lúc biến; *kinh*: phép xử sự lúc bình thường). Cả câu ý nói dù Dao Tiên có nhận lời thề ước với Lương sinh thì cũng chẳng có gì là trái với lễ giáo.

6. *Đào non*: chỉ người con gái trẻ đẹp đến tuổi lấy chồng. Chữ lấy trong *Kinh Thi*, bài *Đào yêu* (Chu Nam): *Đào chi yêu yêu, chúc chúc kỳ hoa. Chi tử vu quy, nghi kỳ thất gia* (Cây đào tơ xanh tươi, hoa nhiều chi chít. Nàng ấy đi lấy chồng, thì chắc êm ấm cảnh gia đình).

7. *Thơ lành*: tức bài thơ *Đào yêu* nói trên.

Giục nhau bài trí tăng hoẵng trước đình.
 Trên yên ¹ bút giá nghiêng bình,
 Tiên hoa vừa sẵn bào dành hai trương.
 Nếp thể tay thảo nên chương,
 770 Trọn tờ chép núi đầy hàng tạc sông. ²
 Chứng trên vằng vặc vững trong,
 Lại ghi Hương, Nguyệt tên dòng cuối trang.
 Triện thành ³ ngát ngát tuôn hương,
 Lễ bày thôi đã sinh nhường đứng sau.
 775 Đôi hầu nặng ép thôi lâu,
 Nếp ngồi nàng cũng gặt dầu và phen.
 Văn thể trao chịu hai tiên, ⁴
 Mời ngồi Hương lại nài khuyên trót giờ.
 Ý hoa ⁵ song sóng người thơ,
 780 Bóng lông chung vẽ hương đưa lẫn mùi.
 Tạ lòng bày biện dầu đuôi,
 Trong lời gắn bó ra chôi lẫn khôn.
 Nàng rằng: “Bồ liễu chút thân,
 Cành xuân trót nể chúa xuân cần quyền. ⁶
 785 Trăm năm chùng vụng ⁷ tấm nguyên,
 Vùng soi đã hổ với trên đỉnh đầu.
 Thể lòng đợi bến Hà Châu, ⁸

1. *Trên yên*: trên cái án tức là cái bàn nhỏ.

2. *Chép núi, tạc sông*: nói về những lời thề nguyện được ghi chép vào núi, được tạc vào sông, tức những lời thề chí tình.

3. *Triện thành*: chiếc lư hương khắc trang trí hình chữ triện có thấp những nén hương để bày tỏ lòng thành thực.

4. *Hai tiên*: hai tờ giấy có vẽ hoa.

5. *Ý hoa*: ghế có chạm hoa.

6. *Cần quyền*: ân cần và gắn bó.

7. *Chùng vụng*: vụng trộm, thâm lén.

8. *Đợi bến Hà Châu*: hai chữ *Hà Châu* là rút ở bài *Quan thư* trong *Kinh Thi*: “*Quan quan thư cưu, tại hà chi châu, yếu điệu thực nữ, quân tử hảo cầu*”. (Chim thư cưu hòa tiếng kêu, ở bên bờ sông kia, người thực nữ yếu điệu, người quân tử tìm để sánh đôi).

Ngụ ý nói ông Văn Vương cùng bà Thái Ty nhà Chu tương xứng với nhau, ví như đôi chim thư cưu (chim có đôi không kết tình lang chạ) về sau người ta dùng chữ *quan thư* hay *Hà Châu* để chỉ việc kết lứa đôi của những người có đức hạnh.

Đợi nhau nghĩa Bộc ca dâu ¹ ru mà!
 Dám xin xem rộng toan xa,
 790 Bả̃ng vàng treo đã đuốc hoa ² sẽ vầy.”
 Người kia tình ấy lời này,
 Càng ưa đòi vẽ, càng say một vảnh.
 Chuyện trò thêm gắn sắt đanh,
 Dùi sương ³ chọt mả̃ng trên thành điểm năm.
 795 Giục ai giọt giọt khôn cầm,
 Rốn lời căn vắn lưu tâm mấy lời.
 Sầu dẫu cũ mới xui người,
 Bên bả̃ng gác thẳm bên dời lâu thơ.
 Những đành cải bén kim ưa, ⁴
 800 Má̃y thiề̃ng nhườ̃ng đã nhiệm lữa ⁵ biết dẫu.

XXIV. CHU TRUNG HỨA THÂN

(Hứa hôn trong thuyền)

Lương gia vào tướng ⁶ bấy lâu,
 Sáng soi gương đức, rộng trau nền bình. ⁷
 Vạc mai ⁸ chán nếm trường danh,
 Rau thuần ⁹ sẽ nhớ mùi canh ngọt ngào.

1. *Nghĩa Bộc ca dẫu*: do chữ *tang gian Bộc thượng*. Sách *Đông chu liệt quốc* chép: Trai gái nước Vệ thường hẹn hò làm chuyện dâm ô ở trong bãi dẫu còn trai gái nước Trịnh thì lại diễn ra ở bên bờ sông Bộc. Do đó nghĩa *Bộc ca dẫu* được dùng để chỉ sự ân ái không theo lễ giáo.

2. *Đuốc hoa*: do chữ *hoa chúc*. Vợ chồng lúc động phòng có treo cây đèn có hoa (hoa chúc). Chữ *chúc* nghĩa là đuốc hoặc đèn.

3. *Dùi sương*: chiếc dùi đánh cầm canh lúc đêm sương.

4. *Cải bén kim ưa*: ý nói hai bên gắn bó với nhau như cải với kim.

5. *Nhiệm lữa*: lữa lọc một cách mâu nhiệm.

6. *Vào tướng*: vào làm tể tướng ở triều đình.

7. *Rộng trau nền bình*: cố gắng làm cho nền bình trị của nhà vua được lan rộng khắp nơi.

8. *Vạc mai*: vua Cao Tông nhà Ân nói với Phó Duyệt: “Nếu muốn nếm canh thì phải dùng người làm muối làm mớ”. Do đó người ta mới ví việc nếm canh bằng mớ, bằng muối với tài của Tể tướng điều hòa việc nước.

9. *Rau thuần*: (thuần: một loài sen). Theo *Tấn thư* Trương Hàn đang làm quan ở Kinh đô, một hôm gió thu bắt đầu thổi, nhớ tới quê nhà, ông liền bỏ quan mà về. Bạch Cư Dị mới có thơ rằng: “*Thu phong nhất trợ lô ngư khoái, Trương Hàn dao đầu hoán bất hồi*” (Gió thu thổi, nhớ tới một gắp dưa gỏi cá lô, Trương Hàn quyết lác đầu, gọi cũng không quay trở lại).

Cả câu ý nói Lương công nhớ đến quê nhà.

805 Làm chi một giấc lá hươu,¹
Giăng nhau đầu gạc² ốc bươu³ khó lòng.
Dẫn nhàn⁴ bèn thỉnh ban rỗng,
Đền xuân yến mở, cửa đông tiệc vầy.⁵
Vẻ tươi rờ rở gấm ngày,⁶
810 Cuộc cao dễ khiến bạn bấy ước phen.⁷
Có Lưu Lại bộ tác hiền,⁸
Là người bản huyện cũng xin viện lễ.⁹
Duồng theo¹⁰ một cũ thuyền về,
Sớm đưa mái rẽ,¹¹ hôm kề bến neo.¹²
815 Pha phôi trắng mạn gió lèo,
Rộng ngâm vân thủy¹³ với kèo yên ba.¹⁴
Hứng vui thóc mách chuyện nhà,
Họ Lưu một gái tự là Ngọc Khanh.

1. *Giấc lá hươu*: Sách *Liệt tử* chép có người nước Trịnh vào rừng kiếm củi, bắt được con hươu mới chết, liền lấy lá che giấu đi định khi về sẽ đem về nhà nhưng khi trở về lại quên mất chỗ giấu, tìm mãi không ra mới cho rằng là mình nằm mơ chứ không phải bắt được thật. Do điển này mà *giấc lá hươu* mới có nghĩa là giấc mộng (ví công danh như giấc mộng).

2. *Đầu gạc*: do điển trên nói đến hươu nên mới dùng *đầu gạc* để chỉ lợi lộc.

3. *Ốc bươu*: do chữ *oa giác* là sừng con sên (chỉ vật nhỏ mọn). *Oa giác công danh*: công danh nhỏ mọn, không đủ quý.

Cả câu ý nói một chút lợi cùn con khó có thể ràng buộc được nhau.

4. *Dẫn nhàn*: tìm đến cảnh nhà bằng cách xin về hưu.

5. *Yến mở ... tiệc vầy*: ý nói vua thì mở yến tiệc trong cung để tiễn, các quan thì ra đến tận cửa Đông bày tiệc tiễn hành.

6. *Gấm ngày*: mặc áo gấm ban ngày mà về quê ý nói vẻ vang trở về làng khi hưu trí.

7. *Ước phen*: (*phen*: so sánh) ước sánh với.

8. *Tác hiền*: (*tác bạn*: bạn cùng lứa tuổi), bạn hiền.

9. *Viện lễ*: (*lễ*: do chữ *lệ* đọc nôm theo thanh bằng) dẫn lệ cũ ra, theo lệ thường xin về hưu.

10. *Duồng theo*: cũng như. Từ điển Génibrel đã dịch *duồng theo* là *comme' eux, comme lui*.

Câu này ý nói cũng như Lại bộ họ Lưu cùng một lúc đi thuyền về.

11. *Sớm đưa mái rẽ*: (chữ 𣎵 có thể phiên là *rẽ* hoặc *dấy*) buổi sớm hai chiếc thuyền chèo rẽ nước đi.

12. *Hôm kề bến neo*: buổi tối hai chiếc thuyền lại đậu ở bến sông để nghỉ qua đêm.

13. *Vân thủy*: mây nước, ý nói hai ông già làm thơ vịnh cảnh mây nước.

14. *Yên ba*: khói sóng, ý nói hai ông già làm thơ vịnh cảnh khói sóng (khói tỏa ở các nhà ven sông, khói hoàng hôn).

Tuần mười lẻ bảy xuân xanh,
 820 Đọ mười dùng hạnh đoan trinh vẹn mười.
 Rõ tin Lương mượn chén mời,
 Lấy lời thiêm khế¹ dạm lời thông gia.
 Tiếng chàng Lưu cũng nghe xa,
 Một lời cũng hứa một nhà định nên.
 825 Dập dìu buồn nghĩa gió duyên,
 Lòng tên² thuyền cũng như tên chiều lòng.
 Non xuân³ đã tỏ làn trông,
 Đình bư⁴ còn trở tin thông chữa về.
 Huyện nha vội dỗi xảy nghe,
 830 Trượng kỳ⁵ nghinh tiếp sự lễ sửa sang.
 Giang đình chia ngã vinh hương,⁶
 Xe an ngựa tứ⁷ dài Lương lại nhà.

XXV. SAI BỘC TIẾP CHỦ

(Sai tớ đón chủ)

Phu nhân mừng rỡ biết là
 Đã truyền nhật lối⁸ tin xa rước chàng.
 835 Tướng công dẫn sự dọc đường,
 Gặp Lưu cao nghĩa được nàng đẹp đôi.
 Chí tình thêm thỏa lòng vui,
 Thiếp canh⁹ vội đã sai môi¹⁰ đệ trình.
 Dưa trao một lễ cho đành,

1. *Thiêm khế*: (*thiêm*: tiếng khiêm xưng, *khế*: ý khí hợp nhau, *khế hữu* là bạn tốt hoặc *khế nghị* là làm bạn với nhau từ lâu đời) tình bạn bè lâu năm.

2. *Lòng tên*: lòng mong cho chóng về tới quê nhà được nhanh như mũi tên; do thành ngữ quy tâm tư tiễn.

3. *Non xuân*: như non quê chỉ quê nhà.

4. *Đình bư*: (*đình*: cái nhà nhỏ, *bư*: chuyển thư tín) nhà trạm.

5. *Trượng kỳ*: nghi trượng và cờ xí.

6. *Chia ngã vinh hương*: Lương công và Lưu công hai người chia tay nhau mỗi người một ngã mà về vang trở về làng mình.

7. *Xe an ngựa tứ*: (*tứ*: xe bốn ngựa) xe êm có bốn ngựa kéo.

8. *Nhật lối*: đi mau.

9. *Thiếp canh*: tờ thiếp có ghi rõ tên tuổi của mỗi bên trai gái.

10. *Sai môi*: sai người làm mối.

840 Được ngày chẳng lọ chờ sinh đôi ngày.
 Sinh từ vâng tiếp tin bay,
 Già em gởi mợ ² sắp bày quy trang. ³
 Lại sang phụng biệt đài Dương,
 Tiễn đưa ông mới dặn chàng sự duyên.
 845 “Lời quê hãy gởi tôn tiền, ⁴
 Chẳng hiềm lều ngật ⁵ vâng truyền chỉ trắng”. ⁶
 Vội mừng ra lạy xui mừng,
 Tạ từ thoát lại bằng chừng thú quen.

XXVI. LIỄU ÂM KHỐC BIỆT

(Khốc biệt nhau dưới bóng liễu)

850 Vừa khi Nguyệt viếng hoa viên,
 Sự tình đã cậy rĩ truyền trước loan. ⁷
 Bằng nay vội giống ⁸ Dương Quan, ⁹
 Diện từ xin giải đài đàn ¹⁰ một lời.
 Chợt nghe nàng dễ rồi bởi,
 Thêm lan lãng dăng ¹¹ ngại dời gót lan. ¹²
 855 Lục giảng ¹³ tơ liễu nên ngàn,
 Này ai kíp đã giở màn đình Cao. ¹⁴

1. *Đôi ngày*: trẻ ngày.

2. *Gởi mợ*: thưa với mợ là Diêu phu nhân để xin về nhà.

3. *Quy trang*: sửa soạn đồ đạc hành lý để về nhà, cùng như *hồi trang*.

4. *Gởi tôn tiền*: gửi đến thân phụ của Lương sinh.

5. *Chẳng hiềm lều ngật*: ý nói chẳng hiềm nhà thanh bạch (*lều tranh*) cho con trai (Lương sinh) được kết duyên với con gái tôi.

6. *Chỉ trắng*: tơ hồng của Nguyệt lão.

7. *Loan*: (*loan nghi* hay *trướng loan*): cái màn có thêu chim loan chỉ Dao Tiên.

8. *Giống*: sắp sửa (lên đường).

9. *Dương Quan*: tên cửa ải. Thơ Vương Duy (đời Đường) đưa tiễn ông Nguyễn Nhị đi sứ đất Tây An có câu: “*Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu, Tây xuất Dương Quan vô cố nhân*” (Khuyên ông hãy uống cạn chén rượu này, ra khỏi Dương Quan ở phía Tây sẽ không có ai là bạn cũ nữa). *Dương Quan* sau được dùng để chỉ sự ly biệt.

10. *Đài đàn*: (*đan*: đỏ) lầu đỏ, đài son. Nghĩa bóng chỉ lòng son.

11. *Lãng dăng*: lững thững, nói đi bộ chậm chạp không vội vàng.

12. *Gót lan*: cũng như *gót sen*, chỉ gót chân người con gái đẹp.

13. *Lục giảng*: nói tơ liễu giảng màn xanh biếc.

14. *Đình cao*: tức *Cao đình*. Thơ cổ có câu: “*Cao đình tương biệt xứ*” (Cao đình là nơi tiễn biệt nhau).

Lời ông sinh vội bày trao,
 Ý nàng còn sợ ba đào ¹ khác chẳng.
 Càng khi diễn ngã khơi chừng. ²
 860 Càng xui chỉ đỉnh trở vừng ³ nặng gieo.
 Song thơ ⁴ lại dặn buông thêu: ⁵
 “Ngọc vàng mình hãy nâng niu lấy mình.
 Rày mai kịp ruổi sứ xanh, ⁶
 Non quê dám lãng đình ninh bây giờ”.
 865 Buông thêu lại dặn song thơ:
 “Sắt son lòng chớ thờ ơ nên lòng.
 Sớm khuya miễn gắng chí hồng ⁷
 Cửa khuê ⁸ cho bỏ trông mong đòi ngày”.
 Dứt bào ⁹ chả nữ rời tay,
 670 Non tà liễu đã tơ rây bóng vàng.
 Cùng chia cùng giã bên đường,
 Nửa canh cùng bẻ ¹⁰ bốn hàng cùng rơi.
 Xa trông liễu khuất bóng người,
 Ngại ngần năm bước chia mười về hiên

1. *Ba đào*: (ba: sóng nhỏ, đào: sóng lớn) nói những cảnh sóng gió vất vả, những việc bất trắc có thể xảy đến.

2. *Diễn ngã khơi chừng*: (diễn và khơi đều có nghĩa là xa) xa nhau.

3. *Chỉ đỉnh trở vừng*: chỉ đỉnh núi và trở vừng trăng mà thề nguyện.

4. *Song thơ*: chỉ Lương sinh (ở thư phòng).

5. *Buông thêu*: chỉ Dao Tiên (ở buồng thêu).

6. *Sứ xanh*: chim xanh làm sứ giả, lấy tích trong *Hán Vũ Đế cố sự*: Một hôm vào ngày thất tịch có chim loan xanh tới đậu trước điện nhà vua. Đông Phương Sóc tâu rằng Tây Vương Mẫu sắp đến. Quả nhiên như vậy. Về sau người ta dùng *chim xanh, sứ xanh* để chỉ tin vui về nhân duyên.

7. *Chí hồng*: chí cao. Chim hồng là giống chim có sức bay cao và xa.

8. *Cửa khuê*: (khuê: cửa nhỏ) do chữ *Khuê môn*, cửa nhà trong, chỗ con gái ở.

9. *Dứt bào*: (bào: áo dài) rời bỏ vật áo.

10. *Nửa canh cùng bẻ*: bẻ canh dương liễu. Thời xưa, ở Trung Quốc, mỗi khi đưa tiễn nhau người ta thường bẻ một cành liễu để tặng nhau như gửi cả mối tình vào đó.

Tự tình khúc: “*Khỏi cầu chiết liễu ai là cố nhân?*” (Cao Bá Nhạ).

XXVII. HỒI GIA KIẾN PHỤ

(Về nhà thăm cha)

- 875 Thanh gươm cặp sách xuống thuyền
Phây phây mếch nặng dây then¹ chở sầu.
Song bông² gió vẩy mưa mau,
Trận nhàn³ hớp nhớ vì lau chia buồn.
Dòng xuôi một sợi nhường tuôn,
880 Đầu mui đã thấy hương thôn gần gần.
Vào hầu lạy trước nhà xuân⁴,
Hương đưa mùi chén gấm, nhuần về bao⁵.
Chuyện trò dặn dỗ thiếu dâu:
“Kỳ khu⁶ cho kịp năm sau đã trường.
885 Nề chi định tỉnh⁷ lệ thường,
Làm sao thân hiển danh dương⁸ ấy là”.
Phu nhân lại dạy chuyện nhà,
Đại khoa⁹ nhân thể tiểu khoa cũng giờ.
Duyên Lưu mới kể sau xưa,
890 Lễ trao cho nhận thiệp đưa mọi lời.
Chợt nghe chợt mướt mồ hôi,
Vẳng tai nhường giữa lưng trời sấm vang.

1. *Then*: thanh gỗ dài bắc ngang từ bên này hông thuyền sang bên kia hông thuyền. Ở đây *dây then* có nghĩa là dây khoang.

2. *Song bông*: cũng như *cửa bông*, cửa thuyền (*bông*: mui thuyền, chuyển nghĩa là cái thuyền).

3. *Trận nhàn*: viết *triện nhàn* là sai. *Trận nhàn*: đàn nhạn bay trên trời thành hàng, có khi là chữ nhất (一) có khi là chữ nhân (人) nên mới ví với hàng quân khi dàn trận.

4. *Nhà xuân*: do chữ *xuân đường*. *Xuân* là một thứ cây mọc trên núi, sống rất lâu cho nên mới dùng chữ ấy để ví với cha.

5. *Về bao*: (*bao*: do chữ *bào* là cái áo đọc thành đoán thanh) về áo.

6. *Kỳ khu*: gặp ghênh, ý nói phải chịu khó nhọc học hành.

7. *Định tỉnh*: do chữ *hôn định thần tỉnh*, buổi tối phải hầu cha mẹ cho định giấc ngủ, buổi sáng phải thăm hỏi cha mẹ xem có được khỏe không.

8. *Thân hiển danh dương*: thi đỗ tức là thân mình được *dương danh*, mình được *dương danh* thì cũng làm về vang cho cha mẹ nên *Hiếu kinh* mới có câu: “*Hiển thân, dương danh, hiếu chi chung dã*” (làm về vang cho cha mẹ, làm cho danh mình được lừng lẫy, đó là làm tròn được chữ hiếu vậy).

9. *Đại khoa*: tức *đại đẳng khoa* là đi thi đậu, trái với *tiểu đẳng khoa* là cưới vợ.

Lẽ đành dễ dám trở cường¹,
Nhịn ngừng² gởi đã vội vàng về song.

XXVIII. ĐỐI NGUYỆT TỰ THÂN

(Tự than với trăng)

895 Trướng tô³ hì hực hiên trong,
Há mình lật lọng hay lòng đơn sai⁴.
 Bẽ bàng trắng tối gió mai,
Vì ai làm dở dang ai ghê đường.
 Người xa tường lẽ chữa tường,
900 Cửa thu⁵ luống đợi tin sương⁶ góc trời.
 Tạc ghi lòng dễ đâu đời,
Dẫu lòng hầu dám cãi lời hai thân⁷.
 Năm canh cung nguyệt tính dần⁸,
Năm lần xa tưởng năm lần vội than.
905 Ông tơ thật cũng đa đoan⁹,
Ba sinh¹⁰ đợi ước ngọc hoàn¹¹ còn xa.

1. *Trở cường*: cãi lại, chống lại quyết định của cha mẹ.

2. *Nhịn ngừng*: nén cảm động mà ngấp ngừng nói không ra lời.

3. *Trướng tô*: do chữ *lưu tô trướng* là cái màn có kết tua ngũ sắc. Thơ Vương Duy: “*Thúy vũ lưu tô trướng*” màn lưu tô màu xanh cánh trã.

4. *Đơn sai*: đơn bạc sai trái, không thực lòng.

5. *Cửa thu*: chữ *thu* ở đây ý nói về thời tiết chuyển đổi đã sắp tới mùa sương rồi, đã sắp có tin tức rồi.

6. *Tin sương*: do chữ *sương tin*. Hễ trời sắp rét, sương sắp sa thì chim nhận bay ra vì thế biết tin sương xuống. Thường dùng để nói về cảnh mùa đông hay dùng nghĩa bóng để chỉ tin tức. Đây ý nói đến tin tức mối lái.

7. *Hai thân*: tức *song thân* chỉ cha mẹ.

8. *Cung nguyệt tính dần*: (*cung nguyệt*: cung trăng) Lương sinh suy tính suốt đêm không ngủ.

9. *Đa đoan*: (*đoan*: đầu mối) nhiều mối, lời thôi.

10. *Ba sinh*: ba kiếp sống của con người (kiếp trước, kiếp này và kiếp sau), nghĩa bóng là hẹn trước hay tiền định từ ba đời trước.

Truyện Kiều: *Ba sinh âu hấn duyên trời chi đây?*

11. *Ngọc hoàn*: cái vòng bằng ngọc, nghĩa bóng chỉ mặt trăng tròn, ngụ ý đoàn viên.

XXIX. VĂN HÔN MẠ TỖ

(Nghe tin kết hôn mừng con hầu)

Bóng câu¹ lần lửa ngày qua,
Đỉnh xuân² lớp lớp tuyết đà trắng ngân.
Cửa Dương vừa tiệc dẫn thần³,
910 Lễ mừng Diêu cũng đem cần⁴ trước sanh⁵.
Thấy Diêu ông chợt hỏi sinh:
“Sinh về sao vắng phong thanh⁶ tịn rày?”
Việc Lưu Diêu mới giải bày:
“Hắn vì nhân sự⁷ nên chầy chữa sang”
915 Nàng vừa sau bức rèm tương⁸,
Bên tai một trận thê lương gió nào.
Gởi qua vôi dạo gót vào,
Sóng dồi lớp lớp nhường chao bể lòng.
Vì ai lở đỉnh lấp dòng⁹,
920 Đã đành gối lạnh chần mong lắm người.
Tả lời Hương lại khuyên lời:
“Dù nơi nữ phụ chi nơi luống chờ.
Nhị đào¹⁰ vẹn vẽ¹¹ còn tơ,
Vớ ra bướm lợc ong lừa¹² kém ai.”

1. *Bóng câu*: (*câu*: ngựa tốt, còn non tuổi) ý nói thì giờ đi nhanh như bóng ngựa câu qua cửa sổ.

2. *Đỉnh xuân*: (*xuân*: cây xuân, một thứ cây sống rất lâu) chỉ cha già.

Cả câu ý nói cha nay đã già, tóc đã bạc trắng như tuyết.

3. *Dẫn thần*: (*dẫn*: sinh đẻ, *thần*: buổi sớm) cũng như *sinh nhật*, ngày sinh ra đời.

4. *Đem cần*: (*cần*: rau cần) do chữ *cần hiển* là dâng rau cần, lời nói khiêm khi tặng vật gì cho ai.

5. *Trước sanh*: trước *sanh đường*, nhà lớn để tiếp khách.

6. *Sao vắng phong thanh*: sao không có hơi tiếng, tin tức gì.

7. *Nhân sự*: việc hôn nhân.

8. *Rèm tương*: (*tương*: thứ tre ban trúc, thứ tre có vằn) cái rèm (mành) bằng tre có vằn đẹp nhưng cũng có ý nói đến tình tương tư giữa đôi trai gái.

9. *Lở đỉnh lấp dòng*: (*đỉnh*: đỉnh núi) ý nói bị đổ bể, bị lỗi hẹn, lỗi thề.

10. *Nhị đào*: (*nhị*: phần ở trong hoa, đầu có phần vàng và thơm) nhị của bông hoa đào.

11. *Vặn vẽ*: hoàn toàn tốt đẹp (khác với *vẻn vẹn* có nghĩa là tất cả như “*vẻn vẹn trong túi chỉ còn ba chục đồng bạc*” (VNTĐ)).

Cả câu ý nói Dao Tiên vẫn còn trong trắng, giữ nguyên được sự trinh tiết.

12. *Bướm lợc ong lừa*: bướm ong lừa lợc, ý nói có bị lừa dối, bị phụ tình.

Cả câu ý nói nếu người ta (Lương sinh) có giờ thối lừa lợc thì tiêu thư vẫn cao giá kém gì ai.

- 925 Thoảng nghe những tiếng trái tai,
Thét rằng: “Giống khéo đông dài¹ gồm chẳng !
Vì đâu quyến gió rủ trắng²,
Bây giờ còn dám xung xăng³ múa lời.
Phận đàn bà ngỗ là chơi,
930 Một ngày tám tiếng muôn đời thẽ duyên⁴.
Mặc ai lạt dạn phai nguyên,
Tự ta tiết sạch danh tuyền với ta.”
Tính nên Nguyệt mới chiềng qua:
“Cơ duyên cũng chứa dễ là quyết xong.
935 Hoặc chẳng ép thế ép lòng,
Mặc đâu xin hãy thung dung nghĩ nào.”

XXX. PHÒNG TRUNG HÓA VẬT

(Đốt các vật trong phòng)

- Nàng nghe ngấn ngọc⁵ thấm bào⁶,
Phận đành là thế dù sao cũng đành.
Rối lòng tính quẩn toan quanh,
940 Lẽ gì mình tỏ cho mình chút vay.
Buồng riêng thức thức phô bày,
Lòng nào vui những vật này với ai.
Cầm⁷ nào, kẻ biện thiêng tai⁸,
Dù say, ai với ai nài điệu say?
945 Cờ nào kẻ đấu ngang tay,
Dù mê ai với ai vầy⁹ cuộc mê?
Thơ nào kẻ họa vần quê,

1. *Đông dài*: nói đông nói dài, nói càn, nói bậy bạ.

2. *Quyến gió rủ trắng*: quyến rủ yêu thương nhau. Cả câu ý Dao Tiên mắng Vân Hương về cái tội xưa kia đã khuyên rủ nàng đem lòng yêu thương Lương sinh và thẽ duyên cùng chàng.

3. *Xung xăng*: nói xăng, nói bậy.

4. *Thẽ duyên*: (*quyên*: lựa mộc) thẽ bằng lựa mộc, xưa chưa có giấy để ghi chép nên phải viết trên thẽ lựa, ý nói để tiếng lại đời sau.

5. *Ngấn ngọc*: ngấn nước mắt.

6. *Thấm bào*: thấm ướt áo.

7. *Cầm*: đàn cầm, thứ đàn xưa có năm dây.

8. *Kẻ biện thiêng tai*: (*biện*: xét rõ để phân biệt) kẻ sành nghe âm nhạc.

9. *Vầy*: (*vầy*: sum họp) vui vầy.

Giấy kia dù xướng nên đề ai liên¹ ?
 Vẽ nào kẻ nhận nét truyền,
 950 Bút kia dù trạng² nên phiền ai xem?
 Nào gương nào chỉ nào kim,
 Nào ai mà để chi thêm bận bùng³ !
 Sạch sanh phó trận lửa nồng,
 Dành chơi tiên thệ⁴ ghi lòng để sau.

XXXI. VĂN GIA THĂNG NHẬM

(Nghe tin cha được thăng bổ nhậm)

955 Bập bùng chưa nguội bếp sâu,
 Nhện dâu chợt mắng tin dâu trước mảnh.
 Dương gia chuyển nhậm⁵ thăng Kinh⁶,
 Đề huê⁷ truyền dọn thủy trình⁸ trẩy⁹ ra.
 Nỗi mình thêm rộn¹⁰ nỗi nhà
 960 Khi xa xa biết là xa mấy trùng.
 Hành trang¹¹ vội sắp sửa xong,
 Con thuyền chen chúc đua dong cánh lèo¹².
 Giang thiên¹³ tám bức¹⁴ sầu treo,
 Thành mai trận khói non chiều phiến mây.
 965 Mạch phiền tuân đội kể ngày,
 Phượng thành¹⁵ sáng mở nào hay đã gần.

-
1. Ai liên: (liên: tiếp hợp nhau, liên đối: hai câu viết đối nhau) ai làm bài đối lại.
 2. Trạng: (trạng: hình trạng, bề ngoài của vật thể) vẽ ra hình thể.
 3. Bận bùng: bận bịu, vướng víu.
 4. Tiên thệ: tờ giấy hoa tiên ghi lời thề của hai người.
 5. Chuyển nhậm: (nhậm chức vụ, gánh vác, cũng đọc là nhiệm) chuyển chức vụ.
 6. Thăng Kinh: (thăng: lên, đi đến; Kinh: Kinh đô) về làm quan ở Kinh đô.
 7. Đề huê: (đề: cầm, huê: dắt) mang dắt, hòa hợp, thân mật; đây có nghĩa là mang theo cả gia đình cùng đi.
 8. Thủy trình: (trình: đường đi) đi đường thủy, đi thuyền.
 9. Trẩy: đi xa.
 10. Rộn: bận bịu, rối rít.
 11. Hành trang: (trang: quần áo, đồ dùng) đồ dùng của người đi đường.
 12. Lèo: dây buộc ở lá buồm để lùa theo chiều gió cho thuyền đi.
 13. Giang thiên: cảnh trời ở bên sông.
 14. Tám bức: tức Tiêu Tương bát cảnh. Ở đây ý nói cảnh vật ở sông này cũng đẹp không kém gì tám cảnh ở sông Tiêu Tương.
 15. Phượng thành: Kinh đô.

XXXII. THÁC QUYẾN TIỀN NHA

(Gởi gia quyến ở nha môn họ Tiền)

Cửa dinh¹ liễu mới rước xuân²,
Biên thư³ vừa thấy tấu văn bộ Thiệu⁴.
Bắc Hồ⁵ nững thói con kiêu⁶,
970 Ruổi mù bụi ngựa trảy theo ải Nhàn⁷.
Sân phong⁸ chọn mặt kể quan,
Lại sai Dương tướng ra hàn giậu biên⁹.
Hịch lông¹⁰ nhặt lối sao truyền¹¹,
Đành chăm việc nước hầu quên việc nhà.
975 Hàn lâm¹² sẵn có Tiền nha¹³,
Với phu nhân một ruột rà¹⁴ nề đâu¹⁵.
Hãy sang tạm trú ít lâu,
Trở ngày đẹp giấc về châu chẳng khơi¹⁶.

1. *Cửa dinh*: cửa nơi dinh thự.

2. *Liễu mới rước xuân*: liễu mới đón xuân sang. Nếu giảng *dinh liễu* là tên một dinh thự ở đất Tế Liễu thì câu nệ điển tích quá.

3. *Biên thư*: thư ở biên giới gửi về.

4. *Bộ Thiệu*: bộ rỗng, nơi nghe cử nhạc Thiệu. (*Thiệu*: tên khúc nhạc trong cung vua Thuấn. *Kinh Thi* chép: *Tiêu thiệu cửu thành phụng hoàng lai tân* (Cử khúc *Cửu thành* có chim phụng hoàng về châu).

5. *Bắc Hồ*: rợ Hồ ở phương Bắc.

6. *Con kiêu*: do chữ *kiêu tử*. Sách *Hán thư* chép câu quốc thư của rợ Thuyền Vu gởi vua Hán rằng: “Phương Nam có nhà Đại Hán, phương Bắc có Cường Hồ, Cường Hồ là đứa con kiêu ngạo của nhà vua vậy”.

7. *Ái Nhàn*: tức *Nhạn Môn Quan*, dựng từ đời Hán để ngăn rợ Hồ.

8. *Sân phong*: do chữ *phong đình*, *phong bộ*, *phong thần* chỉ sân trong cung điện nhà vua vì có trồng nhiều cây phong. Chữ này sau được dùng để chỉ chỗ vua ở hoặc triều đình. (Đời Hán trong cung điện có trồng nhiều cây phong. *Cây phong* là thứ cây có lá đỏ hồng hoặc vàng về mùa thu trông rất đẹp; nó không phải là cây bàng như có người đã hiểu lầm).

9. *Hàn giậu biên*: (*hàn*: gắn lại) trấn giữ vùng biên giới đã bị quân giặc đánh phá (coi đường biên giới như bức giậu ngăn chặn quân giặc).

10. *Hịch lông*: (*hịch*: lời hô hào, chiêu tập quân sĩ hoặc hiểu dụ nhân dân, kể tội quân thù) tờ hịch có cắm lông gà mà truyền đi, tỏ ý khẩn cấp.

11. *Sao truyền*: truyền lệnh đi mau ban đêm dưới ánh sao.

Truyện Kiều: Dưới cờ một lệnh vọi vàng ruổi sao.

12. *Hàn lâm*: Hàn lâm viện để giữ việc khởi thảo các chiếu sắc hoặc giấy tờ trong triều.

13. *Tiền nha*: quan thự của họ Tiền.

14. *Ruột rà*: nói tình thân cùng máu mủ.

15. *Nề đâu*: chẳng ngại gì đâu.

16. *Chẳng khơi*: chẳng xa, chẳng lâu.

Tiền nghe đón rước nhần nơi ¹,
980 Vườn sau nhường chốn nghỉ ngơi thanh nhàn.
Chị em cậu cháu vậy đoàn,
Đành lòng Dương mới giống an ² (yên) cõi ngoài.
Một phương giảng vững thành dài,
Khinh không Hồ Yết ³ chi loài khuyển dương.

XXXIII. PHỤC VĂNG TRÀNG CHÂU

(Lại sang Tràng Châu)

985 Sinh từ nấu ⁴ dậm phần hương ⁵
Sắt son nhắm bóng duênh Tương ⁶ từng ngày.
Bụi dong ⁷ học học chở đầy,
Cánh nào đâu được ngỏ bày trước trang.
Phô sòng ⁸ gửi đến tôn đường ⁹,

1. *Nhần nơi*: đến nơi đến chốn.

2. *Giống an*: (*an*: cái yên) lên đường, lên yên ngựa ra đi.

3. *Hồ Yết*: tên rợ ở xứ Hung Nô.

Cả câu *Khinh không Hồ Yết chi loài khuyển dương* nếu đặt theo đúng ngữ pháp Hán văn thì phải viết là *Khinh không Hồ Yết, khuyển dương chi loại*. (Coi khinh rợ Hồ Yết là loài chó dê).

4. *Nấu*: nướng nấu, ẩn mình.

5. *Phần hương*: (*phần*: thứ cây trồng ở thôn quê, biểu hiện cho quê hương) nơi quê hương.

6. *Duênh Tương*: tức sông Tương. Xem chú thích câu 343. Cả câu này ý nói Lương sinh vẫn một lòng chung thủy với Dao Tiên và vẫn nhớ nàng từng ngày không thể quên được.

7. *Bụi dong*: (*bụi*: chỉ sự khó chịu trong lòng). Lư Đồng đời Đường cất công ba lần đến thăm một vị cao tăng mà không gặp mới gửi lại một bài thơ trong có câu: "*Khát tâm quy khứ sinh trần ai*" (Lòng khao khát muốn gặp mà chẳng được nên lúc ra về sinh ra bụi bặm khó chịu).

8. *Phô sòng*: nói thẳng ra. Truyện Kiều: *Tình riêng chàng lại nói sòng*. Trong câu này, Lương Sinh đâu dám nói thẳng ra câu chuyện yêu đương của chàng với Dao Tiên mà chỉ nhân lúc có cha ở nhà, chàng xin phép thẳng với cha, không phải xin phép mẹ như mọi khi cha chàng đi làm quan xa.

9. *Tôn đường*: chỉ cha của Lương sinh, gọi một cách tôn kính.

- 990 Tràng Châu xin lại tìm sang sân Trình ¹.
Được lời tức tốc khởi hành,
Lối quen một lá lênh đênh nổi dòng.
Nước nguyên non dạn trùng trùng,
Phụ phàng no những ² then thùng nước non.
- 995 Vườn riềng giống giả kíp đon ³,
Hong còn chữa lạt thắm còn chữa phai.
Niềm thơm cỗi cụm chờ ai,
Đầy song tuyết điểm hoa mai trắng ngần.
Lẻn sang vội tiếng thú gần,
- 1000 Sang thì vắng ngắt mấy lần cửa son.
Cỏ bờ khóm khóm xanh non,
Thạch kiều ⁴ lối quanh dẫu mòn rêu đơm.
Lãnh tàn ⁵ giá rã ⁶ rơi thơm ⁷,
Chồi sai thừa bẻ, khóm sớm vắng vin.
- 1005 Biết ai hầu hỏi sự duyên,
Viên công ⁸ vừa thấy trong miền ló ra.
Men chào ⁹ dò hỏi gần xa,
Mới tường môn mạch ¹⁰ sự đà thẳng Kinh ¹¹.
Ngán xong lã chã đôi duềnh ¹²,
- 1010 Tựa quanh khắp triện dạo quanh khắp tòa.
Bản khoản quán trước đình Ba,
Rường ¹³ cao én dạo hiên tà nhện giăng.

1. *Sân Trình*: sân của Trình Tử, chỉ trường học. *Trình* tức Trình Di và Trình Hạo người đời Tống, cả hai anh em đều học một thầy là Chu Đôn Hy và đều tinh thông chú tử bách gia và các sách của thánh hiền. Lúc mất, Văn Ngạn Bác đề trên mộ Trình Hạo là *Minh Đạo tiên sinh*.

2. *No những*: đầy những.

3. *Kíp đon*: hỏi thăm gấp.

4. *Thạch kiều*: cầu đá.

5. *Lãnh tàn*: dây hoa leo bị tàn héo khô.

6. *Giá rã*: cái giá cho cây leo bị nát rã, bị mục nát.

7. *Rơi thơm*: rơi hết hoa.

8. *Viên công*: ông già làm vườn.

9. *Men chào*: lại gần chào hỏi.

10. *Môn mạch*: (*môn*: cửa nhà, chỉ gia đình, *mạch*: dòng họ) góc ngách mọi việc trong nhà.

11. *Thẳng Kinh*: lên Kinh đô.

12. *Đôi duềnh*: hai hàng nước mắt tuôn trào ra như hai dòng nước, ý nói nước mắt chan hòa.

13. *Rường*: cột ở trên quá giang đỡ cái xà nhà.

Tiên thơ vách hầy dăng dăng,
 Lầu thơ cách mấy mươi tầng người thơ.
 1015 Nửa rèm lác đác hoa mưa,
 Sân rêu này dẫu thê xưa chỗ này.
 Quận riêng trăm nỗi chứa đầy,
 Huyết đông cơn vụng¹ chây vây ngã dùng.
 Lệ làng vừa có viên công,
 1020 Tri hô² vội gọi gia đồng³ thuốc thang.
 Tĩnh ra mới vực về sương⁴,
 Giấc buồn chữa vội mạch Tương⁵ lại đầy.

XXXIV. VĂN DƯƠNG TAO KHỐN

(Nghe họ Dương gặp khốn)

 Nàng từ nường ngụ bấy chầy
 Ải mây⁶ lần ngắm đóa mây dậm nghìn.
 1025 Chợt nghe Tiền cữu⁷ báo tin,
 Giặc Hồ nghiêng nước⁸ vây miền Ngọc quan⁹.
 Dương công lũy mảnh quân đơn,
 Miếu đường¹⁰ chữa định mưu toan bởi bởi.
 Phu nhân nghe biết rụng rời,
 1030 Tiểu thư lăn khóc rơi rơi xiết nào.

1. *Cơn vụng*: cơn choáng váng.

2. *Tri hô*: biết mà kêu gọi cho mọi người hay.

3. *Gia đồng*: đứa trẻ ở hầu hạ trong nhà, đứa trẻ theo hầu Lương sinh.

4. *Sương*: cái chái nhà, cái gian nhỏ ở hai đầu nhà như nhà ba gian hai chái..

5. *Mạch Tương*: (*mạch*: dòng, suối; *Tương*: tên một con sông) Lúc vua Thuấn chết, hai bà vợ là Nga Hoàng, Nữ Anh khóc ở sông Tương nên trong văn chương người ta dùng sông Tương để ví với nước mắt.

Truyện Kiều: Chưa xong điệu nghĩ đã đào mạch Tương.

6. *Ải mây*: cửa ải xa xôi như ở tận chỗ chân mây cuối trời.

7. *Tiền cữu*: (*cữu*: cậu) người cậu họ Tiền.

8. *Nghiêng nước*: ý nói mạnh có thể làm cho đất nước bị nguy khốn, triều đình bị nghiêng ngửa.

9. *Ngọc quan*: tức Ngọc Môn quan ở giáp giới miền Tây Vực.

10. *Miếu đường*: (*miếu*: cung điện thờ các vị vua đã mất; *đường*: nhà thờ) tôn miếu nhà vua. Còn có nghĩa là triều đình.

Truyện Kiều: Đã hay thành toán miếu đường.

Luống sinh làm phận má đào,
 Phải là tay thước ¹ quản bao cát lăm !
 Lậu khuya nước cạn ² canh trầm,
 Thôi lai lảng tưởng lại thăm thì than.
 1035 ải du ³ tin tức khơi ngàn,
 Cửa bèo ⁴ nênh nổi nhà lan ⁵ lật lừa.
 Sá bao thân mỏng như tờ,
 Nợ bình sinh ⁶ nổi tóc tơ ⁷ chữa đèn.
 Đêm đêm vầng nguyệt hoa đèn ⁸,
 1040 Võ vàng ve ⁹ lỏng xiêm tiên ¹⁰ đòi lần.

1. *Tay thước*: chiếc gậy gỗ dài và dẹt dùng để đánh. Cả câu ý nói nếu là con trai thì ra đầu quân đánh giặc dù có gian nan khổ sở cũng chẳng quản gì.

2. *Lậu khuya nước cạn*: (*lậu*: rỉ, rỏ giọt) cũng như nói đêm khuya khắc lậu. Ngày xưa người ta dùng một cái bình bằng đồng trong có để một cái thẻ khắc từng độ để chỉ thời gian. Nước đổ đầy bình rồi rỉ dần ra ngoài và người ta nhìn mực nước cạn theo từng độ khắc ở cái thẻ để biết thì giờ.

3. *ải du*: do chữ *du tái*, *du quan* và xưa kia các cửa ải ở biên giới phía Bắc Trung Quốc có trồng cây du.

4. *Cửa bèo*: ý nói ở không ổn định, trôi nổi như cánh bèo trên mặt nước.

5. *Nhà lan*: do chữ lan giao, ý nói mối tình bạn bè rất tốt, tình đậm thắm như hương hoa lan.

Cả câu tả nỗi lòng của Dao Tiên đã buồn vì cảnh ở nhờ lại buồn vì nỗi người yêu lật lọng.

6. *Bình sinh*: (*bình*: thường, lúc bình thường) lúc sống ở trên đời. *Luận ngữ* có câu: “*Cửu yếu bất vong bình sinh chi ngôn*” (Điều cốt yếu là không quên lời nói trong lúc mình còn sống).

7. *Tóc tơ*: tóc và tơ là hai vật nhỏ dùng để ví với cái gì nhỏ nhất. *Tóc tơ chữa đèn*: chữa đèn được một phần nhỏ, chữa đèn được một tí gì.

8. *Hoa đèn*: tàu đèn, bông đèn tức bông tim đèn.

9. *Võ vàng ve*: ý nói thân gầy như xác ve.

10. *Lỏng xiêm tiên*: ý nói thân gầy nên mặc xiêm vào thấy lỏng đi.

XXXV. ĐIỀU SINH KHUYẾN THÍ

(Điều sinh khuyến đi thi)

Chàng thì mãi mệt song vân ¹,
Khắc quỳên ² lần đã giống xuân sang hè.
Điều sinh thăm viếng dã dề ³,
Lấy ngày thi cử ép bề cháo thang.
1045 Dối quanh sinh một bàn ngang,
Bỏ liêu nào nghĩ đến đường công danh.
Điều rằng: “Dạy thế sao đành,
Lầu ban sáu kỷ ⁴ song huỳnh mười thu. ⁵
Lại gì cho trọng hơn rụ,
1050 Mà xem muôn dặm vân cù ⁶ làm chơi.

1. *Song vân*: tức *vân song*, cửa sổ phòng đọc sách (*vân*: thứ cỏ thơm dùng để trừ một sách).

2. *Khắc quỳên*: tiếng quỳên kêu khắc khoải. Quyển *Việt Nam từ điển* của Hội Khai trí Tiến Đức trước đây và quyển *Từ điển tiếng Việt* của Nhà xuất bản Khoa học xã hội hiện nay đều giảng: *Quỳên*: con cuốc, đỗ quỳên nói tắt. Quyển *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của cũng giảng: “Cuốc”: con quốc, thứ chim đồng cao giò và hay kêu, chữ gọi là *đỗ quỳên*, *đỗ vũ* hay *tử quy*. Nhưng quyển *Từ điển Việt Hán* do Thương vụ ấn thư quán ở Bắc Kinh in năm 1960 lại cho rằng con cuốc không phải là chim đỗ quỳên và đã ghi rằng: Cuốc: chim cuốc, đỗ quỳên đích ngoa xưng. Nhận xét ấy là đúng vì con cuốc khác hẳn với con đỗ quỳên.

Đỗ quỳên là thứ chim thuộc loại phan cầm (leo cây) đuôi dài, lưng màu tro, bụng sắc trắng, không tự làm tổ lấy, đẻ trứng vào tổ chim oanh để chim oanh ấp và nuôi hộ. Tiếng chim quỳên kêu réo rắt, khiến khách lữ hành dễ động lòng nhớ nhà. Tương truyền vua nước Thục là Đỗ Vũ thông dâm với vợ Biết Linh và truyền ngôi cho Biết Linh rồi bỏ nước mà đi. Sau khi chết, Thục Đế hóa thành chim đỗ quỳên, nhớ nước, ngày đêm kêu mãi không thôi. Sở dĩ các cụ ta xưa đã lấy con cuốc để liên hệ với điển vua Thục Đế nhớ nước vì tiếng kêu “quốc, quốc” nó gợi cho ta nhớ đến nước tức *quốc* ở câu: “*Khắc quỳên lâm đã giống xuân sang hè!*” thì chữ *quỳên* là chỉ con cuốc.

3. *Dã dề*: chuyện trò, chuyện văn, mừng nhau.

4. *Lầu ban sáu kỷ*: (*ban*: màu sắc sỡ, *kỷ*: mỗi kỷ là 12 tuổi, sáu kỷ là 72 tuổi) ý Điều sinh muốn nhắc cho Lương sinh phải nhớ ở nhà còn có cha già mà chàng có nhiệm vụ phải làm cho vui lòng như xưa kia Lão Lai đã mặc áo màu sắc sỡ mà múa cho cha mẹ vui lòng.

5. *Song huỳnh mười thu*: (*song*: cửa sổ, *huỳnh*: con đom đóm, *thu*: mùa thu, năm) mười năm đèn sách (*Song huỳnh*: ngày xưa Trác Dận không có đèn bắt đom đóm soi sáng mà học, chữ *song huỳnh* sau được dùng để chỉ phòng học).

6. *Vân cù*: (*vân*: mây, *cù*: đường) đường mây, chỉ đường công danh.

Bể bằng chín vạn¹ bay khơi,
 Bất bình dầu việc tày trời cũng xong.”
 Phải lời sinh dễ chiều lòng,
 Vả lòng cũng ngồi² kinh trung³ tìm nàng.
 1055 Sử kinh lại gắng nghiệp thường
 Ngọc càng thêm chuốt, vàng càng thêm trau.
 Sắc thi⁴ vang dậy đầu đầu,
 Hồi trang⁵ sinh mới ruổi mau thuận dòng.

XXXVI. ĐỒNG PHỐ THU VI

(Cùng đi thi khoa thi Hương)

1060 Tôn sư⁶ án khảo⁷ vừa đông⁸
 Lọt dùi⁹ sớm đã tỏ nhòng¹⁰ tiền xanh¹¹.
 Tán hòe vàng¹² chợt xây càn¹³,
 Trước sân vào gởi đăng trình¹⁴ ra thi.

1. *Bể bằng chín dặm*: Trong *Nam hoa kinh*, thiên *Tiêu dao du*, Trang Tử đã thuật rằng ở ngoài biển có chim bằng cất cánh bay được một mạch dài chín vạn dặm. Về sau trong văn chương dùng hình ảnh chim bằng bay xa ấy để chỉ người có chí lớn.

2. *Cũng ngồi*: cũng muốn.

3. *Kinh trung*: ở trong Kinh đô.

4. *Sắc thi*: sắc nhà vua mở khoa thi.

5. *Hồi trang*: (*hồi*: về, *trang*: đồ dùng, quần áo) sửa soạn hành lý để về nhà.

6. *Tôn sư*: người được thiên hạ tôn ngưỡng, chỉ thầy học.

7. *Án khảo*: (*án*: khảo xét) khảo xét và cân nhắc hơn kém.

8. *Vừa đông*: vừa tụ họp đông đủ.

9. *Lọt dùi*: ý nói tỏ rõ tài năng. Theo điển nói về *Bình nguyên quân* và *Mao Toại*: *Bình Nguyên Quân* (Triệu Thảng) là một vị tướng quốc thời Chiến Quốc, có tính hào hiệp, mời khách ăn trong nhà hằng ngày đến ba ngàn người. Khi nước Tần đem quân sang đánh Kinh đô Hàm Đan, ông có kén một đoàn tùy tùng để sang cầu cứu bên nước Sở nhưng tìm mãi vẫn thiếu một người. *Mao Toại* cũng là thực khách trong nhà xin đi tháp tùng, *Bình Nguyên Quân* tỏ vẻ ngần ngại bảo rằng: "Người có tài cũng như mũi dùi ở trong tay áo, đầu nhọn của nó tất phải lòi ra. Vậy sao lâu nay không thấy ông lộ ra tài năng gì cả?" *Mao Toại* trả lời: "Chuyến này đi rồi ông sẽ thấy". Quả nhiên chuyến ấy *Mao Toại* đã làm nên việc.

10. *Nhòng*: từ cổ, có nghĩa là vai, lứa: một nhòng với nhau (V.N.T.Đ).

11. *Tiền xanh*: do chữ *thanh tiền*, lấy tích ông *Trương Thốc* đời *Đường* làm văn, bài nào cũng hay như chọn tiền xanh, chữ nào cũng đẹp.

12. *Tán hòe vàng*: do chữ *hòe hoa hoàng*, là nói đến mùa hoa hòe vàng, thời gian này ở vào mùa thu kỳ thi hương thường được mở ra.

13. *Xây càn*: tả càn lá mọc xoay tròn như cái tán (tán hòe).

14. *Đăng trình*: (*đăng*: lên, *trình*: đường đi) lên đường, ra đi.

Dạy rằng: Mây gió gặp thì ¹,
 Ngồi dao ² này hội nam nhi vấy vùng.
 1065 Tiện cùng Diêu đệ cặp cùng ³,
 Mưa đua rong rả ⁴ mà vong ⁵ tập rèn.
 Bảng vàng sớm sớm bêu ⁶ tên,
 Tiện đường kịp lại ruổi liền hội xuân ⁷.
 Đi về lộ quán dưới chân,
 1070 Hãy cho ba tiếp ⁸ trao lần rày mai,
 Lĩnh lời dạy trước đình Lai ⁹,
 Túi Đào tráp Lý ¹⁰ kíp dời trẩy sang.
 Sấm sanh Diêu đã chờ chàng,
 Đồ thư ¹¹ đôi mạn, phong quang ¹² một chèo.
 1075 Đòi nơi giốc sớm tới chiều ¹³,
 Văng câu mặt nước, quảy riu ¹⁴ chân mây.
 Cảnh thanh trái mấy nào hay,
 Phồn hoa ¹⁵ dấu cũ nơi này Nam Kinh ¹⁶.

1. *Mây gió gặp thì*: do chữ *phong vân hội ngộ* là nói gió đi theo cốp và mây đi theo rồng, thường dùng để nói đến việc gặp may, gặp cơ hội tốt.

2. *Ngồi dao*: tức ngồi bút, do chữ *đao bút* vì ngày xưa chưa có bút người ta lấy dao nhọn làm bút để vạch vào thanh tre.

3. *Cặp cùng*: nói hai người cùng đi với nhau thành cặp (đôi).

4. *Mưa đua rong rả*: (*mưa*: chớ) chớ cớ đua đòi chơi bời bê tha.

5. *Vong*: quên.

6. *Bêu*: nêu lên cho mọi người trông thấy. *Bêu tên*: nêu tên.

7. *Hội xuân*: chỉ kỳ thi Hội thường mở vào mùa xuân.

8. *Ba tiếp*: (*tiếp*: đánh thắng, xong việc) ba tin mừng đổ đạt, tức là đỗ cả ba khoa thi: thi Hương, thi Hội và thi Đình.

9. *Đình Lai*: (*đình*: sân) sân Lai, nhắc lại chuyện ông lão Lai, nước Lỗ, tuổi già đã 72 mà còn cha mẹ. Ông sợ cha mẹ lo buồn, thường mặc áo ngũ sắc làm như trẻ con ca múa cho cha mẹ vui. Sân Lai sau được dùng để chỉ sân nhà cha mẹ.

10. *Túi Đào tráp Lý*: túi và tráp của văn nhân lỗi lạc như Đào Tiềm, như Lý Bạch.

11. *Đồ thư*: tranh vẽ và sách học, chỉ chung sách vở giấy bút.

12. *Phong quang*: cảnh tượng, phong cảnh.

Cả câu ý nói chắt đồ thư vào hai bên mạn thuyền trong khoang rồi cho thuyền đi mà cùng nhau ngồi ngắm cảnh.

13. *Giốc sớm tới chiều*: (*giốc*: cái tù và), tiếng tù và buổi sớm và áo tới mặc buổi chiều khi trời mưa; tả cảnh canh mực.

14. *Văng câu... quảy riu*: tả cảnh ngư tiều.

15. *Phồn hoa*: (*phồn*: nhiều, *hoa*: hoa mỹ) chốn hoa mỹ náo nhiệt, chỉ nơi thành thị.

16. *Nam Kinh*: thời nhà Minh có hai Kinh đô. Ở Bắc Trĩ Lý có Bắc Kinh, ở Nam Trĩ Lý có Nam Kinh (nay thuộc tỉnh Giang Tô),

XXXVII. THIÊN KHAI VĂN VẬN

(Vua mở khoa thi văn)

- Y kỳ¹ đầu quyển² báo danh,
1080 Trận thu cờ trống lũy thành một ai³.
Mấy phen thử sức đua tài,
Tĩnh nguyên⁴ giật giải tên bài⁵ Diệc Thương⁶.
Vòng năm⁷ Diêu cũng chen hàng,
Gió đưa cờ tiếp⁸ pha sương⁹ nhật truyền¹⁰.
1085 Trái tuần¹¹ yến ẩm lưu liên¹²,
Ích đầu¹³ lại hướng đài Yên¹⁴ quày đầu.
Vui này dễ nhắc sầu đầu,
Nỗi riêng riêng chạnh đòi nau¹⁵ một mình.
Đông về rõ biếc¹⁶ mồn xanh¹⁷,
1090 Núi gầy như vóc, sông quanh tựa lòng.
Phẩm đề¹⁸ biếng giở thi đồng¹⁹,

1. Y kỳ: đúng hạn định.

2. Đầu quyển: (đầu: đưa, ném vào) nộp quyển thi.

3. Trận thu... một ai: cả câu ý nói đi thi cũng không khác gì ra trận, nào bút nghiên, nào cờ, nào trống, nào lũy, nào thành, chẳng ai chịu nhường ai.

4. Tĩnh nguyên: đầu đầu kỳ thi Hương, tức Giải nguyên.

5. Tên bài: tên đề.

6. Diệc Thương: tên tự của Lương Phương Châu, tức Lương sinh.

7. Vòng năm: đầu thứ năm.

8. Cờ tiếp: cờ báo tin thi đậu.

9. Pha sương: ý nói rất sớm, lúc trời còn sương chưa tan hết.

10. Nhật truyền: truyền đi thật mau chóng.

11. Tuần: mười ngày.

12. Lưu liên: (lưu: để lại, cầm lại) yến luyến không nở dứt đi. Cả câu ý nói mở yến tiệc ăn mừng trong suốt mười ngày không ngừng.

13. Ích đầu: con chim ích (một loài chim nước) được vẽ ở đầu mũi thuyền.

14. Đài Yên: tức là Yên Kinh, tức Kinh đô phía Bắc của nhà Minh (đời vua Minh Thành Tổ).

15. Đòi nau: nhiều lần đau buồn.

16. Rõ biếc: lá cây bị lốm đốm vàng hoặc đỏ.

17. Mồn xanh: màu xanh của lá cây bị biến đổi dần đi, chuyển dần sang màu vàng.

18. Phẩm đề: (phẩm: bàn bạc khen chê) phê lời khen.

19. Thư đồng: (đồng: ống tre tròn) ống đựng cuốn thơ.

Thành xuân¹ đã tỏ mây lồng thức năm².
 Hành trang³ vừa dỡ lên giầm⁴,
 Mật sai vội đã cho thăm sự nàng.
 1095 Chỉ nghe xẩm xuất⁵ tin Dương,
 Còn thì lưu lạc chữa tường biết nơi.
 Rẽ bèo chân sóng tuyệt vời,
 Giận duyên xốc nổi xót người chơ vơ.
 Việc thi nên cũng ơ hờ,
 1100 Cật kỳ⁶ Diêu nói tận từ mới nghe.
 Nảy tài nhả bích phun khuê⁷.
 Nhẹ giương vẩy sóng, đua xè cánh mây⁸.
 Đất bằng một tiếng sấm rây⁹,
 Hai sinh đều dự bốn ngày nguy khoa¹⁰.
 1105 Truyền lô¹¹ Lương lại Thám hoa¹²,

1. *Thành xuân*: chỉ Kinh đô, mượn ý ở câu thơ của Hàn Hoành (đời Đường): *Xuân thành vô xứ bất phi hoa* (ở nơi Kinh thành về mùa xuân không chỗ nào là không có hoa bay).

2. *Mây lồng thức năm*: (*thức*: sắc) mây năm sắc phủ trên Kinh đô. Do chữ *ngũ sắc vân*. Ngày xưa cho rằng mây năm sắc đem lại điềm lành. Về đời Hán, lúc vua Hán Cao Tổ còn hàn vi thường trốn ở núi Mang Đường. Bà vợ đem cơm cho ăn, hề trông thấy mây ngũ sắc ở nơi nào thì biết vua Cao Tổ ở dưới ấy.

3. *Hành trang*: đồ dùng đem theo lúc đi xa.

4. *Vừa dỡ lên giầm*: vừa dỡ lên khỏi giầm (*giầm*: ở đây là khoang thuyền, chỗ để hàng).

5. *Nghe xẩm xuất*: nghe nói đi nói lại mà không rõ (H.T.C) *Xẩm xuất* là tiếng cổ. Đào Duy Anh phiên âm là *xẩm xuất* và giảng là *phảng phất* thì không đúng hẳn.

6. *Cật kỳ*: đến cùng kỳ lý.

7. *Nhả bích phun khuê*: cũng như *nhả ngọc phun châu*, ý nói khen thơ hay từng chữ từng lời nói ra như nhả ra từng viên ngọc, phun ra từng hạt châu.

8. *Vẩy sóng... cánh mây*: ngụ ý nói may mắn đậu hạt như cá vượt sóng, như rồng gặp mây thì tha hồ vùng vẫy bay cao.

9. *Sấm rây*: sấm nổ ầm ầm.

Câu 1102 và 1103 mượn ý câu thơ chữ Hán: “*Vũ môn tam cấp lãng, bình địa nhất thanh lôi*” (ba đợt sóng vượt Vũ môn, một tiếng sấm dậy đất bằng).

10. *Nguy khoa*: (*nguy*: cao lớn) cũng như đại khoa tức khoa thi Hội và thi Đình.

11. *Truyền lô*: truyền tin bằng loa, xướng danh người đậu bằng loa.

12. *Thám hoa*: một trong ba bậc được chấm đậu trong kỳ thi Đình.

Thời xưa đậu thi Hội và thi Đình được chia ra làm ba cấp bậc cao thấp gọi là *giáp*. *Đệ nhất giáp*: trạng nguyên, bảng nhãn và thám hoa. *Đệ nhị giáp*: cũng gọi là hoàng giáp. *Đệ tam giáp*: cũng gọi là đồng tiến sĩ. Hoàng giáp như vậy là người đậu thứ tư.

Diêu sinh Hoàng giáp cũng tòa á khôi ¹.
 Phấn vua lộc nước hương trời,
 Đủ nơi biết tiếng, ninh người nghị duyên ².
 Đá đưa thêm khấy tác phiên,
 1110 Chén trắng ³ xưa đã nặng nguyên sá đầu.
 Vinh quy ⁴ vừa định tuần sau,
 Vừa tin biên báo ⁵ vội hầu quan sai ⁶.
 Diêu ra quan chính ⁷ việc ngoài ⁸,
 Lương vào Hàn uyển ⁹ thảnh thơi Ngọc đường ¹⁰.
 1115 Mé sau trúc thạch ¹¹ sẵn sàng,
 Liền công thụ đấy là tường Tiền nha.

XXXVIII. HÀN UYỂN TRÙNG PHÙNG

(Gặp lại ở vườn Hàn)

Nàng từ tin ải ¹² truyền xa,
 Nỗi mình nỗi khách ¹³ xiết là bao nhiêu.
 Trọn ngày khóa lạnh song thêu,
 1120 Nguyệt Hương hay ý ép dìu ra chơi.
 Trước hoa lẫn vẽ hoa đời,

-
1. Á khôi: (á: dưới một bậc, xấp xỉ; khôi: đứng đầu) người thi đậu vào hàng đệ nhị giáp.
 2. Ninh người nghị duyên: (ninh: nhiều, cũng như nói ninh ních), nhiều người bàn chuyện nhân duyên, ý nói có người muốn gả con gái cho Lương sinh.
 3. Chén trắng: chén rượu uống thề nguyên với nhau dưới trăng.
 4. Vinh quy: (vinh: vẻ vang, quy: về) nói những người đỗ đạt vẻ vang trở về làng. Thời xưa đi thi, ai đậu tiến sĩ thì vua ban cờ biển cho về quê nhà gọi là vinh quy bái tổ.
 5. Biên báo: tin báo từ biên thùy về.
 6. Hầu quan sai: vâng lệnh quan trên sai phái thi hành chức vụ gì.
 7. Quan chính: (quan: xem) coi việc chính trị.
 8. Việc ngoài: thời xưa các quan làm việc ở Kinh đô gọi là làm quan trong còn nếu làm việc ở các tỉnh thì gọi là quan ngoài.
 9. Hàn uyển: (Hàn hoặc hãn: ngòi bút lông, uyển: vườn) cũng như Hàn lâm. Ở Trung Quốc, đời Đường đặt Hàn lâm viện để giữ việc khởi thảo các chiếu sắc hoặc biên soạn trước tác những giấy má trong triều.
 10. Ngọc đường: ngày xưa gọi Hàn lâm viện là ngọc đường.
 11. Trúc thạch: cây trúc và đá (bài trí thành hòn giả sơn).
 12. Tin ải: tin Dương tướng bị vây ở nơi quan ải.
 13. Nỗi khách: nỗi buồn ở nơi đất khách. Dao Tiên đang ở nhà người cậu.

Dưới trăng méch bóng¹ trăng soi người sầu.
 Cảnh đâu dễ nhắc lòng đâu,
 Màng than tình cũ thêm sầu nỗi xưa.
 1125 Tiếng kiêu² cao thấp gió đưa,
 Tường trăng sinh cũng khi vừa dạo thanh³.
 Than đâu lạnh lọt⁴ màu oanh,
 Hoa say hạc ngủ vắng thênh dấu tìm.
 Đá tòa trông cạnh vũng thiêm⁵,
 1130 Cách tường gió lướt bóng xiêm một người.
 Bào đơn⁶ lén lút ngấn rơi⁷,
 Phải nàng song dáng có hơi gầy gầy
 Nguyệt Hương cũng tới sao đây,
 Ruột tằm⁸ gan bẻo⁹ đòi giây phập phồng.
 1135 Tình nửa bể¹⁰, núi bằng lông¹¹,
 Vin theo cành đỡ quyết xông qua tường.
 Chợt đâu động lũ kinh hoàng,
 Báo danh đã tỏ tiếng chàng tới sau.
 Máy niềm tan hợp bởi đâu,
 1140 Sóng thu¹² cũng nhẽ¹³ cơn ngâu nửa dòng¹⁴.
 Bật ngừng¹⁵ sinh mới tự lòng:

-
1. *Méch bóng*: (*méch*: làm cho chéch méch, đơn chiếc) lẻ bóng, đơn chiếc (H.T.C).
 2. *Tiếng kiêu*: (*kiêu*: con gái) tiếng người con gái.
 3. *Tường trăng... dạo thanh*: bên tường dưới trăng đi dạo mát.
 4. *Lạnh lọt*: tiếng thanh cao (H.T.C).
 5. *Vũng thiêm*: hồ nước có bóng trăng in.
 6. *Bào đơn*: áo đơn.
 7. *Lén lút ngấn rơi*: ý nói khóc thầm, một mình buồn bã mà rơi lệ.
 8. *Ruột tằm*: ruột rối như tơ tằm.
 9. *Gan bẻo*: gan héo lại chỉ còn một chút, ý nói thất gan lại.
Ruột tằm gan bẻo: ruột rối gan thất lại.
 10. *Tình nửa bể*: (*nửa*: hơn cả) tình nhiều hơn cả nước biển.
 11. *Núi bằng lông*: núi nhẹ như sợi lông.
 12. *Sóng thu*: do chữ *thu ba*, sóng mùa thu. Mắt con gái long lanh sáng trong như sóng mùa thu.
 13. *Nhẽ*: nước mắt nhẽ nhại, chảy chan hòa.
 14. *Cơn ngâu nửa dòng*: nước mắt chảy còn hơn cả mưa ngâu (nhắc đến chuyện vợ chồng Ngâu gặp nhau đêm thất tịch sụt sùi khóc).
 15. *Bật ngừng*: ngưng hẳn, không khóc nữa.

- “Bấy nay xa nhắc diên trùng¹ nước mây².”
 Nàng nghe thêm thốn thức đây,
 Dỡ lời vội đã kể bày tóc tơ:
- 1145 “Tài lang³ nào phải như xưa,
 Mệnh sang duyên thắm thừa lư mọi đường,
 Tiếc thay sương tuyết cũ càng⁴,
 Lối duyên bao ngõ tự chàng rắc chông⁵.
 Quán bao một tiết giá trong,
- 1150 Đành thân kia vậy sao lòng ấy đang.
 Dù bo bo chút phận thường,
 Giữ bền một nghĩa nghìn vàng chữa sai.
 Thề hoa vả tiếng hơi hơi,
 Cũng còn lòng kéo thẹn lời với hoa.
- 1155 Duyên đâu từ mắng tin đà,
 Buồng riêng mấy vật cũng thà tay châm⁶.
 Một thân xưa đã quyết thắm,
 Nhện vương dễ mấy phen lằm nũa vay.
 Tiện đây ngỏ chút niềm tây⁷,
- 1160 Rồi đây xin chớ nghĩ đây chi là.
 Ngày thơm khúc mới xoang hòa,
 Đành tơ kia thắm, đành hoa nọ hồng.
 Một vùng bờm ngựa trắng trong⁸,
 Dám năn ai⁹, lại năn lòng thế thôi.”
- 1165 Tựa lơn so bóng ghen lời,
 Trắng mờ hoa lạng dể rời khúc ngâm.
 Chiều người chiều cảnh bao kham¹⁰,
 Sinh càng đôi giọt dầm dầm như chan.
 Sụt sùi nửa chối nửa van,

1. *Diên trùng*: xa cách nghìn trùng.

2. *Nước mây*: mặt nước chân mây, chỗ xa xôi.

3. *Tài lang*: chàng tài tử.

4. *Sương tuyết cũ càng*: ý nói mối tình trải qua năm tháng đã cũ càng và lạnh nhạt.

5. *Chông*: chông gai, ý nói gây ra những trở ngại, rắc rối.

6. *Tay châm*: tay đốt bỏ đi.

7. *Niềm tây*: mối nghĩ riêng trong lòng.

8. *Bờm ngựa trắng trong*: (*bờm ngựa*: do chữ *mã lập phong* là một kiểu đắp phần mộ như hình bờm ngựa), nghĩ đến cảnh bóng trắng sáng chiếu xuống phần mộ của mình.

9. *Dám năn ai*: đâu dám than trách với ai.

10. *Kham*: chịu đựng.

- 1170 Rằng: “Khuôn kia vậy nào can sức người.
 Mấy phen ước giải một lời,
 Cầu Lam nào dễ biết nơi thăm dò.
 Tác niềm trời đất thương cho,
 Gặp nay biền chút tình do họa là.
- 1175 Kể từ đài liễu¹ dời xa,
 Cửa Lưu khi ép đình Ba khi tìm.
 Bắc Nam dậm dứt đường chim²,
 Vì ai bèo nổi mây chìm³ nấy lâu.
 Trúc gầy mai võ sá đâu,
- 1180 Nghĩ chẳng những nghĩ lẫn nhau bởi mình.
 Hay đâu cơ hội còn dành,
 Gác Hàn⁴ lại rủ gió thanh đem đường.
 Buổi này họp mặt tròn gương,
 Còn ngờ đâu giấc Cao đường⁵ thuở say.
- 1185 Nhân sao nường ngụ chốn này?
 Những sao nông nổi bấy nay dạy cùng.”
 Tổ nghe nàng dễ nảo nùng⁶,
 Ai hay lòng cũng còn lòng chữa quên.
 Thấy âu là nợ là duyên,
- 1190 Gió duồng mưa dẫy cho nên cố nào.
 Sự mình bày mọi tiêu hao⁷,
 Đã đành chiếc bách sóng đào⁸ lênh đênh.
 Thiết thay muôn dặm biên thành⁹,
 Xa xôi nào thấu dữ lành tin hơi

1. *Đài liễu*: chỉ chỗ Dao Tiên ở.

2. *Dứt đường chim*: không còn nhìn thấy đường chim bay, ý nói xa cách không có tin tức gì.

3. *Bèo nổi mây chìm*: cánh bèo trôi nổi trên dòng nước, bóng mây chìm dưới đáy sông, hình dung cảnh lưu lạc gian khổ.

4. *Gác Hàn*: mượn ý của gác Đằng Vương để nói đến sự may mắn được gặp lại Dao Tiên.

5. *Giấc Cao đường*: giấc mộng thấy người đẹp.

6. *Nảo nùng*: buồn giận, thăm sầu (H.T.C).

7. *Tiêu hao*: (*tiêu*: tiêu tức, tin tức, *hao*: tin tức) tin tức.

8. *Chiếc bách sóng đào*: (*bách*: cây bách, vì chiếc thuyền làm bằng gỗ bách nên cũng gọi chiếc thuyền là chiếc bách, *đào*: sóng lớn) chỉ người đàn bà con gái gặp phải cuộc đời chìm nổi.

9. *Biên thành*: thành trì ở ngoài biên giới.

- 1195 Xót lời nên phải cạy lời,
 Gặp nhau cùng khách quê người biết sao.
 Sinh nghe tình cũng thêm hào ¹,
 Lẽ này đã quyết dạ nào ninh ninh ²:
 “Bụi Hồ một sức quét thanh ³,
 1200 Công nên may được duyên lành cũng nên.”
 Càng xui cảm kích ⁴ cần quyền ⁵,
 Ngành than ngọn thỏ nhường quên bóng đời ⁶.
 Giục khuya hoàn cũng khuyên lời:
 “Hiếu trang ⁷ lâu nọ tiếng người ban đông.
 1205 Biệt ly ai vẽ nên lòng,
 Tình khi chẳng nở đoái trông mới càng.”
 Kẻ về người lại sánh đường ⁸,
 Liên đèn thảo biểu tan sương ⁹ tiến triều.

XXXIX. PHỤNG CHỈ CHINH PHIÊN

(Vâng chỉ vua đi đánh Phiên)

- 1210 Lăm qua ¹⁰ ban doãn ¹¹ lời tâu,
 Cờ sai gươm hộp ¹² quyền dầu tiện nghi ¹³.

1. *Thêm hào*: thêm mạnh mẽ, phấn khởi.

2. *Dạ nào ninh ninh*: dạ nào mà chẳng đinh ninh.

3. *Quét thanh*: quét sạch.

4. *Cảm kích*: trong lòng có điều cảm động mà kích phát lên.

5. *Cần quyền*: khẩn khoản về một việc, ân cần và gấn bó.

6. *Bóng đời*: bóng trăng đã chuyển dời, đêm đã khuya.

7. *Hiếu trang*: (*hiếu*: buổi sáng) trang điểm lúc buổi sớm.

8. *Sánh đường*: (*sánh*: chỗ làm việc quan, *đường*: ngôi nhà) chỗ công đường.

9. *Tan sương*: còn sớm (khi trời mới tan sương).

10. *Lăm qua*: xem qua.

11. *Ban doãn*: (*doãn*: bằng lòng cho) ban lời bằng lòng, chấp thuận.

12. *Cờ sai gươm hộp*: (*sai*: khiến một người đi nơi nào để làm việc quan) cờ vua trao cho để được quyền điều khiển và gươm để trong hộp tượng trưng cho uy quyền của nhà vua ủy thác cho.

13. *Quyền dầu tiện nghi*: (*tiện nghi*: thuận tiện nên làm thế nào thì làm sao cho thích hợp) quyền được mặc dầu thì hành công việc không cần phải đợi mệnh lệnh của nhà vua.

Lệnh sao¹ ruổi phát tức thì,
 Tinh binh² mười vạn thuộc tùy³ trăm viên.
 Bệ từ⁴ vâng chỉ đặc truyền⁵,
 Âm ẩm ngựa gác⁶ xe chen khái hành⁷.
 1215 Mịt mù dậm cát đòi tranh,
 Cùng nhau khi nặng vì tình chút nao.

XL. LƯƠNG SINH BỊ KHỐN *(Lương sinh bị nguy)*

Ải xa mấy trận quyết giao,
 Quân tiên⁸ quá đất lằm vào thành không.
 Súng đầu gọi phục⁹ dùng dùng,
 1220 Bốn bên đánh giáp¹⁰ ba vòng bọc quanh.
 Hư truyền¹¹ đã chết Lương sinh,
 Để thu rải rác tàn binh bốn bề.
 Quân thua hoảng hốt tin về,
 Truyền sai biệt tướng¹² kíp đề trọng binh¹³.
 1225 Tiện hay¹⁴ các việc biên đình¹⁵,
 Quân lương¹⁶ Diêu cũng tại hành trẩy ra.

-
1. *Lệnh sao*: lệnh ban xuống phải ruổi mau cả ban đêm (dưới ánh sao).
 2. *Tinh binh*: quân lính tinh nhuệ.
 3. *Thuộc tùy*: quân sĩ dưới quyền.
 4. *Bệ từ*: trước bệ rồng ra đi dẹp giặc.
 5. *Đặc truyền*: truyền lệnh đặc biệt.
 6. *Ngựa gác*: ngựa đóng vào xe.
 7. *Khái hành*: (*khải*: mở) mở đường đi, lên đường.
 8. *Quân tiên*: quân tiên phong, tức đội quân đi đầu ra trận.
 9. *Gọi phục*: làm hiệu cho phục binh bất thành linh xông ra đánh.
 10. *Đánh giáp*: tức đánh giáp lá cà, khi quân hai bên xông vào đâm chém nhau.
 11. *Hư truyền*: tin truyền không đúng sự thực.
 12. *Biệt tướng*: tướng đặc biệt có tài.
 13. *Đề trọng binh*: đem quân mạnh có khí giới nặng.
 14. *Tiện hay*: tùy tiện theo các tin biết được.
 15. *Biên đình*: biên giới, biên thù, chỗ giáp giới với nước ngoài.
 16. *Quân lương*: quân vận chuyển lương thực.

XLI. BIỆT CẨM¹ GIẢI LƯƠNG

(Từ biệt mợ đi vận lương)

Mới nghe mợ trú Tiên nha²,
Vấn an³ tiện thể cáo qua⁴ lên đường.
Việc biên⁵ nói chuyện tin Lương,
1230 Chức sau Hương đã rõ ràng tai nghe.

XLII. VÂN HƯƠNG BÁO CHỦ

(Vân Hương báo tin cho chủ)

Tốc vào⁶ rĩ mách buồng khuê⁷,
Vẳng tin⁸ nàng chợt ngã kề bên loan⁹.
Lầu trong nhấm khóc¹⁰ chùng than¹¹,
Quyết ngay¹² nào sá lời can lẽ nài.
1235 Vì ai cho luy đến ai,
Thì liễu phận bạc dám sai chữ đồng¹³.
Cháo hồ¹⁴ quyết chẳng đựng lòng,
Nguyệt đà cạn lẽ riêng chung¹⁵ nài nì.
Chiềng: Nào thôi đã vậy thì,
1240 Dầu liên đâu nữa ích gì đấy chẳng.

1. *Biệt cẩm*: từ biệt mợ.

2. *Trú Tiên nha*: ở tại chỗ quan thự của họ Tiên.

3. *Vấn an*: hỏi thăm xem có bình yên không.

4. *Cáo qua*: báo cho biết.

5. *Việc biên*: việc mà Diêu sinh thuật lại cho Dương phu nhân nghe ở đây là việc Lương sinh tử trận ở biên thù.

6. *Tốc vào*: chạy mau vào.

7. *Buồng khuê*: (*khuê*: cửa nhỏ) buồng trong, chỗ con gái ở, đây chỉ Dao Tiên.

8. *Vẳng tin*: mới thoảng nghe được tin.

9. *Bên loan*: bên gối có thêu chim loan.

10. *Nhấm khóc*: khóc âm thầm.

11. *Chùng than*: (*chùng*: lén lút. H.T.C) than vụng, than thâm.

12. *Quyết ngay*: quyết liễu chết ngay.

13. *Chữ đồng*: tức đồng *sinh đồng tử*, cùng sống cùng chết với nhau.

14. *Cháo hồ*: (*hồ*: cháo loãng quấy bằng bột để cho người yếu ăn. V.N.T.Đ) chỉ chung các loại cháo nấu bằng gạo hay bằng bột.

15. *Riêng chung*: riêng đối với Dao Tiên và chung đối với gia đình, nhất là với Dương phu nhân.

Tình kia non bể¹ thực rằng,
 Tình kia song lại nhắc bằng hiếu kia.
 Gìn mình ngọc tạc đá bia²,
 Mới là hai lẽ cân chia lưỡng tuyền³.
 1245 Cháp mê⁴ nàng đã đâu tin,
 Gỡ lằn Hương lại kể bên rén bày:
 Đào kia dành trả mặn này⁵,
 Nghĩ chẳng đợi ít lâu đây ông về.
 Cho phu nhân chút hả hê,
 1250 Vẹn tròn khi ấy chi hề dấm ngăn.
 Phải lời nàng cũng gắng dần,
 Ngày lễ ôn sảng⁶ đêm tuần khói hương⁷.

XLIII. VĂN LƯƠNG THÂN TÁNG

(Nghe tin Lương sinh chết)

Lầm tin chẳng một nỗi nàng,
 Dặm khơi⁸ lại nỗi dài Lương⁹ ở nhà.
 1255 Vừa mừng dịch tiếp truyền ba¹⁰,
 Vừa nghe trần thỉnh¹¹ xe đà hành biên¹².

1. *Non bể*: do chữ *thệ hải minh sơn*, chỉ núi chỉ biển mà thề với nhau tức là nặng thề với nhau.

2. *Đá bia*: lòng giữ bền như bia đá khó mòn.

3. *Lưỡng tuyền*: (*tuyền* hoặc *toàn*) trọn vẹn cả hai mặt.

4. *Cháp mê*: do chữ *cháp mê bất ngộ*, cố chấp lấy ý kiến mà mình đã nhầm lẫn, dầu có nói thế nào cũng không tỉnh ngộ.

5. *Đào kia... mặn này*: bài *Ức trong Kinh Thi* có câu “Đầu ngã dĩ đào, báo chi dĩ lý” nói về việc trai gái lấy đào và mặn tặng lẫn nhau. Ở trong câu này và câu sau Văn Hương muốn nói với Dao Tiên rằng nếu nàng có muốn tìm cái chết để tạ lòng Lương sinh thì cũng nên đợi ít lâu nữa ông về sẽ hay.

6. *Ôn sảng*: tức *đông ôn hạ sảng*, mùa đông thì áp lạnh, mùa hè thì quạt nóng, ý nói hầu hạ chăm nom mẹ.

7. *Khói hương*: cúng lễ cho Lương sinh.

8. *Dặm khơi*: chỉ sự xa xôi cách trở.

9. *Đài Lương*: chỉ Lương công ở nhà.

10. *Dịch tiếp truyền ba*: (*dịch*: dùng ngựa trạm để đem công văn, thư từ; *tiếp*: báo tin tức thẳng trện) ba lần có tin trạm báo con thi đậu.

11. *Trần thỉnh*: tâu bày để xin với vua.

12. *Hành biên*: đi dẹp giặc nơi biên giới.

Lại nghe Ngân Lộc¹ khổng truyền²,
 Xót lòng huống những xây phiền đắp thương.
 Thực hư ai biện đấy tường,
 1260 Lễ chiêu³ tuần điện⁴ mua đường xinh sao.

XLIV. NGỌC KHANH TƯ TIẾT

(Ngọc Khanh giữ tiết)

Cửa Lưu cũng ngỡ thật nào,
 Ngọc Khanh tin dạ xiết bao ghen ngừng⁵.
 Khóc than chút chẳng dè bưng⁶,
 Đổi màu xiêm sắc kém thưng⁷ bữa vàng.
 1265 Lũ hoàn⁸ khuyên dỗ mọi đường,
 Tối nằm đứt nối⁹ là thường nghĩ nao¹⁰.
 Thấy lời kia nọ xôn xao,
 Dạy rằng: “Ngọc đá vời nào ví von.
 Cương thường¹¹ treo nặng núi non,
 1270 Cánh còn kẻ chặt¹², hổ còn kẻ gieo¹³.

1. *Ngân Lộc*: tên người hầu Nhan Trân Khanh đời Đường, tuy suốt đời hoạn nạn mà không bỏ chủ. Về sau người ta dùng tên ấy để chỉ người nghĩa bộc.

2. *Khổng truyền*: (*khổng*: cáo mách) truyền báo tin.

3. *Lễ chiêu*: lễ chiêu hồn.

4. *Tuần điện*: tuần cúng cơm người chết.

5. *Nghen ngừng*: ghen ngào, ngấp ngừng nói chẳng ra lời.

6. *Dè bưng*: (*bưng* tức *bâng* có nghĩa là bưng bít, giấu kín) e dè giữ kín.

7. *Thưng*: do chữ *thăng* đọc trạch ra; đồ đồng lương bằng một phần mười cái đấu: *Kẻ đầy thưng khinh người lưng bát*.

8. *Hoàn*: *a hoàn*: người đầy tớ gái.

9. *Tối nằm đứt nối*: tục ngữ có câu : *Đứt thì nối, nối thì nằm*, ý nói chồng chết thì lại lấy chồng khác là chuyện dĩ nhiên. (*Đứt nối* là ý nói đến dây đàn bị đứt được nối lại. Người xưa lấy đàn cầm đàn sắt tượng trưng cho tình vợ chồng).

10. *Nghĩ nao*: (*nao*: nào) nghĩ làm chi nào.

11. *Cương thường*: tam cương và ngũ thường. *Tam cương*: (cương: cái dây lớn ở cái lưới, điều cốt yếu) ba mối: vua tôi, cha con, vợ chồng. *Ngũ thường*: năm điều thường phải giữ gìn: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

12. *Cánh còn kẻ chặt*: (*cánh*: cánh tay) vua Liêu Thái Tổ chết, Hoàng hậu đến chùa Nghĩa Tiết chặt một cánh tay đem để ở lăng vua. Kính phục thái độ ấy của Hoàng hậu, người ta cho xây ở chùa một lầu kỷ niệm gọi là Đoạn Uyển lâu (*uyển*: cổ tay)

13. *Hổ còn kẻ gieo*: vợ Trần Trọng đời Đường là Trương thị gặp giấc không chịu nhục, nhảy xuống hồ sâu tự tử.

Mười phần trinh liệt¹ chẳng nao²,
 Chẳng mười chẳng cũng phen theo một vài.
 Màng bao giấy mỏng thói đời³,
 Đợi tuần ráo cỏ⁴ chê cười bằng không.
 1275 Nói nên lời, ở nên lòng,
 Sẻ đàn đâu biết chim hồng⁵ chí cao.
 Mấy lời kia nọ ghê sao,
 Chiều lòng dám lại rêu rao trình bày.

XLV. LƯƠNG SINH NGHỊ KẾ

(*Lương sinh bàn kế*)

Nàng thì rười rượi tháng ngày,
 1280 Hay đâu sinh hãỵ trong vây⁶ giữ gìn.
 Võ về⁷ lẽ khích⁸ lời khuyên,
 Đắp cao lũy nghĩa, chống bền giậu trung.
 Tính lương Hồ những để rông⁹,
 Chắc tay cá lưới chim lồng¹⁰ vợi đâu.

1. *Trinh liệt*: trung trinh và tiết liệt (kiên trinh, dám chết để giữ trọn lòng trong sạch với chồng).

2. *Chẳng nao*: chẳng thấy tinh thần, ý chí bị dao động.

3. *Giấy mỏng thói đời*: ý nói thói đời đơn bạc.

4. *Tuần ráo cỏ*: nói đến thời gian người đàn bà góa chồng phải chờ đợi để được tái giá. *Kim cổ kỳ quan* chép rằng: Trang Tử một hôm đi chơi ngoài cánh đồng gặp một người đàn bà mặc tang phục đang lấy quạt quạt mồ. Trang Tử hỏi thì người ấy đáp: “Chồng tôi trước khi chết có dặn tôi rằng phải chờ cho đến khi cỏ xanh trên mồ khô héo đi mới được lấy chồng khác, nên tôi phải quạt mồ cho đất khô để cỏ chóng héo”. Do chuyện này mới có từ *ráo cỏ*, như kể trên.

5. *Sẻ đàn... chim hồng*: do câu “*Yến tước an tri hồng học chí*” (Chim én chim sẻ sao biết được cái chí của chim hồng chim học, ý nói kẻ tiểu nhân sao biết được chí khí kẻ anh hùng. Câu này Dao Tiên muốn nói rằng kẻ tầm thường làm sao biết được tấm lòng trung trinh của mình).

6. *Trong vây*: trong vòng vây.

7. *Võ về*: yên ủi, làm cho yên lòng.

8. *Lẽ khích*: lẽ khêu cho nức lòng, cho có ý chí chiến đấu.

9. *Để rông*: ý nói không canh phòng cẩn thận, bỏ lỏng sự kiểm soát (*rông*: ở trong tình trạng buông lỏng).

10. *Cá lưới chim lồng*: cá mắc trong lưới, chim nhốt trong lồng không còn chạy đi đâu được nữa. Đây ý nói đã bị bao vây không thoát ra được nữa.

XLVI. LƯU PHỦ BỨC HÔN

(Phủ Lưu bức kết hôn)

- 1285 Tương trì¹ cũng chữa bao lâu,
 Gớm lòng Lưu nữ² hiểm sâu nên lòng.
 Vội lo măng lữ cải vồng³,
 Trả đồ cho rể, kén chồng cho con.
 Họ Lam công tử danh đồn,
1290 Nghe hơi sai mỗi đến đôn⁴ chỉ hồng⁵.
 Hấp⁶ mừng bà vội gửi ông,
 Biết con đã dặn xem lòng nó xưa⁷.
 Đòi nàng khuyen dỗ bấy giờ,
 Rén quỳ thoát đã tuôn mưa đôi hàng:
1295 Chút thân từng nấy⁸ cửa Lương,
 Xót thay đồng cỏ chiến trường còn tươi⁹.
 Yến kia bay chiếc¹⁰ lọ người,
 Dung cho quán chiếu¹¹ trọn đời là cam¹².
 Lời ngay dễ lật ý tham,
1300 Mỗi càng hay cặp hay cầm¹³ bàn ngang.
 Uốn môi hết tác khoe khoang,
 Nói giàu bằng bể, nói sang đến trời.

1. *Tương trì*: (tương: cùng nhau, trì: giữ) giữ nhau, giằng co nhau, không chịu nhường nhau.

2. *Lưu nữ*: chỉ Lưu phu nhân, mẹ Ngọc Khanh.

3. *Măng lữ cải vồng*: măng đã già (quá lứa) cải đã ra hoa, ý nói con gái đã lớn tuổi, đã quá thì.

4. *Đôn*: hỏi dò, thăm chừng.

5. *Chỉ hồng*: nói đến việc xe duyên vợ chồng. (Xem thêm chú thích câu 242).

6. *Hấp*: hấp hối, giục làm cho mau.

7. *Xem lòng nó xưa*: xem lòng nó vốn thế nào, có thay đổi không.

8. *Nấy*: nấy trao, trao cho, gửi cho.

9. *Đồng cỏ chiến trường còn tươi*: ý nói Lương sinh mới chết, đồng cỏ trên mộ ngoài bãi chiến trường còn tươi.

10. *Yến kia bay chiếc*: chim yến và chim oanh là hai thứ chim hay có cặp đực cái, khi một con bị chết con kia chịu lẻ loi.

11. *Quán chiếu*: tức là nằm một mình (cuốn trong chiếu).

12. *Cam*: cam chịu.

13. *Cặp cầm*: (cặp: ghép đôi, cầm hoặc kèm: ràng buộc, ghép buộc) tìm cách để ghép lại cho thành đôi vợ chồng.

Nói tài danh nức nước đời,
 Thôi lời cải gắm¹ lại lời ken hoa².
 1305 Trẻ trung của dễ đâu là
 Vàng tương³ đá tạc song đà để bêu⁴.
 Ngứa tai khôn nén giọng kiêu⁵,
 Rằng: “Khi nên lọ lắm điều mà nên.
 Gà kia hầu lược mấy phen⁶,
 1310 Ôm đàn ấy lại qua thuyền⁷ nào ru?
 Lồng khuya⁸ chẳng thẹn bức cù⁹,
 Nửa trò thừa thãi tiếng chua bằng nào”.
 Phu nhân dự ý¹⁰ đón rào,
 Nạt rằng: “Khuê các¹¹ hay sao chuyện ngoài.
 1315 Duyên này chẳng được bàn dai¹²,
 Mẹ cha đã định còn ai dám càng¹³.
 Thiếp canh¹⁴ truyền lấy phó sang¹⁵,
 Sợ sùng gửi tạ¹⁶ đài trang¹⁷ bước vào.

1. *Cải gắm*: cải hoa để dặt gắm.

2. *Ken hoa*: trổ hoa.

3. *Vàng tương*: do chữ *kim tương* là vàng nấu ra nước để đúc thành khối, vàng đúc (H.T.C).

4. *Để bêu*: trưng ra, để khoe ra cho mọi người thấy.

Cả câu ý nói người con gái quý giá thì phải được đề cao để dễ lấy chồng.

5. *Giọng kiêu*: giọng người con gái. Cả câu ý nói Ngọc Khanh nghe thấy trái tai mới không nén được lòng mà phải trả lời.

6. *Gà lược mấy phen*: ý nói con gái chỉ lấy chồng một lần.

7. *Ôm đàn... qua thuyền*: ôm cây đàn để bước qua thuyền khác. *Đường thi*: *Khẳng bả tỳ bà quá biệt thuyền* (chẳng ôm tỳ bà qua thuyền khác) ý nói đi lấy chồng khác, không giữ trọn nghĩa cũ.

8. *Lồng khuya*: cái đèn lồng về khuya.

9. *Bức cù*: tấm nệm (*cù*: tên tấm nệm).

Cả câu này ý nói đèn khuya soi tỏ cho lòng mình chẳng thẹn với tấm nệm nhưng vì tối nghĩa nên Nguyễn Thiện mới sửa lại là “*Nỗi mình, mình những thẹn thò*”.

10. *Dự ý*: dự đoán được ý Ngọc Khanh.

11. *Khuê các*: chỗ đàn bà con gái ở nên đàn bà con gái nhà quyền quý cũng gọi là *khuê các*.

12. *Bàn dai*: bàn lời thôi, dằng dai câu chuyện.

13. *Dám càng*: dám cưỡng lại, dám chống lại (*càng* do chữ *cang* viết theo thanh bằng).

14. *Thiếp canh*: mảnh giấy biên ngày giờ sinh của đôi bên trai gái, trao lẫn cho nhau khi đính hôn.

15. *Phó sang*: nhờ giao sang, nhờ đưa sang.

16. *Gửi tạ*: gửi lời chào.

17. *Đài trang*: chỗ đàn bà con gái trang điểm, phòng của đàn bà con gái ở.

XLVII. NGỌC KHANH ĐÁU GIANG

(Ngọc Khanh nhảy xuống sông)

- Toan lo nổi xiết là bao,
1320 Lọc lựa¹ dám trách khuôn nào trên xanh²
Dựng gậy dám nghi³ sinh thành⁴,
Biết duyên mình biết phận mình thế thôi.
Những toan đôi lứa gồm đôi,
Ớn nhà⁵ hãy trước nghĩa người⁶ thì sau.
1325 Kể khi phải nước⁷ bởi đâu,
Nghĩ người đáy giếng⁸ thang lầu⁹ chẳng dung¹⁰.
Quyết xong nhịn tủi nuốt ngừng¹¹,
Ngọc sôi vẻ sấm¹² hương lừng mớ thay¹³.
Mịn màng¹⁴ ai dễ kẻ hay¹⁵,
1330 Lăn nghe vắng vắng canh chầy điểm ba¹⁶.
Vườn sau rón mở then hoa¹⁷,

1. *Lọc lựa*: (lựa: lựa đọc theo thanh bằng) chọn lọc và sắp xếp cho.

2. *Khuôn nào trên xanh*: tức khuôn xanh chỉ ông trời. Người xưa quan niệm trời là cái khuôn lớn để tạo ra muôn vật.

Truyện Kiều: Khuôn thiêng lựa lọc đã dành có nơi.

3. *Dám nghi*: dám không nghi đến (chữ *dám* có khi dùng để nói nhún, nói khiêm hoặc nói điều trái ngược lại).

4. *Sinh thành*: sinh đẻ ra và nuôi dưỡng cho thành người.

5. *Ớn nhà*: Ớn nhà mẹ sinh thành.

6. *Nghĩa người*: tình nghĩa với Lương sinh.

7. *Phải nước*: phải nước này (*nước*: nổi nước, nông nổi). *Truyện Kiều*: Chàng ơi biết nổi nước này cho chưa.

8. *Người đáy giếng*: người phụ nữ dám nhảy xuống giếng để bảo toàn danh tiết.

9. *Thang lầu*: nói người phụ nữ dám nhảy từ trên lầu xuống để bảo toàn danh tiết như nàng Lục Châu, vợ Thạch Sùng đời Đường, không chịu thất thân với Tôn Tú.

10. *Chẳng dung*: chẳng phải là chuyện bỗng dưng, tự nhiên mà có.

11. *Nhịn tủi nuốt ngừng*: bốn chữ này nếu muốn đặt cho xuôi thì phải nói là *nhịn ngừng nuốt tủi* như trong câu *Kiều*: *Nhịn ngừng nuốt tủi đứng ra*.

Nghĩa là đè nén cảm xúc trong lòng mà đành nuốt tủi chịu đựng.

12. *Ngọc sôi vẻ sấm*: ví Ngọc Khanh lại lộ vẻ tươi đẹp ra (sôi) sau khi sấm sửa trang điểm.

13. *Hương lừng mớ thay*: ý nói Ngọc Khanh lại có thêm hương thơm phức sau khi thay quần áo mới.

14. *Mịn màng*: dịu dàng (H.T.C).

15. *Ai dễ kẻ hay*: ai dễ hay biết được.

16. *Điểm ba*: điểm canh ba.

17. *Then hoa*: cái then cửa. Chữ *hoa* được dùng cho đẹp lời.

Bắt chừng¹ sông cái ruỗi pha² một mình.
Khóc than vời vợi cuối ghềnh,
Xổ lòng³ với nước, bày tình với trăng.
1335 Sóng tuôn cuộn cuộn nghìn tầng,
Quyết liều gieo hản ghê chẳng tiết nằng.

XLVIII. ĐỀ HỌC CỨU VẤN

(Đề học cứu được và hỏi thăm)

Nào hay kẻ dưới bến Tương⁴
Có Long Đề học trảy ngang trú thuyền⁵.
Tiếng dàu lảnh lảnh đưa miên,
1340 Vừa nghe dội nước⁶ kíp thuyền vớt xem.
Trước thuyền luồn lượt⁷ áo xiêm,
Gạn tường mới giải mọi niềm sâu nông.
Khen cho ông lại ướm lòng:
“Hay đem về trả tôn công nhường nào?”
1345 Nàng nghe biện hết tơ hào⁸:
“Lầu son lại ép, sóng đào⁹ thà gieo.”
Thấy chiều dung đức đủ chiều,
Phu nhân càng nặng tấm yêu nên lời.
Rằng: “Già nay đã khác vời,
1350 Cứ này tượng bởi¹⁰ lòng trời hậu cho.

1. *Bắt chừng*: theo chừng, phỏng chừng.

2. *Ruỗi pha*: (*pha*: xông pha) chạy băng đi.

3. *Xổ lòng*: tỏ bày nỗi lòng.

4. *Bến Tương*: bến sông Tương. *Tương* là tên một con sông ở tỉnh Hồ Nam chảy vào hồ Động Đình. Trong thi văn, sông này thường tượng trưng cho sự buồn rầu vì trai gái nhớ mong nhau.

5. *Trú thuyền*: dừng thuyền nghỉ lại.

6. *Dội nước*: nghe dội lại theo dòng nước.

7. *Luồn lượt*: nói bị ướm đầm đìa. Thường nói là *ướm sườn sượt*.

8. *Tơ hào*: (*tơ* cũng đọc là *ti*: phần mười của một hào, hoặc sợi tơ nhỏ; *hào*: phần mười của một ly hoặc lông mao nhỏ) một ti một hào, nói về số rất nhỏ, hoặc nói về những điều rất nhỏ nhặt. Ở đây Ngọc Khanh kể lại đầy đủ mọi chi tiết cho Long Đề học nghe.

9. *Sóng đào*: (*đào*: sóng) sóng lớn, chỉ sông nước.

10. *Cứ này tượng bởi*: cứ xem thế này thì dường như là bởi lòng trời.

Minh linh¹ muốn chút nghĩa vò²,
Sớm khuya được cậy, già nua được đành.
Sau dù lá kệ phiếu kinh,
Mặc tiêu sái đấy³ cho thanh thả đời.”
1355 Ôn lời dễ dám chối lời,
Tạ vào thôi đã thuyên dời bến sơ⁴.

XLIX. VĂN BÁO TÂM THI

(Nghe báo tin đi tìm xác)

Buồm Long xuôi những xưa xưa⁵,
Trướng Lưu còn mãi giấc lưà êm nềm⁶.
Hoảng tin mới rộn⁷ sai tìm,
1360 Khác nào đáy bể mò kim một dường⁸.
Nàng thì đành được chốn nương⁹,
Lưu thì bày đặt lễ thường¹⁰ thiếu đâu.
Ông bà no những van nhau¹¹,
Dành cho nào biết cơ mầu¹² nhiệm xoay¹³.

1. *Minh tinh*: tên một loài sâu. Con tò vò bắt con sâu này về làm mồi cho con nó ăn. Xưa người ta tưởng lầm tò vò bắt nó về tổ để nuôi nó lớn lên mà thành con tò vò. Ở nước ta thường cho đó là con nhện con nên mới có câu: “Tò vò mà nuôi con nhện, ngày sau nó lớn nó quỵen nhau đi”.

Con kẻ khác mà nuôi làm con của mình cũng gọi là *minh tinh*.

2. *Nghĩa vò*: nghĩa con tò vò.

3. *Mặc tiêu sái đấy*: (*tiêu sái*: phóng khoáng không vướng víu) mặc cho được sống ung dung phóng khoáng khỏi phải lo lắng gì.

4. *Bến sơ*: bến đỗ thuyền nghỉ tạm.

5. *Xuôi những xưa xưa*: xuôi đi đã lâu rồi.

6. *Giấc lưà êm nềm*: (*lưà*: dư, thừa) giấc ngủ còn hầy dư êm dềm.

7. *Rộn*: rối rít.

8. *Đáy bể mò kim một dường*: (*dường*: như) ý nói việc khó, không thể làm được như mò kim ở dưới đáy biển.

9. *Chốn nương*: chốn nương thân, ở nhờ.

10. *Bày đặt lễ thường*: cũng bày đặt ra cúng lễ theo đủ mọi hình thức cho vong linh của Ngọc Khanh.

11. *No những van nhau*: (*van*: kêu rên, than thở H.T.C) đã than thở với nhau đủ điều, đã chịu nhiều nỗi khổ lòng.

12. *Cơ mầu*: (*cơ*: nhỏ, sự gì mới có điềm báo cho biết cái điềm (triệu trẫm) mầu nhiệm, khó xem, khó hiểu.

13. *Xoay*: xoay vần, ý nói máy tạo xoay vần, cuộc đời biến đổi.

L. TIỀN TRUYỀN CƠ MẬT

(Bản tên truyền kế bí mật)

- 1365 Diêu từ ruổi bước ải mây ¹,
Tin lương tỏ biết còn vây ² đã mừng.
 Hiềm vì thống tướng dè lưng ³,
Viên biên ⁴ sợ lọt cầm giăng ⁵ chưa sai.
 Lĩnh quân Diêu mới quyết bài,
1370 Đặc truyền tức khắc hàm mai tiêm hành ⁶.
 Đêm khuya dòm dò tặc tình ⁷,
Bóng cờ ngan ngác trống canh trể trăng.
 Phá kiêu ⁸ nghĩ cũng dễ dàng,
Về song ⁹ kíp thảo hai trương mật bài ¹⁰.
1375 Hẹn cho giờ sữu ¹¹ đêm mai,
Dấu cờ hiệu súng trong ngoài giáp công ¹².
 Lên nơi cao phụ ¹³ quăng không,
Hai bên hai tiễn hai phong ¹⁴ bắn vào.
 Lương vừa khuya tựa chòi cao.
1380 Vật chi vi vút phương nào tìm xem.
 Tiễn đầu giấy chữ buộc kèm,
Chức mầu mừng thấy trong niêm tỏ bày.

-
1. *Ái mây*: cửa ải xa xôi (có ý nói xa tận chân trời lẫn vào với mây).
2. *Còn vây*: còn bị quân giặc bao vây.
3. *Dè lưng*: dè dặt về cái thế không được mạnh của mình (*lưng*: thế như dựa lưng là dựa thế. H.T.C).
4. *Viên biên*: (*biên*: quan võ) viên quan võ.
5. *Cầm giăng*: cầm chững, còn trù trừ.
6. *Hàm mai tiêm hành*: ngầm tẩm mà đi thâm lặng, đây là toán quân đi dò xét tình hình quân giặc.
7. *Tặc tình*: tình hình quân giặc.
8. *Phá kiêu*: phá vỡ đám quân kiêu ngạo không chịu phòng thủ nghiêm mật.
9. *Về song*: (*song*: cửa sổ) về phòng ngồi bên cửa sổ.
10. *Mật bài*: thư kín nói về việc tấn công giặc.
11. *Giờ sữu*: từ 1 giờ đến 3 giờ đêm.
12. *Giáp công*: (*giáp*: kèm ở hai bên, *công*: đánh) hai bên quân địch xáp gần nhau mà đánh nhau.
13. *Cao phụ*: gò cao.
14. *Hai tiễn hai phong*: hai mũi tên có buộc hai phong thư.

Chư quân trông đã chầy ngày¹,
Được tin mài cánh day tay² đợi truyền.

LI. TẤU KHẢI HỒI TRIỀU

(Tàu lên và về triều)

- 1385 Ải gần Dương cũng thông tin,
 Hợp binh một khắc giải liền hai vây³.
 Cậy nhiều Hồ hã múa may,
 Lại thu quân sót rắp gây mộng thừa⁴.
 Cộng đồng bàn bạc nhung cơ⁵,
1390 Dương Lương cùng hiệp dẹp bữa⁶ lập công⁷.
 Ải ngoài chi đạo⁸ quét xong,
 Quán kinh⁹ vôi vọi bụi hồng lằng lằng¹⁰.
 Sân bồ¹¹ biểu tiếp¹² liền dâng,
 Thanh bình¹³ roi gõ chân nưng¹⁴ khải hoàn¹⁵.

1. Chầy ngày: đã lâu ngày rồi chưa phá vòng vây.

2. Mài cánh day tay: ý nói quân lính tỏ ra quyết tâm phá giặc, về hăng hái lắm.

3. Hai vây: hai vòng vây của giặc.

4. Rắp gây mộng thừa: cũng toan gây cái mộng cuối cùng đánh thắng trở lại.

5. Nhung cơ: (nhung: các đồ quân bị, binh lính; cơ: cơ mưu) cơ mưu về việc binh, việc cơ yếu trong quân.

6. Dẹp bữa: đánh dẹp ô ạt đi.

7. Lập công: dựng nên công trạng.

8. Chi đạo: đạo quân nhánh tách lẻ ra.

9. Quán kinh: (quán: gò, đồng; kinh: kinh ngạc hai loài cá dữ tức cá voi và cá sấu, ví với bọn giặc cướp) nói quân giặc bị giết chết nhiều đến nỗi chôn thành gò cao.

10. Bụi hồng lằng lằng: (bụi: tức gió bụi chỉ chiến tranh) bụi hồng sạch lằng lằng, ý nói đã dẹp xong giặc không còn chiến tranh nữa.

11. Sân bồ: sân nhà vua có lót cỏ bồ để quỳ cho êm.

12. Biểu tiếp: tờ biểu tâu báo tin thắng trận.

13. Thanh bình: yên ổn thái bình, không còn giặc giã nữa.

14. Roi gõ chân nưng: thắng trận rồi lấy roi gõ vào chân ngựa thông thả trở về.

15. Khải hoàn: (khải: hát mừng thắng trận, hoàn: trở về) thắng trận trở về.

LII. DAO TIÊN VẤN HỎI

(*Dao Tiên nghe tin mừng*)

- 1395 Gia thư nhẹ ruỗi chân nhàn ¹,
Tin lành sớm đã lọt màn Tiên nha.
Vân Hương tấp tểnh ² chiềng ³ bà,
Nỗi thân ⁴ nỗi nghĩa ⁵ nhường hoa nở lòng.
Gánh sầu nhẹ cất hư không,
1400 Càng tường tin báo, càng trông độ về.

LIII. THÁNH CHỈ GIAI PHONG

(*Chỉ vua phong thưởng*)

- Thương canh ⁶ lần dịch ⁷ gióng khuya,
Chợt đâu bản đạo đã kê thành đô.
Rồng mây ⁸ một hội nghìn thu,
Gác Đường ⁹ vẽ mặt, yển Chu ¹⁰ tả lòng
1405 Người tài, người lược ¹¹, người trung,
Luận công ba ¹² ấy đều phong liệt hầu ¹³.

1. *Chân nhàn*: (*nhàn*: nhận) thư buộc vào chân nhận.

2. *Tấp tểnh*: hí hửng (vui mừng lộ hẳn ra cử chỉ).

3. *Chiềng*: trình.

4. *Nỗi thân*: nỗi mừng vì được tin cha.

5. *Nỗi nghĩa*: nỗi mừng vì được tin Lương sinh.

6. *Thương canh*: tên con chim thường hót về mùa xuân.

7. *Dịch*: người lính trạm.

Cả câu ý nói Dao Tiên khi nghe chim thương canh hót thì càng vui mừng, không ngủ được, càng thức khuya chờ tin người lính trạm đưa tin về.

8. *Rồng mây*: cơ hội may mắn (lập được công trạng đánh thắng quân giặc) như rồng gặp mây.

9. *Gác đường*: gác của vua nhà Đường. Do chữ *Lăng Yên các* (gác khói), một cái gác rất cao tưởng như đến mây khói. Ở gác này vua Đường Thái Tông có cho vẽ tượng 24 vị công thần để lưu truyền sự nghiệp.

10. *Yển Chu*: nhà Chu có lệ đãi yển các chư hầu trong dịp họ tới triều bái.

11. *Người tài, người lược*: (*tài*: tài năng, *lược*: mưu lược) tài giỏi thao lược (hiểu biết các kế hoạch về quân sự).

12. *Công ba*: ba người có công ấy.

13. *Liệt hầu*: (*liệt*: hàng, *hầu*: tước hầu) được xếp vào hàng tước hầu.

Chuẩn cho thế tập¹ truyền sau,
Rành rành khoán núi, lầu lầu thư sông².
Móc mưa³ nhuần gọi chập chùng,
1410 Rước mừng cửa chợ⁴ vầy đông bội thường⁵.

LIV. LƯU CỬU CỐ TÌNH

(Câu Lưu tỏ tình)

Liêu bằng⁶ khánh hạ⁷ chen đường,
Vừa Lưu công tử anh nàng Ngọc Khanh.
Mới vâng ấm bổ⁸ thăng Kinh⁹
Đến mừng nhân kể cỗi cành sự em¹⁰.
1415 Lương nghe dương dễ động niềm,
Chứa cam tình nợ¹¹ lại thêm nghĩa này¹².
“Tâm hơi thấm thía chỉ vậy,
Thủy chung một tiết xưa nay mấy người.
Nỡ cho ngọc đắm hoa trôi,
1420 Núi non nào dễ đền bồi chút đâu.”
Hiên trong ngai ngại nét sầu,
Xảy vừa Dương tướng tháo chầu¹³ vào chơi.
Việc gì nhường khác vẻ vui,
Nỗi Lưu, Lương lại kể lời duyên do.

1. *Thế tập*: (thế: đời, tập: tiếp nối) con gái tiếp nối theo cha được phong tước hầu.

2. *Khoán núi... thư sông*: (khoán: tờ giấy ước hẹn, bằng cứ; thư: chữ viết) Vua Hán Cao Tổ khi cắt đất phong tước cho các công thần đều sai làm một bản khoán bằng sắt đề bằng son mấy chữ “*Sơn hà đại lệ*” ý nói dù núi mòn sông cạn vẫn không quên công.

3. *Móc mưa*: (móc: hạt sương đọng trên lá cây ngọn cỏ) chỉ ân huệ của nhà vua đối với người dân như mưa như móc thấm nhuần vào sinh vật.

4. *Cửa chợ*: cửa nơi kẻ chợ, chỗ đô hội.

5. *Bội thường*: gấp mấy so với ngày thường.

6. *Liêu bằng*: (liêu: quan, bằng: bạn bè) bạn bè cùng làm việc quan với nhau.

7. *Khánh hạ*: (khánh: mừng, hạ: đem lễ vật mừng, chúc tụng) làm lễ ăn mừng.

8. *Ấm bổ*: (ấm: ơn trạch hay quyền thế của cha ông để cho con cháu được nhờ) lấy chân ấm sinh được bổ làm quan.

9. *Thăng Kinh*: lên Kinh đô.

10. *Cỗi cành sự em*: đầu đuôi (gốc ngọn) câu chuyện của em.

11. *Tình nợ*: là tình đối với Dao Tiên.

12. *Nghĩa này*: là nghĩa đối với Ngọc Khanh.

13. *Tháo chầu*: tan buổi chầu ra về.

1425 Dương nghe cũng ngậm ngùi cho,
 Rằng: “Danh tiết ấy thơm tho ai bì.
 Sao chẳng gởi đến đan trì¹,
 Ngõ² cam tình biểu³ chút gì trả nhau.”
 Hiệp lời vội cáo⁴ bản tâu,
 1430 Hẹn vào tiện điện⁵ buổi sau tiến trình.
 Gương trời soi tỏ các tình,
 Tiết ngay sắc tặng⁶ tiếng lành biển tương⁷.

LV. THÁNH CHỈ VI MỐI

(Chỉ vua làm mối)

Sự Lương trong vốn đã tường,
 Ngọc âm⁸ lại phán hỏi Dương sự nhà.
 1435 Thêm phong⁹ lay trước tâu qua:
 “Hiếm hoi một gái tuần đà thêm hai¹⁰.
 Những vâng rong ruổi việc ngoài,
 Buồng canh¹¹ nên hãy còn cài cửa thoi¹².
 Năm mây¹³ xuống chỉ¹⁴ rạch ròi¹⁵,

1. *Đan trì*: (*đan*: đỏ, *trì*: thêm nhà) cái thêm sơn đỏ, chỉ cái thêm ở cung vua.
 Nghĩa rộng chỉ nhà vua.

2. *Ngõ*: ngõ hầu.

3. *Tình biểu*: (*tình*: cờ hiệu; *biểu*: biểu dương, làm cho tỏ rõ) nói những người có công trạng hoặc có tiết nghĩa được nhà vua khen tặng làm tỏ rõ cho mọi người biết.

4. *Vội cáo*: vội thảo ngay, vội viết ngay.

5. *Tiện điện*: (*tiện*: tiện lợi, *điện*: cung điện) nơi cung điện riêng ở bên chỗ triều chính để nhà vua vào nghỉ ngơi hoặc thay áo cho tiện.

6. *Sắc tặng*: sắc, tặng để biểu dương trình tiết.

7. *Biển tương*: biển thếp vàng.

8. *Ngọc âm*: lời nói của nhà vua.

9. *Thêm phong*: (*phong*: cây phong) trước thêm cung điện thường có trồng cây phong nên gọi là thêm phong.

10. *Thêm hai*: gần hai mươi tuổi.

11. *Buồng canh*: (*canh*: canh củi) buồng phụ nữ nơi người phụ nữ thường lo việc canh củi (dệt vải).

12. *Cài cửa thoi*: cài cửa để lo đưa thoi dệt vải, ý nói chưa lấy chồng.

13. *Năm mây*: chỉ tờ chiếu ngũ sắc của vua.

14. *Chỉ*: tờ mệnh của vua.

15. *Rạch ròi*: rõ ràng.

- 1440 Thiên vi trập đồ¹ còn soi nổi nhà.
 Lòng tôi thể tất² mới là.
 Gái Dương cho lựa phím hòa với Lương³.
 Tạ ơn cùng xuống đèn vàng,
 Bước càng nhẹ bước, tươi càng nhẵn tươi.
- 1445 Chở che trên thánh là trời,
 Đã nơi vện nghĩa lại nơi vện tình.
 Dương càng mừng nước cửa dinh,
 Chín lần⁴ rủ dất sợi mảnh⁵ mấy khi.

LVI. PHỤNG CHỈ NGHINH HÔN

(Vâng chỉ vua mà rước vợ)

- 1450 Tư thiên⁶ khâm chọn nhật thì,
 Trái trao các lễ đến kỳ nghinh hôn⁷.
 Dâng thành⁸ gửi trước Ngọ môn⁹,
 Đồ ban lễ tiến xáo xông chín đường.
 Nở sen đuốc ngự ín vàng,
 Chung rung nhạc vỗ, rõ ràng gấm phong¹⁰.
- 1455 Dưới đèn lộng vẻ song song,
 Ngọc in bảo đới¹¹, ráng lông hà y¹².

1. *Thiên vi trập đồ*: chưa tường được nghĩa.

2. *Thể tất*: (*thể*: thể lượng tức đặt mình vào địa vị ấy mà lượng thứ cho người ta, *tất*: biết, hiểu rõ) thể lượng mà hiểu rõ cho những nông nổi của người ta.

3. *Lựa phím hòa với Lương*: cho sánh lứa đôi với Lương (lựa phím hòa là nói vợ chồng hòa hợp như gảy đàn sắt đàn cầm với nhau).

4. *Chín lần*: do chữ cửu trùng, nơi vua ở thâm nghiêm qua chín lớp cửa mới đến nơi được. *Sở từ*: *Quân vương hễ cửu trùng*. *Cửu trùng (chín lần)* là chỉ vua.

5. *Rủ dất sợi mảnh*: ý nói nhà vua rủ lòng yêu quý dất dây tơ hồng xe cho thành vợ chồng.

6. *Tư thiên*: tức là chức quan coi lịch. Cũng gọi là *Tư thiên giám* hay *Khâm thiên giám*. Nguyên có chữ trong *Kinh Thư* “*Khâm nhược thiên thi*” kính thuận thời hậu của trời, thuộc về chức quan xem thiên văn và xem lịch.

7. *Nghinh hôn*: đón dâu.

8. *Dâng thành*: dâng lòng thành kính.

9. *Ngọ môn*: cửa chính đi vào kinh thành vua.

10. *Gấm phong*: gấm vua ban cho.

11. *Bảo đới*: đai áo quý báu.

12. *Hà y*: (*hà*: sắc rần, *y*: áo) cái áo sắc đỏ hồng hồng như sắc ráng. Chép là *hà phi* thì e không đúng.

1460 Trai tài gái sắc phải thì,
Doanh châu¹ ấy khách, Dao trì² này tiên.
Là người mới lại người quen,
Kể sao xiết nỗi tình duyên bấy giờ.
Càng thêm quán chỉ oanh tơ³,
Đã đầy cá nước duyên ưa⁴ một nhà.

LVII. LONG GIA TẤU HÔN

(Cụ Long tâu việc hôn nhân)

1465 Rỉ đưa lời cánh bay xa,
Vừa Long Đề học thuyền đà tới kinh.
Tỏ hay thay thấy mọi tình,
Bài phường⁵ lại thấy biển tình chữ bày.
Đòi nàng ngỏ dạy trước đài,
Cũng làm một biểu buổi mai tiến triều.
Nàng nghe ren rén khépsào⁶,
1470 Gởi xin: “Chẳng lọ nài tâu chi nhàm.
Rủi may dễ kéo⁷ lúa đơm⁸,
Mặc vậy duyên ấy đành cam phận nào.”
Phu nhân lại dạy vắn vào,
Rằng: “Như bia tạc sắc bao⁹ phụ gì.
1475 Dù chẳng vội chốn kết nghì¹⁰,
Là vâng chỉ ngọc, dám ghì lòng đành¹¹.

1. *Doanh châu*: tên một hòn núi trong ba hòn núi thần tiên ở trong Bọt Hải, chỉ cảnh tiên.

2. *Dao trì*: cái ao bằng ngọc, chỗ bà Tây Vương Mẫu ở.

3. *Oanh tơ*: xe tơ.

4. *Cá nước duyên ưa*: cái duyên hai người ưa nhau, thích hợp với nhau như cá với nước.

5. *Bài phường*: cổng khải hoàn dựng lên để mừng đón những người chiến thắng trở về.

Cả câu ý nói ở bài phường còn có tấm biển và lá cờ (*biển tình*) nêu cao tiết tháo của Ngọc Khanh.

6. *Bào*: cái áo dài và tay rộng.

7. *Dễ kéo*: dễ như có phải.

8. *Lúa đơm*: lúa đôi.

9. *Sắc bao*: (*bao*: khen -H.T.C) sắc vua khen.

10. *Kết nghì*: (*nghì*: nghĩa) kết duyên.

11. *Dám ghì lòng đành*: đâu không dám bền giữ tấm lòng sắt đành với Ngọc Khanh.

Ví xưng xưng¹ quyết lấy mình,
 Bóng dâu² hai lão phỏng đành đấy chẳng.
 Ngẫm cơ ghênh Thái³ gác Đàng⁴,
 1480 Hay đâu là chẳng xích thằng sẵn xe
 Cạn lời bần bật nín nghe,
 Tạ thôi sen dạo gót về hiên sau.
 Tan sương chợt chợt ban châu,
 Biểu văn Long sẵn cấp bào gửi lên.
 1485 Ngự khong: “Này mới thiên duyên,
 Ngọc Khanh nay độ Ngọc Liên chi nhường.”
 Lại cho hợp phối với Lương,
 Cứ y lễ trước chiếu thường lễ sau.
 Cùng ban nhất phẩm ngang nhau,
 1490 Hóa phong cho rệt mối đầu chính phong.
 Ngửa vâng ơn sóng trùng trùng,
 Hai bên khấu tạ hô tung đều về.

LVIII. DAO TIÊN KHUYẾN THÚ

(*Dao Tiên khuyên lấy vợ*)

Lương càng khấp khởi⁵ đôi bẽ,
 Vội vàng ngỏ trước hương khuê⁶ xem ngời.
 1495 Nào hay hoa căng⁷ vẻ tươi,
 Thực lòng yêu kính thiết lời khuyên lơn.
 Thấy chiều dễ cấm⁸ mừng rơn⁹,
 Đành hay hiền thuận gấp hơn thói thường.

1. Ví xưng xưng: nếu cứ một bề cãi lấy được.

2. Bóng dâu: ánh mặt trời lúc xế tà còn vương trên ngọn cây dâu, ví với tuổi già.

Cả câu ý nói để cha mẹ già ở nhà phỏng có đành chẳng?

3. Ghênh Thái: tức là ghênh Thái Thạch, nơi Lý Bạch bị chết đuối.

4. Gác Đàng: tức Đàng Vương các, nơi Vương Bột vì gặp may có gió đưa thuyền cho ông về kịp dự tiệc và làm thơ mà trở thành nổi tiếng. Đây chỉ duyên may của Ngọc Khanh tưởng đã bị chết đuối mà lại được cứu vớt.

5. Khấp khởi: mừng hí hửng trong lòng.

6. Hương khuê: cái buồng thơm, nơi con gái ở.

7. Căng: hây còn.

8. Cấm: ngăn đón.

9. Mừng rơn: mừng lắm.

1500 Lễ hôn chuông chấn¹ mọi đường,
 Quế càng hương chấp², gấm càng hoa thêm.
 Cát kỳ³ chòm nức chum xem,
 Xe mây trăm lượng⁴ trang liêm⁵ dầy thừa.

LIX. SONG PHỤNG ĐOÀN VIÊN

(Đôi phượng vẹn tròn)

1505 Dựng chen tân tướng⁶ đón đưa,
 Bàn tiên tiệc ngọc đã xưa lại rày.
 Buổi sau mừng mặt đông vầy,
 Tiên đưa vẻ ngọc, ngọc bày đoàn tiên,
 Người kính nghĩa, kẻ yêu hiền,
 Chị em cùng gọi dưới trên sá nề.
1510 Chuẩn cho công khóa⁷ đi về,
 Nguyệt, Hương phận cũng đẹp bề tiểu tinh⁸.
 Nước yên nhà vẹn đã đành,
 Giữ lễ đều gởi đan đình⁹ vinh quy.
 Rào tuôn¹⁰ cách ngoại ai bì,
 Lương gồm quy tỉnh¹¹, Diêu thì hoàn nhân¹².
1515 Diêu đường, Dương nhạc hai thân,
 Được cơ đều cũng biểu trần minh nông¹³.

-
1. *Chuông chấn*: cũng như *vuông vắn*, đầy đủ mọi điều.
 2. *Chấp*: nối, tỏa hương thơm mãi không hết.
 3. *Cát kỳ*: (*cát*: tốt) kỳ nghinh hôn.
 4. *Trăm lượng*: (*lượng*: cỗ xe) trăm cỗ xe.
 5. *Trang liêm*: (*trang*: quần áo; *liêm*: cái trấp gương của phụ nữ dùng) quần áo và đồ dùng của người con gái đem về nhà chồng.
 6. *Tân tướng*: khách của Lương tướng công.
 7. *Công khóa*: mức độ công lao.
 8. *Tiểu tinh*: ngôi sao nhỏ, chỉ người vợ lẽ. Chữ lấy trong *Kinh Thi*, bài *Tiểu tinh tuệ*: *bỉ tiểu tinh, tam ngũ tại đông* (Sáng thay ngôi sao bé nhỏ kia, ba ngôi, bảy ngôi tại phương đông). Phận vợ bé, sợ vợ cả ghen, chỉ khi nào đêm thật khuya mới dám vào với chồng.
 9. *Đan đình*: sân màu son, sân trong cung vua.
 10. *Rào tuôn*: chỉ ơn mưa móc của nhà vua thật nhiều.
 11. *Quy tỉnh*: (*tỉnh*: thăm hỏi có bình an không) về thăm cha mẹ.
 12. *Hoàn nhân*: lo tròn việc hôn nhân.
 13. *Minh nông*: làm rõ chính sách trọng nông của nhà vua tức xin về hưu để làm ruộng.

Bài vàng cờ đỏ đầy sông,
 Vầy vui một hội lạ lòng nghìn xưa.
 Gió căng buồm gấm tươi đưa,
 1520 Máy tuần chợt đã ghé bờ Tràng Châu.
 Cửa Diêu khách rộn chen lầu,
 Vinh quy trí sĩ ¹ rước dâu một ngày.
 Đình Ba liên tiệc Dương vầy,
 Thự riêng Lương cũng đình Mây rước mời.
 1525 Trải tuần ngoại quán lần chơi,
 Cuộc nhà đều lại thuyền đời Ngô giang.
 Cửa Vu ² nếp sẵn phong quang,
 Nức sân tuyền mã ³ dấy làng minh kha ⁴.
 Thọ canh gồm vẽ đôi tòa,
 1530 Ngân mừng con, lại ngân là mừng dâu.
 Họ Lưu...
 May thay công tử ra chiều sớm tin.

.....

1. *Trí sĩ*: từ quan về quê ở quê nhà.

2. *Cửa Vu*: cửa nhà có nhiều phúc đức. Do tích Vu Công đời Hán vì coi việc hình ngục rất công bằng nên được nhiều ân đức. Khi cổng nhà ông hỏng, dân làng xây lại, ông bảo xây cao to hơn để con cháu ta xe ngựa vòng lọng ra vào cho dễ. Sau con cháu ông có người làm tới Ngự sử đại phu.

3. *Sân tuyền mã*: sân hẹp chỉ đủ chỗ cho ngựa quay lại, chỉ sân nhà ông tể tướng thanh liêm như Tể tướng Lý Hăng đời Tống.

4. *Làng minh kha*: (*kha*: thứ đá giống như ngọc). Người xưa dùng *ngọc kha* để làm đồ trang sức cho xe ngựa nên xe ngựa nạm ngọc kha được gọi là *minh kha*.

Làng minh kha là làng giàu có, chỗ quê hương phú quý.

TRUYỆN HOA TIÊN

(Bản do Nguyễn Thiện nhuận sắc)

NGUYỄN THIÊN

(1763 - 1818)

Nguyễn Thiên tự là Khả Dục, hiệu là Thích Hiên, quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, sinh năm Quý Mùi (1763), niên hiệu Cảnh Hưng thứ 24, đời vua Lê Hiển Tông.

Ông là con trai trưởng của Nguyễn Điều và bà chính thất họ Bùi (con gái Doan quận công Bùi Thế Đạt), thuộc dòng danh gia thế phiệt.

Thân phụ ông làm quan đến chức Đốc đồng, tước Điều Nhạc hầu. Ông nội ông là Nguyễn Nghiễm làm quan đến chức Công bộ Thượng thư tước Xuân Quận công. Bác ruột ông là Nguyễn Khản làm quan đến chức Lại bộ Thượng thư, tước Toàn Quận công. Chú ruột ông là Nguyễn Du làm quan đến chức Hữu tham tri bộ Lễ tước Du Đức hầu.

Vì là con nhà tướng (thân phụ ông xuất thân Tứ trường nhưng cải sang võ chức, có nhiều quân công) nên ông được ấn phong Hoàng Tín đại phu, Phó trung úy, Đại Nhạc hầu.

Năm Quý Mão (1783), Cảnh Hưng thứ 44, ông đi thi Hương đậu tứ trường (tức là Cử nhân) cùng với hai chú là Nguyễn Nễ và Nguyễn Nhưng. Khoa ấy xã ông đậu 5 người mà ông đứng đầu. Sinh bình ông chỉ lấy văn tự làm vui, trước thuật có: *Đông Phủ thi tập* và *Huyền cơ đạo thuật bí thư*. Em ruột ông là Nguyễn Đạm, hiệu Nam Thúc, nổi tiếng văn học, cùng với chú là Nguyễn Du đã chiếm được hai chỗ trong *An Nam ngũ tuyệt*.

Sau khi triều Lê bại vong, ông quyết định ở ẩn để giữ lòng trung với cũ.

Khi Nguyễn Du về sống ở quê nhà từ năm 1796 tại làng Tiên Điền, thì hai chú cháu đã trở thành đôi bạn tâm tình.

Nguyễn Ánh lên ngôi (tức vua Gia Long) có xuống chiếu lục dụng các cựu thần nhà Lê và con cháu họ, ông đã không ra làm quan như Nguyễn Du. Thái độ của ông thật dứt khoát. Ông mất năm 1818.

Theo bài Tựa bản *Hoa tiên ký* của Vũ Đái Vấn viết năm Kỷ Sửu (1829), Minh Mệnh thứ 10 thì ông đã nhuận chính truyện *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự.

HOA TIÊN NHUẬN SẮC

Trăm năm một sợi chỉ hồng,
Đặt người tài sắc vào trong khuôn trời ¹.
Sự đời thử ngẫm mà chơi,
Tình duyên ² hai chữ với người hay sao!
5 Từng nghe trăng gió ³ duyên nào,
Bể sâu là nghĩa non cao là tình.
Người dung hạnh ⁴, bậc tài danh,
Nghìn thu để một mối tình làm gương.
Cõi Tô Châu dải Ngô giang,
10 Khí thiêng ⁵ đúc lại họ Lương một nhà.
 Tướng công ⁶ chữ gọi Ấn Ba,
Sang yêu sớm đã dự tòa Bình chương.
 Gió thanh hây hây gác vàng,
Thảnh thơi chèo Pháo, nhẹ nhàng gánh Y.
15 Giúp trong Diêu thị khổn nghi,

1. *Khuôn trời*: người xưa cho rằng ông trời định sẵn vận mệnh của con người như đã đúc sẵn trong khuôn.

Truyện Kiều cũng có các chữ *khuôn xanh*, *khuôn thiêng* và *khuôn duyên*.

2. *Tình duyên*: (*tình*: những mối cảm xúc ở trong lòng, lòng yêu nhau; *duyên*: nhân, nhân kết thành *duyên* như *duyên cố*, *duyên có*. Nhà Phật cho vì nhân mà được quả là *duyên* như *nhân duyên*, *duyên phận*). Cái duyên may của hai người trai gái yêu nhau mà được kết thành vợ chồng.

3. *Trăng gió*: do chữ *phong nguyệt* chỉ cảnh trăng trong gió mát. Từ Miễn ban đêm thường cùng học trò hội họp. Một đêm có người khách đến hỏi việc quan, ông nghiêm nghị đáp: “Đêm nay chỉ nói đến cảnh gió trăng mà thôi không nên nói đến việc quan”.

Trăng gió lại có nghĩa là sự tình tự của trai gái với nhau trước cảnh trăng trong gió mát.

4. *Dung hạnh*: chỉ người con gái vừa có nhan sắc vừa có đức hạnh.

5. *Khí thiêng*: do chữ *tú khí*. Cái khí tiết tốt đẹp của non sông đất nước chung đúc lại để sinh ra những bậc anh hùng, hào kiệt.

6. *Tướng công*: (*tướng*: tể tướng, *công*: ông, tiếng tôn xưng) tức Lương tướng công, cha của Lương sinh (tức Lương Phương Châu).

Điềm lành sớm ứng hình nhi ¹ một chàng.
 Phương Châu biểu tự Diệc Thương,
 Phong nghi khác giá, từ chương tốt loài.
 Gấm hoa tài mạo gồm hai,
 20 Đua chân nhảy phượng sánh vai cười kình.
 Gia quan mới đạo nhà huỳnh,
 Thú nhà hầu hạ huyền đình bấy lâu.
 Song hồ nấn ná thôn dâu,
 Thẽ rồng xuân điểm ngày thâu chìm chìm.
 25 Lối thơm khi nhẹ gót tìm,
 Mùi hoa như rước, tiếng chim ngõ chào.
 Sóng đào mảnh mảnh bông đào ²,
 Hoa xuân lóng lánh khác nào mặt xuân.
 Hẹn phong lưu để nợ nần,
 30 Nửa song âu then vững tần đôi uyên.
 Chen chân thử dạo khơi miền ³,
 Dẩy dun may được như nguyên biết đâu.
 Gởi qua xắm nắm ⁴ dưới lầu,
 Xin ra du học Tràng Châu quê ngoài.
 35 Dạy rằng: “Hồ thỉ chí trai”.
 Tìm thầy hỏi bạn chi hoài bổng dưng.
 Vả từ quê Vị khơi chừng,
 Ngày sinh nhật mợ sang mừng cũng hay.
 Sẵn nơi trú ngụ đâu tày,
 40 Tiện tra bạ tướng bấy nay cho tường.
 Rồi ra luyện tập văn chương,
 Cách nào rạng dấu thư hương mặc lòng.
 Lĩnh lời sắp gánh giục đồng,
 Thuyền lan một lá xuôi dòng thênh thênh.

1. *Hình nhi*: (*hình*: hương thơm, tiếng thơm; *nhi*: trẻ nhỏ) người con quý. Chữ 馨 cũng đọc là *hấn*. Tấn thư Vương Diễm truyện có câu “*Hà vật lão ấu, sinh thử ninh hấn nhi?*” (Bà già này người thế nào mà sinh ra đứa bé ấy). Chữ *hấn* được dùng làm trợ ngữ từ nhưng Đào Duy Anh đã phiên âm sai là *hình nhi*.

2. *Sóng đào... bông đào*: ý nói sóng gợn nhẹ đưa những cánh đào trôi theo dòng nước.

3. *Khơi miền*: (*khơi*: xa) nơi xa.

4. *Xắm nắm*: sấm sửa, khiến làm việc gì, rắp, toan, hàng (H.T.C). Cũng viết là *xắm rắm*.

45 Rượu tiêu¹ thơ sẵn² mặt duênh,
 Đầu doi bay lộ, cuối ghềnh nổi âu.
 Ca chèo mây bợn³ tiếng dàu,
 Ngược⁴ trông đã đến Tràng Châu ghé thuyền.
 Nhà xuân vừa mở thọ diên,
 50 Chén pha giếng cúc bàn chen núi đào.
 Lạy bày mừng rỡ khen lao,
 Lại truyền công tử⁵ họ Diêu rước mừng.
 Hàn huyên cùng giải láng láng
 Mới hay Diêu cữu⁶ chuyển thẳng Đô đường⁷.
 55 Bóng nghiêng dở chén tàng tàng,
 Tiệc thôi Diêu mới đưa sang trú phòng.
 Anh em kể vế bày lòng,
 Góp đem phong nguyệt vào trong phẩm đề⁸.
 Khói om mấy đỉnh hương nghê⁹,
 60 Chợt nghe tin gọi Diêu về tiền nha.
 Đồng say khách lạ lân la,
 Ngậm trăng nửa chái, phun hoa bốn hè.
 Tiêm cài giá chất so le,
 Vẽ xem dấu cổ¹⁰, thơ đề lối chân.

1. *Rượu tiêu*: rượu ngâm thuốc có bỏ thêm hạt tiêu thơm vào, thứ rượu quý.

2. *Thơ sẵn*: ý nói cảnh đẹp nên thơ đã có sẵn ở trên sông tha hồ mà ngâm vịnh.

3. *Bợn*: chữ 絆 đọc là *bợn* và có nghĩa là vướng.

4. *Ngược*: bản Nôm khắc là 虛 (hu) nhưng ở đây chắc là chữ *ngược* 虐 bị khắc sai đi.

5. *Công tử*: (*công*: ông, tiếng tôn xưng, *tử*: con) ngày xưa con các chư hầu gọi là *công tử*, về sau chữ ấy được dùng để chỉ con nhà quyền quý.

6. *Diêu cữu*: (*cữu*: cậu, em mẹ) người cậu họ Diêu tức là người cậu của Lương sinh.

7. *Đô đường*: chức quan ở Đô sát viện đời Minh như Đô ngự sử, Thiêm đô ngự sử.

8. *Phẩm đề*: (*phẩm*: cân nhắc khen chê) đề vịnh phẩm bình.

9. *Hương nghê*: lư hương trên nắp có đúc hình *con nghê* (con vật tưởng tượng đầu giống đầu con sư tử và thân có vẩy).

10. *Vẽ xem dấu cổ*: những bức họa trong phòng nhìn xem đều thấy có dấu ấn của các họa sĩ thời xưa.

65 Cầm dao sẵn thẳng dây huân¹,
 Nổi tươi² từng chầu, cắm xuân từng cành.
 Gương treo bóng lộn màu thanh,
 Trong hiên đã vậy, ngoài sanh mới càng³.
 Bức lờn cửa quất⁴ vũng đường,
 70 Chiếc sen ngăn buộc, bóng dương dãi dầu.
 Ngòi thơm dẫn nước làu làu,
 Rặng cây khuất khuất, lưng cầu khom khom.
 Thủy đình rã bóng lom om,
 Dứt đường khúc kính qua chòm tàng xuân.
 75 Đào thôn điểm điểm ngấn trần,
 Sào Ngư mừng tượng cắm gần đầu đây.
 Nảy cành chợt động oanh bay,
 Quyên khuya khắc khoải xa rây ngọn tường.
 Xông hoa⁵ lành lạnh hơi sương,
 80 Dừng chân hầu rắp nhận đường về trai.
 Tiếng đầu gió lọt bên tai,
 Đêm thanh nhường bằng⁶ còn ai say cờ.
 Đề chừng rén bước thẩn thơ,
 Ít nhiều hương cụm nhạt thừa bóng cành.
 85 Lối thơm mở rộng Ba đình,
 Xạ đầu thoang thoảng lọt mảnh phôi pha.
 Vừa cơn mây vẩn⁷ trăng loà,
 Mảnh tình gởi nét thu ba⁸ đưa vào.
 Cuộc tiên đôi ả má đào,
 90 Riêng làn xiêm trắng đem vào mắt xanh⁹.

1. *Dây huân*: dây đàn.

2. *Nổi tươi*: ý nói từng chầu cây trông tươi tốt hẳn lên.

3. *Ngoài sanh mới càng*: phía ngoài, trước nhà chính mới lại càng đẹp.

4. *Cửa quất*: cửa phía ngoài có trồng cây quất.

5. *Xông hoa*: hoa tỏa mùi hương ra thơm lừng chung quanh.

6. *Dường bằng*: đường bằng, dường như.

7. *Mây vẩn*: bản Nôm viết 隕 (bộ 隹 + 員 = phụ + viên) thì phải đọc là *vén* hoặc *vòn* mới đúng. Đọc là *vẩn* có hơi gượng nhưng hợp nghĩa hơn.

8. *Thu ba*: (*thu*: mùa thu, *ba*: sóng) chỉ khước mắt long lanh như nước về mùa thu.

9. *Mắt xanh*: do chữ *thanh nhãn*. Nguyễn Tịch đời Tấn, khi gặp ai mà vừa ý thì nhìn thẳng (mắt thấy nhiều lòng đen) gọi là *mắt xanh*, còn nếu gặp ai mà không vừa ý thì nhìn nghiêng (mắt thấy nhiều lòng trắng). Về sau *mắt xanh* được dùng để chỉ sự có cảm tình.

Gió đông¹ dờn dợn sóng tình,
 Trăm hoa lộng lẫy một cành mầu đơn².
 Mặn mà chìm cá rơi nhàn,
 Nguyệt ghen gương khép, hoa hờn thắm bay.
 95 Thiên nhiên sẵn đúc dày dày,
 Càng tươi tỉnh nét³ càng say sưa tình.
 Bụi phàm chẳng bợn đỉnh đình,
 Dưới từng trong quýt âu đành là đây.
 Gió đâu dun dủi duyên này,
 100 Cả liêu mặt sắt⁴ vào ngay trước bàn.
 Rèm tương động thét tiếng hoàn,
 Vẽ hoa vừa chán, gót lan vội dời.
 Mếch xem chiều mím mím cười,
 Sóng dầm khéo hạnh, chưa đời nét trông.
 105 Môi đào hé mặt phù dung,
 Xiêm in bóng tuyết, sen lồng ngấn rêu.
 Lũ về xót kẻ trông theo,
 Xa mù lần khóa vắng teo giọt lầu.
 Tới buông nặng quả con hầu:
 110 “Đi đâu mà để người đâu xông càn!”
 Vân Hương rén gởi bên màn:
 “Lòa mây nào ngỡ khách man tạn⁵ vời.”
 Thái Cơ nghe thấy đỡ lời:
 “Tiệc vầy⁶ ban tối khi chơi ngoại đường.
 115 Nghe rằng công tử họ Lương,

1. *Gió đông*: gió từ phương đông thổi lại, gió mùa xuân.

2. *Mầu đơn*: một thứ cây có hoa đẹp được coi đẹp nhất trong các loài hoa.

3. *Càng tươi tỉnh nét*: Nguyễn Thiện đã không khéo khi mượn hai câu thơ của Nguyễn Du (tả cảnh Thúy Kiều tắm) để tả Dao Tiên ngồi đánh cờ. Dao Tiên có “ở trần” đâu mà lại tả “*Thiên nhiên sẵn đúc dày dày, càng tươi tỉnh nét càng say sưa tình*”.

4. *Mặt sắt*: chữ *mặt* bản Nôm khắc 月昧 nhưng đúng ra phải viết 未面. Chỗ này cũng là một điểm nghi ngờ không biết chắc là *mặt sắt* (mặt liêu lĩnh) hay *mặt sắc* (sắc đảm, nói cả gan, bạo dạn) như bản Nguyễn Văn Tố phiên âm.

Nhưng nếu phiên âm là *mặt sắc* thì cũng không ổn vì bản Nôm khắc chữ 鐵 (sắt) chứ không phải chữ 色 (sắc).

5. *Tạn*: bản Nôm khắc 羨 (*tạn-tận*) ĐNQATV cũng có chữ này và chú nghĩa là sát một bên.

6. *Tiệc vầy*: (*vầy*: sum họp) tiệc đông người tham dự.

Sang hầu dạy ngụ tây sương mái ngoài.
 Mới rồi hẩn nghĩ chẳng sai,
 Hôm tăm¹ tạm ngụ biết ai đấy mà.”
 Hay tình lẳng lẳng nghe qua,
 120 Dạy đòi Bích Nguyệt truyền ra trước lầu:
 “Vắng chừng ấy chẳng ai đâu,
 Con cờ còn đấy, xem mau lấy về”.
 Vâng lời băng lối đình khuya,
 Viện lan trông suốt, dây hờ lâm râm.
 125 Bóng sân trăng hầy còn cầm²,
 Nỉ non van đá, âm thầm trách hoa.
 Nhỡn nhớ dáng Nguyệt còn xa,
 Quen vùng sinh đã dần dà tới ngay:
 “Tiên nào ban nãy xuống đây ?
 130 Quyển hồn khôn vía buổi³ này đi đâu.
 Rằng: Tư duyên chẳng giúp nhau,
 Mái tây chi để bóng tàu⁴ xế trắng”.
 Nghe lời Bích Nguyệt vùng vằng:
 “Ví đâu ví lạ lòng chẳng cho đời!
 135 Đào trên mây hạnh trên trời,
 Nghĩ chi cho nát dạ người như tươ.
 Dứt phiên phó hẩn con gươm,
 Làm chi muộn đắp sầu đơm khó lòng⁵”.
 Sinh rằng: “Động tỏa nguồn phong,
 140 Dám đâu hỏi bến thăm dòng xôn xao.
 Nghĩ chẳng khi trở gót vào,
 Một cười xem ý biết bao xa gần.
 Riêng ai tính vắn toan vắn,

1. *Hôm tăm*: đêm hôm tối tăm.

2. *Trăng hầy còn cầm*: ý nói trông xa thời thấy trăng chiếu bóng Lương sinh nên biết được chàng đứng ở trước sân.

3. *Buổi*: bản Nôm viết 晷 thì phải phiên âm là *buổi* và có thể hiểu *buổi* này là lúc này.

4. *Bóng tàu*: (*tàu*: cái máng làm bằng nửa thân cây tre hay cây cau đục thành rãnh) cả câu ý nói Bích Nguyệt nếu không giúp chàng (Lương sinh) gặp được Dao Tiên thì thật đã để lỡ mất cơ hội tốt.

5. *Khó lòng*: bản Nôm khắc 苦 (khổ) thì cũng có thể đọc là *khó* cho hợp nghĩa hơn.

Người tiên khi bạn kiếp trần¹ mà hay”.
 145 Nguyệt rằng: “Mơ mẩn xinh thay,
 Cười chẳng cười nổi thày lay² đại càn.
 Tắc mây như bọt gương Hàn³,
 Trăng hoa phải sự nên bàn mà chơi”.
 Phụng phà miệng nói chân đời,
 150 Vườn khuya mặc đấy một người đứng trơ.
 Ngân tà trắng lạt sao thưa,
 Dở dang lẽ ở, say sưa chiều về.
 Đỉnh⁴ trầm thoang thoảng gió khuya,
 Chập chờn cơn tỉnh cơn mê trước đình.
 155 Bổng dưng vương lấy tơ tình,
 Này đồ vườn Lãng, này tranh non Bồng.
 Người sao ngọc đúc tuyết đông⁵,
 Vẽ sao giá chuốt gương trong hỡi người.
 Chớ chê dạ khách tới bởi,
 160 Tượng sành âu cũng rụng rời khéo thay.
 Xiêm huyền chữa dễ ai tà,
 Huyền kia đã vậy, bạch này mới thành.
 Thợ trời dù hẩn vô tình,
 Làm chi đem giống khuynh thành⁶ trêu ai.
 165 Tình dài dễ vắn canh dài,
 Tiếng điều⁷ điểm chót⁸, hiên cài bóng đông.
 Thỉnh an vào trước nhà trong,
 Phu nhân thấy khác hình dung võ về.⁹
 Rằng: “Nơi quán hẹp chớ nề,

1. *Bạn kiếp trần*: (bạn: bản Nôm khắc 伴 thì phải đọc là bạn) cả câu ý nói người tiên (chỉ Dao Tiên) biết đâu lại không có duyên làm bạn trăm năm với người trần (chỉ Lương sinh).

2. *Thày lay*: làm tài hay, làm chuyện không ai cầu, không ai ưa.

3. *Gương Hàn*: chỉ mặt trăng.

4. *Tối*: bản Nôm khắc 取 thì phải đọc là tối nhưng ở đây chữ tối không hợp nghĩa. Chúng tôi cho là chữ đỉnh 鼎 đã bị khắc sai.

5. *Ngọc...tuyết*: ý nói đến sự trong trắng cao quý của người con gái.

6. *Khuynh thành*: chỉ người con gái đẹp (*Khuynh thành*: nghiêng thành. Lý Diên Niên ở đời Hán có câu hát: “Nhất tiểu khuynh nhân thành, tái tiểu khuynh nhân quốc” nghĩa là cười một lần làm nghiêng thành, cười hai lần làm nghiêng nước).

7. *Điều*: cái chiêng đồng dùng để đánh cầm canh.

8. *Điểm chót*: điểm tiếng chiêng cuối cùng.

9. *Võ về*: an ủi, làm cho vui lòng, an lòng.

170 Dễ cưu¹ dạ khách lòng quê kéo gì.
 Mặt sau sẵn thú viên trì,
 Liền song sang đó dù khi² đỡ buồn.
 Gọi là thùng thỉnh điền thôn³,
 Hồ sơn cũng giúp cầm tôn⁴ khi rồi”.
 175 Được lời sinh vội uốn lời:
 “Đạo trắng ban tối lạc với bước sang.
 Bầu trời chia chiếm phong quang,
 Cảnh vừa mến lạ, khách nhường quên xa.
 Ngại chẳng đông tiếng đàn bà,
 180 Thăm nghiêm chi để xông pha người ngoài.”
 Dạy rằng: “Họ đấy chẳng ai,
 Đến chơi ngày vía rồi mai cũng về.”
 Được lời rón rén mụ mê,⁵
 Những ai hơi hướng những bề gần xa ?
 185 Mỉm cười thôi mới dạy qua:
 “Đêm xưa⁶ chơi đấy họ nhà đôi chi.
 Một người bề gọi là dì,
 Thái Cơ họ Mã trăng kỳ tròn khuyen.
 Ấy người rủ bức xiêm huyền,
 190 Với em đây rắp kết duyên Việt Hồ.
 Một người bề gọi là cô,
 Con quan Dương tướng Tham đô⁷ tỉnh này.
 Dao Tiên đồn khắp châu đây,
 Tuổi chừng đôi tám xuân nay chứa nhiều.
 195 Viện thơ khung dệt bàn thêu,⁸
 Chữ đề thiếp Tuyết, cầm treo phả đồng.
 Chiều thanh vẽ bạch thêm nồng,
 Thuyền quyền đáng mặt anh hùng nát gan.”

1. *Cưu*: mang, giúp đỡ.

2. *Dù khi*: (dù cũng đọc là *dầu*) ví như, nếu như.

3. *Điền thôn*: (*điền*: ruộng, *thôn*: làng) ý nói thú quê.

4. *Cầm tôn*: (cây đàn và chén rượu) cái thú đánh đàn và uống rượu.

5. *Mụ mê*: chưa rõ nghĩa.

6. *Đêm xưa*: đêm hôm qua.

7. *Tham đô*: (*tham*: xen vào, dự vào; *đô*: cai quản) tham dự vào việc cai quản trong tỉnh.

8. *Viện thơ... bàn thêu*: câu này ý nói Dao Tiên không những khéo về nữ công mà còn giỏi cả thơ phú nữa.

200 Lắng nghe riêng những bàn hoàn,
 Trước toà đứng sững¹ bên bàn ngồi quên.
 Rõ tình lại mở lời khuyên :
 “Quyển vàng còn đủ là duyên má đào.
 Cánh hồng hãy gắng bay cao,
 Tự nhiên chỉ dất tơ trao lọ là.”
 205 Tạ tình² vừa xuống thêm hoa,
 Diêu sinh vừa gặp rủ ra thư phòng.
 Dĩ dang³ khi lại huỳnh song⁴,
 Gương Nga thoát đã non đông nửa vừng
 Bếp tình riêng để bập bùng,
 210 Vườn thơm thoát lại dè chừng lần ra.
 Ba đình tuyết (?) lọt sương pha,
 Xạ xông trần gió, sen lòa dấu in.
 Tắc gang gác khóa lâu then,
 Bồng Sơn dấu cách muôn nghìn chẳng sai.
 215 Lập lòe bóng nguyệt trêu ai,
 Hoa dâu rụng, lá dâu rơi trước rèm.
 Kêu sương tiếng nhận lay thêm,
 Mảnh thư đưa đến cung thiềm⁵ bỗng không.
 Phượng cầu dù lựa nên cung,
 220 Ngón cầm biết khảy⁶ được lòng hay chẳng.
 Xe duyên hẳn phải xích thặng,
 Thà xin xem sổ dưới trăng kéo còn⁷.
 Lại song⁸ sâu bể sâu non,
 Nào hay là khách lầu son⁹ đã về.
 225 Minh gieo vào chốn phòng the,

1. *Sững*: bản Nôm khắc 産 (sản) nhưng chữ sản không hợp nghĩa nên các bản Quốc ngữ đều phiên âm là *sững*. *Đứng sững*: đứng ngẩn người ra.

2. *Tạ tình*: cảm tạ thịnh tình của người khác.

3. *Dĩ dang*: ý nói vừa đi vừa nói chuyện tâm tình với nhau.

4. *Huỳnh song*: (*huỳnh*: con đom đóm): phòng học.

5. *Cung thiềm*: (*thiềm*: con cóc) cung trăng. Người xưa tin rằng trên mặt trăng có con cóc (thiềm thừ) nên gọi cung trăng là *cung thiềm*.

6. *Khảy*: thì có thể phiên âm là *gảy* hoặc *khảy*. *Khảy* có nghĩa là kêu gọi lên.

7. *Xe duyên... kéo còn*: cả hai câu này ý nói: “Nếu việc xe duyên vợ chồng quả có định sẵn thì xin ông Nguyệt lão xem trong sổ có tên hai người không?”

8. *Lại song*: nói Lương sinh đã về đến thư phòng.

9. *Khách lầu son*: chỉ Dao Tiên.

Lũ hầu tấp nập hả hê chực mòng¹.
 Trưởng bình kẻ cuốn người phong,
 Kẻ bao gương giá, người xông hương màn.
 Người đài nước, kẻ lò than,
 230 Kẻ lông đem thúy², người dàn chiếu hoa.
 Yên xong ai nấy chiềng qua:
 “Trải xem cảnh trí Diêu gia nhường nào?”
 Dạy rằng: “Đáng giá thanh cao,
 Khấp trong cửa tía đài cao khác thường.”
 235 Vờ chơi Nguyệt cũng đua đàn,³
 “Cảnh thanh đã vậy người sang mới là”.
 Lấy cờ hôm nọ vâng ra,
 Lẳng lơ còn thấy dạo qua bên lầu.
 “Gió trăng nói những đâu đâu,
 240 Những tơ nào thắm những cầu nào xanh.
 Những lăm chấp cánh liền cành,
 Đã mềm tấc uốn lại quanh tơ vò.
 Cây quanh mãi mãi buồn no,
 Khéo dơ thay những chuyện trò khúc nôi.
 245 Luống còn mãi miết⁴ đòi thôi,
 Khéo đâu nước chảy bèo trôi hững hờ.
 Lóng tai những cạnh (?) đông đưa,
 Nhủ rằng: “Người thế sam sưa⁵ đã đầy.
 Tự ta đóng nguyệt cài mây,
 250 Buồng thơm chưa lọt mấy may gió tà.
 Buông rèm ngăn cách bóng hoa,
 Tường đông bướm lại ong qua mặc lòng.”
 Mấy lời để tạc gương trong,
 Hương khuê nào biết văn phòng khát khao.

1. Chực mòng: (mòng: mong) chờ mong, chờ đợi, mong mỏi (H.T.C).

2. Đem thúy: (thúy: xanh biếc như màu lông chim trắ) đem làm bằng lông chim phỉ thúy.

3. Đua đàn: đua theo chúng bạn.

4. Mãi miết: mê mãi nói không ngớt lời.

5. Sam sưa: bản Nôm khắc là 潘疏 (phan thưa) nhưng “phan thưa” không có nghĩa nên các bản Quốc ngữ đều phiên âm là sam sưa.

255 Từ nghe khách lại cung sao,
 Bụi hồng dứt nẻo chiêm bao đi về ¹.
 Thần thờ mây sớm đèn khuya,
 Trà gầy giọng khát hương ghê mùi sâu.
 Dò la Dương tướng dinh đâu,
 260 Tụ Hiền ² phường ấy cửa hầu thăm nghiêm.
 Nhơn nhơn chiêm lạng điêu chìm,
 Tuyệt mù tăm cá bóng chim mấy trùng.
 Liên tường ³ bỗng thấy một thung ⁴,
 Rêu sân lấm tấm, then song lỏng cài.
 265 Sai đồng tra hỏi vườn ai,
 Mới hay viễn khách nhà ngoài để không.
 Sởn sơ ⁵ hoa nở khóm lòng,
 Non Vu đành có nẻo thông từ rày.
 Dương đài đành sẵn mưa mây,
 270 Mà riêng chúa Sở lo vầy giấc tiên,
 Truyền thu ngân lạng kể nghìn,
 Dốc tình chác lấy ⁶ danh viên cho gần.
 Sửa làm một chốn phòng văn,
 Viện hoa bắc mở, đài xuân nam bày.
 275 Thái hà ⁷ lấp lánh đông tây,
 Sớm đình Hương, tối đình Mây sẵn sàng.
 Hàng khúc hạm, dãy hồi lang
 Kê hiên tòa đá, rợp đường tán cây.
 Một tay nhìn đặt ngắm xoay,
 280 Nơi chung viện sách, nơi bày cuốn thơ.

1. *Từ nghe... đi về*: hai câu này ý nói từ khi Dao Tiên (khách) đã về phòng khuê (cung sao) thì Lương sinh không còn tìm được cách nào để gặp nữa đành trở về gặp trong giấc chiêm bao thôi.

2. *Tụ Hiền*: xóm Tụ Hiền, chỗ dinh Dương tướng ở.

3. *Liên tường*: bản Nôm khắc 連 (trên) thì sai. Ở đây phải là chữ 連 (liên) mới đúng. *Liên tường* có nghĩa là sát tường, ngay nhà bên cạnh.

4. *Thung*: chữ 春 (xuân) đọc là *thung* (春) cho hợp vần.

5. *Sởn sơ*: bản Nôm khắc 口山又 thì có thể phiên âm là *sởn sơ* và có thể hiểu nghĩa là vui tươi, hớn hở.

6. *Chác lấy*: ý nói bỏ tiền ra mua ngay lấy cho chắc chắn được ở gần với nhà Dương tướng.

7. *Thái hà*: (thái: vẻ, hà: ráng) mây ráng năm vẻ.

Nơi cầm nơi rượu nơi cờ,
 Sẵn đình tả nhớ đợi chờ đủ nơi.
 Đào mềm lẫn đối dương tươi,
 Cưu hoàn chưa vẹn, oanh đời đã sang¹.
 285 Dặt dìu mới rủ Diêu lang,
 Cây bẽ cậ cháu định đường thông lân.
 Rước mừng tự lễ phân tân,
 Đầu đuôi sinh đã vân vân rén chiềng:
 Chút trong buổi mới lảng giềng,
 290 Gắn soi may được nhờ riêng bóng thừa².
 Dương công rằng: “Sự tình cờ,
 Ngờ là ai, bỗng chẳng ngờ là ai.
 Nguyên xưa chú với tôn đài,
 Một rèm một án dùi mài mấy thu.
 295 Từ khoa Tân Mão phân đồ,
 Kể mừng gặp bước, người lo trở nghề.
 Cửa Ngô cung kiểm giữ lễ,
 Trạng đầu may cũng cấm vè cửa viên.
 Bể quan khơi vượt cánh suyền,
 300 Thối đưa là những sức trên trao dùng³.”
 Được lời công tử biết cùng,
 Đã trong thế nghị⁴ lại trong lân tình.
 Bôi bàn rộn giục trừ đình,
 Tiệc vầy rước tận sau đình Vọng Ba.
 305 Đạo theo quanh quất mấy tòa,
 Rủ dòng tơ liễu thướt tha phát đầu.
 Ngửng lên vách phấn thơ đầu,
 Rung vàng chữ chữ, rắc châu hàng hàng.
 Tiên hoa dấu thoảng còn hương,
 310 Vịnh bài *Trì liễu* rõ ràng bốn câu.

1. *Đào mềm... đã sang*: cả hai câu ý nói mùa xuân đã dần dần qua đi, sắp sang mùa hạ, việc sửa sang dọn dẹp căn nhà còn chưa xong thì Lương sinh đã vội dọn sang.

2. *Gắn soi... bóng thừa*: Lương sinh ý muốn đề cao Dương tướng công nên mới ví ông như cây đèn tỏa nhiều ánh sáng mà chàng chỉ xin soi nhờ chỗ dư thừa ấy cũng đủ rồi.

3. *Bể quan... trao dùng*: cả hai câu là ý của Dương tướng công muốn khiêm nhường cho rằng mình làm quan được thăng mau như vậy cũng là nhờ may mắn, được nhà vua tin dùng mà trao cho trọng chức chứ cũng không có tài cán gì.

4. *Thế nghị*: (*thế*: đời, *nghị*: nghĩa tình) chỗ quen biết từ lâu đời.

Nhìn xem nhận suốt gót đầu,
 Ông vừa liếc lại đến sau rĩ lời:
 “Trẻ nhà võ vẽ đề chơi,
 Vụng về chẳng bỏ giấy cười làng thơ.
 315 Giai chương ước được mảnh tờ,
 Hoa tươi thêm vẽ là nhờ bút tươi”.
 Đối quanh sinh hãy chọn lời,
 Thị tỳ ông đã giục đòi truyền qua:
 “Nẻo quanh viện sách còn xa,
 320 Phòng riêng sẵn giấy mượn và trương đây.”
 Trên đình nghiên bút đủ bày,
 Hầu đề ¹ sinh lại dừng tay nghĩ thâm.
 Nổi nênh chút nổi tình thâm,
 Lá ngô man mác duênh Nhâm dập dênh ².
 325 Bạch Tô ³ sẵn mối duyên lành,
 Mượn câu cảnh, ngụ câu tình ⁴ họa may.
 Ngón dao gió táp mưa bay ⁵,
 Tựa thơ *vịnh liễu* lại bày một thiên.
 Đệ trình ông những ban khen:
 330 “Giá nầy lâu Hạc đình Liên cũng nhường ⁶”.
 Thanh phong ⁷ hết tác yêu đương,
 Lại truyền đem dán ngang tường một bên.
 Còn thừa hai mảnh hoa tiên,
 Chất chiu sinh đã giấu liền biết đâu.

1. *Hầu đề*: sắp sửa viết, toan đề.

2. *Nổi nênh... dập dênh*: cả hai câu ý Lương sinh muốn nói mình vốn có mối tình thâm với Dao Tiên mà còn chưa được nàng đem lòng quý mến nên còn nổi nênh như lá ngô đồng lênh dênh trên mặt nước.

3. *Bạch Tô*: tức Bạch Cư Dị, thi nhân đời Đường và Tô Đông Pha, thi nhân đời Tống.

4. *Ngụ câu tình*: Lương sinh muốn mượn lời văn tả cảnh để gửi tình ý của mình.

5. *Gió táp mưa bay*: ý nói làm thơ mau.

6. *Lâu Hạc đình Liên cũng nhường*: (*Lâu Hạc* là Hoàng Hạc lâu, tên bài thơ của Thôi Hiệu đời Đường, *đình Liên*: Lý Bạch lấy hiệu là Thanh Liên cư sĩ). Câu này mượn ý từ câu chuyện của Lý Bạch và Thôi Hiệu. Lý Bạch một hôm đến *Hoàng Hạc lâu* định đề một bài thơ nhưng khi thấy đã có bài thơ của Thôi Hiệu quá hay thì không đề nữa, đành phải nhường tài Thôi Hiệu. Ở đây Dương tướng công muốn khen Lương sinh có tài làm thơ hơn cả mọi người.

7. *Thanh phong*: thanh tao phong nhã, chỉ sự cao quý của văn chương.

335 Hầu vui chén hây kéo¹ mau,
 Tạ từ thôi mới giã nhau về nhà.
 Đầy thêm vằng vặc gương nga,
 Bóng cảnh vẽ vách mùi hoa đan rèm.
 Cầu Lam² khi tỏ lối tìm.
 340 Nhân nay chừng đã đâu thêm³ nửa sương⁴.
 Rằng: “Chừng một đoạn sông Tương,
 Người xa luống những mơ màng bóng xa.
 Bấy lâu đeo đẳng vì hoa,
 Nào hiên Lâm Thúy⁵ ắt là đâu đây.
 345 Thơ kia⁶ có thấu mà hay,
 Lại trăng kia với khách này rõ nhau.
 Tiên hoa còn đó chớ đâu,
 Phấn bình dường thấu, hương lầu dường bay.
 Mở phong chẳng nữ rời tay,
 350 Người xa, gọi⁷ chút bấu này cũng duyên.
 Người tiên tên đã đáng tiên,
 Gặp tiên bỗng diễn vân thiên mấy trùng.
 Trước hiên nương bóng tà song,
 Cảo Tô biếng giở túi đồng để nuông.

1. Kéo: bản Nôm khắc 撈 (kéo) nhưng ở đây phải là chữ *kèo* (橋) mới có nghĩa là rót rượu mời. Nhưng chữ 撈 cũng có thể đọc là *kèo* vì chữ mộc (木) nhiều khi cũng được viết tắt là 扌.

2. Cầu Lam: tích Bùi Hàng đến Lam kiều gặp được tiên. Ý nói nơi gặp gỡ duyên lành.

3. Thêm: gần, còn kém, còn thiếu chút ít thì bằng.

4. Nửa sương: mỗi năm có một mùa sương cho nên *sương* cũng có nghĩa như năm. *Bán sương* là nửa năm.

5. Lâm Thúy: tên của cái hiên. Trong *Truyện Kiều*, chữ *Lâm Thúy* có ý nghĩa đặc biệt. Kim Trọng khi thấy ở cái hiên có đề *Lâm Thúy hiên* thì mừng thầm chắc sẽ lấy được Thúy Kiều vì chữ *Lâm* 攬 có nghĩa là nắm lấy. Nhưng Nguyễn Thiện đem dùng chữ ấy vào trong câu này thì mất hẳn ý nghĩa đi tuy cũng ngụ ý chỉ nơi gặp người đẹp.

6. Thơ kia: bản Nôm khắc 初 (thường đọc là *xưa*) nhưng có thể đọc là *sơ* hoặc *thơ*. Ở câu này phải phiên âm là *thơ* mới có nghĩa vì Lương sinh muốn nhắc tới bài thơ *Trì liễu* mà mình họa lại không biết có thấu đến ý nàng chăng.

Trong *Hoa tiên nguyên tác*, Nguyễn Huy Tự cũng viết là “Một thơ thấu chẳng mà hay”.

7. Gọi: bản Nôm khắc 脣 thì phải phiên âm là *gói* mới đúng. (Chữ *gói* viết với bộ khẩu 嚚, 吟.

355 Giấc hồ ¹ nửa gỏi mơ mòng.
 Chiền đầu đã lọt tiếng chuông mé tường.
 Trời mai dọn trắng tuôn vàng,
 Gió đầu sớm đã quyến hương trước đình.
 Dấu tiên trên vách rành rành,
 360 Nhìn chơi nàng đã lộng tình bốn câu.
 Vân Hương chiềng hỏi: “Thơ đâu ?”
 Dạy rằng: “Buổi trước con hầu nói qua.
 Khách nào bên giậu chơi nhà,
 Mệnh đề truyền lấy tiên hoa vội vàng.
 365 Nay xem dòng khoản ghi tường,
 Ngõ là ai lại là chàng Lương sinh.
 Trong thơ buộc bện ² lời tình,
 Mượn cây quán quít, mượn cành ử ê.
 Tưởng đâu ngày một đê mê,
 370 Biết bao mưu chước đi về đây chi”.
 Lộng năm ³ (?) Nguyệt mới mới kỳ,
 Bước lên chiềng: “Ngắm duyên gì chẳng sai.
 Song song một vách đôi bài,
 Giai nhân tài tử sánh vai khéo là”.
 375 Rằng: “Ai thêm ngán nói mà,
 Đặt bày phong nguyệt, gièm pha cương thường.
 Mây quang lẻo lẻo lòng gương,
 Để coi đỉnh Giáp duênh Tương sau này.
 Người đà phong nguyệt chi đây,
 380 Ngán thay cho khách những say sưa lòng”.
 Rước Diêu lại đến thư phòng,
 Lễ thường hồi bái mừng ông sang nhà.
 Khiến xui thật đã ưa là,
 Vườn vừa dọn chỉnh ⁴, khách đà đến chơi.
 385 Đình Hương dìu dặt chén môi,

1. *Giấc hồ*: (*hồ*: hồ điệp, con bướm) tích Trang Chu hóa bướm, chỉ giấc mộng.

2. *Buộc bện*: buộc kết.

3. *Lộng năm*: nói những lời lẽ thiếu tế nhị, nói bừa bãi. Cả câu ý nói Bích Nguyệt không biết giữ mồm cứ nói bừa bãi thật là kỳ cục.

Các bản Quốc ngữ đã phiên âm là *xổng mồm* (NVT, ĐXH, TTL) *đồng mồm* (ĐDA) và đều hiểu là mau mồm, lảm lời.

4. *Chỉnh*: sạch sẽ đẹp đẽ.

Những say vì nghĩa, những vui vì tình.

Chê chà ông mới hỏi sinh:

“Bấy lâu đã lọt tên bình đầu chưa?”

Dứt lời khúm núm rén thưa:

390 “Nợ thường¹ chưa trả, duyên tơ² còn dành.”

Khéo thay lời nói hữu tình,

Giường đông³ rày mới là dành có nơi.

Rằng: “Ta thuở trẻ theo đòi,

Mênh mông bề thánh nào với phần nào.

395 Sông Thù⁴ luống những khát khao,

Trót đem hàn mặc⁵ ép vào biên mâu⁶.

May thay giải cấu duyên đầu,

Mượn tay vườn hãn⁷, mở lầu rừng nho.

Đi về giảng sớm bàn trưa,

1. *Nợ thường*: nợ đèn sách.

2. *Duyên tơ*: (tơ duyên) sợi tơ hồng buộc đôi trai gái thành vợ chồng, chuyện tình duyên. Trương Gia Trinh có năm người con gái muốn gả một người cho Đặng Nguyên Chấn. Ông bảo năm người con ngồi sau một cái màn, cầm năm sợi tơ, mỗi người một màu khác nhau. Đặng Nguyên Chấn ở ngoài rút lấy sợi tơ hồng và cưới người con gái thứ ba của Trương Gia Trinh.

3. *Giường đông*: (chữ 床 có thể đọc là sàng hoặc giường) do chữ đông sàng thân phúc là nằm ngay bụng ở giường phía đông. Đời Tần họ Tà sai người sang nhà họ Vương để kén chồng cho con gái mình là Tà Đạo Uẩn. Con em nhà họ Vương nhiều người tuấn tú, nghe được tin có người họ Tà đến, đều làm ra vẻ trang nghiêm hiếu học duy có Vương Hy Chi cứ nằm ưỡn bụng ở giường phía đông, không để ý gì đến khách. Người nhà trở về nói lại với Tà công về anh chàng nằm ở giường đông. Tà công khen rằng: *thằng ấy là thằng rể tốt*. Vương Hy Chi sau làm quan đến chức Hữu quân và nổi tiếng là người viết chữ đẹp. Vì câu chuyện này mà về sau người ta dùng chữ đông sàng hoặc giường đông để chỉ người rể quý.

4. *Sông Thù*: tên con sông chảy qua nước Lỗ, quê hương của đức Khổng Tử. Nghĩa bóng nói về đạo của đức Khổng Tử.

5. *Hàn mặc*: (*hàn*: bút lông, *mặc*: mực; đồ dùng của kẻ văn nhân) văn chương.

6. *Biên mâu*: (*biên*: cái gươm, *mâu*: cái giáo) võ nghệ.

7. *Vườn hãn*: do chữ viên hàn bởi câu *Tây viên hàn mặc lâm* là nói cái vườn bút mực ở phía tây. *Tay vườn hàn* là người có tài về văn chương, cả câu ý nói Dương công muốn nhờ Lương sinh là tay giỏi văn chương chỉ bảo thêm cho ông.

400 Quyển vàng¹ họa được giải cho ít nhiều.”
 Thưa rằng: “Chút phận bọt bèo,
 Hậu sinh đã dám chơi trò sao nên.
 Gẫm mình võ vẽ bút nghiên,
 Biết đâu kinh thánh truyện hiền là đâu.
 405 Vả nơi rốn bể cửa hầu,
 Ra vào vì chút thăm sâu ngại ngùng.”
 Thuận lời vui chén thung dung,
 Rằng: “Trong thanh khí² là trong một nhà.
 Đã gần chỉ có điều xa,
 410 Nhà ta coi với lòng ta lệ gì.
 Tiện đâu giáp vách liền vi,
 Mở lần cửa hãy dầu khi đi về.
 Rồi ra đôi khóa đôi bề,
 Đành ngăn khép đó lọ nê nập³ chi.”
 415 Vội mừng thôi chẳng ngại gì,
 Mặt nam sẵn thợ tức kỳ mở ngay.
 Thiên Thai⁴ đành trở lối này,
 Tiện đường Dương tướng dở say lại nhà.
 Trưởng loan⁵, trò chuyện dần hòa,
 420 Biết bao dù ngựa⁶ cùng là trâm anh⁷.

1. *Quyển vàng*: quyển sách giấy nhuộm sắc vàng. Xưa ta dùng một thứ thuốc sắc vàng có tính sát trùng để nhuộm giấy mà trừ mối mọt.

Địch Nhân Kiệt lúc còn nhỏ đang đọc sách thì có viên quan đến nhà tra xét vụ án một người môn hạ. Mọi người đều tranh nhau thuật chuyện duy Địch Nhân Kiệt vẫn chăm chú đọc sách. Viên quan trách thì Kiệt đáp: “*Hoàng quyển trung phương dự thánh hiền đối, hà hạ đồng tục lại ngữ gia ?* (Trong sách vàng đang cùng thánh hiền đối đáp, rảnh đâu mà nói chuyện với viên quan lại trần tục).

2. *Thanh khí*: (do chữ *đồng thanh tương khí đồng khí tương cầu* nghĩa là những vật cùng một loại khí thì tìm nhau) chỉ người có đồng tình đồng điệu.

3. *Nê nập*: coi thường. Từ điển Génibrel có ghi:

Đừng nê nập và đã dịch nê nập là mépriser comme l'ordure (coi khinh như rơm rác).

Cả câu ý nói đành cứ khép cửa lại chứ không phải là coi thường gì đâu.

4. *Thiên thai*: tên quả núi tương truyền có tiên ở. Đời Hán Lưu Thần và Nguyễn Triệu đã lạc vào đó rồi ở lại nửa năm. Khi trở về thì đã trải qua bảy đời rồi. Nghĩa bóng: chỉ cảnh đẹp làm người ta say mê.

5. *Trưởng loan*: bức trướng thêu chim loan, chỗ phụ nữ ở.

6. *Dù ngựa*: nói cảnh vống lọng ngựa xe, chỉ sự giàu sang.

7. *Trâm anh*: (*trâm*: cái gài tóc, *anh*: dải mũ) Xưa thi đậu tiến sĩ trở lên mới được đội mũ gài trâm, chỉ nhà quyền quý.

Rồi đây gởi mối trao manh,
 Tuổi già kịp thấy rể lành mới may.
 Duyên kia tơ đã trao tay,
 Mà người khuê khốn¹ những say về gì.
 425 Sớm dỗi còn đậm hơi chi,
 Dưới hoa đã gọi Hương tỳ vội sai².
 Lá đầm lướt lướt sương mai,
 Lú lo trên liễu một vài tiếng chim.
 Diểu quanh lũng hỏi thung tìm,
 430 Cửa đâu trở dưới tường nghiêm một tòa.
 Lạ xem thuận lối dẫn dà,
 Giàn vi³ giá thước lần qua cấm tường⁴.
 Lét chừng khói ngất bóng dương,
 Nẻo xa thấy một người nhường quen quen.
 435 Sinh vừa dạo gót trước hiên,
 Vừa trông ngang thấy vừa nhìn được nhau.
 Đài trang⁵ còn những đâu đâu,
 Hãy xem phong phát⁶ con hầu thử xem.
 Xa xa Hương vội lánh hiềm,
 440 Sinh đà dạo trước êm êm sẽ bày:
 “Cùng nhau chi nợ⁷ nhau đây,
 Dừng chân gạn một lời này chút nao.
 Bên cớ từ lạc bè sao,
 Trước trăm năm có duyên nào hay không ?

1. Khuê khốn: (khuê: cửa nhỏ, khốn: cửa buồng) chỗ con gái ở trong nhà. Người khuê khốn chỉ Dao Tiên.

2. Sớm dỗi... vội sai: cả hai câu ý nói Dao Tiên một buổi sớm mai trang điểm xong đã gọi Vân Hương (người hầu gái) ra vườn hoa sai bảo.

3. Giàn vi: giàn hoa tường vi. Bản Nôm khắc là sàng (床) nhưng ở câu này phải chép là giàn mới đúng.

4. Cấm tường: tường gấm tức tường hoa.

5. Đài trang: phòng riêng của con gái để trang điểm. Nghĩa bóng chỉ người con gái với ý tôn kính, đây chỉ Dao Tiên.

6. Phong phát: dáng vẻ, thái độ.

Cả hai câu ý nói nay nơi trang đài (Dao Tiên) còn cao xa chưa dễ thấu, vậy ta (Lương sinh) hãy dò tình ý thái độ của cô hầu gái (Vân Hương) xem sao.

7. Nợ: duyên nợ. Theo quan điểm xưa trai gái lấy nhau là do duyên tiền định, kết quả của nhân duyên từ kiếp trước hay là do nợ mắc nhau từ kiếp trước mà kiếp này phải trả cho nhau.

445 Bấy lâu đắp nhớ đôi mong,
 Xót lòng đeo đẳng¹, xót công tìm tòi.
 Nghĩ cho đáng bấy thiệt thòi,
 Đài sen may họa tỏ soi quán bèo².
 Vườn thơm màn rủ gấm treo,
 450 Hay sao lại có ong liêu vì hoa.
 Bóng kiều mong gởi thân la³,
 Biết đem trăng buộc⁴ dễ mà cậy ai".
 Thưa rằng: "Lời nói như chơi,
 Biết đâu ngán bể đầy vơi mà chiềng.
 455 Éo le ai dám độc đường,
 Tiếc thay thân cái đã tràng luống công.
 Gió đâu rụng tía rơi hồng,
 Ngập ngừng lòng chạnh riêng lòng đòi khi.
 Xiết bao mấy nỗi nằn nì,
 460 Thảm oanh khúc rối⁵ sâu chia giọt tràn.
 Thẹn lòng⁶ thấy khách châu chan,
 Chút chiều⁷ Hương lại thử bàn ướm chơi.
 Hiếm chi ngòi phẳng duênh khơi,
 Lá hồng bông đến chi nơi nổi chìm".
 465 Sinh rằng: "Khiến cái xui kim,
 Lạ trong tiếng ứng hơi tìm biết đâu.
 Ước ao nguyên nặng thể sâu,
 Hoa đầy mớ⁸, liễu đầy câu⁹ sá nài¹⁰.

1. *Đeo đẳng*: theo đuổi dai dẳng.

2. *Đài sen... quán bèo*: Lương sinh đề cao Dao Tiên (đài sen) và tự hạ mình (quán bèo).

3. *Kiều... la*: (*kiều*: cây to, *la*: cây leo) ở câu này Lương sinh hạ mình có phần quá đáng.

4. *Trăng buộc*: ý nói đến ông già dưới trăng (Nguyệt lão) buộc chân những người con trai con gái thành vợ chồng. Cả câu ý nói biết đem mối nhân duyên để mà nhờ cậy ai giúp cho được.

5. *Thảm oanh khúc rối*: (*oanh*: cuốn, quanh đi nhiều vòng) ý nói nỗi lòng sâu thẳm, rối như tơ vò.

6. *Thẹn lòng*: lấy làm xấu hổ. Cả câu ý nói Vân Hương lấy làm xấu hổ cho Lương sinh đã chan hòa nước mắt.

7. *Chút chiều*: chiều theo một phần ý muốn của Lương sinh.

8. *Hoa đầy mớ*: ý nói thiếu gì hoa đẹp, có cả mớ.

9. *Liễu đầy câu*: (*câu*: dòng nước) ý nói liễu mọc đầy bên bờ dòng nước, đâu có thiếu gì

10. *Ước ao... sá nài*: cả hai câu này ý Lương sinh muốn được thỏa ước nguyện kết duyên với Dao Tiên chứ còn người đẹp trong thiên hạ đầy ra đó chàng có để ý gì đến.

Cầu sương khe tuyết chiều ai,
 470 Dịch xuân đành rõ tin mai những mừng¹.
 Hay đâu nước lạt dừng dung,
 Giấc hoa nở để chập chùng dờ say.
 Dù chẳng đoái chút nỗi này,
 Bên đào đành có như ngày chữa ai.”
 475 Thấy lời Hương dễ êm tai,
 Sợ nhà nề khách một hai ngần ngừ:
 “Phép trong đâu chẳng e giờ,
 Vì người vâng sẽ thử chờ đây xem.
 Họa khi gió thấm mưa chìm²,
 480 Điểm thành³ cho thấu đá mềm dễ đâu⁴ ?
 Ví mà cá lạnh đông câu⁵,
 Phận ai mấy vậy thôi dầu vậy thôi”.
 Chợt nghe sâu chợt trở vui,
 Ôn này biết trả đến đời nào xong.
 485 Lặng nghe Hương cũng sượng sùng,
 Vội pha⁶ lối cũ thẳng giọng về lầu.
 Vẳng thên mới đệ hoa hầu,
 Quở rằng: “Sao bỗng đi đâu chậm về ?
 Tiện lời rón rén tỉ tê,
 490 Dở bề xuýt ải⁷ (?), dở bề mách mao⁸.
 Trót vì lạc lối vườn nào,

1. *Cầu sương... những mừng*: hai câu ý Lương sinh muốn nói sở dĩ chàng dầy công chờ đợi nơi cầu sương khe tuyết vì mong nhận được một tin vui thỏa lòng phỉ nguyện như người xưa đã gửi cành mai.

2. *Gió thấm mưa chìm*: ý nói bị dọa dầy sâu thấm vì tình.

3. *Điểm thành*: tác lòng thành.

4. *Họa khi... dễ đâu*: hai câu này ý Vân Hương muốn nói nếu cô tôi thấy công tử sâu thấm vì tình thì tấm lòng thành của công tử có thể làm cho cô tôi mềm lòng, nhưng cũng không phải dễ đâu.

5. *Cá lạnh đông câu*: do câu “*thủy hàn ngư bất nhị*” (mùa đông nước lạnh cá không cắn mỗi cáu) thường dùng để ví việc không thành, đây ý nói Dao Tiên không bằng lòng.

6. *Vội pha*: vội xông pha, đi thẳng.

7. *Xuýt ải*: (ải: kêu) xuýt xoa kêu nhè nhẹ.

8. *Mách mao*: (mao: sơ lược) mách sơ lược, bịa đặt ra. Cả câu ý nói Vân Hương rón rén tỉ tê vừa xuýt xoa kêu nhè nhẹ vừa kể lại câu chuyện một cách bịa đặt.

Sương gieo¹ để chịu biết bao tội tình².
 Người³ sao khéo léo là xinh,
 Nói sao dơ dáng đại hình mới hay.
 495 Đong đưa nảo nuốt chiều thay,
 Giấy kia dễ chép, trượng này khôn đo⁴.
 Nhẹ nhàng gượng nhấn nhẹ cho,
 Càng xui châu chã tơ vò càng thương.
 Rẻ xem núi ngọc non vàng,
 500 Tắc vuông một tấm sắt gang trăm rèn⁵.
 Ngày xưa nhớ cũ soi đèn,
 So ra nhắc giá thành niên ai tày.
 Bấy lâu tưởng võ công gầy,
 Mười phân xuân độ xanh rày nửa phân.
 505 Ấp cây một mực trần trần,
 Nặng tình đành nhẹ đến thân có người.
 Nghe thôi lặng lẽ đòi thôi,
 Sẽ khoan khoan mới mở lời rỉ trao:
 “Mảnh tiên chẳng thấy thơ nào,
 510 Ruộng tình dễ thấm nên khao khát lòng⁶.
 Tiếc cho cửa tướng nhà dòng,
 Phong tao tài điệu rất nhòng ai so.
 Kẻo lần mượn mối trao cho,
 Đã tròn gương nguyệt, lộ mờ bóng mây⁷.
 515 Ra điều thuận miệng vắng đây,

1. *Sương gieo*: do chữ *sương trụy*, sương rơi xuống làm cho cây cỏ điêu tàn, nên thường ví *sương gieo* với sự tai vạ giáng xuống. Đây dùng để nói đến sự quả trách.

2. *Trót vì... tội tình*: hai câu này ý nói Vân Hương không may đi lạc vào nơi vườn gần nhà Lương sinh mới bị về trễ nên đã làm nên tội lỗi.

3. *Người*: chỉ Lương sinh.

4. *Giấy kia... khôn đo*: cả câu ý nói câu chuyện thật dài dòng, giấy không chép hết và trượng đo cũng không được.

5. *Rẻ xem... trăm rèn*: hai câu này là lời Vân Hương nhắc lại lời của Lương sinh nói rằng chàng không lấy tiền tài châu ngọc làm quý (nên đã bỏ ra mua sổ vườn nhà bên cạnh) mà chỉ cố bày tỏ một tấm lòng thành gắn chặt với Dao Tiên như gang như sắt trăm lần rèn luyện thôi.

6. *Mảnh tiên... khát lòng*: hai câu này là lời của Dao Tiên nói với Vân Hương rằng nếu như khi trước chẳng thấy bài thơ của Lương sinh *họa lại* thì ta đâu dễ để bẽ ái thấm được vào ruộng tình (tức đâu dễ đã làm cho ta có cảm tình với chàng).

7. *Kẻo lần... bóng mây*: hai câu này ý Dao Tiên muốn nói: sao Lương sinh không nhờ mối manh, như thế có phải giữ cho nàng được vẹn toàn danh giá (gương nguyệt) họ là phải tìm cách tỏ tình một cách không được dang hoàng (mờ bóng mây) như thế này.

Mạch rừng¹ bung bít cho hay chẳng vừa².
 Chợt nghe truyền gọi tiểu thư,
 Lánh sau Hương những xem cơ bảo chàng.
 Bình mai đã bợn tin sương,
 520 Rèm đồng khách hãy mơ màng bàn mê³.
 Thói quyền⁴ không khảnh là lẽ,
 Miệng hầu⁵ vắt vẻo đi về khó tin.
 Vẽ lòng há chẳng nên thiên,
 Lại e giấu giếm mà phiền tiếng tăm.
 525 Những là lo vẩn nghĩ nhảm,
 Nguyệt chờ chực hẹn, xuân tâm nã tìn.
 Ngàn non ngậm kín bóng kim,
 Táo⁶ càn xao xác⁷, chiếc chim điểm sầu.
 Dải là thôi thoát⁸ bên lầu,
 530 Phải Hương đẩy chốc nhìn lâu tỏ chừng.
 Hỏi chào lời lả tung bưng,
 Dương xuân⁹ đã có tin mừng sớm nay ?
 Hương rằng: Dạy sẽ nhường hay,
 Sự trăm năm phải một ngày nên ru.
 535 Hãy coi vào số phong lưu,
 Ấy nhân duyên biết là đâu chẳng trời.
 Ủ là trót đã giúp lời,
 Thử xem con tạo chiều người hay không.
 Trăng kia dẫu có phụ lòng,
 540 Có đâu đối bướm đại ong đường này.

1. *Mạch rừng*: mạch nước chảy ngầm ở trong rừng dù có cỏ cây rậm rạp mấy rồi cũng bị lộ ra.

2. *Ra điều... chẳng vừa*: hai câu này ý Dao Tiên muốn nói với Vân Hương rằng đừng có tưởng là điều nói thuận miệng ở chỗ vắng người nhưng phải biết *rừng có mạch, vách có tai*, hãy nên kín đáo, chớ lộ ra cho ai biết.

3. *Bình mai... bàn mê*: tin tức đã đưa đến phòng của Dao Tiên nhưng Lương sinh bên bức rèm còn bàn luận mơ màng chưa biết là thực hay hư.

4. *Thói quyền*: lẽ thói kẻ hầu người hạ trong nhà quyền quý.

5. *Miệng hầu*: miệng con hầu Vân Hương.

6. *Táo*: bản Nôm khắc 噪. Tự điển Génibrel cũng có chữ 噪 ấy và dịch là chant d'une troupe d'oiseaux (tiếng hót của một đàn chim).

7. *Táo càn xao xác*: cả đàn chim kêu xao xác.

8. *Thôi thoát*: ý nói tà áo phơ phất bay theo từng bước đi.

9. *Dương xuân*: ngày mùa xuân.

Vụng hèn xin chước từ đây,
 Tìm đâu chốn khác bắt mây cho đành.
 Thấy lời như khảy¹ mối tình,
 Rạng màu tô tỉnh, dịu vành van lơn.
 545 Chi điều liễu tủi hoa hờn,
 Một hai xin cậy thiên vãn chẳng quên.
 Người lại gác, kể về hiên,
 Tình chung mấy đoạn, sầu riêng mấy phần.
 Lầu trang vàng chợt rắc sân,
 550 Đâu thu vừa gặp giữa tuần trăng thanh.
 Bên trăng gió dạo cuốn màn,
 Tớ thấy thơ thần tựa quanh triện mối.
 Gọi Hương nàng sẽ rĩ lời:
 Bốn mùa bốn cảnh chiều trời xinh thay.
 555 Thu đâu chừng nửa tháng nay,
 Lạ trắng, lạ nước, lạ mây thật là.
 Tiếc thay lục ố vàng pha²,
 Vóc dương trơ một cỗi già khói tan.
 Chực bên Nguyệt cũng thở than:
 560 “Giục người phong cảnh năm tàn lại năm.
 Nhớ ngày nào liễu mới giâm,³
 Le te bên vũng độ tầm ngang vai.
 Chợt đâu bóng cả cảnh dài,
 Đã sương đã khói đã vài năm nay.
 565 Xuân sang lục mới khoe mảy,
 Thu về vàng đã ố tay lọ gì.
 Tưởng người lấy liễu mà suy,
 Người khi xuân cỗi, liễu khi thu cần.
 Liễu kia thu lại còn xuân,
 570 Người kia xuân dễ mấy lần xanh chẳng.
 Đối (?) lời Hương lại gạn rằng:
 Gió mây khôn xiết nói năng sự đời.
 Biết trăng hãy nói trăng chơi,

1. *Khảy*: cũng nói gảy, gợi lên, làm cho xúc động ở trong lòng.

2. *Lục ố vàng pha*: màu lá xanh bắt đầu ố vàng đỏ có pha lẫn sắc vàng về mùa thu (lá ố chứ không phải lá úa).

3. *Giâm (nhâm)*: cắm cành để gây một cây mới.

Vẻ thanh soi khắp tướng người mấy thung.
 575 Người khi trướng xấp uyên chồng,
 Người khi cầm lấp loan chung chữa dừng.
 Người khi tựa bóng xem vùng,
 Người e áo mảnh, người ngừng xuân khơi.
 Người đương sắm sửa trang đài,
 580 Giác tàn dường bằng¹ hiên cài ngấn ngơ².
 Cũng sầu, song cũng vừa vừa,
 Riêng người gởi chiếc tương tư là sầu.
 Thanh cao soi dễ thấu đâu,
 Nên soi đâu cũng một màu thanh cao.
 585 Làm người nên nghĩ lấy nao,
 Một năm một tuổi nữ nào vội qua,
 Dù vui dù tẻ cũng là,
 Bóng đưa trăng mọc trắng tà đợi ai.
 Đàn đâu réo rất bên tai,
 590 Lửa đâu chất chỗ dường khơi trận hừng.
 Sầu đâu dở dối biếng rằng,
 Nhủ hoàn khép cửa đẩy trăng trả trời.
 Thũng tha loan lánh về đài,
 Mặt dôi lau sạch, mối cài rũ tung.
 595 Buông màn nhẹ bước vào trong,
 Gối tiên³ trần trọc luống dong canh dài.
 Bàn riêng những sự mới rồi,
 Mấy lời Hương Nguyệt thực lời nói ngay.
 Lân la mười sáu thu nay,
 600 Tơ kia quán bóng kia xoay mấy mà.
 Xót thay cho kẻ vì ta,
 Liễu gãy trăng lạnh sa đà bấy lâu.
 Giá nào nào dễ mấy đâu,
 Duyên nào nào biết về sau dường nào.
 605 Dặt sầu nhẩn suốt tàn sao,
 Tiếng gà đã gọi lâu cao dậy nằm.

1. *Bằng*: bằng. *Dường bằng*: dường bằng, dường như.

2. *Giác tàn... ngấn ngơ*: ý nói lúc tỉnh dậy (tan giấc mơ) thì không thấy người yêu đâu nữa, lại cách nhau như trước cửa hiên có cài then không sao gặp lại được mà ngấn ngơ trong lòng.

3. *Gối tiên*: gối của người con gái đẹp, chữ *tiên* dùng cho đẹp lời.

Trang thôi nhẹ nhẹ nâng cầm ¹,
 Bóng duênh dường ngắm chiều dăm dăm chiều.
 Hương đà liếc ² trước buồng thêu,
 610 Tình sớm nay, hẩn vì điều hôm qua.
 Gởi rằng: “Vườn mới thêm hoa,
 Êm cơn phải buổi hay là sang chơi.”
 Phải lời nàng cũng tin lời,
 Một Hương theo gót vội dời sân ngô.
 615 Chòm chòm sương điểm khói tô,
 Đầu cây trái phấn mặt hồ lau gương ³.
 Dần dà rón bước lần sang,
 Gác son bỗng thấy bóng chàng tới sau.
 Tiếng vàng vội gọi con hầu,
 620 Gót sen nhẹ nhẹ dạo mau về nhà.
 Cố tình ép liễu nài hoa ⁴,
 Nàng về sinh đã dạo ra bên tường.
 Nước thu sóng sánh một làn,
 Môi đào e ấp, vẻ lan dạn dầy.
 625 Định tình ⁵ sinh mới sẽ bày:
 “Duyên chi khéo lại phen này gặp nhau.
 Duênh riêng đáng đốt bấy lâu,
 Tiện lân phỏng thấu bên lâu chút chẳng.
 Ngày xanh đã dễ đâu rằng,
 630 Luống thay cũ gió tuần trăng hỡi người.”
 Ngượng ngừng e tiếng lệ rơi,
 Gọi Hương mau bước liệu lời cho nao.
 Bằng nay sửa mũ dưới đào,
 Vả trong lễ cấm phép rào sao nên.
 635 Ngần ngừ sinh rén rén chiềng:
 “Nhẽ chung đành vậy tình riêng sao mà.

1. *Nâng cầm*: nâng đàn để gảy.

2. *Lét*: liếc nhìn.

3. *Lau gương*: chữ 揩 có thể phiên là *lau* hoặc *trau*. Ở đây phiên âm là *lau* hợp nghĩa hơn vì ta thường nói *sáng như gương lau*.

4. *Ép liễu nài hoa*: ép nài điều dâm dục. Nguyễn Thiện đã mượn câu Kiều đưa vào đây thì hoàn toàn không thích hợp vì Lương sinh đâu dám làm điều “ép liễu” khi còn có mặt cả Vân Hương theo hầu.

5. *Định tình*: quyết định tình ý.

Đeo đai kia một tiếng đà,
 Đai thiêng hổ có trắng già chứng lâm.
 Thề phai nguyên lạt khôn cầm,
 640 Cũng liều đầu bạc, dám lâm tuổi xanh ¹.
 Nặng lời dở nhẽ làm thình,
 Rằng: “Trong cửa cửu buồng canh biết gì.
 Dấu cho nền lễ sân thi ²,
 Cùng nhau đôi lứa cũng tùy nơi xe.
 645 Chia đường ³ hãy tính cho về,
 Nhẽ thường hẩn chẳng e dè chút ru.”
 Nể lời dở nhẽ cầm lâu,
 Tránh ngang sinh lại theo sau gạn nài:
 “Lời vàng ý ngọc dám sai,
 650 Lửa gần lại bảo cho bài nước xa ⁴.
 Tin kinh diệu vợi tin nhà,
 Thưa đặng cá lọt ⁵ hoặc là sao chẳng.
 Chút chi gấn bó gọi rằng,
 Cho đành mối gió tin trăng sau này”.
 655 Tai nghe gót dạo dạo giày,
 Mắt đưa kẻ luống trông ngáy nơi lầu.
 Về song vò võ mảy chau,
 Một phen gặp gỡ thêm rầu một phen.
 Với hoa những ngại ngùng duyên,
 660 Thôi hờn lá thắm thì ghen nhị vàng.
 Sóng tình sao khéo lênh lang,
 Trúc từng ⁶ ai có mở màng chẳng ai ⁷.

1. *Cũng liều... tuổi xanh*: cả câu ý nói Lương sinh muốn nói sẽ cố công chờ cho đến bạc đầu dù cho có bỏ phí cả tuổi xanh của mình đi nữa cũng không ngại gì.

2. *Nền lễ sân thi*: (*Thi*, *Lễ* là tên hai bộ sách, *Kinh Lễ* và *Kinh Thi*) nói đến người đi học có lễ nghĩa đạo đức.

3. *Chia đường*: tránh đường.

4. *Lửa gần... nước xa*: sách *Tân bảo giám* có câu ý nói nước xa không cứu được lửa gần. Ở câu này ý nói để chậm thì việc nhân duyên không thành được.

5. *Thưa đặng cá lọt*: (*đặng*: đồ đan bằng tre, hình phen, dùng chắn ngang dòng nước mà quây bắt cá). Cắm đặng thưa thì cá chui lọt, ý nói nếu không khăng khít gấn bó thì sợ lỡ mất dịp may kết mối duyên lành.

6. *Trúc từng*: hai cây này đều có tính cách cao quý của người quân tử nên được dùng để ví với mối kết giao xứng đôi vừa lứa.

7. *Ai... ai*: chỉ Dao Tiên.

Ngại ngần khi lại trang đài ¹,
 Mảnh riêng riêng để chất dài một bên.
 665 Chứng nào yển mối oanh tin,
 Thấy tình thật cũng đã nên là tình.
 Dừng dưng nước vốn xuôi duềnh;
 Hoa sao hoa khéo vẫn ghềnh chiều xuân.
 Lời đâu quyến luyến thanh tân,
 670 Rủ rê gió Sở mây Tần bởi ai.
 Nói chi phong vị lâu đài,
 Vả trong khách hướng lữ hoài biết sao.
 Thà cho xong một bề nào,
 Chẳng thà cách trở hôm dao nhường này.
 675 Non xuân lánh chút mái mây,
 Phượng so phím lựa, loan gầy đồ (?) thêu.”
 Ngẫm nên Hương đã biết chiều,
 Chiềng: “Sao rày vẫn có điều chi đây ?”
 Dạy rằng: “Hiu hắt hơi may,
 680 Chiều thu dường cũng nên say chiều người.”
 Mượn thu Hương lại uốn lời ²:
 “Chớ nề thu cảnh bàn chơi thu tình.”
 Đá đưa như khảy tầm oanh,
 Gạn lời nàng mới định ninh dạy cùng:
 685 “Đã là thác dạ nẩy lòng,
 Liệu xem lọ phải gạn gùng làm chi.
 Người hầu với đá tri tri,
 Đàn hay tình ấy còn suy nỗi này.
 Thói đời giọt nước làn mây,
 690 Đấu nào ao được với đầy mà tin ³.
 Lại khi đôi tuổi kén duyên,
 Biết là đã hẫng như nguyên cho chưa.
 Bấy giờ chẳng bỏ bây giờ ⁴,
 Luống giây điều nghĩ mà dơ trò cười.”

1. *Trang đài*: phòng riêng của phụ nữ để trang điểm.

2. *Uốn lời*: lựa lời.

3. *Thói đời... mà tin*: hai câu này ý nói thói đời thường dễ thay đổi tan biến như giọt nước làn mây khó lấy đấu mà lường tấm lòng, chung thủy, với đầy ra sao mà tin cho được.

4. *Bấy giờ... bây giờ*: (nếu việc so tuổi không hợp, việc kết duyên không thành) thì bấy giờ sẽ gặp bao nhiêu dang dở, chẳng bỏ mình biết giữ gìn bây giờ có hơn không.

695 Hương rằng: “Vâng cũng như lời,
 Thấy chàng ổn trọng khác với thường nhân.
 Nên thi lễ, nếp đại cân,
 Giá nào dầu nhắc ¹ đồng cân cũng già. ²
 Nghĩ người lại ngắm nghĩa ta,
 700 Nhân sinh đệ nhất thật là lứa đôi.
 Ngọc lành được giá là thôi,
 Làm chi đợi đến những lời ong ve.
 Dầu khi bạc mẫu trăm tre,
 Châu nên đấu, gấm nên xe cũng liêu.
 705 Từ xưa tài sắc còn nhiều,
 Để gương ngấm lại bao nhiêu đấy là.
 Ái vân oán điệu tỳ bà,
 Dấu giày non Mã sương pha nên đồ.
 Buồm mây khói tỏa năm hồ,
 710 Lâm thâm bờ cỏ sông Ô khắp đường.
 Tưởng nơi cung lạnh ngòi ngang,
 Phú Tương Như dễ mấy vàng chác nên ³.
 Sao bằng đôi lứa phỉ nguyên,
 Chữ tình thêm vẹn chữ duyên càng nồng.
 715 Nghĩ lòng dù chẳng quyết lòng,
 Cấm sào đợi nước chờ trong được nào ⁴.
 Dở lời chưa dạy rằng sao,
 Tiểu hoàn đầu đã pha vào việc ngang.
 Chắc tin Hương những trẻ tràng,
 720 Ngóng tin sinh những lỗ làng chờ thăm.
 Trung thu vừa giữa tiết rằm,
 Viện thơ tụ thưởng sân cầm đua chơi.
 Trước lan riêng nặng một người,
 Tờ duyên lần dở chén mời để dưng ⁵.

1. Nhắc: nâng lên để xem nặng nhẹ ra sao, nghĩa rộng là cân.

2. Đồng cân cũng già: (già: nặng cân hơn, dư ra). Nặng hơn một đồng cân.

3. Tưởng nơi... chác nên: hai câu này ý nói rằng: nếu kén quá chẳng may lỡ thì sẽ phải chịu cảnh cô đơn, khi ấy khó có thể dùng tiền để mua lại hạnh phúc lứa đôi.

4. Nghĩ rằng... được nào: hai câu này ý Văn Hương muốn khuyên Dao Tiên phải sớm quyết định lấy việc tình duyên của mình, chứ cứ chần chờ, ngồi đợi ông tơ mãi thì sao nên.

5. Trước lan... để dưng: cả hai câu ý nói: Lương sinh vì nặng tình nên cứ vẩn vơ trông ngóng trước lan can, tay lần giở tờ hoa tiên xem đi xem lại, còn chén rượu thì cứ để dưng không rót vì biết mời ai cùng uống.

725 Hoa thê trúc động mơ chùng,
 Liếc trông cửa tía vợi ngừng¹ gác son².
 Tiêu đầu rủ phượng véo von,
 Một xoang như gọi nước non mấy niềm.
 Phất phơ tơ liễu buông rèm,
 730 Bóng đầu mây lẫn màu xiêm rờ nàng.
 Nói cười sang sảng gieo vàng,
 Thanh thời vui với Nguyệt Hương trước đình.
 Đạo ra đến trước tự tình:
 Nay đã được thỏa bình sinh ít nhiều.
 735 May đây xin một hai điều,
 Đêm lành khéo nhẽ *sương gieo*³ hẹn lành⁴ ?”
 Tỏ chơi Nguyệt hãy đành hanh,
 Nàng rằng: “Đây chẳng là ghềnh Mã dương.
 Liệu xin bảo trọng phải đường,
 740 Nặng lời trẻ mỗ bằng đường chẳng thông.
 Nấu nung đầu sấn lò lòng,
 Chợt nghe chợt chã⁵ đôi dòng phôi pha⁶.
 Nỗi niềm thẩn thĩ⁷ gần xa,
 Một chiều càng một thiết tha một chiều.
 745 Vả vì một nỗi bấy nhiêu,
 Tình duyên gây phải đến điều lôi thôi.
 Thương ưa phải sự ép đòi,
 Lượng xuân đành quyết hẹp hòi chốc ru.
 Thảm cao dám trách trắng thu,
 750 Trách chẳng trách lẫn đường tu vụng về.
 Mấy lời năn nỉ tử tề,

1. *Vợi ngừng*: (*vợi*: xa vợi) ngừng từ xa, cứ đứng từ xa (mà ngó lên gác son).

2. *Hoa thê... gác son*: cả hai câu ý nói Lương sinh trong lúc mơ màng thấy hoa lay trúc động tưởng có người đến, bèn liếc mắt trông sang nơi cửa tía, xa dừng bước không dám lại gần chỗ gác son.

3. *Sương gieo*: do chữ *sương trụy*. Sương rơi xuống làm cho cây cỏ điêu tàn. Đây dùng để nói đến sự quả trách.

4. *May đây... hẹn lành*: cả hai câu ý Lương sinh muốn nói may gặp ở đây xin được tỏ bày một đôi điều, chẳng lẽ trong đêm tốt lành này mà sự ước hẹn tốt lành trăm năm hạnh phúc lại là có tội ư?

5. *Chợt chã*: bỗng lã chã nước mắt tuôn rơi.

6. *Phôi pha*: bỏ qua, giả lơ (H.T.C).

7. *Thẩn thĩ*: năn nỉ, kêu van.

Xót vì Hương cũng ử ê khôn hàn.
 Ngập ngừng ra trước khuyển van,
 Rằng: “Trong tình ấy thế gian hiểm tà.
 755 Vàng bền ví quyết chẳng lay,
 Hoa thơm chẳng nở đang tay hỡi người.
 Mẹo (?) duyên trộm kiếp thiêng đời,
 Dủi dủi báu nước hương trời¹ đợi nhau.
 Chén tương đồ khách Lam cầu,
 760 Mản tô² nơi rước cung châu³ chốn mời.
 Ấy trên tiên, lộ dưới người,
 Pho tình biết mấy mươi nơi còn truyền,
 Trong duyên gặp gỡ là duyên,
 Trong tình vẹn vẽ đôi bên mới tình.
 765 Trong quyền mà chẳng rời kinh,
 Dám xin rộng chuẩn mảnh tình tôi con⁴.
 Gặp nay người hợp trăng tròn,
 Niềm son⁵ giải một chén son cùng thể.
 Một là đợi tiết phòng khuê⁶,
 770 Hai là dành dập⁷ liễu bề mối manh.
 Đào non sớm nghĩ thơ lành,
 Khuôn duyên⁸ một hội nức danh muôn đời.”
 Mặt hoa hơn hơn thêm tươi,
 Đỡ lời, Nguyệt cũng thay lời gởi qua.
 775 Nàng nghe ngần ngại nét họa⁹,
 Chăm chăm lặng ngắm bóng nga biếng rằng.
 Nguyệt Hương biết ý dùng dằng,
 Tiệc bày dan díu dằng dằng trước giường.

1. *Hương trời*: bản Nôm khắc *giương* 香 天 trời, nhưng đúng ra là *hương* trời mới có nghĩa là người đàn bà đẹp.

2. *Mản tô*: tức *lưu tô* *trướng* là cái màn có tua chân chỉ hạt bột.

3. *Cung châu*: cung bằng châu ngọc.

4. *Mảnh tình tôi con*: bởi chữ *thần tử* là nói chung những phận hèn mọn như tôi đối với vua, con đối với cha mẹ. So sánh như vậy cũng có phần quá đáng.

5. *Niềm son*: do chữ *đan tâm* là tấm lòng thành thực, chung thủy, son sắt.

6. *Tiết phòng khuê*: tiết của người con gái kiên trinh, giữ được tiết sạch giá trong.

7. *Dành dập*: dành để, ý nói như rấm trước.

8. *Khuôn duyên*: khuôn trời định sẵn cho hai người con trai và con gái kết duyên với nhau.

9. *Nét họa*: nét mặt người con gái đẹp như hoa.

Tiên thề tay thảo một chương,
 780 Trọn lời đắp núi, đầy hàng tạc sông.
 Nhìn trên vầng vặc vùng trong,
 Lại ghi Hương Nguyệt tên dòng cuối trượng.
 Triện thành nghi ngút tuôn hương,
 Máy lời khấn nguyện mặc chàng trước sau.
 785 Ép nài nể ý đôi hầu¹,
 Vén xiêm ngồi dưới cát đầu trông lên.
 Văn thề thảo một hai tiên,
 Kìa lòng vàng đá, nợ nguyên tóc tơ.
 Gheo hoa lộng lộng người thơ,
 790 Bóng lồng chung vẽ hương đưa lẫn mùi².
 Ghi lòng nghe cũng lả lơi,
 Xem trong³ gấn bó ra chồi lần khân.
 Nàng rằng: “Bồ liễu chút thân,
 Gió đông⁴ những lệ⁵, chúa xuân phải phiền.
 795 Trăm năm nhẹ một mảnh nguyên,
 Vùng soi đã hổ với trên đỉnh đầu.
 Thề lòng giải bến Hà Châu,
 Đợi nhau trên Bộc trong dâu ru mà.
 Dám xin tính rộng lo xa,
 800 Bả vàng treo đã đuốc hoa vội gì.”
 Một chiều thêm một yêu vì,
 Lọ mây ngồi với mưa⁶ đi mới tình.
 Chuyện trò thêm gấn sắt danh,
 Má sương chợt mắng⁷ trên thành điểm năm.
 805 Giục ai giọt giọt khôn cầm,

1. *Đôi hầu*: là Bích Nguyệt và Vân Hương. Cả câu ý nói Dao Tiên vì hai con hầu ép nài mà phải nể lời.

2. *Bóng hồng... lẫn mùi*: câu này mượn ý ở câu Kiều: Dải là hương lộn, bình gương bóng lồng.

3. *Lả lơi... xem trong*: câu này cũng mượn ý ở câu Kiều: Xem trong âu yếm có chiều lả lơi, nhưng ở đây thì không hợp lắm vì Lương sinh đâu dám ép tính hoa nguyệt khi còn có mặt Bích Nguyệt và Vân Hương.

4. *Gió đông*: gió thổi từ phương đông lại, tức gió xuân.

5. *Những lệ*: (lệ: sợ) những sợ.

6. *Mây... mưa*: ý nói đến việc trai gái ăn nằm với nhau. Xem thêm chú thích câu 270-271, *Hoa tiên* - Nguyễn Huy Tự.

7. *Chợt mắng*: chợt nghe thấy.

Tất giao¹ một dạ lan câm (kim)² mấy lời.
 Sầu đâu cũ mới xui người,
 Bên băng gác tía bên đời song thơ.
 Những đành cải bén kim ưa,
 810 Máy thiêng³ dường đã nhiệm lừa⁴ biết đâu.
 Lương gia vào các⁵ bấy lâu,
 Sáng soi gương đức, rộng trau cân bình.
 Vạc mai chán nếm trường danh,
 Lâu lâu sẽ nhớ mùi canh ngọt ngào.
 815 Chập chờn xem băng chiêm bao,
 Làm chi mệt giấc lá hươu khổ lòng.
 Dẫn nhàn⁶ gửi xuống bệ rồng,
 Đền xuân yến mở gác đông tiệc bày.
 Vẻ vang rờ rờ gấm ngày⁷,
 820 Ai ai chẳng muốn bạn bấy với tiên.
 Có Lưu Lại bộ tác hiền,
 Là người bản huyện cũng xin viện lễ.
 Dòng theo một cũ thuyền về,
 Sớm đưa mái rẽ⁸ (?), hôm kẻ bến eo⁹ (?).

-
1. *Tất giao*: (tất: sơn, giao: keo) gắn bó với nhau keo sơn.
 2. *Lan câm (kim)*: bạn bè rất tốt, tình đậm thắm như hương hoa lan và quý trọng hơn cả vàng bạc.
 3. *Máy thiêng*: tạo hóa ví như cái máy có phép nhiệm màu đặt bày ra muôn vật và muôn việc.
 4. *Nhiệm lừa*: lừa lọc (chọn lọc và xếp đặt) một cách mầu nhiệm.
 5. *Vào các*: vào trong Nội các (văn phòng của nhà vua).
 6. *Dẫn nhàn*: tìm đến cảnh nhàn, xin về hưu trí.
 7. *Gấm ngày*: do chữ *trú cấm*, chỉ sự vinh hiển được mọi người đều biết đến chứ không phải như kẻ “áo gấm đi đêm” có ai nào biết đến.
 8. *Mái rẽ*: chữ 把 có thể phiên âm là rẽ, đây khác với đây viết là 抵 hoặc 待 挺.
 9. *Bến eo*: về câu này Đào Duy Anh có nhận xét:
 “Hai câu: “Dòng theo một cũ thuyền về, sớm đưa bến Dĩ hôm kẻ sông Dâu” chỉ là phiên âm sai chữ bản nguyên tác của Nguyễn Huy Tự vốn chép: “Dòng theo một cũ thuyền về, sớm đưa mái đẩy, hôm kẻ bến neo”.
 Chữ 把 (đẩy) bị lộn thành Dĩ, Rẽ, Sỹ và chữ 挽 (neo), bị lộn thành 攬 mà phiên làm *dâu*.”
 Tuy có nhận xét như vậy nhưng trong phần văn bản *Hoa Tiên nhuận chính*, Đào Duy Anh vẫn phiên âm câu 824 là:
Sớm đưa mái đẩy, hôm kẻ bến eo.

vì bản Nôm khắc chữ 腰 (eo) chứ không phải chữ neo 桡.

825 Pha phôi trắng mạn gió lèo,
 Rộng làn lưu thủy, vơi kẻo¹ yên ba.
 Hứng vui thóc mách chuyện nhà,
 Họ Lưu một ả tên là Ngọc Khanh.
 Tuần mười lễ bảy xuân xanh,
 830 Người trang trọng, nét đoan trinh vẹn mười.
 Tỏ tin Lương mượn chén mời:
 “Biếng quan² anh cũng trải đời như em.
 Vòng trần hã đã không thềm,
 Chút nguyên du Nhạc³ còn hiềm chưa nguôi.
 835 Dám toan kén lứa chọn đôi,
 Tấn Tần⁴ có nhẽ với người phồn hoa⁵.
 Thôi thì ta lại biết ta,
 Chín e lều cỏ biết là nên chăng.”
 Gạn mời Lưu mới thưa rằng:
 840 “Từ vào chi thất⁶ xem bằng Long môn⁷.
 Một lời đã với nước non,
 Vâng xe mỗi chỉ cho tròn duyên tơ.
 Quản bao tuyết đợi sương chờ,
 Xin đem dây sắn may nhờ bóng thung.⁸”
 845 Khiến tình mấy chén thung dung,
 Việc hai nhà, dốc một lòng định nên.
 Dập dìu buồm nghĩa gió duyên,

1. Kẻo: rót rượu mời nhau cùng uống.

2. *Biếng quan*: (*biếng*: không muốn) không muốn làm quan nữa.

3. *Chút nguyên du nhạc*: (*du*: đi chơi, *Nhạc*: Ngũ Nhạc) chút mong muốn được như Trương Hươg Bình đời Đông Hán, chán công danh về ở ẩn, rồi đi chơi Ngũ Nhạc không trở về nữa.

4. *Tấn Tần*: (*Tấn*: tên một nước đời Xuân Thu, *Tần* tên một nước đời Chiến Quốc) Hai nước Tấn Tần thường gả con cho nhau nên có chữ duyên Tấn phận Tần để chỉ duyên vợ chồng.

5. *Người phồn hoa*: (*phồn hoa*: náo nhiệt hoa lệ, chỗ hoa lệ xa xỉ) người ở nơi thành thị, giàu sang quen sự xa xỉ.

6. *Chi thất*: cũng như *lan thất*, nhà đức hạnh. Nghĩa này do câu: “*Dữ thiện nhân cư như nhập chi lan chi thất*” (ở với người thiện như vào nhà có hương thơm của cỏ chi, cỏ lan).

7. *Long môn*: cửa rồng. Kẻ sĩ gặp được người hiền tài tiếp chuyện thì lấy làm vinh hạnh như lên cửa rồng.

8. *Thung*: đúng ra là chữ *xuân* 椿 nhưng ở đây phải viết thành chữ *thung* 椿 cho hợp vần. ĐNQATV chỉ có chữ thung (viết là *xuân*) và giảng *thung* là tên một cây to.

Lòng tên, thuyền cũng như tên chiều lòng.
 Non xuân mới tỏ làn trông,
 350 Cờ bay ngọn gấm, xe lồng thúc mây.
 Giang đình¹ đôi ngả chia tay,
 Đài Lương giống ngựa ruổi ngay quê nhà.
 Dập dìu cầm sắt² xoang hòa,
 Phong thư đã giục tin xa rước mời.
 855 Nhà huyên thêm nổi lòng vui,
 Người băng³ đưa thiếp đã sai đệ trình.
 Dự trao một lễ cho đành,
 Lệ thường chẳng lọ chờ sinh trể ngày.
 Sinh vừa vâng thấy tin bay,
 860 Tạ từ ngoại thị⁴ sắp bày hồi(?) trang.
 Lại sang báai tạ đài Dương⁵,
 Tiễn đưa ông mới tỏ tường tấm riêng:
 “Nổi lòng luống những cần quyền,
 Chỉ còn e lệ cho nên ngại ngùng.
 865 Lời quê hãy gởi tôn công⁶,
 Bấy lâu trộm đã ơn lòng nhâm yêu⁷.
 Ngây thơ⁸ chút cửa mạn đào⁹,

1. *Giang đình*: cái nhà nghỉ ở bến sông.

2. *Cầm sắt*: (đàn cầm và đàn sắt) *Kinh Thi* có câu: “*Yếu diệu thực nữ, cầm sắt hữu chi*”. (Vợ chồng hòa hợp như gảy đàn sắt, đàn cầm). Về sau dùng hai chữ này để nói sự hòa hợp của hai vợ chồng.

3. *Người băng*: do chữ *băng nhân*, lấy tích ông Lệnh Hồ Sách nằm mộng thấy mình đứng trên băng (nước đông thành đá) mà nói chuyện với người đứng dưới băng. Có kẻ đoán rằng: trên thuộc dương, dưới thuộc âm, âm dương tức việc hôn nhân mà nói chuyện là việc làm mối. Do chuyện đó mà về sau chữ *băng nhân* (người băng) được dùng để chỉ người làm mối.

4. *Ngoại thị*: bên họ ngoại, đây chỉ bên nhà cậu mợ của Lương sinh.

5. *Đài Dương*: nhà Dương tướng công.

6. *Tôn công*: chỉ người cha của Lương sinh, gọi thế cho tôn kính.

7. *Nhâm yêu*: được yêu lắm vì tự thấy không xứng đáng, ý khiêm tốn.

8. *Ngây thơ*: chỉ con gái của mình (Dao Tiên).

9. *Mạn đào*: do chữ *đào lý*, ngụ ý chỉ các vị quan có tài năng. Dịch Nhân Kiệt đời Đường tiến cử lên nhà vua 30 người đều là những kẻ tài năng lỗi lạc cả. Người đương thời có lời khen: “*Thiên hạ đào lý tận tại công môn*” (Đào lý trong thiên hạ hầu hết là ở cửa nhà ngài mà ra cả). Nghĩa bóng của *đào lý* (mạn đào) là cửa tụ hội của những người lỗi lạc, chỉ cửa nhà quyền quý.

Khuôn vàng¹ cho lĩnh ít nhiều là may².
 Nghe lời như cỡi niêm tây,
 870 Tạ về thôi lại dạo ngay sang đình.
 Gặp Hương mới kể sự tình,
 Xin nhờ dì gió³ đệ trình trưởng loan⁴.
 Một mai vội giống Dương quan,
 Diện từ⁵ xin giải niêm đàn mấy lời.
 875 Chợt nghe chín khúc⁶ tới bởi,
 Thêm lan lãng dăng ngại dời gót lan.
 Duyên ưa mai liễu⁷ một đoàn,
 Nay ai đã vội gỡ màn đình cao.
 Sinh rằng: “Chút nghĩa tương giao⁸,
 880 Chưa cùng sum họp nữ nào chia phôi.
 Dắt tơ nay mới vâng lời,
 Đành hay nhân định thì trời phải theo.
 Êm đêm gác gác phòng thêu;
 Ngọc vàng mình phải nâng niu lấy mình.
 885 Dập dìu lá thắm⁹ chim xanh^{10,11},
 Quả mai chi để trên cành bảy ba¹².

1. *Khuôn vàng*: do từ ngữ *khuôn vàng thước ngọc*, chỉ lời dạy bảo quý báu.

2. *Ngây thơ... là may*: cả hai câu ý Dương công muốn nói với Lương sinh rằng nếu con gái nhỏ còn ngây thơ của mình có về cửa quyền quý bên ấy thì nay muốn nó được may mắn nhận lĩnh ít nhiều lời chỉ bảo về khuôn phép của Lương gia.

3. *Dì gió*: chỉ Vân Hương.

4. *Trưởng loan*: chỉ Dao Tiên.

5. *Diện từ*: gặp mặt nhau để có lời cáo từ trước khi ra đi.

6. *Chín khúc*: chỉ ruột rời như bị vò mà cuộn thành chín khúc.

7. *Mai liễu*: hai cây có lá xinh hoa đẹp thường được trồng bên nhau nên được ví với bạn bè.

8. *Tương giao*: giao du cùng nhau, kết bạn thân với nhau.

9. *Lá thắm*: Đời Đường có một người cung nữ họ Hàn đề thơ vào một chiếc lá rồi thả xuống dòng ngự câu cho lá trôi đi. Vu Hưu bắt được, đề thơ vào lá thả lại trên ngự câu, người cung nữ lượm được. Sau nhân vua thả cung nữ ra, hai người lấy nhau, đem lá đỏ ra so, khi ấy mới biết lá đỏ ấy chính là *môi giới* tự nhiên.

10. *Chim xanh*: Tương truyền xưa vua Hán Vũ Đế đương ngồi chơi, có con chim xanh bay đến, Đông Phương Sóc nói: “*Đây là sứ giả của Tây Vương Mẫu đến*”. Sau người ta lấy chim xanh để ví với sứ giả, người đưa tin hoặc người làm mối.

11. *Lá thắm chim xanh*: chỉ sự làm mối.

12. *Quả mai... bảy ba*: bài thơ *Phiếu mai* trong *Kinh Thi* có câu: “*Phiếu hữu mai, kỳ thực thất hê... kỳ thực tam hê*” (Quả mai đang mười phần còn lại bảy phần rồi còn lại ba phần) ý nói về sự hôn nhân phải kịp thì.

Dập dìu... bảy ba: cả hai câu ý Lương sinh muốn nói với Dao Tiên rằng mình về sẽ nói với cha mẹ để nhờ có người làm mối cho kịp thì chứ không để chậm trễ.

Tình xa bao quản người xa,
 Tương tri có thể mới là tương tri ¹.
 Rằng: “Nay nam bắc phân kỳ,
 890 Đã đành trời nọ trăng kia với lòng.
 Sớm khuya hãy gắng chí hồng ²,
 Trông mong cho bõ tấm lòng bấy nay.”
 Mặt nhìn chẳng nỡ rời tay,
 Non xa liễu đã tơ rây bóng vàng ³.
 895 Gởi tình nửa ngọn cành dương,
 Hồn quê thơ thẩn như dường theo ai.
 Tuyệt mù cây khuất bóng người,
 Ngại ngần năm bước chia mười xa đem.
 Sách gươm nhẹ bóng con thuyền,
 900 Trong khoang mếch ⁴ nặng, lưng then chở sầu.
 Song bông mưa dập gió mau,
 Triện nhàn đắp nhớ, ngọn lau khảy buồn.
 Dòng xuôi một dải đường tuôn,
 Đầu mũi đã thấy hương thôn gần gần.
 905 Vào hầu lạy trước nhà xuân,
 Hương đưa chén rót gấm nhuần tiệc cao.
 “Bấy lâu con học thế nào?
 Ngọc kinh ⁵ nghe đã xôn xao mở trường ⁶.
 Nề chi định tỉnh lễ thường,
 910 Làm sao thân hiển danh dương mới là.”
 Phu nhân lại dạy truyền ra:
 “Họa may đại tiểu đẳng khoa cũng vừa.”
 Nỗi Lưu mới kể sau xưa,

1. *Tương tri*: hiểu biết nhau.

2. *Chí hồng*: (*hồng*: một loài ngỗng trời) chim hồng bay cao lắm, không thể dùng cung tên bắn tới được. “*Hồng phi minh minh, đặc giả hà oán yên*” (Chim hồng bay cao thăm thẳm, người đi săn làm sao bắn được) chí cao hơn hẳn mọi người.

3. *Tơ rây bóng vàng*: tơ liễu quay theo gió như rây ánh nắng chiều.

4. *Mếch*: sai chậy, mẻ sứt, làm cho chéch mếch.

Méch lòng: làm cho phải buồn giận đau lòng.

Chéch mếch: nghiêng triềng (chéch lệch, đổ về một phía), đơn chiếc (H.T.C).

5. *Ngọc kinh*: kinh đô của nhà vua.

6. *Mở trường*: mở khoa thi.

Tay trao cho nhận mấy tờ thiếp canh ¹.
915 Nỗi mình lại ngán cho mình,
Trời cao sấm dậy, đất bình sâu xây.
Lòng thơ như đại như ngây,
Gửi qua ² thoát đã trở giày về song ³.
Thôi thôi lòng đã phụ lòng,
920 Trăm năm lẻ một chữ đồng ⁴ vì ai.
Bẽ bàng trắng tối mưa mai,
Sao duyên ngang ngửa cho người dở dang.
Người xa ⁵, đành nhẽ chưa tường,
Cửa thu vắng vắng tin sương góc trời.
925 Dầu vàng dầu đá ⁶ với người,
Nặng tình đâu dám nhẹ lời song thân,
Năm canh cung nguyệt lựa dần,
Năm lần xa nhớ năm lần thở than.
Ông tơ ⁷ khéo nhẽ đa đoan,
930 Ba sinh luống đợi Ngọc Hoàn còn xa. ⁸
Oanh vàng thắm thoát thoi qua,
Đỉnh xuân mấy quả tuyết đà trắng ngân ⁹.
Gác Dương vừa tiệc dẫn thần,
Tình trong quyến cảm ¹⁰ qua mừng trước sanh.
935 Thấy Diêu ông mới hỏi sinh:
“Về quê sao vắng phong thanh tịn rày.”
Việc Lưu, Diêu mới giải bày:

1. *Thiếp canh*: tờ thiếp ghi tên tuổi người con trai hoặc người con gái khi ngỏ lời lễ đính hôn để tiện so tuổi xem có hợp không.

2. *Gửi qua*: thưa gửi vội vàng.

3. *Về song*: (*song*: cửa sổ) về phòng riêng.

4. *Chữ đồng*: do *chữ đồng tâm kết*, cái nút thắt bằng hai dải lụa, dùng để ghi nhớ lời nguyện ước cùng một lòng yêu nhau, như sống thì cùng sống, chết thì cùng chết.

5. *Người xa*: chỉ Dao Tiên.

6. *Vàng... đá*: vàng và đá, tỉ dụ tình yêu bền chặt, chung thủy.

7. *Ông tơ*: ông tơ hồng tức *nguyệt lão* (ông lão ngồi dưới trăng), tục truyền là vị thần xem việc hôn nhân, buộc chân những người con trai con gái có duyên phải lấy nhau.

8. *Ba sinh... còn xa*: cả câu ý nói nếu có phải chờ đợi đến kiếp sau thì kiếp sau, (như lời Ngọc Hoàn (Dương Quý Phi) hẹn với vua Đường Minh Hoàng), biết đến bao giờ?

9. *Đỉnh xuân... trắng ngân*: cả câu ý nói cha là Dương công đã già rồi, đầu đã bạc trắng.

10. *Quyến cảm*: tình cảm đối với thân quyến.

“Ấy vì hôn sự nên chầy chữa sang.”
 Nàng vừa chục tuyết phòng hương ¹,
 940 Bên tai một trận thê lương ² khác nào.
 Nghe qua vội trở gót vào,
 Sóng dồi lớp lớp dường xao bể lòng.
 Vì ai lỡ đỉnh lấp dòng,
 Đã đành nệm ủ chần mong ³ đợi chờ.
 945 Nhị đào vện vẽ còn tơ,
 Ví ra bướm lợc ong lừa kém ai.
 Thoảng nghe những tiếng trái tai,
 Thét rằng: “Giống khéo đông dài gớm chằng.
 Vì ai quyến gió rủ trắng,
 950 Bây giờ còn dám đãi đẳng ⁴ với ai.
 Phận đàn bà ngỡ là chơi,
 Một ngày tám tiếng muôn đời mất tai ⁵.
 Mặc lòng dạn lạt nguyên phai,
 Tự ta xuân khóa mây cài ⁶ với ta.”
 955 Đỡ lời Nguyệt mới thưa qua:
 “Tơ duyên cũng chữa hẳn là dứt xong.
 Duyên kia dù hẳn phụ lòng,
 Mặc ai xin hãy thung dung nghĩ nào.”
 Mưa tuôn ngấn ngọc nhớ bào ⁷,
 960 Phận đành là thế dẫu sao cũng đành.
 Từ đây nước nổi bèo nênh,
 Áng hoa vô chủ đã đành từ đây.
 Phòng riêng thức thức phô bày,

-
1. *Chục tuyết phòng hương*: chục hầu cha mẹ khi trời tuyết lạnh.
 2. *Thê lương*: xót thương khổ sở, đau đớn trong lòng. *Trận thê lương*: nói sự đau khổ ập đến như một trận gió mạnh thổi vào trong lòng.
 3. *Nệm ủ chần mong*: nệm buồn chần đơn, ý nói buồn bã cô đơn.
 4. *Đãi đẳng*: nói năng, ăn nói.
 5. *Mất tai*: tai mất thiên hạ, cả câu ý nói nếu làm gì tai tiếng thì để lại tiếng xấu muôn đời.
 6. *Xuân khóa mây cài*: khóa xuân cài mây, ý nói cấm cung ở trong phòng, không ra ngoài một lòng giữ gìn đức hạnh.
 7. *Ngấn ngọc nhớ bào*: ngấn lệ làm dơ áo. Chữ *nhớ* (dơ) khác 如 (như), nhưng đúng ra phải khác là 洒 (nhớ). Hai chữ này viết gần giống nhau, chỉ khác có chấm thủy 氵. Nếu sửa lại là *thấm* 浸 thì khác hẳn mặt chữ.

Lòng sao vui những của này¹ khéo thay!
 965 Ngón cầm dù lựa vào dây,
 Điệu cao đã vậy ai rầy thắm âm² ?
 Túi thơ dù đúc nên ngâm,
 Phấm đề ai kẻ tri âm³ với mình.
 Bút hoa dù vẽ nên tranh,
 970 Lấy ai mà nhận nét tình cho hay ?
 Cuộc cờ dù nhận ngang tay,
 Thấy cờ mà tưởng những ngày càng thêm.
 Nào gương nào chỉ nào kim,
 Nào ai còn để chi thêm bận bưng.
 975 Sạch sanh phó trận lửa nồng,
 Tiên thề để đấy ghi lòng kiếp sau.
 Bập bùng chữa nguội bếp sầu,
 Nhện sa⁵ chột mảng tin đâu trước mảnh.
 Dương gia chuyển bổ thẳng Kinh,
 980 Đề huề truyền đón thủy trình trảy ra.
 Nỗi mình thêm rộn nỗi nhà,
 Khi xa nào biết là xa mấy trùng.
 Hành trang sắm sửa vừa xong,
 Con thuyền chen chúc đua giông cánh lèo.
 985 Giang sơn tám bức⁶ sầu treo,

1. *Của này*: ý nói đến những đồ vật kỷ niệm. Chữ *của* mới có nghĩa và mới đúng với mặt chữ...

2. *Thắm âm*: (*thắm*: khảo xét kỹ càng) xét ra tiếng hay tiếng dở trong âm nhạc, nói người biết thưởng thức âm nhạc.

3. *Tri âm*: (*tri*: biết, *âm*: tiếng). Nguyên xưa Bá Nha đánh đàn rất hay, Chung Tử Kỳ nghe hiểu từng âm một. Sau Chung Tử Kỳ chết, Bá Nha đập đàn không gảy nữa cho rằng trong thiên hạ không còn ai nghe hiểu tiếng đàn của mình. *Tri âm* sau được dùng để chỉ người bạn thân hiểu được lòng mình.

4. *Những ngày càng thêm*: những ngày bên nhau.. càng thêm buồn bã.

5. *Nhện sa*: tục xưa tin nhện sa xuống trước mặt là điềm báo tin mừng.

6. *Tám bức*: (từ câu 987 đến câu 1002) tám bức gồm có:

1. *Bình sa lạc nhạn* (cảnh đàn chim nhạn bay xuống bãi cát phẳng).

2. *Sơn thị tình lam* (cảnh chợ chiều chân núi trời quang tạnh).

3. *Viễn phố qui phàm* (cảnh chiếc thuyền buồm trở về bến xa).

4. *Ngư thôn tịch chiếu* (cảnh bóng chiều ở xóm thuyền chài).

5. *Sơn tự hàn chung* (cảnh tiếng chuông chùa văng vẳng trên sườn núi).

6. *Động Đình thu nguyệt* (cảnh trăng thu trên hồ Động Đình).

7. *Giang biên mộ tuyết* (cảnh tuyết rơi bên sông lúc trời gần tối).

8. *Tiêu Tương dạ vũ* (cảnh mưa đêm trên sông Tiêu Tương).

Tám cảnh này do Tống Dịch đời Tống vẽ.

Cảnh mai dễ chạnh, sắc chiều như xui.
 Kìa đâu cát phẳng một doi,
 Máy chòm lịch chích loi thoi trận nhàn ¹.
 Kìa đâu mây tận ² chân ngàn,
 990 Đỉnh đèo xao xác hợp tan chợ chiều.
 Kìa đâu viễn phố đìu hiu ³,
 Lưng trời rút thẳng con lèo ra khơi.
 Kìa đâu bể rộng sóng dồi,
 Ngư thôn mấy nóc mặt trời tà dương.
 995 Kìa đâu nghi ngút khói sương,
 Vẳng nghe chuông sớm còn vang bên lầu.
 Kìa đâu nước lạnh trời thu,
 Động Đình ⁴ phẳng lặng một hồ trăng in.
 Kìa đâu ban tối đỗ thuyền,
 1000 Bạc bay hoa tuyết giang thiên ⁵ một màu.
 Kìa đâu trúc lệ nhuộm thâu,
 Tiêu Tương rả rích mưa mau canh chầy.
 Cảnh kia thêm bận lòng này,
 Phượng thành rạng mở nào hay đã gần.
 1005 Cửa dinh liễu mới mừng xuân,
 Biên thư đã thấy tấu văn bộ Thiều.
 Bắc Hồ lộng thói con kiêu,
 Ruổi mù bụi ngựa trầy theo ải Nhàn.
 Sân phong chọn mặt thẳng quan,
 1010 Lại sai Dương tướng giữ giàng ⁶ việc biên ⁷.
 Hịch rồng một mảnh sao truyền,
 Đoàn chăm việc nước phải quên việc nhà.
 Hàn lâm sẵn có Tiên nha,
 Với phu nhân vả cũng là đồng thân ⁸.
 1015 Hãy sang tạm trú cho gần,

1. *Nhàn*: do chữ *nhận* đọc theo thanh bằng.

2. *Mây tận*: đúng ra là *mây tậnh*, dịch từ chữ *tình lam*.

3. *Đìu hiu*: bản Nôm khắc 爲 (vi) nhưng các bản Quốc ngữ đều phiên âm là *đìu hiu*.

4. *Động Đình*: tên một cái hồ danh tiếng của Trung Quốc, ở tỉnh Hồ Nam.

5. *Giang thiên*: cảnh trời ở bên sông.

6. *Giữ giàng*: giữ gìn, coi sóc cẩn thận (viết *giữ giàng* cho hợp vần với câu trên).

7. *Việc biên*: việc canh phòng nơi biên giới.

8. *Đồng thân*: cùng cha mẹ sinh ra. Dương phu nhân và Hàn lâm họ Tiên là chị em.

Đợi ngày đẹp giặc trông chừng chẳng khơi.
 Tiên nghe đón rước tận nơi,
 Dọn lầu sửa chốn nghỉ ngơi thanh nhàn.
 Chị em cậu cháu vui đoàn,
 1020 Đành lòng Dương mới gió an côi ngoài.
 Một phương chống vững thành dài,
 Màng bao Hồ Yết những loài khuyến dương¹.
 Sinh từ nấu nấu phần hương,
 Trời thu ba cử duềnh Tương một ngày.
 1025 Bụi đông muôn học chất đầy,
 Cánh nào bay đến ngổ bày trước trang².
 Liệu cơ ra lạy huyên đường³,
 Tràng Châu xin lại tìm sang sân Trình.
 Được lời theo lối thủy hành,
 1030 Thẳng dong buồm lá thênh thênh một dòng.
 Biết bao dạn bể thê sông,
 Lạt với no những thẹn thùng nước non.
 Vườn riêng nọ thú cầm tôn⁴,
 Vàng Diêu tía Ngự⁵ vẫn còn chưa phai.
 1035 Cùm thơm rào cấm⁶ chờ ai,
 Đây song mấy điểm hoa mai trắng ngần.
 Vội sang thăm thú vườn gần,
 Một vùng cỏ biếc mấy lần cửa son.
 Lơ thơ gốc cỗi cành non,
 1040 Sương in cầu đá, tuyết dôn lối thơm.
 Lầu thơ khói tỏa mây vờn,⁷
 Chồi sai biếng bẻ khóm sớm vắng vin.
 Biết ai hầu hỏi sự duyên,

1. *Khuyến dương*: chó dê. Xưa người Trung Quốc thường gọi các tộc ở láng giềng một cách khinh miệt như vậy.

2. *Cánh nào... trước trang*: cả câu ý nói biết làm sao có cánh bay đến nơi đài trang của Dao Tiên để tỏ bày tâm sự.

3. *Huyên đường*: cha mẹ.

4. *Cầm tôn*: (*cầm*: đàn, *tôn*: chén) cây đàn và chén rượu, ý nói thú đánh đàn và uống rượu.

5. *Vàng Diêu tía Ngự*: do chữ *Hoàng Diêu tử Ngự* tức màu vàng của họ Diêu, màu tím của họ Ngự là hai tên riêng của hoa mẫu đơn gọi là Diêu hoàng và Ngự tử.

Cả câu ý nói những đoá hoa mẫu đơn vàng tím, màu sắc tươi đẹp vẫn chưa phai.

6. *Cùm thơm rào cấm*: cấm rào ở quanh khóm hoa.

7. *Mây vờn*: mây lượn quanh.

Viên công¹ vừa thấy trong miên² ló ra.
1045 Miên man³ thăm hỏi gần xa,
Mới tường môn mạch nay đà phó kinh.
Nghe lời khôn nhẽ làm thỉnh,
Buồn nường bên triện sầu quanh khắp tòa.
Ngán ngâm đến trước đình Ba,
1050 Rường không én để, song tà nhện giăng.
Tiên thơ vách hầy dăng dăng,
Xã thơ⁴ cách mấy mươi tầng người thơ.⁵
Hiên đài lác đác sao thưa⁶,
Sân rêu nọ chốn ngày xưa chén đồng⁷.
1055 Mây dương liễu, mặt phù dung⁸,
Ngắm hoa thêm nhắc tấm lòng sinh ly⁹.
Chỉ thề, trắng vắn tri tri¹⁰,
Tay ai chênh mảng còn chi Chương đài¹¹.
Mừng xuân đào hầy ngậm cười,

1. Viên công: ông già coi vườn. Bản Nôm khắc 園 (vi) nhưng ca bản ghi rõ ràng là viên công.

2. Trong miên: bản Đặng Trần Tiến phiên âm là trong miên nhưng bản Nôm lại khắc là trong thuyền 船

3. Miên man: riu rít hỏi không ngừng.

4. Xã thơ: do chữ thi xã, đoàn thể gồm nhiều thi sĩ họp lại mà làm thơ với nhau.

5. Người thơ: người trong cuộc làm thơ.

6. Lác đác sao thưa: mái hiên bỏ không có một vài chỗ bị thủng nhìn lên trông như sao thưa.

7. Chén đồng: chén rượu thề nguyện đồng tâm.

8. Dương liễu... phù dung: do câu thơ “Phù dung như điện, liễu như mi” trong bài Trường hận ca của Bạch Cư Dị, đời Đường.

9. Sinh ly: còn sống mà phải chia lìa nhau.

10. Tri tri: cũng như trơ trơ. (Đọc tri tri cho hợp vần với câu trên).

11. Chương đài: tên con đường ở Tràng An bên Trung Quốc. Đời Đường Hàn Hoành lấy một người kỹ nữ là Liễu thị ở Chương đài sau đổi đi làm quan xa, để nàng ở lại tại con đường ấy. Lúc xa cách Hoành có gửi cho Liễu thị bức thư trong ấy có những câu: “Chương đài liễu. Tích nhật thanh thanh kim tại phủ? Giả ưng phan chiết tha nhân thủ? (Liễu Chương đài - Ngày trước xanh xanh nay còn chẳng? Hay là đã bị tay người khác bẻ mất rồi). Cuối đời Thiên Bảo, Liễu thị bị tướng Phiên cướp mất. Sau nhờ có Hứa Tuấn giúp, cướp lại được mà đem gá cho Hàn Hoành. Nghĩa bóng chỉ chỗ ở của người kỹ nữ. Ở đây cả câu ý nói nếu mình chênh mảng không tính ngay chuyện hôn nhân thì kẻ khác sẽ cưới mất còn đâu đến mình nữa.

- 1060 Vẻ hồng¹ trơ đỏ, mặt người nào đâu.
 Khi sao son gác phấn lâu,
 Giờ sao tan tác mặc dầu khói sương².
 Ấy ai dập lửa vùi hương,
 Để ai nát đá phai vàng³ này đây.
- 1065 Giận riêng trăm nỗi để đây,
 Dạ cảm tức tối, hồn say mơ màng.
 May sao vừa gặp viên công,
 Rụng rời kíp gọi gia đồng thuốc thang.
 Tỉnh ra về tới trú phòng⁴,
- 1070 Giấc buồn chưa đã⁵, mạch tương lại đây.
 Nàng từ trú ngụ bấy nay,
 Duênh Hàn⁶ lần ngắm đoá mây điểm nghìn.
 Chợt nghe Tiên cứu⁷ bảo tin,
 Giấc Hồ nghiêng nước vẫy miền Ngọc Quan.
- 1075 Dương công lũy mảnh quân đơn,
 Miếu đường cầm hịch⁸ mưu toan tới bờ.
 Một nhà nghe nói ghen lời,
 Sự mình kia với sự đời hay sao.
 Luống sinh⁹ làm nghiệp má đào,
- 1080 Phải ra tay thước quản bao cát lằm¹⁰.

1. *Vẻ hồng*: ý nói hoa đào còn nở đỏ hồng.

Hai câu 1059-1060 là mượn ý từ hai câu Kiều:

Trước sân nào thấy bóng người,

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.

Nguyên được Nguyễn Du phỏng dịch từ hai câu của Thôi Hiệu đời Đường:

Nhân diện bất tri hà xứ khứ, Đào hoa y cựu tiếu đông phong.

2. *Khi sao... khói sương*: hai câu này được nhuận sắc phỏng theo hai câu Kiều:

"Khi sao phong gấm rủ là, giờ sao tan tác như hoa giữa đường."

3. *Nát đá phai vàng*: khi thề nguyên với nhau thì hứa sẽ giữ lòng chung thủy bền như vàng đá mà nay để cho đá phải nát, vàng phải phai, tức là không giữ được lời thề với nhau.

4. *Trú phòng*: phòng trọ.

5. *Dã*: giảm bớt, tan dần.

6. *Duênh Hàn*: chỉ Hàn uyển ở nhà họ Tiên nơi hai mẹ con Dao Tiên đang ở ngụ.

7. *Tiên cứu*: bản *Hoa tiên* nguyên tác chép là *Tiên cứu*, bản nhuận sắc khác 卞 (nói), có thể do khắc lộn từ chữ *cứu* ra chữ *nói*.

8. *Cầm hịch*: cầm hịch chưa truyền xuống.

9. *Luống sinh*: uống sinh.

10. *Cát lằm*: cát bụi và bùn lầy, chỉ nơi chiến trường.

- Lậu khuya nước cạn canh trầm¹,
 Thôi lai láng tưởng lại thăm thì than.
 Ầi mây tin tức khe ngàn,
 Cửa bèo nênh nổi nhà lan lật lừa.
- 1085 Xiết bao phận mỏng như tờ,
 Nợ bình sinh, nổi tóc tơ chưa đền.
 Đêm đêm vừng nguyệt hoa đèn,
 Mai gầy guộc vóc, liễu đen ủ mây.
 Bể sâu càng vợi² càng đầy,
 1090 Đã đường kia lại nổi này mới ghê.
 Đình Ba từ trở lại về,
 Tiếng quyên đã gọi bóng hè theo xuân³.
 Diêu sinh thăm hỏi ân cần,
 Lấy ngày thi cử⁴ ép phần cháo thang.
- 1095 Sinh rằng: “Duyên kiếp dở dang,
 Thà thôi chi nghĩ đến đường công danh.”
 Dám thưa: “Dạy thế sao đành,
 Lầu ban sáu kỷ, song huỳnh mười thu.
 Lại gì cho trọng hơn ru,
 1100 Mà coi muôn dặm vân cù làm chơi.
 Gió bằng chín vạn bay khơi,
 Bất bình dầu việc tày trời cũng xong.”
 Nghe lời như dập cơn nông,
 Nhân kỳ phó cử⁵ quyết lòng tầm phương⁶.
- 1105 Sử kinh lại gắng nghiệp thường,
 Gấm hoa thêm cải, ngọc vàng thêm trau.
 Sắc thi vang dậy đâu đâu,
 Hồi trang sinh mới ruổi mau thuận dòng.
 Tôn sư án khảo vừa đông,
 1110 Viện cây sớm đã tỏ dòng nhật xanh.

1. *Canh trầm*: canh tàn.

2. *Vợi*: lấy bớt ra. Ý cũng như câu Kiều:

Sầu đông càng lắc càng đầy.

3. *Bóng hè theo xuân*: ý nói hết mùa xuân, sang mùa hè.

4. *Thi cử*: (*thi*: đua tài, *cử*: tiến cử lên) thi tài để đậu đạt và được tiến cử lên nhà vua bổ ra làm quan; ý nói đua tranh trong sự học hành.

5. *Phó cử*: (*phó*: đi thi, *cử*: tiến cử lên) đi thi để được tiến cử ra làm quan.

6. *Tầm phương*: tìm hoa thơm tức là tìm lại người yêu hiện cũng đang ở kinh đô.

Tán hòe vàng chợt xây càn,
 Trước sân vào gởi đẳng trình ra thi.
 Dạy rằng: “Mây gió gặp kỳ,
 Dây giao¹ này hội nam nhi vầy vùng.
 1115 Tiện cho Diêu đệ theo cùng,
 Hàn song phong nguyệt² gắng công sách đèn.
 Bảng thu³ chọi chọi đề tên,
 Tiện đường kíp lại ruổi liền hội xuân⁴.
 Đi về đường quần⁵ dưới chân,
 1120 Hãy cho ba tiếp trao lần nay mai⁶.
 Lĩnh lời lạy trước sân Lai,
 Diêu sinh đã hẹn cùng đời chân sang.
 Túi Ôn tráp Lý nhẹ nhàng,
 Đồ thư nửa mạn, phong quang đôi chèo.
 1125 Đòi nơi giốc sớm địch chiều,
 Bóng ngư mặt nước, tiếng tiều chân mây.
 Cảnh thanh trái mấy nào hay,
 Dấu phồn hoa thật nơi này Nam Kinh.
 Y kỳ đầu quyền đề danh,
 1130 Trận thu cờ trống đường thành một ai⁷.
 Mấy phen thử sức đua tài,
 Tỉnh nguyên giật giải tên bài Diệc Thương.
 Vòng năm Diêu cũng chen hàng,
 Gió đưa cờ tiếp pha sương nhật truyền.
 1135 Trái tuần yến ẩm lưu liên,
 Ích bay lại hướng đài Yên giống tàu.

1. *Dây giao*: do chữ *đẳng giao*, con rồng bay, nghĩa bóng tài hoa xuất chúng.

2. *Hàn song phong nguyệt*: trăng gió nơi song cửa lạnh của người học trò nghèo, là lời thú vị của kẻ chăm học với bạn hiền.

3. *Bảng thu*: bảng đề tên những người đậu kỳ thi Hương thường được mở ra về mùa thu.

4. *Bảng thu... hội xuân*: cả hai câu ý nói làm thế nào đậu được kỳ thi Hương để rồi vào thi tiếp thi Hội.

5. *Quần*: đeo đuổi (H.T.C).

6. *Đi về... nay mai*: ý nói đi về đường theo đuổi cũng không kể gì, miễn sao ba lần, ba trường đều trúng cả trong khi mong đợi nay mai.

7. *Y kỳ... một ai*: cả hai câu ý nói vào thi hai chàng Lương, Diêu đã đúng hạn nộp quyển và đề tên rõ ràng. Đi thi cũng như ra trận nào cờ trống, nào đường thành sự đổ đạt chưa biết về tay ai.

- Vui này dễ ngả sâu đâu,
 Nỗi riêng riêng chạnh đòi nau một mình.
 Đông về rõ biếc mơn xanh,
 1140 Núi gầy guộc vóc, sông quanh quất lòng¹.
 Phấn đề biếng giờ thi đồng,
 Thành xuân đã tỏ mây lồng thức năm.
 Hành trang vừa độ xa xăm,
 Mật sai kíp đã cho thăm việc nàng.
 1145 Chỉ nghe phảng phất tin Dương,
 Còn ai lưu lạc chưa tường biết nơi.
 Rẽ bèo chân sóng² tuyệt vời,
 Giận duyên xốc nổi (?), thương người bơ vơ.
 Việc thi nên cũng ơ hờ,
 1150 Cật ngày, Diêu nói tận từ mới nghe.
 Nảy tài nhả ngọc phun khuê,
 Nhẹ nhàng vẩy sóng³ sập sè cánh mây⁴.
 Đất bằng một tiếng sấm bay⁵,
 Hai sinh đề dự bốn ngày nguy khoa.
 1155 Truyền lô Lương lại Thám hoa,
 Diêu sinh Hoàng giáp cũng tòa á khôi.
 Phấn vua lộc nước hương trời,
 Muôn nghìn danh giá, năm mươi nhân duyên.
 Đá đưa thêm khảy tác phiên,
 1160 Chén trắng xưa đã nặng nguyên sá đầu.
 Vinh qui vừa định tuần sau,
 Vừa tin biên báo vội bầu quan sai.
 Diêu ra quan chính việc ngoài,
 Lương vào Hàn uyển thanh thời Ngọc đường.
 1165 Vườn sau trúc thạch sẵn sàng,

1. *Đông về... quất lòng*: hai câu này ý nói mùa đông trở về làm cho cây cối ố vàng không còn xanh tốt nữa, cả đến ngọn núi cũng xác xơ, dòng sông cũng quanh quất chảy làm nhiều khúc, tất cả đều ra vẻ tiêu tụy như chàng vậy.

2. *Rẽ bèo chân sóng*: Rẽ bèo bị chân sóng cuốn trôi đi, chỉ cánh lưu lạc trôi nổi.

3. *Vẩy sóng*: giương vẩy nhẩy lên nói cảnh cá vượt vũ môn, chỉ việc đua tài thi cử đậu đạt.

4. *Cánh mây*: cất cánh bay theo mây, nói cảnh rồng bay (*đăng giao*), chỉ việc thi đậu.

5. *Đất bằng... sấm bay*: do câu thơ “*Vũ môn tam cấp lãng, bình địa nhất thanh lôi*” (Vũ môn ba bậc sóng, đất bằng một tiếng sấm ran) chỉ việc thi đậu cao tiếng tăm vang dậy như sấm.

Liền công thợ đó là tường Tiên nha.
 Nàng từ tin ả truyền nhà,
 Nỗi mình nỗi khách biết là bao nhiêu.
 Trọn ngày khóa lạnh song thêu,
 1170 Nguyệt Hương biết ý dập dìu ra chơi.
 Trước hoa lần bóng hoa rời,
 Dưới lầu méch¹ bóng² trăng soi người sầu.
 Cảnh nào sẽ nhắc lòng đâu,
 Màng than tình mới thêm sầu nỗi xưa.
 1175 Ngàn mây, trắng bạc như tờ,
 Bóng dâu chéch chéch đã vừa ngang vai.
 Bờ sương đối tuyết bao nài,
 Nào ai ấm lạnh nào ai ngọt bùi³.
 Tưởng người chén nguyệt thể bồi,
 1180 Phòng đông vừa ý đã người nào thôi⁴.
 Ba xuân⁵ những chốn làm vui,
 Những hương những lửa những ai đó giờ⁶?
 Tiếng ve cao thấp gió đưa,
 Cách tường sinh cũng khi vừa dạo thanh⁷.
 1185 Cành trăng ngọn gió mong manh,
 Nhịp chầm dạ khách⁸, tiếng kinh⁹ đêm thu.
 Cảnh sầu như gheo người sầu,

1. *Méch*: làm cho chéch méch, đơn chiếc (H.T.C).

2. *Méch bóng*: lẻ bóng.

3. *Ngàn mây... ngọt bùi*: bốn câu này ý nói Dao Tiên nghĩ đến cha ở nơi xa xăm bờ sương dậm tuyết không có ai thay mình phụng sự.

4. *Tưởng người... nào thôi*: câu này ý nói Dao Tiên nhớ đến Lương sinh mà nghe tin nay đã gá nghĩa nhà họ Lưu (hỏi nàng Ngọc Khanh).

5. *Ba xuân*: do câu thơ của Mạnh Giao, đời Đường: “*Thùy vân thốn thảo tâm, báo đáp tam xuân huy*” (Ai bảo tấm lòng của tác cô, có thể báo đền được ánh sáng ba tháng xuân) ý nói đến công cha mẹ.

6. *Ba xuân... đó giờ*: hai câu này là ý nghĩ của Dao Tiên, nàng tự hỏi ai là người bây giờ làm vợ của Lương sinh để giúp chàng trong việc đền đáp công ơn cha mẹ và nối dõi tông đường, giữ gìn hương khói.

7. *Dạo thanh*: dạo mát dưới ánh trăng thanh.

8. *Nhịp chầm dạ khách*: nhịp của tiếng chày đập vải như đập vào lòng khách.

9. *Tiếng kinh*: (*kinh*: cá kinh. Tương truyền trong biển có con cá kinh, trên bờ có con bồ lao. Hễ con cá kinh mà đánh con bồ lao thì con bồ lao kêu to lắm, nên người ta mới tượng trưng bằng cách làm hình con bồ lao trên chóp chuông, còn cái chày thì làm hình con cá kinh để mỗi khi cầm chày đánh vào chuông thì chuông kêu vang to lên) tiếng chuông chùa.

Khi trần trọc đá, khi rầu rĩ cây.
 Nghĩ người mặt sóng chân mây,
 1190 Tiên thê đành để đến ngày tái sinh.
 Lỡ làng bèo nước lênh dênh,
 Ấy duyên phụ khách hay mình phụ duyên.
 Nào ta bẽ dạn non nguyên,
 Lòng nào chuông vạn ngựa nghìn¹ với ai.
 1195 Nỉ non đêm ngắn tình dài,
 Nguyệt kê bên triện², hoa rơi trước rèm.
 Cách hoa lặn ngấm bóng thiềm³,
 Mây lồng tha thướt làn xiêm một người.
 Áo đơn bụi lọt ngấn rơi,
 1200 Đào rầu rầu ủ, liễu hơi hơi gầy.
 Người xưa sẽ nhớ những ngày,
 Nguyệt Hương cũng đến chi đây lạ đời.
 Những là cách mặt khuất lời,
 Non Bồng⁴ diễn ngõ mấy mươi mươi trùng.
 1205 Đạo quanh núi giả đi vòng,
 Bên hoa đường có nẻo thông cuối tường.
 Hải văn lần bước bước sang,
 Cách tường đã dậy tiếng vàng xa đưa.
 Tưởng bây giờ là bao giờ,
 1210 Song song đôi mặt còn ngờ chiêm bao⁵.
 Bấy lâu mưa khóa gió rào,
 Ngoài muôn nghìn dặm biết bao nhiêu tình.
 Biết đâu hương lửa ba sinh⁶,
 Còn trăng còn gió còn dành duyên ta.

1. *Chuông vạn ngựa nghìn*: tức vạn chuông thóc, nghìn cỗ xe bốn ngựa, chỉ cảnh giàu sang cực độ.

2. *Nguyệt kê bên triện*: ánh trăng chiếu vào cái bao lơn tạc hình chữ triện trông như kê (tựa) vào đó.

3. *Bóng thiềm*: (thiềm: con cóc. Tương truyền Hằng Nga, sau khi lấy trộm thuốc tiên của chồng là Hậu Nghệ, uống vào thành tiên lên ở cung trăng và hóa ra con cóc).

4. *Non Bồng*: tức Bồng đảo, chỉ cảnh tiên.

5. *Đạo quanh... chiêm bao*: sáu câu này Nguyễn Thiệp đã lấy từ *Truyện Kiều* để nhuận chính lại truyện *Hoa tiên*.

6. *Hương lửa ba sinh*: do chữ *tam sinh hương hỏa*. Ông Tình Lang nằm chiêm bao đi chơi núi Bồng, thấy một ông sư thắp hương tụng niệm, hương khói lan tỏa. Tình Lang hỏi, nhà sư đáp rằng: "Lúc tôi khấn nguyện, nén hương này vẫn cháy, mà nay tôi đã chuyển sinh ba kiếp người rồi." Thường dùng để chỉ việc hôn nhân.

- 1215 Nhịp đàn đã lỡ lại hòa,
Mới là tơ vận, mới là nguyệt xoay.
Nàng nghe giọt tủi thêm đầy,
Cạn lời rồi lại giải bày tóc tơ.
Tài lang¹ nào phải như xưa,
1220 Minh sang duyên thắm thờ ơ² mọi đường.
Tiếc thay sương tuyết³ cũ càng,
Tơ duyên ai dở⁴ tự chàng mà thôi.
Thề hoa vì tiếng hơi hơi,
Vẫn ghi lòng kéo thẹn lời với hoa.
1225 Soi trông sẵn bóng trăng già⁵,
Ai ngờ vàng đá xảy ra cát lăm⁶.
Thôi duyên đâu nữa mà lăm,⁷
Nhện vương lại mấy tơ tầm nữa đây.
Bấy lâu một tấm riêng tây,
1230 Ái ân này đến đêm này là xong.
Lời thề dù hãy chút lòng,
Trên mồ một chén rượu trong cũng là.
Ngày thơm khúc mới xoang hòa⁸,
Đành tơ kia thắm, đành hoa nọ nồng.
1235 Giải lòng với mảnh trăng trong,
Tạ lòng vâng đã vâng lòng thế thôi.
Trước lơn so bóng⁹ lựa lời,
Trăng mờ hoa lặn, để rời khúc ngâm.
Gió thương mây thắm âm thầm,
1240 Đìu hiu ngọn liễu như dầm hạt mưa.
Chủ trương kia hỡi ông tơ,

1. *Tài lang*: chàng tài tử, đây chỉ Lương sinh.

2. *Thờ ơ*: không hề quan tâm tới, không hề có chút tình cảm gì.

3. *Sương tuyết*: về mùa thu, mùa đông mới có sương tuyết. Nghĩa rộng nói về năm tháng.

4. *Ai dở*: ai để dở dang.

5. *Trăng già*: tức Nguyệt lão, do điển *xích thành, tơ hồng*.

6. *Trăng già... cát lăm*: cả hai câu ý Dao Tiên muốn nói vầng trăng soi chung hai người lúc thề nguyện vẫn còn đó mà ai ngờ những hứa hẹn vàng đá nay đã hóa ra cát lăm.

7. *Lăm*: ước muốn.

8. *Xoang hòa*: (*xoang*: điệu đàn hát) hòa hợp nhịp nhàng.

9. *So bóng*: hai người đứng bên nhau bóng in trên mặt đất như so nhau dài ngắn.

- Nào ai gió lật trắng lừa¹ với ai.
 Nặng lòng son sắt một lời,
 Cầu Lam² hầu dễ biết nơi thăm dò.
- 1245 Cao dầy³ xin hãy chứng cho,
 Gặp đây biện chút duyên do họa (?) là:
 “Kể từ dinh liễu⁴ đời xa,
 Cửa Lưu khi ép⁵, đình Ba khi tìm⁶.
 Bắc Nam dậm tắt đường chen,
 1250 Vì ao bèo nổi mây chìm⁷ bấy lâu.
 Nấm xương mai sá nghĩ đâu,
 Nghĩ chẳng những nghĩ nhầm nhau tại mình.
 Hay đâu cơ hội còn dành (?),
 Gác Đằng⁸ lại rủ gió thanh đem đường.
- 1255 Buổi này họp mặt tròn gương⁹,
 Mới hay rằng có lửa hương¹⁰ kiếp này.
 Nhân sao nặng nợ nơi đây ?
 Những sao, nông nổi bấy nay dạy cùng.”
 Càng nghe càng một náo nùng:
- 1260 “Ai hay ai cũng còn lòng chữa quên.
 Tình kia nào phụ chi duyên,
 Gió dun mưa dấy¹¹ cho nên cố nào.

1. *Gió lật trắng lừa*: gió trắng lừa lật ý nói những hứa hẹn dưới trăng đã không còn giữ được, đã bị lừa gạt.

2. *Cầu Lam*: điển *Lam kiều*, chỉ nơi tiên ở (xem chú thích câu 339).

Cả câu này ý nói làm sao thăm dò được nơi ở của Dao Tiên.

3. *Cao dầy*: trời cao đất dầy, chỉ trời đất.

4. *Dinh liễu*: nhà quan, chỗ ở cũ của Dao Tiên.

(Người *dinh liễu* được đặt đối với người *quê mùa* (H.T.C).)

5. *Cửa Lưu khi ép*: ý nói đến việc bị ép phải đính hôn với Lưu Ngọc Khanh.

6. *Đình Ba khi tìm*: khi trở lại đình Ba, chỗ ở cũ của Dương công để tìm Dao Tiên.

7. *Bèo nổi mây chìm*: (*mây chìm*: bóng mây in hình trên mặt nước trông như chìm xuống) tức bèo mây nổi chìm, chỉ cảnh lưu lạc gian khổ.

8. *Gác Đằng*: đây chỉ dịp may. Xem chú thích câu 738.

9. *Tròn gương*: trăng tròn.

10. *Lửa hương*: ý nói nhân duyên vợ chồng. Xem chú thích câu 1213.

11. *Gió dun mưa dấy*: tức gió dun mưa dấy cũng như gió cuốn mây đem do câu *vân bằng phong dẫn* nghĩa là nhờ có gió mới đem được mây đi. Thường dùng để ví duyên trời sui khiến hai người gặp nhau.

- Sự mình kể hết tiêu hao ¹,
 Đã đành chiếc bách sóng dào lênh dên.
 1265 Thương ôi muôn dặm Trường thành ²,
 Xa xôi nào thấu dữ lành tin hơi.
 Xót lời nên mới ngỏ lời,
 Gặp nhau cùng khách quê người biết nao.
 Sinh nghe lòng thấm như bào ³,
 1270 Lẽ trời đã quyết dạ nào đành ninh ⁴.
 Bụi Hồ một trận quét thanh,
 Công nên may được duyên lành cũng nên.
 Càng xui *cảm kích* ⁵ cần quyền ⁶,
 Ngành than ngọn thở dưỡng quên bóng đời.
 1275 Giục khuya hoàn cũng rĩ lời:
 “Chốn lâu trang nọ tiếng người nghe đông.”
 Biệt ly ai vẽ nên lòng,
 Càng mau giọt tủi, càng nồng tấm thương.
 Kể về người lại sánh đường,
 1280 Liền tay chép biểu ⁷ tan sương lên châu.
 Lăm qua chuẩn doãn lời tâu,
 Cờ sai gươm giáp mặc dầu tiện nghi.
 Lệnh trao ruổi phát tức thì,
 Tinh binh mười vạn thuộc tùy trăm viên.
 1285 Bệ từ vâng chỉ đặc truyền,
 Âm âm ngựa (?) gác xe chen khái hành.
 Mịt mù bãi cát đôi tranh,
 Cùng nhau khi nặng lời tình quản bao.
 1290 Truy quân ⁸ quá đất lằm vào thành không.

1. *Tiêu hao*: (*tiêu*: nêu, *hao*: tin tức) tin tức chiếc bách sóng dào (*bách*: gỗ bách, *dào*: lớn). Chiếc thuyền bằng gỗ bách ở giữa sóng lớn, ý nói đến cuộc đời sóng gió gian truân của người con gái.

2. *Muôn dặm Trường thành*: tức Vạn lý trường thành, nơi cửa ải xa xôi mà Dượng công phải đóng quân dẹp giặc.

3. *Lòng thấm như bào*: lòng son đau xót như bào.

4. *Dạ nào đành ninh*: (*đình ninh*: dặn đi dặn lại cặn kẽ) dạ nào chẳng đành ninh, ghi nhớ lấy những lời dặn cặn kẽ.

5. *Cảm kích*: trong lòng có điều sở cảm mà kích phát lên.

6. *Cần quyền*: ân cần và gắn bó.

7. *Chép biểu*: chép tờ tấu trình nhà vua.

8. *Truy quân*: đuổi theo quân giặc.

Pháo đầu hội phục dùng dùng,
 Bốn bên giáp đánh ba vòng bọc quanh.
 Một hai tin lũ tán binh ¹,
 Đồn rằng Lương đã liệu mình trong quân.
 1295 Miếu đường ² hiểm lẽ xử phân,
 Hành biên ³ lại chọn trọng thần ⁴ chỉ huy.
 Tiện nghi các việc biên thù,
 Vận lương Diêu cũng tức thì thấy ra.
 1300 Mới hay mợ trú Tiền nha,
 Vấn an tiện thể cáo qua lên đường.
 Việc biên nói chuyện tin Lương ⁵,
 Chức sau Hương đã rõ ràng tai nghe.
 Liền vào gởi trước hương khuê,
 Nghe tin nàng những ê dề ⁶ đòi cơn ⁷.
 1305 Vật mình khóc lóc thở than,
 Quyết ngay nào sá lời can lẽ nài.
 Vì ai cho lụy đến ai,
 Thà liều mệnh bạc kéo sai chữ đồng.
 Cháo cơm chẳng đựng quyết lòng,
 1310 Nguyệt đà ⁸ cạn lẽ riêng chung nần nì.
 Chiềng rằng: “Đâu đã vậy thì,
 Dầu liều đâu nữa ích gì đấy chẳng.
 Tình kia bể núi thật rằng,
 Tình kia song lại nhắc ⁹ bằng hiếu kia.
 1315 Gìn mình ngọc, tạc lòng bia ¹⁰,
 Mới là hai lẽ phân chia lưỡng tuyền.”
 Chấp mê nàng đã đầu tin,
 Gỡ dần Hương lại đứng bên rén bày:

1. *Tán binh*: lính thua trận chạy tán loạn.

2. *Miếu đường*: tôn miếu nhà vua, triều đình.

3. *Hành biên*: đi tuần nơi biên giới, đi dẹp giặc nơi biên giới.

4. *Trọng thần*: vị quan có chức quyền lớn ở triều đình.

5. *Tin Lương*: Tin Lương sinh đã liệu mình trong quân.

6. *Ê dề*: đau đớn lắm.

7. *Đòi cơn*: nhiều cơn.

8. *Nguyệt đà*: Bích Nguyệt đã.

9. *Nhắc*: nâng vật gì trong tay để ước lượng nặng nhẹ bao nhiêu, có nghĩa như cân.

10. *Tạc lòng bia*: ghi nhớ mãi trong lòng không bao giờ quên như tạc vào bia vậy.

“Đào kia mà trả mạn này,
 1320 Có chẳng đợi chút một giây ông về.
 Cho phu nhân chút hủ hê,
 Ven tròn lúc ấy chi hê dám ngăn.”
 Êm lời nàng cũng giãn dần ¹,
 Ngày lễ ôn sảnh bữa tuần khói hương.
 1325 Nghe tin chẳng biết nỗi nàng,
 Dặm xa lại nỗi đài Lương ² ở nhà.
 Những mừng dịch tiếp từng ba ³,
 Vừa nghe trần thỉnh ⁴ xe đà hành biên.
 Lại nghe những sự ngoa truyền,
 1330 Xót lòng luống những xây phiền đắp thương.
 Thực hư ai biện cho tường,
 Lễ chiêu ⁵ tuần điện ⁶ lệ thường thiếu đâu.
 Cuộc đời chữa đến bể dâu,
 Bỗng không mua nảo chác sầu mà chơi.
 1335 Tiếng oan dậy đất lở trời,
 Tin đưa Lưu cũng xa xôi mà chùng.
 Ngọc Khanh biết nỗi ngại ngần,
 Đổi mùi xiêm trắng, kém cân cơm vàng.
 Xót vì hoàn ⁷ cũng khuyên nàng,
 1340 Dấu dây đứt, nối ⁸ là thường nghĩ nao.
 Thấy lời oanh yến ⁹ xôn xao,
 Càng chan giọt thấm, càng bào lòng son.
 Rằng: “Cương thường ¹⁰ nặng núi non,
 Hãy còn vũ trụ là còn di luân ¹¹.

1. *Giãn dần*: nguôi dần nỗi đau khổ trong lòng.

2. *Đài Lương*: chỉ Lương công.

3. *Dịch tiếp từng ba*: (*dịch*: trạm dịch đưa phát công văn, *tiếp*: tin báo thắng trận) từng ba lần tin trạm báo thi đậu.

4. *Trần thỉnh*: trần tình để thỉnh nguyện, trình bày để xin với nhà vua.

5. *Lễ chiêu*: lễ chiêu hồn.

6. *Tuần điện*: (*điện*: tiến cúng) tuần cúng cơm cho người chết.

7. *Hoàn*: a hoàn, đầy tớ gái.

8. *Dây đứt, nối*: dây đàn bị đứt, lại đem nối lại, ý nói đến việc chồng chết thì lại lấy chồng khác.

9. *Lời oanh yến*: lời bàn tán chuyện cưới xin (oanh yến ví với trai gái, vợ chồng).

10. *Cương thường*: tam cương, ngũ thường.

11. *Di luân*: (*di*: đạo thường, *luân*: nhân dân) cũng như *luân thường* (những điều thường hợp với đạo lý mọi người nên theo).

- 1345 Vẻ chi một mảnh hồng quần¹,
 Chúa hoa đành đã đông quân² đấy rồi.
 Thôi thôi đã vậy thì thôi,
 Cũng liều má phấn cho rồi³ ngày xanh.
 Hóa công có thiệt chi mình,
- 1350 Treo gương trinh bạch rành rành cho coi.
 Màng bao giấy mỏng thói đời⁴,
 Đợi tuần ráo cỏ⁵ chê cười như không.
 Dẫu rằng mòn núi cạn sông,
 Gương này quyết chẳng soi chung với người.
- 1355 Ở nên lòng, nói nên lời,
 Gớm thay cái mặt con người vô lương.”
 Mấy lời tạc đá ghi vàng,
 Mối manh ai dám độc đường⁶ nữa đâu.
 Duyên kia thôi vậy cũng dẫu,
- 1360 Nợ kia ai lại làm rầu rĩ ai.
 Ngày xuân lo những thiệt thòi,
 Phu nhân vội đã toan bài ép duyên.
 Lễ đưa truyền lại dẫn dền,
 Tước bình⁷ thử mở xem tên ai vào.
- 1365 Họ Lam có một người nào,
 Nghe tin sai mối lại trao chỉ hồng.
 Một lời gấn bó vừa xong,
 Biết đâu đã hẫng như lòng cho chưa.

1. *Hồng quần*: quần đỏ. Tục xưa con nhà sang trọng, con gái hay mặc quần điều nên trong văn chương thường dùng chữ đó để chỉ con gái.

2. *Đông quân*: thần mùa xuân còn gọi là *chúa đông* hay *chúa xuân*. Mùa xuân thuộc mộc về phương đông nên gọi chủ mùa xuân là *đông quân*. Nghĩa bóng chỉ người chồng hoặc ông vua.

3. *Cho rồi*: cho xong, cho dứt hẫng.

4. *Giấy mỏng thói đời*: nói thói đời đơn bạc (mỏng như tờ giấy).

5. *Tuần ráo cỏ*: sách *Kim cổ kỳ quan* chép rằng Trang Chu một hôm đi chơi ở ngoài đồng nội gặp một người đàn bà mặc đồ tang lấy quạt quạt một nắm mồ. Hỏi thì người ấy bảo là chồng lúc sắp chết có dặn, nếu muốn lấy chồng khác thì hãy chờ cho cỏ xanh ở mồ héo hết đã. Vì lẽ đó tôi mới quạt cho đất mau khô để cỏ chóng héo.

6. *Độc đường*: tự tiện một mình quyết định mà không hỏi đến Ngọc Khanh.

7. *Tước bình*: do chữ *trí bình xạ tước*, bắn trúng chim sẻ vẽ ở bình phong.

Ngày xưa, Đậu Nghi vẽ con chim sẻ ở bình phong, bảo hễ ai bắn được trúng mắt con chim thì gả con gái cho. Lý Uyên tức vua Đường Cao Tổ bắn trúng và cưới được vợ. Về sau Đường Cao Tổ lập con của Đậu Nghi làm hoàng hậu. Nghĩa bóng chỉ việc hỏi vợ hoặc kén rể.

- Đòi nàng khuyên nhủ bây giờ,
 1370 Rén thưa thoát đã tuôn mưa đôi hàng.
 Ngập ngừng nàng lại gởi chiềng:
 “Yếu thơ bồ liễu¹ lỡ làng tóc tơ².
 Phận sao phận bạc như tờ,
 Sinh thành nợ trả bao giờ được đâu.
 1375 Bên đường nắm cỏ rầu rầu,
 Mặt nào quên nảo khuây sầu với ai.
 Dầu sao cũng một thân người,
 Dung cho chiếc gối trọn đời mới cam.”
 Lời ngay dễ trái dạ tham,
 1380 Lấy lời nửa mặt³ coi làm trăm năm.
 Chúc nên mối những mừng thầm,
 Lại đem trời bể mà cầm giàu sang.
 Uốn mềm hết tác khoe khoang,
 Trái tai nàng mới kể tường gần xa:
 1385 “Nói chi những sự người ta,
 Nghĩ mình nên chữa hay là chẳng nên.
 Chữ trinh là phận thuyền duyên⁴,
 Ôm cầm ấy lại qua thuyền⁵ nào ru?
 Nỗi mình riêng những thẹn thò,
 1390 Lại mang lấy tiếng ná trò⁶ mà chơi”.
 Phu nhân nghe hết mọi lời,
 Rằng: “Sao đã biết những nơi chuyện ngoài.
 Duyên này chẳng được bàn dai,
 Nhẹ đem vàng đá mà coi làm thường.
 1395 Thiếp canh⁷ truyền hãy phó sang⁸,

1. *Bồ liễu*: thứ cây thù dương, cành mềm trông có vẻ yếu ớt nên được dùng để chỉ thể chất yếu mềm của phụ nữ.

2. *Tóc tơ*: tức kết tóc xe tơ, chỉ việc hôn nhân.

3. *Lời nửa mặt*: do chữ “*bán diện chi từ*” là lời nói của người mới quen.

4. *Thuyền duyên*: (*thuyền* hoặc *thiên*: dáng tốt đẹp, *duyên*: đẹp tốt) dáng đẹp dễ thương, dùng để chỉ người phụ nữ xinh đẹp có duyên.

5. *Ôm cầm... qua thuyền*: ôm cầm mà bước sang thuyền của người khác tức là lấy chồng khác.

6. *Ná trò*: (ná: 那 : gì, sao) trò gì kỳ lạ.

7. *Thiếp canh*: thiếp có đề tên tuổi người cầu hôn.

8. *Phổ sang*: đưa tới.

Sợ sùng¹ gởi trước dài trang bước vào.
 Trắng già lật lọng² hay sao,
 Cầm dây cả quyết xe vào khéo xinh.
 Gây dưng dám nghĩ sinh thành³,
 1400 Biết duyên mình biết phận mình thế thôi.
 Hiếu trình riêng những gồm đôi,
 Ở nhà hãy trước, nghĩa người thì sau.
 Phận mà ra vậy cũng dầu,
 Nghĩ người đáy giếng thang lâu⁴ chẳng dưng⁵.
 1405 U minh⁶ đôi ngả khơi chừng,
 Một niềm sắt đá thấu chẳng hời tình.
 Gọi là một chút bố kinh⁷,
 Nợ lòng phải trả đến mình⁸ mới xong.
 Duyên tơ đã kết dải đồng⁹,
 1410 Bèo mây ước chữ tương phùng kiếp sau.
 Nỗi riêng càng nghĩ càng đau,
 Tấm riêng thôi cũng mặc dầu gió trắng.
 Nghĩ đi nghĩ lại ngập ngừng,
 Ngọc xôi hạt tấm, hương lũng mớ xây¹⁰.
 1415 Lầu khuya vắng vẻ ai hay,
 Lăn nghe vắng vắng canh chầy điểm ba¹¹.
 Vườn sau đóng chặt then hoa,
 Đè chừng sông cái ruổi pha¹² một mình.
 Khóc than ti tỉ (?) cuối ghềnh,

-
1. *Sợ sùng*: có nghĩa như *sượng sùng*, chỉ vẻ hổ thẹn, chai cứng mặt.
 2. *Lật lọng*: ý nói thay đổi ý kiến lừa dối người ta.
 3. *Sinh thành*: sinh đẻ và nuôi cho nên người, nói đến công ơn của cha mẹ.
 4. *Người đáy giếng, thang lâu*: người tự tử hoặc nhảy xuống giếng hoặc nhảy thang lâu ở tầng cao xuống.
 5. *Chẳng dưng*: không phải bỗng dưng không có lý do.
 6. *U minh*: (*u*: tối, *minh*: sáng) tức là âm phủ và dương gian.
 7. *Bố kinh*: do chữ *kinh thoa bố quần* là cái thoa bằng cỏ gai, cái quần bằng vải, chỉ người vợ hiền. Theo điển xưa: nàng Mạnh Quang, vợ Lương Hồng đời Hậu Hán, tuy lấy chồng sang trọng mà chỉ dùng đồ tầm thường ấy.
 8. *Trả đến mình*: phải đem thân mình ra để trả nợ.
 9. *Dải đồng*: dải đồng tâm.
 10. *Ngọc xôi... mớ xây*: cả câu ý nói Ngọc Khanh trang điểm ngọc bóng từng hạt, áo quần từng mớ sức hương thơm (làm ra vẻ không còn đau buồn nữa).
 11. *Điểm ba*: điểm canh ba.
 12. *Đè chừng... ruổi pha*: phồng theo hướng... đi mau như chạy.

- 1420 Giãi lòng với nước, dè tình với trăng.
 Tiếc đời chi nữa cũng rằng,
 Dầu mà có thác cầm bằng không sinh.
 Há rằng chác¹ tiếng mua danh,
 Sao cho phải phận sự mình thì cam.
- 1425 Trông vời trời bể mệnh mang,
 Dem thân băng tuyết² gửi hàm giao long.
 Bất tình chi bấy hóa công,
 Cho người lấy mảnh má hồng làm chi.
 Người hạnh nghĩa³, khách dung nghi⁴,
- 1430 Làm cho trâm gãy gương lìa mới thôi.
 Mệnh mang bể khổ sóng dồi,
 Biết rằng phúc thiện có trời nữa không.
 Có quan Đề học⁵ họ Long,
 Hồi kinh vừa gặp thuận dòng thấy qua.
- 1435 Tiếng người lãnh lãnh nghe xe,
 Kíp tìm thủy thủ bỏ chà⁶ vớt xem.
 Trước thuyền trau chuốt màu xiêm,
 Gạn tường⁷ mới giải mọi niềm sâu nông.
 Thoát thôi quan mới ướm lòng,
- 1440 Khen rằng: "Tiết sạch danh trong thật là.
 Tiếc thay trong ngọc trắng ngà,
 Nỡ hoài chi để trôi hoa giạt bèo⁸.
 Rừng thiền⁹ cõi tịnh là nhiều,

1. Chác: chuốc lấy.

2. Thân băng tuyết: tấm thân còn trong trắng như băng như tuyết.

(Thúy Kiều thì đã "thừa xấu xa" không còn băng tuyết nữa nên câu 2672 phải phiên âm là "Trước hàm rồng cá gieo môi vắng tanh" không thể phiên âm là "băng tinh" hoặc "thủy tinh" được.

3. Hạnh nghĩa: có đức hạnh nghĩa khí.

4. Dung nghi: có sắc đẹp đoan trang.

5. Đề học: chức quan coi việc học trong một tỉnh.

6. Bỏ chà: bỏ những cành cây hoặc cành tre xuống sông để làm thành hàng rào ngăn cản lại, cấm rào ngang sông.

7. Gạn tường: hỏi đến cùng để biết rõ mọi chuyện.

8. Trôi hoa giạt bèo: ý nói đến cảnh lưu lạc của người phụ nữ.

9. Rừng thiền: (thiền: do chữ Phạn dyana tức thiền na có nghĩa là yên lặng) dịch từ chữ thiền lâm có nghĩa là chùa. Đạo Phật lấy sự thanh tịnh làm gốc nên gọi cửa chùa là thiền môn, thầy chùa là thiền gia, ngôi chùa là thiền đường.

Sạch mình chi lọ là liễu với ai.

1445 Đem mình mà trả nghĩa người,
 Để công chín chữ¹ thiệt thòi đến đâu.
 May đây bèo nước² gặp nhau,
 Thôi thì Hợp Phố cho châu lại về³.”

 Lặng nghe giọt ngọc dầm dề,
 1450 Lay thôi mới kể tỉ tê sự mình:
 “Trẻ thơ đội đức sinh thành,
 Sớm khuya ai dễ dứt tình được đâu.
 Ông tơ lật lọng lừa nhau,
 Hai mình nên phải ngậm sầu bước ra.

1455 Gốc phần⁴ dù lại dạo qua,
 Cành vin chẳng kéo bẻ hoa tay người⁵.
 Lại toàn tro tráo với đời,
 Thà cho sóng bạc để rồi ngày xanh.
 Muôn vãn tạ chút hậu tình,

1460 Hẹn này may có lai sinh là còn.
 Rồi đây đáy vực ngọn nguồn,
 Mặc cho bụng cá lại chôn mày ngài.⁶”
 Yêu vì nết, trọng vì người,
 Phu nhân lại dạy đến lời đa mang⁷.

1. *Chín chữ*: tức *chín chữ cù lao*: sinh (cha sinh), cúc (mẹ đẻ), phủ (vỗ về), dục (nuôi cho khôn lớn), cố (trông nom), phục (quần quít), phủ (nặng nhấc), súc (nuôi cho lớn), phúc (bồng bế), chỉ công khó nhọc của cha mẹ đối với con.

2. *Bèo nước*: do chữ *bèo thủy tương phù*ng, bèo nước gặp nhau; đất khách gặp nhau.

3. *Hợp Phố châu về*: ý nói trả về lại cho gia đình. Đời Hậu Hán đất Hợp Phố thuộc về quận Giao Chỉ (nước ta) là đất có hạt châu nhiều. Vì quan lại người Trung Quốc bắt dân ta phải đi mò trai lấy hạt châu nên những người dân làm nghề này bỏ đi ở chỗ khác cả. Khi Mạnh Thường làm thái thú, sửa bỏ lệ cũ, người dân làm nghề mò hạt châu lại trở về Hợp Phố. (Ta thường truyền rằng những con trai có hạt châu tự nhiên bỏ đi nơi khác rồi sau lại trở về, đó chỉ kể lại theo dị đoan).

4. *Gốc phần*: chỉ quê hương vì ở thôn quê thường trồng cây phần và cây du; cũng gọi chỗ thôn quê là *phần du*.

5. *Gốc phần... tay người*: hai câu ý nói nếu có trở lại quê nhà thì sẽ bị ép gả qua tay người khác.

6. *Mày ngài*: do chữ *nga my* - lông mày con gái đẹp như râu con ngài; đây dùng để chỉ người con gái đẹp.

7. *Đa mang*: (*đa*: nhiều, *mang*: rối) nguyên nghĩa làm nhiều việc là rối cả lòng, sau được dùng để chỉ sự dè dặt thêm. Ở đây có nghĩa là *cưu mang* nuôi thêm làm con cái trong nhà.

1465 “Thân già vì chút muộn màng,
 Mới hay máy tạo tuần hoàn dành cho.
 Trăm năm dan díu nghĩa vò¹,
 Mai sau trông cây già nua được dành.
 Rồi ra lá kệ phiếu kinh,
 1470 Mặc tiêu sái² đấy cho thanh thả đời”.
 Ôn lòng dám nhẽ lược lời³,
 Ta từ thôi thoát thuyền xuôi bến nào.
 Nhà Lưu kinh hải biết bao,
 Mơ màng đón hỏi xôn xao sai tìm.
 1475 Đầu duềnh⁴ cuối bãi lần xem,
 Khác chi đáy bể mò kim⁵ hững hờ⁶.
 Nàng đành được chốn nương nhờ,
 Khéo là khóc vắn thương vợ nức cười.
 Tiếc thay ngán ngẩm cho đời,
 1480 Cái vòng con tạo⁷ khéo chơi lững lờ.
 Người còn đôi mắt trơ trơ,
 Bên mê thủy quốc⁸, bên ngờ vân hương^{9,10}.
 Vàng thau ngọc đá mơ màng,
 Để cho ố thắm phai vàng là đây.
 1485 Máy thu¹¹ tên đá¹² bởi bởi,
 Biết đâu sinh hỷ trong vây giữ gìn.
 Võ về lẽ khích lời khuyên,

1. Nghĩa vò: tình nghĩa con nuôi. Xem thêm chữ *minh linh* trang...

2. Tiêu sái: (tiêu: mất đi, sái: rảy nước, không bó buộc) khí tiết thanh cao không dính với trần tục.

3. Lược lời: chối lời.

4. Đầu duềnh: đầu vụng sông hoặc vụng biển.

5. Đáy bể mò kim: cái kim ở đáy biển khó tìm được thế mà vẫn cố tìm.

6. Hững hờ: không dè, không ngờ (H.T.C).

7. Cái vòng con tạo: ý nói đến sự xoay vần của con tạo (mượn hình ảnh từ cái bàn xoay của người thợ đồ gốm làm ra các đồ vật).

8. Thủy quốc: thủy cung, cõi dưới nước, cũng như nói *cung nước* (câu 1544).

9. Vân hương: cõi trên mây. Cũng như nói *làng mây* (câu 1544).

10. Người còn... vân hương: hai câu này ý nói Lương sinh và Ngọc Khanh vẫn còn sống thế mà bên này ngỡ đã về *thủy quốc*, bên kia ngỡ đã về *vân hương*.

11. Máy thu: mấy năm. Lương sinh mới bị vây mà đã mấy năm sao? Chắc là mấy tháng mùa thu.

12. Tên đá: do chữ *thi thạch* là mũi tên và hòn đá. Đời xưa chỉ dùng tên và đá để đánh giặc; tên dùng cung mà bắn, đá dùng cần vọt để phóng đi xa.

Đắp cao lũy nghĩa, chống bền giậu trung.
 Tính lương¹ Hồ những để rông²,
 1490 Chắc rằng cá lưới chim lồng vọi dàu.
 Dằng dai bạng duật³ bao lâu,
 Bóng ô hè giục sang thu đã chầy⁴.
 Diêu từ ruỗi tới ải mây⁵,
 Tin Lương biết hăy trong vây đã mừng.
 1495 Hiềm vì thống tướng non lưng⁶,
 Đóng quân kín lũy cầm chừng chẳng sai.
 Lĩnh quân Diêu cũng quyết bài⁷
 Đặc truyền tức khắc hàm mai tiền hành⁸.
 Đêm khuya liếc thấy binh tình,
 1500 Ngọn cờ ngan ngác, trống canh trể tràng.
 Phá kiêu⁹ nghi cũng dễ dàng,
 Đóng dinh¹⁰ kíp thảo hai trương mật bài¹¹.
 Hẹn cho giờ sủu¹² đêm mai,
 Dấu cờ hiệu súng trong ngoài giáp công¹³.
 1505 Lên nơi cao phụ¹⁴ đứng trông,
 Mũi mảy¹⁵ thuận gió một phong¹⁶ bắn vào.

1. *Tính lương*: tìm cách hãm lương thực không cho tiếp tế.

2. *Để rông*: buông lỏng, không xiết chặt việc canh phòng.

3. *Bạng duật*: (*bạng*: con trai, *duật*: con cò) do câu chuyện bạng duật tương trì, con cò mổ con trai bị con trai kẹp chặt lấy mỏ, hai con cứ dằng co nhau không bên nào chịu thua. Đây dùng để nói quân Lương và rợ Hồ cứ dằng co đánh nhau mãi.

4. *Bóng ô... đã chầy*: cả câu ý nói cuộc bao vây kéo dài đã lâu hết mùa hạ đông sang mùa thu lâu rồi. Như ý câu này thì “mấy thu” ở câu 1485 có thể hiểu là mấy tháng mùa thu.

5. *Ái mây*: ải xa, cao trên núi trông như có mây phủ.

6. *Non lưng*: ý nói ít quân không đủ lực để tấn công.

7. *Quyết bài*: quyết liệu phương cách giải vây.

8. *Đặc truyền tức khắc hàm mai tiền hành*: (*hàm mai*: ngậm tằm, *tiền hành*: đi lạng lẽ) truyền lệnh đặc biệt phải lập tức yên lặng tiến quân (giữ cho thật bí mật).

9. *Phá kiêu*: phá rợ Hồ.

10. *Đóng dinh*: đóng dinh trại.

11. *Mật bài*: bức thư bày tỏ kế hoạch bí mật giải vây.

12. *Giờ sủu*: khoảng từ 1 giờ đến 3 giờ đêm.

13. *Giáp công*: hai bên đánh kẹp lại.

14. *Cao phụ*: gò cao.

15. *Mũi mảy*: đầu nhọn của mũi tên, tức mũi tên.

16. *Một phong*: một phong thư.

Lương vừa khuya tựa trướng sao ¹,
 Thấy tên nẩy xuống nộp vào trình xem.
 Phong thư vẹn vẻ còn in,
 1510 Mở coi thật dấu chữ em những ngày.
 Chư quân ² trông ngóng lâu nay,
 Biết mưu mài cánh day tay ³ đợi truyền.
 Lũy Dương gần cũng thông tin,
 Hội binh một khắc giải liền hai nơi.
 1515 Khác chi hùm cũi ra ngoài,
 Ấy là thoát tội đoạn rồi lập công.
 Thừa cơ lò lửa mũi lông ⁴,
 Quán kinh vỏi vỏi, bụi hồng lằng lằng ⁵.
 Thanh bình một biểu tâu dâng,
 1520 Thảnh thơi yên khấu ⁶, chân nưng khải hoàn ⁷.
 Gia thư nhẹ ruối chân nhàn ⁸,
 Tin lành sớm đã lọt màn Tiền nha.
 Vân Hương vào trước chiềng qua,
 Nổi thân nổi nghĩa như hoa nở lòng.
 1525 Gánh sầu cất nhẹ như không,
 Càng xem tin báo càng mong độ về.
 Thương canh ⁹ lẫn dịch giống khuya,
 Tổ tường bản đạo ¹⁰ kéo về kinh đô.

1. *Trướng sao*: trướng căng ở bên ngoài dưới trời sao.

2. *Chư quân*: (*chư*: các) các quân sĩ.

3. *Mài cánh day tay*: ý nói chuẩn bị sẵn sàng ra đánh.

4. *Lò lửa mũi lông*: do chữ *hỏa tốc* và *vũ hịch*. Tờ hịch phát đi gấp có găm một cái lông. Đây ý nói việc phá vòng vây phải làm gấp rút để cho địch bị bất ngờ mà không kịp chống cự.

5. *Quán kinh ... lằng lằng*: (*kinh*: loài cá voi, loài cá lớn ở ngoài biển, thường được dùng với *ngạc* tức kinh ngạc để chỉ bọn giặc cướp) cả câu ý nói thầy giặc chất đồng cao thành từng lớp, nơi chiến trường đã sạch bụi hồng, ý nói chiến thắng rồi thái bình đã trở lại.

6. *Yên khấu*: (*khấu*: dây yên ngựa) yên cương. *Thảnh thơi yên khấu*: thảnh thơi lên ngựa đã thắng yên cương trở về.

7. *Khải hoàn*: (*khải*: hát mừng thắng trận) quân thắng trận hát vang trở về.

8. *Chân nhàn*: chân nhạn, nhắc đến chuyện Tô Vũ khi bị đày đi chăn dê ở một nơi cùng tịch đã buộc một phong thư vào chân con nhạn để báo tin về cho vua Hán biết mình còn sống. Đây ý nói thư nhà được sớm đưa về tới nơi.

9. *Thương canh*: chim oanh. (*Kinh Thi*: *Thương canh vu phi* = chim thương ca, ý nói bạn oanh yến lứa đôi, nghe chim oanh kêu giục tình đôi bạn).

10. *Bản đạo*: đạo quân chính của Dương công và Lương sinh.

1530 Rong mây¹ một hội nghìn thu,
 Gác Đường vẽ mặt²; yển Chu thỏa lòng³.
 Người tài lược⁴, kẻ tinh trung⁵,
 So vào công tái⁶ đều phong liệt hầu⁷.
 Dõi cho⁸ thế tập⁹ về sau,
 Rành rành khoán núi, lâu lâu thư sông¹⁰.
 1535 Móc mưa¹¹ nhuần đượm chập chùng,
 Bể sôi chợ họp người trong sảnh đường.
 Rước mừng tân hữu¹² rõ ràng,
 Có Lưu công tử anh nàng Ngọc Khanh.
 Mới vâng ẩm bổ¹³ phó kinh¹⁴,
 1540 Đến mừng nhân kẻ ngọn ngành sự em.
 Dầu khi vui cũng chạnh niềm,
 Chứa cam tình nợ lại thêm nghĩa này.
 Lửa hương¹⁵ nào đã chi đây,
 Mà liêu cung nước làng mây¹⁶ hỡi người.

1. *Rong mây*: do chữ *vân long phong hổ* là khi theo rồng bay có mây theo, khi cọp chạy có gió, lấy nghĩa vật loại và khí tượng cảm nhau, dùng điển ấy ví vua được kẻ tài giỏi.

2. *Gác Đường vẽ mặt*: vua Đường Thái Tôn cho vẽ tượng những bề tôi có công cứu nước ở gác Lăng Vân.

3. *Yển Chu thỏa lòng*: vua nhà Chu bày yến tiệc và ban thưởng cho các công thần (*Kinh Thi*, thiên *Lộc minh*).

4. *Tài lược*: kẻ có tài thao lược (*lục thao tam lược* là những phép đánh giặc được nói trong bộ sách *Binh thư* của ông Hoàng Thạch Công).

5. *Tinh trung*: lòng trung thành rất mực.

6. *Công tái*: sách ghi chép công trạng của các tài giỏi.

7. *Liệt hầu*: sắp vào hàng tước hầu (tước thứ nhì trong năm tước: công, hầu, bá, tử, nam). Theo chế độ nhà Hán thì con tước vương được phong hầu gọi là *chư hầu* còn những người có công được phong hầu gọi là *liệt hầu*.

8. *Dõi cho*: chó được hưởng nối tiếp đời đời.

9. *Thế tập*: (*thế*: đời, *tập*: di truyền xuống đời sau) tước vị đời cha ông truyền lại cho con cháu.

10. *Khoán núi... thư sông*: (*khoán*: tờ ghi công, *thư*: sự ghi chép công) những sự ghi chép công huân cùng vững bền lâu dài như sông núi.

11. *Móc mưa*: ví ân vua ban xuống cho dân ai cũng được hưởng như mưa móc thấm nhuần khắp cây cỏ.

12. *Tân hữu*: (*tân*: khách; *hữu*: bạn) quan khách và bạn bè.

13. *Ẩm bổ*: (*ẩm*: ơn trạch hay quyền thế của cha ông để cho con cháu được nhờ) lấy chân ẩm sinh bổ làm quan (phải sát hạch).

14. *Phó kinh*: (*phó*: đi đến) đến kinh đô nhận chức vụ.

15. *Lửa hương*: tức hương lửa, ý nói đến việc nhân duyên. Xem thêm chú thích *hương lửa ba sinh*.

16. *Cung nước làng mây*: nói đến việc Ngọc Khanh tự trầm, cũng như *thủy quốc*, *vân hương*.

- 1545 Khố¹ tình mang nặng nghìn đời,
Đỉnh chung² hầu dễ ăn ngồi được đâu.
Tiếc hoa ngần ngại nét sầu,
Vừa khi Dương tướng thôi hầu vào chơi.
Việc gì dường khác vẻ vui,
1550 Thấy lời sinh lại rạch rời duyên do.
Thương tình mà ngậm ngùi cho,
Rằng: “Danh tiết ấy thơm tho ai bì.
Sao không tâu đến đàn trì³,
Họa là tình ấy chút gì trả nhau.”
1555 Nghe lời vội thảo bản tâu,
Vào trong tiệp điện⁴ buổi sau tiến trình.
Gương trời soi rõ mảnh tình,
Vẽ lòng lá sắc⁵, tạc danh biển vàng⁶.
Chàng đà vẹn vẽ cương thường⁷,
1560 Thung dung lại phán truyền Dương sự nhà.
Thêm phong⁸ khúm núm tâu qua:
“Hiếm hoi một gái tuần đà thêm hai⁹.
Những là rong ruổi cõi ngoài,
Phòng xuân¹⁰ nên hãy còn cài cửa thoi¹¹.”

1. *Khố tình*: tình kết thành khố. Do tích: người con gái phải lòng một người lái buôn rồi nhớ thương mà chết. Khi cải táng thấy trong bụng một cục rắn đập không vỡ. Khi người lái buôn nghe tin, tới viếng, thấy vậy thương cảm khóc, nước mắt rơi vào cục đó liền tan ra huyết mất.

2. *Đỉnh chung*: (*đỉnh*: cái vạc, *chung*: cái chuông) do chữ *chung minh đỉnh thực*.

Ngày xưa bên Trung Quốc những nhà sang trọng đến bữa ăn thường đánh chuông mời khách và để vạc ở giữa cùng ăn. Nghĩa bóng nói sự giàu sang có chức vị.

3. *Đàn trì*: (*đàn*: đỏ, *trì*: thêm) thêm đỏ, chỉ chỗ vua ở hay nhà vua.

4. *Tiệp điện*: điện vua ở sau chánh điện, thường là chỗ các quan chờ để vào chầu vua hoặc nơi vua thay áo.

5. *Lá sắc*: tờ chiếu chỉ của vua khen tấm lòng trinh tiết của Ngọc Khanh.

6. *Biển vàng*: bức biển sơn son thếp vàng chạm mấy chữ vua khen sự tiết hạnh hay là trình liệt.

7. *Cương thường*: tam cương và ngũ thường, ý nói giữ trọn được đạo nghĩa.

8. *Thêm phong*: (*phong*: cây phong về mùa thu lá đỏ, trồng ở nơi cung điện nhà vua) thêm trong cung vua.

9. *Thêm hai*: gần hai mươi tuổi.

10. *Phòng xuân*: phòng của người con gái còn trẻ tuổi.

11. *Cài cửa thoi*: cài cửa ở nơi phòng canh cửa.

1565 Năm mây¹ xuống chiếu rạch rồi,
 Dao Tiên truyền kíp sánh đôi cùng chàng.
 Tạ ơn cùng xuống điện vàng,
 Vội mừng nào đã kịp đường nghĩ xa.
 Về dinh thăm thía sự nhà,
 1570 Đành người cố nghĩa, nào ta chí tình.
 Rèm tương² việc hãy rành rành³,
 Nào đà kết cỏ⁴ ngậm vành⁵ chi đâu.
 Vì ai cho thiệt thời nhau,
 Ấy ai dứt được mối sầu cho đang.
 1575 Chẳng cầm sắt⁶ cũng tao khang⁷,
 Nối dây⁸ thế chẳng vội vàng chút nao.
 Gặp nhau chín tuổi khi nào,
 Luống thêm then mặt trông vào với ai.
 Duyên kia đã nặng thề bồi,
 1580 Thân kia trong mấy thu trời quán đâu.
 Nghĩ duyên càng khấy tơ sầu,
 Nghĩ thân càng lại thêm đau đớn tình.
 Sang chơi vừa gặp Diêu sinh,

1. *Năm mây*: nói về chiếu của nhà vua. Ngày xưa cho rằng mây ngũ sắc đem lại điều lành. Tống sử có câu: “*Ngũ sắc vân hiệu*”= năm sắc mây hiệu. Nghĩa bóng nói về đời thái bình, nói về vua hoặc nói về thi đỗ.

2. *Rèm tương*: do chữ *tương liêm* là rèm tre, rèm trúc. *Tương trúc*: cây trúc, cây tre ở bên bờ sông Tương (thuộc tỉnh Hà Nam) có thứ trúc đốm đẹp.

3. *Việc hãy rành rành*: việc Ngọc Khanh tự trầm mình còn rành rành ra đó. Cả câu ý nói đến việc Ngọc Khanh tự trầm mà liên tưởng tới việc hai bà vợ vua Thuận tự trầm ở sông Tương.

4. *Kết cỏ*: báo ơn sau khi chết.

Theo tích Ngụy Khảo người nước Tấn thời Xuân Thu cho người thiếp của cha mình đi lấy chồng không đem chôn theo cha. Sau Khảo đánh với Đỗ Hôi, nước Tấn, có cha của người thiếp, ông cha ấy cứ kết cỏ làm cho vương chân con ngựa của Đỗ Hôi khiến Đỗ Hôi bị Khảo giết chết.

5. *Ngậm vành*: cũng nói về sự cảm ơn sau khi chết. Theo tích Dương Bảo thời Đông Hán bắt được một con chim sẻ bị thương, đem về nuôi đến khi nó khỏe rồi thả ra. Về sau có một đứa trẻ mặc áo vàng cầm bốn cái vòng ngọc đến nói tạ ơn.

6. *Cầm sắt*: ý nói vợ chồng hòa hợp nhau như đàn cầm và đàn sắt hòa nhịp với nhau.

7. *Tao khang*: (*tao*: cảm, *khang*: tấm) ý nói người vợ đã lấy mình từ lúc nghèo hèn đã chịu cực khổ chung với mình (ăn cảm ăn tấm) thì không thể bỏ được. Tích ông Tống Hoàng.

8. *Nối dây*: ý nói Ngọc Khanh mới chết mà lại lấy ngay Dao Tiên.

Thở than Lương mới kể rành khúc nôi ¹.
1585 Dám thưa: “Anh đã sai rồi,
Chấp kinh ² dường ấy ra hơi trần trần ³.
Tình phu phụ ⁴, nghĩa quân thân ⁵,
Trong ba cương ⁶ ấy xem phần nào hơn.
Tôi con chút phận lờn bờn ⁷,
1590 Nếu dồi dẳng ⁸ lại ra lờn cợt ngay.
Bản khoán xuân cỗi huyên gây ⁹,
Tám nguyên hữu thất ¹⁰ đến rày chưa nguôi.
Mặc người tựa cửa ¹¹ hôm mai,
Cầm lòng vì chút nghĩa người thế ru.
1595 Sợ khi đương bể mà dâu ¹²,
Hiếu tình lại dở dang nhau mặc lòng.
Nghĩa kia đành tạc núi sông,
Biển vàng may thế chữ đồng cũng cân.
Dù chẳng dứt gỡ tơ trần,
1600 Đành rồi lập miếu ¹³ phong phần ¹⁴ về sau.
Ấy lời tâm phủ ¹⁵ cùng nhau,
Tình sao chọ được trước sau vẹn nghì ¹⁶.
Tung bùng sấm sủa lễ nghi,

1. *Khúc nôi*: (hoặc *khúc nhôi*) nỗi niềm tình cảnh.

2. *Chấp kinh*: (*chấp*: giữ, *kinh*: đạo theo khi thường) cầm giữ theo đạo thường.

3. *Trần trần*: trơ ra, ỳ ra.

4. *Phu phụ*: vợ chồng.

5. *Quân thân*: vua và cha tức vua tôi và cha con.

6. *Ba cương*: tức *tam cương* là ba mối: vua tôi, cha con, vợ chồng.

7. *Lờn bờn*: loài cá mình dẹt, miệng méo. Nghĩa bóng là chịu lép một bề.

Ca dao: *Thà rằng chịu lép lờn bờn một bề*.

8. *Dồi dẳng*: diên dãn, trễ tràng, chiều theo sự thế, không quyết ý, còn do dự ((H.T.C)).

9. *Xuân cỗi huyên gây*: ý nói cha già và mẹ yếu.

10. *Tám nguyên hữu thất*: tám lòng mong ước cho con cái thành gia thất.

11. *Người tựa cửa*: chỉ người mẹ.

Lấy tích mẹ Vương tôn giả thời Chiến Quốc nói với con rằng: “*Mày đi buổi sớm mẹ tựa cửa mong; mày đi buổi chiều mẹ tựa cửa ngóng.*”

12. *Đương bể mà dâu*: (*bể... dâu* do chữ *tang thương*) đương là biển xanh mà hóa ra ruộng dâu, ý nói đến cuộc biến đổi lớn ở đời.

13. *Lập miếu*: lập đền để thờ.

14. *Phong phần*: (*phong*: đắp, *phần*: mộ) xây đắp phần mộ.

15. *Lời tâm phủ*: lời thành thực xuất ra từ lòng dạ.

16. *Vẹn nghì*: trọn vẹn tình nghĩa với nhau.

1605 Đào phen xanh trỗi¹, hoa kỳ thắm sây².
 Rõ ràng một cuộc vui vầy,
 Đủ lễ nạp thái³ định ngày nghinh hôn⁴.
 Sen nở đuốc⁵, quế in son⁶,
 Vang lừng nhạc phủ⁷, vuông tròn gấm phong.
 1610 Dưới đèn lộng vẻ song song,
 Ngọc quang⁸ bảo đới⁹, sương lồng hà chi¹⁰.
 Trai tài gái sắc ai bì,
 Doanh Châu¹¹ ấy khách Dao Trì¹² nọ tiên.
 Đã người mới lại người quen,
 Kể sao cho xiết tình duyên bấy giờ.
 1615 Càng thêm cuốn chỉ ghép tơ,
 Đã đành cá nước¹³ duyên ưa một nhà.
 Gió đưa lời cánh bay xa,
 Vừa Long đề học thuyền đà tới kinh.
 Rõ nghe thay thấy các tình,
 1620 Bia xây¹⁴ (?) lại thấy biển tình¹⁵ chữ bày.
 Đòi nàng ngỏ dạy trước đài,
 Cùng làm một biểu đến mai dâng châu.

1. *Đào phen xanh trỗi*: (*phen*: lúc, buổi, *trỗi*: hơn lên) cây đào đang khi xanh tốt cành lá.

2. *Hoa kỳ thắm sây*: (*sây*: phủ đầy, sai) hoa đang thời kỳ đỏ thắm. Câu 1605 là dịch theo ý câu: “Đào chi yêu yêu, xước xước kỳ hoa, chi tử vu qui, nghi kỳ thất gia (cành đào non mơn mớn, hoa thắm sây rực rỡ, nàng ấy về nhà chồng, nên cửa nên nhà) trong *Kinh Thi*.”

3. *Nạp thái*: (*nạp*: nộp, *thái*: chọn) lễ dẫn đồ cưới tục gọi là lễ bỏ trầu.

4. *Nghinh hôn*: lễ rước dâu.

5. *Sen nở đuốc*: hoa sen đỏ như cây đuốc.

6. *Quế in son*: hoa quế nở đỏ chói như được in son.

7. *Nhạc phủ*: khúc nhạc ở trong nội phủ.

8. *Ngọc quang*: ngọc sáng.

9. *Bảo đới*: đai áo có nạm châu báu.

10. *Hà chi*: chén rượu quý, đựng trong chén ngọc.

11. *Doanh Châu*: một trong ba hòn đảo ở Bột Hải, tương truyền là nơi có tiên ở.

12. *Dao Trì*: (*Dao*: tên một thứ ngọc, *trì*: ao) ao bằng ngọc, chỗ bà Tây Vương Mẫu ở.

13. *Cá nước*: cá gặp nước. Vua tôi gặp nhau như cá gặp nước. Lưu Bị nói với Trương Phi và Quan Vũ: “*Ta gặp được Khổng Minh cũng như cá gặp nước.*” Nghĩa rộng nói hai người gặp nhau một cách tương đắc.

14. *Bia xây*: tấm bia xây để làm kỷ niệm. Tấm bia này đã được nhắc lại trong câu 1632: “*Rằng: Như bia ấy sắc kia phụ gì*”.

15. *Biển tình*: biển treo để biểu dương.

Nàng nghe ren rén cúi đầu:
 “Bọt bèo dám động cao sâu thêm nhàm.
 1625 Rủi may chẳng kéo lứa đăm¹,
 Đã đành duyên ấy lại cam phận nào.
 Vả là hư thực biết bao,
 Ấy ai biết được âm hao² cho đành.
 Sao bằng mình sạch lấy mình,
 1630 Mặc ai lạt nghĩa mặn tình nghi chi.”
 Cạn lời ông lại gạt đi,
 Rằng: “Như bia ấy³ sắc kia phụ gì.
 Dẫu rằng vội chốn kết nghi,
 Là vâng ngọc chỉ⁴ dám phi tặc tình.
 1635 Ví xưng xưng⁵ quyết lấy mình,
 Xuân đâu hai lão⁶ phỏng đành đấy chẳng.
 Ngẫm cơ ghênh Thái⁷ gác Đàng⁸,
 Hay đâu là chẳng xích thẳng sẵn xe⁹.
 Cạn lời bắn bật lạng nghe,
 1640 Tạ từ liền dạo gót về hiên sau.
 Tan sương vừa buổi ban châu,
 Biểu văn Long đã quì tâu sân đền.
 Khen rằng: “Này thật thiên duyên¹⁰,
 Ngọc Khanh nay độ Ngọc Liên¹¹ chi nhường.”

1. *Lứa đăm*: lứa đôi.

2. *Âm hao*: (âm: tiếng, hao: tin tức) tin tức.

3. *Bia ấy*: chữ *bia* ở câu này cho ta thấy được chữ *bia* xây ở câu 1620 là đúng hơn bài *phường*.

4. *Ngọc chỉ*: tờ chiếu chỉ của vua.

5. *Xưng xưng*: không có mà nhất quyết cái là có, cũng như *khăng khăng*.

6. *Xuân đâu hai lão*: ý nói cha mẹ đâu có còn trẻ gì nữa, đã già cả rồi.

7. *Thái*: dùng điển Lý Bạch khi đi thuyền đến sông Thái Thạch, nhân thấy bóng trắng dưới lòng sông bèn nhảy xuống để ôm lấy rồi có con cá kinh đến rước đi mất nên người sau gọi Lý Bạch là *Hải Thượng kỳ kinh khách* (khách cưỡi kinh trên bể). Có thể Lý Bạch đã bị ngã xuống sông mà mất tích nhưng người đời đã tô điểm thêm.

8. *Gác Đàng*: chuyện Vương Bột gặp may nhờ gió đưa đến gác Đàng.

Xem chú thích câu 1254.

9. *Ngẫm cơ... sẵn xe*: cả hai câu ý nói ngẫm cơ sự thì thấy Ngọc Khanh đã không bị chết đuối mà lại được cứu thoát rồi gặp lại người cũ, như thế chẳng phải là duyên trời đã xe sẵn.

10. *Thiên duyên*: duyên trời.

11. *Ngọc Liên*: *Tình sử* chép rằng Ngọc Liên, con gái họ Tiên, góa chồng lúc còn trẻ, mẹ ép tái giá, liều chết để giữ tiết với chồng.

- 1645 Đòi Lưu công tử xem tường,
Đầu mày cuối mắt rõ ràng chẳng nhe.
 Ông tơ quanh quẩn mới kỳ,
 Trả ơn mưa móc, đền nghì trúc mai¹.
 Cửa Lương truyền lại sánh đôi,
- 1650 Đậm đà tình trước, đền bồi nghĩa sau.
 Cùng ban một phẩm ngang nhau,
 Các chu môn liệt mỗi đầu chính phong².
 Ngửa vâng ơn sóng trùng trùng,
 Hai bên khấu tạ³ sân phong⁴ ra về.
- 1655 Lòng hoa khắp khởi đôi bề,
 Vội vàng vào trước hương khuê ngỏ lời.
 Nhơn nhơn nét phấn thêm tươi,
 Dĩ dang⁵ kể hết đầu đuôi sự mình:
 “Tưởng rằng trong đạo thường tình,
- 1660 Thân bồ⁶ hãy lấy chữ trinh làm lễ.
 Hay đâu sống thác chẳng nề,
 Nỗi niềm nghĩ lại mà ghê gớm đời.
 Nghìn thu âu hãn một người,
 Ấy ai lại dám xem ai làm thường.
- 1665 Vả vì chút nghĩa cũ càng,
 Dấn mình vào áng chiến trường với nhau.
 Làm cho liễu ủ đào rầu,
 Trăm năm để một gánh sầu cho ai.
 Vì tôi để thiệt đến người,
- 1670 Nghĩ mình, mình chẳng ngậm ngùi lăm ru!
 Đành rằng nát ngọc chìm châu⁷,
 Ai ngờ trong cõi Diêm phù⁸ thấy nhau.

1. *Trúc mai*: hai thứ cây trong bộ tứ quý (mai, lan, cúc, trúc) mà người đời thường quý trọng vì khí tiết, tư cách nên hay dùng tượng trưng cho nghĩa bè bạn và tình vợ chồng.

2. *Chính phong*: phần chủ yếu trong *Kinh Thi* ca tụng đức hạnh của phụ nữ ở trong bà Thái Tự vợ Chu Văn Vương.

3. *Khấu tạ*: cúi đầu lạy tạ.

4. *Sân phong*: sân trong cung điện nhà vua, nơi có trồng nhiều cây phong.

5. *Dĩ dang*: nói nhỏ nhẹ, sẽ sàng kể.

6. *Thân bồ*: thân bồ liễu, ví với thân người phụ nữ mềm mại, yếu ớt.

7. *Nát ngọc chìm châu*: nói tấm thân ngà ngọc đã bị chìm mất rồi.

8. *Diêm phù*: (tiếng phạn là Jumba) tức là cõi trần (đối với cõi tiên, cõi Phật).

Cả câu ý nói ai ngờ trên cõi trần này còn thấy được nhau.

Ấy là máy tạo nhiệm mầu,
 Duyên xưa tròn trặn, ân sau đền bồi.
 1675 Bây giờ lằm cát mặc người,
 Vinh hoa riêng lấy một đời hay sao.
 Khi ăn nói, lúc ra vào,
 Nghĩ nguồn cơn ấy làm sao cho đành.”
 1680 Máy lời sắt đá đình ninh,
 Khúc tầm đem mối tơ tình gỡ ra.
 Sấm sanh giục mở tiệc hoa,
 Quán huyền¹ lừng lẫy, trâm thoa rỡ ràng.
 Xe châu trăm lượng² chen hàng,
 Tiệc xuân Đồng tước³ bằng đường là đây.
 1685 Hội đào xưa đã lại rày,
 Hoa thêm vẻ gấm, ngọc vẩy đoàn tiên.
 Xem nhau trân trọng muôn nghìn,
 Chút nào dám để thẹn duyên Châu Trần⁴.
 Bâng khuâng hoa đóa trắng vằng,
 1690 Đã cung đàn nọ, lại vãn thơ kia.
 Xét cho công khóa⁵ đi về
 Nguyệt Hương cũng được dự bề tiểu tinh⁶.
 Nhà yên vừa dịp nước bình,
 Hai sinh đều gửi đàn đình⁷ vinh qui⁸.

1. *Quán huyền*: (*quán*: ống sáo, *huyền*: dây đàn) gọi chung các nhạc khí: sáo, đàn, âm nhạc.

2. *Xe châu trăm lượng*: xe có trang hoàng hạt châu nhiều tới trăm cỗ. (*lượng*: cỗ xe).

3. *Đồng tước*: mượn ý câu thơ của Đỗ Mục (đời Đường): “*Đồng tước xuân thâm tỏa nhị Kiều*” (nói về việc Tào Tháo xây đài Đồng tước, đánh Ngô định bắt hai cô gái con Kiều quốc lão về để ở đó) để nói đến việc Lương sinh sẽ cùng hai vợ đẹp là Dao Tiên và Ngọc Khanh sống chung một nhà.

4. *Châu Trần*: tên hai họ cùng ở một làng đời đời kết thông gia với nhau, sau được dùng để chỉ những cuộc nhân duyên xứng hợp.

5. *Công khóa*: những công việc khi vào học phải làm gọi là *công*, những bài học trò phải học gọi là *khóa*, gọi chung là *công khóa*.

Ở đây có nghĩa là mức độ công lao.

6. *Tiểu tinh*: (*tiểu*: nhỏ, *tinh*: sao).

Kinh Thi: *Tuệ bĩ tiểu tinh tam ngũ tại đông* (sáng thay ngôi sao bé nhỏ kia, ba ngôi, bảy ngôi tại phương đông). Phận vợ bé thấy sao mới vào hầu hạ chồng, chưa lặn đã phải đi ra. Trên trời nhiều sao nhưng chỉ có một mặt trăng cũng như đàn ông nhiều hầu nhưng chỉ một vợ mà thôi. Nghĩa bóng chỉ vợ lẽ.

7. *Đàn đình*: (*đàn*: son, *đình*: sân) sân nhà vua.

8. *Vinh qui*: vẻ vang trở về quê hương.

- 1695 Cắm hoàn¹ một lá hồng kỳ²,
 Lương thì hồi lão³, Diêu thì hoàn nhân⁴.
 Diêu đường Dương nhạc hai thân,
 Viện lễ Diêu cũng biểu trần minh nông⁵.
 Phát phơ điểm phấn trang hồng,
 1700 Tơ buồng ngọn liễu, hương lồng vó câu.
 Mảng vui cờ cuộc rượu bầu,
 Cầm bên bóng nguyệt, ca đầu ngàn thung⁶.
 Tiện đường thủy đạo thung dung,
 Con thuyền lại thuận một dòng nước xuôi.
 1705 Chiều ai hoa cỏ đua tươi,
 Tiếng gà đâu đã gọi người cố nhân.
 Hương bay muôn dặm tử phần⁷,
 Tràng Châu nay đã gần gần tới nơi.
 Người đón rước, kẻ mừng vui,
 1710 Ghé thuyền sinh cũng tiện dờn đến chơi⁸.
 Phủ Diêu tiệc ngọc phô bày,
 Mây lồng cờ mở, hương bay chén kèo⁹.
 Động phòng¹⁰ kim bảng¹¹ lần theo
 Khi vui kể hết bao nhiêu là tình.
 1715 Đài Dương về chốn Ba đình,
 Tiệc vui cũng rước hai sinh sang nhà.

1. *Cắm hoàn*: (*cắm*: áo gấm, *hoàn*: về) mặc áo gấm trở về làng, ý nói về vang đối với mọi người.

2. *Hồng kỳ*: lá cờ đỏ vua ban để về vinh quy.

3. *Hồi lão*: về hưu dưỡng già.

4. *Hoàn nhân*: làm tròn việc nhân duyên.

5. *Minh nông*: (*minh*: làm sáng tỏ, *nông*: chính sách trọng nông của nhà vua) xin về hưu để lo việc đồng áng, làm nghề nông.

6. *Thung*: chữ 椿 đọc là *thung* cho hợp vần. Cây xuân.

7. *Tử phần*: (*tử*: cây thị, *phần*: cây phần) cây tử, cây phần hay trồng ở thôn quê nên gọi chỗ quê hương là *tử phần*.

8. *Người đón... đến chơi*: hai câu này ý nói khi đến Tràng Châu, biết bao nhiêu người vui mừng đón rước nên tiện đường Lương sinh cũng ghé vào thăm nhà Diêu sinh.

9. *Chén kèo*: chén mời.

10. *Động phòng*: (*động*: hang động, *phòng*: căn buồng) cái buồng sâu kín tức là phòng cô dâu chú rể mới cưới.

11. *Kim bảng*: do câu *kim bảng đề danh*, ai thi đỗ, tên được ghi lên bảng vàng. Tục nước ta xưa, thi đỗ tiến sĩ được đề tên lên bảng vàng có vẽ rồng. Nghĩa rộng chữ bảng vàng là thi đậu.

Rõ ràng cưỡi ngựa xem hoa ¹,
 Tin về đã đến sai nha ² đệ chiềng.
 Một nhà đôi dạ thắm thương ³,
 1720 Sấm sanh xe ngựa sẵn sàng trước sau.
 Ngọn cờ mây rợp thôn dâu ⁴,
 Bồng Lai xe hạc ⁵ Dương Châu lưng tiên ⁶.
 Tiếng thom dậy đất sấm rền,
 Cửa Lưu ⁷ xa cũng nhật truyền tin sang.
 1725 Tắc riêng mừng rỡ trăm đường,
 Nhặt tanh chuyện cũ bằng đường đã quên ⁸.
 Kiệu hoa giục giao rước liền,
 Đành theo tình mới cho đến lối xưa ⁹.
 Mảnh lòng xuân trời huyên tư ¹⁰,
 1730 Rước mừng chẳng bận tóc tơ mọi điều ¹¹.
 Đoàn viên ¹² một tiệc gấm thêu,
 Cúc đầy với chén, cầm diu dặt cung.

1. *Cưỡi ngựa xem hoa*: chỉ cái vinh dự của người đậu đại khoa được cưỡi ngựa xem hoa ở trong vườn Thượng uyển.

2. *Sai nha*: thơ lại hoặc lính lệ ở trong nha môn để sai phái.

3. *Đôi dạ thắm thương*: chỉ cha mẹ thương con thắm thiết.

4. *Thôn dâu*: do chữ *tang tử* (cây dâu và cây thị).

Kinh Thi có câu: "*Duy tang dữ tử, tất cung kính chi*", ý nói cây tang, cây tử là của cha mẹ trồng, mình nhớ đến nó thì sinh lòng cung kính. Sau vì thế mà có *tang tử* là nơi quê nhà.

5. *Bồng Lai xe hạc*: chỉ cảnh xe ngựa sung sướng như tiên ở chốn Bồng Lai.

6. *Dương Châu lưng tiên*: chỉ cảnh giàu có như ở Dương Châu. Chuyện xưa kể rằng: Có ba người nói chuyện với nhau: người thứ nhất ước 10 vạn quan tiền, người thứ nhì ước được cỡi hạc bay lên tiên chơi, người thứ ba ước được làm quan Thái thú Dương Châu (nơi phồn hoa đô hội nổi tiếng). Cả ba còn đang bàn cãi xem ai sướng hơn thì có người thứ tư biết vậy mới xen vào mà ước có 10 vạn quan tiền giết lưng, cưỡi hạc bay tới Dương Châu. Cả ba người kia đều phải cho người thứ tư này là sướng nhất.

7. *Cửa Lưu*: chỉ nhà cha mẹ Ngọc Khanh.

8. *Tắc riêng... đã quên*: hai câu này nhắc lại chuyện ép duyên xưa của cha mẹ Ngọc Khanh nay đã được quên đi mà vui vẻ trong lòng.

9. *Kiệu hoa... lối xưa*: hai câu này nói nhà họ Lưu cũng đem kiệu hoa đến rước Lương sinh và Ngọc Khanh và cũng vui vẻ mừng rỡ theo tình mới để mong đến bồi lối xưa.

10. *Xuân trời huyên tư*: ý nói lòng cha mẹ như tươi vui hẳn lại.

11. *Mảnh lòng... mọi điều*: lòng cha mẹ đối với con và rảnh trong lúc rước mừng đã chẳng bận chút thắc mắc gì về chuyện ép duyên ngày trước.

12. *Đoàn viên*: (đoàn: hội họp lại, viên: đầy đủ) hội họp đầy đủ mọi người trong gia đình.

Đòi phen cợt thắm cười hồng,
 Ngọc lung lay động, hương nồng nả rơi ¹.
 1735 Phong quang ² cả bốn mùa trời,
 Gió đưa hương rước, trăng mời tuyết khuyen.
 Phồn hoa ³ bõ thuở truân chiên ⁴,
 Đã gương phúc hậu, lại nền hiển vinh.
 Ngửa vâng chiếu phượng ⁵ rành rành,
 1740 Lại đem bảo quyển ⁶ phó kinh ⁷ lên châu.
 Buồm quan ⁸ một lá khơi sâu ⁹,
 Siêu thăng thoát đã đứng đầu Nam nha ¹⁰.
 Quan châm ¹¹ chút chẳng sai ngoa,
 Lộc trời chuông vạc ¹² gánh nhà quân dân.
 1745 Gió thu gọi dạ tử phần,
 Biểu từ lại lấy tỉnh thân ¹³ làm lễ ¹⁴.
 Rõ ràng áo gấm lại quê,
 Gót câu lông khấu ¹⁵, bánh xe êm bồ ¹⁶.

1. *Đòi phen ... nồng nả rơi*: hai câu này tả cảnh Lương sinh cùng hai vợ là Dao Tiên và Ngọc Khanh cùng sum họp vui vầy, khi cười phấn khi cợt son đã diễn nên những cảnh diễm tình lung lay ngọc và nồng nả hương.

2. *Phong quang*: nói cái cảnh đẹp của một nhà vinh diệu vẻ vang.

3. *Phồn hoa*: cảnh xa xỉ náo nhiệt, đây ý nói đến cuộc sống xa hoa sung sướng chẳng thiếu thốn gì.

4. *Truân chiên*: (*truân*: khó khăn, *chiên* hoặc *chuyên*: khó đi, không bước tới được) khó khăn vất vả.

5. *Chiếu phượng*: chiếu chỉ của nhà vua.

6. *Bảo quyển*: gia quyển, nói tôn xưng ai.

7. *Phó kinh*: (*phó*: đi tới) đi lên kinh đô.

8. *Buồm quan*: chỉ người làm quan vì người ta thường ví kẻ làm quan như người vượt biển, gặp nhiều nỗi bất trắc (quan trường vì thế được gọi là *hoạn hải*).

9. *Khơi sâu*: ý nói rộng và sâu (*hoạn*: làm quan).

10. *Nam nha*: Lý Phụ Quốc đời Đường làm quan Binh bộ Thượng thư hay ngồi trong tòa nhà hướng nam để làm việc nên *Nam nha* được dùng để chỉ tòa Binh bộ.

11. *Quan châm*: lời răn cho kẻ làm quan. *Quan châm* xưa có ba điều: *thanh* (trong sạch), *cẩn* (siêng năng), và *thận* (cẩn thận).

12. *Chuông vạc*: do chữ *chung đỉnh*, ý nói cảnh giàu sang phú quý.

13. *Tỉnh thân*: (*tỉnh*: hỏi thăm có bình an không, *thân*: cha mẹ) thăm hỏi cha mẹ.

14. *Gió thu... làm lễ*: hai câu ý nói nhân gió thu, chàng nhớ đến quê nhà, chàng bèn dâng sớ xin vua về thăm cha mẹ cho đúng lễ thói.

15. *Gót câu lông khấu*: (*câu*: con ngựa non) cưỡi ngựa thong thả đi tay lông dây cương.

16. *Bánh xe êm bồ*: (*bồ*: bồ xa, xe dùng cỏ bồ khô bao quanh bánh xe cho êm) ngồi xe có quần cỏ bồ ở bánh cho êm.

- 1750 Mạch văn¹ còn dỗi dòng nho,
 Hùng bi mấy giấc² đã phô điềm lành.
 Sởn sơ lan huệ³ trổi cành⁴,
 Lễ thi cứ phép cửi canh giữ lễ.
 Tình ân nhớ đủ mọi bề,
 Ký thân Long khố⁵, kết nghì Diêu môn⁶.
 1755 Phúc thường rủ đến nhi tôn,
 Bảng vàng theo nếp cửa son dỗi đời.
 Gót nguồn⁷ bàn lại mà chơi,
 Phong quang hai chữ côi đời ai không.
 Lấy tình gặp gỡ là xong,
 1760 Trước sau vẹn một chữ tông mới ghê.
 Khi nhàn chấp chảnh lời quê,
 Gác câu tình dục, theo bề hiếu trinh.
 Di luân⁸ sáng để rành rành,
 Chớ đem ca xướng⁹ làm khinh làm thường.
 1765 Nôm na đỡ chút canh trường,
 Giở tư đạo lại vài đường sẽ hay.

1. *Mạch văn*: dòng văn chương.

2. *Hùng bi mấy giấc*: (*hùng*: gấu, *bi*: con bi, *giấc*: giấc mộng).

Kinh Thi có câu : “*Duy hùng duy bi*”. Nằm chiêm bao thấy gấu là điềm sinh con trai.

3. *Lan huệ*: hai thứ hoa thơm, thường được dùng để ví với bậc giai nhân tài tử hay bè bạn tốt.

4. *Trổi cành*: cành lá tươi tốt nảy mầm đâm lộc.

5. *Ký thân Long khố*: (*khố*: cửa nhà) kết thân với nhà họ Long.

6. *Kết nghì Diêu môn*: kết nghĩa với nhà họ Diêu.

7. *Gót nguồn*: đầu đuôi, trước sau.

8. *Di luân*: (*di*: đạo thường, *luân*: nhân luân) luân thường.

9. *Ca xướng*: ý nói đến truyện *Hoa Tiên* là một *ca bản*.

KHẢO DỊ

Chúng tôi đã theo bản *Nôm Hoa tiên nhuận chính* của Đỗ Hạ Xuyên cho khắc in năm Tự Đức thứ 28 (1875) để phiên âm ra Quốc ngữ.

Bản phiên âm này có một số chữ khác với bản phiên âm của Nguyễn Văn Tố và bản phiên âm của Đào Duy Anh, chúng tôi xin ghi lại ở phần *Khảo dị* để các độc giả tiện kiểm tra khi xem bản chữ Nôm được in từ trang 329 đến trang 403.

Có một số chữ Nôm bị khắc sai hoặc bị in mờ chúng tôi chỉ đoán đọc được thôi, chưa chắc đã đúng hẳn, chúng tôi có ghi thêm dấu hỏi ở bên cạnh (?) để các độc giả tiện tra cứu.

- 14. Giúp trong Diêu thị *khuôn nghi* (NVT)
- 17. Phương Châu biểu tự *Lâm* Thương (N)
- 18. *Văn chương* khác giá, từ *chương toát* loài (NVT)
- 29. *Hạn* phong lưu để nợ nần (NVT)
- 33. Gửi qua xẩm *lắm* xuống lầu (NVT)
- 42. *Khác* nào *nhường* dấu thư hương mặc lòng (NVT)
- 45. Rượu tiêu thơ *thần* mặt duềnh (ĐDA)
- 46. Đầu soi bay lộ, cuối ghềnh nổi âu (ĐDA)
- 47. Ca chèo mây *bện* tiếng dâu (NVT)
- 48. *Hư* trông đã thấy Tràng Châu ghé thuyền (N¹ - NVT²)
- 56. Tiếc thôi Diêu mới *đi* sang trú phòng (N - NVT)
- 60. Chợt nghe *truyền* gọi Diêu về tiền nha (ĐDA³)
- 63. *Châm* cài giá chất so le (N - NVT)
- 64. Vẽ *niêm* dấu cổ, thơ đề lối chân (ĐDA)

1. N: Bản Nôm.

2. NVT: Nguyễn Văn Tố.

3. ĐDA: Đào Duy Anh.

66. *Nuôi* từng chậu, cấm xuân từng cảnh (ĐDA)
 Bản Nôm khắc 養 (nối) thì không thể phiên âm là *nuôi* được.
 Chữ *nuôi* 餵 viết có bộ 食 (thực) ở bên. Ngoài ra chữ *tươi* (tươi
 tốt, tươi sống) cũng không phải là âm xưa của chữ *tiên* (âm Hán
 Việt) nên không thể giảng là cá được.
69. Bức lơn cửa quất *bóng* đường (NVT)
78. Quyên khuya khắc khoải xa *say* ngọn tường (NVT)
79. *Trong* hoa lành lạnh hơi sương (N)
82. Đêm thanh nhường *vẫn* còn ai say cờ (NVT - ĐDA)
94. Nguyệt ghen gương *khiếp*, hoa hờn thắm bay (NVT)
101. *Riềm* tương động thét tiếng hoàn (NVT)
102. Vẻ hoa vừa chán, gót *sen* vội dời (ĐDA)
103. *Nhác* trông chiều mím mím cười (NVT)
104. Sóng *dầm* khoe hạnh, chưa dờ nét trông (NVT)
106. Xiêm in bóng tuyết *mây* lỏng ngấn rêu (N - NVT)
107. Lũ về *khuất* kẻ trông theo (ĐDA)
108. Xa *mùi* lần tỏa vắng teo giọt lầu (NVT)
111. Vân Hương rén gửi *trước* màn (ĐDA)
112. Lòa mây nào ngỡ khách man *tịn* vời (ĐDA)
112. Lòa mây nào ngỡ khách man *tiện* vời (NVT)
113. Thái Cơ nghe *nói* đỡ lời (ĐDA)
118. Hôm tăm tậm *ngộ* biết ai đấy mà (NVT)
120. Lại đòi Bích Nguyệt truyền ra trước lầu (ĐDA)
130. Quyến hồn khôn vía buổi này đi đâu ? (N)
 Bản Nôm khắc 睞 thì phải phiên âm là buổi mới đúng, nếu bảo
 do chữ 悵 (dại) lộn thành thì cũng chưa chắc vì hai chữ tự dạng
 khác hẳn nhau.
131. *Nàng Hồng* duyên chẳng giúp nhau (ĐDA)
136. Nghĩ chi cho nát dạ người như *tiêm* (NVT)
138. Làm chi muộn đáp sầu đơm *khổ* lòng (N - NVT)
139. Sinh rằng: Động *khóa* nguồn phong (ĐDA)

144. Người tiên khi *bạn* kiếp trần mà hay (ĐDA)
147. Tắc mây *đố* bọt gương Hàn (ĐDA)
- Bản Nôm khắc 如 (*như*) thì cũng có nghĩa. Chữ *như* đây là “nếu như”, nó đi với chữ *phải* và chữ *nên* ở câu dưới.
149. *Bổng* pha miệng nói chân đời (NVT)
153. *Tối* trầm thoang thoảng gió khuya (N)
- Chữ *tối* 最 có thể do chữ *đỉnh* 鼎 lộn thành.
154. *Dập* dờn cơn tỉnh cơn mê trước đình (NVT)
156. Này đồ *viên* Lãng, này tranh non *Bổng* (NVT)
158. Vẻ *màu* giá chuốt gương trong hời người (NVT)
164. Làm chi đem *giọng* khuynh thành trêu ai (N)
166. Tiếng tiêu điểm *suốt* hiên cài bóng đông (NVT)
171. Mặt *lầu* sẵn thú viên trì (NVT)
176. Đạo trắng ban *tối* *nhác* vời bước sang (NVT)
180. *Thắm* nghiêm chi để xông pha người ngoài (NVT)
183. Được lời rón rén *phú* mê (NVT)
- Được lời rón rén *mẩn* mê (ĐDA)
186. Đêm *khuya* chơi đầy họ nhà đôi chi (ĐDA)
- Bản Nôm khắc 易 (*xưa*) thì không thể đọc là *khuya* được. *Đêm xưa* có nghĩa là *đêm qua*.
190. *Mấy* em đây rắp kết duyên Việt Hồ (ĐDA)
201. *Tỏ* tình lại mở lời khuyên (ĐDA)
207. *Dở* dang khi lại huỳnh song (NVT - ĐDA)
- Bản Nôm khắc 礼 江. Nếu theo mặt chữ thì chữ 礼 có thể đọc là *lễ, lăi, lạy, lầy, lấy, lẻ, lể, rẻ*, và chữ 江 có thể đọc là *giang, giảng, nhăng, dăng*.
- Nếu đọc là *dở dang* như NVT và ĐDA thì không có nghĩa. Chúng tôi tạm đọc là *dỉ dang* vì ở câu 1658 cũng có chữ 记 江 (*dỉ dang*): *Dỉ dang kể hết đầu đuôi sự mình*. Chữ 礼 và chữ 记 có tự dạng hơi giống nhau nên có thể đã bị khắc sai hoặc vì cách viết không thống nhất như đã nhận thấy trong sách này vẫn thường xảy ra.

211. Ba đình *gió lọt* sương pha (NVT)
Ba đình *bóng lọt* sương pha (ĐDA)
214. Bông Sơn *dấu* cách muôn nghìn chẳng sai (NVT)
220. Ngón cầm biết *gảy* được lòng hay chẳng (NVT - ĐDA)
225. Mình gieo vào chốn *buồng* the (NVT)
226. Lũ *hoàn* tấp nập hả hê chực mòng (ĐDA)
231. Yên xong ai *những* trình qua (NVT)
234. Khắp trong *gác* tía đài cao khác thường (NVT)
235. Vì chơi Nguyệt cũng đua đàn (NVT)
245. Luống còn mãi *một* *lời* thôi (ĐDA)
248. Nhủ rằng: Người thế *săm* *sưa* đã đầy (NVT)
250. Buồng thơm *chớ* lọt mấy may gió tà (ĐDA)
253. Mấy lời để tạc *năm* *trong* (ĐDA)
ĐDA phiên âm là *năm trong* Ông đã giảng *năm* là ngũ tạng: tim, gan, lá lách, phổi, cật. Chúng tôi cho *gương trong* là đúng vì Dao Tiên ở đây muốn nói “mấy lời để làm tấm gương sáng cho mọi người soi chung”.
257. *Thần* *thơ* mây sớm đèn khuya (NVT)
263. *Trên* tường bỗng thấy một thung (N)
267. *Rơn rơn* hoa nở khóm lòng (ĐDA)
Nhơn nhơn hoa nở khóm lòng (NVT)
NVT đã phiên âm là *nhơn nhơn* và ĐDA đã phiên âm là *rơn rơn*. Chúng tôi tạm phiên âm là *sởn sở*.
Sởn sở là rất tươi tắn như vẻ mặt *sởn sở*, cây cối *sởn sở* sau trận mưa.
272. Dốc tình *chước* lấy danh viên cho gần (ĐDA)
Dốc tình *nhắc* lấy danh viên cho gần (NVT)
278. Kể hiên *tỏa* đá rợp đường tán cây (NVT)
279. Một tay nhận đặt ngắm xoay (N - NVT)
280. Nơi *chổng* sáo sách, nơi bày cuốn thơ (ĐDA)
293. Nguyên xưa chú *mấy* tôn đài (NVT)
298. Trạng đầu may cũng cấm vè cửa *hiên* (N - NVT)
Chữ *viên* 輦 đã bị khắc sai là 軒 (hiên)

307. *Ngửa lên vách phấn thơ đâu* (ĐDA)
308. *Dòng vàng chữ chữ, rắc châu hàng hàng* (NVT)
317. *Dối quanh sinh hãy trả lời* (NVT)
320. *Buồng riêng sẵn giấy mượn và trương dây* (ĐDA)
327. *Ngọn giao gió táp mưa bay* (ĐDA)
339. *Cầu Lam khi rõ lối tìm* (NVT)
345. *Xưa kia có thấu mà hay* ((NVT - ĐDA)
- Ở câu này chữ 初 (sơ) cũng như chữ 疏 (sơ) phải đọc là *thơ* thì mới có nghĩa.
346. *Lại trăng kia với khách này tỏ nhau* (ĐDA)
347. *Hoa tiên còn đó chớ đâu* (ĐDA)
357. *Trời mai gợn trắng tuôn vàng* (NVT)
- Trời mai dợn ráng tuôn vàng* (ĐDA)
358. *Gió đâu sớm đã quán nhang trước đình* (NVT)
360. *Nhận chơi nàng đã lộng tình bốn câu* (N)
- Nhìn chơi nàng đã lóng tình bốn câu* (ĐDA)
368. *Mượn cây luẩn quất, mượn cành ủ ê* (NVT)
371. *Sống mồm Nguyệt mới mới kỳ* (NVT)
- Lống mồm Nguyệt mới mới kỳ* (ĐDA)
- Bản Nôm khác 弄 喃 : NVT phiên âm là *sống mồm*, ĐDA phiên âm là *lống mồm*. Chúng tôi thấy chữ 喃 (nôm) mà đọc là *mồm* thì không ổn nên tạm đọc là *lộng năm* theo đúng mặt chữ và tạm hiểu là ăn nói bừa bãi.
372. *Bước lên trình rên: “Duyên gì chẳng sai”* (NVT)
387. *Dần dà ông mới hỏi sinh* (NVT)
395. *Sông Châu hướng những khát khao* (NVT)
396. *Rắp đem hàn mặc ép vào biên mâu* (ĐDA)
398. *Mượn tay viên cán mở lầu rừng nhỏ* (NVT)
405. *Vả nay rồn bể cửa hầu* (ĐDA)
414. *Đành ngăn khép đó no nề nạp chi* (NVT)
- Đành ngăn khép đó no nề nập chi* (ĐDA)

417. Thiên Thai dành *chỗ* lối này (NVT)
422. Tuổi già *gặp* thấy rẽ lành mới may (NVT)
423. Duyên kia *duyên* đã trao tay (NVT)
Chữ 絲 (tơ) đã bị khắc sai là 緣 (duyên)
430. Cửa đầu *trở xuống* tường nghiêm một tòa (NVT)
436. Vừa trông ngang thấy vừa nhìn *rõ* nhau (ĐDA)
443. Bên cờ từ lạc *bể* sao (NVT)
452. Biết đem *ràng buộc* dễ mà cạy *ai* (NVT)
455. O le ai *khéo* độc đường (ĐDA)
460. Thảm sanh khúc rối sầu chia giọt *làn* (ĐDA)
461. *Lành* lòng thấy khách châu chan (ĐDA)
Chữ 善 (thiện) đã bị khắc sai thành chữ 孃 (lành)
463. Hiếm chi ngòi *bảng* doanh khơi (NVT)
466. Là trong tiếng ứng hơi tìm biết đâu (NVT)
468. Hoa đầy *má* liễu đầy câu sá nài (NVT)
470. Dịch xuân dành *tổ* tin mai những mừng (ĐDA)
482. Phận ai *mới* vậy thôi dầu vậy thôi (NVT)
486. *Tin* pha lối cũ thẳng dong về lâu (N - NVT)
Bản Nôm khắc chữ 信 (tin) nhưng chắc là lầm với chữ 倍 (vội)
có tự dạng gần giống nhau.
490. Dễ bề *chối ải*, dễ bề mách mao (ĐDA)
Dễ bề *soát sinh*, dễ bề mách mao (NVT)
492. Sương siu để chịu biết bao tội tình (ĐDA)
NVT đã phiên âm trong bản *Hoa tiên ký* là *sương xiu* nhưng ở
bản *Hoa tiên nhuận chính* lại phiên âm là *sương gieo*.
498. Càng xui châu *nhả* tơ vò càng thương (NVT)
504. Mười phần xuân độ còn rày nửa phân (NVT)
507. Nghe thôi lắng *lặng* đòi thôi (ĐDA)
511. Phong tao tài diệu *khéo* nhòng ai so (ĐDA)
515. Là điều thuận miệng vắng đây (ĐDA)

526. Nguyệt chờ chực hẹn, xuân *tìm* nã tin (ĐDA)
 Nguyệt chờ chực hẹn, xuân *tìm hấp* tin (NVT)
528. Sáo càn *xào xạc* chiếc chim điểm sầu (NVT)
 Ráo càn xao xác *chiếc* chim điểm sầu (ĐDA)
529. Dải là thoi *thót* bên lâu (ĐDA)
530. Phải Hương đầy chốc *nhận* lâu tỏ chừng (N)
532. Ừ là trót đã *chấp* lời (NVT)
543. Thấy lời như *gấy* mối tình (NVT)
544. Sáng màn tô tỉnh, dịu vành van lơn (NVT)
551. Rước trăng gió dạo cuốn mảnh (ĐDA)
556. Là trăng là nước là mây thật là (ĐDA)
 Bản Nôm khắc 選 thì phải đọc là *lạ* mới đúng vì ở cuối câu đó có chữ *là* đã được khắc 哭, không có bộ 辶 (sước).
557. Tiếc thay lục *úa* vàng pha (ĐDA)
561. Nhớ ngày nào liễu mới *nhâm* (ĐDA)
566. Thu về vàng đã ố tay *nọ* gì (NVT)
 Thu về vàng đã *úa* tay *lọ* gì (ĐDA)
571. Nói lời Hương lại *gạn* rằng (ĐDA)
575. Người khi trưởng *sắp* uyên chồng (NVT)
576. Người thì cầm *rấp* loan chung chứa dưng (NVT)
580. Giác tàn dương *vững* hiên cài ngắn ngơ (NVT)
 Giác tàn nhường *thấy* hiên cài ngắn ngơ (ĐDA)
592. Như hoàn khép cửa *dấy* trăng trả lời (NVT)
598. Mấy lời Hương Nguyệt *là* lời nói ngay (ĐDA)
607. Trang thôi nhẹ nhẹ nâng *cầm* (NVT - ĐDA)
610. Tình *hôm* nay hẩn vì điều hôm qua (ĐDA)
618. Cửa son bỗng thấy bóng chàng tới sau (ĐDA)
628. Sứ lân phỏng thấu bên lâu chút chẳng (ĐDA)
 Bản Nôm khắc chữ 便 (tiện) là đúng chứ không phải là nhầm như Đào Duy Anh đã nhận xét.
634. Vả *chăng* lẽ cấm phép rào sao nên (ĐDA)

635. *Ngấn ngơ sinh rén rén chiêm* (NVT)
637. *Đeo đai cũng một tiếng đà* (ĐDA)
645. *Rẽ đường hay tính cho về* (NVT)
656. *Mắt đưa kẻ luống coi ngây nơi lâu* (NVT)
Mắt đưa kẻ luống trông ngây nơi lâu
 Bản Nôm khắc là 麵 (mặt)
659. *Mấy hoa những ngại ngùng duyên* (ĐDA)
662. *Trúc mai ai có mơ màng chẳng ai* (ĐDA)
675. *Non xuân trễ chút mái mây* (ĐDA)
 Đào Duy Anh cho rằng chữ 另 (lánh) đã bị khắc sai từ chữ (trễ)
676. *Phượng so phím lựa uyên gây đồ thêu* (NVT)
683. *Đá đưa như gãy, tầm oanh* (NVT)
Đá đưa như khấy, tầm oanh (ĐDA)
684. *Cạn lời nàng mới đình ninh dạy cùng* (ĐDA)
687. *Người hầu gổ đá tri tri* (ĐDA)
688. *Đành hay tình ý còn suy nổi này* (NVT)
696. *Thấy chàng ẩn trọng khác với thường nhân* (NVT)
707. *Ải mây oán điệu tỳ bà* (ĐDA)
710. *Lăm lăm bờ cỏ sông Ô khắp đường* (ĐDA)
Lâm lâm bờ cỏ sông Ô lấp đường (NVT)
712. *Phú Tương Như dễ mấy vàng rước nên* (NVT)
717. *Dở lời chữa dạy rằng sao* (ĐDA)
722. *Viện thơ vội thưởng sân cầm đua chơi* (NVT)
Viện thơ hợp thưởng sân cầm đua chơi (ĐDA)
724. *Tờ duyên lần giở lên mời để dưng* (NVT)
Tờ duyên lần giở chén mời để dưng (ĐDA)
726. *Liếc trông cửa tía vội ngừng gác son* (NVT)
730. *Bóng dàu mây lẫn màu xiêm tử nàng* (ĐDA)
732. *Thánh thoi vui với Nguyệt Nhang trước đình* (NVT)
736. *Đêm lành khéo nhẽ sương siu hện lành* (ĐDA)
- 654

737. Tổ chơi Nguyệt hầy *rành rành* (ĐDA)
742. Chợt nghe chợt *rã* đôi dòng *phôi pha* (NVT)
Chợt nghe chợt *chã* đôi dòng *nhường pha* (ĐDA)
754. Rằng: Trong tình ý thế gian *hiếm* tày (ĐDA)
756. Hoa thơm *chăng* *nữa* đang tay hỡi người (ĐDA)
757. *In* duyên trộm nghĩ *linh* đời (N)
Theo Đào Duy Anh: nếu so với Hoa tiên (NHT) thì chữ 卯 (mão, meo) bị in lộn thành 印 (ấn, in)
758. Dúi dun báu nước *guơng* trời đợi nhau (ĐDA)
Bản Nôm khắc chữ *guơng* 姜司 nhưng có thể là do chữ 香 (hương) chép sai.
759. Chén tương *rủ* *bạn* làm cầu (ĐDA)
781. *Nhận* trên vắng vặc vừng trong (N - NVT)
786. Vén xiêm ngồi *xuống* *gật* đầu trông lên (NVT)
793. Nàng rằng: Bỏ liễu *xót* thân (N)
796. Vừng soi đã hổ có trên đỉnh đầu (N)
797. Thế lòng *đợi* bến Hà Châu (ĐDA)
ĐDA cho là chữ *đợi* 待 đã bị khắc sai thành chữ 烱 (giải).
805. Giục *người* giọt giọt khôn cầm (ĐDA)
813. Vạc mai *chén* nếm trường danh (N)
816. Làm chi một giấc lá hươu *khó* lòng (ĐDA)
826. Rộng làn *vân* thủy, vơi kéo yên ba (ĐDA)
839. Cạn mời Lưu mới thưa rằng (ĐDA)
824. Sớm đưa mái *đầy*, hôm kẻ bến eo (ĐDA)
Sớm đưa bến *rẽ*, hôm kẻ bến *Dâu* (NVT)
Bản Nôm khắc 把 thì có thể phiên âm là *rẽ* hoặc *đầy* nên các bản Quốc ngữ thường phiên âm về trên câu thơ đó là *sớm đưa bến rẽ*. Bản Nôm khắc 腰 thì phải phiên âm là *eo* không thể đọc là *neo* được vì chữ *neo* viết khác hẳn với bộ 桼 (mộc) và chữ (nao).

844. Xin đem dây sắn may nhờ bóng *thông* (ĐDA) ở đây chữ 椿 (xuân) được đọc là “*thung*” cho hợp vần với “*dung*” ở câu dưới. Đọc là “*thông*” thì không đúng.
845. Khiến tình *một* chén *thung dung* (ĐDA)
846. Việc hai nhà, *đúc* một lòng *định* nên (ĐDA)
850. Cờ bay ngọn *gấm xa* lông *thức* mây (ĐDA)
852. *Lương đài* giống ngựa *ruổi* ngay quê nhà (NVT)
860. Tạ từ ngoại thị sắp bày *qui* trang (ĐDA)
861. Lại sang bá *biệt* đài Dương (ĐDA)
881. *Chấp* tơ nay mới vâng lời (NVT)
Phiên âm là *chấp* thì sai.
882. Đành hay *người* *định* thì trời phải theo (ĐDA)
883. Êm nềm gác *gấm buồng* *thêu* (ĐDA)
885. *Dặt* diu lá *thắm* chim xanh (ĐDA)
893. Mặt *nhận* chẳng *nỡ* rời tay (N)
900. Trong khoang *thấy* nặng lưng *then* chở *sâu* (NVT)
901. Song bỗng mưa *táp* gió mau (ĐDA)
911. Phu nhân lại dạy *chuyện* ra (ĐDA)
927. Năm canh chung nguyệt *so* *dần* (ĐDA)
932. *Đỉnh thông* mấy quả tuyết *đà* trắng *ngân* (NVT)
Đỉnh thung mấy quả tuyết *đà* trắng *ngân* (ĐDA)
933. *Các* Dương vừa tiệc *dần* *thần* (ĐDA)
Gác Dương vừa tiệc *duyên* (diên) *thần* (NVT)
936. Về quê sao *bằng* phong thanh *tịn* *rày* (ĐDA)
Về quê sao *bằng* phong thanh *tiện* *rày* (NVT)
939. Nàng vừa *chực* tuyết phòng *nhang* (NVT)
942. Sóng *trôi* lớp lớp *dường* *trao* *bể* lòng (NVT)
943. Vì ai *lỡ* *đỉnh* *lấp* *dòng* (ĐDA)
948. Thét rằng: “*Giọng* *khéo* *dông* *dài* *gớm* *chăng*” (ĐDA)
949. Vì ai *quén* gió *nhủ* *trắng* (NVT)
959. Mưa *tuôn* *ngấn* *ngọc* *thắm* *bào* (ĐDA)
- 656

961. Từ đây nước nổi bèo *lênh* (NVT)
962. Đám hoa vô chủ đã đành từ đây (NVT)
964. Lòng sao vui những *xem* này khéo thay (ĐDA)
965. Ngón cầm dù lựa vào *tay* (NVT)
976. Tiên thể *đành* để ghi lòng kiếp sau (NVT)
980. Đê huê truyền *dọn* thủy trình trẩy ra (NVT)
988. Máy chòm *lếch thếch* loi thoi trận nhàn (NVT)
991. Kia đâu viễn phố *hiu* hiu (NVT)
992. *Chân* trời rút thẳng con lèo ra khơi (NVT)
993. Kia đâu *sông* rộng sóng dôi (ĐDA)
1002. Tiêu Tương rả rích *giọt* mau *canh* chảy (NVT)
1007. Bắc Hồ *nũng* thối con kiêu (ĐDA)
- Bắc Hồ *lông* ruối con kiêu (NVT)
1008. Lối mù bụi ngựa *đi* theo ải nhàn (NVT)
1022. *Mảng* bao Hồ Yết những loài khuyến dương (NVT)
1023. Sinh từ *núm* nấu phần hương (NVT)
1025. Bụi *rong* muôn học chất *đầy* (NVT)
1035. Khóm thơm rào rắm chờ ai (ĐDA)
- Ngắm* thơm sào cắm chờ ai (NVT)
1036. Đây song *mây* điểm hoa mai trắng ngần (ĐDA)
1040. Sương in cầu đá, tuyết *mòn* lối thơm (ĐDA)
- Sương in cầu đá, tuyết *dồn* lối thơm: các bản Quốc ngữ đều chép là tuyết *mòn* nhưng bản Nôm khác 痔 thì có thể đọc là *dồn*. (Tuyết *dồn*: tuyết ở trên lối đi được xúc *dồn* đông lại). Chữ *mòn* viết với bộ 疒 (nạch) và chữ 門 (môn).
1041. Lầu *thưa* khói tỏa mây *om* (NVT)
- Lầu *thơ* khói tỏa mây *trùm* (ĐDA)
1044. Viên công vừa thấy trong *thuyền* lộ ra (NVT)
1049. *Băn* khoăn đến trước đình Ba (ĐDA)
1052. *Đỗ* thơ cách mấy mươi từng người *thơ* (NVT)

1054. Sân rêu nọ *rôi* ngày xưa chén đồng (NVT)
1064. Để ai nát đá phai vàng *nơi* đây (NVT)
 Chữ 尼 có thể phiên âm là *này* hoặc *nơi* nhưng ở câu này đọc là *này* hợp nghĩa hơn.
1069. Tỉnh ra về tới trú *phường* (ĐDA)
1073. Chợt nghe Tiên *nói* báo tin (NVT - ĐDA)
 Bản Nôm khắc là 吶 (nói) nhưng có thể là do chữ 臼 (cữu) khắc lộn thành
1077. Một nhà nghe nói *ngán* lời (NVT)
 Chữ 哂 có thể phiên âm là *nghe* hoặc *ngán*.
1081. Lậu khuya nước cạn canh *chìm* (ĐDA)
Giọt khuya nước cạn canh *trầm* (NVT)
1088. Mai gầy guộc vóc, liễu đen *đuôi* mây (ĐDA)
1091. Đình Ba từ trở *gót* về (ĐDA)
 Bản Trần Đình Tiến đã chép là *trở* *gót* *về*.
1110. Viên cây sớm đã tỏ lòng *nhật* *thanh* (NVT)
1111. *Cửa* hộc vàng *chật* xây *cành* (NVT)
1114. *Vượt* giao này hội nam nhi *vấy* cùng (ĐDA)
1116. Hàn *lòng* phong nguyệt *gắng* công sách đèn (N - NVT)
 Bản Nôm khắc 悉 (lòng) nhưng có thể là chữ 雙 (song) đã bị khắc sai đi.
 Bản Nôm khắc 涓 (dòng) nhưng chắc là chữ 冊 (sách) đã bị khắc sai.
1117. Bảng thu *chơi* *chơi* đề tên (NVT)
1119. Đi về *đưng* quần dưới chân (ĐDA)
 Đi về *đường* *quần* dưới chân (NVT)
 Bản Nôm khắc 唐 (đường)
1121. Lĩnh lời *lạ* trước *đình* Lai (N - NVT)
1122. Diêu sinh đã hẹn *cũng* dời chân sang (NVT)
1130. Trộn thu cờ trống *lũy* thành một ai (ĐDA)

1132. Tỉnh nguyên giạt giải tên bài *Lâm Thương* (N - NVT)
1136. Ác bay lại hướng dài Yên gióng tàu (NVT)
1137. Vui này dễ *ngã* sâu đâu (NVT - ĐDA)
1143. Hành kỳ vừa độ xa xăm (NVT)
- Bản Nôm khắc 技 : *kỹ, chi, kỳ*. Đúng ra phải là *hành trang* mới có nghĩa.
1159. Đá đưa thêm *gảy* tác phiến (NVT)
1171. Trước hoa *lấn* bóng hoa dời (ĐDA)
1172. Dưới *trăng* méch bóng trăng soi người sầu (ĐDA)
1174. *Mảng* than tình mới thêm sâu nỗi xưa (NVT)
1180. Phòng *Đông Pha* ấy đã người nào thôi (ĐDA)
1183. Tiếng ve cao *nét* gió đưa (ĐDA)
- Chữ 湟 (nét) và chữ 濕 (thấp) có tự dạng gần giống nhau nên đã bị khắc lầm.
- NVT đã phiên âm là *cao thấp* thì đúng nghĩa hơn.
1196. Nguyệt *cài* bên triện, hoa rơi trước rèm (ĐDA)
- Bản Nôm khắc chữ 香 (hương) chứ không phải chữ 花 (hoa)
1196. Nguyệt *kê* bên triện, *hương* lay trước rèm (NVT)
1208. Cách tường đã *dựng* tiếng vàng xa đưa (NVT)
1220. Minh sang duyên thắm *thừa* ưa mọi đường (ĐDA)
1226. Ai ngờ vàng đá *đưa* ra cát lăm (NVT)
1227. Thôi duyên đâu nữa mà *nhâm* (NVT-ĐDA)
1254. Các Đẳng lại rủ gió thanh đem đường (ĐDA)
1257. Nhân sao *nuơng* ngụ nơi đây (NVT)
- Chữ 娘 có thể phiên âm là *nàng* hoặc *nuơng*.
1262. Gió dun *mây* dấy cho nên có nào (ĐDA)
1282. Cờ sai gươm *hộp* mặc dầu tiện nghi (ĐDA)
1286. Âm âm *sớm* gác xe chen khải hành (N - NVT)
- Bản *Hoa tiên ký* do Nguyễn Văn Tố phiên âm và bản Đặng Trần Tiến đều chép là “*ngựa gác*”. Chúng tôi nhận thấy chữ “*ngựa*” có nghĩa hơn là chữ “*sớm*” nên đã chép theo.

1291. *Súng* dẫu gọi phục dùng dùng (ĐDA)
1293. Một hai tin lữ *tản* binh (NVT)
1296. Hành biên *ai giục* trọng thần chỉ huy (NVT)
- Bản Nôm khắc 遁: chữ này có thể phiên âm là *độn, rộn, dộn, trốn*. Ở câu này có thể đọc là *chọn* thì mới hợp nghĩa. Nguyễn Văn Tố đã phiên âm là *giục* thì không đúng. Chữ *giục* viết khác hẳn là 逐 hoặc 逐
1302. Chức sau Hương *cũng* rõ ràng tai nghe (ĐDA)
1309. Cháo cơm chẳng *động* quyết lòng (NVT)
1328. Vừa nghe trần thính *sa* đà hành biên (NVT)
1334. Bỗng dưng mua nảo *rước* sầu mà chơi (NVT)
1355. *Ưa* nên lòng, nói nên lời (NVT)
1369. Đòi nàng khuyên *đổ* bây giờ (ĐDA)
1371. Ngập ngừng nàng lại gửi *trường* (NVT)
1389. Nỗi mình *mình* những thẹn thò (ĐDA)
1390. Lại *đem* lấy tiếng *lạ* trò mà chơi (NVT)
- Lại mang lấy tiếng *lạ* trò mà chơi (ĐDA)
- Bản Nôm khắc 那 (ná: gì, sao) thì không thể phiên âm là *lạ* được.
1396. *Sượng* sùng gởi trước đài trang bước vào (NVT)
1397. Trăng già lật *lưỡng* hay sao (ĐDA)
1399. *Dụng* gậy dăm nghĩ sinh thành (ĐDA)
1414. Ngọc xôi hạt *sấm*, hương lừng mớ xây (ĐDA)
1416. Lăn nghe văng vẳng canh chầy *sang* ba (ĐDA)
1417. Viên lâu đóng chặt then hoa (N - NVT)
1419. Khóc than *ri ri* cuối ghềnh (ĐDA)
1420. Giải lòng với nước, *đề* tình với trăng (NVT)
1438. *Cạn* tường mới giải mọi niềm sầu nông (ĐDA)
1440. Khen rằng: Tiết sạch *giá* trong thật là (NVT)
1441. Tiếc thay trong *giá* trắng ngà (ĐDA)
1449. Lặng nghe giọt ngọc *dào dề* (N)

1460. *Ngân này may có lai sinh là còn (ĐDA)*
1466. *Có khi máy tạo tuần hoàn dành cho (ĐDA)*
1479. *Tiệc thay ngân ngấm sự đời (ĐDA)*
1484. *Làm cho úa thắm phai vàng là đây (ĐDA)*
1513. *Lũy Dương gần đã thông tin (ĐDA)*
1518. *Quán kinh lớp lớp bụi hồng lằng lằng (ĐDA)*
Quán kinh vời vợi bụi hồng lằng lằng (NVT)
1519. *Thanh bình một số tàu dăng (ĐDA)*
1530. *Gác Đường vẽ mặt, án Chu thỏa lòng (NVT)*
1536. *Bể sôi chợ họp người trong bách đường (NVT)*
Bể sôi chợ họp người trong mạch đường (ĐDA)
1560. *Thung dung lại phán chuyện Dương sự nhà (NVT)*
1561. *Thềm phong sấm lấm tàu qua (NVT)*
1564. *Buồng xuân nên hãy còn cài cửa thoi (NVT)*
1569. *Về dinh thốn thức việc nhà (NVT)*
Về dinh thắm thức việc nhà (ĐDA)
1570. *Đành người có nghĩa, nào ta chí tình (ĐDA)*
1582. *Nghĩ thêm càng lại thêm đau đớn tình (ĐDA)*
Có thể là chữ thân đã bị in sai thành thêm.
1585. *Dám thà trót đã sai rồi (NVT)*
1590. *Nếu rồi hoãn lại ra lờn cột ngay (ĐDA)*
Nếu dỗi dăng lại ra hờn cột ngay (NVT)
1591. *Bản khoản thung cỗi huyên gây (ĐDA)*
1597. *Nghĩa kia đành tạc non sông (ĐDA)*
1599. *Dù chẳng rất gỡ tơ tình (NVT)*
1604. *Liều phen xanh chỗi, hoa kỳ thắm sây (ĐDA)*
Liều phen xanh nối, hoa kỳ thắm xây (NVT)
1608. *Chung rung nhạc vũ vuông tròn gấm phong (ĐDA)*
1615. *Càng thêm quán chỉ dây tơ (ĐDA)*
1619. *Tổ nghe thay thấy các tình (ĐDA)*

1620. Bài *phường* lại thấy biểu tình chữ bày (ĐDA)
 Bài sai lại thấy biến tình chữ bày (NVT)
1621. Đòi nàng *xin* dạy trước đài (N)
 Bản Nôm khắc là 吁 (xin)
1625. Rủi thay chẳng kéo sớ *sàm* (NVT)
1634. Là vâng *chỉ* ngọc dăm phi tặc tình (ĐDA)
1636. Xuân dâu hai *khảo* phỏng đành đấy chẳng (NVT)
 Bóng dâu hai *lão* phỏng đành đấy chẳng (ĐDA)
 Bản Nôm khắc 春 亮 (xuân dâu) chứ không phải (bóng dâu).
 Có thể chữ 老 (lão) đã bị khắc sai thành 考 (khảo)
1637. Ngẫm cơ *kênh* Thái gác Đăng (N)
1642. Biểu văn Long đã *tuyệt* *thâu* sân đền (N)
 Bản Nôm khắc 絕 偷 (tuyệt thân): như vậy là chữ 跪 (quý)
 và chữ 奏 (tâu) đã bị khắc sai thành *tuyệt thâu*.
1652. *Khuê* môn cho rết mối đầu chính phong (ĐDA)
1671. Đành rằng nát ngọc *trầm* chu (NVT)
1691. Xét cho công *quả* đi về (NVT)
1692. Nguyệt Hương cũng được *cam* bể tiểu tình (ĐDA)
1698. Việc lẽ *đều* cũng biểu trần minh nông (ĐDA)
1702. Cầm bên bóng nguyệt, ca đầu ngàn *thông* (ĐDA)
1710. Kể thuyền sinh cũng tiện đời đến chơi (NVT)
1713. Động phòng kim băng *lấn* nhau (ĐDA)
1719. Một nhà đôi dạ *thảm* thương (NVT)
1729. Mảnh lòng *thung* *chối* huyền tơ (ĐDA)
1751. Sơn sơ lan huệ *chối* cành (ĐDA)
1752. Ân tình chớ đủ mọi bề (ĐDA)
1755. Phúc thường *như* đến nhi tôn (NVT)

洞強之衣神祕新刊

花笺潤正

河內陽山原蔭生秀才

禮堂藏板

賞授五品壯夏川檢

花箋潤正新編

慕辭茂紉紉紅
 事蔣此彌麻制
 曾賁肢懣綠市
 得容行幅才名
 樊蘇州帶吳江
 相公符噲印波
 懣清海又閣鏡
 抗勉姚氏困侵
 芳州表字林滄
 錦花才貌兼仁
 加冠買驢茹費

達得才色色懣困歪
 情緣仁符貝得哈牢
 液潸哭義嫩高哭情
 新秋底良繹情夕菊
 氣嶺鸞吏戶梁茂茹
 郎腰最包頑座平章
 請台掉傳珥素梗伊
 恬恰最應馨兒茂弘
 丰侵恪價詞章卒類
 都蹟跂鳳聯龍騎鯨
 趣茹侯下萱廷開嫩

窗糊良那村曉
塢貧欺弭蹄尋
弄苑猛又荒苑
限風流底女難
壇蹟此造淵汚
咳戈讖唸薜樓
哦浪脈矢志朝
頗自主渭泐澄
產尼任寓亮齊
未番練習文章
領堅插梗逐重
醴柳疎產極溫

箴蠅春點時偷洗又
味花如連啗鳩語嘲
花春弄汾恪市極春
姘窗歐惜滓蘋堆鶯
把接枚特如願別亮
吁罍遊學長州圭外
尋柴晦伴之懷膝仍
時生日媽遯惘共能
便查簿帳悲吟朱詳
恪市篆蹈書香默悉
船蘭茂英吹泃清入
頭塢冠鷺驢涼溪驚

歌掉靈絆啗亮
 茹春皮翔壽筵
 襦排惻烘晴牢
 寒暄旁特凌又
 膝迎拱戰藏又
 要施棋解排悉
 煨焙余鼎香猊
 童醜客選隣哭
 簪棋架質芻禽
 栗瑤產勝練薰
 剗掠膝淪年清
 幅蘭圍橘奉棠

虛輶缶典長州寄船
 戰坡井菊盤鱸肉桃
 吏傳公子戶姚連惻
 買哈姚舅轉陞都堂
 席催姚買移迎住房
 給捩風月飽鮑品題
 秩聃信噲姚術荊倚
 吟朧姘屋噴花翠厦
 魘貼躡古詩題塢真
 潑鮮曾招揅春曾梗
 冲軒缶王外厠買強
 隻蓮垠紉膝楊特油

洲蒼洲浩漏入
 水亭色膝藍焙
 苑村点又銀塵
 乃梗秩動鶯慙
 冲花令又啼霜
 曙亮疊律边聰
 提澄練趾矧疎
 塢蒼翻穰波亭
 皮干還隕廢燠
 司仙堆如鴈苑
 愈東涎洄弄情
 曼嘛澆个疎雁

孕棲屈又肢株欽又
 樵塘曲径戈管藏春
 策漁忙象搦斯晃低
 鵬斂刻快賒篩阮墻
 停踵侯忙認塘術齋
 砭清羨凭群埃醅棋
 叟香襟日疎膝梗
 麝晃倘又律萌配坡
 愴情改漉秋波迤飢
 貞闌檐鼎枕飽相撐
 暮花弄礼良梗牡冊
 月怪詞劫花憤舵魁

天然產煇若又
 浩凡庄祥鼎丁
 膺兒接唯緣尼
 簾湘動叨啗鬟
 曉點朝晚又其
 嗽栳戲栢芙蓉
 髮術忙几龍蹕
 細房礪噪昆侯
 芸香練嗽边慢
 彩姬瞋覓拖坐
 賁浪公子戶梁
 買束罕栢庄差

強鮮省遑強醴師情
 蘇松冲橘欧停哭低
 奇料脉鉄包証輅盘
 厓花皮俄誕蘭倍後
 泝潭鞋杏渚稊迨難
 襜印奉雪遷筆痕諫
 賒震吝鎖永膏淡漏
 茲兒麻底侍晃冲乾
 睽靈市語客蛩羨鴻
 席固班最欺制外堂
 郎侯咤舅西廂履外
 歌沁暫遇別埃帝麻

能情朗又雅戈
 冰澄意庄埃亮
 卿啞冰坂亭蟲
 屏塤酸咳羣吟
 眼如篆月羣車
 仙市班乃龜低
 浪絲綠庄抗饒
 璫啞碧月撻林
 雍連遠杏連至
 撻煩付罕是癆
 生浪洞煩原封
 栢庄欺販騎飽

咤嗽碧月傳罍樓
 是棋群帝貼毛祕術
 院蘭睡率汜槐林淫
 你嫩噴磔音恍責花
 涓塹生氍寅夜細証
 養塊坤隴明尼茲虎
 厦西之底膝槽熾肢
 杏晃杏還透庄朱茂
 栢之朱隍脆得如尖
 夕之岡塔愁枕苦悉
 監晃晦波噪淵呻旁
 良琪貼意別包餘斯

貞埃併啗弄運
 月浪麻激生台
 翠連如糾薊寒
 率吧咀咽頭孩
 銀斜腰藤駢疎
 最沉倘又腕屬
 倖仍王祕絲情
 得牢玉燭雪冬
 儲支胞客哉排
 襜玄渚易埃育
 僭歪咄罕無情
 精戔易婢更戔

得仙欺伴劫塵麻能
 冥庄嘆沒柒抹曳乾
 陵花沛事敏盤麻制
 園屬默帝文得跽猪
 持揚重於醯篩朝術
 扶厘干醒干迷輻亭
 尼因園浪尼頓藏蓬
 縣年價粹薊冲咲得
 像砒嘔拱用洩害合
 玄箕奄丕白尼買清
 少之揆噀傾城奈挨
 哨刁點弈軒棋膝東

請安包轡茹黿
浪尼筋狹猪泥
栢驤產趣園池
吟典統讀田村
符陞生倍亮陞
瓢丕技占風光
矜庄冬嗜彈婆
吡浪戶帝庄埃
特堅嘆演斌迷
兇琪催買吡戈
戈得皮吟哭姨
意得撫幅禱玄

夫人覽恪形容撫術
易鳩胞客悉圭矯之
連奮迎妒油欺包盆
湖山拱挑柔樽欺未
蹠腓班最落馮眦邇
景皮懽蹊客篆涓車
瀦嚴之抵冲坡得外
典制得麗末枚拱術
仍埃唏响仍皮斯賒
脂易制帝戶茹堆支
彩姬戶馬腓欺贖圈
貝掩低泣結緣越明

文得皮吟哭姑
 瑞仙市泣州低
 阮疎空繼盤燒
 朝清懸白添濃
 朗耻貞仍盤桓
 熾情吏翔堅荷
 題鴻致勁翹高
 謝情皮龜塘花
 礼江欺吏螢窗
 炫情貞底坡坪
 波亭雲律霜坡
 粵粵岡鎖樓杆

身官楊將參都省尼
 歲泥堆卷春盼渚麓
 符題帖雪葉掠譜同
 殫娟當福英葩滄肝
 輻座時產邊盤蛛涓
 老黃羣觀英綠鴈朶
 自然叙捲絲梓路天
 姚生皮扱暖罍書房
 詞娥脫金嶽東畔彙
 園蒼脫吏提浴吝墨
 馬冲陣臉蓮燥頭印
 蓬山踴隔圍齋庄羨

灶爆脾月掠埃
 叫霜省雁掠塘
 鳳求油應城宮
 車緣罕沛赤繩
 吏窗愁彼愁嫩
 命招飽佳房箱
 帳屏几卷得封
 得臺浩几炉炭
 妾冲埃乃呈戈
 代浪当價清鑒
 為制月共都彈
 秘棋最忍哪卷

花鳧用英鳧漆畧簾
 牖書遙典宮蟾倖空
 瓶琴別板特垂能庄
 他吓貼效肅廢矯群
 市能哭客樓輪也術
 晏侯習納賀希直蒙
 几色剗架得冲香幔
 几箆禪翠得欄詔花
 疎貼景致死家羨市
 泣醴圍紫臺高恰常
 景清匏丕得郎買哭
 朗廬群寬踰戈边棲

臆駭訥仍亮又
 仍嚇抗翹連梗
 忌能買又慍奴
 隴羣瘕癢隊催
 弄聰仍瞢冬逐
 自些揀月棋速
 瓦簾坂隔膝花
 來至底鑿荆中
 自薺客吏宮僻
 矧蛛速最烟最
 徒吳楊將營亮
 然又狂朗才沉

仍絲市苑仍林市青
 屯麥粲琬吏肩絲打
 害余台仍傳路曲餐
 害晃浩止瓢漚項啊
 乳浪傳世菹疎屯涪
 房蒼渚律歟枚臆斜
 墻東蛻吏蜂戈默垂
 香周市別文房渴滄
 涪紅搵裊占包葵璚
 茶菱噍渴香稽味愁
 聚賢坊意圍侯潘嚴
 絕震沁了膝鵠余重

遠牆牽寬文春
 差童查海園埃
 叫又花安蔡憑
 陽臺停產湄遜
 傳收銀兩討齋
 所夕炎唯房文
 彩霞炷煥東西
 行曲檻范回廊
 文稱認達膝磋
 尼柔尼醺尼棋
 飛婆客對楊鮮
 逸迢買獲姚郎

蒼塹凜沁杆窗弄棋
 買能遠客茹外底空
 嶽巫停回鼻通自局
 麻貞王楚怗回戰仙
 篤情戔秘名園朱斯
 院花批翹臺春南排
 殿亭香最亭遜產床
 棋軒座移葉唐傘核
 尼鍾院冊尼排卷陳
 產亭寫收待除覩尼
 鳩完渚接鸞移包迎
 忌皮勇招定唐通鄰

連恩叙禮分賓
拙勅眼買朗溫
楊公浪事情期
元初注買尊臺
自科辛卯分途
用吳弓劍符例
激官瀾越翹端
符丞公子別旁
孟盤造逐厨丁
造疏觥橋余座
仰遙壁粉詩鳧
菱花踴倩羣香

頭魁生也云又練呈
斯燭枚特如積勝承
語哭埃俸庄与哭埃
文簾文案槌埋余秋
几惘返趾得悒阻芸
狀頭枚拱襟掃用軒
退遙哭仍飭連梓用
缶勅世誼吏勅鄰情
帝回連尽輓亭望波
泓涓絲柳撻他茨頭
涓鑽符又勒珠行又
咏排池柳燼煉翠句

聰貼認平頭
 祕茹宇尾題制
 佳章約待牐詞
 耐觥生唉拱堅
 晨局院冊祥車
 運亭硯華觀排
 溪潭枳餞情深
 白蘼蘼彥緹緣
 瓶蛟臆落涓悲
 遞呈翁物頌喧
 清風歇則腰堂
 祥乘仁牐花笑

翁皮聊吏典轅吧墜
 悖術庄補陝嘆廊踈
 花鮮添魁哭茹華鮮
 侍婢翁也逐隊傳戈
 房貞產紙營營引低
 侯題生吏停薙荅忱
 英梧蛩莫濫壬潛淫
 授勾景寓勾情和枚
 掠詩咏邴吏排文篇
 價尼樓客亭蓮拱議
 吏傳挽諫昂壻文邊
 質招生飽躋連別曉

不	我	轡	得	翔	箋	初	困	浪	柳	昔	侯
枚	翊	軒	仙	封	花	箕	數	澄	藍	塘	慄
酒	舛	娘	牯	庄	羣	固	刁	文	歎	永	礮
霏	禮	膝	包	女	郊	透	寺	良	訴	又	唉
潏	麻	斜	當	移	猪	麻	為	淹	坂	刳	橋
鑽	家	窗	仙	種	壳	能	花	湘	尋	娥	毛
慙	屋	高	逐	得	粉	吏	市	得	忍	摩	謝
亮	亮	荪	仙	車	屏	腰	軒	賒	盼	梗	詞
易	也	丙	倖	脰	羨	箕	覽	障	澄	壁	催
也	律	拱	演	世	透	賈	翠	仍	也	壁	買
眷	啗	謁	雲	室	香	客	乙	懽	晃	味	者
香	鍾	銅	天	尼	樓	尼	哭	忙	瞻	花	饒
轡	履	底	余	棋	篆	燭	晃	膝	舛	單	術
亭	墻	樓	重	綠	凝	饒	低	車	霜	簾	茹

躑仙遠壁冷又
芸香呈晦踈亮
客市邊籜制茹
尼貼淵歛記詳
勸詩仆紵啞情
想亮時文低迷
哢喃月買又奇
双又艾壁堆排
浪埃漆呀唢麻
迷光了又垂菊
得宅風月之低
連姚吏典書房

詔制娘屯弄情翠勾
咲浪眼輅昆侯唢戈
命題傳祕箋花倍旁
語哭埃吏哭私梁生
曼核窘橋曼梗塢咏
別包謀斫移術低之
毗連呈啼緣之庄差
佳人才子聘賴窄哭
達排風月謗坡網常
底曉頂炭盪湘轆尼
夥台朱客仍醯師悉
礼常回拜惘翁迎茹

遺吹寔是也於哭
 亭香迢迭戰珥
 退茶翁買嘶生
 撼堅坎念練疎
 窖台啞呐有情
 浪些課袂曉隊
 淹殊障仍渴滴
 枚台邂逅緣亮
 多術講獻盤鼎
 疎浪拙分勃蘇
 嚙肉字懸筆硯
 頗尼朕掖用侯

國皮拱整客龜典制
 仍醯為羹仍慍為情
 困數匏律耄屏亮猪
 女常渚者緣絲群湓
 床東蜀買哭停固尼
 溟濛被圣市滄分芾
 辛挑翰墨押匏弁矛
 曼西園翰翔樓校儒
 卷熯和特燂朱砂鰲
 後生匏敢制踰牢械
 別亮經庄專賢哭亮
 番色為拙沲淒砑隅

順堅恆戰從容
 龜斯之固調賒
 便亮夾壁連位
 未罌堆鎖堆皮
 倍棚催庄砑之
 天台停槽坂尼
 帳鸞路傳彈和
 未低吸綉拌萌
 緣箕緣龜拌捫
 最糙群淡唏脂
 堯潭測沫霜枚
 渺扁障晦春尋

浪韞聲氣哭韞文茹
 茹些曉買悉些戾之
 翔茗罔咳咄欺移術
 停垠押姪路泥納之
 栖南產僭郎期翔宜
 便塘楊將持醯吏茹
 別包袖馭拱哭簪緩
 歲藐及覓壻錯買枚
 麻得圉圉仍醯術之
 帶花龜吟香婢倍差
 叮呖連奈艾排啗鵠
 罔堯措氈墻匪文座

選貼順坂寅夜
 剝澄煨乞臍楊
 生皮蹠踣畧軒
 臺粧群仍晃又
 車又香倍另嫌
 笏饒之女饒低
 边棋自落皮蟬
 困數搭收对樣
 枵朱当困舌催
 園贅慢揔錦撩
 膝喬蒙嗽身英
 疎浪墜响如制

床薇架芍客戈錦墻
 裊賒体艾得羨涓又
 皮蹠昂体皮聰特饒
 唉貼風發昆侯此貼
 生宅蹠畧淹又仕排
 停蹠畔文墜尼拙窺
 畧鼎鞬固緣市台空
 忙悉刁等忙功尋隊
 臺蓮校和燄燿敬蘇
 哈年吏固蜂料為花
 別挑肢紉易麻悵埃
 別晃垠激浩為麻呈

要商埃敢讀唐
 廳亮用紫涑紅
 掣包余餒難尼
 情垂体客珠滇
 儉之泚滂湓洞
 生浪遣改吹針
 紉沟願礮誓淩
 祿霜溪雪朝埃
 台亮港濺仍又
 油庄免拙餒尼
 体啞香易淹聰
 法轉亮庄咏除

惜台身丐治長噉功
 岌岌悉鄭貞悉隊欺
 滲蒙曲緱愁支淡瀾
 拙朝香吏此盤厭制
 蘿紅俸俎之尼沒沉
 選勛嗜應希尋別亮
 花浩膈柳浩滿詒柰
 驛春停煥信梅仍盟
 賊花女底挑澄撰醒
 边窈停固如時渚疾
 停茹恹客文仁垠魚
 考得鄂仕此除低貼

禍欺臆慘霜沉
 否麻个冷冬勾
 秩耽愁秩阻盛
 朗耽香共尚崇
 永清買逝花侯
 便陞跌練北屏
 率為落瑕園市
 得牢嗜又哭生
 迢迢惘訥朝台
 耳床強忍而朱
 襪貼崗玉嶽鎮
 時初後睇燭烟

点誠朱透移婆易光
 公埃買丕催油丕催
 尼別者旦茂市冲
 信坡頃貓離於術妻
 嘿限牢俸菱亮選術
 拱皮娶隘撫皮覓毛
 霜超底磬別包罪情
 咽牢滌樣曳形買咭
 紙箕易割丈尼坤都
 強吹珠啫絲紆強商
 粵訪茂狀鉄綱慕鍊
 芻番弋價青年埃齋

仍 廬 退 屏 秩 墨 嬌 惜 厖 聰 邑 困
 哭 素 權 枚 瓊 調 吝 朱 箋 催 杉 數
 怙 呵 吼 包 傳 順 受 鼎 庄 浪 文 想
 物 庄 噪 絆 噲 咄 緋 相 簞 礼 薺 薺
 坊 鍼 哭 信 卜 永 粹 茹 詩 隊 陳 韞
 狂 簾 例 霜 姐 低 朱 湘 市 催 陳 瘳

月 吏 咄 簾 跂 脉 色 風 垺 仕 襖 迥
 除 吸 候 桐 跋 校 輪 騷 情 寬 情 分
 直 晒 勿 客 香 冰 翹 才 易 停 春
 限 店 表 啖 仍 別 月 調 滲 珥 度
 春 麻 移 恹 貼 朱 望 輒 典 暮
 尋 煩 術 机 哈 或 滴 身 曷
 拿 嗜 苦 保 庄 埃 渴 固 舛
 信 沁 信 松 皮 遞 翳 得 分

弄 蕪 吟 謹 脾 針
 帶 綰 催 平 边 接
 吻 朝 雷 呂 糟 好
 香 痕 祇 咄 萊 哈
 笑 聰 飽 效 風 流
 於 哭 卒 奄 批 墜
 媵 箕 哂 固 負 悉
 憐 憤 肝 酌 自 低
 体 堅 如 救 緹 情
 之 調 森 悴 花 懶
 得 更 罔 几 術 軒
 樓 粧 橫 袂 勤 舞

噪 梗 滴 亮 雙 鳩 点 愁
 沛 香 帝 祝 認 歎 燭 澄
 陽 春 奄 固 信 慰 最 吟
 事 暮 箭 沛 艾 尋 執 油
 意 因 緣 別 哭 亮 庄 歪
 此 貼 具 造 朝 得 哈 空
 固 晃 綰 與 悵 蜂 羨 尼
 尋 亮 准 恪 扒 遜 朱 停
 烟 年 芥 省 吹 煉 噴 蘭
 艾 命 肝 根 千 萬 庄 涓
 情 鍾 余 段 愁 貞 余 分
 頭 秋 皮 及 神 旬 膝 清

別肉柳想春秩牧直情秋陰邊
 腴陸笑得迎亮時辺台亮香腴
 笑啞香秋裡綠惡澄娘遍
 腴啞更東苑買奇郊買朥仕
 制浪春推眉號忙嘆坡盼啞
 萌

四榮疎矧棹荷篆現
 翠務翠景朝至生台
 選腴選浩選選寔哭
 利楊猪艾桧蘇槐散
 逐得風景輔殘吏輔
 鬻身辺萍度尋昂精
 也霜也槐也蘇輔矧
 秋術鍊也栗稱路之
 得欺春檜柳欺秋勘
 得其春易采各擇庄
 應選坤掣啞能事茂
 詠清燭泣相得余情

得欺帳樺寫重
 得欺掙膝貼景
 得當截所粧臺
 拱愁双拱皮又
 清高燭易透亮
 夕得鍼抒裡亮
 油惱油悍共哭
 彈亮啼咧边曉
 愁亮拱粉丙浪
 統他寫另術臺
 抗慢耳趾飽飽
 盤貞仍事買未

得欺琴笠齋睡渚停
 得咏奧臙得清春淵
 戕殘豕凭軒棋良魚
 貞得禳隻相思哭愁
 鍼燭亮拱文年清高
 文薛文歲女市吉戈
 脾迢腰木腰鋤待埃
 娼亮質渚象淵陣姪
 亂髮怯圍把腰者歪
 栖莖年江緱棋揔綠
 衿仙陳濁掩於更
 來至香月寔空响

鄰哭近老秋吟
 怵台朱几為些
 價市市易余亮
 槐愁忍卒殘驛
 粧催珥不拉琴
 香色輿轎房紉
 嗽浪園買添花
 沛空娘拱信空
 苦又霜点槐蘇
 寅夜蹠蹠否迎
 嗜鑽倍噲昆侯
 故情押柳柰花

絲箕窘膝箕磋余府
 柳旗腹冷蹉跎团数
 緣市又別術廢篆市
 嗜鵲色吟樓高越斛
 脾溢篆蹠朝走又朝
 情最登罕為調最文
 淹干沛眼哈哭迎制
 文香蹠蹠倍移隣梧
 頭挨賃粉栖湖梓調
 罔齋俸体脾松細褰
 踴蓮珥又蹠毛術茹
 頰術生色也蹠罌边墻

若秋弄勝文潤
 定情生買仕排
 溫貞鄧突困數
 得捧也易晃浪
 仰顯咏嗜疾啼
 朋矜所媒薈桃
 艮魚生練又呈
 刀帶其文嗜宅
 誓泓願藥坤杵
 碾唾共吟夕清
 酉未塢礼隣詩
 皮唐咲併朱術

收桃咏吧歷蘭悖
 緣之害吏番尼及僥
 便鄰倣透边樓拙庄
 障台距廳旬腰咳得
 吟香毛此料唾朱窺
 願勸礼禁法模牢鐵
 重終停丕情貞牢府
 臺灵虎固胶卷証臨
 共料頭泊敢睹歲青
 浪勸罔綴房更刖之
 拱饒堆呂共隨尼車
 吟常罕庄咏嘒咄咄

你 啞 南 亦 於 歎
 啞 熿 意 庄 監 差
 信 京 妙 位 信 茹
 拙 之 浪 啼 吟 浪
 聰 瞋 踴 躍 又 浩
 術 忘 宇 宇 眉 珠
 貝 花 仍 砒 禹 緣
 弄 情 牢 害 灵 郎
 砒 銀 欺 吏 粧 臺
 澄 市 燕 緹 鶯 信
 仍 仍 浩 本 吹 盈
 啞 亮 春 練 清 新

捏 昂 生 吏 曉 歎 泔 柰
 炤 斯 吏 保 朱 排 浩 車
 踈 登 个 律 或 哭 牢 庄
 朱 停 緹 臚 信 肢 輓 兀
 桓 遙 几 陲 曉 弄 尼 樓
 艾 番 及 季 添 油 艾 番
 催 慣 莫 裁 奇 怪 其 熿
 竹 松 埃 固 憐 忙 庄 埃
 臚 貞 又 底 質 賤 艾 边
 体 情 实 共 色 鍼 哭 情
 谷 牢 谷 窖 物 京 朝 春
 啞 啞 臚 楚 迷 秦 黜 埃

閉除庄補悲除
 吏欺堆歲規緣
 腿花淡諾瀾速
 得侯貝移知又
 奄哭托魑乃悉
 移遙如救尋鶯
 曼秋香吏宛啞
 戕浪囂乙唏枚
 啼鍼香奄別朝
 嫩春另拙厝速
 他朱冲爻皮帑
 吶之風味樓臺

隨續詞朽麻如路嘆
 別哭奄罕如願朱堵
 斗帝幻特為浩麻信
 什台情意群推接尼
 料貼路沛泮穷夕之
 泮啞娘買丁寧民共
 渚泥秋景盤制秋情
 朝秋羨共鍼醴朝得
 呈牢劇物固調之低
 鳳芻蚊侶驚瘕罔糴
 庄他隔阻歌遙羨尼
 頗勛客况旌依別牢

香痕哪共如
 墮詩札授帶
 巾朽得吏矚
 歆些王齡特
 價用僅油欺
 鉅母沉枷自
 初才色群燒
 隘雲愁調琵琶
 帆遜愧煥融
 湖想尼宮冷
 外昂牢朋堆
 侶斐願朽悉
 油庄決悉持
 丞渚咤浪守

體私隱重恪
 鴻常人價市
 價弋同斤共
 襟人生第一
 笑哭侶堆夕
 之待典仍丞
 蜂蟬珠鍼斗
 綿鍼車共料
 底翹啼吏包
 燒帝哭踴踏
 嫩馬相坡鍼
 圖淋沁坡鞋
 菴烏泣塘賦
 相如易余曠
 卓鍼符情添
 院符緣強濃
 襟集待若除
 冲特市小褰
 兒屯坡飽役
 昂

我信香仍稚長
 中秋皮神節森
 畧蘭貞碾文得
 花誓竹動麻澄
 蕭亮嘤鳳唳
 拂樓絲柳摧簾
 吶其爽又招橫
 蹤罽細畧叙情
 枚低吁文台訥
 煉制月唉亭又
 料吁保重沛唐
 燁煨亮產妒垂

禹信生仍呂郎除
 院詩鑿賞璘栗都制
 詞緣吝持鍼近底仍
 列曉圍紫渭汚罔齋
 艾腔如吟塔嶽余念
 俸亮逯吝牟祐炳娘
 清台孟貝月香畧亭
 脰包特多平生砂鰲
 砧齡窖咏霜超限齡
 娘浪低庄哭崇馬當
 碾壓祕某朋羨庄通
 秩眩秩嗜堆淵配坡

溪余呻吟斯賒
 頗為文後用饒
 傷於沛事押隊
 潘高敢責膝秋
 余啞雖吟此犀
 及与墨畧勸噴
 廣紉杏尖庄抹
 印緣濫劫灵茂
 戰漿咄客藍林
 意連仙路蕪尋
 勳緣受琴哭歸
 勳權麻庄殺經

文朝強艾切他艾朝
 情緣菱沛旦訥雷崔
 量春停决狹回祝油
 責庄責吝唐修悻術
 拙為香共塢咏坤寒
 浪勳情意世同劍育
 花資庄妾當和咲得
 曳接宝浩鞠歪特饒
 嚙荪尼連宮珠准咄
 舖情別余迯尼群付
 勳情恍驕堆边買情
 敢吁蕢準牖情碎昆

及矜得合腰輪
 文哭待節房用
 苑嫩最說詩齡
 栖花漢又添鮮
 娘睽恨砑涅花
 月香別意用孕
 筭誓西草文章
 認連域又暈勳
 篆誠宜片涿香
 押柰吟意堆侯
 文善草女仁箋
 嚮花弄又尋詩

念審煇文戰審旁誓
 台哭溫習料皮綉萌
 困緣文會噫名同茂
 拖墜月共台墜吸戈
 針又朗矚睥娥丙浪
 席排團吊蠅又畧床
 論墜塔崗苔行藎淹
 吏記香月姥湘履引
 余墜怨願杰松畧姜
 接祐莖薺拈頭曉蓮
 其垂煥矜怒願還絲
 睥輦終懸香多各味

記悉暇共呂來
 娘浪蒲柳拙身
 暮鞞珥文旌願
 誓悉待變河洲
 監吓併黷妒縣
 丈朝添文悽為
 侍路添喂標灯
 逐埃埃又坤拾
 愁亮護買吹号
 仍竹改渡金放
 翠靠墊罔困數
 鑾枝戰谿場名

貼靴眼啼審抹杏巾
 臚東仍戾王春沛煩
 鼻焮龜虎固連頂頭
 待饒連糾靴槐咄麻
 榜煥掠龜焮花倍之
 路迷塋買湄移買情
 賁霜秩哢連城点觚
 膝膠丈肱蘭金余墜
 边氷罔紫边移寗踈
 獨灵羨龜冉駛別鳧
 煇焮剗方驥牢介平
 委又仕收味美吮噉

蝥 屨 貼 朋 占 包
 引 同 改 鼈 陞 蟬
 脍 榮 焰 又 綿 時
 固 刘 吏 部 作 賢
 用 曉 文 華 船 術
 坡 配 腰 腹 臆 掠
 興 盃 充 噫 付 茹
 旬 世 櫓 點 春 撐
 忻 信 梁 曼 戰 叱
 鍊 坐 罕 色 空 瞻
 濫 弄 規 侶 拱 堆
 催 育 些 吏 別 些

夕 之 廢 耿 堯 猗 苦 悉
 敗 吞 宴 鞠 閣 東 席 排
 埃 不 庄 爾 伴 排 買 仙
 哭 身 本 巢 共 吁 援 例
 歟 都 厦 杞 最 棋 渡 腰
 穢 瀾 流 水 為 橋 烟 波
 戶 刘 文 珂 魁 哭 玉 卿
 身 莊 重 涅 端 貞 援 進
 丙 官 英 共 硬 茂 如 苑
 拙 願 迕 岳 群 嫌 渚 愧
 晉 秦 固 鍾 貝 身 蔡 花
 夕 咏 蒼 韜 別 哭 毓 庄

泝逝劉買疎浪
 戈啞也貝浩嶽
 官包雪待霜除
 遺情余噦從容
 習調帆菱臆綵
 嶽春買斲瀾理
 江亭堆我支那
 立韶琴瑟腔和
 茹萱添安悉慍
 預拌文札朱竹
 生皮鄂体信穩
 吏趣拜謝臺楊

自飢芝室貼平
 鄂車緹紵朱贖
 吁挽縵蕤校物
 役仁茹燭艾悉
 悉族船共如族
 旗懋院錦車龍
 臺梁探馭踰主
 封書龜逐信車
 尋冰遙帖也差
 例常庄路除生
 謝辭外氏挿排
 錢逵翁買斲詳
 貞

沒恙隨仍勤拳
 啞圭唉嗽尊公
 疥疎拙圍慢桃
 瞋匿如松念西
 及香買計事情
 丈枚倍探楊用
 秩瞋趁曲茂排
 緣於枚柳文團
 生浪拙又相交
 搥絲尼買哪啞
 淹念閣綿房紉
 逸迢英葩鳴青

只群咏戾朱絨磅禹
 閉姜溫匱思恙性腰
 困煥朱領砂惹哭枚
 謝術催吏蹠甞迎亭
 吁恹煥臆遞呈帳鴛
 面辭吁煇念冊余啞
 塘蘭朗等磅移蹈蘭
 尼埃匱倍持嚙亭皋
 渚共森合女苗支配
 行能人定有歪疝曉
 玉煥俞沛托窵秘角
 果枚之底連梗對𠂔

情車包官得車
 浪尼南北分岐
 歟虧駭互志鴻
 桓認庄女移和
 概情姘阮梗楊
 絕茂核屈膝得
 冊憐珥膝昆船
 寔蓬湄習臆毛
 淵吹文帶羨縣
 包侯襪暑茹春
 悲委是學世市
 泥之定省礼常

相知固世買哭相知
 包竹歪怒腰其貝悉
 聖蒙朱補心悉困盼
 嫩車柳包絲飾膝橫
 塊圭疎矧如羨蹻埃
 矜恨尫跳支迺賒梳
 勳舫覓襪膝扞道愁
 蒙雁搭妝阮萃拔盈
 頭枚包体鄉村斯又
 香遙嘖泮錦閨席高
 玉京瞋包咐嗃翔場
 為牢身頭名揚買哭

夫人吏牒傳嵒
 後刈買計萎初
 後舍吏嘑朱禽
 悉疎如癰如癆
 崔又悉匍負悉
 彼旁腰最湄枚
 尋車竹重猪詳
 嚼憤晒矜貝尋
 融更宮月慮矣
 翁絲窖咏多端
 鴛煥審脫梭戈
 閣楊皮席誕辰

村枚大小登科共皮
 彌梓朱認余詞帖庚
 歪高靈越坦平愁磋
 吸戈脫匍阻踏術窓
 暮鞞襍女符同為埃
 牢緣昂語朱尋持楊
 用秋永又信霜豁歪
 礮情亮敢珥啞及親
 融客車收融客咀嘆
 邑生隴待玉環群車
 頂椿余果雪它皂恨
 情融眷感戈恩輟雁

休姚翁買海生
 役刘姚買煇排
 娘皮直雪房香
 脂戈倍跋躡包
 為埃垵頂拉泖
 蔬桃院尾群絲
 倘脂仍嗜績聰
 為埃脊臉變肢
 分彈要話哭制
 杰悉咧漸願派
 包墜月買踈戈
 緣三油罕負悉

術圭牢水風声羨處
 意為婚事輒遲堵迎
 边聰女陣悽凉恪市
 泔堆竝又羨韶淑悉
 奄什稔塢禎蒙待除
 杏罌蛭祿蜂駟劍埃
 吻浪僅害容戮劍庄
 悲除群監代膝貝埃
 女時泥嗜同茂相聰
 自些春顧遜棋貝些
 絲絲共渚罕哭搥冲
 默埃吁埃從容拈市

隅際痕玉如炮
 自低湆接蘇海
 房貞式又鋪排
 瓶琴油鴉包練
 綴詩抽鶴絨吟
 筆花抽騷絨幘
 局棋油忍昂細
 市類市級市針
 証注付陣炤煨
 級焯渚外炆愁
 楊爺軒補陞京
 溪舍添遁溪茹

分竹哭世酉年共竹
 盞花無主包停自低
 毒牢監仍貼厄害台
 調高包不埃例審音
 品題埃凡知音貝舍
 襖埃麻認惶情朱哈
 体棋麻想仍時強添
 市埃群底之添絆維
 義誓低底記悉劫婪
 蛔沙袂隣信晃畧萌
 提携付頓水程襪畚
 欺車市別哭車余重

行裝截所皮冲
 江山慘幅愁撩
 箕亮吉傍艾堆
 箕亮迷尽真岸
 箕亮遠浦照囂
 箕亮波穰滂沫
 箕亮宜光煨霜
 箕亮浩冷歪秋
 箕亮斑最杜船
 箕亮竹淚染輸
 景箕添絆悉尼
 同言三柳買悲春

昆船擅祝都揔更縹
 景放易鄭色朝如吹
 余省歷隻雷催陣雁
 頂頤噤噉合散助朝
 賤丞摔鰲昆縹罽洞
 漁村余蓐栖歪斜阳
 永聃鍾曷群喋边菱
 洞庭傍朗艾湖膝印
 泊魁花雪江天艾牟
 洋湘左滴湄毛更迟
 鳳城燦翔市台匏斯
 边書匏体奏闻陞韶

北胡鼃腿昆驕
 璘樵拱栖升官
 檄勲艾牖麟傳
 翰林產固錢衛
 唉迎暫住朱斯
 戲賄述連及尼
 茹斃曰招孟固
 戈方探凭城幾
 生自蒼耨粉鄉
 墀揆月斛質浩
 料帆罽毼宣堂
 特啞蹠坂水行

踰震培馭袿蹠隘雁
 吏差楊將孖床後边
 什針役浩沛涓役茹
 貝夫人頗共哭同親
 待時揲賊瞠澄庄瀾
 遁樓所准持宜清閒
 什悉楊買探鞍埃外
 惜包胡羯仍類犬羊
 歪秋巴胆盪湘艾時
 題市巷旦午排輶粧
 長州嗔吏尋迦璘程
 醵揆帆英青艾艾洲

軒	笑	夢	隍	綿	別	樓	盧	倍	蔡	園	別
棋	疎	吟	啞	蚤	埃	疎	疎	迎	資	積	包
落	壁	典	坤	噪	候	焜	松	深	揅	怒	引
度	埃	畧	蓬	晦	晦	煩	檜	趣	揅	趣	波
駢	蠅	亭	夕	斯	事	遠	梗	園	徐	采	誓
疎	又	波	清	賒	緣	須	嫩	斯	埃	杓	淹

舞	社	標	慍	買	回	抹	霜	艾	落	鎮	灝
煮	疎	空	娘	詳	公	差	印	塏	寔	姚	鴻
怒	隔	燕	邊	門	皮	丙	林	韜	余	紫	飲
唯	余	斯	象	脉	体	撤	砂	碧	點	魏	仍
時	進	忘	愁	盼	艸	葉	雪	介	花	汾	惜
初	層	斜	觥	宅	船	蘓	痔	各	枚	群	憺
戰	得	蝨	泣	赴	路	永	埃	闌	息	渚	浩
同	疎	扛	座	京	墨	援	蒼	齋	浪	波	嶽

眉楊奔樞芙蓉
 指誓陵物知又
 惘春桃矣啗其
 欺牢齋罔粉樓
 意埃拉炤指香
 恨貞慕浚底落
 枚牢皮及圃公
 省番衛細住房
 娘徐住寓閉矜
 秩賁錢訥保信
 楊公墨牋軍卑
 文茹賁訥墜堅

驟花添戈枕悉生離
 瓶埃整莽群之章臺
 毵紅猪姁種得市亮
 除牢散作杰油燧相
 底埃湟矸泐鑽尼低
 脰怜卽最魄醒懔懷
 用移急吟家童蓀湯
 戰盆渚嗜脉湘吏信
 湓翰吝矚朶逖点齋
 賊胡迎渚圃洪玉開
 廟堂矜檄謀羊哉排
 事俞箕貝事莢咭牢

掩生夕業賜桃
 漏巖浩泚更沉
 隘逖信息溪岸
 掣包分懷如詞
 脂又煮月花烟
 波愁強未強潛
 亭波自販吏術
 姚生采晦殷勤
 生浪緣劫撲揚
 敢踈咤世年竹
 吏之朱重飲油
 臉鵬趁萬悲淵

沛罌穉葵管苞菁
 催來朗想吏恍矢嘆
 圍顰泚泚茹蘭栗駟
 女平生沒鬢絲渚填
 枚瘳局紉柳顛烏眉
 匏塘箕吏沒尼買稽
 嗜鵬也噲膝夏曉春
 襖時詩舉押分紹湯
 他催之拷典唐功名
 棲班卦紀窗螢迺秋
 麻曉月埃雲衢夕制
 不平啻役育歪共冲

賄唾如摺干濃
 史經吏亘業常
 勅詩喋喋竟又
 千師案考皮冬
 率槐橫秩磋梗
 喉浪透臚及期
 便朱姚第曉旁
 榜秋烓又題銑
 藝術唐窘訃蹟
 領啞鞋畧娃萊
 綴溫倅李珥閒
 隊尼角爲笛朝

因期赴舉決志尋芳
 棉花添改玉煥添揮
 回莪生買頭毛順湘
 院菱最也所泥扣青
 畧隣飽吸登程署詩
 越蛟尾令男兒蕩漣
 寒毒風月亘功淵烟
 便唐急吏踰連金春
 矣朱巴捷梓吝盼枚
 姚生也限旁移真邈
 國書輝艤風光堆掉
 騰魚輻渚啗樵真逖

景清疎余市哈
 哨繁荅实尼又
 南京依期校卷題名
 陣秋旗敝堂城文埃
 余番此飭都才
 省元秩解魁排林滄
 錢融姚共瓊行
 廳迤旗捷坡相日付
 雙旬宴飲番連
 鷓鴣秘吏向臺燕裸艚
 慍尼易我懋晃
 沒貞貞鄭隊蚩文肉
 冬術嚳碧隋青
 崗旗焉糾淹高橋悉
 品題丙撰詩筒
 城春也燭迷菴式融
 行技皮度車侵
 密差急也朱噪役娘
 只駐彷彿信接
 奔埃流落渚詳別尼
 枕薪直弄絕海
 想緣畏夏傷得巴為
 後詩誠共於何
 詰得姚訥尽辭買晤

景市仕戈卷晃	輶花否膝花移	論時鎖朗窗桃	娘自信隘付茹	園婪竹石產床	甄番覓政役外	茱刃皮定旬萎	孩遙添振掣煩	衫青祿浩香歪	付肱梁吏探花	坦平丈嗜靈樾	仞才咆玉噴奎
忙嘆情買添愁後初	肅膝覓膝膝燭得愁	月香別意立迢罨制	接舍接客別哭包饒	連公署妬哭墻前衙	梁匄翰苑請台玉堂	皮信边振倍保官差	戔膝初匄礮願註晃	屏屏各價齟迤因綠	苑生黃甲共座亞魁	仁生調預罨時危科	耳羨滌滢立仕翹逯

岸迷津泊如誦 曉鏡雙天也皮昂鞭
 坡相隊雪包奈 市埃蔭冷市埃吼裴
 想身戰月誓倍 房東坡意望市催
 巴春仍准今孟 仍香仍烙仍埃如徐
 嗜螭高湟臆逐 隔墻生共欺皮蹠清
 梗腴院臆蒙萌 葉砧脆客嗜鯨肱秋
 景愁如橋得愁 欺陳育矜欺油汜核
 抄得樞弄踰逐 羨誓竹底典尋再生
 呂羨飄浩淚汀 意緣負客台角負緣
 市些浹洲嶽願 悉市鍾萬取蔭貝埃
 咏嫩脂舞情幾 月棋邊篆香抹畧廉
 隔花朗曉驟蟾 逐驚他切瀾襜文早

襖單蓓律痕漆桃油又塢柳啼又瘥
 得初仕女仍尋月香共旦之低選其
 仍哭隔極屈壓嫩蓬涵語余近又重
 蹤光肉假考菱逗花篆固裊通驗牆
 鞋文吝趾又迎隔墻也呼嗜橫車遙
 想羣徐哭包除双又堆栖群与占包
 用嫠湄煥臆櫟外同厨跌別包饒情
 別亮香炤巴生群腴群臆群盈彖些
 葉彈也呂吏和買哭絲運買哭月磋
 娘瞋淡粹添落泮墜末吏煇排鬢絲
 才郎市浦如初舍昂綠莊乘於每唐
 惜台霜雪蔽強絲綠埃有自松麻催

誓花為哨啼又
 燭鏗產膝膝襟
 催緣亮女麻咻
 团菱文成積西
 堅誓油矣拙悉
 時貧曲買腔和
 有悉買腔膝冲
 畧蘭笏膝拐啞
 臉傷逐慘音恢
 主引箕唉翁緣
 張悉齋鏢文啞
 高諤吁矣証朱
 吻記悉喬惜啞貝花
 埃兮煥矻俊罍吉淋
 蛔王吏余絲尋女低
 爰恩尼典肱尼哭冲
 連墓洩戰醯艷共哭
 竹絲箕莊竹花怒濃
 謝悉哪近哪悉世催
 膝憐花朗蛸移曲吟
 訥馨院柳如潭局湄
 市埃臉栗腰駝貝埃
 林盛侯易別尼噪徒
 及低辨拙緣由村哭

生	恤	傷	事	情	強	因	眼	哈	捻	批	計
賄	陸	喂	舍	其	賄	牢	尼	晃	昌	南	徐
垂	鐵	同	計	市	強	娘	合	桃	枚	斃	營
莊	買	跌	歇	負	文	寓	福	念	詫	悉	柳
如	吟	長	消	之	惱	尼	賄	群	坊	唐	移
胞	啞	城	耗	緣	懷	低	詞	盈	晃	擅	車
奎	及	車	也	腮	埃	仍	買	同	朽	為	開
丕	蹠	吹	停	撮	咭	牢	哈	藤	庄	埃	刈
包	共	市	隻	渭	埃	農	浪	吏	仍	蘇	欺
決	客	透	栢	犯	其	後	固	嚙	朽	後	押
胞	圭	共	泮	朱	群	困	沼	臆	性	遠	亭
市	導	齡	泮	穢	悉	盼	香	清	饒	沉	波
丁	別	信	冷	挺	落	咤	切	晃	在	困	欺
寧	市	啼	汀	市	悵	共	尼	唐	舍	數	昇

培胡文陣扶清
 強吹感激勤奉
 逐麤髮共汜堅
 別離埃觸誠垂
 凡幾尋吏陌堂
 覓文進父堅奏
 今持髮發即時
 些時言特待
 負震雲吉頽華
 監斯余陣兵交
 炮是公伏同入
 大仁信變鼓兵

功械枚特綠齡共
 梗嘆阮咀素涓膝移
 准樓樵怒哨尋昭冬
 強毛淡粹強濃壯傷
 連瓶剖表散霜連朝
 旗差陳甲太油便宜
 精兵進萬屬隨縣員
 音又最桐車擅啟行
 共饒欺張丞情官包
 追軍透坦嚇色城空
 累皮夾打巴安仆光
 屯浪際危料舍神軍

廟堂儉重延分
 便宜各役邊陲
 買哈媽住賤衙
 役邊明付信梁
 連飽改畧香月
 勿食哭祿咀嘆
 焉埃朱累典埃
 相粗庄凍夾垂
 呈浪鳧也丕苟
 情箕被岸实浪
 厘命王隆垂碑
 批迷娘也鳧信

行邊吏道重臣指揮
 運糧姚共卽苟菴罌
 同安便体告戈蓮塘
 直萎香也糟床聰瞋
 瞋信娘仍吸提隊干
 决証市託墜干重柰
 他料舍泊矯差符同
 月也潸重貞終難尼
 晒料鳧女益之帝庄
 情箕双吏弋朋孝其
 買哭仁重分劫兩全
 梓寅香吏跼邊練排

莠其麻者穰尼
 朱夫人拙呵唏
 淹啞娘共束矣
 聃信庄掣後娘
 仍謂驛提魯巴
 吏聃仍事訛付
 寔虛埃辨朱詳
 局甚渚與波槐
 哨亮咤垣垢歪
 玉璫製後荷娘
 性為髮共勸娘
 体啞鸞燕暖高

固庄待世文然翁衲
 院賄狀意之奚敢垠
 時例溫清炆旬燬香
 駭車吏後臺梁於茹
 皮聃陳請車宅行邊
 憚悉隴仍砒煩塔傷
 礼招旬莫例常少晃
 俸仍摸惱連愁麻制
 信遙刘共車吹麻渣
 对味禧自劍斤料礦
 嚼紱恒綏哭常朽菟
 強滇浹於強炮悉齋

浪細常礮芮嶽
 屋之文媼紅裙
 催又也丕時催
 化工固舌之命
 芒包絨朦退茂
 嚼浪瘠芮泮淹
 於我悉訥絨啞
 尔至薩修記廣
 緣其催丕共油
 時春怙仍舌催
 礼透科吏引填
 戶藍固文得市

笑群宇宙哭群并倫
 主花什也東君帝未
 共料鴈扮朱未時青
 撩翹貞白伶又朱曉
 待旬煥點吱嘆如空
 翹尼失庄燭終貝得
 劍台丐栖見得無良
 緋萌埃敢讀唐女亮
 女箕埃吏夕恤忙埃
 夫人倍也弄排押緣
 幾昇此翹怙趙埃色
 眈信差緋吏梓紵紅

及至眼啼皮冲
 陈娘勤喻困徐
 及冷娘更收呈
 分牢分并如詞
 边唐埕郭油又
 西啐共文身昇
 墜証易債胞贅
 祈執媒仍懶愧
 按菱塌專誇光
 明之仍事寻些
 等貞哭分婢娟
 妾命貞仍舊樣

别是也罕如垂朱猪
 練踈腕奄滌渭堆行
 公疎蒲柳呂篆遠姁
 生成女者包除特晃
 桶市悵悒爵愁貝埃
 吞朱隻衿論花貝甘
 袪墜妝輶曉夕暮簪
 吏按至破麻衫嘉昂
 債聰娘買計詳財臻
 抄舍執渚咭哭庄鐵
 指琴意吏戈船市油
 吏批袂嗜那路麻制

夫人聰敏每至
綠尼庄特盤皆
轉東付驤付通
展臻栗兩哈年
菱穿敢栲生成
孝貞貞仍兼堆
分麻墨王共油
審明堆戎洞澄
鑒哭文擲布荆
絲絲布結帶同
浚貞強栲強方
栲發栲吏及方

浪牢也別仍尼付外
珥恍煥稔麻驪夕常
傳崇吸畧臺粧趾色
拾機奇失車包害生
別絲伶別分伶世雀
恩茹矣畧菱尋有菱
栲鼻底泝湯樓庄仍
文念鏤磬透庄矣情
文悲沛者典伶買冲
蘇途約梓相逢剪菱
松貞雀共杰油臄膝
玉吹局沁香凌馬磬

樓巖永尾埃台
園萎棟秩杆花
哭嘆夾萍驗崇
惜蕤之女共浪
呵浪卓啗議名
瞿鴻丞液冥忙
不情之用化工
尋行誼客容侵
漢沱液苦海灘
同哀疾字戶童
嗟得冷又瞋賒
暮庭杵杵年擔

各瞋承又更遲点巴
提澄灌丐頭坡戈角
燐垂貝渚提情貝肢
酉麻固托於平空生
牢朱沛分事角時甘
寃身冰雪改舍蛟竜
朱尋襖臚膊紅夕之
夕朱耆枝剗鬬買崔
別浪福善固丞女空
固京皮及順洲裙戈
急尋水手補槎越貼
泮詳買燐每念婆農

脫催官買灰悉
 惜台冲玉皇牙
 梭蟬埃爭哭饒
 定舍麻者姜尋
 枚低戴浩及饒
 潮暄淡玉湓堤
 祕疎隊方生成
 翁絲栗弄駢燒
 椿粉油吏縋戈
 吏弄猪灶貝葵
 同萬謝拙厚情
 未低底域阮源

看展節涇谷坤實哭
 女振之底浦花憂歎
 涇舍之路哭料貝埃
 底功趁符舌崔典堯
 崔時合浦朱珠吏術
 禡崔買計北犀事余
 歛駢埃易摠情特堯
 害舍毓浦吟愁毗番
 梗接压橋樓花珣尋
 他朱泚泊底未尋青
 垠尼枚固來生哭群
 犬朱膝个吏潞眉蟬

腰為渾重為傳
 身繞為拙罔忙
 鼻簪攔搦姜軒
 未罽莫偈猜經
 忌悉敢蚤畧啞
 茹劉驚駭別包
 頭濫脰罽各貼
 娘什特准娘如
 惜台嘖喘朱莪
 尋洋堆賴猪又
 廣翰玉移麻忙
 余秋菴殘機又

夫人吏咤典啞多忙
 買台厝造循環濫朱
 枚姜瞠悵縹奴特什
 杰羊洒帝朱青且莪
 謝辭催脫船吹渡市
 憚忙賴晦嚷嗃差尋
 恹之底液摸針興何
 害哭哭沕傷為噫啞
 丐屢是造害制朗盧
 边迷水国边与雲卿
 底朱塢荏派廣哭低
 剔堯生矣勣回苻壓

撫術重激啞勸
併糧胡仍底用
扛佳蚌鵲包委
姚許踴細隘逯
幕為統將徽陵
領軍姚共決排
肱虧喇体兵情
破醫抄共易洋
限朱除丑店枚
遭尼高阜時驥
梁皮屬抄帳驛
封中院尾群印

塔高星姜探紆卓忠
戰浪个裡鵠鼈倍亮
膝烏夏逐邇秋匱迅
信梁別駭斡國匱悞
揀軍謹呈於澄庄差
特付卽刻啣枚潛行
荒旗禾芴藏更雉長
棟營急草合引密排
醕旗号銳韞外夾攻
齎楣順臆丈卦謝匱
覽銘乃鼈納匱呈貼
荆曉实酒符掩仍時

諸軍曉頭數吟
 聖揚斯共通信
 格之俗櫃器外
 乘机妒焰鱗穉
 清平文表奏趾
 家書珥耳真雁
 芸香飽畧呈戈
 梗愁拮珥如空
 倉庚各賢眾鳥
 蛭迅文公齊秋
 尋才畧几精忠
 唯朱世囊術嬖

別謀礎梗楷珣待
 會兵文刻解連台
 意兕脫罪所末立
 覓棘崑又培紅湊
 請台鞍扣真擺訛
 信齡勳也律幔錢
 浚親浚姜如花姜
 強貼信報強蒙度
 燭詳本道矯術京
 問唐縣細晏周多
 掇色功載訓封列
 吟又券崗滿又書

沐媚泯淡重
 連惘賓友炤床
 買鄂蔭補赴京
 酉欺盃共郭念
 炤香市缶之低
 塊情忙張旂茂
 惜花垠時湮愁
 役之篆恪穉慍
 傷情麻吟嘆朱
 牢空奏典丹墀
 賄丞倍草本奏
 剗丞燭燭慍情

浪潘帶合尋執陌堂
 固刘公子英娘玉卿
 旦恩因計阮梗事嬌
 渚甘情怒吏添又尼
 席料官浩廊逯矣早
 鼎鍾侯易安楚特亮
 皮欺揚將催侯色制
 僂陞生吏証請緣由
 浪名節意蒼秋埃皮
 和吳情意拙之者餅
 色轉便殿眼姿進呈
 臚悉莧勅謹名扁廣

弘拖院尾剛常
 塘柅坎塏奏戈
 仍哭捺頭埃外
 融選龜詔証抹
 謝思共龜殿廣
 衛營參減事茹
 縑細復矣冷冷
 為埃朱舌崔燒
 庄琴瑟共糟糠
 及虎紉淚欺市
 繇其也礮誓信
 朽緣強援絲愁

從容吏判付楊事茹
 倏灰文媽旬它瞻台
 房春輒咲群棋圍核
 瑤仙付急逞堆共私
 信惘市也及唐拷車
 竹尋故菱市些至情
 市也結勘吟煤之亮
 意埃捲特縑愁朱當
 殺紱世庄倍廣陸菟
 陸添愜栖瞠包貝埃
 身其軀介秋丕受亮
 朽身泣吏添時恒情

選制皮及姚生
 敢咆要也差末
 情夫如姜君親
 碎昆拙分彌鯁
 班寬椿松萱疾
 默身拊圍最救
 博欺當激麻機
 姜箕竹塋崗滴
 油庄撻捧綠生
 意堅心腑共度
 槽坪懣所礼僕
 增姝文局慍圃

咀嘆梁買計盈曲
 批經篆意罽啼陳
 勳三綱意貼分市
 泉末媵吏器園噪
 沁願有室旦例渚
 抄悉為拙姜身世
 孝情吏抄揚度默
 扁煥枚替符同共
 竹末止廟封墳併
 併牢朱特署姜院
 莖番青及花期就
 觀刻納采定身迎

連安燭挂印
 鄒旭弄縣又
 繆才死色埃
 也尋冒吏尋
 強添鄉紉紉
 臉遙堅翅毳
 斯耻台汰各
 隊娘吓眠署
 娘耻練又松
 瓦枚庄矯作
 頗哭靈冥別
 年平舍正裡

徵陵泉府助
 王光室帶霜
 盪州意客瑤
 計年朱掣情
 在竹个浩緣
 皮電提字船
 牌差吏覓扁
 共夕文表且
 勃縣敢動高
 恒行緣意吏
 意笑別特音
 默埃辣斐曼
 情抄之

泮唾翁更拔接
 油浪借推結韻
 香稱又洗襪舍
 錦祝京采罔滕
 泮唾彌又朗昭
 散霜皮眼班朝
 雲浪尼美天象
 隊刘公子貼詩
 翁絲局著買奇
 罔梁付吏聘堆
 秀頌文品昂瘦
 語鄂恩濟重又

浪如碑意勅其負之
 哭哪玉旨敢非翠情
 春亮亡考傲竹帝庄
 台晃哭庄赤繩產車
 謝辭連蹠蹈術軒姿
 表文童奄絕偷堪殿
 玉璫齡度王連之讓
 頭眉銓輶槽煉庄而
 者恩渭沐填真姜竹枚
 淡它情畧填苦姜姜
 罔朱門剡綵頭正危
 命边扣謝璣旌畧術

惡花泣飲准皮
 然又湮粉添鮮
 想浪冲道常情
 台亮群托庄泥
 新秋陟竿艾導
 願為拙菱苗強
 夕朱柳塢焚油
 為碎底舌旦尋
 停浪準玉沉珠
 意吳枕造冉牟
 悲陰滂浩默尋
 欺笑响映天色

倍熿包畧香围昨墜
 汎江計歇頭雖事禽
 身蒲矣祕諄貞少例
 後念朽吏麻積創莪
 意埃吏敢貼埃夕常
 潁禽包盎戰場貝燒
 暮蒲底艾梗愁朱埃
 抄禽又庄吟愧凜咄
 埃与勸埃岡浮体虎
 絲初贖陣思婪填培
 榮花貞裡艾莪台年
 芳源干意少年朱佇

余至燠發丁宁
薦生迷閑席花
車珠幕西廂行
金莢初匝吏例
貼堯珍重月音
冰傾花朵膠囊
察朱功課夢術
茹安皮標浩平
綿還艾莢紅旗
苑堂楊岳仁親
拂披点粉粧紅
奔孟棋局脂瓢

曲垂定繡絲情擇
管弦雙礼蒼火炤
席春洞雀朋家哭
苔添毳綿玉團仙
世市監底情緣未
也官彈怒吏韻詩
月香劣特預皮小
年生調吸丹廷榮
梁奇回老苑荀完
援例苑共表陳明
絲苑阮柳香崑跡
琴边膝月歌頭岸
椿

便唐水道從容
 朝埃花韜都鮮
 香穗同埃梓枌
 尋迤連几惘惘
 府苑席玉舖排
 洞房金榜各覽
 臺楊銜准巴亭
 炤煉騎馭貼花
 艾茹堆甍滲傷
 院旗迤邐村槐
 嗜蕢越垣窳墮
 翠貞惘惘蘇唐

昆船吏順文湘浩吹
 省鵲亮也吟尋故人
 長州矜也斯又細尼
 寄船生共便移典制
 迷菴旗翻香彩戰喬
 欺慙計歛包荒哭情
 席慙共連仁生迎茹
 信衛苞旦差衛迺呈
 歲生車取產床畧姿
 蓬萊車崔揚州般戕
 罔刈車共日付信遯
 辣星付市罔蒙也捐

脈增曉夜帆語繁民隊番國毒花
 文煉秋箴寂宵花光番國毒花
 群與吟拙文詔補奇陳文精駘
 雅幣脆庄莞鳳課果耗席爰造
 湘吏梓差淵冷市務嘆其綿宣道
 儒圭哲託樓又事丕紅緹絲道

熙躡表祿趙吏也聽玉菊連仁
 置駒辟丕陞寃脫寃福香辣海庄情
 余弄吏連脫寃福香辣海庄情
 朕扣袂度也脊厚連動戰絆買
 色丙省橫趙吏陵香某還朱
 舖車親茹頭京褰躡躡金送每
 恬庵少君南連躡躡金送每
 冷藹例民衙朝朱衙朱官詔初

產初蘭蕙芳梗
 情恩牧觀每皮
 福常煥典兒孫
 躋源盤吏麻制
 褻情極捧哭冲
 欺朋抗整唾圭
 昇倫爛底伶伶
 哺鄂整恤更長

礼詩擬法綴更詩例
 寄身龜困結誼姚門
 榜廣燒塲團齋唯莢
 風光仁詩埃莢埃空
 畧委院文詩以貝稽
 摘句情欲曉皮孝貞
 渚寔歌唱夕輕夕常
 拱絲撻吏弄唐仕吟

SƠ KINH TÂN TRANG

PHẠM THÁI

PHẠM THÁI

(1777- 1813)

Ông người xã Yên Thường, huyện Đông Ngàn, trấn Kinh Bắc (nay thuộc ngoại thành Hà Nội).

Thân phụ ông trước làm quan với nhà Lê, được phong tước Trạch Trung hầu. Sau khi Tây Sơn dứt nhà Lê (1789), ông định khởi binh chống lại nhưng việc không thành. Ông lại định nối chí thân phụ, đi tìm người đồng chí để lo sự khôi phục. Vì bị truy nã, ông phải khoác áo nhà sư vào tu ở chùa Tiêu Sơn (huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh) lấy pháp danh là *Phổ Chiêu thiền sư*.

Một người bạn đồng chí là Trương Đăng Thụ đương làm quan ở Lạng Sơn cho người về chùa đón ông lên đấy, nhưng không được bao lâu thì người bạn của ông mất. Ông đưa thi hài người bạn về làng Thanh Nê thuộc huyện Kiến Xương, trấn Sơn Nam (Có thuyết cho rằng Thanh Nê thuộc huyện Ý Yên) và ở lại đó ít lâu. Trong thời gian này, ông biết người em gái của bạn là *Trương Quỳnh Như*. Hai người đem lòng thương yêu nhau, làm thơ văn tỏ tình với nhau.

Cha của Quỳnh Như biết rõ gốc gác của Phạm Thái có ý muốn gả con gái cho nhưng bà mẹ lại không ưng. Bị ép phải lấy một người khác, Quỳnh Như sau buồn bực mà chết (có sách nói là *tự ái*¹), Phạm Thái mất người yêu, lại thất bại trong việc chống Tây Sơn, sinh ra chán đời, chỉ uống rượu li bì, đi lang thang khắp nơi nên có hiệu là *Chiêu Lì*.

Năm 37 tuổi ông mất ở Thanh Hóa. Tác phẩm của ông có:

1. *Chiến tụng Tây Hồ phú* (Nôm): Bài này ông viết ra là để chống lại Nguyễn Huy Lượng, một cự thần của nhà Lê đã ra phục vụ nhà Tây Sơn, người đã soạn bài *Tụng Tây Hồ phú* trong mô tả và ngợi khen phong cảnh Tây Hồ (Hà Nội) và tán tụng công đức nhà Tây Sơn.

2. Một số bài *thơ* và bài *từ*.

3. *Truyện Sơ kính tân trang* (lược gương trau giới mới lại) soạn vào khoảng đầu thế kỷ thứ XIX (1804) trong đó ông kể lại cuộc tình duyên trắc trở của mình với nàng Trương Quỳnh Như.

1. Theo bài *Văn tế Quỳnh Như* của Phạm Thái đọc trước mộ nàng thì có thể là nàng đã tự ái:

*Ta hăm hở chí trai hồ thi, bởi đợi tình cho nắn ná nhân duyên;
Mình long đong phận gái liễu bồ, vì phận hóa ngang tàng tính mệnh.*

LƯỢC TRUYỆN SƠ KÍNH TÂN TRANG

Truyện kể cuộc tình duyên trắc trở của Phạm Kim với Trương Quỳnh nương.

Nguyên hai bên cha mẹ đã trao đổi *lược* (sơ) và *gương* (kính) để đính ước cho đôi lứa nhưng rồi vì loạn lạc xảy ra khiến cho hai gia đình phải xa nhau mà không liên lạc tin tức trở lại được.

Bên gia đình họ Phạm thì cửa nhà tan tác và cha của Phạm Kim qua đời. Chàng sinh ra đau buồn mới đi ngao du. Tình cờ chàng tìm được nhà họ Trương, gặp Quỳnh nương và cùng nhau tỏ bày tình yêu qua những bài thơ thăm kín trao đổi.

Bất ngờ có một vị đô đốc quyền thế đến nhà họ Trương xin hỏi cưới Quỳnh nương.

Trương Công vô cùng bối rối chưa biết tính sao. Quỳnh nương biết khó tránh khỏi sự bức hôn nên nhắn tin cho Phạm Kim tới để được gặp mặt, từ biệt người yêu rồi uống thuốc độc tự tử.

Phạm Kim, sau cái chết của Quỳnh nương, buồn bã vô cùng mới đem thân nương cửa Phật để cố làm dịu vết thương lòng.

Trương công lại còn một người con gái nữa là Thụy Châu. Khi nàng đến tuổi cài trâm thì nhà vua có lệnh tuyển cung nữ. Nàng phải cải trang làm một đạo sĩ, rời nhà đi vân du với một nữ tỳ giả làm tiểu đồng. Tình cờ nàng lại tới vãng cảnh chùa của Phạm Kim và ở đây nàng với *lót đạo sĩ* đã cùng vị tăng họ Phạm kia làm thơ xướng họa rất là tương đắc.

Sau đó Phạm Kim bỏ chùa về tiếp tục việc học, không ngờ lại đến thụ giáo Trương công và được thầy mến tài cho lưu lại trong nhà ăn học. Phạm Kim có dịp nhận ra người con gái cải trang đạo sĩ chính là Thụy Châu, em của Quỳnh nương, nhờ những kỷ vật còn lưu giữ được. Thế là vành lược cũ đính ước cùng cô chị nay lại được gài lên mái tóc cô em (tân trang).

Tuy vui duyên mới nhưng chàng Phạm Kim vẫn không quên được tình xưa với Quỳnh nương.

Truyện *Sơ kính tân trang* như sơ lược ở trên đã không dựa theo một tác phẩm cổ nào của Trung Quốc mà là câu chuyện của chính đời tác giả đã được thêm thắt đôi chút cho ly kỳ hơn, như việc đem duyên em thay cho tình chị ở phần cuối. Có thể nói đây là một câu chuyện tình vô cùng lãng mạn trong xã hội Nho giáo thời xưa mà trai gái phải “*thụ thụ bất thân*”. Thế mà Trương

Quỳnh nương, một cô gái con nhà thi lễ, đã dám tự do yêu đương, làm thơ trao đổi thăm kín với bạn trai thì đã không còn coi nền luân lý Khổng Mạnh ra gì nữa. Rồi đến khi bị một vị đô đốc bức hôn, nàng đã quyết định nửa đêm đến với người yêu:

*Hai bên than trúc nguyên mai,
Trách khuôn duyên nữ hẹp hòi lượng dung.*

(c.683 - c.684)

*Khăng khăng sắt đá một lòng,
Uớc nguyên cây có non sông biết tình.
Chuyện thôi, hồi trống giục canh,
Tạ chàng nàng mới sắp sanh ra về.*

(c.697 - c.700)

để rồi quyết liều mình:

Ngũ hoa một chén, cứu truyền nghìn thu

(c.730)

Việc nàng tự tử để giữ mối tình chung thủy với người yêu khiến ta có cảm tưởng như câu chuyện mới xảy ra gần đây chứ không phải ở vào thời xa xưa ấy nữa.

Mà Phạm Kim cũng chỉ là một khách hào hoa nên sau cái chết của người yêu, gan trắng sĩa cũng trở thành mây khói. Chàng chỉ còn biết kéo dài ngày tháng vô vọng trong quán rượu mà:

*Đưa lời cho tới cung mây,
Mối sầu xin gỡ cho đây với cùng.*

(c.747 - c.748)

*Chàng thêm thắc mắc bên lòng,
Đã hoa liễu trận, lại phong sương hồi.
Con say tỉnh, lúc đây vui,
Đương năn nỉ nguyệt, bỗng cười cợt hoa.
Ma từng chữa, thuốc từng tra,
Thầy non Biển Thước, sư già Lão quân.
Bệnh mười chẳng giảm một phân,
Rè chuông, thùng trống, sai cân, mòn cầu.*

(c.823 - c.830)

Chàng sinh ra đau bệnh, thuốc gì chữa cũng không khỏi... Khách hào hùng như vậy hỏi còn đâu. Về sau, để quên đi nỗi thất tình, chàng đã tìm đến cửa thiền nhưng rồi lại vướng vào mối tình khác cũng không kém phần lãng mạn.

Thật là “một giấc mơ trong thư phòng” nhưng qua tác phẩm *Sơ kinh tân trang* ta lại thấy được tâm hồn của Phạm Thái lần lượt bộc lộ ra với từng vần thơ say đắm.

Tiếc rằng những câu thơ lục bát ấy còn chưa được nhả luyện cho lắm nhưng mấy bài *từ* của ông thì lại là những sáng tác vào hàng đầu tiên ở nước ta đáng kể là đặc sắc.

VẤN ĐỀ KHẢO ĐỊNH VÀ CHÚ GIẢI TRUYỆN SƠ KÍNH TÂN TRANG

Truyện *Sơ kính tân trang* đã được viết ra từ năm 1804, nhưng chưa có bản Nôm nào được khắc in.

Bản in bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên là ở trong quyển *Phố Chiêu thiên sư thi văn tập* do Sở Cuồng LÊ DƯ phiên âm và do nhà Nam Ký xuất bản năm 1932 ở Hà Nội.

Khi biên soạn quyển *Sơ kính tân trang*, xuất bản năm 1960, ông Lại Ngọc Cang có tìm thấy ở Thư viện Ủy ban Khoa học Nhà nước một bản Nôm chép tay nhan đề là *Châu sơ kim kính lục*, đánh số AB 275. Bản này, theo ông Lại Ngọc Cang, “*hình như mới chép gần đây vì giấy còn mới*”.

Căn cứ vào phần khảo dị - so với bản của Lê Dư phiên âm - thì thấy người sao chép đã viết thêm vào ở đoạn mở đầu và đoạn kết thúc.

Đoạn *mở đầu*, người sao chép đã phỏng theo *Truyện Kiều* của Nguyễn Du mà cũng bắt đầu bằng hai chữ *trăm năm* và cũng lấy hai chữ *duyên* và *phận* để dựng lên một triết thuyết cho tác phẩm của Phạm Thái.

Ở đoạn *kết thúc*, người sao chép cũng đã phỏng theo *Truyện Kiều* của Nguyễn Du mà viết rằng:

*Khi nhàn nhật nhạnh lời quê,
Nói đường cổ chuyện, góp bề nam âm.*

Sự mô phỏng ấy để sửa lại truyện *Sơ kính tân trang* cũng không khác gì Nguyễn Thiện đã mượn các câu *Kiều* để nhuận sắc *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự.

Bản Nôm ấy đã làm sai lạc nguyên tác của Phạm Thái khá nhiều nên chúng tôi đã không dùng để *khảo dị* và chỉ lấy bản phiên âm của Lê Dư làm *văn bản để chú thích*.

Về việc *chú thích*, chúng tôi nhận thấy cũng có những khó khăn không giống với các truyện Nôm khác. Lời văn thì không cổ lắm nên không có mấy chữ cổ nhưng lại có những từ ngữ do Phạm Thái đặt ra, cả *danh từ chung* lẫn *danh từ riêng* nên việc chú thích cũng còn có chỗ nghi vấn. Riêng về các *tên chùa* mà ông kể ra thì thật nhiều, nếu là người chưa đến tham quan thì khi chú thích cũng chỉ căn cứ vào sách báo tất không khỏi có chỗ sai lầm.

Thí dụ như *chùa núi Yên Tử* mà chính Phạm Thái viết:

Mây giăng thượng điện ngất chừng

thì cũng đã không rõ ràng, dễ gây ngộ nhận. Thực ra ở núi Yên Tử *chùa Đồng* mới có cảnh “mây giăng ngất chừng”, nhưng *chùa Đồng* lại không phải là một ngôi chùa thực thụ mà chỉ là một cái *miếu* nhỏ cao có 1,35 mét đế rộng có 1,10 mét và dài 1,40 mét. *Thượng điện tức Đại hùng bảo điện* lại là ngôi *chùa Hoa Yên*. Đây mới là ngôi chùa chính mà người ta gọi là *chùa Cả*. Ngôi thượng điện này chỉ ở lưng chừng núi, tuy cao nhưng mới ở độ 500 mét còn *chùa Đồng* mới cao trên 1.000 mét. Có nhiều người đi thăm núi Yên Tử nhưng chỉ leo lên tới *chùa Hoa Yên* rồi xuống.

Nguyễn Trãi khi đến thăm núi Yên Tử cũng có bài thơ *Đề Yên Tử sơn Hoa Yên tự* với câu mở đầu:

Yên Sơn sơn thượng tối cao phong

(Chùa Hoa Yên ở trên ngọn cao nhất của núi Yên Tử)

thì cũng làm nhiều người hiểu lầm là chùa ấy ở trên đỉnh núi.

Quyển *Sơ kính tân trang* lại có nhiều từ ngữ về Phật giáo. Chúng tôi đã căn cứ vào các bộ *Tự điển Phật học* để tra cứu và chú thích cho rõ ràng và chính xác.

Nói chung trong việc *chú thích* chúng tôi đã rất thận trọng, nhưng vẫn tự nghĩ khó tránh khỏi những sơ xuất.

BẢNG VIẾT TẮT

C.O.	:	Cung oán ngâm khúc
C.P.N.	:	Chinh phụ ngâm khúc
H.T.	:	Hoa tiên
N.C.T.	:	Nguyễn Công Trứ
N.Đ.M.	:	Nhị độ mai
T.K.	:	Truyện Kiều
T.T.K.	:	Tự tình khúc
H.T.C.	:	Huỳnh Tịnh Của

SƠ KÍNH TÂN TRANG ¹

PHẦN MỞ ĐẦU

Trước cảnh xuân, nhớ chuyện cũ

5 Hiên mai ² hây hấy Đông phong ³,
 Hương đầm áo thúy ⁴, hoa lồng trướng thanh
 Nước non, trời vẽ nên tranh,
 Ngư tiêu cảnh lạ, mục canh thú mầu ⁵.
 Hứng vui, trời đất một bầu,
 Thanh nhàn, tựa mái Tây lâu gióng cầm ⁶.
 Khê khà mấy chén thưởng tâm,
 Trạch niềm sẽ tưởng tri âm ⁷ khéo là.

1. *Sơ kính tân trang*: (sơ: cái lược, kính: cái gương, tân: mới, trang: tô điểm, trau giồi) gương lược trau giồi mới lại.

2. *Hiên mai*: hiên có trồng cây mai ở phía trước. Chữ *mai* có thể chỉ được dùng cho đẹp lời.

3. *Đông phong*: gió từ phương Đông thổi lại tức gió xuân.

Gió Đông thổi đã cợt đào ghẹo mai. (C.O.)

4. *Áo thúy*: áo màu xanh biếc như màu lông chim thúy (chim tría).

5. *Ngư, tiêu, mục, canh*: nói về cảnh đánh cá trên sông, nhặt củi trên rừng, chăn trâu ngoài đồng cỏ và cày bừa ngoài đồng ruộng.

6. *Giống cầm*: dạo đàn, gảy lên mấy tiếng đàn.

7. *Tri âm*: (*tri*: biết, *âm*: tiếng đàn) Bá Nha (đời Xuân Thu) gảy đàn được Chung Tử Kỳ nghe mà hiểu được từng tiếng. Sau Tử Kỳ chết, Bá Nha đập đàn không gảy nữa vì cho rằng trên đời này không còn ai hiểu được tiếng đàn của mình nữa. Về sau *tri âm* có nghĩa là bạn thân, người bạn hiểu được lòng mình

PHẦN THỨ NHẤT

*Giới thiệu hai họ Phạm - Trương và
nguyên ủy việc trao gương đối lược*

I

Tình bạn giữa Trương công và Phạm công

10 Bắc Nam đôi ngả một nhà,
 Nền trâm hốt¹, nếp hào hoa² dãi thường.
 Kính luân³, thao lược⁴ hai đường,
 Đỉnh Từ⁵ chỗ sáng, bể Xương⁶ góp tài.
 Nghiep nhà văn võ theo đòi,
15 Phạm vây hổ tướng, Trương giỏi Lân kinh⁷.
 Chí trai nghiên bút học hành,
 Vờn tranh kiếm mã⁸, dậm hình quan thân⁹.
 Cùng nhau sàng tịch mấy xuân,
 Chữ tình song tỏ, chữ nhân tháp¹⁰ đầy.

1. *Nền trâm hốt*: (*trâm*: cái trâm gài ở tóc, *hốt*: cái hốt cầm ở tay) nền quyền quý, dòng dõi con nhà cao sang.

2. *Nếp hào hoa*: (*hào*: kẻ tài trí hơn người, *hoa*: đẹp tốt) nếp phong lưu, xa xỉ, chỉ hạng người giàu có mà ăn tiêu rộng rãi.

3. *Kính luân*: việc kéo tơ, lấy từng mối tơ mà chia ra gọi là *kính*, so những sợi tơ cùng một thứ mà hợp lại gọi là *luân*. Nghĩa bóng là việc sửa sang sắp đặt về chính trị.

4. *Thao lược*: (lục thao, tam lược) nói chung các kế hoạch về việc dụng binh.

5. *Đỉnh Từ*: (*Từ*: Từ Sơn, một phủ ở trấn Kinh Bắc) quê của Trạch Trung hầu.

Đỉnh Từ chỗ sáng: ý nói ngôi sao bản mệnh của Phạm Kim chói sáng ở trên phần trời đất Từ Sơn.

6. *Bể Xương*: quê của Kiến Xuyên hầu ở phủ Kiến Xương, trấn Sơn Nam, gần biển.

7. *Lân kinh*: Khổng Tử viết kinh Xuân Thu, đến chuyện “bắt được con kỳ lân ngoài đồng” thì dừng bút nên người ta gọi kinh Xuân Thu là *Lân kinh*.

8. *Vờn tranh kiếm mã*: (*vờn*: tô màu các nét vẽ cho rõ hơn) ý nói luyện tập võ nghệ cho giỏi.

9. *Dậm hình quan thân*: (*dậm*: tô lại nét vẽ cho đậm màu hơn lên; *quan thân*: cái mũ và cái dải mũ) ý nói luyện tập văn chương để trở thành người có danh vọng, mũ cao áo rộng.

10. *Sàng, tịch, song, tháp*: (giường, chiếu; cửa sổ, giường nhỏ) mấy chữ này ý nói là bạn cùng học một trường, cùng ở chung một nhà.

Vườn đào chén cúc dan tay,
 20 Thề lòng ấy với cao dây dưới trên.
 Rằng: “Ta cùng bạn thanh niên,
 Cùng lòng vàng đá, cùng nguyên keo sơn.”
 Muốn cho vẹn nghĩa kim lan ¹,
 Quạt trâm phải đánh Trần Phan ² một lời.
 25 Chân sơ ³, Kim kính ⁴ đôi người,
 Sơ nguyên kết phát ⁵, kính soi chung tình ⁶.
 Kim, Châu hai chữ mệnh danh,
 Phạm treo gương nghĩa, Trương dành lược nhân.
 Đã thân mà lại thêm thân,
 30 Tai thần nghe thấp, mắt thần soi xa.
 Tuất niên vừa hội cao khoa,
 Liếc sương cung kiếm ⁷, rảy hoa chương hàn ⁸.
 Đất bằng một tiếng sấm vang ⁹,
 Bẳng hùm ¹⁰ tỏ Phạm, tháp nhân ¹¹ diễn Trương.
 35 Đều vào bá mệnh điện vàng,
 Chiếu ban vinh tiến ¹², cờ tương hiển hồi ¹³.
 Loan linh ¹⁴ tiếng dậy hòe nhai ¹⁵,
 Đường thông rợp bóng, đôi mai chen hàng.

1. *Kim lan*: bạn tâm đầu ý hiệp, bạn bè giao du với nhau bền vững như vàng, khí vị thơm như hoa lan.

2. *Trần Phan*: nhắc đến mối tình cũng đậm thắm như trong truyện Phan Trần.

3. *Sơ*: cái lược.

4. *Kính*: cái gương.

5. *Kết phát*: kết tóc, ý nói kết duyên vợ chồng.

6. *Chung tình*: chung một mối tình thương yêu nhau. Ở đây chỉ đối ý chứ không đối chữ nên không cần sửa là *chung hình*.

7. *Liếc sương cung kiếm*: mài lưỡi gươm và mũi tên cho sắc (mượn ý từ chữ *sương nhẵn* là mũi gươm, mũi dao thật sắc và thật sáng).

8. *Rảy hoa chương hàn*: (*chương*: bài văn, *hàn*: cái bút lông) ý nói văn thơ hay nức tiếng thơm như có rảy nước hoa vào.

9. *Đất bằng... sấm vang*: thi đậu cao tiếng tấp đồn vang khắp nơi.

10. *Bẳng hùm*: (*hùm*: hổ) bằng đề tên những người đỗ Cử nhân.

11. *Tháp nhân*: (*nhân*: nhận) tháp đề tên người đậu Đại khoa.

12. *Vinh tiến*: được vinh dự tiến cử lên nhà vua trọng dụng.

13. *Hiển hồi*: được vinh hiển về quê bá tổ.

14. *Loan linh*: (*loan*: nhạc ngựa, *linh*: cái chuông) ý nói cưỡi ngựa có tiếng nhạc vang vang.

15. *Hòe nhai*: (*nhai*: con đường thông đi nhiều ngã) đường có trồng cây hòe.

40 Chèo hoa buồn quế thẳng làn,
 Trời in biếc nhuộm, nước rờn chàm pha.
 Người đón liễu, kẻ đưa hoa,
 Khúc đàn gió cuốn, tiếng ca mây vùn ¹.
 Phạm, Trương gắng sức trung cần,
 Mãi bề định loạn ², trăm phần yên bang ³.
 45 Ty hiệu điểm ⁴, tỉnh bình chương ⁵.
 Tường sơn kinh tế ⁶, cột rường trung trính.
 Khổn ⁷ ngoài che chống miếu đình,
 Xuân doanh ⁸ đốc thị ⁹, nông thành trưởng chi.
 Diêm lành sao phúc ¹⁰ một thì,
 50 Đôi bên đồng chí, một kỳ đồng khoa.

II

Kết ước thông gia

Chín hiềm một ước thông gia,
 Ngán thay con tạo khéo là trêu duyên.
 Thêm Trương, lan huệ ¹¹ nở chen,
 Sắt cầm ¹² đã biết mấy phen hài hòa.
 55 Phạm đường ¹³ cũng mộng hỷ xà ¹⁴,
 Năm ba thơ ngợ Đào hoa ¹⁵ nghi kỳ.

1. *Chiếu ban... mây vùn*: (từ câu 36 đến câu 42) mấy câu này tả cảnh người thi đậu đại khoa vinh hiển trở về làng bái tổ trước sự đón rước của mọi người.

2. *Định loạn*: dẹp yên giặc giã (võ quan).

3. *Yên bang*: trị nước cho yên (văn quan).

4. *Hiệu điểm*: (*hiệu*: bộ phận quân đội, *điểm*: kiểm tra) cơ quan kiểm soát về việc binh.

5. *Bình chương*: cơ quan hành chánh tối cao ở trong triều đặt dưới quyền Tể tướng.

6. *Kinh tế*: nguyên chữ là *kinh bang tế thế* tức là trị nước giúp đời.

7. *Khổn*: (khổn kỳ) trách nhiệm của người làm thống tướng đi đánh giặc, vua có lời chúc thác rằng: Từ cửa thành trở vào, quyền thuộc trăm giữ, từ cửa thành trở ra, quyền do tướng quân, nghĩa là phạm việc ở biên cảnh đều giao toàn quyền cho tướng quân.

8. *Xuân doanh*: một đơn vị quân đội.

9. *Đốc thị*: trông coi, cai quản.

10. *Sao Phúc*: sao tốt, vận may.

11. *Lan huệ*: hoa lan và hoa huệ, ví với người con trai và người con gái có đức tốt. Hai người hòa thuận với nhau như mùi hoa lan hoa huệ hòa hợp lại.

12. *Sắt cầm*: tên hai thứ đàn, tiếng hòa với nhau. Nghĩa bóng: vợ chồng hòa hợp.

13. *Phạm đường*: nhà họ Phạm.

14. *Mộng hỷ xà*: (*hỷ*: một thứ rắn) nằm mộng thấy con rắn, điềm sinh con gái.

15. *Đào hoa*: hoa cây đào, ý nói sinh con gái đẹp.

Muộn màng thay giấc điềm bi ¹,
 Tinh thành ² ắt cũng có khi cảm thần.
 Sửa sang một cuộc âm phần,
 60 Hàm thư ³ đan phượng ⁴ lăm phần tinh hoa.
 Minh đường ⁵ chung tú thay là,
 Án thai sơn trấn ⁶, chấm sa thủy triền ⁷.
 Hai bên tớn bút tớn nghiên
 Huyệt hình tướng pháp hợp bên văn hình.
 65 Ba năm kết phát cũng xinh.
 Cẩm đường ⁸ rạng vẻ khôì tinh ⁹ một người.
 Phong tư ¹⁰ mới thực khác vời,
 Khổ người tuấn tú, bảm trời thanh quang.
 Tử vi xem mới lạ dường,
 70 Lộc quyền ¹¹ chiếu mệnh, khúc xương giáp trì.
 Âm dương lưỡng diệu càng ghê,
 Việt, khôì, tử, phủ ¹² đóng về thân cung.
 Còn e dương, kiếp, đà, không ¹³,
 Nửa trong vận ¹⁴ chữa khỏi vòng truân chiên ¹⁵.
 75 Chữ Kim lại lấy đặt tên,
 Phạm công mừng đã phỉ nguyên kính, sơ ¹⁶.

-
1. *Điềm bi*: (bi: con gấu) điềm sinh con trai.
 2. *Tinh thành*: lòng tin tuyệt đối. *Tinh thành sơ chí, kim thạch năng khai*: lòng tinh thành đến nơi, đến chốn, dầu đá vàng cũng có thể nứt vỡ.
 3. *Hàm thư*: ngậm sách. Kiểu mộ chôn ông tổ họ Phạm.
 4. *Đan phượng*: phượng đỏ.
 5. *Minh đường*: kiểu mộ nơi hình đất quang dăng, sáng sủa.
 6. *Án thai sơn trấn*: ngôi mộ hình cái án có núi trấn phía trước.
 7. *Chấm xa thủy triền*: (chấm: gối) ngôi mộ có dòng nước chảy bao quanh lấy gò cát.
 8. *Cẩm đường*: nhà gấm, ý nói nhà quyền quý, sang trọng.
 9. *Khôì tinh*: ngôi sao thứ nhất trong quần tinh Bắc đẩu, ý nói ngôi sao ứng vào bản mệnh chức quan đầu triều đình.
 10. *Phong tư*: dáng dấp xinh đẹp.
 11. *Lộc quyền*: hóa lộc, hóa quyền là ngôi sao chủ về bổng lộc và về chức quyền.
 12. *Việt, khôì, tử, phủ*: thiên việt, thiên khôì, tử vi, thiên phủ là các ngôi sao tốt của người có số cực quý.
 13. *Dương, kiếp, đà, không*: kinh dương, địa kiếp, đà la, thiên không là những ngôi sao xấu.
 14. *Nửa trong vận*: còn nửa trong vận hạn.
 15. *Truân chiên*: khó khăn, không thuận lợi.
 16. *Nguyên kính sơ*: (kính: gương, sơ: lược) ước nguyên kết thông gia khi trao đổi gương lược với nhau.

Nâng niu vàng ngọc sớm trưa,
Thoi oanh¹ thấm thoát đã đưa trưởng tuần.
Lăm le giết giải thanh vân²,
80 Trèo trăng bẻ quế³ gọi xuân mở đường⁴.
Bóng kim đã thoáng trong gương,
Lược đâu sao hãy chưa tường người châu ?

III

*Xảy loạn, Phạm Kim rời nhà ra đi
nhưng không làm nổi việc cần vương*

Hững hờ con tạo hay đâu,
Làm ra bãi bể nương dâu⁵ khéo là.
85 Mã đầu⁶ xảy động can qua⁷,
Cát bay cửa tía⁸, tro pha sân vàng⁹.
Phạm công nặng gánh cần vương¹⁰,
Giang sơn một gánh, cương thường¹¹ hai vai.
Khôn toan thay đổi cuộc đời,
90 Lòng trời là thế, dễ người cho xong ?

1. *Thoi oanh*: ý nói thời gian qua nhanh như oanh đưa thoi.

2. *Thanh vân*: mây xanh, ý nói cao tận mây xanh. Dùng để nói về địa vị cao sang hoặc về thi đậu cao. Cổ thi: “*Nhất đán công đạo khai, thanh vân tại bình địa*” (Một mai đường công mở, thanh vân tại đất bằng).

3. *Trèo trăng bẻ quế*: nói về sự thi đỗ như bé được cành quế trên cung trăng.

4. *Gọi xuân mở đường*: ý nói thi đậu mở đường công danh. Vì kỳ thi hội thường mở vào mùa xuân nên mới nói là *xuân gọi*.

5. *Bãi bể nương dâu*: nói về sự thay đổi lớn trong cuộc đời.

6. *Mã đầu*: đầu năm ngựa, tức năm Bính Ngọ (1786).

7. *Xảy động can qua*: (*can*: cái mộc, *qua*: cái mác, chỉ chiến tranh) xảy ra việc chiến tranh do Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc diệt họ Trịnh.

8. *Cửa tía*: chỉ phủ chúa.

9. *Sân vàng*: chỉ cung vua.

Các câu ý nói đến sự sụp đổ của chính quyền Vua Lê Chúa Trịnh.

10. *Cần vương*: hết sức với nhau, cố phò vua.

11. *Cương thường*: tam cương, ngũ thường.

Tam cương: ba mối giềng, vua tôi, cha con, vợ chồng.

Ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí và tín, tức năm đức thường của người ta.

Sương đỉnh Dī¹, tuyết ngàn thông²,
 Sao chìm Bắc cực, mây lồng Nam tinh.
 Kim lang ngao ngán gia tình,
 Huỳnh³ lờ soi oán, đế quanh gảy sầu.
 95 Gió ngô⁴, trăng hạnh⁵, đêm thâu,
 Địch đầu thổi sớm, chuông đầu nện chiều ?
 Giọng buồn, điệu thảm dập dìu,
 Chim năn nỉ tiếng, ve hiu hắt hình.
 Nghĩ mình thêm giận chí mình,
 100 Cũng toan ra mặt tỏ danh anh tài.
 Nhưng thì cũng lúc vân lô⁶,
 Hào tam truân⁷ ấy hay nuôi chí bền.
 Cầm gan tóc đứng⁸ dựng lên,
 Tuốt gươm chém án⁹ ngâm thiên ca rằng:
 105 “Làm trai cho thỏa chí trai,
 Trong trần ai, chớ lụy ai tầm thường”.

1. *Đỉnh dĩ*: đúng ra theo Kinh Thi thì chữ 屺 phải đọc là *khỉ*, *khởi* nhưng các cụ ta quen đọc là *dĩ* và lại coi là tên núi (núi Dĩ).

Bài *Trắc hổ* (Ngụy Phong 4) có 3 đoạn: *Đoạn 1*: “Trắc bỉ *hổ* hê, chiêm vọng phụ hê...” (Ta leo lên núi có cây kia để ngóng trông cha. *Đoạn 2*: “Trắc bỉ *khởi* hê, chiêm vọng mẫu hê...” (Ta leo lên núi trọc để trông ngóng mẹ...). *Đoạn 3*: “Trắc bỉ *cương* hê, chiêm vọng huỳnh hê...” (Ta leo lên sống núi kia để trông ngóng anh...)

Như vậy: *Trắc hổ* được dùng để chỉ con nhớ cha.

Trắc khởi được dùng để chỉ con nhớ mẹ.

Trắc cương được dùng để chỉ em nhớ anh.

2. *Ngàn thông*: chỉ người cha. Đúng ra phải là chữ *xuân* 椿 nhưng đôi khi vì vần của câu thơ người ta đổi là *thung* 椿 hoặc *thông* 通

Hai câu 91-92: ý nói cha mẹ của Phạm Kim đã chết.

3. *Huỳnh*: con đom đóm.

4. *Gió ngô*: gió thổi vào cây ngô đồng.

5. *Trăng hạnh*: trăng chiếu xuống cây hạnh.

Từ câu 94 đến câu 98: tả những cảnh buồn.

6. *Vân lô*: tức *vân lô thời tiết* là thời buổi làm mây làm sấm.

Nghĩa bóng: anh hùng gặp thời làm nên sự nghiệp lớn lao.

7. *Hào tam truân*: ý nói đến sự gian truân vất vả.

8. *Tóc đứng*: tả sự căm tức đến cực độ.

9. *Tuốt gươm chém án*: tả sự cương quyết hành động.

Tam quốc chí: Vua Ngô là Tôn Quyền nghe lời Chu Du quyết đánh Tào Tháo liền rút gươm chém sạt một góc án rồi trao gươm cho Chu Du được quyền thống lĩnh quân sĩ.

Bốn phương hồ thi¹ dấy vang,
 Nhảy từng đào lãng², bắc thang vân cù³.
 Tu mi⁴ tỏ mặt trượng phu⁵,
 110 Dem trung hiếu để trả thù non sông.
 Anh hùng⁶ ấy mới anh hùng,
 Thâu nhân há xá học đông thiếu niên ?
 Hương quan⁷ từ ấy khuây niềm,
 Việc gia đình mặc anh em giữ giàng.

IV

*Phạm Kim đi chơi những danh lam
 thắng cảnh đất nước*

115. Sấm sanh thơ rượu, cờ đàn,
 Lanh trai thằng trẻ, nhẹ nhàng gánh thanh.
 Nước non mấy thú hữu tình,
 Mời cô Thường hiệu⁸, rủ anh Đông hoàng⁹.
 Nàng thanh nữ, ả hồng nhan,
 120 Dâng hoa ngũ cúng, rót thang¹⁰ thiên trù¹¹.
 Trái qua Dục Thúy¹², Thần Phù¹³,

1. *Hồ thi*: (*hồ*: cái cung, *thi*: cái tên) chí làm trai. Ngày xưa hễ để con trai thì treo trên cửa về phía tả một cái cung với một cái tên, ý mong cho đứa con trẻ sau này có chí tung hoành bốn phương.

2. *Đào lãng*: vượt sóng. Cá vượt sóng liên tiếp qua ba đợt thác (*Vũ môn tam cấp lãng*) thì hóa rồng, ý nói đến sự thi đỗ cao.

3. *Vân cù*: đường mây, đường công danh thành đạt.

4. *Tu mi*: râu mày, chỉ kẻ nam nhi.

5. *Trượng phu*: người đàn ông tài giỏi có chí khí.

6. *Anh hùng*: bậc tài giỏi và có chí to hơn người.

Ca dao: Ở đời muôn sự của chung, hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.

7. *Hương quan*: làng và cổng làng, chỉ quê hương.

8. *Thường hiệu*: chỉ Thường Nga tức Hằng Nga là mặt trăng.
(*Hiệu*: cũng đọc là *hạo*: vẻ sáng trắng).

9. *Đông hoàng*: cũng như đông quân, thần mùa xuân.

10. *Thang*: nước nóng.

11. *Thiên trù*: (*trù*: bếp) bếp trời.

12. *Dục Thúy*: thường gọi là núi Non Nước ở ngay thị xã Ninh Bình có sông Vân Sàng vây ba mặt. Trương Hán Siêu (đời Trần) đã đặt tên cho núi là *Dục Thúy*.

13. *Thần Phù*: tên cửa sông Đáy chảy ra biển, xưa kia là nơi có sóng to gió lớn rất nguy hiểm, nay đã bị cát bồi thành cửa cạn.

Kìa cung Giáng Hạc, nọ chùa Ngự Loan ¹.
 Sang Bích Động ², tới Tràng An ³,
 Có đền Nhị Đế ⁴, có hang Cửu Tầng ⁵
 125 Lên Kỳ Lão xuống dần dần,
 Nghe đồn Hương Tích ⁶ lắm phần thanh tao.
 Ăn chơi sĩ, nữ xôn xao,
 Kẻ ra sơn động, người vào thủy cung.
 Chùa Cầu Tím ⁷ mới nảo nùng ⁸,
 130 Sư dịu dàng dạn, tiểu phong phanh hình.
 Già lam ⁹ xen vẻ thị thành,
 Phong quang có một, cảnh tình không hai.
 Tử Sầm ¹⁰ thú vị tuyệt vời,
 Dưới cung Vương ngự ¹¹ trên đài Vô Vi ¹².

1. *Giáng Hạc, Ngự Loan*: trong số các chùa mà Phạm Thái kể ra có những ngôi chỉ là hư tưởng như *Giáng Hạc* và *Ngự Loan*.

2. *Bích Động*: một động đẹp nổi tiếng ở vùng Hoa Lư. Trong dịp ra Bắc Hà, vua Tự Đức có đến viếng Hoa Lư và có đề tặng cho động Bích danh hiệu "*Nam thiên đệ nhị động*".

Bích Động thuộc địa phận thôn Đạm Khê, xã Ninh Hải, cách thị trấn Hoa Lư độ 3 cây số.

3. *Tràng An*: kinh thành Hoa Lư. Theo sách *Đại Nam nhất thống chí*, Đinh Bộ Lĩnh sau khi lên ngôi, đóng đô ở các xã Trường An, Thượng Hạ, cách động Hoa Lư chừng 33 dặm (khoảng 20 cây số)...

Kinh thành Hoa Lư hồi đó chắc cũng khá lớn nên mới có câu "*Hoa Lư động thị Hán Trường An*".

(Kinh đô Hoa Lư có thể sánh ngang với Kinh đô Tràng An của nhà Hán).

4. *Đền nhị đế*: đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành.

Theo lời truyền, khi vua Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long (năm 1010), nhân dân xã Trường Yên và các xã trong vùng đã góp công góp của xây dựng hai ngôi đền: đền vua Lê cách đền vua Đinh độ 500 mét.

5. *Hang Cửu Tầng*: núi Vũ Lâm ở huyện Gia Khánh, tỉnh Ninh Bình có hang cao nhiều tầng. Có thể đó là *Xuyên Thủy động* và *động Tam Cốc*.

6. *Hương Tích*: thường gọi là *chùa Hương*, một danh lam thắng cảnh cách Hà Nội khoảng 60 cây số về phía Tây Nam.

7. *Chùa Cầu Tím*: không rõ là chùa nào.

8. *Nảo nùng*: đẹp đến nảo lòng người.

Vì chàng điểm phấn đeo hương nảo nùng (C.P.N.).

9. *Già lam*: do chữ phạn *Samgharama* = Tăng già lam ma, gọi tắt là *già lam* chỉ khu vườn tăng chúng ở, sau dùng để chỉ ngôi chùa.

10. *Tử sầm*: tức núi *Tử Trầm*, nơi có chùa Trầm ở tỉnh Hà Tây.

11. *Cung Vương Ngự*: các chúa Trịnh rất thích cảnh chùa Trầm nên có lập một cung ở đó để đến ngự chơi.

12. *Đài Vô Vi*: một cái am ở trong núi Trầm. Pháp thân mà Phật sở chứng trong lặng tịch tĩnh, xa lìa mọi nhân duyên tạo tác nên gọi là *vô vi*.

Chữ này cũng có nghĩa là niết bàn, ngôi nhà yên ổn của con người.

135 Xuân thu¹ bao nă nữ ni ?
 Khen rằng: “Trẻ cũng từ bi lọ già !”
 Sài Sơn² tựa ánh phồn hoa,
 Sư huynh chải chuốt, vãi già đong đưa.
 Ra vào tiểu gái lẳng lơ,
 140 Long lanh mắt liếc, say sưa miệng cười.
 Sư tiên³ đứng đỉnh lạ đời,
 Xe thêu kim tuyến, áo dài khói hương.
 Hoa sen da lợn lót gương,
 Gậy mun bạc bít, mũ vàng gấm căng.
 145 Bồ đoàn⁴ cạp góc lục lăng⁵,
 Mơ màng tràng hạt, ngát lưng cà sa⁶.
 Chùa Phật Tích⁷ mới gọi là,
 Kẻ mềm mại điệu, người tha thướt chiều.
 Tiểu tăng lấm vẽ mỹ miều,
 150 Bẻ bai⁸ chiều lịch, dập dìu dạng thanh.
 Ôi nao ôi ! Khổ tu hành !
 Biết Tây phương⁹ có dạng hình này không ?
 Tu cho vẹn kiếp trần hồng¹⁰,
 Kéo già nua trách nào lòng từ bi¹¹ ?

1. *Xuân thu*: tuổi, vì tính theo mỗi năm có một mùa xuân hoặc một mùa thu.

2. *Sài Sơn*: tức chùa Thầy ở cách Sơn Tây khoảng 23 cây số, cách Hà Nội khoảng 30 cây số. Dưới chân núi có chùa *Thiên Phúc*. Chùa Thầy nổi tiếng với hang *Cốc Cờ*.

Chính Từ Đạo Hạnh đã tu và hóa ở đây.

3. *Sư tiên*: nhà sư và những tiểu gái lẳng lơ đẹp như tiên.

4. *Bồ đoàn*: tấm thảm tết bằng cỏ bồ, hình tròn nên gọi là *bồ đoàn*. Thơ của Hứa Hồn: *Ngô tăng tụng kinh bãi, bại nạp y bồ đoàn*. (Nhà sư nước Ngô tụng kinh xong, cất áo cà sa và bồ đoàn của mình)

5. *Lục lăng*: sáu góc. Cái bồ đoàn này lại có hình lục lăng.

6. *Cà sa*: tiếng phạn là *kasaya* tức *cà sa duệ* dịch là hư nát, nhiễm bẩn. Phàm là áo cà sa phải nhuộm hai lần cho hồng màu đi. Ở nước ta thường nhuộm thành màu nâu hoặc màu vàng nghệ.

7. *Chùa Phật Tích*: chùa ở huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh do vua Thánh Tông nhà Lý cho dựng lên. Trong chùa có một tượng đá cao 5 thước. Hằng năm cứ vào ngày 4 tháng giêng chùa có mở hội xem hoa.

Chùa đã bị quân Pháp phá hủy năm 1947-1948.

8. *Bẻ bai*: réo rắt, nói về tiếng đàn. Đây là tiếng nói thổ thể dịu dàng.

9. *Tây phương*: chỉ cõi cực lạc Tịnh độ của đức Di Đà. Đoạn này cho ta thấy được Phạm Thái cũng chỉ là kẻ tu hành miên cưỡng để lẩn tránh sự truy nã của quân Tây Sơn.

10. *Trần hồng*: tức *hồng trần*, cội bụi hồng, nơi trần tục.

11. *Từ bi*: (từ: lành, lòng yêu rất mực, bi: thương xót) đạo Phật lấy từ bi làm tôn chỉ nghĩa là thương xót chúng sinh mà ra tay tế độ.

155 Hoa tàn, nước chảy một khi,
 Bấy giờ chưa hẵn lại thì này đâu !
 Lên Hùng Vương rất non cao ¹,
 Mấy đường ngóc ngách, mấy cầu chông chênh.
 Người cung nữ, tuổi xuân xanh,
 160 Dem thân bồ liễu ² đối cảnh đàn na ³.
 Sang Quỳnh Lâm ⁴ cũng xa xa,
 Năm năm công việc, ba tòa phạm cung ⁵.
 Vào Yên Tử ⁶ rất non cùng ⁷,
 Đàn xô nước suối, phách giông cây rừng.
 165 Mây giăng thượng điện ngất chừng ⁸,
 Cây lồng tán rợp, hoa lừng hương xông.
 Dần dà ra tới Thành Công ⁹,
 Cây ngang Kinh Chủ ¹⁰ bên dòng nước tuôn.
 Đá sức nức, nước cồn cồn,
 170 Chông chênh cửa động, chon von mái chùa.

1. *Rất non cao*: non (núi) rất cao tức núi Nghĩa Cương nơi có Đền Hùng.

2. *Bồ liễu*: cây thủy dương. *Thân bồ liễu*: thân yếu đuối của người phụ nữ.

3. *Đàn na*: tiếng phạn là đà na bát đế. Chữ Hán dịch là *thí* (bố thí). *Đà na bát đế* (Danapati) dịch là *thí chủ* và gọi tắt là *đà na* hay *đàn việt*.

Cảnh đàn na: ám chỉ nhà tu hành, người tín đồ của đạo Phật hay bố thí, cứu giúp chúng sinh.

4. *Quỳnh Lâm*: một ngôi chùa nổi tiếng ở trên một quả gò trong núi Quỳnh Lâm, xã Hà Lô, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh do thiền sư Nguyễn Minh Không lập. Thiền sư Pháp Loa và thiền sư Huyền Quang đã từng trụ trì ở đây.

Ai qua Yên Tử, Quỳnh Lâm,

Vĩnh Nghiêm chưa đến thiền tâm chưa đành. (Ca dao).

5. *Phạm cung*: (*phạm*: thanh tịnh) Phật giáo lấy thanh tịnh làm tôn chỉ nên gọi cung thờ Phật là *phạm cung*.

6. *Yên Tử*: một danh sơn và cũng là nơi có nhiều danh lam ở tỉnh Quảng Ninh.

7. *Rất non cùng*: non (núi) rất cao, tận tít cùng mây xanh. Đỉnh núi cao trên một nghìn mét.

8. *Mây giăng thượng điện ngất chừng*: Thực ra ở trên đỉnh núi chỉ có một cái miếu thờ, cao 1,35 mét, xưa kia bằng đồng nên gọi là chùa Đồng. Nhiều người lầm chùa Đồng với chùa Hoa Yên ở lưng chừng núi. Trước triều Trần đã có nhiều nhà sư về tu ở Yên Tử nhưng đến triều Trần mới thực là thịnh hiển. Vua Trần Nhân Tông hiệu là *Điền Ngự Giác Hoàng* đã cùng hai vị thiền sư là *Pháp Loa* và *Huyền Quang* trụ trì tại đây, lập ra thiền phái Trúc Lâm nên được coi là *Trúc Lâm tam tổ*.

Dù ai quyết chí tu hành, có về Yên Tử mới đành lòng tu (Ca dao).

9. *Thành Công*: địa danh thuộc tỉnh Quảng Ninh.

10 *Kinh Chủ*: địa danh thuộc vùng Đông Triều, giáp Mạo Khê.

Tu hành đấy có sư cô,
 Dễ đem nghìn nén mà mua tiếng cười ?
 Quý canh ¹ phỏng độ đôi mươi,
 Chẳng người tử thất ² cũng người hồng lâu ³.
 175 Xem chiều lịch sự ⁴ đủ màu,
 Hả chê trần giới ⁵, rắp châu tinh phương ⁶.
 Nam vô ⁷ có thấu chẳng lường ⁸,
 Chẳng cho thành Phật thì nhường để ai ?
 Thôi đường bộ, lại ra khơi,
 180 Thuyền lan ⁹ chèo quế ^{10, 11} thẳng thoi giang hà.
 Lá buồm hây hẩy gió hòa,
 Vân hà ¹² băng lảng, thủy ba ¹³ chờn vờn.
 Thủy đường ¹⁴ xem đã băng ngàn ¹⁵,
 Qua Đồ Sơn ¹⁶ thẳng đê làn Hoa Phong.
 185 Tới nơi ác ngậm non hồng ¹⁷,

1. *Quý canh*: 貴庚 lời sang trọng dùng để hỏi tuổi người khác.

2. *Tử thất*: nhà tía, gác tía; chỉ nhà giàu sang quyền quý. *Lâu son gác tía*.

3. *Hồng lâu*: lầu hồng. Ngày xưa các nhà quyền quý thường hay cho sơn đỏ nhà cửa để cho đàn bà con gái ở.

Hồng lâu tử các đâu mà đến đây ? (B.C.K.N)

Về sau *hồng lâu* lại được dùng để chỉ nhà chứa, chỗ ca kỹ ở.

4. *Lịch sự*: do câu “*am lịch sự cố, luyện lịch sự tình, canh lịch sự biến*” mà ra, ý nói từng trải việc đời, điều gì cũng biết. Nay ta thường dùng theo nghĩa khéo đẹp, nhã nhặn, giao thiệp khôn khéo.

5. *Trần giới*: cõi đời bụi bặm, cuộc đời.

6. *Tinh phương*: cũng như tinh cảnh, nơi trong sạch của cõi Phật.

7. *Nam vô*: cũng đọc là *Nam mô*; do chữ phạn *Namah, Namô*, dịch là qui mệnh, kính lạy, qui lễ, cứu ngã, độ ngã... Đó là câu nói của chúng sinh hướng về Phật, qui y tín thuận. (*Qui mệnh* là bổ thí cho chúng sinh).

8. *Chường*: tức là chàng đọc chạnh đi cho hợp vần.

9. *Thuyền lan*: (*lan*: gỗ cây lan) thuyền làm bằng thứ gỗ mộc lan, thứ gỗ vừa cứng vừa dẻo.

Thuyền lan một lá xuôi dòng thênh thênh (H.T).

10. *Thuyền lan chèo quế*: do chữ quế trạo lan tương của Tô Đông Pha đã viết trong bài *Hậu Xích Bích phú*.

11. *Chèo quế*: mái chèo bằng gỗ cây quế.

Hai chữ *lan-quế* thường cũng được dùng cho đẹp lời.

12. *Vân hà*: mây trắng và ráng đỏ.

13. *Thủy ba*: sóng nước.

14. *Thủy đường*: cũng như *thủy trình*, đường sông (dùng thuyền đi trên sông).

15. *Băng ngàn*: vượt qua bao đoạn rừng núi ở ven sông.

16. *Đồ Sơn*: bãi biển ở cách Hải Phòng trên 10 cây số.

17. *Ác ngậm non hồng*: (*ác*: con quạ, nghĩa bóng là nói mặt trời). Mặt trời lặn nửa phần sau ngọn núi trông như ngậm lấy ngọn núi còn đó ánh chiều tà.

Thuyền câu chống mái, chèo giong ca về.
Đùn đùn khói núi phủ che,
Kẻ đem gạo đổi, người kê rượu mua
Vạn Ninh trông thấy mù mù,
190 Nửa ta phá phách, nửa Ngô¹ tươi bời.
Tàu bè mạnh² đã chen vai,
Sẵn sàng mọi vật nước ngoài côi trong.
Trải xem khắp hết non sông,
Đến đâu cảnh trí³, ấy vùng phong lưu⁴.
195 Cầm vui thú, họa say màu,
Mười bài thơ Lã⁵, một màu rượu Tô⁶.

PHẦN THỨ HAI

Phạm Kim và Quỳnh Như

I

Phạm Kim đến Thúy Hoa Dương

Có người nhàn tựa cô chu⁷,
Nghĩ tình cũng khách giang hồ⁸ qua chơi.

1. *Ngô*: tên nước Đông Ngô đời Tam Quốc bên Trung Hoa. Người mình xưa thường dùng để gọi nước Trung Quốc.

Gánh vàng đi đổ sông Ngô, đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Thương.

Bình Ngô đại cáo (Ca dao).

2. *Mạnh*: thuyền buồm chạy đường biển.

3. *Cảnh trí*: ý nói cảnh trí đẹp.

4. *Phong lưu*: chữ này có nhiều nghĩa: 1. phẩm cách con người có đức tốt, lịch sự, phong dạng lưu xướng. 2. khá giả, không túng thiếu. 3. chơi bời phóng túng.

Cả câu này ý nói cứ mỗi khi đi đến nơi nào có cảnh trí đẹp đề thì Phạm Kim lại dừng chân để thưởng ngoạn và hưởng thú phong lưu.

5. *Thơ Lã*: (*Lã Động Tân*, một trong tám vị tiên ở đảo Bồng Lai) thơ hay như thơ của Lã Động Tiên.

6. *Rượu Tô*: (*Tô*: tức Tô Thức tự là Đông Pha, văn hào nổi tiếng đời Tống) rượu có tiếng là sành, biết thưởng thức rượu ngon.

7. *Cô chu*: chiếc thuyền lẻ loi, đậu lơ lửng một mình.

8. *Giang hồ*: (*giang*: sông, *hồ*: hồ nước) Tam giang và Ngũ hồ là chỗ ẩn dật. Sử ký: "*Phạm Lãi thừa biển chu phù ư giang hồ*" (Phạm Lãi cưỡi thuyền nhỏ chơi phiếm trên giang hồ). *Giang hồ* là chữ của những người ở ẩn tự xưng. Thân ở chốn giang hồ mà lòng vẫn lưu luyến triều đình. Về sau hai chữ *giang hồ* được dùng để chỉ những người đi lang thang nay đây mai đó.

200 Khách rằng: “Trộm biết tiếng người,
 Những mong khuya sớm tới vời thăm lạnh ¹”.
 Chàng rằng: “Nặng đôi lòng anh,
 Trước sau xin ngỏ tâm tình trình qua.
 Tôi đã lánh chốn quyền gia ²,
 Thảo hoa ³ ấy bạn, yên hà ⁴ ấy quen.
 205 Phong quang ⁵ mấy thú lâm tuyền ⁶,
 Kết duyên vốn cũ đính nguyên ấy lâu”.
 Khách rằng: “Vâng biết lòng hầu ⁷,
 Công danh yên phận, khổ giàu mặc khi.
 Tính đà vui thú giang khe ⁸
 210 Gần đây có chốn thanh kỳ ⁹ rất vui.
 Một vùng cảnh Phật bầu trời,
 Nước vờn sắc biếc, non vùi vẻ xanh.
 Điện đài, cầu quán, cung thành,
 Kẻ ganh quần áo, người tranh ngựa dù ¹⁰.
 215 Mán, Lào, Mường, Mọi, Nùng, Ngô,
 Lú lo giọng Thổ, xì xồ tiếng muông.
 Có miền gọi Thúy Hoa Dương ¹¹,
 Trời thêu thức ngọc ¹², xuân trang màu hồng.
 Hải đường, thước dực, phù dung,

1. *Thăm lạnh*: thăm lênh tức thăm nom.

2. *Quyền gia*: nhà quyền quý, sang trọng.

3. *Thảo hoa*: cỏ hoa, làm bạn với cỏ hoa, chỗ ở ẩn.

4. *Yên hà*: mây và khói, chỗ núi rừng cô tịch, chỗ ở ẩn.

Câu đối: *Tự cổ tăng nhân thường dẫn yên hà vi bạn lữ*;

Sơn thâm thế cách chỉ bằng thảo mộc ký xuân thu.

(Chùa cổ sư nhân thường lấy khói mây làm bầu bạn;

Non sâu đời khuất chỉ nhờ cây cỏ biết xuân thu).

5. *Phong quang*: cảnh tượng, phong cảnh.

6. *Lâm tuyền*: rừng và khe suối, chỗ ở ẩn.

7. *Hầu*: tước hầu, tước thứ hai trong năm tước (công, hầu, bá, tử, nam) tiếng gọi người sang trọng đáng kính.

8. *Giang khe*: (*giang*: sông, *khe*: khe suối) sông và khe suối, như chữ giang hồ.

9. *Thanh kỳ*: đẹp lạ.

10. *Ngựa dù*: (*dù*: cái lọng), nói cảnh giàu sang.

11. *Thúy Hoa Dương*: thực ra không có miền nào tên là Thúy Hoa Dương mà lại có qui tụ đủ giống người như Phạm Thái đã kể.

12. *Thức ngọc*: (*thức*: sắc) sắc ngọc.

Hoa đèn càng tỏ thức hồng. (T.K).

Khói Cam Tuyền mờ mịn thức mây (C.P.N).

- 220 Hạ sen, thu cúc, đông tùng, xuân lan.
 Thị thành sở thú dưỡng nhàn,
 Chim cành giống nhạc, gà ngàn gáy canh".
 Chàng nghe khách nói hữu tình,
 Ngụ nhàn hứng bút rành rành mấy câu:
- 225 *Săn có giang sơn vốn thú mầu,*
Mặc ai thành thị, mặc công hầu
Sớm Ngô tối Sở dầu vui vậy,
Rầy Tấn mai Tần chẳng biết đâu !
 Ca thôi, trò chuyện giờ lâu,
- 230 Chèo hoa dấm nhịp ca màu Thương Lang
 Xanh xanh bãi biếc sông vàng,
 Xôn hồng đón khách, nổi hương đưa người.
 Năm ngày đến chốn thư trai,
 Khách đưa chàng đến mái ngoài Thúy dương
- 235 Bồn cây biếc, chậu cá vàng,
 Dàn thiên lý cuốn bức tường ruồi chen.
 Trong thì màn trướng rủ then.
 Quan thư¹ có án, nghênh tiên có đường.
 Lồng đèn, điệu ống, lò hương,
- 240 Bức tranh thủy mặc, giá gương xà cừ.
 LẠC THIÊN² hai chữ ngân thư³,
 Rèm in tể nguyệt⁴, cửa chờ phong quang.

II

*Hồng nương bẻ trộm hoa mầu đơn,
 Yến Đồng thăm dò tin tức.*

Tôi trai Yến tử⁵ thanh đồng⁶,
 Đủ chiều nhanh nhẩu, lọt vòng khéo khôn.

1. Quan thư: xem sách.

2. Lạc thiên: vui với phận mình do trời định. Kinh Dịch: Lạc thiên, tri mệnh, cố bất ưu: vui với trời, biết vận mệnh mình nên chẳng âu lo.

3. Ngân thư: chữ thiếp bạc.

4. Tể nguyệt: (tể: mưa tạnh) mặt trăng sau cơn mưa.

5. Yến tử: con chim én, chữ này được dùng để đặt tên cho đứa tiểu đồng.

6. Thanh đồng: (thanh: xanh) như tiên đồng (vì trẻ em hầu các vị thần tiên thường mặc áo xanh).

245 Vườn hoa phó giữ tươi vun,
 Bồng đầu bên mái tây môn một nàng.
 Vẻ người hầu hạ cung trang¹,
 Nhớ nơ tan bẻ mẫu đơn² một cành.
 Yến đồng ướm hỏi sự tình,
 250 Nàng nghe bèn nói phân minh mọi đường:
 “Tôi là thị nữ Hồng nương,
 Qua đây thấy vẻ thanh quang muốn vào”.
 Yến rằng: “Ngán nhẽ làm sao !
 Của người mà bồng chất chiu³ lạ lòng.
 255 Mình còn say đắm vẻ hồng,
 Huống chi ta chẳng nỡ nùng hương ru ?
 Nữa e huệ oán lan tu⁴,
 Nắng hè sen thắm, trăng thu cúc hờn”.
 Hồng rằng: “Mến cảnh tìm thơm⁵,
 260 Trót nhâm nhật bước thì van vì người.
 Kẻo khi trúc mĩa mai cười,
 Đào e ấp vẻ⁶, thông ôi ả chiều⁷”.
 Lệ thường: “Vay mượn trả đào⁸,
 Người đưa quả ấy, ta trao quỳnh này.
 265 Vì hương ghẹo khách xuân say,
 Nỡ nào xuân để bẽ mảy với hương ?”
 Yến nghe Hồng nói dịu dàng,
 Thôi đường mai mĩa, tìm đường vả về⁹.

1. *Cung trang*: cũng như *dài trang*, nơi người phụ nữ giàu sang ở.

2. *Mẫu đơn*: một thứ cây hoa có đủ các màu sắc đỏ, trắng, vàng, tím, người ta cho là vua trong các loài hoa.

3. *Chất chiu*: hà tiện, dè dặt. *Ít chất chiu hơn nhiều phung phí* (Tục ngữ).

4. *Huệ oán lan tu*: (u: túi hồ) ý nói hoa huệ, hoa lan cũng oán hờn túi hồ vì bị hái mất.

5. *Tìm thơm*: tìm hoa thơm đẹp.

6. *Đào e ấp vẻ*: đào có vẻ ngại ngùng, e lệ.

7. *Thông ôi ả chiều*: thông có chiều mất sự tươi tốt.

Cả bốn câu 259-262 ý Hồng muốn nói: Tôi đã lỡ hái hoa mẫu đơn nên phải van xin anh kẻo không anh lại mai mĩa tôi thì tôi sẽ e ngại và buồn bã lắm.

8. *Vay mượn trả đào*: lấy ý từ câu “*Đầu ngà di đào, báo chi di lý*” (cho ta quá đào, ta trả lại quả mượn) để nói sự trả ơn, sự báo đáp vì “*có vay, có trả*” hoặc “*có đi có lại, mới toại lòng nhau*”.

9. *Vả về*: ham muốn sự gì (H.T.C.).

Tìm đường vả về: tìm đường bày tỏ ý muốn của mình.

Rằng: “Đây há khách vụng về ?
 270 Cũng nên dấy liễu dun hòe¹ cho xong.
 Cũng là đắm trúc say thông,
 Thấy đào hoa nở vẻ hồng; ướm chơi².
 Yêu hương xót ngọc cho người,
 Vậy nên cột mạn gheo mai thử tình”.
 275 Hồng nghe ngán ngẩm trăm hình,
 Giận người đưa đẩy, trách mình lẳng lơ.
 Rằng: “Tôi trót chẳng e chờ,
 Phải khi lỡ bước bơ vơ³, tới đây.
 Xin ghi ân với dạ này,
 280 Lấy hoa ất cũng có ngày trả hoa”.
 Yến rằng: “Nàng dẫu thế mà,
 Nhưng thì cũng phải thưa qua với người”.
 Vào trước án, gửi mấy lời:
 “Ngoài vườn hoa thấy có ai lạ lòng”.
 285 Chàng nghe, sai Yến đòi Hồng,
 Hồng vâng, vào chốn tây phòng tạ⁴ qua.
 Rằng: “Tôi hầu hạ Thúy Nga⁵,
 Tìm hoa kết măng⁶, vâng bà tôi sai.
 Lỡ chân trộm tới cửa Người,
 290 Ngửa trông đuốc ngọc sáng soi má hồng⁷.
 Chàng dạy Yến tử thanh đồng,
 Hoa thơm⁸ ai chẳng nào nùng muốn đeo ?

1. *Dấy liễu dun hòe*: ý nói ngổ lòng với nhau; ướm hói kết mối duyên với nhau như có trời xui khiến (dun dấy).

2. *Ướm chơi*: thử lòng xem có ưng ý không.

Dặn dò hãy thử ướm chơi xem lòng (N.Đ.M.).

3. *Bơ vơ*: (tức là *bơ vơ* đọc trạch đi cho hợp với trường bình thanh) một mình, không biết đi đường nào. *Bơ vơ ai biết ai đâu mà tìm* (L.V.T.).

4. *Tạ*: tạ tội, tạ lỗi, nhận lỗi và xin tha cho.

5. *Thúy Nga*: người nữ tỳ không nói tên thực của cô chu mình mà đã đặt ra một tên khác là Thúy Nga.

6. *Măng*: nghĩa đen là con rắn, nghĩa rộng là cái vòng, như vòng hoa.

Rõ ràng bông măng, lập lòe vàng đai (N.Đ.M.).

7. *Ngửa trông... má hồng*: câu này ý con Hồng muốn nói: Tôi mong đợi ơn trên của ông như đuốc ngọc hãy soi xét cho tôi đã không có ý gian tà mà tha lỗi cho tôi là phận gái được nhờ.

8. *Hoa thơm*: ví với người con đẹp còn trinh trắng, hoa thơm phong nhụy.

Hoa thơm ai chẳng muốn đeo, người khôn ai chẳng nâng niu bên mình (ca dao).

Mùi hương thoảng đến thì yêu,
 Như lan hang thăm¹ dễ điều biết lan ?”
 295 Vẻ chi dăm cánh hồng² tàn,
 Mà con lỗ³ khách hồng nhan làm gì⁴ ?
 Truyền cho tha khách tức thì,
 Hồng nương từ tạ trở về xuân lâu.
 Gửi thư mọi sự trước sau,
 300 Nàng nghe bèn hỏi: “Người đâu lạ lòng ?”
 Hồng thưa rằng: “Khách xa vùng,
 Có chiều tuấn dật⁵, có đồng⁶ thanh cao.
 Xem chiều mỹ khổ⁷ mạn đào⁸,
 Vốn người Kinh Bắc mà vào Thúy Dương.
 305 Một là vui thú tiên hương,
 Thăm miền Tùng linh⁹, tìm đường Đào nguyên¹⁰.
 Hai là vui thú lâm tuyền¹¹,
 Phai duyên đài các, thắm nguyên thảo hoa¹².
 Cho nên quyến bạn yên hà,
 310 Say sưa đông tuyết, la đà¹³ xuân phong”.
 Khen cho: “Thực khách hào hùng,
 Chẳng hào mà khác trần hồng¹⁴ thế ru ?
 Xưa nay đã mấy trượng phu ?

1. *Lan hang thăm*: lan mọc trong hang sâu ít người biết đến. Ở đây “*Lan hang thăm*” chỉ có ý so sánh thông thường cũng như người con gái đẹp cấm cung ở trong phòng kín không mấy ai biết tới.

2. *Cánh hồng*: con Hồng hái trộm hoa mẫu đơn chứ không phải hoa hồng nhưng ở đây không phải có sự nhầm lẫn. Chữ *hồng* chỉ là màu sắc tiêu biểu cho bông hoa mà thôi.

3. *Lỗ*: ý nói giữ không cho về làm lỗ việc của người ta.

4. *Vẻ chi... làm gì*: cả hai câu này ý Phạm Kim muốn nói: “Có đáng gì mấy cánh hoa mẫu đơn màu hồng mà con giữ người ta lại làm lỗ việc của người ta ra làm gì?”.

5. *Tuấn dật*: (*tuấn*: bậc tài giỏi hơn người, *dật*: vượt ra ngoài tầm thường) người tài giỏi xuất chúng.

6. *Đồng*: tiểu đồng, đứa hầu nhỏ tuổi.

7. *Mỹ khổ*: tầm vóc người đẹp đẽ, đáng đẹp.

8. *Mạn đào*: do chữ *đào lý* là cây đào cây mạn, nghĩa bóng chỉ người có tài ví như cây đào cây mạn, trồng các thứ cây ấy mùa hạ thì được bóng mát mùa đông thì được ăn trái.

9. *Tùng linh*: núi Tùng, chỉ cảnh tiên.

10. *Đào nguyên*: nguồn đào, chỉ cảnh tiên.

11. *Lâm tuyền*: rừng và khe suối, chỗ ở ẩn.

12. *Phai duyên... thảo hoa*: cả câu ý nói chán cảnh danh lợi mà thích cảnh ăn dật.

13. *La đà*: lảo đảo, thất thểu (VNTD).

14. *Trần hồng*: chỗ bụi hồng, cõi đời, đây ý nói người đời.

Người phong lưu¹, phải phong lưu dài người".
 315 Chàng từ nghe tỏ khúc nhôi²,
 Sai Yến đồng lại tới nơi hỏi tường.
 Yến vâng lời đến lầu trang,
 Thấy phong quang lắm vẻ vang³ lạ lòng.
 Một chiều là một nảo nùng,
 320 Chẳng nơi hoàng các⁴, cũng vùng huyên lâu⁵.
 Giọt đồng hồ, trống khoan mau,
 Quân canh trên dưới, chỉ hầu vào ra.
 Cửa đào, rèm thúy, then hoa,
 Lầu phô cẩm tú, sân lòa phân phương^{6, 7}.
 325 Tửu đài, cấm viện giảng hàng,
 Kê bên kỳ quán, bắc ngang thi phòng.
 Kìa phấn bích⁸, nọ hương cung⁹,
 Nhòm trang kính các¹⁰, ngắm dòng hoa lâu¹¹.
 "Tuyển phu" biểu diễn lâu lâu,
 330 Ấy chiều quan phủ mà màu tiên hương.
 Yến dù lông cánh trăm đường,
 Dễ mà đến chốn cung trang được nào ?
 Bỗng đâu may khéo làm sao,
 Hong nương bên mái vườn đào bước ra.
 335 Nhác trông thấy Yến xa xa,
 Hỏi rằng: "Có việc chi mà đến đây ?"

1. *Phong lưu*: (*phong*: gió, *lưu*: dòng nước) cái đức tốt như ngọn gió chỗ này thổi đến chỗ khác, như dòng nước chỗ nọ chảy đến chỗ kia. Phẩm cách con người. Ở đây *phong lưu* có nghĩa là sự chơi bời, hào hoa phong nhã. Cả câu ý nói mình đã là người hào hoa phong nhã thì phải lấy sự hào hoa phong nhã để tiếp đãi người ta, không để gò bó trong lễ giáo Khổng Mạnh.

2. *Khúc nhôi*: (hoặc *khúc nôi*) nổi niềm, sự tình riêng, đầu đuôi câu chuyện sự việc xảy ra.

3. *Vẻ vang*: rực rỡ (H.T.C.).

4. *Hoàng các*: gác vàng, chỉ nhà quyền quý.

5. *Huyên lâu*: cũng như *huyền môn*, lầu của đạo gia.

6. *Phân phương*: (*phân*: cây cỏ thơm tho, *phương*: thơm) thơm tho.

7. *Lòa phân phương*: ý nói nức mùi hương thơm nhưng chữ *lò* không đúng nghĩa.

Tác giả vì để cho hợp vận đã phải dùng ép như vậy.

8. *Phấn bích*: (*bích*: vách) vách phấn, tường vôi.

9. *Hương cung*: phòng hương, phòng đàn bà con gái ở.

10. *Kính các*: cũng như *dài gương*, chỗ đàn bà con gái chái đầu đánh phấn.

11. *Hoa lâu*: lầu hoa.

Yên rằng: “Nhân có việc này,
 Cây nàng đưa đến cung Tây thế nào ?”
 Hồng rằng: “Việc ấy dễ điều ?
 340 Vả nghiêm cần thế mà vào được đâu ?
 Người đâu kén giá hảo cầu ¹,
 Thị thành mấy lứa ? Công hầu mấy ai ?
 Bao nhiêu những kẻ bất tài,
 Cá nhàn ² hãy lánh ra ngoài cho xa !”
 345 Yên rằng: “Nàng chưa biết mà,
 Kẻ tài hoa với tài hoa kết duyên.
 Bình Sơn Lãn Yên ³ phải duyên,
 Kìa nơi tân liễu ⁴, nọ miền cấm hương ⁵.
 Người tây liễu ⁶, kẻ tây sương ⁷,
 350 Thụy anh ⁸ đôi chiếc uyên ương ⁹ kén tài.
 Cho hay tình phận bởi trời,
 Đường nhân duyên ấy dễ người định nên ?
 Hồng nghe Yên nói cần quyền,
 Ngọt ngào miệng ấy, nhạt mềm dạ kia.
 355 Hỏi rằng: “Ông những tài gì,
 Mà chàng nhanh mép so bề cổ nhân ?”
 Yên rằng: “Ông bậc thanh xuân,

1. *Hảo cầu*: chỉ đôi lứa tốt đẹp, xứng nhau.

Kinh Thi: “*Quan' quan thư cưu, tại hà tri châu, yếu diệu thực nữ, quân tử hảo cầu*” (nghe tiếng chim cưu kêu bên bờ sông, người quân tử muốn kết duyên đôi lứa với người thực nữ yếu diệu).

2. *Cá nhàn*: (*nhàn*: nhận) tin tức' mối lái.

Cá: tin cá. Ông Trần Thắng bỏ thư vào bụng cá để thông tin.

Nhàn: tin nhận. Ông Tô Vũ buộc thư vào chân chim nhận.

Đời sau dùng hai điển ấy để nói về tin tức.

3. *Bình, Sơn, Lãn, Yên*: tên một cuốn tiểu thuyết Trung Quốc. *Sơn Đại* và *Lãn Giáng Tuyết* là hai cô gái có tài có sắc đã đem lòng yêu mến *Bình Như Hành* và *Yên Bạch Hạm* là hai danh sĩ. Trải qua nhiều trắc trở, sau đã lấy được nhau.

4. *Tân liễu*: liễu mới.

5. *Cấm hương*: làng gấm.

6. *Tây liễu*: liễu tây.

7. *Tây sương*: mái tây.

Mấy chữ này là tên gọi những nơi ở của *Bình Sơn Lãn Yên* có thể do Phạm Thái tự đặt ra.

8. *Thụy anh*: tốt lành, đẹp đẽ. .

9. *Uyên ương*: (*uyên*: con đực, *ương*: con cái). Chim uyên ương sống từng cặp, không khi nào rời nhau. Nghĩa bóng: vợ chồng thương yêu nhau.

Tuổi vừa đôi tám, kinh phần¹ uyên vi².
 Từ chương, phú lục, văn thi,
 360 Cung đao, kiếm mã mọi bề lưu thông.
 Thú chơi tài tử lọt vòng,
 Vang đàn thi bá, nổi vùng cầm tiên.
 Cờ thần, rượu thánh, thơ tiên,
 Tiêu hay múa phượng, địch thiêng³ gáy hoàng
 365 Nghề thuật số vốn tinh tường,
 Gồm bên Tiên, Thích⁴, đủ đường Lý, Y⁵.
 Tiên nương dù có thanh kỳ,
 Chẳng qua quốc sắc⁶ nga mi⁷ khuynh thành⁸.
 Ngọc vàng sánh vẻ cũng xinh,
 370 Vả xưa đà cảm ân tình nữ khuây ?
 Dù chẳng duyên hợp mưa mây⁹,
 Hãy xin thấy bóng nàng rầy mà thôi”.
 Hồng nghe nói cũng nức cười:
 “Nhưng thì nghiêm cần nhiều vời khôn thông”.
 375 Thế thì theo thiếp vào trong,
 Nàng bằng có hỏi gửi: “Hồng, chị em”.
 Yến rằng: “Bàí ấy cũng êm !”

1. *Kinh phần*: (*kinh*: ngũ kinh gồm Thi, Thư, Dịch, Lễ và Xuân Thu; *phần* sách vở của các vua Phục Hy, Thần Nông và Hoàng Đế gọi là *tam phần*, vì thế nên gọi sách vở cổ là *phần điển*).

2. *Kinh phần uyên vi*: am hiểu rõ ràng về kinh sách cổ.

3. *Tiêu hay... địch thiêng*: Tiêu Sử, người đời Xuân Thu, có tài thổi ống tiêu, lấy nàng Lộng Ngọc cũng có tài thổi ống sanh bằng ngọc. Mỗi khi hai vợ chồng thổi hòa nhau có chim phụng bay xuống châu.

4. *Tiên, Thích*: Tiên Phật tức đạo Giáo (thường có luyện cá phép tu tiên) và đạo Phật (người sáng lập ra đạo Phật là Thích Ca Mâu Ni).

5. *Lý, Y*: nghề phong thủy (địa lý) và nghề làm thuốc. Đoạn này từ câu 357 đến câu 366 Phạm Thái đã để cho tên tiểu đồng khoe về tài của Phạm Kim tức là đã tự khoe mình có những tài như vậy.

6. *Quốc sắc*: người có sắc đẹp nổi tiếng trong cả nước.

7. *Nga mi*: lông mi cong như râu con ngài.

8. *Khuynh thành*: nghiêng thành. Con gái đẹp làm cho ông vua say mê đến nỗi thành phải nghiêng, nước phải đổ. Lý Diên Niên ở đời Hán có câu hát: “*Nhất tiểu khuynh nhân thành, tái tiểu khuynh nhân quốc*” (một lần cười làm nghiêng thành, một lần cười nữa làm nghiêng nước).

9. *Mưa mây*: do hai chữ *vân vũ*. Nguyên vua Sở Hoài Vương nằm mơ thấy người con gái ở Vu Sơn xin vào hầu chầu gối, tự xưng mình tối làm mây, sớm làm mưa, vì thế mới dùng hai chữ *mây mưa* để chỉ cuộc ái ân nam nữ.

Theo Hồng len lén vào thăm Thúy Nga.
 Quỳnh nương vừa lúc thương hoa,
 380 Nhác trông thấy lạ¹ thoáng qua cội đào.
 Bèn đòi Hồng thị nương vào,
 Hỏi rằng: “Sau ấy kẻ nào lạ kia ?”
 Gửi rằng: “Em bé nhà quê,
 Chốn quyền môn² nó chưa lễ³ vào ra.
 385 Trộm nghe đây cửa phồn hoa⁴,
 Trẻ thơ đường đột, xin bà thứ cho”.
 Yén ta giả cách quê mùa,
 Thu hình khếp dạng nháp nhô bóng Hồng.
 Liếc trông vào chốn hoa phòng⁵,
 390 Sao trắng đèn nến, mây hồng khói hương.
 Đai cù⁶ năm thức vóc trang,
 Thủy tinh gương áo, Kim Cương coi trầu.
 Giá mun, tranh đá quang lầu,
 Đế ly⁷ hóa vật, phẩm tầu in hoa.
 395 Màn thêu, trướng rợn thủy ba⁸,
 Ống xen kim tử⁹, rèm pha ngân hoàng¹⁰.
 Trừ trần¹¹ trăm bức họa vàng,
 Ấm hoa hổ phách¹², hộp hương xà cừ¹³.
 Quỳnh nương yếu điệu phong tư¹⁴,
 400 Chiều lịch sự, vẻ dong đưa¹⁵ khác với.

-
1. *Thấy lạ*: thấy có kẻ lạ, chữ “lạ” này được nói rõ thêm ở câu 382:... “kẻ nao lạ kia ?”
 2. *Quyền môn*: nhà kẻ quyền quý.
 3. *Chưa lễ*: chưa quen.
 4. *Cửa phồn hoa*: cửa nhà giàu sang, ăn tiêu xa xỉ, có lắm kẻ hầu người hạ.
 5. *Hoa phòng*: cũng như phòng hương, phòng của đàn bà con gái nhà sang trọng.
 6. *Đai cù*: (cù: loài rồng không sừng) dải lụa thắt lưng có thêu hình con rồng.
 7. *Đế ly*: (ly: loại chai đá trong suốt, loại thủy tinh) cái đế bằng thủy tinh.
 Đế ly cũng như giá mun ở câu trên là những từ tả các đồ vật.
 8. *Trướng rợn thủy ba*: bức trướng thêu sóng nước.
 9. *Kim tử*: vàng tía.
 10. *Ngân hoàng*: trắng vàng.
 11. *Trừ trần*: quét sạch bụi, lau chùi sạch sẽ.
 12. *Hổ phách*: nhựa thông hóa đá, màu vàng nâu trong suốt.
 13. *Xà cừ*: lớp trong của vỏ trai có màu sắc óng ánh.
 14. *Phong tư*: (phong: dáng sắc đẹp, tư: dáng vẻ) dáng dấp xinh đẹp.
 15. *Dong đưa*: có vẻ trai lơ
 Mà con người thể ra người dong đưa. (T.K.).
 Há nên tìm tiếng dong đưa cùng người. (P.T.).

Yến xưa đủ khắp vẻ người,
Bảo Hồng gửi lạy rằng: “Tôi xin về”.

III

Yến Đồng nói lại với Phạm Kim,
khen nhan sắc Quỳnh Như đẹp và chề nàng
có tướng yếu mệnh.

Trình ông sau trước mọi bề,
Lần trang trộm thấy dung nghi tỏ tường.
405 Trương công¹ là đáng nghiêm đường,
Vốn dòng ngọc điệp, tên nàng Quỳnh Thư.
Xuân hoa bạc ấy đã vừa,
Tuổi vừa đôi bảy phong tư lạ lùng.
Thước tằm phồng dạng bằng ông,
410 Lam pha mây liễu², mỡ đông da ngà³.
Chiều cá nhảy, vẻ nhan sa⁴,
Mắt long lanh nguyệt, tóc rà rà mây.
Má hồng môi thắm hây hây,
Khổ mê thược dược, thức say hải đường.
415 Chiều sánh ngọc, vẻ so vàng,
Ôi hoa vì sắc⁵, ủ hương vì màu.
Thị thành đã mấy ai đâu?
Nguyệt vì⁶ kém giá xuân lâu ít làn⁷.
Chữ e tướng số chưa an,
420 Hay là vì chữ hồng nhan quả gàn.

1. *Trương công*: ông họ Trương, cha của Quỳnh Như.

2. *Lam pha mây liễu*: lông mày lá liễu (nhỏ và thanh) phơn phớt màu xanh lam.

3. *Mỡ đông da ngà*: da màu trắng như ngà và mịn mềm như làn mỡ đông lại.

4. *Cá nhảy nhan sa*: ý nói nhan sắc đẹp lắm. Đáng lẽ phải nói là cá lặn nhan sa (trầm ngư lạc nhan) như trong văn chương ta thường viết:

Chìm đáy nước cá lơ dờ lặn,

Lửng da trời nhan ngấn ngơ sa.

(Cung oán)

5. *Ôi hoa vì sắc*: (ôi: kém tươi) sắc hoa cũng kém tươi so với nhan sắc của nàng.

6. *Nguyệt vì*: vành trăng, chỉ Hằng Nga; ý nói Quỳnh Như còn đẹp hơn cả Hằng Nga.

7. *Xuân lâu ít làn*: (làn: từng, lớp) ý nói người con gái ở lâu xuân cũng không cao quý bằng.

Hai cung nhật nguyệt ¹ thần quang ²,
 Tài thông minh với văn chương rất kỳ.
 Song hiêm phúc ấn tiêm đê ³,
 E đường thọ khảo kém bề phu quân.
 425 Tiên định hoa tạ tàn xuân,
 Hay phần qui ẩn, xấu phần tư cơ.
 Dám trình minh bạch sau xưa,
 “Nên chẳng thầy định, đi về tôi vâng”.
 Chàng rằng: “Mày nói phân vân,
 430 Người ta thanh quý nhiều phân khác thường.
 Làm sao tướng số dở dang ?
 Hay là người ngắm chưa tường thế ru ?”
 Yển rằng: “Há việc hồ đồ,
 Mà thầy lại chữa biết cho chân tình ?
 435 Thế nào thầy định phân minh,
 Việc gì thầy phó, điều đình mặc tôi !
 Rất cao là gác Long Lô,
 Song nhàn ⁴ còn được no đôi ⁵ đêm ngày.
 Khơi chừng rất mực cung Tây ⁶,
 440 Thanh loan ⁷ cũng lọt vào mây đưa tình.
 Cấm đường điện nọ nghiêm canh,
 Chim anh sao khéo đậu cành véo von ?
 Lầu cao biếc ngắt mây tuôn,
 Hoàng anh mấy tiếng, nỉ non bên đường.
 445 Những loài phi tẩu vật thường,
 Còn len lỏi đến cung trang lộ là !”

1. *Cung nhật nguyệt*: chỉ hai con mắt.

2. *Thần quang*: sáng và có tinh thần.

Cả câu ý nói về thông minh lộ ra cả ở đôi mắt.

3. *Phúc ấn tiêm đê*: (*tiêm*: nhọn, *đê*: thấp) chỗ giữa trán, phía trên sống mũi, nhọn và thấp là tướng người chết non.

4. *Song nhàn*: đôi chim nhạn.

5. *No đôi*: sống lâu có đôi với nhau mãi mãi.

6. *Cung Tây*: cung Tây Vương Mẫu.

7. *Thanh loan*: chim loan xanh.

Đoạn từ câu 437 đến câu 446: ý nói dù cao mấy, dù xa mấy, dù nghiêm canh mấy, dù khó khăn mấy như ở chín tầng mây mà những loài chim còn len lỏi vào được nữa là chỗ cung trang của Quỳnh Như thì làm sao mà mình không lui tới được, làm sao mà “dứt được đường chim xanh”.

IV

*Phạm Kim và Quỳnh Như xướng họa thơ từ.
Hai năm yêu đương.*

*Ngụ tình chàng vịnh một ca,
Đieu Tây giang nguyệt, khúc Hòa thương âm.*

Bài từ:

450 *Oanh yến véo von gọi khách,
Cỏ hoa hớn hở mừng ai.
Gió xuân hây hẩy giục đưa người,
Dễ khiến lòng thơ bối rối.
Thấp thoáng thoi oanh dẹt liễu¹,
Thung thăng phấn bướm dôi mai².*
455 *Vũ Lăng³ xa diễn biết bao vời,
Khôn hỏi Đào Nguyên đâu tá!
Khôn hỏi Đào Nguyên đâu tá,
Dòng ngự câu gieo lá⁴ tình thi.
May thay một hội tương kỳ,
460 *Đã bên tình phận lại bề phong lưu.
Câu hảo cầu đợi người thực nữ,
Năm mây phong đôi chữ đồng tâm⁵.
Đón xuân nhắn với tri âm,
Tính tình xin tỏ tiếng cầm này cho.**

1. *Thoi oanh dẹt liễu*: chim oanh bay bên hàng liễu tơ rủ như đưa thoi dẹt.

2. *Phấn bướm giồi mai*: con bướm bay chập chờn đậu trên những đóa mai như xoa phấn cho nhụy thêm nhiều.

3. *Vũ Lăng*: huyện Vũ Lăng, quê của người ngư phủ (đời Tấn) đã lạc vào động Đào Nguyên, nơi tiên ở.

4. *Dòng ngự câu gieo lá*: (câu: dòng nước, ngự: chữ dùng thuộc về nhà vua). Vu Hựu (đời Đường) nhặt được chiếc lá từ dòng nước trong cung vua trời ra, thấy có bài thơ mới lấy chiếc lá khác họa lại rồi thả vào trong cung. Người cung nữ Hàn thị nhặt được. Gặp khi nhà vua thả cung nhân, Vu Hựu lấy người cung nữ đó. Sau này nàng hỏi chuyện mới rõ chiếc lá đề thơ là của hai người và do diễn này mà về sau chữ lá thắm được dùng để chỉ nhân duyên vợ chồng.

5. *Năm mây phong đôi chữ đồng tâm*: Vua Tùy Dương Đế sai làm dải đồng gồm hai dải lụa năm sắc tặng người cung phi được sủng ái nhất để tỏ tình yêu của mình.

465 Rắp hẹn hò ngồi hoa đứng nguyệt
 E lâu Tây bóng nguyệt khơi chừng¹.
 Bầy giờ mượn gió cung Đằng²,
 Vì duyên đưa mối xích thằng³ lại đây.
 470 Khúc đàn nay tiếng giọng hòa nhạc
 Tranh ân tình nét mực⁴ nghìn xuân
 Lửa đôi tài tử giai nhân,
 Gương in một sắc thanh tân kém gì ?

Thơ

 Dấy hoa dun lá bởi tay trời,
 Nghĩ đến duyên do cũng nực cười.
 475 Bắc yển Nam hồng tình một tấm,
 Đông đào Tây liễu khách đôi nơi.
 Lửa ân chẳng chờ⁵ sao không tắt,
 Bể ái dù khơi cũng chẳng vơi.
 Đèn nguyệt ví bằng mây chẳng bận,
 480 Xin soi cho tỏ nỗi niềm người.
 “Soi cho tỏ nỗi niềm người,
 Đài sen⁶ dẹt nghĩa, thơ mai⁷ dỗi tình.

1. *Bóng nguyệt khơi chừng*: ý nói sợ Quỳnh Như không ưng mà xa lánh.

2. *Gió cung Đằng*: do câu *Đằng Vương các phong*. Diêm Đô đốc, mở tiệc ở Đằng Vương Các. Vương Bột nghe tin về dự nhưng đường xa may nhờ gió thuận mà về kịp. Trong bữa tiệc Vương Bột có làm một bài *tự* mà ai cũng phải khen hay và chàng nổi danh từ đó. Người ta cho là Vương Bột gặp thời nên mới gặp gió thuận đưa tới gác Đằng. Về sau, các nhà văn dùng điển này để tả sự may mắn, sự gặp gỡ nhau hay duyên vợ chồng.

Thuyền lan nhẹ cánh lâng lâng,

Hay đâu mượn gió các Đằng đưa duyên.

(Chu Mạnh Trinh)

3. *Xích thằng*: chỉ đỏ. Vi Cố (đời Đường) gặp một ông lão ngồi dưới trăng xem quyển sổ, tay có cầm cái túi đựng những sợi chỉ đỏ. Hỏi mới biết, dây đỏ là để buộc chân những người có duyên vợ chồng với nhau.

Mối xích thằng: mối duyên tiền định.

4. *Nét mực*: nét vẽ.

Nét mặt Chiêu Quân đã mực tranh (N.Đ.M.).

5. *Chẳng chờ*: chẳng chờ (chờ chờ).

6. *Đài sen*: cây nến có cái đài ở phía trên hình hoa sen nở để đỡ những giọt nến chảy xuống.

7. *Thơ mai*: chữ mai đây chỉ được đặt thêm cho đẹp lời chứ không hẳn đã lấy từ bài *Phiếu mai* trong *Kinh Thi*.

Khổn hoa¹ từ mảng² phong thanh³,
 Nức hương kính các, nổi danh tao đàn⁴.
 485 Trong tình thú, hồng nhan mấy kẻ ?
 Chốn phòng hương lăm vẽ phong quang
 Nguyên lòng này với lửa hương⁵,
 Rạng bình xạ tước⁶, mức giường thừa long⁷.
 Xuân đài mặc đông phong liệu lượng,
 490 Nhắc ân tình cho đáng đồng cân.
 Thư này gửi với giai nhân,
 Dem phong nguyệt góp côi trần làm duyên.
 Yến đồng linh lấy hoa tiên,
 Gặp Hồng thị nữ đưa lên xuân đài.
 495 Hồng nương vào gửi mọi lời,
 Chúng tôi hầu hạ ơn người nặng thương
 Lẽ đâu dám thói lân đơn,
 Mở đường quyến bướm, tìm đường rủ ong ?
 Vì ơn nên phải ghi lòng,
 500 Có công mà nữ phụ công sao đành ?
 Trước tôi lỡ bước vin cành,
 Đội ơn công tử rủ tình đoái thương.
 Cho nên mới dám số sàng,
 Tôi này sơ mạo⁸ xin đương gia hình⁹".

1. *Khổn hoa*: *khổn* là cửa buồng, giới hạn trong cửa, chỗ đàn bà con gái ở. *Chữ hoa* được đặt thêm cho đẹp lời.

2. *Mảng*: nghe. *Mảng tin* xiết nổi kinh hoàng (T.K.).

3. *Phong thanh*: nghe đồn.

4. *Nức hương... tao đàn*: cả câu ý nói Quỳnh Thư nổi tiếng có nhan sắc và có tài văn thơ.

5. *Lửa hương*: do chữ *hương* lửa ba sinh thường dùng để nói về việc nhân duyên vợ chồng.

6. *Xạ tước*: (*xạ*: bắn, *tước*: chim sẻ). Ngày xưa Đậu Nghị vẽ con sẻ (đúng ra là con công) ở bình phong, bảo ai bắn trúng mắt chim sẻ được gả con gái cho. Lý Uyên (sau là Đường Cao Tổ) bắn trúng và cưới được vợ. Về sau Đường Cao Tổ lập con của Đậu Nghị làm Hoàng hậu.

Nghĩa bóng là hỏi vợ hoặc kén rể.

7. *Thừa long*: cưới rổng. Sách *Sơ học ký* chép: Hoàng Thượng làm tư đồ cùng với Lý Nguyên Lễ đều lấy con gái Thái úy Hoàn Yên, người đời khen rằng con gái của Thái úy đều được cưới rổng.

8. *Sơ mạo*: phạm lỗi lần đầu.

9. *Gia hình*: thi hành hình phạt.

505 Nàng nghe đủng đỉnh khác tình,
Đòi Yến mới hỏi phân minh mọi đường.
 Thôi nghĩ ngợi, lại toan lường,
Vả lời Hồng với thơ chàng dễ nghe.
 Cắm hoa ¹ một bức tục đề ²,
510 Sai Hồng nương lại tức thì đưa sang.

Bài từ

I

*Im im màn sương đợi khách.
Thênh thênh cửa nguyệt chờ ai ?
Giai nhân tài tử mấy lăm người ?
Chạnh tưởng tâm tình thêm rối.*
515 *Phơi phới gió lay chồi liễu,
Phau phau tuyết điểm cành mai.
Non cao chắn ngát biển xa vời,
Ai biết Bồng, Doanh ³ chẳng tá ?*

*Ai biết Bồng Doanh chẳng tá ?
520 Uầy thuyền đâu chiếc lá xa xa ?
Lầu cao ghé mắt trông ra,
Ấy là Lưu tử ⁴ hay là Từ lang ⁵ ?
Nhủ Đông hoàng ⁶ mặc lòng khu xử,
Chớ đem xuân sống sã trần gian !*

1. Cắm hoa: tờ giấy có vẽ hoa đẹp để.

2. Tục đề: đề tiếp.

3. Bồng, Doanh: đảo tiên là Bồng Lai và Doanh Châu.

4. Lưu tử: Lưu Thần người đã lạc vào Thiên Thai.

5. Từ lang: Từ Thức là một viên quan đời Trần, nhân một ngày hội chùa đã cởi áo gấm chuộc cho một cô gái đã lỡ hái một cành mẫu đơn. Sau ông từ quan và đi ngao du sơn thủy mới lạc vào một đảo tiên. Ở đây ông đã gặp Giáng Hương, người đã được ông cởi áo chuộc cho. Ở nửa năm, ông lại nhớ quê, xin về thăm nhưng về tới nơi thì mới biết đã bảy đời qua rồi. Ông lại tìm về đảo tiên nhưng rồi biệt tích.

6. Đông hoàng: (Đông: phương Đông, hoàng: vua) Mặt trời mọc ở phương Đông nên dùng chữ đông hoàng hoặc đông quân để ví thần mặt trời. Đông hoàng hoặc đông quân lại có nghĩa là thần mùa xuân.

525 Vịn xe dưới nguyệt hỏi han,
 Hỏi ông Nguyệt lão¹ trong nang² có gì ?
 Lá thơ đề ân cần mấy chữ,
 Tạ³ lá hồng hảo khứ nhân gian³.
 Rằng: “Đây chĩnh phận hồng nhan,
 530 E xuân vội bước nửa tàn hoa chẳng !
 Cây ả Hằng vì ta xe mối,
 Xe thì xe chớ nói tơ ra.
 Ngụ tình một bức cấm hoa,
 Chín mây⁴ đưa gửi, năm hà⁵ phong in.

Thơ

535 *Dắt mối đưa duyên cũng bởi trời,
 Vì ai run rủi nghĩ như cười.
 Dặn dò lá thắm còn in đấy,
 Gắn bó tin vàng đã có nơi ?
 Nhắc gánh nhân duyên nhường chữa nặng,
 540 Do nguồn ân ái hãy còn vơi.
 Miễn rằng vàng đá lòng như một,
 Chớ thối trắng hoa nửa bẽ người,
 Chớ trắng hoa nửa bẽ người,
 Đan gương ân ái mà soi tâm tình.
 545 Gửi đây đà gác thị thành,*

1. Nguyệt lão: ông già dưới trăng. Xem chú thích chữ *Xích thằng* câu 468.

2. Trong nang: trong túi.

3. Hảo khứ nhân gian: đi thẳng tới nhân gian.

Phạm Thái nhắc lại bài thơ của Hàn thị viết trên lá thắm:

Lưu thủy hà thái cấp

Thâm cung tận nhật nhàn.

Ân cần tạ hồng diệp,

Hảo khứ đáo nhân gian.

(Nước chảy sao mà vội,

Cung sâu cả buổi nhàn.

Ân cần khuyên lá thắm,

Đi thẳng tới nhân gian).

4. Chín mây: chín tầng mây.

5. Năm hà: năm sắc ráng trời.

Thêu màn lan thất¹, vẽ tranh Lam Điền².
 Nhủ dì gió rằng duyên là thế,
 Chớ vì tài mà rẻ chữ nhân.
 Lời này gửi với Đông quân,
 550 Chơi xuân trái vẽ thanh tân mới hào.
 Đường tình phận thấy trao nhận cá³,
 Bức cấm vân phải họa một thiên.
 Gọi là phục bút làm duyên,
 Thơ sơ xin có hay hèn dạy cho”.
 555 Nàng phong thư phó⁴ Hồng nương,
 Vừa khi chàng ở hoa đường thưởng xuân
 Gửi: “Tôi vâng mệnh chủ nhân,
 Mấy lời tâm sự ân cần một phong.
 Mở thư chàng thấy náo nùng,
 560 Biết chiều thanh quý ngụ trong chương hàn.
 Phê rằng: “Phấn đại⁵ tao đàn⁶,
 Nêu tiêu xích xí⁷ cho đoàn nữ lưu!”
 Hai thu oanh yến⁸ dập dìu,
 Hương ưa lan thất, hoa chiều hạnh thôn.

V

Phạm Kim có việc về quê. Trong khi ấy, có viên đô đốc ở kinh đô định cướp Quỳnh Như rồi hẹn ngày ép cưới.

565 Chàng toan định lễ cầu hôn,
 Bỗng nghe một tín gia môn⁹ phải về.

1. *Lan thất*: nhà lan. Do câu: “Dữ thiện nhân cư như nhập chi lan chi thất” (Cùng ở với người hiền như vào nhà có hương cỏ chi cỏ lan), ý nói ở gần người hiền thì mình cũng được thơm lây, cũng trau dồi được đức hạnh.

2. *Lam Điền*: tên một ngọn núi ở huyện Lam Điền tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc, tục truyền có rất nhiều ngọc. Nghĩa bóng là ngọc, chỉ dòng dõi con nhà cao quý. Cả câu ý nói trau dồi đức hạnh để giữ lấy tư cách con nhà dòng dõi cao quý.

3. *Nhận cá*: tin tức.

Cả câu ý nói tin tức về đường tình duyên được đưa tới.

4. *Phó*: trao cho.

5. *Phấn đại*: (đại: màu đen dùng để vẽ lông mày) phấn sáp, chỉ phụ nữ.

6. *Tao đàn*: đàn văn.

7. *Xích xí*: (xích: đỏ, xí: lá cờ nhỏ) lá cờ nhỏ màu đỏ.

8. *Oanh yến*: chim oanh, chim yến, tức là cảnh vật mùa xuân. Nghĩa bóng nói đến tình yêu đương của đôi trai gái.

9. *Gia môn*: nhà cửa, đây chỉ gia đình.

Nàng trao một bức cẩm đề ¹,
Ghi lời nguyên ước, nhủ bề ái ân.

Thơ

570 *Hương lửa tình này dễ nói năng,
Chẳng hay lòng khách thấu cùng chăng ?
Vườn đào sực thấy oanh đưa tín,
Dặm liễu đâu xui yến cách chừng.
Vàng đá nên chăng cùng một ước,
Nước non thể đã có đôi vùng.*

575 *Lời này dặn với tri âm nhé:
Chớ phụ cầm treo ² đợi dưới trăng !
Chàng xem thư dầu thêm phiền,
Nhưng còn áy náy một bên gia đường.
Tức thì sắm sửa hành trang ³,
580 Sầu gieo đào ủ, thảm tràn đào phai.
Uầy đâu sự mới lạ đời !
Chẳng hay con tạo trên người có gì ?
Ông Đô đốc chốn kinh kỳ,
Nghe đồn Quỳnh Ngọc dung nghi khác vời.*

585 *Sắm sanh tử tế lạ đời,
Lọng xanh buông chỉ, võng mai ⁴ ngáng ngà
Rõ ràng bộ dầy ⁵ cẩm hoa,
Xênh xang áo thắm, nhớn nhơ quần điều.
Giáo ngư ⁶ gươm bạc dập dìu,
590 Đôi khiên ⁷ đứng đỉnh, cặp hèo ⁸ nghênh ngang.*

1. *Cẩm đề*: một bài thơ viết trên giấy đẹp.

2. *Cầm treo*: treo đàn không gảy còn đợi kẻ tri âm.

3. *Hành trang*: đồ dùng cần thiết lúc đi đường.

4. *Võng mai*: chữ *mai* được đặt cho đẹp lời thôi chứ không có nghĩa gì.

5. *Đầy*: tay nải, cái túi to để đựng đồ.

Bộ dầy: hai cái túi có dải buộc liền với nhau, khi xưa các quan dùng để đựng trầu thuốc lúc đi châu hoặc đi đâu xa.

6. *Giáo ngư*: (*giáo*: thứ khí giới có cán dài, mũi sắt nhọn dùng để đâm) giáo có buộc tua rủ xuống ở chỗ nối giữa cán và đuôi mũi sắt nhọn.

7. *Khiên*: thứ khí giới dùng để đỡ mũi giáo lúc giao tranh.

8. *Hèo*: cây gậy có buộc tua dùng làm đồ nghi trượng của các quan.

Luân¹ thêu, thắm vấn hoang mang,
 Phập phều thuốc giấy, ngó càng đẹp trai.
 Ống nhổ bạc, tráp ngà voi,
 Lò hương đồng bạch, nón quai đôi môi.
 595 Năm ngày ông rẽ tới nơi,
 Trương công nghe nói tới bởi sữa sang.
 Cát người dọn chốn tĩnh đường²,
 Trắng ngần chiếu kè, sáng choang ống đồng.
 “Dám mời ông lớn vô trong”,
 600 Tiểu đồng tấp nập, trà phòng lạnh trai.
 Thung dung mời gửi khoan thai,
 “Dám thân³ có việc chi người tới đây ?”
 Gửi thôi, ông dạy làm vậy:
 “Ta nghe chúng nói ông rầy có con.
 605 Vậy nên tính việc cầu hôn,
 Mần rầy⁴ tính đó cho tròn mới xong !”
 Trương công nghe nói hải hùng,
 Gửi rằng: “Trẻ nó ấu trùng dám đâu ?
 Vả tôi với khách doanh cầu⁵,
 610 Việc Châu Trần⁶ định với nhau đã rồi”.
 Ông nghe thấy nói trái tai:
 “Đù ỏa⁷ sấu đá Đồng Nai⁸ ngầy ngà⁹ !
 Đây không đáng rể ông già ?
 Gớm gan Đò đốc có là chi mô !
 615 Trẻ đâu phá cửa bay vô,
 Nắm bắt ngó thử nấu cô¹⁰ chừng nào !”

1. *Luân*: tơ xanh.

2. *Tĩnh đường*: nhà nghỉ ngơi yên tĩnh.

3. *Dám thân*: (*thân*: tiếng thưa gửi) dám thưa, dám bẩm.

Thân ông: bẩm ông, *thân lạy*: bẩm lạy (H.T.C).

4. *Mần rầy*: làm sao, thế chi.

5. *Doanh cầu*: (*doanh*: cũng đọc là *dinh*) dùng tâm tư và lao lực để tìm kiếm.

6. *Châu Trần*: tên hai họ ở thôn *Châu Trần*, Từ Châu bên Trung Quốc đời đời kết thông gia với nhau nên về sau thường dùng hai chữ đó để nói việc kết hôn.

7. *Đù ỏa*: tiếng chửi.

8. *Sấu đá Đồng Nai* (*Đồng Nai*: vùng đất mênh mông ở Biên Hòa thường hiểu chung là đất Nam Kỳ hồi đó) chửi mà đem cá sấu ra là tệ nặng như *hùm tha sấu bắt*.

9. *Ngầy ngà*: quấy rầy, phiền nhiễu lời thôi, gây chuyện.

10. *Nấu cô*: cô ấy ả nấu ở đâu.

Trương công tìm giọng ngọt ngào,
 Thân: ¹ “Ông thương đến dạy sao vâng lời.
 Vội vàng thế chữa hợp ngôi,
 620 Hãy xin sắm sửa mưa tôi dâng người”.
 Ông rằng: “Nọ đang nói chơi !
 Chứng năm ba bữa ta sai chúng về”.
 Sắp quân rẽ xuống kinh kỳ,
 Ngựa lay mào thắm ², vồng kè lọng xanh.
 625 Trương công tính toán trăm hình,
 Nghĩ rằng: “Chẳng lọt khỏi vành này đâu.
 Bèn vào đến chốn xuân lâu, .
 Đòi Quỳnh nương nói trước sau mọi điều:
 “Bây giờ con nghĩ thế nào ?
 630 Nên chẳng liệu đây, làm sao mặc lòng !”

VI

Quỳnh Như đưa thư gọi Phạm Kim tới rồi đang đêm lẻ đến nhà trọ của chàng, cùng nhau than thở, hẹn hò tái ngộ.

Quỳnh nương thấy nói hải hùng,
 Than rằng: “Phận bạc ³ má hồng ⁴, gớm thay !
 Lời nguyên vãng vãng còn đây,
 Kim lang biết nổi nước này hay không ?”
 635 Cũng toan giếng thăm ⁵ cho xong,
 Nhưng còn nghĩ lại tấm lòng chưa an.
 Thà rằng được thấy mặt chàng,
 Tỏ bày tâm sự, thở than ân tình.
 Rồi mình sẽ tính phận mình,
 640 Cho toàn một ước, cho mình ⁶ một nguyên.

1. Thân: bấm, thưa (H.T.C).

2. Ngựa lay mào thắm: (mào: chòm lông màu thắm người ta buộc ở trên đầu con ngựa) ngựa chạy lung lay cái mào màu thắm ở trên đầu.

3. Phận bạc: số phận mỏng manh không ra gì.

4. Má hồng: do chữ hồng nhan, chỉ người đàn bà đẹp.

Phận bạc má hồng: do chữ hồng nhan bạc phận, người đẹp thường số phận không ra gì.

Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen (T.K.).

Rằng hồng nhan tự thuở xưa,

Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu ? (T.K.).

5. Giếng thăm: tự tử nhảy xuống giếng.

6. Cho mình: cho sáng tỏ, cho rõ.

Sai Hồng nương lại đưa tin,
Rơi châu một bức ngân tiên¹ gửi về.

Bức thư

645 Nguyệt lão xe dây khéo dở dang !
Xanh xanh chi nữ phụ hồng nhan ?
Dây dun ngán nhẽ ! Tiên mà cú² !
Đôi lứa ghê thay ! Ngọc lẫn than³ !
Lá ghét mây xanh chìm nước biếc,
Chim ghen môi thắm vắng tin vàng.
650 Đội ơn công tử lòng như một,
Bồ liễu⁴ duyên sao khéo bẽ bàng ?
Bẽ bàng duyên phận liễu bồ,
Hoa xuân kém vẻ, nguyệt thu ử chiều.
Vì ai thèo đánh⁵ khơi trêu,
655 Khiến hồng nhan gặp lắm điều gian truân⁶.
Ngán ngấm thay phận quần hồng⁷,
Thù gì con tạo tiếc xuân riêng mình ?
Ngỡ rằng dì gió cũng bênh,
Mà van vĩ nói rằng tình bấy nay.
Ai ngờ nên nổi nước này,
660 Nào bà Nguyệt lão ? Nào thầy Thiên tiên ?
Long đong ngán nhẽ phận duyên,
Nợ nần này phải đính nguyên kiếp sau.

1. Ngân tiên: (tiên: tờ giấy) tờ giấy viết thư màu trắng như bạc.

2. Tiên mà cú: người đẹp như tiên mà phải lấy hạng người không ra gì, xấu như cú.

Nếu mà cú đậu cành mai,

Thì công trang điểm chẳng hoài lăm ru.

(Ca dao)

3. Ngọc lẫn than: nếu phải lấy tên Đô đốc thì chẳng khác ngọc lẫn với than.

4. Bồ liễu: cây bồ, cây liễu, hai thứ cây yếu ớt, ẻo lả thường được ví với đàn bà con gái.

Chút thân bồ liễu nào mong có rày (T.K.).

5. Thèo đánh: nhẹ dạ, hời hợt, bông lơn.

6. Gian truân: lúc khó khăn vất vả.

7. Quần hồng: quần đỏ. Tục xưa con gái các nhà sang trọng hay mặc quần điều nên trong văn chương dùng hai chữ đó để chỉ người con gái đẹp sang trọng.

Phong lưu rất mực hồng quần (T.K.).

Gửi đưa một bức về hầu,
 Chữ tình xin ngỏ cho nhau kéo mà !
 665 Chàng xem thư nói nẫu nà ¹,
 Chiều xuân ngao ngán, mặt hoa rầu rầu.
 Độn ² xem một quẻ mới âu ³,
 Khắc âm hậu thổ ⁴, động câu Đằng thân ⁵.
 Bói thì quẻ thủy lôi truân,
 670 Lục thân ⁶ vương hổ, lục thân không tài.
 Chân giò ủ cái ⁷, xung ngoài ⁸,
 Vị Ly hỏa vượng, cung Đoài kim suy ⁹.
 Càng thêm não ruột, mọi bề,
 Giục đồng sắm sửa, thẳng đê chừng lên.
 675 Ba ngày chàng tới ngụ miên,
 Đèn xanh giông bóng, khêu phiến soi thương.
 Canh ba sáng tiếng kim trang ¹⁰,
 Thác rèm ¹¹ hoa thấy một nàng tiên nga.
 Chiều ủ liễu, vẽ ôi hoa,
 680 Ngọc ngần môi thắm, châu sa má đào.
 Nhác xem ¹², chàng ngỡ chim bao,
 Dấu người sắt cũng lệ rào, lộ ai ?
 Hai bên than trúc nguyên mai,
 Trách khuôn duyên ¹³ nỡ hẹp hòi lượng dung.
 685 Nàng rằng: “Phận thiếp đã xong,

1. *Nẫu nà*: nát cả gan ruột, vô cùng đau đớn, trong lòng.

2. *Độn*: bấm độn, một phép tính Thái ất.

3. *Âu*: lo âu.

4. *Hậu thổ*: dày về hành thổ.

5. *Đằng thân*: thần Đằng xà chỉ sự tranh đoạt.

6. *Lục thân*: sáu bậc bà con gần: cha, mẹ, anh, em, vợ, con.

7. *Ủ cái*: móng giữa có vẽ ủ ê.

8. *Xung ngoài*: móng ngoài có sự lo.

Phạm Kim bấm số và xem chân giò thì thấy toàn điềm xấu.

9. *Ly vượng... Đoài suy*: có chuyện bất hạnh.

10. *Tiếng kim trang*: (*kim*: vàng, *trang*: đồ trang sức) tiếng đàn bà con gái (*kim trang* là đồ trang sức bằng vàng của đàn bà con gái sau được dùng rộng ra để chỉ người đàn bà con gái).

11. *Thác rèm*: vén rèm, cuốn rèm.

12. *Nhác xem*: thoáng xem.

13. *Khuôn duyên*: chỉ ông trời đã định sẵn nhân duyên cho người ta.

Buộc người tài sắc vào trong khuôn trời (H.T.).

Kiếp này đã vậy, còn hồng kiếp sau.
 Những thì u hiển¹ khác nhau,
 Dầu khi gặp gỡ dễ hầu mà tin
 Thiếp nay tuy có son in,
 690 Quỳnh nương hai chữ thì xin nhớ cùng !
 Tặng chàng hồ điệp² đôi vòng,
 Yén đồng xin sánh với Hồng thị nương".
 Chàng nghe nàng nói tỏ tường,
 Kim hoàn³ gửi lại tay nàng xem qua.
 695 Thề rằng: "Đã có trời già,
 Duyên sau chẳng gặp âu thà rằng không.
 Khăng khăng sắt đá một lòng,
 Ước nguyên cây có non sông biết tình !"

700 Chuyện thôi, hồi trống giục canh,
 Tạ chàng, nàng mới sắm sanh ra về.
 Người thư các⁴, kẻ hương khuê,
 Mồ yên⁵ khua thăm, đàn ve gảy sầu.

VII

Quỳnh Như tự tử và linh ứng

705 Tang tang⁶ trang điểm lên lầu,
 Ngựa đầu tiếng nhạc bên lầu giong gianh.
 Vội vàng hé bức màn hình ảnh,
 Quan quân đã chập trong dinh ngoài đường.
 Nàng bèn vào chốn phòng hương,
 Mở bao lấy mớ⁷ cấm trang, hoa hài⁸.

1. *U hiển*: (u: tối, hiển: sáng tỏ) kẻ chết người sống. Quỳnh Như nói cho Phạm Kim biết là mình sẽ tự tử và hai người sẽ cách biệt âm dương (u hiển).

2. *Hồ điệp*: con bướm bướm.

3. *Kim hoàn*: (hoàn: cái vòng) vòng vàng, xuyên vàng.

4. *Thư các*: phòng ngủ của đàn bà con gái nhà sang trọng.

5. *Mồ yên*: (quyên: chim cuốc, ở nước ta cũng gọi là đồ yên) tiếng cuốc kêu như cầm canh.

6. *Tang tang*: (tức là *tang tâng* đọc chạnh ra thanh bằng) lúc mới bắt đầu sáng.

7. *Mớ*: một số không nhất định, một vài bộ.

8. *Cấm trang, hoa hài*: quần áo gấm và giày có thêu hoa.

Trâm ngà, quạt thẻ đôi môi ¹,
 710 Vòng đeo hổ phách, chuỗi cài kim minh ².
 Dạ châu ³ nhả mặt hoa oanh,
 Ngân trang dép khảm, thủy tinh liền môi ⁴.
 Đòi Hồng nương nhủ mọi lời,
 Con nay đã đính lứa đôi Yến đồng.
 715 Giữ bề tứ đức ⁵, tam tông ⁶,
 Xướng tùy ⁷ cho vẹn đạo trong cương thường ⁸.
 Thay ta hầu hạ Phạm lang,
 Sớm trưa cho vẹn mọi đường chủ tôi.
 Kiếp này già thế gian rồi,
 720 Họa là tái thế một mai xoay vần”.
 Hồng nương thấy dạy ân cần,
 Nghĩ tình thấy tứ muôn phần cảm thay.
 Cầm dao lá trúc liền tay,
 Quyết liễu mình trả nghĩa thấy cho xong.
 725 Nàng rằng: “Đây đã biết lòng,
 Thờ thầy phải đạo, thờ chồng có nhân.
 Ấy là trả nghĩa muôn phần,
 Thì ta chín tuổi tinh thần cũng yên”.
 Nói thôi phong gấm, phô chiên ⁹,
 730 Ngũ hoa ¹⁰ một chén, cửu tuyền ¹¹ nghìn thu.
 Ngao ngán nhẽ, áng Diêm phù ¹²,
 Kiếp sinh tử mặc đông lưu ¹³ một dòng.

-
1. *Quạt thẻ đôi môi*: quạt làm bằng những nan đôi môi.
 2. *Chuỗi cài kim minh*: chuỗi vòng đeo ở cổ có dát vàng sáng bóng.
 3. *Dạ châu*: dạ minh châu, thứ ngọc sáng về ban đêm.
 4. *Liền môi*: (liền: xe người kéo) xe có khảm đôi môi.
 5. *Tứ đức*: bốn đức tính người phụ nữ phải có: công, dung, ngôn, hạnh.
 6. *Tam tông*: ba điều người phụ nữ xưa phải tuân theo; ở nhà phải theo cha, lấy chồng phải theo chồng và chồng chết phải theo con.
 7. *Xướng tùy*: (phu xướng phụ tùy) chồng nói vợ theo.
 8. *Cương thường*: tam cương và ngũ thường.
Tam cương ba giếng mối là vua - tôi, cha - con, vợ - chồng.
Ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí và tín.
 9. *Phong gấm phô chiên*: mặc áo gấm và mở chăn ra đắp.
 10. *Ngũ hoa*: năm thứ hoa (đây chỉ chén thuốc độc sắc bằng năm thứ hoa).
 11. *Cửu tuyền*: chín tuổi tức âm phủ.
 12. *Diêm phù*: cõi đời.
 13. *Đông lưu*: nước chảy về đông.
 Cả câu ý nói người sống chết ở đời cứ phó cho số mạng ví như dòng sông nước cứ chảy xuôi ra biển Đông không có gì ngăn lại được.

Trương công nghe nói não nùng,
Tiếng ai oán đã dậy trong trang dài.
735 Hỡi ơi, một tiếng thơ mai,
Nợ hồng trần¹ để lụy người hồng nhan².
Chàng nghe thấy phó âm³ sang,
Ngập ngừng đôi giọt, thở than một lời.

Thơ

740 *Than rằng: cao ngất mấy lần khơi,
Nỡ để duyên ai lũng thiệt thời.
Buồn đốt lò vàng⁴, hương nhạt khói,
Sầu châm chén ngọc⁵, rượu không hơi.
Lầu Tây nguyệt gác, gương lồng bóng,
Ái Bắc nhân sang, bể tuyết vời.*
745 *Mấy nỗi chung tình, tan một khúc
Cây lòng dì gió gửi đưa lời.
Đưa lời cho tới cung mây⁶,
Mối sầu xin gỡ cho đây với cùng.
Túi tơ hồng trách ai xe mối,
750 Đến nửa chừng bỗng nới dần ra.
Cắm gươm một ả trắng già,
Trêu nhau chi mãi chẳng tha thế này ?
Kể từ ngày tha hương⁷ gặp gỡ,
Chữ chung tình⁸ để nợ cho nhau.*

1. Nợ hồng trần: (hồng: đỏ, trần: bụi) nợ trong cõi đời bụi bặm.

2. Người hồng nhan: người con gái đẹp.

Kiếp hồng nhan có mong manh (T.K.).

3. Phó âm: (phó: báo tang, báo tin chết) báo tin người chết.

4. Lò vàng: lò hương, chữ vàng được dùng cho đẹp lời.

5. Chén ngọc: chén rượu, chữ ngọc được dùng cho đẹp lời để đối với chữ vàng ở trên.

6. Cung mây: chỉ mặt trăng ở giữa từng mây. Trong mặt trăng có cung Quảng Hàn, chỗ Hằng Nga ở. Đây ý nói hương hồn Quỳnh Như lên ở cõi tiên (*Thiếp xưa dự bậc tiên nga* - c. 795).

7. Tha hương: (tha: khác, hương: quê) sống ở nơi đất khách quê người.

8. Chung tình: (chung: un đúc lại) ái tình rất mật thiết như un đúc cả vào một người.

- 755 Ái ân mấy nổi xưa sau,
 Lời vàng đá ¹ ấy dễ hầu đơn sai.
 Giận vì ai làm sao theo đánh ²,
 Để cho người canh cánh đôi phương.
 Xui nên trắc trở mọi đường,
- 760 Nghĩ nông nổi ấy như vương mối sầu.
 Nguyệt lâu lâu, vẽ thu lấp lánh,
 Chén lương thần ³ lóng lánh gương in.
 Đông sang, tuyết đượm áo chiên,
 Khúc đàn lạc sự gảy xen tính tình.
- 765 Mái xuân đình đoá hoa sắc sỡ,
 Bức thưởng tâm ⁴ rờ rở nét hương.
 Hạ về gió lọt lầu trang,
 Vịnh chơi mỹ cảnh bên tường mấy thơ.
 Bỗng bây giờ tuyết tan gió lạnh,
- 770 Hoa phai màu, nguyệt lánh thêm lan.
 Thơ vịnh oán, rượu chân hàn ⁵,
 Bức tranh vẽ thắm, cung đàn gảy thương.
 Giá sầu gương, bình ngân ⁶ tủi sập,
 Nếp tàn hương phong hộp châu lan ⁷.
- 775 Bụi phong đôi chút điệp hoàn,
 Mãng ⁸ phai trầm bạch, lò tàn xạ hương.
 Nghĩ những đường éo le trêu ghẹo
 Gớm ghê cho mục mối thày lay ⁹ !
 Làm cho gàn quải ¹⁰ duyên này,
- 780 Nẫu nà ¹¹ thay để cho đây chữ tình !
 Ấy vì mình hồng nhan bạc phận,

1. *Lời vàng đá*: lời thề thốt ước nguyện với nhau sẽ không bao giờ phai lạt mà sẽ bền vững như vàng với đá.

2. *Theo đánh*: nhẹ dạ, hời hợt, bông lơn (Génibrel).

3. *Chén lương thần*: (*lương*: tốt, *thần*: buổi sớm) chén rượu uống buổi sớm lúc trời tốt.

4. *Thưởng tâm*: tâm ý vui vẻ.

5. *Chân hàn*: chữ hàn là do chữ hờn đọc chạnh ra cho hợp vần cũng như đàn đọc thành đờn, lan thành lơ.

6. *Bình ngân*: bình bạc.

7. *Hộp châu lan*: hộp đựng son tô môi bằng gỗ mộc lan.

8. *Mãng*: áo thêu (Génibrel).

9. *Thày lay*: mua lấy việc không phải của mình.

10. *Gàn quải*: ngăn trở.

11. *Nẫu nà*: đau đớn đến tan nát cả cõi lòng.

Hay vì ta gặp vận đa gian ¹ ?
 Cho nên lấp lúc nhớ nhàn,
 Dấu sao thì vậy đã cam một bề.
 785 Thuở phân kỳ hai đường u hiển ²,
 Hương hồn thiêng xin đến ở đây.
 Triện hương ngát, chén rượu say,
 Văn này ngỏ giải, lòng này bao nguôi ?
 Có khi vắng vẻ hiên mai,
 790 Trưởng trong êm giấc, lầu ngoài sang canh.
 Thấy người thấp thoáng dưới màn,
 Đường đeo chiều thăm, đường quanh mối sầu.
 Trình rằng: “Thiếp ở vân lâu ³,
 Cảm ơn công tử, xuống hầu tạ qua.
 795 Thiếp xưa dự bậc tiên nga,
 Yển Quỳnh Dao, sẩy chén hoa, mắc dầy
 Mười lăm năm, nhẫn tháng ngày,
 Dao trì ⁴ lại được sánh bầy thiên tiên.
 Thiếp tâu đã trót trần duyên,
 800 Lại xin xuống để vẹn nguyên trần gian.
 Xuân huyên ⁵ chàng trước muôn mản,
 Đã bàn cúng Phật, lại bàn nương tình ⁶.
 Cửu trùng ⁷ cảm đến lòng thành,
 Sai kim tinh ⁸ xuống thác sinh cõi trần.
 805 Chàng nay Thái bạch kim thân,
 Ất duyên ngư thủy ⁹, long vân gặp thì”.

1. Đa gian: nhiều gian nan.

2. Hai đường u hiển: ý nói kẻ sống, người chết.

3. Vân lâu: cái lầu cao tận mây.

4. Dao trì: cõi tiên. Chỗ bà Tây Vương Mẫu ở.

5. Xuân huyên: cây xuân và cây huyên.

Xuân: cây xuân cao to và sống lâu nên người ta ví người cha với cây xuân.

Huyên: thứ cây nhỏ lá dài còn gọi là kim châm, có tính giải sầu nên người ta ví với người mẹ.

Xuân huyên: chỉ cha mẹ.

6. Nương tình: (nương: tế thần để trừ tai họa, dẹp trừ; tình: sao) lễ dâng sao thường được tổ chức vào đêm nguyên tiêu (rằm tháng giêng) để cầu tiêu trừ tai nạn.

7. Cửu trùng: chín tầng, chỉ ông trời.

8. Kim tinh: sao bản mệnh của người giỏi văn chương, tức Thái bạch kim tinh hoặc sao Trường canh.

9. Duyên ngư thủy: duyên may như cá gặp nước.

Chàng nghe nói hết mọi bề,
 Hỏi rằng: “Nàng biết nàng về đâu không ?”
 Nàng rằng: “Thầy chữa phán xong,
 810 Còn ban mệnh ấy vào trong Dao đài ¹”.
 Chuyện thôi từ tạ một lời,
 Bốn phương gió thổi, một trời hương bay.
 Giật mình chàng tỉnh giấc say,
 Bút hoa tả lại sâu này một thiên.
 815 *Oanh ru bên trướng giấc hoa hồng*
Say tỉnh hồn mai thực bướm ong.
Non nước mơ màng chừng lữ đế ²,
Mây mưa phảng phất đỉnh Vu phong ³.
Quyên ⁴ về viễn phố ⁵ hoa rêu rĩ,
 820 *Nhạn tETCH Hành Dương ⁶ nguyệt nảo nùng.*
Đàn tiếng ly loan ⁷ tay ngại gảy,
Lấy ai lần gỡ mối sầu xong ?
 Chàng thêm thắc mắc trong lòng,
 Đã hoa liễu trận, lại phong sương hồi.
 825 Con say tỉnh, lúc đây vơi,
 Dương nắn nỉ nguyệt, bỗng cười cợt hoa.
 Ma từng chữa ⁸, thuốc từng tra,
 Thầy non Biển Thuốc ⁹, sư già Lão quân ¹⁰.
 Bệnh mười chẳng giảm một phân,

1. *Dao đài*: lâu đài bằng ngọc dao, chỗ tiên ở.

2. *Lữ đế*: (*lữ*: quán trọ, *đế*: dừng, chờ đợi) mong chờ hão huyền nơi quán khách, *lữ mộng*: giấc mộng phù sinh, không có thực.

3. *Vu phong*: (*Vu*: non Vu, *phong*: chóp núi) điển Vu Sơn, chiêm bao thấy nữ thần Vu Sơn, hội ngộ với tình nhân, trai gái ân ái với nhau.

4. *Quyên*: chim đỗ quyên. Tiếng chim đỗ quyên kêu làm lữ khách thêm nhớ nhà.

5. *Viễn phố*: bến xa.

6. *Hành Dương*: một trong năm dãy núi lớn (Ngũ Nhạc) của Trung Quốc, thuộc tỉnh Hồ Nam.

Nhạn tETCH Hành Dương: nhạn bay thẳng về Hành Dương, không trở lại, ý nói không có tin tức gì.

7. *Ly loan*: loan phụng thường đi đôi với nhau, nay chim loan bị chia rẽ là nói đến tình duyên bị tan vỡ.

8. *Ma từng chữa*: người nhà đã cho là Phạm Kim bị ma làm nên đã cầu cúng để trừ ma.

9. *Biển Thuốc*: danh y Trung Quốc đời Xuân Thu.

10. *Lão quân*: tức Lão Tử, đời Chu, họ Lý tên Nhĩ, là thầy tổ của đạo gia. Người ta còn tôn Lý Nhĩ là ông tổ của đạo phù thủy và là bậc chúa tiên.

- 830 Rẻ chuống, thủng trống, sai cân, mòn cầu.
 Thiếp Minh đô¹ cũng xấu mầu²,
 Thư phong chữ kín, gương lầu bóng không³.
 Kinh cầu văn cũng dơ tuồng,
 Ráo bình nước phép, nhấn vòng trang thiêng⁴.
- 835 Thôi vẽ đạo, lại mầu tiên,
 Gieo khăn bắc nhịp cầu lên mấy lần.
 Bùa trấn quỷ, ấn khu thần⁵,
 Giá phong⁶ chú nhiệm, đằng vân⁷ phép mầu.
 Dấu qua một tọa thư lâu⁸,
- 840 Rải vàng hai dãy, đính châu ba tòa.
 Quân thiếu⁹ nhạc tấu tiên nga,
 Diệu tham Nghê vũ¹⁰, khúc pha sinh hoàng¹¹.
 Quỳnh nương phong hộp linh đàn,
 Gửi đồng đưa xuống chữa chàng phong sương.
- 845 Viêm lô đem lại thiếu quang,
 Chồi mai mưa thụy, cành dương gió hòa¹².
 Thông dong mở tiệc thanh ca,
 Chàng cho Hồng yển thất gia¹³ vẹn nguyên.
 Miễn vân phố, mái thư hiên,
- 850 Hoa lay cầm kiếm, trắng in điển phần¹⁴.

1. Minh đô: (minh: tối) kinh đô mờ tối tức âm phủ.

Thiếp Minh đô: phép phù thủy làm cho người ta mê đi như chết để sai linh hồn xuống âm phủ tìm người chết.

2. Xấu mầu: không có mầu nhiệm nữa.

3. Thư phong... bóng không: cả câu ý nói người nhà Phạm Kim có đánh đồng thiếp mà cũng không tìm được Quỳnh Như.

4. Nhấn vòng trang thiêng: bản Lê Dư chép là *trang linh* thì lạc vận. Chữ thiêng cũng có nghĩa tương tự mà lại hợp vận.

5. Ấn khu thần: ấn đuổi được ác thần.

6. Giá phong: cười gió.

7. Đằng vân: cười mây.

8. Một tọa thư lâu: một tòa lầu nhà đọc sách.

9. Quân thiếu: tên một khúc nhạc tiên.

10. Nghê vũ: (nghê: cầu vồng) điệu múa tiên mặc áo bảy màu.

11. Sinh hoàng: khúc hát có tiếng sênh tiếng phách hòa theo.

12. Viêm lô... gió hòa: cả hai câu tả cảnh Phạm Kim đã khỏi bệnh.

13. Thất gia: nhà cửa, gia đình.

14. Điển phần: sách cổ, văn chương sách vở.

VIII

Phạm Kim đi tu

Thầy lay¹ thay đứa tiểu nhân,
Tiếng phi thường biết mấy lần mĩ mai ?
Gian nan vì một chữ tài,
Chẳng hay con tạo quấy người ta chi ?
855 Âu là lánh chốn thị phi²,
Tìm nơi phong nguyệt, qua thì vân³ lôi³.
Một sư, một tiểu thánh thời,
Cảnh thanh có chốn đợi người thánh tăng.
Kim Sơn phong cảnh đâu bằng ?
860 Hoa đưa chén cúc, hương lừng án thông.
Mành rủ liễu, tán gương tùng,
Trúc khua phách lá, lan lồng áo tiêu.
Đèn trắng tỏ đóa hoa điều,
Cửa hang gió thổi, tiếng điều⁴ dập dùi.
865 Đâu non vượn hót, khỉ trèo,
Cây kê cửa động, hoa leo mái già.
Chim gà giống dỗi tiếng ca,
Nước tuôn khe biếc, khói pha lá vàng.
Kinh⁵ thủy sám⁶, kệ⁷ kim cương⁸,
870 Rẩy cành Cam lộ⁹, thét gươm Đại hùng.

1. *Thầy lay*: không phải việc của mình mà cũng mách lẻo. Ý nói có kẻ mật báo Phạm Kim hoạt động chống lại triều đình, ám chỉ Phạm Thái chống lại Tây Sơn.

2. *Chốn thị phi*: (*thị*: phải, *phi*: trái) chốn có dư luận không hay, không biết phân biệt phải trái, nguy hiểm.

3. *Vân lôi*: (*vân*: mây, *lôi*: sấm) thời buổi làm mây làm sấm, ý nói anh hùng gặp cơ hội.

4. *Tiếng điều*: (*điều*: cái chiêng to) tiếng chiêng.

5. *Kinh*: theo *nghĩa rộng* là hết thấy giáo pháp mà đức Thế Tôn nói ra, theo *nghĩa hẹp* là kinh điển ghi chép những lời đức Phật nói ra, trong đó cũng gồm cả một số lời do đệ tử nói.

6. *Thủy sám*: sách về tu pháp chứ không phải kinh.

7. *Kệ*: một thể văn ở trong kinh Phật, cứ mỗi thiên kinh thường có một bài *kệ*, là lời tán tụng diễn dịch đại ý trong kinh ra. Vì bài *kệ* thu tóm hết ý nghĩa của một thiên kinh nên gọi là *kiệt* (thu tóm hết). Nhà Phật làm thơ gọi là *kệ* và làm văn gọi là *biệt* (kệ biệt).

8. *Kim cương*: kinh chứ không phải kệ, tên gọi chính thức là *Kim cương bát nhã kinh*.

9. *Cam lộ*: nước móc ngọt. Nhà Phật tin rằng đức Quan Âm thường dùng nước cam lộ trong tịnh bình và dùng cành dương vậy làm phép để làm tiêu tan nỗi khổ của chúng sinh.

Úm ma ni bát minh hồng¹,
 Kinh vang tiếng giác, cá giông giọng từ.
 Nguyễn Di Đà², niệm Tỳ Lư³,
 Bồ đề⁴ là đạo, Chân Như⁵ ấy lòng.
 875 Miệng ăn trai giới⁶ lạ lòng,
 Chán màu ly thái lại đồng thủy thoa.
 Hoa bát nhã, quả ba la⁷,
 Ấp hương giải thoát⁸, đeo hoa ưu đàm⁹.
 Mũ ni, gậy trúc, giày rơm,
 880 Dấn sông vải mỏng, nhuộm chàm thốn thưa.
 Chiều thanh lịch, vẽ trai lơ,
 Vải lờ dờ dặng, tiểu lơ thơ tuổng.
 Tu hành nhờ đức Thế Tôn¹⁰,
 Ất say sưa đạo, lại buồn bỗng duyên.
 885 Lọ là khăn vái thiên tiên,
 Cây Phật Bà¹¹ với Mục Liên¹² xét tình.

-
1. *Úm ma ni bát minh hồng*: lời thần chú có nghĩa là cầu được lên tòa sen ngọc báu.
 2. *Di Đà*: tên gọi tắt của đức Phật A Di Đà (Amita).
 3. *Tỳ Lư*: tên gọi tắt của Tỳ Lư Xá Na tức Đại Nhật Như Lai.
 4. *Bồ đề*: do chữ Phạn *Bodhi*, xưa dịch là đạo, nay dịch là giác nghĩa là giác ngộ. *Bồ đề bảo thụ* là cây bồ đề mà đức Thích Ca ngồi dưới gốc trước khi giác ngộ.
 5. *Chân Như*: cái chân lý thực thể thực tính mà đời đời không thay đổi. Cũng có thể xưng hiệu Phật là *chân như*.
 6. *Trai giới*: ăn chay và răn mình.
 7. *Bát nhã... ba la*: do chữ Phạn *Prajnaparamita*. *Prajna* dịch là trí tuệ. Lấy trí tuệ soi tỏ thực tướng, làm con thuyền, cái bè đưa chúng sinh từ bờ sinh tử sang bên kia là niết bàn, do vậy gọi là *bát nhã ba la mật* (paramita).
Ba la mật dịch là độ hoặc là sang tới bờ bên kia.
 8. *Giải thoát*: trừ bỏ cái ngu mê của thế tục mà được giải ngộ về cội Phật.
 9. *Ưu đàm*: do chữ Phạn *udumbara*, còn gọi là ô đàm, tên hoa. *Hoa ưu đàm* 3000 năm mới xuất hiện một lần. Vì hoa ít xuất hiện nên trong kinh thường ví sự hiếm có.
 10. *Thế Tôn*: vì đức Phật có đủ muôn đức được thế gian tôn trọng nên gọi là *Thế Tôn*.
 11. *Phật Bà*: tức Phật Bà Quan Thế Âm hoặc Quan Thế Âm Bồ Tát.
 12. *Mục Liên*: tín đồ đạo Phật, tu hành đặc đạo, đã xuống địa ngục cứu mẹ vào ngày rằm tháng bảy. Do đó có lễ "xá tội vong nhân".

PHẦN THỨ BA

Phạm Kim và Thụy Châu

I

Thụy Châu sinh ra và càng lớn lên càng đẹp

Máy thiên¹ cho biết cùng xinh
Bồng dêu xe pháp² lại nhanh chuyển vắn.
Trương công³ gặp lúc gian truân,
890 Một niềm ái quốc trung quân chẳng rời.
Phù nguy rắp tổ chí trai,
Nhưng thì người dễ đem trời lại ru⁴ ?
Cỏ hoa ngày tháng ưu du,
Một non sông phó xuân thu⁵ phẩm bình.
895 Đã ngoài sáu dật⁶ qui linh⁷
Phương Đông lại rạng tiểu tinh⁸ một nàng.
Sinh châu⁹ sức ứng điềm lan¹⁰,
Phòng hương ngọc nữ quang nhan khác vời.

1. *Máy thiên*: (*thiên*: do chữ Phạn *dhyana* = thiền na gọi tắt, có nghĩa là lặng nghĩ suy xét vì đạo Phật lấy thanh tĩnh xét tỏ chân lý làm tôn chỉ) ý nói sự mầu nhiệm của đạo pháp đã khiến mọi người có nhân quả như cái máy vận chuyển.

2. *Xe pháp*: do chữ *pháp luân* là bánh xe pháp, có nghĩa là lời thuyết pháp của đức Phật không dừng lại ở một người nào, ở một chỗ nào mà cứ xoay chuyển như bánh xe để truyền đạt cho mọi người và có thể phá vỡ tội ác chúng sinh.

3. *Trương công*: tức Khiển Xuyên hầu, bạn của Phạm công.

4. *Dem trời lại ru*: ý nói khó thay đổi được việc trời đã định, ám chỉ khó cứu được Nhà Lê khỏi suy vong.

5. *Xuân Thu*: kinh Xuân Thu là sách sử ký nước Lỗ của Khổng Tử soạn ra với những lời bình luận khen chê. Ở đây có nghĩa là để cho lịch sử phẩm bình.

6. *Sáu dật*: (*dật*: yên vui) ý nói đã ngoài sáu chục tuổi.

7. *Qui linh*: (*qui*: rùa, *linh*: tuổi) tuổi rùa, ý nói trường thọ.

8. *Tiểu tinh*: nếu theo nghĩa của chữ này thì phải giảng là vợ bé nhưng ở đây lại phải hiểu là một nàng con gái nhỏ vì chữ ấy chiếu xuống câu dưới "*sinh châu sức ứng điềm lan*".

9. *Sinh châu*: do câu *lão bạng sinh châu* (con trai già sinh ra ngọc) ý nói tuổi già mà sinh con quý.

10. *Điềm lan*: do chữ *mộng lan*. Vợ hầu Trịnh Văn Công (Xuân Thu) nằm mộng thấy cây lan mà sinh ra con trai sau là Mục Công. (Ngày nay đàn bà có chửa gọi là *mộng lan*). Ở câu này cũng như ở câu 896 (chữ *tiểu tinh*) chữ *điềm lan* cũng phải hiểu nghĩa khác đi là sinh con gái thay vì trong điển là sinh con trai.

900 Lưng liễu uốn, miệng hoa cười,
 Có sen cốt cách, có mai tinh thần.
 Sá so Phi Yến ¹, Triệu Vân ²,
 Biện Cầm nhường lúa, Thái Tần ³ kém đôi.
 Hào hoa ấy gái mà trai,
 Đã ba Quỳnh Ngọc lại hai Minh Hà.
 905 Chiều xuân trăm vẻ nẫu nà ⁴.
 Nức hương bồ liễu, xông hoa hải đường.
 Châu sơ chĩn xứng tân trang,
 Y lời ước, đặt tên nàng Thụy Châu.
 Thức hoa vừa bước xuân sâu,
 910 Hương khuê đủ việc, thư lâu đủ tài.
 Tiếng thơm lưng lẩy trong ngoài,
 Dậy vùng huyện xích, nức nơi châu Thần.
 Thời vừa lệnh kén tài nhân,
 Khuê viên dễ mấy cung tần giá kia ?

II

*Thụy Châu vốn tính phóng khoáng,
cải trang làm đạo sĩ đi chơi khắp nơi*

915 Nàng bèn đổi dạng nam nhi,
 Đồ nẫu sồng ⁵ sẵn tiên y, đạo bào ⁶.
 Tiểu đồng ấy lại mới hào,
 Nàng My Oanh cạo trái đào hoa gioi.
 Túi thơ, phím trúc hẩn hoi,
 920 Ngâm vừng minh nguyệt, giọng hồi thanh phong.
 Cuộc cờ, chén rượu thông dong,

1. *Phi Yến*: người con gái đất Thành Dương, có nhan sắc, được Hán Thành Đế tuyển vào cung rồi được lập làm Hoàng hậu. Khi vua băng, Ai Đế phong làm Hoàng Thái hậu. Nhưng khi Bình Đế lên ngôi thì bị phế làm thứ nhân. Phi Yến sau tự sát.

2. *Triệu Vân*: chỉ tên một người đàn bà đẹp, chưa rõ là ai

3. *Thái Tần*: Giang Thái Tần người đất Bồ Điền, được tuyển làm cung phi đời Đường Minh Hoàng, rất được nhà vua sủng ái. Sau vua tuyển được Dương Ngọc Hoàn, phong làm Quý Phi thì Thái Tần bị thất sủng.

4. *Nẫu nà*: đúng ra phải viết là *nôn nà* mới có nghĩa là đẹp mơn mớn.

5. *Nẫu sồng*: màu nhuộm bằng nẫu bằng sồng. Nói chung đồ mặc của người tu đạo Phật.

6. *Đạo bào*: áo của người đạo sĩ.

- Được thua hội ấy, lạt nồng mùi kia.
 Khói høre¹ nấu liêu đòi khi,
 Chè mai cốt, bánh tưng chi sẵn nhiều.
 925 Hoàng tinh² sơn dược mấy liêu,
 Đồ trư: kim cúc, đồ chiêu: ngọc chi.
 Nhân sâm, ý dĩ³ liệu ky⁴,
 Sớm vui tưng bách, tối bì trầm hương.
 Luyện tu biết mấy linh đan,
 930 Hút mây từng thág, thở sương từng thì.
 Mới hay thay, lẽ huyền vi⁵,
 Đạo thanh tĩnh, phép từ bi nhiệm mầu.
 Dẫn dẫn dắt mối duyên nhau,
 Dưới trăng tỏ thắm, doanh câu lá hồng.
 935 Nàng từ giả dạng tiên phong⁶,
 Mấy miền non thắm, mấy vùng sông khơi.
 Thích tình ngoạn thưởng qua chơi,
 Đến miền cảnh thú ấy nơi ngâm bình.

III

Đến Kim Sơn, Thụy Châu tỏ tài văn thơ

- Nghe Kim Sơn⁷ rất phong tình
 940 Nghĩ rằng cảnh Phật, trời dành đãi tiên.
 Giục Oanh sắm sửa ngâm tiên,
 Tìm duyên Bồng đảo, hỏi miền Vũ Lăng.
 Ca chim, đàn suối, phách rừng,
 Chiếu mây rải đá, đèn trăng treo tưng.
 945 Phong quang mấy vẽ nảo nùng⁸,
 Đem miền Tây Trúc⁹ về vùng Nam giao.

1. *Khói høre*: khói của gỗ cây høre dùng để nấu bếp.

2. *Hoàng tinh*: thứ cây có rễ củ dùng làm thuốc hoặc xay làm bột để ăn.

3. *Ý dĩ*: thứ cây nhỏ thuộc loại ngũ cốc, có hạt dùng làm thuốc được.

4. *Liệu ky*: (*ky* hoặc *cơ*: đối) ăn cho đỡ đói.

5. *Huyền vi*: sâu kín nhỏ nhất.

6. *Tiên phong*: phong thái người tiên.

7. *Kim Sơn*: tên một ngôi chùa.

8. *Nảo nùng*: đẹp xinh.

9. *Tây Trúc*: tức xứ Ấn Độ, nơi đất Phật.

Một bầu thế giới thu vào,
Cảnh tình có vẻ, thanh tao có màu.
Lên tựa mát mái chung lâu,
950 Thấy bên vách phấn có câu thơ đề.

Thơ

*Thích tình từng trải thú sơn hà,
Phong cảnh đây ru mới gọi là !
Doanh chở bè từ¹ vờn sắc ngọc,
Đỉnh in trăng tuệ² tỏ màu hoa.
955 Véo von bối kệ³ khua chim pháp,
Réo rắt đàn thông gảy gió hòa.
Dẫu chẳng tiên ru ? Nhưng chẳng tục,
Mới hay rằng Phật cũng là ta.
Xem thôi giờ bút nghiên ra,
960 Hứng ngâm một luật tục hòa bốn câu:*

Thơ họa

*Đã khắp sơn lâm khắp hải hà,
Khen đây cảnh trí khéo thay là !
Gió từ hây hẩy đưa buồm gấm,
Trăng tuệ lâu lâu rạng tán hoa⁴.
965 Tiu⁵ điểm tiếng kinh xen trống giục,
Mõ giông giọng kệ lẫn chuông hòa.
Nào ai là Phật, nào ai tục ?
Có biết tiên chăng ? Chẳng, gọi ta !
Đề thôi trông xuống cửa già⁶,*

1. Bè từ: đạo từ bi của đức Phật như cái bè từ chở chúng sinh qua bến mê, bể khổ.

2. Trăng tuệ: cái trí tuệ của đức Phật như ánh trăng soi sáng cho chúng sinh được giác ngộ.

3. Bối kệ: câu kệ viết trên lá cây bối đa.

4. Tán hoa: vành cánh hoa hình tròn.

5. Tiu: nhạc khí bằng đồng hình như cái bát úp của thầy cúng thường dùng để đánh với cái cảnh.

6. Cửa già: (già: già lam) cửa chùa.

- 970 Chử *nhàn* đối *tục* tán ra lẽ mầu:
 Người ở bên hang¹ âu hẩn tục,
 Trăng vào trong cửa² ắt là *nhàn*.
 Cười rằng: “Liên ấy chẳng hào,
 Đã *nhàn* thôi lại mang vào *tục* chi?”
- 975 Nàng bèn lấy bút cái đề,
 Chử ra lạc thảo, thế đi cấm triền³.
 Trời xuống lòng người⁴ âu hẩn Phật,
 Người về bên núi⁵ ấy là Tiên.
 Viết rồi lại thấy cửa chiền⁶,
- 980 Tả biên chiếc lẻ, hữu biên chưa đề.
 Khách hồng trần lơ láo bước phu hư,
 Lối kim cổ ra vào sinh tử mãi
 Cho ai là kẻ cao kỳ,
 Thì xin đối lại bên kia cho cùng.
- 985 Nàng xem chẳng quản ngại ngùng,
 Bút hoa viết lại một dòng bên sau:
 Thợ huyền tạo khéo khôn tay ảo diệu
 Then kiền khôn mở đóng tịch triêu mau.
 Đối thôi thượng ngoạn giờ lâu,
- 990 Cầm giang⁷ ba điệu, ca mầu năm cung.

1. Người ở bên hang: người (chữ Hán là *nhân* 人) hang (chữ Hán là *cốc* 谷), chữ 人 đặt bên chữ 谷 thành chữ 俗 (*tục*).

2. Trăng vào trong cửa: trăng (chữ Hán là *nguyệt* 月) cửa (chữ Hán là *môn* 門), chữ 月 đặt trong chữ 門 thành chữ 閒 (*nhàn*)

3. Chử ra... cấm triền: nét chữ viết bay bướm (lạc thảo) mà uốn lượn như múa trông đẹp tựa gấm (cấm triền).

4. Trời xuống lòng người: trời (chữ Hán là *thiên* 天), người (chữ Hán là *nhân* 人); chữ 人 đặt bên chữ 天 thành chữ 𡗗 (*Phật*). Chữ Phật thường viết là 佛.

5. Người về bên núi: người (chữ Hán là *nhân* 人), núi (chữ Hán là *son* 山); chữ 人 đặt bên chữ 山 thành chữ 仙 (*Tiên*)

6. Cửa chiền: (*chiền*: do chữ *thiên* đọc chạnh ra) cửa chùa.

7. Cầm giang: đánh đàn.

IV

*Phạm Kim (nhà sư) và Thụy Châu (đạo sĩ) gặp nhau,
cùng nhau xướng họa*

- Xa xa trông thấy Nhạn đồng,
My Oanh vẫy lại nói năng chuyện trò.
Rằng: “Tiên lang¹ khách giang hồ,
Nghe sư đạo đức, vả chùa thanh tân.
- 995 Cho nên chẳng quản xa gần,
Trước là đính lễ², sau phần qui y³.
Phiền đồng vào bạch tôn si⁴,
Nam vô lượng giác từ bi chẳng là ?”
- Nhạn rằng: “Sư phụ xuất gia,
1000 Chân như để dạ, phồn hoa giác ngoài.
Tiểu tôi nay đã kính rồi,
Ở đây đi lại lắm người khéo ghê !
Tướng hình xem rất quái kỳ,
Chú thì Tùng Linh, anh thì Mai Hiên⁵.
- 1005 Chẳng qua hết gạo lỡ tiền,
Túi thơ bầu rượu giả tiên dối đời.
Xem khi thơ, rượu lạ đời,
Thơ ngơ ngẩn lạ, rượu lời lắm thay !”
- Oanh rằng: “Đồng chẳng biết đây,
1010 Người nay ba đấng, của nay ba loài.
Những là mển thú thanh trai,
Những nơi trọc cảnh sá hoai đến chi ?
Chùa thấp ụp, bụi đen sì,
Tiểu phênh bụng gạo, sư bì da rau.
- 1015 Máy người sãi, vãi xấu mầu,
Má đen chó đá, mắt sâu sấu sành.

1. *Tiên lang*: (*lang*: chàng trai) người trẻ tuổi theo đạo tiên.

2. *Đính lễ*: (*đính*: cái chỏm đầu) cúi đầu sát đất để làm lễ.

3. *Qui y*: (*qui*: dốc lòng tin theo), nhà Phật có ba phép qui y: qui y Phật, qui y pháp và qui y tăng. *Qui y* là bỏ nơi tối tăm mà đem cả tấm thân quay về nơi sáng tỏ vậy.

4. *Tôn si*: tôn sư. Chữ *sư* đọc chạnh thành *si* cho hợp vần.

5. *Tùng Linh... Mai Hiên*: chỉ cảnh tiên.

Những tuồng nét quỷ dạ tinh,
 Miệng tuy bồ tát¹ mà tình dạ xoa².
 Phật về Tây Trúc ru mà,
 1020 Để cho những giống yêu ma quấy chùa ?
 Thế mà cũng tiếng nam vô,
 Gớm tuồng thô tục, nhớ trò trần ai !
 Tiểu sao chẳng nghĩ ngắn dài,
 Dem nơi ngu muội sánh nơi tài tình ?
 1025 Hãy còn tục vật chẳng thanh,
 Sao người thanh cảnh mà tình trần gian ?
 Nhận rằng: “Ngán nhẽ đa đoan !
 Dễ hấu đã tỏ thánh phạm được đâu ?
 Thôi thôi vái cảnh các hấu,
 1030 Tài tình mấy kẻ bấy lâu tới miên ?
 Người xưng chữ thánh, thơ tiên,
 Thơ rông chó chạy, chữ nhem cua bò.
 Vách vôi đen nhem như tro,
 Chối cùn biết mấy, rơm vò biết bao
 1035 Cũng đòi xưng lấy anh hào,
 Chúc gì nói phét, lệnh nào cấm đi ?”
 Oanh rằng: “Gớm lẽ ngu si,
 Mấy người thô tục biết gì người tiên ?
 Nghĩ rằng Phật có lương duyên³,
 1040 Bè từ nhẹ thả⁴, cửa thiên rộng khơi⁵.
 Nào hay nặng trĩu hẹp hòi,
 Thế thì Phật cũng dối người thế gian.
 Nhận rằng: “Giáo phiệt⁶, đạo quân⁷,
 Chở người thiện giác, dung đoàn chân như.

1. *Bồ tát*: gọi tắt của *Bồ đề tát thùy* (Bodhisattva) chỉ người đã tự giác được bản tính và phổ độ chúng sinh. Cũng gọi là *Phật Bồ tát*.

2. *Dạ xoa*: tên một loài quỷ: xấu như quỷ dạ xoa.

3. *Lương duyên*: nhân duyên tốt lành.

4. *Nhẹ thả*: nhẹ thả.

5. *Rộng khơi*: rộng mở.

6. *Giáo phiệt*: (*phiệt*: cánh bè, tán dương phép Phật rất mầu cứu vớt người khỏi chìm đắm) dạy người ta về đạo từ bi, cứu vớt chúng sinh.

7. *Đạo quân*: (*quân*: thiên quân = tâm người) dạy cho người ta biết giữ lấy cái tâm cho yên vui.

Hai chữ này đã được giải thích qua câu “chở người thiện giác, dung đoàn chân như”.

- 1045 Độ đau những kẻ si mê¹ ?
 Chớ đem trần tục trách về Phật duyên !
 Xin người về nghỉ kéo phiên,
 Phiên người, vả lại bận thiền sư tôi".
 Nàng nghe Nhạn nói nức cười,
 1050 Khen rằng: "Tiểu trẻ lắm lời khôn ngoan.
 Bấy lâu những khách trần hoàn,
 Ít người tuấn dật², lắm đoàn ngu mê.
 Nhưng thì chẳng trách đồng chi,
 Thử xem thơ đối bên kia thế nào ?"
 1055 Nhạn xem rồi gửi: "Thực hào³ !
 Thế mà lấy khách tục lưu sánh cùng !
 Thứ tình cho được đội trông,
 Thơ này vâng biết vào trong gửi Người".
 Vừa khi am tĩnh thưởng mai,
 1060 Thấy thơ Nhạn gửi, sư coi khen kỳ.
 Sai người dọn mái liên trì⁴,
 Sửa sang phương trượng⁵ trai nghi đãi đằng⁶.
 Người đạo sĩ, kẻ thiền tăng,
 Chuyện trò phép nhiệm, nói năng chước mầu.
 1065 Nàng rằng: "Đây thú thanh tao,
 Với thiền sư cũng phong lưu khác thường
 Cho nên hỏi lối tìm đường,
 Lấy hằng tâm để cúng dường⁷ làm duyên".
 Tăng rằng: "Nặng đội khách tiên,
 1070 Xa xôi chẳng ngại lâm tuyên đến đây.
 Tắc vương⁸ cũng thấu cao dày,
 Người đã thành kính, Phật rày chứng minh.

1. Si mê: tâm ngu si mê muội ở sự lý, không tin luân hồi nhân quả, nghi ngờ chính pháp.

2. Tuấn dật: nhân tài cao siêu.

3. Thực hào: thực là tài trí, có tài cao.

4. Mái liên trì: mái nhà bên ao sen.

5. Phương trượng: phòng ở của sư trụ trì. Truyền rằng thạch thất (nhà đá) của cư sĩ Duy Ma Cật vương vẫn mỗi chiều có một trượng nên mới gọi là phương trượng.

6. Đãi đằng: thiết đãi, đón tiếp.

7. Cúng dường: (dường hoặc dâng) tức là cung dưỡng đọc chạnh ra, có nghĩa là đem lễ vật cúng vào nhà chùa.

8. Tắc vương: do chữ phương thốn là tắc lòng.

- Những e khổ hạnh tu hành,
 Nhặt không mùi tĩn, vắng tanh cửa từ.
- 1075 Hoa chênh mảng, nguyệt ơ hờ,
 Tuyết e ấp vẻ, gió ¹ ngơ ngẩn chiều.
 Cỏ hoa kết bạn dập dìu,
 Nhiều bên tĩn thú, ít liều trần duyên ².
- 1080 Lấy gì thết đãi khách tiên,
 Đạo cao xin thấu lòng thiền này cho”.
 Nàng rằng: “Há quản thế ru?
 Muốn đem duyên với giang hồ làm thân.
 Tôi nay lánh chốn phong trần,
 Kiền môn ³ góp lại thanh tân túi đầy.
- 1085 Nước non một gánh nhẹ thay,
 Lúa vui ⁴ gì gió, bạn vầy ả trắng.
 Bụi trần rũ sạch lằng lằng,
 Hoa hồng cười nói, tuyết ngân thưởng bàn.
 Cuộc cờ, chén rượu, cung đàn,
- 1090 Thơ ngâm Bành Trạch ⁵, tranh vờn Tiêu Tương.
 Lợi danh sá quản tầm thường,
 Yên hà cũng đủ phong quang góp đời”.
 Tăng rằng: “May đã tới vời,
 Thì đều ngôn chí mỗi người một thiên”.
- 1095 Nàng rằng: “Thì hứng cũng nên,
 Tăng thì tiên xướng, tôi xin tục đề”.

1. *Hoa...nguyệt... tuyết gió*: tức phong hoa tuyết nguyệt chỉ các thú vui tiêu khiển.
 Cả hai câu ý nói từ bỏ hết mọi thú vui tiêu khiển.

2. *Trần duyên*: cảnh của lục trần tức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp vì chúng là sở duyên của tâm, làm dơ bẩn tâm tĩn.

3. *Kiền môn*: cửa trời.

4. *Lúa vui*: bản Lê Dư in là *lửa đôi*, chắc là chữ *lúa* bị in sai dấu. Chữ *lúa* này được đặt đối với chữ *bạn* ở vế sau: “bạn vầy”.

5. *Bành Trạch*: Đào Bành Trạch tức Đào Uyên Minh (vì Uyên Minh có làm quan lệnh ở huyện Bành Trạch), người đời Tấn, bỏ quan ra về và có làm bài *Qui khứ lai từ* rất nổi tiếng mà trong văn chương ta xưa thường hay nhắc đến.

Tăng xướng

1100 *Non xanh xanh nước cũng xanh xanh,
Non nước gồm hai thú hữu tình.
Non vũng rường nhân lay chẳng chuyển,
Nước đưa màu trí ngấm càng thanh.
Thoáng hình chớp giạt lò kim cổ,
Phút bóng câu¹ qua giục tử sinh.
Trót với trần gian cho vẹn kiếp,
Những như tình cảnh cũng buồn tênh !*

Nàng họa

1105 *Đã từng nước biếc lại non xanh,
Non nước cùng ta cũng lắm tình.
Non chở thảo hoa vầy bạn cũ,
Nước rờn phong nguyệt góp người thanh.
Thoi đưa ảo cảnh hồn như mộng,
1110 Khóa chặt tuần hoàn² kiếp hữu sinh.
Đeo đẳng phù sinh³ chi bận với,
Để cho non nước những buồn tênh ?
Ngâm thôi, so sánh tài tình,
Đã hay thi họa lại tình cầm kỳ.
1115 Nàng say thú lạ giang khô,
Có thiên tức cảnh, có đề đăng sơn.
Từ Vọng thạch⁴, điệu Quan lan⁵,
Ngâm chung các, vịnh thiên quan mấy bài.*

1. *Bóng câu*: do thành ngữ *bạch câu quá khích* (ngựa trắng phi qua khe cửa) ý nói thật nhanh, thoáng một cái đã qua đi.

2. *Tuần hoàn*: theo thứ tự mà xoay vần.

3. *Phù sinh*: cuộc đời ngắn ngủi.

Tuồng ảo hóa đã bày ra đó, *kiếp phù sinh* trông thấy mà đau (C.O.).

4. *Từ Vọng thạch*: bài từ nhan đề là *Vọng thạch* (trông núi đá).

5. *Điệu Quan lan*: bài ca nhan đề là *Quan lan* (xem sóng).

V

*Sau lúc từ biệt, hai người nghĩ tới nhau
và cùng nghĩ ngờ về nguồn gốc của nhau*

- Thong dong già mái thanh trai,
1120 Tà sơn tăng, lại thanh thoi lên đường.
Thênh thênh thuyền bách¹ nhẹ nhàng,
Nước xanh lần chở, gió vàng thẳng đưa.
Kìa đâu chiến sớm², chợ trưa,
Chày boong boong nện, khói mờ mờ bay.
1125 Kìa đâu doanh nguyệt, am mây,
Cô giong chỉ thắm, chị lay đoá vàng.
Kìa đâu bãi giá ngàn sương,
Cây pha tuyết bạc, địch đàn cỏ xanh.
Kìa đâu hoa phố liễu doanh³,
1130 Tiếng vang công cổ⁴, vẻ kinh thế thần⁵.
Nàng về đến chốn lầu xuân,
Với Oanh bàn bạc giai nhân mấy người.
Oanh rằng: “Tăng lối⁶ khác vời,
Trách con tạo nữ hẹp hòi cho nên.
1135 Hay là giống giấy⁷ trần duyên,
Ngại ngùng tục giới, nức nguyên tĩn phương⁸?
Hay là mắc tiếng phi thường⁹,
Tìm nơi u tịch, lánh đường phong ba¹⁰?

1. *Thuyền bách*: thuyền làm bằng gỗ bách.

2. *Chiến sớm*: ý nói đến tiếng chuông chùa buổi sáng sớm.

3. *Hoa phố liễu doanh*: tức phố và doanh (phố xá) còn hoa và liễu chỉ được thêm vào cho đẹp lời.

4. *Công cổ*: thợ thuyền và người buôn bán.

5. *Thế thần*: chỉ những người làm quan to (có lâu đài tráng lệ).

6. *Tăng lối*: ý nói cách đi đứng ăn nói của nhà sư.

7. *Giống giấy*: ruồng rẫy, từ bỏ.

8. *Tĩn phương*: cảnh chùa vì đạo Phật lấy sự thanh tịnh làm gốc.

9. *Tiếng phi thường*: ý nói Phạm Kim (ám chỉ Phạm Thái) có hoạt động gì chống lại triều đình (ám chỉ nhà Tây Sơn).

10. *Phong ba*: sóng gió, chỉ tai họa bất kỳ.

Tiếc thay những bậc tài hoa,
 1140 Phải đem châu báu mà pha cát lậm.
 Nam vô cứu khổ Quan Âm,
 Phật duyên độ lấy trần tâm chẳng là.”
 Chàng từ trở gót chiến gia ¹,
 Bao Nhạn đồng, hết gần xa mọi điều.
 1145 Ta xem người ấy mỹ miều,
 Và đường ăn ở ra chiều nữ nhân.
 Chữ thì lấm vẽ thanh tân,
 Giọng thơ mầu ngả đượm phần hương hoa ².
 Nhạn rằng: “Tôi chữa nghĩ ra,
 1150 Chốn này chẳng thấy ai là nữ lang ³.
 Miền xa xôi cũng chưa tường,
 Hay Quan Âm lại tìm đường thử thanh ⁴.
 Nếu mà người thú thị thành,
 Dò ra lâu cũng biết tình, chẳng thông.”
 1155 Chẳng còn nghi tín chưa xong,
 Hỏi tiên âu phải phụ đồng thính tiên.
 Đốt lò, niêm áng bùa thiêng,
 Rượu chầm bạch tuyết, hoa truyền thanh hương.
 Lưỡng khẩu thánh ⁵, cửu thiên lang ⁶,
 1160 Kinh đưa phách nguyệt ⁷, hạc nương bóng thần.
 Bốn câu lạc thảo ⁸, thanh tân,
 Có chiều cao viễn, có phần huyền vi.

1. *Chiến gia*: tức thiên gia, chỉ nhà chùa.

2. *Hương hoa*: ý nói có vẻ đàn bà con gái.

3. *Nữ lang*: (*lang*: con trai) con gái có tài học như con trai.

4. *Thử thanh*: thử (xem có phải là chân tu không)

Chữ thanh được đặt thêm coi như tiếng đệm.

5. *Lưỡng khẩu thánh*: vị thánh trấn giữ hai cửa khẩu.

6. *Cửu thiên lang*: vị thần trấn giữ trên chín tầng trời.

7. *Phách nguyệt*: (*phách*: phần tối trên mặt trăng) vía hồn vía.

8. *Lạc thảo*: viết thảo thật mau.

Cửa Bắc cây chen màu “Thảo dĩ¹”,
 Lầu Nam nguyệt rạng vẻ “Trường cung²”
 1165 Lầu lầu vàng³ đúc vành gương⁴ báu,
 Vành vạnh châu trao chiếc lược⁵ hồng.
 Chàng xem, mới bảo Nhận đồng,
 Rằng: “Lời thơ ấy ngụ trong gia tình.
 Phạm Trương hai chữ rành rành,
 1170 Vả câu chiếc lược với vành gương kia.
 Kim, Châu⁶ mới lại tỏ ghê,
 Kính nơi cảnh Phật, sơ về động Tiên.
 Cho hay hai chữ nhân duyên,
 Còn non nước cũ, vẫn nguyên ước xưa.
 1175 Phạm đây, Trương đấy, ai ngờ ?
 Kia gương chưa bụi, nọ sơ hầy mầu⁷.
 Nhưng thì Tiên Phật khác nhau,
 Nón thuyền khôn chở, khăn cầu⁸ khôn sang.
 Đành rằng duyên phận nhờ nhàng,
 1180 Đã gàn quả thế, hầy nường nấu này.
 Lòng vương tặc, đức cao đầy,
 Xét soi ắt cũng có ngày chẳng không.”

1. Thảo dĩ: 艸 (thảo) 汜 (dĩ) = 范 (phạm).

2. Trường cung: 弓 (cung) + 長 (trường) = 張 (trương).

3. Vàng: tức là Kim (tên của Phạm Kim).

4. Gương: tức là kính.

5. Lược: tức là sơ.

6. Châu: tên của Trương Châu.

Bốn câu thơ tiên giáng bút nói đến ước cũ gương lược (sơ kính) của Phạm Kim và Trương Châu.

7. Sơ hầy mầu: lược hầy còn mầu nhiệm.

8. Nón thuyền... khăn cầu: ý nói đến phép tiên như nón làm thuyền, khăn làm cầu cũng hết hiệu nghiệm.

VI

Phạm Kim bỏ tu hành, tới ngụ nhà Trương công

Chàng từ nấn ná phạm cung¹
Tòa sư, mệnh Thích² cửa rồng³, chí Nho.
1185 Nom cung Lỗ, tắm sông Thù⁴
Thương Lang⁵ giặt dãi, vũ Vu giống đàn⁶.
Bóng thư đăng tỏ thiên quan,
Càng gào mõ cá, càng đàn kinh Lân⁷.
Bổng nghe đồn tiếng huyện thân⁸,
1190 Bạc sư biểu⁹ có cao nhân tốt vời.
Giong lửa nghìn dặm xa xôi,
Đường thanh vân¹⁰ rộng đón người thanh xuân.
Cửa Trình¹¹, thoát đã gần gần,

1. *Phạm cung*: (*phạm*: sự thanh tịnh) ngôi chùa gọi là *phạm cung*.

2. *Mệnh Thích*: (*Thích*: tức là Thích Ca Mâu Ni (Sakyamuni) có nghĩa là Bạc tinh tịnh trong họ *Thích ca*. Ngài là Thái tử Tất Đạt Đa, con vua Tịnh Phạn (Suddhodana ở thành Ca tì la vệ (Kapilavatsu) nước Ấn Độ, sinh năm 563 trước Công nguyên, sau thấy cuộc đời có lắm cảnh khổ đau mới quyết chí dứt bỏ tục lụy để đi tu và trở thành Phật). Cuộc sống của nhà sư. Các nhà sư đều lấy họ Thích.

3. *Cửa rồng*: cửa vua. Con rồng là tượng trưng của nhà vua nên mặt vua được gọi là *mặt rồng*, áo vua mặc gọi là *áo rồng*, sân nhà vua gọi là *sân rồng*.

4. *Sông Thù*: con sông chảy qua nước Lỗ, là nơi đức Khổng Tử sinh nên thường dùng để nói đạo Nho.

5. *Thương Lang*: sông Thương Lang.

6. *Vũ Vu giống đàn*: *Luận ngữ*: Khổng Tử hỏi chí học trò. Mỗi người trả lời một ý như phò vua và giúp dân. Chỉ có Tăng Điểm thưa: “Xuân đã hết, muốn may bộ áo mỏng, rủ mấy đứa trẻ ra sông Nghi tắm, hóng gió ở đàn Vu, thông thả ca hát mà về”. Khổng Tử khen vì cho đó là ước muốn của đời thái bình.

7. *Càng gào... kinh Lân*: ý nói càng tụng kinh gõ mõ càng nhớ đến kinh sách của đạo Khổng.

8. *Huyện thân*: (*thân*: tấn thân, người thượng lưu) ông huyện có danh vọng.

9. *Sư biểu*: (*sư*: thầy, *biểu*: cái dấu hiệu đặt ra cho mọi người nhìn vào) bậc thầy có học thức rộng và đạo đức cao, đáng làm gương cho mọi người noi theo. Đức Khổng Tử được coi là *vạn thế sư biểu*.

10. *Thanh vân*: mây xanh. *Đường thanh vân*: đường công danh thi cử.

11. *Cửa Trình*: cửa nhà ông Trình Tử, một bậc đại Nho đời Tống, chính tên là Trình Di, hiệu là Y Xuyên, chú thích nhiều kinh truyện. Nghĩa bóng nói nơi giảng tập Nho học.

- Nam lâu dương tính ¹, Tây tân ² kén tài.
1195 Bền vào yết kiến thư đài ³
Trương Công gạn hỏi mọi lời phân minh.
Kim lang tránh tủi gia đình,
Vả người hoàn tố ⁴ mà mình lữ lam.
Lễ đâu tỏ nổi hương quan,
1200 Thưa trình: “Quê ở Thanh Lan gần miền.
Gia đình xảy gặp truân chiên,
Ngậm sầu cố quốc ⁵, đeo phiền tha hương.
Trộm nghe danh giá cao đường,
Dám đem thân mọn ngụ nương cửa hầu ⁶”.
1205 Trương Công thử thách mọi mầu,
Đã thông kinh sử, lại lầu văn chương.
Truyền người dọn mái thư đường,
Cảnh tình lăm vẻ thanh quang lạ lòng.
Sẵn sàng tứ bảo văn phòng ⁷,
1210 Hương đầm mực bách, hoa lồng giấy dương
Cầm ly ⁸ giống, giả câu lan,
Trúc êm bút thế ⁹ đá quang nghiên trì ¹⁰.
Lời uẩn áo, lẽ huyền vi,
Lân la đàn Hạnh ¹¹, gần kề tiếng chuông.
1215 Trương công thấy vẻ văn phong,
Xót tài vả lại có lòng trọng Nho.

1. *Nam lâu dương tính*: Trương công ngồi ở góc phía Nam để tu dưỡng tính tình.
2. *Tây tân*: (*tây*: phía tây, *tân*: khách) người khách ngồi ở phía Tây, chỉ người gia sư của những gia đình giàu có.
3. *Thư đài*: đài cao ngồi đọc sách.
4. *Hoàn tố*: (*hoàn*: lựa nôn, *tố*: lựa trắng) áo quần sang trọng.
5. *Cố quốc*: nước cũ, chỉ triều đại nhà Lê đã mất.
6. *Cửa hầu*: cửa nhà quyền quý.
7. *Tứ bảo văn phòng*: gồm bút, nghiên, giấy, mực.
8. *Cầm ly*: đàn có khảm ngọc lưu ly.
9. *Bút thế*: cách cầm bút và cách viết.
10. *Nghiên trì*: ao nghiên. *Thú thôn ở ao nghiên ruộng chũ* (T.T.K.).
11. *Đàn Hạnh*: tức Hạnh đàn, chỗ nền cũ của Khổng Tử giảng học, ở trước Không miếu, tại Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông.

Cơm xẻ với, áo nhường cho,
Đạo cao, phép nhiệm nhỏ to dạy truyền.
Kim lang ăn ở ngụ miên,
1220 Gác đường hoa liễu, mắng bên điển phần¹.

VII

Xướng họa từ nhạc

Thụy nương ở mái lầu xuân,
Sửa sang khổn pháp, chuyên cần nữ công.
Nhân dật thắm, đức thù hồng,
Đạo vờn bức vẽ, nghĩa lồng quyến thơ.
1225 Phải chi giở đến Châu sơ,
Dường ngao ngán nổi, dường ngơ ngẩn chiều
Oanh xem kém vẽ mỹ miều
Gửi nàng “Xuân sắc dường đeo đẳng phiên”
Nàng rằng: “Cũng có sự duyên,
1230 Nhưng mà đâu dễ hỏi nên được nào ?
Phạm, Trương xưa nghĩa tương giao,
Thê nguyên hai họ, ước ao một lời.
Kính sơ², đôi chiếc đôi người,
Bồng phong trần khiến cách vời non sông.
1235 Dễ mà nhận cá cho thông ?
Bản khoản dạ bác, nào nùng duyên con.
Ngậm ngùi kẻ khuất người còn,
Mà lời bể cạn, non mòn làm sao ?
Hỏi thăm mấy kẻ ra vào,
1240 Càng nghe những nỗi âm hao³ càng phiên.
Hầu môn thay dấu, đổi nền,
Đặt sân lá thắm, in thêm rêu xanh.

1. *Điển phần*: kinh sách.

2. *Kính sơ*: gương lược.

3. *Âm hao*: (*hao*: tin tức) tin tức.

Biến đời mấy lớp vân tinh ¹,
 Dãi tường liệt nhật ², treo cảnh nghiêm sương ³.
 1245 Chàng thì chịu tiếng phi thường,
 Biết là dạm nguyệt ngàn sương chốn nào ?
 Nhân duyên ai há nở liêu,
 Chẳng đời gan đá, chẳng xiêu lòng vàng ?
 Hóa nhi mà chẳng bệnh thương,
 1250 Một đường nước chảy, một đường lầu không.
 Kéo mà duyên phận long đong,
 Đành rằng một kiếp má hồng ⁴ mà thôi !
 Oanh rằng: “Ly hợp bởi trời,
 Sức đâu nghĩ xiết sự đời thiệt hơn ?
 1255 Miễn là yên phận thanh nhàn,
 Chớ lo chầy kíp, chớ bàn gần xa.
 Hãy xin nâng nhắc ngọc ngà ⁵,
 Kéo chi sương nhuộm, gió pha lạnh lòng.
 Nguyệt vừa tỏ, tuyết vừa đông,
 1260 Đào êm lá thắm, mai phong nhị vàng.
 Lồng vẻ gấm, đượm mùi hương,
 Kia hoa mới nở, nọ gương chưa lòa.
 Mà sao đã lệ xuân già,
 Ngại ngừng chữ phận, nẫu nả chữ duyên ?
 1265 Thôi thôi xin chớ lo phiền,
 Kính, sơ ất cũng có phen soi, cài !”
 Nàng rằng: “Oanh nói mọi lời,
 Dập tàn lửa ái, tắt vơi sóng tình”.
 Đỡ sầu mượn khúc dương tranh ⁶,

1. *Vân tinh*: (vân: mây, tinh: sao) ý nói đến cuộc đời đổi thay như mây ở trên trời hoặc sao đổi ngôi (vật đổi sao dời).

2. *Liệt nhật*: mặt trời quá nóng.

3. *Nghiêm sương*: sương quá buốt lạnh.

Cả hai câu 1243 - 1244 ý nói đến cảnh gia đình Phạm Kim bị biến đổi sa sút.

4. *Một kiếp má hồng*: ý nói đành ở vậy không lấy chồng.

5. *Nâng nhắc ngọc ngà*: ý nói giữ gìn tấm thân quý giá như ngà ngọc.

6. *Tranh*: đàn tranh.

- 1270 “Tiễn mai” một điệu dương hình oán thu.
*Tuyết sương lác đác, nguyệt mờ mờ,
 Quế nhát hương đưa,
 Sen nhát hương đưa
 Rải rác trên không nhận lắng lơ.*
- 1275 *Oanh cũng thờ ơ
 Bướm cũng thơ ơ
 Chồi ngô gió thổi lá bơ xờ
 Mai ủ hình thơ,
 Trúc ủ hình thơ*
- 1280 *Khúc dạ thanh ca¹ khéo hững hờ.
 Cung Quảng² xa xa !
 Cầu thước³ xa xa !
 Xa xa cầu Thước mấy lần,
 Để Ngưu Nữ cách sông Ngân lạnh lùng.*
- 1285 *Vẻ nghệ vũ xếp phong bên trướng,
 Lối cung tiên dễ mượn ai đưa ?
 Cẩm vân mấy bức tình thư,
 Thờ ơ thay cá, ngẩn ngơ thay nhàn !
 Gượng vui gảy cung đàn một khúc,*
- 1290 *Phím duyên ương lăm lúc chùng dây.
 Nhân duyên khéo ngẩn ngơ thay !
 Chẳng hay dì gió quấy rầy làm sao ?
 Chàng đương tựa mái lầu cao,
 Tiếng đàn văng vẳng lọt vào bên tai.*
- 1295 *Rằng tri âm dễ mấy ai ?
 Xưa nay cũng chưa có hai Nha, Kỳ⁴.*

1. *Khúc dạ thanh ca*: khúc hát đêm thanh.

2. *Cung Quảng*: cung trăng.

3. *Cầu thước*: cầu chim thước bắc ngang sông Ngân Hà cho Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau vào đêm Thất tịch (mồng 7 tháng 7).

4. *Nha, Kỳ*: (Bá Nha, Tử Kỳ) Bá Nha gảy đàn, Tử Kỳ nghe hiểu từng tiếng cao thấp nên gọi là tri âm.

- Bạc xuyên hoa điệp cao đê,
 Chẳng cô Nguyệt lão cũng dì non Vu !
 Trần hoàn ai dễ thấy ru ?
- 1300 Gheo lòng du tử¹, quấy sầu tao nhân².
 Cầm não ruột, khúc thanh tân,
 Có chiều biệt hạc, có phần ly loan³.
 Cách chừng khôn lẽ hỏi han,
 Dễ toan với nguyệt, khôn bàn với hoa.
- 1305 “Thương xuân” họa lại một ca,
 Kim phong⁴ thổi lọt song sa⁵ đưa vào.
 Trăng soi vàng vặc vóc non mờ,
 Loan thoảng hương đưa,
 Cúc thoảng hương đưa
- 1310 Trời in một sắc nước xanh lơ
 Oanh nói u ơ.
 Yến nói u ơ.
 Cánh bướm chở nguyệt gió lay sơ
 Lốm đốm sao thưa.
- 1315 Phất phới sương thưa
 Chinh nhân thổi địch lắng ơ hờ.
 Thiếu nhạc không xa !
 Hoan hội không xa !
 Không xa hoan hội mấy trùng,
- 1320 Quan đăng⁶ ai chẳng nào nùng ngân hoa.⁷
 Đoàn sĩ tử nhớn như dưới nguyệt,
 Khách thanh du⁸ nhạc thét châu cung⁹

1. Du tử: người thích đi chơi ngoạn cảnh.

2. Tao nhân: khách văn nhân tao nhã.

3. Biệt hạc, ly loan: hình ảnh tượng trưng cho sự ngăn cách giữa hai người.

4. Kim phong: gió vàng, gió mùa thu.

5. Song sa: cửa sổ có rèm che bằng thứ lụa thưa.

6. Quan đăng: xem đèn.

7. Ngân hoa: hoa trắng như bạc.

8. Thanh du: tức là khúc Thanh dạ du của vua Tùy Dương Đế, ý nói khúc nhạc hay.

9. Châu cung: cung đàn quý hiếm.

Kìa đâu cắt gắm, thêu hồng,
 Dem thiều quan lại về vùng mộ thương.¹
 1325 Chăng lo mượn Đông hoàng² sắm sửa,
 Mà thu quang cũng lúa xuân dung !
 Ngạt ngào hấy trận hương phong,
 Đưa Ngưu, Nữ lại sang sông Ngân hà.
 Nàng nghe mấy tiếng xa xa,
 1330 Biết rằng đàn ấy họa ca điệu mình.
 Lời dài các, vẻ cung đình,
 Như oanh hót liễu³ âm thanh đủ màu.
 Hỏi Oanh mọi nỗi xưa sau:
 “Những ai là kẻ vào hầu bấy nay.
 1335 Bỗng nghe bên mái lầu Tây,
 Tiếng đàn văng vẳng lạ thay, hỡi mình !”
 Oanh rằng: “Có kẻ tài tình,
 Chúa công⁴ cho đến ngụ trong ngọc đường.⁵
 Nghe đồn người ở Thanh Lan,
 1340 Bạc phong lưu⁶ cũng khác làn sĩ nhân”.
 Nàng rằng: “Chăng phải miên gần,
 Thanh Lan đâu có thanh tân giỡn người.
 Tiếng đàn nghe cũng khác vời,
 Vả từ hoa⁷ ấy ra lời sơn tăng.⁸
 1345 Con ra nép xuống bóng trăng,
 Nghe nhòm xem có phải chăng, cho tường !”
 Oanh vâng ra mái thư đường,
 Lại qua liếc thấy rõ ràng chẳng sai.

1. *Mộ thương*: ý nói khúc nhạc ban chiều nghe buồn bã.
 2. *Đông hoàng*: như *đông quân* tức chúa xuân.
 3. *Oanh hót liễu*: chim hót về mùa xuân, ý nói lời nhạc rất hay.
 4. *Chúa công*: chỉ Trương công, ông chủ nhà.
 5. *Ngọc đường*: nhà ngọc. Ngày xưa gọi Hàn lâm viên là *Ngọc đường* nhưng về sau chữ ấy cũng được dùng để gọi chung các nhà phú quý.
 6. *Phong lưu*: đây có nghĩa là người có đức tốt, lịch sự, phong dạng cao sang.
 7. *Từ hoa*: bài từ lời lẽ đẹp như hoa.
 8. *Sơn tăng*: vị sư tu ở ngôi chùa trên núi.

Trở vào trong chốn xuân đài ¹,
 1350 Gửi rằng: “Thực kẻ có tài tri âm ²!
 Bây giờ gặp kẻ tri âm,
 Nỡ lòng nào chịu bức trâm ³ cho đang.
 Cũng toan tơ giá ngọc vàng,
 Kéo mà khách lấy tấm thường chê ta !”
 1355 Nàng rằng: “Sao nói thế mà,
 Người là viễn khách, ta là khuê viên ⁴.
 Khổn nghi ⁵ phải giữ phép nghiêm,
 Vả xưa lược ấy đã nguyên gương kia.
 Lẽ đâu trắng gió hai bề ⁶,
 1360 Còn non nước, để nữa e phẩm bình.
 Mặc ai hoa liễu yến oanh,
 Đá vàng ta tạc ân tình chẳng sai !”

VIII

*Phạm Kim và Thụy Châu theo ước gương lược kết duyên
 với nhau và sau đó cùng nhận ra Thụy Châu là hậu thân
 của Quỳnh Như.*

Kim lang tự họa cầm rồi,
 Một mình trong chốn thư đài ⁷ nghĩ toan.
 1365 Lấy ai mà được thở than,
 Việc phong tình ấy dễ bàn cho ra ?

1. *Xuân đài*: đài xuân, chỗ ở của Thụy Châu. Ngày xuân lên đài nhìn ra xa, tâm thần sung sướng.

2. *Kẻ có tài tri âm*: My Oanh khen Thụy Châu, cô chủ mình có tài nghe hiểu tiếng lòng của Phạm Kim, vị sơn tăng.

3. *Bức trâm*: ép cho chìm đi.

4. *Khuê viên*: người ở phòng khuê, ý nói con gái phải giữ gìn đức hạnh.

5. *Khổn nghi*: (*khổn*: cửa buồng, *nghi*: khuôn phép) khuôn phép lễ nghi trong chỗ khuê khổn.

6. *Hai bề*: ý nói đến người đã được cha mẹ hẹn ước trao gương đối lược và người sơn tăng mới gặp.

7. *Thư đài*: Phòng đọc sách.

Phải khi đồng xuống dăng trà,
 Nhỏ to chàng mới lân la ướm tình.
 Rằng: “Đây, mấy chồn thi đình,
 1370 Những ai là kẻ có danh bấy chầy.
 Thì đồng phải nói cho hay,
 Họa là ngọc ấy vàng này xứng chăng ?”
 Hỏi thôi, đồng mới thưa rằng:
 “Chồn này công tử tài năng khác thường.
 1375 Gồm nghề cử tử ¹, tài lang,
 Lại thêm lăm vẽ tiên phương ², đạo mầu”.
 Chàng nghe đồng kể gót đầu,
 Nhủ rằng: Đồng hãy chịu dầu ³ gửi cho.
 Rằng: “Tôi là phận hàn nho ⁴,
 1380 Thơ sơ đâu dám sánh so anh hào ⁵ ?
 Gọi là cũng biết phong tao ⁶,
 Gửi thơ đàn ấy được vào bậc không ⁷ ?”
 Đồng vâng, vào chồn hoa phòng,
 Y lời chàng nhủ gửi cùng nàng nghe.
 1385 Nàng rằng: “Khách đã thế thì,
 Lại ra ướm hỏi hương quê ⁸ chồn nào ?
 Với duyên do những làm sao,
 Thì còn phải hỏi âm hao cho tường”.
 Đồng vâng ra gác hỏi chàng,

1. *Cử tử*: con nhà nghiệp (lập sự nghiệp bằng khoa cử).

2. *Tiên phương*: (tức *tiên phong* đọc chạnh cho hợp vần) có phong thái người tiên.

3. *Chịu dầu*: chịu khó, chịu vất vả.

4. *Hàn nho*: học trò nghèo, như *hàn sĩ*.

5. *Anh hào*: (*anh*: đẹp nhất, *hào*: giỏi nhất) anh hùng hào kiệt, người có tài năng xuất chúng.

6. *Phong tao*: (*phong*: gió, thiên *Quốc phong* ở *Kinh Thi*; *tao*: bài *Ly tao* của Khuất Nguyên nước Sở đời Xuân Thu) văn nhã đẹp đẽ.

7. *Được vào bậc không*: được vào bậc giá trị nào không, có xứng đáng không; ngụ ý mình vào hàng thấp kém.

8. *Hương quê*: tức *quê hương* đặt đảo lại cho hợp vần. Chữ 圭 đọc nôm là *quê*, đọc theo âm Hán Việt là *khuê*, nên bản của Lê Dư đã phiên âm sai là *khuê*.

- 1390 Dẫn đo lại cứ lời nàng chẳng sai.
Kim lang nghĩ: “Hắn lòng trời,
Dem người tài tử sánh người thần tiên.
Nếu còn giấu họ giấu tên,
Đường giao¹ sao thiết, lời nguyên sao thân?”
- 1395 Nhủ đồng mọi nỗi ân cần,
Rằng: “Ôn công tử muôn phần bận tâm.
Tri âm đã gặp tri âm,
Lẽ đâu mà lại tuyệt cầm² cho đang?
Bắc Kinh³ quê ấy An Thường,
- 1400 Kính, sơ đôi chiếc, Phạm, Trương một nguyên.
Bỗng đâu gặp vận truân chiên⁴,
Kẻ miền Nam Hải, người miền Từ Sơn.
Ngậm ngùi khôn lẽ thở than,
Nói ra trạnh tượng kim lan⁵ nghĩa nhà.
- 1405 Bây giờ Nam Bắc thất gia,
Cho nên mới dám tỏ ra chân tình”.
Đồng vâng về gửi phân minh,
Nàng nghe thấy nói dường hình chiêm bao.
Ngán thay sự lạ lòng sao!
- 1410 Trời xanh còn tựa má đào vậy vay?
Sai đồng đến chỗ lầu Tây,
Mượn chàng *kim kính* về rầy sóng xem.
So *châu* sơ lại như in,
Tức thì về chốn thư hiên gửi tình.
- 1415 Rằng: “Con đâu dám sỗ sàng,
Vì nghe đàn ấy biết chàng tính danh.

1. *Đường giao*: (*giao*: keo) đường nhân duyên gắn bó thành vợ 4).

2. *Tuyệt cầm*: từ chối không chịu gảy đàn cho tri âm nghe.

3. *Bắc Kinh*: tức *Kinh Bắc*, đảo lại cho hợp với thanh bằng ở chữ thứ hai.

4. *Truân chiên*: (*truân*: khó khăn, *chiên*: khó đi, không bước tới được) khổ khăn trắc trở.

5. *Kim lan*: bè bạn tâm đầu ý hiệp; bạn bè giao tình bền vững như vàng, khí vị hợp như hoa lan.

Vậy đưa *sơ, kính* lên trình,
 Nhân duyên vâng đức điều đình dám sai".
 Trương công thấy sự nức cười,
 1420 Chẳng lòng trời dễ sức người được đâu ?
 Truyền đòi Phạm tử lên hầu,
 Trương bàn mọi nỗi Kim, Châu nghĩa nhà.
 Kim lang đến trước thưa qua,
 Hồ tôi thô lậu trộm đà khoan dung.
 1425 Lẽ đâu dám kể giường Đông ¹ ?
 Tước bình ² xin đợi thừa long ³ xứng tài.
 Trương công rằng: "Bởi duyên trời,
 Một là vàng đá, muôn đời nước non.
 Dẫu rằng nước cạn, núi mòn,
 1430 Đá còn chẳng nát, vàng còn chưa phai.
 Nhưng con hãy bấm chí trai !
 E vui tuyết nguyệt, nửa nguôi thư cầm.
 Xem hoa ⁴ sớm nầy hờn âm ⁵,
Kính, sơ này cũng vừa tầm *tân trang* ⁶ ".
 1435 Chàng tuy vâng mệnh cao đường,
 Nghĩ tình Quỳnh Ngọc chưa đường nào nguôi.
 Nhưng thì phụ mệnh dám sai ?
 Một lời giao ước, trọn đời hôn nhân.
 Nếu mà trọng nghĩa tư thân ⁷.
 1440 Vì xuân, lụy giá thanh xuân thế cười.

1. *Giường Đông*: do chữ *Đông sàng*. Nguyên ngày xưa ông Khước Giám muốn kén rể cho người đến nhà ông Vương Đạo xem các học trò để chọn. Đến nơi, ai cũng làm ra vẻ nghiêm trang học tập, chỉ có Vương Hy Chi vẫn nằm ườn bụng trên giường phía Đông ăn bánh. Người nhà về kể lại, ông Khước Giám bảo: "*Anh đó mới thật là rể ta*", rồi gả con gái cho Vương Hy Chi. Vì thế đời sau thường dùng chữ *đông sàng* để chỉ chàng rể.

2. *Tước bình*: ý nói kén rể.

3. *Thừa long*: cười rống, ý nói lấy chồng về vang.

4. *Xem hoa*: thi đỗ Đại khoa, các Tiến sĩ được nhà vua cho phép vào vườn ngự uyển xem hoa.

5. *Hờn âm*: bóng cây hờn, chỉ con đường có trồng hờn ở kinh đô.

6. *Kính, sơ... tân trang*: tức *Sơ kính tân trang* là lược gương lại được đem trang điểm cho mới duyên mới này.

7. *Tư thân*: nhớ cha mẹ.

Song ân tình vẫn chưa nguôi,
 Tủi người nhất tử ¹, bẽ người tam sinh ².
 Lời nguyên có đó rành rành,
 Bây giờ mà lại định ninh chốn nào ?
 1445 Hai đường lui tới biết sao ?
 Âu là mình hãy chăm điều vân phong.
 Nào hay vận bĩ chưa thông
 Dầu thánh hiền cũng lánh tuồng tinh ma.
 Trời còn chớm ³ kẻ tài hoa,
 1450 Để già tuế nguyệt cho già tài danh.
 Quan trăm đôi lứa trưởng thành ⁴,
 Việc hôn nhân phải sắm sanh lệ thường.
 Trang hoàng lục lễ ⁵ sẵn sàng
 Kén người mời khách, sửa đường quan tân ⁶.
 1455 Sánh duyên mở tiệc lương thần ⁷,
 Trăng thu rủ bạch, hoa xuân quyến hồng.
 Mai điểm tuyết, liễu ngênh phong,
 Thêm lan nức tiếng, đậm trùng đưa hương.
 Đôi bên diễm nữ, kỳ lang ⁸,
 1460 Tài cao mệnh thế, sắc ngang khuynh thành ⁹.
 Kính, sơ so nhắc cũng bằng,
 Thợ trời cân nghĩa, khuôn tình rất công.
 Chàng tuy duyên hợp loan phòng ¹⁰,
 Nhưng tình Quỳnh Ngọc trong lòng chưa yên.

1. *Người nhất tử*: người đã một dạ tự ái chết, chỉ Quỳnh Như.

2. *Người tam sinh*: người thành duyên vợ chồng.

3. *Chớm*: ướm thử.

4. *Quan, trăm... trưởng thành*: (*quan*: con trai 20 tuổi làm lễ đội mũ, *trăm*: con gái 16 tuổi làm lễ cài trâm) ý nói Phạm Kim và Thụy Châu đều đã đến tuổi trưởng thành cả rồi.

5. *Lục lễ*: sáu lễ trong việc hôn nhân là nạp thái, vấn danh, nạp cát, nạp trung, thỉnh kỳ và thân nghinh.

6. *Quan tân*: (*tân*: khách) quan khách.

7. *Tiệc lương thần*: (*lương*: mát mẻ, *thần*: buổi sáng) tiệc lúc buổi sớm còn mát mẻ.

8. *Diễm nữ, kỳ lang*: gái có sắc, trai có tài.

9. *Sắc ngang khuynh thành*: sắc đẹp ngang với những người được kể là khuynh thành.

10. *Loan phòng*: cái buồng có màn che theo hình chim loan, phòng vợ chồng.

- 1465 Nhân khi nhàn hạ thở than,
Giở kim hoàn ¹ ngắm, giọt tràn đôi châu ².
Thụy nương bèn gạn gót đầu,
Chàng bèn kể hết trước sau ân tình.
Nàng nghe nói đến chữ Quỳnh,
1470 Nghĩ tiên duyên hẵn là mình chẳng sai.
Ngửa tay xem dấu tổ mười,
Vây hay sinh hóa cơ trời lạ thay !
Chàng rằng: “Một mối duyên này,
Khen cho Nguyệt lão xe dây tơ hồng !
1475 Mấy thu hương lửa loan phòng,
Điềm thiêng sớm ứng hỷ hùng ³ mấy phen.
Nhạn, Oanh cũng hợp nhân duyên,
Nét thêu sơ *kính*, dấu in thư cầm ⁴.
Cho hay hai chữ tình thâm,
1480 Gãy chùng đỉnh Bắc, cạn tâm bể Nam.

PHẦN KẾT THÚC

- Vậy nên hứng bút chép làm,
Nghìn thu thích nghĩa kim lan hai nhà.
Năm nay Giáp Tý tháng ba,
1484 Trạnh niềm tưởng đến đặt hòa ngâm chơi.

1. *Kim hoàn*: vòng vàng.

2. *Đôi châu*: đôi hàng lệ.

3. *Hỷ hùng*: (*hỷ*: con rắn, *hùng*: con gấu) mộng thấy rắn, thấy gấu. Nằm chiêm bao thấy gấu là điềm sinh con trai.

4. *Thư cầm*: sách và đàn. Ta thường nói là *cầm thư*, hai thứ học trò thường dùng. Cũng như hai chữ *sách đèn*.

Cái nợ cầm thư phải trả xong (N.C.T.).

Truyện Kiều

NGUYỄN DU

(1765 - 1820)

Nguyễn Du, tác giả Truyện Kiều, tự là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, biệt hiệu là Hồng Sơn liệp hộ, sinh năm Ất Dậu đời Cảnh Hưng nhà Lê (1765) ở Kinh đô Thăng Long

Ông vốn quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Thân phụ ông là Nguyễn Nghiễm, làm quan tới chức Tế tướng. Thân mẫu ông là Trần Thị Tần, người xã Hoa Thiều, huyện Đông Ngàn, xứ Kinh Bắc nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Thời niên thiếu, Nguyễn Du sống ở Thăng Long trong cảnh giàu sang của một gia đình đại quý tộc. Nhưng cuộc sống ấy cũng không được bao lâu thì ông bị rơi vào cảnh mồ côi cha năm 10 tuổi và mồ côi mẹ năm 12 tuổi. Bốn anh em Nguyễn Du chưa có ai đến tuổi trưởng thành, phải sống nương nhờ vào sự bao bọc của người anh khác mẹ là Nguyễn Khản, làm quan tại triều đến chức Tham tụng.

Năm 1773, ông thi đậu Tam trường rồi bỏ luôn không ứng thí nữa, có thể do gia biến và thời cuộc lúc bấy giờ. Loạn Kiều binh nổi lên năm 1784 đã phá tan nhà cửa của Nguyễn Khản ở phường Bích Câu.

Gặp hoàn cảnh như vậy Nguyễn Du cũng bị lao đao nhưng may còn có người cha nuôi họ Hà, làm quan võ ở Thái Nguyên. Khi người cha nuôi mất, ông được kế chân làm chức ấy. Thời cuộc vẫn cứ biến chuyển và đã ảnh hưởng đến cuộc đời của Nguyễn Du. Năm 1787, Nguyễn Huệ ở Phú Xuân thấy Nguyễn Hữu Chỉnh lừng lẫy ở đất Bắc bèn sai Vũ Văn Nhậm ra bắt và giết đi. Vua Chiêu Thống bỏ Kinh đô chạy sang Kinh Bắc. Nguyễn Du cũng muốn theo xa giá, nhưng không kịp, bèn trở về quê vợ, ở tỉnh Thái Bình, sống nhờ người anh vợ là Đoàn Nguyễn Tuấn. Thật là:

*Một phen thay đổi sơn hà
Mảnh thân chiếc lá biết là về đâu ?*

Bấy giờ Nguyễn Du mới có 22 tuổi. Thời gian ở Thái Bình, khoảng 10 năm (thập tải phong trần), khi thấy vận nhà Lê đã hết ông mới có ý nghĩ muốn vào Nam giúp Nguyễn Vương để chống lại Tây Sơn. Ông bèn tìm về quê nhà ở Hà Tĩnh. Việc bại lộ, trấn thủ Nghệ An là Quận công Nguyễn Thận bắt giam ông. Cũng may, ông có người anh là Nguyễn Nễ, quen thân với Nguyễn Thận nên ông chỉ bị giam có ba tháng rồi được tha. Sau đó ông về sống ở quê nhà, làng Tiên Điền và chỉ lấy việc săn bắn làm vui.

Năm Gia Long nguyên niên (1802), ông được triệu ra làm Tri huyện Phù Dung, phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam (nay thuộc tỉnh Hưng Yên), rồi ít lâu sau được thăng Tri phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam (nay thuộc tỉnh Hà Tây). Năm Gia Long thứ 4 (1805), ông được triệu vào Kinh giữ chức Đông các học sĩ và được phong Du Đức hầu. Năm Gia Long thứ 8 (1809), ông được đổi ra làm Cai bạ tỉnh Quảng Bình. Năm Gia Long thứ 12 (1813), ông được thăng Cần chánh điện học sĩ, sung làm Chánh sứ sang cống nhà Thanh. Đến khi về, ông lại được thăng Lễ bộ Hữu tham tri. Năm Minh Mệnh nguyên niên (1820), lại có mệnh đi sứ Trung Quốc nhưng chưa kịp đi thì mất, khi ấy ông mới có 56 tuổi.

Ông học rộng xem nhiều, không những tinh thâm Nho học mà còn am hiểu cả đạo Phật, đạo Lão nữa. Ông làm nhiều thơ văn bằng chữ Hán và để lại các tác phẩm như *Thanh hiên thi tập*, *Nam trung tạp ngâm* và *Bắc hành tạp lục*. Ông lại sáng tác thơ văn Nôm - Truyện Kiều là tác phẩm Nôm chủ yếu của Nguyễn Du và cũng là một trong những kiệt tác của văn học Việt Nam.

TRUYỆN KIỀU

(Đoạn trường tân thanh)

NGUỒN GỐC TRUYỆN KIỀU

Từ trước đến nay ai cũng đều biết rằng Nguyễn Du đã dựa theo một quyển tiểu thuyết của Trung Quốc để viết ra quyển ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH tức *Kim Vân Kiều tân truyện*.

Quyển tiểu thuyết Trung Quốc ấy, thấy ở thư viện của Pháp quốc Viễn Đông Học viện (École française d'Extrême-Orient) trước đây. Đó là một quyển sách chép tay, mang ký hiệu A.953, nhan đề là *Kim Vân Kiều truyện - Thanh Tâm Tài Tử*.

Bản này gồm 4 quyển, chia làm 20 hồi. Đầu quyển thứ nhất có đề *Quán Hoa đường bình luận, Kim Vân Kiều truyện, quyển chi nhất - Thánh Thán ngoại thư - Thanh Tâm Tài Tử biên thứ*. Đầu các quyển sau cũng đề y như thế, chỉ khác ở thứ tự “*chi nhị*”, “*chi tam*” và “*chi tứ*”.

Năm 1941, theo Dương Quảng Hàm, ông có mượn được của ông Trần Văn Giáp một bộ *Kim Vân Kiều*, bản in theo lối mộc bản, khổ 12,5 cm x 21,2 cm, gồm 4 quyển.

Quyển I: từ hồi 1 đến hồi 6 - 35 tờ (thiếu mất 21 tờ đầu).

Quyển II: từ hồi 7 đến hồi 12 - 36 tờ.

Quyển III: từ hồi 13 đến hồi 17 - 33 tờ.

Quyển IV: từ hồi 18 đến hồi 20, không rõ có bao nhiêu tờ, chỉ còn 21 tờ đầu.

Ở trang đầu quyển II, III và IV có ghi: *Quán Hoa đường bình luận Kim Vân Kiều truyện, quyển chi nhị* (hoặc *tam*, hoặc *tứ*). *Thánh Thán - Thanh Tâm Tài Nhân biên thứ*. Mỗi hồi có một đề mục đặt thành hai câu đối nhau, rồi bắt đầu là đoạn bình luận, kế đến là lời kể truyện.

Theo nhật xét chung, khi đem so sánh hai bản (bản chép tay và bản in) thì thấy có một vài chỗ khác nhau do sự chép sai mà ra. Trong sự chép sai ấy, đáng kể hơn cả là tên hiệu của tác giả: nguyên trong bản in là *Thanh Tâm Tài Nhân* thì bản viết tay đã chép là *Thanh Tâm Tài Tử*.

Chắc Nguyễn Du khi đi sứ nhà Thanh năm 1813 đã mang về một bản *Kim Vân Kiều* in vì ở Việt Nam không có. Ngay ở Trung Quốc hồi đó, bản truyện ấy cũng đã rất hiếm rồi nên đến nay chỉ còn lại hai bản¹: một bản lưu trữ tại Nhật Bản Thiển Thảo thư ốc² và một bản lưu trữ tại Trung Quốc Đại Liên đồ thư quán.

1. Quyển này có lời tựa của Thiên Hoa tàng chú nhân.

2. Bản này chỉ còn lại có 4 hồi và đã bị rách nát nhiều.

Năm 1983, Xuân Phong Văn Nghệ xuất bản xã đã cho in lại quyển *Kim Vân Kiều truyện* do Lý Trí Trung hiệu đính, chủ yếu dựa vào bản ở Đại Liên đồ thư quán.

Quyển truyện của Thanh Tâm Tài Nhân này đã được Hùng Sơn Nguyễn Duy Ngung phỏng dịch sang tiếng Việt và Nhà xuất bản Tân Dân in năm 1928. Nguyễn Đỗ Mục dịch lời bình của Thánh Thán.

Năm 1962, Nguyễn Đức Vân và Nguyễn Khắc Hanh đã dịch ¹ quyển *Kim Vân Kiều truyện* sang tiếng Việt đầy đủ từ đầu đến cuối chỉ lược bỏ một vài đoạn ngắn và một số bài thơ mà thôi.

Năm 1959, Tô Nam Nguyễn Đình Diệm và Hàm Cổ Bùi Quang Tung đã dịch quyển truyện ấy sang tiếng Việt và cho đăng trên *Văn hóa nguyệt san* số 45, 47, 48, 49, 50, 52, 55 và 56. Sau Nha Văn hóa thuộc Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa đã cho in lại ² thành sách có kèm theo cả bản chữ Hán A.953. Bản này dịch đầy đủ cả lời phê bình của Thánh Thán, nhưng cũng có lược bỏ một vài đoạn ngắn, đáng kể hơn cả là đoạn cuối hồi 12 nói về việc quan phủ sai lính sắm sửa cờ kiệu rước vợ chồng Thúc Sinh - Thúy Kiều về tận nhà.

Nay nếu đem so sánh *nguyên truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân với quyển *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, chúng ta nhận thấy rằng đại cương tình tiết hai quyển đều giống nhau, nếu có khác cũng chỉ ở một số chi tiết thôi. Hơn nữa sự so sánh ấy đã cho ta thấy rằng Nguyễn Du không phải chỉ dịch văn xuôi ra văn vần mà đã có sáng tạo thêm, không chia quyển truyện ra từng hồi, lại sắp đặt nhiều chi tiết cho hợp lý hơn, bỏ đi nhiều chỗ thô tục hoặc rườm rà và cũng bỏ luôn tất cả các bài thơ vốn chẳng có giá trị gì.

Tóm lại, nguồn gốc *Truyện Kiều Nôm* ³ của Nguyễn Du là một quyển tiểu thuyết của Thanh Tâm Tài Nhân, nhan đề là *Kim Vân Kiều truyện*, được soạn ra vào cuối thế kỷ 16 hoặc đầu thế kỷ 17 và do Kim Thánh Thán (1627-1662) bình luận. Quyển truyện này thực ra cũng không có giá trị gì mấy nhưng nội dung có nhiều tình tiết hợp với tâm sự của Nguyễn Du nên ông mới đem diễn ra quốc âm mà rồi vì lời thơ quá hay nên tác phẩm trở thành bất hủ đúng như Phan Thạch Sơ đã viết trong bài thơ đề *vịnh Kiều* rằng:

*Hữu Minh nhất đại vô song kỹ
Đại Việt thiên thu tuyệt diệu từ.*

1. Theo bản A.953 và bản giấy sếp do Hoàng Dật Cầu gửi biếu năm 1959 khi ông dịch quyển *Truyện Kiều* của Nguyễn Du sang Trung Văn.

2. Ở Sài Gòn, năm 1971.

3. Sau khi Nguyễn Du viết quyển *Truyện Kiều Nôm* một nhà Nho ẩn danh ở nước ta mới dịch quyển truyện ấy ra Hán văn đặt tên là *Kim Vân Kiều Lục*; chắc hẳn người dịch ấy chưa được đọc quyển *Kim Vân Kiều Truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân. Đến khi thấy quyển *Truyện Kiều Nôm* của Nguyễn Du, văn hay truyện cảm, nhà Nho ẩn danh ấy mới đem dịch ra chữ Hán cho nhiều người đọc vì thời ấy, chữ Hán còn đương thịnh.

Quyển *Kim Vân Kiều Lục* đã được khắc in nhiều lần ở Hà Nội vào các năm 1876, 1888 và 1896.

NGUYỄN DU ĐÃ VIẾT TRUYỆN KIỀU VÀO THỜI KỲ NÀO?

Các sách báo trước đây đều căn cứ vào quyển *Đại Nam chính biên liệt truyện* mà cho rằng Nguyễn Du đã viết quyển *Truyện Kiều* sau khi đi sứ nhà Thanh về.

Nhưng từ năm 1943, sau bài *Nguyễn Du viết Đoạn trường tân thanh vào lúc nào?* của Đào Duy Anh đăng trên Tạp chí *Đại Việt* số 13 ra ngày 16/4/1943 và Tạp chí *Tri Tân* số 96 ra ngày 20/5/1943, thì các nhà nghiên cứu văn học đã nêu ra ba ỨC thuyết về thời điểm Nguyễn Du viết quyển *Truyện Kiều*:

1. Sau khi đi sứ Nhà Thanh về tức là sau năm 1813.
2. Trong những năm ra làm quan với nhà Nguyễn tức là vào khoảng từ 1802 đến 1809.
3. Trong những năm còn ẩn dật ở quê nhà tức là vào khoảng từ 1796 đến 1802.

Đến nay thì nhiều người đã ngã theo ỨC thuyết thứ hai.

Về vấn đề này chúng tôi đã có ý kiến trình bày rõ ràng trong bài: “*Cần phải xác định lại giá trị bài tựa Kim Vân Kiều án*” đăng trên Tạp chí *Hán Nôm* số 2 (9) năm 1990 và cho rằng Nguyễn Du đã viết *Truyện Kiều* sau khi đi sứ nhà Thanh về. (Xem trang 755).

Ý kiến này cũng là ý kiến của Lê Thước, một người đã bắt đầu nghiên cứu Nguyễn Du từ năm 1922, khi ông còn dạy học ở trường Cao đẳng Tiểu học Vinh.¹

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ muốn đem chính quyển *Truyện Kiều* ra để chứng minh rằng Nguyễn Du đã viết tác phẩm ấy sau khi đi sứ nhà Thanh về.

Nếu chúng ta đọc quyển *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân thì từ đầu đến cuối chúng ta nhận thấy các sự việc đã được kể lại qua hai mươi hồi. Nguyễn Du đã không chia quyển *Truyện Kiều* hay nói đúng hơn quyển *Đoạn trường tân thanh* của mình ra làm các hồi như vậy mà mỗi lần chuyển tiếp câu chuyện ông thường lồng qua một khung cảnh thiên nhiên, để vừa tả cảnh, vừa tả tình và vừa chuyển ý.

Ngay đầu trang sách đã có đoạn tả cảnh mùa xuân ở ngoài cánh đồng:

1. Ông đã có bài viết về vấn đề này đăng trên tạp chí *Văn học* tháng 11, 1965.

*Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*

(câu 41 - 42)

Cảnh này là một cảnh ước lệ, chúng ta đã thấy tả trong câu thơ cổ:

*Phương thảo liên thiên bích,
Lê chi sổ điểm hoa.*

Nhưng Nguyễn Du không phải chỉ đọc thấy trong thơ cổ mà còn được thấy tận mắt trên đường đi sứ:

*Nhương tận khổ hàn tam duyệt nguyệt,
Lĩnh đầu lạc đặc khán mai hoa.*

(Từ Châu đạo trung)

(Chống chọi với cái rét ghê người suốt ba tháng, cuối cùng được thấy hoa mai trên núi).

hoặc:

*Nhất đại tuyết điền thanh giả mạch...,
Cộng chỉ mai hoa báo tiêu tức,
Xuân hà tăng đáo dị hương nhân.*

(An Huy đạo trung)

(Trên cánh đồng tuyết phủ chỗ màu xanh là lúa mạch, cùng nhau chỉ hoa mai báo tin xuân, nhưng xuân đâu có đến với người ở đất khách).

Khi cha mẹ Thúy Kiều đi mừng lễ sinh nhật ngoại gia thì thời tiết đã chuyển sang mùa hè.

Nguyễn Du cũng khéo chuyển tiếp câu chuyện theo dòng thời gian với nhận xét:

*Lần lữa ngày gió đêm trăng,
Thưa hồng rậm lục đã chừng xuân qua.*

(Câu 369 - 370)

Cái cảnh ấy trong thơ cổ cũng đã từng được nói đến: “*Lục ám hồng hi xuân khứ dã*” (màu xanh của lá cây sẫm nhiều lên, màu đỏ của hoa ít đi tức là xuân đã qua rồi). Cái cảnh ấy ở bên Trung Quốc là xứ lạnh nên màu sắc cây cỏ hoa lá rõ rệt hơn ở bên nước ta. Lại có con cuốc nó gọi vào hè:

*Dưới trăng quên đã gọi hè,
Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông.*

(Câu 1307 - 1308)

Nguyễn Du đã trông thấy cả một phía thành trên ven núi:

Thành Bắc sơn lưu hồng cánh hồng.

(Thương Ngô trúc chi ca)

(Phía Bắc thành hoa lưu trên núi đã đỏ càng đỏ thêm).

Các cảnh tả mùa hè thì chỉ có ít trong *Truyện Kiều*, nhưng các cảnh tả mùa thu thì thật nhiều. Mùa thu lại là mùa dễ gợi sự buồn rầu như Tương Phố đã có câu:

*Ai đem thu cảnh bạn cùng thu tâm.*¹

Nguyễn Du khi đi sứ gặp cảnh thu về chắc không thể tránh khỏi nỗi buồn rầu nhớ nhà:

*Đêm thu khắc lậu canh tàn,
Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương.
Lối mòn cỏ lợt màu sương,
Lòng quê đi một bước đường một đau.*

(Câu 1119-1122)

cho nên ông đã viết:

*Cực mục thương tâm hà xứ thị,
Thu phong lạc mịch quá Nguyên Tương.*

(Tương Đàm điệu Tam Lư đại phu)

(Nhìn hết tầm mắt đau lòng không biết là đâu? Đi qua vùng Nguyên Tương giữa lúc gió thu thổi, lá cây rụng).

hoặc:

Thu phong lạc nhật giai hương vọng

(Sở vọng)

(Buổi chiều gió thu nổi lên, ai cũng nhớ nhà).

Đọc mấy câu thơ ấy, chúng ta thấy tâm trạng của Nguyễn Du cũng không khác gì nỗi lòng của Thúy Kiều lúc xa nhà trên đường lưu lạc.

Lòng quê đi một bước đường một đau.

Nguyễn Du đã tả cái tâm cảnh và cái ngoại cảnh của mùa thu khi ông ở Trung Quốc:

Sân ngô canh biếc đã chen lá vàng.

(Câu 1386)

Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô

(Câu 1594)

1. Chữ 秋 (thu) cộng với chữ 心 (tâm) thành chữ (sầu) 愁.

mà cổ thi đã có câu bất hủ:

*Ngô đồng nhất điệp lạc,
Thiên hạ cộng tri thu.
(Một lá ngô đồng rụng,
Thiên hạ biết thu về).*

Ở Trung Quốc mùa thu về nổi bật với cảnh rừng phong lá đỏ:

Thu mãn phong lâm sương điệp hồng

(Nhiếp Khẩu đạo trung)

(Khí thu đầy rừng phong, sương nhuộm đỏ lá cây)

hoặc: *Mãn mục giai thu sắc,*

(Tương âm dạ)

(Đâu đâu mắt cũng thấy sắc thu)

Chính Nguyễn Du đã thấy sắc thu ấy nên về sau ông mới viết nên được những câu như:

Rừng thu từng biếc chen hồng

(Câu 917)

Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san

(Câu 1520)

Cái màu lá đỏ mà Nguyễn Du gọi là “màu quan san” ấy thì chỉ có ở mùa thu bên Trung Quốc chứ ở bên nước ta không có.

Những người chưa được đi xa như Nguyễn Du, chưa được trông thấy cảnh rừng phong lá đỏ mới dám hạ bút sửa câu:

Rừng thu từng biếc xen hồng

thành: *Rừng thu rõ biếc ố hồng.*

Kiều Oánh Mậu đã giải thích:

“*Rõ biếc*: bích sắc bán cải như nhân đậu ban; *ố hồng*: hồng sắc toàn cải khô hoàng dã”.

(*Rõ biếc*: sắc xanh biến đổi dờ dang như nốt rõ của người lên đậu; *ố hồng*: màu đỏ lan khắp thành màu vàng).

Sự thực không phải là *lổ rõ đỏ* rồi thành màu vàng như cây bàng ở nước ta mà cây phong lá đỏ khắp cảnh.

Đào Duy Anh trong quyển *Hán Việt từ điển* đã chú thích *Phong* là cây bàng. Một số nhà chú thích *Truyện Kiều* cũng đã giảng *cây phong* là *cây bàng*. Lê Văn Hoè trong quyển *Truyện Kiều chú giải* đã viết: “*Rừng phong* tức là *rừng bàng*. Về thu, lá bàng vàng rồi ngả sang màu đỏ sẫm”. Giải thích như vậy là sai. Đúng ra thì lá cây phong khi có sương xuống nhiều đỏ tươi ngay cả vòm lá.

Hồi xưa nhiều người đã hiểu lầm như vậy vì không được như Nguyễn Du sang Trung Quốc và trông thấy tận mắt cảnh rừng phong về mùa thu.

Ông lại còn được trông thấy tuyết rơi và đã làm những bài tả cảnh tuyết:

Nhất đái tuyết điền thanh giả mạch.

(Trên cánh đồng tuyết phủ chỗ màu xanh là lúa mạch)

hoặc:

Nhất thiên phong tuyết độ Hoàng Hà

(Từ Châu đạo trung)

(Qua sông Hoàng Hà giữa một ngày gió tuyết).

Nguyễn Du đã thấy được cảnh tuyết rơi như vậy nên ông mới viết được câu:

Nửa rèm tuyết ngậm, bốn hè trăng thâu.

(Câu 1242)

Cái cảnh tuyết ngậm nửa rèm ấy nhất định là người chưa đi Trung Quốc không thể hình dung ra được.

Một điều chúng tôi thấy cần phải nhấn mạnh thêm nữa là những đoạn Nguyễn Du tả cảnh đó đều không có trong *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân. Chính những cảnh thực ấy, ông đã quan sát được lúc đi sứ và đó là lý do - *chứ không phải là ước thuyết* - cụ thể chứng minh rằng Nguyễn Du đã viết quyển *Đoạn trường tân thanh* sau khi đi sứ về.

Khi đi sứ, ông đã gặp được quyển *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân và khi đọc tập ấy đã cảm thương cho thân thế nàng Kiều mà không khỏi nghĩ đến hoàn cảnh của mình.

Khi về nước, ông tâu xin nhà vua cho nghỉ ở nhà sáu tháng. Thời gian ấy dư thừa để cho ông viết một tác phẩm như quyển *Truyện Kiều*. Có thể ông chỉ viết trong vòng một, hai tháng. Thiên hạ truyền rằng ông viết có một đêm mà vì dùng não lực nhiều quá nên đầu bạc trắng hết.

Như vậy là Nguyễn Du có thể đã viết xong quyển truyện *Đoạn trường tân thanh* vào năm 1814, rồi trong gia đình, Nguyễn Thiện đã được đọc ngay và sau đó đã nhuận sắc *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự.

Sau này Nguyễn Du có trao quyển *Đoạn trường tân thanh* của mình cho người bạn thân là Phạm Quý Thích xem. Ông này có làm bài thơ *Đề từ*, đổi nhan đề là KIM VÂN KIỀU TÂN TRUYỆN rồi cho khắc in. Sau Tiên Phong Mộng Liên đường chủ nhân có viết bài *Tựa* cho biết rằng: “*Ta lúc nhàn đọc hết cả một lượt, mới lấy làm lạ rằng: Tố Như tử dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hết, đàm tình đã thiết, nếu không phải có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời, thì tài nào có cái bút lực ấy. Bèn vui mà viết bài tựa này*”.

Vậy người “*có con mắt trông thấu cả sáu cõi*” và “*tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời*” phải là người đã từng trải, đã cao tuổi, ít nhất cũng phải ở vào cái tuổi năm mươi như khi Nguyễn Du đi sứ về, chứ nếu còn trẻ quá thì đâu đã có “*con mắt*” và “*tấm lòng*” như thế được.

Mấy điều nhận xét trên đây cũng tăng thêm lý do cho việc chủ trương thuyết Nguyễn Du đã viết quyển *Truyện Kiều* sau khi đi sứ về và có thể chứng tỏ được *Đại Nam chính biên liệt truyện* đã chép đúng.¹

1. *Đại Nam chính biên liệt truyện* chỉ chép nhầm quyển *Lê quý kỷ sự* là của Nguyễn Du thôi. Theo Lê Thước thì vị sứ thần nhà Nguyễn ở Quốc sử quán có những tài liệu chính xác về Nguyễn Du cũng như về các tác phẩm của ông để lại.

VẤN ĐỀ KHẢO ĐỊNH VÀ CHÚ GIẢI TRUYỆN KIỀU

Như ta được biết, đến nay đã có rất nhiều bản *Truyện Kiều*, kể cả bản Nôm cũng như bản Quốc ngữ. Bản cổ nhất hiện còn giữ được là bản Liễu Văn đường, Tự Đức nhị thập tứ niên (1871) và mới nhất là bản *Truyện Kiều* do Đào Duy Anh hiệu khảo và chú giải, Nhà xuất bản Văn học in năm 1984. Qua hàng chục bản Kiều ấy; nếu đem đối chiếu với nhau thì mỗi bản đều có những chỗ khác nhau, chưa kể những chữ khắc sai ở bản Nôm hoặc in sai ở bản Quốc ngữ. Chính do những chữ chép sai, những chữ khắc nhầm, những chữ bị in mờ ở các bản Nôm mà sau này đã xảy ra nhiều sự phiên âm khác nhau ở các bản Quốc ngữ như hiện nay.

Trước đây, Kiều Oánh Mậu đã có hiệu đính quyển *Truyện Kiều* khá công phu và đã cho khắc in bằng chữ Nôm vào năm Thành Thái, Nhâm Dần (1902) với chính nhan đề của Nguyễn Du đặt là *Đoạn trường tân thanh*.

Đến năm 1917, Phạm Kim Ghi có phiên âm quyển *Kim Túy tình từ* ra Quốc ngữ. Bản này do ông nghề Nguyễn Mai, cháu xa đời của Nguyễn Du còn giữ được và được ông coi là chính bản của Nguyễn Du để lại. Nếu so bản này với bản của Kiều Oánh Mậu thì chúng ta thấy có nhiều chỗ giống nhau nhưng nếu bảo là “bản chính” thì cũng không lấy gì làm bằng cứ.

Năm 1925, nhà Vĩnh Hưng Long có cho in quyển *Truyện Thúy Kiều* bằng Quốc ngữ do Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim hiệu khảo và chú giải, căn cứ vào một bản Nôm cổ nhưng đã không cho biết là bản Nôm nào. Điều này đã làm cho việc hiệu khảo thiếu đi tính khoa học.

Đến năm 1965 và 1972 có hai quyển *Truyện Kiều*: một của Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Sĩ Lâm - Nguyễn Đức Vân hiệu đính và một của Nguyễn Thạch Giang hiệu đính đều có giá trị khoa học. Cũng rất có giá trị khoa học là bản của Đào Duy Anh (Nhà xuất bản Văn học – Hà Nội 1979) Nôm cổ và bản Quốc ngữ có giá trị để làm khảo dị.

Cũng làm công việc ấy, từ nhiều năm nay chúng tôi đã sưu tầm được một số bản Kiều Nôm và Quốc ngữ để làm tài liệu *khảo đính*:

Chữ Nôm

– *Kim Vân Kiều tân truyện*

(Duy Minh thị - 1879)

– *Kim Vân Kiều tân truyện*

(Abel des Michels - 1884)

- *Đoạn trường tân thanh* (Kiều Oánh Mậu - 1902)
- *Kim Vân Kiều tân tập* (Quan Văn đường - 1906)
- *Kim Vân Kiều tân truyện* (Phúc Văn đường - 1918)
- *Kim Vân Kiều Quảng tập* (Khải Định - Giáp Tý - 1924)
- *Kim Vân Kiều tân truyện* (Quan Văn đường - 1925)
- *Thúy Kiều truyện tường chú* (Chiêm Vân thị - 1965)

Chữ Quốc ngữ

- *Kim Vân Kiều truyện* (Trương Vĩnh Ký - 1875)
- *Kim Vân Kiều tân truyện* (Abel des Michels - 1884)
- *Kim Vân Kiều tân truyện* (Edmond Nordemann - 1897)
- *Kim Túy tình từ* (Phạm Kim Chi - 1917)
- *Truyện Thúy Kiều* (Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim - 1925)
- *Kiều truyện dẫn giải* (Hồ Đắc Hàm - 1929)
- *Kim Vân Kiều* (Bùi Khánh Diễm - 1926)
- *Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện* (Tản Đà - 1941)
- *Thúy Kiều truyện tường chú* (Chiêm Vân thị - 1965)

Về các bản Kiều bằng Quốc ngữ, nếu bản nào có in lại nhiều lần chúng tôi đều cố tìm mua cho đủ các lần tái bản. Khi dùng bản in năm nào, chúng tôi sẽ ghi rõ bản in năm ấy để các độc giả tiện đối chiếu vì như bản Trương Vĩnh Ký giữa hai lần in 1898 và 1911 đã có 107 chỗ khác nhau và bản Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim giữa hai lần in 1925 và 1934 đã có 130 chỗ khác nhau. Riêng các bản của nhà Tân Việt in lại đã có rất nhiều lỗi ấn loát không thể dùng để làm khảo dị được.

Sau khi đã đọc và so sánh các bản Nôm và Quốc ngữ chúng tôi đã căn cứ vào mấy bản chính sau đây để làm khảo dị:

1. *Đoạn trường tân thanh* (Kiều Oánh Mậu - 1902)
2. *Kim Vân Kiều tân tập* (Quan Văn đường - 1906)
3. *Kim Vân Kiều tân truyện* (E. Nordemann - 1897)
4. *Kiều truyện dẫn giải* (Hồ Đắc Hàm - 1929)
5. *Truyện Thúy Kiều* (Bùi Kỷ - T.T. Kim - 1934)
6. *Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện* (Tản Đà -
Nguyễn Khắc Hiếu - 1941)
7. *Thúy Kiều truyện tường chú* (Chiêm Vân thị - 1965)

Trong số bảy bản trên, chúng tôi đã dựa vào hai bản chính để đối chiếu: bản *Kiều Oánh Mậu* và bản *Quan Văn đường*. Ngoài ra, khi **khảo đính** chúng tôi cũng có tham khảo đến các bản đã liệt kê. Sau đây là một vài thí dụ về **khảo đính**:

Thí dụ 1: Giá trà mi

Câu 1092: *Giá trà mi đã ngậm trăng nửa vành.*

Câu này, các bản Quốc ngữ hầu hết đều chép là:

“Đóa trà mi đã ngậm trăng nửa vành”.

Chép như vậy là sai vì ở các bản Nôm đều khắc chữ

架 (giá) chứ không phải chữ 朵 (đóa).

Ngoài ra còn chữ 荼 (đồ) cũng được khắc thành chữ 茶 (trà). Hai chữ ấy chỉ khác nhau có một nét nhưng đây không phải là khắc sai mà có dụng ý vì các cụ ta xưa cho rằng chữ “đồ” không được thanh nhâ cho lắm. Vậy nếu muốn chép câu thơ cho thật đúng chúng ta phải viết là:

Giá đồ mi đã ngậm trăng nửa vành.

vì thực ra chỉ có cây đồ mi chứ không có cây trà mi.

(Xem thêm trang 328).

Thí dụ 2: Trắc khởi 陟 屺

Câu 1832: *Suy lòng trắc khởi đau lòng chung thiên.*

Câu này, các bản Quốc ngữ hầu hết đều chép là “Suy lòng trắc dĩ đau lòng chung thiên”, chỉ có ba bản Trương Vĩnh Ký, Hồ Đắc Hàm và Ứng Dự đã chép là “Suy lòng trắc ty đau lòng chung thiên”.

Hai chữ 陟 屺 các quyển *Tự điển Hán Việt* cũng mỗi quyển phiên âm một cách.

Hán Việt từ điển của Đào Duy Anh đã phiên âm là trắc ty và đã chú thích rằng: “*Kinh Thi* có câu: Trắc dĩ ty hề, chiêm vọng mẫu hề: nghĩa là trèo lên núi kia, trông mẹ vậy, vì thế nói con có hiếu nhớ đến mẹ gọi là trắc ty. (Ty là núi không có cây)”.

Hán Việt tự điển của Thiều Chửu đã phiên âm là trắc dĩ và đã chú thích như sau:

Dĩ 屺 : núi trọc. *Kinh Thi* có câu: “Trắc dĩ dĩ hề, chiêm vọng mẫu hề” = trèo lên núi Dĩ chừ, nhìn ngóng mẹ chừ. Đời sau nói sự nghĩ nhớ mẹ là trắc dĩ là bởi đó.

Tự điển Trung Việt của Văn Tân lại phiên âm là kỷ. Sở dĩ có sự phiên âm khác nhau như vậy vì chữ 屺 (ty), 屺 (dĩ) và 屺 (kỷ) viết gần giống nhau chỉ có đầu của nét móc cao hơn hay thấp hơn một chút.

Hai quyển *Dictionnaire Vietnamien - Chinois - Français* của Gouin và *Petit lexique Chinois - Annamite - Français* của Tây Dương đã phiên âm là **khỉ** (khởi).

Các bộ *Kinh Thi*, như bộ *Thi Kinh tạp chú*, Tam Hưng thư cục ấn hành, quyển 3, trang 16 đã ghi âm chữ 屺 đọc là *khỉ* (khởi)

Bộ *Khang Hi tự điển* đã phiên âm chữ như sau:

口以切音起 (khẩu dĩ thiết âm *khỉ* hoặc *khởi*). Như vậy hai chữ phải được phiên âm là **trắc khởi** mới đúng.

Chúng tôi nhận thấy chữ “*trắc dĩ*” tuy đã được thông dụng nhưng không vì lẽ gì cứ để tồn tại mãi một sự sai lầm mà không hiệu đính lại nên đã chép câu 1832 là:

Suy lòng trắc khởi đau lòng chung thiên.

Thí dụ 3: Đền 鴈紅填過舛時渚催

Câu 2162: Má hồng **đền** quá nửa thì chưa thôi.

Câu này các bản Nôm để khắc là 垺 hoặc 填. Bản *Truyện Thúy Kiều* của Bùi Kỳ - Trần Trọng Kim do Vĩnh Hưng Long ấn hành đều in đúng là “*đền*”. Nhà Tân Việt khi cho tái bản quyển *Truyện Thúy Kiều* đã in sai là “*đến*” (bản in lần thứ bảy) và rồi sự sai lầm ấy đã thấy xuất hiện ở một hai bản *Truyện Kiều* in gần đây.¹

Chữ “*đền*” và chữ “*đến*” viết Quốc ngữ chỉ khác nhau có một cái dấu (huyền) hoặc (sắc) nên rất dễ lẫn lộn.

Cho nên khi khảo đính *Truyện Kiều* chúng tôi đã thận trọng đối chiếu lại các bản Nôm để cố tránh các sai lầm nếu được.

Đó là vấn đề khảo đính.

Còn về **chú giải**, chúng tôi đã thừa hưởng được một phần ở các bản ra trước và cố tìm hiểu thêm cho được chính xác hơn. Chúng tôi xin nêu ra một vài ví dụ như sau:

Thí dụ 1: Lãm Thúy 攬翠

Câu 280: Có hiên Lãm Thúy nét vàng chưa phai.

Trong quyển *Truyện Thúy Kiều*, Bùi Kỳ - Trần Trọng Kim đã viết (Lãm Thúy hiên) và đã giảng là: “*cái mái để ngắm cảnh tươi tốt của hoa cỏ. Nhân tên Kiều với Vân đều đệm bằng chữ Thúy, chắc có duyên gì với người mình đang mong mỏi chẳng*”.

Tản Đà cũng viết chữ *Lãm* không có bộ thủ và cũng giảng như Bùi Kỳ - Trần Trọng Kim.

Các bản Quốc ngữ sau này hầu hết đều giảng như vậy vì hiểu lầm chữ “*Lãm*” là ngắm xem.

Đúng ra chữ *Lãm* 攬 viết có bộ thủ 扌 và có nghĩa là nắm lấy, thu góp.

Nguyên truyện viết: Viên danh Lãm Thúy, tặc nhị Thúy chi sự bất bốc khả hài (Tên vườn là Lãm Thúy thì việc hai nàng Thúy không bó buộc cũng xong).

1. *Truyện Kiều chú giải* - Lê Văn Hoè (1953);

Truyện Kiều - Bùi Kỳ (1957);

Truyện Kiều - Đào Duy Anh (1979).

Vậy *Lâm Thúy* phải hiểu là thu góp cả sắc xanh và *hiên Lâm Thúy* là cái hiên ngói đỏ nhìn ra có thể thu góp được vào tầm mắt cả sắc xanh của cây cỏ. Riêng Kim Trọng thấy cái hiên có tên như vậy thì mừng thầm trong bụng rằng mình đã nắm bắt được hai cô Thúy: Thúy Kiều và Thúy Vân.

Thí dụ 2: Song đào 窗桃

Câu 446: *Đài sen nổi sập, song đào thêm hương*. Câu này, các bản Nôm đều viết 窗桃 (song đào) với chữ *song* là cửa sổ.

Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu có chú thích như sau: “Song đào có bản chưa là cửa sổ có trồng cây đào ở một bên, có bản nói là cái lư, cái đỉnh để đốt hương mà làm hình quả đào. Hai nghĩa đều không xuôi, chỉ xin tạm nhận là một nghĩa chưa tường để đợi người biết”.

Chúng tôi nhận thấy chữ *song* viết là 窗 (song: cửa sổ) chứ không phải 雙 (song: song đôi). Không có bản Nôm nào viết chữ 雙 cả. Như vậy thì câu *Đài sen nổi sập song đào thêm hương* có thể hiểu là: Kim Trọng đã nổi thêm sập ở cây nển có cái đài hình hoa sen (để đỡ những giọt nển chảy xuống) và bỏ thêm trầm vào cái lư hương để ở bên cửa sổ (mà phía ngoài sân có trồng cây đào).

Cái lư trầm bày ở bên cửa sổ có rèm treo nên trong *Truyện Kiều* còn có câu: “*Trầm bay nhạt khói, gió đưa lay rèm*”.

Cây đào ở bên cửa sổ cũng đã được Nguyễn Du nói đến trong câu: “*Sinh thì rảo bước sân đào vội ra*”.

Chúng tôi nhận thấy khung cảnh ấy đã đúng với câu thơ của Nguyễn Du.

Thí dụ 3: Thuần hức. 蓴鱖

Câu 1593: *Thú quê thuần hức bén mùi*.

Câu này, hai chữ 蓴鱖 trước đây vẫn được phiên âm là *thuần hức* và được giảng là rau thuần cá hức. Hai chữ ấy là chữ Hán nhưng Đào Duy Anh trong quyển *Truyện Kiều*¹ đã bảo là chữ Nôm, phải phiên âm là *thuần vược* (vì ông cho *hức* là một giống ba ba) tức rau thuần và cá vược. Thực ra thì chữ 鱖 (hức) là chữ Hán có được ghi trong các tự điển *Khang Hi*, *Từ Hải*, *Từ Nguyên*... và là một loại cá giống như cá lô (lư).

Ở trong câu này Nguyễn Du vì luật bằng trắc đã phải dùng chữ *hức* (trắc) thay cho chữ *lô* (bằng). Hơn nữa chữ *hức* viết với bộ 魚 *ngu* thì rõ ràng là một loài cá không thể bảo là con ba ba được.

Qua ba thí dụ trên, chúng tôi đã nói về việc chú giải mấy chữ Hán khó hiểu.

Lại có những chữ thuần Nôm như *e ấp*, *chán chường* đến nay vẫn chưa

1. Nhà xuất bản Văn học - 1979.

được giải thích cho thỏa đáng nếu đem áp dụng vào câu 1390: *Nặng lòng e áp, tính bài phân chia* và câu 935: *Cối xiêm lột áo chán chường*.

Vì thấy chữ *chán chường* có vướng mắc trong cách chú giải nên bản Hồ Đắc Hàm đã sửa lại là *Cối xiêm lột áo sỗ sàng* và bản Tản Đà đã sửa lại là *Cối xiêm trút áo sỗ sàng*. Sự sửa chữa này đã thấy có trong bản *Nôm Kim Vân Kiều Quảng tập* khắc in năm 1924. Nhưng chữ *chán chường* đã có một nghĩa cổ, ít người để ý đến. Quyển *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của đã chú thích *chán chường* là *tỏ tường, bày ra trước mắt*. Nghĩa ấy rất thích hợp với câu *cối xiêm lột áo chán chường* và ta có thể giải thích là *cối xiêm lột áo bày cả thân thể ra trước mặt mọi người*. Từ trước đến nay, chúng ta cứ hiểu *chán chường* là “chán nản, buồn bực, đã trải nhiều rồi không thiết nữa” như trong câu 514: “*Quá chiều nên đã chán chường yếm anh*”.

Chữ *chán chường* thì còn có thể giải nghĩa được như trên nhưng chữ *e áp* thì vẫn chưa giải nghĩa sao cho ổn được.

Chúng tôi có xem lại các bản *Nôm* thì thấy hầu hết đều khắc là 唉 吧 (*e áp*) chỉ có bản Phúc Văn khắc là 音 邑 (âm áp, ăm áp). Chúng tôi nhận thấy chữ đó hợp nghĩa hơn nên trong hai lần in trước, đã chép theo là:

Nặng lòng ăm áp, tính bài phân chia.

nhưng rồi xem lại thấy hai chữ ấy vẫn không có ý nghĩa bằng hai chữ “*e áp*” nó còn tả được cả tâm lý của nhân vật nữa.

Đọc lại nguyên truyện chúng ta thấy rõ ngay được điều này: “*Thúc ông mắng rằng: “Thằng ngu xuẩn này! Mà đã bao nhiêu tuổi mà đòi lấy vợ lẽ. Lấy vợ lẽ đã là việc không nên, huống chi mà lại đi lấy một con kỹ nữ. Mà phải biết bố vợ mày là hạng người nào? Vợ mày là một tiểu thư con nhà đài các. Nếu vợ mày biết tin này, nó sẽ giận đến chừng nào; khi ấy mày bảo tao sẽ làm sao mà chịu nổi cái điều tức giận của nó. Mày phải đuổi ngay con kỹ nữ kia về nhà họ Mã, có thể thì mọi sự mới êm được”*.”

Rõ ràng là Thúc ông đã sợ làm mất lòng bên nhà họ Hoạn, nếu chấp nhận cho Thúc sinh lấy Thúy Kiều, nên Nguyễn Du mới dùng chữ “*e áp*”.

Vậy hai chữ “*e áp*” là đúng và câu 1930 phải được chép là:

Nặng lòng e áp, tính bài phân chia.

Chúng tôi xin thưa ngay ở đây là trong việc hiệu đính, chúng tôi tuyệt đối không đặt ra một chữ mới nào mà chỉ căn cứ vào các bản *Nôm* hoặc *Quốc ngữ* đã in để lựa chọn sao cho thích hợp với câu văn.

Như trên chúng tôi đã nêu ra một vài thí dụ về khảo đính và chú giải *Truyện Kiều*. Cả hai vấn đề này đều có những khó khăn nhất định nhất là về mặt khảo đính. Có thể nói văn bản *Truyện Kiều* mà chúng tôi lập lại chưa hẳn đã được mọi người nhất trí hoàn toàn nhưng với sự đối chiếu các văn bản kỹ càng và cẩn thận, chúng tôi hy vọng đã giải quyết được một phần nào các sự dị biệt mà từ lâu nay vẫn còn tồn tại.

TRUYỆN KIỀU

Do ĐÀO DUY ANH khảo đính

Từ trước đến nay có nhiều nhà nghiên cứu giới thiệu các văn bản khác nhau về truyện Kiều, trong số đó có nhiều văn bản có giá trị. Ở đây, xin chỉ giới thiệu văn bản của Đào Duy Anh (Nhà-xuất bản Văn học – Hà Nội 1979 và 1984) là văn bản khảo đính gần đây nhất và thuộc loại rất có giá trị khoa học: Tiếp theo đó, xin giới thiệu văn bản mà Nguyễn Quảng Tuân vừa mới khảo đính – Phần chú thích được giới thiệu kèm với văn bản này (từ trang 852 đến trang 1034).

Trăm năm trong còi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.
5 Lạ gì bỉ sắc tư phong,
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.

Cảo thơm lần giở trước đèn,
Phong tình có lục còn truyền sử xanh.
Rằng: Năm Gia Tĩnh Triều Minh,
10 Bốn phương phẳng lặng, hai kinh vững vàng.
Có nhà viên ngoại họ Vương,
Gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung.
Một trai, con thứ tốt lòng,
Vương Quan là chữ nối dòng Nho gia.
15 Đầu lòng hai ả tố nga,
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
Mai cốt cách, tuyết tinh thần,
Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.
Vân xem trang trọng khác vời,
20 Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang,
Hoa cười ngọc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn:
25 Làn thu thủy, nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.
Thông minh vốn sẵn tư trời,
30 Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.
Cung thương lầu bậc ngũ âm,

Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.
 Khúc nhà, tay lựa nên chương,
 Một thiên Bạc mệnh lại càng náo nhân.
 35 Phong lưu rất mực hồng quần,
 Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê,
 Êm đềm trướng rủ màn che,
 Tường đông ong bướm đi về mặc ai.

Tiết vừa con én đưa thoi,
 40 Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
 Cỏ non xanh tận chân trời,
 Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
 Thanh minh trong tiết tháng ba,
 Lễ là tảo mộ, hội là Đạp thanh.
 45 Gần xa, nô nức yến anh,
 Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
 Dập dìu, tài tử giai nhân,
 Ngựa xe như nước, áo quần như nêm.
 Ngổn ngang, gò đồng kéo lên,
 50 Thoi vàng vó rắc, tro tiền giấy bay.
 Tà tà, bóng ngả về tây,
 Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
 Bước lần theo ngọn tiểu khê,
 Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh:
 55 Nao nao, dòng nước uốn quanh,
 Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
 Sè sè, nấm đất bên đường,
 Rầu rầu, ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
 Rằng: “Sao trong tiết Thanh minh,
 60 Mà đây hương khói vắng tanh thế mà?”
 Vương Quan mới dẫn gần xa:
 “Đạm Tiên nàng ấy, xưa là ca nhi.
 Nổi danh tài sắc một thì,
 Xôn xao ngoài cửa kém gì yến anh,
 65 Kiếp hồng nhan có mong manh,
 Nửa chừng xuân, thoát gãy cành thiên hương!
 Có người khách ở viễn phương,

Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.
 Thuyền tình vừa ghé tới nơi,
 70 Thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ.
 Buồng không lặng ngắt như tờ,
 Dấu xe ngựa đã rêu mờ xanh.
 Khóc than khôn xiết sự tình,
 Khéo vô duyên bấy là mình với ta!
 75 Đã không duyên trước chẳng là,
 Thì chi chút ước gọi là duyên sau.
 Sấm sanh nếp tử xe châu,
 Vui nông một nắm, mặc dầu cỏ hoa.
 Trải bao thỏ lặn ác tà,
 80 Ấy mồ vô chủ, ai mà viếng thăm?"
 Lòng đâu sẵn mối thương tâm,
 Thoạt nghe, Kiều đã đầm đầm châu sa:
 "Đau đớn thay, phận đàn bà!
 Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.
 85 Phũ phàng chi bấy hóa công!
 Ngày xanh mòn mỏi, má hồng phôi pha.
 Sống làm vợ khắp người ta,
 Khéo thay thác xuống làm ma không chồng!
 Nào người phượng chạ loan chung,
 90 Nào người tiếc lục tham hồng là ai?
 Đã không kẻ đoái người hoài,
 Sẵn đây ta kiếm một vài nén hương.
 Gọi là gặp gỡ giữa đường,
 Họa là người dưới tuổi vàng biết cho".
 95 Lầm rầm khăn vái nhỏ to,
 Sụp gối vài gật, trước mồ bước ra.
 Một vùng cỏ áy bóng tà,
 Gió hiu hiu thổi một vài bông lau.
 Rút trâm sẵn giắt mái đầu,
 100 Vạch da cây, vịnh bốn câu ba vần.
 Lại càng mê mẩn tâm thần,
 Lại càng đứng lặng, tần ngần chẳng ra.
 Lại càng ủ dột nét hoa,
 Sầu tuôn đứt nối, châu sa vẫn dài.

105 Vân rằng: “Chị cũng nức cười,
Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa!”
 Rằng: “Hong nhan tự thừa xưa,
Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu?
 Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
110 Thấy người nằm đó biết sau thế nào?”
 Quan rằng: “Chị nói hay sao,
Một lời là một vận vào khó nghe!
 Ở đây âm khí nặng nề.
Bóng chiều đã ngả, dặm về còn xa”.
115 Kiều rằng: “Những đấng tài hoa,
Thác là thể phách, còn là tinh anh.
 Dễ hay tình lại gặp tình.
Chờ xem, ắt thấy hiển linh bây giờ!”
 Một lời nói, chưa kịp thưa,
120 Phút đâu trận gió cuốn cờ đến ngay.
 Ào ào đổ lộc rung cây,
Ở trong dường có hương bay ít nhiều.
 Đề chùng ngọn gió lẩn theo,
Dấu giấy từng bước in rêu rành rành.
125 Mặt nhìn, ai nấy đều kinh,
Nàng rằng: “Này thực tinh thành chẳng xa.
 Hữu tình, ta lại gặp ta,
Chớ nề u hiển mới là chị em”.
 Đã lòng hiển hiện cho xem,
130 Tạ lòng, nàng lại nói thêm vài lời.
 Lòng thơ lai láng bồi hồi,
Gốc cây lại vạch một bài cổ thi.

 Dùng dằng, nửa ở nửa về,
Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần gần.
135 Trông chừng thấy một văn nhân,
Lỏng buông tay khấu, bước lẩn dặm băng.
 Đề huê, lưng túi gió trăng,
Sau chân theo một vài thằng con con.
 Tuyết in sắc ngựa câu giòn.

140 Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.
 Nẻo xa, mới tỏ mặt người,
 Khách đà xuống ngựa, tới nơi tự tình.
 Hài vắn lằn bước dặm xanh,
 Một vùng như thể cây quỳnh, cành dao.
 145 Chàng Vương quen mặt ra chào,
 Hai Kiều e lệ, nép vào dưới hoa.
 Nguyên người quanh quất đâu xa,
 Họ Kim tên Trọng, vốn nhà trâm anh.
 Nền phú hậu, bậc tài danh,
 150 Văn chương nét đất, thông minh tính trời.
 Phong tư tài mạo tốt vời,
 Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa.
 Chung quanh vẫn đất nước nhà,
 Với Vương Quan trước vốn là đồng thân.
 155 Trộm nghe thơm nức hương lân,
 Một nền Đồng Tước khóa xuân hai Kiều.
 Nước non cách mấy buồng thù,
 Những là trộm giấu thâm yêu chốc mòng.
 May thay, giải cẩu tương phùng,
 160 Gặp tuần đố lá, thỏa lòng tìm hoa.
 Bóng hồng nhác thấy nẻo xa,
 Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai.
 Người quốc sắc, kẻ thiên tài,
 Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.
 165 Chập chờn cơn tỉnh cơn mê,
 Rốn ngồi chẳng tiện, dứt về chĩnh khôn.
 Bóng tà như giục cơn buồn,
 Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo.
 Dưới dòng, nước chảy trong veo,
 170 Bên cầu, tơ liễu bóng chiều thướt tha.
 Kiều từ trở gót trướng hoa,
 Mặt trời gác núi, chiêmng đà thu không.
 Gương nga vắng vạc đầy sông.
 Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.
 175 Hải đường lả ngọn đông lân,
 Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà

Một mình, lặng ngắm bóng nga,
 Rộn đường gần với nỗi xa, bời bời:
 “Người mà đến thế thì thôi,
 180 Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi!
 Người đâu gặp gỡ làm chi,
 Trăm năm biết có duyên gì hay không?”
 Ngổn ngang trăm mối bên lòng,
 Nên câu tuyệt diệu ngụ trong tính tình.
 185 Chênh chênh bóng nguyệt xế màn,
 Tựa ngời bên triện, một mình thiu thiu.
 Thoắt đâu thấy một tiểu kiều,
 Có chiều phong vận, có chiều thanh tân.
 Sương in mặt, tuyết pha thân,
 190 Sen vàng lũng thũng, như gần như xa.
 Rước mừng, đón hỏi, dò la:
 “Đào nguyên lạc lối đâu mà đến đây?”
 Thưa rằng: “Thanh khí xưa nay,
 Mới cùng nhau lúc ban ngày, đã quên?
 195 Hàn gia ở mé Tây thiên,
 Dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu.
 Máy lòng hạ cố đến nhau,
 Máy lời hạ tứ ném châu gieo vàng.
 Vâng trình hội chủ xem tường,
 200 Mà xem trong sổ Đoạn trường có tên
 Âu đành quả kiếp nhân duyên,
 Cũng người một hội một thuyền, đâu xa!
 Nay mười bài mới mới ra,
 Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vờ”.
 205 Kiều vâng lĩnh ý đề bài,
 Tay tiện một vẩy, đủ mười khúc ngâm
 Xem thơ nức nở khen thầm:
 Giá đành tú khẩu cảm tâm khác thường
 Ví đem vào tập Đoạn trường.
 210 Thì treo giải nhất chi nhường cho ai!
 Thêm hoa khách đã trở hài,
 Nàng còn cầm lại, một hai tự tình.
 Gió đâu sịch bức màn mình mình
 Tỉnh ra, mới biết rằng mình chiêm bao.

215 Trông theo nào thấy đâu nào,
 Hương thừa đường hãy ra vào đâu đây.
 Một mình lưỡng lự canh chầy,
 Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh.
 Hoa trôi bèo giạt đã đành.
 220 Biết duyên mình, biết phận mình, thế thôi.
 Nỗi riêng lớp lớp sóng dồi,
 Nghĩ đòi cơn, lại sụt sùi đòi cơn.
 Giọng Kiều rên rĩ trướng loan,
 Nhà huyên chợt tỉnh, hỏi cơn có gì.
 225 “Cớ sao trần trọc canh khuya,
 Màu hoa lê hãy dầm dề giọt mưa?”
 Thưa rằng: “Chút phận ngầy thơ,
 Dưỡng sinh đôi nợ tóc tơ chưa đền.
 Buổi ngày chơi mả Đạm Tiên,
 230 Nhấp đi, thoát thấy ứng liền chiêm bao:
 Đoạn trường là số thế nào,
 Bài ra thế ấy, vịnh vào thế kia.
 Cứ trong mộng triệu mà suy,
 Phận con thôi có ra gì mai sau!”
 235 Dạy rằng: “Mộng triệu cứ đâu,
 Bổng không mua nảo chác sầu nghĩ sao!”
 Vâng lời khuyên giải thấp cao.
 Chưa xong điều nghĩ, đã dào mạch Tương.
 Ngoài song, thả thẻ oanh vàng,
 240 Nách tường, bông liễu bay sang láng giềng.
 Hiên tà gác bóng nghiêng nghiêng,
 Nỗi riêng riêng chạnh tác riêng một mình.

 Cho hay là thói hữu tình,
 Đố ai gỡ mối tơ mảnh cho xong!
 245 Chàng Kim từ lại thu song,
 Nỗi nằng canh cánh bên lòng biếng khuấy
 Sầu đông càng lác càng đầy,
 Ba thu dọn lại một ngày dài ghê!
 Mây Tần khóa kín song the,

- 250 Bụi hồng liệu nẻo đi về chiêm bao.
 Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao,
 Mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng.
 Phòng văn hơi giá như đồng
 Trúc se ngọn thỏ, tơ chùng phím loan.
- 255 Mành Tương phân phát gió đàn,
 Hương gậy mùi nhớ, trà khan giọng tình.
 Ví chẳng duyên nợ ba sinh,
 Làm chi đem khói khuynh thành trêu người?
- 260 Bâng khuâng nhớ cảnh, nhớ người,
 Nhớ nơi kỳ ngộ, vội dời chân đi.
 Một vùng cỏ mọc xanh rì.
 Nước ngâm trông vắt, thấy gì nữa đâu!
 Gió chiều như giục cơn sầu,
 Vi lô hiu hắt như màu khấy trêu.
- 265 Nghề riêng nhớ ít tưởng nhiều,
 Xăm xăm đề nẻo Lam kiều lần sang.
 Thăm nghiêm, kín cổng cao tường,
 Cạn dòng lá thắm, dứt đường chim xanh.
 Lơ thơ tơ liễu buông mành.
- 270 Con oanh học nói trên cành mĩ mai.
 Mấy lần cửa đóng then cài,
 Dẩy thêm hoa rụng, biết người ở đâu?
 Tần ngần, đứng suốt giờ lâu,
 Dạo quanh, chợt thấy mé sau có nhà.
- 275 Là nhà Ngô Việt thương gia,
 Phòng không để đó, người xa chưa về.
 Lấy điều du học hỏi thuê,
 Túi đàn cặp sách đề huề dọn sang.
 Có cây có đá sẵn sàng.
- 280 Có hiên Lãm Thúy nét vàng chưa phai.
 Mừng thăm chốn ấy chữ bài,
 Ba sinh âu hấn duyên trời chi đây!
 Song hồ nửa khép cánh mây,
 Tường đông ghé mắt ngày ngày hằng trông.
- 285 Tắc gang động khóa nguồn phong,
 Tịt mù nào thấy bóng hồng vào ra.

Nhân từ quán khách lân la,
 Tuần trăng thấm thoát nay đã thêm hai.
 Cách tường, phải buổi êm trời,
 290 Dưới đào, dường có bóng người thướt tha.
 Buông cầm, xốc áo vội ra,
 Hương còn thơm nức, người đã vắng tanh!
 Lăn theo tường gấm dạo quanh,
 Trên đào, nhác thấy một cành kim thoa.
 295 Giơ tay với lấy về nhà.
 “Này trong khuê các đâu mà đến đây?
 Ngắm âu người ấy báu này.
 Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm!”
 Liền tay ngấm nghĩa, biếng nằm,
 300 Hãy còn thoang thoảng hương trầm chưa phai.
 Tan sương, đã thấy bóng người.
 Quanh tường ra ý tìm tòi ngẩn ngơ.
 Sinh đã có ý đợi chờ,
 Cách tường lên tiếng, xa đưa ướm lòng:
 305 “Thoa này bắt được hư không,
 Biết đâu hợp phước mà mong châu về?”
 Tiếng Kiều nghe lọt bên kia:
 “Ôn lòng quân tử sá gì của rơi.
 Chiếc thoa nào của mấy mươi,
 310 Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao!”
 Sinh rằng: “Lân lý ra vào,
 Gần đây, nào phải người nào xa xôi.
 Được rày nhớ chút thơm rơi,
 Kể đã thiếu nảo lòng người bấy nay!
 315 Bấy lâu mới được một ngày,
 Dừng chân gạn chút niềm tây gọi là”.
 Vội về thêm lấy của nhà,
 Xuyên vàng đôi chiếc, khăn là một vuông.
 Bực mây đón bước ngọn tường,
 320 Phải người hôm nọ rõ ràng chẳng nhe?
 Sượng sùng, giữ ý, rụt rè,
 Kẻ nhìn rõ mặt, người e cúi đầu.
 Rằng: “Từ ngẫu nghĩ gặp nhau.
 Thăm trông trộm nhớ, bấy lâu đã chôn.

325 Xương mai tính đã rũ mòn,
 Lân lữa ai biết hãy còn hôm nay.
 Tháng tròn như gửi cung mây.
 Trần trần một phận ấp cây đã liễu.
 Tiện đây, xin một hai điều,
 330 Đòi gương soi đến dấu bèo cho chẳng!"
 Ngẩn ngừ, nàng mới thưa rằng:
 "Thói nhà băng tuyết, chất hăng phỉ phong.
 Dầu khi lá thắm chỉ hồng,
 Nên chẳng thì cũng tại lòng mẹ cha.
 335 Nặng lòng xót liễu vì hoa,
 Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thưa!"
 Sinh rằng: "Rày gió mai mưa,
 Ngày xuân đã dễ tình cờ mấy khi.
 Dầu chẳng xét tấm tình si,
 340 Thiệt đây, mà có ích gì đến ai?
 Chút chi gấn bó một hai,
 Cho đành, rồi sẽ liệu bài mối manh.
 Khuôn thiêng dầu phụ tác thành,
 Cũng liễu bỏ quá xuân xanh một đời.
 345 Lượng xuân dầu quyết hẹp hòi,
 Công đeo đuổi chẳng thiệt thời lăm ru!"
 Lặng nghe lời nói như ru,
 Chiêu xuân dễ khiến nét thu ngại ngừng.
 Rằng: "Trong buổi mới lạ lòng,
 350 Nể lòng có lẽ cầm lòng cho đang.
 Đã lòng quân tử đa mang,
 Một lời vâng tạc đá vàng thủy chung".
 Được lời, như cởi tấm lòng,
 Giở kim thoa với khăn hồng trao tay.
 355 Rằng: "Trăm năm cũng từ đây,
 Của tin gọi một chút này làm ghi".
 Sấn tay bả quạt hoa quì,
 Với cành thoa ấy tức thì đổi trao.
 Một lời gấn bó tất giao,
 360 Mé sau dường có xôn xao tiếng người.
 Vội vàng lá rụng hoa rơi,
 Chàng về viện sách, nàng dời lầu trang

Từ phen đá biết tuổi vàng,
 Tình càng thấm thía, dạ càng ngẩn ngơ.
 365 Sông Tương một dải nông sờ,
 Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia.
 Một tường tuyết chở sương che,
 Tin xuân đâu dễ đi về cho nằng.

370 Lăn lăn, ngày gió đêm trăng,
 Thưa hồng rậm lục, đã chừng xuân qua.
 Ngày vừa sinh nhật ngoại gia,
 Trên hai đường dưới nữa là hai em,
 Tung bùng, sắm sửa áo xiêm,
 Biện dâng một lễ xa đem tác thành.
 375 Nhà lan thanh vắng một mình,
 Ngẫm cơ hội ngộ đã dành hôm nay.
 Thì trăn thức thức sẵn bày,
 Gót sen thoăn thoát dạo ngay mé tường.
 Cách hoa sẽ dậy tiếng vàng,
 380 Dưới hoa, đã thấy có chàng đứng trông.
 “Trách lòng hờ hững với lòng,
 Lửa hương chốc để lạnh lòng bấy lâu.
 Những là đắp nhớ đối sầu,
 Tuyết sương nhuộm nửa mái đầu hoa râm”.
 385 Nàng rằng: “Gió bắt mưa cầm,
 Đã cam tộ với tri âm bấy chầy.
 Vắng nhà được buổi hôm nay,
 Lấy lòng, gọi chút ra đây tạ lòng”.
 Lăn theo núi giả đi vòng,
 390 Cuối tường, dường có nẻo thông mới rào.
 Xấn tay, mở khóa động đào,
 Rẽ mây, trông tỏ lối vào Thiên Thai.
 Mặt nhìn mặt, càng thêm tươi,
 Bên lời vạn phúc, bên lời hàn huyên.
 395 Sánh vai, về chốn thư hiên,
 Góp lời phong nguyệt, nặng nguyên non sông.
 Trên yên bút giá thi đồng,

Đạm thanh một bức tranh từng treo trên.
 Phong sương được vẽ thiên nhiên,
 400 Mặt khen nét bút càng nhìn càng tươi.
 Sinh rằng: "Phác họa vừa rồi,
 Phẩm đề xin một vài lời thêm hoa",
 Tay tiên gió táp mưa sa,
 Khoảng trên dừng bút, thảo và bốn câu.
 405 Khen: "Tài nhả ngọc phun châu,
 Nàng Ban ả Tạ cũng đâu thế này,
 Kiếp tu xưa ví chưa dày,
 Phúc nào nhắc được giá này cho ngang".
 Nàng rằng: "Trộm liếc dung quang.
 410 Chẳng sân Ngọc bội, thì phường Kim môn.
 Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
 Khuôn xanh biết có vuông tròn mà hay?
 Nhớ từ năm hấy thơ ngây,
 Có người tướng sĩ đoán ngay một lời:
 415 Anh hoa phát tiết ra ngoài,
 Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.
 Trông người lại ngẫm đến ta.
 "Một dày một mỏng, biết là có nên?"
 Sinh rằng: "Giải cấu là duyên,
 420 Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.
 Ví dù giải kết đến điều,
 Thì đem vàng đá mà liếu với thân".
 Đủ điều trung khúc ân cần,
 Lòng xuân phơi phới, chén xuân tàng tàng.
 425 Ngày vui ngắn chẳng đầy gang,
 Trông ra, ác đã ngậm gương non đoài.
 Vắng nhà, chẳng tiện ngồi dai,
 Già chàng, nàng mới kíp dời song sa.
 Đến nhà, vừa thấy tin nhà,
 430 Hai thân còn dở tiệc hoa chưa về.
 Cửa ngoài vội rủ rèm the,
 Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình.
 Nhặt thưa gương rọi đầu cành,
 Ngọn đèn trông lọt, trống huỳnh hắt hiu.

435 Sinh vừa tựa án thiu thiu.
 Dở chiều như tỉnh, dở chiều như mê.
 Tiếng sen sẽ động giấc hoè,
 Bóng trăng đã xế, hoa lê lại gần.
 Bâng khuâng đỉnh Giáp non Thần,
 440 Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng!
 Nàng rằng: “Khoảng vắng đêm trường,
 Vì hoa, nên phải trở đường tìm hoa.
 Bây giờ rõ mặt đôi ta,
 Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao?”
 445 Vội mừng làm lễ rước vào,
 Đài sen nổi sập, song đào thêm hương.
 Tiên thể cùng thảo một chương,
 Tóc mây một món, dao vàng chia đôi.
 Vầng trăng vằng vặc giữa trời,
 450 Đỉnh ninh hai miệng một lời song song.
 Tóc tơ căn vặn tấc lòng,
 Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương.
 Chén hà sánh giọng quỳnh tương,
 Dải là hương lộn, bình gương bóng lồng.
 455 Sinh rằng: “Gió mát trăng trong,
 Bảy lâu nay, một chút lòng chưa cam.
 Chày sương chưa nện cầu Lam,
 Sợ lần khân quá sa sơm sỡ chẳng?”
 Nàng rằng: “Hong diệp xích thằng,
 460 Một lời cũng đã tiếng rằng tương tri.
 Đừng điều nguyệt nọ hoa kia,
 Ngoài ra, ai lại tiếc gì với ai”.
 Rằng: “Nghe nổi tiếng cầm đài,
 Nước non luống những lắng tại Chung Kỳ”.
 465 Thưa rằng: “Tiện kỹ sá chi,
 Đã lòng dạy đến, dạy thì phải vâng”
 Hiên sau treo sẵn cầm trăng,
 Vội vàng Sinh đã tay nâng ngang mày.
 Nàng rằng: “Nghề mọn riêng tay,
 470 Làm chi cho bận lòng này lăm thân!”
 So dẫu dây vô dây vắn,
 Bốn dây to nhỏ theo vần cung thương.

Khúc đầu Hán Sở chiến trường,
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau?
475 Khúc đầu Tư mã Phượng cầu,
Nghe ra như oán như sầu phải chăng?
Kê Khang này khúc Quảng Lăng.
Một rằng lưu thủy, hai rằng hành vân.
Quá quan này khúc Chiêu Quân,
480 Nửa phần luyến chúa, nửa phần tư gia.
Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.
485 Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi đó mà ngơ ngẩn sầu.
Khi tựa gối, khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày.
Rằng: “Hay thì thật là hay,
490 Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào!
So chi những bức tiêu tao?
Thiệt lòng mình, cũng nao nao lòng người”.
Rằng: “Quen mất nét đi rồi,
Tẻ vui thôi cũng tính trời, biết sao?
495 Lời vàng vâng lĩnh ý cao,
Họa dần dần bớt chút nào được không?”
Hoa hương càng tỏ thức hồng
Đầu mày cuối mắt càng nồng tấm yêu.
Sóng tình dường đã xiêu xiêu,
500 Xem trong âu yếm có chiều lả lơi.
Thưa rằng “Đừng lấy làm chơi,
Rỉ cho thưa hết một lời đã nao!
Vẽ chi một đoá yêu đào,
Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh?
505 Đã cho vào bức bố kinh,
Đạo tòng phu lấy chữ trinh làm đầu.
Ra tuồng trên Bộc trong dâu,
Thì con người ấy ai cầu làm chi!
Phải điều ăn xối ở thì,

510 Tiết trăm năm nữ bỏ đi một ngày!
Ngẫm duyên kỳ ngộ xưa nay,
Lúa đôi ai lại đẹp tầy Thôi, Trương.
Mây mưa đánh đổ đá vàng,
Quá chiều, nên đã chán chương yển anh.
515 Trong khi chấp cánh liền càn,
Mà lòng rẻ rúng đã dành một bên.
Mái Tây để lạnh hương nguyên,
Cho duyên đắm thắm ra duyên bề bàng.
Gieo thoi trước chẳng giữ giàng,
520 Để sau nên thẹn cùng chàng, bởi ai?
Vội chi liễu ép hoa nài,
Còn thân, ắt lại đền bồi có khi.”
Thấy lời đoan chính dễ nghe,
Chàng càng thêm nể thêm vì mười phân.
525 Bóng tàu vừa lạt về sân,
Tin đâu đã đến cửa ngăn gọi vào.
Nàng thì vội trở buồng thuyền,
Sinh thì dạo gót sân đào bước ra.

Cửa sài vừa ngỏ then hoa,
530 Gia đồng vào gửi thư nhà mới sang.
Đem tin thúc phụ từ đường,
Bơ vơ, lữ thấn tha hương đề huề.
Liêu Dương cách trở sơn khê,
Xuân đường kíp gọi sinh về hộ tang.
535 Mảng tin, xiết nỗi kinh hoàng,
Bằng mình lên trước đài trang tự tình.
Gót đầu mọi nỗi đình ninh,
Nỗi nhà tang tóc, nỗi mình xa xôi.
“Sự đâu chưa kịp đôi hồi,
540 Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ.
Trăng thê còn đó tơ tơ,
Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng!
Ngoài nghìn dặm, chốc ba đông,
Mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy.
545 Gìn vàng giữ ngọc cho hay,

Cho đành lòng ké chân mây cuối trời”.
Tai nghe, ruột rối bời bời,
Ngập ngừng, nàng mới giải lời trước sau:

“Ông tơ ghét bỏ chi nhau,
550 Chưa vui sum họp, đã sầu chia phôi.
Cùng nhau đã trót nặng lời.
Dầu thay mái tóc, dám dời lòng tơ?
Quản bao tháng đợi năm chờ.
Nghĩ người ăn gió nằm mưa xót thắm.
555 Đã nguyên hai chữ đồng tâm,
Trăm năm thể chẳng ôm cầm thuyền ai.
Còn non còn nước còn dài,
Còn về còn nhớ đến người hôm nay”.
Dùng dằng chưa nỡ dời tay,
560 Vững đông đầu đã đứng ngay nóc nhà.
Ngại ngừng, một bước một xa,
Một lời trân trọng châu sa mấy hàng.
Buộc yên quải gánh vội vàng,
Mối sầu sẻ nửa, bước đường chia hai.
565 Buồn trông phong cảnh quê người,
Đầu cành quỳn nhạt, cuối trời nhận thưa.
Nào người cử gió tuần mưa,
Một ngày nặng gánh tương tư một ngày.

Nàng còn đứng tựa hiên tây,
570 Chín hồi vấn vít như vậy mối tơ.
Trông chừng khói ngát song thưa,
Hoa trôi giạt thắm, liễu xơ xác vàng.
Tần ngần dạo gót lầu trang,
Một đoàn mừng thọ ngoại hương mới về.
575 Hàn huyên chưa kịp đã dề,
Sai nha bỗng thấy bốn bề xôn xao.
Người nách thước, kẻ tay đao,
Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi.
Già giang một lão một trai,
580 Một dây vô lại buộc hai thâm tình.
Đây nhà vang tiếng ruồi xanh.

Rụng rời khung dệt, tan tành gói may.
 Đồ tể nhuyển, của riêng tây,
 Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham
 585 Điều đâu bay buộc ai làm?
 Này ai đan dập giắt giằm bỗng dưng?
 Hỏi ra, sau mới biết rằng:
 Phải tên xung xuất tại thằng bán tơ.
 Một nhà hoảng hốt ngẩn ngơ.
 590 Tiếng oan dậy đất, án ngờ lòa mây.
 Hạ tù, van lạy suốt ngày,
 Diếc tai lân tuất, phũ tay tồi tàn.
 Rường cao rút ngược dây oan,
 Dẫu rằng đá cũng nát gan, lộ người!
 595 Mặt trông đau đớn rụng rời,
 Oan này còn một kêu trời... nhưng xa.
 Một ngày lạ thói sai nha,
 Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền!

 Sao cho cốt nhục vẹn tuyền,
 600 Trong khi ngộ biến tông quyền biết sao?
 Duyên hội ngộ, đức cù lao.
 Bên tình bên hiếu, bên nào nặng hơn?
 Để lời thệ hải minh sơn,
 Làm con, trước phải đền ơn sinh thành.
 605 Quyết tình nàng mới hạ tình:
 “Rẽ cho để thiếp bán mình chuộc cha!”
 Họ Chung có kẻ lại già,
 Cũng trong nha dịch, lại là từ tâm.
 Thấy nàng hiếu trọng tình thâm,
 610 Vì nàng, nghĩ cũng thương thâm xót vay.
 Tính bài lót đó luôn đây,
 Có ba trăm lạng việc này mới xuôi.
 Hãy về tạm phó giam ngoài,
 Dặn nàng quy liệu trong đôi ba ngày.
 615 Thương lòng con trẻ thơ ngây,
 Gặp cơn vạ gió tai bay bất kì.
 Đau lòng tử biệt sinh ly,

Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên!
Hạt mưa sá nghĩ phận hèn,
620 Liệu đem tác cỏ quyết đền ba xuân.
Sự lòng ngỏ với bằng nhân,
Tin sương đồn đại, xa gần xôn xao.
Gần miền có một mụ nào,
Đưa người viễn khách tìm vào vấn danh.
625 Hỏi tên, rằng Mã Giám sinh.
Hỏi quê, rằng huyện Lâm Thanh cũng gần.
Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao.
Trước thầy sau tớ lao xao,
630 Nhà băng đưa mối rước vào lầu trang.
Ghế trên ngồi tót sỗ sàng,
Buồng trong mối đã giục nàng kíp ra.
Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,
Thêm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng.
635 Ngại ngừng, gợn gió e sương,
Xem hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày.
Mối càng vén tóc bắt tay,
Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai.
Đắn đo, cân sắc cân tài,
640 Ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ.
Mặn nồng một vẻ một ưa.
Bằng lòng, khách mới tùy cơ dặt dìu.
Rằng: “Mua ngọc đến Lam Kiều.
Sính nghi xin dạy bao nhiêu cho tường?”
645 Mối rằng: “Giá đáng nghìn vàng,
Giá nhà, nhờ lượng người thương, dám nài”.
Cò kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá, vâng ngoài bốn trăm.
Một lời, thuyền đã êm giầm,
650 Hãy đưa canh thiếp trước cầm làm ghi.
Định ngày nạp thái vu qui
Tiền lưng đã có, việc gì chẳng xong!
Một lời cậy với Chung công,
Khất từ, lam lĩnh Vương ông về nhà.

655 Thương tình con trẻ cha già,
Nhìn nàng, ông những máu sa ruột rầu.
 “Nuôi con, những ước về sau,
Trao tơ phải lứa, gieo cầu đáng nơi.
 Trời làm chi cực bấy trời!
660 Này ai vu thác cho người hợp tan.
 Búa rìu bao quản thân tàn,
Nỡ đày đọa trẻ, càng oan khốc già.
 Một lần, sau trước cũng là,
Thôi thì mặt khuất, chẳng thà lòng đau”.
665 Theo lời như chảy dòng châu,
Liều mình, ông đã gieo đầu tường vôi.
 Vội vàng, kẻ giữ người coi,
Nhỏ to, nàng lại tìm lời khuyên can:
 “Về chi một mảnh hồng nhan?
670 Tóc tơ chưa chút đền ơn sinh thành.
 Dâng thư, đã thẹn nàng Oanh,
Lại thua ả Lý bán mình hay sao?
 Cổ xuân tuổi hạc càng cao,
Một cây gánh vác biết bao nhiêu càn.
675 Lượng trên dù chẳng dứt tình,
Gió mưa âu hắt tan tành nước non.
 Thà rằng liều một thân con,
Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây.
 Phận sao đành vậy cũng vậy,
680 Cầm như chẳng đậu những ngày còn xanh.
 Cũng đừng tính quẩn lo quanh,
Tan nhà là một thiệt mình là hai”.
 Phải lời, ông cũng êm tai,
Nhìn nhau, giọt ngấn giọt dài ngổn ngang.
685 Mé ngoài, họ Mã vừa sang,
Tờ hoa đã ký, cân vàng mới trao.
 Trăng già độc địa làm sao?
Cầm dây chẳng lựa, buộc vào tự nhiên!
 Trong tay đã sẵn đồng tiền,
690 Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì!
 Họ Chung ra sức giúp vì,
Lễ tâm đã đặt, tụng kỳ cũng xong.

Việc nhà đã tạm thông dong,
Tinh kỳ giục già đã mong độ về.

695 Một mình nàng ngọn đèn khuya,
Áo đầm giọt lệ, tóc se mái sầu.

“Phận rầu, dầu vậy cũng dầu,
Xét lòng đeo đẳng bấy lâu một lời.

700 Công trình kể biết mấy mươi.
Vì ta khăng khít cho người dở dang.

Thê hoa chưa ráo chén vàng,
Lỗi thê thôi đã phụ phàng với hoa!

Trời Liêu non nước bao xa,
Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi!

705 Biết bao duyên nợ thê bồi,
Kiếp này thôi thế thì thôi, còn gì!

Tái sinh chưa dứt hương thê,
Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai

710 Nợ tình chưa trả cho ai,
Khối tình mang xuống Tuyền đài chữa tan”.

Nỗi riêng, riêng những bàn hoàn,
Dầu trong trắng đĩa, lệ tràn thấm khăn.

Thúy Vân chợt tỉnh giấc xuân,
Dưới đèn ghé đến, ân cần hỏi han:

715 “Cơ trời dâu bể đa đoan,
Một nhà để chị riêng oan một mình,

Cớ chi ngồi nhẩn tàn canh
Nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây?”

720 Rằng: “Lòng đương thổn thức đây,
Tơ duyên còn vướng mối này chưa xong.

Hở môi ra, cũng thẹn thùng,
Để lòng, thì phụ tấm lòng với ai.

Cậy em, em có chịu lời?
Ngồi lên cho chị lạy, rồi sẽ thưa.

725 Giữa đường, đứt gánh tương tư,
Keo loan chấp mối tơ thừa, mặc em.

Kể từ khi gặp chàng Kim;
Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thê.

Sự đâu sóng gió bất kỳ,

730 Hiếu tình, khôn lẽ hai bề vẹn hai.
 Ngày xuân em hãy còn dài,
 Xót tình máu mủ, thay lời nước non.
 Chị dù thịt nát xương mòn,
 Ngậm cười chín tuổi hãy còn thơm lây.
 735 Chiếc thoa với bức tờ mây,
 Duyên này thì giữ, vật này của chung.
 Dầu em nên vợ nên chồng,
 Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên.
 Mất người, còn chút của tin,
 740 Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa.
 Mai sau, dầu có bao giờ,
 Đốt lò hương ấy, so tơ phím này.
 Trông ra ngọn cỏ lá cây,
 Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.
 745 Hồn còn mang nặng lời thề,
 Nát thân bồ liễu đền nghì trúc mai.
 Dạ đài cách mặt khuất lời,
 Tươi xin giọt lệ cho người thác oan.
 Bây giờ trâm gãy gương tan,
 750 Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân!
 Trăm nghìn gửi lạy tình quân,
 Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi.
 Phận sao phận bạc như vôi!
 Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng.
 755 Ôi Kim lang! Hỡi Kim lang!
 Thôi thôi, thiếp đã phụ chàng từ đây!"
 Cạn lời, hồn đứt máu say,
 Một hơi lặng ngắt, đôi tay giá đông.
 Xuân huyên chợt tỉnh giấc nồng,
 760 Một nhà tấp nập kẻ trong người ngoài.
 Kẻ thang người thuốc bời bời,
 Mới dầu cơn vụng, chưa phai giọt hồng.
 Hỏi sao ra sự lạ lòng.
 Kiêu càng nức nở nói không ra lời.
 765 Nỗi nàng Vân mới rỉ tai:
 Chiếc thoa này với tờ bồi ở đây.
 "Vì cha làm lỗi duyên may,

Thôi thì việc ấy sau này đã em.
Vì ai rụng cái rơi kim?
770 Để con bèo nổi mây chìm vì ai?
Lời con dặn lại một hai,
Dầu mòn bia đá, dám sai tác vàng?”
Lạy thôi, nàng lại rén chiềng:
“Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi.
775 Sá chi thân phận tôi đòi,
Dầu rằng xương trắng quê người, quán đâu!”

Xiết bao kẻ nổi thăm sâu!
Khắc canh đã giục nam lâu mấy hồi.
Kiệu hoa đâu đã đến ngoài,
780 Quán huyền đâu đã giục người sinh ly.
Đau lòng kẻ ở người đi,
Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ tằm.
Trời hôm, mây kéo tối dầm,
Rầu rầu ngọn cỏ, đầm đầm cảnh sương
785 Rước nàng về đến trú phường,
Bốn bề xuân khóa, một nàng ở trong.
Ngập ngừng, then lục e hồng,
Nghĩ lòng, lại xót xa lòng đòi phen.
Phẩm tiên rơi đến tay hèn,
790 Hoài công nằng giữ mưa gìn với ai!
Biết thân đến bước lạc loài,
Nhị đào thà bẻ cho người tình chung.
Vì ai ngăn đón gió Đông,
Thiệt lòng khi ở, đau lòng khi đi.
795 Trùng phùng dù họa có khi,
Thân này, thôi có ra gì mà mong!
Đã sinh ra số long đong,
Còn mang lấy kiếp má hồng được sao?
Trên yên sẵn có con dao,
800 Giấu cầm, nàng đã gói vào chéo khăn.
Phòng khi nước đã đến chân,
Dao này thì liệu với thân sau này,

Đêm thu một khắc một chầy,
Bâng khuâng như tỉnh như say một mình.
805 Chưởng ngờ, gã Mã Giám sinh,
Vẫn là một đứa phong tình đã quen.
Quá chơi, lại gặp hồi đen.
Quen môi, lại kiếm ăn miền nguyệt hoa.
Lầu xanh có mụ Tú bà,
810 Làng chơi đã trở về già hết duyên.
Tình cờ, chẳng hẹn mà nên,
Mặt cửa mướp đấng, đôi bên một phường.
Chung lưng mở một ngôi hàng,
Quanh năm buôn bán hương đã lè.
815 Đạo tìm khắp chợ thì quê,
Giả danh hầu hạ, dạy nghề ăn chơi.
Rủi may âu cũng sự trời,
Đoạn trường lại chọn mặt người vô duyên!
Xót nàng, chút phận thuyền duyên,
820 Cành hoa đem bán vào thuyền lái buôn!
Mẹo lừa đã mắc vào khuôn,
Sính nghi rẻ giá, nghinh hôn sẵn ngày.
Mừng thầm, cờ đã đến tay,
Càng nhìn vẻ ngọc, càng say khúc vàng.
825 Đã nên quốc sắc thiên hương,
Một cười này, hảnh nghìn vàng, chẳng ngoa.
Về đây, nước trước bể hoa,
Vương tôn quý khách ắt là đua nhau.
Hảnh ba trăm lạng kém đâu,
830 Cũng đà vừa vốn, còn sau thì lời.
Miếng ngon kể đến tận nơi,
Vốn nhà cũng tiếc, của người cũng tham.
Đào tiên đã bén tay phàm.
Thì vin cành quít cho cam sự đời.
835 Dưới trần mấy mặt làng chơi,
Chơi hoa, đã dễ mấy người biết hoa.
Nước vỏ lựu, máu mào gà,
Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên.
Mập mờ đánh lận con đen,
840 Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền, mất chi?

Mụ già hoặc có điều gì,
Liều công mất một buổi qui mà thôi.
Vả đây đường xá xa xôi,
Mà ta bất động nữa người sinh nghi.
845 Tiếc thay! Một đóa trà (đồ) mi,
Con ong đã mở đường đi lối về!
Một cơn mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương!
850 Đêm xuân một giấc mơ màng,
Đuốc hoa để đó, mặc nàng nằm trơ.
Giọt riêng tâm tã tuôn mưa,
Phần cảm nỗi khách, phần dơ nỗi mình.
Tuồng chi là giống hôi tanh,
Thân nghìn vàng để ô danh má hồng.
855 Thôi còn chi nữa mà mong,
Đời người thôi thế là xong một đời!
Giận duyên tui phận bởi bởi,
Cầm dao, nàng đã toan bài quyên sinh.
Nghĩ đi nghĩ lại một mình:
860 Một mình thì chớ, hai tình thì sao?
Sau dầu sinh sự thế nào,
Truy nguyên, chẳng kéo lụy vào song thân.
Nỗi mình âu cũng giãn dần,
Kíp chầy, thôi cũng một lần mà thôi.
865 Những là đo đản ngược xuôi,
Tiếng gà nghe đã gáy sôi mé tường.
Lần mai vừa rúc còi sương,
Mã sinh giục già vội vàng ra đi.
Đoạn trường thay! Lúc phân kỳ,
870 Vó câu khắp khểnh, bánh xe gập ghềnh.
Bê ngoài mười dặm trường đình,
Vương ông mở tiệc tiễn hành đưa theo.
Ngoài thì chủ khách dập dìu.
Một nhà huyên với một Kiều ở trong.
875 Nhìn càng lã chã giọt hồng,
Rỉ tai, nàng mới giải lòng thấp cao:
“Hổ sinh ra phận thơ đào,
Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong?

880 Lỡ làng, nước đục bụi trong,
Trăm năm để một tấm lòng từ đây.
 Xem gương trong bấy nhiêu ngày,
Thân con chẳng kéo mắc tay bợm già.
 Khi về bỏ vắng trong nhà,
 Khi vào dùng dăng, khi ra vội vàng.
885 Khi ăn khi nói lỡ làng,
Khi thấy khi tỏ xem thường xem khinh.
 Khác màu kẻ quý người thanh,
Ngẫm ra cho kỹ, như hình con buôn.
 Thôi con còn nói chi con,
890 Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người!”
 Vương bà nghe bấy nhiêu lời,
Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên.
 Vài tuần, chưa cạn chén khuyên,
Mé ngoài nghĩ đã giục liền ruồi xe.
895 Xót con, lòng nặng chề chề,
Trước yên, ông đã nằn nì thấp cao:
 “Chút thân yếu liễu thơ đào,
Gấp nhà đến đôi dấn vào tôi người.
 Từ đây, góc bể bên trời,
900 Nắng mưa thui thui, quê người một thân.
 Nghìn tầm nhờ bóng tùng quân,
Tuyệt sương che chở cho thân cát đẳng”.
 Cạn lời, khách mới thưa rằng:
 “Buộc chân, thôi cũng xích thàng nhiệm trao.
905 Mai sau, dầu đến thế nào,
Kìa gương nhật nguyệt, nọ dao quỷ thần”.
 Đùng đùng gió giật mây vùn
Một xe trọng cỡi hồng trần như bay,
 Trông vời gạt lệ phân tay,
910 Góc trời thăm thẳm, ngày ngày dăm dăm.
 Nàng thì cỡi khách xa xăm,
Bạc phau cầu giá, đen dăm ngàn mây.
 Vi lô san sát hơi may,
 Một trời thu để riêng ai một người.
915 Dặm khuya, ngắt tậnh mù khơi,
Thấy trắng mà then những lời non sông.

Rừng thu từng biếc chen hồng,
Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn.

920 Những là lạ nước lạ non,
Lâm Tri vừa một tháng tròn tới nơi.
Xe châu dừng bánh cửa ngoài,
Rèm trong đã thấy một người bước ra.
Thoắt trông lờn lợt màu da,
Ăn gì cao lớn đẩy đà làm sao!
925 Trước xe, lời lẽ han chào,
Vâng lời, nàng mới bước vào tận nơi.
Bên thì mấy ả mây ngài,
Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi.
Giữa thì hương án hắt hoi,
930 Trên treo một tượng trắng đôi lông mày.
Lầu xanh quen lối xưa nay,
Nghề này thì lấy ông này tiên sư.
Hương hoa hôm sớm phụng thờ,
Cô nào xấu vía có thừa mỗi hàng,
935 Cối xiêm lột áo chán chường,
Trước thần sẽ nguyện mảnh hương lầm rầm.
Đổi hoa, lột xuống chiếu nằm,
Bướm ong bay lại ầm ầm tứ vi.
Kiều còn ngơ ngẩn biết gì?
940 Cứ lời dạy xuống mụ thì khẩn ngay:
“Cửa hàng buôn bán cho may,
Đêm đêm Hàn thực, ngày ngày Nguyên tiêu.
Muôn nghìn người thấy cũng yêu,
Xôn xao anh yến, dập dìu trúc mai.
945 Tin nhận vắn, lá thơ bởi,
Đưa người cửa trước, rước người cửa sau”.
Lạ tai, nghe chưa biết đâu,
Xem tình ra, cũng những màu dỏ dang.
Lễ xong hương hỏa gia đường,
950 Tú bà vắt óc lên giường ngồi ngay.
Dạy rằng: “Con lạy mẹ đây,
Lạy rồi, sang lạy cậu mày bên kia.

Nàng rằng: “Phải bước lưu ly,
 Phận hèn, vâng đã cam bẽ tiểu tình.
 955 Điều đâu lấy yến làm anh,
 Ngây thơ chẳng biết là danh phận gì.
 Đủ điều nạp thái vu quy,
 Đã khi chung chạ, lại khi đứng ngồi.
 Giờ ra thay bực đối ngôi,
 960 Dám xin gửi lại một lời cho mình”.
 Mụ nghe nàng nói hay tình,
 Bây giờ, mới nổi tam bành mụ lên:
 “Này này, sự đã quả nhiên,
 Thôi đà cướp sống chồng mìn đi rồi!
 965 Bảo rằng đi dạo lấy người,
 Dem về, rước khách kiếm lời mà ăn.
 Tuồng vô nghĩa, ở bất nhân,
 Buồn mình trước đã tần mần thử chơi.
 Màu hồ đã mất đi rồi,
 970 Thôi thôi, vốn liếng đi đời nhà ma!
 Con kia đã bán cho ta,
 Nhập gia, phải cứ phép nhà tao đây.
 Lão kia có giở bài bầy,
 Chẳng vãng vào mặt, mà mày lại nghe.
 975 Cớ sao chịu tốt một bề,
 Gái tơ mà đã ngựa nghề sớm sao!
 Phải làm cho biết phép tao!”
 Giật bì tiên, rắp sẵn vào ra tay.
 Nàng rằng: “Trời thăm đất dày!
 980 Thân này đã bỏ những ngày ra đi.
 Thôi thì thôi có tiếc gì! ”
 Sấn dao tay áo, tức thì giở ra.
 Sợ gan nát ngọc liễu hoa,
 Mụ còn trông mặt, nàng đà quá tay.
 985 Thương ôi! Tài sắc bực này,
 Một dao oan nghiệt, đứt dây phong trần.
 Nỗi oan vỡ lở xa gần,
 Trong nhà người chạt một lần như nen.
 Nàng thì bần bật giấc tiên,
 990 Mụ thì cầm cặp mắt nhìn hồn bay.

Vực nặng vào chốn hiên tây,
Cất người coi sóc, rước thầy thuốc men.
Nào hay chưa hết trần duyên,
Trong mê, dường đã đứng bên một nàng.
995 Rỉ rằng: “Nhân quả dở dang,
Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao?
Số còn nặng nghiệp má đào,
Người dầu muốn quyết, trời nào đã cho!
Hãy xin hết kiếp liễu bồ,
1000 Sông Tiền Đường sẽ hẹn hò về sau”.

Thuốc thang suốt một ngày thâu.
Giấc mê nghe đã dầu dầu vừa tan.
Tú bà chực sẵn bên màn,
Lựa lời khuyên giải, mơn man gỡ dần:
1005 “Một người dễ có mấy thân,
Hoa xuân đương nhị, ngày xuân còn dài.
Cũng là lỡ một lâm hai,
Đá vàng sao nỡ ép nài mưa mây.
Lỡ chân trót đã vào đây,
1010 Khóa buông xuân, để đợi ngày đào non.
Người còn thì của hãy còn,
Tìm nơi xứng đáng làm con cái nhà.
Làm chi tội báo oan gia,
Thiệt mình, mà hại đến ta, hay gì?”
1015 Kê tai mấy nỗi nằn nì,
Nàng nghe dường cũng thị phi rạch ròi.
Vả trong thần mộng mấy lời,
Túc nhân âu cũng có trời ở trong.
Kiếp này nợ trả chưa xong,
1020 Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau?
Lặng nghe, ngấm nghi gót dầu,
Thưa rằng: “Ai có muốn đâu thế này.
Được như lời thế là may,
Hắn rằng mai có như rày cho chẳng?
1025 Sợ khi ong bướm đái đàng,
Đến điều sống đục, sao bằng thác trong?”

Mụ rằng: “Con hãy thông dong,
 Phải điều lòng lại đối lòng mà chơi!
 Mai sau, ở chẳng như lời,
 1030 Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi”.
 Thấy lời quyết đoán hắc hoi,
 Đánh lòng, nàng cũng sẽ nguôi nguôi dần.
 Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân,
 Vẻ non xa, tấm trắng gần ở chung.
 1035 Bốn bề bát ngát xa trông,
 Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.
 Bẽ bàng mây sớm đèn khuya.
 Nửa tình nửa cảnh, như chia tấm lòng.
 Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
 1040 Tin sương luống những rày trông mai chờ.
 Bên trời góc bể bơ vơ,
 Tấm son gột rửa bao giờ cho phai?
 Xót người tựa cửa hôm mai,
 Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?
 1045 Sân Lai cách mấy nắng mưa,
 Có khi gốc tử đã vừa người ôm.
 Buồn trông cửa bể chiều hôm,
 Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
 Buồn trông ngọn nước mới sa,
 1050 Hoa trôi man mác biết là về đâu?
 Buồn trông nội cỏ rầu rầu.
 Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
 Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
 Âm âm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.
 1055 Chung quanh những nước non người,
 Đau lòng lưu lạc nên vài bốn câu.
 Ngậm ngùi rủ bức rèm châu.
 Cách lầu, nghe có tiếng đâu họa vâu.
 Một chàng vừa trạc thanh xuân,
 1060 Hình dung chải chuốt, áo khăn dịu dàng.
 Nghĩ rằng cũng mạch thư hương,
 Hỏi ra, mới biết rằng chàng Sở Khanh.

Bóng nga thấp thoáng dưới màn.
 Trông nàng, chàng cũng ra tình đeo đai:
 1065 “Than ôi! Sắc nước hương trời,
 Tiếc cho đâu bỗng lạc loài đến đây?
 Giá đành trong nguyệt trên mây,
 Hoa sáo hoa khéo già giày bấy hoa?
 Nỗi cơn riêng giận trời già,
 1070 Lòng này ai tỏ cho ta hỡi lòng?
 Thuyền duyên ví biết anh hùng,
 Ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi!”
 Song thu đã khép cánh ngoài,
 Tai còn đồng vọng mấy lời sắt đánh.
 1075 Nghĩ người thôi, lại nghĩ mình.
 Cấm lòng chưa xót, lạt tình bơ vơ.
 Nhưng là lần lửa nắng mưa,
 Kiếp phong trần biết bao giờ là thôi?
 Đánh liều, nhấn một hai lời,
 1080 Nhờ tay tể độ vớt người trầm luân.
 Mảnh tiên kể hết xa gần,
 Nỗi nhà báo đáp, nỗi thân lạc loài.
 Tan sương, vừa rạng ngày mai,
 Tiện hồng nàng mới nhấn lời gửi sang.
 1085 Trời Tây lẳng đặng bóng vàng,
 Phục thư đã thấy tin chàng đến nơi.
 Mở xem một bức tiên mai,
 Rành rành *tích việt* có hai chữ đề.
 Lấy trong ý tứ mà suy:
 1090 Ngày hai mươi mốt, tuất thì phải chăng?
 Chim hôm thoi thót về rừng,
 Giá trà (đồ) mi đã ngậm trăng nửa vành.
 Tường Đông lay động bóng càn,
 Đầy song, đã thấy Sở Khanh lén vào.
 1095 Sượng sùng, đánh dạn, ra chào,
 Lay thôi, nàng mới rí trao ân cần.
 Rằng: “Tôi bèo bọt chút thân,
 Lạc đàn, mang lấy nợ nần yếm anh.
 Dám nhờ cốt nhục tử sinh,
 1100 Còn nhiều kết cớ ngậm vành về sau”

Lặng nghe, tủm tủm gật đầu:
 “Ta đây nào phải ai đâu mà rằng!
 Nàng đã biết đến ta chẳng,
 Bể trầm luân lấp cho bằng mới thôi”.
 1105 Nàng rằng: “Muôn sự ƠN người,
 Thế nào xin quyết một bài cho xong”.
 Rằng: “Ta có ngựa truy phong,
 Có tên dưới trướng vốn dòng kiện nhi.
 Thừa cơ, lên bước ra đi,
 1110 Ba mươi sáu chước, chước gì là hơn?
 Dù khi gió kếp mưa đơn,
 Có ta đây, cũng chẳng cơn có gì!”
 Nghe lời, nàng đã sinh nghi.
 Song đã quá đổi, quản gì được thân.
 1115 Cũng liều nhắm mắt đưa chân,
 Mà xem con tạo xoay vần đến đâu.
 Cùng nhau lên bước xuống lầu,
 Song song, ngựa trước ngựa sau một đoàn.
 Đêm thâu, khắc lậu canh tàn,
 1120 Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương.
 Lối mòn cỏ lợt màu sương.
 Lòng quê đi một bước đường một đau.
 Tiếng gà xao xác gáy mau,
 Tiếng người đâu đã mé sau dãy dặng.
 1125 Nàng càng thổn thức gan vàng,
 Sở Khanh đã rẽ dây cương lối nào!
 Một mình khôn biết làm sao,
 Dậm rừng bước thấp bước cao hải hùng.
 Hóa nhĩ thật có nữ lòng,
 1130 Làm chi giày tía vò hồng lấm nao!
 Một đoàn đổ đến trước sau.
 Vuốt đâu xuống đất, cánh đâu lên trời?
 Tú bà tốc thẳng đến nơi.
 Hăm hăm áp điệu một hơi lại nhà.
 1135 Hung hăng, chẳng hỏi chẳng tra.
 Đang tay vui liễu dập hoa tươi bời.
 Thịt da ai cũng là người,
 Lòng nào hồng rụng thắm rời chẳng đau!

Hết lời thú phục khẩn cầu,
 1140 Uốn lưng thịt đổ, dập đầu máu sa.
 Rằng: “Tôi chút phận đàn bà,
 Nước non lìa cửa lìa nhà đến đây.
 Bây giờ sống thác ở tay,
 Thân này đã đến thế này thì thôi!
 1145 Nhưng tôi có sá chi tôi.
 Phận tôi đành vậy, vốn người để đâu?
 Thân lươn bao quản lấm đầu,
 Chút lòng trinh bạch từ sau cũng chữa”.
 Được lời, mụ mới tùy cơ,
 1150 Bắt người bảo lĩnh, làm tờ cung chiêu.
 Bày vai có ả Mã Kiều,
 Xót nàng, ra mới đánh liều chịu đoan.
 Mụ càng kể nhặt kể khoan,
 Gạn gùng đến mực nồng nàn mới tha,
 1155 Vực nàng vào nghỉ trong nhà,
 Mã Kiều lại ngỏ ý ra dặn lời:
 “Thôi đà mắc lận thì thôi!
 Đi đâu chẳng biết con người Sở Khanh?
 Bạc tình nổi tiếng lâu xanh,
 1160 Một tay chôn biết mấy cành phù dung!
 Đà đao sắp sẵn chước dùng,
 Lạ gì một cốt một đồng xưa nay.
 Có ba mươi lạng trao tay,
 Không dung chi có chuyện này trò kia?
 1165 Rồi ra trở mặt tức thì,
 Bớt lời, liệu chớ giây chi mà đời”.
 Nàng rằng: “Thề thốt nặng lời,
 Có đâu mà lại ra người hiểm sâu”.
 Còn đương suy trước nghĩ sau,
 1170 Mặt mo đã thấy ở đâu dẫn vào.
 Sở Khanh lên tiếng rêu rao:
 “Nọ nghe rằng có con nào ở đây,
 Phao cho quuyến gió rủ mây,
 Hãy xem có biết mặt này là ai?”
 1175 Nàng rằng: “Thôi thế thì thôi,
 Rằng không, thì cũng vâng lời rằng không”.

Sở Khanh quát mắng dùng dùng,
 Bước vào vừa rắp thị hùng ra tay.
 Nàng rằng: “Trời nhẽ có hay!
 1180 Quyến anh rủ yến sự này tại ai?
 Dem người dẩy xuống giếng thơi,
 Nói rồi, rồi lại ăn lời được ngay!
 Còn tiên *tích viết* ở tay,
 Rõ ràng mặt ấy mặt này chứ ai?”
 1185 Lời ngay đông mặt trong ngoài,
 Kể chê bất nghĩa, người cười vô lương.
 Phụ tình, án đã rõ ràng,
 Dơ tuồng, nghỉ mới kiếm đường tháo lui.
 Buồng riêng, riêng những sứt sùi,
 1190 Nghĩ thân mà lại ngậm ngùi cho thân.
 Tiếc thay! Trong giá trắng ngần,
 Đến phong trần, cũng phong trần như ai.
 Tẻ vui cũng một kiếp người,
 Hồng nhan phải giống ở đời mãi ru!
 1195 Kiếp xưa đã vụng đường tu,
 Kiếp này chẳng kéo đền bù mới xuôi.
 Dấu sao bình đã vỡ rồi,
 Lấy thân mà trả nợ đời cho xong.

Vừa tuần nguyệt sáng gương trong,
 1200 Tú bà ghé lại, thông dong dặn dò:
 “Nghề chơi cũng lắm công phu,
 Làng chơi ta phải biết cho đủ điều”.
 Nàng rằng: “Mưa gió dập dìu,
 Liều thân thì cũng phải liều, thế thôi”.
 1205 Mụ rằng: “Ai cũng như ai,
 Người ta ai mất tiền hoài đến đây?
 Ở trong còn lắm điều hay,
 Nỗi đêm khép mở, nỗi ngày riêng chung.
 Này, con thuộc lấy làm lòng,
 1210 Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề.
 Chơi cho liều chán hoa chê,
 Cho lăn lóc đá, cho mê mẩn đời.

Khi khoé hạnh, khi nét ngài,
 Khi ngâm ngời nguyệt, khi cười cợt hoa.
 1215 Đều là nghề nghiệp trong nhà,
 Đủ ngần ấy nét, mới là người soi".
 Gót đầu vâng dạy mấy lời,
 Đường chau nét nguyệt, đường phai vẻ hồng.
 Những nghe nói đã then thùng,
 1220 Nước đời lấm nổi lạ lòng khát khe!
 Xót mình cửa các buồng khuê,
 Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp hay!
 Khéo là mặt dạn mày dày,
 Kiếp người đã đến thế này thì thôi!
 1225 Thương thay! Thân phận lạc loài,
 Dẫu sao, cũng ở tay người, biết sao?
 Lầu xanh mới rủ trướng đào,
 Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người.
 Biết bao bướm lả ong lơ!
 1230 Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.
 Dập dìu, lá gió cành chim,
 Sớm, đưa Tống Ngọc, tối tìm Trường Khanh.
 Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,
 Giật mình, mình lại thương mình xót xa.
 1235 Khi sao phong gấm rủ là,
 Giờ sao tan tác như hoa giữa đường?
 Mặt sao dày gió dạn sương,
 Thân sao bướm chán ong chường bấy thân?
 Mặc người mưa Sở mây Tần,
 1240 Những mình nào biết có xuân là gì.
 Đòi phen, gió tựa hoa kề,
 Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu.
 Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
 Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ?
 1245 Đòi phen nét vẽ câu thơ,
 Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa.
 Vui là vui gượng kẻo là,
 Ai tri âm đó, mặn mà với ai?
 Thờ ơ gió trúc mưa mai,
 1250 Ngẩn ngơ trăm nổi, dùi mài một thân.

- Nỗi lòng đòi đoạn xa gần,
Chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau.
Nhớ ơn chín chữ cao sâu,
Một ngày một ngả bóng dâu tà tà.
- 1255 Dặm nghìn nước thăm non xa,
Nghĩ đâu thân phận con ra thế này!
Sân hòe đôi chút thơ ngây,
Trân cam ai kẻ đỡ thay việc mình?
- 1260 Nhớ lời nguyện ước ba sinh,
Xa xôi, ai có thấu tình chẳng ai?
Khi về hỏi liễu Chương đài,
Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay?
- Tình sâu mong trả nghĩa dày,
Hoa kia đã chấp cánh này cho chưa?
- 1265 Mối tình đòi đoạn vò tơ,
Giấc hương quan luống lẫn mơ canh dài.
Song sa vò võ phương trời,
Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng
- Lần lần thỏ bạc ác vàng,
- 1270 Xót người trong hội Đoạn trường đòi cơn.
Đã cho lấy chữ hồng nhan,
Làm cho cho hại cho tàn cho cân!
Đã dày vào kiếp phong trần,
Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi.
- 1275 Khách du bồng có một người,
Kỳ Tâm họ Thúc, cũng nài thư hương.
Vốn người huyện Tích, châu Thường,
Theo nghiêm đường, mở ngôi hàng Lâm Tri.
- Hoa khô một tiếng Kiều nhi,
1280 Thiếp hồng tìm đến hương khuê gửi vào.
Trướng tô giáp mặt hoa đào,
Vẻ nào chẳng mặn, nét nào chẳng ưa.
- Hải đường mơn mớn cành tơ,
Ngày xuân, càng gió càng mưa càng nồng.
- 1285 Nguyệt hoa hoa nguyệt nảo nùng,
Đêm xuân, ai dễ cầm lòng được chẳng!
Lạ gì thanh khí lễ hằng,
Một dây một buộc, ai giằng cho ra?

- Sớm đào tối mạn lân la,
1290 Trước còn trăng gió, sau ra đá vàng.
Dịp đâu may mắn lạ đường,
Lại vừa gặp khoảng xuân đường lại quê.
Sinh càng một tỉnh mười mê,
Ngày xuân lắm lúc đi về với xuân.
- 1295 Khi gió gác, khi trăng sân,
Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nối thơ.
Khi hương sớm, khi trà trưa,
Bàn vây điểm nước, đường tơ họa đàn.
Miệt mài trong cuộc truy hoan,
1300 Càng quen thuộc nét, càng dan díu tình,
Lạ cho cái sóng khuynh thành,
Làm cho đổ quán xiêu đình như chơi.
Thúc sinh quen thói bốc rời,
Trăm nghìn đổ một trận cười như không.
- 1305 Mụ càng tô lục chuốt hồng,
Máu tham hể thấy hơi đồng là mê.
Dưới trăng quyen đã gọi hè,
Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông.
Buồng the phải buổi thông dong,
1310 Thang lan rủ bức trướng hồng tấm hoa.
Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,
Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên.
Sinh càng tỏ nét càng khen,
Ngụ tình, tay thảo một thiên luật Đường.
- 1315 Nàng rằng: “Vâng biết ý chàng,
Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu.
Hay hèn, lẽ cũng nối điêu,
Nối quê còn một hai điều ngang ngang.
Lòng còn gởi áng mây vàng,
1320 Họa vắn, xin hãy chịu chàng hôm nay”.
Rằng: “Sao nói lạ lòng thay!
Cảnh kia chẳng phải cội này mà ra”.
Nàng càng ủ dột nét hoa,
Đoạn trường lúc ấy nghĩ mà buồn tênh:
- 1325 “Thiếp như hoa đã lìa cành,
Chàng như con bướm lượn vành mà chơi.

- Chúa xuân đành đã có nơi,
Ngấn ngày, thôi chớ dài lời làm chi!”
- 1330 Sinh rằng: “Từ thừa tương tri,
Tám riêng, riêng những nặng vì nước non.
Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông”.
Nàng rằng: “Muôn đội ơn lòng,
Chút e bên thú bên tòng dễ đâu.
- 1335 “Bình Khang nấn ná bấy lâu,
Yêu hoa, yêu được một màu điểm trang.
Rồi ra lạt phấn phai hương,
Lòng kia giữ được thường thường mãi chẳng?
Vả trong thêm quế cung trắng,
- 1340 Chủ trương đành đã chị Hằng ở trong.
Bây giờ khăng khít dải đồng,
Thêm người, người cũng chia lòng riêng tây.
Vẽ chi chút phận bèo mây,
Làm cho bể ái khi đầy khi vơi.
- 1345 Trăm điều ngang ngửa vì tôi,
Thân sau ai chịu tội trời ấy cho?
Như chàng có vững tay co,
Mười phần, cũng đắp điểm cho một vài.
Thế trong dù lớn hơn ngoài,
- 1350 Trước hàm sư tử, gửi người đằng la.
Cúi đầu, luồn xuống mái nhà,
Dấm chua lại tội bằng ba lửa nồng.
Ở trên còn có nhà thung,
Lượng trên trông xuống, biết lòng có thương?
- 1355 Sá chi liễu ngô hoa tường,
Lầu xanh lại bỏ ra phường lầu xanh.
Lại càng dơ dáng đại hình,
Đành thân phận thiếp, ngại danh giá chàng.
Thương sao cho vẹn thì thương,
- 1360 Tính sao cho trọn mọi đường xin vâng”.
Sinh rằng: “Hay nói dè chừng,
Lòng đây lòng đấy chưa từng hay sao?
Đường xa chớ ngại Ngô Lào,
Trăm điều, hãy cứ trông vào một ta.

- 1365 Đã gần chi có điều xa,
Đá vàng đã quyết, phong ba cũng liều”.
Cùng nhau căn vặn đến điều,
Chỉ non thể bể, nặng gieo đến lời.
Nỉ non, đêm đến tình dài,
1370 Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm gương.
Mượn điều trúc viện thừa lương.
Rước về, hãy tạm giấu nàng một nơi.
Chiến, hòa, sắp sẵn hai bài,
Cậy tay thầy thợ, mượn người dò la.
1375 Bắn tin đến mặt Tú bà,
Thua cơ, mụ cũng cầu hòa, dám sao!
Rõ ràng của dẫn tay trao,
Hoàn lương một thiệp thân vào cửa công.
Công tư hai lẽ đều xong,
1380 Gót tiên phút đã thoát vòng trần ai.
Một nhà sum họp trúc mai,
Càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông.
Hương càng đượm, lửa càng nồng;
Càng sôi vẻ ngọc, càng lỏng màu sen.
- 1385 Nửa năm, hơi tiếng vừa quen,
Sân ngô cảnh biếc đã chen lá vàng.
Giậu thu mới nẩy giò sương,
Gối yên đã thấy xuân đường tới nơi.
Phong lôi nổi trận bồi bồi,
1390 Nặng lòng e ấp, tính bài phân chia.
Quyết ngay biện bạch một bề,
Dạy cho má phấn lại về lầu xanh.
Thấy lời nghiêm huấn rành rành,
Đánh liều, sinh mới lấy tình nài kêu.
1395 Rằng: “Con biết tội đã nhiều,
Dẫu rằng sấm sét búa rìu cũng cam.
Trót vì tay đã nhúng chàm,
Dại rồi, còn biết khôn làm sao đây!
Cùng nhau vả tiếng một ngày,
1400 Ôm cầm, ai nữ dứt dây cho đành.

Lượng trên quyết chẳng thương tình,
 Bạc đen, thôi có tiếc mình làm chi!"
 Thấy lời sắt đá tri tri,
 Sốt gan, ông mới cáo quì cửa công.
 1405 Đất bằng nổi sóng dùn dùn,
 Phủ đường sai lá phiếu hồng thôi tra.
 Cùng nhau theo gót sai nha.
 Song song vào trước sân hoa lay quì.
 Trông lên mặt sắt đen sì,
 1410 Lập nghiêm, trước đã ra uy nặng lời:
 "Gã kia đại nết chơi bời,
 Mà con người thế là người đong đưa!
 Tuồng chi hoa thái hương thừa,
 Mượn màu son phấn đánh lừa con đen.
 1415 Suy trong tình trạng bên nguyên,
 Bề nào thì cũng chưa yên bề nào.
 Phép công chiếu án luận vào,
 Có hai đường ấy, muốn sao mặc mình:
 "Một là cứ phép gia hình,
 1420 Hai là lại cứ lầu xanh phó về".
 Nàng rằng: "Đã quyết một bề,
 Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần!
 Đục trong thân cũng là thân,
 Yếu thơ vâng chịu trước sân lôi đình".
 1425 Dạy rằng: "Cứ phép gia hình!"
 Ba cây chập lại một cành mẩu đơn.
 Phận đành chi dám kêu oan,
 Đào hoen quện má, liễu tan tác mày.
 Một sân lấm cát đã đầy,
 1430 Gương lờ nước thủy, mai gầy vóc sương.
 Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,
 Nẻo xa trông thấy, lòng càng xót xa.
 Khóc rằng: "Oan khóc vì ta,
 Có nghe lời trước, chẳng đà lụy sau!
 1435 Cạn lòng chẳng biết nghĩ sâu,
 Để ai trắng túi hoa sầu vì ai?"
 Phủ đường nghe thoảng vào tai,
 Động lòng lại gạn đến lời riêng tây.

- 1440 Sút sùi, chàng mới thưa ngay,
Đầu đuôi kể lại sự ngày cầu thân:
“Nàng đà tính hết xa gần.
Từ xưa, nàng đã biết thân có rày.
Tại tôi hứng lấy một tay,
Để nàng cho đến nỗi này vì tôi”.
- 1445 Nghe lời nói cũng thương lời,
Dẹp uy, mới dạy cho bài giải vi.
Rằng: “Như hửn có thế thì,
Trắng hoa, song cũng thị phi biết điều”.
Sinh rằng: “Chút phận bọt bèo,
1450 Theo đòi cả cũng ít nhiều bút nghiên”.
Cười rằng: “Đã thế thì nên,
Mộc già, hãy thử một thiên trình nghề!”
Nàng vâng cất bút tay đề,
Tiên hoa trình trước án phê xem tường.
- 1455 Khen rằng: “Giá đáng Thịnh Đường,
Tài này sắc ấy, nghìn vàng chưa cân.
Thật là tài tử giai nhân,
Châu trần còn có Châu Trần nào hơn!
Thôi đừng rước dữ cứu hờn,
1460 Làm cho lỗ nhịp cho đàn ngang cung.
Đã đưa đến trước cửa ông,
Ngoài thì là lý, song trong là tình.
Dâu con trong đạo gia đình,
Thôi thì dẹp nổi bất bình là xong”.
- 1465 Kíp truyền sắm sửa lễ công,
Kiệu hoa cất gió, đuốc hồng ruổi sao.
Bày hàng cổ xúy xôn xao,
Song song đưa tới tường đào sánh đôi.
Thương vì hạnh, trọng vì tài.
- 1470 Thúc ông thôi cũng dẹp lời phong ba.
Huệ lan sức nước một nhà,
Từng cay đắng, lại mặn mà hơn xưa.

Mảng vui rượu sớm cờ trưa,
Đào đà phai thắm, sen vừa nảy xanh.

1475 Trướng hồ vắng vẻ đêm thanh,
 E tình, nàng mới bày tình riêng chung:
 “Phận bồ từ vẹn chữ tòng,
 Đổi thay nhận yến đã hồng đầy niên.
 Tin nhà ngày một vắng tin
 1480 Mặn tình cát lũy lạt tình tao khang”.
 Nghĩ ra thật cũng nên đường,
 “Tăm hơi ai kẻ giữ giàng cho ta?
 Trộm nghe kẻ lớn trong nhà,
 Ở vào khuôn phép, nói ra mỗi giường.
 1485 E thay! Những dạ phi thường,
 Dễ dò rốn bể, khôn lường đáy sông!
 Mà ta suốt một năm ròng,
 Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào.
 Bấy chầy chưa tỏ tiêu hao,
 1490 Hoặc là, trong có làm sao chẳng là?
 Xin chàng kịp liệu lại nhà,
 Trước người đẹp ý, sau ta biết tình.
 Đêm ngày giữ mực giấu quanh,
 Rày lần mai lửa, như hình chưa thông”.
 1495 Nghe lời khuyên nhủ thông dong,
 đành lòng, sinh mới quyết lòng hồi trang.
 Rạng ra gửi đến xuân đường,
 Thúc ông cũng vội giục chàng ninh gia.
 Tiễn đưa một chén quan hà,
 1500 Xuân Đình thoát đã đổi ra Cao Đình.
 Sông Tân một dải xanh xanh,
 Loi thoi bờ liễu mấy cành Dương Quan.
 Cầm tay, dài thở ngán than,
 Chia phôi ngừng chén, hợp tan nghẹn lời.
 1505 Nàng rằng: “Non nước xa khơi,
 Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm.
 Dễ lừa yếm thắm tròn kim,
 Làm chi bùng mắt bắt chim khó lòng!
 Đôi ta chút nghĩa đèo bông,
 1510 Đến nhà, trước liệu nói sòng cho mình.
 Dù khi sóng gió bất tình,
 Lớn ra uy lớn, tôi đành phận tôi.

Hơn điều giấu ngược giấu xuôi,
 Lại mang những việc tầy trời đến sau.
 1515 Thương nhau, xin nhớ lời nhau,
 Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy.
 Chén đưa, nhớ bữa hôm nay,
 Chén mừng, xin đợi ngày này năm sau".
 Người lên ngựa, kẻ chia bào,
 1520 Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.
 Dặm hồng bụi cuốn chinh an,
 Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.
 Người về, chiếc bóng năm canh,
 Kẻ đi, muôn dặm một mình xa xôi.
 1525 Vừng trăng ai xẻ làm đôi?
 Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường!

Kể chi những nỗi dọc đường.
 Buồng trong này nỗi chủ trương ở nhà.
 Vốn dòng họ Hoạn danh gia,
 1530 Con quan Lại bộ tên là Hoạn Thư.
 Duyên Đàng thuận nẻo gió đưa,
 Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.
 Ở ăn, thì nét cũng hay,
 Nói điều ràng buộc, thì tay cũng già.
 1535 Từ nghe vườn mới thêm hoa,
 Miệng người đã lấm, tin nhà thì không.
 Lửa tâm càng dập càng nồng,
 Trách người đen bạc ra lòng trắng hoa.
 Ví bằng thú thật cùng ta,
 1540 Cũng dung kẻ dưới mới là lượng trên.
 Dại chi chẳng giữ lấy nền?
 Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình?
 Lại còn bùng bít giấu quanh,
 Làm chi những thói trẻ ranh nực cười!
 1545 Tính rằng cách mặt khuất lời,
 Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho!
 Lo gì việc ấy mà lo,
 Kiến trong miệng chén lại bỏ đi đâu?

1550 Làm cho nhìn chẳng được nhau,
 Làm cho đầy đọa cát đầu chẳng lên.
 Làm cho trông thấy nhân tiên.
 Cho người thăm ván bán thuyền biết tay!
 Nỗi lòng kín chẳng ai hay,
 Ngoài tai để mặc gió hay mé ngoài.
 1555 Tuần sau, bỗng thấy hai người,
 Mách tin, ý cũng liệu bài tâng công.
 Tiểu thư nổi giận dùng dùng:
 “Gớm tay thêu dệt ra lòng treu người!
 Chồng tao nào phải như ai,
 1560 Điều này hẩn miệng những người thị phi!”
 Vội vàng, xuống lệnh ra uy,
 Đứa thì vả miệng, đứa thì bẻ răng.
 Trong ngoài kín mít như bưng,
 Nào ai còn dám nói năng một lời!
 1565 Buồng đào, khuya sớm thanh thoi.
 Ra vào, một mực nói cười như không.
 Đêm ngày lòng những dạn lòng,
 Sinh đà về đến lầu hồng xuống yên.
 Lời tan hợp, nổi hàn huyền,
 1570 Chữ tình càng mặn, chữ duyên càng nồng.
 Tẩy trần, vui chén thông dong,
 Nỗi lòng ai ở trong lòng mà ra?
 Chàng về, xem ý tứ nhà,
 Sự mình cũng rắp lân la giải bày.
 1575 Mấy phen cười nói tỉnh say,
 Tóc tơ bất động mấy may sự tình.
 Nghĩa đà bưng kín miệng bình,
 Nào ai có khẩu mà mình lại xưng?
 Những là e ấp, dùng dằng,
 1580 Rút dây, sợ nữa động rừng, lại thôi.
 Có khi vui chuyện mua cười,
 Tiểu thư lại giở những lời dẫu dẫu.
 Rằng: “Trong ngọc đá vàng thau,
 Mười phần, ta đã tin nhau cả mười.
 1585 Khen cho những miệng đông dài,
 Bướm ong lại đặt những lời nọ kia,

Thiếp dù vụng chảnh hay suy,
 Đã dơ bụng nghĩ, lại bìa miệng cười".
 Thấy lời thủng thỉnh như chơi,
 1590 Thuận lời, chàng cũng nói xuôi đỡ đòn,
 Những là cười phấn cợt son,
 Đèn khuya chung bóng trắng tròn sánh vai,
 Thú quê thuần hức bén mùi,
 Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô.
 1595 Chạnh niềm nhớ cảnh giang hồ,
 Một màu quan tái, bốn mùa gió trắng.
 Tình riêng chưa dám rĩ rãng.
 Tiểu thư trước đã liệu chừng nhủ qua:
 "Cách năm mây bạc xa xa
 1600 Lâm Tri cũng phải tính mà thần hôn".
 Được lời như cổ tức son,
 Vó câu thẳng ruổi nước non quê người.
 Long lanh đáy nước in trời,
 Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.
 1605 Roi câu vừa dóng dặm trường,
 Xe hương nàng cũng thuận đường quy ninh.
 Thưa nhà huyền hết mọi tình,
 Nỗi chàng ở bạc, nỗi mình chịu đen.
 "Nghĩ rằng: ngựa ghẻ hờn ghen,
 1610 Xấu chàng, mà có ai khen chi mình!
 Vậy nên ngánh mặt làm thinh,
 Mưu cao vốn đã rắp ranh những ngày.
 Lâm Tri đường bộ tháng chầy,
 Mà đường hải đạo sang ngay thì gần.
 1615 Dọn thuyền lựa mặt gia nhân,
 Hãy đem dây xích buộc chân nàng về.
 Làm cho cho mệt, cho mê,
 Làm cho đau đớn ê chề cho coi.
 Trước cho bỏ ghét những người,
 1620 Sau cho để một trò cười về sau".
 Phu nhân khen chúc rất mầu,
 Chiều con, mới dạy mặc dầu ra tay.
 Sửa sang buồm gió lèo mây,
 Khuyến, Ứng lại chọn một bầy côn quang.

1625 Dặn dò hết các mọi đường,
 Thuận phong một lá vượt sang bến Tề.
 Nàng từ chiếc bóng song the,
 Đường kia nổi nọ như chia mối sầu.
 Bóng dâu đã xế ngang đầu,
 1630 Biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi?
 Tóc thề đã chấm ngang vai,
 Nào lời non nước, nào lời sắt son?
 Sấn bìm chút phận con con.
 Khuôn duyên biết có vuông tròn cho chăng?
 1635 Thân sao nhiều nỗi bất bằng!
 Liều như cung Quảng ả Hằng nghĩ nao!
 Đêm thu, gió lọt song đào,
 Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời.
 Nén hương đến trước Thiên đài,
 1640 Nỗi lòng khẩn chữa cạn lời vân vân.
 Dưới hoa, dậy lũ ác nhân
 Âm âm khốc quỷ kinh thần mọc ra.
 Đầy sân, gươm tuốt sáng lòe,
 Thất kinh, nàng chữa biết là làm sao,
 1645 Thuốc mê đâu đã tưới vào,
 Mơ màng như giấc chiêm bao, biết gì?
 Vực ngay lên ngựa tức thì,
 Buồng đào viện sách bốn bể lửa dong.
 Sấn thầy vô chủ bên sông
 1650 Đem vào để đó lộn sông ai hay?
 Tôi đòi phách lạc hồn bay,
 Pha càn bụi cỏ gốc cây ẩn mình.
 Thúc ông nhà cũng gần quanh,
 Chợt trông ngọn lửa, thất kinh rụng rời
 1655 Tớ thấy chạy thẳng đến nơi,
 Tơ bởi tưới lửa, tìm người lao xao.
 Gió cao, ngọn lửa càng cao,
 Tôi đòi tìm đủ, nàng nào thấy đâu.
 Hốt hơ hốt hải nhìn nhau,
 1660 Giếng sâu bụi rậm trước sau tìm quàng.
 Chạy vào chốn cũ phòng hương,
 Trong tro thấy một đồng xương cháy tàn.

- Ngay tình ai biết mưu gian,
Hắn nàng thôi, lại còn bàn rằng ai?
- 1665 Thúc ông sùi sụt ngắn dài,
Nghĩ con vắng vẻ, thương người nét na.
 Di hài nhật sắp về nhà,
Nào là khâm liệm, nào là tang trai
 Lễ thường đã đủ một hai,
- 1670 Lục trình chàng cũng đến nơi bây giờ.
 Bước vào chốn cũ lâu thơ,
Tro than một đồng, nắng mưa bốn tường.
 Sang nhà cha, tới trung đường,
Linh sàng, bài vị thờ nàng ở trên.
- 1675 Hỡi ơi! Nói hết sự duyên,
Tơ tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan.
 Gieo mình vật vã khóc than:
"Con người thế ấy, thác oan thế này!
 Chắc rằng mai trúc lại vậy,
- 1680 Ai hay vĩnh quyết là ngày đưa nhau!"
 Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau,
Để ai rắp thăm quạt sấu cho khuây.
 Gần miền, nghe có một thầy,
Phi phù trí quý, cao tay thông huyền.
- 1685 Trên Tam bảo, dưới Cửu tuyên,
Tìm đâu thì cũng biết tin rõ ràng
 Sấm sanh lễ vật rước sang,
Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi han.
 Đạo nhân phục trước tĩnh đàn.
- 1690 Xuất thần giây phút chưa tàn nén hương
 Trở về, minh bạch nói tường:
"Mặt nàng chẳng thấy, việc nàng đã tra.
 Người này nặng nghiệp oan gia,
Còn nhiều nợ lắm, sao đà thác cho!
- 1695 Mệnh cung đang mắc nạn to,
Một năm nữa mới thăm dò được tin.
 Hai bên giáp mặt chiến chiến,
Muốn nhìn, mà chẳng dám nhìn lạ thay!"
 Nghe lời nói lạ dường này,
- 1700 Sự nàng đã thế, lời thầy dám tin!

Chẳng qua đồng cốt quàng xiên,
Người đâu mà lại thấy trên cõi trần?
Tiếc hoa, những ngậm ngùi xuân,
Thân này dễ lại mấy lần gặp tiên!

- 1705 Nước trôi hoa rụng đã yên,
Hay đâu địa ngục ở miền nhân gian!
 Khuyển, Ưng đã đất mưu gian,
Vực nàng, đưa xuống để an dưới thuyền.
 Buồm, cao lèo thẳng cánh suyền,
1710 Đè chừng huyện Tích, băng miền vượt sang.
 Dỡ dò, lên trước sảnh đường,
Khuyển, Ưng hai đứa nộp nàng dâng công,
Vực nàng tạm xuống môn phòng,
Hãy còn thêm thiếp giấc nồng chưa phai,
1715 Hoàng lương chợt tỉnh hồn mai,
Cửa nhà đâu mất, lâu đài nào đây?
 Bàng hoàng, dở tỉnh dở say,
Sảnh đường vắng tiếng đòi ngay lên hầu.
 A hoàn liền xuống giục mau,
1720 Hãi hùng, nàng mới theo sau một người.
 Ngược trông tòa rộng dây dài.
“Thiên quan trùng tể” có bài treo trên.
 Ban ngày sáp thắp hai bên.
Giữa giường thất bảo ngồi trên một bà,
1725 Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra,
Sự mình nàng phải cứ mà gửi thưa.
 Bất tình, nổi trận mây mưa.
Diếc rằng: “Những giống bơ thờ quen thân.
 Con này chẳng phải thiện nhân,
1730 Chẳng phường trốn chúa, thì quân lộn chồng.
 Ra tuồng mèo mả gà đồng,
Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào.
 Đã đem mình bán cửa tao,
Lại còn khùng khỉnh làm cao thế này!
1735 Nào là gia pháp nọ bay!
Hãy cho ba chục biết tay một lần”.

- A hoàn trên dưới dạ rân.
 Dầu rằng trăm miệng khôn phân lẽ nào.
 Trúc côn ra sức đập vào,
 1740 Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh?
 Xót thay! Đào lý một cành,
 Một phen mưa gió, tan tành một phen.
 Hoa Nô truyền dạy đổi tên,
 Buồng the dạy ép vào phiên thị tì.
 1745 Ra vào theo lữ thanh y,
 Dãi dầu tóc rối da chì quần bao!
 Quần gia có một mụ nào,
 Thấy người thấy nét ra vào mà thương.
 Khi chè chén, khi thuốc thang,
 1750 Đem lời, phương tiện, mở đường hiếu sinh
 Dạy rằng: “May rủi đã đành,
 Liễu bồ, mình giữ lấy mình cho hay.
 Cũng là oan nghiệp chi đây,
 Sa cơ mới đến thế này, chẳng dung.
 1755 Ở đây, tai vách mạch rừng,
 Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi.
 Kéo khi sấm sét bất kỳ,
 Con ong cái kiến kêu gì được oan!”
 Nàng càng giọt ngọc như chan,
 1760 Nỗi lòng lũng những bàn hoàn niêm tây.
 Phong trần kiếp đã chịu đầy
 Lầm than lại có thứ này bằng hai!
 Phận sao bạc chẳng vừa thôi?
 Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng nhan!
 1765 Đã đành túc trái tiền oan,
 Cũng liễu ngọc nát hoa tàn mà chi!
 Những là nường nấu qua thử,
 Tiểu thư phải buổi mới về ninh gia.
 Mẹ con trò chuyện lân la,
 1770 Phu nhân mới gọi nàng ra dạy lời:
 “Tiểu thư dưới trướng thiếu người,
 Cho về bên ấy theo đòi lầu trang”.
 Lĩnh lời nàng mới theo sang,
 Biết đâu địa ngục thiên đường là đâu?

- 1775 Sớm khuya khăn mặt lược đầu,
Phận con hầu, giữ con hầu, dám sai?
Phải đêm êm ả chiều trời,
Trúc tơ hỏi đến nghề chơi mọi ngày.
- 1780 Lĩnh lời nàng mới lựa dây,
Nỉ non thánh thót dễ say lòng người.
Tiểu thư xem cũng thương tài,
Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân
Cửa người đầy dọa chút thân,
Sớm năn nỉ bóng, đêm ân hận lòng.
- 1785 Lâm Tri chút nghĩa đèo bông,
Nước non để chữ tương phùng kiếp sau.
Bốn phương mây trắng một màu,
Trông vời cố quốc, biết đâu là nhà?
Lần lần tháng lộn ngày qua,
1790 Nỗi gần nào biết đường xa thế này!
- Lâm Tri từ thừa uyên bay,
Phòng không thương kẻ thác ngày chiếc thân.
Mây ai trắng mới in ngần,
Phấn thừa hương cũ bội phần xót xa.
- 1795 Sen tàn, cúc lại nở hoa,
Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang xuân.
Tìm đâu cho thấy cố nhân?
Lấy câu vận mệnh khuấy dân nhớ thương.
Chạnh niềm nhớ cảnh gia hương,
1800 Nhớ quê, chàng lại tìm đường thăm quê.
Tiểu thư đón cửa đã đề,
Hàn huyền vừa cạn mọi bề gần xa.
Nhà hương cao cuốn bức là.
Buồng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng.
- 1805 Bước ra... một bước một dừng.
Trông xa, nàng đã tỏ chừng nẻo xa,
Phải rằng nắng quáng đèn lò.
Rõ ràng ngồi đó chẳng là Thúc sinh?
Bây giờ tình mới tỏ tình,
- 1810 Thôi thôi, đã mắc vào vành chẳng sai!

Chúc đâu có chúc lạ đời!
 Người đâu mà lại có người tinh ma!
 Rõ ràng thật lứa đôi ta,
 Làm ra con ở chúa nhà đôi nơi.
 1815 Bề ngoài thơn thớt nói cười
 Mà trong nham hiểm giết người không dao!
 Bây giờ, đất thấp trời cao.
 Ăn làm sao, nói làm sao, bây giờ?
 1820 Càng trông mặt, càng ngẩn ngơ,
 Ruột tầm đòi đoạn, như tơ rối bời.
 Sợ uy, dám chẳng vâng lời,
 Cúi đầu, nép xuống sân mai một chiều.
 Sinh đà phách lạc hồn xiêu.
 1825 Thương ôi! Chẳng phải nàng Kiều ở đây?
 Nhân làm sao đến thế này?
 Thôi thôi, ta đã mắc tay ai rồi!
 Sợ quen, dám hờ ra lời?
 Khôn ngăn giọt ngọc sụt sùi nhỏ sa.
 1830 Tiểu thư trông mặt hỏi tra:
 “Mới về, có việc chi mà động dung?”
 Sinh rằng: “Hiếu phục vừa xong,
 Suy lòng trắc Dĩ, đau lòng chung thiên”.
 Khen rằng: “Hiếu tử đã nên!
 1835 Tẩy trần, mượn chén giải phiền đêm thu”.
 Vợ chồng chén tạc chén thù,
 Bất nàng đứng chực trì hồ hai nơi.
 Bất khoan bất nhật đến lời,
 Bất quì tận mặt, bất mời tận tay.
 1840 Sinh càng như đại như ngây,
 Giọt dài giọt ngắn, chén đầy chén vơi.
 Ngảnh đi, chợt nói chợt cười,
 Cáo say, chàng đã giạm bài lảng ra.
 Tiểu thư vội thét: “Con Hoa!
 1845 Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn”.
 Sinh càng nát ruột tan hồn.
 Chén mời phải ngậm bồ hòn ráo ngay.
 Tiểu thư cười nói tỉnh say,
 Chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi.

1850 Rằng: “Hoa Nô đủ mọi tài,
 Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe”.
 Nàng đà tán hoán tê mê,
 Vâng lời, ra trước bình the vắn đàn.
 Bốn dây như khóc như than,
 Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng.
 1855 Cùng trong một tiếng tơ đồng,
 Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm!
 Giọt châu lã chã khôn cầm,
 Cúi đầu, chàng những gạt thấm giọt Tương.
 Tiểu thư lại thét lấy nàng:
 1860 “Cuộc vui gảy khúc đoạn trường ấy chi!
 Sao chẳng biết ý tứ gì?
 Cho chàng buồn bã, tội thì tại người”.
 Sinh càng thảm thiết bồi hồi,
 Vội vàng gượng nói gượng cười cho qua.
 1865 Giọt rồng canh đã điểm ba,
 Tiểu thư nhìn mặt dường đà cam tâm.
 Lòng riêng tấp tểnh mừng thầm:
 “Vui này đã bỏ đau ngấm xưa nay!”
 Sinh thì gan héo ruột đầy,
 1870 Nỗi lòng càng nghĩ, càng cay đắng lòng.
 Người vào chung gối loan phòng,
 Nàng ra tựa bóng, đèn chong canh dài.
 Bây giờ mới rõ tâm hơi,
 Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen!
 1875 Chúc đâu rẽ thúy chia uyên,
 Đã ra đường ấy, ai nhìn được ai?
 Bây giờ một vực một trời,
 Hết điều khinh trọng, hết lời thị phi.
 Nhẹ như bấc, nặng như chì,
 1880 Gỡ cho ra nữa, còn gì là duyên?
 Lỡ làng chút phận thuyền duyên,
 Bể sâu sóng cả có tuyền được vay?
 Một mình âm ỉ đêm chầy,
 Đĩa dầu vơi, nước mắt đầy, năm canh.

- 1885 Sớm khuya, hầu hạ dài doanh,
Tiểu thư chạm mặt, đề tình hỏi tra.
Lựa lời, nàng mới thưa qua:
Phải khi mình lại xót xa nỗi mình.
Tiểu thư hỏi lại Thúc sinh:
- 1890 “Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao”.
Sinh đà rất ruột như bào,
Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng đang.
Những e lại lụy đến nàng,
Phô sòng, mới sẽ lựa đường hỏi tra.
- 1895 Cúi đầu, quì trước sân hoa
Thân cung nàng mới thảo qua một tờ.
Diện tiền trình với tiểu thư;
Thoắt xem dường có ngấn ngơ chút tình.
Liền tay trao lại Thúc sinh,
- 1900 Rằng: “Tài nên trọng, mà tình nên thương.
Ví chẳng có số giàu sang.
Giá này dầu đúc nhà vàng cũng nên!
Bể trần chìm nổi thuyền duyên,
Hữu tài, thương nổi vô duyên lạ đời!”
- 1905 Sinh rằng: “Thật có như lời,
Hong nhan bạc mệnh một người nào vay!
Nghìn xưa âu cũng thế này,
Từ bi âu liệu bớt tay mới vừa”.
Tiểu thư rằng: “Ý trong tờ,
- 1910 Rắp đem mệnh bạc xin nhờ cửa không.
Thôi thì thôi cũng chiều lòng,
Cũng cho khỏi lụy trong vòng bước ra.
Sấn Quan Âm Các vườn ta,
Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa.
- 1915 Có thảo thụ, có sơn hồ,
Cho nàng ra đó giữ chùa tụng kinh”.
Tưng tưng trời mới bình minh,
Hương hoa ngũ cúng sắm sanh lễ thường.
Đưa nàng đến trước Phật đường,
- 1920 Tam quy ngũ giới cho nàng xuất gia.
Áo xanh đổi lấy cà sa,
Pháp danh lại đổi tên ra Trạc Tuyên.

Sớm khuya tính đủ dầu đèn,
 Xuân, Thu cắt sẵn hai tên hương trà.
 1925 Nàng từ lánh gót vườn hoa,
 Đường gần rừng tía, đường xa bụi hồng.
 Nhân duyên đâu lại còn mong?
 Khỏi điều then phấn tử hồng thì thôi.
 Phật tiên thăm rắp sấu vùi
 1930 Ngày pho thủ tự, đêm nôi tâm hương.
 Cho hay giọt nước cành dương,
 Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên.
 Nâu sông từ trở màu thiên,
 Sân thu trắng đã vài phen đứng đầu.
 1935 Quan phòng then nhật lưới mau,
 Nói lời trước mặt, rơi châu vắng người.
 Gác kinh, viện sách đôi nơi,
 Trong gang tấc lại gấp mười quan san.
 Những là ngậm thở ngùi than,
 1940 Tiểu thư phải buổi vấn an về nhà
 Thừa cơ, sinh mới lén ra,
 Xăm xăm đến mé vườn hoa với nàng.
 Sụt sùi, giở nỗi đoạn trường,
 Giọt châu tầm tã đượm tràng áo xanh:
 1945 “Đã cam chịu bạc với tình,
 Chúa xuân để tội một mình cho hoa!
 Thấp cơ, thua trí đàn bà.
 Trông vào đau ruột, nói ra ngại lời.
 Vì ta nên lụy đến người,
 1950 Cát lăm ngọc trắng, thiệt đời xuân xanh,
 Quản chi lên thác xuống ghềnh,
 Cũng toan sống thác với tình cho xong.
 Tông đường chút chữa cam lòng.
 Cấn răng, bẻ một chữ đồng làm hai.
 1955 Then mình đá nát vàng phai,
 Trăm thân dễ chuộc một lời được sao!”
 Nàng rằng: “Chiếc bách sóng đào,
 Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi may.
 Chút thân quần quai vũng lầy.
 1960 Sống thừa còn tưởng đến rày nữa sao!

- Cũng liêu một giọt mưa rào,
Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay!
Xót vì cầm đã bén dây,
Chẳng trăm năm, cũng một ngày duyên ta.
- 1965 Liều bài mở cửa cho ra.
Ấy là tình nặng, ấy là ơn sâu”.
- Sinh rằng: “Riêng tưởng bấy lâu,
Lòng người nham hiểm biết đâu mà lường?
Nữa khi giông tố phũ phàng,
- 1970 Thiệt riêng đấy, cũng lại càng cực đây.
Liệu mà xa chạy cao bay,
Ái ân ta có ngần này mà thôi!
- Bây giờ kẻ ngược người xuôi,
Biết bao giờ lại nối lời nước non?
- 1975 Dẫu rằng sông cạn đá mòn,
Con tằm đến thác cũng còn vương tơ”.
- Cùng nhau kể lể sau xưa,
Nói rồi lại nói, lời chưa hết lời.
- Mặt trông tay chẳng nở rời,
1980 Hoa tì đã động tiếng người nẻo xa.
- Nhìn ngừng nuốt tủi đứng ra,
Tiểu thư đâu đã rẽ hoa bước vào.
- Cười cười nói nói ngọt ngào,
Hỏi: “Chàng mới ở chốn nào lại chơi?”
- 1985 Dối quanh, sinh mới liêu lời:
“Tìm hoa quá bước, xem người viết kinh”.
- Khen rằng: “Bút pháp đã tinh,
So vào với thiếp Lan Đình nào thua!
- Tiếc thay! Lưu lạc giang hồ,
1990 Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài”.
- Thiên trà cạn nước hồng mai
Thong dong nối gót thư trai cùng về.
- Nàng càng e lệ ử ê,
Rỉ tai hỏi lại hoa tì trước sau.
- 1995 Hoa rằng: “Bà đến đã lâu,
Dón chân đứng núp, độ đâu nửa giờ.
- Rành rành kẻ tóc chân tơ,
Mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường:

Bao nhiêu đoạn khổ tình thương,
 2000 Nỗi ông vật vã, nỗi nàng thở than.
 Ngăn tôi, đứng lại một bên,
 Chán tai, rồi mới bước lên trên lầu”.
 Nghe thôi, kinh hãi xiết đâu,
 “Đàn bà thế ấy, thấy âu một người!
 2005 Ấy mới gan, ấy mới tài!
 Nghĩ càng thêm nổi sồn gai rụng rời.
 Người đâu sâu sắc nước đời.
 Mà chàng Thúc phải ra người bó tay,
 Thực tang, bắt được đường này,
 2010 Máu ghen ai cũng chau mày nghiêng rặng
 Thế mà im, chẳng dãi dằng,
 Chào mời vui vẻ, nói năng dịu dàng.
 Giận dầu, là dạ thế thường,
 Cười dầu, mới thực khôn lường hiểm sâu!
 2015 Thân ta, ta phải lo âu,
 Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này.
 Ví chẳng chấp cánh cao bay,
 Rào cây, lâu cũng có ngày bẻ hoa.
 Phận bèo, bao quản nước sa,
 2020 Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh.
 Chín e quê khách một mình,
 Tay không chưa dễ tìm vành ấm no”.
 Nghĩ đi nghĩ lại, quanh co,
 Phật tiền sẵn có mọi đồ kim ngân
 2025 Bên mình giắt để hộ thân,
 Lăn nghe canh đã một phần trống ba.
 Cát mình qua ngọn tường hoa,
 Lăn đường theo bóng trăng tà về Tây.

 Mịt mù dặm cát đôi cây,
 2030 Tiếng gà điểm nguyệt, dấu giầy cầu sương.
 Canh khuya, thân gái dặm trường
 Phần e đường sá, phần thương dãi dầu.
 Trời Đông vừa rặng ngàn dâu.
 Bơ vơ nào đã biết đâu là nhà?

2035 Chùa đâu trông thấy néo xa,
Rành rành “Chiêu Ân Am” ba chữ bài.
 Xăm xăm, gõ mé cửa ngoài,
Trụ trì nghe tiếng rước mời vào trong.
 Thấy màu ăn mặc nâu sồng,
2040 Giác Duyên sư trưởng lành lòng liền thương.
 Gạn gùng ngành ngọn cho tường,
Lạ lòng nàng hãy tìm đường nói quanh:
 “Tiểu thiên quê ở Bắc Kinh.
“Quy sư, quy Phật, tu hành bấy lâu.
2045 Bản sư rồi cũng đến sau,
Dạy đưa pháp bảo sang hầu sư huynh”.
 Rày vâng diện hiến rành rành,
Chuông vàng khánh bạc bên mình giở ra.
 Xem qua sư mới dạy qua,
2050 “Phải nơi Hằng Thủy là ta hậu tình.
 Chín e đường xá một mình,
Ở đây chờ đợi sư huynh ít ngày”.
 Gửi thân được chốn am mây,
Muối dưa đắp đổi, tháng ngày thông dong.
2055 Kệ kinh câu cũ thuộc lòng,
Hương đèn việc cũ, trai phòng quen tay.
 Sớm khuya lá bối phiến mây,
Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương.
 Thấy nàng thông tuệ khác thường,
2060 Sư càng nể mặt, nàng càng vững chân.

 Cửa chiền vừa cũ cuối xuân,
Bóng hoa đầy đất, vẽ ngân ngang trời,
 Gió quang mây tạnh thanh thơi,
Có người đàn việt lên chơi cửa già.
2065 Giở đồ chuông khánh xem qua,
Khen rằng: “Khéo giống của nhà Hoạn nương”.
 Giác Duyên thực ý lo lường,
Đêm thanh mới hỏi lại nàng trước sau.
 Nghĩ rằng khôn nổi giấu mầu,
2070 Sự mình nàng mới gót đầu bày ngay:

“Bấy giờ sự đã dường này,
 Phận hèn dù rủi dù may tại người”.
 Giác Duyên nghe nói rụng rời.
 Nửa thương nửa sợ, bồi hồi chẳng xong.
 2075 Rỉ tai mới kể sự lòng:
 “Ở đây cửa Phật là không hẹp gì.
 E chẳng những sự bất kỳ,
 Để nàng cho đến thế thì cũng thương.
 2080 Lánh xa, trước liệu tìm đường,
 Ngồi chờ nước đến nên đường còn quê”.
 Có nhà họ Bạc bên kia,
 Am mây quen lối đi về dầu hương
 Nhấn sang dận hết mọi đường,
 Dọn nhà hãy tạm cho người trú chân.
 2085 Những mừng được chốn an thân.
 Vội vàng, nào kịp tính gần tính xa.
 Nào ngờ cùng tổ bợm già,
 Bạc bà học với Tú bà đồng môn!
 2090 Thấy nàng lạt phấn tươi son,
 Mừng thầm được món bán buôn có lời.
 Hư không đặt để nên lời,
 Nàng đà lớn sợ rụng rời lấm phen,
 Mụ càng xua đuổi cho liền,
 Lấy lời hung hiểm ép duyên Châu Trần.
 2095 Rằng: “Nàng muôn dạm một thân,
 Lại mang lấy tiếng dữ gần lành xa.
 Khéo oan gia, của phá gia,
 Còn ai dám chứa vào nhà nữa đây.
 Kíp toan kiếm chốn xe đây,
 2100 Không dung, chưa dễ mà bay đường trời.
 Nơi gần thì chẳng tiện nơi,
 Nơi xa thì chẳng có người nào xa.
 Này chàng Bạc Hạnh cháu nhà,
 Cũng trong thân thích ruột rà chẳng ai.
 2105 Cửa hàng buôn bán Châu Thai,
 Thật thà có một, đơn sai chẳng hề.
 Thế nào nàng cũng phải nghe,
 Thành thân rồi sẽ liệu về Châu Thai.

- Bấy giờ ai lại biết ai,
 2110 Dầu lòng bể rộng sông dài thênh thênh.
 Nàng dù quyết chẳng thuận tình,
 Trái lời nẻo trước, lụy mình đến sau”.
 Nàng càng mặt ủ mày chau,
 Càng nghe mụ nói, càng đau như dầm.
 2115 Nghĩ mình túng đất, sẩy chân,
 Thế cùng nàng mới xa gần thở than:
 “Thiếp như con én lạc đàn,
 Phải cung, rày đã sợ làn cây cong.
 Cùng đường, dù tính chữ tòng.
 2120 Biết người, biết mặt, biết lòng làm sao?
 Nửa khi muôn một thế nào,
 Bán hùm buôn sói, chắc vào lưng đâu?
 Dù ai lòng có sở cầu,
 Tâm mình xin quyết với nhau một lời.
 2125 Chứng minh có đất có trời,
 Bấy giờ vượt bể ra khơi quán gì”.
 Được lời, mụ mới ra đi,
 Mách tin họ Bạc tức thì sắm sanh.
 Một nhà dọn dẹp linh đình,
 2130 Quét sân đặt trác, rửa bình thắp hương.
 Bạc sinh quỳ xuống vội vàng,
 Quá lời, nguyện hết Thành hoàng Thổ công.
 Trước sân lòng đã giải lòng,
 Trong màn làm lễ Tơ hồng kết duyên.
 2135 Thành thân, mới rước xuống thuyền,
 Thuận buồm, một lá xuôi miền Châu Thai.
 Thuyền vừa đỗ bến thành thơi,
 Bạc sinh lên trước tìm nơi mọi ngày.
 Cũng nhà hành viện xưa nay,
 2140 Cũng phường bán thịt, cũng tay buôn người.
 Xem người, định giá vừa rồi,
 Mỗi hàng một đã ra mười thì buông.
 Mượn người thuê kiệu rước nàng
 Bạc đem mặt bạc, kiếm đường cho xa.
 2145 Kiệu hoa đặt trước thêm hoa.
 Bên trong thấy một mụ ra vội vàng.

Đưa nàng vào lạy gia đường:
 Cũng thần mây trắng, cũng phường lầu xanh.
 Thoắt trông, nàng đã biết tình,
 2150 Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao.
 Chém cha cái số hoa đào,
 Gỡ ra, rồi lại buộc vào như chơi!
 Nghĩ đời mà ngán cho đời,
 Tài tình chi lắm cho trời đất ghen!
 2155 Tiếc thay! Nước đã đánh phèn,
 Mà cho bùn lại vẩn lên mấy lần!
 Hồng quân với khách hồng quân
 Đã xoay đến thế, còn vẩn chưa tha!
 Lỡ từ lạc bước bước ra,
 2160 Cái thân liệu những từ nhà liệu đi
 Dầu xanh đã tội tình gì?
 Má hồng đèn quá nửa thì chưa thôi.
 Biết thân chạy chẳng khỏi trời,
 Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.
 2165 Làn thâu gió mát trăng thanh,
 Bồng đầu có khách biên đình sang chơi.
 Râu hùm, hàm én, mày ngài,
 Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
 Đường đường một đấng anh hào,
 2170 Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài.
 Đội trời đạp đất ở đời,
 Họ Từ tên Hải, vốn người Việt Đông.
 Giang hồ quen thú vẫy vùng,
 Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo.
 2175 Qua chơi, nghe tiếng nàng Kiều,
 Tấm lòng nhi nữ cũng xiêu anh hùng.
 Thiếp danh đưa đến lầu hồng,
 Hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa.
 Từ rằng: "Tâm phúc tương cờ,
 2180 Phải người trăng gió vật vờ hay sao?
 Bấy lâu, nghe tiếng má đào
 Măt xanh chẳng để ai vào, có không?
 Một đời được mấy anh hùng,
 Bỏ chi cá chậu chim lồng mà chơi!"

- 2185 Nàng rằng: “Người dạy quá lời,
Thân này còn dám xem ai làm thường.
Chút riêng chọn đá thử vàng,
Biết đâu mà gửi can trường vào đâu?
Còn như vào trước ra sau,
2190 Ai cho kén chọn vàng thau tại mình?”
Tù rằng: “Lời nói hữu tình,
Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân.
Lại đây, xem lại cho gần,
Phỏng tin được một vài phần hay không”.
2195 Thưa rằng: “Lượng cả bao dung,
Tấn Dương được thấy mây rồng có phen.
Rộng thương cỏ nội hoa hèn,
Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau”.
Nghe lời vừa ý, gật đầu,
2200 Cười rằng: “Tri kỷ trước sau mấy người!
Khen cho con mắt tinh đời,
Anh hùng đứng giữa trần ai mới già.
Một lời đã biết đến ta,
Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau”.
2205 Hai bên ý hợp tâm đầu,
Khi thân, chẳng lọ là cầu mới thân.
Ngỏ lời nói với băng nhân,
Tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát hoàn.
Buồng riêng sửa chốn thanh nhàn,
2210 Đặt giường thất bảo, vây màn bát tiên.
Trai anh hùng, gái thuyền quyên,
Phỉ nguyên sánh phượng, đẹp duyên cưới rồng.
Nửa năm hương lửa đương nồng,
Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương,
2215 Trông vờ trời bể mệnh mang,
Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong.
Nàng rằng: “Phận gái chữ tòng,
Chàng đi, thiếp cũng một lòng xin đi”.
Tù rằng: “Tâm phúc tương tri,
2220 Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình?
Bao giờ mười vạn tinh binh,
Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh rợp đường.

Làm cho rõ mặt phi thường,
 Bảy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia.
 2225 Bằng nay bốn bể không nhà,
 Theo càng thêm bận, biết là đi đâu?
 Đành lòng chờ đó ít lâu,
 Chầy chăng là một năm sau, vội gì!"
 Quyết lời dứt áo ra đi,
 2230 Gió mây bằng đã đến kỳ dặm khơi,
 Nàng từ chiếc bóng song mai,
 Đêm thu đăng đẳng, nhật cài then mây,
 Sân rêu chẳng vẽ dấu giày,
 Cỏ cao hơn trước, liễu gãy vài phân.
 2235 Đoái trông muôn dặm tử phần,
 Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.
 Xót thay! Huyền cỗi, xuân già.
 Tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi?
 Chốc đà mười mấy năm trời,
 2240 Còn ra khi đã da mồi tóc sương.
 Tiếc thay! Chút nghĩa cũ càng,
 Dầu lìa ngó ý, còn vương tơ lòng.
 Duyên em dầu nối chỉ hồng,
 May ra khi đã tay bông tay mang.
 2245 Tấc lòng cố quốc tha hương,
 Đường kia nổi nọ ngổn ngang bời bời.
 Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,
 Đã mòn con mắt phương trời dăm dăm.
 Đêm ngày luống những âm thầm,
 2250 Lửa binh đâu đã âm âm một phương.
 Ngát trời sát khí mơ màng,
 Đầy sông kinh ngạc, chật đường giáp binh.
 Người quen thuộc, kẻ chung quanh,
 Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.
 2255 Nàng rằng: "Trước đã hẹn lời,
 Dầu trong nguy hiểm, dám đời ước xưa!"
 Còn đang dùng dằng ngần ngại,
 Mé ngoài đã thấy bóng cờ tiếng la.
 Giáp binh kéo đến quanh nhà,
 2260 Đồng thanh cùng gửi: "Nào là phu nhân?"

Hai bên, mười vị tướng quân,
 Đặt gươm cưỡi giáp, trước sân khấu đầu.
 Cung nga thể nữ nối sau,
 Rằng: “Vâng lệnh chỉ rước châu vu quy”
 2265 Sẵn sàng, phượng liền loan nghi,
 Hoa quan giáp giới, hà y rõ ràng.
 Lệnh cờ nổi trống, lên đường,
 Trúc tơ nổi trước, đào vàng kéo sau.
 Hỏa bài tiền lộ ruổi mau,
 2270 Nam đình nghe động trống châu đại doanh.
 Kéo cờ lũy, phát súng thành,
 Từ công ra ngựa thân nghênh cửa ngoài.
 Rõ mình, lạ vẻ cân đai,
 Hãy còn hàm én mảy ngài như xưa.
 2275 Cười rằng: “Cá nước duyên ưa,
 Nhớ lời nói những bao giờ hay không?
 Anh hùng mới biết anh hùng
 Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa?”
 Nàng rằng: “Chút phận ngầy thơ,
 2280 Cũng may dây cát được nhờ bóng cây.
 Đến bây giờ mới thấy đây,
 Mà lòng đã chắc những ngày một hai”.
 Cùng nhau trông mặt cả cười,
 Đan tay về chốn trướng mai tự tình.
 2285 Tiệc bày thưởng tướng khao binh,
 Om thòm trống trận, rập rình nhạc quân.
 Vinh hoa bỏ lúc phong trần,
 Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày.

Trong quân có lúc vui vầy,
 2290 Thong dong mới kể sự ngày hàn vi:
 Khi Vô Tích khi Lâm Tri,
 Nơi thì lửa đảo, nơi thì xót thương.
 Tám thân rày đã nhẹ nhàng,
 Chút còn ân oán đôi đường chưa xong.
 2295 Từ công nghe nói thủy chung,
 Bất bình nổi trận dùng dùng sấm vang,

Nghiêm quân tuyển tướng sẵn sàng,
 Dưới cờ một lệnh vọi vàng ruổi sao.
 Ba quân chỉ ngọn cờ đào,
 2300 Đao ra Vô Tích đao vào Lâm Tri.
 Máy người phụ bạc xưa kia,
 Chiếu danh tằm nã bắt về hỏi tra.
 Lại sai lệnh tiễn truyền qua,
 Giữ giàng họ Thúc một nhà cho yên.
 2305 Mụ quản gia, vãi Giác Duyên,
 Cũng sai lệnh tiễn đem tin rước mời.
 Thệ sư, kể hết mọi lời,
 Lòng lòng cũng giận, người người chấp uy.
 Đao trời báo phục chửi ghê,
 2310 Khéo thay, một mẻ tóm về đây nơi!
 Quân trung gươm lớn giáo dài,
 Vệ trong thị lập, cơ ngoài song phi,
 Sẵn sàng, tề chỉnh uy nghi,
 Vác đồng chặt đất, tinh kỳ rợp sân.
 2315 Trưởng hùm mở giữa trung quân,
 Từ công sánh với phu nhân cùng ngồi,
 Tiên nghiêm, trống chửi dứt hồi,
 Điểm danh, trước dẫn trực ngoài cửa viên.
 Từ rằng: “Ân oán hai bên,
 2320 Mặc nàng xử quyết báo đền cho mình”.
 Nàng rằng: “Muôn cây uy linh,
 Hãy xin báo đáp ân tình cho phu.
 Báo ân, rồi sẽ trả thù”.
 Từ rằng: “Việc ấy phó cho mặc nàng”.
 2325 Cho gươm mời đến Thúc lang,
 Mặt như chàm đỏ, mình dường dẽ (cây) run.
 Nàng rằng: “Nghĩa nặng nghìn non,
 Lâm Tri người cũ, chàng còn nhớ không?
 Sâm Thương chẳng vẹn chữ tòng,
 2330 Tại ai, há dám phụ lòng cố nhân?
 Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân,
 Tạ lòng, dễ xứng báo ân gọi là.
 Vợ chàng quỷ quái tinh ma,
 Phen này, kẻ cắp bà già gặp nhau.

2335 Kiến bò miệng chén chưa lâu,
 Muu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa".
 Thúc sinh trông mặt bấy giờ,
 Mồ hôi chàng đã như mưa ướt dầm.
 Lòng riêng mừng sợ khôn cầm,
 2340 Sợ thay, mà lại mừng thầm cho ai!
 Mụ già sư trưởng thứ hai,
 Thoắt đưa đến trước, vội mời lên trên.
 Dắt tay mở mặt cho nhìn.
 "Hoa Nô kia với Trạc Tuyên cũng tôi.
 2345 Nhớ khi lỡ bước sẩy vời,
 Non vàng chữ dễ đền bồi tấm thương.
 Nghìn vàng gọi chút lễ thường.
 Mà lòng Phiếu mầu mấy vàng cho cân".
 Hai người trông mặt tần ngần,
 2350 Nửa phần khiếp sợ, nửa phần mừng vui.
 Nàng rằng: "Xin hãy rón ngôi,
 Xem cho rõ mặt, biết tôi báo thù".
 Kíp truyền chư tướng hiến phù.
 Lại đem các tích phạm đồ hậu tra.
 2355 Dưới cờ, gương tuốt nắp ra,
 Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư!
 Thoắt trông nàng đã chào thưa:
 "Tiểu thư cũng có bấy giờ đến đây!
 Đàn bà dễ có mấy tay,
 2360 Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan!
 Dễ dàng là thói hồng nhan,
 Càng cay nghiệt lắm, càng oan trái nhiều".
 Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu.
 Khấu đầu dưới trướng, giở điều kêu ca.
 2365 Rằng: "Tôi chút phận đàn bà,
 Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.
 Nghĩ cho khi gác viết kinh,
 Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo
 Lòng riêng, riêng những kính yêu,
 2370 Chồng chung, chưa dễ ai chiều cho ai.
 Trót lòng gây việc chồng gai,
 Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng".

Khen cho: “Thật đã nên rằng,
 Khôn ngoan đến mực, nói năng phải lời.
 2375 Tha ra, thì cũng may đời,
 Làm ra, thì cũng ra người nhỏ nhen.
 Đã lòng tri quá thì nên”.
 Truyền quân lệnh xuống tướng tiền tha ngay.
 2380 Tạ lòng, lạy trước sân mây,
 Cửa viên lại dất một dây dẫn vào.
 Nàng rằng: “Lồng lộng trời cao,
 Hại nhân nhân hại, sự nào tại ta!”
 Trước là Bạc Hạnh, Bạc bà
 Bên là Ứng, Khuyển bên là Sở Khanh.
 2385 Tú bà với Mã Giám sinh,
 Các tên tội ấy đáng tình, còn sao?
 Lệnh quân truyền xuống nội đao,
 Thề sao, thì lại cứ sao gia hình.
 Máu rơi thịt nát tan tành,
 2390 Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời.
 Cho hay muôn sự tại trời,
 Phụ người, chẳng bỏ khi người phụ ta.
 Mấy người bạc ác tính ma,
 Mình làm mình chịu, kêu mà ai thương!
 2395 Ba quân đông mặt pháp trường,
 Thanh thiên bạch nhật rõ ràng cho coi,
 Việc nàng báo phục vừa rồi,
 Giác Duyên vội đã gửi lời từ quy.
 Nàng rằng: “Thiên tởm nhất thì,
 2400 Cố nhân đã dễ mấy khi bàn hoàn.
 Rồi đây, bèo hợp mây tan,
 Biết đâu hạc nội mây ngàn là đâu?”
 Sư rằng: “Cũng chẳng bao lâu,
 Trong năm năm lại gặp nhau đó mà.
 2405 Nhớ ngày hành cước phương xa,
 Gặp sư Tam Hợp vốn là tiên tri.
 Bảo cho hội hợp chi kỳ,
 Năm nay là một, nữa thì năm năm.
 Mới hay tiên định chẳng lầm,
 2410 Đã tin điều trước, ắt nhằm việc sau.

Còn nhiều ân ái với nhau,
Cơ duyên nào đã hết đâu vội gì!”

Nàng rằng: “Tiền định tiên tri.
Lời sư đã dạy ắt thì chẳng sai.

2415 Họa bao giờ có gặp người,
Vì tôi cậy hỏi một lời chung thân”.

Giác Duyên vâng dặn ân cần,
Tạ từ, thoát đã dời chân cỏi ngoài.

2420 Nàng từ ân oán rạch rời,
Bể oan dường đã vơi vơi cạnh lòng.

Tạ ơn lạy trước Từ công:
“Chút thân bỏ liễu nào mong có rày!
Trộm nhờ sấm sét ra tay.

2425 Tác riêng như cát gánh đầy đổ đi,
Chạm xương chếp dạ xiết chi,
Để đem gan óc đền nghì trời mây!”

Từ rằng: “Quốc sĩ xưa nay,
Chọn người tri kỷ một ngày được chăng?

2430 Anh hùng tiếng đã gọi rằng,
Giữa đường dầu thấy bất bằng mà tha!

Huống chi việc cũng việc nhà,
Lọ là thâm tạ với là tri ân?

2435 Xót nàng còn chút song thân,
Bấy nay kẻ Việt người Tần cách xa.

Sao cho muôn dặm một nhà,
Cho người thấy mặt là ta cam lòng”.

Vội truyền sửa tiệc quân trung,
Muôn binh nghìn tướng hội đồng tẩy oan.

2440 Thừa cơ trúc chẻ ngói tan,
Binh uy từ ấy sấm ran trong ngoài.

Triều đình riêng một góc trời
Gồm hai văn võ, rạch đôi sơn hà.

2445 Đòi cơn gió quét mưa sa,
Huyện thành đập đổ năm tòa cỏi Nam.

Phong trần mài một lưỡi gươm,
Những loài giá áo túi cơm sá gì.

Nghênh ngang một cỏi biên thùý,
Kém gì cô quả, kém gì bá vương!

Trước cớ ai dám tranh cường?
 2450 Năm năm hùng cứ một phương hải tần.
 Có quan tổng đốc trọng thần,
 Là Hồ Tôn Hiến, kinh luân gồm tài.
 Đẩy xe, vâng chỉ đặc sai,
 Tiện nghi bát tiểu, việc ngoài đồng nhung.
 2455 Biết Từ là đáng anh hùng,
 Biết nàng cũng dự quân trung luận bàn.
 Đóng quân, làm chức chiêu an,
 Ngọc vàng gấm vóc, sai quân thuyết hàng.
 Lại riêng một lễ với nàng,
 2460 Hai tên thể nữ, ngọc vàng nghìn cân.
 Tin vào gửi trước trung quân,
 Từ công riêng hãy mười phân hồ đồ.
 Một tay gây dựng cơ đồ,
 Bấy lâu bể Sở, sông Ngô tung hoành.
 2465 Bỏ thân về với triều đình,
 Hàng thần lơ láo, phận mình ra đâu?
 Áo xiêm buộc trói lấy nhau,
 Vào luồn ra cúi, công hầu mà chi?
 Sao bằng riêng một biên thù,
 1470 Sức này đã dễ làm gì được nhau!
 Chọc trời quấy nước mặc dầu,
 Dọc ngang nào biết trên đầu có ai?
 Nàng thì thật dạ tin người,
 Lễ nhiều, nói ngọt, nghe lời dễ xiêu.
 2475 Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,
 Đã nhiều lưu lạc, lại nhiều gian truân.
 Bằng nay chịu tiếng vương thần.
 Thênh thênh đường cái thanh vân hẹp gì!
 Công tư vẹn cả hai bề,
 2480 Dần dà, rồi sẽ liệu về cố hương.
 Cũng ngời mệnh phụ đường đường,
 Nở nang mày mặt, rõ ràng mẹ cha.
 Trên vì nước, dưới vì nhà,
 Một là đặc hiếu, hai là đặc trung.
 2485 Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng,
 E dè sóng gió, hải hùng cỏ hoa?

Nhân khi bàn bạc gần xa,
 Thừa cơ, nàng mới bàn ra nói vào.
 Rằng: “Ôn thánh đế dôi dào,
 2490 Tươi ra đã khắp, thấm vào đã sâu.
 Bình thành công đức bấy lâu,
 Ai ai cũng đội trên đầu biết bao
 Ngẫm từ dấy việc binh đao,
 2495 Đóng xương Vô Định đã cao bằng đầu.
 Làm chi để tiếng về sau,
 Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào?
 Sao bằng lộc trọng quyền cao,
 Công danh ai dứt lối nào cho qua?”
 Nghe lời nàng nói mạn mà,
 2500 Thế công Từ mới trở ra thế hàng,
 Chinh nghi tiếp sứ vội vàng,
 Hẹn kỳ thúc giáp, quyết đường giải binh.
 Tin lời thành hạ yêu minh,
 Ngọn cờ ngơ ngác, trống canh trể tràng.
 2505 Việc binh bỏ chẳng giữ giàng,
 Vương sư dòm đã tỏ tường thực hư.
 Hồ công quyết kế thừa cơ,
 Lễ tiên binh hậu, khắc cờ tập công.
 Kéo cờ chiêu phủ tiên phong,
 2510 Lễ nghi dàn trước, vác đồng phục sau.
 Từ công hờ hững biết đâu?
 Đại quan lễ phục, ra đầu cửa viên.
 Hồ công ám hiệu trận tiền.
 Ba bề phát súng, bốn bên kéo cờ.
 2115 Đang khi bất ý chẳng ngờ,
 Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn.
 Tử sinh liêu giữa trận tiền,
 Dạn dày cho biết gan liền tướng quân.
 Khí thiêng khi đã về thần,
 2520 Nhơ nhớt còn đứng chôn chân giữa vòng.
 Trơ như đá, vững như đồng,
 Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng dời.
 Quan quân truy sát đuổi dài,
 Hầm hầm sát khí ngất trời ai đương.

2525 Trong hào ngoài lũy tan hoang,
 Loạn quân vừa dắt tay nàng đến nơi,
 Trong vòng tên đá bời bời,
 Thấy Từ còn đứng giữ trời trơ trơ.
 Khóc rằng: “Trí dũng có thừa,
 2530 Bởi nghe lời thiếp, đến cơ hội này!
 Mặt nào trông thấy nhau đây?
 Thà liều sống chết một ngày với nhau.
 Dòng thu như xối cơn sầu,
 Dứt lời nàng cũng gieo đầu một bên.
 2535 Lạ thay! Oan khí tương triền,
 Nàng vừa phục xuống, Từ liền ngã ra.
 Quan quân kẻ lại người qua,
 Xót nàng, sẽ lại vực ra dần dần.
 Đem vào, đến trước trung quân,
 2540 Hồ công thấy mặt, ân cần hỏi han.
 Rằng: “nàng chút phận hồng nhan.
 Gặp cơn binh cách nhiều nan cũng thương
 Đã hay thành toán miếu đường,
 Giúp công, cũng có lời nàng mới nên.
 2545 Bây giờ sự đã vẹn tuyền,
 Mặc lòng nghĩ lấy muốn xin bề nào”.
 Nàng càng giọt ngọc tuôn dào,
 Ngập ngừng, mới gửi thấp cao sự lòng.
 Rằng: “Từ là đáng anh hùng,
 2550 Dọc ngang trời, rộng vẫy vùng bể khơi.
 Tin tôi, nên quá nghe lời,
 Đem thân bách chiến làm tôi triều đình.
 Ngõ là phú quý phụ vinh,
 Ai ngờ một phút tan tành thịt xương!
 2555 Năm năm trời bể ngang tàng,
 Dẫn mình đi bỏ chiến trường như không.
 Khéo khuyên kẻ lấy làm công,
 Kể bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu!
 Xét mình công ít tội nhiều,
 2560 Sống thừa, tôi đã nên liều mình tôi.
 Xin cho thiên thổ một doi,
 Gọi là đắp diêm lấy người tử sinh”.

Hồ công nghe nói, thương tình,
 Truyền cho kiêu táng di hình bên sông
 2565 Trong quân mở tiệc hạ công,
 Xôn xao tơ trúc, hội đồng quân quan.
 Bắt nàng thị yến dưới màn,
 Dở say, lại ép cung đàn nhật tâu.
 Một cung gió thấm mưa sâu,
 2570 Bốn dây rỏ máu năm đầu ngón tay.
 Ve ngâm vượn hót nào tầy,
 Lột tai, Hồ cũng nhận mảy rơi châu.
 Hỏi rằng: "Này khúc ở đâu?
 Nghe ra muôn oán nghìn sầu lắm thay!"
 2575 Thưa rằng: "Bạc mệnh khúc này,
 Phổ vào đàn ấy những ngày còn thơ.
 Cung cầm lựa những ngày xưa,
 Mà gương bạc mệnh bây giờ là đây!"
 Nghe càng đắm, ngắm càng say,
 2580 Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình!
 Dạy rằng: "Hương lửa ba sinh,
 Dây lan xin nối cầm lành cho ai".
 Thưa rằng: "Chút phận lạc loài,
 Trong mình nghĩ đã có người thác oan.
 2585 Còn chi nữa, cánh hoa tàn,
 Tơ lòng đã đứt dây đàn Tiểu Lân.
 Rộng thương còn mảnh hồng quần,
 Hơi tàn được thấy gốc phần là may".
 Hạ công, chén đã quá say,
 2590 Hồ công đến lúc rạng ngày nhớ ra.
 Nghĩ mình phương diện quốc gia,
 Quan trên nhắm xuống, người ta trông vào
 Phải tuồng trắng gió hay sao.
 Sự này biết tính thế nào được đây?
 2595 Công nha vừa buổi sáng ngày,
 Quyết tình, Hồ mới đoán ngay một bài.
 Lệnh quan ai dám cãi lời,
 Ép tình, mới gán cho người thổ quan.
 Ông tơ thật nhẽ đa đoan!
 2600 Xe tơ, sao khéo vợ quàng vợ xiên?

Kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền,
 Lá màn rủ thấp, ngọn đèn khêu cao.
 Nàng càng ủ liễu phai đào,
 Trăm phần nào có phần nào phần tươi?
 2605 Đành thân cát dập sóng vùi,
 Cướp công cha mẹ, thiệt đời thông minh.
 Chân trời mặt bể lênh đênh,
 Năm xương biết gửi tử sinh chốn nào?
 2610 Duyên đâu ai dứt tơ đào,
 Nợ đâu ai đã dặt vào tận tay?
 Thân sao thân đến thế này?
 Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi.
 Đã không biết sống là vui,
 Tắm thân nào biết thiệt thời là thương.
 2615 Một mình cay đắng trăm đường,
 Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi.
 Mảnh trắng đã gác non đoài,
 Một mình luống những đứng ngồi chưa xong.
 Triều đâu nổi tiếng dùng dùng?
 2620 Hỏi ra, mới biết rằng sông Tiền Đường,
 Nhớ lời thần mộng rõ ràng,
 Nay thôi hết kiếp đoạn trường là đây.
 “Đạm Tiên nàng nhẽ, có hay?
 Hẹn ta, thì đợi dưới này rước ta”.
 2625 Dưới đèn sẵn bức tiên hoa,
 Một thiên tuyết bút gọi là để sau.
 Cửa bông vội mở rèm châu,
 Trời cao sông rộng một màu bao la.
 Rằng: “Từ công hậu đãi ta,
 2630 Chút vì việc nước mà ra phụ lòng.
 Giết chồng, mà lại lấy chồng,
 Mặt nào còn đứng ở trong cõi đời?
 Thôi thì một thác cho rồi,
 Tắm lòng phó mặc trên trời dưới sông”.
 2635 Trông vờ con nước mênh mông,
 Đem mình gieo xuống giữa dòng trường giang.
 Thổ quan theo vớt vội vàng,
 Thì đà đắm ngọc chìm hương cho rồi.

Thương thay! Cũng một kiếp người,
2640 Khéo thay! Mang lấy sắc tài làm chi!
Những là oan khổ lưu ly,
Chờ cho hết kiếp, còn gì là thân!
Mười lăm năm, bấy nhiêu lần,
Làm gương cho khách hồng quần thử soi.
2645 Đời người đến thế thì thôi.
Trong cơ âm cực dương hồi khôn hay.
Mấy người hiểu nghĩa xưa nay.
Trời làm chi đến lâu ngày càng thương!

Giác Duyên từ tiết giả nàng,
2650 Đeo bầu quấy níp, rộng đường vân du
Gặp bà Tam Hợp đạo cô,
Thong dong, hỏi hết nhỏ to sự nàng:
“Người sao hiểu nghĩa đủ đường,
Kiếp sao rặt những đoạn trường thế thôi”.
2655 Sư rằng: “Phúc họa đạo trời,
Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.
Có trời mà cũng tại ta,
Tu là cội phúc, tình là dây oan.
Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan,
2660 Vô duyên là phận hồng nhan đã đành.
Lại mang lấy một chữ tình,
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.
Vậy nên những chốn thong dong,
Ở không yên ổn, ngồi không vững vàng.
2665 Ma đưa lối, quỷ đem đường,
Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi.
Hết nạn ấy, đến nạn kia,
Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần.
Trong vòng giáo dục gươm trần,
2670 Kê rằng hùm sói gửi thân tôi đòi.
Giữa dòng nước chảy sóng dồi,
Trước hàm rồng cá, gieo mồi văng tanh
Oan kia theo mãi với tình,
Một mình mình biết, một mình mình hay.

2675 Làm cho sống dọa thác đầy,
 Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi”.
 Giác Duyên nghe nói rụng rời:
 “Một đời nàng nhẽ thương ôi! Còn gì!”
 Sư rằng: “Song chẳng hề chi,
 2680 Nghiep duyên cân lại nhắc đi còn nhiều.
 Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều,
 Mắc điều tình ái, khỏi điều tà dâm.
 Lấy tình thâm trả nghĩa thâm,
 Bán mình, đã động hiếu tâm đến trời.
 2685 Hại một người, cứu muôn người,
 Biết đường khinh trọng, biết lời phải chẳng.
 Thừa công đức ấy ai bằng?
 Túc khiên đã rửa láng láng sạch rồi.
 Khi nên, trời cũng chiều người,
 2690 Nhe nhàng nợ trước, đền bồi duyên sau.
 Giác Duyên dù nhớ nghĩa nhau,
 Tiên Đường thả một bè lau rước người.
 Trước sau cho vẹn một lời,
 “Duyên ta, mà cũng phúc trời chi không!”
 2695 Giác Duyên nghe nói mừng lòng,
 Lân la tìm thú bên sông Tiên Đường.
 Đánh tranh, chum nóc thảo đường.
 Một gian, nước biếc mây vàng chia đôi.
 Thuê năm ngư phủ hai người,
 2700 Đóng thuyền chực bến, kết chài dăng sông.
 Một lòng chẳng quản mấy công,
 Khéo thay! Gặp gỡ cũng trong chuyến vắn!
 Kiều từ gieo xuống duênh ngân,
 Nước xuôi bỗng đã trôi dấn tận nơi.
 2705 Ngư ông kéo lưới vớt người,
 Ngâm lời Tam Hợp rõ mười chẳng ngoa.
 Trên mui lướt lướt áo là,
 Tuy dầm hơi nước, chưa lòa bóng gương.
 Giác Duyên nhìn thật mặt nàng,
 2710 Nàng còn thêm thiếp giắc vàng chưa phai.
 Mơ màng phách quế hồn mai,
 Đạm Tiên, thoát đã thấy người ngày xưa.

- Rằng: “Tôi đã có lòng chờ,
Mất công mười mấy năm thừa ở đây.
2715 Chị sao phận mỏng phúc dày,
Kiếp xưa đã vậy, lòng này dễ ai!
Tám thành đã thấu đến trời,
Bán mình là hiếu, cứu người là nhân.
Một niềm vì nước vì dân,
2720 Âm công cất một đồng cân đã già.
Đoạn trường sổ rút tên ra,
Đoạn trường thơ phải đưa mà trả nhau.
Còn nhiều hưởng thụ về lâu,
Duyên xưa tròn trặn phúc sau dồi dào”.
- 2725 Nàng còn ngơ ngẩn biết sao,
Trạc Tuyên! Nghe tiếng gọi vào bên tai.
Giật mình, thoát tỉnh giấc mai
Bâng khuâng nào đã biết ai mà nhìn.
Trong thuyền nào thấy Đạm Tiên,
2730 Bên mình chỉ thấy Giác Duyên ngồi kề.
Thấy nhau, mừng rỡ trăm bề,
Dọn thuyền, mới rước nàng về thảo lư.
Một nhà chung chạ sớm trưa,
Gió trăng mát mặt, muối dưa chay lòng.
- 2735 Bốn bề bát ngát mênh mông,
Triều dâng hôm sớm, mây lồng trước sau.
Nạn xưa trút sạch lâu lâu,
Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này.
- 2740 Nỗi nàng tai nạn đã đầy,
Nỗi chàng Kim Trọng bấy chầy mới thương.
Từ ngày muôn dặm phù tang,
Nửa năm ở đất Liêu Dương tại nhà.
Vội sang vườn Thúy dò la,
Nhìn xem phong cảnh nay đã khác xưa.
- 2745 Đầy vườn cỏ mọc, lau thưa,
Song trắng quanh quẽ, vách mưa rã rời.
Trước sau, nào thấy bóng người?
Hoa đào năm ngoái còn cười gió Đông.

2750 Xập xè, én liệng lâu không,
 Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giày.
 Cuối tường, gai góc mọc đầy,
 Đi về, này những lối này năm xưa.
 Chung quanh lặng ngắt như tờ,
 Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai?
 2755 Láng giềng có kẻ sang chơi,
 Lân la sẽ hỏi một hai sự tình.
 Hỏi ông, ông mắc tụng đình,
 Hỏi nàng, nàng đã bán mình chuộc cha.
 Hỏi nhà, nhà đã dời xa,
 2760 Hỏi chàng Vương với cùng là Thúy Vân,
 Đều là sa sút khó khăn,
 May thuê viết mượn, kiếm ăn lần hồi.
 Điều đâu sét đánh lưng trời,
 Thoắt nghe, chàng thoắt rụng rời xiết bao!
 2765 Hỏi thăm di trú nơi nao,
 Đánh đường, chàng mới tìm vào tận nơi.
 Nhà tranh vách đất tả tơi,
 Lau treo rèm nát, trúc gài phen thưa.
 Một sân đất cỏ dầm mưa,
 2770 Càng ngao ngán nỗi, càng ngơ ngẩn đường.
 Đánh liều, lên tiếng ngoài tường,
 Chàng Vương nghe thấy, vội vàng chạy ra.
 Dắt tay, vội rước vào nhà,
 Mé sau viên ngoại ông bà ra ngay.
 2775 Khóc than kể hết niềm tây:
 “Chàng ôi! Biết nỗi nước này cho chưa?
 Kiều nhi phận mỏng như tờ,
 Một lời đã lỗi tóc tơ với chàng.
 Gặp cơn gia biến lạ đường,
 2780 Bán mình, nó phải tìm đường cứu cha.
 Dừng dằng khi bước chân ra,
 Cực trăm nghìn, nỗi dặn ba bốn lần.
 Trót lời nặng với lang quân,
 Mượn con em nó Thúy Vân thay lời.
 2785 Gọi là trả chút nghĩa người,
 Sầu này dằng dặc muôn đời chưa quên.

Kiếp này, duyên đã phụ duyên,
 Dạ dài còn biết sẽ đền lai sinh.
 2790 Mấy lời ký chú đình ninh,
 Ghi lòng để dạ, cất mình ra đi.
 Phận sao bạc bấy Kiều nhi!
 Chàng Kim về đó, con thì đi đâu?"
 Ông bà càng nói càng đau,
 Chàng càng nghe nói, càng rầu như dưa.
 2795 Vật mình, vầy gió tuôn mưa,
 Dầm dề giọt ngọc, thần thờ hồn mai.
 Đau đòi đoạn, ngất đòi thôi,
 Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê.
 Thấy chàng đau nỗi biệt ly,
 2800 Nhịn ngừng, ông mới vỗ về giải khuyên:
 "Bây giờ ván đã đóng thuyền,
 Đã đành phận bạc khôn đền tình chung.
 Quá thương chút nghĩa đèo bông,
 Nghìn vàng thân ấy dễ hòng bỏ sao?"
 2805 Dỗ dành khuyên giải trăm chiều,
 Lửa phiền càng dập, càng khô mối phiền.
 Thề xưa, giờ đến kim hoàn,
 Cửa xưa lại giở đến đàn với hương.
 Sinh càng trông thấy càng thương.
 2810 Gan càng tức tối, ruột càng xót xa.
 Rằng: "Tôi trót quá chân ra.
 Để cho đến nỗi trôi hoa giặt bèo.
 Cùng nhau thề thốt đã nhiều
 Những điều vàng đá phải điều nói không!
 2815 Chưa chẵn gối, cũng vợ chồng,
 Lòng nào mà nữ dứt lòng cho đang?
 Bao nhiêu cửa, mấy ngày đường.
 Còn tôi, tôi một gặp nàng mới thôi".
 Nỗi thương nói chẳng hết lời,
 2820 Tạ từ, Sinh mới sụt sùi trở ra.
 Vội về sửa chốn vườn hoa,
 Rước mời viên ngoại ông bà cùng sang.
 Thần hôn chăm chút lễ thường,
 Dưỡng thân thay tấm lòng nàng ngày xưa.

- 2825 Đình ninh mài lệ chép thư,
Cất người tìm tôi, đưa tờ nhắn nhe.
 Biết bao công mượn của thuê,
Lâm Thanh mấy độ đi về dậm khơi!
- 2830 Người một nơi, hỏi một nơi,
Mệnh mông nào biết bể trời nơi nao?
 Sinh càng thảm thiết khát khao,
Như nung gan sắt, như bào lòng son.
 Ruột tằm ngày một héo hon,
Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve.
- 2835 Thần thơ, lúc tỉnh lúc mê,
Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm bao.
 Xuân huyên lo sợ xiết bao,
Quá ra khi đến thế nào mà hay!
 Vội vàng sắm sửa chọn ngày,
2840 Duyên Vân sớm đã xe dây cho chàng.
 Người yếu điệu, kẻ văn chương,
Trai tài gái sắc, xuân đương vừa thì.
 Tuy rằng vui chữ vu quy,
Vui này đã cất sầu kia được nào!
- 2845 Khi ăn ở, lúc ra vào,
Càng âu duyên mới, càng dào tình xưa.
 Nỗi nàng nhớ đến bao giờ,
Tuôn châu đòi trận, vò tơ trăm vòng.
 Có khi, vắng vẻ thư phòng,
2850 Đốt lò hương, giở phím đồng ngày xưa.
 Bể bai rủ rỉ tiếng tơ,
Trầm bay lạt khói, gió đưa lay rèm.
 Dường như bên chái bên thềm,
Tiếng Kiều đồng vọng, bóng xiêm mớ màng.
- 2855 Bởi lòng tạc đá ghi vàng,
Tưởng nàng, nên lại thấy nàng về đây.
- Những là phiền muộn đêm ngày,
Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần?
 Chế khoa gặp hội trường văn,
2860 Vương, Kim cùng chiếm bảng xuân một ngày.

- Cửa trời rộng mở đường mây,
 Hoa chào ngõ hạnh, hương bay dặm phần.
 Chàng Vương nhớ đến xa gần,
 Sang nhà Chung lão tạ ơn chu tuyền.
- 2865 Tình xưa, ơn trả nghĩa đền,
 Gia thân, bèn mới kết duyên Châu Trần.
 Kim từ nhẹ bước thanh vân.
 Nỗi nàng càng nghĩ xa gần càng thương.
 Ấy ai dẫn ngọc thể vàng,
- 2870 Bây giờ Kim mã Ngọc đường với ai?
 Ngọn bèo chân sóng lạc loài,
 Nghĩ mình vinh hiển, thương người lưu ly.
 Vâng ra ngoại nhậm Lâm Tri,
 Quan sơn nghìn dặm, thê nhi một đoàn.
- 2875 Cầm đường ngày tháng thanh nhân,
 Sớm khuya, tiếng hạc tiếng đàn tiêu dao.
 Phòng xuân trưởng rủ hoa đào,
 Nàng Vân nằm bỗng chiêm bao thấy nàng.
 Tỉnh ra, mới rí cùng chàng,
- 2880 Nghe lời chàng cũng hai đường tin nghi.
 Nọ Lâm Thanh với Lâm Tri,
 Khác nhau một chữ, hoặc khi có lầm.
 Trong cơ thanh khí tương tầm,
 Ở đây hoặc có giai âm chẳng là?
- 2885 Thăng đường, chàng mới hỏi tra,
 Họ Đô có kẻ lại già thừa lên:
 “Sự này đã ngoại mười niên,
 Tôi đã biết mặt biết tên rành rành.
 Tú bà cùng Mã Giám sinh,
- 2890 Đi mua người ở Bắc Kinh đưa về.
 Thúy Kiều tài sắc ai bì!
 Có nghề đàn, lại đủ nghề văn thơ.
 Kiên trinh chẳng phải gan vừa,
 Liều mình thế ấy, phải lừa thế kia.
- 2895 Phong trần chịu đã ê chề,
 Dây duyên sau lại gả về Thúc lang.
 Phải tay vợ cả phũ phàng,
 Bắt về Vô Tích toan đường bẻ hoa.

Dứt mình, nàng phải trốn ra,
 2900 Chẳng may, lại gặp một nhà Bạc kia.
 Thoát buôn về, thoát bán đi,
 Mây trôi bèo nổi, thiếu gì là nơi!
 Bỗng đâu lại gặp một người,
 Hơn người trí dũng, nghiêng trời uy linh.
 2905 Trong tay mười vạn tinh binh,
 Kéo về đóng chặt một thành Lâm Tri.
 Tóc tơ các tích mọi khi,
 Oán thì trả oán, ân thì trả ân.
 Đã nên có nghĩa có nhân,
 2910 Trước sau trọn vẹn, xa gần ngợi khen.
 Chưa tường được họ được tên,
 Sự này hỏi Thúc sinh viên mới tường".
 Nghe lời Đô nói rõ ràng,
 Tức thì đệ thiệp mời chàng Thúc sinh.
 2915 Nỗi nàng hỏi hết phân minh
 Chồng con đâu tá, tính danh là gì?
 Thúc rằng: "Gặp lúc loạn ly,
 Trong quân tôi hỏi thiếu gì tóc tơ.
 Đại vương tên Hải, họ Từ,
 2920 Đánh quen trăm trận, sức dư muôn người
 Gặp nàng khi ở Châu Thai,
 Lạ gì quốc sắc thiên tài phải duyên.
 Vẫy vùng trong bấy nhiêu niên,
 Làm nên động địa kinh thiên dùng dùng.
 2925 Đại quân đồn đóng cõi Đông,
 Về sau chẳng biết vân mông làm sao".
 Nghe tường ngành ngọn tiêu hao,
 Lòng riêng chàng luống lao đao thần thờ.
 Xót thay! Chiếc lá bơ vơ,
 2930 Kiếp trần biết giữ bao giờ cho xong?
 Hoa trôi nước chảy xuôi dòng,
 Xót thân chìm nổi, đau lòng hợp tan.
 Lời xưa đã lỗi muôn vắn,
 Mảnh hương còn đó, phím đàn còn đây.
 2935 Đàn cầm khéo ngắt ngơ dây,
 Lửa hương biết có kiếp này nữa thôi?

Bình bông còn chút xa xôi,
 Đỉnh chung sao nữ ăn ngồi cho an!
 Rắp mong treo ấn từ quan,
 2940 Mấy sông cũng lội mấy ngàn cũng pha.
 Dấn mình trong áng can qua,
 Vào sinh ra tử, họa là thấy nhau!
 Nghĩ điều trời thăm vực sâu,
 Bóng chim tắm cá, biết đâu mà nhìn!
 2945 Những là nấn ná đợi tin,
 Nắng mưa biết đã mấy phen đổi đời!
 Năm mây bỗng thấy chiếu trời,
 Khâm ban sắc chỉ đến nơi rành rành.
 Kim thì cải nhậm Nam Bình,
 2950 Chàng Vương cũng cải nhậm thành Châu Dương.
 Sắm xanh xe ngựa vội vàng,
 Hai nhà cũng thuận một đường phó quan.
 Xảy nghe thế giặc đã tan,
 Sóng êm Phúc Kiến, lửa tàn Chiết Giang.
 2955 Được tin, Kim mới rủ Vương,
 Tiễn đường, cùng lại tìm nàng sau xưa.
 Hàng Châu đến đó bấy giờ,
 Thật tin hỏi được tóc tơ rành rành.
 Rằng: Ngày hôm nọ giao binh,
 2960 Thất cơ, Từ đã thu linh trận tiền.
 Nàng Kiều công cả chẳng dền,
 Lệnh quan lại bắt ép duyên thổ tù.
 Nàng đà gieo ngọc chìm châu,
 Sông Tiền Đường đó, ấy mồ hồng nhan.
 2965 Thương ôi! Không hợp mà tan,
 Một nhà vinh hiển, riêng oan một nàng!
 Chiêu hồn, thiết vị lễ thường,
 Giải oan, lập một đàn tràng bên sông.
 Ngọn triều non bạc trùng trùng,
 2970 Vời trông, còn tưởng cánh hồng lúc gieo.
 Tình thâm bể thăm lạ điều,
 Nào hồn tinh vệ biết theo chốn nào?
 Cơ duyên đâu bỗng lạ sao,
 Giác Duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi.

2975 Trông lên linh vị chữ bài,
 Thất kinh mới hỏi: “Những người đâu ta?
 Với nàng thân thích gần xa,
 Người còn, sao bỗng làm ma khóc người?”
 Nghe tin, ngơ ngác rụng rời,
 2980 Xúm quanh, kể họ, rộn lời hỏi tra:
 “Này chồng, này mẹ, này cha,
 Đây là em ruột, này là em dâu.
 Thật tin, nghe đã bấy lâu,
 Pháp sư dạy thế, sự đâu lạ dường!”
 2985 Sư rằng: “Nhân quả với nàng,
 Lâm Tri buổi trước Tiên Đường buổi sau.
 Khi nàng gieo ngọc chìm châu,
 Đón nhau, tôi đã gặp nhau rước về.
 Cùng nhau nường cửa bồ đề,
 2990 Thảo am đó cũng gần kề, chẳng xa.
 Phật tiền ngày bạc lân la,
 Đăm đăm nàng cũng nhớ nhà khôn khuây”.
 Nghe tin, nở mặt nở mày,
 Mừng nào lại quá mừng này, nữa chẳng?
 2995 Từ phen chiếc lá lìa rừng,
 Thăm tìm, luống những liệu chừng nước mây.
 Rõ ràng, hoa rụng hương bay,
 Kiếp sau họa thấy, kiếp này hẳn thôi.
 Minh dương đôi ngả chắc rồi.
 3000 Cõi trần mà lại thấy người Cửu nguyên.
 Cùng nhau lạy tạ Giác Duyên,
 Bộ hành một lũ theo liền một khi.
 Bẻ lau vạch cỏ tìm đi,
 Tình thâm luống hầy hồ nghi nửa phần.
 3005 Quanh co theo dải giang tân,
 Khỏi rừng lau, đã tới sân Phật đường.
 Giác Duyên lên tiếng gọi nàng,
 Buồng trong vội dạo sen vàng bước ra.
 Trông xem đủ mặt một nhà:
 3010 Xuân già còn khoẻ, huyên già còn tươi.
 Hai em phương trưởng hòa hai,
 Nọ chàng Kim đó, là người ngày xưa!

Tưởng bây giờ là bao giờ,
 Rõ ràng mở mắt, còn ngờ chiêm bao!
 3015 Giọt châu thánh thót quện bào,
 Mừng mừng, tủi tủi, xiết bao là tình.
 Huyền già dưới gối gieo mình,
 Khóc than, mình kể sự mình đầu đuôi:
 “Từ con lưu lạc quê người,
 3020 Bèo trôi sóng vỗ, chốc mười lăm năm.
 Tính rằng sông nước cát lăm,
 Kiếp này, ai lại còn cầm gập đây!”
 Ông bà trông mặt, cầm tay,
 Dung quang chẳng khác chi ngày bước ra.
 3025 Bấy chầy dải nguyệt dầu hoa,
 Mười phần xuân có gầy ba bốn phần.
 Nỗi mừng biết lấy chi cân?
 Lời tan hợp, chuyện xa gần thiếu đâu.
 Hai em hỏi trước han sau,
 3030 Đứng trông, chàng cũng trở sầu làm tươi.
 Quây nhau lạy trước Phật đài,
 Tái sinh trần tạ lòng người từ bi.
 Kiệu hoa giục giã tức thì,
 Vương ông dạy rước cùng về một nơi.
 3035 Nàng rằng: “Chút phận hoa rơi.
 Nửa đời nếm trái mọi mùi đắng cay.
 Tính rằng mặt nước chân mây,
 Lòng nào còn tưởng có rày nữa không?
 Được rày tái thế tương phùng,
 3040 Khát khao đã thỏa tấm lòng lâu nay.
 Đã đem mình bỏ am mây,
 Tuổi này gửi với cỏ cây cũng vừa.
 Mùi thiên đã bén muối dưa,
 Màu thiên ăn mặc đã ưa nâu sồng.
 3045 Sự đời đã tắt lửa lòng,
 Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi!
 Dở dang nào có hay gì,
 Đã tu tu trót, qua thì thì thôi!
 Trùng sinh ơn nặng bể trời,
 3050 Lòng nào nỡ dứt nghĩa người ra đi?”

Ông rằng: “Bỉ thử nhất nhì,
 Tu hành thì cũng phải khi tòng quyền.
 Phải điều cầu Phật cầu Tiên,
 Tình kia hiếu nọ, ai đền cho đây?
 3055 Độ sinh nhờ đức cao dày,
 Lập am, rồi sẽ rước thầy ở chung”.
 Nghe lời, nàng phải chiều lòng,
 Giã sư, giã cảnh, đều cùng bước ra.
 3060 Một nhà về đến, quan nha,
 Đoàn viên vội mở tiệc hoa vui vầy.
 Tàng tàng, chén cúc dờ say,
 Đứng lên, Vân mới giải bày một hai.
 Rằng: “Trong tác hợp cơ trời,
 Hai bên gặp gỡ, một lời kết giao.
 3065 Gặp cơn bình địa ba đào,
 Vậy đem duyên chị buộc vào cho em.
 Cũng là phận cái duyên kim,
 Cũng là máu chảy ruột mềm chớ sao?
 Những là rày ước mai ao,
 3070 Mười lăm năm ấy, biết bao nhiêu tình!
 Bây giờ, gương vỡ lại lành,
 Khuôn thiêng lửa lọc đã dành có nơi.
 Còn duyên may lại còn người,
 Còn vừng trăng bạc, còn lời nguyên xưa.
 3075 Quả mai ba bảy đương vừa,
 Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì”.
 Dứt lời, nàng vội gạt đi:
 “Sự muôn năm cũ, kể chi bây giờ?
 Một lời tuy có ước xưa,
 3080 Xét mình dải gió dầu mưa đã nhiều.
 Nói càng hổ thẹn trăm chiều,
 Thà cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi”.
 Chàng rằng: “Nói cũng lạ đời,
 Dầu lòng kia vậy, còn lời ấy sao?
 3085 Một lời đã trót thâm giao.
 Dưới dày có đất, trên cao có trời.
 Dầu rằng vật đổi sao dời,
 Tử sinh, cũng giữ lấy lời tử sinh.

Duyên kia có phụ chi tình,
 3090 Mà toan chia gánh chung tình làm hai?"
 Nàng rằng: "Gia thất duyên hài.
 Chút lòng ân ái, ai ai cũng lòng.
 Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,
 Hoa thơm phong nhị, trăng vòng tròn gương.
 3095 Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,
 Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa.
 Thiếp từ ngộ biến đến giờ,
 Ong qua bướm lại, đã thừa xấu xa.
 Bấy chầy gió táp mưa sa,
 3100 Mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn.
 Còn chi là cái hồng nhan,
 Đã xong thân thế, còn toan nổi nào?
 Nghĩ mình chẳng hổ mình sao?
 Dám đem trần cấu dự vào bố kinh!
 3105 Đã hay, chàng nặng vì tình,
 Trông hoa đèn, chẳng thẹn mình lấm ru!
 Từ rày, khép cửa phòng thu,
 Chẳng tu thì cũng như tu mới là,
 Chàng dù nghĩ đến tình xa,
 3110 Đem tình cầm sắt, đổi ra cầm cờ.
 Nói chi kết tóc xe tơ,
 Đã buồn cả ruột, lại dơ cả đời".
 Chàng rằng: "Khéo nói nên lời,
 Mà trong lẽ phải, có người có ta.
 3115 Xưa nay trong đạo đàn bà,
 Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường.
 Có khi biến, có khi thường,
 Có quyền nào phải một đường chấp kinh.
 Như nàng lấy hiếu làm trinh,
 3120 Bụi nào cho đục được mình ấy vay?
 Trời còn để có hôm nay,
 Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời.
 Hoa tàn mà lại thêm tươi,
 Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.
 3125 Có điều chi nữa mà ngờ,
 Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu!"

- Nghe chàng nói đã hết điều,
Hai thân thì cũng quyết theo một bài.
Hết lời, khôn lẽ chối lời,
3130 Cúi đầu, nằng những ngấn dài thở than.
Nhà vừa mở tiệc đoàn viên,
Hoa soi ngọn đuốc, hồng chen bức là.
Cùng nhau giao bái một nhà,
Lễ đà đủ lễ, đôi đà đủ đôi.
- 3135 Động phòng, diu dặt chén mỗi,
Bâng khuâng duyên mới, ngậm ngùi tình xưa.
Những từ sen ngó đào tơ,
Mười lăm năm mới bấy giờ là đây.
Tình duyên ấy, hợp tan này,
3140 Bi hoan mấy nổi, đêm chầy trắng cao.
Canh khuya, bức gấm rủ thao,
Dưới đèn tỏ rạng, má đào thêm xuân.
Tình nhân lại gặp tình nhân,
Hoa xưa ọng cũ, mấy phân chung tình.
- 3145 Nàng rằng: “Phận thiệp đã đành,
Có làm chi nữa cái mình bỏ đi!
Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,
Chiều lòng gọi có xướng tùy mảy may.
Riêng lòng đã thẹn lắm thay,
3150 Cũng đà mặt dạn mày dày khó coi!
Những như âu yếm vành ngoài,
Còn toan mở mặt với người cho qua.
Lại như những thói người ta,
Vớt hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa.
- 3155 Cũng là giở duốc bày trò,
Còn tình đâu nữa, là thù đấy thôi!
Người yêu, ta xấu với người,
Yêu nhau, thì lại bằng mười phụ nhau!
Cửa nhà dù tính về sau,
3160 Thì còn em đó, lọ cầu chi đây.
Chữ trịnh còn một chút này,
Chẳng cầm cho vững, lại giày cho tan!
Còn nhiều ân ái chan chan,
Hay gì vậy cánh hoa tàn mà chơi?”

- 3165 Chàng rằng: “Gắn bó một lời,
Bỗng không cá nước chim trời lỡ nhau.
 Xót người lưu lạc bấy lâu,
Tưởng thể thốt nặng, cũng đau đớn nhiều.
 Thương nhau sinh tử đã liều.
- 3170 Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình.
 Chừng xuân tơ liễu còn xanh,
Nghĩ sao cho thoát khỏi vảnh ái ân.
 Gương trong chẳng chút bụi trần,
Một lời quyết hẳn muôn phần kính thêm.
- 3175 Bấy lâu đáy bể mò kim,
Là nhiều vàng đá, phải tìm trăng hoa?
 Ai ngờ lại hợp một nhà,
Lọ là chẵn gối mới ra sắt cầm!”
- Nghe lời, sửa áo cài trâm,
3180 Khấu đầu, lạy tạ cao thâm nghìn trùng:
 “Thân tàn, gạn đục khơi trong,
Là nhờ quân tử khác lòng người ta.
 Mấy lời tâm phúc ruột rà,
Tương tri dường ấy mới là tương tri.
- 3185 Chở che đùm bọc thiếu gì?
Trăm năm danh tiết cũng vì đêm nay”.
 Thoắt thôi, tay lại cầm tay,
Càng yêu vì nét, càng say vì tình.
 Thêm nén giá, nối hương bình,
3190 Cùng nhau lại chuốc chén quỳnh giao hoan.
 Tình xưa lai láng khôn hàn,
Thong dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.
 Nàng rằng: “Vì mấy đường tơ,
Lầm người cho đến bây giờ mới thôi,
- 3195 Ăn năn thì sự đã rồi.
Nể lòng người cũ, vâng lời một phen.”
 Phím đàn dè dặt tay tiên,
Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa.
 Khúc đâu đầm ấm dương hòa,
3200 Ấy là hồ điệp, hay là Trang sinh?
 Khúc đâu êm ái xuân tình,
Ấy hồn Thục Đế, hay mình đồ duyên?

Trong sao, châu rõ dành quyền!
 Ấm sao, hạt ngọc Lam Điền mới đông!
 3205 Lọt tai, nghe suốt năm cung,
 Tiếng nào là chẳng náo nùng, xôn xao.
 Chàng rằng: “Phổ ấy tay nào?
 Xưa sao sâu thăm, nay sao vui vầy?
 Tẻ vui bởi tại lòng này,
 3210 Hay là khổ tận đến ngày cam lai?”
 Nàng rằng: “Vì chút nghề chơi,
 Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu.
 Một phen tri kỷ cùng nhau,
 Cuốn dây từ đấy về sau cũng chừa.”
 3215 Chuyện trò chưa cạn tóc tơ,
 Gà đà gáy sáng, trời vừa rạng đông,
 Tình riêng nàng lại nói sòng,
 Một nhà ai cũng lạ lòng khen lao,
 Cho hay thực nữ chí cao,
 3220 Phải người sớm muộn tối đào như ai?
 Hai tình vẹn vẻ hòa hai,
 Chẳng trong chẵn gối, cũng ngoài cầm thơ.
 Khi chén rượu, khi cuộc cờ,
 Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.
 3225 Ba sinh đã phỉ mười nguyên,
 Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bấy.
 Nhớ lời, lập một am mây;
 Khiến người thân tín rước thầy Giác Duyên.
 Đến nơi, đóng cửa cài then,
 3230 Rêu trùn kẽ ngạch, cỏ len mái nhà.
 Sư đà hái thuốc phương xa,
 Mây bay hạc lánh, biết là tìm đâu?
 Nặng vì chút nghĩa bấy lâu,
 Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai.
 3235 Một nhà phúc lộc gồm hai,
 Nghìn năm dằng dặc quan giai lần lần.
 Thừa gia chẳng hết nàng Vân,
 Một cây cù mộc, một sân quế hòe.
 Phong lưu phú quý ai bì;
 3240 Vườn xuân một cửa để bia muôn đời.

Ngâm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân.

Bắt phong trần, phải phong trần,
Cho thanh cao, mới được phần thanh cao.

3245 Có đâu thiên vị người nào,
Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai.

Có tài mà cậy chi tài,
Chữ tài liền với chữ tai một vần.

3250 Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.

Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Lời quê chấp nhật đông dài,
Mua vui cũng được một vài trống canh.

TRUYỆN KIỀU

DO NGUYỄN QUẢNG TUÂN KHẢO ĐỊNH VÀ CHÚ GIẢI

TRUYỆN KIỀU

Trăm năm¹ trong cội người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu²,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng
5 Lạ gì bỉ sắc tư phong³.
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen
Cảo thơm⁴ lần giở trước đèn,
Phong tình có lục⁵ còn truyền sử xanh⁶.
Rằng: Năm Gia Tĩnh⁷ triều Minh⁸,

1. *Trăm năm*: thời gian một đời người ta ở trần thế. Cổ ngữ: *Nhân sinh bách tuế vi kỳ* = người ta sống lâu chừng trăm tuổi. Ở câu này chữ *trăm năm* có thể thay bằng chữ *xưa nay*, *đại phàm* vì chỉ ngụ ý nói bao quát mà thôi chứ không phải là hạn định một trăm năm như mấy chỗ khác trong truyện.

2. *Bể dâu*: do chữ *tang thương* dịch ra. Sách *Ấu học tâm nguyên* có câu: “*Thương hải tang điền, vị thế sự chi đa biến*” ý nói bể xanh biến thành ruộng dâu là chỉ việc đời nhiều biến đổi.

3. *Bỉ sắc tư phong*: điều kia kém thì điều này hơn, ý nói có tài thì kém mệnh, có nhan sắc thì bị tạo hóa ghét ghen.

4. *Cảo thơm*: pho sách hay.

5. *Phong tình có lục*: xem các bản Nôm đã viết là 固 thì câu này phải phiên âm là *Phong tình có lục còn truyền sử xanh* vì chữ Nôm có mượn chữ 固 cổ (cổ trong bộ vi). Nếu là *cổ lục* thì chữ Hán đã có sẵn chữ 古 cổ, sao lại không dùng đến. *Phong tình có lục*: có cái bản truyện phong tình còn để lại trong sử sách.

Bản Quốc ngữ đầu tiên đã phiên “*cổ lục*” là bản *Kim Vân Kiều tân truyện* của Edmond Nordemann in năm 1897.

KHẢO DỊ : Phần *khảo dị* được in từ trang 1042 đến trang 1087. Trong phần *văn bản* các chữ có *khảo dị* đều được in nghiêng để tiện việc tra cứu.

6. *Sử xanh*: ngày xưa chưa có giấy, người ta phải chép sử vào những thẻ tre xanh nên mới gọi như vậy.

7. *Gia Tĩnh*: niên hiệu vua Thế Tông nhà Minh (1522 - 1566).

8. *Triều Minh*: là một triều đại phong kiến của Trung Quốc, từ năm 1368 đến năm 1644.

10 Bốn phương phẳng lặng, hai kinh¹ vững vàng
 Có nhà Viên ngoại² họ Vương,
 Gia tư³ *ngĩ*⁴ cũng thường thường bậc trung.
 Một trai, con thứ tốt lòng,
 Vương Quan là chữ nối dòng Nho gia⁵.
 15 Đầu lòng hai ả tố nga⁶,
 Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
 Mai cốt cách⁷, tuyết tinh thần⁸,
 Một người một vẻ, mười phân vẹn mười.
 Vân xem trang trọng⁹ khác vời,
 20 Khuôn *trắng* đầy đặn¹⁰, nét ngài nở nang.¹¹
 Hoa cười ngọc *thốt* đoan trang,
 Mây thua nước tóc¹², tuyết nhường màu da¹³
 Kiều càng sắc sảo mặn mà,
 So bề tài sắc lại là phần hơn.

1. *Hai kinh*: tức Bắc Kinh và Nam Kinh.

2. *Viên ngoại*: chức quan ngoại ngạch để những người giàu có được bỏ tiền ra mua cho thêm danh giá.

3. *Gia tư*: của cải trong nhà, cũng như *gia sản*.

4. *Ngĩ*: cho là, ước chừng. Bản KOM viết là 倚 (*ngĩ*) nên về sau bản BK.TTK và bản TĐ mới phiên âm là *ngĩ* và chú thích là hấn, va, nó... Theo chúng tôi nghĩ chữ *ngĩ* có ngụ ý khinh rẻ nên không thích hợp ở đây để chỉ Viên ngoại.

5. *Nho gia*: nhà theo Nho học.

6. *Tố nga*: người con gái đẹp ví với Hằng Nga ở trên cung trăng (*tố*: trắng, *nga*: người con gái đẹp).

7. *Mai cốt cách*: ý nói về dáng vóc con người thanh tú như cành mai. *Cốt cách*: bộ xương, kiểu dáng con người.

8. *Tuyết tinh thần*: ý nói tinh thần trong trắng như tuyết.

9. *Trang trọng*: có vẻ nghiêm trang đứng đắn.

10. *Khuôn *trắng* đầy đặn*: ý nói khuôn mặt đầy đặn, tròn trĩnh như mặt trăng, cốt tả cái vẻ đẹp phúc hậu của Thúy Vân.

11. *Nét ngài nở nang*: ý nói lông mày hơi đậm, cốt tả cái vẻ đẹp tự nhiên của Thúy Vân.

Cả câu dựa theo lời trong Tương thư: *Diện thư mĩ như nguyệt, mi như ngọc tâm* = mặt như vầng trăng tròn, lông mày như con tằm nằm ngang, chỉ cái tướng phúc hậu.

12. *Mây thua nước tóc*: mây thua cái vẻ óng mượt của làn tóc mềm mại. *Nước* là cái ánh, cái vẻ óng mượt.

13. *Tuyết nhường màu da*: tuyết đã trắng mà cũng phải chịu kém màu trắng của làn da mịn màng như ngọc, như ngà.

25 Làn thu thủy, nét xuân sơn¹,
 Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
 Một hai² nghiêng nước nghiêng thành³,
 Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.
 Thông minh vốn sẵn tư trời⁴,
 30 Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.
 Cung thương⁵ lầu bạc⁶ ngũ âm,
 Nghề riêng ăn đứt Hồ cầm⁷ một trương⁸.
 Khúc nhà⁹, tay lựa nên chương¹⁰,
 Một thiên Bạc mệnh¹¹ lại càng náo nhân¹².
 35 Phong lưu rất mực hồng quần¹³,

1. *Làn thu thủy, nét xuân sơn*: ý nói mắt trong như nước mùa thu, lông mày phơn phớt xanh như núi mùa xuân.

2. *Một hai*: đây là dịch mấy chữ *nhất cố, tái cố* trong điển trên.

3. *Nghiêng nước nghiêng thành*: ý nói đến cái đẹp làm cho người ta phải say mê mà mất cả thành mất cả nước. Ý ấy mượn trong bài ca của Lý Diên Niên: "*Bắc phương hữu giai nhân, tuyệt thế nhi độc lập, nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc.*" = Phương Bắc có người con gái đẹp, đẹp nhất đời mà còn ở một mình. Người đẹp ấy chỉ ngoảnh lại một lần là nghiêng cả thành, ngoảnh lại lần nữa là nghiêng mất cả nước...

4. *Tư trời*: do trời ban cho, trời phú cho.

5. *Cung thương*: hai âm đứng đầu trong *ngũ âm* tức: cung, thương, giốc, chúy, vũ.

6. *Lầu bạc*: thuộc lòng các cung bậc.

7. *Hồ cầm*: một loại đàn tỳ bà, nguyên ở nước Hồ làm ra nên mới gọi là *Hồ cầm*. Sách *Văn hiến thông khảo* viết: "Đàn tỳ bà trở ngổ đồng ra mà làm, bụng như rùa, cổ như phụng". Tục *Văn hiến thông khảo* cũng nói: "Đàn tỳ bà đời nhà Nguyên làm bằng gỗ, đầu cong, cổ dài, bên trục, giữa cổ có phím, mặt rộng, bốn dây".

8. *Một trương*: các bản Nôm đều viết 沒張 *một trương* nhưng có bản viết tắt chữ *một* là 艾 (như bản *Kim Vân Kiều tân truyện* - Duy Minh thị, *Kim Vân Kiều hợp tập* - Khải Định cửu niên) nên có người đọc lầm là *Ngải Trương*. Ở quyển *Kim Vân Kiều hợp tập* tất cả các chữ *một* đều được viết giản thể, không có chấm thủy ở bên. Chữ 艾 (*một*) thực ra khác hẳn với chữ 艾 (*ngải*) có bộ thảo ở trên. Chữ *trương* có nghĩa là cây đàn. Sách có câu: "*Cầm nhất tương, kỳ nhất cuộc* = cầm một cây, cờ một bàn. Cả câu 32 ý nói cô Kiều có tài riêng về cây đàn Hồ cầm, ăn đứt được tất cả mọi người, không ai sánh kịp.

9. *Khúc nhà*: khúc đàn do Thúy Kiều soạn ra.

10. *Chương*: chương khúc, bài nhạc.

11. *Thiên Bạc mệnh*: tên bài đàn, bài nhạc do Thúy Kiều soạn ra nhan đề là *Oán bạc mệnh*.

12. *Náo nhân*: làm cho người nghe phải sáo nháo trong lòng.

13. *Hồng quần*: cái quần màu hồng người phụ nữ Trung Quốc xưa thường mặc; đây dùng để chỉ tư cách cao quý của người phụ nữ.

Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê ¹,
 Êm đềm trướng rủ màn che,
 Tường Đông ² ong bướm ³ đi về mặc ai.
 Ngày xuân con én đưa thoi,
 40 Thiều quang ⁴ chín chục đã ngoài sáu mươi.
 Cỏ non xanh tận chân trời,
 Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
 Thanh minh ⁵ trong tiết tháng ba,
 Lễ là tảo mộ ⁶, hội là đạp thanh ⁷.
 45 Gần xa nô nức yến anh ⁸,
 Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
 Dập dìu tài tử giai nhân ⁹,
 Ngựa xe như nước, áo quần như nêm ¹⁰.
 Ngổn ngang, gò đồng kéo lên,
 50 Thoi vàng vó ¹¹ rắc, tro tiền giấy bay.
 Tà tà bóng ngả về Tây,
 Chị em thơ thẩn dan tay ra về.

1. *Cập kê*: cài trâm. Theo tục lệ cổ Trung Quốc, con gái đến 15 tuổi bắt đầu cài trâm tức là đã đến tuổi lấy chồng.

2. *Tường Đông*: tường nhà ở phía Đông, chỉ nhà bên hàng xóm.

3. *Ong bướm*: ý nói đến những chàng trai tìm cách ve vãn con gái.

4. *Thiều quang*: ánh sáng tốt đẹp tức nắng xuân đẹp đẽ. Cả câu ý nói trong chín chục ngày xuân đẹp đẽ hơn sáu chục ngày qua đi rồi.

5. *Thanh minh*: theo âm lịch một năm chia làm 24 tiết, tiết Thanh minh là tiết nhằm vào khoảng đầu tháng ba âm lịch (thường thuộc vào đầu tháng tư dương lịch).

6. *Tảo mộ*: (tảo: quét, mộ: mồ mả) quét dọn sửa sang lại các phần mộ cho sạch sẽ.

7. *Đạp thanh*: giẫm lên cỏ xanh. Người ta đi tảo mộ ở ngoài đồng đông như hội nên gọi là *hội đạp thanh*.

8. *Yến anh*: hai loài chim thường bay thành đàn về mùa xuân, đây ý nói người đi chơi xuân đông đúc từng đoàn, từng lũ.

9. *Tài tử giai nhân*: trai tài gái sắc.

10. *Áo quần như nêm*: *nêm* đây là những mảnh gỗ mỏng đóng trên hai mặt thớt cối xay lúa khít nhau như những hàm răng. Chữ Hán có câu: “*Xa mã như thủy, y thường như xỉ*”, ngựa xe đi lại như nước chảy, áo quần chật khít nhau như những hàm răng ở trên mặt cối. Cả câu 48 ý nói ngựa xe qua lại liên tiếp như nước chảy, khách du xuân áo quần đẹp đẽ chen khít nhau như những mảnh nêm ở trên mặt thớt cối xay. Câu này đặt theo lối tiểu đối: *thủy* (danh từ) đối với *nêm* (danh từ).

11. *Vàng vó*: đồ mã làm giả những thoi vàng hình khối chữ nhật dùng để rắc lúc đưa ma hay để cúng lúc đi tảo mộ.

Bước *dần* theo ngọn tiểu Khê ¹,
 Lăn xem phong cảnh có bề thanh thanh ²
 55 Nao nao dòng nước uốn quanh,
 Dịp ³ cầu nho nhỏ cuối ghềnh ⁴ bắc ngang.
 Sè sè ⁵, nắm đất ⁶ bên đàng,
 Dầu dầu, ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
 Rằng: “Sao trong tiết thanh minh,
 60 Mà đây hương khói vắng *tanh* thế mà?”
 Vương Quan mới dần gần xa:
 “Đạm Tiên nàng ấy, xưa là ca nhi ⁷.
 Nổi danh tài sắc một thì,
 Xôn xao ngoài cửa hiếm gì yến anh, ⁸
 65 Kiếp hồng nhan ⁹ có mong manh,
 Nửa chừng xuân thoát gẫy cành thiên hương ¹⁰!
 Có người khách ở viễn phương ¹¹,
 Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.
 Thuyền tình ¹² vừa ghé tới nơi,
 70 Thì đà trâm gãy bình rơi ¹³ bao giờ.

1. *Tiểu Khê*: dòng nước nhỏ, ngòi nước nhỏ.

2. *Thanh thanh*: có vẻ xinh xắn.

3. *Dịp*: cũng viết là *nhịp*. Trong thơ ca thường nói *dịp*.

4. *Ghềnh*: chỗ ngòi nước bị thu hẹp lại, hơi nông, có đá lởm chồm chắn ngang làm dòng nước dồn lại và chảy xiết.

5. *Sè sè*: ý nói thấp gần sát mặt đất.

6. *Nắm đất*: đây chỉ nắm mộ nhỏ.

7. *Ca nhi*: người con gái làm nghề ca hát ở các thanh lâu ngày xưa.

8. *Yến anh*: đây chỉ khách làng chơi tìm đến với Đạm Tiên đông như chim anh, chim yến.

9. *Hồng nhan*: má hồng, chỉ người đàn bà con gái đẹp.

10. *Cành thiên hương*: chỉ người con gái đẹp. *Thiên hương* là hương trời. *Cả câu* 66: ý nói người con gái đẹp đang độ tuổi thanh xuân mà đột nhiên nửa chừng bị chết.

11. *Viễn phương*: phương xa.

12. *Thuyền tình*: thuyền chở người khách có tình với Đạm Tiên đến. Kiều Oánh Mậu chú: *Tình sử*: *Thuyền dĩ tình quý* = con thuyền lấy tình làm quý.

13. *Trâm gãy bình rơi*: cái trâm cài đầu bị gãy, cái bình hoa bị rơi vỡ, ý nói đến người đàn bà con gái đẹp bị chết. Thơ Bạch Cư Dị có câu: “*Bình trâm trâm chiết tri nại hà, tự thiếp kim triêu dữ quân biệt*” = bình chìm trâm gãy biết làm sao được, cũng như sáng hôm nay thiếp cùng chàng từ biệt.

Buồng không *lạnh ngắt* như tờ ¹,
 Dấu xe ngựa ² đã rêu mờ xanh ³.
 Khóc than khôn xiết sự tình,
 Khéo vô duyên ⁴ bấy là mình với ta.
 75 Đã *không* duyên trước chẳng mà,
 Thì chi chút ước ⁵ gọi là duyên sau.
 Sấm sanh nếp tử ⁶ xe châu ⁷,
 Vui nông ⁸ một nắm, mặc dầu cỏ hoa.
 Trái bao thỏ lặn ác tà ⁹,
 80 Ấy mồ vô chủ ¹⁰, ai mà viếng thăm?"
 Lòng đâu sẵn mối thương tâm,
 Thoắt nghe, Kiều đã đầm đầm châu sa ¹¹:
 "Đau đớn thay, phận đàn bà!
 Lời rằng *bạc mệnh* cũng là lời chung.

1. *Như tờ*: như tờ giấy, thứ giấy bản ngày xưa. Ta thường nói *êm như tờ* vì hai tờ giấy bản chạm vào nhau vẫn êm, không gây ra tiếng động nào.

Lạnh ngắt như tờ: lạnh lẽo và im không có một tiếng động nào.

2. *Dấu xe ngựa*: dấu vết bánh xe ngựa của khách làng chơi tìm đến với Đạm Tiên.

3. *Đã rêu mờ xanh*: ý nói đã lâu rồi, rêu đã mọc che gần kín các vết xe ngựa.

4. *Vô duyên*: không có nhân duyên với nhau nên không được gặp nhau.

5. *Chút ước*: một chút ước hẹn để dành về kiếp sau.

6. *Nếp tử*: cái áo quan bằng gỗ tử.

7. *Xe châu*: xe chở linh cữu có kết rèm ngọc châu. Theo đoạn này thì Nguyễn Du đã để Đạm Tiên chết được một thời gian (*dấu xe ngựa đã rêu mờ xanh*) rồi người khách phương xa mới đến. Trong nguyên truyện thì: "Khi Đạm Tiên chết gặp phải mục chủ tề bạc, toan đem vứt xác nàng ra bờ ngòi. May sao lúc ấy có một khách ở viễn phương vì mộ tiếng sắc tài của nàng nên mới tìm đến". Tưởng như vậy hợp lý hơn vì không làm gì có chuyện để quan một chỗ chưa chôn ngay.

8. *Vui nông*: chôn sơ sài, không có xây đắp mộ gì cả. Điều này cũng đúng với đoạn trên đã tả: "*sè sè nắm đất bên đường*". Bản BK-TTK cũng chép là *vui nông*. Tản Đà theo bản KOM chép là *bụi hồng* và đã chú thích rằng: "*Hai chữ bụi hồng đây chỉ là lời văn lịch sự, nói cái mà chôn ở bên đường. Có nhiều bản để là vui nông thời làm mất cả vẻ hay mà lại thành ra cái tình của người khách không có trung hậu. Như sự sai lầm đó rất có hại đến văn lý*".

Thực ra thì theo mạch văn ở đây phải dùng hai chữ *vui nông* mới chuyển tiếp được với việc *sấm sanh* ở câu trên. Hơn nữa người khách viễn phương chưa quen biết gì Đạm Tiên mà lo cho chôn cất như vậy đã là quá tốt rồi.

9. *Thỏ lặn ác tà*: *thỏ* là chỉ mặt trăng, *ác* là chỉ mặt trời; ý nói đã bao ngày trôi qua rồi.

10. *Vô chủ*: không có ai nhận, không có ai đến thăm viếng, quét dọn sửa sang lại.

11. *Châu sa*: giọt nước mắt chảy xuống. Cổ văn: *Sái giao nhân chi châu lệ* = người giao nhân khóc nước mắt sa xuống thành hạt châu.

85 Phũ phàng chi *mấy* hóa công,
 Ngày xanh mòn mỗi má hồng phôi pha.
 Sống làm vợ *khấp* người ta,
 Khéo thay thác xuống làm *ma không chồng*.
 Nào người phượng chạ loan chung ¹,
 90 Nào người tiếc lục tham hồng là ai ²?
 Đã không kẻ đoái người hoài,
 Sẵn đây ta *kiếm* ³ một vài *nén* hương.
 Gọi là gặp gỡ giữa đường,
 Họa là người dưới tuổi vàng ⁴ biết cho".
 95 Lầm rầm khấn *khứa* nhỏ to,
 Sụp ngồi vài *gật* ⁵ trước mỗ bước ra.
 Một vùng cỏ áy ⁶ bóng tà,
 Gió hiu hiu thổi một và bông lau.
 Rút trâm sẵn giắt mái đầu,
 100 Vạch da cây vịnh *bốn* câu *ba* vần ⁷.
 Lại càng mê mẩn tâm thần ⁸,
 Lại càng đứng *lặng* tần ngần chẳng ra.
 Lại càng ủ dột nét hoa ⁹,
 Sầu tuôn *đứt* nối, châu sa vấn dài.

1. *Phượng chạ loan chung*: chỉ những người khách làng chơi đã từng ăn nằm với Đạm Tiên. Cái cảnh *phượng loan chung chạ* là nói đến sự ái ân giao tình bữa bãi.

2. *Tiếc lục tham hồng*: tiếc màu xanh, tham màu đỏ; chỉ những người khách làng chơi đã ham mê sắc đẹp của Đạm Tiên.

3. *Kiểm*: BK-TTK đã giảng: "*Kiểm là để đem dâng, đem lễ, chứ không phải là tìm kiếm*" Các bản Nôm đều viết 覓 (kiếm) nhưng không thể hiện như BK-TTK được. Kiếm chỉ có nghĩa là tìm kiếm. Sở dĩ ba chị em Thúy Kiều phải tìm kiếm một vài nén hương mà các người đi tảo mộ còn để lại vì lúc ra về ba chị em chỉ đi tay không: "*Chị em thơ thẩn dan tay ra về*", không cầm gì cả, chính sự tìm kiếm ấy đã cho ta thấy được lòng thương xót của Thúy Kiều đối với Đạm Tiên thật sâu sắc, thật chân tình.

4. *Suối vàng*: do chữ *hoàng tuyền* là cái suối ở dưới đất mà theo ngũ hành, đất thuộc màu vàng nên gọi là *suối vàng*.

5. *Vài gật*: tức là cúi đầu vái mấy cái. Nguyên truyện viết: *Đảo thân tứ bái* = nghiêng mình vái bốn cái.

6. *Cỏ áy*: cỏ vàng úa.

7. *Bốn câu ba vần*: tức là bài thơ tứ tuyệt.

8. *Tâm thần*: tâm trí, tinh thần, nói chung về tinh thần ý tưởng.

9. *Nét hoa*: nét mặt đẹp của người con gái. *Ủ dột nét hoa* là nói nét mặt buồn rầu.

105 Vân rằng: “Chị cũng nức cười,
 Khéo dư nước mắt khóc người *đời xưa* ¹.
 Rằng: “*Hồng nhan tự thuở* xưa,
 Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu?
 Nỗi niềm tưởng đến mà đau,
 110 Thấy người nằm đó biết sau thế nào?”
 Quan rằng: “Chị nói hay sao,
 Một *lời* là một vận vào ² khó nghe.
 Ở đây âm khí ³ nặng nề,
 Bóng chiều đã ngả, dặm về còn xa”.
 115 Kiều rằng: “Những đấng tài hoa,
Thác là thể phách ⁴ còn là tinh anh ⁵.
 Dễ *hay* tình lại gặp tình,
 Chờ xem ắt thấy hiển linh ⁶ bây giờ.”
 Một lời nói chưa kịp thưa,
 120 Phút đâu trận gió cuốn cờ ⁷ đến ngay.
 Áo ào *đổ* lộc *rung* cây,
 Ở trong dường có hương bay ít nhiều.
 Đè chừng ngọn gió lần theo,
 Dấu giấy *từng* bước *in rêu* rành rành.
 125 Mặt nhìn ai nấy đều kinh,
 Nàng rằng: “Này thực tinh thành ⁸ chẳng xa.
 Hữu tình ta lại *gặp* ta,
Chớ nề u hiển ⁹ mới là chị em”.
 Đã lòng hiển hiện cho xem,

1. *Người đời xưa*: do chữ *cổ nhân*, chỉ người đã chết.

2. *Vận vào*: buộc vào mình.

3. *Âm khí*: âm khí, đây nói về cái khí ám đạm lạnh lẽo ở bãi tha ma.

4. *Thể phách*: xác và vĩa; *xác* là hữu hình, *phách* là thuộc về vô hình, chỉ dựa vào thể xác mà tồn tại. Chữ *thể phách* ở đây chỉ chung thể xác con người.

5. *Tinh anh*: tức là phần linh hồn. *Nguyên truyện*: *Tử giả thể phách, bất tử giả tinh thần* = người ta chết là mất đi cái thể xác chứ cái tinh thần thì không bao giờ mất đi được.

6. *Hiển linh*: hiện rõ ra sự linh thiêng.

7. *Trận gió cuốn cờ*: tức là trận gió mạnh có thể cuốn lá cờ lại.

8. *Tinh thành*: lòng rất chân thành, hoàn toàn thuần khiết.

9. *U hiển*: tối và sáng rõ; ý nói đến người chết ở dưới âm ty và kẻ sống ở trên dương gian.

Chớ nề u hiển: không có phân biệt gì kẻ sống với người chết.

- 130 Tạ lòng nàng lại nối thêm vài lời.
 Lòng thơ lai láng bồi hồi,
 Gốc cây lại vạch một bài cổ thi ¹.
 Dùng dằng nửa ở nửa về,
 Nhạc vàng ² đâu đã tiếng nghe gần gần.
- 135 Trông chừng thấy một văn nhân,
 Lỏng buông tay khấu bước lần dặm băng ³.
 Đề huê ⁴ lưng túi gió trăng ⁵,
 Sau chân theo một vài thằng con con.
 Tuyết in sắc ngựa câu ⁶ giòn ⁷.
- 140 Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.
 Nẻo xa mới tỏ mặt người,
 Khách đà xuống ngựa tới nơi tự tình ⁸.
 Hài văn ⁹ lần bước dặm xanh ¹⁰,
 Một vùng như thể cây quỳnh, cành dao ¹¹.
- 145 Chàng Vương quen mặt ra chào,

1. *Cổ thi*: bài thơ cổ, bài thơ làm theo *cổ thể* hoặc *cổ phong* chưa có niêm luật chặt chẽ.

2. *Nhạc vàng*: tức là nhạc ngựa bằng đồng vì sắc đồng màu vàng nên gọi là *nhạc vàng* cho đẹp lời.

Tay khấu: tay cầm cương ngựa. *Khấu*: dây cương ngựa. *Lỏng buông tay khấu*: thả chùng dây cương cho ngựa đi thông thả trở lại.

3. *Dặm băng*: chữ băng 冰 có bộ băng 冫 có nghĩa là nước giá lạnh đông cứng lại khác với chữ 泳 băng viết có bộ 氵 tức là đi ngang, vượt lên. Vì mặt nước đóng băng rất bằng phẳng nên *dặm băng* có nghĩa là dặm đường bằng phẳng. *Dặm băng* được đặt đối với *tay khấu* nên chữ băng không thể là động từ được.

4. *Đề huê*: mang dất.

5. *Lưng túi gió trăng*: do các chữ *bán nang phong nguyệt* (nửa túi gió trăng). Các nhà thơ xưa thường hay lấy gió trăng làm đề tài ngâm vịnh nên mới gọi túi thơ là *túi gió trăng*.

6. *Ngựa câu*: ngựa non.

7. *Giòn*: chữ 存 *giòn* ở các bản Kiều Nôm thường viết có khung 疒 “bệnh” bằng chữ 存 tồn. Chữ *giòn* (dòn) có thể hiểu nghĩa là đẹp.

8. *Tự tình*: bày tỏ nỗi lòng của mình.

9. *Hài văn*: thứ giày thêu mà các Nho sinh ngày xưa thường dùng.

10. *Dặm xanh*: dặm cỏ xanh, đối chiếu lên *dặm băng* thì hai chữ “*xanh*” và “*băng*” đều là tính từ. Dặm cỏ xanh bằng phẳng gọi là *dặm băng*.

11. *Cây quỳnh, cành dao*: hai thứ cây cảnh đẹp. KOM chú: *Vương Diễm thân thái như quỳnh lâm dao thụ phong trần ngoại vật* = Phong cách tinh thần Vương Diễm đẹp như rừng quỳnh cây dao, thực là một bậc ngoài cõi phong trần vậy (Thế thuyết).

Hai *kiêu*¹ e lệ nép vào dưới hoa.
 Nguyên người quanh quất đâu xa²,
 Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh³.
 Nền phú hậu⁴, bậc tài danh⁵,
 150 Văn chương nét đất, thông minh tính trời.
 Phong tư⁶ tài mạo⁷ tốt vời,
 Vào trong phong nhã⁸, ra ngoài hào hoa⁹.
 Chung quanh vẫn đất nước nhà,
 Với Vương Quan trước vốn là đồng thân.
 155 Vẫn nghe thơm nức hương lân¹⁰,
 Một nền Đồng Tước¹¹ khóa xuân hai Kiều¹².
 Nước non cách mấy buồng thêu¹³,
 Những là trộm dấu thầm yêu chốc mòng¹⁴.
 May thay giải cấu tương phùng¹⁵,
 160 Gặp tuần đố lá¹⁶, thỏa lòng tìm hoa.
 Bóng hồng¹⁷ nhắc thấy nẻo xa,

1. Hai *kiêu*: (*kiêu* 嬌 là người con gái xinh đẹp) chỉ hai chị em Thúy Kiều và Thúy Vân.

2. *Đâu xa*: ý nói không có đâu xa.

3. *Trâm anh*: (*trâm*: cái trâm để cài tóc; *anh*: cái dải mũ).

Nhà trâm anh: nhà quyền quý dòng dõi làm quan.

4. *Phú hậu*: giàu có và phúc hậu.

5. *Tài danh*: người có tài và nổi tiếng.

6. *Phong tư*: hình dáng người có vẻ nho nhã, rất có tư cách.

7. *Tài mạo*: vẻ mặt thông minh, có tài năng.

8. *Phong nhã*: phong lưu tao nhã, ý nói người có dáng dấp một nhà Nho tài giỏi thơ văn.

9. *Hào hoa*: nói người ăn chơi hào phóng lịch sự.

10. *Hương lân*: chỗ hàng xóm láng giềng trong làng.

11. *Đồng Tước*: tên một cái đài. Đời Tam Quốc, Tào Tháo định nếu đánh thắng Đông Ngô sẽ bắt hai chị em Đại Kiều và Tiểu Kiều về giữ kín ở đài Đồng Tước.

12. *Hai Kiều*: hai chị em Đại Kiều và Tiểu Kiều. Chữ Kiều ở đây viết hoa vì là tên người 喬. Hai chữ 喬 và 嬌 (*kiêu* = người con gái đẹp) cùng đồng âm nên có một ý nghĩa rất đặc biệt.

13. *Buồng thêu*: buồng của con gái ở.

14. *Chốc mòng*: lúc lúc lại tưởng nhớ, ý nói nhớ hoài không bao giờ quên, chốc chốc lại nhớ đến.

15. *Giải cấu tương phùng*: tình cờ không hẹn mà gặp.

16. *Đố lá*: hội đố lá tức là đố cỏ (*đấu thảo* hoặc *diệp hí*). Bên Trung Quốc, đời Đường có hội đấu hoa lá.

17. *Bóng hồng*: bóng người con gái, đây chỉ bóng của hai chị em cô Kiều.

Xuân lan thu cúc ¹ mận mà cả hai.
 Người quốc sắc ², kẻ thiên tài ³,
 Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.
 165 Chập chờn cơn tỉnh cơn mê,
 Rốn ngồi ⁴ chẳng tiện, dứt về chĩn khôn ⁵.
 Bóng tà như giục cơn buồn,
 Khách đà lên ngựa người còn ghé theo ⁶.
 Dưới cầu nước chảy trong veo,
 170 Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.
 Kiều từ trở gót trướng hoa ⁷,
 Mặt trời gác núi, chiêm đà thu không ⁸.
 Mảnh trăng chênh chếch dòm song,
 Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.
 175 Hải đường ⁹ lả ngọn đông lân ¹⁰,

1. *Xuân lan thu cúc*: hoa lan mùa xuân, hoa cúc mùa thu, mỗi đóa hoa có một vẻ đẹp riêng. Thúy Kiều và Thúy Vân cũng vậy, mỗi người có một vẻ đẹp riêng.

2. *Quốc sắc*: sắc đẹp nổi tiếng trong nước, vào bậc nhất trong nước. *Người quốc sắc*: đây chỉ Thúy Kiều.

3. *Thiên tài*: tài do trời phú cho, tài cao hơn hẳn mọi người.

Kẻ thiên tài: đây chỉ Kim Trọng.

4. *Rốn ngồi*: ngồi thêm, cố ngồi thêm. Thực ra ở ngoài cánh đồng, ghé đầu mà ngồi. Kim Trọng và Vương Quan đều đứng mà nói chuyện với nhau.

5. *Chĩn khôn*: (*chĩn*: chỉ e rằng, *khôn*: khó xong) chỉ e rằng khó xong, chỉ e rằng không tiện.

6. *Ghé theo*: nhìn với theo, liếc mắt nhìn theo. Chữ 睇 ghé (nhìn theo) viết có bộ mục khác với chữ ghé 踏 (tạp vào) viết có bộ túc.

7. *Trướng hoa*: bức màn có thêu hoa, chỉ buồng phụ nữ ở.

8. *Thu không*: do chữ *sưu không*. *Sưu* là tìm tòi, *không* là trống không. *Sưu không* là đi xem xét, tìm tòi trong dinh trong đồn để soát lại có chỗ nào sơ khoáng chẳng mà phòng kẻ gian. Sau quen gọi là *thu không* tức hiệu trống, hiệu chuông bãi công việc vào buổi chiều, lúc gần tối.

9. *Hải đường*: thứ cây có hoa đẹp thường được dùng để ví với người con gái có nhan sắc.

10. *Đông lân*: lán giếng phía Đông.

Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà ¹.
 Một mình lặng ngắm bóng nga ²,
 Rộn đường gần ³ với nỗi xa ⁴ bời bời:
 “Người mà đến thế thì thôi,
 180 · Đời phồn hoa ⁵ cũng là đời bỏ đi!
 Người đâu gặp gỡ làm chi,
 Trăm năm biết có duyên gì hay không?”
 Ngổn ngang trăm mối bên lòng,
 Nên câu tuyệt diệu ⁶ ngụ trong tính tình.
 185 Chênh chênh bóng nguyệt xế màn,
 Tựa nương bên triện ⁷ một mình thiu thiu.
 Thoắt đâu thấy một tiểu kiều ⁸,

1. *Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà*: câu này bản Kiều Oánh Mậu viết chữ 撩 (treo), bản Quan Văn Đường viết chữ 招 (gieo - treo) nên các bản Quốc ngữ có người phiên là:

Giọt sương gieo nặng, cành xuân la đà.

Có người phiên là:

Giọt sương treo nặng, cành xuân la đà.

Hồ Đắc Hàm lại phiên là:

Giọt sương trĩu nặng, cành xuân la đà.

Tản Đà thấy chữ “*chịu*” thì lấy làm đặc ý và giải thích: “*Chịu nghĩa là treo bám vào đó mà làm cho ra nặng. Chữ này nguyên văn Nôm là các bản để là gieo, là đeo, đều là không sành nghĩa, duy trong bản của ông Hồ Đắc Hàm để là chịu thực tình đúng hơn.*”

Tuy Tản Đà có ý kiến như vậy nhưng chúng tôi nhận thấy câu 176 nên phiên âm là:

Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà

như đa số các bản chữ Quốc ngữ đã chép.

Nếu phiên âm là *gieo nặng* thì chúng ta có thể giảng là: “*Hơi sương đọng lại thành giọt nước treo nặng ở trên đầu mỗi ngọn lá (làm cho ngọn lá trĩu đầu xuống) mà khi có ngọn gió thổi qua thì cành xuân la đà (đưa đi đưa lại) làm rung xuống từng loạt.*”

2. *Bóng nga*: bóng trăng.

3. *Rộn đường gần*: óc bận rộn suy nghĩ về những việc mới xảy ra: gặp má Đạm Tiên, gặp Kim Trọng.

4. *Nỗi xa*: nỗi suy nghĩ về tương lai của mối tình với Kim Trọng: “*Trăm năm biết có duyên gì hay không?*”

5. *Đời phồn hoa*: đời sống hoa lệ, xa xỉ.

6. *Tuyệt diệu*: nói câu thơ rất hay.

7. *Bên triện*: bên lan can tạc hình chữ triện.

8. *Tiểu kiều*: người con gái nhỏ nhắn xinh đẹp.

Có chiều phong vận ¹, có chiều thanh tân ².
 Sương in mặt ³, tuyết pha thân ⁴,
 190 Sen vàng ⁵ lãng đăng ⁶ như gần như xa.
 Rước mừng đón hỏi dò la:
 “Đào nguyên ⁷ lạc lối đâu mà đến đây?”
 Thưa rằng: “Thanh khí ⁸ xưa nay,
 Mới cùng nhau lúc ban ngày, đã quên.
 195 Hàn gia ⁹ ở mé ¹⁰ Tây thiên ¹¹,
 Dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu.
 Máy lòng hạ cố ¹² đến nhau,
 Máy lời hạ tứ ¹³ ném châu gieo vàng ¹⁴.
 Vâng trình hội chủ ¹⁵ xem tường,

1. *Phong vận*: dáng vẻ con nhà nề nếp, đoan trang.

2. *Thanh tân*: còn trong trắng.

3. *Sương in mặt*: trên mặt còn có sương in vết.

4. *Tuyết pha thân*: trên mình còn có tuyết vương dấu. Cả câu tả cái cảnh nàng tiểu kiều đã trải sương tuyết ban đêm từ xa đến.

5. *Sen vàng*: chỉ gót chân người đẹp, bước chân của người đẹp. Đông Hôn Hầu nước Tề rất yêu nàng quý phi họ Phan, đã cho đúc hoa sen bằng vàng lát xuống nền nhà để cho nàng đi lên rồi khen rằng: “*Bộ bộ sinh liên hoa*” (mỗi bước nở ra một bông hoa sen).

6. *Lãng đăng*: có vẻ chập chờn, lơ mờ, khi xa khi gần. Câu này cho ta thấy tiểu kiều đã hiện lên như một bóng ma chập chờn trước mắt Thúy Kiều.

7. *Đào nguyên*: nguồn đào, nơi tiên ở. Theo bài *Đào hoa nguyên ký* của Đào Tiềm thì có một người đánh cá đã lạc vào một rừng đào, nơi tiên ở nên về sau người ta dùng chữ *đào nguyên* để chỉ cảnh tiên.

8. *Thanh khí*: do câu “*Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu*” = vật gì cùng một thứ tiếng thì ứng hợp với nhau, vật gì cùng một khí loại thì tìm đến nhau. Câu này ý nói xưa nay những người cùng một cảnh ngộ, cùng một tâm tình thì dễ thông cảm nhau.

9. *Hàn gia*: cũng như *tê xá* được dùng để chỉ nhà mình, ý khiêm tốn cho rằng nhà mình cũng nghèo nàn. Đây ý nói đến ngôi mộ, nơi yên nghỉ của Đạm Tiên.

10. *Mé*: phía, bên.

11. *Tây thiên*: đường bờ ruộng ở về phía Tây (nơi có mộ Đạm Tiên) (*thiên*: đường đi ở trong tha ma, đường bờ ruộng).

12. *Hạ cố*: trông xuống, đoái tới.

13. *Hạ tứ*: ban xuống. Người trên cho kẻ dưới gọi là *tứ*.

14. *Ném châu gieo vàng*: ý nói ban cho những lời thơ hay, quý như châu báu vàng ngọc.

15. *Hội chủ*: người chủ hội, đây chỉ người chủ hội đoạn trường.

200 Mà sao trong sổ đoạn trường¹ có tên
 Âu đành quả kiếp nhân duyên²,
 Cũng người một hội một thuyền³, dẫu xa.
 Này 'mười bài mới mới ra,
 Câu thần⁴ lại mượn bút hoa vẽ vờ".
 205 Kiều vâng lĩnh ý đề bài,
 Tay tiên⁵ một vấy đủ mười khúc ngâm.
 Xem thơ nước nỡ khen thăm:
 "Giá đành tú khẩu cấm tâm⁶ khác thường
 Ví đem vào tập Đoạn trường,
 210 Thì treo giải nhất chi nhường cho ai".
 Thêm hoa khách đã trở hài⁷,
 Nàng còn cầm lại một hai tự tình.
 Gió dẫu sịch⁸ bức màn mảnh mảnh
 Tĩnh ra mới biết rằng mình chiêm bao.
 215 Trông theo nào thấy dẫu nào,
 Hương thừa⁹ dường hãy ra vào dẫu đây.
 Một mình lưỡng lự¹⁰ canh chầy¹¹,
 Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh.

1. *Đoạn trường*: đứt ruột, đau lòng đến đứt ruột.

Sổ đoạn trường: sổ chép tên những người có sổ đoạn trường, phải chịu nhiều sự dày dọa ở đời.

Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã dùng tới 17 lần chữ "*đoạn trường*" ở các câu 200, 209, 231, 818, 869, 996, 1270, 1324, 1860, 1943, 2622, 2654, 2666, 2676, 2721, 2722, 3212.

2. *Quả kiếp nhân duyên*: quan niệm nhà Phật cho rằng cái quả của kiếp này là do cái nhân từ đời trước gây ra và cái nhân đời này là cái quả của kiếp sau sẽ hưởng thụ.

3. *Một hội một thuyền*: ý nói ở cùng trong một hoàn cảnh.

4. *Câu thần*: câu thơ cực hay.

5. *Tay tiên*: tay của người có tài làm thơ, ý nói tay của người con gái đẹp.

6. *Tú khẩu cấm tâm*: (tú: thêu) miệng thêu lòng gấm, ý nói lời thơ đẹp. Người ta đã ca tụng thơ Lý Bạch là: "*Cấm tâm tú khẩu Lý Thái Bạch chi văn chương*".

7. *Trở hài*: quay gót hài đi trở ra.

8. *Sịch*: lay động mạnh.

9. *Hương thừa*: mùi hương thơm còn tỏa bay, chưa tan hết.

10. *Lưỡng lự*: lo nghĩ phân vân không biết quyết định ra sao.

11. *Canh chầy*: canh khuya.

Hoa trôi bèo giạt¹ đã đành.
 220 Biết duyên mình, biết phận mình, thế thôi.
 Nỗi riêng lớp lớp sóng *dồi*²,
 Nghĩ đòi cơn lại sụt sùi đòi cơn³.
 Giọng *Kiều*⁴ rên rĩ trướng loan,
 Nhà huyên⁵ chột tỉnh, hỏi cơn 'cớ gì?
 225 “Cớ sao trần trọc canh khuya,
 Màu hoa lê⁶ hãy *đắm* *đìa* giọt mưa?”
 Thưa rằng: “Chút phận ngầy thơ,
 Dưỡng sinh⁷ đôi nợ tóc tơ⁸ chưa đền.
 Buổi ngày chơi mả Đạm Tiên,
 230 Nhấp⁹ đi, *thoắt* thấy ứng liền chiêm bao.
 Đoạn trường là số thế nào,
 Bài ra thế ấy, vịnh vào thế kia.
 Cứ trong mộng triệu¹⁰ mà suy,
 Phận con thôi có ra gì mai sau!”

1. *Hoa trôi bèo giạt*: hoa rụng xuống nước bị cuốn trôi đi, bèo bị sóng đánh mà giạt trở lại. Ý nói là nàng Kiều tự nghĩ duyên phận mình sau này cũng trôi nổi như cánh bèo, đóa hoa vậy.

2. *Sóng dồi*: sóng tung lên chìm xuống nhiều lần.

3. *Đòi cơn*: nhiều cơn.

Cả hai câu 221-222 ý nói trong lòng có nhiều lo nghĩ như sóng dồi nhiều lớp, càng lo nghĩ lại càng đau đớn mà sụt sùi khóc lóc.

4. *Giọng Kiều*: giọng của Thúy Kiều. Các bản Nôm KOM - QVĐ đều viết 嬌 (kiều). Chữ *kiều* này có nghĩa là vẻ mềm mại đáng yêu nên xưa kia gọi con gái là *a kiều*.

5. *Nhà huyên*: chỉ người mẹ, dịch chữ *huyên đường*; do câu ở bài *Bá hể* (Kinh Thi): “*Yên đặc huyên thảo, ngôn thụ chi bối*” = mong được cỏ huyên để trồng vào bên nhà phía Bắc.

6. *Màu hoa lê*: ý nói mặt nàng Kiều trắng đẹp như hoa lê mà khi khóc nước mắt làm ướt trông tựa hoa thấm mưa xuân. Mấy chữ này mượn ý từ câu: “*Ngọc dung tịch mịch lệ lan can, lê hoa nhất chi xuân đới vũ*” = Lệ giàn mặt ngọc lưa thưa, cành lê hoa chú hạt mưa xuân đầm”. (Tản Đà dịch).

7. *Dưỡng sinh*: cha sinh mẹ dưỡng, chỉ công ơn cha mẹ.

8. *Tóc tơ*: dùng để chỉ những điều nhỏ nhặt nhất, nói về công ơn cha mẹ, cũng phải báo đáp.

9. *Nhấp*: chột ngủ đi.

10. *Mộng triệu*: điều chiêm bao thấy trong mộng báo trước sự việc sẽ xảy ra.

235 Dạy rằng: “*Mộng huyễn* ¹ cứ đâu,
 Bỗng *không* mua nảo *chuốc* sâu ² nghĩ nao!”
 Vâng lời khuyên giải thấp cao,
 Chưa xong điều nghĩ *đã* dào mạch *Tương* ³.
 Ngoài song thả thẽ oanh vàng,
 240 Nách tường bông liễu ⁴ bay ngang trước màn.
 Hiên tà gác bóng *chên chên*,
 Nỗi riêng riêng chạnh tác riêng một mình.
 Cho hay là *giống* hữu tình,
 Đố ai ⁵ gỡ mối tơ mảnh cho xong.
 245 Chàng Kim từ lại thư song ⁶,
 Nỗi nằng canh cánh bên lòng biếng khuây.
 Sầu *đong* càng *lắc* càng *đầy* ⁷,
 Ba thu ⁸ *dồn* lại một ngày dài ghê.
 Mây Tần ⁹ khóa kín song the ¹⁰,

1. *Mộng huyễn*: điều mộng mị huyễn hoặc không tin được. Chữ 幻 *huyễn* cũng đọc là ảo.

2. *Chuốc sâu*: tự mua lấy cái sâu nảo vào mình.

3. *Mạch Tương*: mạch nước sông Tương, lấy tích bà Nga Hoàng và Nữ Anh nghe tin vua Thuấn đi tuần thú, chết ở đất Thương Ngô, gần bờ sông Tương. Hai bà đến đó kêu khóc thảm thiết, nên bây giờ thường dùng chữ *mạch Tương* mà ví nước mắt thương nhớ.

4. *Oanh vàng ... bông liễu*: hai câu này, ý nói Kiều nghe chim oanh hót, thấy bông liễu bay thì nghĩ đến tình duyên của mình.

5. *Đố ai*: là chỉ Kim Trọng, ý nói Kim Trọng và Thúy Kiều đã có tình ý với nhau thì khi trông thấy bông liễu bay sang đố Kim Trọng gỡ mối tơ mảnh cho được (*mảnh*: mỏng mảnh, nói về sợi nhỏ).

6. *Thư song*: chỗ cửa sổ phòng đọc sách, tức phòng đọc sách.

7. *Sầu đong càng lắc càng đầy*: ý nói sầu nhớ vô cùng, nếu đem mà đong thì càng lắc lại càng đầy, không vơi đi được. *Ca dao* có câu: “Ai đi muôn dặm non sông, để ai chất chứa sầu đong vơi đầy”.

8. *Ba thu*: ba mùa thu, tức ba năm. Ta thường lấy mỗi mùa để chỉ một năm như *bà xuân, ba đông*.

9. *Mây Tần*: *Tán thư* có câu: “*Tần vân như mỹ nhân*” (Mây Tần như người đẹp). Ở đây chữ *Tần* chỉ được dùng cho đẹp lời.

10. *Song the*: cửa sổ có treo màn the.

250 *Bụi hồng liệu nẻo* đi về chiêm bao.¹
 Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao,
 Mặt *mơ* tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng.
 Buồng văn hơi *giá* như đồng,
 Trúc *se ngọn thỏ*², tơ chùng phím loan³.
 255 *Mành Tương*⁴ phất phất gió đàn,
 Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình⁵.
 Ví chẳng duyên nợ ba sinh⁶,
 Làm chi đem *thói* khuynh thành⁷ trêu người.
 260 Bâng khuâng nhớ cảnh, nhớ người,
 Nhớ nơi kỳ ngộ⁸ vội dời chân đi.
 Một *vùng* cỏ mọc xanh rì.
 Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu!
 Gió chiều như gợi cơn sầu,
 Vi lô hiu hắt như màu khảm trêu.
 265 Nghề riêng *nhớ ít* tưởng nhiều,

1. *Bụi hồng liệu nẻo đi về chiêm bao*: câu này và câu trên có thể hiểu là: Cô Kiều cứ ở hoài trong phòng không ra ngoài nên Kim Trọng chỉ còn cách tìm về trong mộng để gặp mặt người yêu. *Hoa Tiên* cũng có câu: *Bụi hồng dứt nẻo đi về chiêm bao*, mà ta có thể đặt xuôi lại thành "*dứt nẻo bụi hồng đi về chiêm bao*" thì hiểu ngay được.

2. *Ngọn thỏ*: ngòi bút lông thỏ.

3. *Phím loan*: phím đàn gắn bằng keo loan.

Cả câu ý nói: Kim Trọng tương tư đến nỗi bó cả học tập (bút để khô cả ngọn), chán cả gảy đàn (lâu ngày dây cũng chùng cả đi).

4. *Mành Tương*: bức màn ngoài đan bằng tre, phía trong kẹp the màu vàng. Sở dĩ gọi là *mành Tương* vì có liên quan đến điển hai bà Nga Hoàng và Nữ Anh (xem chữ *mạch Tương* câu 238). Hai bà nghe tin vua Thuấn chết khóc quá thảm thiết, nước mắt vẩy vào các bụi trúc xung quanh khiến cho các thân trúc đều thành lốm đốm. Thứ màn làm bằng trúc có vỏ lốm đốm này gọi là *Tương phi trúc*.

5. *Khan giọng tình*: (*khan*: khô ráo, thiếu) ý nói Kim Trọng vì tương tư Thúy Kiều nên uống trà chẳng thấy ý vị tình tứ gì.

6. *Ba sinh*: do chữ *tam sinh* là ba kiếp sống của con người (quá khứ, hiện tại, vị lai). Cả câu ý nói Kim Trọng với Thúy Kiều có duyên nợ từ kiếp này qua kiếp khác với nhau phải kết duyên vợ chồng.

7. *Thói khuynh thành*: thói làm say đắm lòng người. Cả câu ý nói: Nếu không có duyên nợ vợ chồng với nhau thì làm chi mà lại đem sắc đẹp để trêu người như vậy.

8. *Kỳ ngộ*: sự gặp gỡ kỳ lạ. Từ câu 259 đến câu 264 nói đến việc Kim Trọng trở lại thăm chỗ đã gặp Thúy Kiều hôm đi dự hội đạp thanh (nơi kỳ ngộ) nhưng nay chỉ thấy phong cảnh tiêu điều buồn bã.

Xăm xắm đề neo Lam Kiều¹ lần sang.
Thâm nghiêm kín cổng cao tường,
Cạn dòng lá thắm², dứt đường chim xanh³.
Lơ thơ tơ liễu buông mành.

270 Con oanh học nói trên cành mĩ mai.
Mấy lần cửa đóng then cài,
Đầy thêm hoa rụng biết người ở đâu?
Tần ngần đứng suốt giờ lâu,
Dạo quanh chợt thấy mé sau có nhà.
275 Là nhà Ngô Việt thương gia⁴,
Buồng không để đó người xa chưa về.
Lấy điều du học⁵ hỏi thuê,
Túi đàn cặp sách⁶ để huê dọn sang.
Có cây có đá sẵn sàng,

1. *Lam Kiều*: Cầu Lam, tên một cái cầu ở huyện Lam Điền, tỉnh Thiểm Tây (Trung Quốc) *Do điển*: Ngày xưa, đời nhà Đường, Bùi Hàng gặp nàng Vân Kiều cho một bài thơ trong có câu nói *Lam Kiều bán thị thân tiên quật* (*Lam Kiều* là chỗ thân tiên ở). Đến sau, khi qua cầu Lam, khát nước, vào hàng uống nước thì thấy nàng Vân Anh rất xinh đẹp, muốn xin cưới làm vợ. Bà mẹ nàng bảo nếu có chày ngọc giã được thuốc tiên xong thì gả cho. Bùi Hàng nhờ mua được chày ngọc nên cưới được Vân Anh. Hôm làm lễ cưới, Bùi Hàng mới nhận ra người đưa cho mình bài thơ chính là chị Vân Anh. Sau hai vợ chồng cùng lên cõi tiên.

Nẻo Lam Kiều: đây chỉ nhà Thúy Kiều.

2. *Lá thắm*: do điển “*hồng diệp đề thi*”. Nguyên về đời Đường, Vu Hựu vớt được chiếc lá trôi trên dòng nước từ cung vua ra và đọc thấy có bài thơ. Vu Hựu bèn lấy chiếc lá đỏ khác, đề hai câu thơ rồi đem thả nơi đầu ngòi nước cho trôi vào cung vua. Hàn thị bắt được. Về sau, nhân dịp vua thái ba nghìn cung phi, Hàn thị được ra rồi lại tình cờ kết duyên với Vu Hựu. Một hôm hai người cùng nhắc đến chuyện chiếc lá đề thơ, mới hay là của chính họ. Vì thế, sau này mới dùng điển này để nói nhân duyên vợ chồng.

3. *Chim xanh*: do chữ *thanh điểu*, chỉ người đưa tin. Theo *Hán Vũ cổ sự* ngày mồng 7 tháng 7 Vua Hán Vũ Đế đương ngự triều có ba con chim xanh đến đậu trước điện. Đông Phương Sóc tâu rằng: “*Đấy là sứ giả của Tây Vương Mẫu đưa tin đến trước*”. Quả nhiên một lát sau Tây Vương Mẫu đến. Do đó mới gọi người đưa tin là *chim xanh*.

Cả câu ý nói không có cách gì để liên lạc được với nàng Kiều.

4. *Ngô Việt thương gia*: người đi buôn nay sang bên Ngô mai về bên Việt, ít khi ở nhà.

5. *Du học*: đi trọ học.

6. *Cặp sách*: cái khung gỗ để kẹp sách của các nhà Nho xưa.

280 Có hiên Lãm Thúy¹ nét vàng chưa phai.
 Mừng thầm chốn ấy chữ bài,
 Ba sinh âu hẩn duyên trời chi đây.
 Song hồ² nửa khép cánh mây³,
 Tường Đông ghé mắt ngày ngày hằng trông.
 285 Tác gang đồng tỏa nguyên phong⁴,
 Tuyết mù nào thấy bóng hồng⁵ vào ra.
 Nhấn từ⁶ quán khách⁷ lân la,
 Tuần trăng⁸ thắm thoát nay đà thềm hai⁹.
 Cách tường phải buổi êm trời,
 290 Dưới đào dường có bóng người thướt tha.
 Buông cầm xốc áo vội ra,
 Hương còn thơm nức, người đà vắng tanh.
 Lăn theo tường gấm¹⁰ dạo quanh,
 Trên đào nhác thấy một cành kim thoa¹¹.
 295 Giơ tay với lấy về nhà.
 “Này trong khuê các¹² đâu mà đến đây?
 Gấm âu người ấy báu này,
 Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm!”
 Liền tay ngấm nghĩa biếng nằm,
 300 Hãy còn thoang thoảng hương trầm chưa phai.

1. Lãm Thúy 攬翠 : (lãm: thu góp, thúy: màu xanh) tên cái hiên. Hiên Lãm Thúy là cái hiên ngồi ở đó có thể thu góp vào trong tầm mắt tất cả màu xanh của cây cỏ. Suy ra thì Lãm Thúy còn có ngụ ý bắt được, tóm được hai chị em cô Kiều nên Kim Trọng lấy làm mừng lắm.

2. Song hồ: cửa sổ có dán giấy.

3. Cánh mây: cánh cửa. Chữ mây dùng cho đẹp lời như khi nói then mây.

4. Đồng tỏa nguyên phong: ý nói tuy gần chỉ có gang tấc mà cái khóa đồng cứ khóa mãi không thấy mở.

5. Bóng hồng: bóng Thúy Kiều.

6. Nhấn từ: (nhấn: mãi từ, cho đến) kể từ khi ấy mãi đến nay, mãi từ khi ấy đến nay.

7. Quán khách: tức nhà Kim Trọng thuê để ở trọ.

8. Tuần trăng: mỗi tháng có một tuần trăng, nên tính tháng người ta tính theo tuần trăng.

9. Thềm hai: ý nói chưa bao lâu mà đã gần hai tháng trôi qua rồi.

10. Tường gấm: tường rào quanh nhà, chữ gấm được dùng cho đẹp lời.

11. Kim thoa: cây thoa bằng vàng để cài tóc của phụ nữ.

12. Khuê các: (khuê: buồng, các: gác) chỉ chỗ ở của phụ nữ giàu có sang trọng.

Tan sương¹, đã thấy bóng người,
 Quanh tường ra ý tìm tòi ngẩn ngơ.
 Sinh đà có ý đợi chờ,
 Cách tường *lên* tiếng xa đưa ướm lòng:
 305 “Thoa này bắt được hư không²,
 Biết đâu Hợp Phố³ mà mong châu về?”
 Tiếng Kiều nghe lọt bên kia:
 “Ôn lòng quân tử sá gì của rơi.
 Chiếc thoa nào của mấy mươi,
 310 Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao!”
 Sinh rằng: “Lân lý⁴ ra vào,
 Gần đây nào phải người nào xa xôi.
 Được rày *nhờ* chút thơm rơi⁵,
 Kể đà thiếu nảo⁶ lòng người⁷ bấy nay!
 315 Bấy lâu mới được một ngày,
 Dừng chân gạn⁸ chút niềm tây⁹ gọi là”.
 Vội về thêm lấy của nhà,

1. *Tan sương*: buổi sáng sớm, sương mới tan.

2. *Hư không*: không có cố gì, tự nhiên mà gây ra. Đây ý nói tình cờ mà Kim Trọng bắt được cái kim thoa của Thúy Kiều. Cái thoa ấy rơi ở đâu? Nó vướng trên cành cây bên mé tường sang nhà Kim Trọng. “*Trên đào nhác thấy một cành kim thoa*”. Kim Trọng đã “*giơ tay với lấy về nhà*”. Thế thì có phải chính cô Kiều đã trèo lên cây đào ngó sang nhà Kim Trọng nên mới để vướng trên cành cây không? Cái thoa thì cũng nhỏ thôi, làm sao mà Kim Trọng lại tinh mắt “*nhác*” trông đã “*thấy*” ngay được? Chắc cả hai cùng có tình ý nên mới xảy ra câu chuyện mất thoa và bắt được thoa như thế. Sao lại gọi là “*hư không*” được?

3. *Hợp Phố*: do điển *Hợp Phố châu hoàn*. Theo *Hậu Hán thư*: trước khi Mạnh Thường được đổi về giữ chức Thái thú quận Hợp Phố, bọn quận thú ở đây rất tham ô, bắt dân phải đi mò ngọc trai về cho chúng thật nhiều. Ngọc trai bỏ đi về phía quận Giao Chỉ gần hết. Khi Mạnh Thường về, bãi bỏ tệ tham nhũng, không bắt dân đi mò ngọc trai thì ngọc trai lại trở về Hợp Phố. Do điển này người ta khi muốn nói một vật đã mất lại trở về với chủ cũ là *Hợp Phố châu về*. Cả câu 306 ý nói: Cái thoa này tự nhiên bắt được, không biết của ai mà đem trả?

4. *Lân lý*: (*lân*: xóm, *lý*: làng) xóm làng; đây ý nói chỗ láng giềng hàng xóm với nhau.

5. *Chút thơm rơi*: ý nói được gặp nhau hôm nay là chút hương thơm của chiếc kim thoa đánh rơi hôm trước làm mối cho.

6. *Thiếu nảo*: buồn rầu vô cùng trong lòng.

7. *Lòng người*: lòng Kim Trọng.

8. *Gạn*: hỏi cặn kẽ. *Gạn chút*: gạn hỏi cặn kẽ một chút.

9. *Niềm tây*: niềm riêng, nỗi lòng riêng.

Xuyên vàng đôi chiếc, khăn là ¹ một vuông.
 Thang mây ² rón bước ngọn tường,
 320 Phải người hôm nọ rõ ràng chẳng *nhe* ³?
 Sượng sùng giữ ý rụt rè,
 Kẻ nhìn rõ mặt, người e cúi đầu.
 Rằng: “Từ ngẫu nhĩ ⁴ gặp nhau,
 Thăm trông trộm nhớ, bấy lâu đã chôn ⁵.
 325 Xương mai ⁶ tính đã *thâu* mòn ⁷,
 Lân lữa ⁸ ai biết hầy còn hôm nay.
 Tháng tròn như gửi cung mây ⁹,
 Trần trần một phận áp cây ¹⁰ đã liễu.
 Tiện đây xin một hai điều,
 330 Đài gương ¹¹ soi đến dấu bèo ¹² cho chẳng?”
 Ngại ngần nàng mới thưa rằng:

1. *Khăn là*: khăn bằng lụa mỏng.

2. *Thang mây*: do chữ *vân thê*, chỉ cái thang cao bắc lên tường. Thang cao như lên mây xanh.

3. *Chẳng nhe*: có phải thế không.

4. *Ngẫu nhĩ*: cũng như *ngẫu nhiên*, ý nói tình cờ không hẹn mà gặp.

5. *Chôn*: mỗi, nhọc.

6. *Xương mai*: xương vóc gầy như cây mai.

7. *Thâu mòn*: (*thâu*: từ lâu) từ lâu rồi gầy mòn ốm yếu.

8. *Lân lữa*: hết ngày này qua ngày khác, đã lâu rồi trông ngóng.

9. *Gửi cung mây*: ý nói cả tháng trời tâm trí của Kim Trọng như gửi ở cung mây (cung Hằng) tức nơi Thúy Kiều ở.

10. *Áp cây*: ôm chặt lấy cây cột ở chân cầu. Theo điển: Vì Sinh hẹn với một người con gái cùng gặp nhau ở dưới chân cầu. Người con gái không đến, Vì Sinh cứ ôm cây cột chờ mà chịu chết đuối. *Câu này* ý nói Kim Trọng cứ kiên nhẫn một lòng liễu chờ đợi Thúy Kiều bỏ cả học hành.

11. *Đài gương*: cái giá có để gương cho phụ nữ trang điểm. Đây chỉ người con gái cao sang.

12. *Dấu bèo*: dịch chữ *bình tung*, nói cánh bèo trôi trên mặt nước chẳng để dấu vết gì.

Cả câu là lời Kim Trọng nói khiêm mình chỉ là một thư sinh chưa có danh vọng còn lang thang du học không biết có được cô Kiều là bậc cao sang để ý đến không.

“Thói nhà băng tuyết¹ chất hằng phỉ phong².
 Dù khi lá thắm chỉ hồng³,
 Nên chẳng thì cũng tại lòng mẹ cha.
 335 Nặng lòng xót liễu vì hoa⁴,
 Trẻ *thơ* đã biết đâu mà dám thừa!”
 Sinh rằng: “Rày gió mai mưa⁵,
 Ngày xuân đã dễ tình cờ mấy khi.
 Dù *chẳng* xét tấm tình si,
 340 Thiệt *đây*⁶, mà có ích gì đến ai?
Chút chi gấn bó⁷ một hai,
 Cho đành rồi sẽ liệu bài mối manh.
 “Khuôn thiêng⁸ dù phụ tắc thành,
 Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời.
 345 Lượm xuân⁹ dù quyết hẹp hòi,
 Công đeo đuổi chẳng thiệt thời lăm ru!”

1. *Băng tuyết*: trong trắng như băng như tuyết, ý nói con nhà gia giáo theo khuôn phép nghiêm nhặt, không có nghĩ đến sự trăng hoa.

*Hoa tiên: Thỉnh quân mạc giảng phong tình sự,
 Khuê môn gia giáo lăm băng sương.
 (Xin chàng đừng giảng nguyệt hoa,
 Phép nhà nghiêm nhặt như là băng sương).*

2. *Phỉ phong*: rau *phỉ*, rau *phong* là hai thứ rau người ta có thể ăn cả rễ và cọng, nhà nghèo thường ăn. Chữ lấy trong *Kinh Thi*, bài *Cốc phong* ngụ ý nói có bản chất tốt tuy rằng mộc mạc, quê mùa.

3. *Chỉ hồng*: do chữ *xích thằng* là sợi dây đỏ, theo *Tục U quái lục*, Vi Cố người đời Đường, khi trọ ở Tống Thành có gặp một cụ già ngồi dưới trăng (Nguyệt lão) mà xem sách. Vi Cố hỏi cụ những sợi dây đỏ ở trong túi dùng để làm gì. Cụ nói dùng để buộc chân những người sẽ thành vợ chồng với nhau. Do đó hai chữ *chỉ hồng* được dùng để chỉ sự kết duyên của hai người trai gái lấy nhau.

4. *Xót liễu vì hoa*: (xót: thương xót, vì: yêu vì) *cây liễu* xanh non thường được dùng để ví với người con gái, *bông hoa* tươi đẹp thường được dùng để ví với người con gái xinh xắn. Đây nói chàng Kim đã nặng lòng yêu thương đến nàng Kiều người con gái yếu điệu như liễu và đẹp như hoa.

5. *Rày gió mai mưa*: nói sự đổi thay bất thường, không phải hôm nào cũng như hôm nào, dễ đâu có cơ hội tốt mà gặp nhau luôn, có thể có những sự trắc trở bất ngờ.

6. *Thiệt đây*: ý nói thiệt cho Kim Trọng.

7. *Chút chi gấn bó*: ý Kim Trọng muốn đưa một chút vật kỷ niệm để gấn bó mối tình giữa hai người: đôi xuyến vàng và chiếc khăn là.

8. *Khuôn thiêng*: chỉ ông trời như là cái khuôn thiêng đúc ra muôn vật bằng phép thiêng liêng.

9. *Lượm xuân*: ý nói tấm lòng rộng lượng như mùa xuân nuôi dưỡng muôn vật; có ý bao dung người khác. Đây chỉ tấm lòng của Thúy Kiều.

Lặng nghe lời nói như ru,
 Chiều xuân¹ dễ khiến nét thu² ngại ngừng.
 Rằng: “Trong buổi mới lạ lòng,
 350 Nể lòng có lẽ cầm lòng cho đang.
 Đã lòng quân tử đa mang³,
 Một lời vâng tạc đá vàng⁴ thủy chung⁵”.
 Được lời như cớ tấm lòng,
 Giở kim thoa với khăn hồng trao tay.
 355 Rằng: “Trăm năm cũng từ đây,
 Của tin gọi một chút này làm ghi”.
 Sẵn tay *bả quạt hoa quì*⁶,
 Với cành thoa⁷ ấy tức thì đổi trao.
 Một lời vừa gắn tất giao⁸,
 360 Mái sau⁹ dường có xôn xao tiếng người.
 Vội vàng lá rụng hoa rơi,
 Chàng về *viện sách*, nàng dờn¹⁰ lầu trang.¹¹

1. *Chiều xuân*: do chữ *tình tứ hoài xuân* phỏng dịch ra. Đây ý nói đến cái vẻ đa tình của Kim Trọng lòng xuân phơi phới.

2. *Nét thu*: nói cái ánh mắt long lanh đa cảm của Thúy Kiều như nước mùa thu. Cả câu ý nói cái vẻ tình tứ của Kim Trọng cũng khiến cho Thúy Kiều phải xúc động trong lòng mà biểu lộ ra trên ánh mắt long lanh tuy vẫn ngại ngừng chưa dám ngỏ lời chấp nhận.

3. *Đa mang*: (*mang*: rối, bộn rộn, trong lòng vội gấp) bận lòng thương yêu. Trước sau như một, không có sự thay lòng đổi dạ.

4. *Đá vàng*: đá và vàng đều có tính cách bền vững nên những việc quan trọng cần lưu lại đều được khắc vào đá, vàng hoặc đồng (bia đá, bảng vàng, chuông đồng, đỉnh đồng...)

5. *Thủy chung*: trước sau như một, không có sự thay lòng đổi dạ.

6. *Bả quạt hoa quì*: (*bả*: cái chuôi quạt) quạt bằng giấy tốt hoặc bằng lụa có vẽ hoa quì, có thể gấp lại được mà phụ nữ thường dùng (không phải là thứ quạt bằng lá bồ quì).

7. *Cành thoa*: chiếc thoa của Thúy Kiều.

Cả hai câu 357 - 358 ý nói Thúy Kiều lúc ấy sẵn trong tay có cái quạt hoa quì đã lấy ngay đưa tặng Kim Trọng để đổi lấy lại cành thoa của mình.

8. *Tất giao*: sơn và keo, ý nói lời thề thốt gắn chặt mối tình của hai người như keo sơn.

9. *Mái sau*: phía sau nhà Viên ngoại.

10. *Dờn*: dờn chân đi về.

11. *Lầu trang*: lầu nơi người phụ nữ ở và ngồi trang điểm, đây chỉ phòng ở của Thúy Kiều.

Từ phen đá biết tuổi vàng ¹,
 Tình càng thắm *thía*, dạ càng ngẩn ngơ.
 365 Sông Tương ² một dải nông sờ ³,
 Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia.
 Một tường tuyết *trở* sương che,
 Tin xuân ⁴ đâu dễ đi về cho năng.
 Lần lần ngày gió đêm trăng ⁵,
 370 Thưa hồng rậm lục ⁶ đã chứng xuân qua.
 Ngày vừa sinh nhật ngoại gia,
 Trên *hai* đường ⁷ dưới nữa là hai em ⁸.
 Tung bùng sấm sủa áo xiêm ⁹,
Biện ¹⁰ dâng một lễ xa đem tấc thành ¹¹.
 375 Nhà *lan* ¹² thanh vắng một mình,
 Gấm cơ hội ngộ ¹³ đã dành hôm nay.

1. *Đá biết tuổi vàng*: đá thử vàng thì biết được tuổi của vàng, chàng Kim và nàng Kiều từ lúc bày tỏ nỗi lòng của mình đã hiểu tình cảm của nhau nồng thắm đến mực nào.

2. *Sông Tương*: tức sông Tương Giang ở Trung Quốc, dài hơn hai nghìn dặm, thường được mượn để diễn ý ly biệt, nhớ mong.

3. *Nông sờ*: cạn. *Cả câu* ý nói dòng sông tuy cạn mà hai bên vẫn không sang gặp được nhau vẫn phải trông chờ nhau mỗi người ở một đầu sông.

4. *Tin xuân*: tin vui về người mình yêu. *Cả câu* ý nói hai bên cách trở không gặp được nhau như bị bức tường tuyết trở sương che khiến tin xuân không sao đi về cho năng được.

5. *Ngày gió đêm trăng*: ý nói ngày đêm qua đi mà ngày nào đêm nào khi có gió mát trăng trong cũng đều thương nhớ nhau.

6. *Thưa hồng rậm lục*: màu hồng của hoa đã thưa bớt, màu xanh của lá đã rậm hơn, ý nói mùa xuân đã gần qua đi.

7. *Hai đường*: cũng như *hai thân*, tức cha và mẹ của nàng Kiều.

8. *Hai em*: tức Thúy Vân và Vương Quan.

9. *Áo xiêm*: áo mặc che phần thân trên, *xiêm* mặc che phần thân dưới; chỉ chung bộ y phục.

Câu 935 cũng viết: *cổ xiêm lột áo*.

10. *Biện*: lo liệu mua sắm đồ lễ.

11. *Tấc thành*: chút lòng thành kính biết ơn của các con đối với cha mẹ.

12. *Nhà lan*: do chữ *lan thát*. *Gia ngữ*: *Dữ thiện nhân cư như nhập chi lan chi thát* (ở với người tốt như vào nhà có có chi, cỏ lan). Đây nói nhà có đức vọng, mọi người đều ăn ở lương thiện, trong nhà như có mùi hoa thơm.

13. *Hội ngộ*: hội họp gặp nhau.

Thì trăn¹ thức thức sẵn bày²,
 Gót sen³ thoăn thoắt dạo ngay mé tường.
 Cách hoa sẽ dặng⁴ tiếng vàng,
 380 Dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông.
 “Trách lòng hờ hững với lòng,
 Lửa hương⁵ chốc để lạnh lòng bấy lâu.
 Những là đắp nhớ đối sầu,
 Tuyết sương nhuộm nửa mái đầu hoa râm⁶”.
 385 Nàng rằng: “Gió bắt mưa cầm⁷,
 Đã cam tộ với tri âm⁸ bấy chầy.
 Vắng nhà được buổi hôm nay,
 Lấy lòng gọi chút sang đây⁹ tạ lòng”.
 Lăn theo núi giả¹⁰ đi vòng,
 390 Cuối tường dường có nẻo thông mới rào.
 Xấn tay mở khóa động đào¹¹,
 Rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên Thai¹².
 Mặt nhìn mặt¹³ càng thêm tươi,

-
1. *Thì trăn*: những thức ăn quý đương mùa đặc biệt là hoa quả.
 2. *Sẵn bày*: ý nói Thúy Kiều bày sẵn ra để sửa soạn mang sang nhà Kim Trọng.
 3. *Gót sen*: gót chân của người con gái đẹp.
 Xem chú thích câu 190.
 4. *Dặng*: lên tiếng, cũng như nói *tăng hắng* làm hiệu cho Kim Trọng biết.
 5. *Lửa hương*: Kim Trọng nhắc đến lửa hương mà hai người đã đốt để nguyện ước cùng nhau.
 6. *Hoa râm*: nói tóc đã lốm đốm trắng. *Cả câu* ý nói Kim Trọng vì tương tư mà tóc đã lốm đốm trắng nửa mái đầu.
 7. *Gió bắt mưa cầm*: ý nói ngày nào cũng bị công việc cản trở không qua chơi được hoặc có người ở nhà không tiện qua chơi được.
 8. *Tri âm*: (*tri*: biết, *âm*: tiếng) nguyên dùng để nói về người đánh đàn hay mà có người nghe hiểu biết thưởng thức được như Bá Nha với Tử Kỳ. Sau chữ ấy được dùng để chỉ người bạn thân thiết hiểu được lòng nhau.
 9. *Gọi chút sang đây*: Thúy Kiều mang các *thì trăn* sang nhà Kim Trọng gọi là *một chút* để tạ lòng người yêu.
 10. *Núi giả*: hòn non bộ đắp làm cảnh.
 11. *Động đào*: động có tiên ở. Xem chú thích câu 192.
 12. *Thiên Thai*: tên một hòn núi ở tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Truyền rằng xưa kia vào đời nhà Hán có Lưu Thần và Nguyễn Triệu đã vào núi Thiên Thai hái thuốc và gặp tiên. Nay trong văn chương thường dùng *Thiên Thai* để chỉ cảnh tiên.
 13. *Mặt nhìn mặt*: nói nàng Kiều và chàng Kim đối mặt với nhau.

Bên lời vạn phúc¹, bên lời hàn huyên².
 395 Sánh vai về chốn thư hiên³,
 Góp lời phong nguyệt⁴, nặng nguyên non sông.
 Trên yên bút giá⁵ thi đồng⁶,
 Đạm thanh⁷ một bức tranh tùng treo trên.
 Phong sương⁸ được vẽ thiên nhiên,
 400 Mặn khen nét bút càng nhìn càng tươi.
 Sinh rằng: “Phác họa⁹ vừa rồi,
 Phẩm đề¹⁰ xin một vài lời thêm hoa¹¹”.
 Tay tiên¹² gió táp mưa sa¹³,
 Khoảng trên dừng bút, thảo và bốn câu¹⁴.
 405 Khen: “Tài nhả ngọc phun châu¹⁵,
 Nàng Ban¹⁶ ả Tạ¹⁷ cũng đâu thế này,
 Kiếp tu xưa ví chưa dày,

1. *Vạn phúc*: lời chúc mừng nhau được nhiều phúc lành.

2. *Hàn huyên*: lạnh ấm, lời hỏi thăm nhau về sức khỏe xem có bị ảnh hưởng về thời tiết ấm lạnh đổi thay không.

3. *Thư hiên*: (*thư*: sách, *hiên*: mái hiên nhà ở) chỉ phòng đọc sách.

4. *Lời phong nguyệt*: lời trăng gió, ý nói chuyện tình yêu thương với nhau.

5. *Bút giá*: cái giá gác bút.

6. *Thi đồng*: cái ống đựng giấy, đựng các bài thơ. Bạch Cư Dị làm một cái ống tre đựng thơ của những người xướng họa với ông.

7. *Đạm thanh*: (*đạm*: nhạt, *thanh*: xanh) màu xanh nhạt.

8. *Phong sương*: gió và sương, ý nói bức tranh vẽ khéo khiến cho người xem như thấy được sương gió mờ ảo bên cây tùng, tưởng như cảnh thiên nhiên vậy.

9. *Phác họa*: nói bức tranh mới vẽ sơ qua, chưa tô sửa lại.

10. *Phẩm đề*: đề lời phẩm bình, viết mấy câu thơ bình về bức tranh cho bức tranh có giá trị thêm.

11. *Thêm hoa*: thêm đẹp, ý nói làm cho đẹp thêm.

12. *Tay tiên*: tay của người đẹp.

13. *Gió táp mưa sa*: ý nói làm thơ mau.

14. *Và bốn câu*: vài bốn câu tức bài thơ tứ tuyệt.

15. *Nhả ngọc phun châu*: ý khen thơ nàng Kiều hay mà làm lại mau như nhả ngọc phun châu.

16. *Nàng Ban*: nàng Ban Chiêu đời Đông Hán, học rộng tài cao, có soạn tập *Nữ giới* rất nổi tiếng đã được vua Hòa Đế cử soạn tiếp bộ *Hán thư*.

17. *Ả Tạ*: nàng Tạ Đạo Uẩn đời Tấn, nổi tiếng thông minh, có tài biện luận và giỏi thơ văn.

Cả câu ý nói nàng Ban ả Tạ dù có tài giỏi cũng không hơn được Thúy Kiều.

Phúc nào *đối* được ¹ giá này cho ngang".
 Nàng rằng: "*Trộm liếc* dung quang.
 410 Chẳng sân Ngọc bội ² *cũng* phường Kim môn ³.
 Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
 Khuôn xanh ⁴ biết có vuông tròn mà hay?
 Nhớ từ năm hây thơ ngây,
 Có người *tướng* *sĩ* đoán ngay một lời:
 415 Anh hoa ⁵ phát tiết ra ngoài,
 Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.
 Trông người lại ngắm đến ta.
 Một dày một mỏng ⁶, biết là có nên?"
 Sinh rằng: "Giải cấu ⁷ là duyên,
 420 Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.
 Ví dù giải kết ⁸ đến điều,
 Thì đem vàng đá mà liều với thân".
 Đủ điều trung khúc ⁹ ân cần,
 Lòng xuân phơi phới, chén xuân ¹⁰ tàng tàng.

1. *Đối được*: ý nói ngang bằng để có thể đối được. Cả hai câu 407 - 408 là lời chàng Kim: "*Nếu kiếp trước ta không tu nhân tích đức cho đầy đặn thì kiếp này phúc đâu mà được sánh duyên với nàng*".

2. *Ngọc bội*: cái bài bằng ngọc, chỉ hạng người hiền đạt, làm quan và có danh vọng.

3. *Kim môn*: tức *Kim Mã môn*, tên một cửa cung Vị Ương đời Hán, các quan học sĩ đợi để nhận chiếu chỉ của nhà vua; đây dùng để chỉ những bậc văn tài được trọng dụng bổ ra làm quan trong triều đình.

4. *Khuôn xanh*: tức ông trời, do những chữ *thương thương* (xanh xanh) và *đào trú* (khuôn đúc) mà dịch ra.

5. *Anh hoa*: vẻ đẹp của hoa cỏ, cái vẻ tinh anh tốt đẹp của con người.

6. *Một dày một mỏng*: câu này ý nói chàng Kim phúc lộc dày dặn, còn nàng Kiều phúc phận mỏng manh chẳng biết có thành được vợ chồng không.

7. *Giải cấu*: tình cờ không hẹn mà gặp nhau.

8. *Giải kết*: (*giải*: cởi, *kết*: mối buộc) cởi bỏ mối kết ước của hai người không cho thành vợ chồng.

Cổ thi: *Thương thiên nhược giải đồng tâm kết, kim thạch vi minh ngã dũ quân* = Trời xanh dầu cháo dãi đồng, đá vàng ta vẫn một lòng với ai.

9. *Trung khúc*: (*trung*: tấm lòng, *khúc*: cong) những nỗi tâm tư khuất khúc ở trong lòng.

10. *Chén xuân*: chén rượu gợi tình xuân. Cả hai câu 423-424 ý nói khi đã trò chuyện cùng nhau đủ điều rồi thì sinh ra tấm lòng luyến ái, nhất là khi men rượu đã làm cho chệnh choáng ngà ngà say.

425 Ngày vui ngán chẳng dây gang,
 Trông ra, ác¹ đã ngậm gương non đoài².
 Vắng nhà, chẳng tiện ngôi dai,
 Giã chàng, nàng mới kíp dờ song sa³.
 Đến nhà, vừa thấy tin nhà,
 430 Hai thân còn dở tiệc hoa chưa về.
 Cửa ngoài vội rủ rèm the,
 Xăm xăm *băng lối* vườn khuya một mình.
 Nhặt thưa *gương*⁴ rọi đầu canh,
 Ngọn đèn trông lọt, trướng *huỳnh*⁵ hắt hiu.
 435 Sinh *vừa* tựa án thiu thiu.
 Dở chiều như tỉnh, dở chiều như mê.
 Tiếng *sen*⁶ sẽ động giấc hòe⁷,
 Bóng trắng đã xế, hoa lê⁸ lại gần.
 Bâng khuâng đỉnh *Giáp* non thần⁹,
 440 Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng.

1. Ác: con quạ, chỉ mặt trời. Tương truyền trên mặt trời có con quạ nên gọi mặt trời là *kim ô* (ác vàng).

2. *Non đoài*: núi ở phía Tây.

3. *Song sa*: cửa sổ có treo màn sa hoặc màn the.

4. *Gương*: tức *gương nga*, chỉ mặt trăng.

5. *Trướng huỳnh*: (*huỳnh*: con đom đóm) chỉ phòng đọc sách, phòng học của Kim Trọng, lấy tích Xa Dận bắt đom đóm làm đèn mà đọc sách.

6. *Tiếng sen*: tiếng bước chân đi (xem chú thích câu 190).

7. *Giấc hòe*: do chữ *Hoè An mộng*. Điển ấy như sau: Mé Nam nhà Thuần Vu Phần (đời Đường) có một cây hòe. Một hôm ông nằm ngủ dưới gốc cây ấy thì chiêm bao thấy vua nước Hoè An gả công chúa cho và cử làm Thái thú quận Nam Kha, sống thật sung sướng hiển vinh. Khi tỉnh dậy chỉ thấy ở dưới gốc cây một tổ kiến. Thuần Vu Phần ngẫm ra đó là nước Hoè An còn quận Nam Kha chỉ là một cái hang ở tận trong cùng.

Do điển đó về sau người ta thường dùng *giấc hòe* hay *giấc Nam Kha* để nói rằng phú quý ở đời cũng chỉ là hư ảo như giấc mộng mà thôi. (*Giấc Nam Kha khéo bất bình, bưng con mắt dậy thấy mình tay không*).

8. *Hoa lê*: ví nàng Kiều. Cả câu ý nói lúc đêm khuya, trăng đã xế nàng Kiều lại gần Kim Trọng khi ấy còn đương “*dở chiều như tỉnh, dở chiều như mê*”.

9. *Đỉnh Giáp non Thần*: đỉnh núi Vu Giáp, nơi vua Sở Hoài Vương có lần đến Cao Đường mộng thấy người đàn bà đẹp tự xưng là thần núi, sớm làm mây tối làm mưa, đến xin hầu chầu gối. Do điển này về sau người ta thường dùng *đỉnh Giáp non Thần* để chỉ việc nằm mơ thấy người đẹp và chữ *mây mưa* để chỉ việc ân ái giữa trai gái.

Câu 439 ý nói Kim Trọng đương mơ màng nửa tỉnh, nửa mê khi Thúy Kiều đến thì có cảm tưởng như thấy thần nữ đến.

Nàng rằng: “Khoảng vắng đêm trường,
 Vì hoa, nên phải đánh đường¹ tìm hoa².
 Bây giờ rõ mặt đôi ta,
 Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao?”
 445 Vội mừng làm lễ rước vào,
 Đài sen³ nổi sáp, song đào⁴ thêm hương.
 Tiên thê⁵ cùng thảo một chương,
 Tóc mây một món dao vàng chia đôi.
 450 Vầng trăng vắng vặc giữa trời,
 Đinh ninh⁶ hai mặt một lời song song.
 Tóc tơ⁷ căn vặn tấc lòng,
 Trăm năm tạc một chữ đồng⁸ đến xương.
 Chén hà⁹ sánh giọng quỳnh tương¹⁰,
 Dải là hương lộn¹¹, bình gương¹² bóng lồng¹³.
 455 Sinh rằng: “Gió mát trăng trong,
 Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam¹⁴.”

1. *Đánh đường*: tìm đường, có ngụ ý hơi liều lĩnh.

2. *Vì hoa...tìm hoa*: chữ *hoa* đây chỉ Kim Trọng.

3. *Đài sen*: cái giá cắm nến có cái đài hình hoa sen để đỡ lấy những giọt nến chảy xuống.

4. *Song đào*: các bản Nôm đều viết chữ *song* 窗 là song cửa. Thế thì phải giảng là cửa sổ có trồng cây đào một bên ở ngoài sân, (không thể giảng là cái bình hương làm theo kiểu hình hai quả đào). Cả câu này có thể hiểu là Kim Trọng đã nổi thêm sáp (nến) ở cái đài sen và bỏ thêm trầm vào cái lư hương để ở bên cửa sổ, phía ngoài sân có trồng cây đào.

5. *Tiên thê*: tờ giấy chép lời thề của hai người viết trên giấy hoa tiên.

6. *Đinh ninh*: nói đi nói lại cho cẩn kè, cho chắc chắn.

7. *Tóc tơ*: kể tóc chân tơ, nói hết từng tí không bỏ sót điều gì.

8. *Chữ đồng*: chữ đồng tâm, cùng một lòng một dạ với nhau.

9. *Chén hà*: chén rượu bằng ngọc màu đỏ như sắc ráng trời chiều.

10. *Quỳnh tương*: (*quỳnh*: ngọc quỳnh, *tương*: thứ rượu) thứ rượu ngon quý như nước ngọc, như rượu tiên.

11. *Dải là hương lộn*: ý nói khi hai người ngồi gần nhau thì mùi hương ở dải lưng bằng lụa tỏa lên lẫn vào hai người.

12. *Bình gương*: bức bình phong có gắn tấm gương.

13. *Bóng lồng*: khi hai người ngồi kề bên nhau thì bóng của hai người lồng chiếu vào trong gương.

14. *Một chút lòng chưa cam*: (*cam* = thỏa) ý Kim Trọng muốn nói từ lâu nay nghe tiếng Thúy Kiều giỏi đàn mà chưa được thưởng thức tài nghệ nên chưa được thỏa lòng mong ước.

Chày sương¹ chưa nện cầu Lam²,
 Sợ lẩn khân quá ra sớm sỡ³ chẳng?"
 Nàng rằng: "Hong điệp⁴ xích thằng⁵,
 460 Một lời cũng đã tiếng rằng tương tri⁶.
 Dừng điều nguyệt nọ hoa kia,
 Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai".
 Rằng: "Nghe nổi tiếng cầm đài⁷,
 Nước non luống những lắng tai Chung Kỳ⁸."
 465 Thừa rằng: "Tiện kỹ⁹ sá chi,
 Đã lòng dạy đến, dạy thì phải vâng".
 Hiên sau treo sẵn cầm trăng¹⁰,
 Vội vàng sinh đã tay nâng ngang mây¹¹.
 Nàng rằng: "Nghề mọn riêng tay,
 470 Làm chi cho *bạn* lòng này lấm thân¹²!"
 So dần dây vũ¹³ dây văn¹⁴,

1. *Chày sương*: chày giã thuốc huyền sương mà bà mẹ của Vân Anh đòi hỏi Bùi Hàng phải tìm cho được để làm dẫn cưới. (Xem chú thích câu 266).

2. *Chưa nện cầu Lam*: ý nói chưa có chày ngọc để giã thuốc huyền sương thì chưa thành vợ chồng, chưa thực kết duyên làm vợ chồng.

3. *Sớm sỡ*: suồng sã, không còn e lệ gì, sẵn sàng khi tỏ tình. Câu này là lời nói của Kim Trọng nên chàng mới không bị nghi là muốn điều nguyệt nọ hoa kia với nàng Kiều, và biết tự kiểm chế mình.

4. *Hong điệp*: lá đỏ, lá thắm (xem chú thích câu 268).

5. *Xích thằng*: tơ đỏ, chỉ hồng (xem chú thích câu 333).

6. *Tương tri*: cùng biết lòng nhau.

7. *Cầm đài*: cái đài ngồi gảy đàn. Các người gảy đàn danh tiếng thường có một cầm đài. Bá Nha có cầm đài ở huyện Lỗ Sơn, tỉnh Hà Nam.

8. *Nước non... Chung Kỳ*: theo điển Bá Nha - Chung Tử Kỳ: Bá Nha thời Xuân Thu là người giỏi đàn. Một hôm Bá Nha gảy đàn cho Chung Tử Kỳ nghe. Khi Bá Nha nghĩ đến non cao mà gảy thì Tử Kỳ bảo: "*Hay lắm! Tiếng đàn cao vọi vọi, chắc chí bác đang ở chỗ non cao.*" (*Thiện tai! Nguy nguy hồ chí tại cao sơn*). Khi Bá Nha nghĩ đến nước chảy mà gảy thì Tử Kỳ bảo: "*Hay lắm! Tiếng đàn nghe cuộn cuộn, chắc bác đang để chí vào chỗ nước chảy.*" (*Thiện tai! Dương dương hồ chí tại lưu thủy*). Đến khi Chung Tử Kỳ chết, Bá Nha đập đàn không gảy nữa vì cho đời không còn ai hiểu được tiếng đàn (*tri âm*) của mình. Chữ *nước non* đây là mượn từ chữ *cao sơn, lưu thủy* ý nói hiểu được ý nghĩa của từng tiếng đàn cao thấp.

9. *Tiện kỹ*: nghề mọn, lời nói khiêm tốn của Thúy Kiều.

10. *Cầm trăng*: tức nguyệt cầm, cây đàn nguyệt.

11. *Ngang mây*: nâng cây đàn cao ngang tầm mắt tỏ ý quý trọng.

12. *Lấm thân*: lấm ru, lấm thây.

13. *Dây vũ*: dây to, thường gọi là *dây dài*.

14. *Dây văn*: dây nhỏ, thường gọi là *dây tiểu*.

Bốn dây to nhỏ theo vần cung thương.
 Khúc đầu Hán Sở chiến trường¹,
 Nghe ra tiếng sắt, tiếng vàng² chen nhau.
 475 Khúc đầu Tư mã Phượng cầu³,
 Nghe ra như oán như sầu⁴ phải chăng?
 Kê Khang⁵ này khúc Quảng lăng⁶,
 Một rằng *lưu thủy*, hai rằng *hành vân*.
 Quá quan⁷ này khúc Chiêu Quân⁸,
 480 Nửa phần luyến chúa, nửa phần tư gia.
 Trong như tiếng hạc bay qua,
 Đục⁹ như *tiếng* suối mới sa nửa vơi.
 Tiếng khoan¹⁰ như gió thoảng ngoài,
 Tiếng mau *sầm sập* như trời đổ mưa.
 485 Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
 Khiến người ngồi đó mà ngơ ngẩn sầu.

1. *Hán Sở chiến trường*: bãi chiến trường giữa quân Hán và quân Sở. Cuối đời Tần, Lưu Bang (Hán Cao Tổ) và Hạng Vũ (Sở Bá Vương) cùng khởi binh đánh Tần, sau lại tranh nhau thiên hạ, đánh nhau nhiều trận kịch liệt.

2. *Tiếng sắt tiếng vàng*: tiếng khí giới bằng sắt, bằng đồng va chạm vào nhau.

3. *Tư mã Phượng cầu*: Tư mã Tương Như, người đời Hán, một hôm đến nhà Trác Vương Tôn dự tiệc. Tương Như có gảy một khúc đàn *Phượng cầu* hoàng để tỏ tình với con gái Trác Vương Tôn là nàng Văn Quân. Văn Quân cảm tiếng đàn, đêm ấy bỏ nhà trốn theo Tương Như.

4. *Như oán như sầu*: ý nói tiếng đàn của Thúc Kiều nghe có vẻ buồn rầu ai oán như tiếng đàn của Tư mã Tương Như khi gảy khúc *Phượng cầu* hoàng.

5. *Kê Khang*: Kê Khang, người đời Tam Quốc, một đêm gảy đàn ở đình Hoa Dương, bỗng có người khách lạ tới, dạy cho khúc *Quảng lăng tán*, âm điệu tuyệt hay.

6. *Quảng lăng*: tên của khúc đàn, nay không được lưu truyền nữa. *Cả câu* ý nói tiếng đàn của Thúc Kiều nghe ra thanh thoát nhẹ nhàng như nước chảy mây trôi.

7. *Quá quan*: qua cửa ải, khi Chiêu Quân bị cống sang Hồ.

8. *Chiêu Quân*: tên tự là Vương Tường, cung nữ thời Hán Nguyên Đế vì không chịu lo lót với Mao Diên Thọ nên bị gả cho chúa Thiên Vu. Khi Chiêu Quân vào bái biệt, nhà vua mới biết là nàng đẹp có ý muốn lưu lại nhưng không được nữa. Khi qua cửa ải, Chiêu Quân có gảy khúc đàn tỳ bà để tỏ lòng nhớ nước nhớ nhà vô hạn.

9. *Đục*: tiếng đục.

Các bản Nôm đều viết 濁 thì phải đọc là *đục* mới đúng. Không thể đọc là *dục* hay *giục* được. (Chữ 嗜 (dục) và chữ 逐, 啗 (giục) viết khác hẳn). *Đục* đây là tiếng nước suối đổ xuống nửa chừng nghe không được trong chứ không phải nước suối đục. Nếu dùng chữ *nước* thì cũng sai.

10. *Khoan*: nói tiếng đàn gảy chậm lại, không mau, thông thả, khoan thai.

Khi tựa gối ¹, khi cúi đầu,
 Khi vò chín khúc ², khi chau đôi mày.
 Rằng: “Hay thì thực là hay,
 490 Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào!
 Lựa chỉ những bậc *tiêu* tao ³,
 Dột ⁴ lòng mình, cũng *nao nao* ⁵ lòng người”.
 Rằng: “Quen mất nét đi rồi,
 Tẻ vui thôi cũng tính trời biết sao!
 495 Lời vàng ⁶ vâng lĩnh ý cao,
 Họa dần dần bớt chút nào được không?”
Hoa hương ⁷ càng tỏ thức hồng ⁸
 Đầu mày cuối mắt càng nồng tằm yêu.
 Sóng tình ⁹ dường đã xiêu xiêu ¹⁰,
 500 Xem trong âu yếm có chiều lả lơi ¹¹.
 Thưa rằng “Đừng lấy làm chơi,
 Dẽ ¹² cho thừa hết một lời đã nao!

1. *Tựa gối*: chữ *gối* bản Nôm KOM viết 衾 (có nghĩa là cái gối tựa), bản QVĐ viết 踏 (có nghĩa là đầu gối). Chữ Quốc ngữ viết “gối” thì không phân biệt được. Ở đây nên hiểu là cái gối tựa cho được tao nhã hơn. *Cả câu* có thể hiểu là chàng Kim nghe Kiều gảy đàn sinh ra ngơ ngẩn, khi thì tỳ khuỷu tay vào gối tựa, khi thì cúi đầu xuống để lắng nghe cho thật chú ý hơn.

2. *Chín khúc*: chín khúc ruột.

3. *Tiêu tao*: buồn bã, sầu thảm.

4. *Dột*: ử dột, rầu rĩ.

5. *Nao nao*: ý nói trong lòng bị xúc cảm mà trở nên xao xuyến. *Cả đoạn này* là lời Kim Trọng nhận xét về tiếng đàn của Thúy Kiều: Khúc đàn hay thì có hay thật nhưng mà sầu thảm quá nó làm cho chính lòng Thúy Kiều cũng phải ử dột mà người nghe thì cũng thấy buồn rầu lây.

6. *Lời vàng*: lời khuyên bảo quý báu.

7. *Hoa hương*: ý nói cái vẻ đẹp của người con gái như bông hoa còn nguyên nhị.

8. *Thức hồng*: sắc đẹp ứng hồng vì e thẹn.

9. *Sóng tình*: tình yêu dào dạt ở trong lòng như sóng cuộn cuộn lên.

10. *Xiêu xiêu*: ngả về một bên, ý nói xiêu dần tới chuyện lả lơi âu yếm.

11. *Lả lơi*: cử chỉ đùa cợt suồng sã (của Kim Trọng đối với Thúy Kiều). *Cả câu ý* nói trong cử chỉ âu yếm đối với Thúy Kiều, Kim Trọng đã có ý muốn ép liễu nài hoa.

12. *Dẽ*: hãy tránh ra một bên. Chữ này cho ta thấy rõ thái độ lả lơi của Kim Trọng trước đó.

Về chi một đoá yêu đào ¹,
 Vườn hồng ² chi dám ngăn rào chim xanh ³.
 505 Đã cho vào bậc bố kinh ⁴,
 Đạo tông phu ⁵ lấy chữ trinh làm đầu.
 Ra tuồng trên Bộc trong dâu ⁶,
 Thì con người ấy ai cầu làm chi.
 Phải điều ăn xối ở thì ⁷,
 510 Tiết trăm năm nữ bỏ đi một ngày!
 Ngẫm duyên kỳ ngộ xưa nay,
 Lúa đôi ai lại đẹp tày Thôi Trương ⁸.
 Mây mưa ⁹ đánh đổ đá vàng ¹⁰,
 Quá chiều nên đã chán chường yến anh ¹¹.

1. *Yêu đào*: đào non, chỉ người con gái trẻ đẹp, đến tuổi lấy chồng. Chữ lấy trong *Kinh Thi*, bài *Đào yêu* (Chu Nam): *Đào chi yêu yêu, chúc chúc kỳ hoa. Chi tử vu quy, nghi kỳ thất gia* = cây đào tơ xanh tươi, hoa nhiều chi chít. Nàng ấy đi lấy chồng, thì chắc êm ấm cảnh gia đình.

2. *Vườn hồng*: ví với sắc đẹp của người con gái.

3. *Chim xanh*: ví với người con trai đương tuổi thanh xuân. Cả câu là lời Thúy Kiều muốn nói mình có chút nhan sắc đâu dám ngăn cấm ai dòm ngó cũng như vườn hồng vẫn để cho chim xanh được vào ra đưa tin. Ý này cũng tương tự như ý của câu ca dao: *Gặp đây mận mới hỏi đào, vườn hồng đã có ai vào hay chưa? Mận hỏi thì đào xin thưa: vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.*

4. *Bố kinh*: (bố: vải, kinh: gai) do chữ *bố quân kinh thoa* là quần vải thoa gai, chỉ người vợ hiền vì xưa kia nàng Mạnh Quang, vợ của Lương Hồng (người đời Đông Hán), chỉ dùng những thứ đồ giản dị ấy.

5. *Đạo tông phu*: đạo của người đàn bà khi lấy chồng trước hết là phải giữ lấy chữ trinh làm đầu và phải phục tòng chồng trong cuộc sống chung.

6. *Trên Bộc trong dâu*: trong bãi dâu, trên bờ sông Bộc ở nước Vệ, trai gái thường hẹn hò nhau để làm chuyện tà dâm.

7. *Ăn xối ở thì*: ý nói tạm bợ, không tính đến chuyện lâu dài về sau. (xối: tạm bợ để cho có mà dùng ngay: *dưa muối xối, buôn xối*).

8. *Thôi Trương*: (Thôi: Thôi Oanh Oanh, Trương: Trương Quân Thụy) Trương sinh, người đời Đường gặp nàng Thôi ở chùa Phổ Cứu. Hai bên đi lại với nhau thân thiết. Sau chàng Trương phụ tình Oanh Oanh đi lấy người khác.

9. *Mây mưa*: nói việc trai gái ân ái với nhau.

Xem chú thích câu 439.

10. *Đá vàng*: lời hẹn ước chung thủy với nhau được ghi tạc vào vàng đá. Cả câu ý nói vì sự ân ái trước nên không giữ được mối tình cho chung thủy.

11. *Chán chường yến anh*: chán bỏ tình yêu đương. Cả câu ý nói nàng Thôi vì sớm chiều chàng Trương, tự do ân ái, nên sau chàng Trương mới chán mà bỏ nàng Thôi.

515 Trong khi *chấp cánh liền cành*¹,
 Mà lòng rỏ rúng đã *dành* một bên.
 Mái Tây² để lạnh hương nguyên,
 Cho duyên đầm thắm ra duyên bể bàng.
 Gieo thoi³ trước chẳng giữ giàng,
 520 Để sau nên thẹn cùng chàng, bởi ai?
 Vội chi liễu ép hoa nài,
 Còn thân, *ắt lại* đền bồi có khi.”
 Thấy lời đoan chính dễ nghe,
 Chàng càng thêm nể thêm vì mười phân.
 525 Bóng tàu⁴ vừa lạt *vẻ ngân*⁵,
 Tin đâu đã *đến* cửa ngăn⁶ gọi vào.
 Nàng thì vội trở buồng *thêu*,
 Sinh thì dạo *gót* sân đào⁷ vội ra.
 Cửa *sài*⁸ vừa ngỏ then hoa⁹,
 530 Gia đồng¹⁰ vào gửi thư nhà mới sang.
*Dem tin thúc phụ*¹¹ từ đường,

1. *Chấp cánh liền cành*: ý nói thể nguyên chung thủy cùng nhau như chim liền cánh, như cây liền cành. Chữ lấy trong bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị: *Tị dục điều, liền lý chi...*

2. *Mái Tây*: dịch ở chữ *Tây sương* là mái Tây chùa Phổ Cứu nơi Thôi Oanh Oanh gặp Trương Quân Thụy ở đó.

3. *Gieo thoi*: ném cái thoi dệt vải. Theo *Tán thư*, Tạ Côn đời Tấn thường hay trêu ghẹo cô hàng xóm; có lần đã bị cô lấy con thoi ném vào mặt làm gãy mất hai răng. Sau người ta dùng chữ *gieo thoi* để chỉ thái độ người con gái biết giữ mình để bảo toàn tiết hạnh.

4. *Bóng tàu*: bóng mái nhà.

5. *Vẻ ngân*: vẻ bạc của ánh trăng. *Cả câu* ý nói bóng của mái nhà in trên sân đã không còn đậm nữa vì ánh trăng đã bị mờ đi khi trời dần sáng.

6. *Cửa ngăn*: cổng ngõ, cửa ngoài đường cái, ngăn cách sân với ngoài đường, thuộc nhà Kim Trọng.

7. *Sân đào*: sân có trồng cây đào ở bên cửa sổ.

Xem chú thích câu 446: chữ *song đào*.

8. *Cửa sài*: dịch ở chữ *sài môn* là cửa làm bằng những cành cây ghép lại hoặc bằng những thanh tre thanh trúc.

9. *Then hoa*: then cửa, chữ *hoa* được dùng cho đẹp lời.

10. *Gia đồng*: trẻ nhỏ đi ở trong một gia đình quyền quý thời trước.

11. *Thúc phụ*: chú ruột.

Bơ vơ, lữ thấn¹ tha hương² đề huê³.
 Liêu Dương⁴ cách trở sơn Khê⁵,
 Xuân đường⁶ kíp gọi sinh về hộ tang⁷.
 535 Mảng tin⁸ xiết nỗi kinh hoàng,
 Bâng mình lén trước đài trang⁹ tự tình.
 Gót đầu mọi nỗi đình ninh,
 Nỗi nhà tang tóc, nỗi mình xa xôi.
 “Sự đâu chưa kíp đôi hồi¹⁰,
 540 Duyên đâu chưa kíp một lời trao tơ¹¹.
 Trăng thể còn đó tơ tơ,
 Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng.
 Ngoài nghìn dặm, chốc ba đông¹²,
 Mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy.
 545 Gìn vàng giữ ngọc cho hay¹³,
 Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời”.
 Tai nghe ruột rối bời bời,
 Ngập ngừng nàng mới giải lời trước sau:

-
1. *Lữ thấn*: chết mà chưa chôn, quan tài còn quàn ở đất khách.
 2. *Tha hương*: làng khác, chỉ nơi đất khách quê người.
 3. *Đề huê*: (đề: cầm, huê: dặt) dặt díu nhau; đây có nghĩa là cùng đi đón linh cữu về.
 4. *Liêu Dương*: tên huyện thuộc tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc. Chú ruột Kim Trọng mất ở đó.
 5. *Sơn Khê*: núi khe, núi sông.
 6. *Xuân đường*: nhà xuân, chỉ người cha. Cây *xuân* là thứ cây sống rất lâu nên ai cũng mong cho cha được thọ như vậy.
 7. *Hộ tang*: giúp việc tang, lo việc chôn cất.
 8. *Mảng tin*: nghe tin, mới nghe tin, thoát nghe tin.
 9. *Đài trang*: chỗ ở của người con gái.
 10. *Đôi hồi*: giải bày.
 11. *Trao tơ*: lấy tích trong sách *Thiên Bảo*: Đời Đường, quan Tể tướng Trương Gia Trinh có năm con gái muốn kén rể. Ông cho năm cô đứng sau bức màn và cho mỗi người cầm một sợi tơ thông ra phía trước rồi bảo Quách Nguyên Chấn rút được sợi tơ của cô nào thì gả cho cô ấy. Nguyên Chấn rút được sợi tơ đỏ của người con gái thứ ba. Một lời trao tơ là một lời đính hôn với nhau.
 12. *Nghìn dặm ... ba đông*: câu này ý nói xa cách nhau ở ngoài ngàn dặm mà phải đợi đến ba năm mới gặp nhau lại được.
 13. *Cho hay*: cho khéo, ý nói hãy cẩn thận giữ lấy tấm thân quý như vàng và trong như ngọc.

“Ông tơ¹ ghét bỏ chi nhau,
 550 Chưa vui sum họp, đã sầu chia *phôi*.
 Cùng nhau đã trót năng lời,
 Dầu *thay* mái tóc, dám dời lòng tơ².
 Quán bao tháng đợi năm chờ,
 Nghĩ người ăn gió nằm mưa³ xót thậm.
 555 Đã nguyên hai chữ đồng tâm⁴,
 Trăm năm thể chẳng ôm cầm thuyền ai⁵.
 Còn non, còn nước, còn dài,
 Còn về còn nhớ đến người hôm nay”.
 Dùng dằng chưa nỡ rời tay,
 560 Vằng Đông⁶ trông đã đứng ngay nóc nhà.
 Ngại ngừng, một bước một xa,
 Một lời trăn trọng châu sa⁷ mấy hàng.
 Buộc yên⁸ quảy gánh vội vàng,
 Mối sầu sẻ nửa, bước đàng chia hai.
 565 Buồn trông phong cảnh quê người,
 Đầu cành quỳên nhật⁹, cuối trời nhận thừa¹⁰.

1. Ông tơ: ông lăm cầm sợi tơ hồng để xe duyên cho trai gái lấy nhau. Xem chú thích câu 333.

2. Lòng tơ: lòng tơ kết ước với nhau.

3. Người ăn gió nằm mưa: là nói người khách đi đường xa, phải xông pha mưa gió. Đây chỉ Kim Trọng.

4. Đồng tâm: cùng một lòng với nhau.

5. Ôm cầm thuyền ai: ôm đàn sang thuyền người khác mà gảy. Cả câu ý nói dầu thế nào cũng chẳng bao giờ lấy người khác.

6. Vằng Đông: vằng mặt trời mọc ở phía Đông.

7. Châu sa: nước mắt rơi xuống. Xem chú thích câu 82.

8. Buộc yên, quảy gánh: ý nói tên gia đồng buộc lại yên ngựa cho cẩn thận rồi gánh đồ hành trang đi theo sau Kim Trọng.

9. Đầu cành quỳên nhật: (nhật: mau, liền, trái với thừa) đầu cành chim quỳên đã hót nhiều.

(Quỳên: chim quỳên tức đỗ quỳên. Theo Từ Hải, Từ Nguyên và Hình âm nghĩa tổng hợp đại tự điển thì đỗ quỳên là loại chim leo cây (phan cầm loại), lưng màu tro, bụng sắc trắng, đuôi dài, không biết làm tổ, đẻ trứng trên mặt đất rồi tha vào tổ chim khác để nhờ ấp và nuôi hộ. Tiếng chim quỳên nghe buồn khiến lữ khách dễ động lòng nhớ nhà.

Tương truyền vua nước Thục là Đỗ Vũ thông dâm với vợ Biết Linh và truyền ngôi cho Biết Linh, rồi bỏ nước mà đi. Sau thác, Thục Đế hóa thành chim đỗ quỳên, ngày đêm nhớ nước, kêu mãi không thôi

Chim đỗ quỳên còn gọi là tử quy hay đỗ vũ).

10. Cuối trời nhận thừa: (nhận: con ngồng trời, con mòng), ở cuối chân trời những đàn chim nhận (ngồng trời) bay đi đã ít dần. Cả câu tả cảnh cuối mùa hạ, sang đầu mùa thu.

Nào người cũ gió tuần mưa ¹,
 Một ngày nặng gánh tương tư một ngày.
 Nàng còn đứng dựa hiên tây,
 570 Chín hồi ² vắn vít như vầy mối tơ.
 Trông chừng khói ngát song thưa,
 Hoa trôi trôi ³ thắm, liễu xơ xác vàng.
 Tần ngần dạo gót lầu trang ⁴,
 Một đoàn mừng thọ ngoại hương ⁵ mới về.
 575 Hàn huyên ⁶ chưa kịp đã dề ⁷,
 Sai nha ⁸ bỗng thấy bốn bề xôn xao.
 Người nách thước ⁹, kẻ tay đao ¹⁰,
 Đầu trâu mặt ngựa ¹¹ ào ào như sóng.
 Già giang ¹² một lão một trai,
 580 Một dây vô lại ¹³ buộc hai thâm tình ¹⁴.
 Đây nhà vang tiếng ruồi xanh ¹⁵,

1. *Cũ gió tuần mưa*: (năm ngày là một cũ, mười ngày là một tuần) ý nói thương chàng Kim đi đường phải dãi dầm mưa gió lâu ngày mệt nhọc.

2. *Chín hồi*: do chữ *cửu hồi trường* nghĩa là trong lòng bối rối như chín khúc tơ vò.

3. *Trôi trôi*: từ cổ có nghĩa như *trôi giạt*. Chữ *trôi trôi* là từ kép được dùng để đối với *xơ xác* cũng là một từ kép, nếu dùng chữ *trôi giạt* thì lại không được chỉnh.

4. *Lầu trang*: chỗ đàn bà con gái ở.

5. *Ngoại hương*: quê ngoại.

6. *Hàn huyên*: lạnh ấm. Khi gặp nhau, người ta thường hỏi thăm nhau có mạnh khỏe không. Nói chung ra là những câu chuyện tâm phúc giữa hai người khi gặp nhau.

7. *Đã dề*: chào hỏi niềm nở, hỏi thăm vồn vã.

8. *Sai nha*: các thông lại và lính lệ ở các phủ huyện sai khiến đi để làm một việc gì.

9. *Nách thước*: cặp thước ở bên nách.

10. *Tay đao*: cầm đao trong tay.

11. *Đầu trâu mặt ngựa*: chỉ bọn sai nha có bộ dạng hung dữ độc ác như bọn quỷ sứ ở dưới âm phủ có đầu trâu mặt ngựa.

12. *Già giang*: (*già*: cái gông) cái gông đóng lấy cổ phạm nhân.

13. *Vô lại*: hoang tàng liễu lĩnh, không còn có đạo đức gì, không còn có nhân nghĩa gì. Cũng có người nói là *vô loại* và *giảng* là không ra cái giống gì, không biết phải trái, không có lương tâm gì.

14. *Thâm tình*: tình sâu xa giữa cha con Vương ông và Vương Quan.

15. *Ruồi xanh*: con nhặng. Kinh Thi: *Thương dăng chi thanh*: tiếng những con ruồi xanh, ý nói đến những tiếng khả ố của bọn sai nha vang âm nhà như đàn nhặng vậy.

Rụng rời *khung dệt*, tan tành *gói may*¹.
 Đồ *tế nhuyễn*², của riêng tây,
 Sạch sành sanh *vét* cho đầy túi tham
 585 Điều đâu bay buộc³ ai làm?
 Này ai đan *dậm*⁴ giật giằm⁵ bỗng dưng:
 Hỏi ra, sau mới biết rằng:
 Phải tên xưng xuất⁶ là *thằng bán tơ*.
 Một nhà hoảng hốt ngẩn ngơ,
 590 Tiếng oan dậy đất, án ngờ *lòa mây*⁷.
 Hạ từ⁸, van *vi*⁹ suốt ngày,
 Điec tai lân tuất¹⁰, phũ tay tối tàn¹¹.
 Rường¹² cao rút ngược dây oan¹³,
 Dẫu là đá cũng nát gan lợ người.
 595 Mặt trông đau đớn rụng rời,
 Oan này còn một kêu trời, nhưng xa.
 Một ngày lạ thói¹⁴ sai nha,
 Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền.
 Sao cho cốt nhục¹⁵ vẹn tuyền,

1. *Khung dệt ... gói may*: câu này bản BK-TTK chép là *Rụng rời giọt liễu, tan tành gói mai* và đã giải thích là: “*gói mai là bởi chữ mai trăm cũng như mai chường là nói sự vui vẻ đoàn tụ trong nhà*”.

Tản Đà đã có nhận xét: “*Có bản viết là Rụng rời giọt liễu, tan tành cội mai*”. Song những lời giải đều không thông, và *mai* với *liễu* là những tiếng đặt lấy đẹp lời, không hợp dùng ở trong câu đây.

2. *Tế nhuyễn*: (*tế*: nhỏ, *nhuyễn*: mềm) đồ nhỏ nhất ở trong nhà và đồ quần áo của đàn bà con gái.

3. *Bay buộc*: tay bay vạ buộc.

4. *Đan dậm*: đồ đan bằng tre, có miệng rộng hình bầu dục và có cán cầm dùng để đánh bắt tôm cá.

5. *Giật giằm*: giật cái bẫy để bắt các con thú hoặc bắt các con chim.

6. *Xưng xuất*: khai ra.

7. *Lòa mây*: ý nói án kia còn chưa rõ ràng, vẫn còn ngờ vực như bị mây che phủ.

8. *Hạ từ*: lời nói hạ mình để van xin, kêu oan.

9. *Van vi*: kêu xin năn nỉ.

10. *Lân tuất*: (*lân*: thương hại, *tuất*: thương xót) thương xót.

11. *Phũ tay tối tàn*: phũ phàng đánh đập tàn nhẫn.

12. *Rường*: cái xà nhà.

13. *Dây oan*: dây trói người một cách oan ức. Câu này ý nói bọn sai nha trói và treo ngược hai cha con Vương ông và Vương Quan lên xà nhà.

14. *Lạ thói*: không lạ gì cái thói.

15. *Cốt nhục*: xương thịt, ý nói tình cha con, anh em cùng một dòng máu.

600 Trong khi ngộ biến tòng quyền ¹ biết sao?
 Duyên hội ngộ ², đức cù lao ³,
 Bên tình bên hiếu, bên nào nặng hơn?
 Để lời ⁴ thề hải minh sơn ⁵,
 Làm con trước phải đền ơn sinh thành ⁶.
 605 Quyết tình ⁷ nàng mới hạ tình ⁸:
 “Dẽ ⁹ cho để thiếp bán mình chuộc cha!”
 Họ Chung có kẻ lại già,
 Cũng trong nha dịch ¹⁰ lại là từ tâm ¹¹.
 Thấy nàng hiếu trọng tình thâm ¹²,
 610 Vì nàng, *ngĩ* ¹³ cũng thương thâm xót vay ¹⁴.
 Tính bài lót đó luôn đây ¹⁵,
 Có ba trăm lạng việc này mới xuôi.

1. *Ngộ biến tòng quyền*: (*quyền*: phép đối xử trong lúc có biến) gặp lúc biến thì phải tùy theo hoàn cảnh mà đối phó cho thích hợp.

2. *Hội ngộ*: nói đến cuộc gặp gỡ Kim Trọng mà đưa đến cuộc tình duyên giữa hai người.

3. *Cù lao*: (*cù*: siêng, *lao*: nhọc) công cha mẹ nuôi con vất vả nhọc nhằn, chữ lấy trong *Kinh Thi*, thơ *Lục Nga*: *Lục lục giá nga, phứ nga y hào. Ai ai phụ mẫu, sinh ngã cù lao* = Rau nga đã lên dài, chẳng phải là rau nga xưa kia nữa, mà chỉ là thứ cỏ hèn. Xót thương thay cho cha mẹ, đã cực nhọc sinh ra ta.

4. *Để lời*: gác lời thề lại để lo cứu cha trước đã.

5. *Thề hải minh sơn*: (*minh*: thề) chỉ non thề biển, ý nói hai người chỉ núi, chỉ biển mà thề, lấy núi biển là những thứ bền vững lâu dài chứng minh cho.

6. *Sinh thành*: ơn cha mẹ sinh ra và nuôi cho khôn lớn.

7. *Quyết tình*: quyết định sau khi đã suy nghĩ ở trong lòng.

8. *Hạ tình*: bày tỏ ý tình của mình, bày tỏ sự quyết tâm của mình.

9. *Dẽ*: chỉ thái độ của Thúy Kiều chống lại sự can ngăn của mọi người, chống lại ý kiến của mọi người.

10. *Nha dịch*: người nha lại làm việc ở các phủ, huyện xưa.

11. *Từ tâm*: có lòng tốt, lòng hiền từ.

12. *Hiếu trọng tình thâm*: ý nói Thúy Kiều là người có tấm lòng rất hiếu thảo, coi trọng tình cha con.

13. *Ngĩ*: xét thấy, suy nghĩ. Bán Kôm chép là *ngĩ* thì không thích hợp với Chung ông, một người nha lại có từ tâm, đáng kính trọng. Với một người như vậy mà gọi bằng *hắn, y, nó* thì thiếu hẳn sự tôn kính.

14. *Xót vay*: thương xót hộ cho Thúy Kiều.

15. *Lót đó luôn đây*: ý nói tính ngả này lo ngả nọ để cứu cho Vương ông và Vương Quan.

Hãy về tạm phó¹ giam ngoài²,
 Dặn nàng qui liệu³ trong đôi ba ngày.
 615 Thương *tình* con trẻ thơ ngây⁴,
 Gặp cơn vạ gió tai bay⁵ bất kỳ!
 Đau lòng tử biệt sinh ly⁶,
 Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên!
 Hạt mưa⁷ sá nghĩ phận hèn,
 620 Liệu đem tắc cỏ quyết đền ba xuân⁸.
 Sự lòng ngỏ với bằng nhân⁹,
 Tin sương¹⁰ đồn đại xa gần xôn xao.
 Gần miền có một mụ nào,
 Đưa người viễn khách¹¹ tìm vào vấn danh¹².
 625 Hỏi tên, rằng: Mã Giám sinh¹³.
 Hỏi quê, rằng: Huyện Lâm Thanh¹⁴ cũng gần.

1. *Tạm phó*: tạm giao cho.

2. *Giam ngoài*: giam ở nhà công sai, khỏi phải bị cùm giam trong ngục.

3. *Qui liệu*: sắp đặt thu xếp, lo liệu.

4. *Thơ ngây*: thường nói *ngây thơ* có nghĩa là trẻ dại, chưa biết gì.

5. *Vạ gió tai bay*: tai vạ đến thình lình như gió ở đâu bay tới.

6. *Tử biệt sinh ly*: chết rồi phải vĩnh biệt nhau, sống mà phải xa cách nhau đó là hai cái cảnh đau lòng nhất ở đời.

7. *Hạt mưa*: chỉ thân phận người con gái như hạt mưa sa, rơi vào hoàn cảnh nào phải chịu hoàn cảnh ấy như câu *ca dao* đã diễn tả: "*Thân em như hạt mưa sa, hạt vào đài các, hạt ra ruộng cấy*".

8. *Tắc cỏ ... ba xuân*: *Tắc cỏ* chỉ tấm lòng bé nhỏ của người con; *ba xuân* chỉ ba tháng của mùa xuân, ví với công ơn của cha mẹ. Mấy chữ này lấy ở trong câu thơ của Mạnh Giao (Đường): "*Thùy ngôn thốn thảo tâm, báo đắc tam xuân huy*" = ai dám nói rằng tấm lòng của người con bé nhỏ như tắc cỏ lại có thể báo đáp được công ơn của người mẹ chan hòa như ánh sáng của mùa xuân.

9. *Bằng nhân*: chỉ người làm mối. Theo *Tấn thư*, truyện *Sách Đằm* có kể rằng Lệnh Hồ Sách mộng thấy mình đứng trên băng mà nói chuyện với người ở dưới băng. Giải mộng ấy Sách Đằm cho đó là việc âm dương, tức việc hôn nhân, ý nói sẽ làm mối cho người ta lấy nhau.

10. *Tin sương*: khi trời sắp có nhiều sương xuống thì có chim nhận báo tin trước, nên thiên hạ đều biết. Đây nói tin nàng Kiều bán mình đồn khắp mọi nơi.

11. *Viễn khách*: khách phương xa.

12. *Vấn danh*: lễ đến hỏi tên tuổi người con gái.

13. *Mã Giám sinh*: người Giám sinh họ Mã.

Giám sinh là tên gọi của người học trò ở Quốc Tử Giám.

14. *Lâm Thanh*: tên huyện thuộc tỉnh Sơn Đông.

Quá niên trạc ngoại *tứ tuần* ¹,
 Mây râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao.
 Trước thấy sau tở *xôn xao*,
 630 Nhà băng ² đưa mối rước vào lầu trang ³.
 Ghế trên ngồi tót *sổ sàng* ⁴,
 Buồng trong mối đã giục nàng kíp ra.
 Nỗi mình *thêm* tức nỗi nhà,
 Thêm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng.
 635 Ngại ngừng *giợn* gió e sương ⁵,
 Nhìn hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày.
 Mối càng vén tóc bắt tay ⁶,
 Nét buồn như cúc ⁷, *điệu* gầy như mai ⁸.
 Đắn đo ⁹, cân sắc cân tài,
 640 Ép cung cầm nguyệt ¹⁰, thử bài quạt thơ ¹¹.
 Mặn nồng một vẻ một ưa,
 Bằng lòng, khách mới tùy cơ dặt dìu.
 Rằng: “Mua ngọc đến Lam Kiều ¹²,
 Sính nghi ¹³ *xin* dạy bao nhiêu *cho* tường?”

-
1. *Ngoại tứ tuần*: ngoài bốn mươi tuổi.
 2. *Nhà băng*: xem chú thích chữ *băng nhân*, câu 621.
 3. *Lầu trang*: lầu đàn bà con gái ở, đây chỉ phòng Thúy Kiều ở.
 4. *Sổ sàng*: không biết ý tứ gì, không biết giữ lễ phép, dám đường đột ngồi lên ghế cao.
 5. *Giợn gió e sương*: ý nói khi Thúy Kiều ở trong buồng đi ra ngó bộ như ngại ngừng chẳng khác nào cảnh hoa e ấp sợ gió sợ sương.
 6. *Bắt tay*: nắm lấy tay đưa cho xem.
 7. *Nét buồn như cúc*: nét buồn như cây cúc mùa thu.
 8. *Điệu gầy như mai*: dáng gầy như mai mùa đông.
 9. *Đắn đo*: cân nhắc so sánh xem hơn kém thế nào.
 10. *Cầm nguyệt*: cái đàn nguyệt. Trần Văn Khê có tìm hiểu xem Thúy Kiều đã đánh cây đàn gì nhưng qua những ngôn từ của nhà thơ, *không phải ngôn từ của nhạc sĩ*, ông đã không xác định được và chỉ cho rằng: “cái cầm trắng của Kim Trọng và cái Hồ cầm của Thúy Kiều có lẽ chỉ là một nhạc khí”. Chúng tôi không nghi như vậy vì cô Kiều như Nguyễn Du đã giới thiệu chỉ sành về Hồ cầm thôi. Sở dĩ trong *Truyện Kiều* có chỗ Nguyễn Du đã dùng chữ *cầm trắng* (c.467) hoặc *cầm nguyệt* (c.640) cũng chỉ vì sự bó buộc về vần hoặc về thanh mà thôi.
 11. *Thử bài quạt thơ*: thử tài làm thơ của Thúy Kiều khi yêu cầu nàng để vịnh cái quạt.
 12. *Lam Kiều*: cầu Lam. Xem chú thích câu 266. Cả câu này ý nói muốn mua người đẹp phải đến tận nhà của mỹ nhân cũng như muốn mua ngọc phải đến tận Lam Kiều.
 13. *Sính nghi*: nói chung các đồ dẫn cưới.

645 Mối rằng: “*Đáng giá* nghìn vàng,
 Gấp nhà ¹, nhờ lượng người thương, dám nài”.
 Cò kè bớt một thêm hai,
 Giờ lâu ngã giá *vâng* ² ngoài bốn trăm.
 Một lời, thuyền đã êm giầm ³,
 650 Hãy đưa canh thiếp ⁴ trước cầm làm ghi.
 Định *ngày nạp thái* ⁵ *vu qui* ⁶,
 Tiền lưng đã *sẵn* việc gì chẳng xong!
 Một lời cậy với Chung công,
 Khất từ ⁷, tạm lĩnh Vương ông về nhà.
 655 Thương tình con trẻ cha già,
 Nhìn nàng ông *những* máu sa ruột rầu.
 “Nuôi con những ước về sau,
 Trao tơ ⁸ phải lứa, gieo cầu ⁹ đáng nơi.
 Trời làm chi cực *bấy* trời,
 660 Này ai *vu thác* ¹⁰ cho người hợp tan.
 Búa rìu bao quản thân tàn ¹¹,

1. *Gấp nhà*: nhà gặp sự rủi ro cấp bách quá, lúc ngặt quá cần phải đối phó cho kịp như chuyện Vương ông bị bắt, bị đánh đập tàn nhẫn cần phải cứu ngay ra.

2. *Vâng*: chữ này có bản để là *chịu*, có bản để là *ra* thì cũng tương tự nhưng nếu để là *vàng* thì sai vì Mã Giám sinh chỉ mua Kiều với giá 450 lạng bạc có làm văn ước hẳn hoi.

3. *Thuyền đã êm giầm*: (*giầm*: cái mái chèo) ý nói thuyền đã không còn chòng chành nữa ví với việc mua bán xong xuôi.

4. *Canh thiếp*: tẩm thiếp biên tên tuổi của hai bên con trai con gái để so tuổi xem có hợp không.

5. *Nạp thái*: dẫn đồ cưới đến nhà gái.

6. *Vu qui*: về nhà chồng. Chữ lấy trong *Kinh Thi*, thiên *Thước* sào: “*Duy thước hữu sào, huy cứu cư chi. Chi tử vu qui, bách lưỡng nhạ chi*” = Con chim thước có ổ, con chim cứu đến ở. Nàng ấy đi lấy chồng, hàng trăm cỗ xe đón rước dâu”. Đây dùng chữ *vu qui* để chỉ lễ rước dâu.

7. *Khất từ*: (*khất*: xin, *từ*: tờ) đơn xin một việc gì; đây là tờ đơn xin tạm lĩnh Vương ông về.

8. *Trao tơ*: chỉ việc kết hôn. Xem chú thích câu 540.

9. *Gieo cầu*: lấy điển tích trong sách *Tam hợp bảo kiếm*: Đời Hán, vua Vũ Đế khi kén phò mã đã cho công chúa ngồi trên lầu gieo quả cầu xuống, ai cướp được thì làm phò mã. Do điển này, chữ *gieo cầu* được dùng để chỉ việc kén chồng.

10. *Vu thác*: (*vu*: nói dối đổ lỗi cho ai, *thác*: đặt điều ra) nói người ta không có tội mà bày đặt sự việc ra để vu hại cho người ta.

11. *Thân tàn*: thân người đã đến tuổi già sắp chết. *Cả câu* ý nói hình phạt đâu có nghĩa lý gì với cái thân già (chỉ Vương ông) sắp chết.

Nữ đày đoạ trẻ ¹, càng oan *khốc* già ².
 Một *lần* sau trước cũng là,
 Thôi thì mặt khuất, chẳng thà lòng đau”.
 665 Theo lời *càng* chảy dòng châu ³,
 Liều mình ông *rấp* ⁴ gieo đầu tường vôi.
 Vội vàng kẻ giữ người *coi*,
 Nhỏ to nằng lại tìm lời khuyên can:
 “Vẻ chi một *mảnh* hồng nhan ⁵,
 670 Tóc tơ ⁶ chưa chút đền ơn sinh thành.
 Dâng thư, đã then nằng Oanh ⁷,
 Lại thua ả Lý ⁸ bán mình hay sao?
Cổ xuân ⁹ tuổi bạc càng cao,
 Một cây gánh vác biết bao nhiêu càn.
 675 *Lòng* tơ ¹⁰ dù chẳng dứt tình,
 Gió *mưa* ¹¹ âu hắt tan tành nước non ¹².
 Thà rằng liều một *thân* con,

1. *Trẻ*: chỉ Thúy Kiều.

2. *Già*: chỉ Vương ông.

3. *Dòng châu*: dòng nước mắt. Xem *chú thích* câu 82.

4. *Rấp*: toan, định. Chữ *rấp* này hợp lý hơn là chữ *đã* vì khi Vương ông định gieo đầu vào tường vôi, thì mọi người đều đã “*vội vàng kẻ giữ người coi*”.

5. *Hồng nhan*: má hồng, chỉ người đàn bà đẹp.

Mảnh hồng nhan: ngụ ý nói tấm thân của Thúy Kiều cũng không đáng giá gì so với công ơn của cha mẹ.

6. *Tóc tơ*: hai vật rất nhỏ dùng để nói đến một chút gì, một cái gì nhỏ nhất nhất như một chút công ơn của cha mẹ chưa báo đáp được.

7. *Nàng Oanh*: nàng Đề Oanh đời Hán. *Hán thư* chép: Thuần Vu Ý làm quan phạm tội. Con gái là Đề Oanh đã dâng thư lên Hán Văn Đế xin chuộc tội cho cha. Vua cảm lòng hiếu thảo ấy đã tha cho cha nàng.

8. *Ả Lý*: Nàng Lý Ký đời Đường. *Đường tông thư* chép: Nàng Lý Ký nhà nghèo đã phải bán mình cho làng cúng thần rắn để lấy tiền nuôi cha mẹ. Cuối cùng nàng đã giết được thần rắn mà khỏi chết. Vua Việt Vương nghe tin đón nàng vào cung lập làm hoàng hậu.

9. *Cổ xuân*: gốc xuân già ví với người cha.

Xem *chú thích* câu 534.

10. *Lòng tơ*: lòng thương của Vương ông có nhiều mối vướng vít không muốn dứt tình.

11. *Gió mưa*: ý nói đến những tai họa gây ra do những cơn mưa gió; đây chỉ tai họa xảy đến cho gia đình Vương ông.

12. *Tan tành nước non*: tức tan tành cả gia đình, cơ nghiệp bị sụp đổ hết, nhà cửa tan nát chẳng còn gì.

Hoa dù rã cánh, lá ¹ còn xanh cây.
Phận sao đành vậy cũng vậy,
 680 Cầm như chẳng đậu ² những ngày còn xanh.
 Cũng đừng tính quẩn *toan* quanh,
 Tan nhà là một thiệt mình ³ là hai”.
 Phải lời ông cũng êm tai,
 Nhìn nhau giọt ngắn giọt dài ngổn ngang.
 685 Mái ngoài họ Mã vừa sang,
 Tờ hoa ⁴ đã ký, cân vàng mới trao.
 Trắng già độc địa làm sao?
 Cầm dây ⁵ chẳng *lựa*, buộc vào tự nhiên.
 Trong tay *đã sẵn* đồng tiền,
 690 Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì.
 Họ Chung ra sức giúp vì,
 Lễ tâm ⁶ đã đặt, tụng kỳ ⁷ cũng xong.
 Việc nhà đã tạm thông dong,
 Tinh kỳ ⁸ giục già đã mong độ về.
 695 Một mình nàng ngọn đèn khuya,
 Áo đầm giọt *lệ*, *tóc xe* mới *sầu* ⁹.
 “Phận dầu, dầu vậy cũng dầu,

1. *Hoa...lá*: hoa ví nàng Kiều, lá ví với cha mẹ và hai em, cây ví với nhà cửa. Cả câu ý nói nếu một mình Kiều chịu bán mình thì cả nhà còn được sum họp.

2. *Chẳng đậu*: không nuôi được từ lúc mới sinh ra. Chữ *đậu* cũng viết là *đỗ*.

3. *Thiệt mình*: Ý nói đến việc Vương ông muốn đập đầu vào tường với tự tử.

4. *Tờ hoa*: tức là tờ văn ước do Chung ông đứng ra bảo lãnh (viết ngày 15 tháng tư năm Gia Tĩnh thứ 11) về việc Thúy Kiều bán mình làm thiếp cho Mã Giám sinh lấy 450 lạng bạc, hẹn sau ba ngày khi việc quan kết liễu sẽ theo họ Mã ra đi. Chữ *hoa* được dùng cho đẹp lời.

5. *Trắng già ... cầm dây*: (*Trắng già* do chữ Nguyệt lão, *cầm dây* là cầm những sợi chỉ hồng) do điển ông già ngồi dưới bóng trăng cầm dây tơ hồng để xe duyên vợ chồng cho con trai và con gái. Xem *chú thích* câu 333.

6. *Lễ tâm*: lễ vật do lòng thành dâng lên.

7. *Tụng kỳ*: Kỳ xử án. Cả câu ý nói có Chung ông lo giúp, đem lễ cho quan, nên việc xử án cũng xong xuôi.

8. *Tinh kỳ*: hôn kỳ đã, hôn giả kiến tinh nhi hành. (KOM chú) là lúc cử hành lễ cưới, đám cưới thấy sao mọc thì ra đi). Cả hai câu 693 - 694 ý nói việc nhà đã tạm yên rồi, bây giờ phải lo sắp đặt việc đưa Kiều về cho họ Mã.

9. *Mới sầu*: bản BK - TTK lần in thứ nhất chép là *mái sầu* nhưng bản in lần thứ ba (1934) đã sửa lại là *mới sầu*. Nếu chép là *tóc xe mới sầu* thì có thể hiểu là khi kết tóc lại thì xe cả mới sầu theo từng đoạn tóc. Những bản chép là *tóc se mái sầu* thì đã giảng là vì sầu không buồn chải tóc nên mái tóc khô đi.

Xót lòng đeo đẳng¹ bấy lâu một lời.
 Công trình² kể biết mấy mươi,
 700 Vì ta khăng khít³ cho người dở dang.
 Thẻ hoa⁴ chưa ráo chén vàng,
 Lỗi thẻ thôi đã phũ phàng với hoa⁵.
 Trời Liêu⁶ non nước bao xa,
 Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi!
 705 Biết bao duyên nợ thẻ bồi⁷,
 Kiếp này thôi thế *thì* thôi còn gì?
 Tái sinh⁸ chưa dứt hương thẻ,
 Làm thân trâu ngựa⁹ đến nghì trúc mai.¹⁰
 Nợ tình chưa trả cho ai,
 710 Khối tình¹¹ mang xuống Tuyền đài¹² chưa tan”.
 Nỗi riêng, riêng những bàn hoàn¹³,
 Dầu chong trắng đĩa¹⁴, lệ tràn thấm khăn.

1. *Đeo đẳng*: theo đuổi mang lấy vào mình.

2. *Công trình*: các mức độ làm một việc gì khó nhọc, đây ý nói đến công phu của Kim Trọng để kết được mối duyên với Thúy Kiều.

3. *Khăng khít*: ràng buộc gắn bó. Nghĩa như chữ *khăng khít* trong câu 1341: *Bấy lâu khăng khít dải đồng*.

4. *Thẻ hoa*: dịch chữ *tiên thẻ* tức là lời thẻ viết trên giấy hoa tiên.

5. *Với hoa*: với Kim Trọng.

6. *Trời Liêu*: chỉ Liêu Dương, một huyện thuộc tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc, nơi Kim Trọng về hộ tang chú.

7. *Thẻ bồi*: nói chung về sự thẻ nguyên với nhau.

8. *Tái sinh*: kiếp sau, theo thuyết luân hồi của nhà Phật.

9. *Thân trâu ngựa*: theo thuyết luân hồi hễ ai có nợ kiếp này không trả được cho người ta thì kiếp sau phải đầu thai làm trâu ngựa để trả nợ cũ.

10. *Trúc mai*: cây trúc và cây mai, hai cây thường được vẽ thành cặp với nhau và cũng thường được trồng trong chậu để bên nhau nên trong văn chương thường dùng hai chữ trúc mai để chỉ mối tình thân thiết. *Ca dao* có câu: *Ai đi đường ấy hỏi ai, hay là trúc đã nhớ mai đi tìm*.

Cả câu ý nói Thúy Kiều cho là mình mắc nợ tình với Kim Trọng mà kiếp này không trả được thì kiếp sau xin đầu thai làm trâu ngựa để trả nợ.

11. *Khối tình*: điển xưa, có một người con gái phải lòng một người lái buôn rồi sinh ốm tương tư mà chết. Sau rồi khi cải táng thấy trong quan tài một khối cứng như thủy tinh to bằng quả tim. Chuyện đó đến tai người lái buôn. Anh ta đến xin được xem khối ấy, cảm động mà khóc. Nước mắt nhỏ vào khối ấy tan ra thành máu.

12. *Tuyền đài*: suối vàng.

13. *Bàn hoàn*: bản khoán, nghĩ quanh nghĩ quẩn.

14. *Dầu chong trắng đĩa*: (*chong*: để đèn cháy) dầu trong đĩa vì thắp lâu suốt đêm đã hết nên đã lộ trắng cả đáy đĩa ra.

Thúy Vân chợt tỉnh giấc xuân ¹,
 Dưới đèn ghé đến ân cần hỏi han:
 715 “Cơ trời ² dâu bể ³ đa đoan ⁴,
 Một nhà để chị riêng oan một mình,
 Cớ chi ngồi nhẫn ⁵ tàn canh
 Nỗi riêng còn mắc *mối* tình chi đây?”
 Rằng: “Lòng đương thôn thức đây,
 720 Tơ duyên ⁶ còn vướng ⁷ mối này chưa xong.
 Hở môi ra, cũng then thùng,
 Để lòng thì phụ tấm lòng với ai ⁸!
 Cậy em, em có chịu lời?
 Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.
 725 Giữa đường đứt gánh tương tư,
 Keo loan ⁹ chấp *mối* tơ thừa ¹⁰, mặc em.
 Kể từ khi gặp chàng Kim,
 Khi ngày quạt ước ¹¹, khi đêm chén thề.
 Sự đâu sóng gió bất kỳ,
 730 Hiếu tình *khôn* lẽ hai bề vẹn hai.
 Ngày xuân em hãy còn dài,

1. *Giấc xuân*: giấc ngủ ngon, êm ái.

2. *Cơ trời*: do chữ *thiên cơ*, ý nói mọi việc ở đời đều do máy trời huyền bí vận xoay tạo dựng nên.

3. *Dâu bể*: nói sự đổi thay ở đời. Xem chú thích câu 3.

4. *Đa đoan*: nhiều sự rắc rối lôi thôi lắm.

5. *Ngồi nhẫn*: ngồi suốt mãi.

6. *Tơ duyên*: sợi tơ hồng kết duyên vợ chồng cho con trai và con gái. Xem chú thích câu 333.

7. *Vướng*: còn mắc phải.

8. *Với ai*: với Kim Trọng.

9. *Keo loan*: (chữ 膠 có hai cách đọc: đọc theo âm Hán Việt là *giao*, đọc theo âm chữ Nôm là *keo*) keo loan, một thứ keo nấu bằng tủy xương chim loan (có sách nói bằng máu chim loan) rất dính. Xưa vua Hán Vũ Đế đã dùng để nối dây cung bị đứt và dùng được rất bền.

10. *Tơ thừa*: ý nói mối duyên với Kim Trọng mà Thúy Kiều nhờ nối lại nhưng chữ *thừa* ở đây thiếu tế nhị. Nguyễn Du đã dùng nhiều lần chữ *thừa* như *hương thừa*, *phấn thừa hương cũ*, *hoa thãi hương thừa*, *sống thừa*... với nghĩa còn dư lại, bỏ đi, có thể ở trường hợp câu 726 ông đã bị ép vận nên mới dùng chữ ấy.

11. *Quạt ước*: cái quạt mà Thúy Kiều đã tặng Kim Trọng khi hai bên thề ước với nhau. Sở dĩ trai gái hay tặng nhau quạt vì chiếc quạt có hai mặt giấy hoặc lụa dán liền vào nhau tượng trưng cho sự gắn bó keo sơn và sự hợp hoan. Chính vì vậy mà chiếc quạt còn được gọi là *hợp hoan phiến*.

Xót tình máu mủ¹, thay lời nước non².
 Chị dù thịt nát xương mòn,
 Ngậm cười chín tuổi³ hãy còn thơm lây.
 735 Chiếc thoa⁴ với bức tờ mây⁵,
 Duyên này⁶ thì giữ, vật này⁷ của chung.
 Dầu em nên vợ nên chồng,
 Xót người mệnh bạc⁸ ắt lòng chẳng quên.
 Mất người còn chút của tin,
 740 Phím đàn với mảnh hương nguyên⁹ ngày xưa.
 Mai sau dù có bao giờ,
 Đốt lò hương ấy, so tơ phím này.
 Trông ra ngọn cỏ lá cây,
 Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.
 745 Hồn còn mang nặng lời thề,
 Nát thân bồ liễu¹⁰, đền nghi trúc mai.
 Dạ đài¹¹ cách mặt khuất lời,
 Rảy xin chén nước cho người thác oan.
 Bây giờ trâm gãy gương tan¹²,

1. *Tình máu mủ*: tình chị em.

2. *Lời nước non*: lời thề chỉ non thề biển.

3. *Ngậm cười chín tuổi*: ý nói chết đi về tuổi vàng cũng được vui lòng.

4. *Chiếc thoa*: tức là chiếc thoa Thúy Kiều bị mất mà Kim Trọng nhặt được đã trả lại.

Tản Đà cũng cho "*chữ thoa đây, tức là chữ thoa trong câu* *Giở kim thoa với khăn hồng trao tay. Có nhiều bản đổi làm chữ vòng hay vành, thêm việc mà mất cả âm tưởng*".

5. *Tờ mây*: tờ giấy có vẽ mây ghi lời thề nguyên của Kim Trọng và Thúy Kiều mà Nguyễn Du đã kể ra ở câu 447: *Tiên thề cùng thảo một chương*.

6. *Duyên này*: tức tờ giấy ghi lời thề nguyên của Thúy Kiều thì giữ lấy để nói lại mối duyên với Kim Trọng khi chàng quay trở lại.

7. *Vật này*: tức là cái thoa thì để làm của chung coi như kỷ niệm của mối tình giữa hai chị em Thúy Vân - Thúy Kiều với Kim Trọng.

8. *Mệnh bạc*: số phận mỏng manh.

9. *Mảnh hương nguyên*: chỉ những mảnh trâm hương đốt trong buổi thề nguyên với Kim Trọng.

10. *Bồ liễu*: cỏ bồ và cây liễu, hai thứ cỏ cây yếu ớt thường dùng để ví với đàn bà con gái có dáng vẻ mềm mại, yếu ớt. *Cả câu* ý nói thân yếu ớt này dù có chết đi nữa cũng mong trả được nghĩa với Kim Trọng.

11. *Dạ đài*: âm phủ, chỗ ở tối như đêm.

12. *Trâm gãy gương tan*: *trâm* và *gương* là đồ trang sức của phụ nữ, *trâm gãy gương tan* là nói duyên phận đã lỡ làng.

750 Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân.
 Trăm nghìn gửi lạy tình quân ¹,
 Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi.
 Phận sao phận bạc như vôi,
 Đã đành nước chảy hoa trôi ² lữ làng ³.
 755 “Ôi Kim lang! Hỡi Kim lang!
 Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!”
 Cạn lời phách tán hồn bay,
 Một hơi lặng ngắt, đôi tay giá đồng ⁴.
 Xuân huyên ⁵ chợt tỉnh giấc nồng ⁶,
 760 Một nhà tấp nập kẻ trong người ngoài.
 Kể thang người thuốc bời bời,
 Mới dầu ⁷ cơn vụng ⁸, chưa phai giọt hồng ⁹.
 Hỏi: “sao ra sự lạ lòng?”
 Kiều càng nức nở nói không ra lời.
 765 Nỗi nàng Vân mới rỉ tai:
 Chiếc thoa ¹⁰ này với tờ bồi ¹¹ ở đây!”.
 “ - Này cha làm lỗi duyên mày,
 Thôi thì nỗi ấy sau này đã em.
 Vì ai rúng cái rơi kim ¹²,

1. *Tình quân*: tiếng người con gái gọi người tình nhân của mình.

2. *Nước chảy hoa trôi*: ý nói người con gái bị lâm vào cảnh đời lưu lạc, chìm nổi như cánh hoa bị nước chảy trôi đi bơ vơ giữa dòng.

3. *Lữ làng*: không được đẹp duyên, dở dang cả cuộc đời.

4. *Giá đồng*: lạnh như đồng.

5. *Xuân huyên*: do chữ *xuân đường* và *huyên đường* dùng để chỉ cha mẹ. Xem chú thích các câu 224 và 534.

6. *Giấc nồng*: giấc ngủ say.

7. *Dầu*: nguôi đi, dịu đi.

8. *Cơn vụng*: cơn ngắt xiu, mê man đi.

9. *Giọt hồng*: giọt nước mắt đầy gian khổ tưởng chừng như có máu hòa lẫn vào, giọt lệ thấm. Do điển nàng Tiết Linh Vân đời Tùy từ biệt cha mẹ vào làm cung phi, khóc quá nước mắt chảy ra đỏ như có máu.

Truyện Kiều còn có câu: *Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm bao* (2836).

10. *Chiếc thoa*: chiếc thoa của Thúy Kiều bị mất mà Kim Trọng đã trả lại, nay được coi là vật kỷ niệm của Kim - Kiều.

11. *Tờ bồi*: tờ giấy viết lời thề bồi. Xem chú thích câu 447 (*tiên thê*) và câu 735 (*tờ mây*).

12. *Rúng cái rơi kim*: sách *Bác vật chí* nói: “*Hổ phách hút được hột cải, đá nam châm hút được chiếc kim*”. Đây nói *rúng cái rơi kim* tức là nói sự chia lìa giữa đôi tình nhân.

770 Đế con bèo nổi mây chìm vì ai?
 Lời con dặn lại một hai,
 Dầu mòn bia đá dăm sai tác vàng!"
 Lạy thôi nàng mới *thưa* chiêng¹:
 "Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi.
 775 Sá chi thân phận tôi đòi,
 Dầu rằng xương trắng quê người, quán đâu!"
 Xiết bao kể nỗi thảm sâu,
 Khắc canh² đã giục *nam* lâu³ mấy hồi.
 Kiệu hoa đâu đã đến ngoài,
 780 Quản huyền⁴ đâu đã giục người sinh ly⁵.
 Đau lòng kẻ ở người đi,
 Lệ rơi thấm đá⁶, tơ chia rũ tằm⁷.
 Trời hôm mây kéo tối dầm,
 Dầu dầu ngọn cỏ, dầm dầm cành sương.
 785 Rước nàng về đến trú phường⁸,
 Bốn bề xuân tỏa⁹ một nàng ở trong.
 Ngập ngừng then lục e hồng¹⁰,
 Nghĩ lòng lại xót xa lòng đòi phen.
 Phẩm tiên¹¹ rơi đến tay hèn¹²,

1. *Thưa chiêng*: thưa trình. Chữ *chiêng* là do chữ *trình* đọc chạnh ra cho hợp vần.

2. *Khắc canh*: (*khắc*: đồng hồ xưa là một cái bình có khắc nắp để xem giờ theo mực nước cạn dần, *canh*: khoảng thời gian chia một đêm ra để cất phiên canh gác) thời khắc sang canh.

3. *Nam lâu*: lầu canh ở về phía Nam.

4. *Quản huyền*: (*quản*: ống sáo, ống tiêu, *huyền*: các thứ đàn có dây) đàn sáo, nói chung là tiếng âm nhạc.

5. *Sinh ly*: sống mà phải chia lìa nhau.

6. *Lệ rơi thấm đá*: ý nói khóc đến nỗi nước mắt chan hòa dầu đá cũng phải thấm vào.

7. *Tơ chia rũ tằm*: ý nói buồn đến nỗi trong lòng bị quặn đau như con tằm bị rút lấy tơ mệt lả đi, nằm rũ ra.

8. *Trú phường*: chỗ trọ trong phường phố.

9. *Bốn bề xuân tỏa*: ý nói nàng Kiều bị giữ ở kín một mình trong buồng xuân. *Xuân tỏa* cũng như *khóa xuân* trong câu 156: "Một nền Đồng Tước khóa xuân hai Kiều".

10. *Then lục e hồng*: (*lục* và *hồng* là màu sắc hoa cỏ về mùa xuân) ý nói sắc mặt ngó ra then thừng.

11. *Phẩm tiên*: phẩm vật của tiên dùng tức *dào tiên*.

12. *Tay hèn*: tay người hèn hạ tức kẻ hèn hạ. Cả câu ý nói rằng nàng Kiều tự nghĩ mình là bậc quý giá mà lại rơi vào tay Mã Giám sinh, một tay hèn hạ không ra gì.

790 Hoài công nằng giữ mưa gìn với ai!
 Biết thân đến bước lạc loài¹,
 Nhị đào² *thà* bẻ cho người tình chung.
 Vì ai ngăn đón gió Đông³,
 Thiệt lòng khi ở, đau lòng khi đi.

795 Trùng phùng⁴ dù họa có khi,
 Thân này thôi có còn gì mà mong.
 Đã sinh ra số long đong,
 Còn mang lấy kiếp má hồng⁵ được sao?
 Trên yên⁶ sẵn có con dao,

800 Giấu cầm⁷ nàng đã gói vào chéo khăn.
 Phòng khi nước đã đến chân⁸,
 Dao này thì liệu với thân sau này.
 Đêm thu một khắc một chầy⁹,
 Bâng khuâng như tỉnh như say một mình.

805 Chẳng ngờ gã Mã Giám sinh,
 Vẫn là một đứa phong tình¹⁰ đã quen.
 Quá chơi lại gặp hồi đen.
 Quen mỗi¹¹ lại kiếm ăn miền nguyệt hoa.

-
1. *Lạc loài*: bơ vơ vì xa cách hẳn người thân và bị sa vào tay kẻ xấu.
 2. *Nhị đào*: nhị của bông hoa đào còn phong kín ví với sự trinh tiết của người con gái.
 3. *Gió Đông*: gió từ phương Đông thổi đến, tức gió xuân.
 4. *Trùng phùng*: gặp lại lần nữa.
 5. *Má hồng*: dịch từ chữ *hồng nhan*, chỉ người đẹp.
Kiếp má hồng là kiếp của kẻ hồng nhan bạc mệnh.
 Cả hai câu 797 - 798 ý nói nàng Kiều cho rằng mình đã gặp phải số xấu như thế thì còn mang làm gì mãi cái kiếp hồng nhan bạc mệnh, *thà* là chết đi cho rồi.
 6. *Yên*: tức là chữ *án* đọc theo thanh bằng, có nghĩa là cái bàn như chữ *yên* trong câu 397: *Trên yên bút giá thì đồng*.
 7. *Giấu cầm*: cầm lên không cho Mã Giám sinh trông thấy.
 8. *Nước đã đến chân*: do câu tục ngữ *Nước đã đến chân thì phải nhảy*, ý nói gặp lúc nguy cấp thì phải tính đến nước liều thân.
 Sáu câu (797 - 802) này đã cho chúng ta thấy được ý định của Thúy Kiều là nếu gặp cảnh túi nhục quá thì sẽ tự vẫn cho xong đời hồng nhan bạc mệnh.
 9. *Đêm thu một khắc một chầy*: ý nói đêm về mùa thu đã dài cứ trông cho mau sáng thành ra càng khắc càng trông thì lại thấy cứ dài thêm. Bản BK - TTK lần in thứ nhất chép là *thâu* nhưng ở lần thứ ba đã sửa lại là *thu*.
 10. *Phong tình*: chỉ người ăn chơi, quen thói phong nguyệt.
 11. *Quen mỗi*: quen thuộc cái mỗi ăn. Chữ này bản Hồ Đắc Hàm chép là *quen mùi*. Nguyễn Khắc Hiếu chép theo bản QVĐ là *quen vùng* và đã giải thích như sau: "*Mã Giám sinh nguyên là một người làng chơi, mà tổn hại đã lắm, mới xoay quanh lại làm chủ về việc chơi*"...

810 Lầu xanh¹ co mụ Tú bà,
 Làng chơi² đã trở về già hết duyên.
 Tình cờ chẳng hẹn mà nên,
 Mặt cửa mướp đấng³ đôi bên một phường.
 Chung lưng⁴ mở một ngôi hàng,
 Quanh năm buôn phấn bán hương⁵ đã lê⁶.
 815 Đạo tìm khắp chợ thì quê⁷,
 Giả danh hầu hạ, dạy nghề ăn chơi.
 Rủi may âu⁸ cũng sự trời,
 Đoạn trường lại chọn mặt người vô duyên
 Xót nàng, chút phận thuyền duyên⁹,
 820 Cành hoa¹⁰ đem bán vào thuyền lái buôn¹¹.
 Mẹo lừa¹² đã mắc vào khuôn¹³,
 Sính nghi¹⁴ rẻ giá, nghinh hôn¹⁵ sẵn ngày¹⁶.

1. *Lầu xanh*: do chữ *thanh lâu* xưa chỉ chỗ ở của các nhà quyền quý sau từ đời Lương, đời Đường được dùng để chỉ nhà chứa gái làng chơi.

2. *Làng chơi*: chỉ chung những kẻ ăn chơi ở chốn lầu xanh.

3. *Mặt cửa mướp đấng*: ý nói cùng một phường gian dối lừa gạt. Nghĩa ấy là do câu chuyện xưa có một người đi bán mặt cửa giả làm cám, một người đi bán mướp đấng giả làm dưa chuột đã bán lẫn cho nhau thành ra hai anh bợm lại mắc bợm của nhau.

4. *Chung lưng*: góp vốn chung với nhau.

5. *Buôn phấn bán hương*: phấn hương là đồ trang sức của con gái, buôn bán phấn hương là lợi dụng sắc đẹp của con gái để làm nghề mai dâm.

6. *Đã lê*: đã quen, đã thành một cái lệ, đã thành tập quán.

7. *Khắp chợ thì quê*: tìm khắp ở chỗ thành thị đến cả miền thôn quê.

8. *Âu*: dễ thường, có lẽ.

9. *Thuyền duyên*: con gái có sắc đẹp.

10. *Cành hoa*: nói người con gái đẹp như hoa.

11. *Thuyền lái buôn*: chỉ Mã Giám sinh chuyên đi buôn người về dạy nghề ăn chơi.

12. *Mẹo lừa*: mưu kế của Mã Giám sinh để lừa Thúy Kiều.

13. *Khuôn*: vòng.

14. *Sính nghi*: đồ dâm cưới.

15. *Nghinh hôn*: lễ rước dâu, đón dâu.

16. *Sẵn ngày*: ngày đã định sẵn từ trước.

Mừng thăm: “cờ đã đến tay”¹,
 Càng nhìn vẻ ngọc², càng say khúc vàng³.
 825 Đã nên quốc sắc thiên hương⁴,
 Một cười này hảnh nghìn vàng, chẳng ngoa.
 Về đây nước trước bể hoa⁵,
 Vương tôn⁶ quý khách ắt là đua nhau.
 Hảnh ba trăm lạng⁷ kém đâu,
 830 Cũng đà vừa vốn⁸ còn sau thì lời.
 Miếng ngon⁹ kê đến tận nơi,
 Vốn nhà cũng tiếc, của trời cũng tham.
 Đào tiên đã bén tay phàm,
 Thì vin cành quít¹⁰ cho cam sự đời.
 835 Dưới trần mấy mặt làng chơi,
 Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.
 Nước vỏ lựu, máu mào gà¹¹,
 Mượn màu chiêu tập¹² lại là còn nguyên.

1. *Cờ đã đến tay*: tục ngữ có câu: “*Cờ đến tay thì phát*” đây ý nói Mã Giám sinh mừng thăm là nàng Kiều đã về tay mình thì mình phải hưởng trước.

2. *Vẻ ngọc*: vẻ đẹp của tấm thân trong trắng như ngọc.

3. *Khúc vàng*: khúc lòng, chữ *vàng* đây chỉ dùng cho đẹp lời để đối với chữ *ngọc*.

Cả câu ý nói: càng ngắm nàng Kiều với tấm thân ngà ngọc thì lòng Mã Giám sinh càng thêm có dục vọng.

4. *Quốc sắc thiên hương*: sắc nước hương trời, chỉ người đàn bà đẹp nổi tiếng.

5. *Nước trước bể hoa*: ý nói ai cũng muốn được đến với nàng Kiều trước nhất để được là người đầu tiên “*bể hoa*”.

6. *Vương tôn*: con cháu vua quan, đây chỉ khách ăn chơi phong lưu.

7. *Ba trăm lạng*: đúng ra phải là *bốn* trăm lạng mới “*vừa vốn*” nhưng vì chữ thứ nhì đó thuộc thanh bằng nên Nguyễn Du đã phải viết *ba* trăm lạng.

8. *Vừa vốn*: ý Mã Giám sinh cho rằng các vương tôn quý khách đến chơi ai muốn “*bể hoa*” trước cũng phải ba trăm lạng mà số tiền ấy cũng đã vừa gần vốn rồi, về sau thời là có lời.

9. *Miếng ngon*: Mã Giám sinh nghĩ nàng Kiều về ở cùng phòng với mình cũng là miếng ngon kề bên miệng, nếu không hưởng thời cũng uống.

10. *Cành quít*: chữ này hơi khó hiểu, nên mỗi người chú thích *Truyện Kiều* lại giảng mỗi khác. Theo Tản Đà thì câu 834 nếu viết là : “*Thì vin cành đào cho cam sự đời*” sẽ rõ nghĩa ngay nhưng chữ *đào* lại thuộc thanh bằng nên Nguyễn Du đã phải đổi ra là “*Thì vin cành quít cho cam sự đời*”. Giảng như bản Tản Đà cũng có lý vì trong *Truyện Kiều* có một chỗ vì thanh bằng trước Nguyễn Du đã phải thay đổi chữ đi. Thí dụ: *thuần* lô thành *thuần* hức.

11. *Nước vỏ lựu, máu mào gà*: khi người con gái đã tiếp khách rồi thì lấy vỏ cây lựu nấu nước để rửa rồi lấy máu ở mào con gà bôi vào, giả làm con gái còn trinh.

12. *Chiêu tập*: (gọi về nhóm lại) ý nói sửa chữa lại cho được nguyên như cũ.

Mập mờ đánh lận¹ con đen²,
 840 Bao nhiêu³ cũng bấy nhiêu tiền *mất* chi?
 Mụ già hoặc có điều gì,
 Liều công *mất* một buổi quì mà thôi.
 Vả đây đường sá xa xôi,
 Mà ta bất động⁴ nữa người sinh nghi.”
 845 Tiếc thay! Một đóa *trà* mi⁵,
 Con ong đã *mở* đường đi lối về.
 Một cơn mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương.
Đêm xuân⁶ một giấc mơ màng,
 850 *Đuốc* hoa⁷ để đó mặc nàng nằm trơ⁸.
Nỗi riêng tấm tã tuôn mưa,
 Phần *cắm* nỗi khách, phần *dơ* nỗi mình.
 “Tuồng chi⁹ là giống hôi tanh,
 Thân ngàn vàng¹⁰ để ô danh má hồng.
 855 Thôi còn chi nữa mà mong,
 Đời người thôi thế là xong một đời.”
 Giận duyên tử phận bời bời,
 Cầm dao nàng đã toan bài *quyên* sinh¹¹.
 Nghĩ đi nghĩ lại một mình:

1. *Đánh lận*: đánh lừa.

2. *Con đen*: dịch từ chữ *lê dân* là dân đen đầu.

Đây dùng để chỉ khách làng chơi khờ khạo.

3. *Bao nhiêu*: bao nhiêu tiền. Cả câu này Mã Giám sinh muốn nói mình đòi bao nhiêu tiền thì khách làng chơi cũng trả bấy nhiêu, có thiệt hại gì đâu.

4. *Bất động*: chẳng làm gì.

5. *Trà mi*: đúng ra là chữ *đồ mi*. Các bản Nôm in chữ 茶 (đồ) thiếu một nét thành chữ 茶 (trà) hoặc các cụ xưa không muốn dùng chữ *đồ* nên đã đổi thành chữ *trà*. Hoa *đồ mi* nở về cuối xuân, sang đầu mùa hạ khi các loại hoa khác đã nở hết.

Đường thi: *Khai đáo đồ mi hoa sự liễu* = nở đến hoa *đồ mi* thì việc thưởng hoa đã xong. Nguyễn Du đã lấy chữ “*hoa sự liễu*” để chỉ việc Kiều bị thất tiết với Mã Giám sinh: “*Con ong đã mở đường đi lối về*”.

6. *Đêm xuân*: đêm của đôi vợ chồng mới cưới, chan chứa tình xuân. Chữ *đêm xuân* đây cũng giống như *chiều xuân* ở câu 348.

7. *Đuốc hoa*: do chữ *hoa chúc* là cây đèn thắp trong phòng tân hôn.

8. *Nằm trơ*: nói Kiều nằm trơ ra đó một mình còn Mã Giám sinh thì đã ra khỏi phòng để *đuốc* hoa suốt đêm không tắt.

9. *Tuồng chi*: không ra dáng chi, không ra bộ chi.

10. *Thân ngàn vàng*: tấm thân quý trọng. Thúy Kiều nghĩ đến tấm thân ngàn vàng của mình thì đau khổ vô cùng vì đã bị kẻ hôi tanh làm ô danh má hồng.

11. *Quyên sinh*: (*quyên*: bỏ; *sinh*: cuộc sống) bỏ mình liều chết.

860 “Một *mình* thì chớ, hai *tình*¹ thì sao?
Sau dầu *sinh sự*² thê nào,
Truy *nguyên*³ chẳng *kéo*⁴ lụy vào song thân.
Nỗi mình âu cũng *giãn dần*⁵,
Kíp chầy *thôi* cũng một *lần*⁶ mà *thôi*”.

865 Những là *đo* *đấn*⁷ ngược xuôi,
Tiếng gà nghe đã *gáy sôi*⁸ mái tường.
Lầu *mai*⁹ vừa *rúc còi* *sương*¹⁰,
Mã *sinh giục già* vội vàng ra đi.
Đoạn trường thay lúc *phân* kỳ,
870 Vó *câu*¹¹ khắp *khến*, bánh xe *gập ghềnh*.
Bê ngoài *mười dặm* trường *đình*¹²,
Vương ông mở *tiệc tiễn* *nành*¹³ đưa theo.
Ngoài *thì* chủ khách *dập dìu*.
Một nhà *huyền*¹⁴ với một *Kiều* ở trong.
875 *Nhìn càng* *lã chã* *giọt hồng*¹⁵,
Rỉ tai, nàng mới *giải lòng* *hấp* *cao*:
“*Hổ* *sinh* *ra* *phận* *thơ* *đào*¹⁶,
Công cha *nghĩa* mẹ *kiếp* nào *trả* *xong*?
Lỡ *làng* *nước* *đục* *bụi* *trong*¹⁷,

1. *Hai tình*: hai người tình thâm tức là cha và mẹ.

2. *Sinh sự*: gây sự, gây ra việc khó khăn cho gia đình.

3. *Truy nguyên*: tìm ra nguồn gốc của sự việc.

4. *Chẳng kéo*: chẳng khỏi, e bị.

5. *Giãn dần*: nguôi dần, bớt dần.

6. *Một lần*: một lần chết. *Cả câu* ý nói *thôi* hãy chờ đó để xem sao, trước sau cũng chỉ một lần chết mà *thôi*.

7. *Đo* *đấn*: tính đi tính lại xem hơn thiệt ra sao.

8. *Gáy sôi*: gáy vang dội lên vì có nhiều con cùng gáy một lúc.

9. *Lầu mai*: lầu canh, chòi canh lúc gần sáng.

10. *Còi sương*: nói rúc còi lúc trời chưa sáng, hãy còn hơi sương.

11. *Vó câu*: vó ngựa.

12. *Trường đình*: (*trường*: dài, *đình*: cái đình, cái quán) cái nhà trạm. Đời Tần cứ mười dặm đường thì đặt một cái nhà trạm để cho khách nghỉ chân.

13. *Tiệc hành*: (*tiễn*: đưa chân, *hành*: đi) khi sắp đi xa người ta thường làm tiệc rượu đưa nhau gọi là *tổng tiễn* hay *tiễn hành*.

14. *Nhà huyền*: *huyền* đường chỉ người mẹ, đây là Vương bà.

Xem *chú thích* câu 224.

15. *Giọt hồng*: giọt lệ. Xem *chú thích* câu 762.

16. *Thơ đào*: chỉ thân phận yếu đuối như cây đào non. Ta thường nói: *yếu liễu thơ đào*.

17. *Nước đục bụi trong*: nước trong mà hóa ra đục, bụi bẩn đục mà hóa ra trong sạch, chỉ cảnh huống trái ngược; như thân ngàn vàng mà lại gửi vào giồng hôi tanh không còn phân biệt gì đục trong nữa.

880 Trăm năm để một tấm lòng từ đây.
 Xem gương¹ trong bấy nhiêu ngày,
 Thân con chẳng kéo² mắc tay bợm già.
 Khi về bỏ vắng trong nhà,
 Khi vào *dùng dăng*³, khi ra vội vàng.
 885 Khi ăn, khi nói lỡ làng,
 Khi thầy, khi tớ xem thường xem khinh.
 Khác màu kẻ quí người thanh,
 Ngẫm ra cho kỹ, như hình con buôn.
 Thôi! Con còn nói chi con⁴,
 890 Sống nhờ đất khách, *thác* chôn quê người".
 Vương bà nghe bấy nhiêu lời,
 Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên.
 Vài tuần chưa cạn chén khuyên⁵,
 Mé ngoài nghỉ⁶ đã giục liền ruổi xe.
 895 Xót con lòng nặng chề chề,
 Trước yên⁷, ông đã *năn nỉ* thấp cao:
 "Chút thân yếu liễu⁸ thơ đào,
 Ráp⁹ nhà đến nỗi *dấn* vào tôi người¹⁰.
 Từ đây góc bể bên trời¹¹,
 900 Nắng mưa thui thui quê người một thân.

1. Xem gương: xem bộ dạng Mã Giám sinh.

2. Chẳng kéo: e phải, chắc rằng.

3. Dùng dăng: coi bộ ngấp ngừng, không dặng hoàng. Bản Nôm KOM viết là *dôi dăng* 淮孕; vì chữ *dôi* 淮 giống chữ 堆 *dôi* và chữ *dăng* 孕 giống chữ *đóa* 朵, nên BK-TTK đã phiên âm là *đôi đóa*. Thực ra hai chữ ấy là *dôi dăng*. Trương Vĩnh Ký đã phiên là *dùi thẳng*: chữ này cũng có nghĩa như *dôi dăng*, *dùi dăng*, *dùng dăng*. Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của có ghi đủ mấy chữ này.

4. Thôi! Con còn nói chi con: Thôi! Mẹ ơi! Thân con còn nói làm chi, con tự nay sống là kẻ lưu lạc quê người, chết là con ma nơi đất khách.

5. Chén khuyên: chén rượu khuyên như lúc đưa chân lên đường.

6. Nghỉ: hấn. Ở đây dùng chữ *nghi* mới thích hợp vì Mã Giám sinh là "đứa phong tình" đáng khinh bỉ. Nguyễn Du còn dùng chữ "*nghi*" để chỉ Sở Khanh ở câu 1188.

7. Trước yên: trước yên ngựa.

8. Yếu liễu: ví thân người con gái yếu ớt như cây liễu.

9. Ráp: điều rui, điều không may xảy đến một cách ngặt nghèo. Chữ *ráp* cũng viết là *róp*.

10. Tôi người: làm tôi tớ cho người

11. Góc bể bên trời: nói ở chỗ xa xôi đất khách quê người.

Nghìn tầm nhờ bóng tùng quân ¹,
 Tuyệt sương che chở cho thân cát đằng ².
 Cạn lời khách mới thưa rằng:
 “Buộc chân thôi cũng xích thằng ³ nhiệm trao. ⁴
 905 Mai sau dầu đến thế nào,
 Kia gương nhật nguyệt, nọ dao quý thần”.
 Đùng đùng gió giục mây *vần*, ⁵
 Một xe trong cõi hồng trần ⁶ như bay.
 Trông vời gạt lệ *chia* tay,
 910 Góc trời thăm thẳm, *ngày* ngày dăm dăm.
 Nàng thì *dặm* khách ⁷ xa xăm,
 Bạc phau cầu giá ⁸, đen dầm ngàn mây ⁹.
 Vi lô san sát hơi may ¹⁰,
 Một trời thu để riêng *ai* một người.
 915 *Dặm* khuya ngất tạnh ¹¹ mù khơi,
 Thấy trắng mà thẹn những lời non sông ¹².
Rừng thu ¹³ *từng* biếc *xen* hồng ¹⁴,
 Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn ¹⁵.

1. *Tùng quân*: cây tùng, cây trúc hai cây mọc rất thẳng và cao, tượng trưng cho người trượng phu, kẻ quân tử.

2. *Cát đằng*: (*cát*: dây sắn, *đằng*: dây bìm) hai thứ cây leo chỉ sống nhờ vào cây khác che chở cho mọc lên.

3. *Xích thằng*: sợi dây đỏ để buộc chân những cặp trai gái thành vợ chồng.

Xem chú thích câu 333.

4. *Nhiệm trao*: Mã Giám sinh nói để an ủi Vương ông rằng duyên vợ chồng cũng là do *nguyệt lão* xe nên một cách nhiệm mầu lắm.

5. *Gió giục mây vần*: ý nói xe đi nhanh lắm.

6. *Hồng trần*: (*hồng*: đỏ; *trần*: bụi) bụi đỏ, đây chỉ cánh đi đường, xe chạy cuốn tung bụi đỏ lên.

7. *Dặm khách*: dặm đường xa nơi đất khách.

8. *Cầu giá*: (*giá*: nước đóng thành lớp băng mỏng) cầu có giá phủ.

9. *Ngàn mây*: (*ngàn*: rừng cây mọc trên núi) rừng núi ở chân trời có mây phủ.

10. *Hơi may*: hơi gió heo may thổi về mùa thu.

11. *Ngất tạnh*: trời cao ngất và quang đãng.

12. *Lời non sông*: lời thề nguyện có nước non làm chứng. Cả câu ý nói Thúy Kiều trông thấy vùng trắng thì nhớ đến những lời thề xưa với Kim Trọng mà tự thẹn.

13. *Rừng thu*: rừng phong về mùa thu.

14. *Từng biếc xen hồng*: cây phong về mùa thu lá đỏ toàn cảnh nên trông lên khu rừng trên núi thấy từng vòm lá đỏ hồng chen lẫn với những vòm lá cây khác màu xanh. Kiều Oánh Mậu sửa là *rõ biếc ố hồng* (như bán DMT) thì sai vì ông đã hiểu lầm *cây phong* là cây bàng.

15. *Thần hôn*: (*thần*: buổi sớm, *hôn*: buổi chiều tối) nói đến việc con cái sớm tối thăm nom cha mẹ, xem cha mẹ có được mạnh khỏe luôn không.

Những là lạ nước lạ non,
 920 Lâm Truy¹ vừa một tháng tròn đến nơi.
 Xe châu² dừng bánh cửa ngoài,
 Rèm trong đã thấy một người bước ra.
 Thoát trông *nhờn nhọt* màu da,
 Ăn gì cao lớn đầy đà làm sao?
 925 Trước xe *lơi lả han chào*³,
 Vâng lời nàng mới bước vào tận nơi.
 Bên thì mấy ả *mày ngài*⁴,
 Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi.
 Giữa thì hương án⁵ hắt hoi,
 930 Trên treo một tượng trắng đôi lông mày⁶.
 Lầu xanh⁷ quen lối xưa nay,
 Nghề này thì lấy ông này tiên sư⁸.
 Hương hoa hôm sớm phụng thờ,
 Cô nào xấu vía⁹ có thừa mối hàng,
 935 Cối xiêm lột áo *chán chường*¹⁰,
 Trước *thần* sẽ nguyện mảnh hương lăm rằm.
 Đổ hoa, lót *xuống* chiếu nằm,
 Bướm ong¹¹ bay lại âm âm tứ vi¹².
 Kiều còn ngơ ngẩn biết gì,
 940 Cứ lời dạy xuống mụ thì khẩn ngay:
 “Cửa hàng buôn bán cho may,

-
1. *Lâm Truy*: tên huyện thuộc tỉnh Sơn Đông. Chữ 濰 phải đọc là *Truy* mới đúng.
 2. *Xe châu*: xe có rèm trang sức bằng những hạt cườm, hạt châu.
 3. *Han chào*: chào mừng hỏi han về việc đi đường.
 4. *Ả mày ngài*: gái làng chơi.
 5. *Hương án*: án để trước bàn thờ bày hương hoa, bộ ngũ sự, quần phẩm...
 6. *Tượng trắng đôi lông mày*: tức bức hình vẽ thần *Bạch mi* là tổ sư của chỗ thanh lâu.
 7. *Lầu xanh*: dịch chữ *thanh lâu*, xem chú thích câu 809.
 8. *Tiên sư*: người đã có công lập ra một nghề nghiệp gì, cũng gọi là ông tổ.
 9. *Xấu vía*: ở lầu xanh nếu cô nào không đắt khách thì người ta cho là xấu vía.
 10. *Chán chường*: tỏ tường, bày ra trước mắt (*Đại Nam quốc âm tự vị*, Huỳnh Tịnh Của). Quyển *Dictionnaire Annamite - Français* của J.F.M. Génibrel đã giảng là “*qui saute aux yeux thì cũng có nghĩa như “bay ra trước mắt”*”. Cả câu ý nói: Tú bà bắt Thúy Kiều phải cởi bỏ quần áo ra trước bàn thờ Bạch mi và trước mắt mọi người.
 11. *Bướm ong*: ví với khách làng chơi hiệu sắc.
 12. *Tứ vi*: (*vi*: vòng vây) bốn phía.

Đêm đêm ¹ Hàn thực ², ngày ngày ³ Nguyên tiêu ⁴.
 Muôn nghìn người thấy cũ 13 yêu,
 Xôn xao anh yến ⁵, dập dìu trúc mai ⁶.
 945 Tin nhận ⁷ vắn ⁸, lá thư ⁹ bài ¹⁰,
 Dừa người cửa trước, rước người cửa sau”.
 Lạ tai nghe chữa biết đâu,
 Xem tình ra cũng những màu dớ dăng.
 Lễ xong hương hỏa gia đường ¹¹,
 950 Tú bà vắt óc ¹² lên giường ngồi ngay.
 Dạy rằng: “Con lạy mẹ đây,

1. *Đêm đêm*: đúng ra phải nói *ngày ngày*.

2. *Hàn thực*: ngày ăn đồ nguội (lạnh), ở vào khoảng 105 ngày sau tiết Đông chí, để tưởng nhớ Giới Tử Thôi. Theo *Hậu Hán thư*, Giới Tử Thôi giúp Tấn Văn Công khôi phục được đất nước nhưng đã không được nhà vua trọng dụng, ông bèn vào rừng ở ẩn. Vua cho người đi mời về, ông nhất định không chịu về. Nhà vua không biết làm thế nào đã cho đốt rừng. Ông vẫn ở trong đó chịu chết. Nhà vua thương tiếc mới đặt ra lễ Hàn thực, cấm lửa ba ngày chỉ ăn đồ nguội.

3. *Ngày ngày*: đúng ra phải nói *đêm đêm*.

4. *Nguyên tiêu*: đêm tiết Thượng nguyên, tức rằm tháng giêng âm lịch. Tục xưa ở Trung Quốc đêm ấy thắp đèn vui chơi suốt đêm.

5. *Anh yến*: tên hai thứ chim, con trống con mái thường bay cặp với nhau nên được dùng để ví với cảnh trai gái giao du thân mật với nhau.

6. *Dập dìu trúc mai*: ý nói khách làng chơi lui tới dập dìu, đông đúc.

Trúc mai: cây trúc, cây mai, vì hai cây thường được bay gần nhau hoặc được vẽ thành cặp với nhau, nên được dùng để ví với tình nghĩa thân thiết.

Cả câu ý nói lúc nào cũng có đông khách làng chơi đến với Thúy Kiều.

7. *Tin nhận*: (nhận: loài ngỗng trời). *Hàn thư* chép rằng: Tô Vũ đời Hán sang sứ Hung Nô bị bắt đi chăn dê ở phương Bắc. Sau hai nước hòa thân với nhau. Vua Hán đòi lại Tô Vũ nhưng chúa Thiên Vu nói rằng Tô Vũ đã chết. Thương Huệ bày mưu cho vua Hán, nói rằng có bắn được một con chim nhận chân nó có buộc lá thư của Tô Vũ gửi về. Thiên Vu sau đó phải tìm Tô Vũ để trả lại cho vua nhà Hán. Do điển đó *tin nhận* được dùng để chỉ tin tức.

8. *Vắn*: đến thật nhiều, rồi bời lên.

9. *Lá thư*: tức những bức thư của khách làng chơi gửi tới.

10. *Bài*: 排 bày ra đây bàn, ý nói thật nhiều. Chữ 排 cũng có thể đọc là bời có nghĩa là ngổn ngang, nhiều đến rồi bời lên, hết lá thư này lại đến lá thư khác.

11. *Hương hỏa gia đường*: bàn thờ tổ tiên, đây là bàn thờ thần Bạch mi, ông tổ thanh lâu.

12. *Vắt óc*: ngồi lên cao và vắt chéo chân lại.

Lạy rồi sang lạy cậu mầy¹ bên kia”!
 Nàng rằng: “Phải bước lưu ly²,
 Phận hèn, vàng đã cam bê tiêu tình.³
 955 Điều đâu lấy yến làm anh⁴,
 Ngây thơ chẳng biết là danh phận⁵ gì?
 Đủ điều nạp thái⁶ vu quy⁷,
 Đã khi chung chạ, lại khi đứng ngời.
 Giờ ra thay bạc đổi ngời,
 960 Dám xin gửi lại⁸ một lời cho mình⁹”.
 Mụ nghe nàng nói hay tình,
 Bây giờ mới nói Tam Bành¹⁰ mụ lên:
 “Này này sự đã quá nhiên,
 Thôi đà cướp sống¹¹ chồng mìn¹² đi rồi!”

1. *Cậu mầy*: chữ *cậu* có nghĩa là bố chồng. *Cậu* là chữ Nôm, *cữu* là chữ Hán. Chữ *cữu* có mấy nghĩa như sau: 1. anh em với mẹ mình; 2. bố chồng (con dâu gọi bố chồng là cữu); 3. bố vợ (chồng gọi bố vợ là ngoại cữu); 4. các anh em vợ cũng gọi là cữu. Như vậy Tú bà bắt Kiều gọi mình là mẹ thì cũng coi Kiều là con dâu nên đã bắt Kiều lạy Mã Giám sinh bằng *cậu* tức bố chồng là đúng rồi. Tú bà coi Mã Giám sinh là chồng của mình. Nguyên truyện đã viết: “*Kiều đạo: Tha thị trượng phu, dữ ngã đồng niên đồng túc, kim nhật chấm ma giáo ngã khiêu tha tồ các cữu cữu? Tú mụ thính liễu; cấp đắc tam thi thần bạo khiêu! Đạo: Giả đẳng thuyết lai, nễ yếu chiếm ngã đích lão công liễu!*” = Kiều rằng: Ông ấy là chồng tôi, đã ăn nằm với tôi, hôm nay sao lại bảo tôi kêu ông ấy bằng cậu? Tú bà nghe đoạn thần Tam Bành tức thì nổi dậy. Mụ nói: “Cứ lời mầy nói đó thì mầy đã chiếm mất chồng tao rồi”.

2. *Lưu ly*: trôi nổi xa lìa quê hương.

3. *Tiểu tình*: sao nhỏ, chỉ người vợ lẽ, chữ lấy trong *Kinh Thi*, bài *Tiểu tình*.

4. *Lấy yến làm anh*: ý nói đâu có sư đôi ngời, từ chỗ lấy lẽ xuống làm con dâu được.

5. *Danh phận*: danh hiệu và chức phận, vợ lẽ hay dâu con.

6. *Nạp thái*: lễ dẫn cưới.

7. *Vu quy*: lễ rước dâu.

8. *Gửi lại*: thừa lại.

9. *Cho mình*: cho rõ ràng.

10. *Tam Bành*: Theo kinh của Đạo gia thì trong thân người ta có ba vị thần là Bành Kiêu, Bành Cự và Bành Chất. Ba vị thần ấy thường hay xui người ta làm điều ác rồi lên tâu với Ngọc Hoàng thượng đế.

Nổi Tam Bành: nổi giận lên mà làm dữ, dùng riêng để chỉ về đàn bà.

11. *Cướp sống*: cướp một cách trắng trợn.

12. *Chồng mìn*: (*mìn*: ta, tao. *Dai Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Cúa) chồng ta, chồng tao. Bản *Quan văn dương* chép là *của mìn* thì cũng có thể hiểu là chồng của tao, chữ *chồng* tuy không nói ra nhưng ta vẫn nhận ngay được.

Câu 963 - 964 là lời Tú bà mắng Thủy Kiều nên mới xưng tao.

Nguyên truyện viết là *chiếm ngã lao công*, chiếm mất chồng tao.

965 *Bảo* rằng: “Đi dạo lấy người¹,
 Dem về rước khách kiếm lời mà ăn.
 Tuồng vô *nghĩa*², ở bất nhân³,
 Buồn mình trước đã tần mần⁴ thử chơi.
 Màu hồ⁵ đã mất đi rồi,
 970 Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma!
 Con kia⁶ đã bán cho ta,
 Nhập gia⁷, phải cứ phép nhà tao đây.
 Lão kia⁸ có giở bài bảy⁹,
 Chẳng văng vào mặt¹⁰ mà mày *lai* nghe!
 975 Cớ sao chịu tốt¹¹ một bề,
 Gái tơ mà đã ngựa nghê¹² sớm sao!
 Phải làm cho biết phép tao! ¹³”
 Giật bì tiên¹⁴ rắp sấn vào ra tay.
 Nàng rằng: “Trời thăm đất dày¹⁵,
 980 Thân này đã bỏ những ngày ra đi.
 Thôi *thì* thôi có tiếc gì!”

1. *Lấy người*: mua lấy người.

2. *Vô nghĩa*: không biết điều nghĩa lý, không biết điều phải trái.

3. *Bất nhân*: không có nhân đức, ăn ở độc ác.

4. *Tần mần*: mớ máy trong lúc buồn mình.

5. *Màu hồ*: lớp hồ láng trên vải lụa cho đẹp bóng.

Cả câu ý nói Thúy Kiều đã mất trinh tiết thì cũng như tấm vải đã mất màu hồ.

6. *Con kia*: chỉ nàng Kiều. Lời của Tú bà mắng Kiều đã hết sức gay gắt vì nàng đã dám cãi lại.

Nguyên truyện viết:

Thúy Kiều cãi lại:

- *Rõ ràng trước đây y bảo cưới tôi làm thiếp, giờ sao lại bảo ai cướp chồng?*

Nguyễn Du đã lược bỏ đi đoạn này.

7. *Nhập gia*: vào nhà, ý nói vào nhà ai thì phải theo phép tắc nhà ấy, không được cãi lại.

8. *Lão kia*: chỉ Mã Giám sinh.

9. *Bài bảy*: trò lẩn khôn muốn làm chuyện bày bạ với phụ nữ.

10. *Văng vào mặt*: mắng xá vào mặt hoặc đập vào mặt mà chửi bới cho một trận.

11. *Chịu tốt*: chịu yên một bề.

12. *Ngựa nghê*: thích chuyện ân ái, ham chuyện nguyệt hoa.

13. *Phải làm cho biết phép tao*: Nguyễn Du đã chấm dứt lời mắng của Tú bà ở câu lục một cách đột ngột như vậy để cho ta thấy được hành động tức thì của Tú bà “*giật bì tiên*” mà “*sấn vào ra tay*”.

14. *Bì tiên*: (*bì*: da; *tiên*: cái roi) cái roi da.

15. *Trời thăm đất dày*: lời kêu trời, cũng như nói: “*Ồi trời đất ơi!*”

Sấn dao tay áo tức thì giở ra.
 Sợ gan nát ngọc liêu hoa ¹,
 Mụ còn *trông mặt*, nàng đã quá tay.
 985 Thương ôi, tài sắc *bạc* này,
 Một dao oan nghiệt ² dứt dây phong trần. ³
 Nỗi oan ⁴ vỡ lở ⁵ xa gần,
 Trong nhà người chạt một lần ⁶ như nêm ⁷.
 Nàng thì bần bật giấc tiên ⁸,
 990 Mụ thì *cầm cập* ⁹ *mặt* nhìn hồn bay.
 Vực nàng vào chôn hiên Tây ¹⁰,
 Cắt người *coi sóc*, *rước* thầy thuốc *men*.
 Nào hay chưa hết trần duyên ¹¹,
 Trong *mê* *dường* đã đứng bên một nàng ¹².
 995 *Rỉ* rằng ¹³ : “Nhân quả dở dang ¹⁴,
 Đã toan trốn nợ đoạn tràng ¹⁵ được sao?”

1. *Nát ngọc liêu hoa*: ý nói Tú bà sợ nàng Kiều có gan liêu mình làm cho ngọc nát hoa tàn.

2. *Oan nghiệt*: mầm tai hại tự mình gây ra.

3. *Phong trần*: gió bụi, chỉ chung những sự gian khổ ở đời.

Cả câu ý nói một lưỡi dao gây mối oan trái kia đã cắt đứt cuộc đời khổ sở không còn vương víu gì nữa.

4. *Nỗi oan*: nỗi oan ức của Thúy Kiều bị Tú bà hành hạ.

5. *Vỡ lở*: lan ra khắp nơi không giữ kín được.

6. *Một lần*: một vòng.

7. *Chạt như nêm*: chạt cứng như nêm lại, chữ *nêm* ở đây là một động từ, khác với chữ *nêm* ở câu 48 là một danh từ.

8. *Giấc tiên*: giấc ngủ mê man không biết gì như linh hồn đã thoát lên cõi tiên.

9. *Cầm cập*: ý nói run cả tay chân vì sợ.

10. *Hiên Tây*: hiên nhà ở về phía Tây.

11. *Trần duyên*: duyên nợ ở cõi đời.

12. *Một nàng*: chỉ Đạm Tiên.

Cả câu ý nói nàng Kiều những tương kiếp mình đến thế là xong nào ngờ chưa dứt đi được, trong cơn mê đã thấy Đạm Tiên đứng bên.

13. *Rỉ rằng*: nhủ bên tai rằng.

14. *Nhân quả dở dang*: nhân quả báo ứng từ kiếp trước sang kiếp này còn dở dang, chưa dứt bỏ được, cho nên muốn chết mà chưa chết được.

15. *Nợ đoạn tràng*: cái nợ của kẻ hồng nhan phải chịu nhiều nỗi gian truân khổ sở ở đời.

Số còn nặng nghiệp má đào ¹,
 Người dù muốn quyết, trời nào đã cho!
 Hãy xin *hết* kiếp liễu bồ ²,
 1000 Sông Tiền Đường sẽ hẹn hò về sau”.
 Thuốc thang suốt một ngày thâu,
 Giác mê nghe ³ đã dầu dầu ⁴ vừa tan.
 Tú bà chực sẵn bên màn,
 Lựa lời khuyên giải mơn man ⁵ gỡ dần.
 1005 “*Một người dễ có mấy thân*,
 Hoa xuân đương nhụy ⁶, ngày xuân còn dài.
 Cũng là lỡ một lần hai ⁷,
 Đá vàng ⁸ sao nỡ ép nài mây mưa ⁹.
 Lỡ chân trót đã vào đây,
 1010 Khóa buồng xuân ¹⁰ để đợi ngày đào non ¹¹.
 Người còn thì của hãy còn,
 Tìm nơi xứng đáng làm con cái nhà.
 Làm chi tội báo oan gia ¹²,
 Thiệt mình mà hại đến ta hay gì?”
 1015 Kê tai mấy nỗi năn nì,
 Nàng nghe dường cũng thị phi ¹³ rạch ròi.
 Vả trong thần mộng ¹⁴ mấy lời,

1. *Nghiệp má đào*: (*nghiệp*: những việc do mình làm ra và phải chịu mang vào thân) nghiệp của người đàn bà có nhan sắc phải mang, thường bị tạo hóa ghét ghen và phải chịu nhiều gian truân vất vả.

2. *Kiếp liễu bồ*: cuộc sống của người phụ nữ yếu đuối như cây liễu cây bồ.

3. *Nghe* : xem chừng.

4. *Dầu dầu*: buồn ủ rũ, kém tươi vui. Đây có thể hiểu là dịu dịu, có hơi giảm dần đi.

5. *Mơn man*: vuốt ve sờ dềnh.

6. *Hoa xuân đương nhụy*: tức hoa vừa mới nở, nhụy còn nguyên ví với người con gái đương thì nhan sắc còn lộng lẫy.

7. *Lỡ một lần hai*: Tú bà tự nhận mình đã một lần hai lần nên mới bắt nàng Kiều phải tiếp khách làng chơi.

8. *Đá vàng*: ví với lòng trung thành, tình yêu chung thủy hay tiết tháo kiên trinh.

9. *Mây mưa*: ám chỉ sự ân ái của trai gái.

10. *Khóa buồng xuân*: ý nói cấm cung không tiếp ai.

11. *Đợi ngày đào non*: đợi ngày lấy chồng. Xem chú thích câu 503.

12. *Oan gia*: gây thù hai ai thì bị điều dữ báo lại. Chữ Hán có câu: “*Oan gia tương báo*” nghĩa là gây mối thù với người thì lại bị báo lại bằng mối thù.

13. *Thị phi*: điều phải, điều trái.

14. *Thần mộng*: vị thần báo cho biết trong mộng, đây chỉ Đạm Tiên.

Túc nhân¹ âu cũng có trời ở trong.
 Kiếp này nợ trả chưa xong,
 1020 Làm chi *thêm một nợ chồng*² kiếp sau?
 Lặng nghe *ngâm nghĩ* gót dẫu,
 Thưa rằng: “Ai có muốn dẫu thế này.
 Được như lời thế là may,
 Hẳn rằng mai có như rày cho chẳng?
 1025 Sợ khi ong bướm *đãi dăng*³,
 Đến điều sống đục, sao bằng thác trong.”
 Mụ rằng: “Con hãy thông dong,
 Phải điều lòng lại *dối* lòng mà chơi!
 Mai sau ở chẳng như lời,
 1030 Trên dẫu có bóng mặt trời *rạng* soi”.
 Thấy lời quyết đoán⁴ hẳn hoi,
 đành lòng nàng *cũng* sẽ nguôi nguôi dần.
 Trước *lầu Ngưng Bích*⁵ khóa xuân,
 Về non xa tấm trăng gần ở chung.
 1035 Bốn bề bát ngát xa trông,
 Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.
 Bẽ bàng⁶ mây sớm đèn khuya⁷,
 Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng⁸.
 Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,⁹

1. *Túc nhân*: cái nhân duyên có sẵn từ trước, do tiền định.

2. *Chồng*: chồng chất thêm lên.

3. *Đãi dăng*: đã động đến, nhắc nhở đến.

Ca dao có câu: “*Cá buồn cá lội tung tăng,*

Em buồn em biết đãi dăng cùng ai”.

Cả câu ý nói Thúy Kiều sợ khi khách đến chơi lại muốn dạn dĩ với nàng mà Tú bà lại đã động đến chuyện tiếp khách, ép nàng phải làm vừa lòng họ thì thà chết đi cho được tiếng thơm trong sạch còn hơn là sống dẽ chịu tiếng xấu xa.

4. *Quyết đoán*: xác định một cách chắc chắn, không bao giờ có sự thay đổi nữa.

5. *Ngưng Bích*: (*Ngưng*: đọng lại, *bích*: màu xanh) tên cái lầu, nơi đây bốn phía chung quanh đều có màu xanh của nước non, cây cỏ.

6. *Bẽ bàng*: đối với cảnh, đối với tình lấy làm ngượng ngùng hổ thẹn.

7. *Mây sớm đèn khuya*: ý nói Thúy Kiều ở có một mình ở lầu Ngưng Bích, sáng thì làm bạn với mây, tối thì làm bạn với ngọn đèn cho đến tận khuya.

8. *Tấm lòng*: tấm lòng buồn rầu, nỗi sầu.

9. *Người dưới nguyệt chén đồng*: (*chén đồng* chén rượu uống cùng thể đồng tâm với nhau) chỉ Kim Trọng.

- 1040 Tin sương ¹ luống *những* ray *trông* mai chờ.
 Bên trời góc bể bơ vơ,
 Tấm son ² gột *rửa* bao giờ cho phai.
 Xót người tựa cửa hôm mai ³,
 Quạt nồng ấp lạnh ⁴ những ai đó giờ?
- 1045 *Sân* Lai ⁵ cách mấy nắng mưa,
 Có khi gốc tử ⁶ đã vừa người ôm ⁷.
 Buồn trông cửa bể *chiều* hôm,
 Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.
 Buồn trông ngọn nước mới sa,
 Hoa trôi man mác biết là về đâu?
- 1050 Buồn trông nội cỏ dầu dầu,
 Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
 Buồn trông gió cuốn mặt duềnh ⁸,
 Ấm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.
- 1055 Chung quanh những nước non người,
 Đau lòng lưu lạc ⁹ nên vài bốn câu ¹⁰.
 Ngậm ngùi *rủ* bức rèm châu ¹¹,

1. *Tin sương*: do chữ *sương tín*. Khi sương xuống nhiều là báo tin mùa đông đã đến nên gọi là *tin sương*. Cũng như *tin nhận* vì chim nhận hễ thấy mùa sương đến là bay về phương Nam.

2. *Tấm son*: tấm lòng son, tấm lòng son sắt của Thúy Kiều đối với Kim Trọng.

3. *Người tựa cửa hôm mai*: Chỉ người mẹ thường tựa cửa trông con. Đây nói Thúy Kiều thương xót cha mẹ ở nhà chắc vẫn trông mong tin tức của mình.

4. *Quạt nồng ấp lạnh*: ý nói người con có hiếu với cha mẹ thì mùa hạ, nóng nực phải quạt cho mát, mùa đông lạnh lẽo phải vào chăn nằm trước cho ấm để cha mẹ vào nằm đỡ bị lạnh.

5. *Sân Lai*: sân nhà ông Lão Lai, đây chỉ sân nhà cha mẹ Thúy Kiều. Theo *Hiếu tử truyện*, Lão Lai, người nước Sở, rất có hiếu tuy đã già mà còn nhảy múa ở ngoài sân cho cha mẹ xem để mua vui cho cha mẹ.

6. *Gốc tử*: cây tử. Chữ lấy trong *Kinh Thi*, bài *Tiểu bàn* (Tiểu nhĩ): “*Duy tang dư tử, tất cung kính chi*” = chỉ có cây dâu và cây tử do cha mẹ trồng là ta ắt phải cung kính. Theo điển này về sau người ta dùng chữ *gốc tử* để chỉ quê hương.

7. *Đã vừa người ôm*: đã cao lớn rồi.

(*Chiều hôm ... thuyền ai ... nước sa ... hoa trôi ... nội cỏ ... mặt duềnh ... tiếng sóng* đều là tả cảnh âu sầu của người lưu lạc).

8. *Duềnh*: vùng biển ăn sâu vào đất liền.

9. *Lưu lạc*: lang thang nay đây mai đó.

10. *Nên vài bốn câu*: theo *nguyên truyện* thì Thúy Kiều có làm một bài thơ Đường luật, thất ngôn bát cú.

11. *Rèm châu*: bức rèm lấy hạt châu mà kết thành, nói bức rèm quý.

Cách *tường* nghe có tiếng đầu họa vắn ¹.
 Một chàng vừa trạc thanh xuân ²,
 1060 Hình dung chải chuốt, áo khăn *dịu dàng* ³.
 Nghĩ rằng cũng mạch thư hương ⁴,
 Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở Khanh.
 Bóng nga ⁵ thấp thoáng dưới màn.
 Trông *nàng*, *chàng* cũng ra tình đeo đai ⁶:
 1065 “Than ôi! Sắc nước hương trời ⁷,
 Tiếc cho đầu bồng lạc loài đến đây?
 Giá đành trong nguyệt trên mây ⁸,
 Hoa sao hoa khéo *đọa* *đầy* bấy hoa?
Tức gan riêng giận trời già,
 1070 Lòng này ai tỏ cho ta hỡi lòng!
 Thuyền duyên ví biết anh hùng ⁹,
 Ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi!”
 Song thu đã khép cánh ngoài,
 Tai còn đồng vọng ¹⁰ mấy lời sắt đánh ¹¹.

-
1. *Họa vắn*: làm bài thơ đáp lại dựa theo *nguyên vắn* của bài *xướng*.
 2. *Thanh xuân*: người còn trẻ tuổi đang thời xuân sắc.
 3. *Dịu dàng*: ý nói nền, ra vẻ nho nhã.
 4. *Thư hương*: mùi thơm của sách, con nhà dòng dõi có học.
 5. *Bóng nga*: bóng người con gái đẹp, đây chỉ Thúy Kiều.
 6. *Đeo đai*: lưu luyến, trông thấy rồi muốn đi cũng không được.
 7. *Sắc nước hương trời*: do chữ *quốc sắc thiên hương* chỉ người con gái đẹp nổi tiếng và cao quý.
 8. *Giá đành trong nguyệt trên mây*: câu này bản Duy Minh thị chép là *Quế trong trăng, hạnh trên mây*.
Hoa Tiên cũng có câu: “*Đào trên mây, hạnh trên trời*”.
 Cao Thiêm đời Tống có câu thơ: “*Thiên thượng bích đào hòa lộ chủng, nguyệt biên hồng hạnh ỷ vân tài*” (Trên trời cây bích đào hòa với sương móc mà trồng, bên trăng cây hồng hạnh mọc vào mây). *Quế, hạnh* hoặc *đào, hạnh* là chỉ sắc đẹp quý giá của người con gái. *Cả câu* ý nói cái giá về nhan sắc chắc phải quý trọng như cây quế, cây đào ở trong cung trăng hoặc cây hạnh ở bên mây, ở trên trời.
 9. *Anh hùng*: (*anh*: phần tốt đẹp nhất trong loài cây cỏ tức bông hoa, *hùng*: giống thú mạnh nhất trong loài thú) chỉ người có tài năng, có trí dũng hơn người.
 10. *Đồng vọng*: ý nói còn nghe văng vẳng tiếng của Sở Khanh từ phía dưới vọng lên.
 11. *Sắt đánh*: ý nói vững bền, chắc chắn như sắt như đánh.

1075 Nghĩ người thời lai nghĩ mình,
 Cám lòng chua xót¹, lạt tình bơ vơ.²
 Những là lần lữa nắng mưa³,
 Kiếp phong trần⁴ biết bao giờ là thôi?
 Đánh liều nhấn một hai lời,
 1080 Nhờ tay tế độ⁵ vớt người trầm luân⁶.
 Mảnh tiên⁷ kê hết xa gần,
 Nỗi nhà báo đáp, nỗi thân lạc loài.
 Tan sương vừa rạng ngày mai,
 Tiện hồng⁸ nàng mới nhấn lời gửi sang.
 1085 Trời Tây lằng dằng⁹ bóng vàng,
 Phục thư¹⁰ đã thấy tin chàng đến nơi.
 Mở xem một bức tiên mai¹¹,
 Rành rành TÍCH VIỆT¹² có hai chữ đề.
 Lấy trong ý tứ mà suy:

1. *Cám lòng chua xót*: cảm lòng Sở Khanh thương xót đến mình là kẻ lưu lạc.

2. *Lạt tình bơ vơ*: Thúy Kiều thấy mình bơ vơ ở nơi đất khách.

3. *Lần lữa nắng mưa*: ý nói đã trải qua lâu ngày, mưa nắng đã chịu nhiều vất vả.

4. *Kiếp phong trần*: (*phong*: gió, *trần*: bụi) kiếp sống gian khổ như chịu cánh gió bụi trên đường dài.

5. *Tế độ*: (*tế*: đưa qua sông, *độ*: đưa lên bờ) cứu vớt chúng sinh ra khỏi bể khổ.

6. *Trầm luân*: (*trầm*: chìm; *luân*: mất, chìm mất) chìm đắm trong bể khổ.

7. *Mảnh tiên*: lá thư viết trên giấy hoa tiên.

8. *Tiện hồng*: (*tiện*: nhân có, tiện có, *hồng*: chim hồng như chim nhạn), nhân tiện có người đưa thư. Người ta thường nói *tin nhạn* nhưng ở đây Nguyễn Du đã dùng chữ *hồng* vì chữ thứ hai ấy thuộc thanh bằng.

9. *Lằng dằng*: lơ lửng chập chờn.

10. *Phục thư*: thư trả lời lại.

11. *Tiên mai*: giấy hoa tiên có vẽ hoa mai.

12. *Tích Việt*: 昔越 hai chữ âm hiệu của Sở Khanh hen ngay đi trốn. Theo phép chiết tự thì chữ 昔 (*tích*) tách ra thành 廿一日 (tráp nhất nhất) nghĩa là ngày 21, chữ 越 (*việt*) tách ra thành 戌 (*việt*) và 走 (*tẩu*) nghĩa là vượt tường chạy trốn. Vì chữ 戌 (*việt*, có tự dạng gần giống chữ 戌 (*tuất*) nên Nguyễn Du mới đề cho Thúy Kiều đoán “*tuất thì phải chăng?*” (Tự điển Khang Hi có gì chữ 越 (*chuẩn*) gồm 戌 (*mậu*) và 走 (*tẩu*). Chữ *huân* ấy khác với chữ *việt*). Trong nguyên truyện cũng có viết: “*Tha ước ngã nhị thập nhất tuất thì việt tường tương kiến*” (Chàng hen ta ngày 21 giờ tuất sẽ vượt tường vào gặp mặt). Như vậy Sở Khanh chỉ hen với Thúy Kiều là sẽ vượt tường vào gặp mặt chứ chưa rủ đi trốn ngay.

1090 “Ngày hai mươi một, tuất thì phải chăng? ¹”
 Chim hôm *thoi thót* ² về rừng,
Giá trà mi ³ đã ngậm trăng nửa *vành* ⁴.
 Tường Đông ⁵ lay động bóng cảnh,
Dãy song đã thấy Sở Khanh *lên* vào ⁶.
 1095 Sượng sùng đánh dạn ra chào,
 Lay thoi nàng mới rỉ trao ⁷ ân cần.
 Rằng: “Tôi bèo bọt ⁸ chút thân,
 Lạc *đàn* mang lấy nợ nần yến anh ⁹.
 Dám nhờ cốt nhục tử sinh,
 1100 Còn nhiều kết cớ ¹⁰ ngậm *vành* ¹¹ về sau”.
 Lặng nghe *lắm nhấm* gật đầu:

1. *Tuất thì phải chăng*: Nguyễn Du đã để cho Thúy Kiều thắc mắc ngờ vực không biết có phải là giờ 戌 *tuất* không, vì khi tách chữ 越 (việt) ra lại là chữ 戌 (việt) chứ không phải chữ 戌 (tuất). Chữ “*phải chăng*” có ý nghĩa như vậy.

2. *Thoi thót*: mệt mỏi vì đã bay từ xa về, cũng có thể hiểu là lác đác về trễ bay vội vã.

3. *Giá trà mi*: 架茶藤 (trà mi: đúng ra là 茶藤 *đô mi*) Các bản Nôm đều chép là 架 (giá), các bản Quốc ngữ phần nhiều chép là *đóa*. Sự nhầm lẫn ấy do chữ 朵 *đóa* có tự dạng giống chữ 架 *giá*.

Giá trà mi: là cái giàn gỗ bắc cho cây đồ (trà) mi leo lên.

4. *Ngậm trăng nửa vành*: cái giá đồ (trà) mi nó ngậm lấy vầng trăng hạ huyền chữ hoa đồ (trà) mi nhỏ như hoa tường vị làm sao mà ngậm được vầng trăng.

5. *Tường Đông*: tường nhà bên phía Đông.

6. *Lên vào*: bước vào một cách lén lút. Sở Khanh làm ra như vậy chứ thực ra hẳn là người của mục Tú bà thuê để thực hiện kế thâm độc.

7. *Rỉ trao*: nói nhỏ nhẹ.

8. *Bèo bọt*: cánh bèo bọt nước ví với thân phận con người bị lưu lạc.

9. *Nợ nần yến anh*: cái nợ của người con gái phải bán thân vào chỗ lầu xanh làm gái làng chơi.

10. *Kết cớ*: ý nói báo ơn sâu. Theo *Tả truyện*: Ngụy Khỏa người nước Tấn đã cho người thiếp của cha mình đi lấy chồng khác chứ không chôn sống theo xác cha. Sau Khỏa đánh nhau với Đỗ Hôi (nước Tần) thấy có một ông già cứ kết cớ cho vương chân ngựa của Hôi. Hôi bị ngã ngựa và bị Khỏa giết chết. Đêm chiêm bao Khỏa thấy cha người thiếp ấy nói: “Con gái tôi đã được ông cho đi lấy chồng, tôi kết cớ để ngựa của Đỗ Hôi ngã, xin đền đáp ân sâu ấy”.

11. *Ngậm vành*: cũng có nghĩa là trả ơn. Theo *Hậu Hán thư*: Dương Bảo đời Hậu Hán bắt được một con chim sẻ bị thương, đem về nuôi cho nó khỏe lại rồi thả đi. Về sau có một đứa bé mặc áo vàng đến nói: “Tôi là sứ giả của Tây Vương Mẫu, cậu là người đã cứu sống tôi nên nay đem bốn chiếc vòng đến tạ ơn”.

“Ta đây *nào phải* ai đâu mà rằng!
 Nàng đã biết đến ta chẳng,
 Bể trâm luân ¹ lấp cho bằng mới thôi”.
 1105 Nàng rằng: “Muôn sự ƠN người,
 Thế nào xin quyết một bài cho xong ²”.
 Rằng: “Ta có ngựa truy phong ³,
 Có tên dưới trướng ⁴ vốn dòng kiện nhi ⁵.
 Thừa cơ ⁶ lên bước ra đi,
 1110 Ba mươi sáu chước ⁷, chước gì là hơn?
 Dù khi gió *kép* mưa đơn ⁸,
 Có ta đây cũng chẳng cơn cơ ⁹ gì!”
 Nghe lời nàng đã sinh nghi,
 Song đã quá *đổi* ¹⁰ quản gì được thân.
 1115 Cũng liều nhắm mắt *đưa* chân,
 Mà xem con tạo xoay vần đến đâu.
 Cùng nhau lên bước *xuống* lầu,
 Song song ngựa trước ngựa sau một đoàn.

-
1. *Bể trâm luân*: tức bể khổ (người ta phải đắm chìm trong đó).
 2. *Thế nào...cho xong*: câu này ý nói Sở Khanh cứ chần chừ chưa quyết định đưa Thúy Kiều đi trốn nên nàng mới yêu cầu chàng hãy “quyết một bài cho xong”.
 3. *Truy phong*: đuổi theo được gió, ý nói chạy rất nhanh.
 4. *Tên dưới trướng*: người hầu hạ dưới màn tức kẻ theo hầu.
 5. *Kiến nhi*: người trẻ tuổi có sức mạnh.
 6. *Thừa cơ*: nhân dịp người ta không để ý.
 7. *Ba mươi sáu chước*: lấy ý ở câu: “*Tam thập lục kế tẩu vi thượng sách*” = ba mươi sáu chước, chạy trốn là chước hay nhất.
 8. *Gió kép mưa đơn*: ý nói đến những sự trở ngại lớn nhỏ ở dọc đường.
 9. *Cơ cơ*: tức can cơ nghĩa là liên can vì duyên cơ gì.
 10. *Quá đổi*: quá chừng, lỡ đã làm sai quấy quá rồi không lấy lại được nữa. Chữ này mang một ý nghĩa kín đáo. Theo *nguyên truyện* thì Sở Khanh, ngày 21 có vượt tường đến với Thúy Kiều nhưng chưa đưa nàng đi trốn ngay mà còn lợi dụng đêm đầu tiên ấy để ăn nằm với nàng. Kiều đã phải chiều lòng Sở Khanh vì muốn được chàng cứu vớt và nghĩ mình cũng chẳng còn trịnh trướng gì nữa. Đêm sau chàng lại đến. Kiều đã phải yêu cầu: “*Thế nào xin quyết một bài cho xong*”. Sở Khanh mới rủ Kiều đi trốn, cho đó là cách hay nhất. Kiều nghe như vậy đã sinh nghi, nhưng tấm thân mình đã phó thác cho hắn rồi, đã *quá đổi* rồi biết làm sao? đành phải liều vậy.

Đêm thu khắc *lậu*¹ canh tàn²,
 1120 Gió cây *trút* lá, trăng ngàn ngậm gương.
 Lối mòn *cỏ lọt* màu sương,
 Lòng quê đi một bước đường một đau.
 Tiếng gà xao xác gáy mau,
 Tiếng người đâu đã mé³ sau dây dàng⁴.
 1125 Nàng càng thôn thức gan vàng⁵,
 Sở Khanh đã *rẽ*⁶ dây cương lối nào!
 Một mình khôn biết làm sao,
 Dậm rưng⁷ bước thấp bước cao hải hùng.
 Hóa nhi⁸ *thật* có nữ lòng,
 1130 Làm chi giày tía vò hồng⁹ lấm nau¹⁰!
 Một đoàn¹¹ đổ đến trước sau,
 Vuốt đâu *xuống* đất, cánh đâu *lên* trời¹²?
 Tú bà tốc thẳng¹³ đến nơi,
Hầm *hầm*¹⁴ áp điệu¹⁵ một hơi lại nhà.

1. *Khắc lậu*: (*khắc*: thời khắc, *lậu*: rỏ giọt xuống). Đồng hồ đời xưa làm bằng một cái bình đổ đầy nước rồi để cho nước rỏ (*lậu*) giọt ra ngoài dần. Hết nước vơi đi, ngấn nước đến khắc nào thì biết là giờ ấy.

2. *Canh tàn*: đêm đã khuya. Thúy Kiều theo Sở Khanh đi trốn như vậy không phải là ngày 21 giờ tuất (9 giờ tối) mà vào ngày hôm sau lúc đêm đã khuya lấm rồi. Có hiểu như vậy chúng ta mới khỏi thắc mắc tại sao ngày 21 lúc 9 giờ tối mà Nguyễn Du lại tả “trăng ngàn ngậm gương”.

3. *Mé*: chữ Nôm viết 厓 thì có thể phiên là *mái* hoặc *mé*. Ở đây phiên là *mé* đúng nghĩa hơn, tức là ở mé đằng sau.

4. *Dây dàng*: âm ỉ, ồn ào.

5. *Gan vàng*: tức lòng dạ, chữ *vàng* được dùng cho đẹp lời.

6. *Rẽ*: cũng viết *trẽ* như bản KOM: 扶佳 Ta thường nói *rẽ*. Ở đây tả Sở Khanh đã kéo dây cương cho ngựa *rẽ* vào con đường tắt rồi đi lẩn mất.

7. *Dậm rưng*: đường đi ở trong rừng.

8. *Hóa nhi*: trẻ tạo, gọi như vậy là có ý trách ông trời (đấng tạo hóa) như đứa trẻ con hay bày ra lăm chuyện khi thế này khi thế khác làm khổ người ta.

9. *Giày tía vò hồng*: giày vò những đóa hoa màu tía màu hồng, ý nói giày vò người con gái đẹp.

10. *Lấm nau*: lấm cơn đau lòng, lấm nỗi khổ sở.

11. *Một đoàn*: toán người nhà của Tú bà.

12. *Xuống đất...lên trời*: cả câu ý nói không còn cách trốn đi đâu được nữa vì muốn xuống đất cũng không có vuốt, muốn lên trời cũng không có cánh.

13. *Tốc thẳng*: xông thẳng tới.

14. *Hầm* *hầm*: vẻ giận dữ nóng náy.

15. *Áp điệu*: dẫn lôi về vừa đi vừa canh giữ.

1135 *Hung hăng*¹ chẳng hỏi chẳng tra,
 Đang tay vui liễu đập hoa² tươi bời.
 Thịt da ai cũng là người,
 Lòng nào hồng rụng thắm rời³ chẳng đau.
 Hết lời thú phục⁴ khẩn cầu⁵,
 1140 Uốn lưng *thịt* đỏ, *cát* đầu máu sa⁶.
 Rằng: “Tôi chút phận đàn bà,
 Nước non lìa cửa lìa nhà đến đây.
 Bây giờ sống *thác* ở tay,
 Thân này đã đến thế này thì thôi!
 1145 Nhưng tôi có sá chi tôi,
 Phận tôi đành vậy, vốn người⁷ để đâu?
 Thân lươn⁸ bao quản lấm đầu,
 Chút lòng trinh bạch⁹ từ sau *cũng* chừa¹⁰”.
 Được lời mới tùy cơ,
 1150 Bất người bảo lãnh¹¹ làm tờ cung chiêu¹².
 Bày vai¹³ có ả Mã Kiều,

1. *Hung hăng*: tức giận, dữ tợn khi dùng vũ lực.

2. *Vui liễu đập hoa*: ý nói đánh đập một cách phũ phàng.

3. *Hồng rụng thắm rời*: *hồng thắm* là nói sắc đẹp của một bông hoa, ví với sắc đẹp của người con gái. *Rụng rời* là nói tan nát từng cánh hoa không còn gì. Đây tả cảnh Thúy Kiều bị tan xương nát thịt.

4. *Thú phục*: chịu nhận tội.

5. *Khẩn cầu*: năn nỉ kêu xin tha cho.

6. *Thịt đỏ...máu sa*: câu này tả một cách quá đáng cái cảnh “*hồng rụng thắm rời*” ở câu trên.

7. *Phận tôi...vốn người*: Thúy Kiều đã nói đúng tâm lý Tú bà, nếu nàng có chết đi thì cái thân nàng đành chịu vậy chứ cái vốn của Tú bà (450 lạng bạc) sao lại để đâu mà không nghĩ đến.

8. *Thân lươn*: con lươn ở dưới bùn còn không quản lấm đầu thì cái thân hèn này đâu còn ngại việc gì.

9. *Chút lòng trinh bạch*: Thúy Kiều cũng tự nhận mình chỉ còn một chút lòng trinh bạch, chứ tấm thân nàng đâu còn có trong trắng nữa. Nàng đã ăn nằm với Mã Giám sinh và Sở Khanh rồi đâu còn “*nước trước*” để khách bé hoa nữa.

10. *Cũng chừa*: chữ *cũng* này nói lên được sự miễn cưỡng bó buộc Thúy Kiều phải từ bỏ lòng trinh bạch. Thúy Kiều đâu có xin chừa một cách tự nguyện. Đây chẳng qua là vì bị đánh đập đau quá nên mới đành phải chịu như vậy khiến Nguyễn Lượng phải phê rằng: “*Trinh bạch hữu thời nhi hối dã, trào hước chi cực*” = Đến sự trinh bạch có khi còn phải hối như vậy thật là hài hước quá lắm!

11. *Bảo lãnh*: đứng bảo đảm nhận lãnh trách nhiệm.

12. *Cung chiêu*: làm tờ khai nhận mọi tội lỗi.

13. *Bày vai*: bằng vai, ngang vai, cùng lứa.

Xót nàng ra mới đánh liều chịu đoan ¹.
 Mụ càng kể nhặt kể khoan ²,
 Gạn gùng ³ đến mực nồng nàn ⁴ mới tha.
 1155 Vực nàng vào nghỉ trong nhà,
 Mã Kiều lại ngỏ ý ra dặn lời:
 “Thôi đà mắc lận ⁵ thì thôi!
 Đi đâu chẳng biết con người Sở Khanh?
 Phụ tình ⁶ nổi tiếng lâu xanh,
 1160 Một tay chôn biết mấy cành phù dung ⁷!
 Đà đao ⁸ lập sẵn chước dùng,
 Lạ gì một cốt một đồng ⁹ xưa nay.
 Có ba mươi lạng trao tay ¹⁰,
 Không dung chi có chuyện này trò kia!

1. *Chịu đoan*: chịu làm giấy cam đoan đứng ra bảo lãnh.

2. *Kể nhặt kể khoan*: kể liên hồi lúc nói mau sa sả, lúc nói chậm khoan thai.

3. *Gạn gùng*: hỏi cặn kẽ đủ điều cho đến hết lý lẽ mới thôi.

Gạn gùng đến mực nồng nàn mới tha: Tú bà đã theo lời khai của Thúy Kiều mà hỏi gạn dần ra cho đến tận cùng của sự việc rồi mới tha.

4. *Nồng nàn*: găt gao đến hết lý lẽ.

5. *Mắc lận*: mắc lừa. Tú bà đã thuê Sở Khanh ba mươi lạng bạc để thực hiện mưu kế của mình mà đánh lừa Thúy Kiều.

6. *Phụ tình*: phản bội với tình, lừa gạt tình yêu. Bản QVĐ đã chép *phụ tình* là đúng vì ở câu 1187 Nguyễn Du đã khẳng định: “*Phụ tình án đã rõ ràng*”. *Án phụ tình* nặng hơn *án bạc tình* vì kẻ bạc tình chỉ án ở thiếu chung thủy chứ kẻ phụ tình thì phản bội người tình ngay từ đầu.

7. *Phù dung*: theo *Hình âm nghĩa tổng hợp đại tự điển* thì *phù dung* có hai loại: loại mọc ở dưới nước gọi là *thảo phù dung* tức là một thứ hoa sen, loại mọc ở trên đất gọi là *mộc phù dung* tức là *mộc liên*.

Cây *phù dung* cao chừng hơn một thước, lá to, hoa trắng hoặc hồng đậm nở về mùa thu và mùa đông.

Cành phù dung: tức cành cây *mộc phù dung* (vì *thảo phù dung* không có cành, chỉ có cuống lá và cuống hoa) tí người đẹp.

Do câu thơ: “*Phù dung nhu diện, liễu như mi*” trong bài *Trường hận ca* của Bạch Cư Dị.

8. *Đà đao*: miếng võ hiểm lừa cho người ta đuổi theo rồi bất ngờ quay trở lại mà chém. Đây nói Sở Khanh theo mưu của Tú bà rú Thúy Kiều đi trốn rồi nửa đường bỏ chạy mất.

9. *Một cốt một đồng*: bà cốt với con đồng là cùng một phường với nhau. Đây nói Tú bà và Sở Khanh là cùng một bọn, liên kết với nhau để lừa Thúy Kiều.

10. *Trao tay*: trả tiền trước cho Sở Khanh ba mươi lạng bạc.

1165 Rồi ra trở mặt tức thì,
 Bớt lời *liệu* chớ *sân si*¹ *thiệt* đời".
 Nàng rằng: "Thề thốt nặng lời,
 Có đâu mà lại ra người hiểm sâu!"
 Còn đương suy trước nghĩ sau,
 1170 Mặt *mo*² đã thấy ở đâu dẫn vào.
 Sở Khanh lên tiếng rêu rao,
 Rằng: "Nghe *mới* có con nào ở đây?
 Phao cho³ quyến gió rủ mây⁴,
 Hãy xem có biết mặt này là ai?"
 1175 Nàng rằng: "Thôi thế thì thôi,
 Rằng không thì cũng vâng lời rằng không!"
 Sở Khanh *quát* mắng dùng dùng,
 Bước vào vừa rắp thị hùng⁵ ra tay.
 Nàng rằng: "Trời nhé có hay!
 1180 Quyến anh rủ yến⁶ sự này tại ai?
 Dem người dẩy xuống giếng *thời*⁷,
 Nói rồi, rồi lại ăn lời được ngay!
 Có tiên Tích Việt⁸ ở tay,
 Rõ ràng mặt ấy mặt này chứ ai?"
 1185 Lời ngay, đông mặt trong ngoài,
 Kẻ chê bất nghĩa⁹, người cười vô lương¹⁰.
 Phụ tình án đã rõ ràng,
 Dơ *tuồng*¹¹ nghĩ¹² mới *kiếm* đường tháo lui.
 Buồng riêng, riêng những sứt sùi,
 1190 Nghĩ thân mà lại ngậm ngùi cho thân.

1. *Sân si*: giận dữ, nóng nảy mà đôi co điều đi tiếng lại.

2. *Mặt mo*: mặt như đeo mo, không biết xấu hổ.

3. *Phao cho*: nói vu cho.

4. *Quyến gió rủ mây*: ý nói quyến rũ con gái cũng như quyến anh rủ yến. Đây ý nói phao cho Sở Khanh đã quyến rũ Thúy Kiều đi trốn.

5. *Thị hùng*: (*thị*: cây, *hùng*: mạnh) ý có sức mạnh dọa người, bắt nạt người.

6. *Quyến anh rủ yến*: quyến rũ con gái.

7. *Dẩy xuống giếng thời*: (*thời*: sâu) ý nói hãm hại người ta một cách thâm độc như dẩy ngã xuống giếng sâu rồi còn liệng đá theo. (Mạnh Tử: *Thôi nhân nhập tính nhi hạ chi thạch*).

8. *Tiên Tích Việt*: tờ giấy hoa tiên có viết hai chữ Tích Việt.

9. *Bất nghĩa*: không có tình nghĩa, bội bạc.

10. *Vô lương*: không có lương tâm, không có lòng lành, lòng tốt, ác độc.

11. *Dơ tuồng*: xấu hổ.

12. *Nghĩ*: chữ dùng có tính cách khinh bỉ để chỉ Sở Khanh.

Tiếc thay trong giá trắng ngần ¹,
 Đến phong trần ², cũng phong trần như ai!
 Tẻ vui ³ cũng một kiếp người,
 Hồng nhan phải giống ⁴ ở đời mãi ru?
 1195 Kiếp xưa đã vụng ⁵ đường tu,
 Kiếp này chẳng kéo ⁶ đến bù mới xuôi.
 Dầu sao bình đã vỡ ⁷ rồi,
 Lấy thân mà trả nợ đời cho xong.
 Vừa tuần nguyệt sáng gương trong ⁸,
 1200 Tú bà ghé lại thông dong dặn dò:
 “Nghề chơi cũng lắm công phu,
 Làng chơi ⁹ ta phải biết cho đủ điều”.
 Nàng rằng: “Mưa gió dập dìu ¹⁰,
 Liều thân ¹¹ thì cũng phải liều, thế thôi!”
 1205 Mụ rằng: “Ai cũng như ai,
 Người ta ai mất tiền hoài đến đây.
 Ở trong còn lắm điều hay,
 Nỗi đêm khếp mở ¹², nỗi ngày riêng chung ¹³.
 Nay con thuộc lấy làm lòng,

1. Trong giá trắng ngần: (ngân 銀 là bạc vì viết có bộ kim) ý nói tấm lòng trinh tiết trong như giá trắng như bạc. Đại Nam quốc âm tự vị cũng giảng trắng ngân là trắng lớp, trắng bong, trắng như bạc.

2. Phong trần: cực khổ vất vả như kẻ đi đường bị gió thổi bụi bay vào mặt.

3. Tẻ vui: buồn vui.

4. Hồng nhan phải giống...: cái sắc đẹp của người phụ nữ có phải là cái mầm mống, cái mối sinh ra mọi nỗi khổ sở ở đời không?

5. Vụng: không khéo, kém.

6. Chẳng kéo: e phải. Cả câu ý nói kiếp trước đã không khéo tu nhân tích đức nên kiếp này e phải trả nợ đời cho xong.

7. Bình đã vỡ: ý nói Thúy Kiều đã bị thất tiết với Mã Giám sinh và với Sở Khanh rồi thì cũng không khác gì chiếc bình đã vỡ, còn gì nữa mà phải giữ gìn.

8. Nguyệt sáng gương trong: ý nói buổi đẹp trời, mặt trăng sáng như tấm gương.

9. Làng chơi: chỉ chung bọn gái tiếp khách và bọn khách tới chơi ở thanh lâu. Cũng dùng để gọi chỗ thanh lâu.

10. Mưa gió dập dìu: ý nói khách đến ai ăn hết lớp này đến lớp khác, tha hồ phá hại cánh hồng nhan.

11. Liều thân...: ý nàng Kiều nói dù có phải tiếp khách thì cũng phải liều thân cho họ thỏa lòng chứ còn biết làm sao hơn được nữa.

12. Nỗi đêm khếp mở: ý nói về ban đêm khi tiếp khách có thể lúc thì khếp nép giữ ý, lúc thì cởi mở tự nhiên.

13. Nỗi ngày riêng chung: ý nói về ban ngày khi tiếp khách có thể nói chuyện với riêng một người hay với nhiều người.

- 1210 Vành ngoài bảy chữ ¹, vành trong tám nghề ².
 Chơi cho liễu chán hoa chê ³,
 Cho lăn lóc đá ⁴, cho mê mẩn đời ⁵.
 Khi khoé hạnh ⁶, *khi* nét ngài,
 Khi ngâm *ngợi* nguyệt, khi cười cợt hoa.
- 1215 Đều là nghề nghiệp trong nhà,
 Đủ gần ấy nét mới là *người* soi ⁷.
 Gót đầu vâng dạy mấy lời,
 Dường chau nét nguyệt ⁸, dường phai vẻ hồng ⁹.
 Những nghe nói, đã thẹn thùng,
- 1220 Nước đời ¹⁰ lắm nổi lạ lòng khát khe ¹¹!
 Xót mình cửa các buồng khuê ¹²,
 Vỡ lòng ¹³ học lấy những nghề nghiệp hay!

1. *Bảy chữ*: bảy cách để làm cho khách phải say mê.

1. *Khấp* (khóc với khách làm giả bộ thương họ);

2. *Tiến* (cắt tóc đưa cho khách làm tin);

3. *Thích* (thích tên khách vào cánh tay mình cho khách thương);

4. *Thieu* (đốt hương châm vào da làm khổ nhục kế để cùng nhau thề nguyện);

5. *Giá* (ước hẹn lấy nhau làm vợ chồng).

6. *Tẩu* (rủ khách đi trốn để rồi bóc lột khách).

7. *Tử* (giả chết cho khách luyến tiếc không nỡ bỏ).

2. *Tám nghề*: tám cách để ăn nằm với khách, tùy theo mỗi người mà chiêu chuộng.

3. *Liễu chán hoa chê*: liễu hoa chán chê, ý nói chơi cho đến chán thì thôi.

4. *Lăn lóc đá*: ý nói chiêu đãi khách sao cho những kẻ vô tình như đá cũng phải chết lăn chết lóc mà tới lui chơi bời.

5. *Mê mẩn đời*: ý nói chiêu đãi khách sao cho họ phải say mê không còn biết sự gì khác nữa.

6. *Khoé hạnh*: (*hạnh*: quả hạnh) Thơ của Trương Nguyên Nhất có câu: "*Tiên tác hạnh tử nhân khổng*" = làm ngay ra con mắt quả hạnh.

Cả câu ý nói khi khách nhìn mình thì mình phải đưa mắt liếc tình, phải đưa mày gợi tình sao cho khách thấy "*đầu mày cuối mắt*" càng nhìn càng yêu.

7. *Người soi*: người sành sỏi biết đủ mọi ngón chơi.

8. *Chau nét nguyệt*: nhăn lông mày vì ngượng ngùng, e sợ trước những lời dạy của Tú bà.

9. *Phai vẻ hồng*: tái mặt đi vì ngượng ngùng e sợ.

Vẻ hồng: là vẻ mặt hồng hào của người con gái.

10. *Nước đời*: cảnh ngộ ở đời, nổi đời, trôi đời.

11. *Khát khe*: cay nghiệt, điều đứng, éo le (do những kẻ bụng dạ hẹp hòi, ác độc gây ra để hành hạ người ta).

12. *Cửa các buồng khuê*: do chữ *khuê* các chỉ chỗ ở của người phụ nữ sang trọng. Đây ý Kiều muốn nói mình cũng là con nhà tử tế sang trọng.

13. *Vỡ lòng*: bắt đầu học, cũng như nói *khai tâm*.

- Khéo là mặt dạn mày dày ¹,
 Kiếp người đã đến thế này thì thôi!
 1225 Thương thay thân phận lạc loài,
 Dẫu sao cũng ở tay người, biết sao?
 Lầu xanh mới rủ trướng đào ²,
 Càng treo giá ngọc ³, càng cao phẩm người ⁴.
 Biết bao bướm lả ong lơ ⁵,
 1230 Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.
 Dập dìu lá gió cành chim ⁶,
 Sớm đưa Tống Ngọc ⁷, tối tìm Tràng Khanh ⁸.
 Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,
 Giật mình ⁹, mình lại thương mình xót xa.
 1235 Khi sao phong gấm rủ là,
 Giờ sao tan tác như hoa giữa đường?
 Mặt sao dày gió dạn sương ¹⁰,
 Thân sao bướm chán ong chường ¹¹ bấy thân?
 Mặc người mưa Sở mây Tần ¹²,
 1240 Những mình nào biết có xuân là gì.

1. *Mặt dạn mày dày*: ý nói trơ ra rồi không còn biết xấu hổ gì nữa.

2. *Trướng đào*: tấm màn che màu hồng.

3. *Treo giá ngọc*: bán ngọc thì phải nói giá cho cao thì người ta mới cho là ngọc tốt.

4. *Cao phẩm người*: ý nói Thúy Kiều cũng phải treo giá cao thì mới để cao được phẩm chất của con người nàng.

5. *Bướm lả ong lơ*: bướm ong lả lơ, ý nói khách làng chơi đến dập dìu như ong bướm để vui thú cùng nàng Kiều.

6. *Lá gió cành chim*: mượn ý ở hai câu thơ của Tiết Đào, đời Đường: “*Chi nghinh nam bắc diều, điệp tống vãng lai phong*” = cành đón chim nam bắc, lá đón gió lại qua. Nàng Tiết Đào khi ấy còn nhỏ, người cha xem thơ có ý lo cho con sau này sẽ sa vào cảnh “*cành đưa lá đón*” (tức là cành đưa đón khách làng chơi).

7. *Tống Ngọc*: người nước Sở.

8. *Tràng Khanh*: tức Tư mã Tương Như đời nhà Hán.

Hai người này đều là hạng phong lưu tài tử.

Cả câu ý nói Thúy Kiều toàn đưa đón những khách sang trọng chứ không phải tiếp những khách tầm thường.

9. *Giật mình*: chợt tỉnh lại mà nhớ những việc đã qua.

10. *Dày gió dạn sương*: ý nói quen rồi với những cuộc đưa đón nên không còn biết xấu hổ nữa.

11. *Bướm chán ong chường*: chán chường ong bướm, ý nói chán cả những cảnh ân ái với khách.

12. *Mưa Sở mây Tần*: lấy chữ *Tần vân Sở vũ* trong câu thơ của Tư Không Đồ. *Mây mưa* (vân vũ) chỉ sự ái ân của trai gái. (Xem chú thích câu 513). Cả câu ý nói mặc khách muốn tìm vui trong sự ái ân, riêng nàng Kiều thì không thấy hứng thú gì.

- Đòi phen¹ gió tựa hoa kê²,
 Nửa rèm tuyết ngậm³, bốn hè trăng thâu⁴.
 Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
 Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.
- 1245 Đòi phen nét vẽ câu thơ,
 Cung cầm trong nguyệt, nước cờ⁵ dưới hoa.
 Vui là vui gượng kẻo là,
 Ai tri âm⁶ đó mặn mà với ai?
 Thờ ơ gió trúc mưa mai⁷,
- 1250 Ngán ngơ trăm nỗi, dùi mài một thân⁸.
 Ôm lòng⁹ đòi đoạn xa gần,
 Chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau.
 Nhớ ơn chín chữ¹⁰ cao sâu,
 Một ngày một ngả bóng dàu¹¹ tà tà.
- 1255 Dặm nghìn nước thẳm non xa,
 Nghĩ đâu thân phận con ra thế này!

1. *Đòi phen*: nhiều phen, nhiều khi.

2. *Gió tựa hoa kê*: tả những cảnh vui thú khi hóng gió và khi xem hoa, ngồi tựa kê bên cửa sổ.

3. *Nửa rèm tuyết ngậm*: tả cảnh tuyết rơi ở bên ngoài phủ lên cảnh vật đã trắng xóa cả mà ở trong nhà nhìn ra đã cao ngang nửa rèm, trông như tuyết ngậm lấy bức rèm.

4. *Bốn hè trăng thâu*: ở quanh bốn hè nhà trăng thâu trong vắt rọi sáng vào. *Câu này* tả cái cảnh đêm đông lạnh lẽo có tuyết phủ, có trăng trong mà Nguyễn Du có dịp đã trông thấy khi đi sứ sang Trung Quốc.

5. *Vẽ... thơ... cầm... cờ...* : đó là bốn cái thú chơi tao nhã mà Thúy Kiều đã cùng khách bày ra để giải trí. Điều này chứng tỏ các khách của Thúy Kiều cũng là những bậc phong lưu tài tử.

6. *Tri âm*: người bạn thân thiết hiểu được lòng mình.

Xem chú thích câu 464.

7. *Gió trúc mưa mai*: gió thổi trên cành trúc, mưa điểm trên hoa mai, đó là những cảnh đẹp ai cũng thích ngắm (thế mà Thúy Kiều vẫn thấy thờ ơ).

8. *Dùi mài một thân*: thui thui một mình.

9. *Ôm lòng*: giữ lấy ở trong lòng không để lộ ra.

10. *Chín chữ*: nói công lao khó nhọc của cha mẹ nuôi dạy con cái. Chín chữ ấy gồm có: *sinh* (đẻ ra), *cúc* (nâng đỡ), *phủ* (vuốt ve), *súc* (nuôi cho bú mớm), *trưởng* (nuôi cho khôn lớn), *dục* (dạy dỗ), *cố* (trông nom), *phục* (xem tính tình mà dạy bảo), *phúc* (gìn giữ).

11. *Bóng dàu*: bóng mặt trời xế trên ngọn dàu, dùng để ví với lúc tuổi già xế bóng.

Sân hòe¹ đôi chút² thơ ngây,
 Trân cam³ ai kẻ đỡ thay việc mình?
 Nhớ lời nguyện ước ba sinh⁴,
 1260 Xa xôi ai có *thấu*⁵ tình chẳng ai?
 Khi về hỏi liễu Chương Đài⁶,
 Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay!
 Tình sâu mong trả nghĩa *dây*,
 Hoa kia đã chấp *cánh*⁷ này cho chưa?
 1265 Mỗi tình đòi đoạn vò tơ,
 Giấc hương quan⁸ luống *những*⁹ mơ canh dài.
 Song sa¹⁰ vò vô phương trời,

1. *Sân hòe*: sân có trồng cây hòe, chỉ sân nhà cha mẹ. Theo *Tống sử*, Vương Hựu có trồng ba cây hòe ở sân và nói con cháu mình tất có người làm đến tam công. Về sau người con thứ ba là Vương Đán làm đến chức Tế tướng. Do điển này người ta thường dùng *sân hòe* để chỉ nhà có con cháu hiển đạt.

2. *Đôi chút*: chỉ Thúy Vân và Vương Quan.

3. *Trân cam*: ngon ngọt, chỉ những thức ăn ngon mà con cái phụng dưỡng cha mẹ.

4. *Nguyện ước ba sinh*: lời thề ước được kết hợp thành vợ chồng. Xem chú thích câu 257.

5. *Thấu*: hiểu biết đến. Các bán Nôm và Quốc ngữ hầu hết đều chép là *biết*, cũng cùng nghĩa nhưng chữ *thấu* có vẻ thiết tha hơn.

6. *Liễu Chương Đài*: theo *Toàn đường thi thoại*, Hàn Hoàn người đời Đường, có lấy một người kỹ nữ tên là Liễu thị rồi phải đi làm quan xa, đã để nàng ở lại Tràng An tại đường Chương Đài. Không may kinh đô có biến, Liễu thị bị tướng Phiên cướp mất. Khi loạn được dẹp yên, Hàn Hoàn có gửi thư về hỏi thăm Liễu thị, trong thư có mấy câu thơ: "*Chương Đài liễu, Chương Đài liễu, tích nhật thanh thanh kim tại phủ? Tung sử trường điều tự cựu thù, đã ưng phan chiết tha nhân thủ*" = Cây liễu ở Chương Đài, cây liễu ở Chương Đài, ngày trước xanh xanh nay có còn không? Cho dù cành dài còn buông rủ như cũ, thì có lẽ cũng đã bị bẻ vào tay người khác rồi. Về sau nhờ có Hứa Tuấn mà Liễu thị lại được trở về với Hàn Hoàn.

Cả câu này và câu 1262 ý nói khi chàng Kim ở Liêu Dương về hỏi tin tức nàng Kiều thì nàng đã về tay người khác rồi.

7. *Chấp cánh*: Cả câu này là lời Thúy Kiều tự hỏi không biết Thúy Vân đã thay mình mà lấy Kim Trọng hay chưa?

8. *Hương quan*: cổng làng, chỉ quê nhà.

Giấc hương quan là giấc mơ về quê nhà.

9. *Luống những*: vẫn cứ, chỉ.

Chữ *luống* thường đi với chữ *những* như trong các câu:

Đêm ngày *luống những* âm thầm, Nước non *luống những* lắng tai Chung Kỳ,
 Tin sương *luống những* rày mong mai chờ.

10. *Song sa*: song cửa có treo bức màn the.

Nay hoàng hôn¹ đã lại mai hôn hoàng.
 Lần lần thổ bạc ác vàng²,
 1270 Xót người trong hội Đoàn tràng đòi cơn!
 Đã cho lấy *chữ* hồng nhan,
 Làm cho, cho hại, cho tàn, cho cân³!
 Đã đày vào kiếp phong trần,
 Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi.
 1275 Khách du⁴ bỗng có một người,
 Kỳ Tâm họ Thúc, cũng *nòi* thư hương⁵.
 Vốn người huyện Tích châu Thường,
 Theo nghiêm đường⁶ mở ngôi hàng Lâm Truy.
 Hoa khôi⁷ mộ tiếng Kiều nhi,
 1280 Thiếp hồng⁸ tìm đến hương khuê⁹ gửi vào.
 Trướng tô¹⁰ giáp mặt hoa đào¹¹,
 Vẻ nào chẳng mặn, nét nào chẳng ưa.
 Hải đường¹² mơn mớn cành tơ,
 Ngày xuân càng gió, càng mưa, càng nồng.

1. *Hoàng hôn*: (*hoàng*: vàng, *hôn*: tối) lúc trời sắp tối, khi trời đã vàng dần. Thơ Chu Thục Chân: “*Khấp tổn song mâu dục đoạn trường, phạ hoàng hôn đáo hựu hoàng hôn*” = Khóc nhòa con mắt ruột đau, hôm nay chiều tối, hôm sau tối chiều.

2. *Thổ bạc ác vàng*: cả câu ý nói lần lượt đêm qua ngày tới, ngày này sang ngày khác. Xem chú thích câu 79.

3. *Cho cân*: cho xứng. Cả câu ý nói làm cho cái hồng nhan phải tàn phai mới xứng đáng với cái số bạc mệnh.

4. *Khách du*: người khách từ phương xa đến.

5. *Nòi thư hương*: dòng dõi con nhà có học.

6. *Nghiêm đường*: (*nghiêm*: nghiêm khắc, *đường*: nhà) chỉ người cha cũng như nghiêm phụ, nghiêm quân.

7. *Hoa khôi*: (*hoa*: bông hoa, *khôi*: đứng đầu) người con gái xinh đẹp nổi tiếng vào bậc nhất.

8. *Thiếp hồng*: mảnh giấy đỏ để tên người gửi, thường gọi là *danh thiếp*.

9. *Hương khuê*: buồng phụ nữ (có hương thơm của nước hoa và phấn sáp).

10. *Trướng tô*: do chữ *lưu tô trướng* là cái màn có kết tua ngũ sắc. Thơ Vương Duy: *Thúy vũ lưu tô trướng* = màn lưu tô màu xanh cánh trắ.

11. *Giáp mặt hoa đào*: ý nói được gặp mặt Thúy Kiều.

12. *Hải đường*: một thứ cây cao độ hơn một trượng, hoa đỏ không hương, có sắc đẹp (1 trượng = 3,33m).

Cả hai câu 1283 - 1284 ý nói Thúy Kiều đẹp như cảnh hoa hải đường còn non mơn mớn, Thúc sinh đến chơi càng ân ái càng thêm nồng nàn say đắm.

- 1285 Nguyệt hoa, hoa nguyệt ¹ nảo nùng ²,
Đêm xuân, ai dễ cầm lòng được chăng?
 Lạ gì thanh khí ³ lẽ hằng ⁴,
Một dây một buộc ai giằng cho ra?
 Sớm đào, tối mạn lân la ⁵,
1290 Trước còn trăng gió, sau ra đá vàng ⁶.
 Dịp đầu may mắn lạ dường,
Lại vừa gặp khoảng xuân đường ⁷ lại quê.
 Sinh càng một tỉnh, mười mê,
Ngày xuân lắm lúc đi về với xuân ⁸.
1295 Khi gió gác, khi trăng sân,
Bầu tiên ⁹ *chuốc* rượu, câu thần nói thơ ¹⁰.
 Khi hương sớm, *khi* trà trưa,
Bàn *vây* ¹¹ điểm nước ¹², đường tơ họa đàn.
 Miệt *mài* trong cuộc truy hoan ¹³,
1300 Càng quen thuộc nét ¹⁴, càng dan díu tình.

1. *Nguyệt hoa, hoa nguyệt*: đây chỉ chuyện trăng hoa, ái ân giữa Thúc sinh và Thúy Kiều. Sự đi lại giữa chàng Thúc và nàng Kiều càng ngày càng đậm thắm, càng thiết tha.

2. *Nảo nùng*: làm cho trong lòng tê mê.

3. *Thanh khí*: (*thanh*: tiếng, *khí*: hơi) phạm vật gì đồng thanh thì ứng với nhau, đồng khí thì hòa với nhau, ý nói người có đồng tâm, đồng khí thì thường kết bạn thân thiết với nhau.

4. *Lẽ hằng*: lẽ thường.

5. *Sớm đào tối mạn*: chữ lấy trong *Kinh Thi*, bài *Ưc* (*Đại nhā*) *Đầu ngā dĩ đào, báo chi dĩ lý* = người ném cho ta quả đào, ta sẽ cho lại người quả lý. Mấy chữ này sau được dùng để chỉ sự tặng quà qua lại cho nhau. Ở đây ý nói Thúc sinh và Thúy Kiều thường tặng nhau quà để kết thân.

6. *Trăng gió ... đá vàng*: cả câu ý nói lúc đầu Thúc sinh chỉ tới chơi cho thỏa tình trăng gió, sau hóa ra khăng khít cùng nhau thề ước đá vàng trăm năm.

7. *Xuân đường*: cha. Xem *chú thích* câu 534.

8. *Ngày xuân ... với xuân*: cả câu ý nói Thúc sinh (được dịp cha đi vắng tha hồ say mê) hằng ngày thường lắm lúc đi lại chơi bời với Thúy Kiều, không kể giờ giấc gì nữa.

9. *Bầu tiên*: bầu rượu các vị tiên thường dùng, đây chỉ bầu rượu ngon.

10. *Câu thần nói thơ*: câu thơ cực hay cùng nối tiếp nhau làm.

11. *Bàn vây*: do chữ *vi kỳ* tức bàn cờ vây.

12. *Điểm nước*: tính từng nước trước khi đi quân cờ.

13. *Truy hoan*: chạy theo sự vui chơi.

14. *Thuộc nét*: hiểu được tính nết, biết là người tốt.

La cho cái sóng khuynh thành ¹,
 Làm cho đồ quán xiêu đình như chơi.
 Thúc sinh quen thói bốc rời ²,
 Trăm nghìn đồ một trận cười như không.
 1305 Mụ càng tô lục chuốt hồng,
 Máu tham hể thấy hơi đồng ³ thì mê.
 Dưới trăng quỳên đã gọi hè ⁴,
 Đầu tường lửa lựu ⁵ lập lòe đâm bông.
 Buồng the phải buổi thông dong,
 1310 Thang lan ⁶ rủ bức trướng hồng tẩm hoa ⁷.
 Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,
 Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên.
 Sinh càng tỏ nét ⁸ càng khen,
 Ngự tình tay thảo một thiên luật Đường ⁹.
 1315 Nàng rằng: “Vâng biết lòng chàng,
 Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu.
 Hay hèn lẽ cũng nói điều ¹⁰,

1. *Sóng khuynh thành*: ý nói con mắt người phụ nữ đẹp long lanh như sóng nước chỉ liếc một cái là có thể làm nghiêng thành, tức làm người ta phải xiêu lòng.

2. *Bốc rời*: ngày xưa người ta xâu tiền thành chuỗi, khi lấy ra phải đếm từng đồng. Thúc sinh cứ quen thói bốc tiền rời từng nắm để tiêu. Ý nói tiêu không tiếc tiền, hoang phí. Tấn Đà chép là *bốc trời* và giảng là cái thói ngông. Nhưng đó chỉ là suy luận chứ ở các bản chữ Nôm đều viết 卜 涑 *bốc rời*).

3. *Hơi đồng*: hơi tiền (tiền đúc bằng đồng).

4. *Quỳên đã gọi hè*: con cuốc đã kêu báo mùa hè.

5. *Lửa lựu*: hoa lựu nở đỏ chói trông như đốm lửa.

6. *Thang lan*: nước tắm nấu sôi có bỏ thêm hoa lan vào cho thơm.

7. *Tẩm hoa*: cũng như *tắm hoa*, do chữ *mộc hoa*. Cả câu ý nói Thúy Kiều đun nước thơm rồi buồng màn tắm.

8. *Tỏ nét*: nhìn rõ những đường nét của thân hình Thúy Kiều lúc đang tắm. Chữ 湔 có thể phiên âm là *nết* hoặc *nét*. Ở câu 1300 chữ 湔 phiên là *nết* thì đúng (càng quen thuộc *nết* càng dân dít tình) nhưng ở câu 1313 phải phiên là *nét* mới có nghĩa và mới hợp với câu “Dày dày sẵn đúc một tòa thiên nhiên”.

9. *Luật Đường*: thơ làm theo luật đời nhà Đường. Ở nguyên truyện, Thúc sinh đã làm một bài thơ thất ngôn bát cú.

10. *Nói điều*: (*điều*: loài chồn đuôi to lông dài) Ở Trung Quốc xưa các quan ngự sử đội mũ có làm ngù bằng đuôi điều. Đến cuối đời Tấn, Triệu Vương Luân cướp được ngôi vua, phong quan chức bừa bãi cho bọn tôi tớ nên không kiểm đủ đuôi điều làm ngù mũ. Người đời bấy giờ có câu giễu rằng: “*Điều bất túc, cẩu vĩ tục*” = đuôi điều không đủ thì nối bằng đuôi chó. Đây là lời nói khiếm của Thúy Kiều không nối lời họa lại.

Nỗi quê ¹ *ng*hi một hai điều ngang ngang.
 Lòng còn gửi áng mây vàng ²,
 1320 Họa vắn xin hãy chịu chàng hôm nay”.
 Rằng: “Sao nói lạ lòng thay!
 Cành kia chẳng phải cội này ³ mà ra”.
 Nàng càng ử dột thu ba ⁴,
 Đoạn trường lúc ấy *ng*hi mà buồn tênh:
 1325 “*Thiếp* như hoa đã lìa cành,
 Chàng như con bướm *liệng* vành mà chơi.
 Chúa xuân ⁵ đành đã có nơi,
 Ngán ngày thôi chớ dài lời làm chi!”
 Sinh rằng: “Từ thuở tương tri ⁶,
 1330 Tắm riêng, riêng những nặng vì nước non ⁷.
 Trăm năm ⁸ tính cuộc vuông tròn,
 Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông”.
 Nàng rằng: “Muôn đội ơn lòng,
 Chút e bên thú bên tông dễ đâu ⁹.
 1335 Bình Khang ¹⁰ nấn ná bấy lâu,
 Yêu hoa, yêu được một màu điểm trang ¹¹.
 Rồi ra *lạt* phấn phai hương ¹²,

1. *Nỗi quê*: nỗi lòng nhớ quê nhà.

2. *Mây vàng*: mây màu vàng. Cổ thi: *Thiên thượng hoàng vân ảnh, du tử hà thời quy* = trên trời có bóng mây vàng, khách phương xa đi bao giờ về. *Mây vàng* là nói đến lòng nhớ nhà, nhớ cha mẹ. Bản KOM chép là *mây Hàng* thì không đúng hẳn với tích Định Nhân Kiệt vì điển này nói đến *mây trắng* chứ không phải *mây vàng*.

3. *Cội này*: gốc cây này. Chữ *cội* cũng viết là *cối*. Cả câu ý Thúc sinh muốn nói: Thế nàng không phải là con của Tú bà ư?

4. *Thu ba*: sóng thu, ý nói con mắt người con gái đẹp long lanh như sóng nước mùa thu.

5. *Chúa xuân*: vị thần chủ trương mùa xuân, đây chỉ người vợ chính làm chủ trong nhà. Cả câu ý nói ở nhà đã có vợ rồi.

6. *Tương tri*: biết nhau.

7. *Tắm riêng...nước non*: Cả câu ý nói Thúc sinh trong lòng riêng những muốn cùng nàng hẹn thề non nước, kết duyên vợ chồng.

8. *Trăm năm*: chỉ việc lấy nhau trăm năm hạnh phúc.

9. *Bên thú, bên tông*: bên chàng Thúc lấy vợ lẽ, bên Thúy Kiều bỏ thanh lâu đi lấy chồng (tông lương).

10. *Bình Khang*: nguyên là tên cái ngõ ở kinh đô Tràng An, các kỹ nữ thường tập trung ở đó. Sau chữ này được dùng để chỉ xóm làng chơi, chỗ gái điểm ở.

11. *Màu điểm trang*: ý nói lúc còn trẻ đẹp như đóa hoa còn hương sắc.

12. *Lạt phấn phai hương*: (*lạt* cũng viết *nhạt*) ý nói lúc nhan sắc đã tàn tạ.

Lòng kia giữ được thường thường *mãi* chăng?
 Và trong thêm quế¹ cung trăng,
 1340 Chủ trương đành đã chị *Hằng*² ở trong.
 Bảy *lâu* khăng khít dải đồng³,
Thêm người, người cũng chia lòng riêng tây.
 Vẻ chi chút phận bèo mây⁴,
 Làm cho bể ái khi đầy khi vơi.
 1345 Trăm điều ngang ngửa vì tôi,
 Thân sau ai chịu tội trời ấy cho?
 Như chàng có vững tay co⁵,
 Mười phần cũng đắp điểm⁶ cho một vài.
 Thế trong dù lớn hơn ngoài⁷,
 1350 Trước hàm sư tử⁸ gửi người đằng la⁹.
 Cúi đầu luôn xuống mái nhà,

1. *Thêm quế*: chỉ mặt trăng vì người xưa cho rằng trên cung trăng có ả Hằng Nga và có cây quế.

2. *Chị Hằng*: Chị Hằng Nga. Theo *truyền thuyết* thì Hằng Nga là vợ Hậu Nghệ. Hậu Nghệ xin được thuốc trường sinh chưa kịp uống thì vợ lấy uống mất rồi thành tiên, bay lên cung trăng. *Cả câu ý* nói ở nhà Thúc sinh, Hoạn Thư đã là người chủ trương mọi việc cả rồi.

3. *Dải đồng*: dải đồng tâm. *Cả câu ý* nói Thúc sinh bảy lâu vẫn sống đầm ấm với vợ là Hoạn Thư.

4. *Phận bèo mây*: thân phận của kẻ lưu lạc như bèo mây trôi nổi.

5. *Tay co*: thanh gỗ đóng ngang miệng thùng nước để giữ cho cái thùng nước được vững và để buộc dây vào mà gánh.

Cả câu ý Thúy Kiều muốn nói nếu chàng có vững tay mới chống đỡ được với vợ cả là Hoạn Thư.

6. *Đắp điểm*: che chở.

7. *Trong...ngoài*: *trong* là nói người đàn bà lo công việc nhà, *ngoài* là nói người đàn ông lo công việc ở ngoài xã hội. Nghĩa ấy lấy từ câu “*nam ngoại nữ nội*” trong *Kinh Dịch*.

Cả câu ý Thúy Kiều muốn nói nếu như vợ của chàng có quyền lớn hơn chàng, áp đảo được chàng...

8. *Sư tử*: chỉ người vợ dữ tợn. *Truyền đăng lục* chép rằng: Trần Tháo người đời Tống có vợ (họ là Liễu) dữ lắm. Khách đến chơi nhà thường nghe thấy tiếng quát tháo. Tô Đông Pha đã làm bài thơ đùa Trần Tháo, trong có câu “*Hốt văn Hà Đông sư tử hống, trụ trượng lạc thủ tâm mang nhiên*” = Bỗng nghe sư tử Hà Đông rống, gây chống rời tay những hoảng hồn.

9. *Đằng la*: loài dây leo thường mọc bám vào các cây lớn, đây chỉ người vợ lẽ.

Cả câu ý nói bị làm vợ lẽ dưới quyền một người vợ cả ác nghiệt.

- Giấm chua¹ lại tội bằng ba lửa nóng².
 Ở trên còn có nhà *thung*³,
Lượng trên trông xuống biết lòng có thương?
 1355 Sá chi liễu ngô hoa tường⁴,
 Lầu xanh lại bỏ ra phường lầu xanh!
 Lại càng dơ dáng đại hình⁵,
 Đành thân phận thiếp, ngại danh giá chàng.
 Thương sao cho vẹn thì thương,
 1360 Tính sao cho trọn mọi đường thì vâng”.
 Sinh rằng: “Hay nói dè chừng⁶,
 Lòng đây lòng đấy chưa từng⁷ hay sao?
 Đường xa chớ ngại Ngô Lào⁸,
 Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.
 1365 Đã gần chi có điều xa⁹,
 Đá vàng đã quyết, phong ba¹⁰ cũng liều!”
 Cùng nhau căn vặn¹¹ đến điều,
 Chỉ non thể bề nặng gieo đến lời.
 Nỉ non¹² đêm ngán tình dài,

1. *Giấm chua*: chỉ lòng ghen tuông của người vợ cả.

2. *Lửa nóng*: ví với cảnh ở lầu xanh cực khổ chẳng khác gì sa vào hầm lửa nóng. Cả câu ý nói nếu chịu bỏ lầu xanh mà vào làm lẽ thì phải luồn cúi trước mặt vợ cả như thế thì cái thân phận làm lẽ còn cực khổ gấp ba là làm gái làng chơi.

3. *Nhà thung*: đúng ra là *nhà xuân* (cha) nhưng vì chữ *xuân* không hiệp vần được nên mới đổi ra là *nhà thung*. Chữ 椿 (thung) và chữ 春 (xuân) chỉ khác nhau một chút. Kiều Oánh Mậu đã đổi ra là *nhà thông*.

4. *Liễu ngô hoa tường*: cây liễu ở trước ngõ, cành hoa ở bên tường, ai hái cũng được; ví với hạng con gái ở thanh lâu, ai đến cũng phải tiếp.

5. *Dơ dáng đại hình*: ý nói xấu hổ cả mặt mũi.

6. *Nói dè chừng*: nói phòng chừng.

7. *Chưa từng*: chưa từng hiểu biết.

8. *Ngô Lào*: (Ngô: Trung Quốc, Lào: nước Ai Lao) hai nước xưa kia vì đi lại khó khăn nên ta cho là xa lắm. Cả câu ý Thúc sinh muốn khuyên Kiều đừng có ngại gì cả, đừng có nghĩ đến những chuyện khó khăn như sang Ngô, sang Lào.

9. *Gần...xa*: cả câu ý nói đã gần nhau thì làm gì có chuyện xa nhau được nữa.

10. *Đá vàng...phong ba*: (phong: gió, ba: sóng) cả câu ý nói đã quyết một lòng với nhau thì dù có gặp khó khăn đến mấy cũng liều, không ngại gì.

11. *Căn vặn*: nói cho hết mọi lời, thật kỹ càng.

12. *Nỉ non*: tỉ tê, nhỏ to tâm sự.

- 1370 Ngoài hiên thỏ ¹ đã non đoàn ngậm gương ²,
 Mượn điều trúc viện ³ thừa lương ⁴,
 Rước về hãy tạm giấu nàng một nơi.
 Chiến hòa sắp sẵn hai bài,
 Cây tay thầy thợ ⁵, mượn người dò la.
- 1375 Bắn tin ⁶ đến mặt Tú bà,
 Thua cơ, mụ cũng cầu hòa, dám sao!
 Rõ ràng của dẫn tay trao,
 Hoàn lương ⁷ một thiếp thân vào cửa công.
 Công tư ⁸ đôi lẽ đều xong,
- 1380 Gót tiên ⁹ phút đã thoát vòng trần ai ¹⁰.
 Một nhà sum họp trúc mai ¹¹,
 Càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông.
 Hương càng đượm, lửa ¹² càng nồng
 Càng sôi vẻ ngọc, càng lồng màu sen ¹³.
- 1385 Nửa năm hơi tiếng ¹⁴ vừa quen,
 Sân ngô ¹⁵ cảnh biếc đã chen lá vàng ¹⁶.

1. *Thỏ*: mặt trắng. Xem chú thích câu 79.

2. *Non đoàn ngậm gương*: ý nói mặt trắng đã ngã xuống ngang với ngọn núi ở phía Tây, trông tưởng chừng như ngọn núi ngậm lấy vầng trăng.

3. *Trúc viện*: nhà làm bằng tre hoặc chung quanh có trồng trúc.

4. *Thừa lương*: nghỉ mát, hóng mát.

5. *Thầy thợ*: (tay thầy thợ) người khôn khéo biết thu xếp mọi việc cho tốt đẹp.

6. *Bắn tin*: đưa tin một cách gián tiếp, không ra mặt.

7. *Hoàn lương*: (*hoàn*: về, *lương*: tốt, lành) ý nói khi người con gái ở lầu xanh có người chịu chuộc ra cưới làm vợ hoặc làm thiếp thì được phép trở về cuộc sống lương thiện.

8. *Công tư*: việc công và việc tư, tức việc xin quan cho về hoàn lương và việc trả lại tiền cho Tú bà để chuộc Thúy Kiều ra.

9. *Gót tiên*: gót chân người thiếu nữ đẹp như tiên, đây chỉ Thúy Kiều.

10. *Vòng trần ai*: (*trần*: cõi đời, *ai*: bụi bậm) vòng khổ sở ở chốn thanh lâu.

11. *Trúc mai*: đây nói sự sum họp vợ chồng đầm ấm như cảnh gió trúc mưa mai. Xem chú thích câu 708.

12. *Hương... lửa...*: chỉ tình vợ chồng thấm đượm nồng nàn.

13. *Vẻ ngọc... màu sen*: cả câu ý nói từ ngày lấy Thúc sinh, Thúy Kiều càng thêm xinh đẹp và càng lộ vẻ cao quý sang trọng.

14. *Hơi tiếng*: cũng như *quen hơi bén tiếng*, tức đã ăn ở với nhau quá quen thuộc rồi.

15. *Sân ngô*: sân có trồng cây ngô đồng.

16. *Cảnh biếc đã chen lá vàng*: cảnh lá xanh đã có điểm những lá vàng, ý nói đã bắt đầu sang mùa thu. Cổ thi có câu: “Ngô đồng nhất điệp lạc, thiên hạ cộng tri thu = một lá ngô đồng rụng, mọi người đều biết thu về.

Giậu thu¹ vừa nẩy giò sương²,
 Gối yên³ đã thấy xuân đường tới nơi.
 Phong lôi⁴ nổi trận bời bời,
 1390 *Nặng lòng e ấp*⁵, tính bài phân chia.
 Quyết *ngay* biện bạch⁶ một bề,
 Dạy cho má phấn⁷ lại về lầu xanh.
 Thấy lời nghiêm huấn⁸ rành rành,
 Đánh liều, sinh mới lấy tình nài kêu.
 1395 Rằng: “Con biết tội đã nhiều,
 Dẫu rằng *sấm sét*⁹ búa rìu cũng cam.
Trót vì tay đã nhúng chàm¹⁰,
 Dại rồi con biết khôn làm sao đây!
 Cùng nhau vả tiếng một ngày,
 1400 Ôm cầm¹¹ ai nỡ dứt dây cho đành.
 Lượng trên *quyết* chẳng thương tình,
 Bạc đen¹² thôi có tiếc mình làm chi!”
 Thấy lời *sắt đá* tri tri¹³,

1. *Giậu thu*: hàng rào về mùa thu.

2. *Giò sương*: mầm cúc gặp sương mọc ra.

3. *Gối yên*: cái gối dựa và cái yên ngựa.

4. *Phong lôi*: cơn giận dữ dội như sấm gấm gió rít.

5. *Nặng lòng e ấp*: ý nói trong lòng đầy sự e ngại. Bản BK - TTK đã giảng là “Thúc ông sợ về nỗi con đã có vợ rồi mà lại chơi bời lấy người giang hồ. Vậy ông mới tính bài bắt phải bỏ ra”. Tản Đà thì ghi: “Bốn chữ *Nặng lòng e ấp* đây, nghĩa chưa được tường”.

Theo nguyên truyện thì Thúc ông đã tỏ ra sợ nếu che dấy cho việc Thúc sinh lấy Thúy Kiều. Thúc ông đã mắng con rằng: “Mày là thằng ngu xuẩn... Mày phải biết bố vợ mày là hạng người nào? Vợ mày là một tiểu thư con nhà đài các. Nếu vợ mày biết tin này nó sẽ giận đến chừng nào; khi ấy mày bảo tao sẽ làm sao mà chịu cho nổi cái điều tức giận của nó”.

6. *Biện bạch*: trình bày các lý lẽ cho rõ ràng.

7. *Má phấn*: chỉ Thúy Kiều.

8. *Nghiêm huấn*: lời chỉ dạy của cha.

9. *Sấm sét*: oai nghiêm của trời. Cả câu ý nói dù có la hét quở mắng hoặc phạt tội nặng thế nào cũng đành phải chịu.

10. *Tay đã nhúng chàm*: ý nói đã lỡ rồi, tay đã nhúng chàm rồi thì có rửa cũng không sạch; ví với việc đã trót lấy Thúy Kiều rồi.

11. *Ôm cầm*: ôm đàn.

12. *Bạc đen*: (bạc là bạc tình) ý nói lòng dạ đơn bạc, đổi trắng thay đen. Cả câu ý nói nếu phải xử ra người bội bạc với Thúy Kiều thì thôi cũng đành liều thân cùng số mệnh.

13. *Tri tri*: vưng, trợ ra, không có gì lay chuyển nổi.

Sốt gan ¹ ông mới cáo quì cửa công.
1405 Đất bằng nổi sóng ² ùng ùng,
Phủ đường ³ sai lá phiếu hồng ⁴ thôi tra ⁵.
Cùng nhau theo gót sai nha ⁶,
Song song vào trước sân hoa ⁷ lay quì.
Trông lên mặt sắt ⁸ đen sì ⁹,
1410 Lập nghiêm ¹⁰ trước đã ra uy nặng lời:
“Gã kia ¹¹ đại nết chơi bời,
Mà con người ¹² thế là người dong đưa ¹³!
Tuồng chi hoa thái hương thừa ¹⁴,
Mượn màu son phấn đánh lừa con đen ¹⁵.
1415 Suy trong tình trạng *nguyên đơn* ¹⁶,
Bề nào thì cũng chưa yên bề nào.
Phép công chiếu án ¹⁷ luận vào,
Có hai đường ấy muốn sao mặc mình:
“Một là cứ phép gia hình ¹⁸,
1420 Một là lại cứ lầu xanh phó về”.
Nàng rằng: “Đã quyết một bề,
Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần!
Đục trong thân cũng là thân,

-
1. *Sốt gan*: nóng gan nóng ruột; ý nói tức giận quá.
 2. *Đất bằng nổi sóng*: do câu *bình địa khởi ba đào* dịch ra; ý nói đương yên lặng bỗng xảy ra việc rắc rối.
 3. *Phủ đường*: dinh quan phủ.
 4. *Phiếu hồng*: tờ trát của quan sai đi bắt (viết trên giấy màu hồng, màu đỏ).
 5. *Thôi tra*: (*thôi*: đòi; *tra*: xét hỏi) đòi lên để xét hỏi.
 6. *Sai nha*: chỉ bọn thông lại và lính lệ ở các phủ huyện.
 7. *Sân hoa*: sân trước phủ đường. Chữ *hoa* dùng cho đẹp lời.
 8. *Mặt sắt*: do chữ *thiết diện* dịch ra, chỉ vẻ mặt oai nghiêm của ông quan chính trực.
 9. *Đen sì*: hai chữ này thêm vào để đi với chữ *sắt* và cũng để hợp vần, chữ thực ra mặt ông quan đâu có đen đến như vậy.
 10. *Lập nghiêm*: làm ra vẻ oai nghiêm.
 11. *Gã kia*: chỉ Thúc sinh.
 12. *Con người*: chỉ Thúy Kiều.
 13. *Dong đưa*: trai lơ, không đứng đắn.
 14. *Hoa thái hương thừa*: ý nói đã không còn quý giá gì nữa, thứ con gái ở thanh lâu, đồ của thừa bỏ đi.
 15. *Con đen*: dân đen, đây chỉ hạng ngu ngốc.
 - 16. *Nguyên đơn*: bên đi kiện.
 17. *Chiếu án*: cứ theo bản án mà định tội.
 18. *Gia hình*: áp dụng hình phạt đối với kẻ có tội.

- Yếu thơ vâng chịu trước sân lồi đình".
- 1425 Dạy rằng: "Cứ phép gia hình!"
*Ba cây*¹ *chập lại* một cảnh mẫu đơn².
 Phận đành chi dám kêu oan,
 Đào *hoen quện*³ má, liễu *tan tác*⁴ mày.
 Một sân *lâm cát*⁵ đã đầy,
 1430 Gương lờ nước thủy, *mai gầy*⁶ *vóc sương*.
 Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,
 Nẻo xa trông thấy lòng càng xót xa.
 Khóc rằng: "*Oan khốc*⁷ vì ta,
 Có nghe *lời trước*⁸, *chẳng* đà *lụy sau*⁹!"
- 1435 Cạn lòng *chẳng biết* nghĩ sâu,
 Để ai¹⁰ trắng túi hoa sầu¹¹ vì ai¹²?"
 Phủ đường¹³ nghe thoảng vào tai,
 Động lòng¹⁴ lại gạn đến lời riêng tây.
 Sụt sùi, chàng mới thưa ngay,
 1440 Đầu đuôi kể lại sự ngày cầu thân¹⁵:

1. *Ba cây*: ba thứ đồ làm bằng gỗ để gông cùm kẻ có tội, do chữ *tam mộc* trong *Hán thư* mà dịch ra: *nữu* (cái khóa tay), *già* (cái gông cổ) và *giới* (cái cùm chân).

2. *Cảnh mẫu đơn*: ví với người con gái đẹp, đây chỉ Thúy Kiều. Cả câu ý nói đem đồ gông cùm ra làm tội Thúy Kiều.

3. *Hoen quện*: ý nói nước mắt làm hoen cả má phấn.

4. *Tan tác*: rã rời tả tơi.

Cả câu ý nói Thúy Kiều khóc lóc nước mắt giàn giụa làm hoen ố cả má phấn và lông mày nhú cong lại vì đau đớn như muốn tả tơi rã rời.

5. *Lâm cát*: ý nói nàng Kiều chịu hình phạt ở giữa sân, thân đầy cát bắn thiu.

6. *Gương lờ.. mai gầy*: cả câu ý nói đau đớn đến nỗi mặt nguyên sáng như gương mà nay mờ sạm hắt đi, thân hình nguyên đẹp như cây mai mà bây giờ gầy như vóc sương; tả vẻ tiều tụy của Thúy Kiều sau khi bị đánh đập.

7. *Oan khốc*: bị oan ức một cách thảm khốc.

8. *Lời trước*: tức là lời Thúy Kiều nói trước với Thúc sinh:

"*Chút e bên thú bên tông dễ đâu*" và "*Trăm điều ngang ngửa vì tôi, thân sau ai chịu tội trời ấy cho*".

9. *Lụy sau*: để lụy về sau cho Thúy Kiều.

10. *Để ai*: để nàng Kiều.

11. *Trắng túi hoa sầu*: (*trắng hoa*: đây chỉ nhan sắc người con gái) ý nói Thúy Kiều phải chịu cảnh túi sầu nhục nhã.

12. *Vì ai*: vì Thúc sinh.

13. *Phủ đường*: đây chỉ quan phủ.

14. *Động lòng*: động lòng thương.

15. *Cầu thân*: tìm cách làm quen, làm thân thiết, xin kết duyên vợ chồng.

“Nàng đà tính hết xa gần,
 Từ xưa nàng đã biết thân có rày.
 Tại tôi *hứng* lấy ¹ một tay,
 Để nàng cho đến nỗi này vì tôi”.
 1445 Nghe lời nói cũng thương lời,
 Đẹp uy mới dạy *cho* bài giải vi ².
 Rằng: “Nhu hửn có thế thì,
 Trắng hoa ³, song cũng thị phi ⁴ biết điều”.
 Sinh rằng: “Chút phận bọt bèo ⁵,
 1450 Theo đòi *vả cũng* ít nhiều bút nghiên. ⁶”
 Cười rằng: “Đã thế thì nên,
 Mộc già ⁷ hãy thử một thiên trình nghệ ⁸!”
 Nàng vâng *cất bút* tay đề,
 Tiên hoa ⁹ trình trước án phê ¹⁰, xem tường.
 1455 Khen rằng: “Giá *đáng* Thịnh Đường ¹¹,
 Tài này sắc ấy, nghìn vàng chưa cân!
 Thực là tài tử giai nhân,
 Châu Trần ¹², còn có Châu Trần nào hơn!
 Thôi đừng *rước* dữ, cưu hờn ¹³,

1. *Hứng lấy*: nhận lấy trách nhiệm. Thúc sinh đã từng nói: “*Đường xa chó ngại Ngô Lào, trăm điều hãy cứ trông vào một ta*”.

2. *Giải vi*: mở vòng vây, ý nói không buộc tội Thúy Kiều nữa.

3. *Trắng hoa*: đây chỉ Thúy Kiều tuy là gái ở lầu xanh quen thói trắng hoa.

4. *Thị phi*: phải trái, điều phải điều trái.

5. *Bọt bèo*: ý nói thân phận hèn mọn như bọt nước cánh bèo trôi nổi theo dòng nước.

6. *Bút nghiên*: ý nói có học hành, có biết chữ nghĩa.

7. *Mộc già*: cái gong bằng gỗ. Quan phủ ra đề là “*cái gong*” để Thúy Kiều vịnh.

8. *Trình nghệ*: trình bày tài nghệ của mình.

9. *Tiên hoa*: tờ giấy hoa tiên dùng để viết thơ.

10. *Án phê*: bàn làm việc của quan phủ ngồi để phê công văn giấy tờ.

11. *Thịnh Đường*: thời kỳ thịnh trị của nhà Đường. Lịch sử văn học đời Đường (618-907) chia ra làm bốn thời kỳ: *Sơ Đường* (618-713), *Thịnh Đường* (713-766), *Trung Đường* (766-835), *Văn Đường* (835-907). Cũng có sách chia ra làm ba thời kỳ: *Sơ Đường*, *Thịnh Đường* và *Văn Đường*. Thơ Đường vốn đã hay mà trong thời *Thịnh Đường* lại là hay hơn cả.

12. *Châu Trần*: họ Châu và họ Trần. Hai họ này xưa ở tỉnh Giang Tô vẫn đời đời làm thông gia với nhau nên về sau người ta dùng *Châu Trần* để nói việc hôn nhân.

13. *Rước dữ cưu hờn*: mua rước điều dữ vào mình, cưu mang lấy sự hờn giận vào mình.

1460 Làm chi lỗ nhịp cho đồn ngang cung ¹.
 Đã đưa đến trước cửa công,
 Ngoài thì là lý, song trong là tình.
 Dâu con trong đạo gia đình,
 Thôi thì dẹp nổi bất bình ² là xong!”

1465 Kíp truyền ³ sắm sửa lễ công,
 Kiệu hoa *cất* gió ⁴, đuốc hồng *ruổi* sao ⁵.
 Bày hàng cổ *xúy* ⁶ xôn xao,
 Song song đưa tới trướng đào sánh đôi.

1470 Thương vì *hạnh*, trọng vì tài,
 Thúc ông thôi cũng dẹp lời phong ba ⁷.
 Huệ *lan* ⁸ sức nước một nhà,
 Từng cay đắng, lại mặn mà ⁹ hơn xưa.
 Mảng vui ¹⁰ rượu sớm *trà* trưa,
 Đào đà phai thắm ¹¹, sen vừa nảy xanh ¹².

1. *Lỗ nhịp...ngang cung*: cả câu ý nói dừng để lỗ dịp tốt hòa giải khiến cuộc nhân duyên bị ngăn trở, bị ngang trái.

2. *Bất bình*: không bằng lòng.

3. *Kíp truyền*: vội ra lệnh cho sai nha.

4. *Kiệu hoa cất gió*: kiệu hoa nhấc lên đi mau như gió.

5. *Đuốc hồng ruổi sao*: đuốc thắp sáng hồng cầm đi mau như đuổi theo sao.

6. *Cổ xúy*: (cổ: trống, xúy: kèn, sáo) đánh trống thổi sáo, nói chung là âm nhạc. Đoạn này Tản Đà có nhận xét như sau: “Trở lên bốn câu đây, ngờ không đúng với tình sự lúc đó. Như quan phủ có rộng lượng thời tha cho đã là tốt; không lẽ lại vì những kẻ bị kiện mà làm lễ cưới họ cho họ. Huống “phủ đường” đó, một ông quan “mặt sắt” đâu có “kíp truyền” nhảm như thế?... cho nên theo ngụ ý riêng nghĩ, bốn câu này chỉ nên cắt bỏ...”.

Lời nhận xét của Tản Đà là đúng nhưng Nguyễn Du đã theo nguyên truyện mà viết như vậy. Nguyên truyện: “Tri phủ hựu khiến tả hữu tu thái kỳ cổ nhạc, hoa hồng hỉ kiệu, song song tống hồi Thúc trạch” (Quan phủ lại sai lính sắm sửa cờ vẽ, ban nhạc, đèn hoa và kiệu cưới, tiễn vợ chồng Thúc sinh về tận nhà).

Đoạn này, Tô Nam Nguyễn Đình Diệm đã bỏ không dịch theo nguyên truyện nên có người đã hiểu lầm bốn câu (1465-1468) ấy là do Nguyễn Du đã sáng tạo ra.

7. *Phong ba*: (gió-sóng) ý nói cơn giận dữ mạnh như sóng gió âm âm nổi lên.

8. *Huệ lan*: hai thứ hoa thơm, đây ý nói vợ chồng Thúc sinh - Thúy Kiều lại được sum họp một nhà vui vẻ.

9. *Mặn mà*: đầm thắm.

10. *Mảng vui*: mái vui, những vui... mà quên đi mọi việc khác.

11. *Đào đà phai thắm*: ý nói mùa xuân đã qua.

12. *Sen vừa nảy xanh*: ý nói mùa hè đã sang.

1475 Trướng hồ¹ vắng vẻ đêm thanh,
 E tình² nàng mới bày tình riêng chung:
 “Phận bồ³ từ vẹn chữ tòng⁴,
 Đổi thay nhận yến⁵ đã hòng đầy niên.
 Tin nhà ngày một vắng tin,
 1480 Mặn tình cát lữ⁶, nhạt tình tao khang⁷.
 Nghĩ ra thật cũng nên đường,
 Tăm hơi ai dễ giữ giàng cho ta?
 Trộm nghe kẻ lớn trong nhà,
 Ở vào khuôn phép, nói ra mối giường.
 1485 E thay những dạ phi thường⁸,
 Dễ dò rốn bể⁹ khôn lường đáy sông.
 Mà ta suốt một năm ròng,
 Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào.
 Bấy chầy chưa tỏ tiêu hao¹⁰,
 1490 Hoặc là trong có làm sao chẳng là?
 Xin chàng liệu kíp¹¹ lại nhà,
 Trước người đẹp ý, sau ta biết tình.
 Đêm ngày giữ mực¹² giấu quanh,

1. *Trướng hồ*: vách bằng giấy lấy hồ dán thành; đây chỉ chỗ phòng the.

2. *E tình*: có sự e ngại trong lòng. Thúy Kiều nghĩ đến vợ cả của Thúc sinh là Hoạn Thư mà lòng những e ngại.

3. *Phận bồ*: phận của kẻ yếu như cây bồ liễu phải sống nhờ vào cây lớn hơn.

4. *Chữ tòng*: chữ *tòng phu*, chỉ người con gái lấy chồng phải theo chồng.

5. *Nhận yến*: (*nhận*: ngỗng trời) chim nhận về mùa thu, chim yến về mùa xuân. Cả câu ý nói chim nhận chim yến đã đổi thay nhau báo hiệu mùa nọ qua mùa kia đến, thắm thoát đã hơn nửa năm rồi.

6. *Cát lữ*: thứ cây leo, chỉ người vợ lẽ.

7. *Tao khang*: (*tao*: bã rượu, *khang*: cám gạo) chỉ người vợ cá lấy từ lúc còn nghèo túng, chưa làm nên. Chữ này nguyên ở lời Tống Hoàng, đời nhà Hán. Vua Quang Vũ có người chị gái mới góa chồng muốn gả cho Tống Hoàng mà Hoàng đã có vợ. Vua hỏi ý Hoàng. Hoàng thưa rằng: “*Tao khang chi thể bất khả hạ đường*” (vợ từ hồi ăn bổng cám với nhau không thể cho xuống nhà dưới được). Vua biết ý vậy rồi thôi.

Tình tao khang: Kiều Oánh Mậu đổi là *nguyên tao khang* cho đúng vần nhưng chữ *tình* nghe thuận hơn. Ta vẫn thường nói *tình vợ chồng* chứ không ai nói *nguyên vợ chồng*.

8. *Phi thường*: khác thường.

9. *Rốn bể*: chỗ sâu ở dưới biển, đáy biển.

10. *Tiêu hao*: tin tức, tăm hơi.

11. *Liệu kíp*: tính định sớm (lại nhà).

12. *Giữ mực*: giữ trong mức độ, giữ không quá giới hạn, chỉ cứ ở trong vòng.

Rày lần mai lửa¹ như hình chưa thông² ”.

1495 Nghe lời khuyên nhủ thông dong,
Đành lòng sinh mới quyết lòng hồi trang³.
Rạng⁴ ra gửi⁵ đến xuân đường⁶,
Thúc ông cũng vội giục chàng ninh gia⁷.
Tiễn đưa một chén quan hà⁸,

1500 Xuân đình⁹ thoát¹⁰ đã dạo ra Cao đình¹¹.
Sông Tần một dải xanh xanh,
Loi thoi¹² bờ liễu mấy cành Dương quan¹³.
Cầm tay dài ngăn thở than,
Chia phôi ngừng chén, hợp tan nghẹn lời.

1. *Rày lần mai lửa*: cứ để kéo dài ngày này qua ngày khác.

2. *Thông*: xong xuôi; *chưa thông*: chưa giải quyết được cho êm xuôi, vẫn cứ còn bị vướng mắc.

3. *Hồi trang*: (*hồi*: về, *trang*: đồ dùng, quần áo) sửa soạn đồ dùng quần áo để về nhà (thăm Hoạn Thư).

4. *Rạng*: rạng sáng, mới tang tảng sáng.

5. *Gửi*: trình với ai việc gì có vẻ cung kính như đi thưa về gửi.

6. *Xuân đường*: cha. Xem chú thích câu 534, 1292.

7. *Ninh gia*: (*ninh*: về thăm; *gia*: nhà) về thăm nhà.

8. *Quan hà*: (*quan*: cửa ải, *hà*: sông) ý nói đường đi xa xôi cách trở.

Chén quan hà: chén rượu đưa tiễn người xa.

9. *Xuân đình*: đây chỉ chỗ sân nhà, nơi Thúy Kiều đưa tiễn Thúc sinh.

10. *Thoát*: vội, chỉ trong một lát thôi. Thúy Kiều và Thúc sinh không lưu luyến nhau được nữa. Theo *nguyên truyện* thì lúc ấy có Thúc ông và các bạn thân đến tiễn. Thúy Kiều phải đứng sau tấm bình phong ở sân nhà không dám ra. Thúc sinh chỉ nói được một câu tạm biệt rồi chào phụ thân và các bạn. Chàng lên ngựa đi ra sông Hoàng Hà để đáp thuyền sang huyện Võ Tịch.

11. *Dạo ra Cao đình*: đây là nói Thúc sinh đi ngựa ra chỗ bến đò nên Nguyễn Du thay vì tả sông Hoàng Hà, đã nói đến sông Tần.

Cao đình: nơi tiễn biệt nhau. Bản BK-TTK có ghi thêm câu *cổ thi*: *Cao đình tương biệt xứ* (chỗ biệt nhau ở Cao đình).

Nguyên truyện để cho Thúc sinh và Thúy Kiều tâm sự với nhau trong phòng, tối hôm trước ngày đưa tiễn.

Nguyễn Du ngược lại đã để cho Thúy Kiều tiễn chân Thúc sinh ra đến tận Cao đình và còn để hai vợ chồng quyến luyến dặn dò nhau lúc chia tay.

Cầm tay dài ngăn thở than,

Chia phôi ngừng chén, hợp tan nghẹn lời.

Ở đoạn này Nguyễn Du đã cho cô Kiều nói dài dòng tới 14 câu.

12. *Loi thoi*: nói cảnh liễu dài ngắn không bằng nhau.

13. *Dương quan*: tên một cửa ải ở tỉnh Cam Túc (Trung Quốc). Thơ Vương Duy có câu: “*Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu, tây xuất Dương quan vô cố nhân*” = khuyên chàng cạn chén rượu mời, Dương quan ra khỏi vắng người bạn xưa”.

- 1505 Nàng rằng: “Non nước xa khơi,
 Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm.
 *Dễ lòa yếm thắm tròn kim*¹,
 Làm chi *bưng* mắt bắt chim² khó lòng!
 Đôi ta chút nghĩa đèo *bồng*³,
 1510 Đến nhà trước liệu nói *sòng*⁴ cho minh.
 Dù khi sóng gió bất *tình*⁵,
 Lớn ra *uy lớn*, tôi đành phận tôi.
 Hơn điều giấu ngược giấu xuôi,
 Lại mang những việc tầy trời đến sau.
 1515 Thương nhau xin nhớ lời nhau,
 Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy.
 Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
 Chén mừng xin đợi *ngày này*⁶ năm sau”.
 Người lên ngựa, kẻ chia *bào*⁷,
 1520 Rừng *phong*⁸ thu đã nhuộm màu quan san.⁹
 Dặm *hồng* bụi cuốn *chinh an*¹⁰,
 Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.
 Người về chiếc bóng năm canh,
 Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.
 1525 Vàng trắng ai xẻ làm đôi

1. *Dễ lòa yếm thắm tròn kim*: tục ngữ có câu: “*Lòa được yếm thắm, khó lòa được tròn kim*”, ý nói cái yếm thắm tuy là màu đỏ nhưng có khi vô ý cũng không biết, cái tròn kim tuy rằng nhỏ nhưng nhìn kỹ thì cũng nhận ra. Đây ý nói việc Thúc sinh lấy vợ lẽ làm sao mà giấu cho được một khi Hoạn Thư để tâm theo dõi.

2. *Bưng mắt bắt chim*: mở mắt còn khó bắt được chim hướng là bưng mắt; đây ý nói khó lòng mà làm được, mà giấu được.

3. *Đèo bồng*: đàn dúi, vướng vít mối tình với nhau.

4. *Nói sông*: nói thẳng ra tất cả sự thực.

5. *Bất tình*: bất ngờ.

6. *Ngày này*: Thúc sinh và Thúy Kiều chia tay nhau lúc sáng sớm nên bản BK-TTK đã chép là “*ngày này*”. Nếu chép là “*đêm*” như bản QVĐ thì đúng với *nguyên truyện*: Hai vợ chồng uống rượu chia tay nhau vào đêm hôm trước.

7. *Chia bào*: buông tay ra, không níu áo nữa.

8. *Rừng phong*: cây phong ở bên Trung Quốc mọc thành rừng, mùa thu lá đỏ tươi khắp cành.

9. *Màu quan san*: (*quan*: cửa ải, *san*: núi non) màu của lá cây phong đỏ nơi núi rừng cửa ải, nơi xa xôi cách biệt. Màu ấy gợi cho ta cảnh ly biệt vẫn thường diễn ra vào mùa thu. Xem thêm *Chữ nghĩa Truyện Kiều*.

10. *Chinh an*: (*chinh*: đi xa, *an*: cái yên ngựa) cái yên ngựa của người đi xa.

Nửa in gói chiếc, nửa soi dặm trường ¹!
 Kể chi những nỗi dọc đường
 Buồng trong, này nỗi chủ trương ² ở nhà.
 Vốn dòng họ Hoạn danh gia ³,
 1530 Còn quan Lại bộ tên là Hoạn Thư.
 Duyên Đàng ⁴ thuận nẻo gió đưa,
 Cùng chàng kết tóc xe tơ ⁵ những ngày.
 Ở ăn thì nét cũng hay,
 Nói điều ràng buộc thì tay cũng già.
 1535 Từ nghe vườn mới thêm hoa ⁶,
 Miệng người đã lấm, tin nhà thì không.
 Lửa tâm ⁷ càng dập càng nồng,
 Giận người đen bạc ⁸ ra lòng trắng hoa ⁹:
 “Ví bằng thú thật cùng ta,
 1540 Cũng dong kẻ dưới mới là lượng trên.
 Đại chi chẳng giữ lấy nền ¹⁰,
 Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình?
 Lại còn bưng bít giấu quanh,
 Làm chi những thói trẻ ranh nực cười!
 1545 Tính rằng cách mặt khuất lời,
 Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho ¹¹!
 Lo gì việc ấy mà lo,

1. *Dặm trường*: dặm dài, đường xa.

2. *Chủ trương*: đứng đầu trông nom một việc gì.

3. *Danh gia*: nhà có danh tiếng.

4. *Duyên Đàng*: duyên may mắn. Vương Bột đời Đường đi thăm cha làm quan ở đất Giao Chỉ, tối hôm trước thuyền còn ở ghềnh Mã Dương thuộc tỉnh An Huy mà nhờ thuận gió, sáng hôm sau đã tới Đàng vương các kịp dự yến và làm một bài văn nổi tiếng là Đàng vương các tự. Gác Đàng vương do Đàng vương Nguyên Anh cho xây ở trên cửa sông Chương Giang thuộc tỉnh Giang Tây. Thơ Tô Thức đời Tống có câu: *Thời lai phong tống Đàng vương các* = thời vận đến, gió đưa tới gác vua Đàng.

5. *Xe tơ*: xe duyên vợ chồng. Do chữ *chí hồng*, xem chú thích câu 333.

6. *Vườn mới thêm hoa*: nói Thúc sinh mới lấy vợ lẽ.

7. *Lửa tâm*: ý nói lòng ghen nung nấu trong lòng như lửa đốt.

8. *Đen bạc*: chỉ người ăn ở không chung thủy, thiếu trung hậu, cũng như nói *đơn bạc*.

9. *Trắng hoa*: ý nói chơi bời trai gái.

10. *Nền*: nề nếp trong nhà.

11. *Giấu cho*: cả câu ý nói chàng đã muốn giấu ta thì ta cũng sẽ có cách giấu cho chàng biết tay, tức sẽ có thủ đoạn nham hiểm hơn.

Kiến trong miệng chén có bò đi đâu?
 Làm cho nhìn chẳng được nhau,
 1550 Làm cho đầy đọa cất đầu chẳng lên.
 Làm cho trông thấy nhân tiên ¹,
 Cho người *thăm* ván bán thuyền ² biết tay”.
 Nỗi lòng kín chẳng ai hay,
 Ngoài tai để mặc gió bay mái ngoài ³.
 1555 Tuần sau bỗng *thấy* hai người,
 Mách tin ý cũng liệu bài *tâng* công ⁴.
 Tiểu thư nổi giận dùng dùng:
 “Gớm tay thêu dệt ra lòng treu người!
 Chồng tao nào phải như ai,
 1560 Điều này hẳn miệng những người thị phi ⁵!”
 Vội vàng *xuống lệnh* ra uy ⁶,
 Đứa thì vả miệng, đứa thì bẻ răng.
 Trong ngoài kín mít như bưng,
 Nào ai còn dám nói năng một lời!
 1565 Buồng *đào* ⁷ khuya sớm thanh thoi,
 Ra vào một mực nói cười như không.
 Đêm ngày lòng những *dẫn* lòng ⁸,
 Sinh đà về đến lầu hồng ⁹ xuống yên.

1. *Nhân tiên*: ngay trước mắt.

2. *Thăm ván bán thuyền*: ý nói có mới nới cũ, mới thăm ván mà đã tính bán thuyền cũ. Đây nói mới cưới vợ lẽ mà đã quên vợ cả rồi.

3. *Gió bay mái ngoài*: việc Thúc sinh lấy vợ lẽ, kẻ nói qua người nói lại mà Hoạn Thư cứ gác bỏ ngoài tai, làm như không biết gì.

4. *Tâng công*: nịnh nọt lấy công với người trên. Bản Nôm viết *tân* 新 Kiều Oánh Mậu chú: *Chu Tất Đại thi*: “Táo tỳ sá tân công” = *Thơ Chu Tất Đại*: các cô gái làm bếp khoe công mới. Như vậy *tân công* cũng có nghĩa tương tự như *tâng công*.

5. *Thị phi*: phải trái. Đây ý nói những người xấu, không biết phải trái là gì.

6. *Ra uy*: (*uy*: cũng nói là *oai*) tỏ ra uy quyền cho mọi người phải sợ.

7. *Buồng đào*: buồng của phụ nữ ở, chữ *đào* được dùng cho đẹp lời chứ không nhất thiết phải là buồng màu hồng nhạt.

8. *Lòng những dẫn lòng*: vẫn tự nhủ không để lộ sự ghen tức ra.

9. *Lầu hồng*: chỉ nhà ở của các phụ nữ sang trọng. Thơ Lý Bạch có câu: “*Mỹ nhân nhất tiểu khiên châu bạc, dao chí hồng lâu thị thiếp gia*” = nhón cười vén bức rèm châu, xa kia nhà thiếp, hồng lâu đó mà.

Lầu hồng: đây chỉ nhà ở của Hoạn Thư.

Lời tan hợp, nổi hàn huyền ¹,
 1570 Chữ tình càng *mặn*, chữ duyên càng nồng.
 Tẩy trần ² vui chén thông dong,
 Nổi lòng ³ ai ở trong lòng mà ra?
 Chàng về xem ý tứ nhà ⁴,
 Sự mình cũng rắp lân la ⁵ giải bày.
 1575 Mấy phen cười *nói tỉnh* say,
 Tóc tơ bất động ⁶ mảy may sự tình.
 Nghĩ đà bụng kín miệng bình,
 Nào ai có khảo mà mình lại xưng?
 Những là e ấp dùng dằng,
 1580 Rút dây sợ nữa động rừng ⁷, lại thôi.
 Có khi vui chuyện mua cười,
 Tiểu thư lại giở những *lời* đầu đầu.
 Rằng: “Trong ngọc đá vàng thau ⁸,
 Mười phần ta đã tin nhau cả mười.
 1585 Khen cho những miệng đông dài ⁹,
 Bướm ong ¹⁰ lại đặt những lời nọ kia.
 Thiếp dù vụng chắng hay suy,
 Đã dơ bụng nghĩ, lại bìa miệng ¹¹ cười”.

1. *Hàn huyền*: lời hỏi thăm về sức khỏe xem có bị ảnh hưởng gì về thời tiết khi lạnh khi ấm không. Sau hai chữ ấy được dùng để chỉ câu chuyện tâm tình, những lời tâm sự.

2. *Tẩy trần*: rửa sạch bụi. Tục của người Trung Quốc xưa ở xa mới về có bữa rượu mừng gọi là *chén rượu tẩy trần*, có nghĩa là rửa sạch bụi trong lúc đi đường.

3. *Nổi lòng*... : cả câu ý nói thấy sắc mặt Hoạn Thư vui vẻ như vậy, ai ở trong lòng ra mà biết được nàng có sự ghen tuông tức giận Thúc sinh.

4. *Ý tứ nhà*: ý tứ của Hoạn Thư.

5. *Lân la*: dần dần làm thân, tìm cách lại gần để làm thân.

6. *Tóc tơ bất động*: ý nói Hoạn Thư không hề nói động tới việc Thúc sinh lấy vợ lẽ.

7. *Rút dây...động rừng*: rút sợi dây leo quấn ở trên cây lại sợ động cả một khu rừng. Chữ “*rừng*” trong bản Nôm viết 稜, có nghĩa là rừng cây.

8. *Ngọc đá vàng thau*: ngọc có thể lầm với đá, vàng có thể lầm với thau, ý nói sự lừa dối lẫn nhau hoặc sự phân biệt thực giả mọi việc ở đời. *Cả câu này và câu dưới*, ý Hoạn Thư muốn nói mọi việc thực giả hoặc gian dối nàng đâu có ngại vì hai vợ chồng đã tin nhau tất cả rồi.

9. *Đông dài*: đặt bày ra, thêu dệt ra.

10. *Bướm ong*: ý nói đến những chuyện chơi bời, trai gái.

11. *Bìa miệng*: để tiếng xấu cho người ta chê cười.

Thấy lời *thũng thính*¹ như chơi,
 1590 Thuận lời chàng cũng nói xuôi đờ đòn².
 Những là cười phấn cợt son³,
 Đèn khuya *chung* bóng, trăng tròn sánh vai.
 Thú quê thuần hức⁴ bén mùi,
 Giếng vàng đã *rụng* một vài lá ngô⁵.
 1595 Chạnh niềm nhớ cảnh giang hồ⁶,
 Một *màu* quan tái⁷, mấy mùa gió trắng.
 Tình riêng chưa dám *rỉ* rãng.
 Tiểu thư trước đã liệu chừng nhủ qua:
 “Cách năm mây bạc⁸ xa xa,
 1600 Lâm Truy cũng *phải* tính mà thần hôn⁹”.
 Được lời như *cởi* tắc son¹⁰,
 Vó câu¹¹ thả ruổi nước non quê người.
 Long lanh đáy nước in trời,
 Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.

1. *Thũng thính*: tỏ thái độ bình thản khoan thai như thường.

2. *Đờ đòn*: đờ cho khỏi bị đánh, ý nói lảng đi cho qua việc.

3. *Cười phấn cợt son*: cười cợt phấn son, ý nói Thúc sinh tìm mọi cách để làm cho Hoạn Thư vui vẻ.

4. *Thuần hức*: (*thuần*: loài thủy quỳ, tức loài sen thường mọc ở ao hồ vùng Giang Nam. Loại mọc ở Tây Hồ rất nổi danh; *hức*: tên một loại cá như cá lư) chữ này thuộc điển *thuần lư*. Trương Hàn ở đất Ngô Quận đời Tấn. Ông sang đất Lạc làm quan rồi một buổi gió thu bắt đầu thổi, ông nhớ tới quê nhà, liền bỏ quan mà về. Bạch Cư Dị mới có thơ rằng: “*Thu phong nhất trợ lô ngư khoái, Trương Hàn dao đầu hoán bát hồi*” = gió thu thổi, nhớ tới một gắp dưa gỏi cá lô, Trương Hàn quyết lác đầu, gọi cũng không quay trở lại. Ở đây vì chữ *thứ tư* thuộc thanh *trắc* nên Nguyễn Du đã đổi “*thuần lư*” thành “*thuần hức*”.

5. *Lá ngô*: lá cây ngô đồng. *Cả câu* tả cảnh mới sang thu, có một vài chiếc lá cây ngô đồng úa vàng đã rụng vào giếng nước.

6. *Giang hồ*: sông hồ, đây chỉ cảnh cách biệt xa xôi khi Thúc sinh nhớ đến Thúy Kiều.

7. *Quan tái*: cửa ải. *Màu quan tái*: cũng như màu quan san, ý nói màu sắc cảnh vật về mùa thu đã gợi mối sầu ly biệt.

8. *Mây bạc*: do chữ *bạch vân* dịch ra. Địch Nhân Kiệt đời Đường đi làm quan ở Tinh Châu, xa cha mẹ ở tận Hà Dương. Một hôm Nhân Kiệt lên núi Thái Hàng thấy một đám mây trắng bảo với người tả hữu rằng: “*Nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây ấy*”. Sau *mây trắng* được dùng để chỉ lòng nhớ cha mẹ.

Cả câu ý nói cách xa cha mẹ đã gần cả năm rồi.

9. *Thần hôn*: sớm tối. Do câu *thần hôn định tính* = sớm tối săn sóc hầu hạ cha mẹ.

10. *Tắc son*: tấm lòng son, đây chỉ tắc lòng.

11. *Vó câu*: vó ngựa.

1605 Roi câu¹ vừa giống² dậm trường,
 Xe hương *nàng cũng* thuận đường *quy* ninh³.
 Thừa nhà huyên hết mọi tình,
 Nỗi chàng ở bạc, nỗi mình chịu đen.
 Nghĩ rằng: “*Ngựa ghẻ* hờn ghen⁴,
 1610 Xấu chàng mà có ai khen chi mình!
 Vậy nên ngảnh mặt làm thình,
 Muu cao vốn đã rắp ranh những ngày.
 Lâm Truy đường bộ tháng chầy,
 Mà đường hải đạo⁵ sang ngay thì gần.
 1615 *Dọn* thuyền lựa mặt gia nhân⁶,
 Hãy đem dây *xích* buộc chân nàng về.
 Làm cho: cho *mệt*, cho *mê*,
 Làm cho đau đớn, ê *chề*⁷ cho coi.
 Trước cho bỏ ghét những người,
 1620 Sau cho để một trò cười về sau”.
 Phu nhân⁸ khen chúc rất mầu,
 Chiều con, mới dạy mặc dầu ra tay.
 Sửa sang buồm gió lèo mây⁹,
 Khuyển Ưng¹⁰ lại *chọn* một bầy côn quang¹¹.
 1625 Dặn dò hết các mọi đường,
 Thuận *phong*¹² một lá¹³ vượt sang *biển* Tê¹⁴
 Nàng từ chiếc bóng song the¹⁵,

-
1. *Roi câu*: cái roi để đánh con ngựa thúc cho nó đi mau.
 2. *Vừa giống*: vừa mới cho chạy đều.
 3. *Quy ninh*: về nhà cha mẹ.
 4. *Ngựa ghẻ hờn ghen*: ý nói hờn ghen như ngựa ghẻ, gãi chừng nào lại ngựa thêm chừng ấy, cũng như sự hờn giận ghen tuông càng nghĩ đến lại càng tăng thêm lên, không sao dập tắt đi được.
 5. *Hải đạo*: đường biển.
 6. *Gia nhân*: kẻ ăn ở trong nhà.
 7. *Ê chề*: đau đớn đến tái tê cả tinh thần, xấu hổ cả mặt mũi.
 8. *Phu nhân*: vợ của vị quan chức lớn. Đây chỉ Hoạn phu nhân, vợ của quan Lại bộ Thượng thư.
 9. *Buồm gió lèo mây*: cánh buồm và dây lèo, dây lái ý nói đi mau như gió, như mây.
 10. *Khuyển Ưng*: chó săn và chim cắt. Trong truyện hai chữ ấy được dùng để chỉ hai tên đầy tớ đắc lực của Hoạn Thư, sai đi bắt Thúy Kiều.
 11. *Côn quang*: gậy gộc, ý nói đến bọn du côn, côn đồ.
 12. *Thuận phong*: xuôi theo chiều gió.
 13. *Một lá*: một lá buồm.
 14. *Biển Tê*: Thúy Kiều ở Lâm Truy thuộc về phần đất nước Tê.
 15. *Song the*: cửa sổ có căng bức màn the.

Đường kia nổi nọ như chia mối sầu.
 Bóng dâu¹ đã xé ngang đầu,
 1630 Biết đâu ấm lạnh², biết đâu ngọt bùi³?
 Tóc thề⁴ đã chấm ngang vai,
 Nào lời non nước, nào lời sắt son⁵?
 Sấn bìm⁶ chút phận con con,
 Khuôn duyên⁷ biết có vuông tròn cho chẳng?
 1635 Thân sao lăm nổi bất bằng⁸,
 Liễu như cung Quảng⁹ ở Hằng nghi nao!
 Đêm thu gió lọt song đào¹⁰,
 Nửa vầng trăng khuyết, ba sao giữa trời¹¹.
 Nén hương đến trước thiên đài¹²,
 1640 Nỗi lòng khẩn chữa cạn lời vân vân.
 Dưới hoa dẫy lũ ác nhân,¹³

1. *Bóng dâu*: ý nói cha mẹ đã già rồi. Xem chú thích câu 1254.

2. *Ấm lạnh*: ý Thúy Kiều lo lắng cho cha mẹ ở nhà không biết có được mạnh khoẻ không. Xem chú thích câu 918.

3. *Ngọt bùi*: ý Thúy Kiều lo cho cha mẹ ở nhà không biết có được phụng dưỡng đầy đủ không. Xem chú thích câu 1258.

4. *Tóc thề*: tóc cắt lúc thề nguyện với Kim Trọng.

5. *Lời sắt son*: lời thề chung thủy với nhau như son không thể phai, như sắt không thể hỏng.

6. *Sấn bìm*: cây dây leo ví với thân phận làm lẽ.

7. *Khuôn duyên*: ý nói duyên số do trời định.

8. *Bất bằng*: không bình yên, gặp nhiều trắc trở.

9. *Cung Quảng*: cung Quảng Hàn tức cung trăng. Cả câu ý nói khi Thúc sinh đi vắng, Thúy Kiều ở nhà một mình đành liễu như Hằng Nga ở trong cung Quảng một mình.

10. *Song đào*: cửa sổ có căng màn màu hoa đào. Thực ra các chữ *đào, sa, the, mai, hồ...* dùng với chữ *song* chỉ cốt cho đẹp lời mà thôi.

11. *Nửa vầng trăng khuyết, ba sao giữa trời*: câu này tả cảnh về ban đêm lúc đã khuya, khi ấy trên trời trăng hạ huyền đã lên cao và có lác đác vài ba ngôi sao. Hình ảnh của vầng trăng và ba ngôi sao ấy gợi ra chữ 心 (*tâm*) khiến Thúy Kiều càng thêm nhớ Thúc sinh tức Thúc Kỳ Tâm.

12. *Thiên đài*: bệ cao thờ ở ngoài sân tức cây hương. Ở đây phải chép là *thiên đài* mới đúng, vì theo nguyên truyện, Thúy Kiều đã vái trời: “*Đê đê cáo bái thiên đình*” (lầm rầm khẩn vái trời).

13. *Ác nhân*: người hung ác, bọn côn đồ.

- Âm âm khốc quỷ kinh thần ¹ mọc ra.
 Đây sân gươm tuốt sáng lòà,
 Thất kinh ² nàng chữa biết là làm sao.
 1645 Thuốc mê đầu đã tưởi vào,
 Mơ màng như giấc chiêm bao biết gì!
 Vực ngay lên ngựa tức thì,
 Phòng đào ³ viện sách, bốn bề lửa dong.
 Sẵn thấy vô chủ ⁴ bên sông,
 1650 Đem vào để đó, lặn sông ⁵ ai hay?
 Tôi đòi ⁶ phách lạc hồn bay ⁷,
 Pha càn ⁸ bụi cỏ gốc cây ẩn mình.
 Thúc ông nhà cũng gần quanh,
 Chợt trông ngọn lửa, thất kinh rụng rời.
 1655 Tổ thầy chạy thẳng đến nơi,
 Tôi bởi tưởi lửa tìm người lao xao.
 Gió cao ngọn lửa càng cao,
 Tôi đòi tìm đủ, nàng nào thấy đâu.
 Hót hơ hót hải ⁹ nhìn nhau,
 1660 Giếng sâu bụi rậm trước sau tìm quàng ¹⁰.
 Chạy vào chốn cũ phòng hương ¹¹,
 Trong tro thấy một đồng xương cháy tàn.
 Ngay tình ai biết mưu gian,
 Hẳn nàng thôi lại còn bàn rằng ai?
 1665 Thúc ông sùi sụt ngắn dài,
 Nghĩ con ¹² vắng vẻ, thương người ¹³ nết na.

1. *Khốc quỷ kinh thần*: ý nói bọn côn đồ hung dữ đến nỗi quỷ phải khốc, thần phải kinh.

2. *Thất kinh*: sự mất vía mất hồn.

3. *Phòng đào*: phòng của phụ nữ ở, màu hồng đào.

4. *Vô chủ*: không có ai nhận là thân nhân.

5. *Lặn sông*: đánh tráo để lừa người ta. Cũng nói là *lộn sông*.

6. *Tôi đòi*: đây tổ trai và gái, nói chung kẻ hầu hạ trong nhà.

7. *Phách lạc hồn bay*: ý nói sợ quá mất cả hồn vía.

8. *Pha càn*: nhảy bừa vào, chạy vội vào.

9. *Hót hơ hót hải*: tả bộ dạng chạy hoảng hốt, sồn sác.

10. *Tìm quàng*: tìm lung tung cá, tìm vội vã.

11. *Phòng hương*: phòng phụ nữ ở.

12. *Nghĩ con*: nghĩ đến Thúc sinh.

13. *Thương người*: thương Thúy Kiều.

Di hài¹ nhặt sắp về nhà,
 Nào là khâm liệm², nào là tang trai.³
 Lễ thường đã đủ một hai⁴,
 1670 Lục trình⁵ chàng cũng đến nơi bấy giờ.
 Bước vào chốn cũ lâu thơ⁶,
 Tro than một đống, nắng mưa bốn tường.
 Sang nhà cha, đến⁷ trung đường⁸,
 Linh sàng⁹ bài vị¹⁰ thờ nàng ở trên.
 1675 Hỡi ôi! Nói hết sự duyên¹¹,
 Tơ tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan.
 Gieo mình vật vờ khóc than:
 “Con người thế ấy, thác oan thế này!
 Chắc rằng mai trúc¹² lại vậy,
 1680 Ai hay vĩnh quyết¹³ là ngày đưa nhau!”
 Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau,

1. *Di hài*: thi thể cháy chưa hết còn sót lại, đồng xương tàn.

2. *Khâm liệm*: (*khâm*: lấy vải bọc xác người chết, *liệm*: để xác người chết vào quan tài và đặt các đồ liệm vào) bọc xác người chết trước khi nhập quan.

3. *Tang trai*: (*tang*: làm đám ma, *trai*: làm đám chay) làm ma, làm chay.

4. *Một hai*: ý nói đủ cả, không thiếu gì.

5. *Lục trình*: đi đường bộ.

6. *Lâu thơ*: phòng đọc sách, phòng ăn. Cũng nói là *lầu thư*.

7. *Đến*: chữ “đến” đã tỏ rõ được vị trí của *trung đường*. Thúc sinh phải qua tiền đường rồi mới đến được trung đường.

8. *Trung đường*: ngôi nhà giữa hoặc gian chính giữa nhà.

Đây là ngôi nhà giữa. Các nhà giàu có thường làm thành ba dãy hình chữ tam 三 gọi là *tiền đường*, *trung đường* và *hậu đường* (tức nhà ngoài, nhà giữa và nhà trong). Thúc ông cho đặt bàn thờ Thúy Kiều ở *trung đường* vì Thúy Kiều mới chết còn thờ riêng, chưa đặt bài vị thờ chung với bàn thờ tổ tiên (thường đặt ở gian giữa ngôi nhà chính hoặc tiền đường).

9. *Linh sàng*: (*sàng*: giường) giường thờ, bàn thờ.

10. *Bài vị*: tấm gỗ viết tên hiệu người chết để thờ cũng gọi là *linh vị*.

11. *Sự duyên*: (*sự*: việc, *duyên*: căn duyên, gốc rễ) câu chuyện từ đầu đến cuối, kể hết đầu đuôi ngọn ngành.

Nói hết sự duyên: Thúc ông kể hết lại câu chuyện cho Thúc sinh nghe.

12. *Mai trúc*: chỉ vợ chồng. Xem chú thích câu 1381.

Cả câu ý nói: tưởng rằng vợ chồng lại sẽ vui vầy sum họp.

13. *Vĩnh quyết*: (*vĩnh*: lâu mãi, *quyết*: từ biệt) từ biệt mãi, không bao giờ gặp lại nhau nữa, ý nói từ biệt hẳn, kẻ sống người chết.

Dẽ ai rấp thăm quạt sâu¹ cho khuây².
 Gần miền nghe có một thầy,
 Phi phù³ trí quỉ⁴, cao tay thông huyền⁵.
 1685 Trên Tam đảo⁶, dưới Cửu tuyền⁷,
 Tìm đâu thì cũng biết tin rõ ràng.
 Sấm sanh lễ vật đưa sang,
 Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi han.
 Đạo nhân⁸ phục trước tình đàn⁹,
 1690 Xuất thần¹⁰ giây phút chưa tàn nén hương.
 Trở về minh bạch nói tường:
 “Mặt nàng chẳng thấy, việc nàng đã tra.
 Người này nặng kiếp oan gia,
 Còn nhiều nợ lăm sao đã thác cho!
 1695 Mệnh cung¹¹ đang mắc nạn to,
 Một năm nữa mới thăm dò được tin.
 Hai bên giáp mặt chiến chiến¹²,
 Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay!”
 Nghe lời nói lạ dường này,
 1700 Sự nàng đã thế, lời thầy dám tin!
 Chẳng qua đồng cốt¹³ quàng xiên¹⁴,

1. Rấp thăm quạt sâu: chôn lấp được nỗi buồn thăm, xua tan được nỗi sầu đau trong lòng.

2. Khuây: khuây khỏa, ý nói nguôi bớt nỗi buồn mà cảm thấy thanh thản đôi chút trong lòng.

3. Phi phù: (phi: bay, phù: bùa) đốt lá bùa thổi tan cho bay đi.

4. Trí quỉ: (trí: đến) gọi quỷ thần đến.

5. Thông huyền: thông được đến cõi huyền bí, hiểu suốt được đến quỷ thần.

6. Tam đảo: ba núi tiên là Bồng Lai, Phương Trượng và Doanh Châu. Trong bài Trường hận ca của Bạch Cư Dị cũng có nói đến chuyện đạo sĩ gọi hồn nàng Dương Quý Phi phải lên cả non tiên để tìm.

7. Cửu tuyền: chín suối, tức âm phủ.

8. Đạo nhân: tức đạo sĩ, thầy pháp.

9. Tình đàn: (tình: thanh tình hư vô, chỉ cõi Phật, đàn: nền đắp cao để tế lễ) bàn thờ để làm lễ, chỗ đắp nền cao để làm lễ.

10. Xuất thần: thần hồn của đạo sĩ thoát ra khỏi thể xác để vào cõi thần linh dò xét.

11. Mệnh cung: cung vận mệnh theo phép tính lá số tử vi.

12. Chiến chiến: ý nói mặt giáp mặt, rành rành ra đó.

13. Đồng cốt: (nam gọi là ông đồng, nữ gọi là bà cốt) chỉ những người tin vào thần thánh rồi lên đồng cầu khẩn xin thánh thần giáng để chỉ bảo mọi việc.

14. Quàng xiên: bậy bạ.

Người đâu mà lại thấy trên côi trần.
 Tiếc hoa ¹ những ngậm ngùi xuân ²,
 Thân này để lại mấy lần gặp tiên!
 1705 Nước trôi hoa rụng ³ đã yên,
 Hay đâu địa ngục ⁴ ở miền nhân gian!
 Khuyển Ưng đã đất mưu gian,
 Vực nàng đưa xuống để an dưới thuyền.
 Buồm cao lèo thẳng ⁵ cánh xuyên ⁶,
 1710 Đè chừng huyện Tích bằng miền vượt sang.
 Giã đồ ⁷, lên trước sảnh đường ⁸,
 Khuyển Ưng hai đứa nộp nàng dâng công,
 Vực nàng tạm xuống môn phòng ⁹,
 Hãy còn thêm thiếp giấc nồng chưa phai.
 1715 Hoàng lương ¹⁰ chợt tỉnh hồn mai ¹¹,
 Cửa nhà đâu mất, lâu đài nào đây?
 Bàng hoàng dở tỉnh dở say,

1. *Tiếc hoa*: tiếc thương Thúy Kiều.

2. *Ngậm ngùi xuân*: buồn bã cho mối tình xuân của mình ngắn ngủi.

3. *Nước trôi hoa rụng*: tức hoa rụng nước trôi, dịch ở câu *lạc hoa lưu thủy* ý nói Thúy Kiều đã chết như đóa hoa rụng bị nước cuốn trôi đi mất.

4. *Địa ngục*: ngục tù dưới âm phủ giam và trừng phạt linh hồn những kẻ có tội ở thế gian.

Cả hai câu 1705-1706 ý nói: tưởng Thúy Kiều đã chết ai ngờ nàng vẫn còn sống và bị đầy đọa khổ sở ở trên thế gian này.

5. *Lèo thẳng*: (*lèo*: dây buộc để điều khiển cánh buồm) dây lèo căng thẳng vì cánh buồm có gió thổi làm căng lên.

6. *Cánh xuyên*: (*xuyên*: đi nhanh, KOM chú) cánh buồm đi mau.

7. *Giã đồ*: dời đồ lên bộ.

8. *Sảnh đường*: (*sảnh*: chỗ làm việc công, *đường*: nhà chính), dinh thự, chỗ công thự, đây là nhà ở của mẹ Hoạn Thư, chỗ tư dinh.

9. *Môn phòng*: phòng của bọn môn hạ, của những người làm trong nhà.

10. *Hoàng lương*: (*hoàng*: vàng, *lương*: kê) giấc mộng kê vàng. Theo *Chấm trung ký*, Lư sinh đi thi không đậu, vào quán gặp đạo sĩ Lã ông đương nấu nồi kê, Lư sinh than vãn, Lã ông đưa cho mượn cái gối nằm nghỉ. Lư sinh chiêm bao thấy mình thi đậu, lấy vợ giàu có, làm quan to... chợt tỉnh dậy, nồi kê vẫn chưa chín. Lã ông cười, nói: "*Việc đời thì cũng như giấc mộng thôi!*". Bởi thế mới gọi là *giấc mộng hoàng lương*.

11. *Hồn mai*: giấc ngủ nhẹ nhàng của người đẹp. Theo sách *Long thành lục*, Triệu Sư Hùng đi chơi núi La Phù (tỉnh Quảng Đông) gặp một người con gái đẹp dẫn vào quán rượu, uống say, nằm ngủ thiếp đi. Sáng dậy thấy mình nằm ngủ dưới gốc cây mai. Nghĩ lại thì chỉ là một giấc mộng. Cả câu ý nói Thúy Kiều bị đánh thuốc mê bây giờ mới tỉnh.

- Sánh đường *măng* tiếng¹ đòi ngay lên hầu.
 Ắ hoàn² *liên xuống* giục mau,
 1720 Hãi hùng nàng mới theo sau *một* người.
 Ngược trông tòa rộng dãy dài,
 Thiên quan *trùng tể*³ có bài treo trên.
 Ban ngày sáp thấp *hai* bên,
 Giữa giường thất bảo⁴, ngồi *trên* một bà.
 1725 Gạn gùng ngọn hỏi ngành tra⁵,
 Sự mình nàng *đã* cứ mà gửi thưa.
 Bất tình⁶ nổi trận mây mưa⁷,
 Quở rằng: “*Những* giống bơ thờ⁸ quen thân.
 Con này chẳng phải thiện nhân⁹,
 1730 Chẳng *phường trốn* chúa¹⁰, thì quân lộn chồng¹¹.
 Ra tuồng mèo mả gà đồng¹²,
 Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào.
 Đã đem mình bán cửa tao,
 Lại còn *đứng đỉnh* làm cao thế này!
 1735 Nào là gia pháp¹³ nọ bay¹⁴!
 Hãy cho ba chục biết tay một lần!”
 Ắ hoàn trên dưới dạ rân,

-
1. *Măng tiếng*: chợt nghe tiếng.
 2. *Ắ hoàn*: đầy tớ gái trong các gia đình quyền quý xưa.
 3. *Thiên quan trùng tể*: chức quan lớn nhất triều đình, ngang với chức Tể tướng hoặc Thượng thư Bộ Lại. Hoạn Thư đã được giới thiệu là “con quan Lại bộ...”.
 4. *Thất bảo*: bảy thứ vật quý dùng để khảm đồ là *san hô, hổ phách, xà cừ, mã não, vàng bạc, trân châu và lưu ly*.
Giường thất bảo: giường có khảm các vật quý.
 5. *Ngọn hỏi ngành tra*: tra hỏi đầu đuôi mọi việc.
 6. *Bất tình*: việc không ngờ, không nghĩ đến.
 7. *Trận mây mưa*: cơn giận dữ nổi lên đột ngột như mây kéo mưa sa.
 Cả câu ý nói đột nhiên Hoạn bà nổi giận mắng Thúy Kiều.
 8. *Bơ thờ*: ý nói không có gốc gác gì, cầu bơ cầu bất, sống lang bạt, không có nét na gì.
 9. *Thiện nhân*: người lương thiện.
 10. *Phường trốn chúa*: chỉ bọn nô tỳ bó chủ trốn đi, bọn bất lương.
 11. *Quân lộn chồng*: chỉ bọn con gái đàn bà hư hỏng, bỏ chồng mà đi theo trai.
 12. *Mèo mả gà đồng*: nói mèo ở mả, gà ở đồng, tức mèo hoang và gà hoang; dùng để ví với hạng con gái đi hoang, đồ vô loại không biết giữ phẩm tiết gì.
 13. *Gia pháp*: phép tắc nhà.
 14. *Nọ bay*: nọ tui bay, chỉ bọn đầy tớ.

Dầu rằng trăm miệng, khôn phân¹ lẽ nào!
 Trúc côn² ra sức đập vào,
 1740 Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh!
 Xót thay đào lý³ một cảnh,
 Một phen mưa gió⁴, tan tành một phen!
 Hoa nô⁵ truyền dạy đổi tên,
 Buồng the dạy ép vào phiên thị tì⁶.
 1745 Ra vào theo lũ thanh y⁷,
 Dãi dầu tóc rối da chì⁸ quản bao!
 Quản gia⁹ có một mục nào,
 Thấy người thấy nết, ra vào mà thương.
 Khi chè chén, khi thuốc thang,
 1750 Dem lời phương tiện¹⁰, mở đường hiếu sinh¹¹.
 Dạy rằng: "May rủi đã đành,
 Liễu bồ¹² mình giữ lấy mình cho hay.
 Cũng là oan nghiệp¹³ chi đây,
 Sa cơ mới đến thế này, chẳng dưng.

1. *Khôn phân*: không phân giải được, không giải thích được.

2. *Trúc côn*: gậy bằng tre.

3. *Đào lý*: cây đào, cây mận ví với người phụ nữ đẹp.

4. *Mưa gió*: mưa sa, gió táp. Cả hai câu 1741-1742 ý nói xót thay cho nàng Kiều như một cảnh đào, cảnh lý mà bị trận đòn tới bởi như gió táp mưa sa thì cũng phải tan tành hoa lá.

5. *Hoa nô*: người đẩy tứ giá. Hoạn bà truyền đổi tên Thúy Kiều gọi là *Hoa nô*.

6. *Thị tỳ*: người đẩy tứ giá.

7. *Thanh y*: áo xanh, chỉ người đẩy tứ giá vì thường mặc áo màu xanh.

8. *Tóc rối...da chì*: cả câu ý nói Thúy Kiều phải làm con hầu thì không có thì giờ mà chải chuốt, tóc rối không gỡ, da sạm như chì cũng chẳng quản chi.

9. *Quản gia*: người đứng cai quản các việc trong nhà trông coi cả bọn đầy tớ.

10. *Phương tiện*: từ nhà Phật, tùy phương nhân tiện dĩ vi lợi đạo, = nhằm tùy phương tiện để diu dắt chúng sinh. Nói rộng ra có thể giúp ai đôi chút cũng là *phương tiện*.

Lời phương tiện: lời chỉ bảo cho Thúy Kiều về cách giữ gìn cư xử cho hợp với phép nhà họ Hoạn để tránh mọi sự trừng phạt khác.

11. *Hiếu sinh*: lòng nhân đức muốn cứu sống cho người ta.

12. *Liễu bồ*: hai thứ cây mềm yếu, chỉ người con gái.

13. *Oan nghiệp*: tiền oan nghiệp chướng, ý nói cái nghiệp do điều oán ở kiếp trước gây thành mà kiếp này mình phải chịu.

- 1755 Ở đây tai vách mạch dừng¹,
Thấy ai *người cũ*² cũng dừng nhìn chi.
Kẻo khi sấm sét bất kỳ,
Con *ong* cái kiến³ kêu gì được oan!”
Nàng càng giọt ngọc⁴ như chan,
1760 Nỗi lòng *luống* những bàn hoàn⁵ niềm tây⁶.
Phong trần⁷ kiếp *đã chịu* đây,
Lầm than⁸ lại có thứ này bằng hai!
Phận sao bạc⁹ chẳng vừa thôi,
Khăng khăng¹⁰ buộc mãi lấy người hồng nhan¹¹!
1765 Đã đành túc trái¹² tiền oan¹³,
Cũng liêu ngọc nát hoa tàn¹⁴ mà chi!
Những là nường nấu qua thì,
Tiểu thư phải buổi mới về ninh gia¹⁵.
Mẹ con¹⁶ trò chuyện lân la,
1770 Phu nhân mới gọi nàng ra dạy lời:
“Tiểu thư¹⁷ dưới trướng¹⁸ thiếu người,

1. *Tai vách mạch dừng*: (*mạch dừng*: khe hở của cái dừng, một thứ vách làm bằng nửa đan lại có trát bùn) vách có tai, dừng có mạch ý nói phải giữ gìn lời ăn tiếng nói vì ở đâu cũng có người nghe ngóng biết được.

2. *Người cũ*: chỉ Thúc sinh. Mụ quản gia cũng chỉ dám dặn như vậy, không dám nói rõ tên ra, sợ bị liên lụy.

3. *Con ong cái kiến*: chỉ thân phận hèn mọn như hai con vật nhỏ bé ấy.

4. *Giọt ngọc*: giọt nước mắt.

5. *Bàn hoàn*: bản khoán, nghi quánh quẩn.

6. *Niềm tây*: nỗi niềm riêng.

7. *Phong trần*: cực khổ ví như cảnh đi đường bị gió thổi bụi bay vào mặt mũi.

8. *Lầm than*: (bùn và than) cực khổ. *Cả câu* ý nói cảnh làm thanh y này còn khổ bằng hai cái cảnh ở thanh lâu.

9. *Bạc*: phận bạc.

10. *Khăng khăng*: cứ giữ chặt lấy không buông ra.

11. *Người hồng nhan*: người đàn bà con gái đẹp mà bạc phận.

12. *Túc trái*: (*túc*: trước; *trái*: nợ) nợ kiếp trước.

13. *Tiền oan*: oan nghiệt đời trước gây ra.

14. *Ngọc nát hoa tàn*: ý nói tấm thân tàn tạ của Thúy Kiều ví như ngọc đã nát, hoa đã tàn.

15. *Ninh gia*: về thăm nhà cha mẹ.

16. *Mẹ con*: Hoạn bà và Hoạn Thư.

17. *Tiểu thư*: (*tiểu*: nhỏ, *thư*: nàng, cô) tiếng dùng để gọi con gái những nhà quyền quý.

18. *Trướng*: bức màn.

- Cho về bên ấy theo đòi lầu trang¹ ”.
- Linh lời nàng mới theo sang,
 Biết đâu địa ngục thiên đàng² là đâu!
- 1775 Sớm khuya khăn mặt, lược đầu,
 Phận con hầu giữ con hầu dám sai!
*Phải đêm*³ êm ả chiều trời,
 Trúc tơ⁴ hỏi đến nghề chơi mọi ngày.
- Linh lời nàng mới lựa dây,
 1780 Nỉ non thánh thót dễ say lòng người!
 Tiểu thư xem cũng thương tài,
 Khuôn uy⁵ dường cũng bớt vài bốn phân.
 Cửa người đầy dọa chút thân,
 Sớm năn nỉ⁶ bóng, đêm ân hận⁷ lòng.
- 1785 Lâm Truy chút nghĩa đeo bông⁸,
 Nước non⁹ để chữ tương phùng¹⁰ kiếp sau!
 Bốn phương mây trắng¹¹ một màu,
 Trông vờ cố quốc¹² biết đâu là nhà?
- Lần lần tháng trọn ngày qua,
 1790 Nỗi gần nào biết đường xa thế này?
 Lâm Truy từ thuở uyên bay,
 Phòng không thương kẻ¹³ tháng ngày chiếc thân.

1. *Lầu trang*: chỗ phụ nữ ở và là nơi trang điểm.

2. *Địa ngục...thiên đàng*: cả câu ý nói biết đâu là chỗ khổ chỗ sướng, bên nhà Hoạn bà hay bên nhà Hoạn Thư, chưa thể biết được.

3. *Phải đêm*: gặp được đêm.

4. *Trúc tơ*: (*trúc*: các thứ sáo, địch làm bằng cây trúc, *tơ*: tức ti là các thứ đàn có dây tơ) đây ý nói nghề đàn, âm nhạc.

5. *Khuôn uy*: khuôn phép, oai quyền của Hoạn Thư “*Ở vào khuôn phép, nói ra mỗi giường*”.

6. *Năn nỉ*: than van, than thở.

7. *Ân hận*: day dứt trong lòng và tự trách mình về việc không hay đã xảy ra.

8. *Đeo bông*: mang lấy vào mình cho vướng víu, bận bịu thêm.

9. *Nước non*: chỉ lời thề thốt gắn bó với nhau.

10. *Tương phùng*: gặp gỡ nhau.

Cả hai câu 1785-1786 nói: Thúy Kiều nhớ đến Thúc sinh ở Lâm Truy nhưng lời thề thốt trăm năm đành để kiếp sau gặp lại vậy.

11. *Mây trắng*: ý nói nhớ quê hương. Xem chú thích chữ *mây bạc*, câu 1599.

12. *Cố quốc*: nước cũ, đây chỉ quê nhà.

13. *Thương kẻ*: thương cho Thúc sinh.

1795 Mây *xanh* trăng mới in ngần ¹,
 Phấn thừa hương cũ ² bội phần xót xa.
 Sen tàn, mai lại *nở* hoa ³,
 Sầu dài ngày ngắn đông đã sang xuân.
 Tìm đâu cho thấy cố nhân ⁴,
 Lấy câu vận mệnh ⁵ khuây dần nhớ thương.
 Chạnh niềm nhớ cảnh gia hương ⁶,
 1800 Nhớ quê, chàng lại tìm đường thăm quê.
 Tiểu thư đón cửa già giề ⁷,
 Hàn huyên vừa cạn mọi bề gần xa.
 Nhà hương ⁸ cao cuốn bức là ⁹,
 Phòng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng.
 1805 Bước ra một bước một dừng,
 Trông xa, nàng đã tỏ chừng nẻo xa.
 “Phải rằng nắng quáng đèn lò ¹⁰,
 Rõ ràng ngồi đó chẳng là Thúc sinh?
 Bây giờ tình mới *tỏ* tình ¹¹,
 1810 Thôi thôi đã mắc vào vánh ¹² chẳng sai!

1. *Mây xanh... in ngần*: cả câu ý nói Thúc sinh thấy mặt trăng về đầu tháng trông còn mờ nét như lông mây xanh nhạt mà nhớ đến nàng Kiều. Chữ “*xanh*” đi với chữ “*ngần*”. Nếu thay bằng chữ “*ai*” như bản KOM thì có vẻ cầu kỳ.

2. *Phấn thừa hương cũ*: đây nói phấn thừa hương cũ của nàng Kiều để lại. Thực ra đó chỉ là tâm tưởng thôi chứ phòng hương của nàng Kiều đã bị đốt ra tro rồi.

3. *Sen tàn, mai... hoa*: ý nói hè đã qua từ lâu, nay xuân đã tới.

Cả câu 1795 và câu 1796 ý nói vừa giáp một năm rồi: hè qua, thu tới, đông hết, xuân sang.

4. *Cố nhân*: người cũ, chỉ nàng Kiều.

5. *Lấy câu vận mệnh*: ý nói để tự an ủi mình, cho rằng Thúy Kiều có bị chết cũng là do số mệnh.

6. *Gia hương*: quê nhà.

7. *Già giề*: hỏi thăm vồn vã, vui mừng trò chuyện khi gặp nhau.

8. *Nhà hương*: như *nhà lan*, tức nhà có hương thơm, nơi ở của những người có đạo đức, có danh vọng. Cũng dùng để chỉ phòng ở của phụ nữ, như *phòng hương*, *buồng hương*.

9. *Bức là*: bức màn the, màn lụa.

10. *Nắng quáng đèn lò*: ý nói bị chơi mắt mà không nhìn rõ được. Cả câu này và câu dưới ý nói rằng: Thúy Kiều trông thấy rõ ràng người ngồi đó là Thúc sinh, đâu có phải bị nắng quáng đèn lò mà nhìn lầm.

11. *Bây giờ tình mới tỏ tình*: Thúy Kiều lẽ ra phải biết từ khi mới bị bắt về chứ! Sao đến bây giờ mới biết?

12. *Mắc vào vánh*: mắc vào vòng cạm bẫy.

Chúc đâu có chúc lạ đời,
 Người đâu mà lại có người tình ma ¹!
 Rõ ràng *thật* lừa dối ta,
 Làm ra con ở, chúa nhà ² đôi nơi.
 1815 Bề ngoài thon thót ³ nói cười,
 Mà trong nham hiểm giết người không dao.
 Bây giờ đất thấp trời cao ⁴,
 Ăn làm sao, nói làm sao bây giờ?"
 Càng trông mặt, càng ngẩn ngơ,
 1820 Ruột tầm đòi đoạn ⁵ như tơ rối bời.
 Sợ uy, dám chẳng vâng lời ⁶,
 Cúi đầu nép xuống sân mai ⁷ một chiều.
 Sinh đà phách lạc hồn xiêu ⁸,
 "Thương ôi! *Chẳng phải* nàng Kiều ở đây?
 1825 Nhân làm sao đến thế này?
 Thôi thôi, ta đã mắc tay ai rồi!"
 Sợ quen dám *hở* ra lời ⁹,
 Khôn ngăn giọt ngọc ¹⁰ sứt sùi nhỏ sa.
 Tiểu thư trông mặt hỏi tra:
 1830 "Mới về có việc chi mà động dong ¹¹?"
 Sinh rằng: "Hiếu phục ¹² vừa xong,

1. *Tình ma*: tình quái, quái ác.

2. *Chúa nhà*: chủ nhà.

3. *Thon thót*: nói cái bộ hơi hợt giá dối bề ngoài, xoén xoét cái miệng.

4. *Đất thấp trời cao*: ý nói không có cách gì kêu cứu được.

5. *Ruột tầm đòi đoạn*: Ruột rối như tơ tầm, đau đớn như đứt ra làm nhiều đoạn.

6. *Dám chẳng vâng lời*: đâu dám làm trái lời, phải làm đúng lời dạy.

7. *Sân mai*: sân nhà, chữ *mai* dùng cho đẹp lời và cho hợp vần.

8. *Phách lạc hồn xiêu*: hồn phách xiêu lạc, ý nói sợ quá.

9. *Dám hở ra lời*: không dám nói ra lời. Thúc sinh sợ Hoạn Thư đến như vậy, thế mà lúc dụ dỗ Thúy Kiều lấy mình thì lại quá quyết rằng "*Đường xa chớ ngại Ngô - Lào, trăm điều hãy cứ trông vào một ta*".

10. *Giọt ngọc*: giọt nước mắt.

11. *Động dong*: biến đổi sắc mặt vì có sự xúc động trong lòng.

12. *Hiếu phục*: đồ y phục để tang. Mẹ của Thúc sinh như vậy mất đã ba năm rồi, Thúc sinh mới bỏ đồ tang.

Suy lòng trắc *khởi*¹ (dĩ), đau lòng chung thiên²!”

Khen rằng: “Hiếu tử đã nên!

Tẩy trần mượn chén giải phiền đêm thu”.

1835

Vợ chồng chén tác chén thù³,

Bắt nàng đứng chực trì hồ⁴ hai nơi.

Bắt khoan bắt nhặt⁵ đến lời,

Bắt quì tận mặt, bắt mời tận tay.

Sinh càng như đại như ngậy,

1840

Giọt dài giọt ngắn, chén đầy chén vơi.

Ngảnh đi⁶, chợt nói chợt cười,

Cáo say, chàng đã *kiếm* bài lảng ra.

Tiểu thư vội thét: “Con Hoa!

1. Trắc khởi: 陟 屺 Chữ này các bản Trương Vĩnh Ký, Hồ Đắc Hàm, Ưng Dục chép là *trắc ty*.

Quyển *Hán Việt từ điển* của Đào Duy Anh cũng phiên âm là *trắc ty*.

Quyển *Hán Việt tự điển* của Thiều Chửu phiên âm là *dĩ* (trắc dĩ).

Quyển *Tự điển Trung Việt* của Văn Tân đã phiên âm chữ 屺 là *kỷ*.

Các bản *Truyện Kiều* của Phạm Kim Chi, Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Vĩnh, Tấn Đà, Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Thạch Giang, Đào Duy Anh... đều chép là *trắc dĩ* mà hầu hết đều viết hoa chữ *Dĩ*, coi chữ ấy là tên một ngọn núi.

Đúng ra chữ 屺 phải phiên là *khởi* (khỉ) mới có nghĩa. Bài *Trắc hổ* (Kinh Thi, Ngụy Phong 4) có câu: “*Trắc bỉ khởi (khỉ) hê, chiêm vọng mẫu hê*”. (Ta leo lên núi trọc (không có cây) kia, để ngóng trông mẹ). *Trắc khởi* sau được dùng để chỉ người con nhớ đến mẹ.

Quyển *Dictionnaire Vietnamien - Chinois - Français* của Gouin cũng phiên âm là *khởi* (khỉ).

Bài *Trắc hổ* có ba đoạn: đoạn 1 có hai câu: “*Trắc bỉ hổ hê, chiêm vọng phụ hê*”... (Ta leo lên núi có cây, để ngóng trông cha...), đoạn 2 có hai câu: “*Trắc bỉ khởi (khỉ) hê, chiêm vọng mẫu hê*”... (Ta leo lên núi trọc, để ngóng trông mẹ...), đoạn 3 có hai câu: “*Trắc bỉ cương hê, chiêm vọng huynh hê*” (Ta leo lên sống núi kia, để trông ngóng anh...). Như vậy:

Trắc hổ: được dùng để chỉ người con nhớ cha.

Trắc khởi: được dùng để chỉ người con nhớ mẹ.

Trắc cương: được dùng để chỉ người em nhớ anh.

2. *Chung thiên*: hết những ngày, ý nói cả cuộc đời.

3. *Chén tác chén thù*: (*tác*: mời, *thù*: trả) chén chủ mời khách, chén khách mời trả lại chủ.

4. *Trì hồ*: (*trì*: cầm, *hồ*: bầu rượu) cầm bầu rượu đứng hầu mà rót.

5. *Bắt khoan bắt nhặt*: (*khoan*: rộng, không vội, *nhặt*: liền, mau, khít chặt) bắt bé từng ly từng tí.

6. *Ngảnh đi*: ý nói Thúc sinh không dám ngó mặt Kiều vì vừa thương vừa sợ nên phải tìm cách ngảnh đi mà vừa nói vừa cười (thiếu hẳn tự nhiên).

Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn!"

1845 Sinh càng nát ruột tan hồn,
Chén mời ¹ phải ngậm bồ hòn ² ráo ngay.
Tiểu thư *cười nói tỉnh say*,
Chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi.
Rằng: "Hoa nô đủ mọi tài,
1850 Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe!"
Nàng đà *tán hoán* ³ tê mê,
Vâng lời ra trước bình the ⁴ vận đàn.
Bốn dây như khóc như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng!
1855 Cùng *trong* một tiếng tơ đồng ⁵,
Người ngoài cười nụ người trong khóc *thâm*!
Giọt châu ⁶ lã chã ⁷ khôn cầm,
Cúi đầu, chàng những gạt *thâm* giọt *sương* ⁸.
Tiểu thư lại *thét* lấy nàng:
1860 "Cuộc vui gảy khúc đoạn trường ⁹ ấy chi?
Sao chẳng biết ý tứ gì ¹⁰?
Cho chàng buồn bã tội *thì* tại người".
Sinh càng *thảm thiết* ¹¹ bồi hồi ¹²,
Vội vàng *gượng nói, gượng cười* cho qua.

1. *Chén mời*: chén Hoạn Thư mời Thúc sinh do Thúy Kiều rót.

2. *Ngậm bồ hòn*: bồ hòn thì đắng mà phải ngậm bồ hòn làm ngọt tất hẳn đau khổ lắm nhưng Thúc sinh cũng phải cạn *chén mời* ngay.

3. *Tán hoán*: tan nát cả tinh thần, mất cả tinh thần mà sinh ra ngơ ngẩn.

4. *Bình the*: bình phong có căng the (vải thưa).

5. *Tơ đồng*: (đồng: 桐 gỗ cây ngô đồng dùng làm đàn) chỉ chung cây đàn. *Tiếng tơ đồng*: tiếng đàn.

6. *Giọt châu*: giọt lệ, giọt nước mắt.

7. *Lã chã*: ý nói nước mắt chảy ròng ròng.

8. *Giọt sương*: giọt nước mắt. Thơ Nguyễn Khuyến có câu: "Tuổi già hạt lệ như sương", có bản chép là *giọt Tương*, lấy điển bà Nga Hoàng (xem chú thích câu 238) nhưng có vẻ cầu kỳ và cũng không hợp với Thúc sinh là đàn ông.

9. *Khúc đoạn trường*: khúc đàn buồn bã nghe muốn đứt ruột.

10. *Chẳng biết ý tứ*: chẳng biết giữ gìn gì, ngày vui mà lại gảy khúc đàn buồn.

11. *Thảm thiết*: đau đớn như cắt ruột.

12. *Bồi hồi*: bồn chồn ở trong lòng.

1865 *Giọt rông*¹ canh đã điếm ba²,
 Tiểu thư nhìn mặt đường đà cam tâm³.
 Lòng riêng *khấp khởi*⁴ mừng thầm:
 “Vui này đã bỏ đau ngâm *xưa nay*!”
 Sinh *thì* gan héo ruột đầy⁵,
 1870 Nỗi lòng càng nghĩ càng cay đắng lòng.
 Người vào chung gối loan phòng⁶,
 Nàng ra tựa bóng đèn chong⁷ canh dài.
 Bây giờ mới rõ *tăm hơi*⁸,
 Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen!⁹
 1875 Chúc đâu rẽ thúy chia uyên,¹⁰
 Ai ra đường nấy, ai nhìn được ai?
 Bây giờ một vực một trời,¹¹
 Hết điều khinh trọng, hết lời thị phi!¹²
 Nhẹ như bắc, nặng như chì,¹³

1. *Giọt rông*: giọt nước ở chiếc đồng hồ có chạm hình con rồng nhỏ xuống để đo thời gian. Bài *Cung tử* của Đường Tiết Phùng có câu: “*Thủy trích đồng long trú lậu trường* = giọt nước của con rồng bằng đồng nhỏ xuống đều đều (lậu) suốt cả ngày dài.

2. *Canh đã điếm ba*: đêm có năm canh, khi sang canh ba thì đã nửa đêm rồi.

3. *Cam tâm*: thỏa lòng, hả dạ.

4. *Khấp khởi*: mừng hí hửng trong lòng.

5. *Gan héo ruột đầy*: ý nói buồn bã đến héo cả lá gan và uất ức đầy cá trong ruột.

6. *Loan phòng*: phòng đàn bà ở. *Loan* là con mái, *phụng* là con trống. *Chung gối loan phòng*: ý nói vợ chồng vào chung chăn gối với nhau.

7. *Đèn chong*: đèn đốt để thâu canh.

8. *Tăm hơi*: (*tăm*: bọt ở dưới đáy nước nổi lên cho biết là có cá) tin tức lộ ra ngoài, bề sâu kín của câu chuyện, mưu sâu bị lộ ra.

9. *Lạ đời nhà ghen*: kẻ ghen tuông ít thấy có ở đời.

10. *Rẽ thúy chia uyên*: (*thúy*: chim phỉ thúy, *uyên*: chim uyên ương) *thúy* và *uyên* là hai loại chim thường hay đậu cặp, bay cặp. *Rẽ* và *chia* là nói cảnh đôi chim trống mái bị chia rẽ, đây nói việc Hoạn Thư làm cho Thúc sinh và Thúy Kiều phải rời bỏ nhau.

11. *Một vực một trời*: ý nói một bên là Thúy Kiều bị đẩy làm con ở như rớt xuống vực sâu, một bên là Thúc sinh bị Hoạn Thư bắt lên vai ông chủ như mình ở ngôi cao ví như trên trời, hai bên không còn sánh với nhau được nữa.

12. *Khinh trọng... thị phi*: cả câu ý nói địa vị của Hoạn Thư và Thúy Kiều đã rõ ràng không còn có chuyện so sánh bên trọng bên khinh, không còn có chuyện thị phi của những người đồn đại về tin Thúc sinh có vợ lẽ nữa.

13. *Nhẹ như bắc, nặng như chì*: ý nói cách ăn nói của Hoạn Thư thật thâm trầm nham hiểm, khi thì nhẹ như bắc, khi thì nặng như chì, không làm sao mà lường cho được.

- 1880 Gỡ cho ra nữa ¹ còn gì là duyên?
 Lỡ làng chút phận thuyền duyên,
 Bể sâu sóng cả ² có tuyền được vay?
 Một mình âm ỷ đêm chầy,
 Đĩa dầu vơi, nước mắt đầy năm canh.
- 1885 Sớm khuya hầu hạ dài doanh, ³
 Tiểu thư chạm mặt, đề tình ⁴ hỏi tra.
 Lựa lời, nài nỉ mới thưa qua,
 “Phải khi mình lại xót xa nỗi mình”.
 Tiểu thư hỏi lại Thúc sinh:
- 1890 “Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao”. ⁵
 Sinh đà rất ruột như bào,
 Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng đang. ⁶
 Những e lại lụy đến nàng,
 Đánh liều, mới sẽ lựa đường hỏi tra.
- 1895 Cúi đầu quì trước sân hoa,
 Thân cung ⁷ nàng mới *dâng* quả một tờ.
 Diện tiền ⁸ trình với tiểu thư,
 Thoắt xem dường có ngẩn ngơ ⁹ chút tình.
 Liền tay trao lại Thúc sinh,
- 1900 Rằng: “Tài nên trọng, mà tình nên thương!
 Ví chẳng có số giàu sang,

1. *Gỡ cho ra nữa*: có nghĩa là gỡ cho ra được đi nữa tức là khi Thúy Kiều có gỡ ra được khỏi tay Hoạn Thư đi nữa thì cũng chẳng còn gì là duyên. Bản QVĐ khắc chữ 女 thì phải đọc là “nữa”.

KOM đã sửa lại là 女債 (nợ). Trương Vĩnh Ký đã chép câu này là: “Gỡ ra cho được còn gì là duyên?” thì đúng ý với câu bản QVĐ đã chép.

2. *Bể sâu sóng cả*: ý nói Thúy Kiều đã sa vào tay Hoạn Thư, người có lòng sâu hiểm, thì cũng như đi trên chiếc thuyền nhỏ giữa bể sâu sóng lớn khó an toàn được.

3. *Dài doanh*: lâu dài dinh thự của những bậc quyền quý, đây chỉ nhà ở của Hoạn Thư.

4. *Đề tình*: đoán theo tình ý.

5. *Cho nao*: chữ *nao* chính là chữ *nào* đọc theo thượng bình thanh, cũng như *nghe nao, lăm nao*.

6. *Chẳng đang*: chẳng đành lòng, chẳng nỡ lòng.

7. *Thân cung*: (*thân*: tỏ bày, *cung*: khai ra) trình bày ra cho rõ ràng.

8. *Diện tiền*: trước mặt.

9. *Ngẩn ngơ*: ý nói hơi dờ người ra vì xúc cảm và cũng vì ngạc nhiên.

Giá này dẫu đúc nhà vàng ¹ cũng nên!
 Bể trần chìm nổi thuyền duyên,
 Hữu tài thương nổi vô duyên lạ đời.”
 1905 Sinh rằng: “*Thật* có như lời,
 Hồng nhan bạc mệnh một người nào vay!
 Nghìn xưa âu cũng thế này,
 Từ bi ² âu liệu bớt tay mới vừa”.
 Tiểu thư rằng: “Ý trong tờ,
 1910 Rắp đem mệnh bạc xin nhờ cửa không. ³
 Thôi thì thôi cũng chiều lòng,
 Cũng cho khỏi lụy ⁴ trong vòng bước ra.
 Sẵn Quan Âm các vườn ta,
 Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa. ⁵
 1915 Có thảo thụ, có sơn hồ,
 Cho nàng ra đó, giữ chùa chếp kinh” ⁶.
 Tâng tâng trời mới bình minh,
 Hương hoa ngũ cúng ⁷, sấm sanh lễ thường.
 Đưa nàng đến trước Phật đường,
 1920 Tam quy ⁸ ngũ giới ⁹, cho nàng xuất gia ¹⁰.

1. *Nhà vàng*: do chữ *kim ốc* là nhà cửa rất đẹp đẽ, sang trọng. Theo *Hán Vũ cổ sự*, Hán Vũ Đế hỏi còn bé, có lần được bà cô hỏi đùa: “*Cháu có muốn lấy vợ không?*” Nhà vua cười đáp: “*Nếu lấy được A Kiều thì cháu sẽ làm nhà vàng cho nàng ở*” (*Nhược đắc A Kiều đương dĩ kim ốc trữ chi*). Về sau lên ngôi vua, Vũ Đế lập A Kiều làm hoàng hậu.

2. *Từ bi*: (*từ*: yêu thương, *bi*: thương xót). Đức Phật lấy lòng từ bi thương xót chúng sinh, muốn cho ai cũng được vui sướng và thoát được cảnh khổ não.

3. *Cửa không*: cửa chùa gọi là *cửa không* (không môn) vì nhà Phật coi mọi sự, mọi vật đều là *hư không* cả. Cũng gọi là *cửa từ*, *cửa thiền*.

4. *Lụy*: điều khổ vướng phải, vòng gian khổ.

5. *Cây trăm thước, hoa bốn mùa*: do câu *Bồ đề bách xích thụ, bát nhả tứ thời hoa* = cây bồ đề cao trăm thước, hoa bát nhả nở bốn mùa.

Câu 1913-1914 chỉ có ý nói Quan Âm các nhà Hoạn Thư cũng không kém gì một cảnh chùa chứ không phải là tả cảnh thực. Cảnh thực ở nhà Hoạn Thư được tả tiếp theo ở câu 1915: “*Có cổ thụ, có sơn hồ*”: nghĩa là có cây cổ thụ, có núi giả và có cả hồ nước nữa.

6. *Chếp kinh*: tụng kinh niệm Phật là việc chính còn chếp kinh chỉ là việc làm thêm để cho Thúy Kiều lúc nào cũng bận, không có thì giờ rảnh mà nghĩ đến Thúc sinh nữa.

7. *Ngũ cúng*: năm thức cúng Phật là: hương, đèn, trà, hoa, quả (trái cây).

8. *Tam quy*: (*quy*: dốc lòng tin theo) nhà Phật có ba phép quy y: quy y Phật, quy y pháp, quy y tăng. *Qui y* là bỏ nơi tối tăm mà đem cả thân tâm quay về nơi sáng tỏ.

9. *Ngũ giới*: năm điều răn cấm đối với người tu theo đạo Phật: cấm sát sinh, cấm ăn trộm, cấm tà dâm, cấm uống rượu, cấm nói càn nói bậy.

10. *Xuất gia*: rời khỏi nhà vào chùa đi tu.

Áo xanh ¹ đôi lấy cà sa ²,
 Pháp danh ³ lại đổi tên ra Trạc Tuyên.
 Sớm khuya tính đủ dầu đèn,
 Xuân, Thu ⁴ cắt sẵn hai tên hương trà.
 1925 Nàng từ lánh gót vườn hoa,
 Đường gần rừng tía ⁵, đường xa bụi hồng ⁶.
 Nhân duyên *đâu lại* còn mong,
 Khỏi điều then phẩn tử hồng ⁷ thì thôi.
 Phật tiền thăm lấp sấu vùi,
 1930 Ngày pho thủ tự ⁸, đêm nôi tâm hương. ⁹
 Cho hay giọt nước canh dương, ¹⁰
 Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần duyên.
 Nâu sông ¹¹ từ trở màu thiên, ¹²
 Sân thu trắng đã vài phen đứng đầu.
 1935 Quan phòng ¹³ then nhật lưới mau,

1. *Áo xanh*: áo của những người đầy tớ gái ở các nhà quyền quý mặc.

2. *Cà sa*: áo của nhà sư mặc. *Cà sa* chính nghĩa là hoại sắc (nhuộm cho xuống màu, cho mất cái giá trị nơi thương trường, như nhuộm nâu). *Mặc áo cà sa* tức là xa lìa việc thế tục, rời bỏ cảnh lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

3. *Pháp danh*: nhà Phật gọi đạo là *pháp* cho nên giảng đạo gọi là *thuyết pháp*, tên của người tu theo đạo Phật gọi là *pháp danh*.

4. *Xuân, Thu*: Xuân Hoa, Thu Nguyệt, là tên hai đứa hầu gái được cắt ra để lo việc thắp hương, pha trà. Thực ra Hoạn Thư đã cho hai đứa hầu gái ra để canh chừng Thúy Kiều, không cho có dịp được gặp Thúc sinh.

5. *Rừng tía*: do chữ "*tử trúc lâm*" ở truyện *Tây du*, là nơi đức Quan Thế Âm Bồ Tát ở.

6. *Xa bụi hồng*: xa cõi trần tục.

7. *Then phẩn tử hồng*: cả câu ý nói đi tu cho Hoạn Thư khỏi làm nhục mình là được rồi.

8. *Pho thủ tự*: pho kinh chép tay ra. Hoạn Thư giao cho Thúy Kiều chép bộ kinh để nàng có việc làm qua ngày, khỏi nghĩ vơ vẩn đến Thúc sinh.

9. *Nôi tâm hương*: nôi hương, đốt để tụng niệm cầu nguyện, cũng như *bát hương*.

10. *Giọt nước canh dương*: Theo *Pháp uẩn châu lâm* có người Thiên Trúc tên là Đồ Trùng lấy nước canh dương rảy lên mình con trai ông Thạch Lặc gần chết lại tỉnh dậy. Đây nói đến phép mầu của đạo Phật.

11. *Nâu sông*: áo màu nâu của người tu hành mặc. *Cả câu ý nói từ khi khoác áo tu hành ở Quan Âm các*.

12. *Thiên*: yên tĩnh, lặng lẽ suy xét. Đạo Phật lấy thanh tĩnh xét tỏ chân lý làm tôn chỉ nên gọi là *thiên*.

13. *Quan phòng*: đóng cửa canh giữ. Cả câu ý nói Hoạn Thư cho canh phòng nghiêm nhặt, cửa đóng cài then không cho Thúc sinh gặp được Thúy Kiều. Sự canh gác cẩn mật chẳng khác nào căng lưới bao kín chung quanh.

Nói lời trước mặt, rơi châu vắng người.
 Gác kinh¹ viện sách² đôi nơi,
 Trong gang tấc lại gấp mười quan san.³
 Những là ngậm thở ngùi than,⁴
 1940 Tiểu thư phải buổi vấn an⁵ về nhà.
 Thừa cơ sinh mới lên ra,
 Xăm xăm đến mé vườn hoa với nàng.
 Sụt sùi *giở* nổi đoạn trường,
 Giọt châu tâm tã *đượm*⁶ tràng áo xanh.⁷
 1945 “Đã cam chịu bạc với tình,
 Chúa xuân⁸ để tội một mình cho hoa.
 Thấp cơ thua trí đàn bà,
 Trông vào đau ruột, nói ra ngại lời.
 Vì ta cho lụy đến người,
 1950 Cát lăm ngọc trắng⁹, thiệt đời xuân xanh.
 Quản chi *lên thác xuống ghềnh*,
 Cũng toan sống thác với tình cho xong.
 Tông đường¹⁰ chút chứa cam lòng,
 Cấn răng bẻ một chữ đồng¹¹ làm hai.
 1955 Thẹn mình đá nát vàng phai,¹²

1. *Gác kinh*: gác ngồi chép kinh, chỉ Quan Âm các.

2. *Viện sách*: chỉ phòng đọc sách của Thúc sinh.

3. *Quan san*: cửa ải và núi non, chỉ sự xa xôi cách trở.

4. *Ngậm thở ngùi than*: ngậm ngùi than thở, buồn rầu than thở.

5. *Vấn an*: hỏi thăm sức khỏe.

6. *Đượm*: ướt đẫm.

7. *Áo xanh*: do chữ *thanh sam* dịch ra, là áo của người học trò, khác với *thanh y* là áo của người hầu gái.

8. *Chúa xuân*: tức *Thanh đế*, thần giữ việc mùa xuân, đây chỉ Thúc sinh. Thơ nàng Chu Thục Chân: “*Nguyện giao Thanh đế thường vi chủ, mạc khiến phân phân điểm thủy đài*” = mong cho Thanh đế thường làm chúa, giữ đừng để hoa rụng điểm xuống làn rêu xanh. Câu 1946 ý nói Thúc sinh không bảo vệ được cho Thúy Kiều, đã để tội cho nàng một mình phải chịu cánh dày dọ.

9. *Cát lăm ngọc trắng*: cát lăm mờ đục cả viên ngọc trong sáng. Cả câu ý nói Thúy Kiều bị Hoạn Thư dày dọ như vậy thì cũng thiệt cả một thời trẻ trung.

10. *Tông đường*: nhà thờ tổ tiên. Cả câu ý nói Thúc sinh còn chưa có con trai để nối dõi tông đường nên phải ở lại với Hoạn Thư mà không thể bỏ trốn với Thúy Kiều được.

11. *Chữ đồng*: chữ *đồng tâm*, cùng một lòng với nhau. Cả câu ý nói Thúc sinh đành phải cấn răng (cam chịu) chia cắt mối tình với Thúy Kiều.

12. *Đá nát vàng phai*: ý nói không giữ được lời thề vàng đá.

Trăm thân dễ chuộc một lời ¹ được sao?”.
 Nàng rằng: “Chiếc bách ² sóng đào, ³
 Nổi chìm cũng mặc lúc nào rui may.
 Chút thân quần quai vũng lầy,
 1960 Sóng thừa còn tưởng đến rày nữa sao?
 Cũng liều một giọt mưa rào, ⁴
 Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay.
 Xót vì cầm đã bén dây, ⁵
 Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta.
 1965 Liều bài mở cửa cho ra
 Ấy là tình nặng, ấy là ơn sâu”.
 Sinh rằng: “Riêng tưởng bấy lâu,
 Lòng người nham hiểm biết đâu mà lường.
 Nửa khi giông tố ⁶ phũ phàng,
 1970 Thiệt riêng đây, cũng lại càng cực đây.
 Liều mà xa chạy *cao* bay,
 Ai ân ta có ngán này mà thôi!
 Bây giờ kẻ ngược người xuôi,
 Biết bao giờ lại nối lời nước non ⁷ ?
 1975 Dầu rằng sông cạn đá mòn ⁸,
 Con tằm đến *thác* cũng còn *vương tơ* ⁹”.

1. *Trăm năm dễ chuộc một lời*: một lời là lời Thúc sinh đã nói với Thúy Kiều: “*Trăm năm hãy cứ trông vào một ta*”. Nay lời ấy đã không giữ được thì dầu có đem trăm mạng người ra cũng không chuộc lại được.

2. *Chiếc bách*: chiếc thuyền bằng gỗ bách, chỉ thân phận người con gái bấp bênh như chiếc thuyền gỗ ở giữa dòng nước chảy.

3. *Sóng đào*: sóng to, sóng lớn.

4. *Giọt mưa rào*: Thúy Kiều cho mình như giọt mưa rào đã rơi vào nhà Hoạn Thư để rồi ra ở Quan Âm các.

Cả hai câu 1961 -1962 là ý Thúy Kiều muốn nói thân mình như hạt mưa sa, rơi vào đâu thì ở yên đó, cũng muốn ở luôn Quan Âm các mà cho thiên hạ trông vào thấy cái cảnh trở trêu ấy cũng hay.

5. *Cầm đã bén dây*: cái đàn đã hợp với sợi dây, ý nói vợ chồng đã quen hơi bén tiếng với nhau.

6. *Giông tố*: mưa to gió lớn. Cả câu ý nói sợ nhờ khi Hoạn Thư giận dữ mà gây nên chuyện bất bình.

7. *Nối lời nước non*: nối được lời thề trăm năm chung sống với nhau.

8. *Sông cạn đá mòn*: Ý nói trái qua thời gian lâu dài, đã có nhiều biến đổi.

9. *Con tằm...vương tơ*: cả câu ý nói lòng Thúc sinh không bao giờ quên được Thúy Kiều dù cho có xa cách cũng vẫn còn vương vấn.

Cùng nhau kể lẽ sau xưa ¹,
 Nói rồi lại nói, lời chưa hết lời.
 Mặt trông tay chẳng nở rời,
 1980 Hoa tì ² đã động tiếng người nẻo xa.
 Nhận ngừng ³ nuốt tủi *đứng* ra,
 Tiểu thư đâu đã *rẽ* hoa bước vào.
 Cười cười nói nói ngọt ngào ⁴,
 Hỏi: “Chàng mới ở chốn nào lại chơi?”
 1985 Dối quanh sinh mới liệu lời:
 “Tìm hoa quá bước, xem người viết kinh”.
 Khen rằng: “Bút pháp ⁵ đã tinh,
 So vào với thiếp *Lan đình* ⁶ nào thua!
 Tiếc thay lưu lạc giang hồ ⁷,
 1990 Nghìn vàng *thực* cũng nên mua lấy tài”.
 Thiên trà ⁸ cạn *nước* hồng mai, ⁹
 Thong dong nối gót thư trai ¹⁰ cùng về.
 Nàng càng e lệ ủ ê,

1. *Sau xưa*: trước sau mọi chuyện.

2. *Hoa tì*: người hầu gái ở các nhà quyền quý xưa, cũng gọi là *hoa nô*.

3. *Nhận ngừng*: nén chặn sự cảm động và ngừng ngay sự tâm tình, làm ra vẻ tự nhiên. Vì chữ *nhận ngừng* hơi khó hiểu và không được thông dụng nên bản Hồ Đắc Hàm đã chép là “*Ngại ngần nuốt tủi lãng ra*” và hai bản Bùi Khánh Diễm - Tân Đà đã chép là: “*Ngập ngừng nuốt tủi lãng ra*”.

4. *Ngọt ngào*: nói êm dịu như không, vẫn vui vẻ tươi cười làm như không có chuyện gì.

5. *Bút pháp*: phép viết, lối viết chữ Nho.

6. *Thiếp Lan đình*: Vương Hy Chi, người đời Tấn, nổi danh về chữ tốt hơn là về văn thơ nên các sách văn học sử không chép tên ông và ông cũng chỉ lưu truyền có mỗi một bài *Lan đình tập tự*. (Lan đình là tên một *cái đình bên sông Lan* Chữ xưa Vương Hy Chi và mấy người bạn hay ngâm thơ ở đó). *Bài tự tập thơ Lan đình* này ông làm rồi viết ra thiếp, văn đã hay, chữ lại đẹp, người ta gọi là *Thiếp Lan đình*.

Cả câu ý nói: chữ Thúy Kiều chép kinh rất đẹp nếu đem so với chữ của Vương Hy Chi trong thiếp Lan đình thì cũng không thua kém gì.

7. *Lưu lạc giang hồ*: ý nói bị xa lìa quê hương lang thang trôi nổi khắp nơi.

8. *Thiên trà*: (*thiên* hoặc *thuyền* chỉ nhà chùa) chén trà của nhà chùa. Bản TVK-BK.TTK đều viết *thuyền trà*.

9. *Hồng mai*: theo Hồ Đắc Hàm thì là tên một thứ trà. Sách *Loại lâm* chép rằng: Nước Tân La thuộc về châu Ấn Độ có nhiều cây hái hồng tức là trà trên núi, sắc đỏ lọt mà lá nhỏ thua lá trà tàu, nở hoa từ tháng chạp đến tháng hai, đồng thời với hoa mai nên gọi là *trà mai* hay *hồng mai*. Các sách thường giảng là nước gỗ mai già, sắc nước đỏ hồng nên gọi là *hồng mai*.

10. *Thư trai*: (*trai* là nhà thanh tịnh) phòng đọc sách, cũng như viện sách.

Rỉ tai hỏi lại hoa¹ tì trước sau.

1995 Hoa rằng: “Bà đến *đã* lâu,
Dón chân² đứng *núp* độ đầu nửa giờ.
Rành rành kê tóc chân tơ³,
Máy lời nghe hết, đã dư tỏ tường.
Bao nhiêu đoạn khổ tình thương,
2000 Nỗi ông vật vã⁴, nỗi nàng thở than.
Ngăn tôi đứng lại một bên,
Chán tai rồi mới bước lên trên lầu”.
Nghe thôi, kinh hãi xiết đầu,
Đàn bà *thế* ấy, thấy âu một người!

2005 Ấy mới gan, ấy mới tài!
Nghĩ càng thêm nỗi *sồn gai*⁵ rụng rời.
Người đâu sâu sắc nước đời.
Mà chàng Thúc phải ra người bó tay⁶!
Thực tang⁷, bất được dường này,
2010 Máu ghen ai cũng chau mày *nghiến* răng.⁸
Thế mà *im* chẳng dãi dăng⁹,
Chào mời vui vẻ, nói năng dịu dàng!
Giận dẫu¹⁰ ra dạ thế thường,
Cười *dẫu* mới thực khôn lường hiểm sâu!

1. *Hoa*: tức *hoa tì*.

2. *Dón chân*: đi nhẹ trên đầu ngón chân để không gây ra tiếng động.

3. *Kê tóc chân tơ*: ý nói nghe hết câu chuyện từng ly từng tí một, không sót điều gì.

4. *Vật vã*: ý nói giậm chân vật mình tỏ ý đau khổ.

5. *Sồn gai*: rợn ốc gai mình, ý nói kinh sợ.

6. *Thúc... bó tay*: *Thúc* là họ của Thúc Kỳ Tâm tức Thúc sinh. Chữ “*thúc*” lại có nghĩa là *bó tay* chịu thua (thúc thú) được dùng ở đây như một cách chơi chữ của Nguyễn Du.

7. *Thực tang*: quả tang, có tang chứng rõ ràng trước mắt cũng như nói bất được tại chỗ khi công việc đang xảy ra.

8. *Chau mày nghiêng răng*: ý nói tức giận lắm đến nỗi phải chau mày nghiêng răng.

9. *Dãi dăng*: nói dă động đến.

10. *Giận dẫu*: chữ *dẫu* có thể hiểu là *thế ru* hoặc cũng có thể coi như tiếng thêm lót như Tán Đà đã ghi chú.

Câu 2013-2014 là mượn ý ở câu: “*Nô giả thường tình, tiểu giả bất khả trắc dã*” của Ngưu Triều Ân (đời Đường) có nghĩa là giận ấy là tình thường, cười ấy mới không sao lường được. Ở đây Thúy Kiều nghĩ rằng thấy việc như vậy mà Hoạn Thư không tức giận như thường tình lại vẫn tươi cười vui vẻ thì thật là nham hiểm không thể lường được.

2015 Thân ta, ta phải lo âu,
 Miệng hùm, nọc rắn¹ ở đâu chốn này.
 Ví chẳng² chấp cánh cao bay,
 Rào cây³ lâu cũng có ngày bé hoa!
 Phận bèo bao quản nước sa,
 2020 Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh.
 Chín e⁴ quê khách một mình,
 Tay không chưa dễ tìm vành ấm no!
 Nghĩ đi, nghĩ lại quanh co,
 Phạt tiền sẵn có mọi đồ kim ngân.⁵
 2025 Bên mình giắt để hộ thân⁶,
 Lăn nghe canh đã một phần trống ba.
 Cát mình⁷ qua ngọn tường hoa⁸,
 Lăn đường theo bóng trăng tà về tây.
 Mịt mù dặm cát đôi cây,
 2030 Tiếng gà điểm nguyệt, dấu giày cầu sương⁹.
 Canh khuya thân gái dặm trường
 Phần e đường sá, phần thương dãi dầu.
 Trời đông vừa rặng ngàn dâu.
 Bơ vơ nào đã biết đâu là nhà!
 2035 Chùa đâu trông thấy nẻo xa,

1. Miệng hùm nọc rắn: ý nói nguy hiểm chết người.

2. Ví chẳng: ví chẳng, nếu không.

3. Rào cây: cấm cọc chung quanh để giữ gìn cho cây khỏi bị phá hoại. Cả hai câu 2017-2018 ý nói chẳng chạy trốn đi mà cứ ở lại trong sự bao vây theo dõi của Hoạn Thư thì tất cũng sẽ có ngày bị hãm hại.

4. Chín e: chỉ sợ.

5. Đồ kim ngân: chỉ chuông vàng khánh bạc.

6. Hộ thân: phòng bị cho thân mình gặp lúc khó khăn.

7. Cát mình: nhảy qua.

8. Tường hoa: tường nhà ngăn cách với ngoài đường cái, vì ở chân tường hay trồng hoa nên gọi là tường hoa. Chữ hoa cũng có khi được dùng cho đẹp lời.

9. Điểm nguyệt...cầu sương: điểm canh dưới trăng, cầu ván có sương ướt. Câu thơ này mượn ý từ hai câu thơ của Ôn Đình Quân: “Kê thanh mao điểm nguyệt, nhân tích bán kiều sương” = tiếng gà gáy ở dưới bóng trăng bên điểm có, vết chân người đi đã thấy có dấu để lại trên cái cầu gỗ có sương phủ. Câu thơ của Nguyễn Du còn tả thêm được tâm trạng của Thúy Kiều nghe tiếng gà gáy sợ trời sáng và thấy vết chân người sợ có kẻ đã đuổi theo.

Rành rành CHIÊU ÁN AM¹ ba chữ bài².
 Xăm xăm gõ mái cửa ngoài,
 Trụ trì³ nghe tiếng rước mời vào trong.
 Thấy màu ăn mặc nâu sồng,
 2040 Giác Duyên sư trưởng lành lòng liền thương.
 Gạn gùng ngành ngọn cho tường,
 Lạ lòng, nàng hãy tìm đường nói quanh:
 “Tiểu thiên⁴ quê ở Bắc Kinh.
 Qui sư, qui Phật tu hành bấy lâu.
 2045 Bản sư⁵ rồi cũng đến sau,
 Dạy đưa pháp bảo⁶ sang hầu sư huynh⁷”.
 Rày vâng diện hiến⁸ rành rành,
 Chuông vàng khánh bạc bên mình giở ra.
 Xem rồi sư mới dạy qua:
 2050 “Phải *ni* Hằng Thủy⁹ là ta hậu tình¹⁰.
 Chín e đường xá một mình,
 Ở đây chờ đợi sư huynh ít ngày”.
 Gửi thân được chốn am mây¹¹,
 Muối dưa đắp đổi tháng ngày thông dong.

1. *Chiêu Án am*: tên của chùa nhỏ này có ý nghĩa là chiêu gọi những người đi ẩn tránh.

2. *Chữ bài*: chữ đề.

3. *Trụ trì*: (*trụ*: còn đây, *trì*: giữ) trụ trì tam bảo. Phật tuy nhập Niết bàn rồi nhưng tượng Ngài còn lưu lại cũng như Phật còn mãi ở đời thế là *trụ trì Phật bảo*, kinh sách của Phật còn lưu truyền mãi ở đời thế là *trụ trì Pháp bảo*, các vị sư còn kế tục lo Phật sự thế là *trụ trì Tăng bảo*. Vì thế vị sư nào làm chủ trông nom một ngôi chùa cũng gọi là *trụ trì*.

4. *Tiểu thiên*: những người mới đi tu ở chùa gọi là *tiểu*, Thúy Kiều còn trẻ nên tự xưng như vậy.

5. *Bản sư*: sư thầy của mình.

6. *Pháp bảo*: đây chỉ các đồ thờ tức chuông vàng và khánh bạc mà Thúy Kiều đã lấy ở Quan Âm các.

7. *Sư huynh*: Thúy Kiều gọi ni Giác Duyên là *sư huynh* để tỏ ý tôn kính, coi như hơn cả sư thầy của mình.

8. *Diện hiến*: đem dâng ngay lên trước mặt.

9. *Ni Hằng Thủy*: thực ra Thúy Kiều làm gì có sư thầy nào đâu. Khi vào gặp ni sư Giác Duyên, thấy ni sư nói có quen sư huynh Hằng Thủy ở tỉnh Trấn Giang thì nhận liền ngay là phải. Như vậy chữ *尼* phiên âm là *ni* thì đúng hơn là *nơi*.

10. *Hậu tình*: (*hậu*: dầy) tình thân trọng quý mến.

11. *Am mây*: chỗ tu hành của các nhà sư xưa thường ở chỗ núi cao có mây phủ nên gọi là am mây.

- 2055 Kệ kinh¹ câu cũ thuộc lòng,
 Hương đèn việc cũ, trai phòng² quen tay.
 Sớm khuya lá bối³, phướn mây⁴,
 Ngọn đèn khêu nguyệt⁵, tiếng chày nện sương⁶.
 Thấy nàng thông tuệ⁷ khác thường,
 2060 Sư càng nể mặt, nàng càng vững chân.
 Cửa thiền⁸ vừa cũ cuối xuân,
 Bóng hoa rợp đất, vẻ ngân ngang trời⁹,
 Gió quang mây tạnh thanh thoi,
 Có người đàn việt¹⁰ lên chơi cửa già¹¹.
 2065 Giở đồ chuông khánh xem qua,
 Khen rằng: “Khéo giống của nhà Hoạn nương”.
 Giác Duyên thực ý lo lường,
 Đêm thanh mới hỏi lại nàng trước sau.
 Nghĩ rằng khôn nổi giấu mầu¹²,
 2070 Sự mình, nàng mới gót đầu bày ngay:
 “Bây giờ, sự đã dường này,
 Phận hèn, dù rủi dù may tại người”.
 Giác Duyên nghe nói rưng rờ¹³.

1. *Kệ kinh*: (*kệ*: câu kệ, câu chú, các bài thơ của nhà Phật cũng gọi là *kệ*) nói chung về kinh của đạo Phật tức những sách chép giáo lý của đức Phật.

2. *Trai phòng*: phòng tăng hoặc ni ở, phòng chay.

3. *Lá bối*: lá cây bối đa xưa dùng để chép kinh Phật; đây chỉ kinh Phật.

4. *Phướn mây*: thứ cờ của nhà Phật có bức vóc hay lụa nhiều màu rủ xuống, cũng gọi là *trường phan*. Vì lá phướn rất dài nên cột phướn phải cao và khi lá phướn gặp gió bay cao ta trông cảm tưởng như lá phướn rợp mây. Ca dao có câu: *Chùa Tàu mở hội bên Ngô, có sao bóng phướn sang chùa An Nam*.

5. *Ngọn đèn khêu nguyệt*: ý nói khêu bắc ở ngọn đèn cho sáng thêm để được tỏ như ánh trăng.

6. *Tiếng chày nện sương*: ý nói đánh chuông lúc trời còn sớm như lay động cả màn sương.

Cả câu ý nói thức khuya và dậy sớm để lo công việc trong chùa như đèn hương và tụng kinh.

7. *Thông tuệ*: thông minh sáng trí.

8. *Cửa thiền*: cửa chùa.

9. *Vẻ ngân ngang trời*: vẻ sáng của ánh trăng ngang trên trời.

10. *Đàn việt*: phiên âm của tiếng Phạn *Dānapati* có nghĩa là thí chủ tức những vị có hăng tâm hăng sán hay cúng dường cho chùa.

11. *Cửa già*: cửa chùa, phiên âm của tiếng Phạn *saṃghāmāma* (tăng già lam ma) có nghĩa là nơi thanh tịnh để tăng chúng tu hành. Chữ này sau được rút gọn là *già lam* để chỉ ngôi chùa.

12. *Giấu mầu*: giấu kín như có phép mầu nhiệm.

13. *Rưng rờ*: ý nói sợ quá chân tay như muốn rưng rờ ra.

Nửa thương, nửa sợ bồi hồi ¹ chẳng xong.
 2075 Rỉ tai mới kể sự lòng:
 “Ở đây cửa Phật là không hẹp gì.
 E chẳng những sự bất kỳ ²,
 Để nàng cho đến *thế* thì cũng thương!
 Lánh xa trước liệu tìm đường,
 2080 Ngồi chờ nước đến ³ nên dường còn quê. ⁴”
 Có nhà họ Bạc ⁵ bên kia,
 Am mây quen lối đi về dầu hương.
 Nhấn sang dặn *hết* mọi đường,
 Dọn nhà hãy tạm cho người *trú* chân ⁶.
 2085 Những mừng được chốn an thân ⁷.
 Vội vàng nào kịp tính gần, tính xa.
 Nào ngờ cùng tổ bọm già ⁸,
 Bạc bà học với Tú bà đồng môn ⁹!
 Thấy nàng *mặn* phấn *tươi* son ¹⁰,
 2090 Mừng thầm được *mối* bán buôn có lời.
 Hư không ¹¹ đặt để nên lời,
 Nàng đà *nhón nhác* ¹², rưng rờ lắm phen,
 Mụ càng *xui giục* cho *liền* ¹³,

1. *Bồi hồi*: bồn chồn ở trong lòng mà lo nghĩ không sao thôi được.

2. *Bất kỳ*: ý nói đến những tai họa có thể bất chợt xảy ra.

3. *Ngồi chờ nước đến*: theo câu tục ngữ: “*Nước đến chân mới nhảy*”, ý nói không biết lo xa, định trước.

4. *Còn quê*: còn quê mùa đại dốt.

5. *Họ Bạc*: chữ 泊 (Bạc) là họ Bạc đồng âm với chữ 薄 (bạc) là bạc tình, bạc nghĩa, bội bạc.

6. *Trú chân*: nghỉ chân ở tạm. Các bản Nôm và Quốc ngữ hầu hết đều chép là *chứa* chân. Bản Nôm *Kim Vân Kiều hợp tập* (Khải Định cứu niên) chép là 駐蹕 *trú chân*.

7. *An thân*: được yên ổn thân mình.

8. *Bọm già*: kẻ gian xảo đã lão luyện về cách đi lừa người.

9. *Đồng môn*: cùng một thầy, cùng một trường học; đây dùng theo nghĩa xấu là cùng một nghề, cùng một phường buôn phấn bán hương.

10. *Mặn phấn tươi son*: ý nói Thúy Kiều tuy để mặc mặc không trang điểm gì nhưng trông cũng có vẻ mặn phấn tươi son nghĩa là nếu có thoa phấn tô son thì cũng rất đẹp.

11. *Hư không*: ý nói không có chuyện gì.

12. *Nhón nhác*: trố bộ hoảng hốt nhìn quanh như có sự gì sắp xảy đến.

13. *Cho liền*: cho xong ngay.

- Lấy lời hung hiểm ¹, ép duyên Châu Trần ².
 2095 Rằng: “Nàng muôn dăm một thân,
 Lại mang lấy tiếng dữ gần lành xa ³.
Khéo oan gia, của phá gia ⁴,
 Còn ai dám chứa vào nhà nữa đây!
 Kíp toan kiếm chốn xe dây ⁵,
 2100 Không dưng ⁶ chứa dễ mà bay đường trời!
 Nơi gần thì chẳng tiện nơi,
 Nơi xa thì chẳng có người nào xa.
 Nay chàng Bạc Hạnh cháu nhà,
 Cũng trong thân thích ⁷ ruột rà ⁸ chẳng ai.
 2105 Cửa hàng buôn bán Châu Thai ⁹,
 Thật thà có một, đơn sai chẳng hề.
 Thế nào nàng cũng phải nghe,
 Thành thân ¹⁰ rồi sẽ liệu về Châu Thai.
 Bấy giờ ai lại biết ai ¹¹,
 2110 Dầu lòng bể rộng sông dài thênh thênh ¹².
 Nàng dù *quyết chẳng* thuận tình,
 Trái lời nẻo trước, lụy mình đến sau”.
 Nàng càng mặt ủ mày chau ¹³,
 Càng nghe mụ nói càng đau như dầm ¹⁴.

1. *Hung hiểm*: ác độc nham hiểm.

2. *Châu Trần*: duyên đôi lứa, duyên vợ chồng.

Xem chú thích câu 1458.

3. *Dữ gần lành xa*: tục ngữ có câu: “*Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa*”. Thúy Kiều ăn trộm chuông khánh của nhà Hoạn Thư thì tiếng dữ ấy cũng đồn xa đồn gần như câu tục ngữ chứ chẳng riêng gì tiếng lành. Ở đây vì phải hiệp vần nên Nguyễn Du đã đổi chữ “*xa*” ra chữ “*gần*”.

4. *Khéo oan gia, của phá gia*: ý Bạc bà muốn vu tội cho Thúy Kiều rằng không khéo nhà họ Bạc lại bị tội oan vì chứa chấp nàng, coi nàng như “*của phá gia*”.

5. *Xe dây*: xe duyên vợ chồng.

6. *Không dưng*: không làm như thế thì...

7. *Thân thích*: (*thân*: bà con bên nội *thích*: bà con bên ngoại) chỉ chung bà con họ hàng.

8. *Ruột rà*: nói tình thân cùng dòng máu.

9. *Châu Thai*: tức là Thai Châu, thuộc tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

10. *Thành thân*: thành vợ chồng.

11. *Ai lại biết ai*: ý nói không còn ai biết Thúy Kiều là Trạc Tuyền nữa.

12. *Thênh thênh*: thư thái nhẹ nhàng, không bị ràng buộc gì cả. *Cả câu* ý nói Thúy Kiều được thoát mái tự do muốn đi đâu thì đi chẳng còn lo sợ gì nữa.

13. *Mặt ủ mày chau*: tỏ vẻ buồn bã ở trong lòng.

14. *Dầm*: đập cho đến mềm ra.

- 2115 Nghĩ mình túng đất sẩy chân ¹,
 Thế cùng ², nằng mới xa gần thở than:
 “Thiếp như con én lạc đàn ³,
 Phải cung, rày đã sợ làn cây cong ⁴!
 Cùng đường dù tính chữ tòng ⁵,
 2120 Biết người, biết mặt, biết lòng làm sao?
 Nữa khi muôn một thế nào,
 Bán hùm buôn sói ⁶ chắc vào lưng đâu?
 Dù ai lòng có sở cầu ⁷,
 Tâm mình, ⁸ xin quyết với nhau một lời.
 2125 Chứng minh ⁹ có đất có trời,
 Bấy giờ vượt bể ra khơi quản gì ¹⁰ ?”
 Được lời mụ mới ra đi,
 Mách tin họ Bạc tức thì sắm sanh.
 Một nhà dọn dẹp *linh đình*,
 2130 Quét sân, đặt trác ¹¹, rửa bình, thắp nhang.
 Bạc sinh quỳ xuống vội vàng,
 Quá lời ¹² *nguyện* hết thành hoàng, ¹³ thổ công ¹⁴.

1. *Túng đất sẩy chân*: lỡ bước mà không có chỗ nương thân, ở vào bước đường cùng.

2. *Thế cùng*: ở vào hoàn cảnh bế tắc, không có lối thoát.

3. *Con én lạc đàn*: ý nói bị lạc lõng một mình, không có ai thân thích.

4. *Sợ làn cây cong*: con chim bị cung bắn thì thấy cây nào cong cũng tưởng là cây cung mà bay cao để tránh tên. Kiều Oánh Mậu có chú thích: *Kinh cung chi điều kiến khúc mộc nhi cao phi* = con chim sợ cung thấy cành cây cong cũng vội bay cao.

Cả câu ý nói Thúy Kiều đã bị mắc lừa với Mã Giám sinh một lần rồi nên lại sợ bị mắc lừa một lần nữa.

5. *Chữ tòng*: chữ *tòng phu* là theo chồng. Xem chú thích câu 506.

6. *Bán hùm buôn sói*: Kiều Oánh Mậu chú: “*Kỳ quan: mại lang mai hổ, tả khoán vô bằng*” = sách *Kỳ quan*: bán sói mua hổ viết văn tự đâu có bằng cớ. Cả câu này ý nói với những người buôn bán không có bằng cớ gì rõ rệt thì còn có thể tin vào đâu được (vì hùm sói ở trong rừng chưa săn bắn được thì làm sao có thể coi là những món hàng để đem ra mua bán).

7. *Sở cầu*: cầu điều ấy, tức muốn lấy Thúy Kiều làm vợ.

8. *Tâm mình*: thể giữ tấm lòng chung thủy với nhau.

9. *Chứng minh*: soi tỏ mà biết rõ cho, làm chứng cho.

10. *Quản gì*: không ngại gì. Cả hai câu 2125-2126 ý nói một khi đã có trời đất chứng minh cho lời thề của Bạc Hạng thì đâu có phải đi đâu nằng cùng chẳng ngại gì.

11. *Trác*: cái hương án nhỏ đặt trước bàn thờ để hương đèn.

12. *Quá lời*: ý nói Bạc Hạng khẩn nguyện với trời đất rồi còn quá lời khẩn nguyện thêm cả với thành hoàng, thổ công.

13. *Thành hoàng*: vị thần coi một khu vực như một làng hoặc một thành.

14. *Thổ công*: vị thần coi đất đai trong khu vực của một nhà nào.

Trước sân, lòng đã *giãi* lòng,
 Trong màn làm lễ *Tơ hồng*¹ kết duyên.
 2135 Thành thân mới rước xuống thuyền,
 Thuận buồm một lá², xuôi miền Châu Thai.
 Thuyền vừa đỗ bến thành thơi,
 Bạc sinh *lên* trước tìm nơi mọi ngày.
 Cũng nhà hành viện³ xưa nay,
 2140 Cũng phường bán thịt⁴, cũng tay buôn người⁵.
 Xem người định giá vừa rồi,
 Mỗi hàng một, đã ra mười thì *buông*⁶.
 Mượn người thuê kiệu rước nàng,
 Bạc đem mặt Bạc⁷ kiếm đường cho xa.
 2145 Kiệu hoa đặt trước thêm hoa⁸.
 Bên trong thấy một mụ ra vội vàng.
 Đưa nàng vào lạy gia đường⁹,
 Cũng thần mây trắng, cũng phường lầu xanh!
 Thoắt trông nàng đã biết tình,
 2150 Chim lồng¹⁰ khôn lẽ cất mình bay cao.
Chém cha cái số hoa đào¹¹,
 Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi!
 Nghĩ đời mà ngán cho đời,

1. *Lễ tơ hồng*: khi hai vợ chồng làm lễ hợp cẩn thì có cúng *thần ti hồng nguyệt lão thiên tiên*.

2. *Một lá*: chỉ chiếc thuyền nhỏ móng manh.

3. *Hành viện*: cũng như *thanh lâu* là nhà chứa gái điếm.

4. *Phường bán thịt*: chỉ bọn chứa gái điếm.

5. *Tay buôn người*: chỉ bọn đi mua con gái về ép phải làm điếm.

6. *Buông*: nhả mỗi hàng ra, chịu bán.

7. *Bạc đem mặt Bạc*: trong bản QVĐ cả hai chữ *Bạc* đều viết 泊 chỉ họ *Bạc*, trong bản KOM cả hai chữ *bạc* đều viết 薄 *bạc* là mỏng, *bạc* bèo. Theo chúng tôi nghĩ thì bản QVĐ viết đúng hơn. Cứ để chữ *Bạc* viết hoa, cho là họ là tên mà chữ thứ hai theo cách chơi chữ vẫn có cái nghĩa bóng là *bạc bèo*, *bạc ác*. Cả câu ý nói Bạc Hạnh bán được tiền xong vội đem cái mặt *bạc ác* của mình trốn đi mất không dám từ giã Thúy Kiều.

8. *Kiệu hoa... thêm hoa*: chữ *hoa* ở đây được dùng cho đẹp lời thôi.

9. *Gia đường*: gian nhà thờ tổ tiên, đây chỉ chỗ thờ tổ sư, tức thần mây trắng.

10. *Chim lồng*: Thúy Kiều biết mình đã bị bán vào tay Bạc bà rồi, ví như con chim đã bị nhốt trong lồng, thì không có cách gì trốn đi đâu được nữa.

11. *Số đào hoa*: theo sách *Tử vi đấu số* thì con gái gặp phải sao đào hoa đóng ở cung mệnh sẽ có nhiều đời chồng hoặc sẽ gặp phải cảnh giang hồ.

Tài tình chi lắm cho trời đất ghen!
 2155 Tiếc thay nước đã đánh phèn ¹,
 Mà cho bùn lại vẩn lên ² mấy lần.
 Hồng quân ³ với khách hồng quần. ⁴
 Đã xoay đến thế còn vẩn chưa tha.
 Lỡ từ lạc bước, bước ra,
 2160 Cái thân liệu những từ nhà liệu đi.
 Đầu xanh đã tội tình gì?
 Má hồng *đền* ⁵ quá nửa thì chưa thôi.
 Biết thân chạy chẳng khỏi trời,
 Cũng liều mặt phấn, cho rồi ngày xanh.
 2165 Làn *thâu* ⁶ gió mát *trăng* thanh,
 Bồng đầu có khách biên đình ⁷ *sang* chơi.
 râu hùm, *cầm én*, *mày ngài* ⁸,
 Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
 Đường đường một đấng anh hào,
 2170 Côn quyền ⁹ hơn sức, lược thao ¹⁰ gồm tài.
 Đội trời, đạp đất ở đời,

1. *Nước đã đánh phèn*: nước đã đánh phèn cho trong.

2. *Lại vẩn lên*: ý nói tấm thân đã muốn giữ cho trong sạch lại bị mắc vào vòng dơ bẩn như cũ.

3. *Hồng quân*: (*hồng*: lớn, *quân*: cái khuôn, cái bàn xoay để nặn đồ bằng đất) chỉ ông trời, đấng tạo hóa.

4. *Hồng quần*: chỉ phụ nữ vì ở bên Trung Quốc xưa kia con gái mặc quần hồng.

5. *Đền*: các bản Nôm đều viết 填 hoặc 填 thì phải phiên âm là *đền*. Cả câu ý nói cái nợ má hồng đã trả, đã *đền* quá nửa thì xuân xanh còn chưa hết.

6. *Làn thâu*: ý nói thời gian đã lần lữa qua đi khá lâu rồi.

7. *Biên đình*: chỗ biên giới xa xôi.

8. *Râu hùm, cầm én, mày ngài*: tả cái tướng của người anh hùng. Trong *Tam quốc chí diễn nghĩa*, La Quán Trung có tả tướng mạo của Quan Vân Trường: “Mình dài chín thước, râu dài hai thước, mặt như hai trái táo chắp lại mà đỏ như gấc, môi hồng như son tô, mắt phượng mày ngài, tướng mạo đường đường, uy phong lẫm lẫm”, và cũng có tả tướng mạo của Trương Phi: “Mình dài tám thước, đầu như con báo, hai mắt tròn xoe như hai cái vòng, râu hùm, cầm én, tiếng nói như sấm, sức khoẻ như ngựa chạy”. Từ Hải có “râu hùm cầm én” là tướng mạo của Trương Phi và “mày ngài” là tướng mạo của Quan Vân Trường.

9. *Côn quyền*: (*côn*: gậy, *quyền*: nắm tay) phép đánh võ bằng gậy và bằng tay, chỉ chung về tài võ nghệ.

10. *Lược thao*: (tam lược và lược thao) nói chung về tài dùng binh có cơ mưu. *Tam lược*, *Lược thao*: tên hai bộ binh thư xưa truyền là do Thái Công Vọng soạn ra. (*Lược thao*: gồm có văn thao, võ thao, long thao, hổ thao, báo thao và khuyến thao).

Họ Từ, tên Hải vốn người Việt Đông ¹.
 Giang hồ ² quen thú vẫy vùng,
 Gươm đà nửa gánh, non sông một chèo ³.
 2175 Qua chơi *nghe* tiếng nàng Kiều,
 Tấm lòng nhi nữ ⁴ *cũng* xiêu anh hùng ⁵.
 Thiếp danh ⁶ đưa đến lầu hồng,
 Hai bên cùng liếc, hai lòng *cùng* ưa.
 Từ rằng: “Tâm phúc tương cờ ⁷,
 2180 Phải người trắng gió vật vờ ⁸ hay sao?
 Bấy lâu nghe tiếng má đào
 Mắt xanh ⁹ chẳng để ai vào có không?
 Một đời được mấy anh hùng,
 Bỏ chi cá chậu chim lồng ¹⁰ mà chơi!”
 2185 Nàng rằng: “Người dạy quá lời,
 Thân này còn dám xem ai làm thường!
 Chút riêng chọn đá thử vàng ¹¹,
 Biết đâu mà gửi can tràng ¹² vào đâu?”

1. Việt Đông: thuộc tỉnh Quảng Đông ngày nay.

2. Giang hồ: sông với hồ; đây chỉ người phiêu lưu nay đây mai đó.

3. Gươm đàn... một chèo: cả câu này mượn ý ở hai câu thơ của Hoàng Sào: “*Bán kiên cung kiếm bằng thiên túng, nhất trạo giang sơn tận địa duy*” = nửa vai cung kiếm tung trời đất, một mái chèo đi khắp núi sông. Nguyễn Du đã đổi chữ “*cung kiếm*” ra là “*gươm đàn*” và cho rằng *thanh gươm* và *cây đàn* là hai vật tùy thân của người giang hồ phong lưu.

4. Nhi nữ: người con gái còn trẻ.

5. Anh hùng: người có tài có chí hơn người.

6. Thiếp danh: tấm giấy nhỏ có ghi tên họ.

7. Tâm phúc tương cờ: (*tâm*: lòng, *phúc*: bụng dạ, *tương*: cùng, *cờ* tức *kỳ*: hện) lấy tấm lòng chân thành cùng hện với nhau.

8. Vật vờ: lông bông, lang thang, không nhất tâm.

9. Mắt xanh: ý nói con mắt nhìn thẳng thắn và kính trọng. Theo *Tấn thư*, Nguyễn Tịch khi tiếp người mà ông trọng thì nhìn thẳng nên để lộ tròng mắt xanh, khi tiếp người mà ông coi rẻ thì nhìn nghiêng nên để lộ tròng mắt trắng.

Cả câu 2182 ý Từ Hải muốn hỏi xem có phải Thúy Kiều chưa để ý đến ai không hoặc chưa cho ai là người tri kỷ không?

10. Cá chậu chim lồng: chỉ hạng người tầm thường, chỉ mong sống an thân trong vòng kiềm tỏa.

11. Chọn đá thử vàng: chọn đá xem có đá quý, có ngọc không, thử vàng xem có vàng tốt không. Cả câu ý nói: riêng trong lòng cũng muốn tìm một người tử tế, một người tri kỷ trong đám khách đến chơi ở thanh lâu.

12. Can tràng: gan ruột, ý nói nỗi lòng.

Còn như vào trước ra sau,
 2190 Ai cho kén chọn vàng thau¹ tại mình?”
 Từ rằng: “Lời nói hữu tình,
 Khiến người lại nhớ câu Bình Nguyên Quân².
 Lại đây xem lại cho gần,
 Phỏng tin được một vài phần hay không?”
 2195 Thừa rằng: “Lượng cả bao dong³,
 Tấn Dương⁴ được thấy mây rồng có phen.
 Rộng thương cỏ nội hoa hèn,
 Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau”.
 Nghe lời vừa ý, gật đầu,
 2200 Cười rằng: “Tri kỷ⁵ trước sau mấy người?
 Khen cho con mắt tinh đời,
 Anh hùng đoán giữa trần ai⁶ mới già!
 Một lời đã biết đến ta,

1. *Kén chọn vàng thau*: ý nói lựa chọn kẻ tốt người xấu. Cả hai câu 2189-2190 ý nói đối với khách làng chơi thì phải “đưa người cửa trước, rước người cửa sau” đâu có quyền kén chọn kẻ tốt người xấu để tùy ý mà tiếp đâu.

2. *Câu Bình Nguyên Quân*: chỗ này Tản Đà có nhận xét rằng: “*Nhân ở trên, lời Kiều có câu*” Biết đâu mà gửi can tràng, vào đâu? “*cho nên đây có câu này lời Từ Hải; là lấy bởi hai câu thơ Đường*: “Bất tri can đảm hường thùy thị, linh nhân khước ức Bình Nguyên Quân” song mà nhận ra hơi ngang nghĩa, chỗ ngang ở một chữ “câu”.

Nhận xét ấy của Tản Đà là đúng vì chữ “câu” đây phải hiểu là “câu nói” của Bình Nguyên Quân chứ không phải “câu thơ” của Cao Thích nói về Bình Nguyên Quân. Chúng ta đã biết rằng Bình Nguyên Quân (Triệu Thắng) là một vị tướng quốc thời Chiến Quốc, có tính hào hiệp, mời khách ăn trong nhà hàng đến ba ngàn người. Khi nước Tần đem quân sang đánh kinh đô Hàm Đan, ông có kén một đoàn tùy tùng để sang cầu cứu bên nước Sở nhưng tìm mãi vẫn thiếu một người. Mao Toại cũng là thực khách trong nhà xin đi tháp tùng. Bình Nguyên Quân tỏ vẻ ngần ngại bảo rằng: “*Người có tài cũng như mũi dùi ở trong tay áo, đầu nhọn của nó tất phải thò ra. Vậy sao lâu nay không thấy ông lộ ra tài năng gì cả?*” Mao Toại trả lời: “*Chuyến này đi rồi ông sẽ thấy*”. Quả nhiên, chuyến ấy Mao Toại đã làm nên việc.

Từ Hải đã mượn câu chuyện ấy để khen nàng Kiều có con mắt tinh đời, tinh hơn cả Bình Nguyên Quân, biết được ngay Từ Hải là bậc anh hùng từ lúc còn trần ai. Vậy “*câu Bình Nguyên Quân*” đây là câu nói của Bình Nguyên Quân bảo Mao Toại chứ không phải câu thơ của Cao Thích.

3. *Bao dung*: chỉ người có độ lượng che chở cho người khác.

4. *Tấn Dương*: tên đất nay thuộc huyện Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây. Cả câu ý nói Thúy Kiều tin rằng Từ Hải sẽ làm nên được nghiệp đế như Đường Cao Tổ đã từ đất Tấn Dương dấy lên.

5. *Tri kỷ*: (tri: biết, kỷ: mình) kẻ hiểu biết lòng mình.

6. *Trần ai*: bụi bậm, ý nói lúc còn chưa làm nên, còn phải chịu gian nan khổ sở.

- Muôn chung nghìn tứ¹ cùng là có nhau!".
- 2205 Hai bên ý hợp tâm đầu²,
 Khi thân, chẳng lọ là cầu mới thân.
Ngỏ lời nói với băng nhân,
Tiền trăm lại cứ nguyên ngân³ phát hoàn⁴.
- 2210 *Buồng riêng sửa chốn thanh nhàn,*
 Đặt giường thất bảo, vây màn bát tiên⁵.
Trai anh hùng, gái thuyền quyên,
Phỉ nguyên sánh phượng⁶, đẹp duyên cưới rông⁷.
Nửa năm hương lửa đương nồng,
Trượng phu⁸ thoát đã động lòng bốn phương⁹;
- 2215 *Trông vờ trời bể mệnh mang,*
Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng giông.
Nàng rằng: "Phận gái chữ tòng,
Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi".
Từ rằng: "Tâm phúc tương tri¹⁰,
- 2220 Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình¹¹?
Bao giờ mười vạn tinh binh¹²,

1. *Muôn chung nghìn tứ*: (*chung*: đồ dùng đóng thóc đựng được 6 hộc 4 đấu, *tứ*: xe đóng bốn ngựa) muôn chung thóc, nghìn cỗ xe bốn ngựa, ý nói được quyền cao chức trọng giàu sang phú quý.

2. *Ý hợp tâm đầu*: (*đầu*: hợp) ý hợp với nhau, lòng hợp với lòng, tức tình ý hoàn toàn hợp nhau.

3. *Nguyên ngân*: nguyên số bạc đã bỏ ra mua Thúy Kiều.

4. *Phát hoàn*: đưa trả lại.

5. *Màn bát tiên*: màn có thêu tám vị tiên là Lã Động Tân, Tào Quốc Cửu, Hà Tiên Cô, Hàn Tương Tử, Lý Thiết Quái, Chung Ly Muội, Lam Thái Hòa, Trương Quả Lão. Trong tám vị tiên này chỉ có Hà Tiên Cô là đàn bà.

6. *Sánh phượng*: ý nói sánh đôi vợ chồng. Do câu "*phượng hoàng vu phi, hòa mình tương tương*" (chim phượng chim hoàng cùng bay, tiếng hát hòa nhau nghe vang vang).

7. *Cưới rông*: ý nói lấy được chồng xứng đáng.

Theo *Sở quốc tiên hiền truyện*, Hoàng Hiếu và Lý Ứng là hai danh sĩ đời Hậu Hán đều lấy con gái thái úy Hoàn Yên. Người đời khen rằng con gái của thái úy được cưới rông.

8. *Trượng phu*: người đàn ông có chí khí lớn.

9. *Động lòng bốn phương*: có ý đi lập nghiệp lớn, tung hoành bốn phương để phi chí tang bồng.

10. *Tâm phúc tương tri*: lòng dạ cùng hiểu nhau.

11. *Nữ nhi thường tình*: cái tình thông thương của phụ nữ là hay lưu luyến trước ảnh chia ly.

12. *Tinh binh*: quân lính tinh nhuệ.

Tiếng *chiêng* dậy đất, bóng tình¹ rợp đường.
Làm cho rõ mặt phi thường²,
Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia³.

2225 Bằng nay bốn bể không nhà,
Theo càng thêm bạn biết là đi đâu?
Đành lòng chờ đó ít lâu,
Chầy chăng là một năm sau vội gì?”
Quyết lời dứt áo ra đi,

2230 Gió mây bằng đã đến⁴ kỳ dạm khời⁵,
Nàng từ chiếc bóng song mai⁶,
Đêm thu trăng trắng *nhật* cài⁷ then mây⁸.
Sân rêu chẳng vẽ dấu giày⁹,
Cỏ cao hơn thước, liễu gầy vài phân.

2235 Đoái *trông* muôn dặm tử phần¹⁰,
Hồn quê theo ngọn mây Tần¹¹ xa xa.
Xót thay huyên cỗi xuân già¹²,
Tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi?
Chốc đà mười mấy năm trời,

1. *Bóng tình*: bóng cờ.

2. *Phi thường*: khác thường, ý nói người thường không bì kịp, cũng như *xuất chúng*.

3. *Nghi gia*: (*nghi*: nên, *gia*: nhà) chữ lấy trong *Kinh Thi*, bài *Đào yêu* (Chu Nam): “*Chi tử vu quy, nghi kỳ gia thất*” = nàng ấy đi lấy chồng thì ắt thuận hòa êm ấm cảnh gia đình, chữ *nghi gia* được dùng để nói về người con gái đi lấy chồng.

4. *Gió mây bằng đã...*: (*bằng*: chim bằng) ý nói người anh hùng đã tới kỳ tung hoành như chim bằng gặp gió lướt mây bay tới vạn dặm. *Chim bằng* đây chỉ Từ Hải.

5. *Dạm khời*: dạm xa.

6. *Song mai*: cửa sổ, chữ *mai* được dùng cho đẹp lời và cũng để hiệp vận chứ không nhất thiết phải có cây mai ở bên cạnh cửa sổ.

7. *Nhật cài*: cài chặt, cài cẩn thận.

8. *Then mây*: then cửa. Chữ *mây* được thêm vào cho đẹp lời cũng như *then hoa*.

9. *Chẳng vẽ dấu giày*: ý nói ít người lui tới.

10. *Tử phần*: chỉ quê nhà. Chữ *tử* lấy ở *Kinh Thi*: “*Duy tang dữ tử, tất cung kính chi*” = cây dâu và cây tử do cha mẹ trồng tất phải cung kính giữ gìn.

Chữ *phần* do tên làng của Hán Cao Tổ là *Phân Du* ở ấp Phong. Khi đã lên ngôi vua, Cao Tổ có về quê cúng lễ. Người đời sau mới dùng chữ đó để chỉ quê hương.

11. *Mây Tần*: mây trên núi Tần Lĩnh, ý nói đến sự nhớ nhà. Thơ Hàn Dũ có câu “*Vân hoành Tần Lĩnh gia hà tại*” = mây kéo ngang núi Tần Lĩnh, nhà ta ở chỗ nào?

12. *Huyên cỗi xuân già*: xuân huyên chỉ cha mẹ (xem chú thích câu 759), đây nói cha mẹ đã già cả rồi.

- 2240 Còn ra khi đã da mồi tóc sương¹.
 Tiếc thay chút nghĩa cũ càng,
 Dầu lia *ngó ý*² còn vương tơ lòng.
 Duyên em dầu nối *chỉ hồng*³,
 May ra khi đã tay bông tay mang.
- 2245 Tác lòng cố quốc⁴ tha hương⁵,
 Đường kia nổi nọ ngổn ngang bởi bởi.
 Cánh hồng⁶ bay bổng tuyệt vời,
 Đã mòn con mắt⁷ phương trời đăm đăm.
 Đêm ngày luống những âm thầm,
 2250 Lửa binh đâu đã âm ẩm một phương.
 Ngát trời sát khí⁸ mơ màng,
 Đây sông kinh ngạc⁹, chạt đường giáp binh¹⁰.
 Người quen *kẻ thuộc* chung quanh,
Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.
- 2255 Nàng rằng: “Trước đã hẹn lời,
 Dầu trong nguy hiểm dám dời ước xưa¹¹!”
 Còn đang dưng dăng¹² ngẩn ngơ,

1. *Da mồi tóc sương*: da lốm đốm như màu mai đôi mồi, tóc trắng như sương, ý nói đã già lắm rồi.

2. *Ngó ý*: ngó sen (đúng ra chữ ý là tim dăng trong hạt sen) *Cả câu ý* nói dầu phải lia xa nhau nhưng vẫn vương vấn nhớ nhau như ngó sen tuy bị bẻ gãy làm đôi mà tơ trong lòng vẫn vương lấy nhau.

3. *Nối chỉ hồng*: chấp mối duyên với Kim Trọng.

4. *Cố quốc*: nước cũ tức quê hương.

5. *Tha hương*: (*tha*: khác; *hương*: làng) ý nói ở nơi đất khách quê người.

6. *Cánh hồng*: (*hồng*: loài ngỗng trời) cánh chim hồng, ý nói người anh hùng tung hoành bốn phương như cánh chim hồng bay bổng.

7. *Mòn con mắt*: ý nói trông chờ đã lâu lắm mà không thấy.

8. *Sát khí*: cái vẻ dữ dội của cuộc chém giết do chiến tranh gây ra.

9. *Kinh ngạc*: (*kinh*: cá mập, *ngạc*: cá sấu) hai thứ cá dữ, ví với quân giặc dữ tợn.

10. *Giáp binh*: (*giáp*: áo giáp, *binh*: binh khí) nói chung là binh khí, dưng rộng, nghĩa là để chỉ binh sĩ có trang bị khí giới.

11. *Ước xưa*: Từ Hải khi ra đi có dặn Thúy Kiều ở lại, chờ ngày nghi gia nên dù có binh lửa nàng cũng giữ *ước xưa* không dám đi chỗ khác.

12. *Dưng dăng*: tức dưng dăng, ngập ngừng chưa biết quyết định làm sao.

Mái ngoài đã thấy bóng cờ tiếng la ¹.
 Giáp binh kéo đến quanh nhà,
 2260 Đồng thanh ² cùng gửi ³: “Nào là phu nhân?”
 Hai bên mười vị tướng quân,
 Đặt gươm cởi giáp trước sân khấu đầu ⁴.
 Cung nga thể nữ ⁵ nói sau,
 Rằng: “Vâng lệnh chỉ ⁶ rước châu vu qui ⁷”.
 2265 Sẵn sàng phượng liễu loan nghi ⁸,
 Hoa quan ⁹ chấp chơi ¹⁰, hà y ¹¹ rỡ ràng.
 Dựng cờ, nổi trống lên đàn,
 Trúc tơ nổi trước, kiệu vàng kéo sau.
 Hỏa bài ¹² tiền lộ ¹³ ruổi mau,
 2270 Nam đình ¹⁴ nghe động trống châu đại doanh ¹⁵.
 Kéo cờ lũy, phát súng thành,
 Từ công ra ngựa thân nghênh ¹⁶ cửa ngoài.

1. *La*: thanh la, một thứ nhạc khí như cái chiêng, mặt tròn và phẳng. Các bản Nôm đều viết 鈐 (la). Bản Hồ Đắc Hàm và bản Tấn Đà chép là *loa*, tức là thứ ống bằng đồng, một đầu nhỏ một đầu loe rộng để làm cho tiếng vang to ra, trong quân ngũ thường dùng để truyền lệnh.

2. *Đồng thanh*: cùng lên tiếng.

3. *Gửi*: tức thưa gửi, tỏ ý cung kính.

4. *Khấu đầu*: làm lễ cúi đầu sát đất. *Kinh Lễ* có nói: Người đội mũ trụ và mặc áo giáp thì không lạy ai bao giờ, cho nên mười vị tướng quân phải bỏ gươm ra và cởi áo giáp rồi mới làm lễ.

5. *Cung nga thể nữ*: gọi chung những người con gái hầu hạ ở trong cung vua.

6. *Lệnh chỉ*: lệnh của nhà vua hoặc chiếu chỉ của nhà vua, đây là lệnh của đại vương Từ Hải.

7. *Vu qui*: (*vu*: đi, *qui*: về) con gái về nhà chồng.

Rước châu vu qui: chữ *châu* đây được dùng để bày tỏ sự tôn kính đối với Thúc Kiền nay đã là một vương phi.

8. *Phượng liễu loan nghi*: kiệu có trang hoàng hình chim phượng và đồ nghi trượng có trang hoàng chim loan, chỉ chung nghi vệ của vương phi.

9. *Hoa quan*: mũ có bông vàng chạm kết ở trên.

10. *Chấp chơi*: lung linh sáng, nói những bông vàng hoặc đá quý rung rinh lấp lánh.

11. *Hà y*: (*hà*: rắng, *y*: áo) áo sắc đẹp rực rỡ như sắc rắng trời màu hồng tía.

12. *Hỏa bài*: (*hỏa*: lửa, *bài*: cái thẻ bài) cái thẻ bài trên có cột lửa để đi đòi việc quân cho mau.

13. *Tiền lộ*: đi phía trước.

14. *Nam đình*: triều đình ở phương Nam, tức dinh của Từ Hải đóng quân.

15. *Đại doanh*: doanh trại lớn của Từ Hải.

16. *Thân nghênh*: đích thân mình ra đón.

Rõ mình lạ vé cân đai¹,
 Hãy còn cầm én mày ngài như xưa.
 2275 Cười rằng: “Cá nước duyên ưa²,
 Nhớ lời nói những bao giờ hay không?
 Anh hùng mới biết anh hùng,
 Rày xem phỏng đã cam lòng³ ấy chưa!”
 Nàng rằng: “Chút phận ngây thơ⁴,
 2280 Cũng may dây cát⁵ được nhờ bóng cây.
 Đến bây giờ mới thấy đây,
 Mà lòng đã chắc những ngày một hai⁶”.
 Cùng nhau trông mặt cả cười⁷,
 Đan tay về chốn trướng mai⁸ tự tình⁹.
 2285 Tiệc bày thưởng tướng khao binh¹⁰,
 Om thòm trống trận, rập rình nhạc quân.
 Vinh hoa¹¹ bỏ lúc phong trần¹²,
 Chữ tình ngày lại thêm xuân¹³ một ngày.
 Trong quân có lúc vui vầy,
 2290 Thong dong mới kể sự ngày hàn vi¹⁴:
 “Khi Vô Tích¹⁵, khi Lâm Truy¹⁶,

1. *Rõ mình lạ vé cân đai*: ý nói Từ Hải mang mũ áo cân đai trông rực rỡ chắc là Thúy Kiều phải lấy làm lạ.

2. *Cá nước duyên ưa*: duyên may mắn. Ca dao có câu: “*Tình cờ bắt gặp nàng đây, như cá gặp nước như mây gặp rồng*”.

3. *Cam lòng*: thỏa lòng mong đợi.

4. *Ngây thơ*: trẻ dại.

5. *Dây cát*: thứ dây leo chỉ sống nhờ cây lớn. Xem chú thích câu 902, chữ *cát đằng*. Đây Thúy Kiều nói mình cũng như thứ cây leo chỉ mong được sự bao dung của Từ Hải.

6. *Một hai*: ý nói chắc chắn, không thể thay đổi được, một cách cương quyết, hoàn toàn tin tưởng.

7. *Cả cười*: cười lớn tiếng.

8. *Trướng mai*: màn có thêu hoa mai, đây chỉ phòng riêng của hai vợ chồng. Chữ *mai* cũng có thể chỉ được dùng cho đẹp lời như *trướng đào*, *trướng hổ*, *trướng hồng*...

9. *Tự tình*: (tự: bày tỏ) chuyện trò bày tỏ tình cảm với nhau.

10. *Khao binh*: thưởng cho quân sĩ được ăn uống rượu chè.

11. *Vinh hoa*: vẻ vang sung sướng.

12. *Phong trần*: khổ sở vất vả.

13. *Thêm xuân*: thêm đầm ấm.

14. *Hàn vi*: (hàn: lạnh, vi: nhỏ) lúc còn chưa làm nên, lúc còn nghèo hèn.

15. *Vô Tích*: nơi Thúy Kiều bị Hoạn Thư bắt về hành hạ. Tú bà đánh đập, lừa gạt bắt phải tiếp khách.

16. *Lâm Truy*: nơi Thúy Kiều bị Mã Giám Sinh lừa gạt mang về lầu xanh của mu Tú bà.

Nơi thì lừa đảo¹, nơi thì xót thương².
Tấm thân rày đã nhẹ nhàng,
Chút còn ân oán đôi đường chưa xong”.
2295 Từ công nghe nói thủy chung³,
Bất bình nổi trận đùng đùng sấm vang,
Nghiêm quân⁴ *tuyển* tướng sẵn sàng,
Dưới cờ một lệnh vội vàng ruổi sao⁵.
Ba quân⁶ chỉ ngọn cờ đào⁷,
2300 Đao ra Vô Tích⁸, đao vào Lâm Truy.
Mấy người phụ bạc⁹ xưa kia,
Chiếu danh¹⁰ *tầm* nã¹¹ *bắt* về hỏi tra.
Lại sai lệnh tiễn¹² truyền qua,
Giữ *giàng* họ Thúc một nhà cho yên.
2305 Mụ *quản* gia, vãi Giác Duyên,
Cũng sai lệnh *tiễn* đem tin rước mời.
Thệ sư¹³ kể hết mọi lời,
Lòng lòng cũng giận, người người chấp uy¹⁴.
Đao trời báo phục¹⁵ chĩnh ghê¹⁶,
2310 *Khéo thay một mẻ tóm về đây nơi!*

1. *Lừa đảo*: Kiều đã bị Mã Giám sinh, Sở Khanh, Bạc Hạng lừa gạt.

2. *Xót thương*: Kiều đã được Mã Kiều, bà quản gia, sư Giác Duyên thương xót.

3. *Thủy chung*: (*thủy*: bắt đầu, mới; *chung*: cuối cùng, hết) đầu đuôi câu chuyện.

4. *Nghiêm quân*: ra lệnh cho quân sĩ phải nghiêm chỉnh hàng ngũ.

5. *Ruổi sao*: chạy mau như sao băng, do chữ *trình* dịch ra.

6. *Ba quân*: ba đạo quân theo tổ chức binh đội xưa gồm tiền quân, trung quân và hậu quân; đây chỉ quân sĩ.

7. *Cờ đào*: cờ đỏ, cờ hiệu của quân đội.

8. *Vô Tích*: một huyện thuộc phủ Thường Châu, tỉnh Giang Tô.

9. *Phụ bạc*: phụ tình ở bạc.

10. *Chiếu danh*: chiếu theo tên.

11. *Tầm nã*: tìm bắt.

12. *Lệnh tiễn*: tên cây cờ, giữa lá cờ có viết chữ 令 (*lệnh*) và trên đầu cán cờ có hình mũi tên để làm hiệu lệnh cho việc hành quân, cờ này có nghĩa là lệnh quân đi mau như tên.

13. *Thệ sư*: (*thệ*: thề, *sư*: quân) lời tuyên thệ trước lúc xuất quân, lời hiệu dụ trước khi xuất quân.

14. *Chấp uy*: chấp hành nghiêm lệnh.

15. *Báo phục*: báo trả lại, tức ân trả ân, oán trả oán.

16. *Chĩnh ghê*: (*chĩnh*: vốn) vốn thật đáng sợ.

Quân trung¹ gươm lớn giáo dài,
 Vệ trong thị lập², cơ³ ngoài song phi⁴,
 Sẵn sàng tề chỉnh uy nghi,
 Bác đồng⁵ chập đất, tinh kỳ⁶ rợp sân.
 2315 Trưởng hùm⁷ mở giữa trung quân,
 Từ công sánh với phu nhân cùng ngồi.
 Tiên nghiêm⁸ trống chửi dứt hồi,
 Điểm danh trước dẫn trực ngoài cửa viên⁹.
 Từ rằng: “Ân oán hai bên,
 2320 Mặc nàng xử quyết¹⁰ báo đền cho minh”.
 Nàng rằng: “Nhờ cậy uy linh,
 Hãy xin báo đáp ân tình cho phu¹¹.
 Báo ân rồi sẽ trả thù”.
 Từ rằng: “Việc ấy phó cho mặc nàng”.
 2325 Cho gươm mời đến Thúc lang,

1. *Quân trung*: trong chỗ đóng quân.

2. *Vệ... cơ*: (*vệ* là toán quân năm trăm người, *cơ* là một toán quân) nói chung các đơn vị trong quân đội.

3. *Thị lập*: (*thị*: chầu, *lập*: đứng) đứng chầu, đứng đầu.

4. *Song phi*: (*song*: sóng đôi, *phi*: mở) mở ra hai hàng, dàn ra làm hai hàng.

5. *Bác đồng*: (*bác*: súng lớn) súng lớn bằng đồng.

Bản HĐH chép là *vác đồng* (lưỡi mác và chiếc lao) bản TVK chép là *vác đồng* và chú là binh khí. Câu 2510 cũng có chữ *bác đồng*: “Lễ nghi dàn trước, *bác đồng* phục sau”. Chữ “*bác đồng*” đúng hơn “*vác đồng*” vì sau đó ở câu 2514, Hồ Tôn Hiến đã ra lệnh “Ba bề *phát súng*, bốn bên kéo cờ”.

6. *Tinh kỳ*: (*tinh*: cờ hiệu, cờ có ngũ lông ở trên đầu, *kỳ*: cờ) cờ xí, nói chung các thứ cờ của từng cơ vệ.

7. *Trưởng hùm*: do chữ *hổ trưởng*, bức màn da hổ chỉ chỗ ngồi chỉ huy của ông tướng, nơi bàn việc quân cơ.

8. *Tiên nghiêm*: hồi trống đánh để ra lệnh nghiêm chỉnh quân sĩ và ra uy cho mọi người phải tôn trọng quân lệnh.

9. *Cửa viên*: (*viên*: cang xe) chỗ đóng quân có quây các xe lại làm thành hàng rào và có dựng cang hai xe làm cửa ra vào.

10. *Xử quyết*: xét xử quyết định.

11. *Cho phu*: cho bố, cho đáng, cho thỏa.

Mặt như chàm đỏ¹, mình dường đế giun².
 Nàng rằng: “Nghĩa *trọng* nghìn non,
 Lâm Truy người cũ chàng còn nhớ không?
 Sâm Thương³ chẳng vẹn chữ tòng,
 2330 Tại ai, há dám phụ lòng cố nhân⁴?
 Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân,
 Tạ lòng dễ xứng báo ân gọi là.
 Vợ chàng quỉ quái tinh ma,
 Phen này kẻ cấp bà già gặp nhau⁵
 2335 Kiến bò miệng chén chưa lâu⁶,
 Mưu sâu *cũng* trả nghĩa sâu cho vừa!”
 Thúc sinh trông mặt bấy giờ,
 Mồ hôi chàng đã như mưa *ướt dầm*.
 Lòng riêng mừng sợ không cầm,
 2340 Sợ thay⁷ mà lại mừng thầm cho ai⁸!

1. *Mặt như chàm đỏ*: ý nói sợ xanh cả mặt lại như bị chàm đỏ vào.

2. *Mình dường đế giun*: ý nói sợ lắm run rẩy cả tay chân. Ta thường nói *sợ chết run chết đế*. Câu này bản BK-TTK, BKD, NVV chép là: “*Mặt như chàm đỏ, mình dường giẽ giun*. Nguyễn Văn Vĩnh dịch *giẽ giun* sang tiếng Pháp là *bécassine*. Trương Vĩnh Ký phiên âm là: “*Mặt như chàm đỏ, thân dường cây run*” Trần Ngươn Hanh trong bản Abel des Michels đã viết chữ Nôm, “cây run” là 猓 敦 Như vậy chữ *cây* viết theo bộ *khuyển*, chữ *giẽ* viết theo bộ *trùng* nên Hồ Đắc Hàm và Ứng Dụ đã phiên âm là “*đế*”. (Hồ Đắc Hàm viết sai chính tả là *rế*).

3. *Sâm Thương*: tức sao mai và sao hôm, hai ngôi sao ấy cứ ngôi này mọc thì ngôi kia lặn, không bao giờ gặp nhau. Đây ý nói Thúy Kiều và Thúc sinh không bao giờ sum họp được nữa, sẽ bị cách biệt mãi.

4. *Cố nhân*: người thân cũ.

5. *Kẻ cấp bà già gặp nhau*: ngạn ngữ có câu “*bà già bắt được kẻ cấp*” nói sự bất ngờ mà xảy ra, cũng là chuyện lạ hiếm có, thật tức cười.

6. *Kiến bò miệng chén chưa lâu*: con kiến bò quanh miệng chén chưa lâu, cũng chỉ quanh quẩn đấy thôi, ý nói Hoạn Thư có chạy đi đâu cũng chẳng thoát vì đã nằm trong vòng giam hãm của Thúy Kiều rồi.

7. *Sợ thay*: sợ cho Hoạn Thư thay.

8. *Cho ai*: cho Thúy Kiều. Thúc sinh mừng thầm cho Thúy Kiều nay được hiển vinh.

Mục già ¹, sư trưởng ² thứ hai ³,
 Thoát đưa đến trước, vội mời lên trên.
 Dắt tay mở mắt cho nhìn.
 “Hoa Nô kia với Trạc Tuyên cũng tôi!
 2345 Nhớ khi lỡ bước sẩy vời ⁴,
 Non vàng chữ dễ đền bồi tấm thương.
 Nghìn vàng gọi chút lễ thường.
 Mà lòng *Phiếu mẫu* ⁵ mấy vàng cho cân!”
 Hai người trông mặt tần ngần,
 2350 Nửa phần khiếp sợ, nửa phần mừng vui.
 Nàng rằng: “Xin hãy rón ngôi,
 Xem cho rõ mặt, biết tôi báo thù!”.
 Kíp truyền chư tướng hiến phù ⁶.
 Lại đem các tích ⁷ phạm đồ ⁸ hậu tra ⁹.
 2355 Dưới cờ gươm tuốt nắp ra,
 Chính danh thủ phạm ¹⁰ tên là Hoạn Thư!
 Thoát trông nàng đã chào thưa:
 “Tiểu thư ¹¹ cũng có bây giờ đến đây!”
 Đàn bà dễ có mấy tay,
 2360 Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan ¹²!

1. *Mục già*: tức mục quán gia.

2. *Sư trưởng*: tức ni sư Giác Duyên.

3. *Thứ hai*: thứ nhất là Thúc sinh được mời vào trước rồi đến mục già và sư trưởng được mời vào là thứ hai.

4. *Sẩy vời*: lỡ hụt chân mà bị ngã, ý nói bị sa vào cảnh khổ.

5. *Phiếu mẫu*: (*phiếu*: đập vãi bằng cái chày để giặt). Hàn Tín lúc còn hàn vi, đi cầu ở dưới thành, một hôm đói quá, gặp một bà già giặt quần áo cho ăn một bữa cơm. Hàn Tín sau theo giúp Hán Cao Tổ, được lập làm Sở Vương, đóng đô ở Hạ Bì, nhớ đến bà *Phiếu mẫu* (bà già giặt quần áo) đã đem nghìn vàng đến để tạ ơn.

Lòng Phiếu mẫu: lòng tốt giúp người trong lúc hoạn nạn.

6. *Hiến phù*: (*hiến*: dâng nộp, *phù*: người bị bắt) dẫn tù ra, dẫn kẻ có tội đến.

7. *Các tích*: các bản ghi tội của những phạm nhân, các án tích.

8. *Phạm đồ*: (*phạm*: người có tội, *đồ*: kẻ bị đi đày) kẻ phạm tội bị bắt giữ.

9. *Hậu tra*: (*hậu*: chờ, *tra*: xét hỏi) còn chờ để xét hỏi tội.

10. *Chính danh thủ phạm*: chính tên có tội nặng nhất đứng đầu hàng phạm nhân, khác với các tòng phạm chỉ là những tên đồng lõa. Đây Hoạn Thư là thủ phạm, còn tòng phạm là các tên tay sai như bọn Khuyển, Ưng.

11. *Tiểu thư*: đây dùng có ý mỉa mai.

12. *Mấy tay, mấy mặt, mấy gan*: ý nói mấy người nhưng dùng để chỉ những hạng người ghê gớm, đáng sợ.

Dễ dàng là thói hồng nhan ¹,
 Càng cay nghiệt ² lắm, càng oan trái ³ nhiều".
 Hoạn Thư *hồn lạc* phách xiêu ⁴.
 Khấu đầu dưới trướng *liệu* điều kêu ca.
 2365 Rằng: "Tôi chút phận đàn bà,
 Ghen tuông thì cũng người ta thường tình.
 Nghĩ cho khi *gác* viết kinh ⁵,
 Với *khi* khỏi cửa dứt tình chẳng theo ⁶.
 Lòng riêng, riêng những kính yêu,
 2370 Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai!
 Trót *lòng* gây việc chông gai,
 Còn nhờ lượng bể ⁷ thương bài nào chẳng!".
 Khen cho: "*Thật* đã nên rằng,
 Khôn ngoan đến mực, nói năng phải lời.
 2375 *Tha* ra thì cũng may đời,
 Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen.
 Đã lòng tri quá ⁸ thời nên!".
 Truyền quân lệnh ⁹ xuống trướng tiền ¹⁰ tha ngay.
 Tạ lòng lay trước sân mây,
 2380 Cửa *viên* ¹¹ lại dặt một dây dẫn vào.
 Nàng rằng: "Lồng lộng trời cao,
 Hại nhân, nhân hại ¹², sự nào tại ta?
 Trước là Bạc Hạnh, Bạc bà,
 Bên là Ứng, Khuyển *bên* là Sở Khanh.

1. *Thói hồng nhan*: thói đàn bà thường ăn ở dễ dàng với mọi người.

2. *Cay nghiệt*: khát khe, độc ác.

3. *Oan trái*: (*trái*: nợ) nợ do việc làm ác của mình gây ra.

4. *Hồn lạc phách xiêu*: hồn phách xiêu lạc, ý nói sợ quá mất cả tinh thần.

5. *Khi gác viết kinh*: ý nhắc lại việc bắt được quả tang Thúc sinh ra thăm Thúy Kiều ở Quan Âm các mà không ghen tuông.

6. *Khỏi cửa... chẳng theo*: ý nhắc lại việc Thúy Kiều bỏ trốn Quan Âm các lấy trộm chuông vàng khánh bạc mà không cho người đuổi theo.

7. *Lượng bể*: lòng khoan dung rộng như bể.

8. *Tri quá*: biết lỗi.

9. *Quân lệnh*: mệnh lệnh trong quân đội.

10. *Trướng tiền*: trước trướng (màn), tức trước chỗ ngồi xử án, nơi Từ Hải đặt bộ chỉ huy.

11. *Cửa viên*: cửa ra vào nơi đóng quân.

Xem thêm *chú thích* câu 2318.

12. *Hại nhân nhân hại*: hại người thì bị người hại lại.

2385 Tú bà với Mã Giám sinh,
 Các tên tội ấy đáng tình còn sao?"
 Lệnh quân truyền xuống *nội đao*¹,
 Thề sao² thì lại cứ sao gia hình³.
 Máu rơi thịt nát tan tành,
 2390 Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời.
 Cho hay muôn sự tại trời,
 Phụ người chẳng bỏ khi người phụ ta!
 Mấy người bạc ác tính ma,
 Minh làm mình chịu, kêu mà ai thương!
 2395 Ba quân đông mặt pháp trường⁴,
 Thanh thiên bạch nhật⁵ rõ ràng cho coi,
 Việc nàng báo phục⁶ vừa rồi,
 Giác Duyên vội đã gửi lời từ quy⁷.
 Nàng rằng: "Thiên tải nhất thì⁸,
 2400 Cố nhân đã dễ mấy khi bàn hoàn⁹.
 Rồi đây bèo hợp mây tan¹⁰,

1. *Nội đao*: quân lính giữ việc chém người có tội bị hành hình, cũng như nói *quân đao phủ*.

2. *Thề sao*: ý nhắc lại các lời thề của Mã Giám sinh, Tú bà, Sở Khanh, Bạc Hạnh khi trước.

3. *Gia hình*: thi hành hình phạt đối với tội nhân. Nguyễn Du đã không theo *nguyên truyện* khi để cho Thúy Kiều tha tội Hoạn Thư và không nói gì đến Kế thị (mẹ Hoạn Thư).

Theo *nguyên truyện* thì: "Vương phu nhân lại truyền cho tả hữu đem Kế thị (mẹ Hoạn Thư) ra nọc đánh 30 roi. Quân lính sắp ra tay thì Hoạn Thư xin chịu đòn thay và mụ quản gia... xin tình nguyện thay chết cho nhũ mẫu. Vương phu nhân nể lời mụ quản gia tha tội cho Kế thị... nhưng Kế thị sợ quá đã chết ngay tức thì.

Vương phu nhân lại truyền lệnh đem Hoạn Thư ra, lột trần áo xiêm, chỉ để cho một cái khố, buộc tóc lên xà nhà rồi sai đánh 100 trượng... Hoạn Thư luôn luôn giãy giụa kêu trời, toàn thân chẳng còn miếng da nào lành lặn".

4. *Pháp trường*: chỗ thi hành pháp lệnh chém những tội nhân bị án tử hình.

5. *Thanh thiên bạch nhật*: (*thanh*: xanh, *thiên*: trời, *bạch*: trắng, *nhật*: ngày) ý nói chính giữa ban ngày ai ai cũng thấy rõ.

6. *Báo phục*: trả lại điều thù oán, đây ý nói đến việc báo thù các người đã xử ác với mình khi trước.

7. *Từ quy*: từ giã ra về.

8. *Thiên tải nhất thì*: (*tải*: năm) nghìn năm mới có một lần.

9. *Bàn hoàn*: nói chuyện với nhau, tâm sự với nhau. *Tương dữ bàn hoàn*: chuyện vãn cùng nhau, vui chơi cùng nhau (ĐNQATV).

10. *Bèo hợp mây tan*: ý nói mối gặp nhau đã lìa xa nhau ngay ví như bèo mây hợp lại rồi lại tan đi ngay.

Biết đâu hạc nội *mây* ngàn ¹ là đâu?
 Sư rằng cùng chẳng *bao* lâu,
 Trong năm năm lại gặp nhau đó mà.
 2405 Nhớ ngày hành cước ² phương xa,
 Gặp sư Tam Hợp vốn là tiên tri ³.
 Bảo cho hội ngộ chi kỳ ⁴,
 Năm nay là một, nữa thì năm năm.
 Mới hay tiên định ⁵ chẳng lằm,
 2410 Đã tin điều trước, ắt nhằm *điều* sau.
 Còn nhiều ân ái ⁶ với nhau,
 Cơ duyên ⁷ nào đã hết đâu vội gì?"
 Nàng rằng: "Tiên định tiên tri.
 Lời sư đã dạy ắt thì chẳng sai.
 2415 Họa bao giờ có gặp người,
 Vì tôi cậy hỏi một lời chung thân ⁸".
 Giác Duyên vâng *dặn* ân cần,
 Tạ từ thoát đã dời chân côi ngoài.
 Nàng từ ân oán rạch rời ⁹,
 2420 Bể oan dường đã vơi vơi *cạnh* lòng.
 Tạ ân lay trước Từ công:
 Chút thân bồ liễu ¹⁰ nào mong có rày!
 Trộm nhờ sấm sét ra tay.
 Tắc riêng như cát gánh đầy đổ đi,
 2425 Khắc xương ghi dạ ¹¹ tiết chi,

1. *Hạc nội mây ngàn*: ý nói Giác Duyên thường đi nay đây mai đó như hạc ở cánh đồng, mây ở trên ngàn (rừng trên núi cao) không ở yên một chỗ.

2. *Hành cước*: (*hành*: đi; *cước*: gót chân) đi bộ, chỉ việc các tăng ni đi học đạo hoặc truyền đạo cho các tín đồ.

3. *Tiên tri*: đoán trước được các việc sẽ xảy ra.

4. *Hội ngộ chi kỳ*: kỳ họp mặt với nhau, kỳ hẹn gặp nhau.

5. *Tiên định*: mọi sự xảy ra trong cuộc đời đều đã được tạo hóa định trước.

6. *Ân ái*: âu yếm, quý mến nhau.

7. *Cơ duyên*: duyên nợ mà tạo hóa đã định sẵn

8. *Chung thân*: (*chung*: hết) trọn hết cả cuộc đời.

9. *Rạch rời*: rõ ràng, rành mạch đầu ra đó.

10. *Bồ liễu*: ý nói yếu đuối. Xem chú thích câu 746.

11. *Ghi dạ*: ghi chép ở trong dạ. Các ban Nôm đều viết 答 (chép)

TVK - BKD - HDH - TĐ chép là "ghi dạ".

Dễ đem gan óc¹ đèn nghì trời mây".
 Từ rằng: "Quốc sĩ² xưa nay,
 Chọn người tri kỷ³ một ngày được chẳng?
 Anh hùng tiếng đã gọi rằng,
 2430 Giữa đường dầu thấy bất bằng mà tha!
 Huống chi việc cũng việc nhà,
 Lọ là thâm tạ⁴ với là tri ân⁵.
 Xót nàng còn chút song thân⁶,
 Bấy nay kẻ Việt người Tần⁷ cách xa.
 2435 Sao cho muôn dặm một nhà,
 Cho người⁸ thấy mặt là ta cam lòng⁹".
 Vội truyền sửa tiệc quân trung¹⁰,
 Muôn binh nghìn tướng hội đồng¹¹ tẩy oan¹².
 Thừa cơ trúc chẻ ngói tan¹³,
 2440 Binh uy¹⁴ từ ấy sấm ran trong ngoài¹⁵.
 Triều đình¹⁶ riêng một góc trời,

1. *Gan óc*: do chữ *can não đồ địa* nghĩa là dù có đem gan óc mà làm lầy đất cũng không đền được ơn; ý nói dù có hy sinh chịu chết cũng không báo đền được cái ơn.

2. *Quốc sĩ*: kẻ sĩ có tiếng ở trong nước.

3. *Tri kỷ*: người hiểu được lòng mình.

4. *Thâm tạ*: tạ ân sâu, bày tỏ tấm lòng sâu sắc biết ơn.

5. *Tri ân*: biết ơn.

6. *Song thân*: cha mẹ.

7. *Kẻ Việt người Tần*: ý nói Thúy Kiều xa cách với cha mẹ như kẻ Việt (ở phía Đông Nam Trung Quốc ngày nay) với người Tần (ở phía Tây Bắc Trung Quốc ngày nay)

8. *Cho người*: chỉ cha mẹ Thúy Kiều.

9. *Cam lòng*: vui lòng, thỏa lòng.

10. *Quân trung*: trong quân, trong doanh trại nơi quân sĩ đồn trú.

11. *Hội đồng*: cùng họp lại với nhau.

12. *Tẩy oan*: rửa sạch các mối oán thù. Từ Hải cho mở tiệc để khao quân và để rửa sạch oan cho Thúy Kiều.

13. *Trúc chẻ ngói tan*: ý nói đánh đầu được đầy, một cách dễ dàng như chẻ tre, như ngói sứt vỡ tan (ngói đã sứt một lớp, mấy lớp khác đều sô sứt cả).

14. *Binh uy*: uy thế cầm binh của Từ Hải.

15. *Sấm ran trong ngoài*: nổi tiếng như sấm nổ ran khắp nơi, ai ai cũng biết đến uy danh.

16. *Triều đình*: (*triều*: chỗ ngự châu, *đình*: sân, chỗ vào châu vua) chỗ các quan vào châu vua, sau được dùng để chỉ chính phủ ở thời quân chủ.

Gồm hai văn võ, rạch đôi sơn hà¹.
Đòi cơn gió rét mưa sa,
Huyện thành đập đổ năm tòa côi Nam.
2445 Phong trần² mài một lưỡi gươm,
Những loài giá áo túi cơm³ sá gì!
Nghênh ngang một côi biên thùy,
Thiếu gì cô quả⁴, thiếu gì bá vương⁵!
Trước cớ ai dám tranh cường,
2450 Năm năm hùng cứ một phương hải tần.
Có quan Tổng đốc trọng thần⁶,
Là Hồ Tôn Hiến, kinh luân⁷ gồm tài.
Đẩy xe⁸ văng chỉ đặc sai,
Tiện nghi⁹ bát tiểu¹⁰, việc ngoài đồng nhung¹¹.
2455 Biết Từ là đáng anh hùng,
Biết nàng cũng dự quân trung luận bàn.
Đóng quân làm chúc chiêu an¹²,

1. *Rạch đôi sơn hà*: Nguyễn Du đã để cho Từ Hải chiếm được cả nửa đất nước và có một triều đình gồm hai ban văn võ, với đủ vẻ uy nghi cần thiết. Từ Hải không còn là một tên tướng giặc mà đã là một đáng anh hùng “*nghênh ngang một côi biên thùy*”.

2. *Phong trần*: gió bụi, đây chỉ thời loạn.

3. *Giá áo túi cơm*: chỉ hạng người vô dụng, thân cũng như cái giá để treo áo và cái túi để đựng cơm, chứ trong lòng không có tư tưởng trí lự gì.

4. *Cô quả*: (*cô*: cô lậu, *quả*: ít đức) tiếng xưng hô có ý khiêm nhường của các vua chư hầu, của các nước nhỏ thời xưa.

5. *Bá vương*: chỉ các vị *bá giả*, người đứng đầu chư hầu bằng sức mạnh và *vương giả*, người đứng đầu chư hầu bằng uy tín, đạo đức. *Bá vương* chỉ chung cái thế lực hùng mạnh của các vua chư hầu.

Thiếu gì cô quả, thiếu gì bá vương: Nguyễn Du đã để cho Từ Hải “*rạch đôi sơn hà*” nên mới cho là trong cái cung đình của Từ không thiếu gì những người là *cô quả*, *bá vương*.

6. *Trọng thần*: người bề tôi quan trọng của triều đình, vị quan có chức trọng quyền cao.

7. *Kinh luân*: trong việc kéo tơ, lấy từng mối tơ mà chia ra gọi là *kinh*, so những sợi tơ một thứ mà hợp lại gọi là *luân*. Người có tài trong việc kéo tơ gọi là kẻ có tài *kinh luân*. Sau chữ ấy được dùng để chỉ việc sửa sang xếp đặt về chính trị.

8. *Đẩy xe*: xưa kia, khi vua sai quan tướng đi đánh giặc thì đẩy cái bánh xe để tỏ lòng phó thác công việc cho người ấy.

9. *Tiện nghi*: ý nói được tùy tiện mà làm không phải tuân trình trước, không phải đợi lệnh vua.

10. *Bát tiểu*: (*bát*: trừ dẹp đi) dẹp giặc.

11. *Đồng nhung*: (*đồng*: coi sóc, *nhung*: việc quân) coi việc quân cơ ở ngoài đem binh đi đánh giặc.

12. *Chiêu an*: khuyến dụ quân giặc đầu hàng để lập lại an ninh trật tự.

Ngọc vàng gấm vóc sai quan thuyết hàng.
 Lại riêng một lễ với nàng,
 2460 Hai tên thể nữ¹, ngọc vàng nghìn cân.
 Tin vào gửi trước *trung quân*,
 Từ công riêng hãy mười phân hồ đồ².
 Một tay gây dựng cơ đồ³,
 Bấy lâu bể Sở, sông Ngô⁴ tung hoành!
 2465 Bỏ thân về với triều đình,
 Hàng thần⁵ lơ láo, phận mình ra đâu?
 Áo xiêm ràng buộc lấy nhau,
 Vào luôn ra cúi công hầu⁶ mà chi?
 Sao bằng riêng một biên thù,
 1470 Sức này đã dễ làm gì được nhau?
 Chọc trời quấy nước mặc dầu,
 Dọc ngang nào biết trên đầu có ai?
 Nàng thì thật dạ tin người,
 Lễ nhiều, nói ngọt nghe lời dễ xiêu.
 2475 Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,
 Đã nhiều lưu lạc lại nhiều gian truân.
 Bằng nay chịu tiếng vương thần⁷.
 Thên thên đường cái thanh vân⁸ hẹp gì!
 Công tư vẹn cả hai bề,
 2480 Dấn dè rồi sẽ liệu về cố hương⁹.
 Cũng ngôi mệnh phụ¹⁰ đường đường,
 Nở nang mày mặt, rỡ ràng¹¹ mẹ cha.

1. *Thể nữ*: con gái hầu hạ ở trong cung nhà vua.

2. *Hồ đồ*: chưa được rõ ràng, chưa thể tin được.

3. *Cơ đồ*: (cơ: nền, đồ: bức đồ họa) cơ nghiệp bản đồ, kể về cả nước hoặc việc vương bá.

4. *Bể Sở sông Ngô*: Vùng đất của Từ Hải tung hoành gồm hai nước Sở và Ngô nay thuộc miền Đông Nam Trung Quốc.

5. *Hàng thần*: kẻ bề tôi làm loạn đầu hàng triều đình.

6. *Công hầu*: tước công và tước hầu, chỉ quan tước cao ở triều đình.

7. *Vương thần*: bề tôi của nhà vua.

8. *Thanh vân*: mây xanh, dùng để chỉ bước đường công danh lên cao đến chỗ hiển đạt.

9. *Cố hương*: làng cũ, quê cũ.

10. *Mệnh phụ*: vợ các quan to được tước phong.

11. *Rõ ràng*: sáng ngời một cách đẹp đẽ, ý nói đẹp mặt.

Trên vì nước, dưới vì nhà,
 Một là đặc hiếu, hai là đặc trung.
 2485 Chẳng hơn chiếc bách¹ giữa dòng,
 E dè sóng vỗ, hải hùng *nước sa*².
 Nhân khi bàn bạc gần xa,
 Thừa cơ³, nàng mới bàn ra nói vào.
 Rằng: “Trong thánh *trạch*⁴ dồi dào,
 2490 Tươi ra đã khắp, thấm vào đã sâu.
 Bình thành⁵ công đức bấy lâu,
 Ai ai cũng đội trên đầu biết bao.
 Ngẫm từ đây việc binh đao,
 Đóng xương Vô Định⁶ đã cao bằng đầu.
 2495 Làm chi để tiếng về sau,
 Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào⁷!
 Sao bằng *lộc* trọng quyền cao,
 Công danh ai dứt lối nào cho qua?”
 Nghe lời nàng nói mạn mà⁸,
 2500 Thế công⁹, Từ mới trở ra thế hàng¹⁰,
 Chính nghi¹¹ tiếp sứ vội vàng,

1. *Chiếc bách*: chiếc thuyền bằng gỗ bách.

2. *Hải hùng nước sa*: bản QVĐ chép là “cổ hoa” cũng như các bản BK-TTK, HĐH; TĐ nhưng vì chữ “cổ hoa” không rõ nghĩa nên có một số bản Nôm và Quốc ngữ như KOM, PKC, BKD đã chép là “*nước sa*” cho dễ hiểu hơn.

3. *Thừa cơ*: lợi dụng cơ hội (khi được dự bàn việc quân).

4. *Thánh trạch*: ơn thánh tức nói ơn nhà vua.

5. *Bình thành*: chữ trong Kinh Thư tức địa bình thiên thành, nói nhà vua sửa sang giúp cho trời đất được bằng phẳng nên việc. Do đó chữ này có nghĩa là công đức to lớn của nhà vua.

6. *Vô Định*: tên một con sông ở tỉnh Thiểm Tây vì nước xoáy cuốn theo cát nên lòng sông chỗ nông và chỗ sâu không biết được. Thơ Trần Đào, bài *Lũng tây hành* có câu: “*Khả liên Vô Định hà biên cốt, do thị thâm khuê mộng lý nhân*” = Đáng thương cho những kẻ chết xương chất đống ở bên sông Vô Định mà đến nay vẫn còn là người trong mộng của khách buông the sâu kín. Ở đây Thúy Kiều nhắc đến cảnh chiến tranh chết nhiều người như vậy để làm xiêu lòng Từ Hải hãy nghe mình mà quy hàng.

7. *Hoàng Sào*: người đất Tào Châu, đã nổi dậy chống Đường Hy Tông, tung hoành trong mười năm trời ở Hà Nam, Giang Nam, Phúc Kiến, Lạc Dương... Hoàng Sào đã vây hãm cả kinh đô Tràng An nhưng sau bị một thủ hạ ám hại.

8. *Mạn mà*: dậm đà, tỏ ra có tình cam chân thật làm cho người ta dễ xiêu lòng.

9. *Thế công*: trận thế lập để tấn công.

10. *Thế hàng*: sắp đặt quân sĩ để ra đầu hàng.

11. *Chính nghi*: sửa soạn chính đón nghi vệ.

Hẹn kỳ thúc giáp¹, quyết đường giải binh².
Tin lời thành hạ yêu minh³,
Ngọn cờ ngơ ngác, trống canh trể tràng.
2505 Việc binh bỏ chẳng giữ giàng⁴,
Vương sư⁵ dòm đã tỏ tường thực hư.
Hồ công quyết kế thừa cơ⁶,
Lễ tiên binh hậu⁷, khắc cờ tập công⁸.
Kéo cờ chiêu phủ⁹ tiên phong¹⁰,
2510 Lễ nghi dàn trước, bác đồng¹¹ phục sau.
Từ công hờ hững¹² biết đâu,

1. *Thúc giáp*: bó áo giáp lại, tức xếp khí giới lại.

2. *Giải binh*: giải tán binh đội.

3. *Thành hạ yêu minh*: (*yêu*: cầu, xin, *minh*: thề) ép người thất thế phải cầu hòa với mình và phải thề với mình ở dưới chân thành.

Theo *Tả truyện*: “*Thành hạ yêu minh như chư hầu sở thâm sí*” = sự thề ở dưới chân thành là điều cực kỳ xấu hổ (vì trong thành không chống cự được nữa, phải xin ăn thề ngay nơi đó) của các nước chư hầu. Trường hợp Từ Hải có khác. Từ Hải đâu có phải là người thất thế phải xin hàng mà chỉ vì nghe lời Thúy Kiều mới chịu “*bó thân về với triều đình*”.

Khi nhận hàng, Từ Hải có yêu cầu ba điều với Lợi Tiễn là người được Hồ Tôn Hiến sai đi dụ hàng:

- Xin được phong tước hầu.
- Xin ở lại nguyên chỗ không phải đổi đi nơi khác.
- Xin không phải giải binh.

Lợi Tiễn về báo tin trên với Hồ Tôn Hiến. Tổng đốc chấp nhận, lập kế hoạch phục kích rồi sai Lợi Tiễn lại đến cùng với Từ Hải ăn thề, hứa bằng lòng nhận ba việc mà Từ đã xin và hẹn ngày kéo quân đến đón hàng. Ấy việc “*yêu minh*” của Hồ Tôn Hiến đối với Từ Hải là như vậy.

4. *Giữ giàng*: cũng như *giữ gìn* nhưng có ý coi sóc cẩn thận hơn. *Cả câu ý* nói việc quân bỏ chẳng giữ gìn cẩn thận như trước nữa.

5. *Vương sư*: (*vương*: vua; *sư*: quân) quân của nhà vua, do Hồ Tôn Hiến chỉ huy.

6. *Quyết kế thừa cơ*: quyết định thi hành mưu kế thừa lúc Từ Hải để trể tràng việc canh gác.

7. *Lễ tiên binh hậu*: đồ lễ dẫn đi trước nhưng cho quân phục sẵn ở đằng sau.

8. *Khắc cờ tập công*: (*cờ*: kỳ hẹn, *tập*: đánh úp) định kỳ hẹn để đánh úp.

9. *Chiêu phủ*: (*chiêu*: vờ, *phủ*: vỗ về) dụ hàng dùng lời vỗ về để vờ kẻ chống đối qui phục.

10. *Tiên phong*: toán quân đi trước. *Cả câu ý* nói toán quân đi đầu kéo lá cờ chiêu dụ quân của Từ Hải ra hàng.

11. *Bác đồng*: súng lớn. Xem chú thích câu 2314, chữ này đi với chữ “*phát súng*” ở câu 2514.

12. *Hờ hững*: tỏ vẻ coi thường, không chú ý đề phòng.

Đại quan lễ phục¹ ra đầu² cửa viên³.
 Hồ công ám hiệu⁴ trận tiền.
 Ba bề phát súng, bốn bên kéo cờ.
 2515 Đang khi bất ý⁵ chẳng ngờ,
 Hùm thiêng khi đã sa cơ⁶ cũng hèn!
 Tử sinh liều giữa trận tiền,
 Dạn dày⁷ cho biết gan liên tướng quân!
 Khí thiêng⁸ khi đã về thân⁹,
 2520 Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng!
 Trơ như đá, vững như đồng,
 Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời.
 Quan quân truy sát¹⁰ đuổi dài,
 Ấm ầm sát khí ngất trời ai đang!
 2525 Trong hào, ngoài lũy tan hoang,
 Loạn quân vừa dặt tay nài đến nơi.
 Trong vòng tên đá¹¹ bởi bởi,
 Thấy Từ còn đứng giữ trời trơ trơ.
 Khóc rằng: “Trí dũng¹² có thừa,
 2530 Bởi nghe lời thiếp đến cơ hội¹³ này.
 Mặt nào trông thấy nhau đây?
 Thà liều sống thác một ngày với nhau!”

1. *Đại quan lễ phục*: Bản KOM, viết chữ 大冠 đại quan là đội mũ lớn. Bản QVĐ viết chữ 大官 đại quan là quan lớn. Như vậy có hai cách giải thích: nếu theo KOM thì đại quan lễ phục có nghĩa là đội mũ cao, mặc áo lễ, không mặc đồ chiến phục; nếu theo QVĐ thì đại quan lễ phục có nghĩa là mặc lễ phục của một vị quan lớn.

2. *Ra đầu*: ra đầu hàng.

3. *Cửa viên*: cửa làm bằng hai chiếc xe dựng cang lên trời, cửa doanh trại.

4. *Ám hiệu*: hiệu lệnh kín dùng trong việc binh.

5. *Bất ý*: không để ý đề phòng.

6. *Sa cơ*: rơi vào bước khốn cùng.

7. *Dạn dày*: tức dày dặn, đã từng trải, từng chịu đựng nguy hiểm khó khăn đến mức đã quen đi.

8. *Khí thiêng*: tinh khí của non sông tích chứa lại mà sinh ra bậc anh hùng.

9. *Về thân*: trở về cõi tinh thần. Cả câu ý nói Từ Hải đã chết.

10. *Truy sát*: đuổi theo mà giết.

11. *Tên đá*: tên đạn vì xưa các viên đạn làm bằng đá.

12. *Trí dũng*: kẻ anh hùng vừa có trí thông minh vừa có sức lực phi thường.

13. *Cơ hội*: dịp xảy ra, đây chỉ cảnh ngộ.

Dòng thu¹ như dội cơn sầu,
 Dứt lời nàng cũng gieo đầu một bên.
 2535 Lạ thay oan khí² tương triền³!
 Nàng vừa phục xuống Từ liền ngã ra.
 Quan quân kẻ lại người qua,
 Xót nàng sẽ lại vực ra dần dần.
 Dẫn vào đến trước trung quân,
 2540 Hồ công thấy mặt ân cần⁴ hỏi han.
 Rằng: “Nàng chút phận hồng nhan⁵.
 Gặp cơn binh cách⁶ nhiều nàn⁷ cũng thương!
 Đã hay thành toán⁸ miếu đường⁹,
 Giúp công cũng có lời nàng mới nên.
 2545 Bây giờ sự đã vẹn tuyền,
 Mặc lòng nghĩ lấy, muốn xin bề nào”.
 Nàng càng giọt ngọc tuôn dào,
 Ngập ngừng mới gửi thấp cao sự lòng.
 Rằng: “Từ là đáng anh hùng,
 2550 Dọc ngang trời rộng vẫy vùng bể khơi!
 Tin tôi nên quá nghe lời,
 Dem thân bách chiến¹⁰ làm tôi triều đình.
 Ngõ là phu quý, phụ vinh¹¹,
 Ai ngờ một phút tan tành thịt xương!
 2555 Năm năm trời bể ngang tàng¹²,

-
1. *Dòng thu*: dòng nước mắt.
 2. *Oàn khí*: cái khí oan.
 3. *Tương triền*: quấn quít lấy nhau.
 4. *Ân cần*: tình ý chu đáo và có cảm tình thân mật.
 5. *Chút phận hồng nhan*: ý nói người có nhan sắc mà phận số lại không gặp may mắn.
 6. *Binh cách*: (*binh*: đồ binh khí như súng ống gươm giáo, *cách*: đồ dùng bằng da như yên ngựa) nói chung các binh khí. *Cơn binh cách* là cơn loạn lạc, cuộc chiến tranh.
 7. *Nàn*: do chữ *nạn* (tai nạn) đọc chuyển sang thanh bằng cho hợp vần.
 8. *Thành toán*: (*toán*: trù tính, mưu kế) sự tính toán đã thành được rồi, mưu kế đã thành rồi.
 9. *Miếu đường*: (*miếu*: tôn miếu, *đường*: minh đường) nhà nước hễ có việc đánh dẹp thì làm lễ cáo ở nhà tôn miếu mà trú nghỉ tại *minh đường*. *Miếu đường* nói rộng ra cũng như *triều đình*.
 10. *Thân bách chiến*: ý nói thân thiện chiến, kẻ đã dạn dày về trận mạc.
 11. *Phu quý, phụ vinh*: chồng làm nên quan sang, vợ được vinh hiển.
 12. *Ngang tàng*: tỏ ra không sợ ai, không chịu khuất phục ai.

Dấn mình đi bó chiến trường như không.
 Khéo khuyên kẻ lấy làm công ¹,
 Kể bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu!
 Xét mình công ít tội nhiều,
 2560 Sống thừa, tôi đã nên liêu minh tôi.
 Xin cho thiên thổ một doi ²,
 Gọi là đắp điểm lấy người tử sinh!"
 Hồ công nghe nói thương tình,
 Truyền cho cảo táng ³ di hình ⁴ bên sông.
 2565 Trong quân mở tiệc hạ công ⁵,
 Xôn xao tơ trúc, hội đồng quân quan.
 Bắt nàng thị yến ⁶ dưới màn,
 Dở say lại ép cung đàn nhật tâu ⁷.
 Một cung ⁸ gió thấm mưu sâu,
 2570 Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay ⁹.
 Ve ngâm vượn hót nào tày,
 Lột tai, Hồ cũng nhận mảy rơi châu.
 Hỏi rằng: "Này khúc ở đâu?
 Nghe ra muôn thấm nghìn sâu lắm thay!"
 2575 Thưa rằng: "Bạc mệnh ¹⁰ khúc này,
 Phổ ¹¹ vào đàn ấy những ngày còn thơ.
 Cung cầm lựa những ngày xưa,

1. *Kẻ lấy làm công*: Thúy Kiều đã khuyên Từ Hải đầu hàng để rồi bị giết thì chỉ nên hối hận chứ không nên kể là công.

2. *Một doi*: dải đất cát bồi ở dọc bờ sông. Chữ 堆 đọc theo âm Hán Việt là *đôi*, có nghĩa là đồng đất, nhưng nghe không thuận nên thường được phiên là *doi*. Chữ *doi* này chiếu xuống câu 2564: "*Truyền cho cảo táng di hình bên sông*" thì hợp nghĩa.

3. *Cảo táng*: chôn sơ sài.

4. *Di hình*: xác, thân xác còn lại.

5. *Hạ công*: (*hạ*: mừng) mừng sự thành công.

6. *Thị yến*: (*thị*: theo hầu) hầu việc ăn yến, ăn tiệc.

7. *Nhật tâu*: các bản Nôm viết 日奏 thì có thể đọc là *nhật tâu* hoặc *nhật tâu*. Chữ 奏 lẽ ra phải đọc là *tấu* tức đánh đàn nhưng ở đây đọc theo thanh bằng cho hợp vần. *Nhật tâu*: (*nhật*: mau liền) gảy đàn trong suốt buổi tiệc.

8. *Cung*: cung đàn, một điệu đàn, một bài đàn.

9. *Nhỏ máu năm đầu ngón tay*: Nguyễn Lượng cho rằng "*những tiếng đàn ở trên năm đầu ngón tay của Thúy Kiều đều do từ tâm huyết của tác giả mà trào ra đầu ngọn bút*".

10. *Bạc mệnh*: tên một khúc đàn do Thúy Kiều soạn ra.

11. *Phổ*: biên ghi cung điệu bài đàn, bài hát.

Mà gương bạc mệnh ¹ bây giờ là đây!"
Nghe càng đắm, ngắm càng say,
 2580 Lạ cho mặt sắt ² cũng ngây vì tình!
 Dạy rằng: "Hương lửa ³ ba sinh ⁴,
Dây loan ⁵ xin nối cầm lành cho ai".
 Thừa rằng: "Chút phận lạc loài,
 Trong mình nghĩ đã có người thác oan.
 2585 Còn chi nữa cánh hoa tàn,
 Tơ lòng đã đứt dây đàn Tiểu Lân ⁶.
 Rộng thương còn mảnh hồng quần ⁷,
 Hơi tàn được thấy gốc phần ⁸ là may.
 Hạ công chén đã quá say,
 2590 Hồ công đến lúc rạng ngày nhớ ra.
 Nghĩ mình phương diện quốc gia ⁹,
 Quan trên nhắm xuống, người ta trông vào
 Phải tuồng trăng gió hay sao?
 Sự này biết tính thế nào được đây?
 2595 *Công nha* ¹⁰ vừa buổi rạng ngày,
 Quyết tình *Hồ* mới đoán ¹¹ ngay một bài.

1. *Gương bạc mệnh*: ý nói cả cuộc đời bạc mệnh của Thúy Kiều đã được chứng tỏ qua những việc đã xảy ra, ai cũng thấy rõ ràng như bày ra một tấm gương trước mắt.

2. *Mặt sắt*: chỉ ông quan nghiêm khắc, đây chỉ Hồ Tôn Hiến.

3. *Hương lửa*: ý nói tình nghĩa vợ chồng nồng nàn, đắm thắm: "*Phải duyên hương lửa cùng nhau (Cung oán)*".

4. *Ba sinh*: ba kiếp, ý nói đã mấy kiếp có duyên với nhau.

5. *Dây loan*: dây đàn bị đứt nối lại bằng keo loan. Xem chú thích câu 726. Cả câu ý nói xin nối lại duyên vợ chồng. Nguyên truyện: "*Hồ Tôn Hiến đương khi chuyển choáng hơi men, không sao nén nổi lòng dục, vội bước xuống thêm, lấy tay lau ngấn nước mắt cho Kiều và bảo: "Thôi Khanh đừng quá thương tâm, ta sẽ cùng Khanh bách niên giai lão"*".

6. *Tiểu Lân*: nàng họ Phùng, vợ Hậu chủ nước Tề (thời Nam Bắc Triều), bị bắt gả cho Đường Đại Vương, nhân lúc gảy đàn, dây đàn bị đứt, có làm bài thơ: "*Dục tri tâm đoạn tuyệt, ưng khán tất thượng huyền...*"; muốn biết tơ lòng đứt nát thế nào, thì nên xem sợi dây đàn trên đầu gối này...

7. *Hồng quần*: quần sắc đỏ của con gái xưa bên Trung Quốc thường mặc, được dùng để chỉ đàn bà con gái.

8. *Gốc phần*: gốc cây phần, chỉ quê nhà. Xem chú thích câu 2235.

9. *Phương diện quốc gia*: (phương diện là một mình chống giữ một mặt, sau được dùng để gọi các quan to ở cõi ngoài) chỉ người tai mắt của nhà nước.

10. *Công nha*: chỗ các quan ngồi làm việc.

11. *Đoán*: quyết định, phán quyết, dứt khoát ý định.

Lệnh quan ai dám cãi lời,
 Ép tình mới gán cho người thổ quan ¹.
 Ông tơ thực nhé đa đoan ²!
 2600 Xe *tơ* ³ sao khéo vợ *quàng* vợ tiên
 Kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền,
 Lá màn rủ thấp, ngọn đèn khêu cao.
 Nàng càng ủ liễu phai đào,
 Trăm phần nào có phần nào phần tươi?
 2605 Đành thân cát *lấp* sóng vùi,
 Cướp công cha mẹ thiệt đời thông minh.
 Chân trời mặt bể lênh đênh,
 Năm xương biết gửi tử sinh chốn nào?
 Duyên đâu ai dứt tơ đào ⁴,
 2610 Nợ đâu ai đã dặt vào tận *tay*!
 Thân sao thân đến thế này,
 Còn ngày nào *cũng dư* ⁵ ngày ấy thôi!
 Đã không biết sống là vui,
 Tấm thân nào biết thiệt thòi là thương!
 2615 Một mình cay đắng trăm đường,

1. *Thổ quan*: quan người địa phương thuộc những vùng dân tộc ít người. Theo *nguyên truyện* thì là viên tù trưởng Vĩnh Thuận, thuộc tỉnh Hồ Nam. Đoạn này, *nguyên truyện* viết: “Sáng hôm sau Hồ Tôn Hiến nhớ lại việc đêm trước đã khoác tay nâng chén với vợ tướng giặc, còn gì phong thể của một phương diện quốc gia? Nghĩ càng hối hận, không biết tính sao?... Suy tính giờ lâu, Hồ mới gật gù lẩm nhẩm: “Được rồi, được rồi, ta sẽ gán nàng cho một quân trưởng để cho việc này mất tích và nàng cũng được tính mệnh bảo toàn...”.

Về việc dụ hàng của Hồ Tôn Hiến, Minh sử có chép: “Còn Hồ Tôn Hiến, trong chiến dịch này dẫu có công to nhưng sau lại bị triều thần hạch hỏi về tội giết kẻ đã hàng. Vì có *hươu trắng*, *rùa trắng* đem về hiến vua, nên được miễn nghị. Cách mấy năm sau, nhân việc Ngự sử Uông Nhữ Chính... bắt được những thư chính tay Hiến viết để lừa Từ Hải.. nên Hiến bị bắt giam và rồi chết ở trong ngục”.

2. *Đa đoan*: nhiều mối, nói có ý rắc rối, lắt léo.

3. *Xe tơ*: xe duyên vợ chồng. Xem chú thích câu 333. Phê bình thái độ Thúy Kiều ở đoạn này, Tản Đà có viết:

“Tổng đốc có thương người bạc phận,
 Tiên Đường chưa chắc mả hồng nhan”.

4. *Tơ đào*: tơ duyên vợ chồng. Xem chú thích câu 333.

5. *Cũng dư*: cũng thừa, ý nói không có nghĩa gì nữa, không còn gì là vui nữa.

Thôi thì nát ngọc tan vàng¹ thì thôi!
 Mảnh trăng đã gác non đoài²,
 Một mình luống những đứng ngò³ chưa xong.
 Triều dẫu nổi tiếng dùm dùm⁴,
 2620 Hỏi ra⁵ mới biết rằng sông Tiền Đường.
 Nhớ lời thần mộng rõ ràng,
 Nay thôi hết kiếp đoạn tràng là đây.
 Đạm Tiên nàng nhé có hay!
 Hẹn ta thì đợi dưới này rước ta”.
 2625 Dưới đèn sẵn bức tiên hoa,
 Một thiên tuyệt bút⁶ gọi là để sau.
 Cửa bồng⁷ vội mở rèm châu,
 Trời cao sóng rộng một màu bao la.
 Rằng: “Từ công hậu đãi⁸ ta,
 2630 Chút vì việc nước⁹ mà ra phụ lòng.
 Giết chồng mà lại lấy chồng,

1. *Nát ngọc tan vàng*: ngọc và vàng thường được dùng để ví với tám thân quý giá của người con gái, người đàn bà, nay đã không biết sống là vui thì chỉ còn liều thân chịu chết mà thôi, tức cũng như thế cho nát ngọc tan vàng.

2. *Gác non đoài*: gác núi phía Tây, ý nói đã quá nửa đêm rồi.

3. *Đứng ngò*: khi theo viên thổ quan về Vĩnh Thuận, Thúy Kiều buồn bã không sao đi ngủ được, cứ hết đứng lại ngò ở trong khoang thuyền.

4. *Tiếng dùm dùm*: tiếng thủy triều dâng lên nghe dùm dùm như sấm.

5. *Hỏi ra*: Thúy Kiều hỏi viên thổ quan thì được biết đây là sông Tiền Đường.

6. *Thiên tuyệt bút*: nguyên truyện có bài thơ lục tuyệt như sau:

Thập ngũ niên tiên hữu ước,
Kim triều phương đáo Tiền Đường.
Bách thế quang âm hỏa thược,
Nhất sinh thân sự hoàng lương.
Trào tinn thôi nhân khứ dã,
Đẳng nhàn liễu khước đoạn trường.
 Mười lăm năm xưa có hẹn,
 Sớm nay mới đến Tiền Đường.
 Trăm năm bóng câu chớp nhoáng,
 Một đời giấc mộng hoàng lương.
 Tiếng sóng giục người đi khuất.
 Thên thang trút nợ đoạn tràng.

7. *Bồng*: mui thuyền lớn. *Cửa bồng*: cửa thuyền ở hai bên mui.

8. *Hậu đãi*: đối xử một cách trọng hậu, tử tế.

9. *Việc nước*: nguyên truyện cũng để cho Thúy Kiều nói như vậy. Tản Đà cho rằng “Thúy Kiều khuyên Từ Hải ra hàng không phải là “vì việc nước”. Chỗ đó chẳng là tác giả “vẽ rắn thêm chân” mà đã cho người trong truyện mang thêm tội lỗi trong ân nghĩa vợ chồng ru?”

Mặt nào còn *đứng* ở trong côi đời?
 Thôi thì một thác cho rồi,
 Tấm lòng phó mặc trên trời dưới sông!"
 2635 Trông vời con nước ¹ mênh mông,
 Dem mình gieo xuống giữa dòng trường giang.
 Thổ quan theo vớt ² vội vàng,
 Thì đà đắm ngọc chìm hương ³ *mất* rồi.
 Thương thay cũng một *kiếp* người,
 2640 Hại thay mang lấy sắc tài làm chi!
 Những là oan khổ lưu ly ⁴,
 Chờ cho hết kiếp ⁵, còn gì là thân?
 Mười lăm năm, bấy nhiêu lần ⁶,
 Làm gương cho khách hồng quần thử soi!
 2645 Đời người đến thế thì thôi!
 Trong cơ âm cực dương hồi ⁷ khôn hay.
 Mấy người *hiếu* nghĩa xưa nay.
 Trời làm chi đến lâu ngày càng thương!
 Giác Duyên từ tiết già nàng,
 2650 Đeo bầu ⁸ quả níp ⁹ rộng đường vân du. ¹⁰

1. *Con nước*: chỉ nước thủy triều lên, ngày nước lên.

2. *Theo vớt*: theo nguyên truyện thì viên thổ quan vội cứu không kịp, hô hoán quân sĩ thức dậy tiếp tay. Nhưng vì lúc đương gió to sóng cả, đứng còn không vững nói chi đến việc vớt người?

3. *Đắm ngọc chìm hương*: ngọc và hương là hai thứ thường được dùng để ví người phụ nữ quý như ngọc, thơm như hương. Đây nói *đắm ngọc chìm hương* là khi nàng Kiều đã bị nước cuốn đi theo làn sóng dữ và chìm dưới đáy sông.

4. *Lưu ly*: lưu lạc, sống nay đây mai đó xa lìa quê hương.

5. *Hết kiếp*: hết kiếp liễu bỏ, hết kiếp đoạn trường.

Kiếp trần biết giữ bao giờ cho xong (câu 2930).

6. *Bấy nhiêu lần*: ý nói Thúy Kiều đã phải chịu nhiều lần oan khổ lưu ly, thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần.

7. *Âm cực dương hồi*: theo lệ tuần hoàn của tạo hóa thì khi khí âm đã tới cùng cực thì khí dương bắt đầu trở lại, tức là hết *bĩ* đến *thái* ví như cô Kiều đã khổ sở đến cùng cực thì sẽ được hưởng sự sung sướng.

8. *Bầu*: bầu nước, cái bình làm bằng quả bầu khô đã nạo hết ruột dùng để đựng nước hoặc để đựng rượu.

9. *Níp*: cái tráp dùng để đựng đồ dùng. Tán Đà cho rằng *níp* là cái tráp "*thì cứ để luôn chữ tráp cho thuận tiện*". Tán Đà sửa như vậy là sai với nguyên tác hiệu đính.

10. *Vân du*: đi chơi nay đây mai đó như đám mây vô định. Theo nguyên truyện thì Giác Duyên, sau khi từ biệt Kiều, liền đi vân du sang Việt Đông để tìm Tam Hợp đạo cô.

Gặp bà Tam Hợp đạo cô,
 Thong dong¹ hỏi hết nhỏ to sự nàng:
 “Người sao hiểu nghĩa đủ đường,
 Kiếp sao *rặt* những đoạn trường thế thôi?”

2655 Sư rằng: “*Hoạ phúc* đạo trời,
Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.
 Có trời mà cũng tại ta,
 Tu là *cội* phúc², tình là dây oan.

2660 Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan,
 Vô duyên là phận hồng nhan đã đành.
 Lại mang lấy một chữ tình,
 Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.
 Vậy nên những *chốn* thong dong,
 Ở không yên ổn, ngồi không vững vàng.

2665 Ma đưa lối, quỷ *đưa* đường,
 Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi.
 Hết *nạn* ấy đến nạn kia,
 Thanh lâu hai lượt³, thanh y hai lần⁴.

2670 Trong vòng giáo dựng gươm trần,
 Kê *răng* hùm sói⁵ gửi thân tôi đòi.
 Giữa *dòng* nước dấy sóng dồi,
 Trước hàm rồng cá, gieo *mồi* văng tanh.⁶
 Oan kia theo mãi với tình,
 Một mình mình *biết*, một mình mình hay.

1. *Thong dong*: thảnh thơi thong thả. Ý nói gặp khi rồi rãi Giác Duyên mới hỏi đạo cô về cuộc đời của Thúy Kiều như nàng đã nhờ: “*Vì tôi xin hỏi một lời chung thân*”.

2. *Cội phúc*: nguồn gốc của mọi hạnh phúc ở đời.

3. *Thanh lâu hai lượt*: Thúy Kiều phải vào thanh lâu hai lần: một lần ở Lâm Truy trong tay Tú bà và một lần ở Châu Thai trong tay Bạc bà.

4. *Thanh y hai lần*: Thúy Kiều phải làm con hầu hai lần: một lần ở nhà Hoạn bà và một lần ở nhà Hoạn Thư. Kiều Oánh Mậu sửa lại là “*một lần*” thì cũng có lý vì tuy ở hai nơi (nhà Hoạn bà và nhà Hoạn Thư) nhưng chỉ có một lần liên tục.

5. *Kê răng hùm sói*: đây là lời của Tam Hợp đạo cô nói về cảnh Thúy Kiều bị lọt vào vòng gươm giáo thì ắt gặp phải bọn *tướng dữ như hùm beo*, ý chỉ Hồ Tôn Hiến và các tướng tá dưới quyền hắn.

6. *Trước hàm rồng cá, gieo mồi văng tanh*: đây là lời của Tam Hợp đạo cô nói về thân phận của Thúy Kiều phải chịu cảnh trâm mình xuống sông làm mồi cho loài cá dữ. Chữ “*văng tanh*”, KOM chú: “*Đỗ thi*: “*Ngư long tịch mịch thu giang lân. Văng tanh thị*” = Thơ Đỗ Phủ: rồng cá lặng lẽ sông thu lạnh, cho nên chữ “*văng tanh*” là đúng.

2675 Làm cho sống đọa thác đày¹,
 Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi!"
 Giác Duyên nghe nói rụng rời²:
 "Một đời nàng nhé thương ôi còn gì³!"
 Sư rằng: "song chẳng hề chi,
 2680 Nghệp duyên⁴ *cân* lại *nhắc* đi còn nhiều!
 Xét trong tội nghiệp Thúy Kiều,
 Mắc điều tình ái, khỏi điều tà dâm.
 Lấy tình thâm⁵, trả *nghĩa* thâm⁶,
 Bán mình đã động hiếu tâm đến trời!
 2685 Hại một người⁷, cứu *muôn* người,
 Biết đường khinh trọng, biết lời phải chẳng.
 Thửa⁸ công đức⁹ ấy ai bằng?
 Túc khiên¹⁰ đã rửa láng láng sạch rồi!
 Khi nên trời cũng chiều người,
 2690 Nhẹ nhàng nợ trước, đền bồi duyên sau¹¹.
 Giác Duyên dù nhớ nghĩa nhau,

1. *Sống đọa thác đày*: sống chết cũng bị đày đọa tẩm thân, như chết mà phải làm mỗi cho loài cá dữ.

2. *Rụng rời* : Sợ quá đến nỗi tưởng như rụng rời cả tay chân.

3. *Sư rằng*: "*Họa phúc... còn gì*: đoạn này từ câu 2655 đến 2676 là lời của Tam Hợp đạo cô... *nguyên truyện* viết: *Sư Tam Hợp* nói: "*Người ta sinh ra trên đời, phúc bởi tu đức mà được hưởng, khổ vì tình phải chịu, nàng Kiều nhân vì ái tình gây nên cảnh khổ, bởi vậy dầu cho ở nhà vàng cũng không dám ở lâu, mà chốn đoạn trường thường thường phải đày đến, nợ yên hoa phải chịu hai lần, tội cảnh con hầu phải chịu một án, trong gươm giáo bạn với mấy tướng hùm beo, dưới sóng lớn làm mỗi cho cá rồng, mới hết kiếp ấy*".

4. *Nghệp duyên*: (*nghệp*: từ nhà Phật, theo thuyết luân hồi, người ta sống hết kiếp này lại hóa ra kiếp khác. Mỗi kiếp của ta lại đeo theo cái nghiệp do ta đã gây ra từ kiếp trước. Cái nghiệp do hành động của ta mà thành ra đó, chữ *Phạn* gọi là karma, chữ Hán gọi là *ngiệp báo* hay *ngiệp*, ta thường gọi là *nợ tiền kiếp*; *duyên*: cái nhân, nhà Phật cho vì nhân mà được quả là *duyên*) căn duyên của việc làm thiện hay là ác như *thiện nghiệp* là nhân duyên gây nên thiện quả, *ác nghiệp* là nhân duyên gây nên ác quả.

5. *Tình thâm*: tình cha con, tình máu mủ sâu xa của con cái đối với cha mẹ.

6. *Nghĩa thâm*: nghĩa sâu, nghĩa dày (*nghĩa* là đạo phải).

7. *Hại một người*: chỉ Từ Hải.

8. *Thửa*: tiếng trợ từ để chỉ cái gì thuộc về ai.

9. *Thửa công đức*: công đức của Thúy Kiều.

10. *Túc khiên*: (*túc*: trước, *khiên*: tội lỗi) tội lỗi kiếp trước đã phạm phải.

11. *Duyên sau*: cái duyên với chàng Kim sau này lại được sum họp cùng nhau.

Tiên Đường *thả* một bè lau rước người.
 Trước sau cho vẹn một lời,
 Duyên ta mà cũng phúc trời chi không!”
 2695 Giác Duyên nghe nói mừng lòng,
 Lân la tìm thú bên sông Tiên Đường.
 Đánh tranh *chum* nóc thảo đường ¹.
 Một gian nước biếc mây vàng chia đôi.
 Thuê năm ² ngư phủ ³ hai người,
 2700 Đóng thuyền chực bến kết chài giăng sông.
 Một lòng *chẳng* quản mấy công,
 Khéo *thay* gặp gỡ cũng trong chuyển vận ⁴.
 Kiều từ gieo xuống duênh ⁵ ngân,
 Nước xuôi bỗng đã trôi dạt tận nơi.
 2705 Ngư ông kéo lưới vớt người,
 Ngẫm lời Tam Hợp ⁶ rõ mười chẳng ngoa.
 Trên mũi lướt *mướt* ⁷ áo là,
 Tuy dầm hơi nước chưa lòa bóng gương. ⁸
 Giác Duyên *nhìn* thật mặt nàng,
 2710 Nàng còn thêm thiếp giấc vàng ⁹ chưa phai.
 Mơ màng phách quế hồn mai, ¹⁰
 Đạm Tiên, *thoắt* đã thấy người ngày xưa.

1. *Thảo đường*: nhà lợp cỏ tranh. Đây chỉ cái am nhỏ của sư Giác Duyên tên là *Vân Thủy am* lập ở bên sông Tiên Đường. Vì am này, trên có mây, dưới có nước nên Nguyễn Du mới viết một cách bóng bẩy rằng: “*Một gian nước biếc mây vàng chia đôi*”.

2. *Thuê năm*: thuê luôn cả năm để chờ vớt Thúy Kiều.

3. *Ngư phủ*: (*phủ*: ông) cũng như *ngư ông*, người đánh cá.

4. *Chuyển vận*: tạo hóa xoay vần, ý nói Giác Duyên gặp nàng Kiều cũng có cơ trời như sư Tam Hợp đã nói ở câu “*Duyên ta mà cũng phúc trời chi không*”,

5. *Duênh ngân*: dòng nước trắng như bạc. Chữ *duênh* cũng viết là *doành*: *Doành ngân rửa mác, Non đoài treo cung* (Chinh phụ ngâm).

6. *Lời Tam Hợp*: Nguyên truyện: Sư Tam Hợp bảo rằng cái nghiệt cũ của Kiều đã tiêu, duyên mới được kết, đạo hữu có tình quen biết với nàng nên đợi lúc hết kiếp ở sông Tiên Đường sẽ chờ bè sậy cứu vớt cho nàng, cũng là gieo một hạt giống trong ruộng phúc vậy.

7. *Lướt mướt*: dáng ướt dầm.

8. *Bóng gương*: ý nói sắc mặt còn tươi sáng, chưa bị tái mờ đi.

9. *Giấc vàng*: giấc mê, giấc mộng. Đây ý nói Thúy Kiều còn chưa tỉnh giấc chiêm bao thấy Đạm Tiên. Xem chú thích câu 1715.

10. *Phách quế hồn mai*: tức hồn phách, ý nói hồn của người ta trong lúc mơ màng, hai chữ *quế* và *mai* có thể chỉ được dùng cho đẹp lời.

Rằng: “Tôi đã có lòng chờ,
Mất công *đã* mấy năm thừa ở đây.
2715 Chị sao phận mỏng phúc dày?
Kiếp xưa đã vậy, lòng này dễ ai! ¹
Tấm thành ² đã thấu đến trời,
Bán mình là hiếu, cứu người là nhân.
Một niềm vì nước vì dân,
2720 Âm công ³ cất một đồng cân đã già!
Đoạn trường số rút tên ra,
Đoạn trường thơ ⁴ phải *đưa* mà trả nhau.
Còn nhiều hưởng thụ ⁵ về *lâu*,
Duyên xưa *tròn trặn* phúc sau dồi dào”.
2725 Nàng còn ngơ ngẩn biết sao,
“Trạc Tuyên!” Nghe tiếng gọi vào bên tai.
Giật mình thoát tỉnh giấc mai. ⁶
Bâng khuâng nào đã biết ai mà nhìn.
Trong thuyền nào thấy Đạm Tiên?
2730 Bên mình chỉ thấy Giác Duyên ngồi kề.
Thấy nhau mừng rỡ trăm bề,
Dọn thuyền mới rước nàng về thảo lư. ⁷
Một nhà chung chạ sớm trưa,
Gió trắng mát mặt, muối dưa chay lòng. ⁸
2735 *Bốn* bề bát ngát mênh mông,
Triều dâng ⁹ hôm sớm, mây lồng trước sau.
Nạn xưa *trút* sạch lâu lâu,
Duyên xưa ¹⁰ chưa dễ biết đâu chốn này.

1. *Lòng này dễ ai*: tấm lòng hiếu thảo dễ mấy ai bằng.

2. *Tấm thành*: tấm lòng thành.

3. *Âm công*: cái công sâu kín chỉ có quỷ thần biết mà thôi, cũng như *âm đức*.

4. *Đoạn trường thơ*: nói đến mười bài thơ của Thúy Kiều làm đưa Đạm Tiên khi trước.

5. *Hưởng thụ*: hưởng nhận được nhiều phúc trạch.

6. *Giấc mai*: giấc ngủ say sưa; do tích Triệu Sư Hùng đời Tùy vào núi gặp người con gái bán hàng rượu cho uống say rồi nằm ngủ thiếp đi, đến lúc tỉnh dậy chỉ thấy mình nằm ở dưới gốc một cây mai to.

7. *Thảo lư*: nhà cỏ, nhà tranh, cũng như *thảo đường*.

8. *Chay lòng*: ý nói trong lòng không bợn một chút bụi trần, xa hẳn thế tục, trong sạch hẳn tấm lòng.

9. *Triều dâng*: nước thủy triều lên.

10. *Duyên xưa*: duyên với Kim Trọng.

Nỗi nằng tai nạn dâ đầy,
 2740 Nỗi chàng Kim Trọng bấy chầy mới thương.
 Từ ngày muôn dặm phù tang,¹
 Nửa năm ở đất Liêu Dương lại nhà.
 Vội sang vườn Thúy² dò la,
 Nhìn xem phong cảnh nay đã khác xưa.
 2745 Đây vườn cỏ mọc *lau* thưa,
 Song trắng quanh quẽ³, vách mưa rã rời.⁴
 Trước sau nào thấy bóng người,
 Hoa đào năm ngoái⁵ còn cười gió Đông.
 Xập xè én liệng *rường* không,⁶
 2750 Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giày.
 Cuối tường gai góc mọc đầy,
 Đi về này những lối này năm xưa.
 Chung quanh *lặng* ngắt như tờ,⁷
 Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai?
 2755 Láng giềng có kẻ sang chơi,
 Lân la sẽ hỏi một hai sự tình.

1. *Phù tang*: (*phù*: giúp) giúp việc tang ma, chịu tang; cũng như *hộ tang*.

2. *Vườn Thúy*: vườn có hiên Lâm Thúy. Khi Kim Trọng từ Liêu Dương trở về đã vội sang ngay vườn Thúy để tìm lại Thúy Kiều.

3. *Song trắng quanh quẽ*: đây không phải là tá cái song cửa về ban đêm có ánh trắng chiếu vào mà chỉ có ý nói đến cái song cửa xưa kia đẹp để có ánh trắng chiếu vào nay trở nên quanh quẽ.

Chữ *trắng* cũng chỉ được dùng cho đẹp lời để đối với chữ *mưa* ở dưới.

4. *Vách mưa rã rời*: bức vách bị mưa gió lâu ngày đã bị hư lở, rã rời cả.

5. *Hoa đào năm ngoái*: câu này lấy ý ở bài thơ *Đề đô thành nam trang*. Thôi Hộ (đời Đường) nhân tiết thanh minh đi chơi về phía Nam đô thành, thấy một nhà có đầy hoa đào ngoài vườn. Thôi Hộ đang lúc khát, tới gõ cửa xin nước uống. Một người con gái đẹp ra mở cửa rồi đem nước cho uống. Năm sau, cũng vào tiết Thanh minh, Thôi Hộ lại tới tìm thì chỉ thấy cửa đóng kín nên mới đề bài thơ. "*Khứ niên kim nhật thử môn trung, nhân diện đào hoa tương ánh hồng. Nhân diện bất tri hà xứ khứ, đào hoa y cựu tiếu đông phong*" = Năm xưa trong cửa hôm nào, hoa đào cùng với má đào khoe tươi. Năm nay vắng hẵn bóng người, hoa đào năm ngoái còn cười gió Đông. Nguyễn Du đã mượn ý hai câu cuối của bài thơ này để nói đến việc Kim Trọng trở lại tìm Thúy Kiều mà không gặp.

6. *Én liệng rường không*: én bay liệng ở quanh ngôi nhà bỏ không. Thơ Tiết Sanh: "*Không lương lạc yến nhê*" = rường nhà bỏ không chim én làm tổ rơi đất xuống.

7. *Như tờ*: chữ 祠 đọc là từ có nghĩa là ngôi đền. *Lặng như tờ*: ý nói vắng tanh như ở ngôi đền không có ai. Cũng có người hiểu *tờ* là tờ giấy (thứ giấy bán ngày xưa) vì hai tờ giấy va chạm vào nhau vẫn êm, không gây tiếng động gì.

- Hỏi ông, ông mắc tụng đình,¹
Hỏi nàng, nàng đã bán mình *chuộc* cha.
Hỏi nhà, nhà đã dời xa,
2760 Hỏi chàng Vương với cùng là Thúy Vân.
Đều là sa sút khó khăn,
May thuê, viết mượn kiếm ăn lần hồi.²
Điều đâu sét đánh lưng trời,
Thoắt nghe chàng thoát rúng rời xiết bao!
2765 *Vội han*³ di trú⁴ nơi nao,
*Đánh đường*⁵, *chàng* mới tìm vào tận nơi.
Nhà tranh vách đất tả tơi,
Lau treo rèm *nát*⁶, trúc *cài* phen thưa.⁷
Một sân đất cỏ *dầm* mưa,
2770 Càng ngả ngán nổi, càng ngơ ngẩn dường!
Đánh liều lên tiếng ngoài tường,
Chàng Vương nghe thấy vội vàng chạy ra.
Dắt tay vội rước vào nhà,
Mái sau viên ngoại ông bà ra ngay.
2775 Khóc than kể hết niềm tây:
“Chàng ôi, biết nổi nước này cho chưa?
Kiều nhi phận mỏng như tờ,⁸
Một lời đã lỗi tóc tơ⁹ với chàng!
Gặp cơn gia biến¹⁰ lạ dường,¹¹
2780 Bán mình nó phải tìm đường cứu cha.
Dùng dằng khi bước chân ra,
Cực trăm nghìn nổi, dạn ba bốn lần.
Trót lời nặng với lang quân,¹²

1. *Tụng đình*: sân xử kiện, đây nói vụ kiện cáo do thằng bán tơ gây ra.

2. *Lần hồi*: nắn ná cho qua thời, cho qua ngày tháng.

3. *Han*: hỏi han, thăm hỏi tin tức.

4. *Di trú*: dời chỗ ở đi nơi khác.

5. *Đánh đường*: ý nói ra đi tìm đường không còn ngại ngần gì nữa để tới nhà viên ngoại.

6. *Lau treo rèm nát*: treo một cái rèm lau nát.

7. *Trúc cài phen thưa*: cài cái phen thưa đan bằng tre.

8. *Như tờ*: như tờ giấy, ý nói rất mỏng.

9. *Tóc tơ*: kết tóc xe tơ, duyên vợ chồng.

10. *Gia biến*: biến cố rủi ro xảy đến cho gia đình.

11. *Lạ dường*: lạ quá chừng.

12. *Lang quân*: chàng, đây dùng có ý tôn xưng.

Mượn con em nó Thúy Vân thay lời.
 2785 Gọi là trả chút nghĩa người,
 Sầu này dằng dặc muôn đời chưa quên!
 Kiếp này duyên đã phụ duyên!
 Dạ đài ¹ còn biết sẽ đền lai sinh. ²
 Mấy lời ký chú ³ đình ninh, ⁴
 2790 *Ghi* lòng để *dạ* cất mình ra đi.
 Phận sao bạc *mấy* Kiều nhi,
 Chàng Kim về đó, con thì đi đâu?”
 Ông bà càng nói, càng đau,
 Chàng càng nghe nói, càng rầu như dưa.
 2795 Vật mình vấy gió ⁵ tuôn mưa,
 Dầm dề giọt ngọc, thẩn thờ hồn mai!
 Đau đòi đoạn, ngất đòi thôi,
 Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê.
 Thấy chàng đau nỗi biệt ly,
 2800 Nhận ngừng ⁶, ông mới vỗ về giải khuyên:
 “Bây giờ ván đã đóng thuyền, ⁷
 Đã đành phận bạc khôn đền tình chung. ⁸
 Quá thương chút nghĩa đèo bông,

1. *Dạ đài*: tức âm phủ.

2. *Lai sinh*: kiếp sau.

Đoạn này nguyên truyện viết: “Kiều xuất thời, chúc thác tương muội thị đại thường minh ước vị kim sinh bất đắc dĩ nhĩ hài liên lý nguyện đáo lai sinh tục thử minh...” = Nàng Kiều lúc bước đi dặn dò xin đem em nó thay lời thề thốt và nguyện kiếp này đã chẳng được cùng chàng kết tóc xin để kiếp sau lại nối lời thề.

3. *Ký chú*: ghi để dặn lại.

4. *Đình ninh*: đây có nghĩa là chắc chắn, trước sau vẫn thế, không thay đổi. Ca dao: *Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn, những lời hò hẹn vẫn còn đình ninh*. Cả hai câu 2789-2790 ý nói nàng Kiều dặn cha mẹ phải ghi lòng để dạ làm đúng như lời ký chú trước khi ra đi.

5. *Vấy gió*: vùng tay vật chân làm như vấy gió.

6. *Nhận ngừng*: nén lòng cầm nước mắt lại.

7. *Ván đã đóng thuyền*: ý nói tấm ván đã đem đóng thuyền rồi, thời không còn đem làm gì được nữa cũng như Thúy Kiều đã bán mình rồi, đã đi lấy người khác rồi thì cũng không thể kết duyên với chàng Kim được nữa.

8. *Tình chung*: tình chung đúc lại mà thương yêu riêng một người, đây chỉ tình Kim Trọng.

Đoạn này nguyên truyện viết: Kim Trọng nghe nói khóc đến nỗi đổ máu tươi, chết ngất đi một lúc, tỉnh rồi lại khóc. Viên ngoại trước cũng khóc dữ lắm, sau thấy chàng Kim thương tiếc Thúy Kiều như thế, mới gạt nước mắt khuyên rằng: gỗ đã đóng thuyền, khóc cũng vô ích, chỉ thêm hại cho sức khỏe mà thôi.

Nghìn vàng thân ấy ¹ dẽ hong bo sao?
 2805 Đỗ dành khuyên giai trăm chiều,
 Lửa phiền càng dập, càng khêu mối phiền!
 Thề xưa giở đến kim hoàn,
 Của xưa lại giở đến đàn với hương.
 Sinh càng trông thấy càng thương.
 2810 Gan càng tức tối, ruột càng xót xa.
 Rằng: “Tôi trót *qua* chân ra.
 Để cho đến nổi trôi hoa giạt bèo. ²
 Cùng nhau thề thốt đã nhiều,
 Những điều vàng đá ³ phải điều nói không!
 2815 Chưa chẵn gối cùng vợ chồng,
 Lòng nào mà nỡ dứt lòng cho đang?
 Bao nhiêu của, mấy ngày đang.
 Còn tôi, tôi một gặp nàng mới thôi”.
 Nổi thương nổi chẳng hết lời,
 2820 Tạ từ ⁴, sinh mới sụt sùi trở ra.
 Vội về sửa chốn vườn hoa,
 Rước mời viên ngoại ông bà cùng sang.
 Thần hôn chăm chút lễ thường,
 Dưỡng thân thay tấm lòng nàng ngày xưa.
 2825 Đinh ninh ⁵ mài *lệ* chép thư, ⁶
 Cất người tìm tôi, đưa tờ nhấn nhe.
 Biết bao công mượn *của* thuê,
 Lâm Thanh ⁷ mấy độ đi về dặm khơi!
 Người một nơi, hỏi một nơi,

1. *Thân ấy*: thân của Kim Trọng. Viên ngoại thấy Kim Trọng khóc quá mới khuyên rằng: không lẽ cái thân quý báu như nghìn vàng mà lại chẳng coi trọng sao?

2. *Trôi hoa giạt bèo*: ý nói Thúy Kiều phải lưu lạc như hoa trôi bèo giạt ở nơi quê người.

3. *Vàng đá*: chỉ những lời thề thốt vững chắc, bền như đá.

4. *Tạ từ*: lời chào lúc ra về, khi chia tay.

5. *Đinh ninh*: tin chắc, một lòng lo việc tìm kiếm Thúy Kiều.

6. *Chép thư*: viết thư, cho người nhà cầm thư đi các nơi hỏi thăm tin tức của Thúy Kiều.

7. *Lâm Thanh*: Kim Trọng cho người cầm thư về Lâm Thanh hỏi thăm tin tức của Thúy Kiều vì khi Mã Giám sinh đến Bắc Kinh mua Thúy Kiều có khai quê ở huyện Lâm Thanh.

Theo nguyên truyện: “Người lính trạm đem thư tới Lâm Thanh thăm dò tin tức. Tháng sau người ấy trở về cho biết chẳng có một ai tên gọi là Mã Giám sinh hết thấy. Nghe tin thất vọng, chàng Kim luống những khóc hoài”.

2830 Mênh mông nào biết bê trời nơi nao?
 Sinh càng thảm thiết khát khao,¹
 Như nung gan sắt, như bào lòng son.
 Ruột tằm ngày một héo *don*,²
 Tuyết sương³ ngày một hao mòn mình ve.⁴

2835 *Thân* thờ lúc tỉnh lúc mê,
 Máu theo nước mắt⁵, hồn lìa chiêm bao!⁶
 Xuân huyên⁷ lo sợ xiết bao,
 Quá ra khi đến thế nào mà hay!
 Vội vàng sắm *sử* chọn ngày,
 2840 Duyên Vân sớm đã xe dây cho chàng.
 Người yếu điệu, *kẻ* văn chương,
 Trai tài gái sắc, xuân đương *vừa* thì.
 Tuy rằng vui chữ vu qui⁸,
 Vui này đã *cất* sâu kia được nào!

1. *Khát khao*: mong muốn được gặp lại Thúy Kiều.

2. *Héo don*: héo quắt lại.

3. *Tuyết sương*: về mùa đông giá lạnh tuyết sương làm khô héo cây cối, ám chỉ những nỗi vất vả ở đời.

4. *Mình ve*: mình gầy như con ve nhẹ bồng, ý nói Kim Trọng nhớ nàng Kiều mà thân thể hao mòn hẳn đi.

5. *Máu theo nước mắt*: khóc đến nỗi nước mắt có lẫn cả máu. Tích xưa, Biện Hòa người nước Sở ngồi khóc ở ngoài nội, khi hết nước mắt thì máu chảy nối theo.

6. *Hồn lìa chiêm bao*: lúc chiêm bao cứ mơ màng như hồn lìa khỏi xác để tìm gặp người yêu.

Sách *Quốc sắc thiên hương*, thơ nàng Du Nương gửi chàng Cô Sinh có câu: “*Hào cú mỗi tòng sâu lý đặc, ly hồn đa tự mộng trung tiêu*” = câu hay nảy lúc tiêu tao, hồn lìa thường tự chiêm bao mơ màng.

7. *Xuân huyên*: cha mẹ. Xem chú thích câu 759. Ở đây chỉ thấy nói đến cha mẹ của Thúy Kiều mà không hề nói đến cha mẹ của Kim Trọng. E có sự sơ xuất chăng? Chẳng lẽ Kim Trọng dám vượt quyền của cha mẹ mình để giải quyết vấn đề hôn nhân của mình trong khi có tang chú.

Nguyên truyện cũng viết: “*Thân phụ thấy chàng đau thương quá độ, sợ thành bệnh bèn chọn ngày sắm lễ nạp thái để cưới Thúy Vân cho chàng*”.

Chữ “*phụ*” đây có phải là *thân phụ* của Kim Trọng không? Hoặc chữ “*phụ*” ấy được dùng để chỉ Vương ông? Nguyễn Du thì dùng chữ *Xuân huyên* là chỉ cả cha mẹ nhưng nếu là cha mẹ của Kim Trọng thì sự xuất hiện ở đây không hợp lý.

8. *Vu qui*: chỉ con gái về nhà chồng. Ở đây nói chuyện Kim Trọng mà viết: “*Tuy rằng vui chữ vu qui, vui này đã cất sâu kia được nào?*” thì lại không ổn.

2845 Khi ăn ở, lúc ra vào,
 Càng *âu*¹ duyên mới, càng *dào*² tình xưa.
 Nỗi nàng *nhớ* đến bao giờ,
 Tuôn châu đòi trận, vò tơ trăm vòng.
 Có khi vắng vẻ thư phòng,
 2850 Đốt lò hương, giở phím đồng³ ngày xưa.
 Bẻ bai,⁴ rủ rỉ tiếng tơ,
 Trầm bay nhạt khói, gió đưa lay rèm.⁵
 Dường như bên chái⁶ bên thêm,
 Tiếng *kiều*⁷ đồng vọng, bóng xiêm mơ màng.
 2855 Bối lòng tạc đá ghi vàng,
 Tưởng nàng nên lại thấy nàng về đây.⁸
 Những là phiên muộn đêm ngày,
 Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần?
 Chế khoa⁹ gặp hội tràng văn,
 2860 Vương, Kim cùng chiếm bảng xuân¹⁰ một ngày.

1. *Âu*: âu yếm, yêu thương. Chữ này bản BK-TTK in lần thứ nhất chép là “*âu*”, đến lần in thứ ba đã sửa lại là “*sâu*”. Có sự in sai chăng?

2. *Dào*: dạt dào.

3. *Phím đồng*: phím đàn (vì cây đàn làm bằng gỗ cây ngô đồng nên mới gọi như vậy).

4. *Bẻ bai*: réo rắt (*Việt Nam tự điển* – KTTĐ).

5. *Trầm bay... lay rèm*: bình đốt trầm để bên cửa sổ khói tỏa lên, có gió thổi qua bức rèm làm cho nhạt đi.

6. *Chái*: 厓 gian phụ cất nối (dựa) theo nhà chính. Nhà ba gian hai chái.

7. *Tiếng kiều*: tiếng người con gái. Bản KOM và bản QVĐ đều viết 嬌 (*kiều* = người con gái). Các bản Nôm khác như Phúc Văn đường, Quảng Thịnh đường đều khắc chữ 嬌.

Tấn Đà Nguyễn Khắc Hiếu chú: “...*phần nhiều bản Nôm để là Kiều, là tên của Thúy Kiều*”...Chú như vậy thì sai. Bản BK-TTK đã viết hoa chữ *Kiều* thì không đúng.

8. *Bối lòng... về đây*: hai câu 2855-2856 này, câu trên là thuộc về bài thơ lưu biệt của Kiều, câu dưới là thuộc về Kim Trọng. Đoạn này tả Kim Trọng cùng Thúy Vân ngâm một khúc thơ lưu biệt của Thúy Kiều, gảy một khúc đàn của Thúy Kiều và đốt ít hương trầm. Ngâm thơ, gảy đàn xong, đến khi khói trầm bốc lên thì nghe như có “*tiếng kiều đồng vọng, bóng xiêm mơ màng*”.

9. *Chế khoa*: khoa ứng chế, khoa thi đặc biệt nhiều khi do vua ra đề và chấm quyển. Về sau thi Hương và thi Hội cũng gọi là *chế khoa*.

10. *Bảng xuân*: chỉ bảng yết tên những người đậu thi Hội, thi Đình vì thi Hội thường mở vào mùa xuân.

Chiếm bảng xuân: thi đậu Đại khoa, tức Tiến sĩ.

Cửa trời ¹ rộng mở đường mây, ²
 Hoa chào ngõ hạnh ³, hương bay dặm phần. ⁴
 Chàng Vương nhớ đến xa gần,
 Sang nhà Chung lão tạ ơn chu tuyền. ⁵
 2865 Tình xưa ân trả nghĩa đền,
 Gia thân ⁶ lại mới kết duyên Châu Trần. ⁷
 Kim từ nhẹ bước thanh vân. ⁸
 Nỗi nàng càng nghĩ xa gần càng thương.
 Ấy ai ⁹ hẹn ngọc thể vàng,
 2870 Bây giờ kim mã ngọc đường ¹⁰ với ai? ¹¹
 Ngọn bèo chân sóng lạc loài,
 Nghĩ mình vinh hiển thương người lưu ly.
 Vâng ra ngoại nhậm ¹² Lâm Truy,
 Quan sơn ¹³ nghìn dặm thê nhi ¹⁴ một đoàn.
 2875 Cầm đường ¹⁵ ngày tháng thanh nhàn,
 Sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn ¹⁶ tiêu dao.
 Phòng xuân trưởng rủ hoa đào,
 Nàng Vân nằm bổng chiêm bao thấy nàng.
 Tỉnh ra mới rí cùng chàng,

-
1. *Cửa trời*: chỉ cửa nhà vua.
 2. *Đường mây*: đường công danh nhẹ nhàng.
 3. *Ngõ hạnh*: tức ngõ Hạnh viên là nơi các Tiến sĩ (đời Đường) vào xem hoa và dự yến.
 4. *Dặm phần*: chỉ quê hương. Xem chú thích câu 2335. Cả câu ý nói thi đậu được vào dự yến xem hoa ở vườn thượng uyển và được vinh quy về làng vé vang danh tiếng.
 5. *Chu tuyền*: trọn vẹn đầy đủ.
 6. *Gia thân*: tăng thêm tình thân mật.
 7. *Châu Trần*: duyên vợ chồng. Xem chú thích câu 1458.
 8. *Thanh vân*: mây xanh, nói người thi đậu. Thơ Nguyễn Công Trứ có câu: “Đường mây rộng thênh thênh cử bộ, nợ tang bồng trang trắng vỗ tay reo”.
 9. *Ấy ai*: chữ ai đây là chỉ nàng Kiều.
 10. *Kim mã ngọc đường*: chỉ cảnh làm quan sang (*kim mã*: xem chú thích câu 410; *ngọc đường*: dinh thự của quan hàn lâm).
 11. *Với ai*: chữ ai đây chỉ người nào.
 12. *Ngoại nhậm*: những vị quan chức không tòng sự trong triều đình mà bổ đi các tỉnh, huyện gọi ngoại nhậm.
 13. *Quan sơn*: cửa ải và núi non, chỉ sự xa cách.
 14. *Thê nhi*: vợ con.
 15. *Cầm đường*: Tử Tiễn ở thời Xuân Thu làm quan huyện ở nước Lỗ, chỉ gảy đàn chơi mà việc quan vẫn chạy. Sau người ta gọi dinh quan huyện là *cầm đường*.
 16. *Tiếng hạc tiếng đàn*: đời Tống, Triệu Biện đi làm quan chỉ đem theo một con hạc và một cây đàn nhưng chính sự giản dị được dân tôn kính.

- 2880 Nghe lời chàng cũng hai đường tin nghi.
 Nọ Lâm Thanh với Lâm Truy,
 Khác nhau một chữ, hoặc khi có lầm.
 Trong cơ thanh khí tương tâm,¹
 Ở đây hoặc có giai âm² chẳng là?
- 2885 Thăng đường³ chàng mới hỏi tra,
 Họ Đô có kẻ lại già thưa lên:
 “Sự này đã ngoài mười niên,
 Tôi đã biết mặt biết tên rành rành.
 Tú bà cùng Mã Giám sinh,
 2890 Đi mua người ở Bắc Kinh đưa về.
 Thúy Kiều *tài sắc* ai bì,
 Có nghề đàn lại đủ nghề văn thơ.
 Kiên trinh⁴ chẳng phải gan vừa,
 Liều mình thế ấy⁵, phải lừa thế kia.⁶
- 2895 Phong trần chịu đã ê chề,
 Tơ duyên sau lại xe về Thúc lang.
 Phải tay vợ cả phũ phàng,
 Bắt về Vô Tích toan đường bẻ hoa.⁷
 Bực mình nàng phải trốn ra,⁸
 2900 Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia.⁹
 Thoát buôn về, thoát bán đi,
 Mây trôi bèo nổi thiếu gì là nơi!

1. *Thanh khí tương tâm*: thanh khí tìm nhau. Xem chú thích câu 193 và 1287.

2. *Giai âm*: tin tốt lành, tin may mắn.

3. *Thăng đường*: ra chỗ làm việc ở công đường.

Nguyên truyện viết: “sáng sau, lúc thăng đường, Kim Trọng bèn gọi hai bạn lệ dịch ra hỏi... Bọn nha dịch thấy quan hỏi, đều đứng ngăn người. Duy có một tên bạo dạn thưa rằng: “Đó là câu chuyện cách những 13 năm về trước, vậy chúng tôi là kẻ hậu sinh thì biết sao được. Ví bằng lão gia muốn hỏi công việc xưa ấy, trừ phi là hỏi ông Đô Lại Đắc thì mới biết được rõ ràng...” Kim Trọng thấy bọn nha dịch nói thế, bèn sai đi gọi Lại Đắc...”

Đô Lại Đắc đã kể cuộc đời Thúy Kiều từ lúc bị mua về Bắc Kinh cho đến khi lấy Từ Hải.

4. *Kiên trinh*: bền gan giữ lòng trinh chính.

5. *Thế ấy*: tức là họ Đô kể lại vụ Kiều tư tứ ở nhà Tú bà.

6. *Thế kia*: tức là họ Đô kể lại việc Kiều bị mắc vào kế hiểm độc của Tú bà - Sở Khanh.

7. *Bẻ hoa*: ý nói Hoạn Thư cũng định hãm hại Thúy Kiều.

8. *Trốn ra*: tức trốn khỏi Quan Âm các của nhà Hoạn Thư.

9. *Bạc kia*: tức Bạc Hạnh, người đã mua Thúy Kiều về rồi lại bán đi cho Bạc bà.

Bồng đầu lại gặp một người,
 Hơn đời trí dũng, nghiêng trời uy linh.
 2905 Trong tay *mười* vạn tinh binh,¹
 Kéo về đóng chát một thành Lâm Truy.
 Tóc tơ các tích mọi *khi*,
 Oán thì trả oán², ân thì trả ân.
 Đã nên có nghĩa có nhân,
 2910 Trước sau trọn vẹn, xa gần ngợi khen.
 Chưa tường được họ được tên,
 Sự này, hỏi Thúc sinh³ viên mới tường”.
 Nghe lời Đô nói rõ ràng,
 Tức thì viết thiệp⁴ mời chàng Thúc sinh.
 2915 Nỗi nàng hỏi hết phân minh,
 Chồng con đâu tá, tính danh là gì?
 Thúc rằng: “Gặp lúc loạn ly,⁵
 Trong quân tôi hỏi thiếu gì tóc tơ.⁶
 Đại vương tên Hải, họ Từ,
 2920 Đánh quen trăm trận⁷, sức dư muôn người.
 Gặp nàng *khi* ở *Châu Thai*,
 Lạ gì quốc sắc thiên tài⁸ phải duyên.
 Vầy vùng trong bấy nhiêu niên,

1. *Tinh binh*: quân lính tinh nhuệ.

2. *Oán thì trả oán*: theo *nguyên truyện* thì Thúy Kiều đã ra lệnh xé xác tên Mã Giám sinh, lột da Sở Khanh, đốt mù Tú bà như ngọn đình liệu, đánh Hoạn Thư một trăm roi, chém đầu lũ Ưng, Khuyển, băm xác Bạc Hạnh, Bạc bà.

Nguyễn Du đã để cho Thúy Kiều rộng lượng mà tha cho Hoạn Thư không đánh roi nào.

3. *Hỏi Thúc sinh*: *nguyên truyện* đã không để cho ông già họ Đô kể tiếp mà lại chuyển qua Thúc sinh. Thúc sinh đã kể rõ cuộc đời của Thúy Kiều khi lấy Từ Hải cho đến lúc Hồ Tôn Hiến dụ hàng, còn hiện tình ra sao thì không được rõ.

4. *Thiệp*: tờ danh thiệp.

5. *Loạn ly*: giặc giã rối loạn gây cánh ly tán.

6. *Tóc tơ*: ý nói từng sự việc nhỏ nhặt.

7. *Đánh quen trăm trận*: tức đánh thắng cả trăm trận.

8. *Quốc sắc thiên tài*: đây Thúc sinh cũng phải công nhận là Từ Hải và Thúy Kiều rất xứng nhau.

- Làm nên động địa kinh thiên ¹ dùng dùng.
- 2925 Đại *quân* đồn đóng cõi Đông,
 Về sau chẳng biết vân mông ² làm sao".
 Nghe tường ngành ngọn tiêu hao, ³
 Lòng riêng chàng luống lao đao thần thờ.
 Xót thay chiếc lá ⁴ bơ vơ,
- 2930 Kiếp *trần* biết giữ bao giờ cho xong?
 Hoa *trôi* nước chảy xuôi dòng,
 Xót thân chìm nổi, đau lòng hợp tan.
 Lời xưa đã lỗi muôn vãn,
 Mảnh *hương* ⁵ còn đó, phím đàn còn đây.
- 2935 Đàn cầm khéo ngăn ngơ dây,
 Lửa *hương* biết có kiếp này nữa thôi?
 Bình bông ⁶ còn *chút* xa xôi,
 Đỉnh chung ⁷ sao nỡ ăn ngồi cho an!
 Rắp mong treo ấn từ quan, ⁸
- 2940 Mấy sông cũng lội mấy ngàn cũng *pha*.
 Dấn mình trong áng can qua, ⁹
 Vào sinh ra tử họa là thấy nhau.
 Nghĩ điều trời thăm vực sâu,
 Bóng chim tăm cá biết đâu mà nhìn.
- 2945 *Những* là nấn ná đợi tin,
 Nắng mưa *biết* đã mấy phen đổi đời!
 Năm mây ¹⁰ bỗng thấy chiếu trời, ¹¹

1. *Động địa kinh thiên*: cũng như nói long trời lở đất, chỉ hành động phi thường.

2. *Vân mông*: tin tức, tăm hơi.

3. *Tiêu hao*: tin tức (*tiêu*: tiêu tức; *tiêu* là diệt đi, *tức* là tăng lên, thời vận tuần hoàn, lên lên xuống xuống gọi là *tiêu tức* cũng có nghĩa là tin tức, *hao*: tin tức).

4. *Chiếc lá*: ngụ ý bị chia lìa, lá rụng lìa cành.

5. *Mảnh hương*: theo nguyên truyện thì: Kim Trọng cùng Thúy Vân ngâm một khúc thơ lưu biệt của Thúy Kiều, gảy một khúc đàn Hồ cầm của Thúy Kiều và đốt một ít hương thừa của Thúy Kiều. Vây *mảnh hương* là đúng.

6. *Bình bông*: cánh bèo và cỏ bông, trôi lênh đênh trên mặt nước, dùng để ví với người lưu lạc.

7. *Đỉnh chung*: cái vạc, cái chuông, dùng để nói sự hưởng dụng của nhà phú quý.

8. *Treo ấn từ quan*: không muốn làm quan nữa thời treo ấn để đó trả lại nhà vua mà về ở ẩn.

9. *Can qua*: giáo mác, cũng như nói binh đao.

10. *Năm mây*: tức mây năm sắc.

11. *Chiếu trời*: tức chiếu của nhà vua (có vẽ mây năm sắc).

Khâm ban ¹ sắc chỉ ² đến nơi rành rành
 Kim thì cải nhậm ³ Nam Bình,
 2950 *Chàng Vương* cũng cải nhậm thành *Châu Dương*. ⁴
 Sắm xanh xe ngựa vôi vàng,
 Hai nhà cũng thuận một đường phó quan. ⁵
 Xảy nghe thế giấc đã tan,
 Sóng êm Phúc Kiến, *lửa* tàn Chiết Giang. ⁶
 2955 Được tin Kim mới rủ Vương.
 Tiện đường cùng lại tìm nàng sau xưa.
 Hàng Châu ⁷ đến đó bấy giờ,
 Thật tin hỏi được ⁸ tóc tơ rành rành.
 Rằng: “Ngày hôm nọ giao binh, ⁹
 2960 Thất cơ ¹⁰ Từ đã thu linh ¹¹ trận tiền.
 Nàng Kiều công cả chẳng đền,
 Lệnh quan lại bắt ép duyên thổ tù.
 Nàng đã gieo ngọc trầm châu, ¹²
 Sông Tiền Đường đó, ấy mồ hồng nhan.
 2965 Thương ôi! Không hợp mà tan,
 Một nhà vinh hiển riêng oan một hàng.
 Chiêu hồn ¹³ *thiết vị* lễ thường,

-
1. *Khâm ban*: (*khâm*: kính) vua ban cho.
 2. *Sắc chỉ*: lời vua truyền ở trong tấm sắc.
 3. *Cải nhậm*: đổi đi làm quan ở nơi khác. Kim Trọng làm huyện lệnh ở Lâm Truy nay được đổi đi làm huyện lệnh ở Nam Bình thì dùng chữ *cải nhậm* là đúng nhưng với Vương Quan mới đi làm quan lần đầu mà dùng chữ *cải nhậm* thì sai.
 4. *Châu Dương*: theo nguyên truyện thì là Dương Châu.
 5. *Phó quan*: (*phó*: đi tới chỗ đã định trước) đi tới chỗ được bổ nhiệm làm quan.
Nguyên truyện: Qua ba năm, Kim Trọng đổi sang huyện Nam Bình thuộc tỉnh Phúc Kiến làm chức huyện lệnh. Vương Quan cũng trúng Giáp榜 (Tiến sĩ) được bổ chức lệnh Tứ phủ ở Dương Châu.
 6. *Phúc Kiến, Chiết Giang*: hai tỉnh ở phía Nam Trung Quốc, nơi Từ Hải đã chiếm giữ được.
 7. *Hàng Châu*: tên phủ, nay là thủ phủ tỉnh Chiết Giang.
 8. *Hàng Châu... Thật tin hỏi được*: từ câu 2959 đến câu 2964 là lời một người ở Hàng Châu kể lại việc Từ Hải chết và việc Thúy Kiều bị ép duyên với một viên thổ tù nên đã trầm mình ở sông Tiền Đường.
 9. *Giao binh*: giao chiến giữa quân sĩ hai bên.
 10. *Thất cơ*: lầm lỡ cơ mưu, thua mưu kế địch.
 11. *Thu linh*: thu linh hồn, như nói khí thiêng về thân tức là chết.
 12. *Gieo ngọc trầm châu*: gieo mình xuống sông tự tử.
 13. *Chiêu hồn*: gọi hồn, làm lễ gọi hồn Thúy Kiều về.

Giải oan ¹ lập một đàn tràng bên sông.
 Ngọn triều non bạc ² trùng trùng,
 2970 Vời trông còn tưởng cánh hồng ³ lúc gieo.
 Tình thâm bể thảm lạ điều,
 Nào hồn tinh vệ ⁴ biết theo chốn nào?
 Cơ duyên đâu bỗng lạ sao,
 Giác Duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi.
 2975 Trông lên linh vị ⁵ chữ bài, ⁶
 Thất kinh ⁷ mới hỏi: “Những người đâu ta?
 Với nàng thân thích gần xa,
 Người còn sao bỗng làm ma khóc người?”
 Nghe tin ngơ ngác rụng rời,
 2980 Xúm quanh kể họ, rợn lời hỏi tra:
 “Này chồng, này mẹ, này cha,
 Này là em ruột, này là em dâu.
 Thật tin ⁸ nghe đã bấy lâu,
 Pháp sư ⁹ dạy thế, sự đâu lạ dường!”
 2985 Sư rằng: “Nhân quả ¹⁰ với nàng,
 Lâm Truy buổi trước, Tiền Đường buổi sau.
 Khi nàng gieo ngọc trầm châu, ¹¹
 Đón nhau, tôi đã gặp nhau rước về.

1. *Giải oan*: làm lễ cầu Phật để cởi bỏ nỗi oan cho Thúy Kiều.

2. *Ngọn triều non bạc*: ngọn sóng tung lên cao như ngọn núi trắng xóa.

3. *Cánh hồng*: chỉ hình ảnh Thúy Kiều lúc gieo mình xuống sông như cánh chim hồng.

4. *Hồn tinh vệ*: hồn oan của Thúy Kiều. (*Tinh vệ* là một giống chim nhỏ ở bãi biển. Chuyện xưa kể rằng con gái vua Viêm Đế chết đuối hóa làm chim tinh vệ, ngày ngày ngậm đá ở núi Tây Sơn về lấp biển Đông cho hả giận).

5. *Linh vị*: bài vị thờ linh hồn người chết (làm bằng gỗ hay dùng mảnh giấy dán vào cái thẻ, giữa có biên tên hèm, tên hiệu người chết để thờ.)

6. *Chữ bài*: chữ đề.

7. *Thất kinh*: giạt mình sợ hãi.

8. *Thật tin*: tin đích xác hỏi được. Câu 2958: *Thật tin hỏi được tóc tơ rành rành*.

9. *Pháp sư*: nhà Phật gọi đạo là *pháp* cho nên tôn xưng các sư giảng đạo là *pháp sư*.

10. *Nhân quả*: tức quả kiếp nhân duyên nghĩa là kiếp trước làm điều thiện thì kiếp sau được thiện báo, kiếp trước làm điều ác thì kiếp sau bị ác báo. Câu này và câu sau ý nói: Giác Duyên với Thúy Kiều có nhân duyên kết quả với nhau, cho nên Giác Duyên trước đã gặp nàng ở huyện Lâm Truy, sau lại vớt nàng ở sông Tiền Đường.

11. *Gieo ngọc trầm châu*: ý nói gieo mình xuống sông.

Cùng nhau nương cửa bồ đề,¹
 2990 Thảo am² đó, cũng gần kề chẳng xa.
 Phật tiền ngày bạc³ lân la,
 Dăm dăm nàng cũng nhớ nhà khôn khuây”.
 Nghe tin nở mặt nở mày,
 Mừng nào lại quá mừng này nữa chẳng?
 2995 Từ phen chiếc lá lìa rừng,⁴
 Thăm tìm luống những liệu chừng nước mây.⁵
 Rõ ràng hoa rụng hương bay,⁶
 Kiếp sau họa thấy, kiếp này hẳn thôi.
 Minh dương⁷ đôi ngả chắc rồi.
 3000 Cõi trần mà lại thấy người Cửu Nguyên.⁸
 Cùng nhau lay tạ Giác-Duyên,
 Bộ hành một lũ theo liền một khi.
 Bẻ lau vạch cỏ tìm đi,
 Tình thâm⁹ luống hầy hồ nghi nửa phần.
 3005 Quanh co theo dải giang tân,¹⁰
 Khỏi rừng lau đã tới sân Phật đường.
 Giác Duyên lên tiếng gọi nàng,
 Phòng trong vội dạo sen vàng¹¹ bước ra.
 Nhìn xem đủ mặt một nhà,

1. *Cửa bồ đề*: cửa chùa. (*Bồ đề* do chữ Phạn *Bodhi* có nghĩa là tỏ biết lẽ chân chính, thông đạo lý, giác ngộ đạo lý, hiểu rõ hai cảnh của pháp: lý và sự. Người Trung Quốc dịch là *chính giác*. Bên Ấn Độ có cây *tất bát la*, vì Phật tu đắc đạo ở dưới gốc cây ấy nên mới gọi là *cây bồ đề*).

2. *Thảo am*: chùa nhỏ lợp tranh.

3. *Ngày bạc*: dịch từ chữ *bach nhật*. Thơ Lý Bạch có câu “*Bach nhật hà đoản đoản, bách niên khổ dị mãn*” = ngày bạc sao lại ngắn, trăm năm khổ dễ qua. Sách *Gia Huấn* có câu: “*Bach nhật mạc nhàn quá, thanh xuân bất tái lai*” = ngày bạc chớ lãng qua, tuổi xanh không trở lại. Chữ *ngày bạc* như vậy có nghĩa là ngày sống bình thản, ngày nào cũng như ngày nào.

4. *Chiếc lá lìa rừng*: ví với cảnh Thúy Kiều phải lìa nhà mà lưu lạc.

5. *Nước mây*: chân mây mặt nước, ý nói ở nơi xa xôi.

6. *Hoa rụng hương bay*: ý nói Thúy Kiều đã bị chết.

7. *Minh dương*: (*minh*: tối) cõi âm và cõi dương.

8. *Cửu Nguyên*: chỉ âm phủ, cũng như chữ *cửu tuyền*. Nguyên xưa là chỗ mộ địa của các quan khanh, đại phu nước Tấn chôn ở đất Cửu Nguyên nên đời sau mới dùng chữ ấy để gọi chỗ mộ địa.

9. *Tình thâm*: tình ruột thịt, tình sâu cha con, anh em.

10. *Giang tân*: (*tân*: bến) bến sông.

11. *Sen vàng*: gót chân của người con gái đẹp. Xem chú thích câu 190.

- 3010 Xuân già còn khỏe, huyên già còn tươi.
 Hai em phương trưởng ¹ hòa hai, ²
 Nọ chàng Kim đó, là người ngày xưa!
 Tưởng bây giờ là bao giờ,
 Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao!
- 3015 Giọt châu thánh thót quện bào, ³
 Mừng mừng *tủi tủi* xiết *bao* là tình.
 Huyên ⁴ già dưới gối gieo mình,
 Khóc than mình kể sự mình đầu đuôi:
 “Từ con lưu lạc quê người,
 3020 Bèo trôi sóng vỗ ⁵, chốc mười lăm năm!
 Tính rằng sông nước cát lằm, ⁶
 Kiếp này ai lại còn cầm ⁷ gập đây!”
 Ông bà trông mặt *cầm* tay,
 Dung quang ⁸ chẳng khác chi ngày bước ra.
- 3025 Bấy chầy dải nguyệt dầu hoa, ⁹
 Mười phần xuân có gầy ba bốn phần.
 Nỗi mừng *biết* lấy gì cân?
 Lời tan hợp, chuyện xa gần thiếu đâu!
 Hai em hỏi trước han sau,
 3030 Đứng trông, *chàng cũng* trở sấu làm tươi. ¹⁰
Quây nhau lay trước Phật đài,

1. *Phương trưởng*: khôn lớn.

2. *Hòa hai*: cả hai.

3. *Quện bào*: thấm ướt áo. Chữ 漉 có người đọc là *quyển*, *quyến*, *quén*.

4. *Huyên*: mẹ. Xem chú thích câu 224.

5. *Bèo trôi sóng vỗ*: ý nói bị chìm đắm trôi nổi lênh dênh như bèo bị sóng vỗ.

6. *Sông nước cát lằm*: ý nói bị chìm đắm dưới sông nước và bị vùi lấp trong cát lằm, tức bị chết chìm.

7. *Còn cầm*: còn hòng, còn mong.

8. *Dung quang*: diện mạo con người, vẻ đẹp.

9. *Dải nguyệt dầu hoa*: tức *dải dầu nguyệt hoa*, ý nói bị dày dọạ trong cánh nguyệt hoa (*nguyệt hoa* chỉ sự tình ái giữa trai gái) khi bị ép phải vào thanh lâu.

10. *Chàng cũng trở sấu làm tươi*: nguyên truyện: “Vương Quan, Thúy Vân đô thượng tiên xả túc tróc tí khiếu hoán *thư thư*. Kim Trọng bất tiện thương tiên, chỉ hỉ đắc mi hoan nhơn tiểu” = *Vương Quan và Thúy Vân đều chạy tới nắm lấy tay Kiều và gọi: Chị! Chị! Chàng Kim không tiện tiến tới, chỉ đứng đấy mà vui vẻ nở mày tươi mắt.*

Tái sinh ¹ trần tạ ² lòng người từ bi. ³
 Kiệu hoa giục *giã* tức thì,
 Vương ông dạy rước cùng về một nơi.
 3035 Nàng rằng: “Chút phận hoa rơi,
 Nửa đời nếm đủ mọi mùi đắng cay.
 Tính rằng mặt *nước* chân mây,
 Lòng nào còn tưởng có rày nữa không?
 Được rày tái thể tương phùng, ⁴
 3040 Khát khao đã thỏa tấm lòng lâu nay!
 Đã đem mình bỏ am mây,
 Tuổi này gửi với cỏ cây cũng vừa.
 Mùi thiên đã bén muối dưa,
 Màu thiên ăn mặc đã ưa nâu sồng.
 3045 Sự đời đã tắt lửa lòng,
 Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi!
 Dở dang nào có hay gì,
 Đã tu, tu trót qua thì thì thôi!
 Trùng sinh ⁵ ân nặng bể trời,
 3050 Lòng nào nỡ dứt nghĩa người ra đi? ⁶
 Ông rằng: “Bỉ thử nhất thì, ⁷
 Tu hành thì cũng phải khi tòng quyền. ⁸

1. *Tái sinh*: làm cho sống lại.

2. *Trần tạ*: (*trần*: bày tỏ) tỏ lòng tạ ơn.

3. *Người từ bi*: người đây chỉ Giác Duyên. *Nguyên truyện*: Viên ngoại nói: “Cứ như lời đó thì người là cha mẹ trùng sinh của con đấy”. Nói đoạn, nghiêng mình sụp lễ Giác Duyên. Vương bà, Kim Trọng, Vương Quan và Thúy Vân đều lễ theo.

4. *Tái thể tương phùng*: được sống lại và được gặp lại nhau.

5. *Trùng sinh*: ý nói lại để ra mình lần thứ hai.

6. *Nghĩa người ra đi*: người đây chỉ Giác Duyên như chữ *người* trong câu: *Tái sinh trần tạ lòng người từ bi*.

7. *Bỉ thử nhất thì*: tức *bỉ nhất thì*, *thử nhất thì*: Mạnh Tử đáp Sung Ngu: Tiễn nhật dư thường ngôn, quán tử bất oán thiên bất vuơ nhân nhi kim nhược hữu bất dự cái bỉ nhất thì thử nhất thì dã.

(Thầy Mạnh Tử đáp lời hỏi của Sung Ngu: Ngày trước ta thường nói người quân tử không oán trời, không trách người, mà nay ta lại có điều chẳng bằng lòng, vì tùy việc mỗi lúc một khác.)

Ở đây Vương ông muốn nói phải tùy hoàn cảnh mà xử sự không thể cứng nhắc được.

8. *Tòng quyền*: tức *ngộ biến tòng quyền*, người ta khi gặp cảnh biến thì phải theo đạo *quyền* nghĩa là phải xử sự cho thích hợp với hoàn cảnh lúc biến, không thể giữ đạo *kinh* là cách xử sự vào lúc bình thường.

Phải điều cầu Phật cầu Tiên,
 Tình kia, hiếu nọ ai đền cho đây?
 3055 Độ sinh ¹ nhờ đức cao dày, ²
 Lập am rồi sẽ rước thầy ở chung.
 Nghe lời, nàng *phải* chiều lòng,
 Giã sư, giã cảnh đều cùng bước ra.
 Một nhà về đến quan nha, ³
 3060 Đoàn viên ⁴ vội mở tiệc hoa vui vầy.
 Tàng tàng chén cúc ⁵ dở say,
 Đứng lên Vân mới giải bày một hai. ⁶
 Rằng: “Trong tác hợp ⁷ cơ trời,
 Hai bên gặp gỡ, một lời kết giao. ⁸
 3065 Gặp cơn bình địa ba đào, ⁹
 Vậy đem duyên chị buộc vào cho em.
 Cũng là phận cải duyên kim, ¹⁰
 Cũng là máu chảy ruột mềm chớ sao?
 Những là rày ước mai sao,
 3070 Mười lăm năm ấy, biết bao nhiêu tình!
 Bây giờ gương vỡ lại lành, ¹¹
 Khuôn thiêng lữa *lộc* ¹² đã *dành* có nơi.
 Còn duyên may lại còn người,
 Còn vừng trăng *bạc*, còn lời nguyên xưa.

1. *Độ sinh*: cứu sống lại.

2. *Đức cao dày*: chỉ ơn đức cao dày của trời đất và của đức Phật.

3. *Quan nha*: chỗ huyện sở, chỗ làm việc quan. Theo *nguyên truyện* thì gia đình Viên ngoại về nhà trọ mở tiệc đoàn viên rồi Kim Trọng cùng Vương ông, Vương bà, Thúy Kiều, Thúy Vân sang tỉnh Phúc Kiến để nhậm chức huyện lệnh Nam Bình. Riêng Vương Quan và vợ thì đi nhậm chức ở huyện Dương Châu.

4. *Đoàn viên*: (*đoàn*: tròn, *viên*: hình tròn) quây quần sum họp.

5. *Chén cúc*: chén rượu cúc.

6. *Một hai*: một đôi điều, một vài điều.

7. *Tác hợp*: *Kinh Thi* có câu *Thiên tác chi hợp* = trời tác thành cho đôi bên trai gái hợp nên vợ chồng.

8. *Kết giao*: giao ước kết hợp với nhau.

9. *Bình địa ba đào*: (*ba*: sóng, *đào*: sóng lớn) đất bằng nổi sóng, đây chỉ cảnh gia biến.

10. *Phận cải duyên kim*: duyên phận vợ chồng. Xem *chú thích* câu 769.

11. *Gương vỡ lại lành*: ý nói bị chia lìa rồi lại được đoàn tụ.

Tình sử: Từ Đức Ngôn lúc từ biệt công chúa Lạc Xương đã đập cái gương vỡ làm hai mảnh, mỗi người giữ lấy một mảnh; sau gặp nhau ghép hai mảnh gương lại và lại được đoàn tụ.

12. *Lừa lộc*: *lừa*: do chữ *lựa* chuyển thanh, *lựa* đi *lộc* lại, ý nói trời khéo khôn xếp cho.

3075 Quả mai ba bảy ¹ đương vừa,
 Đào non ² sớm liệu xe tơ *kịp* thì!"
 Dứt lời, nàng vội gạt đi:
 "Sự muôn năm ³ cũ, kể chi bây giờ?
 Một lời tuy có ước xưa,
 3080 Xét mình dãi gió dầm mưa đã nhiều.
 Nói càng hổ thẹn trăm chiều,
 Thà cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi!" ⁴
 Chàng rằng: "Nói *cũng* lạ đời,
 Dầu lòng kia vậy, còn lời ấy ⁵ sao?
 3085 Một lời đã trót thâm giao, ⁶
 Dưới *dây* có đất, trên cao có trời!
 Dầu rằng vật đổi sao dời, ⁷
 Tử sinh *phải* giữ lấy lời tử sinh. ⁸
 Duyên kia có phụ chi *tình*,
 3090 Mà toan sẽ gánh chung tình ⁹ làm hai?"
 Nàng rằng: "Gia thất duyên hài. ¹⁰
 Chút lòng ân ái, ai ai cũng lòng.
 Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,
 Hoa thơm phong nhị ¹¹, trăng vòng tròn gương.
 3095 Chữ trịnh đáng giá nghìn vàng,
 Đuốc hoa ¹² chẳng thẹn với chàng mai xưa. ¹³

1. *Quả mai ba bảy*: Kinh Thi, bài *Phiếu mai*: *Phiếu hữu mai, kỳ thực tam hê...* (Quả mai rụng, mười phần chỉ còn lại ba...) Bài thơ ý nói quả mai đã rụng còn bảy phần rồi còn ba phần nhưng vẫn còn là mùa mai, chưa hết xuân. Thúy Kiều cũng vậy, tuy đã quá tuổi đôi mươi nhưng vẫn còn đang vừa thì nên phải sớm nối lại mối duyên xưa.

2. *Đào non*: cô Kiều lúc này đã ngoài ba mươi tuổi rồi mà Nguyễn Du còn nói là "đào non" nên Tản Đà cho là "thật buồn cười".

3. *Muôn năm*: ý nói việc đã cũ lắm rồi.

4. *Ngọn nước thủy triều chảy xuôi*: ý nói thà cho trôi qua luôn, đừng nhắc đến làm gì nữa.

5. *Lời ấy*: lời thề xưa giữa hai người.

6. *Thâm giao*: giao ước nặng tình với nhau.

7. *Vật đổi sao dời*: ý nói đã có nhiều thay đổi.

8. *Lời tử sinh*: lời thề sống chết với nhau.

9. *Chung tình*: (chung: *đúc kết lại*) mối tình đúc kết vào một người.

10. *Gia thất duyên hài*: đẹp duyên vợ chồng, cửa nhà vui vẻ thuận hòa.

11. *Phong nhị*: nói bông hoa còn giữ nguyên cái nhị chưa bị bướm ong hút mất.

12. *Đuốc hoa*: đèn thắp trong đêm hợp cấn.

13. *Mai xưa*: buổi đầu tiên, tức đêm động phòng hoa chúc.

Thiếp từ ngô biến ¹ đên giờ,
 Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa.
 Bấy chầy gió táp mưa sa,
 3100 Máy trăng cũng khuyết, máy hoa cũng tàn.
 Còn *chi* là cái hồng nhan,
 Đã xong thân thế, còn toan nổi nào?
 Nghĩ mình, chẳng *hổ* mình sao?
 Dám đem trần cấu ² dự vào bố kinh! ³
 3105 Đã hay chàng nặng vì tình,
 Trông hoa đèn, chẳng *thẹn* mình lắm ru!
 Từ rày khép cửa *phòng* thu, ⁴
 Chẳng tu thì cũng *như* tu mới là!
 Chàng dù nghĩ đến *tình* xa,
 3110 Đem tình cầm sắt ⁵ đổi ra cầm cờ. ⁶
 Nói chi kết tóc xe tơ,
 Đã buồn cả ruột, *mà* dơ cả đời”.
 Chàng rằng: “Khéo nói nên lời,
 Mà trong lẽ phải có người có ta!
 3115 Xưa nay trong đạo đàn bà,
 Chữ trinh kia cũng có ba bảy *dường*. ⁷
 Có khi biến, có khi thường,

1. *Ngô biến*: gặp cảnh gia biến.

2. *Trần cấu*: bụi bẩn, ý nói đến tám thân đã bị “*dãi nguyệt dầu hoa*” ở chỗ thanh lâu đâu còn trong sạch gì nữa.

3. *Bố kinh*: (bố: vải; *kinh*: gai) do chữ “*kinh thoa bố quần*” là cái thoa bằng cỏ gai, cái quần bằng vải thô, chỉ người vợ hiền vì xưa nàng Mạnh Quang (vợ của Lương Hồng) đời Hậu Hán chỉ dùng những đồ ấy.

Cả câu ý nói không dám đem tám thân dơ bẩn mà làm vợ.

4. *Phòng thu*: phòng của người phụ nữ đã luống tuổi, trái với *phòng xuân* là phòng của người con gái:

5. *Cầm sắt*: đàn cầm và đàn sắt. *Kinh Thi* có câu: *Thê tử hảo hợp, như cổ cầm sắt* = vợ chồng hòa hợp như tiếng đàn cầm, đàn sắt gảy hòa với nhau.

6. *Cầm cờ*: cây đàn và cuộc cờ, chỉ tình bạn bè chỉ vui chơi với nhau bằng thú gảy đàn và đánh cờ.

Cả câu ý nói đem tình vợ chồng đổi ra tình bầu bạn.

7. *Dường*: do chữ *dạng* mà ra, có nghĩa là dáng vẻ, sắc thái.

Nguyên truyện: Phàm sự trinh tiết của con gái, có khi lấy sự không chịu thất thân làm trinh, cũng có khi lấy sự phái nhục thân làm trinh nghĩa là có lúc thường lúc biến vậy. Như sự nhục thân của hiền thê là gặp cảnh biến mà làm trọn điều hiếu đó. Tuy sa vào nơi bùn nhơ mà không nhiễm. Sự được gặp nhau ngày nay, có thể gọi là hoa tàn mà lại nở, trăng khuyết rồi lại tròn.

Có quyền ¹ nào phải một đường chấp kinh? ²
 Như nàng lấy hiếu làm trinh,
 3120 Bụi nào cho đục được mình ấy vay?
 Trời còn để có hôm nay,
 Tan sương *đầu* ngõ ³, *vén* mây giữa trời. ⁴
 Hoa tàn mà lại thêm tươi,
 Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.
 3125 Có điều chi nữa mà ngờ,
 Khách qua đường để *hững* hờ ⁵ chàng Tiêu! ⁶
 Nghe chàng nói đã hết điều,
 Hai thân ⁷ thì cũng quyết theo một bài. ⁸
 Hết lời ⁹ khôn lẽ *chối* lời,
 3130 *Cúi* đầu, nàng những ngán dài thở than.
 Nhà vừa mở tiệc đoàn viên,
 Hoa soi ngọn đuốc ¹⁰, hồng *chen* bức là. ¹¹

1. *Quyền*: thế biến, không thường.

2. *Chấp kinh*: giữ phép thường khi không gặp sự biến.

3. *Tan sương đầu ngõ*: sương đã tan ở đầu ngõ, ý nói quang cảnh lại tươi sáng vì với cuộc đời của Thúy Kiều đã hết những ngày khổ cực, u ám.

4. *Vén mây cuối trời*: ở cuối trời cũng không còn đám mây nào che phủ nữa, ý cũng như trên.

5. *Để hững hờ*: ý nói hững hờ, không thiết.

Nguyên truyện: Hiền thê còn nghi ngờ gì mà nữ coi chàng Tiêu như khách qua đường ru?

6. *Chàng Tiêu*: tức là Tiêu lang. Theo *Toàn Đường thi thoại*, Thôi Giao đời Đường có một người tỳ thiếp bán vào dinh quan Liên Sứ. Thôi Giao có đề thơ tặng nàng trong có câu: “*Hầu môn nhất nhập thâm như hải, từng thử Tiêu lang thị lộ nhân*” = cửa hầu đã vào khỏi, chỉ thấy sâu như bể, từ đây chàng Tiêu thành ra người qua đường.

Quan Liên Sứ thấy bài thơ đó cho người con hầu lại được về với Thôi Giao.

Chữ *Tiêu lang* sau được dùng để chỉ người tình lang.

7. *Hai thân*: chỉ ông bà Viên ngoại.

8. *Theo một bài*: theo một lối, một cách, cùng một đường lối.

9. *Hết lời*: tức là đã nói hết mọi lý lẽ.

10. *Hoa soi ngọn đuốc*: ngọn đuốc hoa soi sáng.

11. *Hồng chen bức là*: tấm thảm màu hồng được giải chen vào bên những tấm màn lụa.

Nguyên truyện thì là bày đèn hoa và trái bức len đỏ.

“Vương Viên ngoại... liền gọi người nhà bày đèn hoa và trái bức len đỏ bảo hai người cùng lễ nhau, lễ xong, cả nhà đưa hai người vào phòng cưới và đứng xem hai người uống cạn chén rượu hợp cẩn mới lui ra”.

Cùng nhau giao *bái*¹ một nhà,
 Lê đà đủ lễ, đôi đà *xúng* đôi.
 3135 Động phòng² dìu dặt chén môi,³
 Bâng khuâng duyên mới, ngậm ngùi tình xưa.
 Những từ *sen* *ngó* đào tơ,⁴
 Mười lăm năm mới bây giờ là đây!
 Tình duyên ấy, hợp tan này,
 3140 Bi hoan mấy nỗi⁵ đêm *chầy* trắng cao.
 Canh khuya bức gấm rủ thao,
 Dưới đèn tỏ *rạng*⁶, má đào thêm xuân.
 Tình nhân lại gặp tình nhân,
 Hoa xưa *ong* cũ⁷, *mấy* phân chung tình.⁸
 3145 Nàng rằng: “Phận thiếp đã đành,
 Có làm chi nữa cái mình bỏ đi!
 Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,
 Chiều lòng gọi có *xương* tùy⁹ mấy may.¹⁰
 Riêng lòng đã thẹn lắm thay,
 3150 Cũng đà mặt dạn mày dày¹¹ khó coi!
 Những *như* âu yếm *vành* ngoài,¹²

1. *Giao bài*: vái lễ lẫn nhau.

2. *Động phòng*: buồng sâu kín như hang động, chỉ buồng của vợ chồng mới cưới, buồng cô dâu.

3. *Chén môi*: chén làm bằng mai con đôi môi.

4. *Sen ngó* *đào tơ*: ý nói từ khi Kim Trọng mới gặp Kiều, lúc ấy nàng còn trẻ măng như ngó sen mới mọc, như cành đào đang tơ.

5. *Bi hoan mấy nỗi*: Thúy Kiều và Kim Trọng tâm sự về những nỗi vui buồn đã trải qua.

6. *Tỏ rạng*: nhìn rõ, sáng rõ.

Nguyên truyện: Kim Trọng thấy các người đã lui ra cả rồi, bèn cầm dịch cây đèn bạc lại gần để được nhìn kỹ gương mặt Thúy Kiều thì vẫn chẳng khác gì: *Hoa thược được lòng làn khói nhạt, đoá đào hồng điểm hạt mưa bay*.

7. *Hoa xưa ong cũ*: hoa chỉ nàng Kiều; ong chỉ chàng Kim, ý nói đôi tình nhân cũ lại gặp nhau.

8. *Chung tình*: (*chung*: đúc kết lại) mối tình chung đúc lại.

9. *Xương tùy*: do chữ *phu xương phụ tùy*, chồng nói vợ theo. Đây dùng để chỉ tình vợ chồng.

10. *Mấy may*: một chút ít.

11. *Mặt dạn mày dày*: ý nói mặt mày đã dạn dày rồi không còn biết xấu hổ nữa.

12. *Âu yếm vành ngoài*: tỏ tình yêu thương mà không đi đến sự giao hoan.

Nguyên truyện: Sau khi cùng vào trướng uyên ương. Kim Trọng tỏ tình âu yếm bề ngoài tưởng rằng nàng sẽ nẩy lòng ham muốn. Nào ngờ Thúy Kiều, đối với các sự âu yếm bề ngoài thì khấn khít như keo sơn, nhưng hễ nghe nói đến chuyện giao hoan thì lập tức cự tuyệt.

- Còn toan mở mặt với người cho qua.
 Lại như những thói người ta,
 Vớt hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa.
- 3155 *Khéo* là giở nhuốc bày trò,
 Còn tình đâu nữa *mà* thù *đấy* *thôi!*¹
 Người yêu ta xấu với người,
 Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau!
 Cửa nhà dù tính về sau,
- 3160 Thì còn em đó, lọ cầu chi *đây?*
 Chữ *trình* còn một chút này,²
 Chẳng cầm cho vững *lại* giày cho tan!
 Còn nhiều ân ái chan chan,
 Hay gì vấy *cánh* hoa tàn mà chơi?"
- 3165 Chàng rằng: "Gắn bó một lời,
 Bỗng không cá nước chim trời lỡ nhau.
 Xót người lưu lạc bấy lâu,
 Tưởng thể thốt nặng *cũng* đau đớn nhiều.
Thương nhau sinh tử³ đã *liều*.
- 3170 *Gặp* nhau còn *chút* bấy nhiêu là tình.
 Chừng xuân tơ liễu còn xanh,
 Nghĩ *rằng* cho thoát khỏi *vành* ái ân.⁴
 Gương trong chẳng chút bụi trần,

1. *Mà thù đấy thôi*: chữ *mà* ở đây chỉ một sự phản ứng. Bản QVĐ và bản TĐ đã chép chữ *mà* thích hợp hơn.

Nguyên truyện: Nếu chàng không nghĩ đến sự mây mưa, để cho thiếp quên tình, thì thiếp còn có thể mở mặt một chút để đối với chàng. Ví phỏng cứ nhất quyết lấy việc trước đây mà thiếp đã chịu nhục để làm nhục thiếp, thế thì chàng không phải yêu thiếp mà là thù thiếp vậy.

2. *Chữ trình còn một chút này*: chữ *trình* đây theo nguyên truyện là "*thụ nhục chi trình*" chứ không phải chữ *trình* của người con gái.

"*Thả thiếp thụ nhục chi trình, duy tồn thử nhất tuyến. Thảng lang tất tính thử nhất tuyến nhi ô diệt chi, thiếp duy hữu cốt hóa hình tiêu, tái bất cảm phục thị cân trất hĩ*" = (Vả chẳng chữ *trình* đã bị nhục của thiếp chỉ còn cách xương nát thân tan, chứ không dám cầm cái khăn cái lược để hầu chàng nữa).

3. *Sinh tử*: sống chết, ý nói Kim Trọng đã vào sinh ra tử để đi tìm Thúy Kiều.

4. *Vành ái ân*: vòng yêu thương, đây ý nói đến chuyện vợ chồng chung chăn gối. Cả hai câu 3171-3172 ý Kim Trọng muốn nói rằng Thúy Kiều còn trẻ, nghĩ chưa thoát khỏi được chuyện ân ái vợ chồng.

- Một lời quyết hẳn ¹ muôn phần kính thêm!
- 3175 Bấy lâu đáy bể mò kim,
 Là nhiều vàng đá phải tìm trăng hoa? ²
 Ai ngờ lại *hợp* một nhà,
 Lọ là chẵn gối mới ra sắt cầm!" ³
 Nghe lời sửa áo cài trâm,
- 3180 Khẩu đầu lay *tạ* cao thâm nghìn trùng: ⁴
 "Thân tàn *gạn* đục khơi trong, ⁵
 Là nhờ quân tử khác lòng người ta.
 Máy lời tâm *phúc* ⁶ ruột rà, ⁷
 Tương tri *dường* ấy mới là *tương tri*! ⁸
- 3185 Chở che đùm bọc thiếu gì,
 Trăm năm danh tiết ⁹ cũng *vì* đêm nay!"
 Thoắt thôi tay lại cầm tay,
 Càng yêu vì nét, càng say vì tình.
 Thêm nén giá, *nối* hương bình,
- 3190 Cùng nhau lại *chước* chén quỳnh ¹⁰ giao hoan. ¹¹

1. *Một lời quyết hẳn*: đây là lời Thúy Kiều nhất quyết không chịu ân ái vợ chồng, không chịu để mất một chút trinh bạch còn lại.

Nguyên truyện: Kim Trọng nghe đoạn lấy làm kinh ngạc mà rằng: "*thế ra hiền thê không phải là hạng con gái tầm thường mà chính là một con người hào kiệt! Nay hiền thê đã lấy tư cách liệt phụ ngàn xưa để giữ mình thì ta không dám vọng cầu nữa.*" Thúy Kiều nghe đoạn, liền trở dậy nghiêm chỉnh áo quần rồi hướng về chàng Kim sụp lạy mà rằng: *Kính tạ tri kỷ*).

2. *Trăng hoa*: chỉ việc trai gái ái ân với nhau. Cả hai câu 3175 - 3176 ý nói bấy lâu nay vì nặng lời vàng đá nên phải đi tìm khắp nơi chứ đâu phải vì thú trăng hoa.

3. *Chẵn gối... sắt cầm*: cả câu ý nói đâu phải là có chung chẵn gối mới là vợ chồng. Trong trường hợp Thúy Kiều, vấn đề có tế nhị hơn. Kim Trọng và Thúy Kiều vẫn chung chẵn gối, vẫn "*âu yếm vành ngoài*", vẫn là vợ chồng nhưng chỉ không có chuyện ân ái mây mưa thôi.

4. *Lay tạ cao thâm nghìn trùng*: lay tạ tấm lòng cao cả của Kim Trọng đã xử sự đúng bậc quân tử, khác hẳn "*lòng người ta*".

5. *Gạn đục khơi trong*: ý nói rửa sạch căn nhơ, cũng như Thúy Kiều tắm thân đã "*thừa xấu xa*" nay được trong sạch dần đi.

6. *Tâm phúc*: lòng dạ, ý nói thân tín nhau.

7. *Ruột rà*: nói cái tình thân cùng máu mủ.

8. *Tương tri*: biết rõ lòng dạ của nhau, bạn thân.

9. *Danh tiết*: danh tiếng và tiết tháo.

10. *Chén quỳnh*: chén rượu quỳnh tương, chén rượu quý.

11. *Giao hoan*: vui vẻ với nhau.

Tình xưa lai láng khôn hàn,¹
 Thong dong lại hỏi ngón đàn² ngày xưa.
 Nàng rằng: “Vì mấy đường tơ,
 Lắm người³ cho đến bây giờ mới thôi!
 3195 Ăn năn thì sự đã rồi.
 Nể lòng người cũ, vâng lời một phen.”
 Phím đàn dìu dặt tay tiên,⁴
 Khói trầm cao thấp, tiếng *huyền*⁵ gần xa.
 Khúc đầu đầm ấm dương hòa,⁶
 3200 Ấy là hồ điệp⁷ hay là Trang sinh?⁸
 Khúc đầu êm ái xuân tình,
 Ấy hồn Thục Đế⁹ hay mình đồ quyền?¹⁰
 Trong sao châu nhỏ duênh quyền,^{11, 12}

1. *Lai láng khôn hàn*: chứa chan trong lòng không cầm giữ được, không ngăn lại được. (chữ *hàn* là bởi chữ *hạn* chuyển âm sang).

2. *Ngón đàn*: cái sờ trường về đàn.

3. *Lắm người*: làm cho người ta khổ sở, thân bị dơ bẩn, không còn giữ được sự trong trắng nữa. Như: “*Cát lắm ngọc trắng, thiệt đời xuân xanh*”. Chữ *lắm* cũng có thể hiểu là gây ra lắm lỗi cho người ta.

4. *Tay tiên*: tay người đẹp.

5. *Tiếng huyền*: (*huyền*: dây đàn) tiếng đàn.

6. *Dương hòa*: khí dương êm hòa đầm ấm.

7. *Hồ điệp*: con bướm bướm.

8. *Trang sinh*: tức là Trang Chu. Xưa Trang Chu nằm chiêm bao thấy mình hóa là con bướm. Khi thức dậy, mơ màng không biết là bướm hay là Trang Chu.

Đoạn tả tiếng đàn này từ câu 3199 đến câu 3204 là mượn ý ở bài *Cẩm sắt* của Lý Thương Ẩn (đời Đường).

Trang sinh hiểu mộng mê hồ điệp,

Thục Đế xuân tâm thác đồ quyền.

Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ.

Lam Điền nhật oán ngọc sinh yên.

(Trang sinh sớm mộng hồn bướm bướm,

Thục Đế lòng xuân oán đồ quyền.

Trăng tỏ bể xanh châu nhỏ lệ,

Lam Điền trời ấm ngọc lên hơi).

9. *Thục Đế*: vua nước Thục.

10. *Đồ quyền*: ta cho là con cóc. Xưa vua nước Thục là Đỗ Vũ, hiệu là Vọng Đế bị mất nước đã hóa làm con cóc, thường kêu “quốc quốc” nghe rất ai oán như gọi lòng tiếc nước không nguôi. (Xem thêm *chú thích* câu 1307).

11. *Duênh quyền*: vũng nước trong sáng hoặc có ánh trăng soi. (*quyên*: sáng đẹp).

12. *Châu nhỏ duênh quyền*: mượn ý câu thơ *Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ* để tả tiếng đàn nghe thật trong.

Ấm sao hạt ngọc Lam Điền ¹ mới đông!
 3205 Lọt tai nghe suốt năm cung, ²
 Tiếng nào là chẳng náo nùng, ³ xôn xao.
 Chàng rằng: “Phổ ấy tay nào,
 Xưa sao sâu thăm, nay sao vui vầy?
 Tẻ vui bởi tại lòng này,
 3210 Hay là khổ tận đến ngày cam lai. ⁴
 Nàng rằng: “Vì chút nghề chơi,
 Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu.
 Một phen tri kỷ ⁵ cùng nhau,
 Cuốn dây từ đấy về sau cũng chừa.”
 3215 Chuyện trò chưa cạn tóc tơ,
 Gà đà gáy sáng, trời vừa rạng đông,
 Tình riêng, chàng lại nói sòng, ⁶
 Một nhà ai cũng lạ lòng khen lao.
 Cho hay thực nữ ⁷ chí cao,
 3220 Phải người sớm muộn tối đào như ai? ⁸

1. *Hạt ngọc Lam Điền mới đông*: mượn ý câu thơ *Lam Điền nhật noãn ngọc sinh yên* để tả tiếng đàn thật ấm.

2. *Năm cung*: năm âm, năm bậc trong âm nhạc Trung Quốc.

3. *Náo nùng*: buồn rầu đau đớn.

4. *Khổ tận cam lai*: (*cam*: ngọt, *lai*: đến) ý nói thời kỳ khổ sở đã qua, thời kỳ sung sướng đã đến. Kiều gảy đàn lần này là lần thứ sáu. Năm lần trước Kiều gảy đàn cho Kim Trọng nghe khi gặp gỡ thề nguyện, cho Mã Giám sinh nghe khi bán mình chuộc cha, cho Hoạn Thư nghe khi làm hoa nô, cho Hoạn Thư và Thúc sinh nghe khi phải hầu rượu hai người và cho Hồ Tôn Hiến nghe sau khi Từ Hải chết. Trong suốt năm lần trước tiếng đàn của Thúy Kiều đều sâu thăm chỉ có lần sau cùng tái hồi Kim Trọng thì tiếng đàn mới được vui vầy.

5. *Tri kỷ*: đây nói hai người tâm sự với nhau sau khi đã hiểu được tấm lòng của nhau.

6. *Nói sòng*: nói thẳng ra. Bản nôm LVD và QVD chép là “nói cùng”.

7. *Thực nữ*: người con gái hiền.

8. *Phải người sớm muộn tối đào như ai*: đâu phải là người trăng gió lẳng lơ, sớm đi với người này tối đi với người khác.

Nguyên truyện: Kim Trọng nói: “Tình của ái khanh đây là tình trinh liệt! Vậy ta đâu còn dám mơ tưởng đến tình bất chính nữa.” Kiều nghe nói rất đổi vui mừng. Hai người lại cùng vào trong buồng gối, âu yếm bề ngoài đủ cách, chỉ trừ một sự mây mưa. Sáng hôm sau trở dậy, hai người cùng ra lạy chào cha mẹ. Kim Trọng đem chuyện tối trước nói cùng Thúy Vân. Thúy Vân lại đem chuyện ấy nói với cha mẹ. Cả nhà đều khen lao không ngớt.

Hai tình ¹ vện vẽ ² hòa hai,
 Chẳng trong chẵn gối, ³ cũng ngoài cầm thơ. ⁴
 Khi chén rượu, *khi* cuộc cờ,
 Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.
 3225 Ba sinh đã phỉ mười nguyên, ⁵
 Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bấy.
 Nhớ lời, lập một am mây;
Khiến người thân *tín*, ⁶ rước thầy Giác Duyên.
 Đến nơi đóng cửa cài then, ⁷
 3230 Rêu trùn kẻ ngạch, cỏ *lên* mái nhà.
 Sư đà hái thuốc phương xa,
 Mây bay hạc lánh ⁸, biết là tìm đâu?
 Nặng vì chút nghĩa *bấy lâu*,
 Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai.
 3235 Một nhà phúc lộc ⁹ gồm hai,
 Nghìn năm dằng đặc quan giai ¹⁰ lần lần.

-
1. Hai tình: tình *cầm cờ* và tình *cầm sắt* tức tình bạn và tình vợ chồng.
 2. Vện vẽ: trợn vện.
 3. Chẵn gối: Tình vợ chồng.
 4. Cầm thơ: đánh đàn và làm thơ ý nói tình bạn bè.
 5. Ba sinh đã phỉ mười nguyên: mọi sự ước nguyện về tình duyên vợ chồng đã được thỏa ý.
 6. Thân tín: người thân cận và tín cẩn.
 7. Đóng cửa cài then: Nguyễn Du đã tả cảnh cửa *đóng then* cài khác với nguyên truyện. Nguyên truyện viết: "*Sai nhân khứ liễu lai hồi, thì đạo am môn đại khai, Giác Duyên sư phụ ảnh đã bất kiến, chỉ kiến Phật tiền hương hạ sáp trứ nhất thiếp kiến tiểu đích nã lai hồi phục lão gia. Kim Trọng tiếp liễu, đồng chúng nhân khán đạo: Pháp môn yếu thành thủy thành chung, Nguyên quân phụ thê quý dĩ thân. Nhược vấn ngô thân hà xứ khứ, Thường bạn cô hạc bán không vân.*"
 (Gia nhân trở về cho biết, khi tìm đến chùa thấy cửa mở toang, tiến vào bên trong chẳng thấy bóng sư phụ Giác Duyên đâu cả mà chỉ nhìn thấy trước bàn thờ Phật dưới lư hương có một tấm thiếp. Chúng tôi đem về trình lão gia đây ạ. Chàng Kim cầm lấy tấm thiếp rồi cùng mọi người mở coi thấy bốn câu rằng:
*Cửa thiền vừa thủy lại vừa chung,
 Ước nguyện cho ai đẹp vợ chồng.
 Ví hỏi ta nay đâu lánh bước?
 Thường cùng mây hạc giữa tầng không.*
 8. Mây bay hạc lánh: chỉ sư Giác Duyên đi vân du không biết ở đâu mà tìm.
 9. Phúc lộc: phúc là điều tốt lành, lộc là của cải. Ta thường cho nhiều con là phúc và làm quan là lộc.
 10. Quan giai: bậc thang trong quan trường.

Thừa gia ¹ chẳng hết nàng Vân,
 Một cây cù mộc, ² một sân quế hòe. ³
 Phong lưu phú quý ai bì,
 3240 Vườn xuân ⁴ một cửa ⁵ để bia muôn đời.
 Ngẫm hay muôn sự tại trời,
 Trời kia đã bắt làm người có thân.
 Bất phong trần, phải phong trần, ⁶
 Cho thanh cao mới được phần thanh cao. ⁷
 3245 Có đâu thiên vị ⁸ người nào,
 Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai. ⁹
 Có tài mà cậy chi tài,
 Chữ tài liền với chữ tai ¹⁰ một vần.
 Đã mang lấy nghiệp ¹¹ vào thân,
 3250 Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.

1. *Thừa gia*: (thừa: vâng chịu) đảm đang coi sóc việc nhà.

2. *Cù mộc*: chữ lấy trong *Kinh Thi*, bài *Nam hữu cù mộc* (chữ *cù* cũng đọc là *cù*): *Nam hữu cù* (cù) *mộc cát lũy loi chi* = núi Nam có cây cong sà xuống, dây sắn dây bìm leo lên. *Cù mộc* là cây cao có nhiều cành lá nên ví với người vợ cả. Đây chỉ Thúy Vân vì nàng là người *thừa gia*, đã sinh để được nhiều con để nối dõi tông đường.

3. *Quế hòe*: tên hai thứ cây. Theo *Tống sử*. Đậu Vũ Quân có năm người con trai hiền đạt nên người đời khen là *Yên Sơn ngũ quế* (năm cây quế ở Yên Sơn). Phùng Đạo cũng có câu thơ khen: “*Linh xuân nhất châu lão, đan quế ngũ chi phương*” (Linh xuân một gốc thọ, quế đỏ năm cành thơm).

Đời Tống còn có chuyện Vương Hựu trồng ba cây hòe ở sân, con là Vương Đán làm đến chức tam công gọi là *Vương thị tam hòe*. Do hai điển trên mà về sau trong văn chương thường dùng chữ *quế hòe* để chỉ nhà có con cháu đông đúc và hiền đạt.

4. *Vườn xuân*: ý nói đến cảnh vui vẻ trong gia đình như khu vườn xuân có hoa nở tươi tốt đẹp đẽ.

5. *Một cửa*: ý nói một nhà như trong câu. “*Một nhà phúc lộc gồm hai*. Nhưng một nhà đây là nhà họ Vương hay nhà họ Kim. Nếu theo như trong truyện tả cảnh gia đình Kim Trọng với Thúy Vân, Thúy Kiều và các con cái thì lại là họ Kim chứ không phải họ Vương.

6. *Phong trần*: ý nói khổ sở gian truân.

7. *Thanh cao*: ý nói phong lưu sung sướng.

8. *Thiên vị*: riêng vì, thiên lệch.

9. *Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai*: câu này và câu trên ý nói ở đời không có người nào mà trời lại thiên vị cho cả tài lẫn mệnh. Hai câu này đối chiếu lại với hai câu ở đầu truyện *chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*.

10. *Tai*: những tai nạn, những điều bất hạnh.

11. *Nghiệp*: chữ *nghiệp* đây là *thân nghiệp* tức là cái nghiệp do sự hành động của mình mà tạo ra. Người làm điều lành thì có cái nghiệp để báo ứng cho điều lành. Người làm điều ác thì có cái nghiệp để báo ứng cho điều ác. Như thế thì xấu hay tốt, dữ hay lành là tự mình làm ra rồi chính mình được hưởng hay phải chịu chứ “*đừng có trách trời*”.

Thiện căn ¹ ở tại lòng ta,
Chữ tâm ² kia mới bằng ba chữ tài.
Lời quê *chấp nhật* đông dài,
Mua vui cũng được một vài trống canh.

1. *Thiện căn*: (*thiện*: điều lành, *căn*: gốc rễ) cái gốc thiện, cái cội nhân đức.

2. *Tâm*: lòng người ta. Đạo Phật cho rằng muôn sự ở đời đều do cái *tâm* của người ta tạo ra. Nếu người ta giữ *tâm* cho tốt, chỉ làm điều thiện thì cái nghiệp của mình do kiếp trước truyền xuống cũng nhẹ bớt đi. Nếu người ta không biết giữ *tâm* cho tốt, chỉ làm điều ác, thì cái nghiệp của mình do kiếp trước truyền xuống sẽ nặng thêm lên và còn dồn xuống kiếp sau nữa. Như Thúy Kiều nhờ có *thiện tâm* nên cái *ngiệp* cũng nhẹ đi và lại được hưởng hạnh phúc ở hậu vận. Nguyễn Du để kết thúc Truyện Kiều đã khuyên người ta hãy giữ lấy chữ *tâm* cho tốt vì:

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

CÁC BẢN TRUYỆN KIỀU

Như đã nói ở phần trên, Nguyễn Du sau khi đi sứ nhà Thanh về mới viết quyển *Truyện Kiều* mà lúc đầu đặt tên là *Đoạn trường tân thanh*.

Khi viết xong, ông có trao quyển truyện ấy cho người bạn thân là Phạm Quý Thích xem. Họ Phạm có viết bài thơ *Đề từ*, đổi tên sách là *Kim Vân Kiều tân truyện* và cho khắc ván in ở phố Hàng Gai, Hà Nội. Bản ấy đến nay đã không sưu tầm được nên chúng ta không biết rõ được năm in.

Quyển truyện ấy đến năm Canh Dần, Minh Mệnh thứ 11 (1830) đã khó kiếm rồi. Tới năm Tân Mùi, Tự Đức thứ 24 (1871) quyển truyện ấy đã không còn ai lưu giữ được nữa chỉ tình cờ mà tìm được trong bồ sách của nhà họ Phạm.

Sau này các nhà Liễu Văn đường, Thịnh Mỹ đường, Quan Văn đường, Phúc Văn đường, v.v... đã dựa vào bản của Phạm Quý Thích để cho khắc ván in lại ở phố Hàng Gai, Hà Nội và các bản in này được gọi là *bản Phường*. Các bản Phường này hầu hết đều không có chú thích và chữ khắc không được đẹp. Đến nay các bản Nôm ấy đều rất khó kiếm.

Các nhà nghiên cứu sưu tầm các bản *Kiều Nôm* mới chỉ tìm được những bản khắc in sau đây:

1. *Kim Vân Kiều tân truyện*, Liễu Văn đường tàng bản - Tự Đức nhị thập tứ niên, trọng xuân tân san (1871).
2. *Kim Vân Kiều tân truyện*, Thịnh Mỹ đường tàng bản, Tự Đức Kỷ Mão mạnh đông tân san (1879).
3. *Kim Vân Kiều tân truyện*, Quan Văn đường tàng bản, Tự Đức Kỷ Mão mạnh đông tân san (1879).
4. *Kim Vân Kiều tân truyện*, Việt Đông Phật Trấn Bảo Hoa các tàng bản, tuế tại Kỷ Mão, Nam Việt Gia Định thành cư sĩ Duy Minh thị trùng san (1879).
5. *Kim Vân Kiều tân truyện*, Liễu Văn đường tàng bản, Tự Đức Nhâm Ngọ niên trọng xuân tân san (1882).
6. *Kim Vân Kiều tân truyện* publié et traduit pour la première fois par Abel des Michels - Publications de l'Ecole des Langues orientales vivantes, Ernest Leroux. Paris. 1884 - 1885 3 tomes, format 18 x 28.

Tome I: transcription, traduction et notes 1884 (296 pages).

Tome II: transcription, traduction et notes 1885 (300 pages).

Tome III: textes en caractères figuratifs, 1884 (166 pages).

7. *Đoạn trường tân thanh*, Giá Sơn Kiều thị Oánh Mậu chú thích, Thành Thái Nhâm Dần Trung thu vọng (1902).
8. *Kim Vân Kiều tân tập*, Thời hiền thi tự, Quan Văn đường tàng bản, Thành Thái Bính Ngọ (1906).
9. *Kim Vân Kiều quảng tập truyện*, Liễu Văn đường tàng bản, Duy Tân Giáp Dần (1914).
10. *Kim Vân Kiều tân truyện*, Phúc Văn đường tàng bản, Khải Định Mậu Ngọ quý đông tân san (1918).
11. *Kim Vân Kiều tân tập*, Thời hiền thi tự, Quảng Thịnh đường tàng bản, Khải Định thất niên trọng đông (Nhâm Tuất, 1922).
12. *Kim Vân Kiều*, Quan Văn đường tàng bản, Khải Định Quý Hợi (1923).
13. *Kim Vân Kiều tân truyện*, Phúc Văn đường tàng bản, Khải Định Quý Hợi (1923).
14. *Kim Vân Kiều quảng tân truyện*, Liễu Văn đường tàng bản, Khải Định cửu niên tùng nguyệt cát nhật tân khắc (Giáp Tý, 1924).
15. *Kim Vân Kiều tân truyện*, Quan Văn đường tàng bản, Khải Định Ất Sửu mạnh đông tân san (1925).
16. *Kim Vân Kiều tân truyện*, Phúc Văn đường tàng bản, Bảo Đại Kỷ Ty (1929).
17. *Kim Vân Kiều tân truyện*, Phúc Văn đường tàng bản, Bảo Đại Nhâm Thân (1932).
18. *Kim Vân Kiều truyện*, Phúc An hiệu tàng bản, Quý Dậu niên phục tân san (1933).
19. *Kim Vân Kiều tân truyện*, Phúc Văn đường tàng bản, Bảo Đại Kỷ Mão (1939).
20. *Thúy Kiều truyện tường chú*. Chiêm Vân thị chú giải bằng chữ Hán, Lê Mạnh Liêu dịch và phụ chú. Nha Văn hóa. Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên. Sài Gòn. 1965. Tái bản lần thứ nhất 1973.
21. *Đoạn trường tân thanh khảo lục*. Vũ Văn Kính khảo lục - Bùi Hữu Sùng nhuận chính. Sài Gòn 1971.

Các bản quốc ngữ đến nay đã sưu tầm được có:

1. *Poème Kim Vân Kiều truyện*, transcrit pour la première fois en quốc ngữ avec des notes explicatives par Trương Vĩnh Ký. Bản in Nhà nước, Sài Gòn. In lần thứ nhất, 1875. Bản in lần thứ hai có thêm và sửa chữa. Claudes et C^{ie} Sài Gòn 1898. Bản in lần thứ ba có thêm hình vẽ của Nguyễn Hữu Nhiều. Sài Gòn F.H. Schneider Editeur, 1911.
2. *Kim Vân Kiều tân truyện* do Abel des Michels in ở Paris, Ernest Leroux 1884, 1885 (xem phần bản Nôm).
3. *Kim Vân Kiều tân truyện* (Nouvelle histoire de Kim, Vân, et Kiều) do Edmond Nordemann phiên âm, có chia ra từng đoạn, mục lục có dịch ra tiếng Pháp và có 23 hình vẽ. In lần thứ nhất: Hà Nội 1897. In lần thứ hai: Huế 1900.

4. *Kim Vân Kiều* dịch ra quốc ngữ có chú dẫn các điển tích, Nguyễn Văn Vĩnh, bản in lần thứ hai, có sửa lại. Hiệu Ích Ký - 1912.

5. *Kim Vân Kiều chú thích*, Bùi Khánh Diễm hiệu đính và chú giải. Nhà in Ngô Tử Hạ (không đề năm in).

Theo Bùi Thiện Căn - con Bùi Khánh Diễm - thì quyển *Kim Vân Kiều chú thích* đã được biên soạn từ đầu năm 1902 đến tháng 7 năm 1903 mới xong.

Năm 1912, thân phụ ông qua đời. Ông đã tinh tả lại pho *Kim Vân Kiều chú thích* và đem ra ấn hành, khi ông còn làm Tri phủ ở Lạng Giang. Trong bài *Tự tự* ông không ghi rõ năm tháng nên ngày nay chúng ta không thể biết chắc chắn quyển ấy đã được in ra vào năm nào.

(Bài *Tự tự* in trong bản in lần thứ nhất không đề năm tháng nhưng trong bản in của nhà xuất bản Sống Mới (1960) lại ghi là “Hà Nội - 1926”).

6. *Kim Túy tình từ*. Texte et notes d'après les documents originaux avec une biographie de l'auteur. Transcrits en quốc ngữ par Phạm Kim Chi, Phạm Văn Tươi, Đốc Phủ sứ. Épitre de M. Nguyễn Mai, Tấn sĩ, Saigon. Imprimerie Huỳnh Kim Danh 1917. Tái bản lần thứ nhất: Nha văn hóa. Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa. Sài Gòn 1972. Tái bản lần thứ hai: Tri Tân xuất bản Sài Gòn 1973.

7. *Kim Vân Kiều*, transcrit en quốc ngữ et publié par Nguyễn Ngọc Xuân. Hiệu Ích Ký - Hà Nội, 1923.

8. *Truyện Thúy Kiều* (Đoạn trường tân thanh) Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim hiệu thảo. Việt văn thư xã. Vĩnh Hưng Long thư quán Hà Nội, in lần thứ nhất, 1925.

Vĩnh Hưng Long, in lần thứ hai, 1927.

Vĩnh Hưng Long, in lần thứ ba, 1934.

Nhà xuất bản Tân Việt - Sài Gòn tái bản từ lần in thứ tư đến lần in thứ chín.

9. *Truyện Thúy Kiều*, Ngô Tử Cống. Nhà in Ngô Tử Hạ, Hà Nội. In lần thứ nhất, 1925. In lần thứ sáu, 1935.

10. *Kiều truyện dẫn giải*, Hồ Đắc Hàm. Imprimerie Đắc Lập - Huế, 1929.

11. *Kim Kiều tình tự*, Phúc An - Nhà in Thực Nghiệp, Hà Nội - 1929.

12. *Dẫn giải truyện Kim Vân Kiều*, Huyền Mặc đạo nhân, Tín Đức thư xã, Sài Gòn - 1930. Tái bản 1954.

13. *Truyện Kiều*, Nguyễn Can Mộng chú thích. IDEO, Hà Nội. 1936.

14. *Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện*, Tấn Đà Nguyễn Khắc Hiếu chú giải. Tủ sách Tao Đàn. Nhà xuất bản Tân Dân - Hà Nội, 1941. In lần thứ hai: Nhà sách Hương Sơn, Hà Nội 1952. In lần thứ ba: Việt Nam tu thư, Sài Gòn - 1960.

15. *Kim Vân Kiều tân truyện*, Vũ Đẳng - Hiệu Quảng Thịnh Hà Nội, in lại năm 1943.

16. *Kim Vân Kiều*, Hà Nội - Phúc Chi, 1950.

17. *Kim Vân Kiều Văn học* - Imprimerie Paul Dupont. Paris, 1951. Khổ 22 x 28.

Không có chú thích nhưng in đẹp và có kèm theo 6 bức tranh phụ bản màu của các họa sĩ Phạm Thúc Chương, Vũ Cao Đàm, Lê Thị Lựu, Lê Phổ, Sekiguchi và

Mai Trung Thứ.

18. *Kim Vân Kiều*

Văn Hồng Thịnh xuất bản, Hà Nội (không đề năm in).

21. *Truyện Thúy Kiều*, Hoàng Trung Chính và Trần Ngọc chú giải, hiệu khảo. Nguyễn Huy hiệu đính. Á Châu xuất bản, Hà Nội - 1952.

22. *Kim Vân Kiều*, Đồ Nam cư sĩ hiệu đính. Ngày Mai xuất bản (không đề năm in).

23. *Truyện Kiều chú giải*, Lê Văn Hòe chú giải, quốc học thư xã, in lần thứ nhất, Hà Nội 1953.

Diên Hồng, Sài Gòn in lần thứ hai: 1956.

Diên Hồng, Sài Gòn in lần thứ ba: 1959.

24. *Kiều*, Sài Gòn. Sách đẹp. 1958.

25. *Kim Vân Kiều*, Vũ Bằng bình chú.

Sài Gòn. Phạm Văn Tươi, 1956.

26. *Kim Vân Kiều*, Nguyễn Việt Hoài hiệu đính và chú thích. Huy Sơn xuất bản, Hà Nội, 1957.

27. *Kim Vân Kiều*, Hoà Bình - Vinh, 1957.

28. *Kim Vân Kiều*, Bình Dân - Hà Nội, 1957.

29. *Kim Vân Kiều*, Tân Mỹ - Hà Nội, 1957.

30. *Truyện Kiều*, Bùi Kỷ chú thích và hiệu đính. Nhà xuất bản Phổ thông - Hà Nội, 1958.

31. *Truyện Thúy Kiều*, Trần Cửu Trường và Hoàng Hiến hiệu khảo.

32. *Đoạn trường tân thanh* (truyện Thúy Kiều) Nguyễn Văn Anh hiệu chú. Sài Gòn - Bộ Quốc gia Giáo dục, 1958.

33. *Kiều*, Vũ Hữu Tiềm chú giải. Sài Gòn, Sách đẹp Văn hay 1959. Tái bản lần thứ ba, 1962.

34. *Kim Vân Kiều truyện tân biên*. Chợ Lớn - Hồng Dân, 1960.

35. *Kim Vân Kiều đại toàn chú thích dẫn giải đính chính*, Ưng Dự (Bút hiệu Di Sơn). Huế - In lần thứ nhất, 1960.

36. *Truyện Kiều*, Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Sĩ Lâm và Nguyễn Đức Vân hiệu đính và chú thích. Hà Nội, Văn học - 1965. Tái bản có sửa chữa một số chỗ trong phần chú thích và có bỏ phần khảo dị. Văn học - 1966.

37. *Truyện Kiều*, Đặng Thanh Lê trích, giới thiệu và chú thích (phần chú thích dựa theo quyển *Truyện Kiều* của nhà xuất bản Văn học, 1965). Nhà xuất bản Giáo dục - Hà Nội, 1972).

38. *Truyện Kiều*, Nguyễn Thạch Giang khảo đính và chú thích. Hà Huy Giáp giới thiệu. Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp - Hà Nội, 1972.

39. *Truyện Kiều*, Đào Duy Anh lập văn bản cơ sở và chú giải. Có sự tham gia hiệu đính của Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Công Hoan,

Hoài Thanh và Tuấn Đỗ. Viết bài giới thiệu: Đào Duy Anh, Xuân Diệu và Hoài Thanh. Nhà xuất bản Văn học - Hà Nội, 1979.

40. *Truyện Kiều*

Ty Văn hóa và Thông tin Đồng Tháp, tái bản 1982.

41. *Truyện Kiều*, Đào Duy Anh hiệu khảo, chú giải.

Nhà xuất bản Văn học - Hà Nội, 1984.

42. *Truyện Kiều*, Nguyễn Thạch Giang khảo đính. Nhà xuất bản Thông tin Hà Nội, 1989. Không có chú thích nhưng in đẹp với các họa bản của Trần Văn Cẩn, Nguyễn Tiến Chung, Nguyễn Đỗ Cung, Nguyễn Tường Lân, Nguyễn Tử Nghiêm, Nguyễn Đức Nùng, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Gia Trí và Tô Ngọc Vân. Có hai khổ: 11 x 18 và 5,5 x 8,5.

43. *Truyện Kiều*, Vũ Ngọc Khánh chú thích. Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, 1995.

KHẢO DỊ

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

STT	CÁC BẢN KIỂU NÔM VÀ QUỐC NGỮ	Viết tắt
1	Kim Vân Kiều tân truyện (Nôm) Liễu Văn đường (1871)	LVD
2	Kim Vân Kiều tân truyện Trương Vĩnh Ký phiên âm và chú thích (1875)	TVK
3	Kim Vân Kiều tân truyện (Nôm) Duy Minh thị trùng san (1879)	DMT
4	Kim Vân Kiều tân truyện Abel des Michels phiên âm và dịch sang Pháp ngữ (1884 - 1885)	A.M
5	Kim Vân Kiều tân truyện (Nôm) Edmond Nordemann	E.N
6	Đoạn trường tân thanh (Nôm) Kiều Oánh Mậu chú giải (1902)	KOM
7	Kim Vân Kiều tân tập (Nôm) Quan Văn đường (1906)	QVD
8	Kim Túy tình từ Phạm Kim Chi phiên âm (1917)	PKC
9	Kim Vân Kiều tân truyện (Nôm) Phúc Văn đường (1918)	PVD
10	Kim Vân Kiều hợp tập (Nôm) Khải Định cứu niên (1924)	H.T
11	Kim Vân Kiều tân truyện (Nôm) Quan Văn đường (1925)	Q.V
12	Truyện Thúy Kiều Bùi Kỳ - Trần Trọng Kim khảo đính	BK-TTK
13	Kim Vân Kiều chú thích Bùi Khánh Diễm (1926) (?)	BKD
14	Kiều truyện dân giải Hồ Đắc Hàm (1929)	HĐH
15	Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu (1941)	TĐ

KHẢO DỊ

Chúng tôi đã căn cứ vào các bản Kiều Nôm và Quốc ngữ được liệt kê ở BẢNG CHỮ VIẾT TẮT để khảo đính. Trong các bản Kiều ấy chúng tôi đã căn cứ vào ba bản được coi là những bản chính để khảo dị:

1. *Đoạn trường tân thanh* (Kiều Oánh Mậu).
2. *Kim Vân Kiều tân tập* (Quan Văn đường).
3. *Truyện Thúy Kiều* (Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim).

Trong phần *văn bản*, các chữ có khảo dị đều được in nghiêng.

- 4: Những điều trông thấy đã đau đớn lòng (LVĐ, KOM)
- 6: Trời xanh quen với má hồng đánh ghen (KOM, QVĐ)

- 8: Các bản Nôm đều viết 固錄 (*có lục*) trừ bản Phúc An in năm 1933 khác là 古錄 (*cổ lục*). Các bản Quốc ngữ như E.N, PKC, BK - TTK, BKD, HÐH, NVV đều chép là “*cổ lục*”. Bản TVK phiên là *có lúc*. Bản Tản Đà và Chiêm Vân thị phiên là *có lục*.

- 12: Gia tư 侍 nghĩ cũng thường thường bậc trung (KOM)

- 18: *Mỗi người mỗi vẻ* mười phân vẹn mười (TĐ)

- 20: *Khuôn lưng* đầy đặn, nét ngài nở nang (QVĐ)

Bản TVK lần in thứ nhì (1898) phiên là *Khuôn trắng* nhưng lần in thứ ba (1911) lại sửa là *Khuôn lưng*...

- 21: Hoa cười ngọc nói đoan trang (KOM, QVĐ)

- 25: Làn thu thủy vết xuân sơn (KOM)

Làn thu thủy, *thấp* xuân sơn (QVĐ)

- 27: Một đôi nghiêng nước, nghiêng thành (LVĐ, QVĐ)

- 29: Thông minh vốn sẵn *tính* trời (QVĐ)

- 33: Khúc nhà tay lựa nên *xoang* (KOM)

- 34: Một *cung* Bạc mệnh lại càng não nhân (KOM)

- 37: Êm *niềm* trướng rủ màn che (KOM)

- 39: *Tiết* vừa con én đưa thoi (LVĐ, QVĐ)

- 44: Lễ là tảo mộ gọi là *đạp* thanh (QVĐ)

- 48: Ngựa xe như nước, áo quần như **抔** *nêm* (KOM)
 Ngựa xe như nước, áo quần như *nêm* **抔** (QVĐ)
- Bùi Kỳ - Trần Trọng Kim trong quyển *Truyện Thúy Kiều* bản in lần thứ ba (1934) có ghi chú: “Các bản cũ đều in chữ **抔** hay là ? nghĩa là đông người. Tục ngữ có câu: *Chật như nêm cối*. Có người đọc ra chữ *nen*, nói là ví như một thứ cây thường mọc chen chúc nhau ở sườn núi. Chữ *nen* không phổ thông mà nghe có ý cầu kỳ”.
- 50: Thoi vàng **鉞** *bó rắc*, tro tiền giấy bay (QVĐ)
 Chữ *bó* viết có bộ **金** *kim* thì không hợp lý vì viết như vậy phải đọc là *búa*. Chữ *bó* thường viết **拵**. Bản (KOM) viết **紉** (vó).
- 53: Bước *lần* theo ngọn tiểu Khê (BK-TTK)
- 54: *Nhìn* xem phong cảnh có bề thanh thanh (BKD)
- 57: Sè sè *nắm* đất bên đường (LVĐ, QVĐ)
- 60: Mà đây hương khói vắng *tĩnh* thế mà (QVĐ)
- 62: Đạm Tiên nàng ấy *vốn* là ca nhi (QVĐ)
- 64: Xôn xao ngoài cửa *kém* gì yến anh (QVĐ)
- 65: *Phận* hồng nhan có mong manh (BK - TTK)
- 69: Thuyền tình vừa ghé *đến* nơi (LVĐ – QVĐ)
- 71: Buồng không lạnh *ngát* như tờ (QVĐ)
 Buồng không *lặng* ngát như tờ (KOM)
- 74: Khéo vô duyên *mấy* là mình với ta (KOM)
- 75: Đã *đành* duyên trước *chẳng* mà (KOM)
- 76: Thì chi chút *dịch* gọi là duyên sau (KOM)
- 78: *Bụi hồng* một nắm mặc dầu cỏ hoa (KOM)
Vùi nông một *nắm* mặc dầu cỏ hoa (LVĐ, QVĐ)
- 81: Lòng đâu sẵn *món* thương tâm (KOM, KB – TTK)
- 82: *Thốt* nghe Kiều đã *dầm dầm* châu sa (QVĐ)
- 84: Lời rằng *phận* bạc cũng là lời chung (QVĐ)
- 85: Phũ phàng chi với hóa công (QVĐ)
- 87: Sống làm vợ *chấp* người ta (KOM)
 Sống *thời tình* *chẳng* riêng ai,
- 88: Khéo tay thác xuống *ra ngoài tình* không (LVĐ)
Hại thay thác xuống làm ma không chồng (BK-TTK)

- 92: Sẵn đây ta kiếm một vài *nặng* hương (QVĐ)
 Sẵn đây ta *thấp* một vài nén hương (TH)
- 95: Lầm rầm khăn *vái* nhỏ to (QVĐ)
- 96: Sụp ngồi vài *ngất* trước mộ bước ra (QVĐ)
- 99: *Chiếc* trâm sẵn giắt mái đầu (KOM)
- 100: Vạch da cây vịnh *tám* câu bốn vắn (KOM)
- 102: Lại càng đứng *sững* tần ngần *chứa* ra (KOM)
- 104: Sầu tuôn *lai láng*, châu sa vắn dài (QVĐ)
- 106: Khéo dư nước mắt khóc người *cổ* sơ (KOM)
- 107: Rằng: Hồng nhan tự *ngành* xưa (LVĐ, BK-TTK)
- 112: Một *điều* là một vắn vào khó nghe (QVĐ)
- 114: Bóng chiều đã ngả dậm *hòe* còn xa (LVĐ)
- 116: *Chết* là thể phách, còn là tình *anh* (LVĐ)
- 117: Dễ *thay* tình lại gặp tình (LVĐ, KOM, QVĐ)
 (Đây để theo bản Quốc ngữ BK-TTK)
- 121: Áo ào *trút* lộc rung cây (KOM)
 Áo ào đổ lộc *đưa* cây (LVĐ)
- 124: Dấu giày rõ bước *rêu in* rành rành (QVĐ)
- 127: Hữu tình ta lại *biết* ta (QVĐ)
- 128: *Chẳng* nề u hiển mới là chị em (QVĐ)
- 139: Tuyết in sắc ngựa câu *dồn* (KOM)
 Tuyết in sắc ngựa câu *dòn* (BK-TTK)
- 140: Cỏ pha *mùi* áo nhuộm non da trời (LVĐ, KOM, QVĐ, BK-TTK)
- 146: Hai 喬 *kiều* e lệ nép vào dưới hoa (KOM)
 Hai Kiều e *mặt* nép vào dưới hoa (LVĐ, QVĐ)
- 151: Phong tư tài mạo *tuyệt* vời (BK-TTK)
 Thiên tư tài mạo *tốt* vời (LVĐ, QVĐ)
- 154: Với Vương Quan trước vẫn là *song* thân (KOM)
- 156: Một nền Đồng Tước khóa xuân hai 嬌 *kiều* (QVĐ)
- 157: Nước non cách mấy buồn *điều* (LVĐ, KOM, QVĐ)
 Đây theo bản BK-TTK.
- 160: Gặp tuần *đối* lá thỏa lòng tìm hoa (TH)
 Gặp tuần *đỏ* lá, thỏa lòng tìm hoa (KOM, QVĐ)
- 162: Xuân lan thu cúc mặn mà cả *đôi* (KOM)

- 168: Khách đà *trên* ngựa người còn ghe theo (QVĐ)
 Khách đà *xuống* ngựa người còn ghé theo (LVĐ)
- 169: Dưới cầu nước *dải* trong veo (QVĐ)
 Dưới *khe* nước chảy trong veo (LVĐ)
- 170: Bên cầu tơ liễu bóng chiều *la* tha (KOM)
 Bên cầu tơ liễu bóng chiều *đã* ra (LVĐ)
- 173: *Gương* nga vằng vặc từ song (QVĐ)
Gương nga vằng vằng từ song (LVĐ)
- 174: Vàng gieo *đáy* nước, cây lỏng bóng sân (KOM)
- 175: Hải đường *rã* ngọn đông lân (LVĐ, KOM, QVĐ)
 (Đây theo bản BK-TTK).
- 177: Một mình lặng ngắm *tố* nga (LVĐ)
 Một mình *rạng* ngắm *tố* nga (QVĐ)
- 186: Tựa *hoa* bên *kỷ* một mình thiu thiu (QVĐ)
 Tựa *ngồi* bên triện một mình thiu thiu (BK-TTK)
 Tựa *làn* bên triện một mình thiu thiu (E.N)
- 190: *Nhạc* vàng *đăng* *đăng* như gần như xa (LVĐ)
- 195: Hàn gia ở *mái* tây thiên (BK-TTK)
- 200: Mà *xem* trong sổ đoạn trường có tên (QVĐ, BK-TTK)
- 206: Tay tiên một *vẻ* đủ mười khúc ngâm (LVĐ, QVĐ)
- 207: Xem thơ nức *nởm* khen thâm (LVĐ)
- 213: Gió đâu *khua* bức màn *mành* *mành* (KOM)
 Gió đâu *trịch* bức màn *mành* *mành* (LVĐ)
- 221: Nổi riêng lớp lớp sóng *trôi* (QVĐ)
- 223: Giọng *嬌* *kiêu* rên rĩ trước loan (KOM, QVĐ)
- 226: Màu hoa lê hầy *dào* *dề* giọt mưa (QVĐ)
- 230: Nhấp đi *thoát* thấy ứng liền chiêm bao (KOM)
- 234: *Thân* con *thôi* có ra gì mai sau (KOM)
- 235: Dạy rằng “Mộng huyễn *chắc* đâu (KOM)
- 236: Bỗng *dưng* mua nảo *chác* sầu nghĩ nao (KOM)
 Bỗng *dưng* mua nảo *chuốc* sầu nghĩ *sao* (QVĐ)
- 238: Chưa xong điều nghĩ *lại* dào mạch Tương (KOM)
 Chưa xong điều nghĩ *đã* dào mạch *sương* (LVĐ)
- 240: Nách tường bông liễu *bay* sang *láng* *giềng* (KOM)

- 241: Hiên tà gác bóng *nghiêng nghiêng* (KOM, BK-TTK)
- 243: Cho hay là *thói* hữu tình (QVĐ)
- 247: Sầu *chung* càng *khắc* càng *đầy* (QVĐ)
 Sầu *đong* càng *gạt* càng *đầy* (KOM)
 Sầu *đong* càng *khắc* càng *đầy* (BK-TTK)
 Đây để theo bản Tản Đà.
- 248: Ba thu *dọn* lại một ngày dài ghê (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)
- 250: Bụi hồng *lẻo đẻo* đi về chiêm bao (BK-TTK)
 Bóng hồng *liệu nẻo* đi về chiêm bao (KOM)
- 252: Mặt *tơ* tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng (KOM)
- 253: Buồng vắn hơi *lạnh* như đồng (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)
- 254: Trúc se *ngón thỏ*, tơ chùng phím loan (KOM, QVĐ)
- 258: Cớ chi đem *giống* khuynh thành trêu người (KOM)
- 261: Một *dòng* cỏ mọc xanh rì (LVĐ)
 Một *làn* cỏ mọc xanh rì (KOM, QVĐ)
 Đây chép theo bản BK-TTK.
- 264: *Bông lau* hiu hắt như màu *khảy* trêu (KOM)
 Vi lô hiu hắt như màu *gợi* trêu (LVĐ)
 Vi lô hiu hắt như màu *khơi* trêu (BK-TTK)
- 265: *Chạnh* riêng *tưởng* ít *tình* nhiều (KOM)
- 269: *Lơ* thơ *tơ* liễu *buông* *mành* (QVĐ)
- 272: *Dãy* thêm *hoa* *rụng* biết người ở *đâu* (LVĐ, QVĐ)
- 277: Lấy *điều* *đạo* học hỏi *thuê* (LVĐ)
- 285: Tác gang *đồng* *khóa* nguyên phong (LVĐ, QVĐ)
 Tác gang 洞鏢 *động* *khóa* nguyên phong (KOM)
 Tác gang *động* *khóa* *nguồn* phong (TĐ)
- 288: Tuần trăng *điểm* *tốt* nay *đà* *thêm* hai (KOM)
- 295: Giơ tay *cất* lấy về nhà (QVĐ)
- 304: Cách tường *trên* tiếng xa đưa ướm lòng (QVĐ)
- 308: Ôn *người* quân tử *sá* gì của *rơi* (LVĐ)
- 313: Được *rày* *như* chút *thơm* *rơi* (LVĐ, QVĐ)
- 315: *Mấy* *lâu* mới được một ngày (KOM, QVĐ)

- 319: *Bạc mây rón bước ngọn tường* (LVĐ, KOM, BK-TTK)
Vén mây qua bước ngọn tường (QVĐ)
 Đây đề theo bản HĐH.
- 320: Phải người hôm nọ rõ ràng chẳng *sai* (LVĐ)
- 322: Ké nhìn *tận* mặt người e cúi đầu (KOM)
- 325: Xương mai, tính đã *rủ* mòn (BK-TTK)
- 331: *Ngần* ngừ nàng mới thưa rằng (KOM, BK-TTK)
- 336: Trẻ con đã biết đâu mà dám thưa (LVĐ)
- 339: Dù *chẳng* xét tấm tình si (QVĐ)
- 340: Thiệt *ta* mà có ích gì đến ai (LVĐ)
- 341: *Chước* chi gấn bó một hai (QVĐ)
- 354: Giở kim *châu* với khăn hồng trao tay (LVĐ, DMT, QVĐ)
- 357: Sấn tay *khăn* gấm quạt quì (KOM)
- 362: Chàng về *thư* viện, nàng dờ lâu trang (LVĐ, QVĐ)
- 364: Tình càng thắm *thiết* dạ càng ngấn ngơ (QVĐ)
- 367: Một tường tuyết *điểm* sương che (QVĐ)
- 370: *Tơ* hồng rậm lục đã chùng xuân qua (LVĐ, QVĐ)
- 371: Vừa ngày sinh nhật ngoại gia (KOM)
- 372: Trên *song* đường dưới nữa là hai em (KOM)
- 374: *Cần* dâng một lễ xa đem tác thành (KOM)
- 375: Nhà hương thanh vắng một mình (LVĐ, QVĐ)
- 376: *Nấm* cơ hội ngộ đã dành hôm nay (QVĐ)
- 378: Gót sen *thoát* *thoát* dạo ngay mé tường (KOM)
- 380: Dưới hoa *thấy* đã có chàng đứng *mong* (KOM)
- 384: Tuyết sương nhuộm nửa mái đầu hoa *râm* (KOM)
- 388: Lấy lòng gọi chút *ra* đây tạ lòng (KOM)
- 391: *Sấn* tay mở khóa động đào (KOM, QVĐ)
 Đây theo bản BK-TTK
- 392: *Chia* mây trông tỏ lối vào Thiên Thai (QVĐ)
- 393: *Càng* nhìn mặt, càng thêm tươi (KOM)
- 396: *Ngâm* lời phong nguyệt, nặng nguyên non sông (QVĐ)
- 397: Trên *án* (yên) bút giá *thư* đồng (LVĐ, QVĐ)
- 398: Đạm thanh một bức tranh từng treo *lên* (KOM)
- 400: Mặn *mà* nét bút càng nhìn càng tươi (QVĐ)

- 403: *Ngộ khi* gió táp mưa sa (LVĐ)
- 406: Nàng Ban ả Tạ cũng đâu thế *vấy* (KOM, BK-TTK)
- 407: Kiếp tu xưa ví *chẳng* dày (LVĐ, QVĐ)
- 408: Phúc nào *nhắc* được giá này cho ngang (KOM)
- 409: Nàng rằng: *Lắm* liệt dung quang (LVĐ)
- 410: Chẳng sân ngọc bội *thì* phường kim môn (LVĐ, QVĐ)
- 414: *Cứ trong tướng pháp lắm* thầy *chê* bai (KOM)
- 417: Trông người lại ngắm *vào* ta (KOM)
- 421: *Dù* đâu giải kết đến điều (LVĐ, QVĐ)
- 422: Thì đem vàng đá mà liêu *cho* thân (KOM)
- 432: Xăm xăm băng *neo* vườn khuya một mình (KOM)
Xăm xăm *đề* lối vườn khuya một mình (QVĐ)
Đây theo bản BK-TTK.
- 433: Nhật thừa *hoa* *giọi* đầu cành (QVĐ)
- 434: Ngọn đèn trông *suốt* trướng huỳnh hắt hiu (QVĐ)
Ngọn đèn trông *thấy* trướng huỳnh hắt hiu (LVĐ)
Ngọn đèn trông *lọt* trướng *bình* hắt hiu (KOM)
- 435: Sinh còn tựa án thiu thiu (KOM)
- 437: Tiếng *lên* sẽ động giấc hòe (LVĐ)
- 439: Bâng khuâng đỉnh *núi* non Thần (QVĐ)
- 442: Vì hoa *cho* phải *đổ* đường tìm hoa (QVĐ)
Vì hoa *cho* phải *trở* đường tìm hoa (LVĐ)
- 448: Tóc mây một *cuộn* dao vàng một đôi (QVĐ)
- 450: Đình ninh hai *miệng* một lời song song (BK-TTK)
- 454: Dải *the* hương lộn, bình gương bóng lộng (LVĐ, QVĐ)
- 456: Bấy lâu nay một *tấm* lòng đã cam (QVĐ)
- 461: *Xin* điều nguyệt nọ hoa kia (KOM)
- 463: Rằng: “Nghe *tiếng* *nổi* cầm đài (QVĐ)
Chàng rằng: “Nghe *nổi* cầm đài (LVĐ)
- 469: Nàng rằng: “Nghề mọn riêng *tây* (KOM, QVĐ)
- 470: Làm chi cho *nặng* lòng này lắm thân (KOM, QVĐ)
- 471: *Lựa* dần dây vũ dây văn (LVĐ, KOM)
- 478: Một rằng *Hoa* *nhạc*, một rằng *Quy* *vân* (KOM)
- 482: Đục như *nước* suối mới sa nửa vời (LVĐ, KOM, BK-TTK)

- 484: Tiếng mau *dào dập* như trời đổ mưa (QVĐ)
- 486: Khiến người ngồi *đấy* cũng ngơ ngẩn sầu (QVĐ)
 Khiến người ngồi *đấy mà* ngơ ngẩn sầu (LVĐ)
- 487: Khi tựa 踰 *gối*, khi cúi đầu (QVĐ)
- 491: Lựa chi những bậc *thanh* tao (QVĐ)
 So chi những bậc *tiêu* tao (LVĐ, BK-TTK)
- 492: *Thiệt* lòng mình cũng *lao đao* lòng người (QVĐ)
Thiệt lòng mình cũng *thanh* tao lòng người (LVĐ)
- 497: *Ngọn* lan càng tỏ thức hồng (KOM)
- 498: Đầu mày *đuôi* mắt càng nồng tấm *thiên* 天 (KOM)
 Đầu mày *cuối* mắt càng nồng tấm *yêu* 天 (LVĐ)
- 502: Để cho thừa hết một lời *đã* nao (KOM)
- 503: Vẽ gì một *đóa* yêu *đào* (KOM)
 Vẽ gì một *đóa* *đào* *yêu* (LVĐ, QVĐ)
- 508: *Những* con người ấy ai cầu làm *chi* (KOM)
- 514: Quá chiều *trước* đã chán *chường* yến anh (KOM)
- 515: Trong khi *chấp* cánh *trên* cành (QVĐ)
 Trong khi *tựa* cánh *liền* cành (LVĐ)
- 516: Mà lòng *rẻ* *rúng* đã *trình* một *bên* (KOM, QVĐ)
 Đây theo bản BK-TTK.
- 518: *Xui* duyên *dầm* *thắm* ra *duyên* *bể* *bàng* (KOM)
- 522: Còn *thân* còn *một* *đền* *bồi* có *khí* (KOM, BK-TTK)
- 525: *Bóng* *tàu* vừa *lạt* *vẽ* *sân* (LVĐ, QVĐ)
- 526: *Tin* *đâu* đã *gõ* *cửa* *ngăn* *gọi* *vào* (KOM)
Tin *đâu* đã *thấy* *cửa* *ngăn* *gọi* *vào* (BK-TTK)
- 527: *Nàng* *thì* *vội* *trở* *buồng* *đào* (QVĐ)
- 528: *Sinh* *thì* *dạo* *bước* *sân* *đào* *vội* *ra* (QVĐ)
Sinh *thì* *dạo* *gót* *sân* *đào* *bước* *ra* (KOM)
- 529: *Cửa* *ngoài* vừa *ngó* *theo* *hoa* (KOM)
- 531: *Đem* *tin* *thúc* *phụ* *trên* *đường* (KOM)
- 531: *Mở* *xem* *thủ* *bút* *nghiêm* *đường*,
Nhấn *rằng*: *Thúc* *phụ* *xa* *đường* *mệnh* *chung*.
Hãy *còn* *ký* *táng* *Liêu* *Đông*,

Cố hương khơi diễm nghìn trùng sơn khê.

Rày đưa linh thần về quê,

Thế nào con cũng phải về hộ tang.

(Bản KOM đã chép theo bản Kinh 6 câu này).

548: *Nhấn nha* nàng mới giải lời trước sau (LVĐ)

Ngại ngần nàng mới giải lời trước sau (QVĐ)

549: Ông tơ *gàn quải* chi nhau (KOM, BK-TTK)

550: Chưa vui sum họp đã sầu chia *bôi* (QVĐ)

552: Dầu *sai* mái tóc, dăm dờn lòng tơ (QVĐ)

565: Buồn *trong* phong cảnh quê người (LVĐ)

569: Nàng *thì* đứng tựa hiên tây (LVĐ, QVĐ)

572: Hoa trôi *giạt* thắm, liễu xơ xác vàng (BK-TTK)

574: Một đoàn mừng thọ ngoại hương *vừa* về (QVĐ)

575: Hàn huyên chưa kịp *giãi giề* (BK-TTK, HĐH)

576: Sai nha bỗng thấy bốn bề *lao xao* (KOM, HĐH)

578: Đầu trâu mặt ngựa ào ào như *lôi* (LVĐ)

582: Rụng rời khung dệt tan tành *gối* may (KOM, TĐ)

Rụng rời giọt liễu, tan tành *gối mai* (QVĐ, BK-TTK)

Rụng rời *giọt liễu*, tan tành *cội mai* (LVĐ)

Rụng rời *giậu liễu*, tan tành *cội mai* (HĐH)

Đây để theo bản DMT.

584: Sạch sành sanh *quét* cho đầy túi tham (QVĐ)

586: Này ai đan *dập* giắt giằm bỗng dưng (QVĐ, BK-TTK)

588: Phải tên xưng xuất *tại* thằng bán tơ (LVĐ, KOM, BK-TTK)

590: Tiếng oan dậy đất, án ngờ *dựng* mây (LVĐ, QVĐ)

591: Hạ từ van *lạy* suốt ngày (BK-TTK)

Hạ từ van *vỉ trót* ngày (QVĐ)

594: Dầu *mà* đá cũng nát gan lọ người (KOM)

Dầu *người* đá cũng nát gan lọ người (LVĐ, QVĐ)

602: Chữ tình, chữ hiếu bên nào nặng hơn (LVĐ, QVĐ)

606: *Hãy* cho để thiếp bán mình chuộc cha (KOM)

610: Vì nàng *ngỉ* cũng thương thâm xót vay (KOM, BK)

615: Thương lòng con trẻ thơ ngây (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

616: Gặp cơn *vạ gửi* tai bay bất kỳ (KOM)

- 622: Tin sương đồn *dây* xa gần xôn xao (LVĐ)
- 627: Quá niên trạc ngoại *tư* tuần (LVĐ)
- 629: Trước thầy sau tớ *lao* xao (KOM)
- 631: Ghế trên ngời tốt *sẵn* sàng (QVĐ)
- 633: Nỗi mình *đương* tức nỗi nhà (KOM)
- 635: Ngại ngừng *dạn* gió e sương (QVĐ)
Ngại ngừng *dín* gió e sương (BK-TTK)
- 636: *Nghi* hoa bóng then, trông gương mặt dày (LVĐ, QVĐ)
- 638: Nét buồn như cúc, *mình* gầy như mai (QVĐ)
- 644: Sính nghi *vâng* dạy bao nhiêu cho tường (KOM)
Sính nghi *vâng* dạy bao nhiêu *đấy* trình (LVĐ - QVĐ)
Đây theo bản BK-TTK.
- 645: Mối rằng: *Giá* đáng nghìn vàng (QVĐ, BK-TTK)
- 646: *Ngặt* nhà nhờ lượng người thương dám nài (KOM)
Ráp nhà thờ lượng người thương dám nài (BK-TTK)
- 648: Giờ lâu ngã giá *chịu* ngoài bốn trăm (KOM)
Giờ lâu ngã giá *ra* ngoài bốn trăm (QVĐ)
Đây theo bản BK-TTK.
- 651: Định *kỳ* nạp thái vu quy (QVĐ)
Định *thời* nạp thái vu quy (LVĐ)
- 652: Tiền lưng đã có việc gì chẳng xong (LVĐ, QVĐ, BK)
- 656: Nhìn nàng ông *đã* mau sa ruột rầu (LVĐ, QVĐ)
- 659: Trời làm chi cực *mấy* trời (KOM)
- 661: *Phủ* cân bao quản thân tàn (LVĐ, KOM)
Búa *cân* bao quản thân tàn (QVĐ)
- 662: Nỡ dầy *đọa* trẻ, càng oan *thác* già (LVĐ, QVĐ)
- 663: Một *đời* sau trước cũng là (QVĐ)
- 665: Theo lời *như* chảy dòng châu (LVĐ, QVĐ)
- 666: Liều mình ông *đã* gieo dầu tường vôi (QVĐ, BK-TTK, LVĐ)
- 667: Vội vàng kẻ giữ người *lời* (QVĐ)
- 669: Vẽ chi một *tấm* hồng nhan (LVĐ, QVĐ)
- 673: Chồi xuân tuổi hạc càng cao (KOM)
Xuân huyên tuổi hạc càng cao (LVĐ, QVĐ)
Đây để theo bản BK-TTK.

- 675: *Lượng trên* dù chẳng dứt tình (KOM)
- 676: Gió *mây* âu hắt tan tành nước non (QVĐ)
- 677: Thà rằng liều một *mình* con (KOM)
- 679: Phận *đành* đành vậy cũng vậy (KOM)
- 681: Cũng đừng tính quẩn *lo* quanh (BK-TTK)
- 688: Cầm dây chẳng *ngĩ* buộc vào tự nhiên (LVĐ, QVĐ)
- 689: Trong tay sẵn có đồng tiền (BK-TTK)
- 696: Áo dầm giọt *tủi tóc* chia mái *sầu* (KOM)
Áo dầm giọt *lệ* tơ xe mối *sầu* (QVĐ)
- 698: *Chút* lòng đeo đẳng bấy lâu một lời (LVĐ, KOM, QVĐ)
Đây theo bản BK-TTK.
- 706: Kiếp này thôi thế *là* thôi còn gì (KOM)
- 712: Dầu chong trắng *đội* giọt tràn thấm khăn (QVĐ)
Dầu chong trắng *đĩa*, giọt tràn thấm khăn (LVĐ)
Dầu chong trắng *đĩa* giọt tràn *thấm* khăn (KOM)
- 714: Dưới đèn ghé *lại* ân cần hỏi han (QVĐ)
- 718: Nỗi riêng còn mắc *với* tình chi đây? (LVĐ, QVĐ)
- 724: Ngồi *trên* cho chị lạy rồi sẽ thừa (QVĐ)
- 726: *Giao* loan chấp mối tơ thừa mặc em (BK-TTK)
- 730: Hiếu tình có lẽ hai bề vẹn hai? (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)
- 735: Chiếc *vành* với bức tờ mây (QVĐ, BK-TTK)
- 740: Phím đàn với mảnh *gương* nguyên ngày xưa (LVĐ)
Phím đàn với *tấm* gương nguyên ngày xưa (QVĐ)
- 742: Đốt lò hương ấy *lựa* tơ phím này (KOM)
Đốt lò hương ấy *tắt* tơ phím này (QVĐ)
- 748: *Tươi* xin giọt *lệ* cho người thác oan (LVĐ, QVĐ)
- 749: Bây giờ *gương* vỡ người tan (KOM)
- 752: *Mây* tơ ngăn ngủi có ngăn ấy thôi (LVĐ, QVĐ)
- 754: Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ *đường* (QVĐ)
- 757: Cạn lời *hồn* dứt máu say (QVĐ)
Xong lời *hồn* dứt máu say (LVĐ)
Cạn lời *hồn* ngắt máu say (BK-TTK)
- 758: Một hơi lạnh ngắt, đôi tay *lạnh* đông (KOM, QVĐ)

Bản BK-TTK cũng chép là *lạnh đông*. Ở đây chúng tôi đã chép theo bản Hồ Đắc Hàm và Đào Duy Anh (*Tự điển Truyện Kiều*). Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du cũng có lần dùng chữ *giá*: Câu 253: *Phòng vãn hơi giá như đông*. Chữ *giá* thì cũng như chữ *lạnh* nhưng đọc có âm hưởng hơn.

- 760: Một nhà *vây lớp* kẻ trong người ngoài (LVĐ, QVĐ)
 764: Kiều càng nức nở *mở* không ra lời (KOM, BK-TTK)
 766: Chiếc thoa *mấy bức* tờ bồi ở đây (QVĐ)
 Chiếc *vành* này với tờ bồi ở đây (BK-TTK)
 767: Vì cha làm lỗi duyên may (QVĐ)
 768: Thôi thì *việc* ấy sau này đã em (QVĐ)
 773: Lạy thôi nàng mới *rén* chiềng (KOM)
 Lạy thôi nàng lại *rén chiềng* (BK-TTK)
 775: *Thốt* chi thân phận tôi đòi (QVĐ)
 778: Khắc canh đã giục *thú* lâu mấy hồi (KOM)
 780: Quán huyện đâu *lại* giục người sinh ly (LVĐ)
 782: *Giọt* rơi thấm đá, tơ chia rũ tằm (KOM, QVĐ)
 784: *Dầu dầu* ngọn cỏ, đầm đầm cảnh sương (BK-TTK)
 785: Rước *dâu* về đến trú phường (KOM)
 786: *Tứ* bề xuân *khóa* một nàng ở trong (KOM)
 Bốn bề xuân *khóa* một nàng ở trong (TĐ)
 789: Phẩm tiên *đã* đến tay hèn (QVĐ)
 792: Nhị đào *đã* bẻ cho người tình chung (LVĐ, QVĐ)
 796: Thân này thôi có *ra* gì mà mong (KOM)
 799: Trên *án* sẵn có con dao (QVĐ)
 800: Giấu cầm nàng đã *buộc* vào *giọt* khăn (QVĐ)
 803: Đêm *sầu* một khắc một chầy (KOM)
 805: Chẳng là gã Mã Giám sinh (LVĐ, QVĐ)
 808: Quen *vùng* lại kiếm ăn miền nguyệt hoa (LVĐ, QVĐ)
 812: *Mặt* cửa mướp đấng đôi bên một phường (KOM, QVĐ)
 818: Đoạn trường lại *lộn* mặt người vô duyên (QVĐ)
 830: Cũng là vừa vốn còn sau thì lời (QVĐ)
 832: Vốn nhà cũng tiếc, của *đời* cũng tham (KOM)
 835: Trong trần *mấy* mặt làng chơi (KOM)
 843: Đến đây đường *sá* xa xôi (LVĐ, QVĐ)

- 845: Tiếc thay một đóa *đỏ* mi (LVĐ)
- 846: Con ong đã *tổ* đường đi lối về (Lê Văn Hòe)
- 848: *Tiếc* gì đến ngọc *thương* gì đến hương (KOM)
- 849: *Tiệt* xuân một giấc mơ màng (LVĐ, QVĐ)
- 851: *Giọt* riêng tâm tã tuôn mưa (KOM, BK-TTK)
- 852: Phần *cầm* nổi khách, phần *e* nổi mình (QVĐ)
Phần *lo* nổi khách, phần *dơ* nổi mình (LVĐ)
- 860: Một *tình* thì chớ, hai *tình* thì sao? (KOM)
- 863: *Đánh* liễu âu cũng dạng dần (KOM)
- 868: Mã sinh *dục đạo* vội vàng ra đi (QVĐ)
- 869: Đoạn trường thay lúc *lâm* kỳ (KOM)
- 872: Vương ông *gánh* tiệc tiền hành đưa theo (KOM)
- 873: Ngoài *nhà* chủ khách dập dìu (KOM)
- 874: Trong nhà huyền với một Kiều ở trong (KOM)
- 875: *Càng* nhìn *càng* ứa giọt hồng (KOM)
- 879: Lỡ làng nước đục *bụi* trong (QVĐ)
- 884: Khi vào *dôi dăng* khi ra vội vàng (KOM)
Khi vào *đôi đóa*, khi ra vội vàng (BK-TTK)
- 888: *Ngắm* ra cho kỹ như hình con buôn (KOM, BK-TTK)
- 894: Mái ngoài nghỉ đã giục liền ruổi *đi* (KOM)
- 896: Trước yên ông *mới già giề* (?) thấp cao (QVĐ)
- 897: Chút thân *liều yếu* thơ đào (BK-TTK)
Xót thân *liều yếu* thơ đào (LVĐ, QVĐ)
- 898: *Cực* nhà đến nổi giận vào tôi người (KOM)
Rớp *nhơ* đến nổi *buộc* vào tôi người (LVĐ)
- 907: Đùng đùng gió giục mây Tần (LVĐ, QVĐ)
- 909: Trông vời gặt lệ *phân* tay (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)
- 910: Góc trời thăm thăm *đêm* ngày dăm dăm (KOM)
- 911: Nàng thì *côi* khách xa xăm (LVĐ, QVĐ)
- 913: Vì *lau* san sát hơi may (KOM, QVĐ)
- 914: Một trời thu để riêng say một người (QVĐ)
- 917: Rừng thu *rõ* biếc ố hồng (KOM)
Lầu thu từng biếc xen hồng (LVĐ)
Rừng thu từng biếc ố hồng (DMT)

- 920: Lâm Truy vừa một tháng tròn *tới* nơi (KOM)
- 923: Thoắt trông *nhọt nhọt* màu da (QVĐ)
- 925: Trước xe *bả* lá han chào (KOM)
Trước xe *lơi* lá *ra* chào (QVĐ)
- 929: Giữa thì hương *lửa* hắt hoi (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)
- 933: *Hương* hôm *hoa* sớm phụng thờ (QVĐ)
- 934: Cô nào xấu vĩa *cho* thừa mỗi hàng (LVĐ, QVĐ)
- 935: Cối xiêm lột áo *sổ sàng* (HĐH)
Cối xiêm *trút* áo *sổ sàng* (TĐ)
- 936: Trước *bàn* sẽ nguyện mảnh hương lăm rằm (KOM)
- 938: *Bướm* đi *ong* lại âm âm tứ vi (KOM)
- 941: Mở hàng buôn bán cho may (KOM)
- 945: Tin nhận *vượt*, lá thư bài (KOM)
- 949: Lễ xong hương hỏa *từ* đường (KOM)
- 950: Tú bà vắt *vẻo* lên giường ngồi ngay (KOM)
- 952: Lạy rồi *thì* lạy cậu mày bên kia (LVĐ, QVĐ)
- 964: Thôi đà cướp sống *của* mình đi rồi (QVĐ)
- 965: *Biểu* rằng: “Đi dạo lấy người (KOM)
- 967: Tuồng vô *sỉ* ở bất nhân (KOM)
- 972: Vào *nhà* phải cứ phép nhà tao đây (KOM)
- 974: Chẳng vắng vào mặt mà mày *đành* nghe (KOM)
- 978: *Chập* bì tiên rắp sấn vào ra tay (BK-TTK)
- 981: Thôi *thôi* còn có tiếc gì (KOM)
- 984: Mụ còn *nhìn* mặt nàng đà quá tay (KOM)
- 985: Thương ôi tài sắc *mực* này (QVĐ)
- 987: Nỗi oan *lở* võ xa gần (KOM)
- 992: Cắt người *xem* sóc, rước thầy thuốc *thang* (LVĐ)
Cắt người coi sóc, *chạy* thầy thuốc men (KOM)
Cắt người coi sóc rước thầy thuốc *thang* (QVĐ)
- 994: Trong mê *đã* thấy *Đạm Tiên* rõ ràng (KOM)
Trong *mây* dường *đã* đứng bên một nàng (QVĐ)
- 995: *Biểu* rằng: “Nhân quả dở dang... (KOM)
- 998: Người dù muốn *lánh* trời nào *đã* cho (KOM)
- 999: Hãy xin *trộn* kiếp liễu bồ (KOM)
- 1004: *Dịu* lời khuyên giải mơn man gỡ *lần* (KOM)
Liệu lời khuyên giải mơn man gỡ *dần* (QVĐ)

- 1006: Hoa xuân đương *chiếng*, ngay xuân còn dài (KOM)
- 1008: Đá vàng *chi* nữ ép nài mưa mây (KOM)
Đá vàng sao nữ ép nài *mây mưa* (LVĐ)
- 1012: Tìm nơi xứng đáng *làm con gái* nhà (QVĐ)
- 1017: Vả suy thần mộng mấy lời (KOM)
- 1018: Túc nhân *thì* cũng có trời ở trong (QVĐ)
- 1020: Làm chi *lại* một nợ chồng kiếp sau (KOM)
Làm chi *thì* cũng một chồng kiếp sau (QVĐ)
Đây theo bản BK-TTK.
- 1021: Lặng nghe lẩm nhẩm gót đầu (QVĐ)
Lặng nghe *thấm thía* gót đầu (BK-TTK)
- 1028: Phải điều lòng lại *đổi* lòng mà chơi (KOM)
- 1030: Trên đầu có bóng mặt trời *sáng* soi (KOM)
- 1032: Đánh lòng nàng *mới* sẽ nguôi nguôi dần (KOM)
- 1033: Trước *sau* ngừng *biết* tỏa xuân (QVĐ, TVK)
Trước *sau* Ngừng Bích khóa xuân (LVĐ, DMT)
- 1034: Vết non xa tấm trắng gần ở chung (LVĐ, QVĐ)
- 1035: Bốn bề bát ngát *vời* trông (KOM)
- 1040: Tin sương luống *hãy* rày *mong* mai chờ (KOM)
Tin sương luống *hãy* rày *trông* mai chờ (QVĐ, BK)
Đây để theo bản Phạm Kim Chi và Hồ Đắc Hàm.
- 1042: Tấm son gột *đến* bao giờ cho phai (KOM)
- 1044: Quạt nồng *đắp* lạnh những ai đó giờ (LVĐ, KOM, QVĐ)
- 1045: *Bồng Lai* cách mấy nắng mưa (LVĐ, QVĐ)
- 1047: Buồn trông cửa bể *gần* hôm (LVĐ, KOM, QVĐ, BK-TTK)
Đây để theo bản Hồ Đắc Hàm.
- 1051: Buồn trông cỏ *nội* dầu dầu (KOM)
- 1054: Âm *tùng* tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi (KOM)
Âm *thầm* tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi (LVĐ)
Âm *âm* tiếng sóng kêu quanh *chỗ* ngồi (QVĐ)
- 1057: *Tần ngần* đứng rủ rèm châu (KOM)
- 1058: Cách *lầu* nghe có tiếng đầu họa vắn (LVĐ, QVĐ)
- 1060: Hình dung chải chuốt áo khăn *gọn gàng* (KOM)
- 1064: Trông *nàng*, *chàng* cũng ra tình đeo đai (BK-TTK)
Trông *nàng*, *chàng* cũng ra tình *chơi vơi* (KOM)

擬浪拱脈書香
 晦囉買別浪抃楚鄉
 膝娥濕倘帶萌
 嚙抃娘拱黹情刀帶
 嘆喂色渌香歪
 惜朱甕俸落類典低
 桂鮑腴香連歪
 鶴嚮女底朱苔墮花

又一本云

價停醵月連還
 花鞦花窖色苔閉花
 妥肝禎憚歪糲
 悉尼埃爍朱些咳悉
 嬋嬭否別英雄
 黹舁操櫃數籠如制
 惜調林庄別些
 衛珠濺玉易陀如制

憲秋色怯翅外
 聰群同望余啞鐵釘
 擬訖催吏擬命
 感悉洙悴辣情巴爲
 仍羅吝呂爍湄

劫風塵別包賒羅催

1067: Ở đoạn từ câu 1067 đến câu 1072, bản Duy Minh thị chép chỉ còn có 4 câu:

*Quế trong trăng, hương trên mây,¹
 Hạc bay nở để cho dày đọa hoa.
 Tiếc điều làm chẳng biết ta,
 Về châu vớt ngọc dễ đà như chơi.*

nhưng lại có chép thêm một đoạn dị khẩu như sau:

*Giá đành trong nguyệt trên mây,
 Hoa sao hoa khéo đã dày bấy hoa,
 Nổi gan² riêng giận trời hoa,³
 Lòng này ai tổ cho ta hồi lòng.
 Thuyền duyên ví biết anh hùng,
 Ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi.*

Bản Abel des Michels đã chép theo bản Duy Minh thị nhưng đã sửa lại mấy chữ.

1068: Hoa sao hoa khéo đã dày với hoa (LVĐ, QVĐ)

1069: Sốt gan riêng giận trời già (QVĐ)

Nổi gan riêng giận trời già (BK-TTK)

Nhớ gan riêng giận trời già (LVĐ)

1073: Song thu nửa khép cánh ngoài (KOM)

1. Bản A.M chép là: *Quế trong trăng, hương trên trời.*

Chữ *hương* này bản DMT chép là chữ 杏 (yếu) nhưng đúng ra là chữ 杏 (hạnh).

2. Bản A.M chép là “nổi con”.

3. Bản A.M đã sửa trời hoa là trời già.

- 1076: Cám lòng chua xót, lạt tình *chơ vơ* (KOM, BK-TTK)
 Cam lòng chua xót lạt tình *như ví* (LVĐ)
- 1079: *Dành* liễu nhấn một hai lời (QVĐ)
- 1083: Tan sương vừa *sáng* ngày mai (KOM)
- 1091: Chim hôm *thôi thoát* về rừng (QVĐ)
- 1092: *Đoá* trà mi đã ngậm trăng nửa vành (BK-TTK)
 Giá trà mi đã ngậm trăng nửa *mành* (DMT-PVĐ)
Đoá trà mi đã ngậm trăng nửa *mành* (TVK)
- 1094: *Dấy* song đã thấy Sở Khanh *bước* vào (KOM)
 Chữ 杞 có thể phiên âm là *dấy* hoặc *đấy*, bản thì chép là *rẽ*.
 Chữ 躐 có thể phiên âm là *lén* hoặc *lên* nên các bản Quốc ngữ cũng có bản chép là *lén*, cũng có bản chép là *lên*.
Đấy song đã thấy Sở Khanh *lên* vào (LVĐ)
Rẽ song đã thấy Sở Khanh *lên* vào (BK-TTK)
Đấy song đã thấy Sở Khanh *lén* vào (HĐH)
- 1098: Lạc *đường* mang lấy nợ nần yến anh (LVĐ, QVĐ)
- 1101: Lặng *ngồi* *sấm* tiếng gặt đầu (LVĐ)
 Lặng *ngồi* *thấm* *thía* gót đầu (QVĐ)
 Lặng *ngồi* *lầm* *nhắm* gặt đầu (BK-TTK)
- 1102: Ta *đây* *phải* *mượn* ai đâu mà rằng (LVĐ, KOM, BK-TTK)
- 1105: Nàng rằng: “Muôn *đội* ơn người (BK-TTK)
- 1110: Ba mươi sáu *chước*, *chước* gì *lại* hơn (LVĐ, QVĐ)
- 1111: Dù khi gió *kíp* mưa *đơn* (KOM)
- 1114: Song đà quá *đất* *quản* gì được thân (QVĐ)
- 1115: Cũng liễu *nhắm* *mắt* *dời* chân (LVĐ)
- 1117: Cùng nhau *lên* *bước* *dưới* *lầu* (QVĐ)
- 1119: Đêm thu khắc *vội* canh tàn (DMT - KOM)
- 1120: Gió *rừng* *trút* lá, trăng ngàn ngậm gương (KOM)
 Gió rừng *lọt* lá, trăng ngàn ngậm gương (QVĐ)
 Gió cây *lọt* lá trăng ngàn ngậm gương (LVĐ)
- 1121: Lối mòn *lướt* *mướt* hơi sương (KOM)
 Lối mòn có *lọt* *mùi* sương (QVĐ, BK-TTK)
- 1126: Sở Khanh đã *dứt* dây cương *lối* vào (QVĐ)
- 1129: Hóa nhi *thiệt* có *nữ* lòng (KOM)

- 1132: Vuốt đầu *dưới* đất, cánh đầu trên trời (LVĐ, QVĐ)
- 1133: Tú bà tốc thẳng đến *ngay* (LVĐ)
- 1134: *Ầm ầm* áp điệu một hơi tại nhà (LVĐ, QVĐ)
- 1135: *Hung hăng* chẳng hỏi chẳng tra (QVĐ)
- 1140: Uốn lưng *núi* đổ, cất đầu máu sa (BK-TTK)
Uốn lưng thịt đổ, *giập* đầu máu sa (BK-TTK)
- 1143: Bây giờ sống *chết* ở tay (QVĐ)
- 1148: Chút lòng trinh bạch từ sau *xin* chừa (HĐH)
- 1154: *Đón rào* đến mức nồng nàn mới tha (KOM, QVĐ)
Đây theo bản BK-TTK, HĐH, TĐ.
- 1156: Mã Kiều lại *hở* ý ra dặn lời (LVĐ, QVĐ)
- 1159: Bạc tình nổi tiếng lâu xanh (KOM, BK-TTK)
- 1161: Đà đao *sắp* sẵn chước dùng (KOM)
- 1163: Có ba *trăm* lạng trao tay (QVĐ)
- 1164: Không dung chi có *người* này *nọ* kia (LVĐ, QVĐ)
- 1166: Bớt lời *thôi* chớ *nói* chi nước đời (QVĐ)
Bớt lời liệu chớ *trây* chi mà đời (BK-TTK)
- 1171: Sở Khanh *liền* tiếng rêu rao (QVĐ)
- 1172: *Độ* nghe rằng có con nào ở đây (QVĐ)
Nọ nghe rằng có con nào ở đây (BK-TTK)
Mảng nghe rằng có con nào ở đây (LVĐ)
- 1177: Sở Khanh *thét* mắng dùng dùng (LVĐ, QVĐ)
- 1181: *Phỉnh* người dầy xuống giếng *khơi* (KOM)
- 1188: *Chờ xong* nghỉ mới *tìm* đường tháo lui (QVĐ)
- 1199: Vừa tuần nguyệt *rạng* gương trong (QVĐ)
- 1200: Tú bà ghé *đến* thông dong dặn dò (KOM)
- 1203: Nàng rằng: “*Mây* gió dập dìu (QVĐ)
- 1206: *Bỗng dưng* ai mất tiền hoài đến đây (KOM)
- 1213: Khi khóe hạnh, *lúc* nét ngài (LVĐ, QVĐ)
- 1214: Khi ngâm *nghe* nguyệt, khi cười cợt hoa (QVĐ)
- 1216: Đủ ngần ấy nét mới là *làng* soi (KOM)
- 1217: *Cúi* đầu vâng dạy mấy lời (QVĐ)
- 1221: *Tủi* mình cửa các buồng khuê (LVĐ)
- 1230: Cuộc say đầy tháng, trận cười *trót* đêm (QVĐ)

- 1233: Khi say rượu, lúc tàn canh (QVĐ)
- 1240: Những mình nào có *biết* xuân là gì (KOM)
- 1242: Nửa rèm tuyết ngậm, bốn *bề* trắng thâu (BK-TTK, HĐH)
Nửa rèm *mây* ngỏ, bốn *mùa* trắng thâu (LVĐ)
- 1250: Ngấn ngơ trăm *mỗi* dùi mài một thân (QVĐ)
- 1251: *Mũi* lòng đòi đoạn xa gần (LVĐ)
- 1253: Nhờ ơn chín chữ cao sâu (BK-TTK)
- 1260: Xa xôi, ai có *biết* tình chẳng ai (LVĐ, KOM, QVĐ, BK-TTK)
Đây để theo bản Nôm *Kim Vân Kiều hợp tập* (Khải Định năm thứ chín, 1924) và bản Chiêm Vân thị.
- 1263: Tình sâu mong trả nghĩa *đầy* (KOM)
- 1264: Hoa kia đã chấp *cội* này cho chưa (KOM)
Hoa kia đã chấp *cây* này cho chưa (LVĐ, BK-TTK)
- 1266: Giấc hương quan luống *lần* mơ canh dài (KOM, BK-TTK)
Giấc hương quan luống *mẩn* mơ canh dài (HĐH, TĐ)
- 1271: Đã cho lấy *kiếp* hồng nhan (KOM)
- 1276: Kỳ Tâm họ Thúc cũng *loài* thư hương (QVĐ)
Kỳ Tâm họ Thúc cũng *dòng* thư hương (LVĐ)
- 1284: *Chiều* xuân càng gió, càng mưa, càng nồng (KOM)
- 1294: Ngày xuân lắm lúc *quên* về với xuân (KOM)
- 1296: Bầu tiên *rót* rượu, câu thần nói thơ (QVĐ)
- 1297: Khi hương sớm, khi *mây* trưa (LVĐ, QVĐ)
- 1298: Bàn *trà* điểm nước, đường tơ họa đàn (LVĐ, QVĐ)
- 1299: Miệt *mê* trong cuộc truy hoan (KOM)
- 1303: Thúc sinh quen *nét* bốc rời (LVĐ, KOM, QVĐ)
Đây để theo bản E.N, BK-TTK và HĐH
- 1306: Máu tham *người* thấy hơi đồng thì mê (KOM)
- 1311: Rõ *màu* trong ngọc trắng ngà (KOM, QVĐ, BK-TTK)
Đây để theo bản HĐH.
- 1313: Sinh càng tỏ *nét* càng khen (BK-TTK, HĐH)
- 1314: *Tả* tình tay thảo một thiên luật Đường (LVĐ, QVĐ)
- 1316: Lời lời châu *nguyệt*, hàng hàng gấm thêu (QVĐ)
- 1318: Lòng quê *dở* một vài điều ngang ngang (KOM)
Nỗi quê *còn* một hai điều ngang ngang (QVĐ)

- 1319: Lòng còn gửi áng mây *Hàng* (KOM)
- 1321: Rằng: “Sao có lạ lòng thay (LVĐ)
- 1323: Nàng càng *tuôn* giọt thu ba (KOM)
Nàng càng *tủi xót* thu ba (LVĐ)
- 1324: Đoạn trường lúc ấy *dở* mà buồn tênh (LVĐ, KOM, BK-TTK)
- 1325: *Khác* như hoa đã lìa cành (QVĐ)
- 1326: Chàng như con bướm liệng vành *chút* chơi (KOM)
Chàng như con bướm *lượn* vành *chút* chơi (TĐ)
Chàng như con bướm *lượn* vành *mà* chơi (LVĐ)
- 1337: Rồi ra *lở* phấn phai hương (KOM, BK-TTK)
Rồi ra *bạc* phấn phai hương (QVĐ)
Đây để theo bản Hồ Đắc Hàm và Tản Đà.
- 1338: Lòng kia giữ được thường thường *thế* chẳng (KOM)
Lòng kia giữ được thường thường *là* chẳng (LVĐ)
- 1340: Chủ trương đành đã chị *Thường* ở trong (QVĐ)
- 1341: Bấy giờ *khăng* khít dải đồng (LVĐ)
- 1342: *Mấy* người, người cũng chia lòng riêng tây (QVĐ)
- 1343: Vị chi *chút* phận bèo mây (QVĐ)
- 1352: *Giấu* mùi lại tội bằng ba lửa nồng (QVĐ)
Giấu mùi lại tội bằng ba lửa hừng (TVK)
- 1353: Ở trên còn có nhà *thông* (KOM, BK-TTK)
Ở trên còn có nhà *xuân* (QVĐ)
- 1354: Lòng trên trông xuống biết lòng có thương (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)
- 1358: Đành thân phận *thiếp* *ngĩ* danh giá chàng (BK-TTK)
- 1363: Đường *dài* chớ ngại Ngô Lào (LVĐ, QVĐ)
- 1365: Đã gần chi có đường xa (BK-TTK)
- 1366: Đá vàng *cũng* quyết phong ba cũng liễu (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)
- 1374: Cây người thấy *thợ*, mượn người dò la (BK-TTK)
- 1378: Hoàn *nguyên* một *thiếp* thân vào cửa công (LVĐ, QVĐ)
- 1379: Công tư *hai* lẽ đều xong (KOM, QVĐ)
Đây để theo bản BK-TTK và bản TĐ.
- 1387: Giậu thu vừa nẩy *chồi* sương (KOM)
- 1388: *Cối* (cởi) yên đã thấy *xuân* đường đến nơi (KOM)
- 1390: Nặng lòng *ấm* *ấp*, tính bài *phân* chia (PVĐ)

- Nghĩ đường *e khắc* tính bài phân *ly* (Quảng tập)
 Sốt lòng *e hầy* tính bài phân chia (DMT)
 Nặng lòng *ôm áp* tính bài phân chia (Ứng Dự)
- 1391: Quyết *nghe* biện bạch một bề (QVĐ)
 1396: Dấu rằng *sấm sét* búa rìu cũng cam (QVĐ)
 1397: *Xót* vì tay đã nhúng chàm (QVĐ)
 1401: Lượng trên *dù* chẳng thương tình (KOM)
 1403: Thấy lời *vàng* đá tri tri (LVĐ, QVĐ)
 1404: Sốt gan ông mới *thân* quỳ cửa công (KOM)
 1408: Song song vào trước sân hoa *dịu* quì (KOM)
 1410: Lập nghiêm trước *hầy* ra uy nặng lời (LVĐ, QVĐ)
 1412: Mà con người thế *ra* người đong đưa (KOM)
 1415: Suy trong tình trạng *bên nguyên* (Văn Hòe)
 1426: Ba cây *đóng chặt* một cành mẫu đơn (KOM)
 1428: Đào *nhăn nhú* má, liễu tan tác mảy (KOM)
 1430: Gương lờ nước thủy, mai gày vóc *xương* (KOM)
 1433: Khóc rằng: “Oan *khổ* vì ta (KOM)
 1433: Có nghe mình trước *chớ* đà *khỏi* sau (QVĐ)
 Có nghe lời trước *chớ* đà lụy sau (BK-TTK)
 1434: Cạn lòng *sinh* mới nghĩ lâu (LVĐ)
 1440: Đầu đuôi kể *sự những* ngày cầu thân (QVĐ)
 Đầu đuôi kể *sự* ngày ngày cầu thân (LVĐ)
 1443: Tại tôi *xứng* lấy một tay (QVĐ)
 1446: Dẹp uy mới dạy *mở* bài giải vi (KOM, BK-TTK)
 1450: Theo đòi *cũng* *vả* ít nhiều bút nghiên (LVĐ, QVĐ)
 1453: Nàng vâng *bút* cất tay đề (KOM)
 1455: Khen rằng: “Giá *lọp* Thịnh Đường (KOM, BK-TTK)
 1458: Châu Trần *lại* có Châu Trần nào hơn (KOM)
 1459: Thôi đừng *trác* dữ cưu hờn (QVĐ)
 1462: Ngoài thì là *lẽ*, song trong là tình (LVĐ, BK-TTK)
Dấu ngoài là phép song trong là tình (KOM)
 1466: Kiệu hoa cất gió, đuốc hồng *điểm* sao (BK-TTK)
 Kiệu hoa *chen* gió, đuốc hồng *điểm* sao (KOM)
 1467: Bày hàng cổ *vũ* xôn xao (LVĐ, QVĐ)

- 1469: Thương vì *nét*, trọng vì tài (KOM)
- 1471: Huệ *huơng* sức nước một nhà (LVĐ, QVĐ)
- 1473: Mảng vui rượu sớm *cờ* trưa (LVĐ, QVĐ)
- 1478: Đổi thay nhận cá đã *cùng* đầy niên (QVĐ)
Đổi thay nhận cá đã *hồng* đầy niên (LVĐ)
- 1480: Mặn tình cát lũy, nhạt *nguyên* tao khang (KOM)
- 1482: Tắm hơi ai *kẻ* giữ giàng cho ta (BK-TTK)
- 1483: Trộm nghe kẻ *cả* trong nhà (KOM)
- 1489: Bấy chầy chưa tỏ *âm hao* (KOM)
- 1491: Xin chàng *kíp liệu* lại nhà (KOM)
- 1492: Trước là đẹp ý, sau ta biết tình (LVĐ, QVĐ)
- 1493: Ví bằng giữ mực giấu quanh (KOM)
- 1496: *Định* tình sinh mới quyết lòng hồi trang (QVĐ)
Định lòng sinh mới quyết *tình* hồi trang (LVĐ)
Đành lòng *chàng* mới quyết lòng hồi trang (KOM)
Đây để theo bản BK-TTK.
- 1497: *Sáng* ra gửi đến xuân đường (KOM)
Sáng ra gửi đến xuân đài (LVĐ)
- 1500: Xuân đình thoát đã trông ra Cao đình (QVĐ)
- 1501: Sông Tần một dải *trong* xanh (KOM)
- 1502: *Lôi thôi* bờ liễu mấy cành Dương quan (LVĐ, BK-TTK)
- 1503: Cầm tay dài *thở ngắn* than (KOM)
- 1504: Chia phôi *ngại* chén, hợp tan ghen lời (QVĐ)
- 1507: Dễ mà ép *xâm* luôn kim (KOM)
- 1508: Làm chi *bằng* mắt bắt chim khó lòng (QVĐ)
- 1509: Đôi ta chút nghĩa đèo *bồng* (BK-TTK)
- 1511: *Dẫu* khi sóng gió bất tình (KOM)
Dù khi *mưa* gió bất tình (LVĐ)
- 1512: *Cả* ra uy cả, tôi đành phận tôi (KOM)
Lớn ra *phận* lớn, tôi đành phận tôi (QVĐ)
Đây để theo bản BK-TTK.
- 1518: Chén mừng xin đợi *bữa* này năm sau (KOM)
Chén mừng xin đợi *đêm* này năm sau (LVĐ, QVĐ)
Đây để theo bản BK-TTK.

- 1521: Dặm *trường* bụi cuốn chinh an (QVĐ)
- 1527: Kể chi những *sự* dọc đường (KOM)
- 1531: Duyên Đàng *sớm thuận* gió đưa (KOM)
- 1534: Nói điều *dâm* buộc thì tay cũng già (KOM, QVĐ)
 Đây để theo bản BK-TTK.
- 1536: Miệng người đã lấm, tin nhà còn không (KOM)
- 1538: *Trách* người đen bạc ra lòng trắng hoa (KOM)
- 1540: Cũng dong kẻ dưới mới là *người* trên (KOM)
- 1542: *Hay* chi mà rước tiếng ghen vào mình (QVĐ)
- 1552: Cho người *tham* ván bán thuyền biết tay (KOM)
 Cho người *buôn* ván bán thuyền biết tay (QVĐ)
 Đây để theo bản BK-TTK.
- 1555: Tuần sau bỗng có hai người (KOM)
- 1556: Mách tin *rấp* cũng liệu bài *tân* công (KOM)
- 1561: Vội vàng *làm* dữ ra uy (KOM)
- 1565: Buồng *điều* khuya sớm thành thơi (KOM)
- 1567: Đêm ngày lòng những *giận* lòng (BK-TTK)
- 1570: Chữ tình càng *duộm*, chữ duyên càng nồng (LVĐ)
- 1575: Mấy phen cười *tỉnh* nói say (KOM)
- 1578: Nào ai có khảo mà mình đã xưng (KOM, QVĐ)
 Đây để theo bản BK-TTK.
- 1582: Tiểu thư lại giờ những *điều* dâu dâu (LVĐ)
- 1585: *Gớm* cho những miệng đông dài (KOM)
- 1589: Thấy lời *đủng đỉnh* như chơi (QVĐ)
- 1592: Đèn khuya *chong* bóng, trăng tròn sánh vai (QVĐ)
 Đèn khuya *dong* bóng, trăng tròn sánh vai (LVĐ)
- 1593: *Non* quê thuần hức bén mùi (LVĐ, QVĐ)
- 1594: Giếng vàng đã *nảy* một vài tin ngô (QVĐ)
- 1596: Một *niềm* quan tái, mấy mùa gió trắng (LVĐ, BK-TTK)
- 1597: Tình riêng chưa dám *hở* răng (KOM)
- 1600: Lâm Truy cũng *liệu* tính mà thần hôn (QVĐ)
- 1601: Được lời như *mở* tác son (LVĐ, KOM, QVĐ)

Đây để theo bản E.N và BK-TTK.

- 1606: Xe hương *thư* cũng thuận đường quy ninh (KOM)
Xe hương nàng *đã* thuận đường quy ninh (LVĐ, QVĐ)
Đây để theo bản BK-TTK.
- 1609: Nghĩ rằng: "*Nhận lấy* hờn ghen (QVĐ)
Nghĩ rằng: *Giận ghẻ* hờn ghen (LVĐ)
- 1615: *Đóng* thuyền lựa mặt gia nhân (QVĐ)
- 1616: Hãy đem dây *thắm* buộc chân nàng về (LVĐ, QVĐ)
- 1617: Làm cho, cho *dại* cho mê (KOM)
- 1620: Sao cho để một *tiếng* cười về sau (LVĐ)
- 1624: Khuyến Ưng lại chọn một *vài* côn quang (LVĐ, QVĐ)
Khuyến Ưng lại *lựa* một bầy côn quang (BK-TTK)
- 1626: Thuận *buồm* một lá vượt sang *bể* Tề (KOM, QVĐ)
Thuận phong một lá vượt sang *bến* Tề (BK-TTK)
Đây để theo bản Tản Đà.
- 1631: Tóc thề đã chấm *quanh* vai (LVĐ)
- 1634: *Nhân* duyên biết có vương tròn cho chăng? (QVĐ)
- 1635: Thân sao *nhiều* nổi bất bằng (BK-TTK)
- 1636: Liễu như *ả* *Tổ* cung trắng nghĩ nào (KOM)
Liễu như cung Quảng *ả* Hằng nghĩ *nau* ! (BK-TTK)
- 1637: Đêm *sầu* gió lọt song đào (QVĐ)
- 1639: Nén hương đến trước *Phật* đài (KOM)
- 1640: Nổi lòng khấn *hết* mọi lời vân vân (QVĐ)
- 1642: Âm âm khóc quỷ kinh thần *nhảy* ra (KOM)
- 1643: Đây sân gươm tuốt sáng *lòe* (BK-TTK)
- 1647: *Đặt* ngay lên ngựa tức thì (KOM)
Nhảy ngay lên ngựa tức thì (LVĐ)
- 1648: Phòng *thêu* viện sách, bốn bể lửa dong (KOM)
Phòng *đào* viện sách *tứ* bể lửa dong (QVĐ)
Đây để theo bản BK-TTK.
- 1650: Đem vào để *đánh* lặn sông ai hay (KOM)
- 1652: *Xông* pha bụi cỏ gốc cây ẩn mình (KOM)
- 1655: Tớ thấy *tốc* thẳng đến nơi (QVĐ)
Tớ thấy *nhảy* thẳng đến nơi (LVĐ)

- 1661: Chạy *ra* chôn cũ phòng hương (LVĐ, QVĐ)
- 1662: *Trông* than thấy một đồng xương cháy tàn (QVĐ)
 Trong *than* thấy một đồng xương cháy tàn (KOM)
 Đây để theo bản BK-TTK.
- 1665: Thúc ông *rơi giọt* ngắn dài (KOM, QVĐ)
 Đây để theo bản BK-TTK.
- 1671: Bước vào chôn cũ lâu *thư* (KOM, BK-TTK)
- 1672: *Vội* than một đồng nắng mưa bốn tường (QVĐ)
- 1677: Gieo mình vật *vấy* khóc than (QVĐ)
- 1682: *Đoạn* trường ai có qua cầu mới hay? (KOM)
 Để ai rắp thăm quạt sáu cho hay (QVĐ)
 Đây để theo bản BK-TTK.
- 1684: Bay phù việc quý cao tay thông huyền (QVĐ)
- 1685: Trên tam bảo, dưới cửu tuyền (LVĐ, QVĐ)
- 1687: Sấm sanh lễ vật *rước* sang (KOM, BK-TTK)
- 1690: Xuất thần giây phút chưa tàn *triện* hương (QVĐ)
- 1693: Người này nặng *nghiệp* oan gia (KOM)
- 1695: Bọt cung đang mắc nạn to (LVĐ, QVĐ)
Bọt cung *chừng* mắc nạn to (QVĐ)
- 1697: Hai bên giáp mặt *nhiều* phen (KOM)
- 1698: Muốn *nhận* mà chẳng dám *nhận* lạ thay (QVĐ)
 (Chữ 忍 nhìn đã bị khắc sai thành chữ 認 nhận)
- 1699: *Điều* đâu nói lạ đường này (KOM)
- 1705: Đành rằng nàng đã Cửu nguyên (KOM)
- 1708: Dem nàng đưa xuống để an dưới thuyền (KOM)
- 1710: Đè chừng Vô Tích băng miền vượt sang (KOM)
- 1711: Dỡ dò, lên trước sảnh đường (BK-TTK)
Chở dò lên trước sảnh đường (LVĐ)
- 1713: Dem nàng bỏ xuống cửa phòng (KOM)
- 1715: Mơ màng chợt tỉnh hồn mai (KOM)
 Hoàng lương *nghe* tỉnh hồn mai (LVĐ, QVĐ)
 Đây để theo bản BK-TTK.
- 1716: Cửa nhà đâu *tá* lâu dài nào đây (KOM)
- 1718: Sảnh đường *vẳng* tiếng đòi ngay lên hầu (QVĐ)

- 1719: *Liều hoàn lên xuống giục mau* (KOM)
Ả hoàn trên dưới giục mau (QVĐ)
 Đây để theo bản BK-TTK.
- 1720: *Hải hùng nàng mới theo sau mọi người* (KOM)
- 1721: *Nhìn trông tòa rộng dây dài* (LVĐ, QVĐ)
- 1722: *Thiên quan gia tể có bài treo lên* (QVĐ)
 Ở đây khắc sai chữ 豕 (trúng) thành chữ 家 (gia).
- 1723: *Ban ngày sáp thấp đôi bên* (KOM)
- 1724: *Giữa giường thất bảo ngồi lên một bà* (KOM)
Trên giường thất bảo ngồi lên một bà (QVĐ)
Trên giường thất bảo ngồi trên một bà (LVĐ)
 Đây để theo bản BK-TTK.
- 1726: *Sự mình nàng phải cứ mà gửi thư* (KOM)
- 1728: *Mắng rằng: “Giống khéo bơ thờ quen thân* (KOM)
Dức rằng: “Những giống bơ thờ quen thân (BK-TTK)
Việc nàng những giống bơ thờ quen thân (LVĐ)
Tuồng gì những giống bơ thờ quen thân (E.N, HĐH)
 Đây để theo bản QVĐ.
- 1730: *Chẳng màu bán chúa thì quân lộn chồng* (QVĐ, BK-TTK)
Chẳng mầu trốn chúa thì quân lộn chồng (LVĐ)
- 1731: *Ra tuồng mèo mả cú đồng* (QVĐ)
- 1734: *Lại còn khùng khỉnh làm cao thế này* (KOM, BK-TTK)
- 1737: *Liều hoàn trên dưới dạ rân* (KOM)
- 1739: *Trúc côn ra sức rập vào* (KOM)
- 1744: *Phòng đào dạy ép vào phiên thị tỳ* (LVĐ, QVĐ)
- 1750: *Giúp lời phương tiện, mở đường hiếu sinh* (KOM)
- 1756: *Thấy ai quen thuộc cũng đừng nhìn chi* (LVĐ, KOM)
- 1758: *Con sâu cái kiến kêu gì được oan* (KOM)
- 1760: *Nỗi lòng no những bàn hoàn niềm tây* (LVĐ, QVĐ)
- 1761: *Phong trần kiếp chịu đã đầy* (KOM)
- 1767: *Những mong nường nấu qua thì* (QVĐ)
- 1170: *Phu nhân lại gọi nàng ra dạy lời* (KOM)
- 1777: *Có khi êm ả chiều trời* (KOM)
Hỏi đêm êm ả chiều trời (LVĐ)

- 1779: *Linh* lời nàng mới *giở* dây (LVĐ)
- 1784: *Sớm than thở bóng, khuya năn ní lòng* (KOM)
Sớm năn ní bóng, đêm ngơ ngẩn lòng (LVĐ, BK-TTK)
- 1786: *Nước bèo để chữ tương phùng kiếp sau* (KOM, QVĐ)
Đây để theo bản BK-TTK và HĐH.
- 1792: *Buồng* không thương kẻ thán ngày chiếc thân (BK-TTK)
- 1793: *Mây ai* trắng mới in ngần (KOM, TĐ)
- 1795: *Sen tàn cúc* lại nở hoa (BK-TTK, HĐH, TĐ)
Sen tàn cúc lại *chiếng* hoa (KOM)
- 1804: *Buồng* trong truyền gọi nàng ra lạy mắng (BK-TTK)
- 1809: *Bây* giờ tình mới *rõ* tình (QVĐ)
- 1813: *Rõ ràng thiệt* lứa đôi ta (KOM)
- 1816: *Mà* trong nham hiểm *chết* người không dao (QVĐ)
- 1824: *Thương ôi ! Nọ chẳng* nàng Kiều ở đây (KOM)
- 1827: *Sợ* quen dăm *ngổ* ra lời (KOM)
- 1836: *Bắt* nàng *rót rượu* chực hầu đôi nơi (KOM)
- 1841: *Dừng* đi, chợt nói chợt cười (QVĐ)
- 1842: *Cáo* say chàng đã *giạm* bài lẳng ra (LVĐ, KOM, BK-TTK)
Cáo say chàng đã *tính* bài lẳng ra (TĐ)
- 1847: *Tiểu* thư *cười* tỉnh nói say (KOM)
- 1851: *Nàng* đà *choáng* váng tê mê (KOM)
Nàng càng *chóng* váng tê mê (HĐH, TĐ)
- 1855: *Cùng chung* một tiếng tơ đồng (KOM)
- 1856: *Người* ngoài cười nụ, *người* trong khóc *ngâm* (KOM)
- 1857: *Hạt* châu lã chã khôn cầm (KOM)
- 1858: *Cúi* đầu chàng những gặt thắm giọt *Tương* (KOM)
Đây để theo bản QVĐ, BK-TTK, TĐ.
- 1859: *Tiểu* thư lại *net* lấy nàng (QVĐ)
- 1862: *Cho* chàng buồn bã tội *vì* tại người (LVĐ)
- 1864: *Vội* vàng *nói nói* cười cười cho qua (KOM)
- 1865: *Khúc* rồng canh đã điểm ba (QVĐ)
- 1867: *Lòng* riêng *táp* *tĩnh* mừng thắm (KOM, BK-TTK)
- 1868: *Buồn* này đã bỏ đau ngấm xưa nay (QVĐ)
Đêm nay đã bỏ đau ngấm *lâu* nay (KOM)

- 1869: Sinh *càng* gan héo ruột đầy (KOM)
- 1876: *Đã* ra đường nấy, ai nhìn được ai? (QVĐ)
Ai ra đường *ấy*, ai nhìn được ai? (KOM, BK-TTK)
Đây để theo bản HĐH, TĐ.
- 1880: Gõ cho ra *nợ* còn gì là duyên (KOM)
- 1881: Lỡ *dường* chút phận thuyền duyên (QVĐ)
- 1886: Tiểu thư *trông* mặt, dè tình hỏi tra (QVĐ)
- 1889: Tiểu thư *lại hỏi* Thúc sinh (LVĐ, QVĐ)
- 1894: *Lấy* lòng mới sẽ lựa đường hỏi tra (KOM)
- 1896: Thân cung nàng mới *lên* qua một tờ (LVĐ, QVĐ)
Thân cung nàng mới *thảo* qua một tờ (KOM)
Đây để theo bản BK-TTK, HĐH, TĐ.
- 1898: Thoắt xem *dường* có ngăn ngõ chút tình (QVĐ, BK-TTK)
- 1905: Sinh rằng: “*Thiệt* có như lời (KOM)
- 1911: Thôi *thôi* thôi cũng chiều lòng (KOM)
- 1912: Cũng cho *cho nghĩ* trong vòng bước ra (KOM)
Cũng *do nghĩ* ngại trong vòng bước ra (LVĐ)
Cũng cho *nghĩ nghị* trong vòng bước ra (BK-TTK)
Các bản HĐH, BKD, TĐ đều chép là: “*Cũng cho khỏi lụy...*” như bản Nôm QVĐ.
- 1915: Có *thảo* thụ, có sơn hồ (KOM)
- 1916: Cho nàng ra đó giữ chùa *chép* kinh (KOM)
- 1919: Đưa *chàng* đến trước Phật đường (LVĐ)
- 1921: Áo xanh đổi *bức* cà sa (KOM)
- 1925: Nàng từ lánh *dầu* vườn hoa (LVĐ, KOM, QVĐ)
Đây để theo bản E.N, BK-TTK, BKD, HĐH và TĐ
- 1927: Nhân duyên *dâu* *nữa* mà mong (KOM)
- 1929: Phật tiên thăm lấp *sầu* *hôi* (KOM)
- 1930: Ngày pho thủ tự, đêm *nhồi* tâm hương (BK-TTK)
- 1931: *Mát* thay giọt nước cành dương (KOM)
Đây để theo các bản BK-TTK, HĐH, TĐ
- 1932: *Tro* lòng tưới tắt mọi đường trần duyên (KOM)
Lò lòng tưới tắt mọi đường trần duyên (LVĐ)
- 1933: *Sông* *nâu* từ trở màu thiên (QVĐ)

- 1935: *Cửa thiên then nhặt lưới mau* (KOM)
- 1939: *Những là ngậm thở nuốt than* (KOM)
- 1943: *Sụt sùi cũng nổi đoạn trường* (QVĐ)
- 1944: *Giọt châu tâm tã uớt tràng áo xanh* (KOM)
- 1945: *Rằng cam chịu bạc với tình* (QVĐ)
- 1950: *Cát lăm ngọc trắng thiệt thời xuân xanh* (KOM)
- 1951: *Quản chi trên gác dưới duênh* (LVĐ, QVĐ)
- 1954: *Nghiến rằng bẻ một chữ đồng làm hai* (BK-TTK)
- 1958: *Phù trăm cũng mặc lúc nào rủi may* (QVĐ)
- 1960: *Sống thừa còn tưởng có rày nữa sao?* (QVĐ)
- 1963: *Chút vì cầm đã bén dây* (LVĐ, QVĐ)
- 1969: *Sợ khi giông tố phũ phàng* (KOM)
- 1971: *Liệu mà cao chạy xa bay* (LVĐ, QVĐ)
- 1976: *Con tầm đến chết cũng còn vương tơ* (KOM, QVĐ)
Con tầm đến chết cũng còn kéo tơ (LVĐ)
- 1981: *Nhận ngừng nuốt tủi bước ra* (QVĐ)
- 1982: *Tiểu thư đâu đã gót hoa bước vào* (QVĐ)
Tiểu thư đâu đã lánh hoa bước vào (LVĐ)
- 1988: *So vào với thiệp hương đình nào thua* (LVĐ)
- 1990: *Nghìn vàng thiệt cũng nên mua lấy tài* (KOM)
- 1991: *Thiên trà cạn chén hồng mai* (KOM)
- 1994: *Kề tai, hỏi lại hoa tì trước sau* (KOM)
- 1995: *Hoa rằng: “Bà đến bấy lâu* (LVĐ, QVĐ)
- 1996: *Dừng chân đứng lại độ đâu nửa giờ* (KOM)
Dón chân đứng nép độ đâu nửa giờ (QVĐ)
 Đây để theo bản BK-TTK và TĐ.
- 2001: *Dặn tôi đứng lại một bên* (BK-TTK)
- 2004: *Đàn bà đến ấy thấy âu một người* (QVĐ)
- 2005: *Ấy mấy gan, ấy mấy tài* (KOM)
- 2006: *Nghĩ càng thêm nổi đấng cay rụng rời* (LVĐ, QVĐ)
- 2010: *Máu ghen ai cũng chau mày cắn răng* (LVĐ)
- 2011: *Thế mà êm chẳng dai dẳng* (LVĐ, QVĐ)
- 2014: *Cười này mới thực khôn lường hiểm sâu* (QVĐ)
- 2018: *Trèo cây lâu cũng có ngày bẻ hoa* (LVĐ, BK-TTK)

- Trồng cây lâu cũng có ngày bé hoa (QVĐ)*
- 2030: Tiếng gà diêm cổ, dấu giày cầu sương (LVĐ, QVĐ)
- 2049: Xem *qua* sư mới dạy *qua* (QVĐ)
- 2050: Phải *nơi* Hằng Thủy là ta hậu tình (BK-TTK)
- Chữ 厖 có thể phiên là *ni* hoặc *nơi* đều được cả.
- 2056: Hương đèn việc *trước*, trai phòng quen tay (QVĐ)
- 2057: Sớm khuya *ra mái* phướn mây (LVĐ, QVĐ, BK)
- 2061: Cửa thiên vừa *đã vẽ* xuân (QVĐ)
- Cửa thiên vừa *đã* cuối xuân (LVĐ)
- 2062: Bóng hoa *đầy* đất, vẽ ngân... (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)
- 2066: Khen ai khéo *tạc* của nhà Hoạn nương (QVĐ)
- 2075: Rỉ tai *nàng mới* giải lòng (QVĐ)
- Rỉ *nghe* *nàng mới* giải lòng (LVĐ)
- 2078: Để chàng cho đến *nỗi* thì cũng thương (KOM)
- 2080: Ngồi chờ nước đến *bằng* đường còn quê (KOM)
- 2081: Có nhà *nàng* Bạc bên kia (LVĐ)
- 2083: Nhấn sang dấn *kết* mọi đường (QVĐ)
- 2084: Dọn nhà hãy tạm cho *nàng chứa* chân (LVĐ KOM, QVĐ)
- Dọn nhà hãy tạm cho *nàng đỡ* chân (HĐH)
- Đây để theo bản TVK, E.N và Quảng tập.
- 2089: Thấy *nàng lạt* phấn *phai* son (QVĐ)
- Thấy *nàng nhạt* phấn *sạm* son (LVĐ, DMT)
- 2090: Mừng thăm được *buổi* bán buôn có lời (LVĐ, BK-TTK)
- Mừng thăm được *món* bán buôn có lời (HĐH, TĐ)
- 2091: Hư không đặt *bổng* nên lời (QVĐ)
- Hư không đặt *bỏ* nên lời (LVĐ)
- 2092: Nàng đà *lớn* sợ rụng rời lăm phen (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)
- 2093: Mụ càng *khua* giục cho liền (KOM)
- Mụ càng *xua đuổi* cho liền (BK-TTK, HĐH)
- Mụ càng xui giục cho *nên* (QVĐ)
- Đây để theo bản BKD, TĐ.
- 2097: *Giống* oan gia của phá gia (KOM)
- 2103: Có chàng Bạc Hạnh cháu nhà (KOM)
- Nay* chàng Bạc Hạnh cháu nhà (LVĐ, QVĐ)

- 2104: *Cùng* trong thân thích ruột rà chẳng ai (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)
- 2105: Cửa *nhà* buôn bán châu thai (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)
- 2109: Bấy *nay* ai lại biết ai (LVĐ)
- 2111: Nàng dù *chẳng* quyết thuận tình (LVĐ, QVĐ)
- 2112: Trái *minh* nẻo trước, lụy *minh* đến sau (LVĐ, QVĐ)
- 2121: Sợ khi muôn một thế nào (KOM)
- 2122: Bán hùm buôn *hổ* chắt vào lưng dẫu (LVĐ, QVĐ)
- 2124: Tâm *minh*, xin quyết *mấy* nhau một lời (QVĐ)
- 2129: Một nhà dọn dẹp *lanh* *chanh* (KOM)
- 2130: Bản QVĐ khắc sai chữ 卓 (trác) thành chữ 連 (rước)
- 2132: Quá lời *xin* hết Thành hoàng, Thổ công (LVĐ)
- 2133: *Ngoài* sân lòng đã tỏ lòng (KOM)
- 2138: Bạc sinh *xuống* trước tìm nơi mọi ngày (LVĐ)
 Bạc sinh *xuống* trước tìm nơi *hỏi* người (QVĐ)
 Bản QVĐ khắc sai chữ 早 (ngày) thành chữ 早人 (người)
- 2142: Mỗi hàng một đã ra mười thì *buôn* (KOM)
- 2151: *Gớm* cho cái số hoa đào (LVĐ)
- 2157: Hồng quân *mấy* khách hồng quân (QVĐ)
- 2159: Bản KOM đã khắc sai chữ 落 (lạc) thành chữ 落 (nước)
- 2165: Lăn *lừa* gió mát trắng thanh (KOM)
 Lăn *thâu* gió mát *đêm* thanh (LVĐ, QVĐ)
 Đây để theo bản BK-TTK, HĐH, TĐ.
- 2166: Bồng dẫu có khách biên đình *đến* chơi (LVĐ, QVĐ)
- 2167: Râu hùm, hàm én, mày ngài (BK-TTK)
- 2175: Qua chơi *thấy* tiếng nàng Kiều (LVĐ, BK - TTK)
- 2176: Tấm lòng nhi nữ, *dễ* xiêu anh hùng (KOM)
- 2178: Hai bên cùng liếc, hai lòng *cũng* ưa (QVĐ)
 Hai bên *cũng* liếc hai lòng cũng ưa (BK-TTK)
- 2184: Bản QVĐ khắc sai chữ 招 (châu) thành chữ 招 (chiêu)
- 2200: Cười rằng: “Tri kỷ *thấy* *âu* mấy người (KOM)
- 2202: Anh hùng *biết* giữa trần ai mới già (KOM)
 Anh hùng *đứng* giữa trần ai mới già (LVĐ, QVĐ)
 Đây để theo bản BK-TTK, HĐH, TĐ.

- 2207: *Sự lòng ngò với bằng nhân* (KOM)
- 2208: *Hai trăm lại cứ nguyên ngân chiêu hoan* (KOM)
Tiền trăm lại cứ nguyên quân chiêu hoàn (LVĐ)
- 2209: *Phòng riêng sửa chốn thanh nhân* (LVĐ, QVĐ)
- 2212: *Phỉ nguyên bói phượng, đẹp duyên cười rồ* (KOM)
- 2214: *Trượng phu chợt đã động lòng bốn phương* (QVĐ)
- 2218: *Chàng đi thiệp cũng quyết lòng xin đi* (KOM, QVĐ)
 Đây để theo bản BK-TTK, HDH.
- 2219: *Từ rằng: “Tâm phủ tương tri* (KOM)
- 2222: *Tiếng bẻ dậy đất, bóng tình rợp đường* (KOM)
- 2226: Bản QVĐ đã khắc sai chữ 絆 (bạn) thành chữ 伴 (bạn)
- 2230: *Gió đưa bằng tiện đã lia dạm khời* (KOM, BK-TTK)
- 2231: *Nàng thì chiếc bóng song mai* (QVĐ, BK - TTK)
- 2232: *Đêm thâu đằng đẳng ngày cài then mây* (LVĐ)
- 2235: *Đoái thương muôn dạm tử phần* (QVĐ, BK - TTK)
- 2239: *Chốc là mười mấy năm trời* (LVĐ, KOM, QVĐ, BK-TTK)
 Đây để theo bản HDH, TĐ.
- 2242: *Dấu lia tơ ý còn vương tơ lòng* (LVĐ, QVĐ)
- 2243: *Duyên em dù nổi tơ hồng* (LVĐ)
- 2253: *Người quen thuộc, kẻ chung quanh* (KOM, BK-TTK)
- 2254: *Rủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi* (QVĐ)
- 2260: *Đồng thanh cùng hỏi: “Nào là phu nhân?”* (QVĐ)
- 2263: *Cung nga thể nữ theo sau* (KOM)
- 2266: *Hoa bay chấp chới, hà y rõ ràng* (LVĐ)
Hoa quan giáp giới hà y rõ ràng (TVK, PKC, BK - TTK)
Hoa quan pháp phối hà y rõ ràng (BKD, HDH, TĐ)
 Đây để theo bản TVK.
- 2268: *Trúc tơ dậy trước kiệu vàng kéo sau* (KOM)
Trúc tơ nổi trước, đào vàng kéo sau (QVĐ, BK - TTK)
 Đây để theo bản TVK và TĐ.
- 2272: *Từ công lên ngựa thân nghênh cửa ngai* (QVĐ)
- 2273: *Rõ mình là vẻ cân đai* (KOM, QVĐ)
Lửa mình là vẻ cân đai (BK-TTK)
Rõ mình là vẻ cân đai (BKD)

Rõ mình lạ vé cân đai (TĐ)

Đây để theo bản Nôm PVD và bản HĐH.

2274: Hây còn *hàm* én mây ngài như xưa (KOM, BK-TTK)

2281: Đến bây giờ mới thấy *nhau* (LVĐ)

2286: *Ầm thùng* trống trận, rập rình nhạc quân (KOM)

Đây để theo bản BK-TTK, TĐ.

2288: Chữ tình ngày *một* thêm xuân một ngày (KOM)

2289: Trong quân *nhân* lúc vui vầy (KOM)

2290: Thông dong mới kể *chuyện* ngày hàn vi (KOM)

2297: Nghiêm quân *chọn* tướng sẵn sàng (KOM, QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK, HĐH, TĐ.

2302: Chiếu danh *truy* nã *đem* về hỏi tra (KOM)

2303: Lại sai lệnh *tiển* truyền *ra* (KOM)

Lại sai lệnh *tiến* truyền qua (BK-TTK)

2304: Giữ *gìn* họ Thúc một nhà cho yên (KOM)

2305: Mụ *Hoạn Thư*, vãi Giác Duyên (LVĐ, QVĐ)

2306: Cũng sai *lệnh tiến* đem tin rước mời (BK-TTK)

BK-TTK chép là *lệnh tiến*, nhưng đã giải thích là cái tên của tướng cho cầm đi để làm tin. Như thế thì có thể đã in sai *tiển* (mũi tên) thành *tiến* (đi lên).

2310: *Chia đi* mọi ngã tóm về đòi nơi (KOM)

Khéo thay một mẻ *tống* về đây nơi (QVĐ)

Chia đi mọi ngã *bắt* về đây nơi (TĐ)

Đây để theo bản BK-TTK, TVK.

2312: Vệ trong thi lập, *cửa* ngoài song phi (QVĐ)

2314: *Vác* đòng chặt đất, *sinh* kỳ rợp sân (HĐH)

2319: Từ rằng: “*Ân oán* *đôi* bên (KOM)

2321: Nàng rằng: “*Muôn* cây uy linh (KOM).

2325: *Sổ* tên trước *xương* Thúc lang (KOM)

Cho gươm *đưa* đến Thúc lang (QVĐ)

Đây để theo bản BK-TTK, HĐH, TĐ.

2326: Mặt như chàm đỏ, mình dường 𧈧 *giẽ* run (KOM)

Mặt như chàm đỏ mình dường 𧈧 *đế* run (QVĐ)

Bản QVĐ Ất Sửu viết 𧈧.

Bản KOM và CVT viết chữ *giê* (bộ 鳥 *điều*) nên có thể là *con chim giê*.

Bản QVĐ (1906) và QVĐ (1925) viết chữ *dế* (bộ 虫) nên có thể hiểu là *con dế*.

Bản *Kim Vân Kiều* (Đại toàn chú thích dẫn giải đính chính) của Ứng Dự và bản *Kiều truyện dẫn giải* của Hồ Đắc Hàm đã phiên âm là:

Mặt như chàm đỏ, mình dường *dế run*

Bản BK-TTK phiên là:

Mặt như chàm đỏ, mình dường *giê giun*

Bản TĐ phiên là:

Mặt như chàm đỏ, mình dường *giê giun*

Giê giun: theo *Từ điển Việt Hán* thì chữ Hán là *duật*, một giống chim mỏ dài, ngoài đầu mỏ thì rắn, trong có da mỏng bao bọc, lưng màu tro, có hoa trắng toát, hay ở ngoài đồng ăn sâu, cá nhỏ. *Việt Nam tự điển*: của Khai trí Tiến Đức viết là *dê* và đã giải thích là tên một loài chim, ăn giun: *dê giun* (*Dê* khác với *giê* tức là con chim giẻ cùi, một loài chim tốt mã, dài đuôi).

2327: Nàng rằng: “Nghĩa *nặng* nghìn non (KOM)

2335: Kiến bò miệng chén *chở* lâu (TVK - E.N)

2336: Mưa sâu *đành* trả nghĩa sâu cho vừa (KOM)

2338: Mồ hôi chàng đã như mưa ướt *đầm* (KOM)

2354: Lại đem các tích phạm *tù* hậu tra (KOM)

2357: Xa trông nàng đã chào thưa (KOM)

2358: Tiểu thư cũng mới bây giờ đến *nơi* (QVĐ)

2363: Hoạn Thư *phách* lạc hồn xiêu (KOM)

2364: Khấu đầu dưới trướng *lựa* điều kêu ca (KOM)

Khấu đầu dưới trướng *dở* (*giở*) điều kêu ca (LVĐ, BK - TTK)

2367: Nghĩ cho khi các viết kinh (KOM, QVĐ, BK-TTK)

Đây để theo bản TĐ.

2368: Với *ra* khỏi cửa dứt tình chẳng theo (QVĐ)

2371: Trót *đà* gây việc chông gai (KOM)

2373: Khen cho: “*Khéo* đã nên rằng (KOM)

2380: Cửa hiên lại dặt một dây dẫn vào (LVĐ, QVĐ, KOM)

2383: *Nào* là Bạc Hạnh, Bạc bà (KOM)

2384: *Nào* là Ứng Khuyến, nào là Sở Khanh (KOM)

2386: Các tên tội *đã* đáng tình còn sao (KOM)

- 2387: Lệnh quân truyền xuống *khai* đao (KOM)
- 2402: Biết đâu hạc nội *chim* ngàn là đâu (QVĐ)
- 2403: Sư rằng cũng chẳng *mấy* lâu (BK-TTK)
- 2407: Bảo cho hội *hợp* chi kỳ (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)
- 2410: Đã tin điều trước, ắt nhằm *việc* sau (KOM)
- 2411: Còn nhiều ân *nghĩa* với nhau (KOM)
Còn nhiều ân *oán* *mấy* nhau (QVĐ)
- 2417: Giác Duyên vâng *dạy* ân cần (QVĐ)
- 2420: Bể oan dương đã với với *cạn* lòng (KOM)
- 2422: Chút thân bồ liễu *mà* mong có rày (BK-TTK)
Chút thân bồ liễu *còn* mong có rày (QVĐ)
- 2425: *Nét* xương *chép* dạ xiết chi (LVĐ)
Chạm xương *chép* dạ xiết chi (KOM, BK-TTK)
Khắc xương *chép* dạ xiết chi (QVĐ)
Đây để theo bản EN, BKD, HĐH.
- 2426: Bản QVĐ đã khắc sai 脛 (ốc) thành 坼 (ốc)
- 2430: Giữa đường *khi* thấy bát bằng mà tha (KOM)
- 2434: Bấy *lâu* kẻ Việt người Tần cách xa (KOM)
- 2439: Thừa cơ trúc chẻ *khối* tan (QVĐ)
- 2440: Binh uy từ đó sấm ran trong ngoài (KOM)
- 2444: Huyện thành đập đổ năm tòa *Hải* nam (KOM)
- 2454: Tiện nghi *phủ* tiểu, việc ngoài đồng nhưng (KOM)
- 2458: *Phong* thư *mâm* lễ sai quan thuyết hàng (KOM)
- 2460: Bản QVĐ đã khắc sai chữ 斤 thành chữ 升
- 2461: Tin vào gửi trước *quân* trung (QVĐ)
- 2467: Áo xiêm *buộc* trói lấy nhau (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)
- 2474: *Của* nhiều nói ngọt nghe lời dễ xiêu (KOM)
Cùng nhiều nói ngọt nghe lời dễ xiêu (LVĐ)
- 2480: Bản KOM đã khắc 迦 (dà) thành 嘉 (nhà)
- 2482: Nở nang mày mặt, *rõ* ràng mẹ cha (QVĐ, BK - TTK)
- 2486: E dè sóng *gió*, hải hùng *cỏ* hoa (QVĐ, BK - TTK)
- 2489: Rằng: “Trong thánh *đế* dôi dào (LVĐ, QVĐ)
Rằng: Ởn thánh *đế* dôi dào (BK-TTK)

- 2506: Vương sư *nghe* đã tỏ tường thực hư (QVĐ)
- 2511: Từ công hồ *hăng* biết đâu (BK-TTK)
- 2515: Đang khi bất ý *ai* ngờ (KOM)
- 2521: Trơ như đá *rắn* như đồng (KCM)
- 2523: Quan quân *thừa thế* đuổi dài (KOM)
- 2524: *Ừ* ù sát khí, ngất trời ai đang (KOM, QVĐ)
Hầm *hầm* sát khí ngất trời ai đang (BK-TTK)
 Đây để theo bản Tản Đà.
- 2530: Bởi nghe lời thiếp *nên* cơ hội này (HĐH, TĐ)
- 2532: Thà liều sống *chết* một ngày với nhau (BK-TTK)
- 2533: Dòng thu như *gội* cơn sầu (KOM)
 Dòng thu như *xối* cơn sầu (QVĐ, BK - TTK)
 Đây để theo bản BKD, HĐH và TĐ.
- 2536: Nàng vừa phục *hạ* Từ liền ngã ra (QVĐ)
- 2538: Xót nàng sẽ lại *dắt* ra dần dần (KOM)
- 2539: *Đem* vào đến trước trung quân (BK-TTK)
- 2544: *Chấp* công cũng có lời nàng mới nên (QVĐ, BK - TTK)
- 2545: Bây giờ sự đã *vạn* tuyền (KOM)
- 2552: *Đưa* thân bách chiến làm tôi triều đình (LVĐ, QVĐ)
- 2556: *Thoắt đem mình* bỏ chiến trường như không (KOM)
Đem mình đi bỏ chiến trường như không (QVĐ)
Dẫn mình đi bỏ chiến trường như không (E.N, BK-TTK)
 Đây để theo bản LVĐ.
- 2561: Xin cho *tiện thổ* một doi (LVĐ, QVĐ)
 Bản LVĐ và QVĐ đã khắc sai chữ 土 (thổ) là chữ 士 (sĩ).
- 2565: *Quân trung* mở tiệc hạ công (KOM)
- 2568: Dở say lại ép *vạn* đàn nhật tâu (LVĐ, KOM, BK - TTK)
- 2569: Một cung gió *tủi* mưa sầu (LVĐ, KOM, BK - TTK)
- 2575: Thừa rằng: “Bạc *phận* khúc này (LVĐ, QVĐ)
- 2579: *Càng nghe càng đắm* càng say (KOM)
 Càng nghe đắm, *đắm* càng say (PVĐ, BK-TTK, HĐH, TĐ)
 Đây để theo bản Nôm QVĐ.
- 2580: *Dấu* cho mặt sắt cũng ngây vì tình (KOM)
- 2581: Dạy rằng: “Hương *hỏa* ba sinh (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)

- 2582: Dây *uên* xin nôi cầm lành cho ai (QVĐ)
- 2587: Rộng thương *chút* mảnh quần hồng (QVĐ)
- 2588: Bản QVĐ đã khắc sai chữ 粉 (phần) thành chữ 粉 (phấn)
- 2590: Hồ công đến lúc *sáng* ngày nhớ ra (KOM)
 Hồ công đến lúc rạng ngày *tỉnh* ra (QVĐ)
- 2595: *Tảo* nha vừa buổi rạng ngày (QVĐ)
- 2596: Quyết tình *công* mới đoán ngay một bài (QVĐ)
- 2597: Lệnh quan ai dám *trái* lời (QVĐ)
- 2600: Xe *dây* sao khéo vợ *càn* vợ *xiên* (KOM)
 Xe *tơ* sao khéo vợ *càn* vợ *xiên* (LVĐ, QVĐ)
- 2605: Chữ 拉 có thể phiên âm là *lấp* hoặc *dập* nên bản BK-TTK đã phiên âm là: “Đành *thân* cát *dập* sóng *vùi*”, bản TĐ đã phiên là: “Đành *thân* cát *lấp* sóng *vùi*”.
- 2610: Nợ đâu ai *bổng* *dắt* vào tận nơi (KOM)
- 2612: Còn ngày nào *nữa* *như* ngày ấy thôi (QVĐ)
- 2624: Hẹn ta thì *phải* dưới này rước ta (KOM)
- 2627: Cửa *phòng* vội mở rèm châu (LVĐ, QVĐ)
- 2628: Trời cao *bể* rộng một màu bao la (QVĐ)
- 2630: *Xót* vì việc nước mà ra phụ lòng (BK-TTK)
- 2632: Mặt nào *mà* *lại* đứng trong cõi đời (KOM, BK-TTK)
- 2638: Thì đà *đắm* ngọc chìm hương *quá* rồi (KOM)
 Thì đà *đắm* ngọc chìm hương *cho* rồi (LVĐ, BK - TTK, IĐ)
 Đây để theo bản TVK.
- 2639: Thương thay cũng một *thân* người (LVĐ, BK - TTK)
- 2640: *Khéo* thay mang lấy sắc tài làm chi (LVĐ, QVĐ)
- 2646: Trong cơ âm cực dương hồi khôn *thay* (QVĐ)
- 2647: Máy người *vì* nghĩa xưa nay (LVĐ, QVĐ)
- 2650: *Treo* bầu quấy níp rộng đường vân du (QVĐ)
- 2654: Kiếp sao *chịu* những đoạn trường thế thôi (QVĐ)
- 2655: Sư rằng: “*Phúc* *họa* đạo trời (BK-TTK, QVĐ)
- 2656: *Cõi* nguồn cũng ở lòng người mà ra (BK-TTK)
- 2657: *Tại* trời mà cũng tại ta (KOM)
- 2658: Tu là *cõi* phúc, tình là dây oan (BK-TTK)
- 2663: Vậy nên những *tính* thông dong (LVĐ, E.N, QVĐ)

Chữ 准 (chôn) đã bị khắc sai thành 性 (tính).

- 2565: Ma đưa lối, quỷ *đem* đường (KOM, QVĐ)
Đây để theo bản BK-TTK và TĐ.
- 2666: Lại tìm những *tính* đoạn trường mà đi (LVĐ)
- 2667: Hết *hạn* ấy đến nạn kia (LVĐ)
- 2668: Thanh lâu hai lượt, thanh y *một* lần (KOM)
- 2670: Kê *lưng* hùm sói, gửi thân tôi đòi (BK-TTK)
- 2671: Giữa *vòng* nước dấy sóng dồi (QVĐ)
- 2672: Trước hàm rồng cá gieo *mình* vắng tanh (LVĐ)
Trước hàm rồng cá gieo môi *băng tính* (PVĐ, TĐ)
Trước hàm rồng cá gieo *mình thủy tính* (TVK, DMT)
- 2674: Một *mình* mình *chịu*, một *mình* mình hay (KOM)
- 2680: Nghiệp duyên *nhắc* lại *cân* đi còn nhiều (KOM)
- 2683: Lấy tình thâm, trả *tình* thâm (LVĐ, KOM, BK - TTK)
- 2685: Hai một người, cứu *một* người (LVĐ, KOM, BK - TTK)
- 2692: Tiền Đường *đến* một bè (vì) lau rước người (LVĐ)
- 2697: Đánh tranh *lợp mái* thảo đường (QVĐ)
- 2701: Một lòng *sá* quản mấy công (KOM)
- 2702: Khéo *trong* gặp gỡ cũng trong chuyển vần (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)
- 2707: Trên mũi lướt *thuốt* áo là (QVĐ, BK - TTK)
- 2708: *Dầu* dầm hơi nước chưa lòa bóng gương (KOM)
Tuy dầm hơi nước chưa lòa *màu* gương (QVĐ)
- 2709: Giác Duyên *nhận* thật mặt nàng (E.N, BK-TTK, TĐ)
- 2712: Đạm Tiên, *đâu* đã thấy người ngày xưa (QVĐ)
- 2714: Mất công *mười* mấy năm thừa ở đây (KOM, BK-TTK)
- 2715: Chì sao phận mỏng *đức* dày (QVĐ, BK - TTK)
- 2716: Kiếp xưa đã vậy, *kiếp* này dễ ai (KOM)
Kiếp *này cũng* vậy, lòng này dễ ai (LVĐ, QVĐ)
- 2717: Tám *lòng* đã thấu đến trời (KOM, BK-TTK)
- 2719: Một *mình* vì nước vì dân (LVĐ, KOM)
- 2720: *Dương* công cất một đồng cân đã già (LVĐ, QVĐ)
- 2722: Đoạn trường thơ phải *đón* mà trả nhau (LVĐ, QVĐ)
Đoạn trường *thưa* phải *đón* mà *giã* nhau (E.N)
Đoạn trường *phải đến để* mà *giã* nhau (TVK)

- 2723: Còn nhiều hướng thụ về *sau* (QVĐ, BK - TTK)
- 2724: Duyên xưa *đầy đặn*, phúc sau dồi dào (QVĐ, BK - TTK)
 Duyên xưa *đầy đặn*, phúc *lâu* dồi dào (QVĐ)
- 2731: Thấy nhau mừng rỡ *nhiều* bề (QVĐ)
- 2732: Bản QVĐ đã khắc sai chữ 連 (rước) thành 連 (trên).
- 2735: *Tư* bề bát ngát mệnh mông (KOM)
- 2737: Nạn xưa *trót* sạch lâu lâu (QVĐ)
- 2738: Duyên xưa chưa dễ *chắc* đâu chốn này (LVĐ)
- 2744: Nhìn *phong cảnh cũ* nay đã khác xưa (QVĐ, BK - TTK)
- 2745: Đây vườn cỏ mọc *lúa* thưa (KOM)
- 2746: *Song mây* quanh quẽ vách mưa rã rời (KOM)
- 2749: Xập xè én liệng *nên* không (QVĐ)
 Bản QVĐ đã khắc chữ 唼 (sập) thành 返 (gặp).
 Xập xè én liệng *lầu* không (LVĐ, BK - TTK, TĐ)
- 2751: Cuối tường gai góc mọc *đây* (QVĐ)
- 2753: Chung quanh *lạnh* ngát như tờ (QVĐ)
- 2758: Hỏi nàng, nàng đã bán mình *cứu* cha (KOM)
- 2760: Hỏi chàng Vương *Quan* cùng là Thúy Vân (LVĐ, QVĐ)
- 2761: *Đều* nay sa sút khó khăn (LVĐ, QVĐ)
- 2762: May thuê viết *bán* kiếm ăn lần hồi (QVĐ)
Thuê may mượn viết kiếm ăn lần hồi (LVĐ)
Thuê may, bán viết kiếm ăn lần hồi (BK-TTK)
- 2765: *Hỏi thăm* di trú nơi nao (KOM)
- 2766: *Kiểm* đường, chàng mới tìm vào tận nơi (KOM)
Đánh đường *sinh* mới tìm vào tận nơi (QVĐ)
- 2768: Lau treo rèm *thấp* trúc cài phen thưa (KOM)
 Lau treo rèm nát, trúc *gài* phen thưa (BK-TTK)
- 2769: Một sân đất cỏ *dào* mưa (KOM)
- 2786: *Tình* này dằng dặc muôn đời chưa quên (KOM)
- 2790: *Gửi* lòng để *lại* cất mình ra đi (KOM)
- 2791: Phận sao bạc *với* Kiều nhi (LVĐ, QVĐ)
 Phận sao bạc *bấy* Kiều nhi (BK-TTK)
- 2794: Chàng càng nghe nói, càng *dầu* như *dưa* (BK-TTK)

- 2795: Vật mình *bão* gió tuôn mưa (LVĐ, QVĐ)
- 2800: Nhân ngừng ông mới vô về *lại* khuyên (LVĐ, QVĐ)
- 2804: Nghìn vàng thân ấy *thì* hồng bỏ sao (LVĐ, QVĐ)
- 2806: Lửa phiên *khôn* dập càng khô mỗi phiên (LVĐ, QVĐ)
- 2811: Rằng: “Tôi trót *lỡ* chân ra (KOM)
- 2820: Tạ từ, sinh mới sụt sùi *bước* ra (KOM, QVĐ)
- 2825: Đình ninh mai *giọt* chép thư (LVĐ)
- 2827: Biết bao công muốn *công* thuê (LVĐ)
- 2833: Ruột tằm ngày một héo *dòn* (BK-TTK)
- 2835: *Thần* thơ lúc tỉnh lúc mê (BK-TTK)
- 2837: Xuân huyền lo sợ xiết *sao* (KOM)
- 2839: Vội vàng sấm *lễ* chọn ngày (KOM)
- 2841: Người yếu điệu *khách* văn chương (KOM)
- 2842: Trai tài gái sắc xuân đương *gặp* thì (QVĐ)
- 2844: Vui này đã *gác* sầu kia được nào (KOM)
- 2846: Càng *sâu* duyên mới, càng dào tình xưa (BK-TTK)
- 2847: Nỗi nàng *ngĩ* đến bao giờ (QVĐ)
- 2851: Bể bai *rầu rĩ* tiếng tơ (KOM, QVĐ)
 Đây để theo bản BK-TTK, BKD, TD.
- 2853: Dường như bên *mái* trước thêm (QVĐ)
 Dường như *trên* nóc *bên* thêm (TĐ)
 Dường như bên nóc, *bên* thêm (BK-TTK)
 Đây để theo bản KOM:
 Dường như bên *chái* 厓 trước thêm (KOM)
- 2866: Gia thân *lúc* mới kết duyên Châu Trần (QVĐ)
 Gia thân *bèn* mới kết duyên Châu Trần (BK-TTK)
- 2867: Chàng *càng* nhẹ bước thanh vân (LVĐ)
 Chàng từ nhẹ bước thanh vân (QVĐ)
- 2868: Nỗi *chàng* càng *ngĩ* xa gần càng thương (LVĐ)
- 2869: Ấy ai *dặn* ngọc thể vàng (KOM, QVĐ, BK-TTK)
 Đây để theo bản TĐ.
- 2870: Bây giờ kim mã ngọc đường *mấy* ai (QVĐ)
- 2871: Rễ bèo chân sóng lạc loài (KOM, BK-TTK)
- 2877: *Đêm* xuân trướng rủ hoa đào (KOM)

- 2879: Tỉnh ra mới *học* cùng chàng (KOM)
- 2884: Ở đây *họa* có giai âm chẳng là (QVĐ)
- 2886: Bản QVĐ đã khắc sai chữ 連 (lên) thành 連 (trên).
- 2890: Có mua người ở Bắc Kinh đưa về (KOM)
- 2891: Thúy Kiều *sắc sảo* ai bì (KOM)
- 2892: Đã nghề đàn lại đủ nghề văn thơ (KOM)
- 2896: Dây duyên sau lại *giá* về Thúc lang (QVĐ)
Dây duyên sau lại *gả* về Thúc lang (BK-TTK)
- 2899: *Dứt* mình nàng phải trốn ra (QVĐ)
- 2904: Hơn *người* trí dũng, nghiêng trời uy linh (QVĐ, BK)
- 2905: Trong tay *muôn* vạn tinh binh (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)
- 2907: Tóc tơ các tích mọi *kỳ* (LVĐ, QVĐ)
- 2911: *Song* còn chưa biết họ tên (KOM)
- 2914: Túc thì *đưa* thiệp mời chàng Thúc sinh (KOM)
Túc thì *đệ* thiệp mời chàng Thúc sinh (BK-TTK)
Túc thì *nghe* thiệp mời chàng Thúc sinh (LVĐ)
Đây để theo bản E.N và QVĐ.
- 2917: Thúc rằng: “Gặp lúc *lưu ly* (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)
- 2921: Gặp nàng *thì* ở Châu Thai (LVĐ, KOM, BK-TTK)
Gặp nàng *thì* ở *Thai Châu* (QVĐ)
Đây để theo bản BKD và TĐ.
- 2925: Đại *đồn quân* đóng cõi đông (KOM)
- 2930: Kiếp *phong trần* giữ bao giờ cho xong (KOM)
- 2931: Hoa *theo* nước chảy xuôi dòng (KOM, BK-TTK)
- 2934: Mảnh *gương* còn đó, phím đàn còn đây (KOM, QVĐ)
Đây để theo bản BK-TTK, HĐH, TĐ
- 2936: Lò hương biết có kiếp này nữa thôi (LVĐ)
- 2937: Bình bông còn *kẻ* xa xôi (KOM)
- 2940: Máy sông cũng lội, mấy ngàn cũng *qua* (BK-TTK)
- 2943: Bản KOM ở trang này có tới 11 hàng:
Ở đây có khắc thêm vào hai câu mà lại có hai bản khắc khác nhau. Một bản câu 2943 và câu 2945 chỉ có ba chữ, một bản hai câu ấy khắc đủ.
..... thăm vực sâu.
Lại e trời thăm vực sâu.

- 2945: ná đợi tin
Những là nấn ná đợi tin
- 2946: Nắng mưa *đã biết* mấy phen đổi đời (BK-TTK)
- 2948: Khâm ban sắc chỉ *tới* nơi rành rành (KOM)
- 2950: *Vương thì* cũng cải nhậm thành Thư Dương (KOM)
 Chàng Vương cũng cải nhậm thành *Duy* Dương (LVĐ, QVĐ)
 Chàng Vương cũng cải nhậm thành *Hoài* Dương (E.N, TVK)
 Chàng Vương cũng cải nhậm thành *Phú* Dương (BK - TTK)
 Đây để theo nguyên truyện của Thanh Tâm Tài Nhân.
- 2952: Hai nhà cùng thuận một *ngày* phó quan (LVĐ)
- 2954: Sóng êm Phúc Kiến, *tro* tàn Chiết Giang (QVĐ)
 Sóng êm Phúc Kiến, lửa tàn *Tích* Giang (BK-TTK)
- 2959: *Từ* ngày hôm nọ giao binh (KOM)
- 2962: Bản QVĐ đã khắc chữ 土 (thổ) thành 士 (sĩ).
- 2967: Chiêu hồn *đặt* vị lễ thường (QVĐ)
- 2971: Tình thâm *biến* thâm *đã* nhiều (QVĐ)
 Tình thâm *bến* thâm lạ điều (LVĐ)
- 2973: Cơ duyên đâu bỗng lạ *thay* (QVĐ)
- 2974: Giác Duyên đâu bỗng tìm vào *tới* nơi (KOM)
- 2976: Thất kinh *vội* hỏi: “Những người đâu ta (KOM)
- 2980: Xúm quanh kể *họ lên* lời hỏi tra (QVĐ)
 Xúm quanh kể *lẽ* rợn lời hỏi tra (KOM, HĐH, BKD, TĐ)
 Đây để theo bản LVĐ, TVK, E.N.
- 2985: Sư rằng: “Nhân quả *mấy* nàng (QVĐ)
- 2988: Đón *theo* tôi đã gặp nhau rước về (QVĐ)
- 2991: Phạt tiền *nhà* bạc lân la (LVĐ)
- 2996: Thăm tìm luống những liệu chừng nước *non* (LVĐ)
- 3001: *Quây* nhau lay tạ Giác Duyên (LVĐ, QVĐ)
- 3003: Bờ lau vạch cỏ tìm đi (QVĐ)
- 3008: Buồng *trong* nàng *đã* vội vàng bước ra (KOM)
 Buồng *trong* vội dạo sen vàng bước ra (BK-TTK)
- 3009: *Trông* xem đủ mặt một nhà (BK-TTK)
Sấy xem đủ mặt một nhà (LVĐ)
- 3016: Mừng mừng túi túi xiết *sao* là tình (KOM)

- Mừng mừng sợ sợ xiết bao là tình (BK-TTK)
 Măng măng tủi tủi xiết bao sự tình (BK-TTK)
- 3017: *Gieo mình dưới gối huyền đình* (KOM)
 3018: Khóc than kể lại sự mình đầu đuôi (KOM)
 3020: Bản KOM đã khắc 望 (trông) thành 內 (trong).
 3023: Ông bà trông mặt trao tay (LVĐ)
 3027: Nỗi mừng ông lấy chi cân (LVĐ, QVĐ)
 3030: Đứng trông nàng đã trở sầu làm tươi (LVĐ, QVĐ)
 3031: Rủ nhau lạy trước Phật đài (QVĐ)
 3032: Tái sinh trần tạ lòng Ngài từ bi (KOM)
 3033: Kiệu hoa giục rước tức thì (LVĐ)
 3037: Tính rằng mặt sóng chân mây (KOM)
 3039: Thì rày tái thế tương phùng (LVĐ, QVĐ)
 3057: Nghe lời nàng đã chiều lòng (LVĐ, QVĐ)
 3059: Một đoàn về đến công nha (KOM)
 3064: Đôi bên gặp gỡ một lời kết giao (KOM)
 3066: Phải đem duyên chị buộc vào cho em (KOM)
 3072: Bản QVĐ đã khắc chữ 盈 (doành) thay vì 伶 (dành)
 Khuôn thiêng lừa đảo đã đành có nơi (LVĐ)
 3074: Còn vắng trăng cũ, còn lời nguyên xưa (KOM)
 3075: Quả mai ba bảy khi vừa (LVĐ, E.N, QVĐ)
 3076: Đào non sớm liễu xa tơ gặp thì (QVĐ)
 3078: Sự trăm năm cũ kể chi bây giờ (KOM)
 3082: Thì cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi (QVĐ, BK - TTK)
 3083: Chàng rằng: “Nói khéo lạ đời (KOM)
 3086: Dưới trời có đất, trên cao có trời (LVĐ)
 3088: Tử sinh cũng giữ lấy lời tử sinh (LVĐ, QVĐ)
 3089: Duyên kia có phụ chi mình (KOM)
 3090: Mà toan chia gánh chung tình làm hai (QVĐ, BK - TTK)
 3092: Xót lòng ân ái, ai ai cũng lòng (LVĐ, QVĐ)
 3101: Còn gì là cái hồng nhan (KOM)
 3106: Trông hoa đèn chẳng tủi mình lắm ru (LVĐ, QVĐ)
 3107: Từ rày khép cửa buông thu (KOM)

- 3108: Chẳng tu thì cũng *là* tu mới là (LVĐ)
- 3109: Chàng dù nghĩ đến *gần* xa (KOM)
- 3112: Đã buồn cả ruột *lại* dơ cả đời (KOM)
- 3116: Chữ trịnh kia cũng có ba bảy *đường* (TĐ)
- Bản Nôm viết 養 thì phải phiên âm là *dường*.
- Nếu phiên âm là *đường* thì sai. Ở câu 3118 đã có chữ (*đường*), nếu ở câu 3116 lại phiên âm là *đường* thì có sự trùng vắn. Có thể ở bản Tản Đà đã in sai chữ *dường* thành chữ *đường*.
- 3122: Tan sương *biết* *ngõ*, vén mây giữa trời (LVĐ)
- Tan sương *biết* *ngọ*, *áng* mây giữa trời (QVĐ)
- 3126: Khách qua *đường* để *hằng* hờ chàng Tiêu (BK-TTK)
- 3129: Hết lời khôn lẽ *dứt* lời (KOM)
- 3130: *Gót* đầu nàng những vắn dài thở than (LVĐ)
- 3131: *Đoàn* viên tiệc mở nhà lan (KOM)
- 3132: Hoa soi ngọn đuốc, hồng *giăng* bức là (KOM)
- 3133: Cùng nhau giao *lạy* một nhà (LVĐ)
- 3134: Lễ đà đủ lễ, đôi đà *đủ* đôi (QVĐ, BK - TTK)
- 3137: Những từ *trên* ngọn đào tơ (KOM)
- 3140: Bi hoan mấy nỗi đêm *này* trăng cao (LVĐ, E.N, QVĐ)
- 3142: Dưới đèn tỏ *nghĩa*, má đào thêm xuân (LVĐ, QVĐ)
- 3144: Hoa xưa *bướm* cũ *mười* phân chung tình (KOM)
- 3148: Chiều lòng gọi *chút* xướng tùy may may (KOM)
- 3151: Những *là* âu yếm *bề* ngoài (QVĐ)
- 3154: *Nhật* hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa (KOM)
- 3155: *Cũng* dơ giở nhuốc bày trò (LVĐ, QVĐ, BK-TTK)
- 3156: Còn tình đâu nữa *là* thù đấy thôi (KOM, BK-TTK)
- 3162: Chẳng cầm cho vững *nỡ* giày cho tan (KOM)
- 3164: Hay gì vậy *cái* hoa tàn mà chơi (KOM, BK-TTK)
- 3168: Tưởng thể thốt nặng *nên* đau đớn nhiều (KOM)
- Tưởng thể thốt nặng *mà* đau đớn nhiều (QVĐ)
- Đây để theo bản BK-TTK, HĐH, TĐ.
- 3169: *Cùng* nhau sinh tử đã *liều* (KOM)
- Thương nhau sinh tử đã *nhiều* (QVĐ)
- 3170: Gặp nhau còn *thiếu* bấy nhiêu là tình (KOM)

- Mấy* nhau còn chút bấy nhiêu là tình (QVĐ)
Đưa nhau còn chút bấy nhiêu là tình (LVĐ)
- 3172: Nghĩ chưa chưa thoát khỏi vảnh ái ân (LVĐ)
 Nghĩ *sao* cho thoát khỏi *vòng* ái ân (QVĐ)
- 3177: Ai ngờ lại *hợp* một nhà (BK-TTK)
- 3180: Khẩu đầu lay *trước* cao thâm nghìn trùng (LVĐ, QVĐ)
- 3181: Thân tàn *lặn* đục khơi trong (QVĐ)
- 3183: Mấy lời tâm *phủ* ruột rà (KOM)
- 3184: *Tâm* tri *nghĩa* ấy mới là tương tri (LVĐ)
- 3186: Trăm năm danh tiết cũng *về* đêm nay (LVĐ, QVĐ)
- 3189: Thêm nển giá *đốt* hương bình (QVĐ)
- 3190: Cùng nhau lại *chúc* chén quỳnh giao hoan (BK-TTK)
- 3194: *Lắm* người cho đến bây giờ *lại* thôi (LVĐ)
- 3198: Khói trầm cao thấp, tiếng *đờn* gần xa (LVĐ)
- 3209: *Thương* vui bởi tại lòng này (LVĐ, KOM)
- 3211: Nàng rằng: “Vì chút *hay* chơi (LVĐ, QVĐ)
- 3213: Một phen tri kỷ *mừng* nhau (KOM)
- 3214: Cuốn dây từ *đó* về sau cũng chừa (KOM)
- 3216: Gà *vừa* gáy sáng, trời *vừa* rạng đông (KOM)
- 3217: Tình riêng chàng lại nói *cùng* (LVĐ, QVĐ)
- 3218: Một nhà ai cũng lạ lòng khen *khao* (BK-TTK)
- 3223: Khi chén rượu, *lúc* cuộc cờ (QVĐ)
- 3228: Khiến người thân *thích* rước thầy Giác Duyên (QVĐ)
 Sai người thân tín, rước thầy Giác Duyên (KOM)
- 3229: Đến *đà* đóng cửa cài then (QVĐ)
- 3230: Rêu trùn kẻ ngạch, cỏ *chen* mái nhà (QVĐ)
- 3233: Nặng vì chút nghĩa *xưa* sau (E.N - QVĐ)
- 3236: *Thiên* niên dằng dặc, quan giai lần lần (LVĐ, QVĐ)
- 3240: *Vi* xuân một cửa để bia muôn đời (QVĐ, KOM)
- 3241: Ngẫm hay muôn sự *bởi* trời (KOM)
- 3253: Lời quê *nhặt* *nhạnh* đông dài (E.N, QVĐ)
 Lời quê *nhặt* gói đông dài (LVĐ)

*

* *

BẢN KINH VÀ BẢN PHƯỜNG

Quyển *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã được Phạm Quý Thích cho khắc in ở phường Hàng Gai Hà Nội nhưng đến nay bản Phường ấy đã không còn tìm thấy được nữa.

Bản Phường cổ nhất hiện nay còn lưu giữ được là bản *Kim Vân Kiều tân truyện* của Liễu Văn đường khắc in năm Tự Đức thứ 24 (1871). Sau đó các nhà Liễu Văn đường, Quan Văn đường, Phúc Văn đường cũng lần lượt cho khắc in lại và các bản Kiều này được gọi chung là bản Phường.

Đời Tự Đức (1858-1883), nhà vua và một số đình thần có sửa chữa lại quyển *Truyện Kiều* và cho khắc in ở kinh đô (Huế) nên bản ấy được gọi là bản Kinh.

Đến nay cả bản Phường của Phạm Quý Thích cho khắc in và bản Kinh do Tự Đức cho khắc in đều không còn nên chúng ta không biết được chính xác giữa hai bản ấy đã có bao nhiêu câu khác nhau.

Nếu căn cứ vào bản Nôm của Kiều Oánh Mậu và bản Quốc ngữ của Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim thì chúng ta thấy có những chỗ chỉ chữa một hai chữ, có những chỗ sửa cả câu và cũng có những chỗ sửa hẳn cả một đoạn.

Có bốn chỗ bản Kinh *tăng lên* ở mỗi chỗ hai câu. Đó là:

1. Từ câu 531 đến câu 534 bản Phường chỉ có bốn câu, bản Kinh tăng thành sáu câu:

Bản Phường	Bản Kinh
Đem tin thúc phụ từ đường Bơ vơ lữ thấn tha hương đề huề.	Mở xem thú bút nghiêm đường Nhấn rằng: “Thúc phụ xa đường mệnh chung.
Liêu Dương cách trở sơn Khê, Xuân đường kíp gọi sinh về hộ tang	Hãy còn ký táng Liêu Đông, Cố hương khơi diễn nghìn trùng sơn Khê.
	Rày đưa linh thấn về quê, Thế nào con cũng phải về hộ tang”

(Đoạn này bản Kinh tăng thêm 2 câu)

2. Từ câu 1819 đến câu 1828 bản Phường chỉ có 10 câu, bản Kinh tăng thành 12 câu:

Bản Phường	Bản Kinh
Càng trông mặt, càng ngẩn ngơ, Ruột tằm đòi đoạn như tơ rối bời.	Sợ uy ruột rối vò tơ, Túi duyên đôi giọt tuôn mưa khôn hàn.
Sợ uy, dám chẳng vâng lời, Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều.	Rút rè theo lù liễu đoàn, Cúi đầu cùng lay một đoàn xa xa.
Sinh đà phách lạc hồn xiêu, Thương ôi! Chẳng phải nàng Kiều ở đây?	Trông tường chàng ngá cổ ra, Thực nàng Kiều đó sao mà ở đây?
<i>Nhân làm sao đến thế này,</i> Thôi thôi, ta đã mắc tay ai rồi. Sợ quen dám hờ ra lời, Khôn ngăn giọt ngọc sụt sùi nhỏ sa.	<i>Nhân làm sao đến thế này?</i> Thôi thôi hấn đã mắc tay mặt thù! Thương ôi mảnh sắt vào lò, Bấy lâu nay biết giày vò đến đâu! Nỗi lòng chẳng đánh mà đau, Đương cười nói bỗng mặt rầu lệ sa.

(Đoạn này bản Kinh tăng thêm 2 câu)

3. Từ câu 1885 đến câu 1898 bản Phường chỉ có 14 câu, bản Kinh tăng thành 16 câu:

Bản Phường	Bản Kinh
Sớm khuya hầu hạ đài doanh, Tiểu thư chạm mặt đề tình hỏi tra.	Sớm khuya hầu trước đài doanh, Nét sầu khôn gượng, giọt tình khôn hoen.
Lựa lời nàng mới thưa qua: “Phải chi mình lại xót xa nỗi mình”. Tiểu thư hỏi lại Thúc Sinh: “Cây chàng tra lấy thực tình cho nao!”	Tiểu thư trông liếc quả liền: “Sa mày nặng mặt bởi duyên có gì? Bì tiên đem lại tức thì, “Cây chàng hỏi nó rằng vì làm sao”?
Sinh đà rứt ruột như bào, Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng đang.	Sinh đà ruột xót như cào, Nói ra chẳng tiện trông vào sao đang.
Những e lại lụy đến nàng.	Loanh quanh co rứt bò sàng,

Đánh liều mới sẽ lựa đường hỏi tra. Cúi đầu quì trước sân hoa, Thân cung nàng mới dăng qua một tờ. Diện tiền trình với tiểu thư, Thoát xem đường cũng ngẩn ngơ chút tình	Sợ đây thương đến hai đành khôn xong. Dưới thềm trên kỷ cùng trông, Một lời chưa mở hai dòng đã sa. Lấy lòng giả cách hỏi tra, Thân cung nàng mới thảo qua một tờ. Đọc rồi đưa lại tiểu thư, Thoát xem đường cũng ngẩn ngơ xót tình.
---	---

(Đoạn này bản Kinh tăng thêm 2 câu)

4. Từ câu 2047 đến câu 2052 bản Phương chỉ có 6 câu, bản Kinh tăng thành 8 câu:

Bản Phương	Bản Kinh
Rày vâng diện hiến rành rành, Chuông vàng khánh bạc bên mình giở ra. Xem qua sư mới dạy qua: “Phải ni Hằng Thủy là ta hậu tình. Chín e đừng sợ một mình, Ở đây chờ đợi sư huynh ít ngày.”	Chuông vàng khách bạc bên mình, Kính dâng gọi chút vì tình xin thu. Nguyên xưa sư trưởng vân du, Quen thầy Hằng Thủy ở chùa Bắc Kinh. Thấy người, thấy cửa rành rành, Nói đà phải đáp không tình hồ nghi. Dạy rằng: “Thiên hữu tương tri, Sư đâu chưa đến, tiểu thì hãy đây”.

(Đoạn này bản Kinh tăng thêm 2 câu)

Như vậy trong bốn đoạn trên đây, bản Kinh tăng thêm tất cả tám câu.
Lại có hai đoạn bản Kinh *bớt đi* mỗi chỗ hai câu:

1. Từ câu 1831 đến câu 1834 bản Phường dài bốn câu, bản Kinh rút lại còn hai câu:

Bản Phường	Bản Kinh
Sinh rằng: “Hiếu phục vừa xong, Suy lòng trắc khởi (dĩ), đau lòng chung thiên.	Tìm điều chống trả cho xong, Lại còn có dám nói sòng nữa ru?
Khen rằng : “Hiếu tử đã nên, Tẩy trần mượn chén giải phiền đêm thu.”	

(Đoạn này bản Kinh rút đi 2 câu)

2. Từ câu 2125 đến câu 2128 bản Phường dài bốn câu, bản Kinh rút lại còn hai câu:

Bản Phường	Bản Kinh
Dù ai lòng có sở cầu, Tâm mình xin quyết với nhau một lời.	Dù ai lòng có sở cầu Tâm mình xin quyết với nhau một lời.
Chứng minh có đất có trời, Bấy giờ vượt bể ra khơi quán gì. Được lời mụ mới ra đi, Mách tin họ Bạc tức thì sắm sanh.	Mụ nghe tính đã chắc mười, Mách tin họ Bạc tới bởi sắm sanh.

(Đoạn này bản Kinh rút đi 2 câu)

Như vậy trong cả hai đoạn trên đây bớt đi tất cả bốn câu.

Theo đó:

Bốn đoạn trên tăng thêm 8 câu

Hai đoạn dưới bớt đi 4 câu

Vây còn tăng thêm 4 câu.

Nếu số câu của bản Kinh ghi trong bản Bùi Kỳ ¹- Trần Trọng Kim ² là đầy đủ thì tổng số câu của bản Kinh sẽ là 3258 câu.

1. Năm Ất Mùi (1895), Đào Nguyên Phổ đương học ở Quốc tử giám (Huế) được một công tử họ ngoại nhà vua tặng cho một bản Kinh nhan đề là *Đoạn trường tân thanh*. Năm Mậu Tuất (1898) Đào Nguyên Phổ, sau khi đậu Nhị giáp Tiến sĩ, vinh qui về Hà Nội có tặng quyển *Đoạn trường tân thanh* ấy cho Kiều Oánh Mậu. Giá Sơn đã căn cứ vào bản Kinh ấy để hiệu đính quyển *Truyện Kiều* và có ghi chú 42 câu của bản Kinh khác với bản Phường.

2. Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim khi hiệu đính *Truyện Kiều* có mượn được một bản Kinh và đã ghi chú 145 câu của bản Kinh khác với bản Phường.

NHỮNG CÂU BẢN KINH KHÁC BẢN PHƯỜNG

Quyển *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã được Phạm Quý Thích cho khắc in ở phường Hàng Gai Hà Nội, nhưng đến nay bản *Phường* ấy đã không còn tìm thấy được nữa. Bản *Phường* cổ nhất hiện nay còn lưu giữ được là bản *Kim Vân Kiều tân truyện* của Liễu Văn đường khắc in năm Tự Đức thứ 24 (1871). Sau đó các nhà *Liễu Văn đường*, *Quan Văn đường*, *Thịnh Mỹ đường*, *Phúc Văn đường* cũng lần lượt cho khắc in lại và các bản *Kiều* này được gọi chung là bản *Phường*.

Đời Tự Đức (1858 - 1883) nhà vua và một số đình thần có sửa chữa lại quyển *Truyện Kiều* và cho khắc in ở Kinh đô (Huế) nên bản ấy được gọi là bản *Kinh*. Đến nay cả bản *Phường* của Phạm Quý Thích cho khắc in và bản *Kinh* do Tự Đức cho khắc in đều không còn nên chúng ta không biết được chính xác giữa hai bản ấy đã có bao nhiêu câu khác nhau.

Nếu căn cứ vào bản *Nôm* của *Kiều Oánh Mậu*¹ và bản *Quốc ngữ* của *Bùi Kỳ - Trần Trọng Kim*² thì chúng ta thấy được có những câu sau đây của bản *Kinh* khác với bản *Phường*.

- | | |
|--|---------|
| 1. Thiên tư dung mạo khác vời | (c.151) |
| 2. Khách đà lên ngựa, người còn trông theo | (c.168) |
| 3. Dưới cầu đáy nước trong veo | (c.169) |
| 4. Đăm đăm lặng ngắm bóng hoa | (c.177) |
| 5. Buồng xuân êm rủ trước màn ³ | (c.185) |
| 6. Tựa làn bên triện một mình thiu thiu | (c.186) |
| 7. Tuyết in vóc, tố pha thân | (c.189) |
| 8. Cớ chi sầu não ủ ê | (c.225) |

1. Năm Ất Mùi (1895), Đào Nguyên Phổ đương học ở Quốc tử giám (Huế) được một công tử họ ngoại nhà vua tặng cho một bản *Kinh* nhan đề là *Đoạn trường tân thanh*. Năm Mậu Tuất (1898) Đào Nguyên Phổ, sau khi đậu Nhị giáp Tiến sĩ, vinh qui về Hà Nội có tặng quyển *Đoạn trường tân thanh* ấy cho *Kiều Oánh Mậu*. *Giá Sơn* đã căn cứ vào bản *Kinh* ấy để hiệu đính quyển *Truyện Kiều* và có ghi chú 42 câu của bản *Kinh* khác với bản *Phường*.

2. *Bùi Kỳ* và *Trần Trọng Kim* khi hiệu đính *Truyện Kiều* có mượn được một bản *Kinh* và đã ghi chú 145 câu của bản *Kinh* khác với bản *Phường*.

3. Bản in lần thứ nhất (1925) chép là... *bức màn*.

9.	Canh khuya dong bóng thức chi đèn giờ	(c.226)
*10.	Nách tường bông liễu bay sang láng giếng ¹	(c.240)
11.	Nỗi nằng canh cánh bên lòng khôn khuây	(c.246)
12.	Vầng trăng khuyết, đĩa dầu hao	(c.251)
13.	Thì chi đem giống khuynh thành trêu người	(c.258)
14.	Tranh riêng tưởng nhớ ít nhiều	(c.265)
15.	Là nhà Hồ Việt thương gia	(c.275)
16.	Tuần trăng khuất ngón thoát đà thềm hai	(c.288)
17.	Nhật thừa gương giọt bóng cành	(c.433)
*18.	Mở xem thủ bút nghiêm đường	(c.531)
*19.	Nhấn rằng: “Thúc phụ xa đường ² mệnh chung	
*20.	Hãy còn ký táng Liêu Đông,	
*21.	Cố hương khơi diễn nghìn trùng sơn khê	
*22.	Rày đưa linh thân về quê,	
*23.	Thế nào con cũng phải về hộ tang”.	
24.	Trong khi xử biến từng quyền biết sao?	(c.600)
25.	Thương nàng con trẻ thơ ngây	(c.615)
26.	Đau bề tử biệt sinh ly	(c.617)
27.	Nỗi mình đang tức nỗi nhà	(c.633)
28.	Thềm hoa một bước châu sa mấy hàng	(c.634)
29.	Vẽ chi một chút hồng nhan	(c.669)
*30.	Vì ta lật lọng cho người dờ dang ³	(c.700)
31.	Con tơ còn vướng mối này chưa xong	(c.720)
32.	Hở môi ra cũng sượng sùng	(c.721)
33.	Duyên này thì giữ vật này làm duyên	(c.736)
*34.	Mới mờ vẻ phấn, chưa phai giọt hồng	(c.762)
35.	Trong trần mấy mặt lòng soi	(c.835)
36.	Đánh liễu âu cũng giãn dần	(c.863)
37.	Đoạn trường thay lúc lâm kỳ	(c.869)
38.	Càng nhìn càng ứa giọt hồng	(c.875)
39.	Bướm đi ong lại ầm ầm tứ vi	(c.938)
40.	Đủ điều hành sính vu qui	(c.957)
41.	Dạy điều thay bậc đối ngôi	(c.959)
42.	Trống mê trông thấy Đạm Tiên rõ ràng	(c.994)
*43.	Chịu trời cho vẹn kiếp tu	(c.999)
44.	Lặng nằm, ngấm nghĩ gót dẫu	(c.1021)

1. Câu 241, bản KOM không ghi là “bản Kinh”.

2. Bản KOM chép là “trên đường”.

3. Câu này bản BK-TTK không ghi là “bản Kinh”.

- | | | |
|------|--|----------|
| 45. | Nàng vừa sớm tựa lầu mai | (c.1073) |
| 46. | Nghe lời đường cũng ra người sắt danh | (c.1074) |
| 47. | Dắt tay lên bước xuống lầu | (c.1117) |
| 48. | Song song đôi ngựa trước sau một đoàn | (c.1118) |
| *49. | Ai ai cũng gớm mặt người vô lương | (c.1186) |
| 50. | Đủ điều lịch sự mới mê được người | (c.1212) |
| | Nửa rèm tuyết ngậm, bốn hè trăng thâu ¹ | (c.1242) |
| *51. | Long đông nhà bạc em ngây | (c.1257) |
| *52. | Nghĩ điều hơn thiệt, tính bài phân chia ² | (c.1390) |
| 53. | Quyết ngay tăn hấn một bề | (c.1391) |
| 54. | Phụ tình thôi có tiếc mình làm chi | (c.1402) |
| 55. | Ba cây đóng chặt một cành mẫu đơn | (c.1426) |
| *56. | Dễ mà ép xắm luồn kim ³ | (c.1507) |
| 57. | Duyên Đàng sớm thuận gió đưa | (c.1531) |
| *58. | Cho người tham ván bán thuyền biết tay ⁴ | (c.1552) |
| 59. | Mách mau cũng ráp toan bài tân công | (c.1556) |
| 60. | Nửa vành trăng nhạt, ba sao giữa trời | (c.1638) |
| 61. | Kể sao xiết nỗi thắm sâu | (c.1681) |
| *62. | Đoạn trường ai có qua cầu mới hay ⁵ | (c.1682) |
| 63. | Nghe lời thêm nỗi chua cay | (c.1699) |
| *64. | Đành rằng nàng đã cứu nguyên ⁶ | (c.1705) |
| 65. | Dức rằng: “Giống khéo bơ thờ quen thân | (c.1728) |
| 66. | Nào là roi nọc đầu bay | (c.1735) |
| 67. | Có ai quen thuộc cũng đừng nhận chi | (c.1756) |
| 68. | Thềm xuân nường nấu qua thì | (c.1867) |
| 69. | Nhà lan cao cuốn bức là | (c.1803) |
| 70. | Sợ uy ruột rồi vò tơ | (c.1819) |
| 71. | Tủi duyên đôi giọt tuôn mưa khôn hàn | |
| 72. | Rút rề theo lũ liễu hoàn, | |
| 73. | Cúi đầu cùng lạy một đoàn xa xa | |
| 74. | Trông tường chàng ngả cổ ra: | |
| 75. | “Thực nàng Kiều đó sao mà ở đây?” | |

1. Câu này bản Quan Văn đường cũng chép là “hè” nên không thể coi là thuộc bản Kinh được.

2. Bản BK-TTK không ghi câu này là bản Kinh.

3. Như trên.

4. Như trên.

5. Bản BK-TTK chép: *Đành rằng nàng đã cứu tuyền*.

6. Như trên.

Nhân làm sao đến thế này? ¹

- * 76. Thôi thôi ta đã mắc tay mặt thù !
- * 77. Thương ôi ! Mảnh sắt vào lò,
- * 78. Bấy lâu nay, biết giày vò đến đâu !
- * 79. Nỗi lòng chẳng đánh mà đau.
- * 80. Đương cười nói, bỗng mặt râu lệ sa
- 81. Tìm điều chống trả cho xong (c.1831)
- 82. Lại còn có dám nói sòng nữa ru? (c.1832)
- * 83. Bắt nàng rót rượu chực hầu đôi nơi ² (c.1836)
- 84. Nói vào những phép già tay có đòn (c.1844)
- 85. Ngón đàn thử dạo một bài chàng nghe (c.1850)
- 86. Sinh càng mê mẩn rụng rời (c.1863)
- * 87. Sớm khuya hầu hạ ³ dài doanh (c.1885)
- * 88. Nét sầu không gương, lệ tình còn hoen ⁴
- * 89. Tiểu thư trông liếc quở liền,
- * 90. Sa mày nặng mặt bởi duyên có gì?
- * 91. Bì tiên *giao* lại *một khi* ⁵
- * 92. Cây chàng hỏi nó rằng vì làm sao?
- * 93. Sinh đà ruột xót như *bào* ⁶,
- * 94. Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng đang.
- * 95. Loanh quanh *cua lọt* ⁷ bò sàng,
- * 96. Sợ dây thương đó ⁸ hai đường *chưa* ⁹ xong.
- * 97. Dưới thêm trên *ghế* đều trông, ¹⁰
- * 98. Một lời chưa mở, hai dòng đã sa
- * 99. Lấy lòng giả cách hỏi tra,
- * 100. Thân cung nàng đã thảo qua một tờ.

1. Đoạn này bản BK-TTK dài tới 12 câu nhưng chỉ có 11 câu là thuộc bản Kinh vì câu "*Nhân làm sao đến thế này*" vẫn thuộc bản Phường.

Bản KOM chỉ có 5 câu chú thích là chép theo bản Kinh.

2. Bản BK-TTK không ghi câu này thuộc bản Kinh mà chỉ nói: "Có bản viết là: "*Bắt nàng rót rượu chực hầu đôi nơi*".

3. Bản BK-TTK đã chép là... hầu *trước*....

4. BK-TTK: ... *giọt* tình *khôn* hoen

5. BK-TTK: Bì tiên *đem* lại *tức thì*

6. BK-TTK: Sinh đà ruột xót như *cào*

7. BK-TTK: Loanh quanh *co rứt* bò sàng

8. BK-TTK: Sợ dây thương *đấy*

9. BK-TTK: ... hai đường *khôn* xong

10. BK-TTK: Dưới thêm, trên *kỷ* cùng trông

- *101. Xem ¹ rồi đưa lại tiêu thơ
- *102. Thoát *trông* ² dường cũng ngán ngơ xót tình
- 103. Cạy chàng đưa đến Phật đường (c.1919)
- 104. Lặng nghe ngẩn một giờ lâu (c.2003)
- 105. Đàn bà thế ấy dễ hâu có hai (c.2004)
- 106. Thế mà chẳng nói chẳng rằng (c.2011)
- 107. Trời đông mới dựng vừng dâu (c.2033)
- 108. Chuông vàng khánh bạc bên mình (c.2047)
- 109. Kính dâng gọi chút vì tình xin thu
- 110. Nguyên xưa sư trưởng vân du,
- 111. Quen thầy Hằng Thủy ở chùa Bắc Kinh.

Bản KIỀU OÁNH MẬU, trang 46b.

Ở trang 46b này bản KOM sau hai chữ “ai rồi” (câu 1826) đã ghi “Kinh bản cải”:

*Thương ôi mảnh sắt vào lò,
Bấy lâu nay biết giày vò đến đâu !
Nỗi lòng chẳng đánh mà đau,
Đang cười nói bỗng mặt rầu lệ sa.*

Bản BK-TTK thì chép tới 12 câu ghi là của bản Kinh:

*Sợ uy ruột rồi tơ vò,
Tủi duyên đôi giọt tuôn mưa khôn hàn.
Rút rề theo lũ liễu hoàn,
Cúi đầu cùng lạy một đoàn xa xa.
Trông tường chàng ngả cổ ra:
“Thực nàng Kiều đó sao mà ở đây?
Nhân làm sao đến thế này?
Thôi thôi hã đã mắc tay mặt thù.
Thương ôi! Mảnh sắt vào lò
Bấy lâu nay biết giày vò đến đâu !
Nỗi lòng chẳng đánh mà đau,
Đang cười nói bỗng mặt rầu lệ sa.*

Ta thấy chỉ trong một đoạn này, bản N.T.G đã chép dài hơn 8 câu ghi là của bản Kinh so với bản KOM.

Cùng ở trang này, bản N.T.G còn ghi thêm 3 câu của bản Kinh nữa:

1831. Tìm điều chống trả cho xong

1. BK-TTK: Đọc rồi đưa lại tiêu thơ.

2. BK-TTK: Thoát *xem* dường cũng...

1832. Lại còn có dám nói sòng nữa ru.

1836. Bất nằng rót rượu chực hầu đôi nơi

Như vậy chỉ trong một trang bản N.T.G đã chép tới 15 câu ghi là của bản Kinh, trong khi bản KOM chỉ chép có 4 câu ghi là của bản Kinh khác với bản Phường.

Số câu chênh lệch của cả trang này là 11 câu.

112. Thấy người, thấy cửa rành rành
113. Nói đà phải đáp, không tình hồ nghi
114. Dạy rằng: “Thuyền hữu tương tri,
115. Sư dầu chưa đến tiểu thì hãy đây.”
116. Nàng càng lan thăm huệ sầu (c.2113)
117. Mụ nghe tính đã chắc mười (c.2125)
118. Mách tin họ Bạc tới bởi sấm sanh
119. Kể từ lữ bước, bước ra (c.2159)
120. Rong mây rõ mặt, anh hùng có phen (c.2196)
121. Sở danh trước xứng Thúc lang (c.2325)
122. Nghĩa sâu đành trả ơn sâu cho vừa (c.2336)
123. Lệnh quân truyền xuống tướng tiền tha ngay (c.2378)
124. Phong thư đồ lễ sai quan thuyết hàng (c.2458)
125. Quan quân thừa thế đuổi dài (c.2523)
126. Mới đem vào nộp trong quân (c.2539)
127. Lỡ lời, biết tính thế nào là hay (c.2594)
- *128. Trước hàm rồng cá gieo mỗi thủy tinh ¹ (c.2672)
- *129. Gởi lòng để lại cát mình ra đi (c.2790)
130. Nặng lòng thương phận thơ đào (c.2805)
131. Sẻ lòng đoái chút tuổi cao thân tàn (c.2806)
132. Thúc rằng: “Đương buổi loạn ly (c.2917)
- *133. Về sau, chẳng biết sự công thế nào (c.2926)
134. Kiếp phong trần biết bao giờ giũ xong (c.2930)
135. Ngôi sao đã biết mấy phen đổi đời (c.2946)
136. Gieo mình dưới gối huyên đình (c.3017)
137. Sự muôn năm kể làm chi bây giờ (c.3078)
138. Bui nào còn đực đến mình ấy vay? (c.3120)
139. Thế gian đâu có hội này (c.3139)
140. Bơ lòng chua xót, thỏa ngày khát khao.
141. Canh tàn gặt ngọn đèn cao.

1. Câu này bản KOM ghi: Kinh tác “*thủy tinh*”

- | | | |
|------|--|----------|
| 142. | Nhìn nhau dường giấc chiêm bao mơ màng | |
| 143. | Sánh vai chung gối đêm trường, | |
| 144. | Lạ gì yêu phấn giầu hương thế tình | (c.3144) |
| 145. | Yêu nhau để xấu với người | (c.3157) |
| 146. | Đầu mày tươi liễu, cuối lòng thỏa hoa | (c.3206) |
| 147. | Rằng: “Nàng cũng lạ thay là, | (c.3207) |
| 148. | Xưa sao rầu rĩ, nay sao vui vầy | (c.3208) |
| 149. | Tẻ vui cũng tại lòng này, | (c.3209) |
| 150. | Thôi chiều khổ tận, đến ngày cam lai | (c.3210) |

Theo bản liệt kê trên thì trong số 150 câu ấy có:

35 câu cả hai bản KOM và BK-TTK đều ghi

109 câu bản BK-TTK có ghi mà bản KOM không ghi

6 câu bản KOM có ghi mà BK-TTK không ghi ¹.

Như vậy bản KOM chỉ ghi có 42 câu của bản Kinh khác với bản Phường² còn bản BK-TTK thì ghi tới 144 câu ³.

1. Sáu câu đó là : c.240; c.700; c.1390; c.1552 và c.1836.

2. Các câu của bản KOM đều có ghi dấu (*).

Bản KOM chỉ có 42 câu ghi là bản Kinh. Không biết Đào Duy Anh và Nguyễn Thạch Giang đã căn cứ vào đâu mà cho rằng: “chủ yếu và chính xác hơn cả là trên bản Kiệu Oánh Mậu, chứ ngoài ra hiện nay chúng ta chưa có một nguồn tài liệu nào khác” để biết rằng “so với bản Phường thì bản Kinh đã sửa lại 152 câu.”

3. Bản BK-TTK ghi tới 145 câu nhưng câu 1825 *Phận làm sao đến thế này* và câu 1242 *Nửa rèm tuyết ngậm, bốn hè trăng thâu* không phải thuộc bản Kinh mà lại chính là hai câu thuộc bản Phường.

成泰壬寅中秋望

新勝新聲

蔗山喬氏瑩懋注釋

世翔元鳳奉檢

男世翊羽光奉讀

世琰亞玉

翰林檢討吳叔裕書

莊子百年境而 蘇辭勳埃臥些
我徒為人隨園
古來才命兩相 歷戈汶局波槐
妨神仙傳東陽
合目三見滄海 迢夷彼齋斯豐
變桑田本書豐
千才寄于遇 稿蒼客拱螺烟
造物忌盈而千
紅顏尤甚
稿草本也
明朝第十三帝建 浪輻嘉靖朝明
元嘉靖号世宗
明太祖都奉天為 固茄員外户王
南京成順天為
北京 汶粵混次粹悉
梅譜梅以格勝 頭悉仁何嬌娥
唐有梅先雪不 梅骨格雪精神
精神面如滿月
眉如臥蚕 雲貼莊重恪搖
蓋福厚相

勳哭古人
留贈後
人至嘆
語也此
效句尽
之式批

仿或作
非

幹才幹命容異怙儼
 仍調齧貨匱也刃疸悉
 忝撐帽貝。膳紅打慳
 風情固錄羣傳史撐
 眾方滂潮仁京凭鑽
 家資僦拱常又堀中
 王觀異幹緩淵儒家
 畢翹異姉嫵異羣雲
 汶凱汶脉近分院近
 困肢浩憚惶蜉安囊

唐書

唐書豈及我
解笑花西廂
夫人金屋玉言

眼光秋水眉淡
春山李延年歌
一顧傾人城再
顧傾人國

本書翻作胡
命曲譜入胡
琴声尤哀言三
娇年齒相近
而皆已等也
淹念京語雅
淹愛唐書
詩藏柳乱拋
梭入九十韶
光上有幾

花 琪玉 喇端莊

翻 強色 巧鰾麻

瀾 秋水 症春山

汶 仁迎 渚迎城

聰 明本 產資全

宮 商漏 竭五音

曲 茄瓶 攄絨腔

風 流室 墨紅裙

淹 念帳 揔慢雲

等 春現 燕邊梭

喙和男
省歷事

腔琴調
或作章
非也

速輸浩還雪讓半膠

搗皮才色吏異份欣

花慳輸藩柳憤劍撐

色竹喙汶才竹和仁

坡藝詩昼晴足味歌吟

藝贅安組胡琴汶張

汶宮薄命吏強恹人

春撐執齒細旬及笄

牆東螭蚊多術默埃

韶光趁邈邈外執進

元好問詩梨花如靜女寂寞山春苦春孤芳忌太潔莫使凡卉妬

漢書車如流水又衣裳相錯河內盛烈人作冥金俗名鑽

花又墓土為雨所敗無人掃築

門下

乾嫩檣羨頭玉

此以草比服女

清明勣節胸臆

梨比喬

斯賒奴啞燕鸚

習妙才子佳人

衣昂堰棟枯蓮

斜又羣我術西

毗寅曉阮小溪

免又湘浩梳迷

在又捻坦边塘

浪丰勣節清明

梗梨鼻點汝排花

礼罪埽墓會罪踏青

姊掩截折步行迴春

馭車如浩襖裙如捕

梭鑽絺撈灰錢綫影

姊掩他矧拉瓶番術

吝貼風景固皮清又

撲抹儒氍毹堦北昂

油又阮乾姘鑽姘撐

麻低香燧永腥世麻

詩用字

李詩三月春前
舊命花蘇半

捲天香散

情史船以情
貴白艇壁簪

折是何如似
妾今朝與君

別

白月前冷落

車馬稀幽的

又安人俗語

或作此約非

漢人用梓木

作靈車珠車

如人車也

本卡死后誰求

無王墳

王觀買引斯賒

後名才色汝時

劫紅顏固蒙萌

固臥客於遠方

船情皮椅細泥

縫空湖兀如祠

哭嘆坤掣事情

近竹緣嚮拯麻

截生根梓車珠

駛包兎各鷗斜

如祠未詳

一說祠寂

也寂無音

又祠又宇

但以祀神

無人喧鬧

船紅或

作措農

亦通但

梓珠紅

文宇竅

也

淡仙娘意習界敵兒

吶嚕外鞠噉噉燕鸚

姘澄春脫技梗天香

賒賄拱啞啗娘尋迺

時佗簪枝甌涿包吟

晒車馭也諫瞋瞋撐

害無緣余界命貝些

時之此的噲界緣齣

培紅汝掄黔油鞋花

意墓無王埃麻脉噪

拾遺記東海
蚊人善紙綃
在人家別辰
泣下成珠
淚作珠西廂
女人自然命
本生為萬公妻
死作無天鬼
時易作千人婦
一對兒鳳友
交本卡翻撮
去為香
左不及黃泉無
相見九原諒
此心腸出楚
詞
衰草斜陽古
墓景目景不及
謂之暖或作
隻亦通

新詩行

悲兒產網傷心
力疸台分彈安
損傍之余化工
蟬夕姤插。訖些
市訖鳳乍鸞終
也空几兒訖依
會哭返捧神塘
咻嚙眼許馳蘇
汶塏鞋暖羣斜
隻簪產攢厦頭

言青阴
日銷紅
頰日改

原作畢
勾臨韻
誤

脫暄翹也潭。珠沙
天浪薄命拱哭堅終
駟撐疔海鴈紅配坡
害台蕊鄣夕魔空馱
市訖惜綠貪紅哭埃
產低些劍汝排爆香
和哭訖那夜鎖別朱
趾難敗前嚙墓此番
愈休。又退汝敗荒革
拍彤棲詠糕。勾畢韻

三

本未紅顏落
命從古皆然

本未死者休
魄不死者精
神
言詩風製紅
旗東不凋

吏強迷懣心神
吏強塢快湟花
雲浪姊拱嚙其
浪紅顏自課習
餒念想旦麻力
觀浪姊叻能牢
於低陰氣碾泥
翻浪仍得才花
易台情吏返情
沒壓叻諸及疎

吏強峙蹊秦垠渚器
愁涿組綏珠沙辨戩
害餘浩昧哭訖古初
丐條薄命固除埃兜
覓訖臍妬別茹世市
沒壓罍沒運飲庫賄
羣朝也我跋術羣賒
楚罍体魄羣罍精英
除貼乙覓頭灵悲吟
一兜陣疊捲旗旦珥

插一作相

悉疎一痴心也

本千金生乘馬

遠之而來冰遠

也俗云餘冰

半裏風月李賀

每出皆錦囊

從一小美

白詩青草如袍

位尚卑染家有

天青色

新易斤

吻又拙。祿終穠

提澄阮愈各蹠

插聰埃乃調驚

有情些吏返些

也悉顯現朱貼

悉疎沫潮徘徊

用浪姘於姘術

醒澄寬汝文人

提携羗褱愈腰

雪印色取駒時

時喫群

切雪色

印馬白

色愈曝

於勦素固香影沙殼

跣韜曾趾印讚伶

娘浪尼寔精誠拯賒

溜泥幽顯買男姑掩

謝悉娘吏綏漆排壑

格穠吏拍汝排古詩

樂鑽兜也省賄斯

弄梳弄叩趾吝黠冰

茹跣蹠汝排僂羗

韜坡味。襖染嫩股歪

世說王衍神彩

如琼林瑞樹
風塵外物

杜牧銅雀春
深鎖二喬

天香与紅梅
相近咫尺而縹

紅梅不是良媒
或作同草

塤賒買燦極畎

鞋文各蹴蹀撐

松王情極罽嘲

原畎迷橘兜賒

埤富厚塤才名

丰姿才貌摔撈

終迷列坦諾茄

列賁賁嚙香鄰

諾嶽隔余隄桃

枚台邂逅相逢

晒亦天也

客它鄒馭細坭叙情

汶塹如体橫琼梗瑤

仁喬。咬戾納臥界花

戶金銘重本茄簪纓

文章惶坦聰明性丕

飲酌夙雅畚外豪花

貝王觀牯列異窓親

汶埤銅雀鎖春仁喬

仍罽濫晒恍天祝蒙

迅旬肅觀。莫妥悉尋花

隋楊芳陳叔主
向羊姬與張麗
花嘉勝日春周
秋菊各時之秀
也 唐渠春
碧弄辰夕綠柳
橋邊掩映詞又
西廂萬般嬌媚
以垂柳風前言
美人行也
花箋景腰城
之紗翠樓登
壁年花卓幃
唐妃初起星眼
睜睜上日海棠
睡未足耶
臥麻指淡仙臥
兜指金重即上
塘所餞賒也然

羣紅落覓瓊賒
臥國色几天才
軌塵于醒于迷
羣斜如瑟于慍
那抹落征驛
翻自跋躡帳花
牕肢隻夕腦窓
海棠也。阮東鄰
沒命潮際羣娥
臥麻旦世時催

底作
痕
此句指
淡仙

春蘭秋菊齷麻奇堆。
情勒如也。補外羣吟。
騷難拯便剋術分坤。
客它運取臥羣晴曉。
边抹絲柳羣朝哭。他。
極至閣出鉗它收空。
鑽招底。浩。核。竈。羣。璘。
漢霜掠碾梗春哭陀。
隨塘所貝餞賒排夕。
茂繁花拱哭茂補超。

斯餘指現前
身後而言蔡
邑批碑有絕
妙好辭四字

齊東昏侯以
金貼地使諸
妃行吉步
生蓮花
晉漁父迷路入
机源見仙女

教籍也去声

馱兒返捧夕之
衣昂昂緋邊悉
征又羣月熾暢
脫兒寬長小嬌
霜印麵雪坡身
連惘哀晦陡界
疎浪声氣習吟
寒象於厖西肝
余悉下顧旦饒
嘶呈會主貼詳

此句指
金重

妙作句

篆兒也

暮彌別固緣嘆能空
軾勾絕妙寓勸性情
掙根邊篆收命燒夕
固朝夙韻固朝清新
蓮鑽朗蕩如斯如賒
桃源落該兒床旦低
買共饒眈班鼎也韻
界拥浩止边連固林
余墜下賜檢珠招鑽
麻牢勸數斷腸固銘

詞調明暢惟棻遇諱字闕多改竄并失廬山真面
茲凡意義一以聖嘆壯本爲的字句一以京本爲
正庶有所準

一是傳原名金雲翹因壯本也京本顏曰斬腸新
聲揆之意義極爲妥貼今仍之

一禮參阮侯學問既洽閱歷又深是傳內外取材
不一而足細查出處方可了然精者自辨至用古
今方言南北土僮各處俗音坊本不知率意改易
殊爲可笑諸如此類均依京本參酌諸家正之
一諸家刻本參之聖嘆批本間多誤謬難通之處

本年前船后
船安知尔我
非再未人
言三麾而就
速也

朱淑真詩
集名曰斷
腸集

西廂瀾塵射
香仍在望將
穿涎空曉

唐人詩賦共
落花而相
逐

歐竹果切因緣
尼進排買又罽
翻鄂領意題排
貼詩啞安看恍
啻挽臥集斷腸
塘花客也阻鞋
愈兜摠幅萌又
嚮蹀市覓兜市
汶命量憲更遲
花濡蘇漫也竹

共斟汶會汶船兜賒
勾神吏授筆花盤擗
瓶仙汶提甕近曲吟
價竹繡口錦心恪常
時揀解一之讓朱埃
娘羣拈吏汶仁叙情
醒罽買別浪命占包
香乘羨咲罽臥兜低
塘賒拈餒類尼麻驚
別緣命別分命世催

卷之六

六

王容寂寞
淚園千梨花
一枝春帶雨
俗語旺生嬌素

湘淚也湘夫
人揮淚竹
盡成班

謝詩飛絮如
過鄰牆此句
京本改三字
甚切

餞賀笠了弄淮
明嬌。厘吧帳鸞
據牢陳濁更号
陳浪跡分疔疎
眼時過塢淡仙
斷腸男數世市
據動夢兆麻推
吡浪夢幻。我塊
哪啞。勸鮮湿高
外窻兒。失鸞鑽

持竟一
作據牢
原形昂
韻前失

持喙干吏決涿喙干
茄萱秩醒每干據夷
年花梨咲潭提淡渭
養生堆女還絲猪垠
臥移脫。寬應連占色
排番世意詠似世箕
身。現催固墨夷畏新
俸空模。恟卓。愁持寬
渚双條持吏。滿脉湘
腋墻。茂柳彩。迎。倒。儘。

情酥
三郎的是

詩曰不見如三
秋今將作冬

非

銀鑰重開

暗未開不如

去林中之有

花史青火半

館殘月繼黃

星初曙曉星

稀見毛筆也

管膠續新

結出閑詞

金陵詩指時

小院湘簾下

能把鸚鵡歌

喚客聲

軒斜摘翠迎又。

迎又原
作征又

未能異酥有情

私金自吏書窓

愁終強拔強浩

速秦鏐謹窓繡

秦一作
培

旬胶缺砣油耗

縫文唏這如銅

懶湘拂又愈彈

宮庄緣嬪匹生

冰傾收景收歌

餒贊又慟粵贊沒命

妬埃擇緋絲萌朱双

餒娘更又边悉恹悵

匹秋拖吏沒鼎戩瞻

羣紅料堪多術占色

栖思想栖悉嗽嗒悉

竹車瑰兒絲重沒鸞

香酸味收茶看唾情

據之枕酥傾城嘹眈

收坭奇遇倍移瞋移

出月新聲上

情與修行家以
 思少情多為
 鍾於修行
 裴瓶至藍橋
 遇仙女唐于
 祐紅葉題詩
 漢王母青鳥
 傳卡唐幾
 个黃鸝鳴
 翠柳
 西廂門掩
 重開又花
 柳依然奈
 玉人不見
 又呆立半晌

汶瀾。韜木撐莢
 愈朝如救千愁
 鄭質想。世情。移
 審嚴謹。積高墻
 靈疎絲柳。梳懶
 余各執棟杆。棋
 秦垠。峙粹除。類
 界茄吳越商家
 裊條游學。晦晚
 固棧固。砂產床

情或作
收恐誤

浩吟。鯖沕。覽。嘆。女兒
 茫。萃。休。乙。如。年。概。繫
 侵。又。提。壞。藍。橋。各。迎
 泮。用。剪。藩。慙。塘。鵠。撐
 混。鶯。學。响。連。梗。嘆。收
 浩。塘。花。用。別。臥。於。兜
 蹠。逃。秩。覽。賈。新。固。茄
 縫。空。底。妬。臥。除。猪。術
 褪。彈。極。冊。提。携。換。迎
 固。軒。攬。翠。迨。鎖。渚。派

金生見損翠

園二字曰翠

事不卜可知矣

人以紙糊忘

是忘糊

忍或作認非

蓋古語也花

箋常用

惘恍准意舒排

窻糊舛怯翹遙

粵剛洞。鏤原封

忍自館客鄰哭

隔牆沛明淹至

摧琴捉襖倍罍

吝蹶牆錦蹢迭

枷刑損樾術茄

嚙歐臥意宝尼

連舛矚時恹瞞

阡生歐罕綠至之低

牆東晴昧聃又恒瞿

絕霰市寬霰紅飢罍

旬肢點燕。聆它瞻仁

野桃羨固羣臥切他

香羣蒼嚙臥它永腥

連桃落篋沒梗金釵

尼勑閨閣凭麻旦低

挺綠猪易飯舛埃吟

喚羣倘夕香沉猪派

庚孟堂爲
合浦守政
去珠復還

或作接連非
蓋雲梯也出
本末

散霜色僊覓零馱
生它固意待除
釵尼扒特靈空
省翹眴律边箕
隻釵市貼余進
生浪鄰里罍飢
特別恹恹蒼溟
余歎買特沒駟
倍術添褪貼茄
塢。逡蹊跂阮墻

念西私
念也

迭墻罍意尋摧董魚
隔墻逢省賒迤懽悉
別堯合浦麻懽珠術
恩悉君子詫喫貼珠
麻悉重義輕財掣色
斯低市浦馱市賒吹
計它少恹悉馱閉吟
竹蹊畔恹念西會異
釧鑽堆隻巾緝汶旌
沛馱歆怒燿煉庄嘯

唐杜荀爽
難支
脂驗一月圓
也言二月間
寄心于月宮
如字株人耳
古夢如夢上
鏡照見始分明
范梈用于砧
題紅葉綴紅
用元振率
紅孫

啗柴拱意揆提
浪自偶尔返僂
韻梅并也輸疴
脂驗如吸宮遷
便低吁汝仁條
垠魚娘買疎浪
油欺莫稽紵紅
碾悉怵柳爲花
生浪側愈最湄
油庄燦胎情疴

脂或改韻
啖或改兒
義晦曹
解
宗風清
自感所
尋常早
詞也左
未對采
莊

几聰美。麵馱啖會頭
忱嚮慙妝閉數也痔
各駱埃別喚羣最聆
陳又汝分挹榜也料
臺薊燭旦晒蘇朱庄
腿茄冰雪質恒非卦
賊庄時拱在悉媿吒
袂疎也別兜麻監疎
鼎春也易情期余欺
舌低麻固益嘆旦埃

卷四 雜詩

困 冥心冥也
即天

朝春春思也
淫秋秋波即
眼情也

本末認以錦
字為韻所
耳致亦難

蚶之喂哺長仁
 困 戾油負專誠
 量春油尖狹狎
 朗 瞋 啞 如 游
 浪 勑 眼 買 迢 遙
 色 悉 君 子 多 忙
 特 啞 如 搶 牀 悉
 浪 暮 輸 拱 自 低
 產 彌 巾 錦 駮 葵
 沒 啞 皮 喂 漆 膠

原作把駮
花葵無味

朱 行 未 仕 料 排 緋 剪
 拱 料 補 過 春 撐 沒 萬
 功 初 對 拯 舌 囉 夥 油
 朝 春 易 遣 淫 秋 砭 顛
 怵 悉 固 鍾 鈴 悉 朱 當
 沒 啞 哪 鑿 鈔 鑽 始 終
 拱 金 釵 貝 巾 紅 拌 珣
 貼 信 噲 長 蚶 尼 夕 記
 貝 梗 叙 意 卽 時 村 梓
 頂 麵 豢 固 咄 噶 省 馱

奇觀試金今
有不

倍傍莫用花株
自番砂別歲鎮

情史君在湘江
頭妾在湘江

淹湘收解農餘

尾相思不相見
同飲湘江水

茂墻雪阻霜雲

阻一作
選

客又朝愈眩眩

西廂綠暗紅
稀春去也

皮。郭生日外家

言言言言言
言言言言言

燴燴藏折襖社

茹蘭清永收命

時珍式又產株

隔花仕孕省鎮

弘術院冊娘移樓粧

情強慘試脰強謹魚

辺醒頭怒辺除驛箕

信春甕易埒術朱能

疎紅甚綠也澄春戈

連成堂郭女男能掩

芹。鈺沒礼賒挑尋誠

鸞机會遇也竹最餘

唱蓮脫又楚踰厦墻

醉花甕龜固弘踣懷

湖陽新譜

古相思頭爲白

翹見松園曰
此登淡黃疎
綠甚是佳
妙

責悉啊頃貝悉
 仍罷塔收樹愁
 娘浪悉扒眉拾
 永茹特眼日散吟
 吝號內假劫綾
 越。西翔鏢洞桃
 強。聰極強添鮮
 聘。酥術往書軒
 連。樗筆架詩筒
 風霜特酥天然

上苑作極

炤香祝底谷恁困數
 雪霜染姘質頭花淫
 也甘弊貝知音用迅
 袒悉噲蚰罌低謝悉
 驂墮羨固壞通買櫟
 松遷聲燐塹臥天台
 边。墜萬福边。墜寒暄
 哈。墜風月礮願歲淹
 淡清汶幅幘松撩蓮
 鰻。嗜涅筆強聰強鮮

風雨催詩思

漢班昭述扇詩
晉謝道韞咏

如絮

撐即天
國謂固撐

古語人定勝天
天定勝人

生浪樸昼皮未
稱仙愈匝湄沙
看才唯玉噴珠
劫脩智啻渚駘
娘浪濫睨容光
持命分腰翹蚌
收自輸笑踈痔
英花發洩番外
輕孰吏瞞臥些
生浪邂逅罟綠

坊本作固
孰相主新
喧沒壓

品題吁汝排壓漆花
曠連行筆草咬翠勾
娘班珂謝拱凭世丕
福市找特價尼朱昂
拯璘玉佩拱坊金門
困撐別固旌踰麻能
掾餉相法彰柴吱慙
肝秋薄命汝莪才花
沒鵠沒騰別罟固軼
智聆人定勝天拱鰲

齊東野語

侯卡解冤結俗

不幸事蹟破

心也派又欲動

貌藏又長蒲

貌古詩西山

款拿半邊日

冰按米即行也

古詞月明才上

柳梢頭又灯前

洗妝猶帶舊眉

啼笑語又把枝

即偷相又月

明花影又人來

寶蓮步上朱

玉階江山夢

神女

雪油解結旦條

覽是條衷曲殷勤

朝慍辨極落野

永茄極便鞋佳

旦茄皮覽信茄

朝外倍揔幃縑

日疎刻燴頭梗

生群拚案燒又

省蓮仕動戕槐

冰傾嶺炭嫩神

朱作月

時挑鑽砂麻料朱身

悉春派又戰春藏又

輕器鴉色吟刻歲光

地松娘買急移窓紗

仁親群拱席花猪術

侵又跡壞園号汝命

阮烟輕律帳屏乙休

拱朝如醒拱朝如迷

羣肢色熾花梨吏斯

群多戕夢瞻春麻忙

頭作雲

西廂與我官是
明白難道是
昨夜夢中來
庚信燭賦銅
荷承蠟范純
仁意前桃樹

杯色如雲霞
仙杯也瑯瑤
酒也一飲瑯
百感生

唐裴航得玉
杵血抵藍橋
取雲英

娘浪曠永晷長
悲吟燭極堆些
倍惻夕礼連臥
箋誓共草汝章
彙腰域夕帥丞
還絲根紊粵悉
哦霞聘唾瑯漿
生浪慙沫肢覬
特霜渚攘抹藍
娘浪紅葉赤繩

繼燭也

爲花賦沛打塘尋花
別凭未女拯男占色
臺蓮跋蠟窓桃添香
還還汝綱刀鑽玢堆
丁寧仁極汝墜双夕
晁輻鑿汝梓同旦韻
緋緋香論屏刻零籠
用剡吟汝岫悉渚甘
博客巾過罍謔所庄
汝丞拱也嗜浪相知

外器花月之

外也

高山流水遇

知音俞伯牙

与鍾期也

琴陵二字新

亦月琴也

申字盖古語

助辭

武大絃文小

絃

漢卡鉄馬金

戈司馬相如

彈鳳求凰曲

文君夜奔原

沒浪流水紅

雲悲稽康未

落英范穎况

彈琴玉女繼

吁。條月怒花箕

条坊

浪暄汝省琴臺

疎浪賤技詫之

軒斨撩產琴陵

娘浪藝同贊西。

攄寅練武練文

曲兜漢楚戰場

曲兜司馬鳳求

稽康尼曲廣陵

遇閑尼曲昭君

外器埃吏情唳貝埃

落嶽陲仍聊聰鍾期

缶悉吡旦吡時沛哪

倍傍生缶稱花昂眉

夕之朱礫悉尼斨申

果練蘇弛曉韻宮商

暄番省鉄省鑽并饒

暄番如怨如愁沛庄

沒浪莖嶽沒浪歸雲

姘份恋主姘份思家

各月宮月宮歸
雲引燕岳引諸
曲廣陵之遺
唐琴詩初步
蛭又涼風動
似羊暮雨
冷近若流泉
來碧簾遠如
玄鶴下青溟

灯下美人情
何以堪阮批
情空蘭煤灯
烬燭花也

靖如省鶴影戈
省寬如愈倚外
阮烟欺烟欺麻
欺拊檜欺僧頭
浪能時寔罪能
攄之仍塌蕭騷
浪捐失涅移未
至鑽哪領意高
阮蘭強烟式紅
弄情羨缶漂了

濁如浩源買沙蚌搗
省毛汙了如至睹湄
遣馱魁妬拱魚謹愁
欺紆紆曲欺瘰堆瑁
眩罽哈墜吞夢世市
快悉命拱兔了悉馱
批恆催拱性至別牢
和寅了扒跡市特空
頭眉驕相強濃肱天
貼韵歐厭固朝沼沫

荆釵布裙正妻也

桑中汴上淫奔詩

唐張珙與崔鶯兒相遇于普救寺之西廂後張別娶崔亦委身于人自在天比翼鳥在地連理枝

晉謝琨桃鄰女以梭投折兩齒

疎浪尋袍夕遡
疎夷沒朵天桃
也朱臥堀布荆
番從連漢韻枕
沛條安吸於時
嚙緣奇遇誓吟
還渭打覩移鑽
訥欺插翹連梗
厦西底令香願
招梭鐸拯符抹

底朱疎歇沒啞也充
囿紅之監垠櫟鳩撐
道從夫袒符貞夕頭
仍現馱意埃求夕之
節霖輔嫗補趁沒馱
侶堆埃吏隄齊崔張
過朝簪也懺怪燕鵲
麻悉襪袒也啞沒边
吹綠潭藩罌綠悵傍
底斲鍼懽共私黜埃

古詩月色如銀
鈎鐙屋梁也花
箋娘紅綠極
托饒賈西之
底零艚熾肢

原作按信叔父
遠寄為旅
艘他鄉題携
蓬閣照山溪
椿堂急吟生
術訪喪云云此
從京本添共
三句

倍。嘆。柳。押。花。奈。
寬。坐。端。正。易。瞋。
零。艚。皮。辣。銖。銀。
娘。時。倍。阻。縫。紉。
新。外。皮。吓。杆。花。
翻。貼。手。筆。嚴。堂。
唉。群。寄。堊。遼。東。
曷。迄。灵。概。術。圭。
華。信。掣。餒。驚。惶。
嚼。頭。每。餒。了。寧。

群。身。群。沒。垌。培。固。欺。
松。強。添。怵。添。為。進。分。
哨。兜。也。括。新。垠。噲。飢。
生。時。蹠。躅。塹。桃。毗。罍。
家。童。臥。投。書。茄。買。迎。
恩。浪。叔。父。賒。塘。命。終。
故。鄉。溯。演。旂。重。山。溪。
世。市。混。拱。沛。術。訪。喪。
冰。命。蹠。矧。臺。粧。叙。情。
餒。茄。喪。還。餒。命。賒。吹。

蘇詩露宿風
餐食大百里
唐漫抱琵琶
過別船

事兜渚及堆回
賡誓群妬猪了
外斡蹤祝三冬
握鎮將玉朱能
聰眴脾緱排了
翁絲攔掛之饒
共饒卒也碾壓
管包胸待輛除
也願亡符同心
群嫩群諾群戮

緣兜渚及沒壓掉絲
監賒吹麵麻疎撻悉
緹愁欺捧未双群迟
朱竹悉几蹕逮臂至
及凝娘買熨壓嚮新
渚愜森合也愁妍配
哨咎厦還監移悉絲
枵歌安愈齟渭拙恍
森薛誓拯措琴船埃
群術群收旦歌歌吟

疎意只見烟
高言無人影
也下句愁也

如欲喧鬧如
沸湯也

斤易斤斤

用浪清妮移弄
砑顛長批沒餘
掛鞍掛梗倍鎖
慍慍風景圭臥
惘臥距愈旬渭
娘群峙併軒西
瞿澄熈屹窻疎
秦垠蹢躅棲粧
寒暄渚及咆嘍
臥腋楚几弄刀

彙東瞿也峙踰蓐茹
汝坐珍重珠沙余行
緱愁仕舛批塘筱仝
頭梗鵲日孱丕雁疎
沒駟礮梗相思沒駟
珍回回細如圍緱絲
花濡淖蘸柳疏壳鎖
沒團惘壽外御買術
差衙俸覓罌皮啐噉
頭裝麵取吻了如炊

老指王公羽粉

指王貞

詩蒼蠅之

声

俗語單極齊
繼絨鳥阱

越坦動地也
燂遷不明
白也

枷扛汶老汶粉

落茄喋啗蛛撐

圖細軟貼贅西

條兜彩紉埃夕

每番新買別浪

汶茄恍惚謹魚

下詞噴呢粹時

樑高梓雲縵宛

桶鞞疋疸用移

汶鼎迢遠差衙

扣一
作擦

麻作臥

汶縵無類紉仁深情

用侏穹絨散睛檣。緻

瀝硃生扣朱落襪貧

尼埃單繼逆絨俸仍

沛銘称出在繩半絲

省冤越坦案与燂遷

眇聰憐恤損廼摧殘

晒麻。矜拱湟肝路馱

冤尼群汶叫歪仍賒

夕朱酷害極戈烏錢

花箋山盟海
誓休辜負

笑術蓋解王
父子同衙仍
許在外也

牢朱骨肉院全
緣會遇德劬勞
底堅誓海盟山
決情娘買下情
戶終固几吏搽
覓娘孝重情深
併排律妬論低
笑術暫付監外
傷情現袂疎彳
疋悉死別生離

訥欺遇變從權別牢
邊情邊孝邊市饅欣
夕現嫗沛垲恩生成
唉朱底妾半命贖吒
拱訥衙役吏羅慈心
爲娘傷拱傷恍悴窮
固叵暮兩役尼買哭
引娘規料訥堆叵鼎
返干禍撥灾影不期
身群極惜又嘆典緣

卷之六

俗身宛如昌滑露
昌沙蘇州昌谷園

孟郊詩欲將
寸草心報答

三春暉

花箋記淹滯

青春年過年
又俗云過年曆

杜床能暴樣
言無新即
羞愧狀

容淡如菊格
瘦如梅

曷渭詫持分價

事悉昨貝冰人

斯汚固汶媒市

晦銘浪馬監生

過年擢外四旬

髡柴斲仞芳。噶。

椅連魁卒杜床

餒命當。即餒茄

砑顛囁蠢吟霜

緋強援邈扒西

噫代俗
語或作
咤非

茄冰
媒人也
社或作
噶京坊
均產非
噫作憚
非

料挑粁靴決垵旺春

咥霜吨代賒斯山噶

迤馱遠客尋飢何名

晦圭浪縣臨清拱斯

眉鬚忍隊襖裙秉色

茄冰迤緋連飢樓粧

騰餉緋色啄娘急罨

塘花汶趾淚花余行

睨花零憺堊薊樞諤

湟隘如菊調其如梅

俗語搖西搖小掉
也庚帖年庚
帖也

唐張公妻各
一色絲梭元振
牽之古者公

坦擲斤色斤才
鰓攪汶縣汶於
浪謨玉旦藍橋
緋浪當價肝鑽
驚拱扒汶漆仁
汶坐船近掩攜
定鼎納采于歸
汶坐愜貝終公
傷情毘枕吒臻
餒毘仍約術類

反吃反
迫也一
作役
譚
搖作

押宮琴月此排缺詩
平悉客買隨機逸迢
聘伎哪咤色饒朱詳
反茄恹量臥傷監奈
除數我價紹外罽慕
唉迢東帖摺拾夕範
錢戔屯產役夷極双
乞詞暫領王翁術茄
聰娘翁仍帶沙脾油
拌絲沛侶招球當坭

女擇壻在樓上
投花球中者即
壻也

言先叙一死耳
寧不見不欲
見而心傷

漢緹紫為父

上書除肉刑

李五女名寄

者書身奉蛇

神以救貧后

斬蛇為越王

出唐世說書

宋詩靈椿二

枝老丹桂五枝芳

至夕之極余至
斧斤色管身殘
汝吝姦嫫拱哭
曉啞強吐湘珠
倍傍几許孰曉
縣夷汝媼紅顏
登書缶懽娘索
株椿歲鶴強高
量連油極懽情
他浪料汝命現

尼埃誣託朱孰合散
女苦墮枕強冤酷蘇
催時極屈庄他悲病
料命翁扯招頭墻破
馳蘇娘吏尋啞嚙下
選絲清跡細恩生成
吏偷何李半命能牢
汝樓捩博別色饒梗
憑溜歐罕散晴浩嫩
花油也翹莠群撐接

也

王翁記名
賣翹也

言手中有錢可
變改黑白顛倒
是非本晉人
錢神論

變改黑白顛倒
是非本晉人

是非本吾人

錢神論

星期婚期也
婚者見星而
行

婚者見星而

行

切等牽挂
也俗語

也俗語

新易新書

分付。付丕拱丕
拱。拱并窘算迭
沛。沛翁拱淹聰
厦。厦外户馬皮迎
膝。膝毒地夕牢
餉。餉穉在產銅錢
戶。戶終畱飭執爲
役。役茄缶暫從容
我。我命娘阮烟号
分。分油丕拱油

拱肩并窳算选

沛垎翁拱淹聰

厦外卢马皮迎

朶生母地夕牢

勸殖產銅錢

戶終畱飭執爲

役茄缶暫目從容

救命娘阮烟号

分油又丕拱油

吟如極柱。仍鼎群撐。
 散茄罌。汝舌命罌。仁
 聰饒淡。癖淡。幾袞昂。
 詞花也。記斤。礦買。摔
 吟。練。拯。攬。紉。臥。自然。
 油。悉。樹。鼎。營。顛。庫。嘆。
 札。心。奄。達。訟。期。拱。双。
 星期。逐也。奄。蒙。度。術。
 楔。淫。淡。悴。還。殺。厦。愁。
 此。悉。切。等。閉。數。汝。堅。

散加咒救舌命咒

聰僥浹𪛗𪛗𪛗𪛗𪛗

詞花也記斤礦四員拌

拚 練 拯 擣 紉 臥 自然

油悉樹皂營顛庫喫

礼心也達訟期拱双

星期逐也。每。蒙。度。術。

槩。遙。渼。憊。遙。歛。顰。愁。

出悉切等韻類攷

言前日盟誓
為我牽纏
今日使人乖
誤若作栗
弄汝趣
遺又賜也

昔人有受債不
還死後托生為
家牛馬以償之
有一女悅工商者
不至鬱死其
父焚尸心中塊
椎之不破商
至求覓淚下
散而為血
父因姊賣只
管昏睡翠雲
二見自分自
別阮地

功程計別余近

懷惚京
作栗弄

誓花渚燥噤鎖
歪遼嶽落色賒
別色綠嬾誓賄
再生猪搥香誓
嬾情渚者朱埃
餒贅又仍盤桓
翠雲秩醒戕春
機歪枕波多端
掾之難忍殘更

為些懷惚朱獸拱揚
磊誓催征負傍息化
朽兜袍新劫茄自碎
劫尼催世界催群喪
夕身撈取細美竹梅
塊情忙鄣泉臺猪散
油炆鼻碓淡瀾繡巾
界烟騎旦殷勤晦嘶
汝茄底姊贅冤沒命
餒贅群纏緝情之低

翠雲三見俱似
一現頑石新勝
會上那得有此
盡貨淡仙其奈
他何只合隨富
貴做命婦耳武

含笑入地

浪恁當付拭落
許收器拱懽懽
惺嬌又固貂唾
神塘剗梗相思
計自欺返扣金
事兜弄愈不期
鼎春嬌笑群幾
姊油脂湮鬢疔
隻釵貝幅詞速
油嬌賊嬌賊獸

絲綠群紅緹尼清双
底恁時負恥恁貝埃
脛蓮朱姊榧未仕踈
膠鸞抗緹絲乘默嬌
欺鼎嶽約欺咭戰誓
孝情坤龜台皮院仁
悴情茹葉昏堅浩嫩
哈喫珍源笑群貧味
綠尼時將物尼貼終
恤臥命薄乙恁極帽

舊月新

翻留書云他

日同我妹焚

香調琴賡

歌度窗香

續繞空風

漸

在焉幸以

杯

茗瀝我怨

阮瑤詩具

又九原室

漫

又長夜

徐方言與

樂

員公主破

鏡

相別

唐水流花

謝

雨無情

花箋魂散

魂飛

跌臥群

舛貼信

最新油

固色

吟

鯉

番

阮

鞋

剪

泛彈貝

隘香

瀝

罪

習

焯

爐

香

意

攪

絲

長

尼

寬

休

又

愈

時

能

婦

術

湟

身

蒲

柳

細

菱

竹

梅

批

呼

戰

渚

朱

臥

托

寬

計

少

牢

掣

凶

萬

愛

息

絲

綠

婢

頰

固

堤

意

催

也

竹

渚

止

花

滿

呂

床

催

又

妾

也

負

松

自

低

沒

啼

潮

汽

堆

孤

冷

銅

鼎

離

鼎

量又死言漸
舒果死而未
乾煥紅也

琥珀拾芥磁
石引針蓋
兩用之

戍兵樣也

椿萱秩醒取煨

几湯馱菜排刁

晦牢罌事迢迢

餒娘雲買吧聰

尼吒夕磊綠絹

為埃用苾淥金

呖猓明吏汝台

樞催娘買練聖

詭之身分碎喙

掣色計餒慘愁

京炸買
憐藤粉

汝茄習納几勸馱外

買油干彙渚派淡紅

翹強嚙唆鞠空罌呖

隻釵尼貝詞賠於低

催時餒意黏尼缶嬌

底猓蘇後還沉為埃

酉疋碑矜監差罌鑽

恹吒者特義松朱吹

嚙浪髑鼻圭馱管甕

刻更缶噉戍樓余回

古詩黃昏月
雨黑如藍

轎花兜色旦外
功悉几於臥移
歪歎遷摘最露
連袖術旦駐坊
及劣悟綠吹紅
品仙沫旦拜僂
別身旦跪落類
為埃垠邇齋東
重逢油禍固欺
色生罽數龜冬

管絃兜色逐臥生離
淡沫滲砂絲妓癒齋
油又阮鞋潭又梗霜
罰皮春鏢沒娘於韻
拷悉吏拙車悉噉番
依功暖守溜握貝埃
蓋桃他披朱臥情鍾
舌悉欺於功悉欺移
身尼催固罽。笑麻朦
辟芒樛劫膊紅特牢

俗云浩旦頭買
肥言事迫到也

鋸齒上面凹凹不
齊若底皮外亦然

連樗產固狠刀
防欺浩奄旦頭
眈愁沒刻沒泥
庄与河馬監生
遇迺吏返回顛
樓撐固保秀晏
情期極喂麻穢
終散鞠沒難行
隄尋泣幣時圭
瓦義歐拱事歪

進作青
細作襖

眈作點
更點也
通

極或作末
鋸屑也

躑矜娘奄襜臥縹巾
刀尼時料貝身茹尼
冰傾如醒如醒汝命
刳界沒侈夙情奄悃
怕噪吏劍安汚月花
廊迺奄阻術襟歇緣
極鋸法登堆边汝坊
逃輔奔粉半香奄倒
假名侯下吡藝唆迺
斷腸吏撰極孰無緣

香月集

俗云旗西埃
馱意拂曲鑽
心也

梁簡文橋詩
攀枝折標幹
甘旨若琼漿
青樓中客嫖
后用榴皮湯
洗過影兒雞
取丹假為元
物此見北里
志橋湯取
其燥

忙娘舂分婢娟
卵駝也撚臥困
惘恍旗也旦西
也輒國色天香
術低浩器披花
罕匹森兩劍兇
兩言棋旦美坭
桃仙也燉西凡
齣塵余榭廊迺
浩舖榴帶莖鵠

非
撚作攪

梗花枕半飢船狸奔
聘伎緹價迎婚產鼎
強聰豚玉強醪曲鑽
汝啞尼罕斲鑽庄訛
王孫貴客乙罌擲饒
拱它皮本群斲時喇
本茄拱惜貼莪拱貧
時援梗橘朱甘事莪
迺花也易余馱別花
慢牟招集吏罌群原

現顯俗語即
 黑頭少年子
 本卡秀媽若
 曉把首面孔
 奉承他便不
 惟我了
 唐前到茶
 菲花事了
 本卡忽被紅
 風如雨豈
 知惜玉怜香

取睇打各昆顛
 謀熬或固條夷
 阻低塘舍睺吹
 惜台汶朵茶藤
 汶干渭愈碾泥
 貼春汶戔懾忙
 淡贅得瀉滌渭
 從夷哭蘇灰腥
 催羣之女麻懾
 恨緣悴分排了

以台
 入夢

色饒拱閉饒錢埭之
 料功埭汶眼跪麻催
 麻些不動女戔生与
 混翕也鞠塘劫頃術
 惜夷旦玉傷夷旦香
 燭花底妬默娘齟猪
 份柑餒客份如餒命
 身許鑽底汚名膊紅
 裝戔催世界双汶莪
 拾刀娘也算排指生

卷之八

本卡翻付道
他費銀討人

我若死了他豈

甘心必連累

我父親等

得二死放在胸

中且到他家

如不妥貼死

在他家未送

曉樓角吹已起

漢五里一短亭

十里一長亭

隋薛靈芸別

親入宮渙皆

紅色

女人比天桃

技移技吏汝命

茹油生事世市

打料歐拱樣寅

仍哭擲担電吹

樓長皮嗜醜霜

斷腸台眈臨岐

皮外進蹊長亭

外茄主客逸迢

強聰強淤淡紅

先生畚分疎桃

言馬心
則已或生

三心則何
如必累

親矣

霜一作
體

茄作時

但作荷

功吒美媛切市者双

吧聰娘買煬悉濕高

勤茄萱貝汝翹於勤

王翁梗席餞行迢曉

蹄駒泣警輶車吸崢

馬生逐咆倍傍畚移

省鵲睽也嘅煥厦墻

急迟催拱汝吝麻催

追原拯矯累臥双親

汝情時留仁情時牢

功吒美媛切市者双

情幻類賈德與
 媳鵬別日雲泥
 異路濁水清塵
 言水本清而反
 濁塵未濁而
 還清節錄本
 未翻自付道我
 在房不著人伴
 新即不知耶里
 去即補永中茄
 也又日他入房
 播又無主似不
 敢成如即離孕
 也可成親二日
 要起身即倍
 傍也忽呼秀
 媽忽呼大娘言
 語失錯即女廚
 也隨人叫翻姐
 又改口婆娘片

女廊拈濁滯滯
 貼刻勒閉饒郭
 欺術補永勒茄
 欺安欺呐女廊
 恪牟儿貴馱清
 催猓群呐之猓
 王娒賄閉饒堅
 菲旬渚泮戰勸
 拙猓悉礮迟了
 跡身要柳疎桃

也
 膨指馬

用膳
 淮孚

暴輔底汝心悉自低
 身猓拯矯撰晒妮榛
 欺飢淮孕欺番倍傍
 欺柴欺仞貼常貼輕
 瞋番朱枝如形猓奔
 疥恹坦客楚樽圭馱
 省寬也悶拍歪叫蓮
 厦外估也逐連踉踉
 髻鞍翁也唯呢濕高
 極茄旦餒鎮飢碎肢

有主人愛妾家
人敢此放驀半

自低飴波边至

似以我爲奇

貨必非太人家

肝尋如羣松筠

又兜今生是他

御人死是異域

泮坠客買疎浪

鬼碎乃臣妾

意

最麵油旦世市

唐韋固遇老人

日赤繩一係其

同又愈逐速運

足冤仇可合

男鄰詩官

醒撈拔淚妨猶

踏轂走紅塵

風捲雲馳

娘時蹀客賒侵

唐秋宵只爲

人長

輩萃察又希枚

雲高雲天也淨

雲也云云淨

蹀号雲爭霞瀚

而云雲淨文霞

也層碧夕色半

棲秋瘠碧應紅

暖眉退又圭臥收身

雪霜雲阻朱身葛藤

紉踵催拱赤繩冉拌

箕鞠日月怒刀鬼神

收車酌埃紅塵如影

飴至藩又瞻將灑又

泊鼎抹遷顛雷片遠

收至秋底賀埃收臥

寬陵麻慙仍至嫩掩

暄鵠如找恥悉晨昏

改如人痘癩
癩紅歹色全
改皆枯黃也
色淡白
同辣乃老妓

娼妓如後生
意便對神脫
得赤條又對
他獻花祝一
番把快子連
敲幾下藏在
床頭便有
客來嫖

仍哭迢迢
車珠行轆
脫鞵廊辣
轆車把
邊時余
仲時香
樓撐悄
香花畧
擗檐律
樹花排
詔詔

臨淄皮
簾鞦也
安之高
哪墜娘
邊時
連擦
藝尼
姑市
甥盤
蚊螞
吏
四圍

月令

諺朝又寒食
夜又元宵此為
韻強或互牽
是意
雁信越至詩
葉前陳多
人至也

李丰我与他同眠
同宿何又拜
他

翻羣魚謹別之
翔行奔半朱枚
閔耕馱寬拱天
信雁越莠疎排
迢聰眩渚別兜
礼双香火祠堂
我浪混漚嬉低
娘浪沛此流離
條兜襖燕夕鷄
蹙條納采于歸

據坐漚艸俱時隈疏
咭又寒食點又元宵
叫鳴鷄燕習妙竹梅
遙馱新燭遠馱新
貼情罨拱仍年俱揚
秀要物棖蓮床難
漚末迎漚舅餘邊箕
分僂哪鉅甘皮小星
彥疎極別異名分曉
也欺終年更欺

係未彭驕彭
踞彭實在人
身中庚申日
上奏人惡本
未尔占我的
老公了
本未忘八即
無耻也

秀如云技藻
早發引誘烏
龜

千易行三

除器皆塌樹鞭
煤賄娘响能情
尼又事也果然
表浪却蹠袒狀
從無耻於不仁
牟糊也扶却未
猥箕也半朱些
老箕固阻排噤
據牢紹卒汶皮
浦夕朱別法搔

綿雞係也
京語

噤作
物受同

監呼吸更沒呿朱明
闭除買後三彭俱蓮
催它却辨軼綿却未
枕術連客劍利麻安
慍命器也秦緡此邇
催又本另却裝茄魔
飢茄浦據法茄係低
拯挪飢極麻補仃賄
媽絲麻也癰莖曷牢
秩皮鞭拉越飢器晒

三五

娘浪歪潘坦胡
催又群固惜之
悖肝湮玉料花
傷喂才色埽尼
餒寬砢砢賒斯
娘時彌又賤仙
域娘臥准軒西
市能潛歇塵綠
表浪因果拱揚
數群礪業脍桃

另作突

沒娘

坊木也
賃蟬邊

身尼也補仍駟番移
產刀廼襖卽時拱番
傑群睨極娘它過廼
沒刀寬孽搥縵風塵
訥茄駟質沒齊如拊
傑時皮又極睨塊影
割駟曉朔踣柴策韃
訥迷也賃淡仙燴煉
也算道嬾漸腸特牢
駟油悶另歪市也朱

秀要云是我
不是不知尔
是好人家家女
兒我決不強
尔接客

笑吁撰。劫柳蒲
策湯粹汝鼎輪
秀要直產边慢
沒得易固尔身
拱拜汝汝任仁
呂頃卒也臥低
馱群時貼唉群
夕之罪报冤家
拱聰尔餒唯呢
祖推神夢尔坐

京本鄧
丕朱院
初修

正坊作
蓋初開
也

淹錢塘仕喂胡術新
賤迷瞋也油又皮散
妙。坐嚙鮮縉蛮捧吝
花春當芷。鼎春群賤
侈鑽之。媳押奈渭還
裸縫春底待鼎桃嫩
尋坭称當哭混盖茄
舌命麻害旦些能夷
娘瞋羨拱是非攪抹
夙因歐拱固丕於勸

翠翹想道據
後仙說孽債
未完若今死
了不但前生
孽債今日未
完又增今生
一重冤債何
時還得于淨

步碧樓名迹
山片月眉也
情景兼到
故佳

劫尼嬪者猶及
朗喧錦抄頭
特如墜世異枚
傳欺蟬蛻代騰
傑浪混矣從容
最難於拯如墜
寬啞決斷罕灰
燬樓少碧鏤春
翠皮八咯撈鯉
被傍選畝烟号

原多之時
拱設跌
劫非
意

夕之吏。沒嬪鰥劫難
疎浪埃固悶兒世尼
罕浪救固如勗朱庄
且條蚌濁牢朋蕞轔
沛條悉吏樹。悉麻迥
連頭固羣桺丕創燭
竹悉娘買仕愧又寅
錄嫩除心腹斯於終
浩鎖墀怒滄紅黠箕
舛情舛景如舛心悉

齊王賈母倚
白望子
禮夏青冬溫
老萊舞彩
之庭

西廂隔牆兒
酬和到天明

新易斤估

想馭界月戰同
邊歪船被巴爲
忙馭排和馭晨
璘萊隔余曠渭
慍韞初波所散
慍韞荒浩買沙
慍韞鞋內油夕
慍韞慍捲極盪
終迷仍浩嫩馭
秦根時捻簾珠

晴霜隨唉。曷曷曷最除
心輪滑旦。包除朱派
缺懷塔。冷仍埃妬除
固欺裕梓。龜皮馭措
船埃濕。倘翹帆除夕
花潘壘漠。別界術兜
踵運極坦。汶牟撐夕
暗從。嗜弄叫迷椅魁
疋悉流落。賊排翠勾
隔牆駐固。嗜兜和韻

年下

味悴朽馭
也猪爲朽
命也言感
人之傷已自
淡已之流落
也

汝松皮擢青春
朽浪拱脉書香
羣娥濕倚牀前
嘆喂色落香歪
價竹餉月連還
息肝贅恨歪襟
婵娟膏別英雄
窓秋舛怯翅外
朽馭催吏朽命
仍罟各呂曠涓

隨蒼作
也猪

形容扯萍襖巾袞強
晦器買別浪松楚卿
韞娘松拱器情邇瀉
惜朱兜棒落類旦低
花牢花害墮苔閉花
悉尼埃燦朱些咲悉
器靨操櫃教籠如邇
睨群同望余歪鉄釘
感悉味悴辣情猪爲
切風塵別色吟罟催

唯睨次第
飛還也
把窓推窓
也西廂開牆
花影動

打料思沒在堅
牖箋計歇餘斯
散霜皮爛。鼎枝
吞西朗蕩翠鎖
翔貼沒幅箋梅
褪訥意思麻推
鵠畝鐘睨術棱
墻東抹動霽梗
啗噪打憚器朝
浪碎蕪渚蚪身

如所濟度撼臥沉淪
餒茹報答餒身落類
便鴻娘買恩啞咬迎
復書也覓暗松旦坭
伶又昔越固仁幹題
鼎仁進沒戌時浦庄
架茶靡也哈腰婢錄
把窓也覓楚卿毗臥
褪催娘買吧拌殷勤
落彈忙繼續擺燕鸚

是骨而肉之也
 正而生之山左
 傳又晉魏子
 結草先杜回
 以報嫁女之
 恩 西陽寶
 救黃雀時王
 坏以報侯
 沉淪苦海
 南北朝核公
 語王敬則曰三
 十六計走為
 上策詩飄風
 零而事迫至
 塹射度也
 聊齊合眼放
 步咱造化之
 洪昂

監 柳骨肉死生
 朗 耽 曼 錦 龍 頭
 娘 它 別 且 些 庄
 娘 浪 閨 事 恩 馱
 浪 些 固 取 追 風
 乘 機 躡 毗 罽 移
 油 欺 慙 急 渭 卑
 璵 璠 娘 伍 生 方
 拱 料 臥 相 遙 頭
 共 饒 躡 毗 鄣 樓

塹坊作
非

群 慈 結 結 結 哈 鏢 術 新
 些 低 沛 搜 埃 兒 麻 浪
 波 沉 淪 拉 朱 平 買 催
 世 市 吁 尖 沒 排 宋 双
 固 銘 界 帳 本 洲 健 兒
 匹 迤 教 斫 又 之 異 欣
 因 些 低 拱 庄 干 掾 嘆
 双 它 過 塹 管 夷 特 身
 麻 貼 混 造 堞 運 旦 兒
 双 又 取 器 取 新 沒 團

渭如俗語渭
之渭坊京二
木均作滿非

忍心也
既得金三十
而又賺得佳
人一宿今有
以此事來相
挽者試問諸
心果不輕諾
否日余之未
能信若始以

晴秋刻渭。更殘木葉
脫也。愈校。拙非。肢片。吟詞。
塹疳。冽。沫。唏。霜。
啗。鵲。噉。嘵。毛。
娘。強。忖。式。肝。鑽。
沒。命。坤。別。夕。牢。
化。免。舌。固。嫫。瑟。
沒。團。暗。旦。嚮。斲。
秀。娑。速。餽。旦。坭。
凶。興。庄。悔。庄。查。
胎。膠。埃。拱。呖。馱。

楚卿。也。攤。練。綱。塹。市。
蹠。棱。毗。舒。毗。高。駁。雄。
夕。之。踏。紫。紆。紅。敷。冤。
幪。兜。鄒。坦。翹。兜。蓮。歪。
歆。夕。押。調。沒。唏。吏。菲。
當。輶。搭。柳。拉。花。哉。排。
悉。市。紅。用。藩。移。拯。疔。

欺得終以受
成以此金攜
佳人為臨叩
之奪是則余
所能后截楚
卿余則不忍
武批
自口有詩而
也嘲諷之極
阮批

撰客被騙也

歇坐首服懇求
浪碎舛分彈瑟
悲吟弄琵琶
仍碎固詫之碎
身蠅色管填頭
特坐保買隨機
排藤固如馬嬌
保強計日計寬
域娘臥倚勸茄
催它撰客時催

挽腰胎賭拈頭帶沙
浴嫩南南南菲旦低
身尼也旦世尼時催
瓜碎竹丕本臥底兜
臥悉貞白自新拱除
扒臥保領夕詞供招
怵娘器買打料詔端
邇操旦墨懷離買他
馬嬌吏吁意器引坐
移兜拯別猥臥楚卿

杜牧詩疏得
青瑛治倖名
笑恭倖人也
英雄諧語日
洪用拖刀砍
背計騙整也
真痴作色怒
言也

薄情後啗樓撐
拖刀拉產所用
固隄近兩梓栖
未罨阻栖即時
娘浪誓說碾壓
群當堆罨枵茹
楚卿蓮啗嘹咬
拋朱眷愈嚶速
娘浪催世時催
楚卿啗味同又

汶栖樽別余梗芙蓉
追夷汶僞汶僮初吟
空仍之固傳尼陡箕
扒壓料溜真痴舌茂
固兜麻吏罨臥險淩
栖蟻龜覓於兜引臥
浪眩買固現市於低
笑貼固別栖尼罨埃
浪空時拱哪壓浪空
毗臥皮拉恃雄罨栖

郭又指人奔
又從而下焉
洞深也如彼
洞深也如彼
或作非苔然
苔荒也洞也
非美

旌破指馬与
楚也

娘浪歪尔固能
秉馱把新井洞
群箋昔越於西
丞疏冬極勸外
負情案色燐煉
殘贅夕仍淡沫
惜台醕遣鼻銀
批恆拱沒叔馱
劫習色悻塘修
酉牢麗色韶末

京本參
拱劉極
馱無良

眷鵲嚶燕事尼在埃
响末夕吏安丞特疏
燐煉極意極尼渚埃
几支不義馱其無良
淪從仿買劍塘操躡
持身麻吏吟隗朱身
旦夙塵拱夙塵如埃
紅顏沛酥於棧買油
劫尼拯矯地蒲買吹
袒身麻者嬾棧朱双

月明如鏡蓋望
旬也

滑愈延過趣
語解

本卡翻云与人

睡便這等睡難

道有別樣不曉

秀云痴兒子

若娼家与良家

一樣人却不嬌

了——若短小用

平鼓催花法

長大用金蓮双

鎖法若性急天

髮旗鼓法性

緩用慢打輕

敵法不耐戰

用緊拴三跌法

耐戰用金支右

持法調情用鎖

皮旬月爛刺精

藝過拱敵工夫

娘浪滑愈逸迢

媒浪埃拱如埃

於勑羣夥條能

尼猥屈袖夕垂

過朱柳戰花岐

欺睽杏欺湟蟬

調弄藝業勑茄

滑頭哪咤余啞

上埃指娼

家次埃指

良家下

埃指客

花菱杏
眼時同
住哉

秀要摘旦從容引咤

廊過些沛別朱躡是條

料身時拱沛料世催

倅仍埃埃錢恢旦低

餒咭怯翔餒餒暫終

鏢外點狩鏢勑糝藝

朱遴坎磔朱迷懶莪

欺吟噤月欺咄榮花

蹙垠意湟買界廊燭

羨殊湟月羨派酥紅

詩經

心迫魂法貪
 色用提神以
 法別法雖多
 出八法外既
 枕上工夫又
 日用法度三
 笑言剪剪三
 刺四日燒五
 嫁六日走七
 後漢甘后与
 人並媚宮人
 但如后并如
 毛人
 唐薛濤少時
 句云妙麗南
 北鳥世送往
 來風其交不
 悅

仍瞋吶也悻悻
 拙命制閣庭围
 害異栖憚眉際
 傷台身分落類
 棲撐買揔帳桃
 別色蛭呂蟬來
 習妙莠蠢梗鵠
 欺醒醑眈殘更
 欺牢封錦揔經
 栖牢醵蠢憚霜

於陵仲
 子溪刻
 自處
 昭惠初
 李開心
 也

司馬相如
 少名長卿

若世夥餒迢迢刻溪
 昭惠學裡仍藝業能
 劫訖龜旦世尼時催
 酉牢拱於栖訖別牢
 強捺價玉強高品訖
 司醯落胸陣喫粹腓
 最逸宋玉最尋長卿
 逸命又吏傷命拙車
 睽牢散作如花神塘
 身牢蛭戰蟬怪閉身

楚王夢神女為
雨又秦雲如夢
人風花雪月

昼詩琴棋

奇有見知音說
知音咱不是知
音不要談

除於言談泊
如竹風梅雨
不相干也

日落桑榆比
老年人也危
時出詩經

王佑庭有三
槐其子皆顯
達

默臥渭楚還秦

喙番過掙花棋

景市景極切愁

喙番遑騷勾疎

慄戾慄強矯戾

蛛於愈竹渭梅

措悉喙段賒斯

收恩趁符高淩

跋肝浩濬嫩賒

蟻槐堆趾疎疔

京改電
冬茹指
施疔

仍命市固別春戾

舛簾雪喀翠埃腰輸

臥慄景固慄兜色賒

宮琴韜月浩基界花

埃知音妬鰻麻貝埃

謹魚暮餒椎硯沒身

拯紆麻絃拯寅麻疔

汝駟沒我羣槐斜

拐兜身分羣罽世尼

珍甘埃几拖岱役命

蘇州府志

唐韋諷寄柳
氏詞章甚佳
昔日青門今在
否也應鑒折
他人手

朱淑真詩哭
損及醉新
腸怕黃昏到
又昏黃

流遠地者俗
名為洛

收吸願約臨生
欺術晦柳章臺
情淒懽者美齟
緹情喙段紆絲
窻紗字又方歪
客又免泊鷗磯
也朱襖却紅顏
也洛臥却風塵
客游倖固收歌
本歌縣錫卅常

言妹雲
已續金
緣不

賒吹埃固別情庄埃
梗春也披朱歌專彌
花箕也抗檜尼朱猪
戕御凶障客睚更戕
吟黃昏也吏長昏黃
怙歌勸會新腸喙干
夕朱朱害朱殘朱斤
牢朱耻辱沒客買催
其心戶束拱仙書香
曉嚴堂翔魁行臨溜

奇兒王美娘
叫花魁娘子
流蘇帳也蓋
垂縷者

易同聲相應
同氣相求
朝桃暮李
言不專一也

樂而忘歸也

風月酒詩

香承棋琴

花魁慕省翻兒
帳蘇夾柳花桃
海棠畵蔓梗絲
月花花月怕懷
迢唳声氣鍾恒
晏桃最慢鄰兒
堞兜枚憐迢羨
生強汝醒迢迷
欺愈閣欺腹憐
欺香晏欺奈猪

胡作
按

帖紅尋旦香围拔飲
縣市拯鰥湟市拯慘
朝春強愈強湄強濃
咄春埃易杓恚特庄
沒續汝紂埃扛朱罈
矧羣腹愈新番磳鑊
吏皮迢曠椿堂吏圭
駟春鰥眈謁術貝春
瓢仙祝醺勾神緩疎
盤桐點落塘絲和彈

追歡繼歡也
迷醉耽也

古色不波薄

易溺人

沫錢沫也或

作喇

錢漢崔烈人錢

為司徒人謂

銅臭

周礼夏鑄楮

取新火

正齊集鑄就

天然一樣骨相

漢卡貂不足

狗尾續凡和

詩謂為續

貂

癡迷。勑司追歡

追朱馬。并傾城

束生帽。湮卜沫

傑強蘇綠。梓紅

界。腰鵲也。噲厦

蓬。施沛。明從容

憎年。請玉。是牙

生強。憐湮。強嗜

娘浪。哪別。悉松

能。憤。垂拱。綬貂

強情。屬湮。強扛。掃情

夕朱。親館。漂亭。如遡

暮。肝。靚。沒。陣。其。如。空

節。貪。咬。貨。啼。銅。時。迷

頭。墻。炤。榴。炷。爆。允。荒

湯。蘭。揔。幅。帳。紅。浸。花

諄。又。產。鐫。沒。座。天然

寓。情。珣。草。沒。篇。律。唐

墜。又。珠。玉。行。又。錦。綯

悉。圭。撰。沒。排。條。昂。又

唐秋仁傑見
太行片雲
親合其下
遠錯非本
翻云偏為
所閣生口
秀如文乎
古同花已
枝堆上枝

本卡娶妻
從良不易
半東唐特
妓巷

垂羣吸益遠行。
浪牢啲迢迢台
娘強滌。淡秋波
妾如花也離梗
主春行也固坭
生浪自課相知
暮輻并局旌
娘浪罔隊思
平康根柳閑
未罽辣粉派香

辣作
沿

和韻吁唉紹
梗箕庄沛檜
斷腸眩意拱
枳如猓蚊玲
舛鼎催渚幾
訕贅又仍礮
沛咤朱旦阮
呖吸邊娶邊
天花天特沒
垂箕特特常
又世庄

康第俗言牽
經古詩莫結
同心帶昭明
文愛流成海

柳氏河東人性
悍夫畏之蘇
詩河東獅子
吼柱杖心然
古語入矮屋必
低頭吉武信履
羊如入醋甕
故作妾者稱
為醋瓶作妓者
為火坑妓女
為暗花路柳

阻剗塘柱宮肢
困剗東潔襴同
碌曳舛分戴遠
暮條昂仰為碎
如松固凭瓶楸
芳餉油鼻賴欣外
僧頭揣窳厦茹
於連羣固茄槌
註之柳圻花墻
吏強餘樣瘦形

原作椿矣
韻音森則
姜別敗稿
坊作
持

主張什也姊妹於餉
添獸又拱彼悉贅西
夕朱被愛欺落欺為
身斲埃紹罪歪意朱
進分拱塔店朱改排
嚮領獅子吸獸藤莢
醃酥吏罪平臨炤爇
量連韞鄣別恙固傷
樓撐吏補罌坊樓控
什身分妾砣名價松

苦南人呼北人
為吳伴哀牢
遠地

根素俗言固
結也

以避暑術花
陽園中為薛聲

言以買良為唱
與訟使步實說

秀髮看意如
何某儒花陽

也唯罪步實也
省筆處仍原

復四百五十兩
又加五十兩

新揚新吉

傷牢朱院時傷

生浪能啲提澄

塘賒落砑吳伴

龜斯之固條賒

共僂根素旦條

咏嫩脂癖情戔

搜條竹院乘涼

戰和拉產仁排

畔暗旦栖秀娑

燐妹貼引細拌

妓嫁人
為還良

并牢朱論每塘時鄂

悉低悉帝渚曾能牢

森條唉掾醴臥沒些

砑鑽龜決夙波拱料

指嫩誓波礮招旦丕

外軒兒龜嫩兌吟荆

連術唉暫踮娘沒坭

悵栖某儒搜馱啖男

偷機傑拱求和監牢

還良沒帖申臥割公

三五

又百兩贈花
陽

秋俗言秋器也

簞俗言簞簞

也梧桐葉

黃初秋也

簞音招又安

語能柄也即

秋籬霜根

以官姐家宰

女故咬邑也

公私亡。龜調双

沒茄森合竹梅

香強熾炤強濃

姘辭唏省皮怕

簞秋皮拐株霜

風雷沒陣排叉

決阻辨白沒皮

賃堅嚴訓伶叉

浪狠別罪龜鰓

啐為翔龜鰓藍

鮮鞍也

京改拐
條欣舌

非

踏仙ノ龜脫鞍塵埃

強淒美波強颯情滯

強軟驟玉強簞牟蓮

隣梧梗碧龜躡莢鑽

搶鞍龜賃椿堂旦坭

碾悉咬邑并排分枝

吠朱鴈粉吏術樓撐

打料生買襖情奈叫

酉浪靈霸錦鑲拱甘

瘦耒辟別坤夕牢低

情黑心也

花受記心腸

平地起波濤

棉襖棉也

宋色極人呼
為鉄面御史
無私情也

強顏乃黔黎
黑頭少年
子也

共饒屈嗜汝鼎
量連油。拯傷情
覓壓鉄砂知又
坦平汝海同又
共饒蹺蹺差衙
韞蓮栢鉄顏仕
狗箕瘦湮邇排
從噴花汰香乘
推勸情狀原卑
法公照案論飢

指琴埃怒搥續朱竹
指頭催固惜命夕之
焯肝翁買申。跪郭公
府堂差莢票紅催查
双又臥髻墀花栢。跪
立嚴轡也畧威碾壓
麻毘馱世畧馱冬迄
慢牟輪粉打駢毘顛
皮市時拱渚安皮市
固仁塘意岡牢默命

漢書范滂三木裏頭蓋手足与首也

小髑髅骨格骨樣也

泔垂淺心也

沒罪據法加刑

娘浪也決汝皮

濁黼身拱罪身

代浪據法加刑

分竹之監叫冤

沒瘳淋洁也苔

拷情松束麻傷

哭浪冤苦為些

泔垂極別拷淩

府堂賄倚臥聰

又魏其四三木唐詩休將兩片木夾殺一枝花

沒罪吏據樓撐付術

蝸尼王襖絲箕余吝

要疎鄂紹罌塹雷霆

阡棧揀秩沒梗牡丹

桃痴疾鴈柳散作眉

莠臚渌水梅渡縹緲

塹賒嚮覓垂強怵沙

固賄至罌極它累黏

底埃腴憊花愁為埃

動垂吏咩旦呿贅西

撰袍認祀也

唐徐妃以瘡語解回出情史

筆作癡則過揚非府員話休朱陳二姓世世婚姻因名朱陳村

笑沫抄買疎隨

坊作吏計非

娘佗并欲賒斯

在碎撰袍沒拜

撰坊祢非

聖聖吶拱傷聖

浪如等固世時

生浪出分淳蘇

其浪也世時賊

娘哪筆枯拜題

看浪價笠盛唐

寔界才子佳人

頭雖計吏事與求親

自習娘也別身固劇

抵娘朱旦餒尼為碎

摸威買吶翻排解回

賤花双拱是非別條

曉喙阻拱也鰲筆研

木柳喚此沒篇呈藝

箋花呈器案批貼詳

才尼色意新鑽渚斤

朱陳吏固朱陳市欣

蝶樂拍也

催界連共鳩慣

也遙旦燭剗公

妯娌勸道家庭

急傳截折礼公

排行鼓吹叫噐

傷爲湮重爲才

蕙蘭喧噫沒茄

莽慍醺最茶屠

帳湖永駮脂清

分蒲自接符促

湖省紗絀作
帳蒲柳皆
子燕雁代飛

燕坊作
鮮非

少之呂蝶朱彈昂宮

西外哭。法。双勸哭情

催時蝶餒不平哭双

轎花羶。悉燭紅點。野

双又遙細帳桃聘堆

束翁催拱蝶壓風波

曾夢登吏齧麻欣智

桃它派糲蓮皮扔撐

吟情娘買排情贅終

村宮雁燕也紅落年

萬壽小妾也
 糟糠舊妻
 也
 春亭我見別
 情人詩好是
 春風湖上亭
 蓋酒亭也亭
 亭相別處頗
 延之錢別詩
 夕帳亭息上
 僕禁苑酒西
 折板題云墮
 流水鳴弓出
 咽遙望秦川
 肝腸斷絕王
 維別詩渭城
 朝雨抱輕塵
 客舍青門柳
 色新勸君更
 盡一杯酒西
 千鳥千

信茄鄂汝永信
 朽罽寔拱械羨
 溫眩儿奇。訥茄
 依台仍施非常
 麻些啐汝輛湘
 閑迟渚燦音耗
 吁弘急料吏茄
 啻朋符墨晒迷
 眩啞勸吼從容
 劇罽咬旦椿堂

奇作
欬

繖情葛藟棘願。糟糠
 沁唏埃易狩拉朱些
 於臥困法訥罽緹經
 易啖腴波坤量底淹
 世市拱拯晒及特市
 或罽訥固夕牢庄罽
 罽訥懔意蕪些別情
 曷吝最呂如形渚通
 忪悉松買決悉回裝
 束翁拱倍逐松寧家

出陽關無改
人謗噎也
古詩未語
先咽哽喉頭

使瞽穿針
不易能也
原作易燦
襪騰金恐
費解從京
本改
捕雀
批謬掩目

錢邊沒戰國河
淹秦沒襍韜撐
拾孤賤咀。鮮嘆
娘浪蕪浩賒淵
易麻壓。瞞。搵金
堆些。艸。美。初。搵
酉。欺。海。愈。不。情
欣。條。頭。雲。頭。吹
傷。饒。吁。汝。堅。饒
戰。邊。汝。餽。最。吟

一作萍蓬

春亭脫缶。蹠器。皋亭
囁。唯。坡。柳。余。梗。陽。囚
玢。配。巧。戰。合。散。嘖。墜
牢。朱。勛。廕。時。外。買。淹
夕。之。抹。相。扒。鴟。庫。悉
旦。茄。礪。料。吶。噪。朱。明
奇。器。威。奇。碎。打。分。碎
吏。忙。仍。役。齊。歪。旦。斲
解。遲。拱。拯。接。兜。麻。遲
戰。惘。吁。待。餽。尼。解。斲

車坐愛楓
秋晚秋葉紅
於二月花
西廂秋來誰
染楓林翠

唐誰把玉環
分兩段半沉
水底半浮空
根此

古時來風送
滕王閣
真正在當家
命婦我與君
生不同時居
同地至今讀
之猶竟不寒
而栗武批

新陽新吉

孰遙取几趁袍
蹀紅滌捲征鞍
孰術隻羣甌更
景腹埃仕夕堆
計之仍事堵塘
本淵戶宦名家
緣滕曼順愈後
於安時湮拱能
自璵園買漆花
炤心強址強爇

棲楓秋色染年關
山鯉孰也屈余岸
欖撐几移罔蹀汝
命賒吹舛印繪隻
舛燭蹀長縫勸尼
餒主張於茄羈官
吏部牒男官姐
共私結還車絲仍
舛吶條緘糾時
孤拱羈咄孰也
夥信茄群空責
孰顛落番悉
胫花

三下

卷之三

啻朋首寔共些

夷嘖拯幹樾垓

吏群林捌頭迷

并浪隔麵屈壓

怙嘖役意麻怙

夕朱聰拯特饒

夕朱瞠覓眼前

餒恚謹拯埃能

旬茹俸固。亡臥

小姐沒恨同又

周必大詩社郊
託新功

言貪新棄
苗也貪字是
從京本或云
貪當作譏意
同

下頭或
作醜

貪一作
嚙或作
產

共容儿野買罌臥連

率嘖麻卓嗜慳飽命

夕之仍遣枕酪嘖其

頭些些拱料排頭朱

蜺齣嘖戰吏嘯趨兜

夕朱落墮拈頭拯蓮

朱臥貪板半船別稱

外聰底默恣影厓外

覓信吐拱料排新功

喇稱絛絛罌恚憤眈

軼僂市沛如埃
 倍傍夕共罍威
 酌外謹機如抹
 縫紉号畝請台
 膳時悉仍引悉
 啞散合餒寒暄
 洗塵恆戰從容
 松術貼意思茄
 余番喫醒呐醒
 持它抹謹咄瓶

條尼罕咄仍訖是非
 孩時担咄孩時披腓
 市埃群監呐能汝罍
 罍飢汝罍呐喫如空
 生它術旦樓紅罍鞍
 孖情強罍孖緣強熾
 餒悉埃於酌悉麻罍
 事命拱咄鄰罍燦排
 邊絲不動夥枚事情
 市埃固考麻命龜称

拖拖猶拖秦也
 二字一美但拖
 秦無助意拖
 拖有防意
 賦音通忽感愛
 晉張季鷹因
 秋風起思葦
 美鮑吟梧葉
 落秋景也驛
 女詩金井梧
 桐辭故枝

仍異咳邑用浪
 固欺恆傳模哄
 浪韻玉碎鑽鑰
 劍。朱仍呶容戔
 妾油嗔拯能推
 覓啞統請如遡
 仍異哄粉槩輪
 趣圭葦鉞燠味
 慟念收景江湖
 情質渚監許。鼓

粹續情女動棲吏催
 小姐吏拱仍啞兜
 迺分些匱信饒奇迺
 蛭蟬吏噤仍啞怒箕
 匱如憐持吏碑呶哄
 順啞私拱呶吹拖拖
 烟号鍾霽腓踰聘蘇
 泚鎮匱用汶菲葦梧
 汶牟凶塞傘務愈腓
 小姐器匱料澄乳戈

遙泊即白雲
用狄仁傑事

黃止詩飛

騎黃金勒
香車翠鈿

裝

使之狂迷痛
苦也

丁巳年

隔解遙泊餘夕

特至如翹。翠輪

璫玲底。落印至

槽駒皮。探蹤長

疎茄萱。歇每情

抄浪瘳。沉憤慳

丕絨。睞極夕清

臨溜塘。步胸遲

槌船。攬極家人

夕朱朱。瘦朱迷

臨溜拱沛并麻晨昏

跡駒。齣頭落嫩圭。訖

城磋愧碧。嫩披零鑽

車香姐。拱順塘歸寧

餒松於。箔餒命。紹顛

醜松麻。固埃。嗜之命

謀高本。屯。吐名。仍。訖

麻塘海。道。迺。隨。時。斯

唉。挑。縷。絳。紉。與。娘。術

夕朱。痴。疸。裝。裝。朱。曉

忘親
 懷前
 也
 越越葛葛
 也

釋朱哺恬仍臥
 夫人看研室年
 折迎帆愈棹速
 引唌歇各每塘
 娘自隻羣窓縋
 羣槐也熾昂頭
 遙誓也諸昂骸
 越越跡分現夕
 身牢越餒不平
 胎秋愈揮窓桃

餅即優
 京語

坊作宮
 廣刻短
 抄完

新朱底沒唌嘆術茹
 朝現買吡默油罌穉
 犬鷹吏撰沒排棍枕
 順風沒莫漣迎波齊
 塘箕餒怒如放縋愁
 別兒庵冷別兒吮裴
 市呿嶽浩市呿鉄輪
 困緣別固旌輪朱庄
 料如阿嬌宮。媵。抄。市。
 姘鍊媵缺。三。跽。神。至

碎喙家中奴
仆也

爆香旦愕伏臺
界花越倭惡人
落隣鏹摔剗燂
策迷兒也梳臥
達。迨蓮取卽時
產尸無主邊淹
碎喙魄落塊影
束翁茄拱斯迭
佃柴趨齣旦坭
愈高院炤強高

餒悉喂渚泮堅云云
暗又哭鬼驚神咒罌
失驚娘渚別罌少牢
恹忙如賤占色別噴
房纏院冊翠皮炤炆
枕臥底打。客噪埃能
衝坡蓓靛裕棲隱命
秩韞荒炤失驚用移
箴排梳炤尋臥勞敵
碎喙尋瞎足娘市僂兒

兀靈兀海照饒
 趨臥淮驢房香
 疏情埃別謀奸
 束翁涿涿婢戔
 遺骸相拉術茄
 札常屯墮是沒仁
 毗臥淮驢樓書
 迦茄吒細中堂
 笑喂喇歇事緣
 招命勿耶哭嘆

泝淩蓓甚器新尋光
 剉炭。覓汝堞骷怪殘
 罕娘催吏固盤浪埃
 朽羈永酥傷馱惶那
 市罌衾殮市罌喪齋
 陸程松拱旦坭閉睵
 灰炭汝堞曝渭罌墻
 靈床牌位蛛娘於達
 絲情剝脾炤煩恠肝
 羈馱世意羈冤世尼

此句從京本也

三島蓬萊

方丈瀛洲也

乃仙境九泉

乃陰府九重

深泉也

字又星也命宮
字日星臨則有
難

質浪梅竹吏園
傷強枵枵強刃
斯汚賄固沒柴
連三島界九泉
截生礼物連迎
道人伏轡爭垓
阻術明白吶詳
臥尼礮業冤家
字宮當懣難蘇
仁邊夾栖醵番

坊本傷
強枵強

亦易埃
址慘缺

愁朱悵

一作屢

埃能永訣罌鼎邊饒
斷腸埃固戈橋買能
飛符致鬼高珣通玄
尋兜時拱別信憎煉
吁尋朱覓栖娘晦軒
出神縵人猪殘爆香
栖娘拯貸役娘也查
群醵嬭夥牢它楚朱
汝辭女買啖啖特信
闕認麻拯監認迨台

正月 未三月

諒山山靈各處
男巫曰仇女巫
日併亦如中州
之男僮女僮
也下海曰紫蟻
上六從京本

也
遄又往也速

隋趙師雄在
男浮山梅樹
下見美人出
迎蓋梅魂也

條。兜。吶。追。羨。尼。
拯。戈。僮。僂。仇。併。
惜。花。仍。吟。噉。春。
仃。浪。娘。色。九。原。
犬。鷹。色。餌。謀。奸。
帆。高。繚。繚。翹。遄。
也。艘。蓮。嫫。廳。堂。
挑。娘。補。新。初。房。
怖。忙。秩。醒。塊。梅。
傍。徨。拱。醒。拱。醒。

坊花潘
浩止色
安

事。娘。色。世。呖。柴。監。信。
臥。兜。麻。吏。貨。蓮。埃。塵。
身。尼。易。吏。余。客。返。仙。
能。兜。地。獄。於。污。人。同。
枕。娘。逐。新。底。安。界。船。
提。澄。無。錫。冰。沔。濺。迎。
犬。鷹。色。孩。納。娘。登。功。
笑。群。帖。人。戕。熾。渚。派。
朝。茄。兜。佐。樓。臺。市。低。
廳。堂。莽。省。隊。直。蓮。侯。

四三

曉略譏反仰
概也
七空如玻璃
珊瑚之類

巴餘荒蕩之
性暗指放態

猶於塢鵲
於同非有也

了。鬘蓮翳逐吒
睡醒座穢地越
班郭蠟燭堆边
畔旁阮晦梗查
不情汝陣選涓
猥尼拯怖善人
番從猫塢鵲同
龜挑命半郭僇
市哭家法怒態
了。鬘連界夜隣

隣音民
京語

駭雄娘買曉茹每。歇
天宮暴宰固牌撩連
神床七宝魁連。汝妥
事命娘沛。掾麻吸疎
味浪種窖。巴餘憎身
拯坊道主時軍論默
番從隨續拯双皮市
吏群孔。頃。夕高世尼
唉朱。臨。遜。別。彌。沒。各
酉。浪。霖。咀。坤。分。龜。市

聰壁壁中有
耳也脉棱南
俗每用竹編
壁夾場謂
之用

竹棍番飭拉。飭
拙台桃李汝梗
花奴傳吡樹銘
番飭曉優青衣
管家固沒傑市
欺茶戰欺萊湯
吡浪枚嘔缶竹
拱哭冤業之低
於低聰壁脉棱
矯欺璽霜不期

脂市拯湮肝市拯驚
汝番溜愈散情汝番
旌旌吡啣飭番侍婢
特油鬚額胷鉞管包
覓覓覓惶番飭麻傷
飭。唔方便翔塘好生
柳蒲命野袒命朱能
沙機買旦世尼庄仍
覓埃悄。屬拱野聰之
混螻。丐蜆叫嘔特冤

康又作墮又
隋侯夫人詩
色美反成棄
分落何可量

娘強淡玉如滇
風塵却韶也落
分牢薄拯皮催
也竹夙債前冤
仍男根搦戈時
娛猓啖傳鄰男
小姐厭帳少馱
領壓娘買蹻迎
晨号巾栢畧頭
固欺淹刻朝歪

餒素隄仍盤桓念西
淋炭吏固次尼平仁
康又糾買襦馱紅顏
拱料玉湮花殘麻之
小姐沛眼買術寧家
夫人吏噲娘罌咤壓
朱術边意蹻喙樓粧
別兇地獄天堂罌兇
分猓侯符猓侯監差
竹絲晦旦藝邇每駟

萍水相逢蓋
偶相合也

賡買月初三
初四也新月似
眉痕淡字
妙指點也
歷格四時已
過一年也蓮
即夏菊
即秋也

傾壓娘買攄續
小姐貼拱傷才
朝臥落墮跡身
臨溜跡更打權
累方遷息沒牢
各才胸論時文
臨溜自課鴛彩
捐埃賡買印痕
蓮殘菊更芷花
尋覓朱覓故人

菊作
梅非是

吟嫩晴說易醒恁臥
困威義拱扒排累分
最嘆咀零号恹恹恚
浩蘇底特相逢劫茹
韞撫故國別免累茹
餒斯市別塘賒世尼
房空傷几胸時隻身
粉乘香驢倍份忙沙
愁幾點餅冬它迎春
裊勾運命惺寅忙傷

可見東之鍾
情不如金之
厚武批

唐李美甫吟
毒笑中有刀
笑啼俱不敢
方竟傲人
難

新陽新吉

慟念收景家鄉
小姐連朝嗜題
茄香高捲幅綆
跳畚沒羅汝蹕
沛浪曬恍烟爆
悲除情買憐情
斫兜固斫追莪
憎煉舌侶堆些
皮外噤又吶哄
悲除坦濕歪高

收圭私吏尋塘喋圭
裏暗皮畔每皮斯除
房訥傳噲娘畚袒惻
韞除娘缶憐澄塹除
憎煉離妬庄界束生
催牙缶撚臥鍊拯差
臥兜麻吏固臥精魔
夕畚親於圭茄堆坭
麻訥岩陰殺臥坐刀
安少牢吶夕牢悲除

果

唐壽陽公主臥
梅簷下面上
梅花痕尤媚

強韞極強謹魚

情威監拯哪丕

汶朝耗
汶皮也

生它魄落魄漂

因夕牢旦世尼

情悄監呼番丕

小姐韞極晦查

生浪孝服皮双

看浪孝子缶憾

嬌戰戰酢戰酬

扒寬扒旦丕

下入從京本
坊本作扒娘
蜂直持書豈堆
堤

埃未京本改極
警又繼云傷
喂屈鉄飲腐
秋吟別路紆
且凭餒惡生
打麻方當嘆
响棒極油溪
沙小姐云云
詩步此貼母

脾蚕喙段如絲絃排

僧頭餉歡塤梅汶朝

傷喂怒拯娘翻於低

催又些缶撚珣埃未

坤琅洪玉洪抹亂沙

買術固汶之麻動容

推悉陟岵疋悉終天

茫塵擾戰解煩脂秋

扒娘粹醢直候堆坵

扒跪羨極扒毗羨珣

癩癩坊作
散渙

生強如瘦如疔
暝移秩訥秩
小姐倍叨狠花
生強湮脾散塊
小姐嘆醒訥醒
浪花奴躑躑每才
娘它癩癩痺迷
罌姨如哭如嘆
共終沒省絲桐
曷珠沼渚坤於

淡戛淡解戛落戛滄
告醒松也嚕排踟罌
勸松拯泔時些固施
戛毗沛哈蒲丸燥誼
渚双局醺吏排唳邇
板彈此隨沒排松瞋
唧呿罌罌屏繩素彈
遣戛連席拱散湮悉
戛外嘆惹戛訥哭吟
儉頭松仍技恍漢湘

卷之三

小姐吏叨袍娘

牢拯別意思噴

生強慘切徘徊

淚蠅更也點點

悉貧吐情惘恍

生強肝烤脾落

孰飢終檜鸞房

悲除買燐沁唏

斫兇把翠玢鴛

悲除汶域汶丞

弓慍撥曲新腸意之

朱松慍把罪時在時

倍傍吶又。噢。又。朱戈

小姐聰極羨它甘心

肺吟也補疥吟數。吟

餒悉強持強嘜噎悉

娘畚拊霽烟燼更戔

節慍兇固追裝茄慍

埃畚塘意埃聰特埃

歌條輕重歇壓是非

薛逢宮詞水
滴銅童屋簷長
本斗小姐快心
滿意暗道今
夜一席酒足消
從前之氣矣
小青夫慍跳
不韻大婦更
奇妬
上埃小姐次埃
束生下埃翻有
本書你理這樣
壽計夫婦相逢
不敢斷認一說

上埃源生詞
次埃指生下
指詞小如
不

哀慕身侯下臺
邊坤強疾情辭唱
小姐離離連沙省
碾和點緣故之皮
交吏汝欺恨松海奴
浪為多年生老脾忙
如從响器極便睡臥
極望靈光此律端
床邊傷姑紅塘
渚各所增連倚調
漳汝堅者翔仁浦金
沙似垂者極暖香
申供娘色草戈沒
詞貼末邊更小姐
脫曉義莊重魚
換情連和云云

新陽新吉

耳如花碾如鉸
怡廊幽分婢娟
沒命陰倚膝迟
最号侯下臺楹
摠坐娘買疎戈
小姐晦吏束生
生它憂脾如胞
仍咬吏累旦娘
僧頭跪糶璘花
面前呈貝小姐

捧朱番嬪。群喫罪緣
波淒潁奇固全特鳴
砵油為潞相沿齣更
小姐擗極提情晦查
沛欺命吏出事餒命
恨於查祀寔情朱冤
响器極便體臥拯當
祀。悉買仕摠塘晦查
申供娘買草。戈沒詞
脫貼義拱謹魚辭情

長

庄似當作憑

漢武少時云

若得阿嬌以

金屋貯之

生云誠如買

妻之言紅顏

消命千古同

然賢妻妾酒

惹悲也

連珣拌吏束生

營庄固數朝昂

波塵沉沒婢娟

生浪舌固如壓

許智歐拱世尼

小姐浪意勸詞

催催催拱朝悉

產觀音閣園些

固草樹固山湖

曾又歪買平明

浪才賊重麻情賊傷

價尼西鑿茄鎮拱賊

有才傷餒無緣追裁

紅顏薄命沒孰市鳴

惹悲歐料扒珣買皮

吐枕命薄吁恹新空

拱朱朱能勸錢跳器

固樓慕楚固花翠務

朱娘番如將厨創經

香花丑供藏生祀常

春花秋月二

婢名王勃達

寺詩調臺

控紫岑

昭明寺碑意

葉心香

小春詞願為

荷楊枝水酒

向人間並帶

蓮一莊子心

可使如死灰

手覓音官

經乃軟盤也

西廂對人前巧

語花言言地

裡愁眉淚眼

新賜新話

迤娘旦燭伏堂

楔撐樹幅。裝裝

最号并瞋足油烟

娘自另晒。園花

因緣兒女。麻。懷

伏前慘拉愁搭。

沫。台。深。若。梗。楊

梳。樣。自。阻。年。禪

新。禪。拊。日。經。毛

擱。經。院。冊。堆。坭

非 明作明

三皈五戒朱娘出家

法名吏村猪墨擢泉

春秋割產仁銘香茶

義斯棲紫義餘楷紅

塊條懽粉憐紅時催

得鋪手字貼地心香

煖。悉。梳。燠。每。塘。塵。綠

璘。秋。腹。龜。敗。番。峙。頭

明。堅。器。麵。沫。珠。永。畝

勒。聖。聖。吏。傲。迺。山

聖九

近咫尺而渺
非河

詩如可贈兮
人百其身相
相舟也出孤婦
出詩任

仍哭哈咀。嘆
乘機生買。嘆墨
笑味。拊。餒。斷腸
也。甘。銘。泊。貝。情
濕。機。輸。智。彈。要
為。些。宋。累。旦。臥
管。之。蓮。抵。鄆。涼
宗。堂。出。措。甘。悉
惜。命。殤。湮。鑽。派
娘。痕。隻。相。弄。濤

作連
謝罪極

小姐。佈。眼。問。安。術。那
侵。夕。旦。履。園。花。貝。娘
淡。珠。得。得。激。振。楔。撐
主。春。底。罪。茂。命。朱。花
韞。臥。剪。脾。咽。蚤。砒。墨
蕩。淋。玉。息。舌。唯。春。掌
拱。算。蚌。荒。貝。情。朱。及
限。齧。披。收。將。同。夕。仁
暮。身。易。贖。茂。堅。特。牢
安。沉。拱。默。昧。市。頃。枚

身嬌如易
眉黛如沙
寄井身以
園花

又語干膝干
膝風雨不期
也

李詩春蚕
到死絲方盡

蚶身唧啞湊
拱料收深眉
碎為琴缶煖
料排翔到朱
生浪賁想閉
情欺膝膝負
料麻餘趨高
悲除几雲臥
西浪淹泮砂
共饒計吼黏

王作楷

鞋乘群想旦
麻朱天下韞
拯真輔拱沒
意界情礪意
悉畧岩險別
舌贊帝拱吏
爰思些固垠
別色除吏緩
昆蚕旦楚拱
吶未吏吶堅

忍考京語徒
澄涉水不連
忙站開收換
此飲或作躡
似然上文也
動省韻則
非躡飲矣
禪家用枚皮
作茶名紅
梅茶
花婢即春
花

極難極極移
忍考訥憚蜂番
其又訥又所敷
對逃生買料堅
看浪筆法也精
惜台流落江湖
禪茶泮戰紅梅
娘強吹喚塢鹽
花浪晏旦也數
伶又技還頭絲

花婢也動省韻塢餘
小姐兜也袍花訛飲
晦松買於准市吏遡
尋花遇訛貼韻日經
搗飲貝帖蘭亭市翰
新鑽舌拱賊模袖才
從容緩嚼書齋共術
拱腮晦吏花婢耀黏
蜂頭蜂吏度兜婢除
余墜墮歇也餘燦詳

瘰癧皮上起
粟如棘蓋
恨甚也坊作
瘰癧又非

唐魚朝恩曰
怨者常情
笑者不可測
奇魚猛虎
中則長蛇尾
上針阿般雅
未毒最毒
婦人心排
翅高飛

訂易新語

色饒良苦情傷
垠碎時吏收邊
暄催驚駭掣兜
意余肝意余才
臥兜淒色諾茂
寔賍机特羨尼
世麻淹拯待騰
恨咄番脆世常
身些又沛昨歐
齒庄托翅高彩

一作草
市机東
妙

餒翁勿銘餒娘咀嘆
懺聰未買跳蓮連樓
彈娑世意寬歐汝臥
拷強添餒癢菱用移
麻松束沛器臥拖瓶
茹慳埃拱咪眉呢鼓
朝咄恆眯叻能妙抗
其咄買舌坤量陰淺
咀恰嘴略於兜准尼
櫟棧數拱固駟撒花

文天祥詩冷
打洋裡葉冷

顏士山也
話

早行詩
茅店月人
迷板橋霜

介戴色管浩沙
分味圭客茂命
朽移朽吏逃猴
边命損底詩身
枯命戈阮墻花
震震蹀揭額樓
更号身妙蹀長
歪東皮糠岸槐
厨鬼體寬塊除
良又拱厦初水

冷打鬼女拱界冷打
翔空渚易尋鍊藤飲
伏前產固每圈全銀
各瞳更奄茂份蠶臨
路塘曉辜腰斜術西
啗鵲店月晒鞞抹霜
份咬塘舍份傷精油
巴為市也別鬼界茄
伶又招隱庵旺野排
佳持瞳省連迎臥韻

恒水寺尼
号也

葉貝伏卡用
貝多世米卡
之播遷禪家
雲播也

寬年安襪梳櫟
畔勞梗荒朱詳
小禪圭於北京
本師未拱旦茹
剎叩面獻伶不
貼末師買毗戈
參衣塘舍汝命
撒身特准庵遷
偈經勾額屬悉
最号葉貝播遷

覺緣師長鑄悉連傷
追透娘咲尋塘响迷
皈師皈伏脩行閉歎
吠迿法室迎候師兄
鍾鑛磬鉤边命拱罽
沛尼恒水異些厚情
於低除待師兄也朝
晦茶塔樹胸碍從容
香烟攸願齋房惜珣
院烟挑月曙持擻霜

人到寺曰核
越伽伽藍
禪門也李
卓吾為姚
卅守每入伽
藍判事

貧娘聰慧恪常
割禪皮明騃春
愈光還淨請台
拱圖鍾磬貼戈
覺緣寔意怙量
抄浪坤餒頭牟
悲除事也美尼
覺緣瞋喇用移
吧聰買計事悉
收庄仍事不期

師強慘麵娘強佯蹠
羣花雲坦^{一作路}駮銀昂丕
因歇枯越蓮迦割伽
嗜浪害種貼茄官娘
肱清買晦吏娘嫫茹
事命娘買嚼頭排誼
分價油石油枚在歇
姘傷姘憚徘徊拯双
於低割伏罪室狹噴
底娘朱旦餒時拱傷

俗港旦莫買
記言事
姑去也

蝦一作妹鮮
作繆非也言
免起之色可
用粉懷之用
紅新鮮之若
得學人則必
有利

新賜所言

另除糖料尋店
固茄戶薄邊箕
忍迎明歌每塘
仍惘特准安身
市弓拱祖奴襟
覓娘蝦粉鮮輪
靈空連底喊壓
保強拒逐朱連
浪娘同躐沒身
種冤家貼破家

朋表一
作莫床

踏作非

緬作
綱

難除浩旦朋家群圭
庵選怕垣抄術油香
挨茄笑暫朱娘踏蹊
倍傍市及并斯并賒
薄晏學貝秀晏同門
惘恍特緬半奔固利
娘它巨賴落用移夥番
祀丕凶險押綠朱陳
吏忙祀曙共所簪賒
群埃監曙臥茄女低

飛
見與木而高
驚弓之鳥

急算劍在車練
坭斯時拯便坭
固。抄薄倖貂茄
行奔半州台
世市娘拱佈暄
用除埃吏別埃
娘油決拯嘆情
娘強極塢眉味
持命縱坦後頭
妾如飛燕落彈

聖作
凱

空仍清易麻影塘歪
坭餘時拯固得市餘
拱鞣親戚脾襟拯埃
舌他固沒單差拯兮
成親來仕料術卅台
油悉被曠淹蝕清夕
債空塢耀累命旦斷
強暄集响強疥如橫
世旁娘買餘斯咀嘆
沛弓曷也悖欄棧嗎

訪知人知面
不知心
奇兒賣良根
買虎左券無
憑

穷塘油并特從
博。欺罔淡世市
油埃悉固所求
証明固坦固丕
特至保買器趁
汝茄模揲灵爭。
瘡生跪新倍傍
外。憐悉也燭悉
成親買連新船
船皮杜浚請合

搥一作魁

作灵打

別獸別極別悉少牢
半捨奔猛哦臥骸兎
心盟吁決貝饒汝丕
困除撼渡器洞管爽
覓信戶薄卽時撼生
挾憐達桌沿靡燐香
過丕願歇城墮土公
訥慢夕礼絲紅結緣
順帳茂莢哭沔州台
薄生連饒尋坵每鼎

花箋記此生
似箇中身有
出異唯飛惡
斗效紅杏寫
桃花是風
情之客

拱茹行院習吟
貽孰定價皮末
鰻孰稅轎連娘
轎花達轆塘花
逐娘臥榭家堂
脫韞娘也別情
切吒丐數花桃
朽其麻嘖朱其
惜合浩也打替
洪鈞貝客紅裙

奔一作
挽

運一作
換

拱坊半貽拱孤奔孰
緱行淡也器進時奔
薄枕極薄劍塘朱賒
邊輶覽收保器倍傍
拱神眉鼻拱坊樓撐
鳴簞坤鑫拈命影高
捧器末吏緋飲如遡
才情之驟朱歪坦慳
麻朱璫吏物進余客
也槎旦世群運清他

古落饒原從
一著差

孟子文王身
十尺

舛誤言其輕
改掉言其易
黃巢詩半有
弓劍憑天縱
一掉江山尺地
維

呂自浩魄又番
頭撐缶罪情嘆
別身趨赴塊至
各駟邊沫腴清
歸伶吟燕眉蜩
堂又汶侍英豪
隊至蹙坦於茂
江湖怕趣提撻
戈遡眩省娘翻
帖名遙旦樓紅

四日相視
兩心相

丐身料仍自茄料移
膈紅坳遇姪時渚催
拱料麵粉朱未駟撐
倅兜固客边庭迎迺
酥軀翠黼身近梵高
棍拳欣飭畧韜嫌才
户徐滌海本臥越東
鏃彈姪梗嶽淹汶棹
胎悉兒女易漂英雄
仁边共剛仁悉共恹

徐云同知入院
以來無人入書
眼中有此否
翻云人言過
矣盆魚簪
鳥何自道

奇兒試金
有石擊鳥破假
銀人
唐不知肝肺
向誰是令人
却憶平原君

唐主亡飛
晉陽

徐浪心腹相期
剛數睽省鵬桃
沒裁特余英雄
娘浪歌吟遇空
跡贅拱發此鎖
群如飢釋器茹
徐浪堅明有情
吏低貼吏朱斯
疎辰量奇色客
穢傷靴肉花價

賢者自
界之詞
賢者不
遇之嘆
賢者不
奈何之
語
武批

沛歌腹過勿鳴能半
昧撐極底埃臥固空
哺之鮒招鵠簪麻週
身尼群監貼埃少常
別兜麻救肝腸臥兜
埃朱規拱潢淪在命
遣歌吏收勾平原君
倣信特汝非份能空
晉陽特覓還蟬固番
蚩身藏淖監煩最茹

金銀珠寶之類
 仙鍾寶閣權
 呂洞賓張果
 曹國白何仙姑
 李錫粉軒湘
 藍采和
 左傳齊教仲
 卜筮日鳳凰手
 飛漢桓元叔

眩壓皮意龍頭
 看朱現昧精花
 汝啞也別旦些
 仁迦意合心投
 事悉呼貝冰人
 庭寶析准清閑
 殊英雄奶婢娟
 婢舖香焙當濃
 韞為玉渡漠茫
 娘浪分媽野從

貨歐
 原膠
 新重
 韻別
 作蜂
 非

嘆浪知己貨歐余臥
 英雄別。神塵埃買襟
 閑鍾新駟拱男固僂
 欺親極路男求買親
 仁。真吏據原銀照。還
 達末七宝圍幔八仙
 匪願財。鳳牒綠騎蟻
 丈夫脫衣動悉畢方
 青嫌鞍取進塘酌寒
 扣超妻拱決悉呼移

上六

二女配黃帝李
唐均呈棄竟

晉溫嶠奉表
母止之宛極高
去莊鵬飛九
萬里編竹作
寇如梅花

軒湘遇叔愈
出牡丹花葉
一聯云雲橫
素嶺家何
在雪擁藍
關馬不前

徐浪心腑相知

已除近萬精兵

夕朱燭極非常

朋吟翠波空茄

打悉除妬也數

決堅利楔器越

娘自隻零窓梅

嬌蔡極登晒韞

兒龍罔黠梓枌

拙台萱椿椿椿

牢渚脫塊女兒常情

省輦。毗坦舉旌雲塘

困除些仕連娘宜家

曉強添絆別男孩兒

遲庄男汝哺茹倍嘆

愈遙。鵬便。也離。蹀淵

肅輸鄧又日棋杆還

靴高欣其柳蔭非分

塊圭曉阮還秦賒又

恥垂傷收別男固愧

親新而絲耗
以意對

寫別處寫

思處片三五
各別一様

全無筆架

章真是文
章無及藏

高手

武批

前賜新詩

祝異。近余輔丞
情台岫美斷強
緣婉油縵紅
則垂故國他鄉
翅鴻彩俸絕搗
脂時障仍陰恍
乞丞殺氣麻忙
凱愉屬几終迷
娘浪耀也限丞
群當用贖董魚

群番欺也腹瑄遙霜
西離萃意群王絲憑
埋番欺也所攬無忙
塘箕餒怒滾昂排
也病孤昧方丞濺
炤兵兜也暗了汶方
浩淹鯨鰐秩塘甲兵
吼娘喚暫另命畏堤
酉勦危險監移約誓
厦外也覽雲旗嗜錫

朝俗呼為朝
蓋朝刊大
夫之妻

敲朝言打
鼓号令如
朝中也

甲兵拮且逃
前
仁边近位將軍
宮娥彩女號
產床鳳輦
孕旗安藏蓮唐
火牌前路頭毛
拮旗壘發航城
炤命異。絲巾帶
其浪飢浩綠恹
英雄買別英雄

同声共嘆前
達鎮檣甲
浪明令旨連
花冠蚩虺
竹絲越。器
南庭駐動藏
徐公畧取親
笑群領。燕
妝墜。仍色
側貼。倣
意猪

詩南有樛
木葛藟
之

張野星馳逐
行也

斤湯以升

娘浪卧分涉疎
且悲除買賃低
共饒韞稱奇哄
席排賞將犒兵
榮花嘯吹風塵
中軍因。狀恆圍
欺無錫欺臨淄
壯身易色。匪羨
徐公賄。响始終
嚴軍撰。將產床

拱枚殘葛特收霽樓
麻悉色質仍駟汝在
欄珊術在帳梅叙情
暗。啖。藏陣吐。哇。樂軍
字情駟汝。添春汝駟
從容買計傳。駟寒微
坵時駟倒坵時忙傷
岫群恩忍堆塘渚反
不平汝陣同。又。靈柴
鄒旗汝令倍傍踰辟

三軍指旆旗挑

余馱負薄習其

吏差令箭傳器。

保管家妮覺緣

誓師計歇每座

道丞報復今時

軍中嫌賴絮戩

庭床齊整威後

帳拾翔冲中軍

先嚴截渚拯回

坊本害台漫

笑整術噤

切

史記長給大

劍安用毛錐

子南兵有德

有奇又披開

兩行也

見帳談天

道器無錫道臥臨瀛

點名追拿批術晦查

野握戶東汝茹朱安

拱差令箭枕信連噫

悉又共恨馱又抵威

攸。後。每。我。終術噤坭

術勸侍立奇外及披

博銅秩坦旌旗雲集

徐公鵬貝夫人共艱

點名標引直外朝轅

俗言慢如蠅
懷如乳

參詳最商詳
最陸机贈婦
詩形影參
商垂音信曠
不達女子不
敢与盜爭惟
老娼乃對手
也姜或作護
然殺人亦姜
也

徐浪恩怨堆边

娘浪閉。悵威灵

报恩未仕者讐

数。銘。燭。唱。束郎

娘浪姜礪。肝嫩

參商極院特從

錦綵綰鉤肝斤

嬌松尾怪精魔

蜺滿咀戰滑熱

束生韞輻閉睵

姜或作護

默娘處決报如朱明

唉吁报答恩情朱孚

徐浪役意底朱默娘

栖如藍靚命姜乳。懷

臨溜凱黠松群妝空

在埃訶監負悉故人

謝悉易称报恩噲罽

番尼几餘娼婆返饒

謀淩怛。者姜淩朱皮

蒲灰松也如滑激潭。

情皆代內快
 係縣管家也
 師長竟緣也
 花奴是向管
 家言濯泉
 是向竟緣
 言
 漂母飯軒信
 後以千金報
 之

悉質惻惻坤吟
 係縣師長次合
 繼和翔和朱和
 妝欺名兆侈携
 奸鑽噲跡札常
 仁歌壅和秦垠
 娘浪吁笑朕魁
 急傳諸將猷俘
 界旗鏐摔匣番
 賒。望娘也嘲諷

惻昏麻吏惻恍朱埃
 脫邊旦燭倍咄蓮蓮
 花奴箕貝濯泉拱碎
 徽鑽渚易却賠恥傷
 麻悉漂母余鑽朱斤
 姘份怯惻姘份惻慍
 貼朱燴和別碑報警
 吏挑各跡犯囚候查
 正名首犯銘罪宦姐
 小姐拱固碑吟旦低

新陽新志

句句理直武批
不死官姐而死
其母以甘心焉
不亦忍乎作
者故隱其事
款然余謂東
其心正可殺馬
豎三最不可殺
願天下深情人
試為思之或

彈妥易固余種
易拉弓腿紅顏
官姐魄落塊漂
浪碎出脰彈妥
朽朱欺閣日經
悉贅又拱敬腰
啐它酸役慈菱
看朱窖缶賊浪
他番時拱枚茂
缶悉知過時賊

酸作嘜
易拉一
作拱揚

害作
定

裝智余種茂尼余肝
強酸尊夥強冤債饒
叩頭界帳摠條斗歌
性惱時拱馱些常情
貝欺塊剗搥情拯曉
軼終渚易埃朝朱埃
群恹量波傷排市庄
坤頑旦墨吶能沛堅
夕番時拱番馱熟糾
傳軍令鄴帳前他阻

下

日為金銀馬
 可也奈員外
 翁何列桂俠
 妓傳良有以
 夫
 此天地間不可
 少之事亦不
 須足得之筆
 遍地皆是
 何可勝嘆
 阮批

謝垂樞櫓塹速
 娘浪弄又歪高
 市。罪。落。幸。落。妥
 秀。妥。貝。馬。監。生
 令軍傳。斬。開。刀
 舞。淩。脂。塹。散。情
 朱。能。閑。事。在。歪
 余。凱。落。惡。精。魔
 臨。軍。冬。栖。法。場
 役。娘。報。復。皮。末

剽。軒。吏。繇。沒。續。引。臥
 害。人。人。害。事。市。在。些
 市。罪。鷹。犬。市。罪。楚。卿
 各。賂。罪。龜。當。情。群。牢
 誓。牢。時。吏。據。牢。加。刑
 埃。又。鞭。貸。塊。驚。魄。移
 負。凱。拯。哺。欺。凱。負。些
 命。夕。命。紹。叫。麻。埃。傷
 青天白日。燐。煉。朱。隄
 覽。緣。倍。龜。咬。堅。辭。歸

仙人詩鶴
乘雲本无
定跡

娘浪千載一時
未低顛合還散
師浪拱拯包數
收鼎行脚方除
嗟朱會遇之期
買能前定拯咻
群教思姜貝僂
娘浪前定先知
禍包除固返歌
覺緣叩叩殷勤

故人屯易余欺盤桓
別兜鶴肉還片兜兜
酌醜輔吏返僂妬麻
返師三合本兜先知
辭吟兜沒女時醜輔
屯信條耀乙旺攸黏
機緣市屯歇兜倍夷
至師屯戕乙時拯差
為碎悵晦沒至終身
謝辭脫屯移頭埃外

刊骨銘心不
 忘肝腦塗地
 以報
 占翻傳天下
 得一人知己足
 以不恨
 本末路見不
 平拔刀相助
 乃英雄本色
 秦人現越人
 肥瘠不相干

娘自思怨撫抹
 謝恩襪燭徐公
 儘如靈靈番珣
 湛。髑。剖。施。掣。之
 徐浪國士習吟
 英雄嗜缶噲浪
 况之役拱攸茄
 拙娘群蚶双親
 牢朱罔墩沒茄
 倍傳撕席軍中

波冤羨缶鴻不泮。悉
 蚶身蒲柳前幪固剔
 尊賁如拮梗落睹移
 易枕肝脛坳姜丕運
 挨馱知己沒馱特庄
 坤塘欺覓不平麻他
 路哭深謝買哭知恩
 悲歎几越馱秦隔賒
 朱馱覓糲哭些甘悉
 罔兵疥將會同洗冤

勢如破竹
萬事瓦散

英雄譜衣架
飯裏何足
數也

一厲劍而天
地風塵強賊
声也

推轂命之撫
諭勦征也

新易詩

乘機竹扯瓦散	朝廷賫沒船丞	喙干慙挾渭沙	風塵破沒襠鎌	迎昂收葵邊陲	鐸旗埃監爭強	固官總督重臣	把車唧旨特差	別徐罟侍英雄	揀軍少斫招安
--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------

嘒重
韻

兵威自如。靈擱勦外
 嫌台文武。握堆山河
 縣城踏曙。甌座海南
 仍類架襖。襖餅詫嘒
 少嘒孤寡。少嘒伯玉
 甌甌椎據。沒方海瀕
 罪胡宗憲。經綸嫌才
 便宜撫。勦役外董戎
 別娘拱預。軍中論盤
 封書。鮐札。差官說降

三

卷之六

東身歸朝

羽衣束縛

獨言濁

左傳幣重
言甘是誘
我也

吏贊汝礼貝娘
信飲吸器中軍
汝珣醖孕基圖
拂身術具朝廷
襖襜江縠袂僂
牢朋贊汝边陲
櫛丕挾浩默油
娘時舌脰信臥
拷命栖浩翹蘇
朋吟紹省王臣

仁銘彩女玉鎖耕斤
徐公贊咲進分糊塗
閉數波楚淹吳縱橫
降臣鹽老分命罽兜
飲備罽僧公侯麻之
飭厄缶易少夷特僂
育昂市別連頭固埃
貼。醵吮吮眙唾易漂
缶醵流落吏醵艱屯
清又塘巧青雲狹夷

栢乃栢舟也
衛風比孤婦

平夫成地夏

禹功

唐可憐無

定河迎骨

唐黃巢名

進士不第遂

作賊

公私院奇仁皮

拱魁命婦堂又

連為浩界為茄

拯欣隻栢神淵

因欺盤箔斯賒

浪韻聖澤淮濇

平成功德閉執

聯自趨役兵刀

夕之底省術茹

牢朋祿重權高

寅茄未仕料術故鄉

姜囊肩麵炤煉媒吒

汝罪得孝仁罪得忠

衣提屏拭鼓雄浩沙

乘機娘買盤罌啖飯

梳罌缶泣滲飯缶淒

埃又拱隊連頭別色

堦甃無定缶高朋頭

辭輔埃固啗兜黃巢

功名埃剝垣市朱戈

或下之盟春
秋耻之

此句全仗
字

賄墜娘啞鰓麻
整倭接使倍傍
信墜城下要盟
役兵補拯拏扛
胡公決計乘機
措旗招撫先鋒
徐公啗頃別兜
胡公暗號陣前
當欺不意矣与
死生料陣前

芳攻徐買阻罌芳降
限期東甲決塘解兵
旄旗魚葦藏更雉長
王師陷也燦詳寔靈
札先兵后刻期竟攻
札倭攔路博銅伏斫
大尉札服罌投剗輶
貳皮發銳果迦措旗
捨親欺也沙機拱償
憚磨朱別肝連將軍

長驅也

氣諷欺也術神
 猪如砑豐如銅
 官軍乘芳逐魏
 納濠外壘散荒
 納錢族砑排牙
 哭浪智勇固乘
 緬市韞覽饒低
 用秋如澮干愁
 迨台冤氣相纏
 官軍几吏鼎戈

然又作猪又
 氣訓作

然又群峙博頭神屐
 埃抹極轉埃搭極移
 幽又殺氣電至埃當
 乱軍皮搥搥娘旦塊
 簞徐群峙神至猪牙
 黜醜至妾旦機會尼
 他料赴楚汶郭貝饒
 搥至娘拱招頭汶边
 娘皮伏鄴徐連我罍
 拙娘仕吏憤罍寅牙

引臥旦牒中軍
 浪娘出承紅顏
 征能成算廟堂
 悲除事也萬全
 娘強漢玉涿涿
 浪徐吳侍英雄
 信碑城過暄墜
 嚙吳夫貴婦榮
 融輜至波昂藏
 害勸計徂少功

胡公覓輜殷勤悔
 迄干兵革勢難拱傷
 駟功拱固堅娘買城
 默悉持袖岡吁皮市
 唆為買吸濕高事悉
 育昂至釐捫撻滅淵
 枕身百戰夕碑朝廷
 埃步沒人散晴骷髏
 脫枕命補戰場如空
 計色饒吏亦垂閉饒

新云以一杯
厚主掩其猷
骨立交頤足
失化袋二堆
黃土是充
家

只此一句無限
傷感思想當
日翠平翻玉指
上血聲都從
作者一枝筆
頭心血中出
來
阮杕

慘驗功凶罪虧之
吁朱淺土茂堆
胡公暄叨傷情
軍中翔席賀功
扒娘侍宴縣慢
沒宮恁憐。渭愁
蟬吟猿唳市齊
晦浪尼曲於兜
疎痕落命曲尼
宮琴撫仍駟習

鞋乘碎也賊料命碎
噲罟塔店襖臥死生
傳朱葉莖遺形边淹
叫啟絲竹會同軍官
拱醴吏押案。彈日奏
果練乳節舢頭荒和
律聰胡拱痼骨悚珠
暄罟罔惡新愁夥合
譜叙彈意仍駟群疎
麻剗落命悲吟罟低

情史

此翺所
以不死
徐海也

2581 - 2600

俗上哀羽絲
聖月王婿
之神

小書書差
平知生樂
焉知死悲

翁絲寔咏多端
轎花押齣蝦船
娘強塢柳派桃
灯身浩址泮泮
頭歪麵波冷汀
緣兜埃剎絲桃
身牢身旦世尼
也空別粧界慍
沒命嗟登耳塘
臨腰也擱嶽允

乾一作
光

車續牢害搗乾搗杆
其慢揔濕荒烟挑高
募份市固份市份鮮
劫功吒娛舌裁聰明
捻髑別吸死生准市
嬾兜埃俸攢臥美坭
群髑市拱餘髑意催
肥身市別舌末界傷
催時湮玉散鎖時催
沒命隴仍峙甍緒双

蓬船蓬也

潮兒接嘴同又
 收至神夢燿煉
 淡仙娘咏固能
 界烟產幅箋花
 刺蓬倍翔簾珠
 浪徐公厚待些
 殺蕞麻吏祀馱
 催時沒蕞朱末
 韞撈現若溪濛
 土官蹺樾倍傍

要作自

晦畚買別浪淹錢塘
 尼催歇却斬腸界低
 限些時沛。界尼連些
 沒篇絕筆噲界底斫
 歪高淹穰沒牟包界
 蚰為役落麻畚負悉
 極市麻吏。峙。酌。癸。茂
 船悉付默連歪界淹
 挑命招畚神浦長江
 時它漚玉沉香過末

傷与害对坊
害非

傷台拱沒劫馭

說十五年共四

仍另冤苦流離

筆此作者後束

近森輔閉饒各

之語下自昆流

茂馭旦芳時催

屏拭祝進森

余馭孝姜智盼

輔乃翻自慟

覺緣自節嗜娘

之語仍罪習刑

返姿三合道姑

約最初進森

得牢孝姜睹塘

辭意別台饒

師浪禍福道至

情乃妹雲勸

在。至麻拱在些

合之語計自

別

竟止矣

過脉生
出餘波

亦妙
阮批

以後出
夢

害台粧樵色才少之

除朱歇却群夷男身

夕刻朱客紅裙此燭

納機陰極陽回坤能

吞少之旦馭強傷

切瓢掛篋穰塘雲遊

從容晦歇弛蘇事娘

劫牢逸仍斬腸世催

檜源拱於悉得麻罽

脩男檜福情男縛冤

本末翠翻因為
 情役遂成苦境
 金屋之地不敢
 人留斷腸之
 天往又使驚如
 花債苦受兩
 番青衣罪深
 經一案小共內伴
 虎狼之魔君
 波浪中供魚
 龍之官長食方
 能消此劫
 永腥京作水晶
 炤上句則盛
 且与碎喉二字
 對未整杜詩
 魚龍寂寞
 秋江冷永腥
 是

翠翻色巧坤頑
 吏提襖沒特情
 丕賊仍在從容
 魔逐坂鬼挑塘
 歇難意旦難箕
 冲飯槩掙鎌陳
 冲泖浩汜潯淮
 冤箕號買貝情
 夕朱鞋墮楚落
 覓緣瞋吶用移

無緣男分紅顏也
 打壘又命紉襖命臥
 於空安穩難空危
 吏尋仍准斷腸麻
 青樓仁紉青衣沒
 各拱鼓拾狼咬身
 碎喉嚨領蠅鉗招
 饑永腥沒命又
 紹沒命又能
 斷腸朱歇劫尼
 買催沒花娘咏
 傷喂群夷

二句双对上情深
 子也下情深父
 也上没馱如馬
 秀頰下没馱如
 東家管家即聖
 徐海被害而人
 免刀兵亦是若
 作救因馱則獲
 且昭下句未貼
 对上句不整勿泥
 本斗掉一草字
 後渡之以續前
 盟亦福田中一
 也
 聖嘆云錢塘以
 后女禍補天

師浪双拯兮之
 燎鞠罪業翠翻
 杳情深者情深
 害没馱救没馱
 所功德意埃朋
 欺賊丕拱朝馱
 覓緣油收姜儵
 耀茹朱院没丕
 覓緣瓊吶惻恚
 打箏咎鯀草堂

下没在

業緣找吏斤。多群骸
 撫條情愛塊條邪淫
 半命也動孝心旦丕
 別塘輕重別丕沛庄
 夙愆也沼凌又瀝未
 弭義嬭耀坤賠緣茹
 錢塘且没笈革追馱
 緣些麻拱福丕之空
 鄰界尋趣边淹錢塘
 没間浩碧遠鎖玢堆

之說字又五者
右也然此曰沉
人知其烈而
漁父之救草
庵之歸安知
非竟緣秘之
况胡已合至
首而重與之
再合何敢張
其事乎天道
好还性又如是
有其事然後
有其文有是
文即為有是
事諒真看之
可也
黃梁夢也
救臥勸降
也

脫輜漁父合臥
沒悉詫。管余功
翻自招。竈溫銀
漁翁結。經越臥
連敝冽。沫楔綆
覺緣聰。舌極娘
慄忙魄。桂塊梅
浪碎也。固悉除
姊牢分。滕福靡
恥悉。也透旦丕

下劫一作
悉

揀船直渡。結繻扛淹。
窖台返達。拱訥轉運。
渚浹俸也。潘寅羨坭。
綿喇三合。燐迤拯吡。
酉。滌唏渚渚。螺零剗。
娘群帖。又戕鑽渚派。
淡仙脫也。賃臥訶智。
埒功迤。余輜乘於低。
劫智也。丕劫。尼易埃。
半命罪孝。救臥罪仁。

湖見疾仙云
斷腸會昨已
除名勅賜詩
今當奉聖
使妾在時教
年

沒念爲浩爲民
斷腸數梓嘉器
群鰲享受術類
娘群魚董別牢
逸命脫醒耿梅
勸船市覓淡仙
覓僂惘招森皮
茂茹終乍最暑
哥。皮八各冥蒙
難智拙漚漏夕

陰功拮沒銅斤也捺
斷腸疎沛遙麻者僂
緣智瞞陣福類堆騰
濯泉瞋省噲臥边聰
水傾市也別埃麻聰
边命只覓覓緣甦其
植船買連娘術草薑
恣腹沫糲齒茶齋恚
胡豈最最速篋燭茹
緣智渚易別兎准尼

佳詩詩人面不
知何處去桃花
依前笑東風
此時空梁落
燕泥

餒娘災難在落
自鼎因跌扶喪
倍通園翠啖嘔
落園乾木盧疎
嫖新市僂羣臥
立吐燕脰梁空
勝墻菱蓉木落
終迷潮汽如何
側僂因几迎迎
每翁翁撫訟庭

餒松金重困遲買傷
舛辭於坦遼陽更茹
聰貼風景降它恪習
窓選曼埃壁滑也移
花挑解外群哄蠢東
點攔麵坦蔡封躑鞞
移術尼仍境尼解誓
餒念心事悲除晦埃
鄰界仕晦沒合事情
晦娘娘色半命救吒

忽如半天
霍霍

如詞如張紙
也花箋倫思
命落如張紙

新易新書

晦茹又也移賒
調男沙率庫巾
條兜點打散歪
晦。噪。移住坭兜
茹箏壁坦左哉
沒隣坦結湑渭
打料蓮啗外墻
攢廂倍連臥茹
哭嘆計歇念西
翻兒分勝如詞

坦作
往

晦松王貝共男翠雲
絨晚日霞劍安各回
吮睡松吮用移掣包
劍塘松買尋臥美坭
華揸簾濕竹拱藩疎
強噉啖餒強魚董豕
松王睡啗倍傍趨罍
厦務習貝外翁妥罍
松喂別餒諾尼朱猪
沒啞龜磊遠絲貝松

坊作割垂
底施

返千家變迨羨
用浪欺跳真番
啐空礮貝卽君
會異者蚶美馱
劫尼緣也負緣
余堅記註丁寧
分牢薄余翻兒
翁要強吶強疥
勿命泥愈滌湄
疥喙段亢喙催

半命飯沛尋塘救吒
極暮所餒引旺果吝
慢昆婉飯翠雲昏啞
情尼弋又閔茂潜緝
夜臺群別吐地來生
吸悉底吏拈命番劫
松金術妬猥時劫兜
松強暗吶強油如奈
淫濕漢玉矧柴塊梅
醒番吏哭又末吏迷

忍步京語
忍心志淚
也木已成
舟人已去

寬扣疥饒別離
碑除板屯棟船
遇傷跡美切撻
吐叮勸解暮朝
誓初拱旦金環
生強齷寬強傷
浪碎碎呂。填罽
共饒誓說屯鰲
猪襖襖拱嬌軼
包饒貼余鼎唐

辭作奈
非

忍步翁買撫術鮮喇
屯叮分藉坤坳情鍾
疥鑽身意易嘔補牢
炤煩強拉強挑每煩
貼初吏拱旦彈貝香
肝強息最脾強怵沙
底朱旦饒溜花漫戴
仍條鑽礮沛條响室
垂市麻媼剝垂朱當
群碎又汝返娘買催

磨淚為墨

輪亦金也

楚市和哭於

山中淚下皆

血情幻張

情類離魂与

王宙交唐人

作離魂記

餒傷咽極歇

倍術撕准園花

晨昏樹此礼常

丁寧礪淚卻書

別色功體貼晚

孰沒泥晦沒泥

生強慘切渴瀉

脾蚕鼎沒瘳暗

矧疎眈醒眈迷

椿萱怙悖掣牢

謝辭生買淡沫批器

連嘶員外翁晏共迎

養親昏此悉娘鼎初

割孰尋噉遙詞怒嘶

臨清余度移術蹊淵

溟濛市別波至坭光

如爍肝鉄如炮悉輪

雪霜鼎沒耗痢命螭

舞曉落相魂離占色

過器欺旦世市麻能

新賜詩

應上囑雲
妹之語被
搥其声折
開不成曲調
也或云慙
負也披上
声讀

倍傍搥札撰駟
臥窈窕客文章
雖浪慍得于歸
欺安於叕畚飢
餒娘收旦色除
固欺永脉書房
披搥咄吧省絲
羨如边厓牒塘
黜悉鑿移範鑽
仍号煩罔脂駟

同望一
作仕像

綠雲最色車縷朱松
粲才奶色春當皮時
慍尼色格愁箕特市
強歐綠買強滌情碧
潞珠嗽陣紆絲暮鐵
焯妒香拱泥桐駟碧
沉彩棘煨慍逸株簾
省嬌同望霽枯憐忙
想娘軼吏寬娘術低
春秋別色樹售余各

宋趙抃出
即一琴一鶴
自隨

制科返會場文
制丕穰翔塘選
私王牧旦賒斯
情智恩者姜垞
金自弭批青雲
意埃明。玉誓鎮
葛。蘇鎮萍落頌
哪番外仁臨淄
琴堂駟胸清閒
肺。春帳揔花桃

王金共占榜春汝駟
花嘲圻杏香影蹀粉
迎茹終老謝恩周全
加親吏買結緣朱陳
餒娘強抄賒斯強傷
悲睽金馬玉堂貝埃
抄命柴頭傷孰流離
閩山疥癩妻兒沒團
晨号啕鶴啖彈逍遙
娘雲隔俸占色覓娘

些俗叻吏
花箋記一竟
唔曾學過
娘

醒番買學共松
怒臨清貝臨溜
訥機声氣相尋
弁堂松買晦查
事尼奄外進年
秀晏共馬監生
翠翹色巧埃皮
堅貞拯沛肝皮
風塵紹奄鹽嘸
沛翔嬌奇損傍

瞋罌松拱台塘信号
恪僥汝狩或欺固琳
於低或固佳音庄罟
戶都固几吏榛陳蓮
碎它別極別牒伶又
固模馱於北京逸術
奄藝彈吏瞋足藝文疎
料命世意沛駢世箕
絲綠黏吏車術束郎
扒術無錫算塘撒花

塌命娘沛遁罟
 脫奔術脫半移
 俸兇吏返沒馱
 勳弼迤萬精兵
 還絲各跡每欺
 屯城固姜固仁
 双群渚別戶牖
 瞋堅都响燿煉
 餒娘晦歇分明
 東浪返眈乱離

軼上作
 英雄眈
 意

拯枚吏返沒廿如落箕
 還潘蘇安少喫罍坭
 欣茂智勇迎丕威灵
 拈術棟秩沒城臨溜
 惡時者怨恩時者恩
 燿茹論院賒斯議嗜
 事尼晦束生員買詳
 即時迤帖迤松束生
 軼羶兇佐姓名罍喫
 勳軍碎晦少喫還絲

雲夢地圻俗語
消息茫又也
一說形影也

隻夢木葉水
也范文正詞綏
又墜葉飄香
砌唐落花有
意隨流水

大王銘海戶徐
返娘時於州台
握撻勳閉饒年
大屯軍棟埃東
賄詳梗阮消耗
怵台隻夢巴爲
花號諾仕秋洞
壓智也磊閔萬
彈琴害董魚縵
萃蓬群儿賒吹

京作事
功世市

打怕慕陣飭餘閑臥
追喫國色天才沛銀
夕戰動地驚天同又
術黏拯別雲夢少牢
悉贊松隨勞刀矧蝮
却夙塵擒色除朱双
怵身沉後病悉合散
猛詞群妬技彈羣低
炤香別固劫尼女催
鼎鍾牢認晏甦朱安

吐懷撫印辭官
 鎮命勦盡干戈
 吏咏丕濟域
 仍罷振那待信
 融遷俸寬詔丕
 金時改任南平
 截生車馭倍傍
 侈眩芳賊奄散
 特信金買屢王
 杭州旦如閑除
 自駟最怒交兵

余施拱振余岸拱坡
 臥生罟死禍罟寬饒
 羣鳩沁鮮別堯麻聰
 曝涓別奄余番樹移
 欽頒敕旨細坭伶伶
 王時拱改任城隍陽
 仁茹拱順茂塘赴官
 弄淹福建昭殘浙江
 便塘共吏尋娘茹智
 舌信晦特遷絲伶又
 失機徐奄收灵陣前

情憾詩玉頌
珠沈思悄然

荒潮潮水上
如銀山也如
興府志錢塘
江上潮水重
登前為子
胥后為文獻
炎帝女溺死
化為精衛
石埭東海

娘翻功奇拯
娘它招玉沉
傷喂空合麻
招魂設位札
荒潮藏鉤重
情深被慘迢
機緣兜棒迢
離蓮靈位符
貝娘親戚財
賄信御落用

愧
擡作

令軍吏扒押緣土前
淹錢塘姑意墓紅顏
沒茹榮顯贅冤沒娘
解冤立沒法場邊淹
擡離群想翹鳩吹招
市魂精術別號准市
覺緣兜棒尋臥細泥
失驚倍。悔仍臥兜些
臥群牢棒夕魔哭臥
森迷計吼。噓空晦查

鼎治自日也
前治声对也
言与翻日相
親近同訓
家事也樹
葉薛林言
自翻去家
而後

尼𦵏尼𦵏尼𦵏
舌信𦵏𦵏𦵏
師浪因果貝娘
欺娘招玉沉珠
其饒娘𦵏苦提
伏前𦵏𦵏𦵏
𦵏信𦵏𦵏𦵏
自香隻𦵏離棧
燐𦵏花用香𦵏
冥陽堆我𦵏末

尼𦵏𦵏𦵏尼𦵏𦵏
法師𦵏𦵏𦵏𦵏
臨溜𦵏𦵏𦵏𦵏
述饒𦵏𦵏𦵏𦵏
草庵𦵏𦵏𦵏𦵏
𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏
𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏
𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏
𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏
𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏
𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏
𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏𦵏

莫个相对如
 夢寐
 既批
 言袍為淚所
 枯卷乃淚之
 多或云港
 袍袍子耳

共饒拜謝覓綠
 披萃拍靴尋多
 迷孤曉櫺江津
 覓綠蓮省噲娘
 眼貼雙栖沒茄
 仁施方長和仁
 想悲除罪色除
 淚珠聖說倦袍
 招命界噲萱庭
 自現流落圭凱

步行沒優曉連沒欺
 情深墮笑孤与群份
 塊棱萃也細憐伏堂
 縫勳娘也倍傍毗罽
 倦蔡群哇萱爆群鮮
 怒松金姑罪凱聖誓
 憎煉翔相群与占色
 惘又粹又掣牢罪情
 哭嘆計吏事命頭離
 歡溜弄拭祝進森彌

獸東語指
低也

并浪淹浩洁淋
翁晏鯁極拚孤
困遲恃月油花
餒惘別施之介
仁燠晦嚮率茹
揀僥樞牒低莖
轆花逐啖卽時
短浪蚶分花沫
并浪極滯。頭運
特剎再世相逢

劫尼埃吏群拚返低
容光庄恪之弱耽罍
近份春固瘳臨罍份
吞散合傳賒斯少兜
埒瞿松拱阻愁少鮮
再生陳謝悉儼慈悲
王翁吡連共術沒塊
姘茂唵腋每味蒼夢
悉市群想固曷女空
渴瀉也妥胎悉執屏

古寺碑文心
大息滅

也挑命補庵遷
味禪也懷幽茶
事茂也熄炤悉
拱揚市固能夷
重生思礮波丕
翁浪彼此一時
沛條求佚求仙
度生如德高靜
眩丞娘沛朝悉
沒團術旦公衙

歲尼吸貝鞞棲拱皮
牟禪喫襪也恹梳櫟
群羴臥在塘紅夕之
也脩又啐戈時又催
悉市怒悉美臥器按
修行時拱沛欺從權
情箕孝怒埃圪朱低
立庵未仕連柴於終
嗜師嗜景調共跣罽
團圓倍翺席花慍園

翠雲此同言
語誰教他
來武批

徐方言與樂
昌公主因亂破
鏡相別後以
寶鏡復合困
視天也言天
已儲待之也
詩梅寔三兮
七兮言女及時
也桃夭女宜
家也

藏又戰菊拱醒
浪軸作合機歪
返于平地波濤
拱男分葭綠金
仍男易約最吻
悲除刻碑吏簪
群綠枚吏群馱
果梅點黠當皮
樁啞娘倍拔接
沒啞雖固約智

伶底伶
也作打
已定有
所也

峙連雲買熗排沒仁
堆邊返擇沒啞結交
沛枕綠姊紉臥朱掩
拱男帶吐脾綴溜牢
近森楠意別色饒情
困戾駙潞屯伶固坭
群彙肢顛群啞願智
桃嫩畝料車絲及時
事暮輔黠計之悲除
燦命熗燾油溜屯藝

物換星移
幾度秋王
勃詩

最初京語
早時也

吶強虎惜暮朝
松浪响害。迢茂
汶墜缶啐深交
酉浪物樹辟移
緣箕固負之命。
娘浪家室綠諸
持浪勸道嬌馱
梓貞當價旂鎖
妾自遇交旦睺
閑迤憇匝渭沙

他朱阮踏水潮沚次
酉悉箕丕辟墜意牢
耶賭固坦達高固吞
死生沛與樞墜死生
麻算杜梗鍾情少仁
舛悉思愛埃夕拱悉
花貲封藍腴錢賄刻
燭花極惜貝松最誓
蟪戈蛭吏缶乘醜車
余腴拱缺余花拱殘

言夫婦而改
為朋友也

金重解出貞
字真翻知
已也夫心迹
及貞尚矣世
有心貞而迹
不貞亦有
迹貞而心不
貞身得人
人而知之
武批

群嘆異可紅顏
持命拯虎命半
奄能松礮為情
自勇怯剗臙秋
松油持旦斯賒
响之結還車絲
松浪害响鍼墜
習膠韻道彈笑
固欺變固欺常
如娘祖孝少貞

奄双身世群算餒市
監執塵垢預臥布荆
經花烟拯憐命鬱油
拯脩時拱如脩買罍
枕情琴瑟樹番琴棋
奄恤奇脾吏滌奇棖
麻韻鑫沛固臥固此
字貞箕拱固匹點羨
固權市沛汶塘執經
培市朱濁特命意為

四句作一氣
讀散霜
下化錢氏
遠隔下腹
殘唐從此
羊郎是路人

言自挑枝得
欽時至今十
五年坊均作
蓮年非

五群底固最矜
花殘麻吏添鮮
固條之女麻子
眩杓叨在歌條
歇。唾。坤。壘。樾。唾。
團。圓。席。翔。茹。蘭。
共饒交并沒茹
洞房迢迭戰塢
仍自蓮阮桃絲
情緣意合散尼

散霜頭坪援逮卸歪
肢殘麻吏欣近森智
客戈塘底噴响松蕭
仁親時拱決曉沒排
醴頭娘仍婢戩咀嘆
花燭阮燭紅扛幅羅
礼它躋是礼堆它称堆
冰傾緣買吟噉情習
迮森喃買悲睽男低
悲歡余餒膳迟肢高

讀至此方稱翻
之貞然翻之
貞當於平康
流落時看之
至此則家得
意之事箇个
榜樣以自己
貞只可謂翻
作態耳雖然
能稱翻貞亦
不多如得或曰
王孫公子自
是慣見昔時
矯怯筆意不
復置在服冠
哉 武地
言是非愛
妾也乃仇妾
也

更号幅錦揔緇
情人吏返情人
娘恨分妾也打
朽松美媚情詭
質惡龜懣彰台
仍如歐厭錄外
吏如仍遺臥些
等罟捩懣排啖
臥天些醜貝臥
朝茹油并術茹

那烟榛樣鴈桃添春
花絮蛭。鴈近。分鍾情
固少之女丐命補趁
朝惡噲蚰。唱隨熟枚
共它栖憚眉。駭庫曉
群算翔栖貝臥朱戈
相。香界坦披花驛務
群情兒女罟。離帝催
天饒時吏朋近負饒
時群媼妬路求姊低

將貞群夜出尼
 群醵思愛慎夕
 弘浪浪啼夜至
 忙臥流落閉數
 共。僥生死也料
 澄春絲柳群擗
 詞請極出培塵
 悲歎底波濶金
 埃方吏合沒茹
 聒坐撕襖棋簪

拯杵朱凭認。踏朱散
 能嘆嗟焉。花殘麻邇
 倅空舛浩鵠至召僥
 想誓說礪械。疴疸醵
 返僥群少。閉僥芳情
 持浪清脫塊錄爰思
 沒至決罕閉份敬添
 罟醵鎮砂浦尋膝花
 路罟模禮貝罟瑟琴
 叩頭禱謝高深新重

激濁揚清或
作淫濁滑精
亦通

二人復入修帳
百蘇候娛只
不言雲雨事
此翻金即易
亦文章三昧
自元批

寫胡所彈已
五象一房有
展情景准
得難得
武北

身殘梓濁捫韞
余堅心腑。脾襟
露雯繹繹少之
脫催孤吏於孤
添爆架綴香甌
情習涿溯坤寒
娘浪為余塘綠
安懽時事奄未
浹彈迢迭孤何
曲僂几潭陰陽和

吳如君子恰悉孰些
相知羨意買罪相知
暮辭名節拱為臚臚
強天為惶強醜為情
共饒吏吼戰琮交氣
從容吏嘔莠彈報如
怖孰朱旦悲除買誰
你悉孰猶邪登寂香
愧沉高濕嗜絃斯餘
意吳蝴蝶能吳諸生

唐錦瑟詩莊
生曉夢迷蝴蝶

蝶蜀帝春心
托杜鵑滄海

月明珠有淚
藍田日暖玉

生烟

翻云君有官
守妾有婦
箴此後不可
復同

次自起來金
重以事說
雲又對父母
說大家贊
嘆不尽

曲兒淹愛春情

韞牢珠泚湓娟

律聰眩拌齷宮

私浪譜意無市

傷。恆黜在悉尼

娘浪為此藝遡

沒番知已惘。饒

傳啖渚泮遠絲

情質私吏响柴

朱能淑女志高

月也

注見上

意塊蜀帝能命杜鵑

蔭牢曷玉藍田買冬

啗市男拯惻懷叫噶

智牢愁慘矜牢恆固

能男苦盡旦甜甘來

斬腸啗意害駢閉執

縋縋自如。術黏拱除

鵲皮。嘅創歪皮燦東

沒茹埃拱迨透嗜旁

沛駢曷樓最桃如埃

三生石上首
精魂

情史誘悞
回春夢
鵲

台情院殿和台
欺戰醺欺局棋
生龜匪近願
收堅立汝庵還
旦塊揀剗棋杆
師它採策方賒
碾為岫菱閑數
汝茄福祿嫌亡
承家拯歇娘雲
風流富貴埃皮

俳京語
注上

拯訥禎禎拱外琴詩
欺貼花安欺除腹蓮
緣堆侶拱界緣伴俳
差馭親信連榮覺緣
素企技額靴蓮履茹
蓮衫鶴另別界尋兜
連庵掇野香油散校
軒輔弋弋官階各夕
汝樓樛木汝隣桂槐
園春汝剗底碑閔花

此翻所以施落

此翻所以圓武批

聯台以事拙至

机風塵沛風塵

固兜偏為馱市

固才麻悵之才

龜花袍業臥身

善根於在悉些

啞圭批扣容幾

金雲翻傳終

成泰十四年歲

壬寅

共

丕箕龜扒少馱固身

朱清高買特份清高

幹才幹命惟機奇仁

幹才連貝幹災救韻

拱君責客丕斯丕賒

幹心箕買朋匹幹才

模恆拱特汝弄殺更

共一千六百二十八聯

中元後一日抄畢

蕉山識

MAI ĐÌNH MỘNG KÝ

NGUYỄN HUY HỒ

TIỂU SỬ NGUYỄN HUY HỔ (1783 – 1841)

Nguyễn Huy Hổ, húy là Nhậm, tự Cách Như, hiệu Liên Pha, người làng Trường Lưu, xã Lai Thạch, huyện La Sơn (nay là xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh).

Ông là con thứ của Nguyễn Huy Tự và bà Nguyễn Thị Đài.

Ông nội ông là Nguyễn Huy Oánh (1713 – 1789) đậu Thám hoa khoa Mậu Thìn, năm Cảnh Hưng thứ 9 (1748) làm quan đến chức Thượng thư Bộ Công.

Ông ngoại ông là Nguyễn Khản (1734 – 1786) đậu Tiến sĩ khoa Canh Thìn, năm Cảnh Hưng thứ 21 (1760) làm quan đến chức Tham tụng tước Quận công.

Hai bên nội ngoại đều thuộc gia đình dòng dõi khoa bảng.

Ông đã lớn lên trong cảnh vinh hoa như vậy. Nhưng tới năm 20 tuổi ông thấy cảnh binh hỏa, triều đình suy đồi và giang sơn đổi chủ đến hai ba lần nên quyết định không đi thi để ra làm quan. Anh ông là Nguyễn Huy Vinh (1761 – 1818) cũng nổi tiếng hay chữ nhưng trước thời cuộc như vậy cũng đã về ở ẩn tại núi Chung Sơn.

Chính ở nơi này, nhân một chuyến đi thăm người anh vào mùa xuân năm Kỷ Ty, dọc đường bị mưa, Nguyễn Huy Hổ đã trú lại tại phố Phù Thạch và đã có dịp làm bài *Mai Đình mộng ký*.

Ông không những có tài thơ văn mà còn tinh thông cả thiên văn và địa lý. Chính ông đã tìm đất để xây lăng cho vua Minh Mạng. Điều này đã được minh xác qua tờ sắc đề ngày 12 tháng 10 năm Minh Mệnh thứ 20 (1839) trong đó có đoạn viết: “*Bộ Lại kính theo thương dụ ngày mồng 6 tháng này (tức tháng mười) cấp cho sĩ nhân Nguyễn Huy Hổ người Hà Tĩnh hầu việc đã lâu, được thưởng 20 lạng bạc, chuẩn cho theo giấy cấp của bộ để về quê thăm nhà*”.

Ông còn giỏi cả y thuật và đã sống bằng nghề làm thuốc. Chắc ông phải nổi tiếng lắm nên mới được vua Minh Mạng triệu vào kinh và có thể do đó mới đi tìm đất cho nhà vua để xây lăng. Tiếc rằng đến nay không còn một tài liệu nào ghi chép lại hành trạng của ông. Gia phả chỉ viết có mấy dòng văn tắt nói

ông lấy vợ, bà đầu tiên tên là Lê Thị Hậu, cháu gái của vua Lê Hiến Tông.

Sơ qua vài nét như trên chúng ta thấy rằng ông đã được sinh ra từ một gia đình khoa bang danh gia và ở một vùng đất văn hóa khá cao, nơi có *Thư viện Phúc Giang* do Nguyễn Huy Oánh, ông nội của ông lập ra với “mấy vạn quyển sách”.

Trong điều kiện như vậy. Nguyễn Huy Hổ dễ trở thành người tài cao học rộng. Tiếc rằng ông chỉ để lại được có mỗi một tác phẩm là *Mai Đình mộng ký*.

*

* *

MAI ĐÌNH MỘNG KÝ

Mai Đình mộng ký được viết ra vào năm Kỷ Ty (1809), sau ngày khai hạ (mồng bảy tháng giêng) nhân một chuyến Nguyễn Huy Hồ đi lên chơi Nam Dương để mừng lạc thành nhà học của anh ông là Nguyễn Huy Vinh ẩn cư ở núi Chung Sơn.

Tuy chỉ là một bài *ký* nhưng câu chuyện lại có lớp lang gồm các phần như:

1. Cuộc xem đèn ở Phù Thạch;
2. Chuyến đi thuyền ngược dòng sông Lam;
3. Mộng đến Mai Đình;
4. Gặp thiếu nữ đề thơ;
5. Họa thơ thưởng mai;
6. Dạo bước tìm người đẹp;
7. Trao thư cho tiểu hoàn;
8. Được mời vào hầu chuyện;
9. Phu nhân khuyên lập công danh;
10. Tỉnh dậy tay không.

Tất cả các phần ấy được viết lại trong có 282 câu lục bát (không kể hai bài thơ xướng họa theo thể ngũ ngôn).

Mai Đình mộng ký được viết ra cách đây gần tròn hai thế kỷ, thế mà chỉ được xuất hiện lần thứ nhất trên tạp chí *Thanh nghị* số 32 tháng 3 năm 1943, do Hoàng Xuân Hãn phiên âm và do Dương Bá Trạc chú thích các điển tích.

Bài *ký* về sau được in thành sách do nhà xuất bản Sông Nhị ấn hành năm 1951. Lần in này, Hoàng Xuân Hãn có tu chỉnh lại phần phiên âm văn bản căn cứ vào ba bản *Mai Đình mộng ký* mà ông sưu tầm được và Nghiêm Toàn đã chú thích.

Năm 1997, Viện Văn học và Hội Nhà văn có cho xuất bản quyển *Nguyễn Huy Hồ với Mai Đình mộng ký* do Lại Văn Hùng phiên âm, dịch chú và giới thiệu.

Bản Nôm in trong sách này là bản do Mộng Thương Thư Trai sao lục hiện tàng trữ ở kho sách Hán Nôm dưới ký hiệu AB.632.

Nếu căn cứ vào năm tháng ghi trong lời tựa thì bài *Mai Đình mộng ký* được viết từ năm 1809, sau *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự và trước *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

TỰ

(Phiên âm)

Dư văn chi hữu đại giác giả, phương hữu đại mộng. Vi tai ngôn hồ! Vi tai ngôn hồ!

Phù! Đại nhi thiên địa chi chung thủy, tiểu nhi nhân vật chi sinh tử, viễn nhi cổ kim chi thế biến, mộng chi giác dã. Phù như thị, tắc sở vị mộng ảo giả, trần giới giả, nghịch lý giả, hành khách giả; tư nhân dã, khả dĩ ngôn mộng dã dĩ hỹ.

Mai Đình Mộng¹ ký, ký mộng dã. Mộng chi tiểu giả dã. Tiểu tiểu mộng tất hữu tiểu tiểu giác. Dư thường vị chúng nhân mộng dã, chí nhân giác dã. Y! Dung cự tri ngô chi sở vị mộng giả, vi phi mộng da? Dung cự tri ngô chi sở vị phi mộng giả, vi mộng da?

Thử Mai Đình chi ký sở dĩ tác dã.

Kỷ Ty xuân, nhân nhật hậu, dư hữu Nam Đường chi du, khánh ngô huynh Chung Sơn học xá thành dã. Đồ trở dĩ vũ, lũ vu Phù Thạch phố chi nghị quyến. Quyến vị chi mệnh chu yên.

Nhật tương tịch, tố lưu Tây thượng, Thanh phong từ lai, thái không vô vân, minh nguyệt tại thiên. Mệnh đồng tử cử tửu tương chúc. Xuân sơn chi yểm ái, xuân thủy chi lục ly; xuân quang, xuân sắc chi nghi nhân.

Duy tri phù xuân du chi lạc vi khả túy, tăng bất giác phù túy nhi hữu phiên phiên nhiên chi thụ, thụ nhi hữu phiên phiên, cừ cừ nhiên chi mộng giả da? Kỳ lai dã nhược vô, kỳ khứ dã nhược hư. Đãi dĩ phong lai sơ trúc, nhận độ hàn đàm, đồng thị nhất ban, vô hạn lý thú! Mai Đình chi nương tử, thần tứ phiêu nhiên. Thư các chi phu nhân, từ khí lẫm nhiên. Nhược nãi diễm như đào lý, kiên như tùng bách, nùng như thuần giao, đạm như sương tuyết, thiên thái vạn trạng, phi bút trát sở năng tận họa. Dư diệc bất giác kỳ thần quái chi như (hoặc *nhược*) tư.

Hu ta hồ! Phương kỳ Phù Thạch quan đăng thời, sơ bất tri kỳ hữu thủy nguyệt chi du chi thời, hựu yên tri kỳ hữu Mai Đình Chi mộng!

Kỳ mộng dã da? Kỳ phi mộng dã da? Duy đại giác giả kỳ chính chư?

Linh đài lang NGUYỄN LIÊN PHA trước.

1. Nguyên trong tựa không có chữ *mộng*. Hình như nguyên tác giả gọi tác phẩm mình là *Mai Đình ký*. Nhưng sau thêm chữ *mộng* cho rõ ý.

TỰA

(Dịch nghĩa)

Ta nghe nói: người có *giác* lớn mới có *mộng* lớn. Lời nói mầu nhiệm thay! Lời nói mầu nhiệm thay!

Ôi! Việc lớn như *chung thủy* ¹ của trời đất, bé như sinh tử của nhân vật, xa như *thế biến* ² của xưa nay, đều là giác trong mộng cả. Như thế thì, những kẻ gọi là mộng ảo, gọi là *trần giới*, ³ gọi là *ngịch lữ*, ⁴ gọi là hành khách, mới có thể nói chuyện mộng được mà thôi.

Bài *Mai Đình mộng ký* để chép mộng. Mộng ấy bé, Mộng bé bé, ắt giác bé bé. Ta thường bảo kẻ *chúng nhân* ⁵ mộng, kẻ *chí nhân* ⁶ giác. Há biết đâu là kẻ ta cho là mộng lại không mộng hay sao?

Vì thế nên bài ký *Mai Đình* này mới làm ra.

Năm *Kỷ Ty* ⁷ mùa xuân, sau ngày *khai hạ*, ⁸ ta đi lên chơi *Nam Đường*, ⁹ để mừng nhà học của anh ta mới dựng ở núi *Chung Sơn*. ¹⁰ Đi đường bị mưa, trú lại phố *Phù Thạch*, ¹¹ ở nhà bà con. Người bà con thuê đò cho ta.

Trời gần tối. Ngược dòng lên phương Tây. Gió mát thổi nhẹ, trời cao không mây, trăng sáng trên không. Bảo trẻ đem rượu cùng uống. Cảnh núi xuân mờ tối, nước xuân long lanh. Xuân quang xuân sắc đều hợp với người.

Chỉ biết đi chơi xuân có thể say. Nào có biết say là ngủ phoir phoir, ngủ mà mộng phoir phoir chập chờn đâu. Đi cũng như không, mà

1. *Chung thủy*: (*chung*: lúc cuối cùng, *thủy*: lúc bắt đầu) trước sau như một, không có sự thay đổi.

2. *Thế biến*: sự biến đổi ở đời.

3. *Trần giới*: cõi trần, cõi đời bụi bậm.

4. *Ngịch lữ*: (*ngịch*: tiếp rước, *lữ*: quán trọ) người khách đi đường xa.

5. *Chúng nhân*: mọi người thường dân, kẻ tầm thường.

6. *Chí nhân*: (*chí*: rất, *nhân*: người) người rất cao thượng, rất mực đạo đức.

7. *Kỷ Ty*: năm 1809.

8. *Khai hạ*: ngày mồng bảy tháng giêng.

9. *Nam Đường*: tên huyện, nay là Nam Đàn.

10. *Chung Sơn*: nơi Nguyễn Huy Vinh ở ẩn, lấy hiệu là Chung Sơn cư sĩ.

11. *Phù Thạch*: (đá nổi) tên bến sông và dãy phố ở trên sông Lam.

lại cũng như không. Những cùng gió lọt trúc thưa, nhận qua đầm quanh, y như một điệu, lý thú vô ngần! Cô gái dưới Mai Đình, thần tứ lang lang; phu nhân trong thư các, từ khí nghiêm chỉnh. Đến đẹp như đào lý, cứng như bách tùng, nồng như *thuần giao*,¹ lạt như sương tuyết, thiên hình vạn trạng, không phải lấy bút mà tả hết được. Ta cũng không biết bấy giờ thần tứ ra sao?

Ôi! Vừa lúc đi xem đèn ở núi Phù Thạch, trước không biết sẽ có cuộc đi chơi trên sông, dưới nguyệt, lại không ngờ sẽ có giấc mộng Mai Đình!

Đó là mộng chăng? Đó không phải là mộng chăng? Duy chỉ có người đại giác mới đoán được.

Linh đài lang Nguyễn Liên Pha
(tức NGUYỄN HUY HỔ)
Hoàng Xuân Hãn dịch

1. *Thuần giao*: tên hai thứ rượu ngon.

MAI ĐÌNH MỘNG KÝ

I. Nhập đề

- 1 Trăm năm là kiếp ở đời,
Vòng trần này đã mấy người trăm năm.
Cuộc phù sinh có bao lăm,
Nỡ qua ngày bạc mà lăm tuổi xanh.
- 5 Duyên tể ngộ, hội công danh,
Là hai, với nghĩa chung tình là ba.
Đều là đường cái người ta,
Bắc cầu noi đó, ai qua mới từng,
Tình duyên hai chữ nhắc bằng,
- 10 Há rằng duyên chướng, há rằng tình si.
Chuyện xưa còn có thiếu chi,
Đêm thanh vui chén muốn ghi nổi mình.
Cho hay rằng giống có tình,
Chiêm bao lần quất năm canh lần lần.

Khảo dị

8. Là cầu noi đó, ai qua mới từng.

11. Chuyện xưa còn có sá chi.

Chú thích

1. *Trăm năm*: khoảng thời gian của một đời người. Các truyện Nôm như *Truyện Kiều*, *Hoa Tiên* (nhuận sắc), *Bích câu kỳ ngộ* đều bắt đầu bằng chữ trăm năm.
2. *Vòng trần*: (*vòng*: khuôn vây quanh, *trần*: bụi bặm) vòng trần ai tức cuộc đời bụi bặm.
Người trăm năm: người sống được trăm tuổi.
3. *Phù sinh*: (*phù*: nổi trên mặt nước, chỉ có hư chứ không có thực; *sinh*: sống, đời sống) cuộc đời ngắn ngủi và bấp bênh.
Tuồng ảo hóa đã bày ra đó, kiếp phù sinh trông thấy mà đau. (C.O).
4. *Ngày bạc*: do chữ *bạch nhật*, ban ngày. Cổ thi: *Bạch nhật mạc nhân quá*. (Ngày bạc đừng ham rảnh).
Ngày bạc như vậy chỉ là ngày giờ nói chung. *Lân la ngày bạc qua hồi xuân xanh*. (P.T).
5. *Tể ngộ*: (*tể*: hội, họp lại; *ngộ*: gặp gỡ) gặp gỡ nhau.
Hội công danh: (*hội*: lúc, thời) công danh gặp hội, thời thi đậu, ra làm quan và lập nên được sự nghiệp. *Công danh gặp hội thanh niên đương vừa*. (N.Đ.M).

6. *Chung tình*: (*chung*: đúc lại, dồn lại; *tình*: tình yêu) tình chung đúc vào một người không xao lãng.
7. *Bắc cầu noi đó*: Bản HXH chép: “Là cầu noi đó” và giảng *cầu noi* là cầu bắc bằng một tấm ván hẹp để đi từ trong cạn xuống thuyền. Chúng tôi đã theo bản Nôm mà phiên âm là *Bắc cầu noi đó* và hiểu *noi* là theo, đi theo. Tục ngữ có câu: “*Bắc cầu mà noi, chớ ai bắc cầu mà lợi*”.
9. *Tình duyên*: (*tình*: tình yêu giữa đôi trai gái, *duyên*: mối liên lạc có từ kiếp trước giữa đôi trai gái. Những người có duyên với nhau thì dầu có xa cách vạn dặm cũng có thể gặp nhau được: “*Có duyên ngàn dặm không xa, vô duyên nửa bước mà ra muôn trùng*”). Cái duyên may của hai người trai gái gặp nhau. *Tình duyên hai chữ với người hay sao*. (H.T).
10. *Duyên chương*: cái duyên bị ngăn trở do ác nghiệp gây ra.
Tình si: tình yêu quá say mê đến ngu muội.
Giống: loài, nòi.
Chiêm bao: những điều nằm mơ thấy trong giấc ngủ.

II. Cuộc xem đèn ở Phù Thạch

- 15 Nhớ xưa năm Tỵ, tháng Dần,
 Thưởng xuân vừa gặp giữa tuần tròn trăng.
 Tháng du tiện nẻo quan đăng,
 Trông vời non liễu, băng chừng dặm hoa.
 Trời hôm xuân nhuộm màu da,
 20 Cơn mưa rửa tuyết, trận hà cuốn mây.
 Chim về xao xác lá cây,
 Rừng đông đã thấy tròn xoay bóng thiềm.
 Lửa đầu thấp thoáng trong rèm,
 Khi đưa hương xạ, khi đem khói tùng.
 25 Đá đầu lấp ló giữa dòng,
 Như bay hoa rụng, như trồng gương nga.
 Thành đầu xây đắp yên hà,
 Đỉnh non nền cũ, cán cờ bụi sương.
 Đèn đầu rạng dấu khói hương,
 30 Bể liêu công tước, vàng tương mái tàu.
 Lăn theo ngọn nước lầu lầu.
 Gió lay chiếc cọc chèo mau lá chài.
 Trong gương ai đắm cảnh mai,
 Dưới mây ai nắm một vài lưu tinh.
 35 Phồn hoa nổi áng thị thành,

Này Phù Thạch phố là danh lịch triều.
 Phú phong lưu cũng ít nhiều,
 Đèn chong vẽ tổ, lò thiêu bụi trần.
 Vững doi trái mấy xây vắn,
 40 Dập dìu còn đó với xuân dề nào!
 Thảo mà cánh điệp lá đào,
 Đi về Vu Giáp, ra vào Vũ Lăng.
 Một trời hoa cỏ lằng lằng,
 Mơ *mòng* mưa Sở gió Đằng đâu đây.
 45 Chiều xuân dốc chén vui đây,
 Thử xem người tỉnh người say mới là.

Khảo dị

- 16. Thường xuân vừa gặp *trưa* tuần tròn trăng.
- 25. Đá đầu lấp ló *trưa* giòng,
- 26. Như bay hoa sóng, như trồng gương nga.
- 27. Thành đầu xây *lấp* yên hà,
- 28. Đỉnh non nền cũ, *cắm* cờ bụi sương.
- 29. Đèn đầu *lắng* dẫu khói hương,
- 32. Gió lay chiếc cộc *thuyền* mau mái chài.
- 33. Trong gương ai *cắm* cành mai,
- 34. Dưới mây ai *ném* một vài lưu tình.
- 45. Chiều xuân *chuoắc* chén vui đây,

Chú thích

- 15. *Năm Tỵ*: năm Kỷ Tỵ (1809).
Tháng Dần: tháng giêng.
- 16. *Giữa*: chữ 宇中 nay đã quen đọc là *giữa* không ai đọc là *trưa* nữa cũng như ở miền Bắc chữ 陵 và chữ 歪 trước kia đọc là *giăng* và *giời* nay cũng đọc là *trăng* và *trời* cả hoặc chữ 者 cũng đọc là *trá*.
- 17. *Thắng du*: (*thắng*: đẹp hơn, *du*: đi chơi) đi chơi xem các phong cảnh đẹp.
Quan đăng: xem đèn.
- 18. *Vời*: xa, nẻo xa.
Nón liễu: núi có trồng liễu. Chữ *liễu* đây chỉ là danh tự chung được đặt đối với chữ *hoa* ở vế dưới.
Băng chừng: theo chừng hướng mà đi.
- 20. *Hà*: ráng, tức là hơi mây có ánh mặt trời chiếu vào thành sắc đỏ.
- 22. *Rừng đông*: rừng về phía Đông. Lên núi Lam Thành (còn gọi là núi *Nghĩa Liệt* hoặc gọi tắt là núi *Thành* hoặc núi *Rum*) trông ra xa thì thấy ở phía Đông có rừng cây thuộc núi Mèo và núi Dũng Quyết.
- 25. *Đá đầu*: phía trước núi Lam Thành có sông Lam chảy qua rất rộng, ở đây có sông La chảy vào. Chỗ ngã ba sông có ghềnh đá nổi ở giữa sông. Phía Đông có bến đò gọi là *bến Phù Thạch*.

27. *Thành đâu*: núi Lam Thành cao lớn đột xuất nổi lên giữa đồng bằng. Trong đây núi ấy có một ngọn trên có thành của Trương Phụ nhà Minh.
28. *Đỉnh non... cán cờ*: trong thành xưa của Trương Phụ ở trên đỉnh núi có lỗ cắm cờ. Tương truyền ngày xưa là chỗ dựng cột đồng.
29. *Đền đâu*: đền *Triều Khẩu*, đền thờ Lê Khôi, tại xã Triều Khẩu ở phía Đông Nam chân núi, nên Lam Thành cũng gọi là *thành Triều Khẩu*, núi Lam Thành là *núi Triều Khẩu*. (Đền đây không phải là *chùa Bà Thiên Hậu*).
30. *Bể liêu*: (*liêu*: xa) bể xa, ngoài cửa Hội Thống. Thơ của Bùi Huy Bích *vinh Phù Thạch* có câu: “*Viễn thủy hàm hư thông đại hải*” (Dòng sông kéo dài trong trẻo thông ra biển.)
33. *Đắm*: chìm đắm. Cả câu ý nói mặt trăng in lồng xuống đáy nước lại có bóng cành mai trông tưởng như đang chìm đắm vào trong gương.
34. *Nắm*: bắt lấy.
Lưu tinh: sao băng, sao sa ở trên trời.
 Cả câu ý nói dưới mây ai bắt lấy được một vài ngôi sao sa, khi trông thấy bóng của chúng in hình trên mặt nước.
 Cả hai câu này tả cảnh đẹp khi thuyền đi trên sông dưới trời có trăng sao.
35. *Phồn hoa*: (*phồn*, *phiên*: nhiều, *hoa*: bông hoa, vẻ đẹp) nói cảnh hoa nở nhiều và đẹp sau được dùng để chỉ nơi đông vui náo nhiệt, có cuộc sống xa hoa.
Áng: cái nền, cái vẽ.
Thị thành: (*thị*: chợ, *thành*: ngôi thành xây để phòng chống quân giặc) chỉ nơi đô hội có nhiều dân sinh sống và làm ăn buôn bán.
36. *Phù Thạch*: (*phù*: nổi, *thạch*: hòn đá) tên bến và phố ở trên sông Lam Giang, cạnh núi Lam Thành, nơi đây người Trung Hoa cư trú buôn bán, nhà cửa san sát, thuyền bè tụ tập.
Lịch triều: (*lịch*: trải qua, *triều*: thời đại một ông vua ở ngôi) trải qua các triều đại.
37. *Phong lưu*: (*phong*: gió, *lưu*: dòng nước) ngọn gió thổi từ chỗ này đến chỗ khác, dòng nước chảy từ nơi nọ đến nơi kia nên thường ví với người có đức tốt, vì thế chữ *phong lưu* được dùng để chỉ phẩm cách con người có đức tốt, lịch sự, phong dạng lưu xướng. Về sau hai chữ ấy được dùng để chỉ sự chơi bời phóng túng.
Thú phong lưu: thú ăn chơi phóng túng.
38. *Đèn chong*: đèn thắp để suốt đêm.
Vẻ tố: (*tố*: trắng) vẻ sáng.
Lò thiêu: lò hương; ở các đền chùa gian ngoài cùng trước chánh điện *thiêu hương*.
39. *Doi*: cồn cát ở ngoài sông.
41. *Thảo mà*: thảo nào mà.
Cánh điệp: cánh bướm, ý nhắc đến việc Trang Chu nằm mơ thấy mình hóa ra bướm rồi khi tỉnh dậy không biết mình là bướm hay là Trang Chu.
Lá đào: lá cây đào, ý nói đến cảnh tiên, nơi có động Đào nguyên mà người đánh cá ở đất Vũ Lăng (đời Tấn) đã lạc vào.
42. *Vu Giáp*: núi Vu Giáp ở tỉnh Tứ Xuyên bên Trung Quốc. Nguyên vua Sở Tương Vương ra chơi Cao Đường nằm mơ thấy người con gái tự xưng là thần nữ ở núi Vu Giáp, sớm làm mây tối làm mưa, đến xin cùng chẵn gối nên trong văn chương thường dùng các chữ *Vu Giáp*, *đỉnh Giáp non Thần*, *Cao Đường*, *non Vu*, *mây mưa* để chỉ sự ái ân của trai gái hoặc sự mơ mộng ái ân.

Vũ Lăng: tên đất thuộc tỉnh Hồ Nam. Đào Tiềm (đời Tấn) có làm bài *Dao hoa nguyên ký* kể chuyện người đánh cá ở đất Vũ Lăng lạc vào động tiên.

44. *Mơ màng mửa Sở*: mơ màng đến sự ái ân (xem thêm chú thích chữ *Vu Giáp*).

Gió Đàng: do câu thơ của Vương Bột: “*Thời lại phong tống Đàng Vương các*” (lúc gặp may, gió thổi vào gác vua Đàng).

Nguyên đời Đường, Diêm Đô đốc có dựng một cái lầu ở Nam Xương thuộc tỉnh Giang Tây, mới mở một buổi tiệc lớn ở Đàng Vương các. Khi ấy Vương Bột đang ở Ma Dương nghe tin, cho thuyền xuôi gáp, may gặp gió thuận nên về kịp Nam Xương để vào dự tiệc. Trong bữa tiệc Vương Bột có làm một bài *tự* và trở thành nổi tiếng.

Về sau các nhà văn thường dùng điển đó đề chỉ sự may mắn, gặp thời hoặc duyên may số tốt.

III. Thuyền ngược dòng sông Lam

Dã men vừa sánh giọng trà,
Nhà lan treo tháp, doanh La xuống thuyền.

50 Gió xuân rút cánh bướm duyên,
Thiều quang chín chục, vân yên một chèo.

Bến tình nhẹ nhõm con neo,
Đầu mai yếm vấn, mạn chèo oanh đưa.

55 Thanh thoir bầu rượu túi thơ,
Ngón cầm khiễn hứng, nước cờ giải mê.

Não nùng vượn suối hoa khe,
Với người dường thấy vả vè chữ tình.

Phong quang tám bức vén tranh,
Bình non mượn đấm, gương doanh lét tô.

60 Bến Nam liễu bá con đò;
Mảnh mây viên phố, cánh cò hàn sa.

Ngàn Đông khói lẫn lạc hà;
Giọt mưa cổ thụ, tiếng gà cô thôn.

Vó câu pha gió nhẹ bon,
Bên lầu thử hỏi hoàng hôn địch nào.

65 Trời Tây bóng hạc non sào,
Đường rêu khách quạnh lối vào Thiên Thai.

No xem góc bể bên trời,
Một xuân biết mấy mươi nơi dập dìu.

Đòi nơi giốc mực, ngư tiều,

- 70 Cần hôm mấy cán, tơ chiều nửa manh.
 Thảnh thơi gió mát trăng thanh
 Nào dầm Đồng Lại, nhớ ghềnh Bàn Khê.
 Mảng vui sào đẩy mái phê,
 Doanh ngân bóng tỏ đã xê ngang đầu.
- 75 Nài xuân chén những kèo mau,
 Tưởng duyên kỳ ngộ, ngâm câu Vị đường.
 Này này quế trạo lan tương,
 Ví đua Xích Bích, chi nhường Đông Pha.

Khảo dị

56. Với người dường có vả về chữ tình.
 58. Bình non mượn *khẩm*, gương doanh lét tô.
 61. Ngân Đông khói *lẩn* lạc hà.
 66. Đường rêu khách quanh *ruối* vào Thiên Thai.
 69. Đòi nơi giốc mực, *ca* tiêu.
 72. Nào dầm Đồng Lại, *nọ* ghềnh Bàn Khê.
 73. Mảng vui sào *cay* mái phê.
 74. Doanh *Ngân* bóng tỏ đã xê ngang đầu.

Chú thích

47. *Dã men*: dã men rượu tức là hết say rượu.
Sánh giọng trà: đạt đến độ thưởng thức đầy đủ hương vị của chén trà.
48. *Nhà lan*: do chữ *lan* thất lấy từ câu “*Dữ thiện nhân cư như nhập chi lan chi thất*” (cùng ở với người hiền như vào nhà có cỏ chi cỏ lan thơm ngát) ý nói ở gần người hiền thì cũng được thơm lây.
Nhà lan: nhà bạn tốt.
Treo tháp: (*tháp*: cái giường) ý nói cất giường đi không cho ai nằm. Do điển Trần Phồn, đời Hậu Hán, có một cái giường để dành tiếp người bạn quý họ Từ. Khi bạn đến thì hạ xuống, khi bạn về thì lại cất đi.
Doanh La: (*La*: sông La) sông La chảy vào sông Lam, ngay bên cạnh Phù Thạch. Tác giả xuống thuyền ở sông La.
50. *Thiếu quang*: (*thiếu*: xinh đẹp, *quang*: ánh sáng) chỉ mùa xuân vì mùa này ánh sáng tươi đẹp.
Chín chục: tức 90 ngày của mùa xuân.
Vân yên: (*vân*: mây, *yên*: khói) mây khói.
52. *Mai*: mui thuyền.
Yến vãn: chim yến bay quanh.
54. *Ngón cầm*: (*ngón*: tài khéo léo riêng) tài chơi đàn cầm.
Khiển hứng: (*khiển*: phát ra, *hứng*: cảm xúc khơi dậy ở trong lòng) khơi dậy hứng thú ở trong lòng.
Giải mê: gỡ ra khỏi cơn mê.

56. *Vá vè*: ham muốn sự gì (H.T.C).
Phong quang: (*phong*: gió, *quang*: ánh sáng)
 Cổ thi: “*Phong quang thảo tế phù*” (*phong quang nổi trên cỏ*) gió không có ánh sáng, ánh sáng nằm trên cỏ. Mỗi khi có gió thổi trên cỏ làm lay động ánh sáng thì ta lại tưởng chừng như là gió có ánh sáng. (Lời chú của Ngũ Thân). Về sau trong văn chương thường dùng chữ *phong quang* để chỉ phong cảnh đẹp đẽ.
Tám bức: tám bức vẽ phong cảnh đẹp. Tống Địch có tài vẽ, có vẽ tám bức nổi tiếng nhất là:
1. *Bình sa lạc nhạn* (Nhạn sa bãi cát).
 2. *Viễn phố qui phàm* (Thuyền về bến xa).
 3. *Sơn thị tình lam* (Chợ chân núi trời quang mây tạnh).
 4. *Giang thiên mộ tuyết* (Bến sông tuyết sa lúc chiều tối).
 5. *Động Đình thu nguyệt* (Trăng thu trên hồ Động Đình).
 6. *Tiêu Tương dạ vũ* (Mưa đêm trên sông Tiêu Tương).
 7. *Sơn tự hàn chung* (Chuông vắng lạnh từ ngôi chùa trên núi).
 8. *Ngư thôn tịch chiếu* (Bóng chiều ở xóm chài).
58. *Bình non*: núi như bức bình phong.
Mượn đắm: mượn để làm cái thú say đắm khi ngắm cảnh.
Gương doanh: mặt nước phẳng của dòng sông như tấm gương.
Lét: liếc. Tiếng này còn thấy ở các truyện Nôm khác như:
Mai sinh trông lét rõ ràng tiểu thư (Nhị độ mai).
Sóng thu một lét hữu tình (Hoàng Trừu).
Tô: tô điểm.
59. *Bá*: rủ quanh (cành liễu buông rủ quanh con đò).
60. *Viễn phố*: (*viễn*: xa, *phố*: bến sông) bến sông ở xa.
Hàn sa: (*hàn*: lạnh, *sa*: cát) bãi cát quanh hiu, lạnh lẽo.
61. *Lạc hà*: (*lạc*: rơi xuống, *hà*: ráng) ráng còn đương tan.
62. *Cổ thụ*: cây to sống lâu năm.
Cô thôn: làng xóm đứng một mình giữa đồng.
63. *Vó câu*: (*câu*: ngựa non đương sức mạnh mẽ) vó ngựa, chân ngựa.
Pha gió: băng theo gió.
Bon: chạy mau.
64. *Hoàng hôn*: (*hoàng*: vàng, *hôn*: chiều tối) lúc gần tối, sắc trời còn trắng vàng (khác với *tà dương* là buổi chiều khi mặt trời còn chưa lặn).
Địch: ống sáo lớn.
65. *Bóng hạc*: bóng con chim hạc. Nghĩa bóng nói về tuổi già. Cũng dùng để chỉ cảnh chiều tà.
Bóng hạc non sào: mặt trời xuống sát đất ở chân trời chỉ còn cách non một cây sào.
66. *Thiên Thai*: tên một ngọn núi ở tỉnh Triết Giang (Trung Quốc). Nguyên xưa, vào đời Hậu Hán, ngày Tết Đoan Ngọ (mồng 5 tháng 5 âm lịch) có Lưu Thần và Nguyễn Triệu đi hái thuốc lạc vào động Thiên Thai gặp tiên. Nghĩa bóng nói chỗ ở của con gái đẹp. Cả câu ý nói lối vào Thiên Thai thì đường rêu khách vắng.
67. *No xem*: xem đã đủ chán mắt.
68. *Dập dìu*: nhiều người rủ rê nhau cùng đi (chơi xuân).

69. *Đòi nơi*: nhiều nơi.
Giốc mực: (*giốc*: cái tù và làm bằng sừng trâu, *mực*: kẻ chận trâu) ta cánh buổi sáng sớm với người tuần canh thoi tù và báo hết canh năm và kẻ mực đông đánh trâu ra ngoài cánh đồng.
Ngư tiêu: (*ngư*: người đánh cá, *tiêu*: kẻ tiêu phu) tả cánh người đánh cá trên sông và người tiêu phu nhặt củi trên núi.
 Bốn chữ này được đặt thành cặp đối nhau. Hoàng Xuân Hân đã hiệu khác đi nên mới đổi chữ *ngư tiêu* thành *ca tiêu* nhưng trong các bản Nôm đều viết là *ngư tiêu ca*.
70. *Cần hôm*: cần câu cá lúc buổi chiều.
Tơi chiều: áo tơi mặc lúc buổi chiều mưa.
 Cả câu tả cảnh buổi chiều khi kẻ đi câu vac cần về và kẻ đi cày mặc áo tơi đội mưa trở về.
 Hai câu này tả cảnh buổi sớm và buổi chiều.
72. *Đồng Lại*: chỗ Nghiêm Quang ngồi câu cá.
Nghiêm Quang, người đời Hán, tự là Tứ Lăng, thuở nhỏ là bạn học của Quang Vũ. Khi Quang Vũ lên ngôi vua, có vời ông ra làm quan nhưng ông từ chối rồi về đi cày ở núi Phú Xuân.
Bàn Khê: chỗ Lã Vọng ngồi câu cá mà gặp Chu Văn Vương. *Bàn Khê* là con sông ở Đông Nam huyện Bảo Khê tỉnh Thiểm Tây, khe có suối gọi là Tư tuyền. Cả hai câu 71-72 tả cảnh an nhàn thanh thoi của người ẩn dật.
73. *Sào đẩy*: lấy sào đẩy cho thuyền đi.
Mái phê: mái chèo lướt trên mặt nước.
74. *Doành ngân*: (*doành*: dòng nước, *ngân*: trắng như bạc) dòng nước bạc.
Bóng thỏ: bóng trăng. Tục truyền trên mặt trăng có con thỏ ngọc nên thường gọi mặt trăng là ngọc thỏ.
Xê: chuyển dịch.
75. *Nài*: cố mời.
Kèo: rót rượu mời.
Mau: ý nói uống ọ, hết chén này tới chén khác.
76. *Kỳ ngộ*: (*kỳ*: lạ, *ngộ*: gặp gỡ) cuộc gặp gỡ lạ lùng, ít có.
Vị đường: (*Vị*: sông Vị, *đường*: bờ đê) bờ đê sông Vị.
77. *Quế trạo lan tương*: (*quế*: gỗ cây quế, *trạo*: mái chèo, *lan*: gỗ cây lan, *tương*: mái chèo nhỏ) chèo lớn bằng gỗ cây quế, chèo nhỏ bằng gỗ cây lan. Chữ lấy trong bài *Tiền Xích Bích phú* của Tô Đông Pha.
78. *Xích Bích*: tên một con sông thuộc tỉnh Hồ Bắc. Khổng Minh và Chu Du đã dùng hỏa công phá quân của Tào Tháo ở trên sông này. Tô Đông Pha có làm *Tiền Xích Bích* và *Hậu Xích Bích* rất được truyền tụng.
Đông Pha: tên tự của Tô Thức (1037 - 1101), người đời Tống, không những nổi tiếng về thơ văn mà còn nổi tiếng cả về họa và thư pháp nữa. Cả hai câu 77 - 78 nói tác giả đi dạo thuyền trên sông Lam đâu có kém gì Đông Pha đi dạo thuyền trên sông Xích Bích.

IV. Mộng đến Mai đình

- Say sưa đòi thú lân la,
80 Giang thành đã giống tiếng gà sang tư.
Giấc hòe thiếp thiếp lần mơ,
Trong mơ mòng thấy tình cờ lạ sao.
Tưởng mình lạc lối nguồn Đào,
Khi ra Động khẩu, khi vào Bồng Doanh.
85 Đòi phen chim lá hoa cành,
Dường chiều đón rước, như tình rủ rê.
Mấy chòm len lối sơn Khê,
Dòng ngăn thú dật, vách che bụi trần.
Lối quanh hoa kính lần lần,
90 Cảnh tiên riêng để tay thần mở mang.
Bầu trời kẻ lở thanh quang,
Nẻo xa trông rõ mấy trang lão từng.
Dưới từng có gác Nghinh Phong.
Cách chừng những thấy phạm cung bảo đài.
95 Bể chừng dạo bước tới nơi,
Tường sau ngàn gốc thảo mai quanh thành.
Biển dâu nét tạc rành rành,
Đề ba chữ THƯỜNG MAI ĐÌNH vàng tương.

Khảo dị

80. Giang thành đã giống *canh* gà sang tư.
85. Đòi *nơi* chim lá hoa cành,
89. *Ruổi* quanh hoa kính lần lần,
90. Cảnh tiên riêng *đợi* tay thần mở mang.
91. Bầu trời *ghê chiếm* thanh quang,
94. Cách chừng *thấy những* phạm cung bảo đài.

Chú thích

79. *Đòi thú*: (đòi: nhiều) thiếu gì thú, nhiều thú.
80. *Giang thành*: thành bên sông tức thành Triều Khẩu.
Giống: bắt đầu giục giã, thôi thúc.
Sang tư: sang canh tư.
81. *Giấc hòe*: do chữ *Hòe an mộng* tức là giấc ngủ nằm mộng thấy ở nước Hòe An.
Do điển: Thuận Vu Phần nằm mộng thấy tới nước Hòe An được vua nước ấy gả công chúa cho và được bổ làm Thái thú đất Nam Kha. Khi tỉnh dậy thấy nằm dưới gốc cây hòe bên cạnh có lỗ kiến lớn. Thuận Vu Phần suy nghĩ lấy làm chán, bèn bỏ đi tu tiên.

- Giác hòe* về sau được dùng để chỉ giấc mộng.
83. *Nguồn Đào*: tức Đào nguyên. Xem chú thích chữ *Vũ Lăng* câu 42.
84. *Động khẩu*: cửa động.
Động khẩu xuân thường trú: cảnh xuân ở cửa động không bao giờ hết tức là chỗ cảnh tiên.
Bồng Doanh: tên một hòn đảo ở trong biển Bột Hải gồm có Bồng Lai, Phương Trượng và Doanh Châu. Xung quanh ba đảo này có một biển nước bao bọc nhưng lại rất yếu không đỡ nổi một hột cái nên gọi là *Nước Nhược*.
Bồng Doanh hay non *Bồng* là nơi tiên ở.
86. *Dường chiều*: như có vẻ.
87. *Chòm*: chòm xóm, chỗ có đông người ở thành một xóm.
Sơn Khê: (*sơn*: núi, *khê*: khe suối) khe núi có suối nước chảy.
88. *Thú dật*: thú của người đi ở ẩn.
Bụi trần: cũng như *bụi hồng*, bụi bặm, côi trần.
T.K: *Gương trong chầng chút bụi trần*.
89. *Hoa kính*: (*hoa*: bông hoa, *kính*: con đường hẹp) đường nhỏ hai bên có cây hoa nở.
91. *Kê lỗ*: cửa động do đá lở thành một kê lớn.
Thanh quang: trong sáng.
92. *Trang lão tùng*: (*trang*: hạng, bậc) cây tùng đã vào hàng già lão.
93. *Nghinh Phong*: tên gác, có nghĩa gác ngồi hóng gió mát.
94. *Phạm cung*: (*phạm* cũng đọc là *phạn*: nết làm thanh tịnh). Phật giáo lấy thanh tịnh làm tôn chỉ cho nên sự gì có quan hệ đến Phật gọi là *phạm* như *phạm cung* là cái cung điện thờ Phật.
Bảo đài: (*bảo*: quý, *đài*: lâu đài) lâu đài quý giá, đài tiên ở.
96. *Tảo mai*: (*tảo*: sớm) mai nở sớm.
98. *Thưởng*: thưởng thức, cho là đẹp mà ngắm nghĩa.
Thưởng mai đình: cái đình ngồi ngắm mai nở đẹp.
Vàng tương: vàng thiếp.

V. Thiếu nữ đề thơ

- 100 Trong đình bốn báu sẵn sàng,
Cánh mây mới thảo, ngòi sương chứa rời.
Xông mai chợt động bóng người,
Vẻ lan vừa chán vội dời gót sen.
Rẽ ngang về mái tây hiên,
Cành dao khuất bóng, xiêm tiên lẫn màu.
- 105 Ít nhiều chum quên chồi thâu.
Hương thừa còn phảng phất đầu trước đình.
Vẻ đâu ngọc chuốt giá thanh,
Bút thần đổ vẽ nên tranh truyền thần.

- Giá sao báu Triệu, châu Tần,
 110 Người sao trông dưới cỏi trần chưa ai!
 Thực âu sắc nước hương trời,
 Chẳng dòng thần nữ cũng vời tiên cung.
 Nguyên phong động tỏa trùng trùng,
 Khách thơ thêm những mơ màng hồn thơ.
 115 Biết đâu nước đợi non chờ,
 Chúa xuân sao bỗng hững hờ cho đang.
 Bào tình lần thấm giọt sương,
 Thần thơ ngọn khói cảnh sương một mình.
 Lén kể vào trước côn đình,
 120 Vách mai còn dán rành rành tiên mai:
Lúa ngọc cùng ai đó?
Trăng kia với khách này.
Một cảnh xuân đã sớm,
Mấy đóa tuyết nào bay.
Vẽ sạch mưa càng dãi.
Lòng thơm gió nở lay.
Bướm con đừng thốc mách,
Cho hái có nhường tay.

Bài thơ *Thưởng mai* nguyên vận

Khảo dị

105. Ít nhiều chùm *quên* chỗi *thâu*,
 107. Vẽ *sao* ngọc chuốt giá *thanh*,
 113. Nguyên phong *đồng* tỏa trùng trùng,
 117. Bào tình lần thấm giọt *Tương*,
 118. *Thần thơ* ngọn khói cảnh sương một mình.
 119. Lén vào *kể* trước côn đình,

Chú thích

99. *Bốn báu*: do chữ *tứ bảo*, bốn vật quý giá của nhà Nho là giấy, bút, mực và nghiên mực.
 100. *Cảnh mây*: tờ giấy có vẽ mây cho đẹp.
Ngòi sương: ngòi bút.
 101. *Xông mai*: băng qua khóm mai.
 102. *Gót sen*: gót của người con gái đẹp. Đông Hôn Hầu yêu Phan Phi nên bảo lát hoa sen bằng vàng trong cung để mỗi khi nàng đi gót nàng như có một bông sen nở ra.
 104. *Cảnh dao*: (*dao*: thứ ngọc đẹp) cảnh cây bằng ngọc, chỉ người đẹp.
Cảnh dao khuất bóng: người thiếu nữ xinh đẹp đi khuất mất bóng.

Xiêm tiên lẫn màu: xiêm của người thiếu nữ xinh đẹp lẫn với màu sắc của cây cỏ cảnh vật chung quanh.

105. *Chùm quên chồi thâu:* (*quên:* vương lầy, dính vào, *thâu:* giữ lầy) ý nói chùm cây còn vương lầy, chồi cây còn giữ lầy hương thơm của người con gái. T.K: *Hương thừa còn hã ra vào đầu đây.*
107. *Ngọc chuốt:* (*chuốt:* mài nhè nhẹ hoặc chùi đi chùi lại cho thật nhẵn, thật bóng) ngọc được mài cho thật bóng đẹp. Ca dao: *Ngọc kia chuốt mãi cũng tròn, Sắt kia mài mãi cũng còn nên kim.*
Giá kim: (*thanh:* rất trong) nước đóng thành băng trong suốt. *Ngọc chuốt giá thanh:* chỉ sự trong trắng cao quý của người con gái. *Người sao ngọc chuốt tuyết đông, vẽ sao giá chuốt gương trong hỡi người.* (H.T).
109. *Báu Triệu châu Tần:* ngọc nước Triệu, châu nước Tần, chỉ những vật rất quý giá.
111. *Sắc nước hương trời:* do chữ *quốc sắc thiên hương*, chỉ người con gái đẹp nổi tiếng trong cả nước.
112. *Thần nữ:* người con gái của thần tiên.
Tiên cung: chỉ người con gái ở trên cung tiên.
113. *Nguyên phong động tỏa:* nguồn bị phong kín, động bị tỏa kín. Ý nói người thiếu nữ xinh đẹp kia ở hẳn trong phòng kín không ra ngoài nữa.
T.K: *Tắc gang đồng tỏa nguyên phong.*
116. *Chúa xuân:* chủ mùa xuân. Người xưa thường tin mỗi mùa có một ông thần chủ trương việc mưa nắng. Mùa xuân thuộc về phương Đông nên lại có tên là *chúa đông* hoặc *đông quân*.
Chúa xuân có nghĩa bóng là mùa xuân hoặc người tình quân. Ở đây chỉ người thiếu nữ thì có gượng ép.
117. *Bào:* áo dài và tay rộng.
Giọt sương: giọt nước mắt, giọt lệ.
Thơ Nguyễn Khuyến: *Tuổi già giọt lệ như sương.*
T.Kz: *Giọt châu lã chã khôn cầm, cúi đầu chàng những gạt thấm giọt sương.* Các bản Nôm đều viết *giọt sương* nhưng HXH đã sửa là *giọt Tương* cho khỏi trùng vận.
119. *Côn đình:* tức Mai đình nơi có dán bài thơ.
120. *Vách mai:* bức vách. Chữ mai được đặt thêm cho đẹp lời.
Tiên mai: tờ giấy có vẽ hoa mai để viết thơ cho đẹp.

VI. Họa thơ thưởng mai

- Tứ cao cách lạ tốt vời,
Thoa quần hiếm nhĩ nầy tài Âu, Tô!
Nữ trung dễ mấy nầy ru!
Song mai kể mấy công phu tập rèn.
- 125 Câu thần, chữ thánh, người tiên,
Hay đâu là chẳng sẵn nguyên trăm năm.

- Phím Hoàng đợi khách tri âm,
 Nên treo cân Lệ, ai cầm giá Côn.
 Nghĩ mình giống ruồi nước non,
 130 Niềm kinh quốc, nổi hương thôn bấy chầy.
 Thốt chi bướm lữ ong bấy,
 Đàn tao nào mấy đũa tay cầm vè.
 Dù chẳng con Tào khát khe,
 Thì chi cánh điệp còn mê vờ tình.
 135 Trót đà đến Mẫu Đơn đình,
 Thơm chẳng cũng bề một cảnh làm duyên.
 Tục điều gắng bộ vận tiên,
 Liễu trì trước lá hoa tiên thế nào?
 Ngòi dao vừa ráo luật Đào.
 140 Với vần thơ trước xếp vào một phong:
Dao Trì in vẻ ngọc,
Đúc lại lá tiên này.
Nả gió hoa vừa nấu,
Nài hương nguyệt muốn bay.
Chiếc đình còn phảng phất,
Cái bướm bỗng thày lay.
Chẳng những xuân kia chọn,
Thần tiên cũng chấp tay.

Bài thơ *Thuở mai* họa vần

- Người tiên dấu cách mấy trùng,
 Dấu tiên càng phó thi đồng chất chiu.
 Bỗng dung trăng dật gió dều,
 Làm sao lui tới cho đeo đẳng này.
 145 Cuộc mê càng mãi miệt thay,
 Dập dờn chiếc bóng, chạy vay trót giờ.
 Một đình, một khách, thần thơ,
 Thôi thăm thì hỏi, lại mơ mẩn chào.

Khảo dị

122. *Quần thoa* hiếm nhĩ nẩy tài Âu, Tô.
 126. Hay đâu là chẳng sẵn nguyên trăm năm (Nôm).
 135. Trót đà *tới* Mẫu đơn đình,
 140. Với vần thơ trước *sắp* vào một phong.

Chú thích

121. *Tứ*: ý thơ này trong khi cảm nhận ngắm xem canh vát.
122. *Thoa quần*: (*thoa*: cái trâm cài tóc, *quần*: cái quần) chỉ chung đàn bà con gái.
Âu, Tô: (*Âu*: Âu Dương Tu, *Tô*: Tô Đông Pha).
Âu Dương Tu, người đời Tống nổi tiếng về văn thơ.
Tô Đông Pha, người đời Tống nổi tiếng về thơ và họa.
Cả câu ý nói con gái mà này tài như Âu, Tô thì thật là hiếm có.
123. *Nữ trung*: trong hàng phụ nữ.
124. *Song mai*: cửa sổ phía ngoài sân có trồng cây mai hoặc chỉ là cửa sổ còn chữ *mai* được đặt thêm cho đẹp lời. Nghĩa bóng chỉ phòng học.
Công phu: (*công*: sự khó nhọc vất vả, *phu*: người làm việc vất vả) nói việc làm tốn kém nhiều công sức vất vả.
126. *Nguyên*: lời ước mong cho được như ý.
Trăm năm: chỉ sự thành duyên vợ chồng sống với nhau đến khi trăm tuổi.
127. *Phím Hoàng*: bản đàn *Phụng cầu hoàng*. Bản này nguyên của công chúa Long Ngọc, con vua Tần Mục Công, học với chồng là Tiêu Sử. Lúc nàng thổi khúc *Phụng cầu hoàng* thì có chim phụng bay xuống rồi nàng cười phụng, chồng cười rồng, hai người bay lên cõi tiên. Về sau Tư mã Tương Như cũng đàn bản *Phụng cầu hoàng* để quyến rũ Trác Văn Quân.
Tri âm: (*tri*: biết, *âm*: tiếng, tiếng đàn).
Do điển Chung Tử Kỳ nghe hiểu được tiếng đàn của Bá Nha nên hai người trở thành bạn tri âm tức là bạn thân hiểu được lòng nhau.
128. *Cân Lệ*: nói đến hạt châu ở sông Lệ (một chi nhánh của sông Trường Giang) cân nặng hơn hạt châu ở các nơi khác.
Giá Côn: nói đến giá của viên ngọc ở núi Côn (tức núi Côn Lôn) cao hơn giá viên ngọc ở các nơi khác. Cả câu ý nói đến việc kén chồng còn giữ cao giá.
129. *Giong ruổi*: (cũng viết *rong ruổi*) cưỡi ngựa đi trên quãng đường dài không nghỉ.
Đường giong ruổi lưng đeo cung tiễn (C.P.N).
130. *Kinh quốc*: (*kinh*: nghĩa đen là đường sợi dọc căng khi dệt vải, nghĩa bóng là sửa trị; *quốc*: nước) sửa trị việc nước.
Hương thôn: làng xóm, quê nhà.
131. *Thốt chi*: nói chi.
Bướm lữ ong bầy: bướm ong thường bay hút nhị hoa nên dùng ong bướm để ám chỉ sự lả lơi ve vãn của con trai. Thơ cổ: *Vườn xuân chi để bướm ong qua*. T.K: *Tường đông ong bướm đi về mặc ai*.
132. *Đàn tao*: tức *Tao đàn* là nơi hội họp của các tao nhân mặc khách.
Cắm vè: cắm dây cộc làm dấu, chỉ chỗ sâu cạn nghĩa bóng là chỉ đường dẫn lối tức làm chủ *Tao đàn*.
133. *Dù chẳng*: ở câu này có thể hiểu là dù cho con tạo cho khát khe chẳng.
Con tạo: do câu "*Tạo hóa tiểu nhi*" của Đỗ Thẩm Ngôn, có ý nói Tạo hóa như trẻ con hay trêu người, không biết thế nào mà lượng được.
134. *Cánh điệp*: cánh bướm, chỉ giấc mộng (xem chú thích câu 41).
Mẫu Đơn đình: nơi Đỗ Lệ Nương nằm mộng thấy gặp Liễu Mộng Mai rồi lấy được nàng.
137. *Tục điêu*: (*tục*: nòi, *diêu*: loài chồn đuôi dài). Bên Trung Quốc các ông ngự sử dùng đuôi con điêu làm chóp mũ. Cuối đời nhà Tần số quan ngự sử quá nhiều,

lại học thức kém nên có người nói đùa: “*Điều bất túc, câu vĩ tục*” (neu đuôi con điều không đủ thì lấy đuôi chó nối thay vào).

Tục điều: bắt chước theo một cách vụng về hoặc là lời nói nhún nhường khi họa lại thơ của T.K: *Hay hèn lẽ cũng nối điều*.

Bộ vận: (*bộ*: theo, *vận*: vần) theo vần bài thơ của người *xướng* mà *họa* lại.

138. *Liễu trì*: (*trì*: ao) cây liễu ở bờ ao.

Hoa tiên: (*tiên*: tờ giấy) tờ giấy có vẽ hoa để viết thơ cho đẹp.

139. *Ngòi dao*: ngòi bút. Xưa kia khi người ta chưa chế ra bút viết phái dùng ngọn dao để khắc chữ lên mảnh tre.

Luật Đào: luật thơ của họ Đào, tức Đào Tiềm một danh sĩ đời Tấn.

140. *Dao trì*: (*dao*: ngọc dao, *trì*: ao) ao ngọc. Tên một cái ao bên phía trái cung điện của Tây Vương Mẫu trên dãy núi tiên (Côn Lôn).

Nghĩa bóng chỉ nơi tiên ở.

Nấu: ấu nấu, nấp đi.

Thầy lay: mua chuộc lấy việc không phái của mình. Ở đây mượn cảnh *con bướm bồng thầy lay* để tả việc khách tìm hoa không hẹn mà đến.

142. *Phó*: trao cho.

Thì đồng: (*thì*: thơ, *đồng*: cái ống bằng đồng) cái ống đựng thơ.

Chặt chiu: dành dụm từng tí và giữ gìn cẩn thận.

Tục ngữ: *Ít chặt chiu hơn nhiều phung phí*.

143. *Dật diu*: qua lại nhiều lần.

Trăng dật gió diu: ý nói cảnh hẹn hò yêu đương cứ qua lại hoài trong tâm trí.

144. *Đeo đẳng*: theo đuổi mãi, không dứt bỏ được.

146. *Chay vay*: chữ Nôm viết 支 韋 chơi với.

VII. Đạo bước tìm người

150 Hiên đầu kéo rẽ hoa đào,
Đánh liễu cả quyết bước vào thử xem.
 Thướt tha tơ liễu buông rèm,
Trà non uốn điệu, dương mềm khoe tươi.
 Nhị xuân rước gió như cười,
Chòm thanh, khóm dật, khác với chân du.
155 Có cây có đá xô bồ,
 Có lầu gác điệu, có hồ du ngư.
 Giữa trời một cuộc tiên cư,
Đình đài mấy tháp, đồ thư mấy từng.
 Hoa say, hạc ngủ, mơ chừng,
160 Một rằng Bích động, hai rằng Thanh tiêu.
 Một hiên Huy Phượng cheo leo,
Tháp đưa gió trúc, cao reo sóng từng.

Khảo dị

155. Có cây có đá lô xô,
157. *Trửa* trời một cuộc tiên cư,
158. Đình đài mấy *tóp*, đồ thư mấy từng.

Chú thích

149. *Kéo rẽ*: lấy tay kéo rẽ cành đào để mở lối vào.
152. *Điệu*: dáng điệu.
Dương: cây dương cùng một loài với cây liễu chỉ khác cành dương cứng và vênh lên còn cành liễu yếu và ru xuống.
154. *Chòm thanh khóm dật*: chom cây cành lá đứng yên, khóm cây cành lá gió đưa phơ phất.
Chân du: (*chân*: có thực, *du*: đi chơi) cánh có thật lúc đi chơi trông thấy ở trần gian.
Khác vời chân du: khác xa với cánh thực đã thấy khi đi chơi ở trần gian.
155. *Xô bồ*: lẫn lộn, ý nói cỏ cây chen lẫn với đá lô xô.
156. *Túc điểu*: (*túc*: đậu, *điểu*: chim) chim đậu ngủ ban đêm.
Du ngư: cá bơi lội.
157. *Tiên cư*: chỗ tiên ở.
158. *Đình đài*: (*đình*: cái nhà nhỏ không có tường để ngồi bóng mát, *đài*: cái nhà làm cao có thể đứng trông xa được) chỉ chung lầu đài đình tạ.
Tháp: chòi cao.
Đồ thư: (*đồ*: bức địa đồ, tranh vẽ, *thư*: sách vở) chỉ chung chỗ thư phòng.
160. *Bích động*: động biếc.
Thanh tiêu: (*tiêu*: mây xanh) trời xanh.
Bích động và thanh tiêu là chỉ cánh tiên.
161. *Huy Phượng*: tên của cái hiên, có nghĩa là cái hiên ở đó có thể vẫy được chim phượng xuống.
162. *Sóng từng*: gió thổi vào lá từng reo lên từng đợt như tiếng sóng rì rào.

VIII. Trao thư cho hoàn

- 165 Tiểu hoàn lẫn bóng hiên trung,
 Vén cành gắm, hái hoa hồng trước lang.
 Bóng người chợt thấy dung quang,
 Lạnh chanh bước tới sỗ sàng hỏi ngay:
 “Người đâu quan khách đâu đây!
 Lạ lòng xông xáo chốn này là sao!”
 Nhủ rằng: “Chớ đổ nhau nao,
170 Qua đình Mai, thấy thơ nào bỏ rơi.
 Tài này Lý Đỗ một hai,

- Xuân in cỏ liễu, tuyết tươi nét từng.
 Lời đầu thần khế, đạo đồng,
 Hạnh đường bao ná, nhủ cùng được hay!”
 175 Hoàn rằng: “Mơ mẩn ngán thay!”
 Vội vàng giắt lấy tiên mây trở vào.
 Tuyết mù nào thấy đầu nào,
 Cành bay cánh điệp, hoa rào lối thơm.
 Mảnh riêng càng nát như tươ,m,
 180 Càng ngơ ngẩn bóng, càng nản nỉ tình.
 Chắc chi con trẻ đành hanh,
 Tin sương có lọt trước mảnh cho chẳng.
 Tác gang cách mấy mươi tầng,
 Không dung hầu dễ gió Đàng cợt ai.
 185 Chớ rằng lá thắm duềnh khơi,
 Một thơ kéo được tơ trời mà hay!
 Kiếp xưa cũng thế nào đây,
 Họa hoàn chẳng chẳng là tay vương tròn.
 Mảnh tiên tạc lấy sắt son,
 190 Tác lòng đem hỏi, nước non mạn bàn.

Khảo dị

164. Vén cảnh *biếc*, hái hoa hồng trước lang.
 178. Cành bay *phấn* điệp, hoa *xào cánh* thơm.
 180. Càng ngơ ngẩn bóng, càng *nâm* nỉ tình.
 185. Chớ rằng lá thắm *giòng* khơi.
 190. Tác lòng đem hỏi, nước non *mượn* bàn.

Chú thích

163. *Tiểu hoàn*: (*hoàn*: con hầu) con hầu còn nhỏ tuổi.

Xem hoàn đổ lá, giục đòi hái hoa (N.Đ.M)

Hiên trung: cái hiên nhà, phía bên trong hiên.

164. *Lang*: cái chái nhà, hàng hiên, hành lang.
 165. *Dung quang*: dung mạo sáng sủa, vẻ mặt đẹp đẽ.
 166. *Sỗ sàng*: không biết giữ gìn lễ phép.
 168. *Xông xáo*: trơ tráo, bạ đầu cũng vào.

Thái độ này cũng là tất nhiên thôi vì nếu không sẽ lỡ mất dịp may. Ở truyện *Hoa tiên nguyên tác*, Nguyễn Huy Tự cũng đã tá Lương sinh “sỗ sàng”, “xông xáo” như vậy:

- Khi gặp Dao Tiên ở trong vườn nhà họ Diêu đương đánh cờ chàng đã:

“Cả liễu đảm sắc vào ngay trước bàn”.

- Khi gặp lại ở vườn hoa nhà Dương công chàng đã:

Chặn ngang sinh đã trước kê,

Cật chừng giữ đất, rứt rề ghé xiên.

– Khi gặp lại ở vườn Hàn nhà họ Tiên chàng đã:

Vin theo cành đũa quyết xông qua tường.

Viết như vậy mới đúng tâm lý của chàng trai bị xa cách với người yêu bây giờ tình cờ mới gặp lại. Thế mà ở đoạn này Nguyễn Thiện khi nhuận sắc đã mượn mấy câu Kiều để thay vào cốt sao cho Lương sinh giữ thái độ nho nhã, đường hoàng:

Đạo quanh núi giả đi vòng,

Bên hoa đường có nẻo thông cuối tường.

Hài vãn lần bước bước sang,

Cách tường đã dặng tiếng vàng xa đưa.

Thật là giả tạo! Không còn đúng tâm lý nữa! Phải nói là Nguyễn Thiện đã làm hỏng mấy câu thơ của Nguyễn Huy Tự chỉ vì muốn giữ “vé đạo đức” cho Lương sinh.

169. *Đổ: đổ tội, gán cho tội đã làm điều bất chính.*

171. *Lý Đỗ: (Lý: Lý Thái Bạch, Đỗ: Đỗ Phủ) hai nhà thơ nổi tiếng nhất đời Đường.*

172. *Cảo: vẽ.*

Cả câu 172 nói văn hay như vẽ liễu về mùa xuân, tươi như nét tùng in trên tuyết về mùa đông.

173. *Thần khế: (thần: tinh thần, khế: hợp nhau) tâm tình hợp với nhau.*

Đạo đồng: (đạo: đường đi, lẽ; đồng: cùng) cùng một lý tưởng, cùng theo một đường lối.

174. *Hạnh đường: (hạnh: cây hạnh, chỉ người phụ nữ cao quý, đường: nhà) nhà ở của nữ chủ nhân.*

176. *Tiên mây: tờ giấy có vẽ mây. Cũng như tiên hoa. Mây và hoa là những chữ dùng cho đẹp lời.*

178. *Cánh điệp: cánh bướm tức con bướm.*

182. *Tin sương: do chữ sương tin, chim nhận ở phương Bắc mỗi khi bay đến phương Nam thì người ta biết sắp có sương mù.*

Tin sương nghĩa bóng là tin tức.

184. *Gió Đàng: gió thuận chiều thổi cho thuyền đến được gác Đàng; ý nói vận mau mắn. Xem chú thích câu 44.*

185. *Lá thắm duênh khơi: lá thắm làm mối giới.*

Đời Đường Hy Tông có người tên là Vu Hựu nhặt được chiếc lá đỏ từ dòng ngự câu trong cung vua trôi ra, trên lá có đề bài thơ. Vu Hựu bèn đề một bài thơ đáp lại vào lá rồi thả ở phía thượng lưu dòng ngự câu. Người cung nhân kia bắt được. Sau vua thả cung nữ, Hàn thị lấy Vu Hựu. Khi kể chuyện, hai người nhắc tới cái lá đỏ, đem ra cho nhau xem thì mới biết lá thắm là mối giới. (*Phương tri hồng điệp thị lương môi*).

188. *Họa hoàn: rất hiếm, ít khi có.*

Tay vuông tròn: chỉ ông trời, tay tạo hóa.

189. *Mảnh tiên: (tiên: tờ giấy) mảnh giấy.*

Sắt son: ý nói thủy chung, tình nghĩa không bao giờ phai nhạt (lúc nào cũng bền như sắt, đỏ như son).

IX. Mời vào hầu chuyện

- Bàn mê những thẹn tin nhân,
Nhờn nhớ sức thấy bóng hoàn tận nơi.
Tăn măn nói nói cười cười,
Rằng vâng nghiêm lệnh rước người về sanh.
195 Cảnh tình một bước một thanh,
Dắt chừng thư các, dạo quanh trì đường.
Ngoài sanh giá lục xây vàng,
Bình đan xuân vẽ, dài gương bóng lồng.
Trong sanh mở cánh phù dung,
200 Mất trần luống những lạnh lòng về Ngạn.
Ỗ trên thấy một phu nhân,
Bước vào tự lễ phân tân trước tòa.
Dạy rằng: “Quê phúc gần xa?
Ấy ai thóc mách nên mà biết đây?”
205 Dứt lời rén rén thưa bày:
“Khi xưa dòng dõi, khi nay phong trần.
Mảng vui nước trí non nhân,
Đang lâm trót hẹn với xuân một lời.
Cho nên liều nẻo lạc vời,
210 Phúc Giang, Phượng Lĩnh là nơi quê nhà.
Thầy lay vâng chịu trót đà,
May nào lượng bể bao la muôn nhờ.”

Khảo dị

191. Bàn mê những *ngóng* tin nhân,
196. *Tắt* chừng thư các, dạo quanh trì đường.

Chú thích

191. *Bàn mê*: bồi hồi.
Tin nhân: tin nhận.
192. *Bóng hoàn*: bóng con hầu.
193. *Tăn măn*: măn mò, làm chuyện thắc mắc (H.T.C).
194. *Nghiêm lệnh*: lệnh của bề trên nghiêm bảo.
Sanh: toà nhà chính, nhà lớn để tiếp khách.
196. *Thư các*: gác để sách.
Trì đường (*trì*: ao, *đường*: bờ ao) bờ ao.
197. *Giá lục*: giàn cây leo lá màu xanh.
198. *Bình đan*: (*bình*: bình phong, *đan*: màu đỏ) bức bình phong màu đỏ.
Đài gương: cái giá để tắm gương, tắm gương.

199. *Phù dung*: có hai loại: loại mọc ở dưới nước gọi là *thao phù dung* tức là một thứ hoa sen; loại mọc ở trên đất gọi là *mộc phù dung* tức mộc liên. Cây phù dung cao chừng hơn một thước, lá to, hoa trắng hoặc hồng đậm nở về mùa thu và mùa đông. *Cánh phù dung*: cánh cửa có vẽ hình hoa phù dung.
200. *Vẻ Ngân*: vẻ đẹp như trên cỏi tiên.
201. *Ý trên*: trên ghế ngồi.
Phu nhân: tiếng gọi tôn xưng người đàn bà sang trọng.
202. *Tự lễ phân tân*: (*tự*: bày, thứ bậc, *tân*: khách) bày đặt ra lễ nghi phân chia chủ khách để tiếp đón.
203. *Quê phúc*: quê quán.
206. *Dòng dõi*: con nhà danh tiếng đời đời có người đậu đạt và làm quan.
Phong trần: (*phong*: gió, *trần*: bụi) gió thổi bụi bay mà người đi đường thường gặp phải. Nói cảnh vất vả lúc đi đường, sau được dùng để chỉ cảnh loạn lạc hoặc tình cảnh gian nan về cuộc sống gặp nhiều khó khăn.
207. *Nước trí non nhân*: do câu *Nhân giả nhạo sơn, trí giả nhạo thủy* trong *Luận ngữ* (người có lòng nhân ưa thích dạo chơi núi, người có trí tuệ ưa thích dạo chơi sông). Thơ cổ: *Thú này nhân trí đủ trăm chiều*. (Vịnh chùa Tuyết).
Nghĩa rộng chỉ phong cảnh nước non.
208. *Đăng lâm*: đi chơi trên núi. Chữ 林 lâm là rừng.
209. *Liều néo*: băng lối đi liều.
210. *Phúc Giang*: tên con sông chảy qua xã Lai Thạch.
Phượng Lĩnh: tên núi ở gần làng Trường Lưu, còn có tên là *Nhạc Sạc*.

X. Khuyên lập công danh

- Nghe thôi lắng lặng trót giờ,
Ngọc khoan khoan mới xa đưa dịu dàng:
- 215 Rằng: “Gia quân với nghiêm đường,
Chữ luân xưa cũng mối giường một hai.
Điện Thương cùng nếm vạc mai,
Cũng trong Y Phó, cũng ngoài Tôn Ngô.
Nấy sương vện bước vân cù,
- 220 Dẫn nhàn riêng chiếm thú hồ sơn đây.
Cơ trời dẫu bể vẫn xây,
Trần Kiều biết mặt Chu này là ai.
Lửa binh rấp thừa chông gai,
Áo xiêm đổi thói, cân đai đau lòng.
- 225 Nặng nguyên hừ thích dữ đồng,
Theo châu liệt thánh năm vòng mười dư.
Bận bưng còn chút ngậy thơ,

Diên viên quen lấy cầm thư đỡ phiền.
 Dù chẳng cảnh bụi làng tiên,
 230 Với trần nghi đã khơi miền nước mây.
 Tiên nhân tức trái sao đây,
 Không dung người biết chốn này là đâu.
 Mới rồi vừa dạo thư lâu,
 Nhẹ nhàng vừa thấy con hầu nói qua.
 235 Khách nào lả lướt yên hà,
 Một mình thơ thần dò la hạnh đường.
 Lại đưa hai bức thi chương,
 Khác chiều nên bảo đón chàng vào chơi...
 Lời quê trẻ nó đông dài,
 240 Thêm hoa may lại gặp tài văn nhân.
 Xem trong xướng họa mấy vần,
 Lấy mai mà vẽ lòng xuân cần quyền.
 Hay đâu là nợ là duyên,
 Là thân trước trẻ, là nguyên xưa người.
 245 Khen cho cẩm tú sắc tài,
 Lạ cho con Tạo lựa người ghê thay!
 Kiếp trần dây dương dương này,
 Lửa hương thì đợi đến tay anh hùng.
 Ấy nhân duyên, ấy tao phùng,
 250 Dầu đâu sắc sắc không không, nghĩ gì.
 Lọ là nhận cá đi về,
 Lừa đôi chẳng lại một kỳ tái lai.
 Nền Thi Lễ gắng dùi mài,
 Tiếng *Khôi* đừng hẹn với *Mai* mới hào!
 255 Duyên lành hẩn đợi giá cao,
 Đất bằng sấm đã, thơ đào lại ca.
 Xe duyên đành có trắng già,
 Mặc dù nhân quả chớ ra quan hoài.
 Hồn mai còn nhớ Đình Mai,
 260 Nước non hẩn chẳng lạ người quen đâu.
 Còn non còn nước còn lâu,
 Còn câu thơ ấy là câu sấm rồi."

Khảo dị

215. Rằng: *Gia tiên* với *nghiêm đường*, (Nôm).
233. Mới rồi *dạo tới* thư lâu,
248. Lửa hương *chờ* đợi đến tay anh hùng.
260. *Cảnh quen* hẳn chẳng lạ người quen đâu.

Chú thích

214. *Ngọc*: tiếng nói trong như ngọc.
T.K: *Hoa cười ngọc nói đoan trang*.
215. *Gia quân*: bản HXH chép là *gia quân*.
Nghiêm đường: (*nghiêm*: có uy khiến người khác phải kính sợ, *đường*: nhà) chỉ người cha như *nghiêm phụ*, *nghiêm quân*.
216. *Luân*: thường, tức cái đạo thường người ta phải noi theo (*luân lý*, *luân thường*).
Mối giòng: cũng như giếng mối là những nguyên tắc về luân lý mà mọi người phải theo.
217. *Điện Thương*: (*điện*: cung điện nhà vua, *Thương*: tên một triều đại trong cổ sử Trung Quốc, trước Công nguyên) đây chỉ triều đình nhà Hậu Lê.
Vạc mai: vạc nấu canh. *Kinh Thư* có câu: “*Nhược tác hòa canh, như vi diêm mai*” (Nếu cần nêm món canh thì người làm mớ muối) ý nói đến tài điều hòa việc nước.
218. *Y Phó*: (*Y*: Y Doãn, *Phó*: Phó Duyệt) hai người bề tôi giỏi.
Ông Y đi ẩn ba lần mới chịu ra giúp cho dựng nên cơ nghiệp nhà Thương.
Ông Phó ẩn cư ở đất Phó Nham làm nghề thợ nề sau được vua Cao Tông mời ra giúp trung hưng nhà Thương.
Tôn Ngô: (*Tôn*: Tôn Tẫn, *Ngô*: Ngô Khởi) hai người tướng giỏi có tài mưu lược.
Ông Tôn, người nước Tề thời Xuân Thu, giỏi binh pháp, đã giúp cho Tề Hâu đánh thắng được nước Ngụy và giết được Bàng Quyên, kẻ đã hại mình.
Ông Ngô là người nước Vệ, đời Đông Châu, là người có tài nhưng bất hiếu với mẹ và tàn ác với vợ cũng là một tướng giỏi, trước theo Lỗ Hâu sau bỏ về giúp Sở và chết theo vua Sở.
Cả câu ý nói tác giả cũng là dòng dõi con nhà tướng,
219. *Nấy sương*: ngần ấy mùa sương tức ngần ấy năm rồi.
Vân cù: (*vân*: mây, *cù*: con đường đi suốt bốn mặt) đường mây, con đường công danh khoa cử.
220. *Dẫn nhàn*: đưa tới cảnh nhàn, về nghỉ dưỡng nhàn.
Hồ sơn: (*hồ*: cái hồ nước, *sơn*: núi) chỉ cảnh nước non, sơn thủy hữu tình.
221. *Dâu bể*: do chữ *tang điền thương hải* (ruộng dâu hóa ra biển xanh) nói những sự biến đổi ở đời.
222. *Trần Kiều*: tên đất, ở phía Đông Bắc huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam (Trung Quốc), nơi Triệu Khuông Dấn được làm vua tức Tống Thái Tổ.
Chu: tức Chu Công Đế bị Khuông Dấn phế bỏ mà tự xưng làm vua ở Trần Kiều.
223. *Ráp*: vận rủi, không may.

224. *Cân đai*: (*cân*: khăn chít đầu, *dai*: cái đai lưng) nói chung về phẩm phục của các quan thời xưa.
225. *Hưu thích dữ đồng*: (*hưu*: vui, *thích*: lo) cùng chung nỗi vui mừng và nỗi lo âu với nhau.
226. *Liệt thánh*: các vua đời trước.
227. *Bận bùng*: bận bịu.
228. *Điền viên*: (*điền*: ruộng, *viên*: vườn) về nghỉ dưỡng già vui với ruộng vườn ở quê nhà.
Cầm thư: (*cầm*: đàn, *thư*: sách) nói về sự vui thú với đàn với sách cho đỡ phiền.
230. *Khơ*: xa.
231. *Tiền nhân*: (*tiền*: trước, *nhân*: cơ, gốc để sinh ra hậu quả) cái duyên từ kiếp trước.
Túc trái: (*túc*: ngày trước, *trái*: nợ) món nợ từ kiếp trước. Ác nghiệp làm từ đời trước mà chưa chuộc được *khổ quá*, đời này mới thấy hiện ra *báo ứng*.
Ở đây ý nói có duyên nợ vợ chồng với nhau từ kiếp trước.
233. *Thư lâu*: lâu đọc sách.
235. *Yên hà*: mây và khói, chỗ sơn lâm vắng vẻ, chỗ ở ẩn, đây chỉ cảnh tiên.
236. *Hạnh đường*: xem chú thích câu 174.
237. *Thi chương*: (*thi*: thơ, *chương*: bài văn) bài thơ, ý nói đến hai bài thơ xướng họa vịnh mai.
238. *Khác chiều*: khác thường có vẻ khác với mọi người.
241. *Xướng họa*: nói về làm thơ đối đáp giữa hai người hay nhiều người, một người viết ra trước gọi là *xướng*, người theo vần bài trước viết đáp lại gọi là *họa*.
242. *Cần quyền*: (*cần*: ân cần, *quyền*: lòng thành thiết) ân cần và thành thiết (gắn bó).
244. *Trẻ*: chỉ người con gái đề thơ, con của phu nhân.
Ngươi: chỉ tác giả.
245. *Cắm tú sắc tài*: (*cắm*: gắm, *tú*: thêu) sắc tài đều tốt đẹp như gắm dệt hoa thêu, ý nói nàng có sắc, chàng có tài, hai bên thật xứng đôi.
248. *Lửa hương*: do chữ *tam sinh hương hỏa*.

Tích ông Tình lang nằm chiêm bao đi chơi núi Bồng, thấy một ông sư thấp hương tụng niệm. Tình lang hỏi thì nhà sư đáp: “*Lúc tôi khấn nguyện nén hương này vẫn cháy, mà nay tôi đã chuyển sinh ba kiếp người rồi.*” Thường dùng để nói duyên vợ chồng.

Anh hùng: (*anh*: vua loài hoa, *hùng*: vua loài thú) chỉ người hiền tài làm được những việc to tát hơn người.

249. *Nhân duyên*: duyên vợ chồng.
Tao phùng: (*tao*: thỉnh linh mà gặp, *phùng*: gặp) như *tao ngộ*, tình cờ mà gặp nhau, có duyên mà gặp nhau.
250. *Sắc sắc không không*: (*sắc*: sắc tướng. Nhà Phật cho hết thấy cái gì có hình, có tướng đều gọi là *sắc*; *không*: đạo Phật vượt qua cả sắc tướng ý thức là đạo chân thực nên gọi là *không môn*. *Không* còn tả cái ý để lòng như vẫn thiếu thốn, không tự cho là đầy đủ. Theo nghĩa nhà Phật cái không cũng là không có gì hết). Chỉ tính chất vừa thực vừa hư của sự vật như câu nói: “*Sắc tức thị không, không tức thị sắc*”.

251. *Nhạn cá*: nghĩa bóng là tin tức.
Do điển: *Tin nhận*: ông Tô Vũ buộc thư vào chân chim nhận.
Tin cá: ông Trần Thắng bỏ thư vào bụng con cá để thông tin.
Vì thế đời sau thường dùng hai điển ấy để chỉ tin tức.
252. *Tái lại*: lại gặp lại lần nữa.
253. *Nên Thi Lễ*: (*Thi*: Kinh Thi, *Lễ*: Kinh Lễ) ý nói nên nếp Nho gia đời đời có theo đòi kinh sử.
254. *Khôi... Mai*: chữ *Khôi* là nhắc đến việc hãy thi đỗ đầu bảng (khôi nguyên) để xứng đáng với *Mai* (hoa mai, thứ hoa đứng đầu trăm hoa) là người thiếu nữ đề thơ ở Mai Đình.
256. *Đất bằng sấm đā*: ý nói hãy học hành thi đậu cho danh tiếng nổi vang dậy đā.
Thơ đào: tức bài thơ *Đào yêu* trong *Kinh Thi*:
Đào chi yêu yêu, chúc chúc kỳ hoa,
Chi tử vu qui, nghi kỳ thất gia
(Cây đào tơ xanh tươi, hoa nhiều chi chít. Nàng đi lấy chồng thì chắc êm ấm gia đình).
Thơ đào lại ca: ý nói thi đỗ rồi sẽ làm lễ thành hôn cũng chưa muộn.
257. *Trăng già*: tức *Nguyệt lão*. Điển: Vi Cố (đời Đường) gặp một ông già ngồi xem sách dưới ánh trăng tay có cầm túi chỉ đỏ. Vi Cố hỏi, ông lão nói: sách này ghi tên những người sẽ thành vợ chồng với nhau và dây chỉ đỏ là để buộc chân họ với nhau.
Do điển này mà các chữ *Nguyệt lão*, *chỉ hồng* được dùng để chỉ sự làm mối, kết duyên vợ chồng.
258. *Nhân quả*: cái nhân thuở trước sinh ra cái quả báo ngày nay, là cái thuyết về sự báo ứng của thiện ác. "*Chước quả là nhân, thu được là quả.*"
Quan hoài: (*quan*: có dính dấp đến, *hoài*: ôm lấy, nhớ trong lòng) bận tâm, trong lòng luôn luôn nghĩ ngợi đến.

XI. Tỉnh dậy tay không

- Đương khi từ tạ khúc nhôi,
Giang thôn đâu động tiếng còi mục nhi.
- 265 Trong thuyền sức tỉnh đòi khi,
Tác riêng đồn đā khôn suy tin ngờ.
Nào đình nào khách nào thơ,
Bấy giờ hồ điệp, bấy giờ Trang sinh.
Cũng trong hai chữ chung tình,

- 270 Sao người thường bấy, mà mình quái thay!
 Tài tình xem lại xưa nay,
 Kiếp người may với chẳng may cũng nhiều.
 Cuộc đời mây nổi nước triều,
 Tình bao nhiêu, nợ bấy nhiêu, hay gì.
- 275 Lấy điều mộng ảo mà suy,
 Một thì là giác, hai thì là mê.
 Mê chẳng một lúc đi về,
 Giác thì duyên ấy còn ghê sau này.
 Thấy đây còn biết từ đây,
- 280 Bao giờ sao nữa lại hay bấy giờ.
 Hoàn thiên tẩu bút một thơ,
 Quê đâu chữa đó là nhờ tao nhân.

Khảo dị

268. Bấy giờ hồ điệp, bấy giờ Trang sinh.

Chú thích

263. *Từ tạ*: (từ: cáo từ, tạ: cảm ơn) cảm tạ và từ biệt. Lời mình đáp tạ để ra về.

Khúc nhôi: nỗi niềm ở trong lòng.

264. *Giang thôn*: xóm làng ở ven hai bờ sông.

Mục nhi: trẻ chăn trâu, cũng như mục đồng (*đồng*: trẻ nhỏ).

268. *Hồ điệp*: con bướm bướm.

Trang sinh: sách *Trang Tử*, thiên *Tề vật luận* nói rằng ngày xưa có lần Trang Chu chiêm bao thấy mình hóa làm bướm bướm, khi tỉnh dậy lấy làm ngờ không biết mình là bướm hay là Trang Chu.

269. *Chung tình*: (*chung*: un đúc lại) ái tình rất mật thiết như chung đúc lại vào một người nào.

275. *Mộng ảo*: điều mơ mộng vẫn vơ không có thực.

276. *Giác*: tiếng Phạn là *bodhi* (bồ đề), cách dịch cũ là *đạo*, cách dịch mới là *giác*. *Giác* thường hiểu là *giác ngộ* như người ngủ vừa thức dậy, nhận biết các chương ngại che lấp trí tuệ. Đức Phật lấy *giác ngộ* làm tôn chỉ nên ví với biển cả (*giác hải*) là để nói về mức độ sâu rộng bao la của đạo Phật.

Mê: tối tăm trong việc phân biệt sự và lý. Chúng sinh bị phiền não trói buộc mà lưu chuyển trong ba cõi là *mê giới*.

Mấy câu này ý nói chẳng nên phiền não làm gì khi đã hiểu đó chỉ là giấc mộng.

281. *Hoàn thiên*: viết xong bài ký.

Tẩu bút: (*tẩu*: chạy mau) viết mau.

282. *Quê*: mộc mạc chất phác, không được bóng bẩy chải chuốt.

Câu kết này với chữ *quê* và câu mở đầu bài ký với chữ *trăm năm* cho ta thấy có thể Nguyễn Huy Hổ hoặc người sao chép sau này đã phóng theo *Truyện Kiều* mà sửa lại.

Tao nhân: do chữ *tao nhân mịch khách* là người tao nhã, khách bút nghiên, nghĩa rộng là bậc có học thức rộng và nhã nhặn.

梅亭夢記

序

余聞之。有大覺者。方有此
大愛。微哉言乎。微哉言乎。
夫大而天地之終始。小而人
物之生死。遠而古今之世變。
要之覺也。夫如是則所謂夢
幻者。塵芥者。逆旅者。行客

者斯人也。可與言夢也已矣。梅亭記記夢也。
夢之小者也。小小夢必有小小覺。余嘗謂衆人
夢也。噫。庸詎知吾之所謂夢者為非夢耶。
庸詎知吾之所謂非夢者為夢耶。此梅亭之
記所以作也。己巳春人日後。余有南塘之遊。
慶吾兄鍾山學舍成也。途沮以雨。旅于浮石
廬之誼菴。菴為之命舟焉。日將夕。溯流而
上。清風徐來。太空無雲。明月在天。命童子

舉酒相屬。春山之晻曖。春水之陸離。春光春
色之宜人。惟知夫春遊之樂。為可醉。曾不覺
夫醉而有翻翻然之睡。睡而有翻翻然遽遽
然之夢者耶。其來也若無其去也若虛。點染
風來疎竹。雁渡寒潭。同是一般無限理趣。梅
亭之娘子神思飄然。書閣之夫人詞氣灑
然。若乃艷如樵李。堅如松柏。濃如醇醪。淡
如霜雪。千態萬狀。非筆札所能盡畫。余亦

不覺其神恠之若斯。吁嗟乎。方其浮石觀
燈辰。初不知其有水月之遊之辰。又焉知其有
梅亭之夢。其夢也耶。其非夢也耶。惟大覺者
其正諸。

耳。轉。羅。劫。於。其。錢。塵。尼。色。今。得。耳。轉。
局。浮。生。固。包。森。女。遇。時。泊。腐。淋。癩。瘡。
緣。際。遇。會。功。名。羅。仁。具。義。鍾。情。羅。已。
調。羅。唐。巧。得。些。松。林。饒。蒂。埃。戈。買。曾。
情。緣。堆。敗。概。平。跼。浪。緣。障。跼。浪。情。疔。
轉。聖。群。固。少。之。脂。清。恆。戰。悶。記。內。身。
朱。哈。浪。稼。固。情。占。色。杏。橘。甌。更。杏。杏。
牧。聖。轉。已。胸。實。賞。香。被。拔。守。旬。踰。腹。
勝。遊。便。壞。觀。燈。魁。洩。癡。柳。冰。澄。點。花。

萃

丕歆春染華服。杆湄泥雪陣霞捲速。

鳴銜敲洗羅核。菱東色覓驗教降蟾。

炤梵溫淌神簾。欺遙香麝欺挽燒松。

江神子

殘堽立路中開。如翬花拥如撞翹娥。

城堽。殘塔煙霞。嶺嫩坪端。軒旗培霜。

殿堽。矮踞燒香。波捺功鐸。鎮湘廣體。

各院院。若漏漏。邊抹隻獨。邇璉羅蘇。

魁翹埃。枕梗梅。帶還埃。捻沒排流星。

繁花妥盡市城。尼浮石。庸羅名歷朝。

每事一記

起風流拱北鏡。烟炆脉素。炉燒塢塵。

奉准使介。差運。熠燿群姁。具春易市。

訂腐翅蝶。羅梳。去術。平夷。器色。武陵。

沒。歪花。尊。肢肢。懽懽。涓楚。邊。膝。地。低。

朝春。噉。戰。為。浩。此。貼。得。醒。得。醒。買。羅。

砒。綿。放。聒。噍。秦。茹。蘭。捺。榻。溫。羅。帶。舟。

透。春。採。翅。帆。綠。韶。光。尤。逐。雲。煙。沒。潮。

波。情。珥。槽。混。梳。頭。枚。燕。回。漫。潮。鶯。透。

請。台。歌。醕。櫟。詩。阮。琴。遣。興。諾。棋。解。迷。

舟中詩

江上詩

春宵景

惆懷律透花溪。貝得美僂。毼為敗情。
風光粲幅。預悵屏。嫩漫漶。綢盈冽蘇。
波南柳。暗混渡。極遠遠。浦翅。鴉寒沙。
岸東。燭客。落霞。流湄。古樹。省。鴉。孤村。
跡。駒坡。逾。珥。臨。邊。樓。此。贈。黃。昏。留。市。
歪。西。膝。鶴。嫩。集。塘。蔡。客。宴。添。包。吞。
飯。貼。塔。波。邊。歪。沒。春。別。今。逝。尼。燿。燿。
隊。尼。再。牧。漁。樵。并。散。今。幹。箴。朝。好。萌。
請。台。逾。沫。腰。清。市。潭。桐。瀨。惠。崇。磻。溪。

海山先生記

拳慙操杞質批。溫銀膝兒色事昂頭。

奈春戰仍犒。想緣奇遇吟句。潤唐。

尼尼桂棹蘭漿。市都赤壁之讓東坡。

醺醺隊趣鄰羅。江城無喙。啗鵲迎蜀。

戰槐帖帖。各恢。勉。懽懽。集情期。選南。

想躬落。嘉源。槐。斯。墨。洞口。斯。包。蓬。瀛。

隊番。鳴。羅。花。梗。義。朝。連。連。如。情。嘆。嘆。

今。苦。連。嘉。山。溪。洞。根。趣。逸。壁。霞。培。塵。

嘉。航。花。迎。客。各。景。僊。顏。底。細。神。關。控。

景
卷
四

醉
中
得
意

玩景記

瓢盃收名清光。竭賒曉燭。今張老松。
蘇松固關迎風。隔澄仍覓梵宮寶臺。
水澄蹤跡細尼。牆黏新砑早梅。選城。
扁兜湮鑿仟仟。題巴敦。懷梅亭。鑄湘。
龍亭。翠霞。塵床。題。運。買。討。魏。霜。諸。來。
衝梅。秩。動。膝。傳。睡。蘭。被。戰。倍。移。踏。蓮。
杞。昂。術。質。西。軒。梗。瑤。屈。膝。權。仙。在。年。
出。翹。森。着。羊。榆。杏。乘。群。彷彿。兜。髻。亭。
縣。兜。王。卒。還。清。筆。神。如。履。城。悻。傳。神。
海。子。安。記。

價斬寶趙珠。秦得鞠曉。龜埃塵素諸埃。

110

寔歐色諾香。至極洞神女拱。為仙宮。

源封肩銀重重。客詩添仍。憐懷塊詩。

別塊。諾待。嫩徐。主春。鞠。捧。頃。啊。朱。當。

袍情。亦。添。漢。霜。知。書。阮。炮。梗。霜。沒。躬。

梅亭看詩

躡琪。公。器。崑。亭。壁。梅。群。演。伶。伶。笑。梅。

侶玉。旁。埃。妬。

肢。箕。貝。客。尼。

沒。梗。春。色。歟。

今。點。雪。市。悲。

尾。証。媚。強。特。

志。資。賁。逾。女。採。

120

蛇龍得吮吻

朱梅同樣和

右賞梅元韻

思高格選揮洒。叙裙喉。玳瑁才。臥蘇。

女中易介尼咄。憲梅計介工夫習。鏗。

句神教聖得仙。能兜羅極產。極耳。

廷凰侍客知音。賊捺并。麗埃。拾價。息。

持鈴路。踴送嫩。念京國。內鄉村。閑。近。

脫之蛇。屢。螭。排。壇。騷。市。介。御。和。標。章。

油庄。猛。造。吃。喚。辰之。翅。蝶。群。迷。貝。情。

詩事要記

梅亭和韻

平陀興牡丹亭。蒼左拱披沒梗以緣。
續貂強步韻仙。柳池罽羅花箋世帝。
外蛟被燥律陶。貝韻詩罽插以沒封。

瑤池印錄玉。

鐫吏羅戔尼。

報邊花被蓐。

奈香月悶悲。

隻亭群彷彿。

丐蛇俸喋味。

極仍春集味。

神仙拱執和。

右賞梅次韻

得仙咽隔今重。西仙強付詩筒蟹招。

仙館重臨

俸仍懷遜。逸迢。少鞫。踏細珠。扣蹻尼。
局迷強。疾幾。咤。炆。煙。隻。俸。支。章。卒。徐。

汲亭汲客。刻書。催。枕。辰。晦。更。嘛。嗽。嘲。

軒。堯。橋。犯。花。桃。打。料。奇。決。趾。色。此。貼。

捷。他。絲。柳。梳。簾。恭。嫩。挽。調。楊。樓。誇。鮮。

式。春。連。遜。如。咁。管。清。款。逆。恪。為。真。遊。

同。核。固。破。葛。蒲。固。樓。宿。烏。固。湖。將。魚。

神。丞。汲。司。仙。居。亭。甚。介。塔。園。書。介。層。

花。睡。鶴。昨。懶。澄。汲。浪。碧。洞。紅。浪。青。霄。

夢亭夢記

醒

客對客

沒軒揮鳳蹈躑。溫遙遙竹高簪。弄松
小繫文。勝軒中。援梗錦梅花紅。翠廊。
勝得秩。賃客先。吟。牒趾細。嚙。哧。呼。阻。
得。塊。官。客。塊。低。遇。遇。衝。揮。准。尼。羅。喇。
吼。浪。齋。壯。饒。苑。戈。亭。梅。賃。詩。希。捕。抹。
才。尼。李。杜。沒。仁。春。印。橋。柳。雪。鮮。涅。松。
空。塊。神。契。道。同。杏。堂。包。那。吼。旁。特。能。
繫。腫。麻。敏。吟。台。借。鑽。秩。祕。箋。還。阻。色。
絕。幾。市。賃。塊。市。梗。離。翅。躑。花。操。塊。資。

隔面話情

牘頑強凜如心。強魚良膝強難味情。

180

我之羸難停享。信霜固律整前年庄。

財更隔今近層。空仍候易透膝樂境。

諸琅蕪權盜淵。沒詩橋特絲至腐能。

初習拱勢市低。蚤院庄拉羅細旌輪。

牘笑鑿祀鉄輪。財志挽每漾嫩極盤。

盤迷仍舊信雁。忍如直直覺膝囊便尼。

曾望呖呖其其。琅耶嚴令連得術驪。

景情沒趾沒清。蹠澄言閣蹠舐池塘。

仙宮遊客

桃源起步

190

外廳架綠磁鏡屏。丹春麗臺翳膝簋。
黼黻開授芙蓉。暗塵隨仍冷淹犀銀。

密仙話叙

倚連甍沒夫人。跳入殿。礼分廣釋座。
曳良圭。初斯賒。意埃味。噴。城。腐。別。低。

嚙。啞。練。練。嗜。排。斯。碧。洞。佳。斯。吟。風。塵。
憐。極。諾。智。嫩。仁。登。林。平。限。具。春。沒。堅。
朱。絨。料。塲。落。為。初。江。鳳。嶺。羅。尼。圭。茹。
喋。味。耶。破。平。陀。枚。市。量。滋。色。羅。闍。如。
賁。確。朗。朗。平。徐。玉。寬。寬。買。賒。送。妙。楊。

琅家先具嚴堂。敦倫習耕。繇經汲古。
殿商旁念。鑿梅拱。純伊傳。拱外孫吳。
乃霜院。趾雲衢。引門禎。占趣湖山低。
機。至槐波連。礎。陳橋別。稻周尼羅埃。
紹。兵燹謀。交。多。美。稷。祐。樹。遺。中。葉。方。垂。
礪。愿。休。戚。共。同。蹕。朝。列。聖。輔。銓。近。餘。
緙。繚。群。出。疇。疎。田。園。拆。祀。琴。詩。拖。煩。
油。庄。景。亭。廊。仙。貝。底。持。色。開。仍。漾。遠。
前。姻。夙。債。輒。低。空。仍。時。別。准。尼。羅。兜。

梅亭夢記

買來放遣書樓。玊讓被覓玊侯收。
客市羅襪煙霞。沒吟書。別號羅香堂。
更送紅幅詩章。恰朝城。係述松包制。
陸圭難奴容我。添花報吏。報才文人。

琴瑟調琴

貼顰唱和。介韻。衲梅腐。履悉春。勸奉。
能堪羅女羅緣。羅身碧。難羅羅。愿誓時。
看朱錦。綉色才。遇林張。造招得。稽台。
初塵練。緣讓尼。娑香辰。符綰。栖英雄。
意姻緣。意遭逢。油塊色。色空空。持瓶。

呂羅雁野移術，名堆在東沒期再來。

埤詩禮強錐，硯省魁停憶貝梅買豪。

綠鑲罕待價高，坦平仍屯詩槐吏歌。

車綠停固腹，茶默油因早，諸墨開恢。

塊梅群忙，亭梅，澹嫩罕，扭選得，捐兜。

群嫩群，澹群，款群，句詩，意羅，句識，未。

當款，群謝，曲餞，江村，兜動，啗，牧兒。

勣，船，直，醒，隊，款，群，類，類，恍，恍，坤，推，信，寺。

市，亭，市，客，市，詩，閉，徐，蝴蝶，閉，徐，在，生。

梅亭度記

江甯縣志

拱黽仁敦鐘情。物得常閑。磨躬恹咍。
才情姑束。誓聆劫得。教具極教。拱饒。
局。裁。遠。後。送。謝。情。包。饒。女。開。饒。細。而。
祉。調。夢。幻。磨。推。沒。辰。羅。覺。台。辰。羅。迷。
迷。在。沒。財。移。術。覽。展。緣。意。群。椿。數。尼。
僂。低。群。別。自。低。包。徐。物。女。吏。能。閑。徐。
完。篇。走。筆。沒。詩。主。塊。拋。如。羅。悵。騷。人。

終

梅亭夢詩

仙呂縣知縣題

一帶長江水國天。

劉郎何處賦登仙。

花魁色相三春雨。

燒劫光陰一葉船。

惱障有神消覺夢。

騷壇無酒醉愁眠。

橫江安得玄猿鶴。

報向梅亭叩鳳緣。

SÁCH THAM KHẢO CHÍNH

1. *Hoa tiên nhuận chính* Đỗ Hạ Xuyên kiểm
• Lễ đường tàng bản - Tự Đức Ất hợi 1875
2. *Tiểu tượng đệ bát tài tử thư* (1) Tĩnh Tĩnh Trai bình
Khảo Văn đường tàng bản
3. *Bát tài tử Hoa tiên ký*
Ngũ Quế đường - Hương Cảng
4. *Hoa tiên ký diễn âm* Nguyễn Văn Tổ
Bulletin de la Société d'Enseignement mutuel
Số 3 - 4 - Tháng 7 - Tháng 12 năm 1936
5. *Hoa tiên truyện dẫn giải* Định Xuân hội
Tân Dân - Hà Nội - 1930
6. *Truyện Hoa tiên.* Vân Bình Tôn Thất Lương
Tân Việt - Sài Gòn 1951
7. *Truyện Hoa tiên.* Lại Ngọc Cang
Nhà xuất bản Văn hóa - Hà Nội - 1961
8. *Truyện Hoa tiên.* Đào Duy Anh
Nhà xuất bản Văn học - Hà Nội - 1978
9. *Hoa tiên truyện*
Văn Minh - Hải Phòng - 1924
10. *Phổ Chiêu thiên sư thi văn tập.* Sở Cường
Nam Ký - Hà Nội - 1932

(1) Bản photocopy của Thư viện Anh Quốc.
Soạn giả xin chân thành cảm ơn.

Phụ lục

VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH

STT	CÁC BẢN VĂN TẾ THẬP LOẠI CHỨNG SINH	VIẾT TẮT
1	Bản do nhà sư Chính Đại hiệu đính và cho khắc in năm 1895 trong <i>Ứng phó dư biên tổng tập</i>	C.Đ
2	Bản do Lê Thước phiên âm từ bản Nôm tìm thấy ở chùa Diệc	L.T
3	Bản do Trần Trung Viên sao lục và cho in trong <i>Văn đàn bảo giám</i>	V.Đ
4	Bản đăng trên tạp chí <i>Nam Phong</i> số 178 - năm 1927	N.P
5	Bản do Hoàng Xuân Hãn hiệu đính đăng trên <i>Tạp chí Văn học</i> số 2 năm 1977	H.X.H

VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH

Bài văn tế này từ trước đến nay vẫn được truyền là của Nguyễn Du viết ra nhưng các sách sử trước đây và gia phả họ Nguyễn Tiên Điền đều không nói tới.

Cho đến cuối thế kỷ thứ XIX nhà sư Chính Đại ở chùa Hưng Phúc, xã Xuân Lôi, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh mới sưu tầm được một bản Nôm rồi đem hiệu đính và cho khắc ván in trong quyển *Ứng phó dư biên tổng tập*, từ trang 23 đến trang 27.

Sang tới đầu thế kỷ thứ XX, Lê Thước mới tìm được một bản Nôm khác ở chùa Diệc, gần phía Bắc thành Nghệ An xưa, và ông đã phiên âm sang Quốc ngữ rồi cho in trong tập sách nhỏ *Truyện cụ Nguyễn Du 1*, xuất bản năm 1924.

Hai năm sau, năm 1926, Trần Trung Viên lại cho in bài văn tế ấy trong bộ *Văn đàn bảo giám*, tập I² và đến năm 1927, bài ấy lại được đăng trên *Tạp chí Nam Phong* số 178.

Đó là những lần được in sớm nhất trên các sách báo và phải nói ở đây, người đã có công giới thiệu đầu tiên bài văn tế ấy cho mọi người biết là nhà nghiên cứu Lê Thước, hồi đó là giáo sư trường Trung học Vinh.

Về sau bài văn tế ấy đã được in lại trong quyển *Văn tế cổ kim* do Nhà xuất bản Văn hóa ở Hà Nội in năm 1960.

Năm 1965, nhân dịp kỷ niệm 200 năm năm sinh Nguyễn Du, Nam Chi từng thư ở Sài Gòn có cho in bài *Chiêu hồn Thập loại chúng sinh* do Đàm Quang Thiện hiệu chú.

Bản hiệu chú này cũng khá công phu nhưng không khoa học bằng bản hiệu đính của Hoàng Xuân Hãn đăng trên *Tạp chí Văn học* số 2 năm 1977.

Nói chung bài *Văn tế Thập loại chúng sinh* đến nay đã có nhiều bản in bằng chữ Quốc ngữ nhưng mỗi bản đều có những dị biệt khiến cho vấn đề hiệu đính trở nên rất khó khăn vì không biết lấy đâu ra nguyên bản để đối chiếu.

Bản Nôm của chùa Hồng Phúc tàng bản thì tuy là bản khắc in cổ nhất nhưng đã bị nhà sư Chính Đại sửa lại khá nhiều nên không còn cái “diện mục” ban đầu nữa.

1. Mạc Đình Tư - Hà Nội - 1924.

2. Nam Ký - Hà Nội - 1926.

Trong việc hiệu đính lần này, chúng tôi đã căn cứ vào năm bản - bản *Chính Đại*, bản *Lê Thuộc*, bản *Trần Trung Viên*, bản *Nam Phong* và bản *Hoàng Xuân Hãn* để lập lại văn bản.

Chúng tôi đã không tự ý sửa chữa thêm một chữ nào mà chỉ lựa trong các bản đã in trước để lựa lấy những câu được coi là có thể đúng với nguyên bản hoặc có nghĩa hơn cả.

Nếu quý vị độc giả thấy có câu nào chưa được hợp lý thì có thể xem trong phần *Khảo dị* để tìm lấy câu mà mình cho là đúng hơn.

Để tiện việc đối chiếu, chúng tôi đã cho in phần *Khảo dị* ngay dưới phần *Văn bản* và có ghi *Bảng viết tắt* để các độc giả tiện tra cứu.

VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH *

- Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt,
Gió heo may lạnh buốt xương khô.
Nào người thay bấy chiều thu,
Ngàn lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng.
5. Đường bạch dương bóng chiều man mác,
Ngọn đường lê lác đác mưa sa.
Lòng nào lòng chẳng thiết tha,
Cõi dương còn thế nữa là cõi âm.
9. Trong trường dạ tối tăm trời đất

Khảo dị

1. Tiết tháng bảy mưa *ngâu* sùi sụt (C.Đ)
Tiết tháng bảy mưa dầm *dào dặt* (N.P)
 2. Gió heo may lạnh 律 *lột* (suốt) xương khô (C.Đ)
Toát hơi may lạnh lẽo xương khô (V.Đ)
Lột hơi sương lạnh ngắt xương khô (L.T)
 3. Nào *nùng* thay bấy chiều thu (C.Đ)
Nào *người* thay *buổi* chiều thu (V.Đ)
 4. Ngàn lau *khóm* bạc, lá ngô *dòng* vàng (L.T)
Ngàn lau *điểm trắng*, lá ngô rụng vàng (C.Đ)
Ngàn lau *nhiễm* bạc, *dặm* ngô *nảy* vàng (N.P)
 5. *Dịp* đường lê lác đác *sương* sa (V.Đ)
 6. Lòng nào lòng chẳng *xót xa* (N.P)
 7. Cõi dương còn thế *huống* là cõi âm (V.Đ)
Cõi dương còn có *nữa* là cõi âm (V.Đ)
- *. Đề mục bản C.Đ: Thính cầu cô hồn quốc âm.

- Chút khôn thiêng phảng phất u minh.
 Thương thay thập loại chúng sinh,
 Hồn đơn phách chiếc lênh đênh quê người.
13. Hương khói đã không nơi nương tựa,
 Hồn mồ côi lần lửa đêm đen.
 Còn chi ai khá ai hèn,
 Còn chi mà nói kẻ hiền người ngu.
17. Tiết đầu thu lập đàn giải thoát,
 Nước tĩnh bình rưới hạt dương chi.
 Muôn nhờ đức Phật từ bi,
 Giải oan cứu khổ hồn về Tây Phương.
21. Nào những kẻ tính đường kiêu hạnh,
 Chỉ những lăm cắt gánh non sông.
 Nói chi những buổi tranh hùng,

Khảo dị

10. *Sảng linh hồn phảng phất u minh* (C.Đ)
Có khôn thiêng phảng phất u minh (V.Đ)
Xót khôn thiêng phảng phất u minh (L.T)
 Chữ *chút* 𠂔 𠂔 và chữ *xót* 悴, 𠂔 có tự dạng giống nhau nên đã có sự nhầm lẫn.
12. *Phách đơn hồn chiếc lênh đênh quê người* (C.Đ - L.T - N.P)
13. *Hương lửa đã không nơi nương tựa* (V.Đ)
14. *Phận bồ (mồ) côi lần lửa đêm đen* (L.T - N.P)
Hồn mồ côi lần lửa mấy năm (V.Đ)
16. *Còn chi mà nói ai hiền ai ngu* (N.P)
17. *Tiết sơ thu dựng đàn siêu độ* (N.P)
Tiết đầu thu dựng đàn giải thoát (N.P)
18. *Nước cam lồ mật chú gia trì* (C.Đ)
Nước tĩnh đàn sai hạt dương chi (V.Đ)
Nước tĩnh bình tưới hạt dương chi (N.P)
Nước tĩnh bình rưới hắt dương chi (H.X.H)
19. *Muôn nhờ Phật đức từ bi* (C.Đ)
Muôn nhờ Phật lực từ bi (N.P)
20. *Giải oan cứu khổ dất về Tây Phương* (C.Đ)
Giải oan cứu khổ cùng về Tây Phương (V.Đ)
21. *Cũng có kẻ toan đường kiêu hạnh* (C.Đ)
Cũng có kẻ tính đường yêu hãnh (V.Đ)
22. *Chỉ những lăm cướp gánh non sông* (H.X.H)
Trí những lăm cắt gánh non sông (V.Đ)
Chỉ những chằm cắt gánh non sông (N.P)
23. *Nói chi đang thừa thi hùng* (N.P - H.X.H)

Gớm thay đang thừa tranh hùng (C.Đ)

- Tưởng khi thất thế vận cùng mà đau.
 25. Bỗng phút đâu tro bay ngói lở,
 Khôn đem mình làm đũa thất phu.
 Cả giàu sang, nặng oán thù,
 Máu tươi lai láng, xương khô rã rời.
 29. Đoàn vô tự lạc loài nheo nhóc,
 Quỉ không đầu van khóc đêm mưa.
 Cho hay thành bại là cơ,
 Mà u hồn biết bao giờ cho tan.
 33. Nào những kẻ màn lan trướng huệ,
 Những cây mình cung quế Hằng Nga.
 Một phen thay đổi sơn hà,
 Mảnh thân chiếc lá biết là về đâu?
 37. Trên lầu cao dưới dòng nước chảy,
 Phận đã đành trâm gãy bình rơi.
 Khi sao đông đúc vui cười,
 Mà khi nhắm mắt không người nhật xương.

Khảo dị

24. *Nào ngờ thế khuất vận cùng mà đau* (C.Đ)
 25. *Bỗng phút đâu tro bay khói tỏa* (C.Đ)
Bỗng phút đâu tro bay ngói giờ (H.X.H)
Bỗng phút đâu mưa sa ngói lở (V.Đ)
 27. *Lớn giàu sang, nặng oán thù* (L.T)
Giàu sang càng nặng oán thù (V.Đ)
Cả sang giàu, nặng oán thù (N.P)
 28. *Máu tươi lai láng, xương khô đã rời* (L.T)
Máu tươi lai láng, xương khô rụng rời (V.Đ)
 30. *Quỉ không đầu lăn lóc tri tro* (C.Đ)
Quỉ không đầu đón khóc đêm mưa (V.Đ)
 31. *Nào hay thành bại là cơ* (L.T)
 32. *Mà cô hồn biết bao giờ cho tan* (C.Đ - VĐ)
 33. *Nào những kẻ màn lan trướng huệ* (C.Đ)
Cũng có kẻ màn loan trướng huệ (V.Đ)
 34. *Những cây mình cung quế Thường Nga* (C.Đ)
Những cây mình cung quế phòng hoa (V.Đ)
 35. *Gặp phen thay đổi sơn hà* (C.Đ)
 36. *Thân như mảnh lá biết là làm sao* (C.Đ)
Tấm thân miếng lá biết là làm sao (L.T)
Tấm thân mảnh lá biết là làm sao (H.X.H)
Tấm thân mảnh lá biết đã làm sao (N.P)
 37. *Lên lầu cao xuống dòng nước chảy* (H.X.H)

41. Đau đớn nhẽ không hương không khói,
 Luống ngẩn ngơ đầu suối ngàn sim,
 Thương thay chân yếu tay mềm,
 Càng năm càng héo, một đêm một dầu.
45. Nào những kẻ mũ cao áo rộng,
 Ngọn bút son thác sống ở tay.
 Kinh luân chất một túi đầy,
 Đã đem Quán Nhạc, lại ngày Y Chu.
49. Thịnh mãn lắm, oán thù càng lắm,
 Trăm loài ma mồi nắm chung quanh.
 Nghìn vàng không chuộc được mình.
 Lầu ca viện xứng tan tành còn đâu?
53. Kẻ thân thích vắng sau vắng trước,
 Biết lấy ai bát nước nén hương.

Khảo dị

41. *Thảm thiết* nhẽ không hương không khói (L.T)
Thảm thiết nhĩ không hương không khói (N.P)
42. *Hồn vẫn* vơ bãi cõi ngàn sim (H.X.H)
Luống ngẩn ngơ trong cõi rừng sim (V.Đ)
Hồn ngẩn ngơ dòng suối ngàn sim (N.P)
Luống ngẩn ngơ bãi gái đôi sim (C.Đ)
43. Thương thay *thân* yếu tay mềm (L.T)
44. Càng *nằm* càng héo, một đêm một *dài* (C.Đ)
 Càng năm càng héo, một đêm một *dài* (V.Đ)
 Càng năm càng héo, *càng* đêm *càng* rầu (N.P)
45. Nào những *đấng* *mào* *dai* áo rộng (C.Đ)
Kìa những kẻ mũ cao áo rộng (V.Đ)
46. Ngọn bút *phê* thác sống *trên* tay (C.Đ)
 Ngọn bút son *sống* thác ở tay (V.Đ)
47. Kinh luân *nhét* một túi đầy (C.Đ)
 Kinh luân *găm* một túi đầy (V.Đ)
 Kinh luân *chất* một *xải* đầy (H.X.H)
 Kinh luân *sẵn* một túi đầy (N.P)
48. Đã đem Quán *Cát*, lại ngày Y Chu (C.Đ - L.T. - N.P)
50. Trăm loài ma *xâm nhâm* 侵 僣 chung quanh (C.Đ)
 Trăm loài ma *xấm nắm* chung quanh (H.X.H)
51. Nghìn vàng không *đổi* được mình (L.T - V.Đ - N.P)
52. Lầu *cao* viện *hát* tan tành còn đâu (V.Đ)
53. Kẻ thân thích *trước* sau vắng *vé* (C.Đ)
54. Biết lấy ai *đơm* *tế* *lửa* hương (C.Đ)

Biết lấy ai bát nước nén *nhang* (V.Đ)

- Cô hồn thất thiếu dọc ngang,
 Nặng oan khôn nhẽ tìm đường hóa sinh.
57. Nào những kẻ bài binh bố trận,
 Đem mình vào cướp ấn nguyên hung.
 Gió mưa sấm sét ùng ùng,
 Phơi thầy trăm họ làm công một người!
61. Khi thất thế cung rơi tên lạc,
 Bãi sa trường thịt nát máu trôi.
 Bơ vơ góc bể chân trời,
 Năm xương vô chủ biết vùi nơi nao?
65. Trời xâm xẩm mưa gào gió thét,
 Khí âm vân mờ mịt trước sau.
 Năm năm sương nắng dài dẫu,
 Còn đâu tế tự, còn đâu chùng thường?
69. Cũng có kẻ tính đường trí phú,

Khảo dị

55. Cô hồn *phát phường tha phương* (C.Đ)
 Cô hồn thất *thường* dọc ngang (H.X.H)
56. *Mạng* oan khôn nhẽ tìm đường hóa sinh (N.P)
57. Nào những *đứng* bài binh bố trận (C.Đ)
 Kìa những kẻ bài binh bố trận (V.Đ)
58. *Vâng lệnh sai lĩnh* ấn nguyên hung (C.Đ)
 Vâng lệnh sai lĩnh ấn nguyên hung (H.X.H)
 Đổi mình vào *lấy* ấn nguyên hung (V.Đ)
59. Gió mưa *thét giọng* ùng ùng (L.T)
 Gió mưa *thét rống* ùng ùng (H.X.H)
60. *Bầy* thầy *muôn* họ làm công một người (C.Đ)
 Phơi thân trăm họ làm công một người (L.T)
 Dãi thầy trăm họ làm công một người (V.Đ)
61. Khi thất thế *tên* rơi *đạn* lạc (C.Đ - V.Đ)
63. Bơ vơ góc bể *ven* trời (C.Đ)
 Mênh mông góc bể *bên* trời (V.Đ)
64. *Bó* thân *da ngựa* biết vùi vào *đâu* (H.X.H)
 Năm xương vô chủ biết *nơi chốn* nào (V.Đ)
 Đống xương vô chủ biết vùi nơi nao (N.P)
65. Trời *thăm thăm* mưa *rầm* gió thét (C.Đ)
 Trời *u uất* mưa gào gió thét (C.Đ)
 Trời *âm âm* mưa gào gió thét (N.P)
66. Khí âm *ngưng* mờ mịt trước sau (C.Đ)
 Khí âm *huyền* mờ mịt trước sau (V.Đ)
67. *Ngàn mây nội cỏ rầu rầu* (V.Đ)
68. *Nào* *đâu* *điều* tế, *nào* *đâu* chùng thường (C.Đ - V.Đ)
69. Cũng có kẻ *tìm* đường trí phú (C.Đ)

- Làm tội mình nhin ngu bớt ăn.
 Ruột rà không kẻ chí thân,
 Dầu làm nên nữa dành phần cho ai?
73. Khi nằm xuống không người nhấn nhủ,
 Cửa phù vân dầu có như không.
 Sống thì tiền chảy bạc dòng,
 Thác không đem được một đồng nào đi!
77. Khóc ma mướn, thương ai hàng xóm?
 Hòm gỗ đa, bó đóm đưa đêm!
 Ngấn ngơ lối rộc đồng chiêm,
 Nén hương giọt nước, biết tìm vào đâu?
81. Cũng có kẻ muốn cầu chữ “quí”,
 Dẫn mình vào thành thị lân la.
 Mấy thu lìa cửa lìa nhà,
 Văn chương đã chắc đâu mà trí thân?
85. Dọc hàng quán phải tuần mưa nắng,
 Vợ con nào nuôi nấng khem kiêng?

Khảo dị

70. *Mình làm* mình nhin ngu *kém* ăn (V.Đ)
 72. Dầu làm nên nữa *để* phần cho ai (C.Đ)
 Dầu làm nên *để* dành phần cho ai (V.Đ)
 73. Khi nằm xuống không người *gấn bó* (C.Đ)
 Khi nằm xuống không *ai* nhấn nhủ (V.Đ)
 74. Cửa phù vân *giàu* có như không (L.T - N.P)
 Cửa phù vân có *cũng* như không (V.Đ)
 75. *Tuy rằng* tiền chảy bạc dòng (C.Đ)
Tuy rằng tiền chảy *tiền* dòng (N.P)
 76. *Khi đi mang* được một đồng nào đi (C.Đ - L.T - N.P)
 78. Hòm gỗ *da* bó đóm đưa đêm (V.Đ - N.P)
 79. *Thẩn thơ* lối rộc đồng chiêm (C.Đ)
 Ngấn ngơ *nội* *Lộc* đồng chiêm (L.T)
 Ngấn ngơ *đòi* *khảm* đồng chiêm (L.T)
Thẩn thơ *nội* rộc đồng chiêm (H.X.H)
 Ngấn ngơ *trong* *quăng* đồng chiêm (V.Đ)
 Đây phiên lại cho đúng với hai chữ Nôm 塚消
 80. *Xuân thu* *hương tự* biết tìm vào đâu (C.Đ)
Tàn hương giọt nước biết tìm vào đâu (V.Đ - N.P)
 81. Cũng có kẻ *rắp* cầu chữ “quí” (C.Đ - V.Đ)
 82. Dẫn mình vào thành thị *phồn hoa* (C.Đ)
 Dẫn mình vào thành thị *bôn ba* (H.X.H)
Đem thân vào thành thị lân la (L.T)
 85. *Chốn* hàng quán *tới* tuần mưa nắng (C.Đ)
 86. Vợ con nào nuôi nấng *kiêng khem* (C.Đ - L.T - V.Đ)

Vợ con nào nuôi nấng *cũ* kiêng (N.P)

- Vội vàng liệm sắp chôn nghiêng,
Anh em thiên hạ, lảng giềng người đứng.
89. Bóng phần tử xa chừng hương khúc,
Bãi tha ma kẻ dọc người ngang.
Cô hồn nhờ gửi tha hương,
Gió trắng hiu hắt, khói hương lạnh lùng.
93. Cũng có kẻ vào sông ra bể,
Cánh buồm dơi chạy xế gió đông.
Gặp cơn giông tố giữa dòng,
Dem thân vùi rấp vào lòng kinh nghệ.
97. Cũng có kẻ đi về buôn bán,
Đòn gánh tre chín dạn hai vai.
Gặp cơn mưa nắng giữa trời,
Hồn đường phách sá lạc loài nơi nao?
101. Cũng có kẻ mắc vào khóa lính,
Bỏ cửa nhà đi gánh việc quan.

Khảo di

88. *Bạn bè* thiên hạ, lảng giềng người đứng (C.Đ)
89. Bóng *tang* tử sa chừng hương khúc (L.T - N.P)
90. Bãi *sa trường* kẻ dọc người ngang (L.T)
92. Gió trắng hiu hắt, *lửa* hương lạnh lùng (V.Đ)
Dưới trắng hiu hắt, *nén* hương lạnh lùng (C.Đ)
93. Cũng có kẻ qua sông vượt *bể* (C.Đ)
Lại có kẻ vào sông ra bể (L.T - N.P)
94. Cánh buồm *thưa* chạy xế gió đông (L.T)
Cánh buồm *xưa* chạy xế gió đông (N.P)
Cánh buồm *mây* chạy xế gió đông (V.Đ)
96. *Tấm* thân *mai* một vào lòng kinh nghệ (C.Đ)
Dem thân *chôn* rấp vào lòng kinh nghệ (V.Đ)
Dem thân vùi *dập* vào lòng kinh nghệ (N.P)
97. *Lại* có kẻ đi về buôn bán (L.T - N.P)
Cũng có kẻ *chăm* nghệ buôn bán (C.Đ)
98. Đòn gánh tre 尗間 chín dạn *trên* vai (C.Đ)
Đòn gánh tre *chèn* dấn hai vai (N.P - H.X.H)
99. Gặp cơn *nắng* gắt *mưa* rời (C.Đ)
Gặp cơn mưa *gió* giữa trời (N.P)
100. *Nào* ngờ *lũ* thú xa chơi *suối* vàng (C.Đ)
Hồn đường *sá* biết lạc loài vào *đâu* (L.T)
Hồn *đơn* phách *chiếc* lạc loài *phương* nao (N.P)
101. *Lại* có kẻ mắc vào *ngũ* lính (L.T - N.P)
Có kẻ đến *lệ* làng cấp lính (C.Đ)
102. Bỏ cửa nhà *gồng* gánh việc quan (C.Đ - V.Đ)

- Nước khe cơm ống gian nan,
 Dãi dầu muôn dặm, lăm than một đời.
 105. Buổi chiến trận mạng người như rác,
 Phận đã đành đạn lạc tên rơi.
 Lập lòe ngọn lửa ma trời,
 Tiếng oan văng vẳng tối trời càng thương.
 109. Cũng có kẻ lữ làng một kiếp,
 Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa.
 Ngẩn ngơ khi trở về già,
 Ai chồng con tá biết là cậy ai?
 113. Sống đã chịu một đời phiền não,
 Thác lại nhờ hớp cháo lá đa.
 Đau đớn thay phận đàn bà,
 Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu?
 117. Cũng có kẻ nằm cầu gối đất,
 Dõi tháng ngày hành khất ngược xuôi.

Khảo dị

103. Nước *bầu* cơm *nắm* gian nan (C.Đ)
 Nước *bầu* cơm ống gian nan (H.X.H)
 Nước khe cơm *vắt* gian nan (V.Đ)
 105. *Khi* lâm trận *thân* người như rác (C.Đ)
 Trong chiến trận *xem* người như rác (L.T - N.P)
 106. *Thân* đã đành đạn lạc tên rơi (L.T)
Thân đã *liều* đạn lạc tên rơi (N.P)
Thân đã *dành* đạn lạc tên rơi (H.X.H)
 107. *Lơ* thơ ngọn lửa ma *chơi* (L.T)
Lờ mờ ngọn lửa ma *chơi* (N.P)
 108. Tiếng oan văng vẳng tối trời *cảm* thương (C.Đ)
 109. Cũng có kẻ lữ làng một *tiết* (C.Đ)
Lại có kẻ lữ làng một kiếp (N.P)
 110. *Lúc* tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa (C.Đ)
 111. *Nào* ngơ khi trở về già (C.Đ)
 112. *Không* chồng *nổi* ấy biết là cậy ai (C.Đ)
 Ai chồng con *nấy* biết là cậy ai (L.T - N.P)
 113. Sống đã chịu *mĩa mai* phiền não (C.Đ)
 114. Thác lại nhờ *bát* cháo lá đa (C.Đ)
 Thác lại nhờ *thí* cháo lá đa (N.P)
 115. *Nào* nùng thay số *đào* hoa (C.Đ)
 116. Kiếp *đành* ra thế biết là *vì* đâu? (C.Đ)
 117. *Lại* có kẻ nằm cầu gối đất (L.T - N.P)
 118. *Vì* cơ hàn hành khất *mọi* nơi (C.Đ)
 Dõi *những* ngày mưa nắng ngược xuôi (L.T - N.P)

- Thương thay cũng một kiếp người,
Sống nhờ hàng xứ, thác vui đường quan.
121. Cũng có kẻ mắc oan tù rạc,
Gửi thân vào chiếu lác một manh.
Năm xương chôn rắp góc thành,
Kiếp nào cởi được oan tình ấy đi?
125. Cũng có đứa tiểu nhi tám bé,
Lỗi giờ sinh lìa mẹ lìa cha.
Lấy ai bông bế vào ra,
U ơ tiếng khóc xót xa nỗi lòng.
129. Cũng có kẻ đắm sông chìm suối,
Cũng có người sẩy cối sa cây.
Có người gieo giếng, thất dây,

Khảo di

120. Sống nhờ hàng xứ, *chết* vui đường quan (V.Đ)
121. *Lại* có kẻ mắc oan tù rạc (L.T)
Cũng có kẻ mắc *đoàn* tù rạc (V.Đ)
Lại có kẻ mắc oan tù *lạc* (N.P)
122. Gửi *mình* vào chiếu *rách* một manh (V.Đ)
123. *Gói* xương chôn rắp góc thành (L.T)
Gói xương chôn rắp góc thành (N.P)
124. *Bao* giờ *giải* được oan tình ấy đi (C.Đ)
Kiếp nào *khỏi* được oan tình ấy đi (N.P)
125. *Lại như* đứa tiểu nhi *nhỏ* bé (L.T)
Kìa *những* đứa tiểu nhi tám bé (V.Đ)
Lại *những* đứa tiểu nhi *nhỏ* bé (N.P)
126. *Mới* *sinh* ra lìa mẹ lìa cha (C.Đ)
Lỗi *trời* sinh lìa mẹ lìa cha (L.T)
127. *Nào* ai bú *mớm* *đấy* mà (C.Đ)
Lấy ai bông bế *xót* xa (V.Đ)
128. U ơ tiếng khóc xót xa *nào* *nùng* (C.Đ)
U ơ tiếng khóc *thiết* *tha* nỗi lòng (V.Đ)
129. Cũng có kẻ *bỗng* *không* *lôi* *đả* (C.Đ)
Cũng có kẻ đắm sông chìm *bể* (L.T - N.P)
Kìa *những* kẻ chìm sông *lạc* suối (V.Đ)
130. Cũng có người *vì* *ngã* *cành* cây (C.Đ)
Cũng có người sẩy *củi* *ngã* cây (L.T)
Cũng có người sẩy *cối* sa cây (V.Đ)
Cũng có người sẩy *vế* *ngã* cây (N.P)
131. Có người sa giếng thất dây (C.Đ)
Có người gieo giếng *đứt* dây (L.T - N.P)
Có người leo giếng *đứt* dây (V.Đ - H.X.H)

133. Người trôi nước lù, kẻ lây lửa thành.
 Người thì mắc sơn tinh thủy quái,
 Người thì lâm nanh khải ngà voi.
 Có người có đẻ không nuôi,
 Có người sa đẩy, có người khốn thương.
137. Mắc phải lúc đi đường lỡ bước,
 Cầu Nai hà kẻ trước người sau.
 Mỗi người một nghiệp khác nhau.
 Hồn xiêu phách lạc biết đâu bây giờ.
141. Hoặc là ẩn dọc bờ dọc bụi,
 Hoặc là nương ngọn suối chân mây.
 Hoặc là bụi cỏ bóng cây,
 Hoặc là cầu nọ quán này bơ vơ.
145. Hoặc là nương thân từ Phật tự,

Khảo dị:

132. Người trôi nước *lụt*, người lây *cháy* thành (H.X.H)
 Người trôi nước *lụt*, người lây lửa thành (N.P)
133. Người thì mắc sơn tinh thủy *thú* (C.Đ)
134. *Cùng* độc xà *vuốt* hổ ngà voi (V.Đ)
 Người thì *phải* nanh *hổ* ngà voi (V.Đ)
 Người thì lâm *răng* khải ngà voi (N.P)
135. Có người *hay* đẻ không nuôi (V.Đ)
136. *Kẻ* vì *tiểu sản* mệnh người lâm nguy (C.Đ)
 Có người sa *sẩy*, có người *gian phi* (L.T - N.P)
 Có người *sinh sẩy* mệnh người *gian nguy* (H.X.H)
137. Mắc phải lúc đi đường *nước* bước (L.T)
 Mắc phải lúc *đường đi* nước bước (N.P)
Gặp phải lúc đi đường *lỡ* bước (V.Đ)
138. Cầu *Ái* hà kẻ trước người sau (L.T)
139. *Một* người một nghiệp khác nhau (L.T)
141. Hoặc là ẩn *ven* bờ *cạnh* lối (C.Đ)
 Hoặc là ẩn *ngang* bờ dọc bụi (V.Đ)
 Hoặc là ẩn dọc bờ *xó* bụi (N.P)
142. Hoặc là nương *đầu* núi *bên* sông (C.Đ)
143. Hoặc là *mông* quanh *đồng* không (C.Đ)
 Hoặc là *điểm* cỏ bóng cây (V.Đ)
 Hoặc là *đám* cỏ bóng cây (N.P)
 Hoặc là *bãi* cỏ *lùm* cây (H.X.H)
144. *Hoặc* nơi *viễn* tái *thú* cùng *diêm* *lư* (C.Đ)

- Hoặc là theo đầu chợ cuối sông.
 Hoặc là mông quanh đồng không,
 Hoặc nơi gò đồng, hoặc vùng lau tre.
149. Máy thu chịu mọi bề thăm thiết,
 Dạ héo khô gió rét căm căm.
 Dãi dẫu biết mấy trăm năm,
 Khóc than dưới đất, ăn nằm trong sương.
153. Nghe gà gáy tìm đường lánh ẩn,
 Tắt mặt trời lặn thần tìm ra.
 Lôi thôi ẵm trẻ dất già,
 Có khôn thiêng hời lại mà nghe kinh.
157. Nhờ phép Phật siêu sinh tịnh độ,
 Phóng hào quang, cứu khổ độ u.

Khảo dị

146. Hoặc là *nuơng* ngọn có bóng cây (C.Đ)
 Hoặc là *nhờ* đầu chợ cuối sông (V.Đ)
 Hoặc là *tựa* thần từ Phật tự (N.P)
 Hoặc là *quanh* đầu chợ cuối sông (H.X.H)
147. *Khi* cầu nọ, lúc quán này (C.Đ)
 Hoặc là *mơ* mẩn đồng không (L.T)
 Hoặc là *vơ* vẩn đồng không (N.P)
 Hoặc là *trong* quăng đồng không (H.X.H)
148. *Chợ* quê mọi chốn *thâu* ngày ủ ê (C.Đ)
 Hoặc nơi gò đồng *nơi* bông lan chè (L.T)
 Hoặc nơi gò đồng, hoặc *bông* lan chè (N.P)
 Hoặc là gò đồng, hoặc vùng lau tre (V.Đ)
149. Máy thu chịu mọi bề *sâu* khổ (C.Đ)
 Máy ~~thu~~ chịu *nhiều* bề thăm thiết (N.P)
 Sống đã chịu mọi bề thăm thiết (V.Đ)
150. Ruột héo khô *nhỏ* nhỏ như *châm* (C.Đ)
 Ruột héo khô *da* rét căm căm (V.Đ)
151. Dãi dẫu *trong* mấy muôn năm (V.Đ)
152. *Thở* than dưới đất, ăn nằm *trên* sương (C.Đ - V.Đ)
154. *Lặn* mặt trời lặn thần tìm ra (C.Đ - V.Đ)
155. Lôi thôi *bồng* trẻ dất già (V.Đ)
156. *Nghe* lời *chiêu* thỉnh lại mà *chứng* minh (C.Đ)
 Có khôn thiêng *nhê* lại mà nghe kinh (V.Đ)
 Có khôn thiêng hời lại mà *chứng* minh (H.X.H)
157. *Ơn* ~~chư~~ Phật *thùy* tình cứu khổ (C.Đ)
 Nhờ Phật *lực* siêu sinh tịnh độ (L.T)
 Nhờ Phật *lực* siêu sinh *tĩnh* thổ (N.P)
158. *Bóng* hào quang cứu khổ độ u (L.T - N.P)
 Tiếp dẫn về *Tĩnh* độ *ngao* du (C.Đ)

- Khắp trong tứ đại bộ chu,
 Nào phiền trút sạch, oán thù rửa không.
161. Đạo vô thượng thần thông quảng đại,
 Chuyển pháp luân tam giới thập phương.
 Nhơn nhơn Tiêu Diện quĩ vương,
 Linh kỳ một lá dẫn đường độ sinh.
165. Nhờ phép Phật uy linh dũng mãnh,
 Trong giấc mê khua tỉnh chiêm bao.
 Mười loài là những loài nào?
 Gái trai, già trẻ đều vào nghe kinh.
169. Kiếp phù sinh như hình bào ảnh,
 Có câu rằng: “Vạn cảnh giai không”.
 Ai ai lấy Phật làm lòng,
 Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi.
173. Đàn chấn tế vâng lời Phật giáo,
 Vật có gì, lưng cháo nén hương.
 Gọi là manh áo thoi vàng,

Khảo dị

159. Còn trong tứ đại bộ chu (C.Đ)
Rắp hòa tứ hải quần chu (V.Đ)
160. Nào phiền *thoát* sạch, oán thù rửa *trong* (L.T - N.P)
161. Nhờ đức Phật thần thông quảng đại (V.Đ)
163. Nhơn nhơn Tiêu Diện *đại* vương (V.Đ)
Nay nhờ Tiêu Diện *đại* vương (N.P)
164. Linh kỳ một lá dẫn đường *chứng minh* (V.Đ)
165. Nhờ Phật pháp linh thông quảng đại (C.Đ)
 Nhờ Phật lực uy linh dũng mãnh (L.T - N.T)
166. Trong giấc mê *phút* tỉnh chiêm bao (L.T - N.P)
167. Mười *cô hồn thập loại* biết bao (N.P)
169. Nhờ Phật đức siêu sinh cõi *tĩnh* (C.Đ)
 Kiếp phù sinh như hình *như* ảnh (V.Đ)
170. Mới biết rằng: “Vạn cảnh giai không” (C.Đ)
 Có *chữ* rằng: “Vạn cảnh giai không” (V.Đ)
171. *Dám* khuyên lấy Phật làm lòng (C.Đ)
172. Tự nhiên siêu thoát ở trong luân hồi (L.T)
173. Đàn chấn tế vâng lời *di* giáo (C.Đ)
174. Vật có gì *bát* cháo nén hương (V.Đ)
Của có *chi* bát nước nén *nhàng* (V.Đ)
175. Gọi là *mảnh* áo thoi vàng (L.T - N.P)

- Giúp cho làm của ăn đường siêu thiên.
177. Ai tới đó, dưới trên ngồi lại,
Lấy chút lòng, chớ ngại bao nhiêu.
Phép thiêng biến ít ra nhiều,
Trên nhờ Tôn giả chia đều chúng sinh.
181. Phật hữu tình từ bi tế độ,
Chớ ngại rằng có có, chẳng chẳng.
Nam mô Phật, Nam mô Pháp, Nam mô Tăng,
Độ cho nhất thiết siêu thăng thượng đài.

Khảo dị:

176. Giúp cho làm của ăn đường *thăng* thiên (V.Đ)
Bản C.Đ viết 生天 (sinh thiên), chắc là do khắc nhầm chữ 升 (thăng) ra chữ 生 (sinh)
177. *Đã đến đây*, dưới trên ngồi lại (C.Đ)
Ai đến đây, dưới trên ngồi lại (V.Đ)
178. *Chứng lòng thành* chớ ngại bao nhiêu (C.Đ)
Của làm duyên chớ ngại bao nhiêu (V.Đ)
179. Phép thiêng biến ít *nên* nhiều (C.Đ)
Phép thiêng biến ít *thành* nhiều (V.Đ)
180. *Nhờ thấy* Tôn giả chia đều *phân* mình (C.Đ)
181. *Quả vô sinh* khuyên ai *táo* chúng (C.Đ)
Phật hữu tình từ bi *phổ* độ (V.Đ)
182. *Giong buồm* từ bi *ngan* đồng *dăng* (C.Đ)
Chớ ngại rằng có có, *không* không (V.Đ)
183. Na mô Phật, *Na mô Tăng* (N P)
184. *Na mô* nhất thiết siêu *thăng* thượng đài (N.P)
Phổ nguyện nhất thiết siêu *thăng* *Báo* đài (C.Đ)
Bản Văn đàn *bảo* *giám* không có hai câu cuối.

CHÚ THÍCH

Thập loại chúng sinh: mười loại chúng sinh.

1. Những kẻ có tham vọng làm vua chúa bị giết không có ai tế tự (từ câu 21 đến câu 32).
2. Những cô gái màn lan trướng huệ bị chết không người nhặt xương (từ câu 33 đến câu 44).
3. Những kẻ làm quan to bị chết không có người thờ cúng (từ câu 45 đến câu 56).
4. Những kẻ làm tướng cầm quân bị chết ở sa trường không có ai tế tự (từ câu 57 đến câu 68).
5. Những kẻ tìm cách làm giàu bị chết không có ai thờ cúng (từ câu 69 đến câu 80).
6. Những kẻ muốn cầu danh ra thành thị học bị chết ở nơi tha hương (từ câu 81 đến câu 92).
7. Những kẻ đi buôn bán xa bị chết đường chết chợ (từ câu 93 đến câu 100).
8. Những binh lính bị chết trận không có ai chôn cất (từ câu 101 đến câu 108).
9. Những kỹ nữ chết cô đơn không biết cậy ai, chỉ nhờ vào hộp cháo lá đa (từ câu 109 đến câu 116).
10. Những kẻ nghèo nàn chết bởi tai họa hoặc những trẻ em bị chết sau khi sinh không nơi nương tựa thật bị thương (từ câu 117 đến câu 136).

Chúng sinh: tiếng nhà Phật, nói chung các loài sinh vật. Chữ *chúng sinh* - tiếng Phạn là *Tát đóa* (Sattoa) - có nhiều nghĩa:

1. Mọi người cùng sinh ra ở đời.
2. Các pháp giả hòa hợp mà sinh ra.
3. Sự sống chết trải qua nhiều lần.
1. *Tiết* (tháng bảy): đoạn thời gian theo khí hậu một năm mà chia ra, gồm có tám tiết: lập xuân, lập hạ, lập thu, lập đông, xuân phân, hạ chí, thu phân và đông chí. Tiết lập thu bắt đầu từ tháng bảy.

Mưa dầm: mưa nhỏ mà kéo dài nhiều ngày. Sách *Kinh sơ tuê thời ký* kể rằng: “Sao Chúc nữ cũng gọi là Thiên tôn nữ thêu dệt rất khéo. Trời cho lấy Khiên ngư lang (chàng chăn trâu). Lấy chồng rồi nàng sinh ra lười biếng nên bị trời phạt, bắt vợ chồng phải xa nhau mỗi người ở một bên sông Ngân Hà. Mỗi năm trời chỉ cho hai vợ chồng gặp nhau có một lần vào ngày 7 tháng 7 âm lịch. Hôm ấy chim ô thước làm cầu cho họ qua sông gặp nhau. Hai vợ chồng mừng quá đến lúc chia tay khóc ròng, nước mắt rơi xuống thành mưa dầm hay mưa ngâu.

Sùi sụt: tả cảnh trời mưa nhỏ, rả rích, kéo dài không dứt. Bản C.Đ viết 屎涔 (chữ 涔); bản L.T phiên là *dồi dột* thì không đúng.

2. *Gió heo may*: gió Tây Bắc. *Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão* (Tục ngữ).
3. *Não*: khổ trong lòng. T.K: *Não người cũ gió tuôn mưa* (c.567).
4. *Nhuộm bạc*: mới hơi bắt màu trắng, mới điểm trắng. Bản L.T phiên chữ 坎 (khảm) là *khóm* (khóm bạc) và chữ (dụng) là *dòng* (dòng vàng) thì không đúng.

Rụng vàng: mùa thu lá ngô đồng vàng trước các cây khác và rụng sớm. *Cổ thi* có câu: *Ngô đồng nhất điệp lạc, thiên hạ cộng tri thu*: (Một lá ngô đồng rụng, thiên hạ biết thu về).

T.K: *Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô* (c.1594).

4. *Bạch dương*: tên một thứ cây có lá tròn, to và cạnh có răng cưa, nên còn gọi là đại điệp dương. Lá của cây bạch dương mặt trên xanh, mặt dưới trắng, có cuống dài nên dễ bay theo gió và hòa thành tiếng nghe vi vu. Thân cây dùng làm củi đun rất tốt. Cây bạch dương thường trồng ở các nơi tha ma mộ địa.

Man mác: có đượm vẻ buồn. T.K: Hoa trôi man mác biết là về đâu (c.1050). *Man mác* cũng chỉ một cảnh vật bao la vắng vẻ, gợi ra một tâm trạng cô đơn.

5. *Đường lê*: còn gọi là *cam đường* hoặc *dã lê*. Cây đường có hai thứ trắng và đỏ. Thứ đỏ gỗ rắn mà dẻo, đời xưa dùng để làm cán cung. Thứ trắng có quả ăn được.
7. *Thiết tha*: thương tiếc xót xa. (*Thiết*: cắt, *tha*: mài. Khi cắt thì lưỡi dao dính vào mặt bị cắt, khi mài thì lưỡi dao sát với mặt đá mài, hai vật sát liền nhau, không rời nhau là *thiết tha*. Hai chữ ấy sau mới được dùng để chỉ tình thân thiết của hai người).
8. *Côi dương*: *dương* là một khí trong trời đất trái với *âm*, nghĩa rộng là trên trần gian như *dương gian*, *dương thế* chỉ cõi người sống ở cõi đời.

Côi âm: *âm* là một khí trong trời đất trái với *dương* nghĩa rộng chỉ cõi người chết ở như *âm phủ*, *âm ti* (một tòa coi việc dưới âm).

Sau câu thứ 8 này bản C.Đ có thêm 12 câu nữa (xem bài *Vấn đề hiệu đính bài Văn tế Thập loại chúng sinh* trang 861).

9. *Trường dạ*: Đêm dài, chỉ cảnh tối tăm dưới âm phủ.
10. *U minh*: (*u*: tối, *minh*: tối tăm) tối tăm mờ mịt, ý nói đến cảnh ở dưới âm phủ.
12. *Hồn đơn phách chiếc*: hồn đơn phách chiếc. *Hồn* là phần thiêng liêng vô hình của người; *phách* là vía. *Hồn phách* là tên gọi khác của tâm thân. *Hồn* là tâm thức, có diệu dụng nhưng không có hình hài. *Phách* là có hình thể và là chỗ tâm thức nương vào.

T.K: *Sinh đà phách lạc hồn xiêu*. (c.1823)

Tôi đòi phách lạc hồn bay (c.1651)

13. *Hương khổi*: nói sự thờ cúng. Cả câu ý nói không có nơi nào, người nào thờ cúng cho.
14. *Mồ côi*: cũng viết là *bồ côi* chỉ người con không còn cha hay mẹ hay không còn cả cha lẫn mẹ. Ở đây có nghĩa là hồn cô đơn, không có người săn sóc cúng lễ cho, bị bỏ rơi, đói khát.
17. *Lập đàn*: lập cái đàn cao bằng gỗ hoặc đắp bằng đất để tế lễ. Chữ “*đàn*” gốc là chữ Phạn “*mandala*” (mạn đồ la) dịch nghĩa là “*đàn*”. Đắp đàn để đặt thờ các vị chư tôn Mạn đồ la.

Giải thoát: cởi bỏ sự trói buộc của hoặc nghiệp, thoát ra khỏi khổ qua của tam giới để lên được Niết bàn.

18. *Tĩnh bình*: bình nước trong.

Dương chi: cành dương. *Hạt dương chi*: ý nói lấy cành dương nhúng vào nước rồi rảy để làm phép. *Hạt* đây là những giọt nước. Sở dĩ dùng “*hạt*” thay cho “*giọt*” là để vần với chữ “*thoát*” ở câu trên.

19. *Phật*: phiên âm tiếng Phạn Buddhaya, gọi đủ cả từ là *Phật đà*, dịch nghĩa là giác hoặc là trí. Đức Phật là bậc tu đã tới cõi giác ngộ hoàn toàn, lại giáo hóa cho người được hoàn toàn giác ngộ. Như đức Thích Ca bỏ hết chỗ mê lầm của chúng sinh để tế độ cho chúng sinh thế là Phật.
Từ bi: thương yêu chúng sinh, mang lại cho họ niềm an lạc vui sướng gọi là *từ*. Đồng cảm nỗi khổ cho họ gọi là *bi*. Đây là hai trong số bốn Vô lượng tâm.

20. *Giải oan*: cởi mối oan ức.

Cứu khổ: giúp cho khỏi phải chịu sự cay đắng, khổ sở.

Tây phương: còn gọi là *Tây phương cực lạc tịnh độ* tức cõi cực lạc của đức Phật A Di Đà.

Kinh A Di Đà: “*Từ đây về phương Tây vượt qua mười vạn ức cõi Phật có một thế giới tên là Cực lạc. Cõi đó có đức Phật, hiệu là A Di Đà đang thuyết pháp*”.

21. *Kiểu hãnh* 僥倖 *cầu may*, nói kẻ chỉ biết cầu lợi không chán (chữ cũng đọc là *ngheâu*). Hoàng Xuân Hân đã giảng “*kiểu hãnh*” là ngấp nghé địa vị cao quá sức mình.

Đàm Quang Thiện đã giảng *kiêu* 驕 là làm bộ, tự cao, bướng; *hãnh* 悻 là giận, hăm; tự cho là có tài cao mà khinh người. Giảng như Đàm Quang Thiện thì sai hẳn.

Chữ “*Kiểu*” 僥 còn có thể viết là 徼 (Theo Từ nguyên) và đọc là *kiêu*. *Kiêu* là cầu như *kiêu phúc* là cầu phúc, *kiêu hạnh* là cầu may. Chữ 倖 (hạnh) cùng nghĩa với chữ 幸 (hạnh) là may.

22. *Chí* 志 ý muốn làm một việc gì tốt đẹp.

Cát gánh non sông: mang lấy công việc nặng nề của đất nước. *Cát*: như ý nói đưa vai ra gánh lấy.

Lâm: toan.

23. *Tranh hùng*: (*tranh*: giành với người khác một điều gì; *hùng*: giống thú đực, mạnh) tranh giành với kẻ khác để xem ai anh hùng hơn ai.

24. *Thế khuất*: (*khuất*: co lại, nghĩa rộng là chịu nhục) nói kẻ ở vào thế cùng phải chịu khuất, chịu thua, chịu nhục.

Vận cùng: (*vận*: số mệnh xoay vần đến, *cùng*: cuối hết, không còn gì nữa) vận mệnh đã đến lúc cùng, không còn làm gì được nữa, hết cách hành động.

25. *Tro bay ngói lở*: ý nói gặp sự tai họa bất ngờ làm cho tiêu tan cả sự nghiệp của người anh hùng trong phút chốc.

26. *Thất phu*: (*thất* 匹 một cái, một chiếc, một đứa; chữ này không dùng một mình) một người dân thường. L.V.T: *Uống trang thực nữ sánh cùng thất phu*.

Cả câu ý nói chí lớn không thành, sự nghiệp anh hùng bị sụp đổ thì chỉ còn có chết chứ không thể sống làm kẻ thất phu được.

27. *Cả*: lớn. Cả câu ý nói càng giàu sang thì lại càng có nhiều oán thù vì đã làm hại đến người khác để lấy lợi cho mình.

29. *Vô tự* 无祀 : không có ai thờ cúng.

Lạc loài: bơ vơ không biết đâu mà về.

Nheo nhóc: bị thiếu thốn, không có ăn có uống, chịu cực khổ vô cùng.

31. *Thành bại là cơ*: (*cơ*: máy tạo, tạo hóa) ý nói sự thành bại là thuộc vào máy tạo huyền bí định đoạt.

32. *U hồn*: (u: tối) hồn người chết.

Cho tan: ý nói cho hóa làm kiếp khác được.

33. *Màn lan trướng huệ*: nơi ở của các công chúa, các cô tiểu thư con nhà giàu có; màn có thêu hoa lan, trướng có thêu hoa huệ.

Cung quế Hằng Nga: cây quế trong cung trăng. Vua Trần Hậu Chủ dựng cung điện cho bà Trương Lệ Hoa ở cung này có xây một cái cửa tròn lớn, khảm một tấm thủy tinh pha lê như hình một mặt trăng, trước cửa trồng một cây quế, tượng hình cây quế trong cung trăng của Hằng Nga.

Cung trăng Hằng Nga ở đây chỉ chỗ phòng khuê của các công chúa lá ngọc cành vàng và của tiểu thư thiên kim.

35. *Thay đổi sơn hà*: (sơn: núi, hà: sông; chỉ đất nước) đất nước đổi chủ, dòng họ này mất ngai vàng, dòng họ kia lên trị vì.

37. *Trên lầu cao*: gợi ý đến cảnh những người nhảy từ lầu cao xuống đất mà tự tử.

Dưới dòng nước chảy: gợi ý đến cảnh những người gieo mình xuống dòng nước chảy để tự tử.

38. *Trâm gãy bình rơi*: cái trâm cài đầu bị gãy, cái bình hoa bị rơi vỡ tan, ý nói đến người đàn bà đẹp chết. T.K: *Thuyền tình vừa ghé tới nơi, thì đã trâm gãy bình rơi bao giờ* (c.69-C.70).

41. *Không hương không khói*: không có ai thờ tự, không có ai thắp hương cúng lễ cho.

42. *Đầu suối ngàn sim*: ở đầu ngọn suối, ở tận cuối ngàn sim. *Ngàn*: rừng núi; *sim*: thứ cây nhỏ mọc ở rừng, quả nhỏ mà đỏ sẫm ăn được. Ca dao: *Muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh*.

44. *Càng héo... càng đau*: càng héo úa... càng buồn ủ rũ trong lòng vì khổ tâm.

Đau: nhẩn vì khổ.

45. *Mũ cao áo rộng*: chỉ những vị quan lớn ở trong triều đình, hoặc những vị quan lớn đứng đầu các tỉnh.

46. *Ngọc bút son*: (son: đá đỏ mài làm mực viết thời trước) ngọn bút của các quan phê bằng son trên các án trạng, công văn.

47. *Kinh luân*: *Kinh*: đường dọc, sợi thẳng, trong việc dặt chia ra từng mối tơ gọi là *kinh*; so những mối tơ cho bằng để gộp lại với nhau gọi là *luân*. Nghĩa bóng nói về sự lắp đặt sửa sang việc chính trị trong nước.

T.K: *Là Hồ Tôn Hiến kinh luân gồm tài* (c.2452).

Chất một túi đầy: ý nói có nhiều tài về việc trị nước.

48. *Quần Nhạc... Y Chu*: là bọn chính trị gia ở Trung Quốc xưa kia rất nổi tiếng.

Quần tức là Quán Trọng, người đời Xuân Thu, tên là Di Ngô, làm Tế

tướng giúp vua Tề Hoàn Công nên được nghiệp bá. Quán Trọng được vua Tề tôn vào bậc Trọng phụ.

Nhạc: tức Nhạc Nghị, người đời Chiên Quốc, nước Triệu. Nhạc Nghị giúp vua Yên đi du thuyết Tần, Triệu và Hàn để đánh Tề. Vua Tề thua chạy, Nhạc Nghị phá thành vào chớ châu báu về Yên. Sau khi vua Yên Chiêu Vương mất, Thái tử Lạc Tư lên nối ngôi, nghe kẻ gièm pha, không ưa Nhạc Nghị nữa nên Nhạc Nghị lại trở về Triệu.

Sách *Thục Chí*: Gia Cát Lượng tự ví mình với Quán Trọng và Nhạc Nghị.
Y: tức Y Doãn, một tướng hiền đời Thương.

Vua Thương nghe tiếng Y Doãn cày ruộng ở Hữu Sần là người hiền, đến vờ ba lần Y Doãn mới chịu về giúp, giữ chức Tế tướng. Y Doãn có công đánh vua Kiệt nhà hạ, lại giúp vua nhà Chu gánh vác việc cai trị trong nước.

Chu: tức Chu Công, người đời nhà Chu, con vua Văn Vương, tên là Đán, định chế độ lễ nhạc, đặt ra nghi thức quan, hôn, tang, tế tức các qui tắc phải theo trong mọi việc xảy ra trong đời sống xã hội.

Đã đêm... lại ngày: ý nói luôn luôn lo giúp nước như các nhà chính trị nổi tiếng như xưa.

(Nếu chép là *Quản Cát* tức là nói đến Quán Trọng và Gia Cát Lượng).

49. *Thịnh mãn*: (*thịnh*: phát đạt, hưng vượng; *mãn*: đầy đủ, không thiếu thứ gì) thịnh vượng và đầy đủ mọi bề, giàu sang đến cực độ.

50. *Mồ nắm*: bản Lê Thước, Văn đàn bảo giám và Nam Phong đều chép là nắm mồ. Bản C.Đ chép 侵稔 Hoàng Xuân Hãn cho là Lê Thước đã không hiểu chữ cổ nên đã sửa lại. Ông cho là sai nên đã phiên âm hai chữ 侵稔 là *xâm nắm* và đã giải thích rằng: “*Sự này bắt buộc ta phải nghĩ đến thành ngữ cổ, còn chữ ở miền Nam là tiếng xẩm nắm, nghĩa là chực sẵn, sẵn sàng, sẵn sửa làm điều gì; cũng nói xẩm nắm. Các tự vị Taberd, Genibrel, Của đều có tiếng ấy*”. Nhưng theo Génibrel và P. Của thì *xẩm nắm* lại viết là 懺廩 hoặc 懺唵 khác hẳn với 侵稔.

Hai chữ 侵稔 phải đọc là *xâm nhảm* hoặc *xâm nắm* (*xâm*: lấn chiếm, *nhảm*: lâu ngày)

Nhưng chưa chắc bản Nôm C.Đ đã chép đúng nên chúng tôi đã để theo bản L.T là *mồ nắm*.

52. *Lâu ca viện xướng*: chỗ ăn chơi tiêu khiển của các người giàu có.

53. *Thân thích*: (*thân*: họ nội, *thích*: họ ngoại) họ hàng nội ngoại.

Vắng sau vắng trước: ý nói xa lánh cả, không có ai dám nhận họ sợ vạ lây.

55. *Cô hồn*: hồn người chết bơ vơ không ai thờ cúng.
Thất thủ: nói cái bộ đi loạng choạng không vững, bước chập chạp, tỏ ra mệt mỏi vì đói ăn thiếu uống.
56. *Hóa sinh*: hóa làm kiếp khác. Cả câu ý nói còn nặng oan không có nhẽ nào lại tìm cách hóa sinh được, tìm đường giải thoát được.
57. *Bài binh bố trận*: (*bài*: bày ra, dàn ra; *binh*: quân lính; *bố*: xếp đặt; *trận*: cuộc đánh nhau) dàn quân và bố trí chỗ quân trấn giữ để đánh nhau; nói chung là công việc chỉ huy của các võ tướng.
58. *Ấn nguyên nhung*: *Ấn*: con dấu của một viên quan. T.K: *Rắp mong treo ấn từ quan*. (c.2939). *Nguyên*: đầu, trên hết. *Nhung*: binh lính. Người cầm đầu các binh lính gọi là *nguyên nhung* hay *nguyên súy*.
 Cả câu ý nói đem mình vào nơi chiến trận mong bắt lấy quân giặc để cướp chiếc ấn của viên chỉ huy bên địch.
59. *Gió mưa sấm sét*: ý nói đến các trận đánh dữ dội, ào ào súng nổ đạn rơi.
60. *Phơi thây trăm họ*: (*trăm họ*: ý nói đến tất cả mọi người dân) biết bao người phải chịu chết phơi thây ngoài chiến địa.
Làm công một người: chỉ để cho một người là viên tướng được hưởng công.
61. *Thất thế*: mất hết thế lực, bị thua trận.
62. *Sa trường*: (*sa*: cát, *trường*: bãi đất rộng) chỗ trận địa, nơi hai bên quân sĩ đánh nhau.
63. *Vô chủ*: không có ai nhìn nhận vì “*buổi chiến trận mạng người như rác*”.
64. *Vùi*: chôn một cách vội vã, không đắp mồ nắm gì nên về sau không ai biết mà đi nhận được.
65. *Xâm xắm*: gần tối mịt. Cũng nói xắm xắm (*Xắm*: tối, mờ quáng, xắm tối, xắm mặt trời).
Mưa gào gió thét: mưa gió dữ dội; mưa thật to, gió thật mạnh.
66. *Khí âm vân*: khí chỗ tha ma của những người đã chết bị tối mờ mịt.
68. *Tế tự*: *tế*: cúng lạy theo nghi tiết long trọng; *tự* thờ, thờ cúng.
Chưng thường: (*chưng*: tế về mùa đông, *thường*: tế về mùa thu) tế lễ cúng bái theo từng mùa (về mùa xuân gọi là *từ*, về mùa hạ gọi là *dược*).
69. *Trí phú*: (*trí*: đến; *phú*: giàu có) tìm cách làm cho được giàu có.
71. *Ruột rà*: nói cái tình thân cùng máu mủ.
Chí thân: rất thân, rất quý mến nhau.
74. *Phù vân*: (*phù*: nổi, *vân*: mây) mây nổi rất mau tan biến. Của bất nghĩa có được cũng không khác gì mây nổi trên trời, rất dễ tan biến.
75. *Tiền chảy bạc dòng*: (*dòng*: tuôn chảy) tiền bạc tuôn chảy, tiêu tiền như

nước, ý nói giàu có tiền nhiều như nước.

77. *Khóc ma mướn*: trước kia có tục thuê người khóc lúc đưa đám cho có vẻ thảm thương để tỏ lòng hiếu thảo vì vậy mới có người đi khóc mướn.

78. *Hòm*: cái áo quan, cái quan tài.

Gỗ đa (da): thứ gỗ xấu và nhẹ.

Bó dóm: gồm những thanh tre hoặc nứa khô bó lại rồi đốt ở đầu trên, còn đầu dưới cầm để đi soi đường lúc đêm.

79. *Lối rộc* 塚 洩 (*rộc*: lạch nhỏ và nông) chữ 塚 phải đọc là *lối* chứ không thể đọc là *nội* được. Chữ *nội* 内 viết khác hẳn.

Lối rộc: lối đi dọc theo bờ lạch nước.

Vì cánh đồng chiêm bị ngập nước nên đám người đem chôn ngấn ngơ đi dọc theo bờ lạch nước để tìm một chỗ cao có thể chôn được người chết. Chôn rồi nhiều khi bị ngập nước nắm mồ cũng không tìm ra được nữa và cũng chẳng có ai tới thắp cho nén hương hoặc rưới cho chén nước.

81. *Chữ quý*: *quý* là quý trọng. Ngày xưa muốn được quý trọng thì phải đi học để đậu đạt cho cao, cho có danh vọng.

82. *Dấn mình vào thành thị*: cố đem thân mình vào nơi thành thị để theo học.

Lân la: tìm cách làm quen với các bạn bè để cùng tìm thầy học hỏi.

83. *Mấy thu*: mấy năm.

84. *Văn chương*: nói chung là sách vở chữ nghĩa mà người thư sinh phải theo học.

Trí thân: đem cả thân mình để thực hiện cái mộng thư sinh.

Cả câu ý nói văn chương đâu đã chắc gì mà phải đem cả thân mình ra để theo đuổi cho thành đạt được.

Nguyễn Du cũng đã nói: “*Bách niên cùng tử văn chương lý*” (Mạn hứng): cuộc đời trăm năm chết xác trong chốn văn chương.

hoặc:

“*Nhất cùng chí thử khởi công thi*” (Lỗi Dương Đỗ Thiếu Lăng mộ): cùng quần đến thế có phải vì giỏi làm thơ?

Thế thì “*Văn chương đã chắc đâu mà trí thân*” là đúng.

86. *Khem kiêng*: nói thuận đi là kiêng khem có nghĩa là giữ gìn không ăn phạm đến của độc.

87. *Liệm*: bó xác người chết bằng lụa, vải (nếu nghèo thì bọc thây bằng tấm chiếu).

Liệm sắp chôn nghiêng: ý nói lo việc tống táng một cách vô cùng cầu thả, rề rúng đối với người chết.

89. *Phân tử*: (*phân*: thứ cây người ta hay trồng ở đầu làng; *tử*: thứ cây to cũng thường trồng ở đầu làng) hai thứ cây người ta hay trồng ở đầu làng cho nên hai câu đó thường được dùng để chỉ chỗ quê hương.
T.K: *Đoái thương muôn dặm tử phân* (c.2235).
Hương khúc: xóm làng ở cách xa thành thị.
90. *Tha ma*: bãi đất hoang dùng để chôn người chết.
91. *Tha hương*: (*tha*: cái khác, kẻ khác) xứ khác, không phải nơi quê quán mình.
94. *Buồm dơi*: cánh buồm có gọng trướng lên trông như cánh dơi.
Chạy xé: chạy xiên với chiều gió.
95. *Giông tố*: (*tố*: cơn giông; *giông*: cơn mưa gió to) mưa to gió lớn. T.K: *Lỡ khi giông tố phũ phàng* (c.1969).
96. *Kinh nghệ*: hai thứ cá to ở biển, hay nuốt cá con. Ca dao: *Kinh nghệ vui thú kinh nghệ, tép tôm thì lại vui bề tép tôm*.
98. *Chín dạn*: gánh lâu ngày vai cứng lại thành chai rồi bị nứt ra nhiều đường nhỏ.
101. *Khóa lính*: hạn định phải đi lính, hết hạn được về gọi là mãn khóa.
102. *Gánh việc quan*: (*gánh*: quấy vật gì ở trên vai bằng đòn gánh, nghĩa bóng là cáng đáng công việc nặng nề) cáng đáng việc quan trên sai phái.
Ca dao: *Anh ơi! Phải lính thì đi, cửa nhà gánh vác đã thì có em*.
103. *Nước khe cơm ống*: nước uống không mang theo được, phải uống nước khe và cơm thổi phải dùng ống tre tươi. Cảnh đi lính phải gian nan như vậy.
104. *Lâm than một đời*: (*lâm*: vắn đục lên) vất vả khổ sở cả một đời vì người dân xưa kia đi lính thú ở mạn ngược lâu lắm không được về hoặc có về thì cũng bị ngã nước khổ sở cả một đời.

Ca dao:

“Ba năm trấn thủ lưu đồn,
Ngày thì canh điểm, tối dôn việc quan.
Chém tre dẫn gỗ trên ngàn,
Hữu thân hữu khổ phàn nàn cùng ai...”

107. *Ma trôi*: thứ ma lập lòe ở tha ma mộ địa về ban đêm, do chất lân tinh ở xương người chết bốc cháy trong không khí.
Văn tế trần vong tướng sĩ: “*Mặt chinh phu khôn vẽ nét gian nan, lập lòe lửa trôi, soi chừng cô độ*.” (Nguyễn Văn Thành).
110. *Bán nguyệt buôn hoa*: tức buôn bán nguyệt hoa. *Nguyệt hoa* mặt trăng

và hoa; nghĩa bóng nói sự trai gái hẹn hò với nhau dưới trăng, bên hoa. *Nguyệt hoa* sau được dùng để chỉ sự chơi bời dâm dục.

T.K: *Đừng điều nguyệt nọ hoa kia* (c.461).

114. *Hóp cháo lá đa*: cúng cô hồn người ta đổ cháo vào trong lá đa đã được cuộn lại, muốn ăn phải cầm chiếc lá đa mà húp.

Hóp: há miệng mà húp lấy.

115. *Đau đón thay phận đàn bà*: câu này giống hần với câu 83 trong *Truyện Kiều* nói về thân phận người đàn bà có số bạc mệnh. Có thể vì nhận thấy câu nói chung đến cả các phụ nữ nên bản C.Đ mới sửa lại là: “*Nào nùng thay số đào hoa*” để chỉ riêng những phụ nữ nào có số đào hoa mới chịu mệnh bạc.

118. *Hành khất*: đi xin ăn.

120. *Hàng xứ*: người khác xứ chưa từng quen biết.

Đường quan: đường cái lớn. Dịch ở chữ *quan lộ* (*quan*: thuộc về của công nhà nước). Ca dao: *Hỡi anh đi đường cái quan, đừng chân đứng lại em than vài lời*.

121. *Tù rạc*: (*rạc*: nhà giam tù; *bắt tù vào rạc*) bị giam trong nhà tù một thời gian dài như nói tù một gông.

122. *Chiếu lác*: thứ chiếu đan bằng cỏ lác.

Manh: mỏng. *Chiếu manh*.

123. *Chôn rấp*: ý nói đào hố chôn người chết vùi vã rồi lấp đi bằng đất cát hoặc mọi thứ cỏ rác có ở chung quanh.

124. *Oan tình*: cái tình cảnh bị mắc tội oan khiến phải tù đầy mà chết ở trong ngục.

125. *Tiểu nhi*: đứa trẻ còn bé bỏng.

130. *Sẩy cối sa cây*: sa sẩy cây cối. (*sa*: rơi xuống; *sẩy*: tuột, hụt, lờ) ý nói leo cây bị hụt chân, lờ bước mà té ngã xuống đất.

131. *Gieo giếng thắt dây*: nói về người tự tử gieo mình xuống giếng hoặc dùng dây để thắt cổ.

132. *Kẻ lây lửa thành*: cháy thành bị vạ lây. Do câu: “*Thành môn thất hỏa, hoa cập trì ngư*” (cửa thành lửa cháy, cá trong ao bị họa lây). Nghĩa là khi thành bị cháy người ta múc nước hồ ao ở ngoài thành để chữa cháy và cá bị chết khô vì hết nước.

Hoài cổ ngâm: *Cá ao lụy bởi lửa thành*.

133. *Sơn tinh thủy quái*: loài ma quái trên núi, loài quái vật dưới nước. Ý nói bị loài thú dữ trên núi, loài cá dữ dưới nước ăn thịt.

134. *Nanh khải*: răng hổ, răng cọp.

136. *Sa sáy*: bị băng thai mà chết.
Khốn thương: bị tai nạn mà chết.
138. *Nại hà*: con sông ở ba đường địa ngục
 Sông này có ba khúc nước chảy xoáy rất mạnh, tội nhân đến đó không có cách nào vượt qua, cứ kẻ trước người sau bị rút xuống, cho nên gọi là Nại hà.
140. *Hôn xiêu phách lạc*: hôn phách xiêu lạc ý nói chết đi hồn lìa khỏi xác lạc lõng không biết ở đâu nữa.
145. *Thần từ*: đền thờ thần.
Phật tự: chùa thờ Phật.
147. *Mông quạnh đồng không*: tức là đồng không mông quạnh. *Mông quạnh*: rộng rãi vắng vẻ.
153. *Gà gáy*: ý nói lúc trời gần sáng. Xưa kia người ta tin rằng hồn ma chỉ hiện ra trong đêm đến khi gần sáng, có tiếng gà gáy thì biến mất.
157. *Siêu sinh*: vượt qua khỏi vòng sinh tử.
Tịnh độ (chữ 土 có hai âm: thổ và độ) cõi trời của các bậc thánh ở, không bị ngũ trọc nhiễm bẩn nên gọi là *Tịnh độ*. Theo lý thuyết nhà Phật, hễ ai tu hành, rửa sạch được trần chướng thì được thoát khỏi vòng luân hồi mà vào cõi thanh tịnh an lạc của chư Phật.
158. *Hào quang*: tia sáng. Đức Phật tỏ thuyết pháp thì hào quang phát hiện ra.
Cứu khổ độ u: (độ: cứu vớt; u: tối). Cả câu ý nói đức Phật làm phép chiếu ánh sáng ra để cứu chúng sinh ra khỏi cảnh khổ sở và cõi tối tăm.
159. *Tứ đại bộ chu*: (chu cũng đọc châu) *Tứ đại hải*: bốn biển lớn ở bốn phía núi Tu Di. Trong mỗi biển đều có một đại châu tức bốn châu: 1. Nam Thiệm bộ châu, 2. Đông Thắng thần châu, 3. Tây Ngưu hóa châu. 4. Bắc Câu lưu châu.
 Cũng gọi là *Tứ hải quân chu* và có nghĩa là tất cả các đất liền hợp lại nơi người ta ở bốn mặt có bể bao quanh.
160. *Não phiền trút sạch, oán thù rửa không*: ý nói nhờ đức Phật mà não phiền được trừ bỏ sạch và mọi oán thù cũng không còn nữa khiến cho ai ai cũng được sung sướng trong khắp bốn bể bốn châu.
161. *Đạo vô thượng*: đạo Phật được tôn sùng vào bậc nhất, ở cao trên hết.
Thần thông quảng đại: (thần: nói về sự thiêng liêng linh diệu, thông: chuyển khắp mọi nơi, không có gì cản nổi; quảng: rộng, đại: lớn) tính linh thiêng tỏa ra khắp mọi nơi không gì cản được ý nói phép mầu của đức Phật rộng lớn vô cùng.
162. *Pháp luân*: (pháp: lời thuyết pháp, giảng giáo lý đạo Phật, luân: bánh xe) lời thuyết pháp của đức Phật có thể phá vỡ tội ác của chúng sinh cũng tựa như bánh xe báu Bảo luân của Luân Thánh Vương có thể xô đổ cả tảng núi đá.

Lại có nghĩa là lời thuyết pháp của đức Phật không ngừng nghỉ lại ở một người nào, một chỗ nào mà xoay chuyển như bánh xe để truyền đạt cho mọi người, cho nên gọi là *Pháp luân*.

Tam giới: ba cõi. Phật giáo chia thế giới vô thường thành ba cõi là dục giới, sắc giới và vô sắc giới.

Thập phương: mười phương của Phật giáo là Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, Thượng và Hạ. Người ta thường nói chín phương trời và mười phương Phật.

163. *Nhơn nhơn*: tả cái vẻ hồn nhiên tự tại mà nghiêm chỉnh.

Tiêu Diện quỷ vương: tên một vị thần mặt đen, vẻ hung tợn. Trong các đám chay thường dựng tượng Tiêu Diện để trấn áp ma quỷ.

Phú cổ: Trước mặt đức Quan Âm, sau lưng thần Tiêu Diện.

164. *Linh kỳ*: cờ linh thiêng.

Độ sinh: (độ: bến, đưa sang bến bên kia; nghĩa bóng là cứu vớt, cứu giúp; *sinh*: sống, các loài sinh vật, chúng sinh) cứu giúp cho muôn vật.

T.K: *Độ sinh nhờ đức cao dày* (c.3055).

165. *Uy linh*: có vẻ tôn nghiêm, thiêng liêng ai cũng phải kính sợ.

Dũng mãnh: có vẻ tôn nghiêm, có sức mạnh phi thường.

166. *Chiêm bao*: giấc mơ trong khi ngủ.

169. *Phù sinh*: (*phù*: nổi trên mặt nước, chỉ có hư mà không có thực; *sinh*: sống, đời sống) cuộc sống ngắn ngủi.

Cung oán: *Tuồng ảo hóa đã bày ra đó,*

Kiếp phù sinh trông thấy mà đau.

Bào ảnh: (*bào*: cái bọt nước, *ảnh*: cái bóng) cái bọt nước, cái bóng sáng không được bao lâu.

Kinh Kim Cương: “Nhất thiết hữu vi pháp như mộng ảo bào ảnh” (Việc đời như giấc chiêm bao, như giọt nước, như cái bóng).

170. *Vạn cảnh giai không*: (*giai*: đều cả) vạn cảnh bày ra trước mắt ta đều là không cả, tất cả đều là ảo ảnh cả.

171. *Lấy Phật làm lòng*: lấy Phật ở trong lòng mình, suy nghĩ và hành động đúng với tinh thần giác ngộ.

172. *Siêu thoát*: vượt thoát ra ngoài vòng trần tục.

Luân hồi: (*luân*: bánh xe, *hồi*: quay trở về) Phật giáo cho rằng người ta sống chết trong khoảng lục đạo xoay tròn không bao giờ thôi. *Kinh tâm địa quán*: “Các loài hữu tình sinh trong sáu đường, như chiếc bánh xe quay lăn không có sau trước.”

173. *Chấn tế*: (*chấn*: cứu giúp, *tế*: cứu giúp) lấy tiền của mà cứu giúp người hoạn nạn.

Phật giáo: Phật dạy.

176. *Siêu thiên*: lên trời, lên cõi Niết bàn vượt khỏi cõi khổ sở đề lên cõi tiên cảnh.
180. *Tôn giả*: tiếng Phạn là Ārya (Alêda) dịch là thánh giả, dùng để chỉ những người trí đức đều cao. Tiếng tôn xưng các vị La Hán. Tôn giả đây chỉ vào ngài *A nan* (Ananda), người đã thiết lập ra lễ thí thực.

“Ngài Anan ngồi một mình trong tịnh thất. Canh ba đêm ấy thấy một con quỷ đói tên là Diêm Khẩu nói với ngài rằng: “*Ba ngày nữa mệnh ông sẽ hết, sẽ thác sinh vào loài quỷ đói*”.

Ngài Anan bèn hỏi cách tránh khổ?

Con quỷ nói: “*Ngày mai ông phải bố thí cho trăm nghìn con quỷ đói chúng tôi mỗi người một hộc cơm và cúng dàng tam bảo cho tôi, thì ông sẽ được tăng tuổi thọ còn tôi sẽ được sinh vào cõi trời*”.

Ngài Anan liền bạch với đức Phật. Đức Phật vì ông mà nói về pháp môn đàlani rằng: “*Tụng môn đàlani này có thể khiến cho vô số trăm nghìn kẻ được thí thực no đủ*”.

181. *Hữu tình*: có tình thương tất cả chúng sinh.

Từ bi: (*từ*: hiền lành, *bi*: thương xót; hiền lành thương người) thương yêu chúng sinh, mang lại cho họ niềm an lạc vui sướng gọi là *từ*. Đồng cảm nỗi khổ và thương xót chúng sinh, trừ bỏ nỗi khổ cho họ gọi là *bi*. Đây là hai trong số bốn Vô lượng tâm.

Nam mô: do chữ Phạn *Namah*, *Namô* dịch âm là *Nam mầu*, *Na mô*, *Nam vô* (南無) dịch nghĩa là qui mệnh, kính lễ, qui lễ, cứu ngã, độ ngã. Đó là câu nói của chúng sinh hướng về Phật, qui y tín thuận.

Nam mô Phật: Namo buddhaya. Qui mệnh đối với Phật.

Kinh Pháp hoa: “Một lời niệm Nam mô Phật là đã thành Phật đạo”.

Nam mô Pháp: Pháp (Dharma) phiên là Đạt ma, từ chỉ chung hết thấy mọi sự vật hiện tượng dù là to nhỏ hữu hình, vô hình, chân thực, hư vọng. Sự vật cũng là vật, đạo lý cũng là vật, tất thấy đều là *pháp* cả.

Nam mô Tăng: Tăng (Samgha) phiên là Tăng già, dịch là *hòa* hoặc là *chúng*. Số từ khuừ từ bốn người trở lên hòa hợp thành đoàn thể. *Trí độ luận*: “Tăng già đời Tần gọi là *chúng*. Nhiều từ khuừ hội hợp với nhau một chỗ gọi là *tăng già*”.

Tăng lúc đầu không thể dùng để chỉ một người về sau người ta có thể dùng từ “tăng” để gọi một người nhưng từ ấy đã có nghĩa là một vị sư xuất gia tu đạo Phật. *Tăng sử lược*: “Nếu gọi riêng một từ Tăng thì phải có từ 4 người trở lên mới được gọi thế, nay gọi một người là Tăng, về lý không thỏa đáng, song như 12.500 người là một quân, mà có một người cũng gọi là quân, thì gọi “tăng” cũng giống như thế.

Phật - Pháp - Tăng theo đạo Phật gọi là Tam bảo.

184. *Nhất thiết*: hết thấy.

VẤN ĐỀ HIỆU ĐÍNH BÀI VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH

Bài Văn tế Thập loại chúng sinh của Nguyễn Du do nhà sư Chính Đại¹ sưu tầm được và sau khi hiệu đính đã cho khắc in bằng chữ Nôm trong sách *Ứng phó dư biên tổng tập*, vào năm 1895.

Trong lời *Tiểu dẫn*, nhà sư đã nói:

“Các văn quốc âm trên đây² đến nay các người lập đàn chay tại các nơi hay dùng. Nghe ra thì các câu đọc không có nghĩa và từ chương quê kệch. Ấy chừng vì tiền nhân đã soạn ra từ lâu năm mà chưa được đem ra khắc cho nên tam sao thất bản đến nỗi làm mất chân thật. Năm Thành Thái Ất Mùi (1895) tôi là Đại, gắng sức đính chính, viết ra rõ ràng thành từng bài, rồi đem khắc ván để truyền lâu dài về sau”.

Ký

Hưng Phúc tự

Trụ trì Chính Đại cẩn chí.

Một bản in khác bằng chữ Quốc ngữ do Lê Thước phiên âm từ bản Nôm tìm được ở chùa Diệc - gần phía Bắc thành Nghệ An xưa - đã được in trong quyển *Truyện cụ Nguyễn Du*³ - từ trang 28 đến trang 33 - xuất bản năm 1924.

Cả hai bản Nôm này đều không ghi tên soạn giả nhưng qua bút pháp chúng ta có thể tin ngay được tác giả chính là Nguyễn Du như lời truyền lại từ trước.

Tác giả *Truyện Kiều* thường dùng phép tiểu đối trong các câu thơ của mình như:

1. Trụ trì chùa Hưng Phúc, xã Xuân Lôi, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh.

2. Gồm tám bài: *Bảo Đường ca*, *Ban xá bản*, *Chiêu linh thần*, *Phụ phan văn*, *Trạo thuyền bản*, *Khai quang thức* và hai bài *Thỉnh cô hồn văn*.

3. Nhà in Mạc Đình Tư, Hà Nội, 1924.

Ngày xanh mòn mới, má hồng phai pha (c.86)
Hương gậy mùi nhớ, trà khan giọng tình (c.256)
Cạn dòng lá thắm, dứt đường chim xanh (c.268)
Chẳng sân ngọc bội, cũng phường kim môn (c.410)
Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người (c.890)

thì trong bài *Văn tế thập loại chúng sinh* chúng ta cũng thấy có những câu đặt như thế:

Hoa lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng (c.4)
Máu tươi lai láng, xương khô rã rời (c.28)
Càng năm càng héo, một đêm một dầu (c.44)
Đã đêm Quản Nhạc, lại ngày Y Chu (c.48)
Phơi thây trăm họ, làm công một người (c.60)
Anh em thiên hạ, lảng giềng người dưng (c.88)
Gió trắng hiu hắt, lửa hương lạnh lòng (c.92)
Dãi dầu ngàn dặm, lăm than một đời (c.104)
U ơ tiếng khóc, thiết tha nỗi lòng (c.128)
Người trôi nước lũ, kẻ lây lửa thành (c.132)
Thở than dưới đất, ăn nằm trong sương (c.152)
Não phiền trút sạch, oán thù rửa không (c.160)

Nếu kể từng cặp chữ đối nhau thì cũng có rất nhiều như:

Hồn đơn phách chiếc lênh đênh quê người (c.12)
Giải oan cứu khổ, hồn về Tây phương (c.20)
Cũng có kẻ màn lan trướng huệ (c.33)
Khi thất thế tên rơi lạc đạn (c.61)
Bãi sa trường thịt nát máu trôi (c.62)
Vội vàng liệm sắp chôn nghiêng (c.87)
Cũng có kẻ nằm cầu gối đất (c.117)
Kìa những kẻ chìm sông lạc suối (c.129)
Cũng có người sẩy cối sa cây (c.130)
Hoặc là ẩn dọc bờ dọc bụi (c.141)
Hoặc là nương ngọn suối chân mây (c.142)
Hoặc là điểm cỏ bóng cây (c.143)
Hoặc là quán nọ cầu này bơ vơ (c.144)

Những cặp chữ đối nhau như vậy, chúng ta cũng thấy rải rác trong suốt *Truyện Kiều* như:

Nào người phượng chạ loan chung (c.89)

Nào người tiếc lục tham hồng là ai (c.90)

Một vùng như thế cây quỳnh cành dao (c.144)

Âu đành quả kiếp nhân duyên (c.201)

Bỗng không mua nã chuốc sầu nghĩ nao (c.236)

Thâm nghiêm kín cổng cao tường (c.267)

Ngần ấy thí dụ cũng đủ để chúng ta tin rằng tác giả bài *Văn tế Thập loại chúng sinh* là Nguyễn Du.

Chính vì sự tin tưởng ấy nên trong các sách báo sau này - kể từ quyển *Văn đàn bảo giám* in năm 1926¹ - đều ghi tác giả là Nguyễn Du.

Năm 1965, nhân kỷ niệm đệ nhị bách chu niên Nguyễn Du, Đàm Quang Thiện có cho in tập sách nhỏ *Chiêu hồn Thập loại chúng sinh*² do ông hiệu chú khá công phu.

Nhưng cách hiệu chú của Đàm Quang Thiện còn chưa được chính xác và khoa học như Hoàng Xuân Hãn đã làm trong bài *Lễ Vu lan với Văn tế cô hồn* đăng trên Tạp chí Văn học số 2 năm 1977.

Hoàng Xuân Hãn đã căn cứ vào hai bản được coi là xưa nhất: bản Nôm của nhà sư Chính Đại in năm 1895 và bản Quốc ngữ do Lê Thước phiên âm từ bản Nôm của Chùa Diệc, in năm 1924 để hiệu đính lại bài *Văn tế Thập loại chúng sinh*.

Ông đã cho bản của Lê Thước phiên âm là có giá trị hơn bản của nhà sư Chính Đại hiệu đính vì “toàn bài đồng một sắc thái” và “ngôn ngữ lại có pha một số danh từ và thành ngữ đến nay còn tính cách xứ Nghệ”. Ông đã dẫn ra một thí dụ:

*Kẻ thì mắc sơn tình thủy quái,
Người thì lâm rãng khải ngà voi.*

(c.133 - c.134)

ở bản Chùa Diệc mà nhà sư Chính Đại đã hiệu đính lại là:

*Người thì mắc sơn tình thủy thú,
Cùng độc xà vuốt hổ ngà voi.*

và cho rằng chữ “*khải*” là chữ cổ, nghĩa là hổ, cạp mà đến nay thì từ *Nghệ An* đến *phía Bắc Quảng Bình* vẫn nói và dùng một cách gần chuyên nhất.³

1. Nhà sách Nam Ký in lần thứ nhất năm 1926, tái bản lần thứ ba năm 1932.

2. Nam chi tùng thư. 1965, Sài Gòn.

3. Làm sao ông có thể xác định được khi không về ở Việt Nam mà chỉ sống ở bên Pháp cho đến khi qua đời.

Ông lại cho rằng người ở Bắc “không đọc ra chữ Nôm có chữ 既 (ký) bên cạnh bộ 犭 (khuyển) = 猥 ” hoặc “đúng hơn không biết nghĩa, nhưng cũng đoán đúng ý”, cho nên nhà sư Chính Đại đã đổi “*răng khái*” ra “*vuốt hổ*” và đã đổi “*thủy quái*” ra “*thủy thú*” cho hợp vần.

Ông có nhận xét thêm là “*tuy cứu được vần nhưng ý thì thành vô vị vì giải tranh, rùa, thường luồng, cá sấu không phải là loài thú*”.

Giải thích như vậy rồi, ông cho bản Nôm Chùa Diệc mà Lê Thước phiên âm đáng được lấy làm cơ bản trong sự tái lập bài *Văn tế cô hồn* này và một điểm ông muốn lưu ý độc giả nữa là “*tác giả bài này là người xứ Nghệ*”.

Chúng tôi nhận thấy Hoàng Xuân Hãn đã cho rằng người ở Bắc không đọc ra chữ Nôm 猥 (khái).

Thực ra chữ “*khái*” ấy ở ngoài Bắc cũng có dùng và nhà sư Chính Đại hẳn phải biết nên mới đổi ra chữ “*hổ*” cho người nghe đọc văn tế dễ hiểu. Có thể cũng vì lẽ đó mà người ta mới sửa hai câu 113-114 là:

*Người thì mắc sơn tinh thủy quái,
Người thì sa nanh sói ngà voi.*

Ngoài ra bài *Văn tế Thập loại chúng sinh* không có mấy chữ là thổ ngữ của xứ Nghệ và Nguyễn Du tuy nguyên quán ở Hà Tĩnh nhưng mẹ là người Bắc Ninh, lại sinh ra ở Thăng Long, lớn lên ở đất Bắc, lấy vợ người Thái Bình, làm quan ở Thái Nguyên cho đến ngoài 30 tuổi mới về làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Như vậy Nguyễn Du, nếu đã ở từ bé đến lớn ở đất Bắc thì con người của ông phải chịu ảnh hưởng sâu đậm của ngôn ngữ và phong tục miền Bắc, cho nên chúng ta mới thấy cả trong *Truyện Kiều* dài 3254 câu, ông chỉ dùng có mấy chữ miền Trung, vùng Nghệ Tĩnh mà thôi.

Hoàng Xuân Hãn tuy lấy bản Chùa Diệc của Lê Thước phiên âm làm cơ sở để hiệu đính nhưng có một vài chỗ ông lại theo bản của nhà sư Chính Đại.

Thí dụ như ở hai câu 49-50:

*Thịnh mãn lăm oán thù càng lăm,
Trăm loài ma mỗ nắm chung quanh.*

Ông cho rằng Lê Thước không hiểu tiếng cổ nên khi thấy hai chữ Hán (xâm nãm) đã đọc là *mỗ nắm* vì thấy chữ (nãm) gần giống chữ Nôm (nắm) và để cho có nghĩa đã đổi chữ “*xâm*” là “*mỗ*”.

Hoàng Xuân Hãn đã căn cứ vào hai chữ 侵 của bản in Chính Đại mà cho rằng:

“Sự này bắt buộc ta phải nghĩ đến thành ngữ cổ, còn chữ ở miền Nam là tiếng xấm nắm nghĩa là chực sẵn, sẵn sàng, sẵn sửa làm điều gì, cũng nói xấm rắm”.

Ông đã chép câu 50 là:

Trăm loài ma xấm nắm chung quanh

và đã giảng là: “những hồn kẻ thù chực kẻ ấy chết để báo oán”.

Nhưng ông đã không để ý rằng chữ Hán 侵 (xâm) trong bản Chính Đại đâu phải là chữ (xấm) mà ông đọc hai chữ 侵稔 là *xấm nắm*.

Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của ghi:

xấm rắm 懺廩 : rắp, toan, sẵn sửa, hòng.

Từ điển Việt - Pháp (Dictionnaire Annamite - Française) của J.F.M Génibrel ghi:

Xấm rắm 懺 唵 S'apprêter à xấm nắm (T) id *xấm rắm đi*: S'apprêter à partir.

Xấm rắm đã có nơi: il a déjà fait son choix du parti à demander en mariage (d'un jeune homme).

(*xấm nắm*: sắp sửa, chuẩn bị - *nắm* (bắc) - *rắm đi*: sắp sửa ra đi. *Xấm rắm đã có nơi*; nói chàng con trai đã lựa chọn một người con gái để xin cưới).

Qua hai quyển Từ điển trên, chúng ta thấy rõ ràng là 侵稔 không thể phiên âm là *xấm nắm* được.

Nếu xem lại tự dạng của 侵稔 thì chữ 侵 phải đọc là *xâm*.

Xâm có nghĩa là tiến dần, đánh ngấm, xâm lấn và chữ 稔 phải đọc là *nhằm* hoặc *nắm*, *Nhằm*: lâu ngày.

Từ điển Việt - Hán - Pháp của Gustave Hue giảng (nhằm) là garder longtemps (giữ lâu, tích lâu).

Từ điển Việt - Pháp của J.F.M Génibrel giảng 稔 (nhằm) là accumuler (tích tụ, tích lũy), entasser longtemps (chất đống lại trong một thời gian dài). Répéter longtemps (nhắc lại trong một thời gian dài lâu). Fréquent (luôn), invétéré (thâm căn cố đế, thành cố tật), accoutumer (thành thói quen).

Theo các nghĩa trên thì hai chữ 侵稔 *xâm nhẫm* có thể hiểu là xâm lấn lâu ngày, chiếm giữ lâu và hai câu:

*Thịnh mãn lăm oán thù càng lăm,
Trăm loài ma xâm nhẫm chung quanh.*

có thể giảng là:

“Bọn quan văn càng có nhiều thế lực và tiền tài, càng đầy đủ về vật chất thì càng có nhiều người vì họ mà bị khổ sở đã oán thù họ. Những người này giờ là ma, đủ trăm loại đang vây hãm họ, xâm nhập từ lâu chung quanh chỗ họ ở để chờ họ đến lượt phải chung một số kiếp”.

Chúng tôi chưa dám nói chắc là hai chữ 侵稔 đã hoàn toàn đúng về âm và nghĩa nhưng nếu căn cứ vào tự dạng thì phải đọc là *xâm nhẫm* và phải hiểu như vậy.

Xuân Diệu khi viết bài *Độc Văn chiêu hồn* đã có ý kiến rằng:

“Trong bài *Độc Văn chiêu hồn* này, tôi đã chọn trong tất cả những bản *Văn chiêu hồn* tôi sưu tầm được và gặp những trường hợp lời văn khác nhau, thì ở mỗi bản tôi đã lấy những câu nào theo ý tôi, tôi thấy là hợp nhất, hay nhất, - còn riêng tôi thì không tự mình “sáng kiến” ra một câu nào”.

Chủ trương như vậy nên ở câu 98 ông đã chép theo bản Lê Thước và đã cho rằng đây là:

“Một câu thơ rất hiếm trong thơ cổ điển:

Đòn gánh tre chín dạn hai vai.

Nguyễn Du là một thi sĩ, có sức cảm thông với người bình dân cực khổ như chính mình bị đau ở trong xương thịt, gồng gánh kịu cà kịu kịt mãi suốt đời, còn tham gánh nặng, thì *nát vai chín thịt*, lại còn trở gánh, nên chín cả hai vai, chiếc đòn tre này còn là cái trực trên ấy tựa cả một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu mãi”.

Chúng tôi nhận thấy việc hiệu đính cổ văn phải được làm một cách cẩn thận, không nên có “sáng kiến” như Xuân Diệu đã nói.

Chúng tôi lại xin đưa ra thêm một thí dụ nữa về chữ 曷 (hạt) ở câu 18:

Nước tỉnh bình rười hạt dương chi.

Hoàng Xuân Hãn đã thắc mắc về chữ “hạt” mà Lê Thuộc đã phiên âm.

Ông cho rằng: “*Tĩnh bình* là bình nước trong, *dương chi* là cành dương. Ấy là hai vật xưa bày cúng Phật, cũng là tượng trưng phép lạ cứu độ chúng sinh: nhúng cành dương vào nước trong mà rảy làm phép”.

Ông cho như vậy chữ “*hạt*” là vô nghĩa.

Ông đoán là chữ “*hắt*” chăng? Nghĩa là “*lấy cành dương hắt nước mà rưới*”.

Ông nhận xét như vậy rồi đã chép câu 18 là:

Nước tĩnh bình rưới hắt dương chi.

nhưng chữ “*hắt*” không hợp vì nó diễn tả một động tác nhanh và mạnh như “*hắt chậu nước ra sân*”. Không ai làm phép mà lại *hắt* nước. Người ta chỉ vẩy nhẹ cành dương hoặc rưới nhẹ thành từng giọt, từng hạt nước thôi.

Truyện Kiều cũng có câu:

Cho hay giọt nước cành dương

chữ “*giọt*” thì cũng như chữ “*hạt*”.

Vậy ở câu 18 phải dùng chữ “*hạt*” mới đúng.

Cũng có chỗ Hoàng Xuân Hãn đã sửa lại câu thơ của Nguyễn Du như ở câu 82:

Dấn thân vào thành thị lân la.

thành:

Dấn thân vào thành thị bốn ba.

Ông cho rằng bản Chùa Diệc chép “*lân la*” có thể là nguyên thoại nhưng vì thấy bản Chính Đại đã sửa lại là “*phồn hoa*” nên ông đề nghị sửa là “*bốn ba*” và cho rằng “*thoại* này vừa đúng vắn, vừa đúng ý” và “*phải* chẳng đó là nguyên thoại”.

Lân la là tìm cách làm quen để tạo ra mối quan hệ mật thiết nhằm thực hiện một mục đích nhất định. Ở đây người thư sinh cố gắng đưa thân ra tỉnh để dần dần tìm thấy bạn mà học hỏi. Chữ *lân la* rất đúng nghĩa và cũng không phải là nôm na gì vì *Truyện Kiều* cũng có những câu:

Sớm đào tối muộn lân la (c.1289)
Sự mình cũng rắp lân la giải bày (c.1574)
Mẹ con trò chuyện lân la (c.1769)
Lân la tìm thú bên sông Tiền Đường (c.2629)
Lân la sẽ hỏi một hai sự tình (c.2756)
Nhẫn từ quán khách lân la (c.287)
Phật tiền ngày bạc lân la (c.2991)

Thế thì *lân la* mới đúng là nguyên thoại.

Còn *bôn ba* thì có nghĩa là chạy chọt vất vả để lo liệu một công việc như “*bôn ba lối lợi đường danh*”.

Hai từ ngữ ấy đã có nghĩa khác hẳn như vậy nên không thể thay “*lân la*” bằng “*bôn ba*” được.

Hoàng Xuân Hãn lại còn đề nghị sửa câu 127:

Lấy ai bông bế vào ra

vì thấy bản Chính Đại đã sửa câu ấy là:

Nào ai bú mớm đấy mà

và ông đã nhận xét:

“Chắc rằng có kẻ đã coi hai tiếng *vào ra* là *nôm na nhặt nhèo* cho nên chữa ra *đấy mà*; nhưng hai tiếng này lại non hơn”.

Ông cho rằng:

“Nếu cần phủ chính thì chữa ra:

Lấy ai bông bế vỗ xoa

có lẽ cũng đúng vẫn và đủ ý hơn”

và ông lại tự hỏi:

“Biết đâu chẳng phải là nguyên thoại?”

Tuy nhận xét như vậy nhưng ông vẫn để nguyên câu này mà không sửa lại.

Qua mấy thí dụ trên, chúng tôi nhận thấy *Văn tế thập loại chúng sinh* vì đã không được khắc bản ngay nên đã bị tam sao thất bản từ lâu.

Bản của nhà sư Chính Đại thì tuy được khắc in vào năm 1895 - cách năm Nguyễn Du mất tới 75 năm - nhưng đã sửa chữa lại nhiều chỗ và lại còn thêm bớt đi nữa để có thể đọc vào những dịp lễ cầu hồn khác ngoài lễ Vu Lan.

– Thêm ở đoạn đầu sau câu thứ 8:

• *Châm hương thỉnh cô hồn chư vị,
Diệu già trì pháp khí tam thông.
Tắc lòng kính giải đàn trung,
Khắp mời Nam Bắc Tây Đông tịnh hồn.
Gồm thượng hạ cần khôn cần tốn,
Trẻ cùng già trai gái biết bao.
Than rằng đất rộng trời cao,
Sao đời vật đổi biết bao nhiêu lần.
Dãi dầu bấy mưa xuân nắng hạ,
Sớm khuya cùng trăng gió cỏ hoa.
Cũng là đồng loại người ta,
Sa cơ nên phải nghĩ mà thương tâm.*

– Thêm ở đoạn giữa câu 134 và câu 135:

*Có người thuốc xái mê chơi,
Đa mang nghiện ngập của trời phá tan.
Sau gặp buổi vô nhân mới tỉnh,
Phút đặng tiên khôn lánh lưới trời.*

Đoạn này rõ ràng là mới thêm vào để nói đến một loại cô hồn nghiện thuốc phiện, thứ thuốc mà thực dân Pháp mới đem vào để làm hại dân ta.

Tuy có thêm vào 16 câu nhưng bản Chính Đại lại bỏ đi 4 câu, từ câu 161 đến câu 164.

*Đạo vô thượng thần thông quảng đại,
Chuyển pháp luân tam giải thập phương.
Nhơn nhơn Tiêu Diện quỷ vương,
Linh kỳ một lá dẫn đường độ sinh.*

và để cho hợp vần đã đổi câu 165 là:

Nhờ Phật pháp linh thông quảng đại

cho vần với câu 160 là:

Não phiền thoát sạch, oán thù rửa trong.

Có thể nói nhà sư Chính Đại đã sửa lại khá nhiều chỗ trong bài *Văn tế Thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du nên ngày nay chúng ta chỉ có thể dựa vào bản Chùa Diệc mà Lê Thước đã phiên âm để làm tài liệu tham khảo nếu muốn tìm lại nguyên tác của Nguyễn Du.

VĂN TẾ SỐNG

HAI CÔ GÁI TRƯỜNG LƯU

Bài Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu này, chưa chắc đã phải của Nguyễn Du làm ra.

Người đầu tiên có ý đi sưu tầm những bài thơ văn bằng quốc âm của Nguyễn Du là Lê Thước. Ông có được nghe người cháu bốn đời của Nguyễn Du (ông Tời, tức Nguyễn Phụ) nhắc đến bài văn tế sống kia nhưng lại không nhớ và chỉ nhớ có bài *Thác lời trai phường Nón*. Do đó ông chưa tìm ra được.

Đến năm 1928, tờ Nam Phong số 135 ra tháng 11 - 12 đã đăng bài Văn tế ấy và đây là lần đầu tiên nó được công bố nhưng lại ghi là *Vô danh*.

Đến năm 1943, Hoàng Xuân Hãn trong *Nguồn gốc văn Kiều - Hát phường vải* đã cho in bài văn tế ấy lên và ghi là của Nguyễn Du.

Cũng năm ấy, theo Trương Chính, ông đã tìm được một bản Nôm của bài văn tế ấy, dưới có đề tên Nguyễn Du và ông có đem đăng trên Giáo dục tạp chí thời bấy giờ.

Như vậy có thể Nguyễn Du là tác giả bài *Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu*.

Nhưng Nguyễn Du đã có khi nào về ở Tiên Điền trong vòng hai năm liền như bài văn tế đã nói không?

*“Ba sinh đành một kiếp hên hò,
Hai năm được mấy lần chung chạ”.*

Và Nguyễn Du đã viết bài văn tế ấy khi nào?

Hoàng Xuân Hãn ngờ rằng đó phải là một tác phẩm đã được Nguyễn Du viết ra vào hồi dưới 25 tuổi vì *“cụ đậu tam trường lúc 19 tuổi rồi làm chức Thái Nguyên Hùng hậu hiệu Chính thủ hiệu. Năm 25 tuổi, vua Chiêu Thống bỏ chạy, cụ trốn về Sơn Nam”*.

Nhưng nếu đối chiếu với niên biểu Nguyễn Du thì thấy ông rất ít về ở Tiên Điền trước năm 25 tuổi, nếu có cũng chỉ ở lại trong một thời gian rất ngắn. Ông mồ côi cha năm 11 tuổi, mồ côi mẹ năm 13 tuổi, nếu sau khi bố mẹ ông chết đi mà ông có về ở với người anh lớn Nguyễn Khản thì ông này cũng đang làm quan ở Thăng Long.

Chỉ từ năm 1784 sau vụ Kiêu binh nổi lên phá nhà Nguyễn Khản, hai anh em Nguyễn Khản và Nguyễn Điều mới rút về ở quê nhà. Nhưng Nguyễn Khản cũng chỉ ở làng Tiên Điền có một năm. Năm 1785, khi nghe tin quân Tây Sơn kéo ra Bắc, Nguyễn Khản lại đi thuyền vượt biển ra Bắc để mong cứu viện cho nhà vua. Nhưng không ngờ đến tháng 9 ông bị bệnh mất ở Kinh đô Thăng Long.

Cũng thời gian này Nguyễn Du còn ở Thăng Long và sau đó kế chân cha nuôi làm Chánh thủ hiệu ở Thái Nguyên.

Tháng 11 năm Đinh Mùi (1787), Nguyễn Huệ ở Phú Xuân sai Vũ Văn Nhậm ra đánh Nguyễn Hữu Chỉnh. Vua Chiêu Thống thấy quân của Chỉnh thua rồi bèn bỏ Kinh đô chạy sang Kinh Bắc. Nguyễn Du muốn theo phò vua mà không kịp nên đã về ở nhờ quê vợ tại Thái Bình. Ở đây ông bị lâm vào bước đường cùng.

Năm 1794, nhân người anh vợ là Đoàn Nguyễn Tuấn vào Phú Xuân nhận chức mới, Nguyễn Du có làm bài thơ *Lưu biệt* trong đó có nhắc người anh là Nguyễn Nễ rằng:

*Thử khứ gia huynh như kiến vấn,
Cùng đồ bạch phát chính tình tình.*

(Lần này vào, anh tôi có hỏi thì xin nói hộ là tôi đang ở bước đường cùng và tóc đã bạc lốm đốm).

Có thể sau đó ít lâu ông có vào Phú Xuân thăm anh nên trong bài *Tống Tố Như đệ tự Phú Xuân kinh Bắc hoàn* (Tiễn em Tố Như từ kinh đô Phú Xuân trở về Bắc) Nguyễn Nễ đã viết:

*Ân cần thiên lý tống quân triên,
Bắc thụ nam vân phục các thiên.*

(Ân cần nghìn dặm đưa em về, cây bắc mây nam mỗi người lại ở một góc trời).

Lần đi này Nguyễn Du có ghé lại thăm quê rồi lại ra ở Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình. Như vậy cho đến năm 1796 ông mới về ở hẳn tại làng Tiên Điền, khi ấy ông đã 32 tuổi, đã có vợ, đã có con lại nghèo túng.

*Không ốc lậu ta nguyệt,
Chiếu ngã đan thương y.*

(Ký mộng)

*Nhà trống lọt trăng tà,
Chiếu vào chiếc áo đơn của ta.*

(Ghi lại giấc chiêm bao)

và thêm bệnh tật:

*Thập niên túc tật vô nhân vấn,
Cứu chuyển hoàn đan hà xứ tâm?*

(Ngọa bệnh)

*Bệnh cũ mười năm không ai thăm hỏi,
Thuốc tiên luyện chín lần tìm đâu ra?*

(Nằm bệnh)

Không chắc gì ông đi “nhởi” như những thầy nho tuổi mười tám, đôi mươi. Huống chi cuộc tình duyên đây lại hết sức lãng mạn, một lúc yêu cả hai cô: cô Ủy và cô Sạ.

Trương Chính thì cho mối tình đây chỉ là “chuyện hư cấu” của một nhà thơ giàu tình cảm và giàu tưởng tượng”. Ông cho là câu chuyện sẽ trở thành vô lý nếu người ta cho là chuyện thật.

Chúng tôi cũng đồng ý như vậy và còn ngờ rằng “câu chuyện hư cấu” kia cũng chưa chắc đã có nữa.

Có thể bài văn tế sống đã do một người nào ở quê hương Nguyễn Du viết ra vì lời văn toàn dùng tiếng Nghệ khác hẳn với văn phong của Nguyễn Du.

Theo Trương Chính thì “Nguyễn Du mẹ người Bắc, thuở nhỏ sống ở Bắc cho nên khi sáng tác rất ít dùng tiếng xứ Nghệ. Trong Truyện Kiều nhiều lắm cũng chỉ tìm được dăm ba tiếng xứ Nghệ...” Nhưng ở đây từ đầu chí cuối, nhà thơ hoàn toàn dùng tiếng Nghệ, làm cho bài văn có một phong vị riêng, người nơi khác đọc thấy trúc trắc, khó hiểu và không cho là hay, chỉ riêng người xứ Nghệ mới lấy làm thú vị”.¹

Chúng tôi lại nghĩ rằng Nguyễn Du không khi nào lại viết câu:

1. Trương Chính – *Hương hoa đất nước* NXB văn học, 1978, tr. 196 – 211.

“Vé chỉ một chút ngoài da” để đùa cợt lại câu thơ của chính mình.

*Đừng điều nguyệt nọ hoa kia,
Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai.*

(T.K: c.461-c.462)

Hơn nữa, Nguyễn Du đâu còn là hạng thanh niên để cho bọn trai làng phải ganh ghét mà rủ nhau đến phá đám, thổi tắt đèn rồi đốt lói (một thứ pháo làm bằng ống tre) xuyết nữa xảy ra ẩu đả.

Nguyễn Du nếu có đi hát cũng đâu đến nỗi phải để xảy ra cơ sự như vậy, huống gì lại nói là đi hát với Nguyễn Huy Tự một người có học, đã ra làm quan võ.¹

Nguyễn Du dù có bực đi mấy cũng chẳng bao giờ hạ bút viết:

*“Phụt ngọn đèn trước mắt, đéch sự đời, chẳng phải đùa tiểu nhân;
Đùng tiếng lói sau nhà, đéo mẹ kiếp, bỗng có thằng đại phá.*

Theo một vài nhận xét nêu trên chúng tôi xin tạm để là một nghi vấn đối với tác giả bài *Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu* chứ chưa thể như vội khẳng định tác giả là Nguyễn Du.

1. Trương Chính. *Hương hoa đất nước*, tr.204 – 205 đã viết: “Nguyễn Huy Tự là con rể Nguyễn Khâu... vì thế Nguyễn Du lên thăm bà con và xem hội nhân thế. Rồi thì... rủ nhau đi hát ví...”

Theo nhận xét của chúng tôi là:

- Nếu báo Nguyễn Du đi hát hồi trước 21 tuổi thì Nguyễn Huy Tự đã 42 tuổi và đã ra làm quan võ ở Tuyên Quang và Hưng Hóa rồi còn thích gì đi “nhớ” nữa.
- Nếu báo Nguyễn Du đi hát sau khi về ở hàn Tiên Điền (1797) thì khi ấy Nguyễn Huy Tự đã qua đời từ năm 1790 rồi làm sao mà cùng đi hát cho được

VĂN TẾ SỐNG HAI CÔ GÁI TRƯỜNG LƯU

Than rằng:

1. Chùa Phổ Cứu ¹ trắng diu gió dặt, ngỡ một ngày nên nghĩa
trăm năm;
Doanh Đào Nguyên ² nước chảy hoa trôi, bỗng nửa bước chia
đường đôi ngã.

2. Chữ chung tình, nghĩ lại ngậm ngùi,
Câu vĩnh quyết đọc càng buồn bã.

Nhớ hai ả xưa:

3. Tính khí dịu dàng,
Hình dung ẻo lả.
4. *Rạng* lâu lâu, gương đàn quế vừa tròn;
Non mơn mớn, đóa hải đường chưa nở.
5. Sắc lông mày, sẵn môi sáp, ai chê rằng xấu mô mô;
Thấp mái tóc, cao đường ngôi, ta *khen* đã đẹp cha chả.
6. Tiếng cười tiếng nói *nghe* cũng hữu tình,
Nước bước nước đi thật là vô giá.
7. Tiết dậy mấy ³ trong năm, mười bảy, nghề thú quê *giữ* mực chân xa;
Cuộc làm vui vừa cũ giêng hai, bàn cờ tướng kén vào con mã.
8. Khổ vượt ve ⁴ đà tới mực hần hoi,
Nghề làm ăn chẳng đến điều hèn hạ.
9. Khép song gấm nửa thêm hoa rụng, gieo *thoi vàng* dệt bức
hồi văn; ⁵,

Khảo dị :

4. *Sáng* lâu lâu...
5. ... ta *xem* đã đẹp
6. ... *xem* cũng hữu tình
9. ... gieo *thái vung*...
... nắn *quai sắt*

Buông rèm sương bốn chái trắng thâu, nắn *quay* sắt kéo dây nhân quả ⁶.

10. *Rủ rê* năm chị bảy em,
Cứu *góp* ⁷ ba làng bốn xã.

11. Con người ta được một thì con gái, được thì ăn được thì chơi;
Ở đây này há hiếm chi đàn ông, chẳng *nề* quen chẳng *nề* lạ.

12. Đêm đêm thường ví hát xôn xao,
Ai ai cũng trầu cau dãi dọ ⁸.

13. Ả nọ O này đông đúc, gái một thì gặp *tuổi sang xuân*;
Anh kia chú nọ rình mò, trai ba phủ *quyết chơi mãn hạ*.

14. Bướm ong *khuất nẻo* thôi quan thì dân ⁹
Oanh yến ra vào, rộng đường quang sá.

15. *Nhất lịch sự quân phường ngoài Ché* ¹⁰, *những vất* ra túi thuốc bình hoa;

Đội thế thần quan họ trong làng, cũng *mang tới* cân ngà quả đá.

16. Đi về thường nhiều kẻ hăn hoi,
Ra vào cũng lắm người chằng chạ.

17. Trước chái thì tàng hình thủy phủ, đứng lăm lăm ai biết mô mô;
Trong nhà thì thuyết phục long vương, nằm trập trập hình như đồng mã.

18. Trai trong làng rình bốn mặt chan chan,
Chó hàng xóm sủa canh năm rả rả.

19. Biết *đó* những ngày trong trứng, vui chi hơn liễu cợt hoa cười;
Vẽ chi một chút ngoài da ¹¹, công đâu lại thêm cài cửa khóa.

Khảo dị

10. *Rủ rê* năm chị bảy em;

Cứu *cóp* ba làng bốn xã

11. ... chẳng *hề* quen chẳng *hề* lạ (L.T)

13. ... *chơi cho* gặp *mùa xuân*

... *quyết đi* chơi mãn hạ.

14. Bướm ong *phát phối*... (L.T)

15. *Rất lịch lăm là quân phường ché*, cũng *vớ*

16. *Vào ra*...

19. Biết *đủ* những ngày...

Vẽ gì một chút...

20. Ngán đâu lời nói mà lo,
Được *thế* hãy chơi cho thỏa.
21. Buông bè chuối giữa dòng nước chảy, mặc dù ai chống ngược
chống xuôi;
Thả lá ngô trước trận gió nồm, đã *lắm* kẻ bỏ nghiêng bỏ ngã.
22. Hạp chợ xuân, nhiều khách vãng lai;
Đạo điểm nguyệt, phải khi kinh quá.
23. Theo chúng bạn cũng ra điều bất ý ¹², ai dám đâu vác chuông
đánh đất Đại Minh ¹³;
Gặp chị em chẳng có lẽ vô tình, ta cũng phải gánh ngói rao
làng Bùi Ngõa ¹⁴.
24. Yếm nhuộm *điều* ¹⁵ che trước ngực đỏ lôm lôm,
Câu *huê* tình đọc bên tai *nghe* xả xả.
25. Quây ¹⁶ ngoài sân thì trong làng chín mười ả, ả ví, ả hát, ả kéo
sợi, ả đưa thoi, lại có ả bưng trầu tận miệng, mỹ nữ như hoa;
Leo trên giường thì quan họ năm bảy ông, ông nói, ông cười,
ông ngâm thơ, ông đọc truyện, lại có ông đắp áo trùm đầu, cao
bằng măn tọa ¹⁷.
26. *Thoạt* đến đây buổi mới lạ lòng,
Xem chẳng khác người quen suồng sã.
27. *Tiếp* dài mấy đêm một *mục*, lòng bồ đề hỉ xả từ bi;
Xôn xao *một* khắc ngàn vàng, đàn chấn tế ba la bát nhã.
28. Ba sinh đành một *thú* hện hò,
Một năm được mấy lần chung chạ.
29. Sừng chuốt lược cũng trong đồng đạo ¹⁸, trai khôn thấy dái, gái
khôn bà nàng ¹⁹;
Đá tạc bia ai ở dị tâm, đất có thổ công, sông có hà bá.
30. Đến vườn mong bẻ một *cành* cam.

Khảo dị :

20. Được *thế* hãy chơi... (L.T)
21. ... Đã *nhiều* kẻ bỏ nghiêng
24. Yếm nhuộm *đào*...
 Câu *hoa* tình đọc bên tai *xa* xả.
26. *Thoạt* đến đây...
27. *Thiếp* dài mấy đêm một *mục*
 Xôn xao *nửa* khắc...
28. ... một *kiếp* hện hò (L.T)
30. ... *ngành* cam

Giải lòng đã chẻ hai thanh ná (nứa). ²⁰

31. Quả *cam* chén rượu, dài *đằng* khi chơi cửa chơi nhà;
Túi vóc khăn the, dặn dò lúc buồn mình buồn già.
32. Ân cần nhiều nỗi thư từ,
Hầu hạ *chẳng khuây* điệu *lả* (lửa).
33. Phụt ngọn đèn trước *mắt*, đéch sự đời, chẳng phải đứa tiểu tâm?
Đùng tiếng lói sau nhà, *đéo* mẹ kiếp, bỗng có thằng đại phá.
34. Ta đã đành rứt cổ như rùa,
Ả cũng chớ vật mình như sả. ²¹
35. Giải kết cho *ả*, mới đến đây ai dám đoạt gia tài;
Hú *vía* nhà tôi, một chút nữa sinh ra ấu đả.
36. Cửa thập phương, mặc khách thừa lư,
Tội nhất xá, xin người *xúy xóa*.
37. Như có phải quít làm cam chịu, đã trót thì *trét*, sợ chi điều nói
tỏi nói hành;
Song cũng là cú *tha* ma ăn, đi không về không, chi đến nỗi gieo
tai gieo vạ.
38. Ta đã đành mắc tiếng thầy lay,
Ả cũng hóa ra người dĩ hòa.
39. Mấy kẻ người biết cửa, gấm mặc đêm, nghĩ lại cũng hoài;
Một chốc ra giận ra *thù*, bạc gần sáng, thổ ²² nào dám gá.
40. Khoán ước làng cứng nhắc rô rang ²³,
Nhân nghĩa cũ nát tươm chó nhả.
41. Cửa là cửa chó treo mèo đậy, phải giữ *gìn* cho lắm, *mắt đỏ lòm*
nhắm tựa mắt lươn:

Khảo dị

31. Quả *chanh*... dài *đùng* khi chơi...
32. Hầu hạ *đã từng* điệu lửa.
33. ... trước *mắt*...
... *đèo* mẹ kiếp...
35. Giải kết cho *chị*...
Hú *ví* nhà tôi...
36. ... xin người *xử xả*.
37. ... đã trót thì *trót*...
... cú *kêu* ma ăn
38. *Chị* cũng hóa ra người...
39. ... ra giận ra *hờn*
41. ... giữ *giàng* cho lắm, làng *hôm chiều* nữa *lông lươn*.
... chơi *nhón* làm chi, *tay* trắng *phúi* tro *mặt nạ*.

Công tiếc công cóc mò cò ăn, đi chơi *nhởi* làm chi, *mặt* trắng phũ trơ *như* mặt nạ.

42. Tiếng tăm chi đó mặc ai,
Ngày tháng còn dài đó đã.

43. Những ngõ *năm* năm trước, hẹn hò đã chắc, *để* phụ *phàng* ba chôn bốn nơi;
Nào ngờ tháng sáu này, tẻ *bạc* làm sao, bỗng tổng táng một tuần hai ả!

44. Ở sao mà quên ta được cho đành,
Nói thế mà lấy chồng thực ru tá!

45. Công lênh ấy ai còn nhớ đến, cũng cầm bằng ruỗi ngựa đường dài;
Mối manh kia ta đã biết rồi, thôi cũng chớ giấu voi ruộng rạ.

46. Thế thời, méch chúng *ta* vậy ru;
Ừ thôi, kính hai ả cho rồi cả.

47. Tiếc người ấy gieo mình vào đồng lúa, túc túc gà;
Gẫm thằng kia là tướng giữ nương dưa, dùng dùng quạ.

48. Hãy xem những cửa lạ lòng,
Chẳng trách chi ai một *mã*.

49. Một đứa thì dặt mũi trâu từ thuở bé, tặc tặc hò rì;
Một đứa thì cắt cỏ ngựa đến tận già, từng từng dạ *há*.

50. Ở làm chi một năm thêm một tuổi càng cao,
Khéo gớm cho hai ả được hai chồng cũng khá!

51. Thương chắc lấy *nỏ* được chắc ²⁴, làng nước hục hặc, lấy *nỏ* được chắc, chúng bạn ta như ghé số ràn;

Khảo dị :

43. Những ngõ *trăm* năm trước... (L.T)
để phụ *tình* ba chôn...
bao ngờ tháng sáu này... tẻ *lậu* làm sao...

44. Ở sao mà quên... (L.T)

46. ... chúng ta *thực* vậy ru.

48. Chẳng trách chi ai một *má* (L.T)

49. ... từng từng dạ *á*

50. ... hai *chị* được hai chồng...

51. ... lấy *nó* được chắc...

... lấy *nó* được chắc...

... lại ôm rau *dừa*,...

- Chê tôm lại phải ăn tôm, chê rau muống luộc lại ôm rau *dền*,
lời nói trước như mèo liếm mồi.
52. Cha kiếp mình đã ra kiếp lãng nhãng,
Thiệt lòng ta cũng ra lòng suồng sã.
53. Hựu hà ngôn tai ²⁵, đã sao thì vậy, lấy ai cũng đã lấy rồi;
Như tư nhi dĩ ²⁶, đã thế thì thôi, nói mãi ra điều nói chạ.
54. Mình ở bạc, đã ra Dương Tố chi gian ²⁷;
Ta cũng đen, chẳng biết Quan Kiệt chi trá. ²⁸
55. Bầu bạn cũ, rủ ²⁹ đi *ngoay ngoáy*, *chẳng* nhớ câu bất diệc
lạc hồ ³⁰;
Nợ nần xưa, vỗ sạch sành sanh, quên mất chữ vi *chiếu* dụng giả ³¹.
56. Đã biết trước, yên túc quái tai ³²;
Xem về sau, như chi hà dã ³³.
57. Được đó, hãy hay rằng đó, mâm son bát sứ, mà ăn *cơm* với
nước cà;
Chắc đâu đã hăn hơn đâu, chần tằm hái dâu, vẫn mặc quần
nâu áo vá.
58. Bồng bạc tình là thói o Uy;
Chẳng nhân nghĩa, ai bằng ả Sạ.
59. Những ngõ dứt võng nảy xuống giường bịch cái, chẳng lấy năm
thì lấy ba ³⁴;
Nào ngờ trèo cao sa xuống thấp ôi cha, *tưởng* mất một hóa ra
mất cả.
60. Đã làm chi thế vội vàng,
Thôi chẳng lo gì thông thả.
61. Chi những thói cần cần lửa khắc, chó cậy nhà gà cậy chuồng;
Tối khi nhà hời hởi bén mùi, trâu ăn ló bò ăn má.
62. Lời thề nguyên dĩ trực thủy lưu ³⁵,
Bức thư văn dụng bằng hỏa hóa ³⁶.
63. Người đến gốc mong bông quả bưởi, há phải điều chúng bạn vô tình;
Con sãi chùa lại quét lá đa, thôi mặc kiếp nhà bay bất khả.

Khảo dị

55. ... rủ đi *hoay hoáy*, *những* nhớ câu... quên mất chữ vi *chiếu*...

57. ... mà ăn *chan* với nước cà, *biết* đâu đã hăn hơn đâu...

58. Bồng bạc tình *theo* thói...

59. ... *ngõ* mất một hóa ra mất cả.

64. Gõ trôi sông không trở lại *Lường Đà* ³⁷,
 Muối bỏ bể cũng thiệt công Lô Xá ³⁸.
65. Ắ về đó bén duyên phải kiếp *chẳng quản* điều mặt muối
 đầu gio, ³⁹
 Ta bây giờ quá lứa *lũa* đôi, *thôi chẳng khác* mình trần trôn trạ. ⁴⁰
66. Ôi, nước sông Giang Đình ⁴¹!
 Nương khoai Phan Xá ⁴²!
67. *Dải* sông *Cài* ⁴³ vắt vắt nước trong,
 Dặm ngàn Hồng dùn dùn mây tỏa.
68. Gương công chúa phá tan từ trước, làm chi những nỗi tá ơ, ⁴⁴
 Nhịp ngọc tiêu ⁴⁵ đành để lại sau, khôn ước những điều hú họa.
69. Nương song cúc, rắp hỏi han ả Tố ⁴⁶, vì đâu mà phận ảm duyên ôi;
 Đạo đường hòe, *vừa* gặp gỡ chàng Tiêu ⁴⁷, từ *đây* đã người dung
 nước lã.
70. Giận nỗi xưa mồ hôi muối dầm dề,
 Tưởng nghĩa cũ nước mắt gừng lã chã.
71. Buồn vì nỗi mưa dầm *rỉ rỉ*, *chận* ⁴⁸ chắc với con trâu đực, ả cầm
 đèn, ả đi trước dẫn đường;
 Đau vì khi lửa cháy *bừng bừng*, tím gan *cho* cái gà toi, ả vác
 búa, ả *đứng ra lấp sá*. ⁴⁹
72. Tưởng công phu mà chưa đáng đồng tiền,
 Nhớ nhân duyên muốn đi cầu ông *Tả*.
73. Tưởng những lúc tắt đèn dạy chuyện ⁵⁰, dứt câu này nối câu
 khác, trăng ngoài hiên khi tỏ khi mờ;
 Nhớ đến khi thấp đuốc chơi đêm, ở nhà ngoài vào nhà trong,
 giọt bên chái như tầm như tã.

Khảo dị :

64. ... trở lại *lương da*.

Muối đổ bể cũng thiệt...

65. ... *cũng chẳng nề* mặt muối...

... *lỡ* đôi, *chẳng khác* chi mình trần...

67. *Dải* sông... (L.T)

... sông *kỳ* vắt vắt nước trong

71. ... mưa dầm *rúc rúc*, *giận* chắc với con trâu...

... lửa cháy *bằng bằng*, tím gan *cha* cái gà toi, á vác búa, á *đội lên sập sa*

72. ... muốn đi cầu ông *tả*

74. *Râm rì* thay điều thuốc trao tay,
Gắn bó bấy hạt cơm dính má.
75. Xảy nhớ đến lời ăn *tiếng* nói, *cám* buồn mặt lợn, tóc trên đầu
đếm chẳng hay cùng;
Sực tưởng khi đua sức đua tài, trơ tráo đầu trâu, gan trong
bụng gái khôn *đã* ngựa (ngựa).
76. Có công kể mấy nhật trình,
Lúc ấy chép vào niên phả.
77. Nói sao được đường xa dặm gái, bắt chim trời, chi những sự
éo le;
Cực *những* điều kể ngược người xuôi, về cò đất, vẫn ra điều
đối trá.
78. Hay chi điều con gái chê chồng,
Chẳng có ai đàn ông ở góa.
79. Ầ sang đó bông con cho sớm, mẹ nằm vông cha nằm giường;
Ta về đây kiếm chút kẹo già, bà ăn *nem* ông ăn chả.
80. Cái đất này lắm chông lắm gai,
Con chim đã mắc *dây* mắc nhạ (nhựa).
81. Sang chợ *Vịnh* ⁵¹, rắp than cùng ả Út, đường đông ấp ấp, thấy
mà kinh khản nhiều quần điều;
Lên chùa *Giăng* ⁵², toan tu với sư Viên, rừ sạch *làu làu*, mua
chưa được mũ ni áo vá.
82. Ở nhà lâu nghĩ cũng bần thần,
Viếng cảnh cũ muốn làm khuây khỏa.

Khảo dị:

74. *Râu rì* thay điều thuốc...
75. ... lời ăn lời nói, *cám* buồn mặt lợn...
... gái khôn *đỡ* ngựa.
77. Cực *chăng* kể ngược người xuôi, về cò đất *khi* vẫn ra điều đối *đá*.
79. ... bà ăn *thịt* ông ăn chả.
80. Con chim đã mắc *dò*...
81. Sang chợ *Vĩnh*...
Lên chùa *Giăng*... rừ sạch *lưng lưng*...

83. Đường cửa *Trẹm* ⁵³, mỗi ngày một ngái, bóng cây tiếng suối,
núi giăng giăng, con mắt đã mòn;
Điểm trên làng, càng ngắm càng buồn, ngọn khói *hạt* mưa, trời
thăm thẳm, mặt người đã *nhóa*.
84. Hắt hiu gió trúc mưa mai,
Quanh quẽ bóng chim tăm cá.
85. Vì quan họ nên chúng ta mộ đức, bạn hữu quen còn đến rủ
bao nhiêu;
Vào trong làng hỏi đôi ả *Sạ Uy* ⁵⁴, lúa tác cũ hầy còn bao *nả*?
86. Thăm tận nhà thì chẳng thấy người quen người thuộc, chua cay
thay, ăn khế với gừng;
Nói đến tên thì đã gọi mụ nọ mụ kia, may mắn bấy, trông
sung ra vả.
87. Cửa nhà mình đã bung kín như buồng,
Tiếng tăm ta cũng *rửa sạch như* đá.
88. Nghĩ cũng phải, ăn hơn hờn thiệt, có con có cái, ai nói chi
những sự nguyệt hoa;
Toan kiếm nơi, dứt nối tối nằm, lạ mặt lạ mày, ai chẳng biết
lại chê cở *dả*.
89. Dầu có ai trẻ mỗ mới lên,
Là những chốn xưa nay chẳng bạ.
90. Thói ngư mã, chú xuôi anh ngược, khăn dì Sàng, trầu thuốc
đến đâu phân;
Vườn yến anh, cảnh đó người đâu, của ông *Đấu*, gió trắng còn
đóng khóa.
91. Nhân duyên xưa, bẻ ngó lìa cành,
Phong cảnh cũ, vàng cây héo lá.

Khảo dị:

83. Đường cửa *hiêm*...

... ngọn khói *hoa* mưa, trời *thăm thẳm*, mặt người đã *lóa*

85. ... hỏi đôi ả *Úy Uy*, lúa tác cũ hầy còn bao *ná*.

86. ... may mắn bấy, trông *bông* ra vả.

87. Tiếng tăm ta cũng *sạch như* *hoa* đá.

88. ... ai chẳng biết lại chê có *rạ*.

92. Tìm những chốn tre già măng mọc, hàng thịt nguyệt hàng cá,
dễ mấy ai cho đáng cái kim;
Dốc một bài xỉ bỏ thủ cầm ⁵⁵, trâu cột ghét trâu ăn, sợ hàng
xóm lại kêu thủy hỏa.
93. Bẽ bàng mong hỏi ả Kiều,
Thương hại sẽ lừa con Sá ⁵⁶.
94. Đầu *sông* cho đến cuối *sông*, ở chẳng vừa lòng, *roi* mây đánh
chết, gươm thư hùng tuy rẽ đôi nơi;
Đứt dây thì lại nối dây, thế nào tát được giếng này mới thôi,
hoa tử muội hãy còn một đoá.
95. Áo đơn *đà* lây dấu hoa thơm,
Bình không hãy ngát mùi hương xạ.
96. Vào đất văn vật, mang hư danh thì phải dự phòng;
Nổi phép *vô biên*, cứ bản tộc âu là truy nã.
97. Tiếng tăm kia từ trước đã mang,
Duyên nợ ấy về sau khôn trả.
98. Nếu trước những trồng bông trồng đậu, hết chuyện trò, chó
chết thì thôi;
Từ rày đừng yêu trái yêu hoa, mất công ấy, voi đâu mà tạ.
- Nay,
99. Một nén hương thừa,
Ba tuần rượu hả.
100. Kể chi những đường kia nổi nọ, đi thì đi cho thoát, kẻ đã về
kiếp ấy thì thôi;
Dù chẳng nên nghĩa trước tình sau, chớ thì chớ cho xong, ai có
con hoài mà gả.

Khảo dị :

94. Đầu *sông* cho đến cuối *sông*, ở chẳng vừa lòng, *vua* mây đánh chết...

95. Áo đơn *đã* lây...

96. Nổi phép *vũ thung*, cứ bản tộc...

Ghi chú: Trừ các câu 14-20-28-43-44-48 và 67 là thuộc bản *Lê Thước*, các câu
còn lại đều thuộc bản *Nam Phong*.

CHÚ THÍCH

1. *Chùa Phố Cù*: nơi Trương Quân Thụy, Thôi Oanh Oanh (trong truyện *Tây Sương Ký*) gặp gỡ nhau rồi yêu nhau.
2. *Đoàn Đào Nguyên*: tức Đào hoa nguyên (suối hoa đào) nói trong bài ký của Đào Tiềm đời Tấn (Trung Quốc). Một người đánh cá đi theo dòng suối, lạc đến một rừng đào, nơi những người tránh loạn nhà Tần ở. Dùng điển tích này để nói đời sống vui tươi, hạnh phúc.
3. *Dậy máy*: cũng như dậy thì. Đến tuổi đó mình đầy đà, phát triển đầy đủ.
4. *Khổ vuốt ve*: *khổ* là khuôn khổ, đây là dáng con người. *Vuốt ve* là trau chuốt. *Ý nói*: trông người duyên dáng, trau chuốt.
5. *Bức hồi văn*: bức dệt, thêu chữ theo đường quanh co rất công phu.
6. *Dây nhân quả*: nói bóng bẩy để chỉ sợi vải. Hai câu này nói về nghề làm vải của cô Uy và cô Sạ.
7. *Cưu góp*: cũng nói *cu góp*, nghĩa là tập hợp, nhóm hợp.
8. *Đãi đoạ*: mời mọc, chiêu đãi, cũng như đãi đằng.
9. *Thôi thì quan dân*: có cả quan cả dân, cũng như nói: *thôi chợ thì quê*.
10. *Chế*: một làng có nhiều người buôn bán ở gần bờ sông Lam.
Phường: đây là phường buôn.
11. *Vẻ chi một chút ngoài da*: nhắc đến câu: Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai (Kiều).
12. *Điều bất ý*: việc không định trước.
13. 14. *Đất Đại minh, Bù Ngõa*: tên hai làng cùng huyện với làng Trường Lưu. Hai câu này ý nói: không dám ganh đua với những người thanh lịch đã có mặt ở đây.
15. *Yếm nhuộm điều*: yếm màu đỏ tươi. Con gái nông thôn thời xưa thích mặc yếm màu đỏ, cho là đẹp.
16. *Quây*: tức quây quần.
17. *Cao bằng mãn tọa*: bạn sang ngồi đầy nhà.
18. *Đồng đạo*: cùng một loài.
19. *Thầy dái*: tiếng địa phương, chỉ người đã có vợ con, *bà nàng* chỉ người con gái đã có chồng. Câu này nghĩa là trai khôn nhất là thầy dái, gái khôn nhất là bà nàng.

20. *Thanh ná*: tiếng địa phương, tức thanh nửa. Ý nói, không giấu giếm điều gì.
21. *Sả*: cũng gọi là *chá*, một thứ chim lông đẹp, khi bắt được mỗi thì vấy mớ nhiều lần cho chết mới ăn.
22. *Thố*: tiếng địa phương, có nghĩa là người. Trong đám bạc người cầm cái gọi là *thố*. Những người có tiền nhận bảo đảm ứng tiền cho con bạc vay cũng gọi là *thố*. *Thố* nào dám gá nghĩa là chẳng ai dám nhận lời thách đánh.
23. *Cứng nhắc rô rang*: cứng nhắc như cá rô rang (chiên). Ý nói lệ làng nghiêm khắc, chặt chẽ.
24. *Lấy nỏ được chắc*: tiếng địa phương, *chẳng lấy được nhau* (nỏ = không, chắc = nhau).
25. *Hựu hà ngôn tai*: còn nói gì nữa.
26. *Như tư nhi dĩ*: như thế mà thôi.
27. *Dương tố chi gian*: cái gian của Dương Tố. Dương Tố là một ông quan đời Tùy, văn hay và lắm mưu kế.
28. *Quan kiệt chi trá*: sự dối trá của Quan Kiệt. Quan Kiệt là ai chưa rõ.
29. *Rủ*: ở đây có nghĩa là bỏ.
30. *Bất diệc lạc hồ*: một câu sách *Luận ngữ*, nghĩa là: chẳng vui lắm sao?
31. *Vì chiếu dụng giả*: câu nếp ở cuối các mẫu văn khế thời xưa nghĩa là: theo phép nước làm tờ này để làm bằng.
32. *Yên túc quái tai*: (thành ngữ chữ Hán) sao đủ làm quái lạ.
33. *Như chi hà dã*: (thành ngữ chữ Hán) sẽ ra làm sao?
34. *Chẳng lấy năm thì cũng lấy ba*: không mất hết, không được nhiều thì được ít.
35. *Dĩ trực thủy lưu*: trôi theo dòng nước chảy.
36. *Dụng bằng hỏa hóa*: bỏ vào lửa đốt đi.
37. *Lường, Đà*: Lường tức Đô Lương (Nghệ An), Đà tức sông Đà (Hà Tĩnh).
38. *Lô, Xá*: chưa rõ, có lẽ là những làng làm muối ở vùng Nghi Xuân.
39. *Mặt muối đầu gio*: muối là bồ hóng, ý nói làm ăn vất vả.
40. *Mình trần trôn trạ*: một thân trơ trọi.
41. *Giang Đình*: tên con sông chảy qua làng Giang Đình gần Nghi Xuân.
42. *Phan Xá*: tên một thôn ở dọc đường từ Tiên Điền lên Trường Lưu.
43. *Sông Cài*: con sông ở làng Kiệt Thạch, gần Trường Lưu, từ Tiên Điền lên, phải đi qua con sông này.
44. *Nổi tá ơm*: mập mờ, úp mở.

45. *Ngọc tiêu*: ống sáo bằng ngọc.
46. *Á Tố*: tức Tố nữ, vị nữ thần coi việc hôn nhân.
47. *Chàng Tiêu*: Tiêu lang.

Chữ này do một câu thơ Đường. Xưa Thôi Giao đời Đường có một con hầu gái bán vào dinh quan Liêu súy, Giao có thơ rằng: "*Hầu môn nhất nhập thâm như hải, từng thử Tiêu lang thị lộ nhân.*" = Cửa hầu đã vào khỏi, chỉ thấy sâu như bể, từ đây anh chàng họ Tiêu thành ra người qua đường. Quan Liêu súy thấy lời thơ đó, cho đưa con hầu lại cùng về với Giao.

T.K: *Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu.*

(c.3126)

48. *Chận chặc*: (tiếng địa phương) húc nhau.
49. *Lấp sá*: chặn lối đi (sá trong đường sá).
50. *Dạy chuyện*: cũng như bẻ chuyện, là đặt câu hát giùm cho các cô hát.
51. *Chợ Vình*: tức Vinh, thành phố Vinh trước là Vĩnh An, người Nghệ đọc là *Vình*, từ thời Pháp thuộc, gọi là *Vinh*.
52. *Chùa Giăng*: chùa ở làng Giăng, mé Tây Bắc núi Hồng Lĩnh gần Bến Thủy đi vào, cách Tiên Điền chừng 8 cây số. Sư Viên tức Phạm Viên, người huyện Yên Thành, Nghệ An, tương truyền tu đắc đạo, có những thuật biến hóa kỳ lạ.
53. *Cửa Trẹm*: tên truông trên đường từ Tiên Điền đi qua chân núi Hồng Lĩnh để lên Trường Lưu (gần làng Kẻ Treo).
54. Các bản đều chép: *Đội ả Úy Uy*: có lẽ chỉ hai người con gái mà tác giả làm văn tế sống, tức là cô Uy và cô Sạ. Phải chăng cô Sạ còn có một tên nữa là Úy? Hay là Sạ chép thành Úy? Chưa rõ.
55. *Xi bỏ thủ cầm*: bỏ rằng lấy đầu, ý nói lựa chọn.
56. Trong bài này có một số tên riêng, như dì Sàng, ông Đấu, ả Kiều, con Sá, có lẽ tên những người đương thời.

THÁC LỜI TRAI PHƯỜNG NÓN ¹

Tiếc thay duyên Tấn phận Tần,
Chưa quen đã lạ, chưa gần đã xa.
Chưa chi đông đã rạn ra,
Đến giờ hãy giận con gà chết toi.
Tím gan cho cái sao mai,
Thảo nào vác búa đánh trời cũng nên.
Về qua liếc mắt trông miên,
Lời oanh giọng ví chưa yên dầm ngời.
Giữa thêm tàn đuốc còn tươi ²,
Bã trầu chưa quét nào người tình chung.
Hong sơn cao ngất mấy trùng,
Đò Cài mấy trượng thì tình bấy nhiêu.
Làm chi các cứ lăm điều,
Mới đêm hôm trước lại chiều hôm nay.
Khi xa, xa hồi thế này,
Tiếng xa ³ nghe hãy rù rì bên tai.
Quê nhà nắng sớm mưa mai,
Đã buồn dở tới lịp, tới ⁴ càng buồn.

1. Tương truyền Nguyễn Huy Quýnh, em Thám hoa Nguyễn Huy Oánh, chú ruột Nguyễn Huy Tự, người làng Trường Lưu, làm bài về (giả thác làm lời người con gái phường vải ở Trường Lưu) gửi cho Nguyễn Du. Sau đó, Nguyễn Du làm bài về này (giả thác làm lời người con trai phường nón ở Tiên Điền) trả lời lại Nguyễn Huy Quýnh.

2. *Tàn đuốc còn tươi*: tàn đuốc rơi xuống thêm lửa đang còn nóng, ý nói khách vừa về.

3. *Tiếng xa*: tức tiếng xa kéo vải của các cô gái làng Trường Lưu.

4. *Lịp*: do chữ “lạp” nghĩa là cái nón. Nhân dân vùng Nghi Xuân (Hà Tĩnh) gọi cái nón là cái lịp. *Tới*: một loại áo tới che mưa của người nông dân Nghệ Tĩnh, thường làm bằng lá cây cọ, hoặc lá cây sậy kết lại.

Thờ ơ bó vọt, dong sườn⁵,
Đã nhàm bẹ móc¹ lại hờn nắm giang.²
Trắng tà chênh chếch bóng vàng,
Dừng chân thoát nhớ đến dàng cửa truông.³
Thần thờ gói chiếc màn sông,
Bối lòng như sợi ai guồng cho xong.
Phiên nào chợ Vĩnh ra trông,
Mông ba chẳng thấy lại hồng mười ba.
Càng trông càng chẳng thấy ra,
Coi trâu quệt⁴ đã vài và lần ôi.
Tưởng rằng nói thế mà chơi,
Song le đã động lòng người lắm thay,
Trông trời, trời cách từng mây,
Trông trăng, trăng hẹn đến ngày ba mươi.
Vô tình trăng cũng như người,
Một ta ta lại ngậm cười chuyện ta.

5. *Bó vọt, dong sườn*: nguyên liệu bằng tre, giang hoặc nửa vọt nhỏ, dùng làm sườn nón để lợp lá ra ngoài.

1. *Bẹ móc*: tức bẹ cây móc, người ta lấy sợi trong bẹ móc để chằng nón.

2. *Nắm giang*: một ít giang vọt nhỏ, dùng làm sườn nón.

3. *Đàng cửa truông*: tức đường Tiên Điền về Trường Lưu. Phải đi qua chân núi Hồng Lĩnh. Người địa phương gọi quãng đường này là “đàng cửa truông” hay “đàng cửa Trẹm”.

4. *Quệt*: tức quệt vôi lên trâu không. Ý nói trâu đã vài lần đưa ra chờ bạn tình đến để tiếp, nhưng rồi một lần qua, hai lần qua mà vẫn không thấy ai đến.

MỤC LỤC

TỔNG TẬP VĂN HỌC – TẬP 13

	Trang
Khải luận	7
CHINH PHỤ NGÂM KHÚC	15
– Đặng Trần Côn	17
Chinh phụ ngâm:	18
– Bối cảnh lịch sử và niên đại tác phẩm	18
– Nguồn văn liệu	18
– Nội dung	19
Nguyên tác chữ Hán	21
– Phiên âm	47
– Khảo dị	61
– Dịch nghĩa	65
– Chinh phụ ngâm diễn âm: Ai là dịch giả?	79
– Phan Huy Ích	85
– Vấn đề khảo đính và chú giải Chinh phụ ngâm khúc	86
Các bản Chinh phụ ngâm khúc	88
CHINH PHỤ NGÂM KHÚC:	95
– Chinh phụ ngâm khúc (Bản A)	95
– Tường chú	122
Bản Nôm Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc:	129
– Đoàn Thị Điểm	155
– Chinh phụ ngâm diễn âm: (Bản B)	157
– Chinh phụ ngâm diễn âm: (Bản C)	181
CUNG OÁN NGÂM KHÚC	201
– Nguyễn Gia Thiều	203
+ Đại ý khúc ngâm	205
– Vấn đề khảo đính và chú giải Cung oán ngâm khúc	206
– Cung oán ngâm khúc – Phiên âm và chú thích	207
– Cung oán ngâm khúc – (bản chữ Nôm)	233
AI TỬ VÂN	253
– Lê Ngọc Hân	255

– Nội dung bài văn	256
– Ai tư văn (Văn bản và chú thích)	257
THU DẠ LỮ HOÀI NGÂM	265
– Đình Nhật Thận	267
– Đại ý bài ngâm	269
– Nguyên tác chữ Hán	270
– Phiên âm	280
– Dịch nghĩa	288
– Các bản dịch (Tv-295)	294
– Bài dịch cũ: Khuyết danh	304
– Bài dịch mới: Đẩu tiếp Nguyễn Văn Đề	304
TỰ TÌNH KHÚC	309
– Tiểu sử Cao Bá Nhạ	311
– Tự tình khúc (Văn bản và chú thích)	313
Từ BÀ HÀNH	343
– Lược dẫn	345
– Phan Huy Thực	347
– Tỳ bà hành (Bản dịch I)	349
– Văn bản chữ Hán	357
– Phiên âm	365
– Dịch nghĩa	371
– Tỳ bà hành (Bản dịch 2)	374
– Tỳ bà hành (Bản dịch 3)	377
TRƯỜNG HẠN CA	381
– Lược dẫn	383
– Tấn Đà Nguyễn Khắc Hiếu	385
– Bản dịch 1	386
– Văn bản chữ Hán	391
– Phiên âm và chú thích	398
– Dịch nghĩa	404
– Bản dịch 2	408
– Bản dịch 3	413
– Bản dịch 4	417
CHỨC CẨM HỒI VĂN	
– Lược dẫn	421
– Bài thơ thêu trên gấm	423
– Ngô Thế Vinh	425
– Bản dịch 1	425
– Nguyên tác của Tô Huệ	425
– Văn bản chữ Hán	428
– Phiên âm Dịch nghĩa	431
– Bản dịch 2: Hoàng Quang	433

– Bản dịch 3: Trương Minh Ký	435
TRUYỆN HOA TIÊN	441
– Nguyễn Huy Tự	443
– Nguồn gốc truyện Hoa tiên	446
– Lược truyện Hoa tiên	448
– Nguyễn Thiện đã nhuận sắc Hoa tiên của Nguyễn Huy Tự như thế nào?	453
– Các bản Hoa tiên	471
– Truyện Hoa tiên (Nguyên tác của Nguyễn Huy Tự)	480
– Truyện Hoa tiên (Bản do Nguyễn Thiện nhuận sắc)	571
– Nguyễn Thiện (1763 - 1818)	573
– Hoa tiên - nhuận sắc	574
– Khảo dị	647
– Văn bản chữ Hán	663
SƠ KÍNH TÂN TRANG	739
– Phạm Thái	741
– Lược truyện Sơ Kính Tân Trang	743
– Vấn đề khảo đính và chú giải truyện Sơ Kính Tân Trang	745
– Sơ Kính Tân Trang (Văn bản và chú giải)	747
NGUYỄN DU (1765 - 1820)	817
TRUYỆN KIỀU (Đoạn trường tân thanh)	819
– Nguồn gốc Truyện Kiều	821
– Nguyễn du đã viết Truyện Kiều vào thời kỳ nào?	823
– Vấn đề khảo đính và chú giải Truyện Kiều	829
– Truyện Kiều do Đào Duy Anh khảo đính	835
– Truyện Kiều do Nguyễn Quảng Tuân khảo đính và chú giải	925
– Các bản Truyện Kiều	1110
– Khảo dị	1115
– Văn bản Truyện Kiều (chữ Nôm)	1175
MAI ĐỊNH MỘNG KÝ - NGUYỄN HUY HỒ	1341
– Nguyễn Huy Hồ	1343
– Mai đình mộng ký	1345
– Bản chữ Nôm	1375
VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH	1399

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

*Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung*

TẬP 13

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN ĐỨC ĐIỀU

Biên tập :

BAN BIÊN TẬP

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Biên tập kỹ thuật :

NGUYỄN CỬ - ĐÀO TRỌNG CƯỜNG

Sửa bản in :

NGUYỄN THỊ PHƯỢNG - HÀ THỊ VINH

HUỲNH THỊ HÒA

Trình bày bìa :

ĐỖ DUY NGỌC

Th 300 cuốn khổ 16x24 cm tại Công ty in Trần Phú – TP. Hồ Chí Minh
Số đăng ký kế hoạch xuất bản : 143 – 02/CXB do Cục xuất bản ký ngày
4 tháng 1 năm 2000. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2000.

TỔNG TẬP
VĂN HỌC
VIỆT NAM
TRỌN BỘ 42 TẬP

